

PHẦN TRA ĐỊA DANH

Các chữ viết tắt:

Đơn vị hành chính:

- x. : xã
- tg. : tổng
- h. : huyện
- ch. : châu
- p. : phủ
- pp. : phân phủ
- t. : tỉnh

Tên tỉnh (đạo, phủ):

- BN : Bắc Ninh
- CB : Cao Bằng
- HD : Hải Dương
- HN : Hà Nội
- HT : Hà Tĩnh
- HH : Hưng Hóa
- HY : Hưng Yên
- LS : Lạng Sơn
- NĐ : Nam Định
- NA : Nghệ An
- NB : Ninh Bình
- QB : Quảng Bình
- QT : Quảng Trị
- QY : Quảng Yên
- ST : Sơn Tây
- TN : Thái Nguyên
- TH : Thanh Hóa
- TT : Thừa Thiên
- TQ : Tuyên Quang

A

A Đô (thôn) 阿都村: x.Ngô Xá,tg.Lôi Dương,h.Lôi Dương,
p.Thọ Xuân,t.TH 1144

A Đôn (ấp) 阿敦邑: tg.Tâm Thanh,h.Thành Hoá,đạo QT 1394

A Lai (ấp) 阿來邑: tg.A Nhi,h.Thành Hoá,đạo QT 1394

A Nhi (tổng) 阿兒總: h.Thành Hoá,đạo QT 1394

A Nhi Hạ (ấp) 阿兒下邑: tg.A Nhi,h.Thành Hoá,đạo QT 1394

A Nhi Thượng (ấp) 阿兒上邑: tg.A Nhi,h.Thành Hoá,đạo QT 1394

A Qua (xã) 阿瓜社: tg.Làng Sen,h.Thành Hoá,đạo QT 1394

A Vi (thôn) 阿爲村: x.Lôi Dương,tg.Lôi Dương,h.Lôi Dương,
p.Thọ Xuân,t.TH 1144

Á Lữ (phường) 亞旅坊: x.Mỹ Lộc,tg.Mỹ Lộc,h.Yên Dững,
p.Lạng Giang,t.BN 533

Á Lữ (xã) 亞旅社: tg.Đình Tổ,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN 506

Á Nguyên (xã) 桖原社: tg.Vĩnh Lại,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944

Ải Hạ (xã) 隘下社: tg.Sa Lung,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1140

Ải Thượng (xã) 隘上社: tg.Sa Lung,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH ... 1140

Ái (thôn) 愛村: x.Vệ Quốc,tg.Đa Lộc,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109

Ái Đức (thôn) 愛德村: tg.Quảng Thi,h.Thuy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH . 1102

Ái Hạ (xã) 愛下社: tg.Cổ Nam,ch.Quan Hóa,p.Quảng Hóa,t.TH 1137

Ái Mộ (thôn) 愛慕村: x.Lâm Hạ,tg.Gia Thụy,h.Gia Lâm,
pp.Thuận Thành,t.BN 515

Ái Mộ (thôn) 愛慕村: tg.Thanh Vị,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST 911

Ái Sơn (xã) 愛山社: tg.Bố Đức,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1104

Ái Sơn (vạn) 愛山滿: tg.Bố Đức,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1104

Ái Thượng (xã) 愛上社: tg.Cổ Nam,ch.Quan Hóa,p.Quảng Hóa,t.TH . 1137

Ái Trung (xã) 愛中社: tg.Cổ Nam,ch.Quan Hóa,p.Quảng Hóa,t.TH 1137

Ái Tử (xã) 愛子社: tg.An Đôn,h.Đăng Xương,đạo QT 1384

Ái Vũ (xã) 靄宇社: tg.Nhật Chiêu,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 931

Am Thị (thôn) 庵市村: h.Cẩm Xuyên,đạo HT 1324

Ảm Trứ (xã) 黯著社: tg.Phúc Tăng,h.Yên Dững,p.Lạng Giang,t.BN 534

An (thôn) 安村: tg.Võng Nhi,h.Hương Thủy,p.TT 1423

An (thôn) 安村: x.An Đông,tg.Thủ Hộ,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH ... 1120

An Áo (xã) 安煖社: tg.Văn Hòa,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144

An Ấp (tổng) 安邑總: h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259

An Bài (xã) 安排社: tg.Dục Linh,h.Phụ Dục,pp.Thái Bình,t.NĐ 346

An Bài (thôn) 安排村: tg.An Ấp,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259

An Bài (thôn) 安排村: x.Du Xuyên,tg.Văn Trai,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1116

An Bài (xã) 安排社: tg.Ngô Xá,h.Bình Lục,p.Lý Nhân,t.HN 43

An Bài (xã) 安排社: tg.Bằng Mạc,ch.Ốn,p.Tràng Khánh,t.LS 616

An Bảo (xã) 安寶社: tg.Đường Anh,h.Phú Vang,p.TT 1420

An Bảo (xã) 安保社: tg.Mộc Phàm,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 23

An Bằng (ấp) 安憑邑: tg.Long Hồ,h.Hương Trà,p.TT..... 1418

An Bằng (ấp) 安憑邑: tg.Kế Mỹ,h.Phú Vang,p.TT 1420

An Biên (thôn) 安邊村: x.Hoàng Thanh,tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1121

An Biên (xã) 安邊社: tg.Kê Sơn,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124

An Biên (xã) 安邊社: tg.Đồng Khê,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151

An Bình (ấp) 安平邑: tg.Tuy Lộc,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1033

An Bình (xã) 安平社: tg.An Dã,h.Đăng Xương,đạo QT 1384

An Bình (xã) 安平社: tg.Cam Đường,h.Thành Hoá,đạo QT 1393

An Bình (phố) 安平庸: tg.Hà Đàm,h.Thạch Lâm,p.Hóa An,t.CB 659

An Bình (xã) 安平社: tg.Cam Đường,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 147

An Bình (phủ) 安平府: t.TQ 857

An Bồ (tổng) 安蒲總: h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126

An Bồ (xã) 安蒲社: tg.An Bồ,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126

An Bộ (xã) 安步社: tg.Địch Sơn,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD 157

An Bồi (tổng) 安培總: h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 331

An Bồi (xã) 安培社: tg.An Bồi,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 331

An Các Ngoại (châu) 安閣外洲: tg.Lưỡng Quán,h.Yên Lạc,
pp.Vĩnh Tường,t.ST 941

An Các Nội (châu) 安閣内洲: tg.Lưỡng Quán,h.Yên Lạc,
pp.Vĩnh Tường,t.ST 941

An Cách (thôn) 安格村: x.Nghĩa Trai,tg.Cao Xá,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

An Cát (phường) 安葛坊: tg.Bái Ân,h.Thành Hoá,đạo QT 1393

An Cầu (xã) 安棣社: tg.Viên Lang,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126

An Cầu (xã) 安棣社: tg.Võng Phan,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY 256

An Chân (xã) 安真社: tg.Da Viên,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151

An Chiếu (xã) 安照社: tg.Tiên Châu,h.Tiên Lữ,p.Tiên Hưng,t.HY 272

An Chính (xã) 安政社: tg.Lạc Đạo,h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ 329

An Chùy (thôn) 安槌村: x.Bảo Đồn,tg.Hư Tả,h.Thượng Nguyên,
p.Xuân Trường,t.NĐ 309

An Cốc (xã) 安穀社: tg.Yên Lũng,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 860

An Cốc (xã) 安穀社: tg.Hoàng Xá,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31

An Cúc (xã) 安菊社: tg.Bồ Dương,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124

An Cư (tổng) 安居總: h.Đăng Xương,đạo QT 1384

An Cư (xã) 安居社: tg.An Cư,h.Đăng Xương,đạo QT 1384

An Cư (xã) 安居社: tg.An Cư,h.Đăng Xương,đạo QT 1384

An Cư (phường) 安居坊: tg.Thuỷ Ba,h.Minh Linh,đạo QT 1390

An Cư (tràng) 安居庄: tg.Văn Xiển,h.Văn Lăng,p.Tông Hóa,t.TN 809

An Cư (xã) 安居社: tg.Lân Du,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124

An Cư (xã) 安居社: tg.Văn Trai,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1139

An Cư (xã) 安居社: tg.Như Lăng,ch.Thường Xuân,p.Thọ Xuân,t.TH 1147

An Cư (tổng) 安居總: h.Phú Lộc,p.TT 1424

An Cư (ấp) 安居邑: tg.An Cư,h.Phú Lộc,p.TT 1424

An Cư (xã) 安居社: tg.Trầm Lộng,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26

An Cư (xã) 安居社: tg.Đồng Cao,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 123

An Cư (xã) 安居社: tg.Hậu Bổng,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 131

An Cư (xã) 安居社: tg.Thủy Nhai,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304

An Cư (ấp) 安居邑: tg.Lạc Thiện,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 305

An Cừ (ấp) 安渠邑: tg.An Nông,h.Phú Lộc,p.TT..... 1423

An Cừ (xã) 安渠社: tg.Động Xá,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40

An Cừ (tổng) 安渠總: h.Y Yên,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 323

An Cừ (xã) 安渠社: tg.An Cừ,h.Y Yên,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 323

An Cự (tổng) 安巨總: h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319

An Cự (xã) 安巨社: tg.An Cự,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319

An Cước (xã) 安腳社: tg.Ngô Xá,h.Bình Lục,p.Lý Nhân,t.HN 43

An Cước Ngoại (tràng) 安腳外庄: tg.Ngô Xá,h.Bình Lục,
p.Lý Nhân,t.HN 43

An Cước Nội (tràng) 安腳内庄: tg.Ngô Xá,h.Bình Lục,p.Lý Nhân,t.HN .. 43

An Cựu (tổng) 安舊總: h.Hương Thủy,p.TT 1422

An Cựu (xã) 安舊社: tg.An Cựu,h.Hương Thủy,p.TT 1422

An Dã (tổng) 安野總: h.Đăng Xương,đạo QT 1384

An Dã (xã) 安野社: tg.An Dã,h.Đăng Xương,đạo QT 1384

An Dạ (xã) 安夜社: tg.Ấn Đổ,h.Quảng Tế,p.Quảng Hóa,t.TH 1133

An Dân (xã) 安民社: tg.Bình Dân,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 253

An Dật (tổng) 安逸總: h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 110

An Dật (xã) 安逸社: tg.An Dật,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 110

An Dật (xã) 安逸社: tg.Vĩnh Dật,ch.Văn Uyên,p.Tràng Định,t.LS 610	An Hậu (thôn) 安厚村: x.Đặng Trường,tg.Đặng Trường,h.Hậu Lộc, p.Hà Trung,t.TH 1096
An Diên (xã) 安延社: tg.Bạch Liên,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025	An Hiệp (xã) 安協社: tg.Đào Xá,h.Phụ Dực,pp.Thái Bình,t.NĐ 346
An Diên (xã) 安延社: tg.An Cự,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319	An Hoà (ấp) 安和邑: tg.Tuy Lộc,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1033
An Du (xã) 安遊社: tg.Minh Lương,h.Minh Linh,đạo QT 1390	An Hoà (phường) 安和坊: tg.Bái Ân,h.Thành Hoá,đạo QT 1393
An Dũng Phú (phường) 安勇富坊: x.Mai Xá,tg.An Mỹ,h.Do Linh, đạo QT 1391	An Hòa (xã) 安和: tg.Tuân La,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1116
An Duyệt (xã) 安悅社: tg.Vân Trai,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1139	An Hoà (xã) 安和社: tg.An Ninh,h.Hương Trà,p.TT 1418
An Duyệt (xã) 安悅社: tg.Chúc Sơn,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31	An Hòa (trại) 安和寨: tg.Mộc Phàm,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 23
An Duyệt (xã) 安悅社: tg.Trình Tiết,h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN 34	An Hòa (xã) 安和社: tg.Trầm Lộng,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26
An Dương (xã) 安陽社: tg.Kế Mỹ,h.Phú Vang,p.TT 1420	An Hòa (xã) 安和社: tg.An Cừ,h.Y Yên,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 323
An Dương (xã) 安陽社: tg.Thông Nông,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 660	An Hóa (xã) 安化社: tg.Điều Lang,h.Hạ Lang,p.Trung Khánh,t.CB 677
An Dương (xã) 安陽社: tg.Bố Xá,h.Bình Lục,p.Lý Nhân,t.HN 43	An Hoạch (xã) 安獲社: tg.Quảng Chiếu,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1106
An Dương (xã) 安陽社: tg.Mỹ Động,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95	An Hộ (tổng) 安戶總: h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106
An Dương (huyện) 安陽縣: p.Kiến Thụy,t.HD 151	An Hội (xã) 安會社: tg.An Lưu,h.Đặng Xương,đạo QT 1384
An Dương (tổng) 安陽總: h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151	An Hội (xã) 安會社: tg.Phú Xuân,h.Hương Trà,p.TT 1418
An Dương (xã) 安陽社: tg.An Dương,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151	An Hùng (tổng) 安雄總: ch.Văn Uyên,p.Tràng Định,t.LS 611
An Đà (xã) 安陀社: tg.Trình Tiết,h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN 34	An Hùng (xã) 安雄社: tg.An Hùng,ch.Văn Uyên,p.Tràng Định,t.LS 611
An Đà (thôn) 安陀村: tg.Kim Sơn,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN 515	An Hưng (xã) 安興社: tg.An Lưu,h.Đặng Xương,đạo QT 1384
An Đàm (xã) 安淡社: tg.Đỗ Xá,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100	An Hương (xã) 安香社: tg.Tiên Hương,h.Tiên Lữ,p.Tiên Hưng,t.HY 272
An Đạo (xã) 安道社: tg.Cát Xuyên,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304	An Hướng (phường) 安向坊: tg.Bái Ân,h.Thành Hoá,đạo QT 1393
An Đạo (lỵ) 安道里: tg.Ninh Nhất,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ 313	An Kênh (thôn) 安涇村: x.Nguyệt Áng,tg.Kiên Thạch,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1144
An Đế (xã) 安提社: tg.Cổ Viễn,h.Thượng Nguyên,p.Xuân Trường,t.NĐ 309	An Khải (xã) 安凱社: tg.Phù Vệ,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100
An Đế (xã) 安郎社: tg.Cự Lâm,h.Thư Tri,p.Kiến Xương,t.NĐ 333	An Khê (xã) 安溪社: tg.Mỹ Lộc,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 533
An Diêm (thôn) 安恬村: tg.Đỗ Chử,h.Kỳ Anh,đạo HT 1326	An Khê (phường) 安溪坊: tg.Bái Ân,h.Thành Hoá,đạo QT 1393
An Diêm (xã) 安恬社: tg.Văn Thái,h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 98	An Khê (xã) 安溪社: tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1121
An Diêm (xã) 安恬社: tg.Thụy Lũng,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 331	An Khê (xã) 安溪社: tg.Chúc Sơn,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31
An Diên (tổng) 安田總: h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106	An Khê (tổng) 安溪總: h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37
An Diên (xã) 安田社: tg.An Diên,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106	An Khê (xã) 安溪社: tg.An Khê,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37
An Diện (xã) 安甸社: tg.Thượng Hộ,h.Thư Tri,p.Kiến Xương,t.NĐ 333	An Khê (xã) 安溪社: tg.Trung Hành,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151
Yên Định (xã) 安丁社: tg.Phù Lương,h.Võ Giàng,p.Từ Sơn,t.BN 501	An Khê (xã) 安溪社: tg.Lập Bái,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267
An Định (xã) 安丁社: tg.Văn Thái,h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 98	An Khoái (thôn) 安快村: x.Cung Thượng,tg.Cung Thượng,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1120
An Định (xã) 安丁社: tg.An Diên,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106	An Khoái (xã) 安快: tg.Lôi Dương,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1144
An Định (xã) 安定社: tg.Thạch Xá,h.Lệ Thủy,p.Quảng Ninh,t.QB 1349	An Khoái (xã) 安快社: tg.Phú Mỹ,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95
An Định (phường) 安定坊: tg.Bái Ân,h.Thành Hoá,đạo QT 1393	An Khoái (xã) 安快社: tg.Hà Lý,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267
An Định (thôn) 安定村: x.Yên Định,tg.Yên Định,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1124	An Khương (xã) 安姜社: tg.An Thọ,ch.Lương Chánh,p.Thọ Xuân,t.TH 1150
An Định (xã) 安定社: tg.An Đường,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134	An La (xã) 安羅社: tg.Yên Xá,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267
An Định Nha (phường) 安定衙坊: tg.Bái Ân,h.Thành Hoá,đạo QT 1393	An La (xã) 安邏社: tg.Hư Tả,h.Thượng Nguyên,p.Xuân Trường,t.NĐ 309
An Đô (xã) 安都社: x.Bình Trị,tg.Tam Lộng,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1145	An Lạc (thôn) 安樂村: x.Phù Đồi,tg.Trình Tiết,h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN 34
An Đô (xã) 安都社: tg.Phú Ốc,h.Hương Trà,p.TT 1418	An Lạc (tổng) 安樂總: h.Thành Hoá,đạo QT 1393
An Đỗ (xã) 安堵社: tg.Bình Bút,h.Thạch Thành,p.Quảng Hóa,t.TH 1136	An Lạc (xã) 安樂社: tg.An Lạc,h.Thành Hoá,đạo QT 1393
An Đỗ (thôn) 安杜村: tg.Phù Vệ,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100	An Lạc (trang) 安樂庄: tg.Tức Tranh,h.Phú Lương,p.Tông Hóa,t.TN 812
An Đôn (tổng) 安敦總: h.Đặng Xương,đạo QT 1384	An Lạc (thôn) 安樂村: x.Phần Tĩnh,tg.Tuân La,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1116
An Đôn (xã) 安敦社: tg.An Đôn,h.Đặng Xương,đạo QT 1384	An Lạc (thôn) 安樂村: x.Điều An,tg.Cung Thượng,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1120
An Đông (xã) 安東社: tg.Thủ Hộ,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1120	An Lạc (thôn) 安樂村: x.Ngô Xá,tg.Ngô Xá,h.Vĩnh Lộc, p.Quảng Hóa,t.TH 1130
An Đông (xã) 安東社: tg.Hương Đan,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38	An Lạc (xã) 安樂社: tg.Tĩnh Oa,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659
An Đông (thôn) 安東村: tg.Tuyển Cử,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 93	An Lạc (xã) 安樂社: tg.Hoàng Xá,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31
An Động (xã) 安洞社: tg.Nội Viên,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494	An Lạc (xã) 安樂社: tg.Kim Bảng,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38
An Đường (tổng) 安塘總: h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134	An Lạc (thôn) 安樂村: tg.Phù Nội,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95
An Đường (xã) 安塘社: tg.An Đường,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134	An Lạc (xã) 安樂社: tg.Phú Mỹ,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95
An Đường (xã) 安堂社: tg.Cao Đường,h.Tiên Lữ,p.Tiên Hưng,t.HY 271	An Lạc (xã) 安樂社: tg.Trác Châu,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 111
An Gia (xã) 安家社: tg.Khuông Phù,h.Quảng Diên,p.TT 1427	An Lạc (thôn) 安樂總: h.Vinh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124
An Giáo (xã) 安教社: tg.Liên Cừ,h.Hậu Lộc,p.Hà Trung,t.TH 1097	
An Giới (xã) 安界社: tg.An Dật,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 110	
An Hạ (xã) 安下社: tg.An Trung Thượng,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 317	

An Lạc (xã) 安樂社: tg.An Lạc,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124

An Lạc (xã) 安樂社: tg.Viên Lang,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126

An Lạc (xã) 安樂社: tg.Hải Yến,h.Tiên Lữ,p.Tiên Hưng,t.HY 271

An Lạc (trại) 安樂寨: tg.Ninh Nhất,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ 313

An Lạc (xã) 安樂社: tg.Đặng Côi,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319

An Lai (thôn) 安來村: x.Văn Trường,tg.Văn Trường,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1117

An Lai (xã) 安來社: tg.Vĩnh Trị,h.Hương Trà,p.TT 1419

An Lai (xã) 安賴社: x.An Lai,tg.Cẩm Bối,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN .. 40

An Lai (xã) 安賴社: tg.Vĩnh Lại,h.Cẩm Giang,p.Bình Giang,t.HD 97

An Lai (xã) 安賴社: tg.Hoàng Lại,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113

An Lai (xã) 安賴社: tg.Thanh Khê,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 317

An Lai (xã) 安賴社: tg.Vị Sĩ,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333

An Lăng (xã) 安朗社: tg.Phương Đế,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ . 312

An Lao (xã) 安牢社: tg.An Đường,h.Từ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134

An Lão (tổng) 安老總: h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333

An Lão (xã) 安老社: tg.An Lão,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333

An Lão (xã) 安老社: tg.Hòa Luật,h.Thạch Thành,p.Quảng Hóa,t.TH ... 1135

An Lão (xã) 安老社: tg.Hoàng Đạo,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37

An Lão (xã) 安老社: tg.Mai Động,h.Bình Lục,p.Lý Nhân,t.HN 43

An Lão (xã) 安老社: tg.Hương Đại,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113

An Lão (huyện) 安老縣: p.Kiến Thụy,t.HD 144

An Lăng (thôn) 安陵村: x.Văn Trường,tg.Văn Trường,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1117

An Lăng (xã) 安陵社: tg.Cổ Biện,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD 157

An Lễ (thôn) 安禮村: tg.Cổ Quán,h.Thần Khê,p.Tiên Hưng,t.HY 264

An Lễ (ấp) 安禮邑: tg.Ninh Nhất,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ 313

An Lễ (xã) 安禮社: tg.Thụy Lũng,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 331

An Lệ (xã) 安麗社: tg.Cát Dương,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY 256

An Lý (xã) 安里社: tg.Văn Hội,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124

An Lịch (tổng) 安歷總: h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 253

An Lịch (xã) 安歷社: tg.An Lịch,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 253

An Liêm (xã) 安廉社: tg.Cổ Biện,h.Quảng Tế,p.Quảng Hóa,t.TH 1133

An Liêm (xã) 安廉社: tg.Vị Sĩ,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333

An Liễn (xã) 安輦社: tg.Thiết Sơn,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 534

An Liệt (xã) 安烈社: tg.Tiến Liệt,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113

An Lĩnh (thôn) 安嶺村: tg.Đặng Sơn,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1235

An Lỗ (xã) 安魯社: tg.Hiến Lương,h.Phong Điền,p.TT 1428

An Lỗ (xã) 安魯社: tg.An Hùng,ch.Văn Uyên,p.Tràng Định,t.LS 611

An Lộc (xã) 安祿社: tg.An Lão,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333

An Lộc (phường) 安祿坊: tg.Bái Ân,h.Thành Hoá,đạo QT 1393

An Lộc (ấp) 安祿邑: tg.Khuông Phù,h.Quảng Điền,p.TT 1427

An Lộc (xã) 安祿社: tg.Kim Quan,h.Cẩm Giang,p.Bình Giang,t.HD 97

An Lộc (xã) 安祿社: tg.Ngô Xá,h.Phong Doanh,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 326

An Lộng (xã) 安弄社: tg.Bích La,h.Đặng Xương,đạo QT 1383

An Lợi (phường) 安利坊: tg.An Cự,h.Đặng Xương,đạo QT 1384

An Lợi (xã) 安利社: tg.An Dã,h.Đặng Xương,đạo QT 1384

An Luận (tổng) 安論總: h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144

An Luận (xã) 安論社: tg.An Luận,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144

An Lũng (xã) 安隴社: tg.Bắc Lũng,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537

An Lũng (xã) 安隴社: tg.Trung An,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659

An Lữ (thôn) 安呂村: tg.Cổ Viễn,h.Thượng Nguyên,p.Xuân Trường,t.NĐ 309

An Lương (tràng) 安良庄: tg.Đặng Trường,h.Hậu Lộc,p.Hà Trung,t.TH 1096

An Lương (tổng) 安良總: h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 110

An Lương (xã) 安良社: tg.An Lương,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD ... 110

An Lưu (tổng) 安留總: h.Đặng Xương,đạo QT 1384

An Lưu (xã) 安留社: tg.An Lưu,h.Đặng Xương,đạo QT 1384

An Lưu (xã) 安留社: tg.Long Hồ,h.Hương Trà,p.TT..... 1418

An Lưu (xã) 安留社: tg.Đường Anh,h.Phú Vang,p.TT 1420

An Lưu (thôn) 安留村: tg.Sư Lỗ,h.Phú Vang,p.TT 1420

An Lưu (ấp) 安留邑: tg.Sư Lỗ,h.Phú Vang,p.TT..... 1420

An Mô (xã) 安謨社: tg.Chi Ngại,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106

An Mỗ (thôn) 安某村: x.Châu Xuyên,tg.Văn Xá,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1124

An Mỗ (xã) 安姥社: tg.Cổ Biện,h.Quảng Tế,p.Quảng Hóa,t.TH 1133

An Mỗ (xã) 安姥社: tg.Đại Công,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 116

An Mỹ (tổng) 安美總: h.Do Linh,đạo QT 1391

An Mỹ (xã) 安美社: tg.An Mỹ,h.Do Linh,đạo QT 1391

An Mỹ (phường) 安美坊: tg.Cam Đường,h.Thành Hoá,đạo QT 1393

An Mỹ (xã) 安美社: tg.Phú Xuân,h.Hương Trà,p.TT 1418

An Mỹ (ấp) 安美邑: tg.Lương Điền,h.Phú Lộc,p.TT 1424

An Nạp (thôn) 安納村: x.Đô Kỳ,tg.Y Đốn,h.Thần Khê,p.Tiên Hưng,t.HY 265

An Nghĩa (ấp) 安義邑: tg.Ninh Nhất,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ . 313

An Nghiệp (xã) 安業社: tg.Ngọc Lâm,h.Từ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134

An Nghiệp (xã) 安業社: tg.Hà Lão,h.Hung Nhân,p.Tiên Hưng,t.HY 268

An Nghiệp (lý) 安業里: tg.Ninh Nhất,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ 313

An Ngoại (xã) 安外社: tg.Đồng Tả,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126

An Nhân (tổng) 安人總: h.Hải Lăng,đạo QT 1385

An Nhân (xã) 安人社: tg.An Nhân,h.Hải Lăng,đạo QT 1385

An Nhân (xã) 安仁社: tg.Nhân Sơn,ch.Lương Chánh,p.Thọ Xuân,t.TH 1150

An Nhân (xã) 安仁社: tg.Văn La,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31

An Nhân (xã) 安仁社: tg.Toại An,h.Từ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134

An Nhân (lý) 安仁里: tg.Ninh Nhất,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ ... 313

An Nghiệp (xã) 安業社: tg.Hạ Lâm,h.Văn Lăng,p.Tông Hóa,t.TN 809

An Nhân (xã) 安仁社: tg.Trình Xuyên,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319

An Nhân (xã) 安仁社: tg.Từ Mặc,h.Y Yên,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 323

An Nhất (thôn) 安一村: tg.Kim Liên,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12

An Nhiên (xã) 安然社: tg.Thượng Trung,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930

An Nhuận (xã) 安閭社: tg.Hạ Lâm,h.Văn Lăng,p.Tông Hóa,t.TN 809

An Nhuế (xã) 安芮社: tg.Cát Dương,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY 256

An Ninh (phường) 安寧坊: tg.Minh Lương,h.Minh Linh,đạo QT 1390

An Ninh (tổng) 安寧總: h.Hương Trà,p.TT 1418

An Ninh (ấp) 安寧邑: tg.Cư Chánh,h.Hương Thủy,p.TT..... 1422

An Ninh (xã) 安寧社: tg.Nhượng Bân,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659

An Ninh (xã) 安寧社: tg.Mộc Phạm,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 23

An Ninh (xã) 安寧社: tg.An Hộ,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106

An Ninh (xã) 安寧社: tg.Bằng Mạc,ch.Ôn,p.Tràng Khánh,t.LS 616

An Ninh (xã) 安寧社: tg.Đại Hoàng,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 332

An Ninh Hạ (xã) 安寧下社: tg.An Ninh,h.Hương Trà,p.TT 1418

An Ninh Thượng (xã) 安寧上社: tg.An Ninh,h.Hương Trà,p.TT..... 1418

An Nội (giáp) 安内甲: x.Bình Hòa,tg.Nam Bân,h.Tống Sơn,
p.Hà Trung,t.TH 1083

An Nội (xã) 安内社: tg.Hạ Trì,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8

An Nội (xã) 安内社: tg.Cổ Viễn,h.Thượng Nguyên,p.Xuân Trường,t.NĐ 309

An Nông (xã) 安農社: tg.Cao Xá,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

An Nông (tổng) 安農總: h.Phú Lộc,p.TT 1423

An Nông (xã) 安農社: tg.An Nông,h.Phú Lộc,p.TT 1423

An Nông (xã) 安農社: tg.Diên Hưng,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ . 310

An Phong (ấp) 安豐邑: tg.Ninh Nhất,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ 313

An Phòng (xã) 安房社: tg.Mặc Xá,h.Từ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134

An Phú (xã) 安富社: tg.Niêm Sơn,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537

An Phú (xã) 安富社: tg.An Lưu,h.Đặng Xương,đạo QT 1384

An Phú (thôn) 安富村: x.Lỗ Hương,t.Lỗ Hương,h.Mỹ Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1093

An Phú (thôn) 安富村: x.Yên Cư,tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1116	An Thọ (tổng) 安壽總: ch.Lương Chánh,p.Thọ Xuân,t.TH 1150
An Phú (thôn) 安富村: x.Ngo Xã,tg.Ngo Xã,h.Vĩnh Lộc, p.Quảng Hóa,t.TH 1130	An Thổ (ấp) 安土邑: tg.Tự Tân,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1033
An Phú (thôn) 安富村: x.Yên Lăng,tg.Diên Hào,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1146	An Thổ (xã) 安土社: tg.Thiện Thổ,ch.Lương Chánh,p.Thọ Xuân,t.TH .. 1150
An Phú (xã) 安富社: tg.Vĩnh Trị,h.Hương Trà,p.TT 1419	An Thuận (xã) 安純社: tg.Bách Tĩnh,h.Thượng Nguyên, p.Xuân Trường,t.NĐ 308
An Phú (xã) 安富社: tg.Ninh Xã,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 20	An Thuận (xã) 安順社: tg.Hương Cẩn,h.Hương Trà,p.TT 1419
An Phú (xã) 安富社: tg.Thái Đường,h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN 33	An Thư (tổng) 安舒總: h.Hải Lăng,đạo QT 1385
An Phú (xã) 安富社: tg.Cẩm Bối,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40	An Thư (xã) 安舒社: tg.An Thư,h.Hải Lăng,đạo QT 1385
An Phú (xã) 安富社: tg.Bồ Xá,h.Bình Lục,p.Lý Nhân,t.HN 43	An Thư (xã) 安舒社: tg.Ngô Xá,h.Bình Lục,p.Lý Nhân,t.HN 43
An Phú (xã) 安富社: tg.An Phú,h.Văn Giang,pp.Thuận Thành,t.BN 518	An Thư (xã) 安舒社: tg.Hậu Bổng,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HĐ 131
An Phú (xã) 安富社: tg.Cát Xuyên,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304	An Thứ (xã) 安庶社: tg.Hiến Khánh,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 320
An Phú (ấp) 安富邑: tg.Ninh Nhất,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ 313	An Thường (xã) 安常社: tg.Mạn Đề,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HĐ 110
An Phú Hạ (ấp) 安富下邑: tg.An Nông,h.Phú Lộc,p.TT 1423	An Thượng (thôn) 安上村: tg.Võng Nhi,h.Hương Thủy,p.TT 1423
An Phú Thượng (ấp) 安富上色: tg.An Nông,h.Phú Lộc,p.TT 1423	An Tiêm (tổng) 安暹總: h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 339
An Phúc (thôn) 安福村: tg.Thượng Thanh Oai,h.Thanh Oai, p.Ứng Hòa,t.HN 28	An Tiêm (xã) 安暹社: tg.An Tiêm,h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 339
An Quả (thôn) 安果村: x.Nghĩa Trai,tg.Cao Xá,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1125	An Tiêm (xã) 安暹社: tg.Bích La,h.Đặng Xương,đạo QT 1384
An Quán (xã) 安館社: tg.Phú Xuân,h.Hương Trà,p.TT 1418	An Tiêm (xã) 安暹社: tg.Lập Bái,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267
An Quần (xã) 安群社: tg.Văn Lang,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ ... 312	An Tiên (ấp) 安仙邑: tg.Long Hồ,h.Hương Trà,p.TT 1418
An Quý (xã) 安貴社: tg.Hạ Am,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HĐ 124	An Tĩnh (xã) 安靜社: tg.Lai Cách,h.Cẩm Giang,p.Bình Giang,t.HĐ 98
An Quý (xã) 安貴社: tg.An Đường,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HĐ 134	An Tố (xã) 安素社: tg.An Cừ,h.Y Yên,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 323
An Sinh (thôn) 安生村: x.Tam Lộng,tg.Tam Lộng,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1145	An Tôn Hạ (xã) 安孫下社: tg.Cao Mật,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1130
An Tào (xã) 安曹社: tg.Thụy Lôi,h.Tiên Lữ,p.Tiên Hưng,t.HY 271	An Tôn Thượng (xã) 安孫上社: tg.Cao Mật,h.Vĩnh Lộc, p.Quảng Hóa,t.TH 1130
An Tân (thôn) 安津村: x.Cổ Đô,tg.Vận Quy,h.Đồng Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1105	An Trạch (xã) 安澤社: tg.An Cự,h.Đặng Xương,đạo QT 1384
An Tân (ấp) 安津邑: tg.Cự Chánh,h.Hương Thủy,p.TT 1422	An Trạch (tổng) 安宅總: ch.Định,p.Tông Hóa,t.TN 807
An Tân (xã) 安津社: tg.Văn Thai,h.Cẩm Giang,p.Bình Giang,t.HĐ 98	An Trạch (xã) 安宅社: tg.An Trạch,ch.Định,p.Tông Hóa,t.TN 807
An Tân (xã) 安津社: tg.Hội Xuyên,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HĐ 130	An Trạch (tổng) 安宅總: h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45
An Tập (thôn) 安集村: x.Ngọc Xuyên,tg.Ngọc Xuyên,h.Hoàng Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1091	An Trạch (xã) 安宅社: tg.An Trạch,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45
An Thạch (xã) 安石社: tg.Tông Chính,ch.Lương Chánh, p.Thọ Xuân,t.TH 1150	An Trạch (xã) 安宅社: tg.Văn Thê,ch.Ôn,p.Tràng Khánh,t.LS 617
An Thạch (ấp) 安石邑: tg.An Nông,h.Phú Lộc,p.TT 1423	An Trạch (xã) 安宅社: tg.Mỹ Trọng,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 307
An Thạch (xã) 安石社: tg.Hán Nam,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HĐ 117	An Trạch (lý) 安宅里: tg.Ninh Nhất,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ ... 313
An Thái (tổng) 安泰總: h.Hải Lăng,đạo QT 1385	An Trạch (xã) 安宅社: tg.Thụy Lũng,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ ... 331
An Thái (xã) 安泰社: tg.An Thái,h.Hải Lăng,đạo QT 1385	An Trì (xã) 安池社: tg.Hu Trì,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HĐ 126
An Thái (phường) 安泰坊: tg.Minh Lương,h.Minh Linh,đạo QT 1390	An Trì (xã) 安池社: tg.Da Viên,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HĐ 151
An Thái (phường) 安泰坊: tg.Cam Đường,h.Thành Hoá,đạo QT 1393	An Trí (thôn) 安智村: x.Nội Can Lộc,tg.Nội Ngoại,h.Can Lộc, p.Đức Thọ,t.NA 1269
An Thái (giáp) 安泰甲: tg.An Lạc,h.Thành Hoá,đạo QT 1393	An Trí (xã) 安住社: tg.An Lưu,h.Đặng Xương,đạo QT 1384
An Thái (thôn) 安泰村: x.Nhân Vống,tg.Văn Xá,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1124	An Trí (tổng) 安住總: h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HĐ 110
An Thái Thượng (phường) 安泰上坊: tg.Mai Lộc, h.Thành Hoá,đạo QT 1393	An Trí (xã) 安住社: tg.An Trí,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HĐ 110
An Thanh (xã) 安靑社: tg.Nam Bạ,h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1083	An Trụ (thôn) 安住村: tg.Câu Thượng,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HĐ 145
An Thành (ấp) 安城邑: tg.Tuy Lộc,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1033	An Trung (xã) 安中社: tg.Bái Trạch,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1090
An Thành (tổng) 安城總: h.Quảng Điền,p.TT 1427	An Trung (xã) 安忠: tg.Đồng Lý,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1110
An Thành (xã) 安城社: tg.An Thành,h.Quảng Điền,p.TT..... 1427	An Trung (xã) 安忠社: tg.Phương Đế,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ 312
An Thặng (xã) 安剩社: tg.Tiên Xá,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37	An Trung (xã) 安中社: tg.An Trung Thượng,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 317
An Thiện (xã) 安善社: tg.Tam Di,h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN 531	An Trung Hạ (tổng) 安中下總: h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316
An Thịnh (xã) 安盛社: tg.Trạc Nhật,h.Thạch Thành,p.Quảng Hóa,t.TH 1136	An Trung Thượng (tổng) 安中上總: h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 317
An Thịnh (xã) 安盛社: tg.Thượng Kỳ,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316	An Truyền (xã) 安傳社: tg.Quảng Xuyên,h.Phú Vang,p.TT..... 1420
An Thọ (thôn) 安壽村: x.An Khê,tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1121	An Trường (xã) 安場社: tg.Trạc Nhật,h.Thạch Thành, p.Quảng Hóa,t.TH 1136
	An Trường (thôn) 安長村: x.Bạch Sam,tg.Bạch Sam,h.Sơn Minh, p.Ứng Hòa,t.HN 26
	An Từ (xã) 安徐社: tg.Tam Sơn,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 492
	An Tứ (xã) 安賜社: tg.An Đường,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HĐ 134
	An Tứ (xã) 安泗社: tg.Hà Cát,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304
	An Văn (xã) 安雲社: tg.An Ninh,h.Hương Trà,p.TT 1418
	An Văn Thượng (ấp) 安雲上色: tg.An Ninh,h.Hương Trà,p.TT 1418
	An Vệ (xã) 安衛社: tg.Hậu Bổng,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HĐ 131

An Vĩ (xã) 安渭社: tg.Phương Quan,h.Đồng Quan,p. Thái Bình,t.NĐ	338
An Viên (xã) 安員社: tg. An Lịch,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY	253
An Vọng (xã) 安望社: tg. Bài Trưng,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN	31
An Xá (xã) 安舍社: tg. An Tiêm,h.Đồng Quan,p. Thái Bình,t.NĐ	339
An Xá (xã) 安舍社: tg.Đại Phong Lộc,h.Lệ Thủy,p.Quảng Ninh,t.QB ...	1349
An Xá (tổng) 安舍總: h.Do Linh,đạo QT	1391
An Xá (xã) 安舍社: tg.An Xá,h.Do Linh,đạo QT	1391
An Xá (thôn) 安舍村: x.Lăng Vính,tg.Trung Bạh,h.Tống Sơn, p. Hà Trung,t.TH	1083
An Xá (xã) 安舍社: tg.Kỷ Cầu,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN	40
An Xá (tổng) 安舍總: h.Cẩm Giang,p.Bình Giang,t.HD	97
An Xá (xã) 安舍社: tg.An Xá,h.Cẩm Giang,p.Bình Giang,t.HD	97
An Xá (xã) 安舍社: tg.Quan Bế,h.Hưng Nhân,p.Tiên Hưng,t.HY	268
An Xá (xã) 安舍社: tg.Hải Yến,h.Tiên Lữ,p.Tiên Hưng,t.HY	271
An Xuân (phường) 安春坊: tg.Xuân Hoà,h.Minh Linh,đạo QT	1390
An Xuân (phường) 安春坊: tg.An Lạc,h. Thành Hoá,đạo QT	1393
An Xuân (xã) 安春社: tg.An Thành,h.Quảng Điện,p.TT	1427
An Xuyên (xã) 安川社: tg.Như Quỳnh,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN 514	
Ang Phao (thôn) 盎拋村: x.Cao Xá,tg.Thủy Cam,h. Thanh Oai, p. Ứng Hòa,t.HN	29
Anh Quả (xã) 英果社: tg.Tang Giá,h.Quỳnh Côi,pp. Thái Bình,t.NĐ	348
Anh Sơn (phủ) 英山府: t.NA	1234
Anh Tuấn (thôn) 英俊村: x.Hương Cãi,tg.Hải Đô,h.Hưng Nguyên, p. Anh Sơn,t.NA	1243
Anh Tuấn (xã) 英俊社: tg.Bích La,h.Đặng Xương,đạo QT	1383
Anh Tụy (xã) 英萃社: tg. Thần Phù,h.Yên Mô, p. Yên Khánh,t.NB	1025
Anh Tụy (thôn) 英萃村: x.Anh Tụy,tg. Thần Phù,h.Yên Mô, p. Yên Khánh,t.NB	1025
Anh Vinh (thôn) 英榮村: x.Hàng Vĩ,tg.Hàng Vĩ,h.Hoàng Hóa, p. Hà Trung,t.TH	1089
Ấn Đô (xã) 晏都社: tg. Thương Cổ,h.Ấn Thi,p.Khoái Châu,t.HY	256
Ấn Đổ (tổng) 案堵總: h. Quảng Tế,p. Quảng Hóa,t.TH	1133
Ấn Đổ (xã) 案堵社: tg.Ấn Đổ,h. Quảng Tế,p. Quảng Hóa,t.TH	1133
Ấn Đổ (xã) 案堵社: tg.Vân Trai,h.Cẩm Thủy,p. Quảng Hóa,t.TH	1139
Ấn Lại (xã) 案賴社: tg.Trà Linh,h. Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB	659
Ấn Lại (phố) 案賴庸: tg.Trà Linh,h. Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB	659
Áng (thôn) 盎村: x.Xuân Lai,tg. Thái Lai,h. Quảng Xương,p. Tĩnh Gia,t.TH 1121	
Áng Dương (xã) 盎陽社: tg.Bắc Tạ,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD	126
Áng Mô (phố) 盎模庸: tg. Suất Tĩnh,h. Thạch An,p.Hòa An,t.CB	664
Áng Ngũ (xã) 盎伍社: tg. Quan Vinh,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB	1029
Áng Sơn (xã) 盎山社: tg. Quan Vinh,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB	1029
Áng Sơn (xã) 盎山社: tg.Đại Hoàng,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD	144
Áng Trì (xã) 盎池社: tg.Vô Tranh,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN	536
Áo Lộc (xã) 襖祿社: tg.Phương Xá,h.Cẩm Khê,p.Lâm Thao,t.ST	946
Át Lỗ (xã) 遏虜社: tg.Dương Vũ,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB	1021
Át Sơn (tổng) 關山總: h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST	959
Át Sơn (xã) 關山社: tg.Át Sơn,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST	959
Âm Công (xã) 陰功社: tg.Đô Yên,h.Hưng Nguyên,p.An Sơn,t.NA	1242
Ẩm Phúc (tổng) 飲福總: ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ	863
Ẩm Phúc (xã) 飲福社: tg.Ẩm Phúc,ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ	863
Ân Hậu (thôn) 恩候村: tg.Yên Trường,h.Chân Lộc,p.An Sơn,t.NA	1246
Ân Hộ (xã) 殷護社: tg.Đạo Kỳ,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST	933
Ân Phú (xã) 殷富社: tg.Đị Ốc,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA	1259
Ân Phú (xã) 殷富社: tg.Màn Xá,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN	497
Ân Quang (xã) 恩光社: tg.Nam Quang,h.Đế Định,p.Tương An,t.TQ	871
Ân Thi (huyện) 恩施縣: p.Khoái Châu,t.HY	256

Ân Thi (tổng) 恩施總: h.Ấn Thi,p.Khoái Châu,t.HY	256
Ân Thi (xã) 恩施社: tg.Ấn Thi,h.Ấn Thi,p.Khoái Châu,t.HY	256
Ân Thịnh (thôn) 殷盛村: tg.Đô Lương,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA	1235
Ân Tình (xã) 恩情社: tg.Lương Thượng,h.Cẩm Hóa,p.Thông Hóa,t.TN ..	816
Âu Lâu (xã) 謳婁社: tg.Giới Phiên,h.Trần Yên,p.Quy Hóa,t.HH	727

B

Ba Dư (thôn) 巴余村: x.Hương Nhị,tg.Thủy Cam,h. Thanh Oai, p. Ứng Hòa,t.HN	29
Ba Đông (tổng) 巴東總: h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY	255
Ba Đông (xã) 巴東社: tg.Ba Đông,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY	255
Ba Đông Hạ (xã) 巴東下社: tg.Thị Đức,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD ..	131
Ba Đông Thượng (xã) 巴東上社: tg.Thị Đức,h.Gia Lộc, p.Ninh Giang,t.HD	131
Ba Đường (áp) 巴唐邑: tg.Viên Kiều,h. Thành Hoá,đạo QT	1394
Ba Lan (châu) 巴爛州: tg.Mai Lộc,h. Thành Hoá,đạo QT	1394
Ba Lăng (xã) 巴陵社: tg.An Lưu,h.Đặng Xương,đạo QT	1384
Ba Lăng (xã) 巴陵社: tg.Quảng Xuyên,h.Phú Vang,p.TT	1420
Ba Lăng (xã) 波凌社: tg.Điều Lang,h.Hạ Lang,p. Trùng Khánh,t.CB	677
Ba Lăng (xã) 巴陵社: tg.Đồng Cừ,h. Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN ...	16
Ba Nguyệt (xã) 波月社: tg. Thạch Xá,h.Lệ Thủy,p. Quảng Ninh,t.QB ...	1349
Ba Nguyệt (thôn) 波月村: tg. Hồ Xá,h.Minh Linh,đạo QT	1390
Ba Sơn (thôn) 巴山村: x.Thái Nhã,tg.Vũ Liệt,h. Thanh Chương, p. Anh Sơn,t.NA	1239
Ba Thủ (xã) 巴倫社: tg.An Nhân,h.Hải Lăng,đạo QT	1385
Ba Tiêu (thôn) 芭蕉村: x.Sơn Trai,tg.Cao Xá,h.Nông Cống, p. Tĩnh Gia,t.TH	1125
Ba Xuân (phường) 巴椿坊: tg. Cam Đường,h. Thành Hoá,đạo QT	1393
Bà Dương (xã) 鄆陽社: tg.Vũ Lăng,h. Quảng Uyên,p. Trùng Khánh,t.CB 674	
Bà Dương (phố) 鄆陽庸: tg.Vũ Lăng,h. Quảng Uyên,p. Trùng Khánh,t.CB 674	
Bà Dương (xã) 鄆陽社: tg.Vạn Tư,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN	509
Bà Dương (sở) 鄆陽所: tg.Vạn Tư,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN	509
Bà Đông (xã) 鄆東社: tg.Gia Bằng,h.Nguyên Bình,p.Hòa An,t.CB	668
Bà Khê (xã) 鄆溪社: tg.Ti Bà,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN	511
Bà Tâm (phường) 梁心坊: tg. Thượng Lưu,h.Minh Hoá, p. Quảng Trạch,t.QB	1359
Bà Triều (xã) 鄆朝社: tg. Trương Xá,h.Cẩm Khê,p.Lâm Thao,t.ST	947
Bả (thôn) 把村: x.Lục Trúc,tg.Tam Lộng,h.Lôi Dương,p. Thọ Xuân,t.TH ..	1145
Bả Lộng (xã) 把弄社: tg.Vân Nham,h.Hữu Lũng,pp.Lạng Giang,t.BN	540
Bá (thôn) 伯村: x.Quán Xá,tg.Phú Khê,h.Thần Khê,p.Tiên Hưng,t.HY	265
Bá Bao (xã) 伯包社: tg.Phong Thanh,ch.Ninh Biên,p.Điện Biên,t.HH	738
Bá Cầu (xã) 霸棣社: tg.Sơn Lôi,h.Bình Xuyên,p.Phú Bình,t.TN	801
Bá Dương (xã) 霸陽社: tg. Thượng Tri,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN	9
Bá Đông (thôn) 伯東村: tg.Tuyển Cừ,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD	92
Bá Hạ (tổng) 霸下總: h.Bình Xuyên,p.Phú Bình,t.TN	801
Bá Hạ (xã) 霸下社: tg.Bá Hạ,h.Bình Xuyên,p.Phú Bình,t.TN	801
Bá Hoàng (xã) 霸黃社: tg.Lập Lễ,h. Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD	113
Bá Khê (xã) 霸溪社: tg.Đa Ngưu,h.Vân Giang,pp.Thuận Thành,t.BN	517
Bá Liễu (xã) 霸柳社: tg. Thạch Khôi,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD	130
Bá Sơn (xã) 霸山社: tg.Cổ Lũng,h.Phú Lương,p.Tông Hóa,t.TN	812
Bá Thủy (xã) 霸水社: tg. Phương Duy,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD	130
Bá Thượng (xã) 霸上社: tg.Bá Hạ,h.Bình Xuyên,p.Phú Bình,t.TN	801
Bá Vân (xã) 霸雲社: tg.Ỗ Na,h.Phú Lương,p.Tông Hóa,t.TN	812
Bá Xuyên (xã) 霸川社: tg.Niệm Quang,h.Động Hỷ,p.Phú Bình,t.TN	798

Bá Xuyên (xã) 霸川社: tg. Phương Duy, h. Gia Lộc, p. Ninh Giang, t. HD 130

Bác Cung (phố) 博宮庸: tg. Suất Tĩnh, h. Thạch An, p. Hòa An, t. CB 664

Bác Khê (xã) 博溪社: tg. Suất Tĩnh, h. Thạch An, p. Hòa An, t. CB 664

Bác Khoan (xã) 博寬社: tg. Văn Thê, ch. Ôn, p. Trảng Khánh, t. LS 617

Bác Kiều (xã) 博橋社: tg. Nhượng Bạ, h. Thạch Lâm, p. Hòa An, t. CB 659

Bác La (xã) 博羅社: tg. Hội Hoan, h. Văn Quan, p. Trảng Định, t. LS 605

Bác Lãm (xã) 博覽社: tg. Thắng Lãm, h. Thanh Oai, p. Ứng Hòa, t. HN 28

Bác Lãng (tổng) 博浪總: ch. Vạn Ninh, p. Hải Ninh, t. QY 438

Bác Lãng (xã) 博浪社: tg. Bác Lãng, ch. Vạn Ninh, p. Hải Ninh, t. QY 439

Bác Lãng (động) 博浪峒: tg. Bác Lãng, ch. Vạn Ninh, p. Hải Ninh, t. QY 440

Bác Lãng (xã) 博朗社: tg. Mỹ Liệt, h. Văn Quan, p. Trảng Định, t. LS 605

Bác Lục (xã) 博陸社: tg. Tượng Yên, h. Thạch An, p. Hòa An, t. CB 663

Bác Mã (xã) 博馬社: tg. Vĩnh Đại, h. Đông Triều, p. Kinh Môn, t. HD 165

Bác Nhĩ (xã) 博耳社: tg. Sách Lâm, ch. Yên, p. Gia Hưng, t. HH 722

Bác Phách (trại) 博珀寨: tg. Giang Ngõ, h. Thạch An, p. Hòa An, t. CB 664

Bác Sơn (tổng) 博山總: h. Vũ Nhai, p. Phú Bình, t. TN 803

Bác Sơn (xã) 博山社: tg. Bác Sơn, h. Vũ Nhai, p. Phú Bình, t. TN 803

Bác Sơn (xã) 博山社: tg. Ngọc Pha, h. Thạch An, p. Hòa An, t. CB 664

Bác Trạch (xã) 博澤社: tg. Cao Mai, h. Chân Định, p. Kiến Xương, t. ND 331

Bác Viên (xã) 博圓社: tg. An Hùng, ch. Văn Uyên, p. Trảng Định, t. LS 611

Bác Vọng (phường) 博望坊: tg. An Mỹ, h. Do Linh, đạo QT 1391

Bác Vọng (xã) 博望社: tg. Hạ Lang, h. Quảng Điền, p. TT 1427

Bác Vọng (xã) 博望社: tg. Cách Linh, h. Quảng Uyên, p. Trảng Khánh, t. CB 675

Bác Vọng (xã) 博望社: tg. Tăng Long, h. Đa Phúc, p. Đa Phúc, t. BN 521

Bác Xá (xã) 博舍社: tg. Tĩnh Oa, h. Thạch Lâm, p. Hòa An, t. CB 659

Bách Cốc (xã) 百穀社: tg. Trinh Xuyên, h. Vụ Bản, p. Nghĩa Hưng, t. ND 319

Bách Đích (xã) 百的社: tg. Đông Quan, h. Đế Định, p. Tương An, t. TQ 871

Bách Kim (thôn) 百金村: x. Lại Hạ, tg. Kim Quan, h. Thạch Thất, p. Quốc Oai, t. ST 924

Bách Lãm (tổng) 百廩總: h. Trấn Yên, p. Quy Hóa, t. HH 726

Bách Lãm (xã) 百廩社: tg. Bách Lãm, h. Trấn Yên, p. Quy Hóa, t. HH 726

Bách Lộc (xã) 百祿社: tg. Lạc Trị, h. Thạch Thất, p. Quốc Oai, t. ST 923

Bách Phương (xã) 柏芳社: tg. An Luận, h. An Lão, p. Kiến Thụy, t. HD 144

Bách Thắng (xã) 百勝社: tg. Cự Thắng, h. Thanh Thủy, p. Gia Hưng, t. HH 713

Bách Tĩnh (tổng) 百姓總: h. Thượng Nguyên, p. Xuân Trường, t. ND 308

Bách Tĩnh (xã) 百姓社: tg. Bách Tĩnh, h. Thượng Nguyên, p. Xuân Trường, t. ND 308

Bách Tĩnh (xã) 百姓社: tg. Cổ Nông, h. Nam Chân, p. Xuân Trường, t. ND . 311

Bạc Liễm (xã) 薄斂社: tg. T.ự Cường, h. Thạch Thành, p. Quảng Hóa, t. TH 1135

Bạch Bào (thôn) 帛袍村: x. La Miết, tg. La Miết, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1126

Bạch Câu (phường) 白駒坊: tg. An Mỹ, h. Do Linh, đạo QT 1391

Bạch Câu (xã) 白駒社: tg. Thạch Gián, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1086

Bạch Câu (xã) 白鈎社: tg. Đầu Kiên, h. Kim Thành, p. Kiến Thụy, t. HD 148

Bạch Cừ (xã) 白渠社: tg. La Mai, h. Gia Viễn, p. Yên Khánh, t. NB 1028

Bạch Dương (xã) 白楊社: tg. Nhữ Hạ, h. Hà Hòa, p. Lâm Thao, t. ST 950

Bạch Đa (thôn) 白多村: x. Hương Thị, tg. Bái Châu, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1109

Bạch Đa (xã) 白移社: tg. An Lương, h. Thanh Lâm, p. Nam Sách, t. HD 110

Bạch Đằng (tổng) 白藤總: h. Hạ Lang, p. Trảng Khánh, t. CB 677

Bạch Đằng (xã) 白藤社: tg. Bạch Đằng, h. Hạ Lang, p. Trảng Khánh, t. CB 677

Bạch Đầu (thôn) 白頭村: x. Yên Cừ, tg. Liên Cừ, h. Hậu Lộc, p. Hà Trung, t. TH 1097

Bạch Độc (thôn) 白犢村: x. Hội Xá, tg. Phù Lưu Thượng, h. Hoài An, p. Ứng Hòa, t. HN 34

Bạch Hà (tổng) 白河總: h. Lương Sơn, p. Anh Sơn, t. NA 1234

Bạch Hà (xã) 白河社: tg. Bạch Hà, h. Lương Sơn, p. Anh Sơn, t. NA 1234

Bạch Hà (xã) 白河社: tg. Vĩnh Kiên, ch. Thu Châu, p. An Bình, t. TQ 863

Bạch Hạc (huyện) 白鶴縣: p. Vĩnh Tường, t. ST 930

Bạch Hạc (xã) 白鶴社: tg. Nghĩa Yên, h. Bạch Hạc, p. Vĩnh Tường, t. ST 930

Bạch Liên (tổng) 白蓮總: h. Yên Mô, p. Yên Khánh, t. NB 1025

Bạch Liên (xã) 白蓮社: tg. Bạch Liên, h. Yên Mô, p. Yên Khánh, t. NB 1025

Bạch Liên (xã) 白蓮社: tg. Lạc Thiện, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1125

Bạch Liên (xã) 白蓮社: tg. Hà Hồi, h. Thượng Phúc, p. Thường Tín, t. HN 17

Bạch Lộc (thôn) 白鹿村: x. Bình Đạm, tg. Chi Nê, h. Hậu Lộc, p. Hà Trung, t. TH 1097

Bạch Lưu (tổng) 白榴總: h. Lập Thạch, p. Vĩnh Tường, t. ST 933

Bạch Lưu Hạ (xã) 白榴下社: tg. Bạch Lưu, h. Lập Thạch, p. Vĩnh Tường, t. ST 933

Bạch Lưu Thượng (xã) 白榴上社: tg. Bạch Lưu, h. Lập Thạch, p. Vĩnh Tường, t. ST 933

Bạch Mai (phường) 白梅坊: tg. Kim Liên, h. Thọ Xương, p. Hoài Đức, t. HN ... 12

Bạch Mai (tổng) 白枚總: ch. Mai, p. Gia Hưng, t. HH 718

Bạch Nao (xã) 白茺社: tg. Động Cừu, h. Thanh Oai, p. Ứng Hòa, t. HN 29

Bạch Ngọc (xã) 白玉社: tg. Phú Linh, h. Vị Xuyên, p. Tương An, t. TQ 874

Bạch Sa (xã) 白沙社: tg. Phù Loan, h. Vị Xuyên, p. Tương An, t. TQ 874

Bạch Sam (tổng) 白衫總: h. Sơn Minh, p. Ứng Hòa, t. HN 26

Bạch Sam (xã) 白衫社: tg. Bạch Sam, h. Sơn Minh, p. Ứng Hòa, t. HN 26

Bạch Sam (tổng) 白衫總: h. Duy Tiên, p. Lý Nhân, t. HN 37

Bạch Sam (xã) 白衫社: tg. Bạch Sam, h. Duy Tiên, p. Lý Nhân, t. HN 37

Bạch Sam (tổng) 白衫總: h. Đường Hào, p. Bình Giang, t. HD 100

Bạch Sam (xã) 白衫社: tg. Bạch Sam, h. Đường Hào, p. Bình Giang, t. HD . 100

Bạch Sơn (thôn) 白山村: x. Tiên Đào, tg. Nam Kim, h. Thanh Chương, p. Anh Sơn, t. NA 1239

Bạch Thạch (xã) 白石社: tg. Dã Cát, h. Mỹ Lương, p. Quốc Oai, t. ST 926

Bạch Thạch (xã) 白石社: tg. Tiên La, h. Tư Nông, p. Phú Bình, t. TN 794

Bạch Thạch (thôn) 白石村: x. Đông Yên, tg. Đại Lý, h. Mỹ Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1094

Bạch Thạch (ấp) 白石邑: tg. Lương Điền, h. Phú Lộc, p. TT 1424

Bạch Thổ (thôn) 白土村: x. Đại Lý, tg. Đại Lý, h. Mỹ Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1094

Bạch Thông (châu) 白通州: p. Thông Hóa, t. TN 818

Bạch Trữ (tổng) 白苧總: h. Yên Lãng, pp. Vĩnh Tường, t. ST 938

Bạch Trữ (xã) 白苧社: tg. Bạch Trữ, h. Yên Lãng, pp. Vĩnh Tường, t. ST 938

Bạch Xá (thôn) 白舍村: x. Hoàng Xá, tg. Vũ Liệt, h. Thanh Chương, p. Anh Sơn, t. NA 1239

Bạch Xá (xã) 白舍社: tg. Phương Xá, h. Cẩm Khê, p. Lâm Thao, t. ST 946

Bạch Xá (xã) 白舍社: tg. Phương Đình, h. Sơn Minh, p. Ứng Hòa, t. HN 26

Bạch Xá (xã) 白舍社: tg. Tiên Xá, h. Duy Tiên, p. Lý Nhân, t. HN 37

Bài (thôn) 排村: x. Bồng Lậu, tg. Yên Thái, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1116

Bài Lâm (xã) 排林社: tg. Phù Lưu Thượng, h. Hoài An, p. Ứng Hòa, t. HN 34

Bài Lễ (xã) 排禮社: tg. Bạch Sam, h. Duy Tiên, p. Lý Nhân, t. HN 37

Bài Lễ (trại) 排禮寨: tg. Thụy Lợi, h. Kim Bảng, p. Lý Nhân, t. HN 38

Bài Nha (xã) 排衙社: tg. Cam Giá Thượng, h. Phúc Thọ, p. Quảng Oai, t. ST 913

Bài Nhiễm (xã) 排染社: tg. Bạch Sam, h. Duy Tiên, p. Lý Nhân, t. HN 37

Bài Trượng (tổng) 排杖總: h. Chương Đức, p. Ứng Hòa, t. HN 31

Bài Trượng (xã) 排杖社: tg. Bài Trượng, h. Chương Đức, p. Ứng Hòa, t. HN .. 31

Bãi Trữ (tràng) 罷貯庄: tg. La Mai, h. Gia Viễn, p. Yên Khánh, t. NB 1028

Bái (thôn) 沛村: x. Ngọc Xuyên, tg. Ngọc Xuyên, h. Hoảng Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1091

Bài (thôn) 排村: x. Gia Cáp, tg. Cổ Quán, h. Thần Khê, p. Tiên Hưng, t. HY 264

Bái (thôn) 沛村: x. Thanh Ban, tg. Vạn Thiện, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1126

Bái (thôn) 沛村: x. Tiên Hòa, tg. Thanh Xá, h. Vĩnh Lộc, p. Quảng Hóa, t. TH . 1130

Bái (thôn) 沛村: x. Phú Lâm, tg. Bình Bút, h. Vĩnh Lộc, p. Quảng Hóa, t. TH ... 1131

Bái Ân (xã) 拜恩社: tg. Văn Cái, h. Gia Viễn, p. Yên Khánh, t. NB 1029	Bái Thượng (thôn) 沛上村: x. Văn Nhưng Thượng, tg. Thọ Hạc, h. Đông Sơn, p. Thiệu Hóa, t. TH 1104
Bái Ân (tổng) 沛恩總: h. Thành Hoá, đạo QT 1393	Bái Thượng (thôn) 沛上村: x. Quảng Chiếu Thượng, tg. Quảng Chiếu, h. Đông Sơn, p. Thiệu Hóa, t. TH 1106
Bái Ân (phường) 拜恩坊: tg. Trung, h. Vĩnh Thuận, p. Hoài Đức, t. HN 13	Bái Thượng (thôn) 沛上村: x. Tào Sơn, tg. Yên Thái, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1116
Bái Ân Hạ (phường) 拜恩下坊: tg. Văn Cái, h. Gia Viễn, p. Yên Khánh, t. NB 1029	Bái Thượng (thôn) 沛上村: x. Trang Liệt, tg. Văn Xá, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1125
Bái Ân Thượng (phường) 拜恩上坊: tg. Văn Cái, h. Gia Viễn, p. Yên Khánh, t. NB 1029	Bái Thượng (xã) 沛上社: tg. La Miết, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1126
Bái Chân (thôn) 沛真村: x. Sơn Ôi, tg. Hải Quật, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1110	Bái Thượng (xã) 沛上社: tg. Bái Đò, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1146
Bái Châu (tổng) 沛洲總: h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1109	Bái Trạch (tổng) 沛澤總: h. Hoàng Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1090
Bái Châu (xã) 沛洲社: tg. Bái Châu, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1109	Bái Trạch (xã) 沛澤社: tg. Bái Trạch, h. Hoàng Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1090
Bái Dương (xã) 沛陽社: tg. Mao Diên, h. Cẩm Giang, p. Bình Giang, t. HD ... 97	Bái Trạch (thôn) 沛宅村: x. Kiên Thạch, tg. Kiên Thạch, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1144
Bái Dương (xã) 沛陽社: tg. Bách Lãm, h. Trấn Yên, p. Quy Hóa, t. HH 726	Bái Trạch (xã) 沛澤社: tg. Hiệu Vũ, h. Hưng Nhân, p. Tiên Hưng, t. HY 268
Bái Dương (tổng) 沛陽總: h. Nam Chân, p. Xuân Trường, t. ND 310	Bái Trạch (xã) 沛澤社: tg. Hư Tả, h. Thượng Nguyên, p. Xuân Trường, t. ND 309
Bái Dương (xã) 沛陽社: tg. Bái Dương, h. Nam Chân, p. Xuân Trường, t. ND 310	Bái Trại (trại) 沛寨: tg. Trịnh Xá, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1109
Bái Đại (thôn) 沛大村: x. Can Trúc, tg. Ngọc Đới, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1115	Bái Trúc (thôn) 沛竹村: x. Cát Lâm, tg. Lưu Vệ, h. Quảng Xương, p. Tĩnh Gia, t. TH 1121
Bái Dao (thôn) 沛刀村: x. Nhân Vồng, tg. Văn Xá, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1124	Bái Trung (thôn) 沛中村: x. Bái Hà, tg. Đăng Trường, h. Hậu Lộc, p. Hà Trung, t. TH 1096
Bái Đáp (ấp) 拜答邑: tg. An Cư, h. Phú Lộc, p. TT 1424	Bái Trung (xã) 沛中社: tg. Đại Bối, h. Đông Sơn, p. Thiệu Hóa, t. TH 1105
Bái Đằng (trại) 沛藤寨: tg. Quảng Tế, h. Quảng Tế, p. Quảng Hóa, t. TH .. 1133	Bái Trung (thôn) 沛中村: x. Thái Lai, tg. Thái Lai, h. Quảng Xương, p. Tĩnh Gia, t. TH 1121
Bái Đê (xã) 沛堤社: tg. Tam Lộng, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1146	Bái Trung (thôn) 沛中村: x. Nhân Vồng, tg. Văn Xá, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1124
Bái Đò (xã) 沛都社: tg. Nam Bạ, h. Tống Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1083	Bái Uyên (xã) 拜淵社: tg. Nội Duệ, h. Tiên Du, p. Từ Sơn, t. BN 494
Bái Đò (thôn) 沛都村: x. Nam Thạch, tg. Đan Nê, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1109	Bái Xuyên (xã) 沛川社: tg. Dương Thủy, h. Mỹ Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1094
Bái Đò (tổng) 沛都總: h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1146	Bái Xuyên (xã) 沛川社: tg. Biện Thủy, h. Phú Xuyên, p. Thường Tín, t. HN ... 22
Bái Đò (xã) 沛都社: tg. Bái Đò, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1146	Ban (thôn) 班村: x. Cự Lãng, tg. La Miết, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1126
Bái Đò (xã) 沛都社: tg. Biện Thủy, h. Phú Xuyên, p. Thường Tín, t. HN 22	Ban Chính (xã) 般正社: tg. Tòng Chính, ch. Lương Chánh, p. Thọ Xuân, t. TH 1150
Bái Đông (thôn) 沛東村: x. Thiệu Xuyên, tg. Văn Trinh, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1115	Ban Lung (xã) 班龍社: tg. Trạc Nhật, h. Thạch Thành, p. Quảng Hóa, t. TH 1135
Bái Đông (thôn) 沛東村: x. Can Trúc, tg. Ngọc Đới, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1115	Ban Văn (xã) 斑文社: tg. Quân Nhân, ch. Thường Xuân, p. Thọ Xuân, t. TH 1147
Bái Đức (thôn) 沛德村: tg. Phúc Lộc, h. Hương Khê, p. Đức Thọ, t. NA 1261	Bang (thôn) 邦村: x. Trị Cự, tg. Đông Yên, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1086
Bái Giang (phường) 沛江坊: x. Gia Phú, tg. Đại Lai, h. Gia Bình, p. Thuận Thành, t. BN 509	Bang (thôn) 邦村: tg. Thử Cốc, h. Thụy Nguyên, p. Thiệu Hóa, t. TH 1102
Bái Giao (xã) 沛郊社: tg. Đại Bối, h. Đông Sơn, p. Thiệu Hóa, t. TH 1105	Bang (bản) 邦本: tg. Chắp Yết, h. Trình Cốt, t. TH 1152
Bái Hà (xã) 沛河社: tg. Đăng Trường, h. Hậu Lộc, p. Hà Trung, t. TH 1096	Bang Hạ (bản) 邦賀本: tg. Chắp Yết, h. Trình Cốt, t. TH 1152
Bái Hạ (thôn) 沛下村: x. Trì Trọng, tg. Dương Thủy, h. Mỹ Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1094	Bang Mạn (bản) 邦蠻本: tg. Chắp Yết, h. Trình Cốt, t. TH 1152
Bái Hạ (xã) 沛下社: tg. La Miết, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1126	Bang Ngà (bản) 邦牙本: tg. Chắp Yết, h. Trình Cốt, t. TH 1152
Bái Khê (xã) 沛溪社: tg. Thụy Lôi, h. Tiên Lữ, p. Tiên Hưng, t. HY 271	Bang Thâm (bản) 邦基本: tg. Trình Cốt, h. Trình Cốt, t. TH 1152
Bái Môn (thôn) 沛門村: x. Văn Khuê, tg. Văn Trinh, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1115	Bàn Cống (xã) 盤貢社: tg. Quân Nhân, ch. Thường Xuân, p. Thọ Xuân, t. TH 1147
Bái Nãi (thôn) 沛乃村: x. Đò Bái, tg. Đò Bái, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1086	Bàn Duy Văn Nhã (thôn) 盤維文雅村: tg. Cách Linh, h. Quảng Uyên, p. Trùng Khánh, t. CB 675
Bái Ninh (xã) 沛寧社: tg. Bút Sơn, h. Hoàng Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1090	Bàn Đà (xã) 盤沱社: tg. Đăng Châu, h. Thượng Lang, p. Trùng Khánh, t. CB 672
Bái Sa (thôn) 沛沙村: x. Đại Lý, tg. Đại Lý, h. Mỹ Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1094	Bàn Đào (xã) 盤陶社: tg. Diên Lư, h. Cẩm Thủy, p. Quảng Hóa, t. TH 1140
Bái Sơn (phường) 沛山坊: tg. An Mỹ, h. Do Linh, đạo QT 1391	Bàn Giang (xã) 蟠江社: tg. Đồng Phú, h. Bạch Hạc, p. Vĩnh Tường, t. ST ... 930
Bái Sơn (thôn) 沛山村: tg. Nam Bạ, h. Tống Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1083	Bàn Giản (xã) 槃澗社: tg. Thượng Đạ, h. Lập Thạch, p. Vĩnh Tường, t. ST . 932
Bái Thịnh (thôn) 沛盛村: x. Thái Lai, tg. Thái Lai, h. Quảng Xương, p. Tĩnh Gia, t. TH 1121	Bàn Kết (xã) 盤結社: tg. Phú Lão, h. Vụ Bản, p. Nghĩa Hưng, t. NB 320
Bái Thủy (xã) 沛水社: tg. Trịnh Xá, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1109	Bàn Lễ (thôn) 盤禮村: tg. Ân Thi, h. Ân Thi, p. Khoái Châu, t. HY 256
Bái Thượng (xã) 沛上社: tg. An Tiêm, h. Đông Quan, p. Thái Bình, t. ND ... 339	Bàn Mạch (xã) 蟠陌社: tg. Đồng Phú, h. Bạch Hạc, p. Vĩnh Tường, t. ST 930
Bái Thượng (xã) 拜上社: tg. Đồng Lỗ, h. Việt Yên, p. Lạng Giang, t. BN 534	Bàn Môn (xã) 蟠門社: tg. An Nông, h. Phú Lộc, p. TT 1423
Bái Thượng (thôn) 沛上村: x. Trì Trọng, tg. Dương Thủy, h. Mỹ Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1094	Bàn Phổng (xã) 盤倣社: tg. Hoài Chính, ch. Lương Chánh, p. Thọ Xuân, t. TH 1150
Bái Thượng (thôn) 沛上村: x. Ngọc Hoạch, tg. Mật Vật, h. Thụy Nguyên, p. Thiệu Hóa, t. TH 1101	Bàn Thạch (thôn) 盤石村: x. Thái Nhả, tg. Vũ Liệt, h. Thanh Chương, p. Anh Sơn, t. NA 1239

Bàn Thạch (xã) 盤石社: tg.Kiên Thạch,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH	1144
Bàn Thạch (xã) 盤石社: h.Thạch Hà,đạo HT	1321
Bàn Trang (xã) 盤莊社: tg.Lạc Giao,h.Quảng Uyên,p.Trùng Khánh,t.CB	674
Bàng (thôn) 滂村: x.Động Bàng,tg.Đông Lý,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH	1110
Bàng Ba (xã) 旁波社: tg.Đổng Thủy,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN	45
Bàng Động (xã) 旁洞社: tg.Nãi Sơn,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD	140
Bàng Tuấn (xã) 傍俊社: tg.Quang Phong,h.Thúy Vân,p.Quỳ Châu,t.NA	1276
Bành Trạch (xã) 彭澤社: tg.Thượng Giáo,ch.Bạch Thông, p.Thống Hóa,t.TN	819
Bành Xá (xã) 彭舍社: tg.Từ Minh,h.Cẩm Giang,p.Bình Giang,t.HD	98
Bản (thôn) 板村: tg.Hoàng Nhụệ,h.Bất Bạt,p.Quảng Oai,t.ST	916
Bản Định (thôn) 本定村: x.Dương Sơn,tg.Dương Sơn,h.Mỹ Hóa, p.Hà Trung,t.TH	1093
Bản Động (tổng) 版洞總: h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN	537
Bản Hậu (xã) 本厚社: tg.Từ Du,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST	932
Bản Lập (xã) 本立社: tg.Từ Du,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST	932
Bản Lộc (trại) 板祿寨: tg.Vân Mộng,ch.Lộc Bình,p.Tràng Khánh,t.LS	621
Bản Ngoại (xã) 版外社: tg.Phú Minh Thương,h.Đại Từ,p.Tông Hóa,t.TN	811
Bản Thủy (xã) 本始社: tg.Biên Thượng,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH	1131
Bản Thượng (động) 本上峒: tg.Trình Cốt,h.Trình Cốt,t.TH	1152
Bảng Sơn (phường) 榜山坊: tg.Mai Lộc,h.Thành Hoá,đạo QT	1393
Bảng Trình (xã) 榜程社: tg.Thượng Côi,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD	162
Bán (bản) 半本: tg.Trình Cốt,h.Trình Cốt,t.TH	1152
Bản Động (xã) 版洞社: tg.Bản Động,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN	537
Bán Lũng (xã) 半隴社: tg.Mai Pha,ch.Ồn,p.Tràng Khánh,t.LS	616
Bạn (giáp) 伴甲: x.Vân Trai,tg.Vân Trai,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH	1116
Bạn Lữ (xã) 伴侶社: tg.Vân Bán,h.Yên Lập,p.Quỳ Hóa,t.HH	729
Bạng (giáp) 蚌甲: x.Vân Trai,tg.Vân Trai,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH	1116
Bao Hàm (xã) 包含社: tg.Hồ Đới,h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ	343
Bao Hậu (xã) 苞厚社: tg.Thanh Viên,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA	1252
Bao La (xã) 包羅社: tg.Thanh Cẩn,h.Quảng Điện,p.TT	1427
Bao La (xã) 包羅社: tg.Thanh Mai,ch.Mai,p.Gia Hưng,t.HH	718
Bao Lạc (thôn) 包落村: tg.Quảng Thi,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH	1102
Bao Mỹ (xã) 褒美社: tg.Phú Xuân,h.Hương Trà,p.TT	1418
Bao Trung (tổng) 褒中總: h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD	130
Bao Trung (xã) 褒中社: tg.Bao Trung,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD	130
Bao Vang Hạ (thôn) 褒榮下村: tg.An Nông,h.Phú Lộc,p.TT	1423
Bao Vinh (xã) 褒榮社: tg.Vĩnh Trị,h.Hương Trà,p.TT	1419
Bào (thôn) 袍村: x.An Đông,tg.Thủ Hộ,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH	1120
Bào (thôn) 泡村: x.Giang Biếu,tg.Bình Bút,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH	1131
Bào Am (xã) 袍庵社: tg.Ngãi Am,h.Vinh Báo,p.Ninh Giang,t.HD	127
Bào Cầu (xã) 袍裘所: tg.Phù Đạm,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN	38
Bào Khê (xã) 泡溪社: tg.Lăng Yên,h.Thượng Lang,p.Trùng Khánh,t.CB	672
Bảo Ái (xã) 保愛社: tg.Cẩm Ân,ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ	863
Bảo An (phường) 保安坊: tg.An Cư,h.Đặng Xương,đạo QT	1384
Bảo An (xã) 保安社: tg.La Phù,h.Bất Bạt,p.Quảng Oai,t.ST	915
Bảo Biên (xã) 保邊社: tg.Định Biên Thượng,ch.Định,p.Tông Hóa,t.TN	806
Bảo Châu (thôn) 寶珠村: x.Liên Châu,tg.Bái Trạch,h.Hoàng Hóa, p.Hà Trung,t.TH	1090
Bảo Châu (xã) 保洲社: tg.Vũ Điện,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN	45
Bảo Châu (xã) 保洲社: tg.Phương Trà,h.Tiên Lữ,p.Tiên Hưng,t.HY	272
Bảo Chúc (xã) 寶燭社: tg.Bình Hòa,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST	932
Bảo Đà (thôn) 保佗村: x.Hương Cái,tg.Hải Đông,h.Hung Nguyên, p.Anh Sơn,t.NA	1243
Bảo Đà (xã) 保陀社: tg.Thượng Cốc,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH	1145
Bảo Đà (tổng) 保陀總: h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN	28

Bảo Đà (xã) 保陀社: tg.Bảo Đà,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN	28
Bảo Đà (xã) 保陀社: tg.Đổng Thủy,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN	45
Bảo Đà (tràng) 保陀庄: tg.Đổng Thủy,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN	45
Bảo Đà (trại) 保陀寨: tg.Đổng Thủy,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN	45
Bảo Đài (thôn) 保臺村: x.Phan Xá,tg.Yên Trường,h.Chân Lộc, p.Anh Sơn,t.NA	1246
Bảo Điển (thôn) 寶田村: x.Ích Hậu,tg.Phù Lưu,h.Can Lộc, p.Đức Thọ,t.NA	1269
Bảo Đồn (xã) 寶屯社: tg.Hư Tả,h.Thượng Nguyên,p.Xuân Trường,t.NĐ	309
Bảo Đới (tràng) 保帶庄: tg.Thượng Bần,h.Tổng Sơn,p.Hà Trung,t.TH	1082
Bảo Đức (thôn) 保德村: x.Hưng Thịnh,tg.Phù Chấn,h.Thụy Nguyên, p.Thiệu Hóa,t.TH	1101
Bảo Hiến (thôn) 保賢村: x.Cổ Hiến,tg.Cổ Hiến,h.Thượng Phúc, p.Thường Tín,t.HN	16
Bảo Hựu (xã) 保佑社: tg.Trâm Nhĩ,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST	957
Bảo Khâm (xã) 寶龕社: tg.Tam Á,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN	506
Bảo Khê (xã) 保溪社: tg.Tiên Cầu,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY	259
Bảo Lâm (thôn) 寶林村: tg.Xuân Viên,h.Nghi Xuân,p.Đức Thọ,t.NA	1264
Bảo Lâm (xã) 保林社: tg.Ưuên Lê,ch.Văn Uyên,p.Tràng Định,t.LS	610
Bảo Lân (thôn) 保鄰村: x.Đông Hải,tg.Đặng Xá,h.Chân Lộc, p.Anh Sơn,t.TH	1246
Bảo Linh (thôn) 寶靈村: tg.Phúc Lâm,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN	12
Bảo Long (thôn) 保龍村: x.Hữu Vĩnh,tg.Bái Trạch,h.Hoàng Hóa, p.Hà Trung,t.TH	1090
Bảo Lộc (huyện) 保祿縣: p.Lạng Giang,t.BN	530
Bảo Lộc (xã) 保祿社: tg.Tam Di,h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN	531
Bảo Lộc (thôn) 保祿村: x.Đông Hải,tg.Đặng Xá,h.Chân Lộc, p.Anh Sơn,t.TH	1246
Bảo Lộc (phường) 保祿坊: tg.Xuân Hoà,h.Minh Linh,đạo QT	1390
Bảo Lộc (xã) 保鹿社: tg.Võng Xuyên,h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST	913
Bảo Lộc (thôn) 寶祿村: x.Hòa Quán,tg.Đam Thượng,h.Hạ Hòa, p.Lâm Thao,t.ST	950
Bảo Lộc (xã) 保祿社: tg.Hữu Bị,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ	307
Bảo Lộc Sơn (tổng) 保祿山總: h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN	540
Bảo Lộc Sơn (xã) 保祿山社: tg.Bảo Lộc Sơn,h.Yên Thế, pp.Lạng Giang,t.BN	540
Bảo Lợi (xã) 寶利社: tg.Động Lâm,h.Hạ Hòa,p.Lâm Thao,t.ST	950
Bảo Luận (xã) 保論社: tg.Mục Sơn,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH	1146
Bảo Nang (tổng) 寶囊總: h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN	795
Bảo Nang (xã) 寶囊社: tg.Bảo Nang,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN	795
Bảo Ngũ (tổng) 保伍總: h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ	320
Bảo Ngũ (xã) 保伍社: tg.Bảo Ngũ,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ	320
Bảo Quang (trại) 葆光寨: tg.Hương Đạo,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB	1033
Bảo Quế (xã) 保桂社: tg.Lâu Thượng,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST	957
Bảo Quý (thôn) 保貴村: x.Mộc Hộc,tg.Tam Lộng,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH	1145
Bảo Sơn (thôn) 保山村: tg.Hoàng Mai,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA	1253
Bảo Sơn (xã) 寶山社: tg.Quyet Trung,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST	934
Bảo Sơn (thôn) 寶山村: x.Quang Khái,tg.Thiên Kế,h.Bình Xuyên, p.Phú Bình,t.TN	801
Bảo Tàng (thôn) 寶藏村: tg.Thổ Hoàng,h.Ấn Thi,p.Khoái Châu,t.HY	256
Bảo Tháp (xã) 保塔社: tg.Yên Thế,h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN	540
Bảo Thắng (vạn) 保勝灣: tg.Ngọc Uyển,ch.Thủy Vi,p.Quỳ Hóa,t.HH	732
Bảo Thắng (phố) 保勝庸: tg.Ngọc Uyển,ch.Thủy Vi,p.Quỳ Hóa,t.HH	732
Bảo Thế (phường) 保世坊: tg.Thượng Lưu,h.Minh Hoá, p.Quảng Trạch,t.QB	1359

Bảo Thị (*thôn*) 保市村: x.Vĩnh Trung,tg.Cổ Điển,h.Thanh Trì,
p.Thường Tín,t.HN 19

Bảo Thiện (*thôn*) 寶善村: tg.Thuân Trung,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1234

Bảo Thịnh (*thôn*) 保盛村: tg.Đỗ Xá,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259

Bảo Triện (*xã*) 寶篆社: tg.Đại Lai,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509

Bảo Trung (*xã*) 保忠社: tg.Phù Nội,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95

Bảo Trung (*xã*) 保徵社: tg.Kiên Cường,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930

Bảo Từ (*thôn*) 保慈村: x.Diên Ứng,tg.Lương Xá,h.Chương Đức,
p.Ứng Hòa,t.HN 31

Bảo Tượng (*xã*) 寶象社: tg.Mao Điển,h.Cẩm Giang,p.Bình Giang,t.HD .. 97

Bảo Vệ (*xã*) 保衛社: tg.Phù Long,h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST 913

Bảo Vực (*xã*) 保域社: tg.Xuân Cầu,h.Văn Giang,pp.Thuận Thành,t.BN 518

Bảo Xuyên (*châu*) 寶川洲: tg.Minh Tảo,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8

Bảo Yên (*thôn*) 保安村: tg.Hoàng Mai,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA 1253

Bảo Yên (*tổng*) 保安總: h.Hội Nguyên,p.Tương Dương,t.NA 1273

Bảo Yên (*xã*) 保安社: tg.Bảo An,h.Hội Nguyên,p.Tương Dương,t.NA .. 1273

Bảo Đức (*thôn*) 抱德村: x.Thái Nhã,tg.Vũ Liệt,h.Thanh Chương,
p.Anh Sơn,t.NA 1239

Bảo Lộc (*xã*) 抱祿社: tg.Chân Lại,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134

Báo Biến (*thôn*) 豹變村: x.Sơn Đầu,tg.Thạch Giản,h.Nga Sơn,
p.Hà Trung,t.TH 1086

Báo Đáp (*xã*) 報答社: tg.Ngọc Lâm,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134

Báo Đáp (*xã*) 報答社: tg.Đồng Quang,h.Trần Yên,p.Quy Hóa,t.HH 727

Báo Đáp (*xã*) 報答社: tg.Hư Tả,h.Thượng Nguyên,p.Xuân Trường,t.NĐ 309

Báo Khánh (*thôn*) 報慶村: tg.Thuận Mỹ,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN .. 11

Báo Thiên (*phường*) 報天坊: tg.Thuận Mỹ,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 11

Báo Thiện (*xã*) 報善社: tg.An Hùng,ch.Văn Uyên,p.Tràng Định,t.LS 611

Bát Trang (*tổng*) 八庄總: ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 430

Bát Tràng (*xã*) 鉢場社: tg.Đồng Dư,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN ... 515

Bát Vân (*xã*) 撥雲社: tg.Như Lăng,ch.Thường Xuân,p.Thọ Xuân,t.TH . 1147

Bạt Trạc (*xã*) 拔擢社: tg.Nga Khê,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269

Bạt Trung (*xã*) 拔忠社: tg.Nam Đường,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 331

Bắc (*giáp*) 北甲: tg.Thủy Liên,h.Lệ Thủy,p.Quảng Ninh,t.QB 1349

Bắc (*thôn*) 北村: tg.Thạch Xá,h.Lệ Thủy,p.Quảng Ninh,t.QB 1349

Bắc (*thôn*) 北村: x.Lý Nhân,tg.Hà Bạc,h.Bố Trạch,p.Quảng Trạch,t.QB . 1358

Bắc (*giáp*) 北甲: x.Thạch Khê,tg.Thạch Khê,h.Đông Sơn,
p.Thịệu Hóa,t.TH 1105

Bắc (*thôn*) 北村: x.Văn Trính,tg.Văn Trính,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH .. 1114

Bắc Bình (*xã*) 北平社: tg.Khánh Nham,h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS ... 602

Bắc Cầu (*xã*) 北溝社: tg.Kiên Lao,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304

Bắc Cốt (*thôn*) 北顧村: tg.Lữ Lương,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 935

Bắc Dã (*xã*) 北野社: tg.Phù Lỗ,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525

Bắc Hà (*thôn*) 北河村: tg.Thuận Hoà,h.Bình Chính,p.Quảng Trạch,t.QB 1353

Bắc Hạ (*thôn*) 北下村: tg.Vĩnh Xương,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12

Bắc Hòa (*phố*) 北和庸: tg.Yên Tảo,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 259

Bắc Hoàng (*tổng*) 北黃總: h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959

Bắc Hoàng (*xã*) 北黃社: tg.Bắc Hoàng,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959

Bắc Kố (*xã*) 北薊社: tg.Thiên Kế,h.Bình Xuyên,p.Phú Bình,t.TN 801

Bắc Lý (*xã*) 北里社: tg.Ngo Xá,h.Việt Yên,p.Lạng Giang,t.BN 534

Bắc Lũng (*tổng*) 北隴總: h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537

Bắc Lũng (*xã*) 北隴社: tg.Bắc Lũng,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537

Bắc Lương (*xã*) 北梁社: tg.Phương Xá,h.Cẩm Khê,p.Lâm Thao,t.ST ... 946

Bắc Nga (*trang*) 北峨庄: tg.Hoài Viễn,ch.Lộc Bình,p.Tràng Khánh,t.LS . 621

Bắc Nham (*xã*) 北岩社: tg.Bát Trang,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 430

Bắc Ninh (*tỉnh*) 北寧省: 483

Bắc Tạ (*tổng*) 北謝總: h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126

Bắc Tạ (*xã*) 北謝社: tg.Bắc Tạ,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126

Bắc Thượng (*thôn*) 北上村: tg.Vĩnh Xương,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12

Bằng (*thôn*) 憑村: x.Bằng Tác,tg.Tam Lộng,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1145

Bằng An (*phường*) 憑安坊: tg.An Lạc,h.Thành Hoá,đạo QT 1393

Bằng Bộ (*xã*) 憑步社: tg.Phí Xá,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95

Bằng Bộ (*xã*) 憑步社: tg.Hà Trường,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD 157

Bằng Cách (*xã*) 憑格社: tg.Minh Loan,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD ... 93

Bằng Cầu (*xã*) 憑棧社: tg.La Đình,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN 794

Bằng Châu (*xã*) 憑洲社: tg.Quảng Khê,ch.Bạch Thông,
p.Thông Hóa,t.TN 819

Bằng Chỉ (*xã*) 憑紙社: tg.Hoàng Chỉ,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST . 935

Bằng Cục (*xã*) 憑局社: tg.Ngọc Cục,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 533

Bằng Dã (*xã*) 憑野社: tg.Văn Lang,h.Hà Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950

Bằng Dã (*tổng*) 憑野總: h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 93

Bằng Dã (*xã*) 憑野社: tg.Bằng Dã,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 93

Bằng Dục (*xã*) 憑翼社: tg.Phù Lương,h.Võ Giàng,p.Từ Sơn,t.BN 501

Bằng Đề (*xã*) 憑堤社: tg.Minh Loan,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 93

Bằng Đức (*xã*) 憑德社: tg.Thượng Quan,h.Nguyên Bình,p.Hòa An,t.CB 667

Bằng Đường (*xã*) 憑塘社: tg.Tượng Yên,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 663

Bằng Giản (*xã*) 憑澗社: tg.Ngọc Pha,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 664

Bằng Hà (*xã*) 憑河社: tg.Yên Lưu,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD 157

Bằng Hoàng (*tổng*) 憑衡總: h.Vị Xuyên,p.Tương An,t.TQ 874

Bằng Hoàng (*xã*) 憑衡社: tg.Bằng Hoàng,h.Vị Xuyên,p.Tương An,t.TQ 874

Bằng Hưng (*xã*) 憑興社: tg.Diên Hưng,h.Nam Chân,
p.Xuân Trường,t.NĐ 310

Bằng Hựu (*xã*) 憑佑社: tg.Bằng Mạc,ch.Ôn,p.Tràng Khánh,t.LS 616

Bằng Khánh (*trang*) 憑慶庄: tg.Hoài Viễn,ch.Lộc Bình,
p.Tràng Khánh,t.LS 621

Bằng Khê (*xã*) 憑溪社: tg.Mễ Trường,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40

Bằng Lai (*xã*) 憑來社: tg.Phù Tài,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 147

Bằng Lăng (*xã*) 憑朗社: tg.Đồng Viên,ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN 819

Bằng Lăng (*xã*) 憑浪社: tg.Cư Chánh,h.Hương Thủy,p.TT 1422

Bằng Lâm (*xã*) 憑林社: tg.Quế Tân,h.Võ Giàng,p.Từ Sơn,t.BN 501

Bằng Lâu (*phố*) 憑樓庸: tg.Phục Hòa,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 663

Bằng Liệt (*xã*) 憑烈社: tg.Thanh Liệt,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 19

Bằng Lộ (*xã*) 憑路社: tg.Dã Cát,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926

Bằng Lộng (*xã*) 憑弄社: tg.Cẩm Đới,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST ... 911

Bằng Lục (*xã*) 憑陸社: tg.Phong Xá,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497

Bằng Lũng (*xã*) 憑隴社: tg.Tây Đằng,h.Tiên Phong,p.Quảng Oai,t.ST . 908

Bằng Lũng (*xã*) 憑隴社: tg.Ngọc Pha,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 664

Bằng Lương (*xã*) 憑涼社: tg.Bích Du,h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343

Bằng Lương (*xã*) 憑良社: tg.Cổ Dũng,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN . 534

Bằng Mạc (*tổng*) 憑屢總: ch.Ôn,p.Tràng Khánh,t.LS 616

Bằng Mạc (*xã*) 憑屢社: tg.Bằng Mạc,ch.Ôn,p.Tràng Khánh,t.LS 616

Bằng Man (*xã*) 憑蠻社: tg.Hữu Vu,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959

Bằng Mãn (*xã*) 憑滿社: tg.Mỹ Nương,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN ... 536

Bằng Ngang (*tổng*) 憑昂總: h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 259

Bằng Ngang (*xã*) 憑昂社: tg.Bằng Ngang,h.Kim Động,
p.Khoái Châu,t.HY 259

Bằng Nha (*xã*) 憑衙社: tg.Mễ Sở,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 252

Bằng Niêm (*xã*) 憑粘社: tg.Cẩm Đới,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST ... 911

Bằng Phú (*xã*) 憑富社: tg.Án Đổ,h.Quảng Tế,p.Quảng Hóa,t.TH 1133

Bằng Phúc (*xã*) 憑福社: tg.Dã Nham,ch.Văn Uyên,p.Tràng Định,t.LS .. 610

Bằng Quân (*tổng*) 憑均總: h.Cẩm Giang,p.Bình Giang,t.HD 97

Bằng Quân (*xã*) 憑均社: tg.Bằng Quân,h.Cẩm Giang,p.Bình Giang,t.HD 97

Bằng Quân (*tổng*) 憑均總: h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS 602

Bằng Quân (*xã*) 憑均社: tg.Bằng Quân,h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS .. 602

Bằng Sóc (*xã*) 憑朔社: tg.Ngọc Chúc,h.Hùng Quan,p.Đoan Hùng,t.ST . 955

Bằng Sở (xã) 憑所社: tg.Ninh Xá,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 20	Bích Chàng (xã) 壁幢社: tg.Văn Nhuệ,h.Ân Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256
Bằng Sơn (xã) 憑山社: tg.Vĩnh Đại,h.Đông Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165	Bích Du (tổng) 碧油總: h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343
Bằng Tác (xã) 憑作社: tg.Tam Lộng,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1145	Bích Du (xã) 碧油社: tg.Bích Du,h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343
Bằng Thành (xã) 憑城社: tg.Hạ Hiệu,ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN 819	Bích Đại (xã) 碧岱社: tg.Đổng Vệ,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930
Bằng Trạch (xã) 憑澤社: tg.Lạc Đạo,h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ 329	Bích Đào (xã) 碧桃社: tg.Yên Đăng,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB .. 1020
Bằng Trại (thôn) 憑齋村: tg.Thị Tranh,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 92	Bích Động (xã) 碧洞社: tg.Dinh Sơn,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN ... 533
Bằng Trình (xã) 鵬程社: tg.Phùng Thịnh,h.Thuy Nguyễn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1102	Bích Động (xã) 碧洞社: tg.Bái Châu,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1110
Bằng Viên (xã) 憑垣社: tg.Cẩm Khê,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 116	Bích Giang (xã) 碧江社: tg.Cam Đường,h.Thành Hoá,đạo QT 1393
Bằng Viễn (xã) 憑遠社: tg.Đông Viên,ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN 819	Bích Khê (xã) 碧雞社: tg.Thụy Lũng,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 331
Bằng Xá (xã) 憑舍社: tg.Xuân Hử,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124	Bích Khê (xã) 碧溪社: tg.Bích La,h.Đăng Xương,đạo QT 1383
Bằng Xá (tổng) 憑舍總: h.Y Yên,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 323	Bích Khê (xã) 碧溪社: tg.Lương Xá,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN ... 511
Bằng Xá (xã) 憑舍社: tg.Bằng Xá,h.Y Yên,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 323	Bích Khê (xã) 碧溪社: tg.Lại Thượng,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD .. 110
Bàn (thôn) 彬村: x.Nam Thạch,tg.Đan Nê,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109	Bích La (tổng) 碧羅總: h.Đăng Xương,đạo QT 1383
Bàn Xá (xã) 彬舍社: tg.Minh Lương,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269	Bích La (xã) 碧羅社: tg.Bích La,h.Đăng Xương,đạo QT 1383
Bát Bạt (huyện) 不拔縣: p.Quảng Oai,t.ST 915	Bích Lưu (thôn) 碧溜村: tg.Vĩnh Xương,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN ... 12
Bát Bế (tổng) 不閉總: h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 123	Bích Nam (xã) 碧巖社: tg.Vĩnh Đại,h.Đông Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165
Bát Bế (xã) 不閉社: tg.Bát Bế,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 123	Bích Noa (xã) 碧梭社: tg.Hạ Chiếu,h.Đông Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165
Bát Căng (xã) 不矜社: tg.Đô Xá,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124	Bích Phương (thôn) 碧芳村: x.Ích Lộc,tg.Kiên Thạch,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1144
Bát Căng (xã) 不矜社: tg.Đặc Kiệt,ch.Quan Hóa,p.Quảng Hóa,t.TH ... 1137	Bích Sơn (xã) 碧山社: tg.Uy Viễn,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029
Bát Căng (xã) 不矜社: tg.Nam Cai,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1145	Bích Thị (thôn) 碧市村: x.Bích Trường,tg.Bích Triều,h.Thanh Chương, p.Anh Sơn,t.NA 1238
Bát Di (xã) 不移社: tg.Bảo Ngũ,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 320	Bích Thủy (xã) 碧水社: tg.Đặng Xá,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95
Bát Đoạt (xã) 不奪社: tg.Lý Đổ,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 93	Bích Trì (xã) 碧池社: tg.Mễ Trường,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40
Bát Lạm (tổng) 不濫總: h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 920	Bích Triều (tổng) 碧潮總: h.Thanh Chương,p.Anh Sơn,t.NA 1238
Bát Lạm (phường) 不濫坊: tg.Bát Lạm,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 920	Bích Triều (thôn) 碧潮村: x.Bích Trường,tg.Bích Triều,h.Thanh Chương, p.Anh Sơn,t.NA 1238
Bát Mê (xã) 不迷社: tg.Bình Bút,h.Thạch Thành,p.Quảng Hóa,t.TH 1136	Bích Trường (xã) 碧場社: tg.Bích Triều,h.Thanh Chương, p.Anh Sơn,t.NA 1238
Bát Một (tổng) 不沒總: h.Yên Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1042	Biển Hàn (xã) 弁翰社: tg.Lễ Thần,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 341
Bát Một (xã) 不沒社: tg.Bát Một,h.Yên Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1042	Biển Sơn (thôn) 扁山村: tg.Trung Bạ,h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH ... 1083
Bát Một (xã) 不沒社: tg.Nam Cai,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1131	Biện Dương (thôn) 卞陽村: tg.Lâu Thượng,h.Phù Ninh, p.Đoan Hùng,t.ST 957
Bát Một (xã) 不沒社: tg.Mông Sơn,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1139	Biện Dương (xã) 汭陽社: tg.Mỹ Trọng,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ ... 307
Bát Một (xã) 不沒社: tg.Nhân Sơn,ch.Lương Chánh,p.Thọ Xuân,t.TH . 1150	Biện Hạ (xã) 汭下社: tg.Biện Thượng,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH ... 1131
Bát Náo (tổng) 不撓總: h.Phụ Dực,pp.Thái Bình,t.NĐ 346	Biện Hiến (thôn) 汭賢村: x.Biện Trạch,tg.Nam Cai,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1145
Bát Náo (xã) 不撓社: tg.Bát Náo,h.Phụ Dực,pp.Thái Bình,t.NĐ 346	Biện Sơn (phường) 汭山坊: tg.Tuần La,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH ... 1116
Bát Náo (tổng) 不撓總: h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1145	Biện Tân (xã) 汭津社: tg.Võng Phan,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY 256
Bát Náo (xã) 不撓: tg.Bát Náo,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1145	Biện Thủy (tổng) 汭水總: h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 22
Bát Náo (xã) 不撓社: tg.Lương Xá,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 22	Biện Thủy (xã) 汭水社: tg.Biện Thủy,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN ... 22
Bát Náo (xã) 不撓社: tg.Phù Nội,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95	Biện Thượng (tổng) 汭下社: tg.Biện Thượng,h.Vĩnh Lộc, p.Quảng Hóa,t.TH 1131
Bát Náo (tổng) 不撓總: h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 147	Biện Thượng (xã) 汭下社: tg.Biện Thượng,h.Vĩnh Lộc, p.Quảng Hóa,t.TH 1131
Bát Náo (xã) 不撓社: tg.Bát Náo,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 147	Biện Thượng (xã) 汭上社: tg.Vân Trại,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1139
Bát Nộ (thôn) 不怒村: x.Quỳnh Côi,tg.Văn Trường,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1117	Biện Trạch (xã) 汭澤: tg.Nam Cai,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1144
Bát Phạt (xã) 不伐社: tg.Đặc Kiệt,ch.Quan Hóa,p.Quảng Hóa,t.TH 1137	Biểu Đa (tổng) 袞多總: h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144
Bát Phí (tổng) 不費總: h.Vô Giàng,p.Từ Sơn,t.BN 501	Biểu Đa (xã) 袞多社: tg.Biểu Đa,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144
Bát Phí (xã) 不費社: tg.Bát Phí,h.Vô Giàng,p.Từ Sơn,t.BN 501	Biểu Duệ (thôn) 表裔村: h.Ky Anh,đạo HT 1327
Bát Quần (xã) 不群: tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1121	Biểu Hiệu (xã) 表校社: tg.Ngọ Xá,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1130
Bát Xỉ (xã) 不侈社: tg.Đê Cốc,h.Yên Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1042	Biểu Lễ (xã) 表禮社: tg.Thuận Thị,h.Minh Chính,p.Quảng Trạch,t.QB . 1355
Bến (thôn) 變村: x.Đổng Quan,tg.Hà Trường,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD 157	Bình (thôn) 平村: tg.Trung Quán,h.Phong Lộc,p.Quảng Ninh,t.QB 1345
Bến Cả (thôn) 變奇村: tg.Đổng Vệ,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930	Bình A (xã) 平阿社: tg.Thượng Kỳ,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316
Bi Châu (thôn) 邳洲村: tg.Hạ Bi,h.Bát Bạt,p.Quảng Oai,t.ST 915	Bình An (xã) 平安社: tg.Kê Kiều,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333
Bi Đổ (xã) 邳堵社: tg.Lôi Khê,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 93	Bình An (xã) 平安社: tg.Phúc Tăng,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 534
Bi Động (xã) 邳洞社: tg.Đông Động,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 340	Bình An (xã) 平安社: tg.Định Biên Hạ,ch.Định,p.Tống Hóa,t.TN 807
Bi Hạ (tổng) 邳下總: ch.Lục Yên,p.An Bình,t.TQ 867	
Bi Hạ (xã) 邳下社: tg.Bi Hạ,ch.Lục Yên,p.An Bình,t.TQ 867	
Bỉ Ngũ (thôn) 彼伍村: tg.Quảng Thi,h.Thuy Nguyễn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1102	
Bí Giang (tổng) 秘江總: h.Đông Triều,p.Kinh Môn,t.HD 166	
Bí Giang (xã) 秘江社: tg.Bí Giang,h.Đông Triều,p.Kinh Môn,t.HD 166	
Bị Lễ (xã) 備禮社: tg.Vân Nham,h.Hùng Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 955	

Bình An (*thôn*) 平安村: x.Nhân Vồng,tg.Văn Xá,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1124

Bình An (*ấp*) 平安邑: tg.Cư Chánh,h.Hương Thủy,p.TT 1422

Bình An (*ấp*) 平安邑: tg.An Cư,h.Phú Lộc,p.TT 1424

Bình Ba (*thôn*) 平波村: x.An Khoái,tg.Mậu Lâm,h.Nga Sơn,
p.Hà Trung,t.TH 1086

Bình Bộ (*xã*) 平步社: tg.Từ Đà,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957

Bình Ca (*tổng*) 平歌總: h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 860

Bình Ca (*xã*) 平歌社: tg.Bình Ca,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 860

Bình Cách (*tổng*) 平格總: h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 339

Bình Cách (*xã*) 平格社: tg.Bình Cách,h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.NĐ .. 339

Bình Cách (*xã*) 平格社: tg.Hà Lộ,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134

Bình Cách (*xã*) 平格社: tg.Bình Lương,h.Y Yên,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 323

Bình Càng (*xã*) 平港社: tg.Lạc Thành,h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1039

Bình Cầu (*thôn*) 平棣村: x.Đại Mão,tg.Thượng Mão,h.Siêu Loại,
p.Thuận Thành,t.BN 506

Bình Cầu (*xã*) 平棣社: tg.Lưu Xá,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 253

Bình Chính (*huyện*) 平政縣: p.Quảng Trạch,t.QB 1353

Bình Chính (*xã*) 平正社: tg.Kim Bảng,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38

Bình Chuẩn (*tổng*) 平準總: h.Hội Nguyên,p.Tương Dương,t.NA 1273

Bình Chuẩn (*xã*) 平準社: tg.Bình Chuẩn,h.Hội Nguyên,
p.Tương Dương,t.NA 1273

Bình Cốc (*xã*) 平穀社: tg.Nhân Mục,h.Vị Xuyên,p.Tương An,t.TQ 874

Bình Cư (*xã*) 平居社: tg.Đồng Phái,h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS 602

Bình Dân (*tổng*) 平民總: h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 253

Bình Dân (*xã*) 平民社: tg.Bình Dân,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 253

Bình Di (*xã*) 平夷社: tg.Phương Độ,h.Vĩnh Tuy,p.An Bình,t.TQ 865

Bình Diễn (*thôn*) 平允村: x.Đội Trường,tg.Cổ Định,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1123

Bình Đà (*xã*) 平陀社: tg.Thanh Xuyên,h.Quế Phong,p.Quỳ Châu,t.NA 1276

Bình Đàm (*xã*) 平淡: tg.Chi Nê,h.Hậu Lộc,p.Hà Trung,t.TH 1096

Bình Đãng (*xã*) 平蕩社: tg.Quang Bí,ch.Văn Uyên,p.Tràng Định,t.LS ... 611

Bình Đán (*phường*) 平坦坊: tg.Thạch Khê,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1105

Bình Đẳng (*thôn*) 平塋村: tg.Đồng Phú,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930

Bình Điện (*xã*) 平奠社: tg.Gia Dụ,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1140

Bình Đồi (*xã*) 平堆社: tg.Ấn Thi,h.Ấn Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256

Bình Đôn (*xã*) 平敦社: tg.Tiên Phong,ch.Ninh Biên,p.Điện Biên,t.HH ... 738

Bình Đông (*xã*) 平東社: tg.Cẩm Khê,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 116

Bình Gia (*tổng*) 平嘉總: h.Văn Quan,p.Tràng Định,t.LS 605

Bình Gia (*xã*) 平嘉社: tg.Bình Gia,h.Văn Quan,p.Tràng Định,t.LS 605

Bình Giang (*phủ*) 平江府: t.HD 89

Bình Hải (*xã*) 平海社: tg.Thổ Mật,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025

Bình Hanh (*xã*) 平亨社: tg.Cẩm Nhân,ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ 862

Bình Hàn (*xã*) 平韓社: tg.An Đường,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134

Bình Hào (*xã*) 平毫社: tg.Bạch Liên,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025

Bình Hiểm (*xã*) 平險社: tg.Lạc Đạo,h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1040

Bình Hòa (*thôn*) 平和村: tg.An Ấp,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259

Bình Hòa (*tổng*) 平和總: h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 932

Bình Hòa (*xã*) 平和社: tg.Bình Hòa,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 932

Bình Hòa (*xã*) 平和: tg.Nam Bạt,h.Tổng Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1083

Bình Hồ (*xã*) 平湖社: tg.Lưu Xá,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 253

Bình Kỳ (*xã*) 平岐社: tg.Thượng Dã,h.Đa Phúc,p.Đa Phúc,t.BN 521

Bình Kiện (*xã*) 平健社: tg.Động Lâm,h.Hà Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950

Bình Kiều (*xã*) 平橋社: tg.Yên Cảnh,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY ... 253

Bình Kiều (*xã*) 平橋社: tg.Bàng Quan,h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS 602

Bình Lăng (*xã*) 平浪社: tg.Vạn Xuân,h.Thuy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343

Bình Lăng (*xã*) 平浪社: tg.Minh Lương,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269

Bình Lăng (*trang*) 平朗庄: tg.Thượng Quan,h.Nguyên Bình,
p.Hòa An,t.CB 667

Bình Lăng (*xã*) 平朗社: tg.Gia Bàng,h.Nguyên Bình,p.Hòa An,t.CB 668

Bình Lăng (*xã*) 平浪社: tg.Ngọc Trục,h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD ... 97

Bình Lăng (*xã*) 平朗社: tg.Phan Xá,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134

Bình Lao (*xã*) 平牢社: tg.Hàn Giang,h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 98

Bình Lăng (*xã*) 平陵社: tg.Vũ Lăng,h.Quảng Uyên,p.Trùng Khánh,t.CB 674

Bình Lăng (*tổng*) 平陵總: h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN 17

Bình Lăng (*xã*) 平陵社: tg.Bình Lăng,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN 17

Bình Lăng (*xã*) 平陵社: tg.Văn Nuệ,h.Ấn Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256

Bình Lâm (*xã*) 平臨社: tg.Đường Xá,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 940

Bình Lâm (*xã*) 平林社: tg.Phi Lai,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086

Bình Lâm (*xã*) 平林社: tg.Đồng Phái,h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS 602

Bình Lâu (*xã*) 平樓社: tg.Hàn Giang,h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 98

Bình Liêu (*xã*) 平遼社: tg.Bác Lăng,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 440

Bình Long (*xã*) 平隆社: tg.Thổ Bình,ch.Chiêm Hoá,p.Tương An,t.TQ ... 877

Bình Lỗ (*xã*) 平魯社: tg.Hưng Lục,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 940

Bình Lỗ (*xã*) 平魯社: tg.Tứ Mỹ,h.Tam Nông,p.Gia Hưng,t.HH 709

Bình Lục (*xã*) 平陸社: tg.Văn Chiêu,h.Hà Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950

Bình Lục (*xã*) 平陸社: tg.Đường Anh,h.Phú Vang,p.TT 1420

Bình Lục (*huyện*) 平陸縣: p.Lý Nhân,t.HN 42

Bình Lục (*xã*) 平陸社: tg.Vĩnh Đại,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165

Bình Lư (*xã*) 平廬社: tg.Phong Thu,ch.Chiêu Tấn,p.Yên Tây,t.HH 734

Bình Lương (*xã*) 平涼社: tg.Vô Hốt,h.Yên Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1042

Bình Lương (*tổng*) 平良總: h.Y Yên,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 323

Bình Lương (*xã*) 平良社: tg.Bình Lương,h.Y Yên,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ . 323

Bình Mục (*xã*) 平穆社: tg.Ngọc Chấn,ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ 862

Bình Nậu (*xã*) 平耨社: tg.Ngọc Đới,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1115

Bình Ngô (*thôn*) 平吳村: x.Chấn Xuyên,tg.Phù Chấn,h.Thụy Nguyên,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1101

Bình Ngô (*tổng*) 平吳總: h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509

Bình Ngô (*xã*) 平吳社: tg.Bình Ngô,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509

Bình Nguyên (*thôn*) 平原村: x.Canh Hoạch,tg.Canh Hoạch,h.Can Lộc,
p.Đức Thọ,t.NA 1270

Bình Phú (*xã*) 平富社: tg.Phú Khê,h.Cẩm Khê,p.Lâm Thao,t.ST 946

Bình Phú (*xã*) 平富社: tg.Khoá Nhu,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 253

Bình Phúc (*phường*) 平福坊: tg.Long Đại,h.Phong Lộc,
p.Quảng Ninh,t.QB 1345

Bình Quân (*xã*) 平均社: tg.Yên Lãn,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 945

Bình Quĩ (*xã*) 平揆社: tg.Bình Dân,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 253

Bình Sa (*trại*) 平沙寨: tg.Thần Phù,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025

Bình Sa (*xã*) 平沙社: tg.Phù Loan,h.Vị Xuyên,p.Tương An,t.TQ 874

Bình Sa (*thôn*) 平沙村: tg.Lãng Yên,h.Thượng Lang,p.Trùng Khánh,t.CB 672

Bình Sơn (*thôn*) 平山村: x.Đái Khê,tg.Lạn Khê,h.Yên Mô,
p.Yên Khánh,t.NB 1025

Bình Sơn (*xã*) 屏山社: tg.Đạo Kỳ,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 933

Bình Tân (*thôn*) 平津村: x.Lộc Hải,tg.Cung Thượng,h.Quảng Xương,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1120

Bình Tây (*trang*) 平西庄: tg.Cao Lâu,ch.Lộc Bình,p.Tràng Khánh,t.LS .. 621

Bình Thản (*xã*) 平坦社: tg.Giới Phiên,h.Trấn Yên,p.Quỳ Hóa,t.HH 727

Bình Thản (*xã*) 平坦社: tg.Phong Thanh,ch.Ninh Biên,p.Điện Biên,t.HH 738

Bình Thản (*xã*) 平坦社: tg.Giới Phiên,h.Trấn Yên,p.Quỳ Hóa,t.HH 738

Bình Trạch (*xã*) 平擇社: tg.Sơn Đò,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 860

Bình Trật (*xã*) 平秩社: tg.Hội Khê,h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ 329

Bình Trì (*thôn*) 平池村: tg.Thổ Hoàng,h.Ấn Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256

Bình Trị (*xã*) 平治: tg.Tam Lộng,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1146

Bình Trù (*xã*) 平疇社: tg.Thường Tú,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 859

Bình Trù (xã) 平疇社: tg. Dương Quang, h. Siêu Loại, p. Thuận Thành, t. BN 506	Bộ Đầu Ngoại (thôn) 步頭外村: x. An Hòa, tg. Tuấn La, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1116
Bình Vọng (thôn) 平望村: tg. Hà Hồi, h. Thượng Phúc, p. Thường Tín, t. HN 17	Bộ La (xã) 步羅社: tg. Đội Trạch, h. Vũ Tiên, p. Kiến Xương, t. ND 329
Bình Xuyên (huyện) 平川縣: p. Phú Bình, t. TN 800	Bốc Thượng (xã) 卜上社: tg. Cẩm Lý, h. Nguyễn Bình, p. Hòa An, t. CB 667
Bình Yên (thôn) 平安村: x. Đông Lý, tg. Đông Lý, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1110	Bốc Bó (xã) 瀑布社: tg. Thượng Giáo, ch. Bạch Thông, p. Thông Hóa, t. TN 819
Bính Bút (tổng) 秉筆總: h. Vĩnh Lộc, p. Quảng Hóa, t. TH 1131	Bốc Hà (xã) 僕河社: tg. Miêu Duệ, h. Tam Dương, p. Vĩnh Tường, t. ST 935
Bính Bút (xã) 秉筆社: tg. Bình Bút, h. Vĩnh Lộc, p. Quảng Hóa, t. TH 1131	Bốc Nguyên (thôn) 瀑源村: h. Cẩm Xuyên, đạo HT 1324
Bính Bút (tổng) 秉筆總: h. Thạch Thành, p. Quảng Hóa, t. TH 1136	Bốc Nhiều (xã) 僕饒社: tg. Định Biên Hạ, ch. Định, p. Tống Hóa, t. TN 807
Bính Bút (xã) 秉筆社: tg. Bình Bút, h. Thạch Thành, p. Quảng Hóa, t. TH 1136	Bối (thôn) 盃村: x. Gia Cấp, tg. Cổ Quán, h. Thần Khê, p. Tiên Hưng, t. HY 264
Bính Chân (xã) 秉貞社: tg. Lạc Thành, h. Lạc Yên, p. Nho Quan, t. NB 1039	Bối (thôn) 培村: x. Lộc Bối, tg. Đan Nê, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1109
Bính Di (xã) 秉彝社: tg. Hoàng Chi, h. Tam Dương, p. Vĩnh Tường, t. ST 935	Bối (thôn) 培村: x. Đông Bàng, tg. Đông Lý, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1110
Bính Di (xã) 秉彝社: tg. Mỹ Xá, h. Tứ Kỳ, p. Ninh Giang, t. HD 134	Bối Dương (thôn) 陪陽村: tg. Trung Bạ, h. Tống Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1083
Bính Di (ấp) 秉彝邑: tg. Hoàng Thu, h. Giao Thủy, p. Xuân Trường, t. ND 304	Bối Nhân (vạn) 培仁萬: tg. Cự Lâm, h. Nghĩa Đường, p. Quỳnh Châu, t. NA 1275
Bính Trung (thôn) 秉忠村: tg. Đô Lương, h. Lương Sơn, p. Anh Sơn, t. NA 1235	Bối Thành (ấp) 培成邑: tg. Phú Xuân, h. Hương Trà, p. TT 1418
Bính Trung (xã) 秉忠社: tg. Ngọc Lũ, h. Mỹ Lộc, p. Xuân Trường, t. ND 307	Bối Giang (xã) 貝江社: tg. Đông Cao, h. Vĩnh Lại, p. Ninh Giang, t. HD 123
Bính Đề (xã) 丙堤社: tg. Trương Xá, h. Cẩm Khê, p. Lâm Thao, t. ST 947	Bối Kênh (xã) 貝涇社: tg. Mai Động, h. Bình Lục, p. Lý Nhân, t. HN 43
Bính Động (xã) 丙洞社: tg. Lâm Động, h. Thủy Đường, p. Kinh Môn, t. HD 162	Bối Khê (xã) 貝溪社: tg. Thịnh Đức, h. Phú Xuyên, p. Thường Tín, t. HN 22
Bính Hạ (xã) 丙下社: tg. Phù Lưu, h. Đông Ngạn, p. Từ Sơn, t. BN 491	Bối Khê (tổng) 貝溪總: h. Thanh Oai, p. Ứng Hòa, t. HN 29
Bính Xá (xã) 丙舍社: tg. Hậu Cự, ch. Vạn Ninh, p. Hải Ninh, t. QY 440	Bối Khê (xã) 貝溪社: tg. Bối Khê, h. Thanh Oai, p. Ứng Hòa, t. HN 29
Bổ Bản (xã) 蒲阪社: tg. An Cự, h. Đãng Xương, đạo QT 1384	Bối Khê (xã) 貝溪社: tg. Đông Kết, h. Đông Yên, p. Khoái Châu, t. HY 252
Bổ Bản (xã) 蒲坂社: tg. Cổ Biện, h. Giáp Sơn, p. Kinh Môn, t. HD 157	Bối La (xã) 貝羅社: tg. Bảo Ngũ, h. Vụ Bản, p. Nghĩa Hưng, t. ND 320
Bổ Dương (tổng) 蒲陽總: h. Vĩnh Lại, p. Ninh Giang, t. HD 124	Bối Sơn (phường) 貝山坊: tg. Thạch Xá, h. Lê Thủy, p. Quảng Ninh, t. QB 1349
Bổ Dương (xã) 蒲陽社: tg. Bồ Dương, h. Vĩnh Lại, p. Ninh Giang, t. HD 124	Bối Sơn (tổng) 貝山總: h. Tùng Thiện, p. Quảng Oai, t. ST 911
Bổ Diễn (xã) 蒲田社: tg. Thượng Trung, h. Bạch Hạc, p. Vĩnh Tường, t. ST 930	Bối Sơn (xã) 貝山社: tg. Bối Sơn, h. Tùng Thiện, p. Quảng Oai, t. ST 911
Bổ Diễn (xã) 蒲田社: tg. Phù Ninh, h. Phong Điền, p. TT 1428	Bối Thị (xã) 貝市社: tg. Đông Cao, h. Vĩnh Lại, p. Ninh Giang, t. HD 123
Bổ Đình (xã) 蒲亭社: tg. Liên Đãng, h. Gia Viễn, p. Yên Khánh, t. NB 1029	Bối Thủy (xã) 貝水社: tg. Mai Động, h. Bình Lục, p. Lý Nhân, t. HN 43
Bổ Hà (xã) 蒲河社: tg. Đồ Xá, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1124	Bối Xuyên (xã) 貝川社: tg. Đông Đội, h. Vụ Bản, p. Nghĩa Hưng, t. ND 319
Bổ Khê (xã) 蒲溪社: tg. Cao Lao, h. Bồ Trạch, p. Quảng Trạch, t. QB 1357	Bội Độc (thôn) 佩犢村: x. Đại Lý, tg. Đại Lý, h. Mỹ Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1094
Bổ Lý (xã) 蒲里社: tg. Lữ Lương, h. Tam Dương, p. Vĩnh Tường, t. ST 935	Bồn Phố (xã) 湓浦社: tg. Long Hồ, h. Hương Trà, p. TT 1418
Bổ Lư (thôn) 蒲蘆村: tg. Cát Ngạn, h. Thanh Chương, p. Anh Sơn, t. NA 1239	Bồn Trì (xã) 湓池社: tg. Long Hồ, h. Hương Trà, p. TT 1418
Bổ Quỳ (xã) 蒲葵社: tg. Mục Sơn, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1146	Bống (thôn) 蓬村: x. Bồng Lậu, tg. Yên Thái, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1116
Bổ Sảo (xã) 蒲稍社: tg. Mộ Chu, h. Bạch Hạc, p. Vĩnh Tường, t. ST 930	Bống Am (xã) 蓬庵社: tg. Tứ Trang, h. Đông Triều, p. Kinh Môn, t. HD 166
Bổ Sơn (xã) 蒲山社: tg. Khắc Niệm, h. Tiên Du, p. Từ Sơn, t. BN 494	Bống Châu (xã) 蓬洲社: tg. Đức Triêm, h. Kim Động, p. Khoái Châu, t. HY 259
Bổ Tĩnh (xã) 蒲井社: tg. Từ Du, h. Lập Thạch, p. Vĩnh Tường, t. ST 932	Bống Hải (tổng) 蓬海總: h. Yên Khánh, p. Yên Khánh, t. NB 1021
Bổ Trang (xã) 蒲莊社: tg. Quỳnh Ngọc, h. Quỳnh Côi, pp. Thái Bình, t. ND 348	Bống Lai (phường) 蓬萊坊: tg. Cao Lao, h. Bồ Trạch, p. Quảng Trạch, t. QB 1357
Bổ Vi (xã) 蒲葦社: tg. Yên Liêu, h. Yên Khánh, p. Yên Khánh, t. NB 1021	Bống Lai (tổng) 蓬萊總: h. Quế Dương, p. Từ Sơn, t. BN 500
Bổ Xá (tổng) 蒲舍總: h. Bình Lục, p. Lý Nhân, t. HN 43	Bống Lai (xã) 蓬萊社: tg. Bống Lai, h. Quế Dương, p. Từ Sơn, t. BN 500
Bổ Xá (xã) 蒲舍社: tg. Bồ Xá, h. Bình Lục, p. Lý Nhân, t. HN 43	Bống Lai (xã) 蓬萊社: tg. Thượng Trì, h. Từ Liêm, p. Hoài Đức, t. HN 9
Bổ Xuyên (xã) 蒲川社: tg. Bạch Liên, h. Yên Mô, p. Yên Khánh, t. NB 1025	Bống Lai (xã) 蓬萊社: tg. Lại Thượng, h. Thanh Lâm, p. Nam Sách, t. HD 110
Bổ Xuyên (xã) 蒲川社: tg. Lạc Đạo, h. Vũ Tiên, p. Kiến Xương, t. ND 329	Bống Lai (xã) 蓬萊社: tg. Xuyên Hử, h. Vĩnh Lại, p. Ninh Giang, t. HD 124
Bổ Hồ (xã) 捕虎社: tg. Cam Đường, h. Kim Thành, p. Kiến Thụy, t. HD 147	Bống Lai (xã) 蓬萊社: tg. Hộ Xá, h. Giao Thủy, p. Xuân Trường, t. ND 304
Bổ Ân (thôn) 布恩村: tg. Xuân Liễu, h. Nam Đường, p. Anh Sơn, t. NA 1236	Bống Lai (trại) 蓬萊寨: tg. Hộ Xá, h. Giao Thủy, p. Xuân Trường, t. ND 304
Bổ Bạch (xã) 布帛社: tg. Thượng Pha, h. Thạch An, p. Hòa An, t. CB 664	Bống Lăng (xã) 蓬瀾社: tg. Do Nghĩa, h. Sơn Vi, p. Lâm Thao, t. ST 944
Bổ Đức (thôn) 布德村: tg. Xuân Liễu, h. Nam Đường, p. Anh Sơn, t. NA 1236	Bống Lăng (xã) 蓬瀾社: tg. Mai Cầu, h. Thanh Liêm, p. Lý Nhân, t. HN 40
Bổ Đức (tổng) 布德總: h. Đông Sơn, p. Thiệu Hóa, t. TH 1104	Bống Lậu (xã) 蓬牖: tg. Yên Thái, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1116
Bổ Hạ (xã) 布下社: tg. Hương Vi, h. Hữu Lũng, pp. Lạng Giang, t. BN 541	Bống Mạc (xã) 蓬幕社: tg. Xa Mạc, h. Yên Lạc, pp. Vĩnh Tường, t. ST 941
Bổ Liêu (xã) 布寮社: tg. Bích La, h. Đãng Xương, đạo QT 1384	Bống Nguyên (xã) 蓬原社: tg. Sơn Minh, h. Sơn Vi, p. Lâm Thao, t. ST 944
Bổ Nha (xã) 布衙社: tg. Lại Xá, h. Thanh Hà, p. Nam Sách, t. HD 113	Bống Sơn Ngoại (xã) 蓬山外社: tg. Nga Ổ, h. Thượng Lang, p. Trùng Khánh, t. CB 672
Bổ Sơn (trại) 布山寨: tg. Hương Vi, h. Hữu Lũng, pp. Lạng Giang, t. BN 541	Bống Sơn Nội (xã) 蓬山内社: tg. Nga Ổ, h. Thượng Lang, p. Trùng Khánh, t. CB 672
Bổ Sơn (xã) 布山社: tg. Sơn Trang, ch. Ôn, p. Tráng Khánh, t. LS 616	Bống Tiên (xã) 蓬僊社: tg. Hộ Xá, h. Giao Thủy, p. Xuân Trường, t. ND 304
Bổ Trạch (huyện) 布澤縣: p. Quảng Trạch, t. QB 1357	Bống Trì (xã) 蓬池社: tg. Đại Lai, h. Gia Bình, p. Thuận Thành, t. BN 509
Bổ Vệ (xã) 布衛: tg. Bồ Đức, h. Đông Sơn, p. Thiệu Hóa, t. TH 1104	Bống Xuyên (tổng) 蓬川總: h. Phong Doanh, pp. Nghĩa Hưng, t. ND 326
Bộ Đầu (thôn) 步頭村: tg. Dương Vũ, h. Yên Khánh, p. Yên Khánh, t. NB 1021	Bống Xuyên (xã) 蓬川社: tg. Bống Xuyên, h. Phong Doanh, pp. Nghĩa Hưng, t. ND 326
Bộ Đầu (xã) 步頭社: tg. Hạ Mạo, h. Sơn Vi, p. Lâm Thao, t. ST 945	Bống (thôn) 俸村: x. Đô Mỹ, tg. Y Đốn, h. Thần Khê, p. Tiên Hưng, t. HY 265
Bộ Đầu (thôn) 步頭村: x. Hà Thượng, tg. Du Trường, h. Hậu Lộc, p. Hà Trung, t. TH 1096	
Bộ Đầu (xã) 步頭社: tg. Chương Dương, h. Thượng Phúc, p. Thường Tín, t. HN 17	

Bổng Châu (xã) 俸洲社: tg. Hoàng Cương, h. Thanh Ba, p. Lâm Thao, t. ST 948

Bổng Cương (xã) 俸崗社: tg. Hoàng Cương, h. Thanh Ba, p. Lâm Thao, t. ST 948

Bổng Điền (tổng) 俸田總: h. Thư Trì, p. Kiến Xương, t. ND 333

Bổng Điền (xã) 俸田社: tg. Bổng Điền, h. Thư Trì, p. Kiến Xương, t. ND 333

Bổng Thượng (xã) 俸上社: tg. Hoàng Cương, h. Thanh Ba, p. Lâm Thao, t. ST 948

Bột Đà (thôn) 勃陀村: tg. Thuận Trung, h. Lương Sơn, p. Anh Sơn, t. NA 1234

Bột Hưng (xã) 勃興社: tg. Hàng Vi, h. Hoàng Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1089

Bột Xuyên (tổng) 渤川總: h. Chương Đức, p. Ứng Hòa, t. HN 31

Bột Xuyên (xã) 渤川社: tg. Bột Xuyên, h. Chương Đức, p. Ứng Hòa, t. HN 31

Bùi (thôn) 裴村: x. Bùi Khổng, tg. Hải Đô, h. Hưng Nguyên, p. Anh Sơn, t. NA 1243

Bùi (thôn) 裴村: x. Tất Tác, tg. Đại Lý, h. Mỹ Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1094

Bùi (thôn) 裴村: x. Bình Đạm, tg. Chi Nê, h. Hậu Lộc, p. Hà Trung, t. TH 1096

Bùi (thôn) 裴村: x. Lương Xá, tg. Thủ Hộ, h. Quảng Xương, p. Tĩnh Gia, t. TH 1120

Bùi (thôn) 裴村: x. Ngô Xá, tg. Ngô Xá, h. Vĩnh Lộc, p. Quảng Hóa, t. TH 1130

Bùi (thôn) 裴村: x. Thám Thanh, tg. Hiến Khánh, h. Vụ Bản, p. Nghĩa Hưng, t. ND 320

Bùi Châu (thôn) 裴洲村: x. Bùi Ngõa, tg. Hải Đô, h. Hưng Nguyên, p. Anh Sơn, t. NA 1243

Bùi Châu (xã) 裴洲社: tg. Thủy Nhai, h. Giao Thủy, p. Xuân Trường, t. ND 304

Bùi Hạ (thôn) 裴賀村: x. Khoái Lạc, tg. Khoái Lạc, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1110

Bùi Khê (xã) 裴溪社: tg. Lôi Khê, h. Đường An, p. Bình Giang, t. HD 93

Bùi Khổng (xã) 裴孔社: tg. Hải Đô, h. Hưng Nguyên, p. Anh Sơn, t. NA 1243

Bùi Ngõa (xã) 裴垞社: tg. Hải Đô, h. Hưng Nguyên, p. Anh Sơn, t. NA 1243

Bùi Thượng (thôn) 裴上村: x. Khoái Lạc, tg. Khoái Lạc, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1110

Bùi Xá (xã) 裴舍社: tg. Ninh Cù, h. Thủy Anh, p. Thái Bình, t. ND 343

Bùi Xá (xã) 裴舍社: tg. Yên Hồ, h. La Sơn, p. Đức Thọ, t. NA 1255

Bùi Xá (thôn) 裴舍村: x. Đệ Liêu, tg. Đệ Liêu, h. Can Lộc, p. Đức Thọ, t. NA 1269

Bùi Xá (xã) 裴舍社: tg. Hà Bắc, h. Yên Hưng, p. Sơn Định, t. QY 410

Bùi Xá (xã) 裴舍: tg. Trung Bạ, h. Tống Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1083

Bùi Xá (xã) 裴舍社: tg. Nghĩa Xá, h. Siêu Loại, p. Thuận Thành, t. BN 506

Bùi Xá (xã) 裴舍社: tg. Minh Loan, h. Đường An, p. Bình Giang, t. HD 93

Bùi Xá (xã) 裴舍社: tg. Từ Ô, h. Thanh Miện, p. Bình Giang, t. HD 95

Bùi Xá (xã) 裴舍社: tg. Lạc Thị, h. Gia Lộc, p. Ninh Giang, t. HD 130

Bùi Xá (xã) 裴舍社: tg. Đại Quan, h. Đông Yên, p. Khoái Châu, t. HY 252

Bùi Xá (thôn) 裴舍村: x. Thọ Diên, tg. Diên Hà, h. Diên Hà, p. Tiên Hưng, t. HY 267

Bùi Xá (xã) 裴舍社: tg. Thanh Triều, h. Hưng Nhân, p. Tiên Hưng, t. HY 268

Bút Điền (xã) 筆田社: tg. Thái Xá, h. Đông Thành, p. Diễn Châu, t. NA 1249

Bút Liễn (thôn) 筆輦村: tg. Thanh Viên, h. Quỳnh Lưu, p. Diễn Châu, t. NA 1252

Bút Phong (xã) 筆峰社: tg. Phục Hòa, h. Thạch An, p. Hòa An, t. CB 663

Bút Sơn (tổng) 筆山總: h. Hoàng Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1090

Bút Sơn (xã) 筆山: tg. Bút Sơn, h. Hoàng Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1090

Bút Sơn (xã) 筆山社: tg. Quỳnh Sơn, h. Kim Bảng, p. Lý Nhân, t. HN 38

Bút Sơn (trại) 筆山寨: tg. Quỳnh Sơn, h. Kim Bảng, p. Lý Nhân, t. HN 38

Bút Tháp (xã) 筆塔社: tg. Đình Tổ, h. Siêu Loại, p. Thuận Thành, t. BN 506

Ca Vịnh (xã) 歌詠社: tg. Giới Phiên, h. Trấn Yên, p. Quy Hóa, t. HH 727

Ca Xuyên (xã) 奇川社: tg. Trà Lĩnh, h. Thạch Lâm, p. Hòa An, t. CB 659

Cá La (thôn) 個羅村: x. Nhuyễn Sơn, tg. Văn Trường, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1117

Cá Lập (thôn) 個立村: x. Lương Niệm, tg. Cung Thượng, h. Quảng Xương, p. Tĩnh Gia, t. TH 1120

Cá Lược (thôn) 個略村: x. Lôi Dương, tg. Lôi Dương, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1144

Các (thôn) 閣村: x. Yên Thái, tg. Yên Thái, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1115

Các Sa (châu) 閣沙洲: tg. Lưỡng Quán, h. Yên Lạc, pp. Vĩnh Tường, t. ST 941

Cách (thôn) 格村: x. Ngọc Đình, tg. Bút Sơn, h. Hoàng Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1090

Cách (thôn) 格村: x. Mật Vật, tg. Mật Vật, h. Thủy Nguyên, p. Thiệu Hóa, t. TH 1101

Cách Bi (xã) 隔陂社: tg. Bổng Lai, h. Quế Dương, p. Từ Sơn, t. BN 500

Cách Linh (tổng) 格靈總: h. Quảng Uyên, p. Trùng Khánh, t. CB 675

Cách Linh (xã) 格靈社: tg. Cách Linh, h. Quảng Uyên, p. Trùng Khánh, t. CB 675

Cách Linh (phố) 格靈庸: tg. Cách Linh, h. Quảng Uyên, p. Trùng Khánh, t. CB 675

Cách Tâm (trại) 格心寨: tg. Chất Thành, h. Kim Sơn, p. Yên Khánh, t. NB 1032

Cải Đan (xã) 改丹社: tg. Y Na, h. Phú Lương, p. Tông Hóa, t. TN 812

Cái Xá (xã) 蓋舍社: tg. Xuân Lai, h. Phong Đăng, p. Quảng Ninh, t. QB 1347

Cam Biếu (xã) 甘瓢: tg. Thủ Hộ, h. Quảng Xương, p. Tĩnh Gia, t. TH 1120

Cam Cao (xã) 甘高社: tg. Cam Giá Thượng, h. Phúc Thọ, p. Quảng Oai, t. ST 913

Cam Chú (xã) 甘註社: tg. Phương Xá, h. Cẩm Khê, p. Lâm Thao, t. ST 946

Cam Đà (xã) 甘陀社: tg. Cam Giá Thượng, h. Phúc Thọ, p. Quảng Oai, t. ST 913

Cam Đường (xã) 甘棠社: tg. Hoàng Đường, h. Thủy Anh, p. Thái Bình, t. ND 343

Cam Đường (tổng) 甘棠總: h. Thành Hoá, đạo QT 1393

Cam Đường (xã) 甘棠社: tg. Cam Đường, h. Thành Hoá, đạo QT 1393

Cam Đường (tổng) 甘棠總: h. Kim Thành, p. Kiến Thụy, t. HD 147

Cam Đường (xã) 甘棠社: tg. Gia Phú, ch. Thủy Vĩ, p. Quy Hóa, t. HH 732

Cam Đường Đông (xã) 甘棠東社: tg. Cam Đường, h. Kim Thành, p. Kiến Thụy, t. HD 147

Cam Đường Thượng (xã) 甘棠上社: tg. Cam Đường, h. Kim Thành, p. Kiến Thụy, t. HD 147

Cam Giá (xã) 甘蔗社: tg. Đa Giá, h. Gia Viễn, p. Yên Khánh, t. NB 1028

Cam Giá (phường) 甘蔗坊: tg. La Mai, h. Gia Viễn, p. Yên Khánh, t. NB 1028

Cam Giá (xã) 甘蔗社: tg. Tang Thác, h. Tiên Phong, p. Quảng Oai, t. ST 909

Cam Giá (xã) 甘蔗社: tg. Đồng Bang, h. Động Hỷ, p. Phú Bình, t. TN 798

Cam Giá (trại) 甘蔗寨: tg. Nhượng Bạ, h. Thạch Lâm, p. Hòa An, t. CB 659

Cam Giá Thịnh (tổng) 甘蔗盛總: h. Phúc Thọ, p. Quảng Oai, t. ST 913

Cam Giá Thịnh (xã) 甘蔗盛社: tg. Cam Giá Thịnh, h. Phúc Thọ, p. Quảng Oai, t. ST 913

Cam Giá Thượng (tổng) 甘蔗上總: h. Phúc Thọ, p. Quảng Oai, t. ST 913

Cam Lai (ấp) 甘來邑: tg. Tân Phong, h. Tiến Hải, p. Kiến Xương, t. ND 335

Cam Lâm (trang) 甘霖庄: tg. Cổ Đạm, h. Nghi Xuân, p. Đức Thọ, t. NA 1265

Cam Lâm (xã) 甘霖社: tg. Lịch Cốc, h. Vĩnh Hòa, p. Tương Dương, t. NA 1272

Cam Lâm (xã) 甘霖社: tg. Cam Giá Thịnh, h. Phúc Thọ, p. Quảng Oai, t. ST 913

Cam Lâm (xã) 甘臨社: tg. Tam Lộng, h. Tam Dương, p. Vĩnh Tường, t. ST 935

Cam Lâm (xã) 霄霖社: tg. Diên Sơn, h. Hàm Yên, p. An Bình, t. TQ 859

Cam Lộ (xã) 甘露社: tg. Cam Đường, h. Thành Hoá, đạo QT 1393

Cam Lộ (phường) 甘露坊: tg. Mai Lộc, h. Thành Hoá, đạo QT 1393

Cam Lộ (xã) 甘露社: tg. Đồng Xá, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1124

Cam Lộ (xã) 甘露社: tg. Hoàng Xá, h. Thanh Hà, p. Nam Sách, t. HD 113

Cam Lộ (xã) 甘露社: tg. Quỳnh Hoàng, h. Giáp Sơn, p. Kinh Môn, t. HD 158

Cam Lộ (xã) 甘露社: tg. Thượng Côi, h. Thủy Đường, p. Kinh Môn, t. HD 162

Cam Mỹ (xã) 甘美社: tg. Tiên Bó, h. Quỳnh Côi, pp. Thái Bình, t. ND 348

C

Ca Đình (tổng) 歌亭總: h. Tây Quan, p. Đoàn Hùng, t. ST 954

Ca Đình (xã) 歌亭社: tg. Ca Đình, h. Tây Quan, p. Đoàn Hùng, t. ST 954

Ca Ngụ (ấp) 歌虞邑: tg. Viên Kiều, h. Thành Hoá, đạo QT 1394

Cam Mỹ (thôn) 甘美村: tg.Lân Sơn,h.Thạch An,p.Hóa An,t.CB 663

Cam Thủy (tổng) 甘水總: h.Văn Quan,p.Tràng Định,t.LS 605

Cam Thủy (xã) 甘水社: tg.Cam Thủy,h.Văn Quan,p.Tràng Định,t.LS 605

Cam Xá (xã) 甘舍社: tg.Lôi Khê,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 93

Cám (thôn) 敢村: tg.Mỹ Lương,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 925

Cám Ân (tổng) 感恩總: ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ 863

Cám Ân (xã) 感恩社: tg.Cám Ân,ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ 863

Cám Giang (thôn) 敢江村: x.Văn Trinh,tg.Văn Trinh,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1114

Cám Hảo (xã) 敢好社: tg.Ngưỡng Đồng,h.Quảng Uyên,
p.Trùng Khánh,t.CB 675

Cảm Hóa (huyện) 感化縣: p.Thông Hóa,t.TN 816

Cảm Hội (thôn) 感會村: tg.Thanh Nhân,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 13

Cảm Lâm (xã) 橄林社: tg.Hoàng Xá,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31

Cảm Mộ (xã) 感慕社: tg.Quì Chính,ch.Lương Chánh,p.Thọ Xuân,t.TH . 1150

Cảm Nhân (tổng) 感仁總: ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ 862

Cảm Nhân (xã) 感仁社: tg.Cảm Nhân,ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ 862

Can Bì (xã) 肝虂社: tg.Yên Lãng,h.Yên Lãng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938

Can Kham (trại) 圩堪寨: tg.Phục Hòa,h.Thạch An,p.Hóa An,t.CB 663

Can Lộc (huyện) 干祿縣: p.Đức Thọ,t.NA 1268

Can Lộc (xã) 干祿社: tg.Đôn Lương,h.Nghiêu Phong,p.Sơn Định,t.QY .. 417

Can Lộc (thôn) 干祿村: x.Ích Lộc,tg.Kiến Thạch,h.Lôi Dương,
p.Thọ Xuân,t.TH 1144

Can Trúc (xã) 竿竹社: tg.Ngọc Đới,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1115

Can Trúc (xã) 竿竹社: tg.Văn Trường,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1117

Can Vũ (xã) 干羽社: tg.Vũ Dương,h.Quế Dương,p.Từ Sơn,t.BN 500

Cang Sơn (tổng) 罌山總: h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 536

Cang Sơn (xã) 罌山社: tg.Cang Sơn,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 536

Canh Hoạch (tổng) 耕獲總: h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1270

Canh Hoạch (xã) 耕獲社: tg.Canh Hoạch,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA . 1270

Canh Hoạch (xã) 耕獲社: tg.Phú Hà,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1101

Canh Hoạch (xã) 耕獲社: tg.Thủy Cam,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 29

Canh Nậu (xã) 耕耨社: tg.Hữu Thượng,h.Hữu Lũng,pp.Lạng Giang,t.BN 541

Canh Nậu (xã) 耕耨社: tg.Hương Ngải,h.Thạch Thất,p.Quốc Oai,t.ST ... 924

Canh Nông (tổng) 耕農總: h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267

Canh Nông (xã) 耕農社: tg.Canh Nông,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267

Canh Phú (xã) 耕富社: tg.Khai Xuân,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 945

Canh Quan (xã) 羹關社: tg.Lương Sơn,ch.Lục Yên,p.An Bình,t.TQ 868

Canh Tác (xã) 耕作社: tg.Võng La,h.Yên Lãng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 939

Canh Vân (xã) 耕雲社: tg.Võng La,h.Yên Lãng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 939

Càn (thôn) 乾村: x.Yên Mô,tg.Yên Mô,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1024

Cảng Ngạch (xã) 港額社: tg.Lương Lỗ,h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948

Cảnh Biện (xã) 境辦社: tg.Trung An,h.Thạch Lâm,p.Hóa An,t.CB 659

Cảnh Dương (phường) 景陽坊: tg.Vũ Xá,h.Phong Lộc,
p.Quảng Ninh,t.QB 1345

Cảnh Dương (xã) 景陽社: tg.Thuận Bài,h.Bình Chính,
p.Quảng Trạch,t.QB 1353

Cảnh Dương (thôn) 境陽村: tg.An Cư,h.Phú Lộc,p.TT..... 1424

Cảnh Lâm (xã) 璟琳社: tg.Thượng Cổ,h.Ấn Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256

Cảnh Sơn (xã) 景山社: tg.Ỗ Cống,h.Thượng Lang,p.Trùng Khánh,t.CB . 672

Cảnh Thụy (xã) 境瑞社: tg.Từ Mai,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 533

Cán Khê (xã) 肝溪社: tg.Bình Gia,h.Văn Quan,p.Tràng Định,t.LS 605

Cán Khê (xã) 浣溪社: tg.Phù Lỗ,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525

Cánh Khê (xã) 更溪社: tg.Tạ Xá,h.Cẩm Khê,p.Lâm Thao,t.ST 946

Cao (thôn) 高村: x.An Khoái,tg.Lôi Dương,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1144

Cao Ban (xã) 高班社: tg.Hiến Lương,h.Phong Điền,p.TT 1428

Cao Bạt (xã) 高拔社: tg.Nam Đường,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ ... 332

Cao Bằng (tỉnh) 高平省: 651

Cao Bồ (xã) 高蒲社: tg.Thượng Đồng,h.Phong Doanh,
pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 325

Cao Bộ (tổng) 高部總: h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926

Cao Bộ (xã) 高部社: tg.Cao Bộ,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926

Cao Bộ (xã) 高步社: tg.Đồng Dương,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 28

Cao Bộ (xã) 高步社: tg.Cổ Trai,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 140

Cao Các (thôn) 高閣村: x.Đồng Đới,tg.Tuần La,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1116

Cao Cương (xã) 高崗社: tg.Ninh Cù,h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343

Cao Cương (xã) 高崗社: tg.Chu Chàng,h.Tiên Phong,
p.Quảng Oai,t.ST 909

Cao Du (xã) 膏油社: tg.Phú Thọ,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 945

Cao Duệ (xã) 高裔社: tg.Thị Đức,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 131

Cao Dương (tổng) 高陽總: h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343

Cao Dương (xã) 高陽社: tg.Cao Dương,h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ ... 343

Cao Dương (xã) 高陽社: tg.Hội Xuyên,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 130

Cao Đà (xã) 高陀社: tg.Nhân Mục,h.Vị Xuyên,p.Tương An,t.TQ 874

Cao Đà (xã) 高陀社: tg.Đồng Thủy,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45

Cao Đăng (xã) 高燈社: tg.Tuy Lai,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31

Cao Điền (xã) 高田社: tg.Cát Ngạn,h.Thanh Chương,p.Anh Sơn,t.NA .. 1239

Cao Đồi (sách) 高堆冊: tg.Lương Điền,h.Phú Lộc,p.TT..... 1424

Cao Đồi (ấp) 高堆邑: tg.Lương Điền,h.Phú Lộc,p.TT 1424

Cao Đồi (xã) 高堆社: tg.Lương Điền,h.Phú Lộc,p.TT 1424

Cao Đồi (tổng) 高堆總: h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106

Cao Đồi (xã) 高堆社: tg.Cao Đồi,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106

Cao Đường (xã) 高堂社: tg.Thụ Phúc,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494

Cao Đường (xã) 高堂社: tg.Bằng Hoành,h.Vị Xuyên,p.Tương An,t.TQ .. 874

Cao Đường (tổng) 高塘總: h.Tiên Lữ,p.Tiên Hưng,t.HY 271

Cao Đường (xã) 高塘社: tg.Cao Đường,h.Tiên Lữ,p.Tiên Hưng,t.HY 271

Cao Đường (tổng) 高堂總: h.Thượng Nguyên,p.Xuân Trường,t.NĐ 309

Cao Đường (xã) 高堂社: tg.Cao Đường,h.Thượng Nguyên,
p.Xuân Trường,t.NĐ 309

Cao Hải (xã) 高海社: tg.Đồng Tạ,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126

Cao Hậu (thôn) 高厚村: x.Cổ Đồi,tg.Văn Xá,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

Cao Hy (xã) 泉熙社: tg.An Cư,h.Đằng Xương,đạo QT 1384

Cao Hy (phường) 泉熙坊: tg.Cam Đường,h.Thành Hoá,đạo QT 1393

Cao Hương (thôn) 高香村: x.Đại An,tg.Nam Cai,h.Lôi Dương,
p.Thọ Xuân,t.TH 1144

Cao Hương (xã) 高香社: tg.Hào Kiệt,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319

Cao Kênh (xã) 高涇社: tg.Thái Lai,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162

Cao Khưu (xã) 高邱社: tg.Nông Hạ,ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN .. 819

Cao La (xã) 高羅社: tg.Ngọc Lâm,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134

Cao Lãm (xã) 高覽社: tg.Bạch Sam,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26

Cao Lao (phường) 高牢坊: tg.Thuận Thị,h.Minh Chính,
p.Quảng Trạch,t.QB 1355

Cao Lao (tổng) 高牢總: h.Bố Trạch,p.Quảng Trạch,t.QB 1357

Cao Lao (xã) 高牢社: tg.Cao Lao,h.Bố Trạch,p.Quảng Trạch,t.QB 1357

Cao Lâu (tg) 高樓總: ch.Lộc Bình,p.Tràng Khánh,t.LS 621

Cao Lâu (xã) 高樓社: tg.Cao Lâu,ch.Lộc Bình,p.Tràng Khánh,t.LS 621

Cao Lý (xã) 高里社: tg.Phú Mỹ,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95

Cao Lôi (xã) 高雷社: tg.Mật Ninh,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 533

Cao Lộng (xã) 高弄社: tg.Phú Hữu,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST 911

Cao Lộng (xã) 高弄社: tg.Đỗ Xá,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304

Cao Lục (xã) 高陸社: tg.Hà Vĩ,ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN 819

Cao Lũng (xã) 高隴社: tg.Phí Lai,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086

Cao Mai (phường) 高邁坊: tg.Thuận Lễ,h.Minh Chính,
p.Quảng Trạch,t.QB 1356

Cao Mai (xã) 高邁社: tg.Do Nghĩa,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944

Cao Mai (tổng) 高邁總: h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 331

Cao Mai (xã) 高邁社: tg.Cao Mai,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 331

Cao Mật (tổng) 高密總: h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1130

Cao Mật (xã) 高密社: tg.Cao Mật,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1130

Cao Mật (xã) 高密社: tg.Nga My,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 28

Cao Mật (xã) 高密社: tg.Hương Đàn,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38

Cao Mật (tổng) 高密總: h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144

Cao Mật (xã) 高密社: tg.Cao Mật,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144

Cao Mỗ (tổng) 高姥總: h.Thần Khê,p.Tiên Hưng,t.HY 265

Cao Mỗ (xã) 高姥社: tg.Cao Mỗ,h.Thần Khê,p.Tiên Hưng,t.HY 265

Cao Mộc (xã) 膏沐社: tg.Bát Náo,h.Phụ Dục,pp.Thái Bình,t.NĐ 346

Cao Môn (xã) 高門社: tg.Suất Tĩnh,h.Thạch An,p.Hóa An,t.CB 664

Cao Ngạn (xã) 高岸社: tg.Sơn Cẩm,h.Phú Lương,p.Tông Hóa,t.TN 812

Cao Phong (tổng) 高峰總: h.Bát Bạt,p.Quảng Oai,t.ST 916

Cao Phong (xã) 高峰社: tg.Cao Phong,h.Bát Bạt,p.Quảng Oai,t.ST 916

Cao Phú (thôn) 高富村: x.Cốc Xá,tg.Thử Cốc,h.Thuy Nguyên,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1101

Cao Quang (xã) 高栳社: tg.Hiến Lễ,h.Bình Xuyên,p.Phú Bình,t.TN 800

Cao Quán (xã) 高館社: tg.Yên Lạc,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 260

Cao Thọ (xã) 高壽社: tg.Vạn Tư,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509

Cao Thượng (xã) 高尚社: tg.Mục Sơn,h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN .. 540

Cao Thượng (xã) 高上社: tg.Hạ Hiệu,ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN 819

Cao Trạch (xã) 膏澤社: tg.Thượng Lưu,h.Minh Hoá,
p.Quảng Trạch,t.QB 1359

Cao Trại (xã) 高齋社: tg.Cao Dương,h.Thuy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343

Cao Trại (sách) 高齋冊: tg.Nghĩa Hưng,h.Nghĩa Đường,
p.Quỳ Châu,t.NA 1276

Cao Trại (thôn) 高齋村: tg.Phù Vệ,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100

Cao Trại (thôn) 高齋村: tg.Hà Cổ,h.Ân Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256

Cao Trĩ (xã) 高峙社: tg.Thượng Giáo,ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN 819

Cao Trĩ (xã) 高峙社: tg.Ngọc Lặc,h.Thuy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1102

Cao Trụ (xã) 高柱社: tg.Vạn Tư,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509

Cao Vịnh (tổng) 高詠總: h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1087

Cao Vịnh (xã) 高詠社: tg.Cao Vịnh,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1087

Cao Xá (xã) 高舍社: tg.Kim Nguyên,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246

Cao Xá (tổng) 高舍總: h.Đồng Thành,p.Diễn Châu,t.NA 1249

Cao Xá (xã) 高舍社: tg.Cao Xá,h.Đồng Thành,p.Diễn Châu,t.NA 1249

Cao Xá (xã) 高舍社: tg.Xuân Hoà,h.Minh Linh,đạo QT 1390

Cao Xá (xã) 高舍社: tg.Sơn Đồng,h.Đan Phượng,p.Quốc Oai,t.ST 922

Cao Xá (xã) 高舍社: tg.Đồng Phú,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930

Cao Xá (tổng) 高舍總: h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944

Cao Xá (xã) 高舍社: tg.Cao Xá,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944

Cao Xá (thôn) 高舍村: x.Uy Nỗ,tg.Ngọc Đới,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1115

Cao Xá (tổng) 高舍總: h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

Cao Xá (xã) 高舍社: tg.Cao Xá,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

Cao Xá (thôn) 高舍村: x.Lôi Dương,tg.Lôi Dương,h.Lôi Dương,
p.Thọ Xuân,t.TH 1144

Cao Xá (xã) 高舍社: tg.Đồng Cửu,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN 16

Cao Xá (xã) 高舍社: tg.Thủy Cam,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 29

Cao Xá (xã) 高舍社: tg.Tuyển Cử,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 92

Cao Xá (xã) 高舍社: tg.Lai Cách,h.Cẩm Giang,p.Bình Giang,t.HD 98

Cao Xá (xã) 高舍社: tg.Ba Đồng,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY 255

Cao Xá (xã) 高舍社: tg.Ân Thi,h.Ân Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256

Cao Xá (xã) 高舍社: tg.Yên Tảo,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 259

Cao Xá Hạ (xã) 高舍下社: tg.Thanh Cản,h.Quảng Điền,p.TT 1427

Cao Xá Thượng (thôn) 高舍上村: tg.Hiến Lương,h.Phong Điền,p.TT . 1428

Cao Xuân (xã) 高春社: tg.Hành Phố,h.Phong Đăng,p.Quảng Ninh,t.QB 1347

Cáo (thôn) 告村: x.Phúc Khê,tg.Tuân Hóa,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1105

Cáo Điền (xã) 郜田社: tg.An Khâu,h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948

Cáo Đình (xã) 郜鼎社: tg.Cổ Nhuế,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8

Cáp (thôn) 閤村: x.Nham Hạp,tg.Lạc Nghiệp,h.Thanh Lâm,
p.Nam Sách,t.HD 111

Cáp Điền (xã) 閤田社: tg.Hoàng Kênh,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD . 110

Cáp Hoàng (xã) 閤黃村: x.Thanh Bồ,tg.Phù Lưu Thượng,h.Hoài An,
p.Ứng Hòa,t.HN 34

Cáp Thủy (xã) 閤水社: tg.An Trú,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 110

Cát (thôn) 葛村: x.Cát Xuyên,tg.Dương Thủy,h.Mỹ Hóa,p.Hà Trung,t.TH . 1094

Cát (thôn) 葛村: x.Bái Châu,tg.Bái Châu,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH ... 1109

Cát (thôn) 吉村: x.Can Trúc,tg.Ngọc Đới,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1115

Cát Ba (xã) 葛波社: tg.Chương Dương,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN 17

Cát Bi (xã) 葛陂社: tg.Trực Cát,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151

Cát Chử (xã) 葛渚社: tg.Ngọc Giả,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ 312

Cát Dân (xã) 吉民社: tg.Như Lăng,ch.Thường Xuân,p.Thọ Xuân,t.TH . 1147

Cát Dương (tổng) 葛陽總: h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY 256

Cát Dương (xã) 葛陽社: tg.Cát Dương,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY 256

Cát Đằng (tổng) 葛藤總: h.Phong Doanh,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 326

Cát Đằng (xã) 葛藤社: tg.Cát Đằng,h.Phong Doanh,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 326

Cát Điền (tuần) 葛田巡: tg.Hải Lăng,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316

Cát Động (xã) 葛洞社: tg.Phương Trung,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 28

Cát Hào (thôn) 葛鵲村: x.Phượng Trĩ,tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1115

Cát Hộ (tổng) 葛戶總: h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 341

Cát Hộ (xã) 葛戶社: tg.Cát Hộ,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 341

Cát Khê (xã) 葛溪社: tg.La Đới,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 110

Cát Khê (xã) 葛溪社: tg.Đoàn Bái,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 131

Cát Khê (xã) 葛溪社: tg.Trực Cát,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151

Cát Lại (thôn) 吉賴村: x.Phúc Lộc,tg.Xuân Canh,h.Đồng Ngạn,
p.Từ Sơn,t.BN 492

Cát Lãn (xã) 吉懶社: tg.Ngô Khê,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45

Cát Lâm (xã) 葛林社: tg.Nghĩa Quân,h.Tây Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 954

Cát Lâm (thôn) 葛林: tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1121

Cát Lễ (thôn) 吉禮村: x.Thạch Nội,tg.Văn Trường,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1117

Cát Lô (xã) 葛蘆社: tg.Đại Từ,h.Văn Giang,pp.Thuận Thành,t.BN 517

Cát Mộng (sách) 吉夢冊: tg.Phác Lễ,h.Nghĩa Đường,p.Quỳ Châu,t.NA 1275

Cát Nê (xã) 葛泥社: tg.Thượng Kết,h.Phổ Yên,p.Phú Bình,t.TN 796

Cát Ngạn (tổng) 葛岸總: h.Thanh Chương,p.Anh Sơn,t.NA 1239

Cát Ngạn (thôn) 葛岸村: tg.Cát Ngạn,h.Thanh Chương,p.Anh Sơn,t.NA 1239

Cát Sơn (phường) 葛山坊: tg.Xuân Hoà,h.Minh Linh,đạo QT 1390

Cát Tiên (xã) 葛仙社: tg.Cầu Thượng,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 145

Cát Trì (xã) 葛池社: tg.Đồng Xá,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40

Cát Trù (xã) 葛稠社: tg.Điều Lương,h.Cẩm Khê,p.Lâm Thao,t.ST 946

Cát Xuyên (xã) 葛川社: tg.Lý Trại,h.Đồng Thành,p.Diễn Châu,t.NA 1249

Cát Xuyên (xã) 葛川社: tg.Dương Thủy,h.Mỹ Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1094

Cát Xuyên (tổng) 葛川總: h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304

Cát Xuyên (xã) 葛川社: tg.Cát Xuyên,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304

Cảng Hạ (thôn) 矜下村: x.Minh Linh,tg.Thử Cốc,h.Thuy Nguyên,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1101

Cảng Thượng (xã) 矜上社: tg.Đồng Lý,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH . 1110

Cầm Đàn (xã) 琴彈社: tg.Bản Động,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537

Cầm Hạ (xã) 槩下社: tg.Gia Dự,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1140

Cầm Thượng (xã) 槎上社: tg.Gia Dụ,h.Cầm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH . 1140

Cầm Trường (phường) 琴場坊: tg.Thanh Viên,h.Quỳnh Lưu,
p.Diễn Châu,t.NA 1252

Cầm Bào (xã) 錦袍社: tg.Đại Đồng,h.Thạch Thất,p.Quốc Oai,t.ST 924

Cầm Bào (xã) 錦袍社: tg.Cổ Biện,h.Quảng Tế,p.Quảng Hóa,t.TH 1133

Cầm Bào (tổng) 錦袍總: h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522

Cầm Bào (xã) 錦袍社: tg.Cầm Bào,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522

Cầm Bình (xã) 錦屏社: tg.Đạo Kỳ,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 933

Cầm Bối (tổng) 錦貝總: h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40

Cầm Bối (xã) 錦貝社: tg.Cầm Bối,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40

Cầm Cầu (xã) 錦球社: tg.Bao Trung,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 130

Cầm Chàng (xã) 錦幢社: tg.Bống Lai,h.Quế Dương,p.Từ Sơn,t.BN 500

Cầm Cơ (xã) 錦機社: tg.Xâm Thị,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 20

Cầm Du (xã) 錦榆社: tg.Cầm Bối,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40

Cầm Đình (xã) 錦亭社: tg.Cụu Đình,h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST 913

Cầm Đội (xã) 錦隊社: tg.Cao Xá,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944

Cầm Đới (tổng) 錦帶總: h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST 911

Cầm Đới (xã) 錦帶社: tg.Cầm Đới,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST 911

Cầm Đới (thôn) 錦帶村: tg.Trung Bàn,h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1083

Cầm Đới (xã) 錦帶社: tg.Bao Trung,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 130

Cầm Đường (xã) 錦堂社: tg.Lục Dã,h.Tương Dương,
p.Tương Dương,t.NA 1272

Cầm Đường (xã) 錦塘社: tg.Thạch Khê,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1105

Cầm Đường (xã) 錦塘社: tg.Hòa Đàm,h.Cầm Giàng,p.Bình Giang,t.HD .. 97

Cầm Đường (xã) 錦堂社: tg.Tam Sơn,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 492

Cầm Giang (trang) 錦江庄: tg.Phương Linh,h.Cầm Hóa,
p.Thông Hóa,t.TN 816

Cầm Giàng (huyện) 錦江縣: p.Bình Giang,t.HD 96

Cầm Hoàng (xã) 錦皇社: tg.Quan Hoàng,h.Cầm Thủy,
p.Quảng Hóa,t.TH 1139

Cầm Hoàng (xã) 錦鑽社: tg.Cầm Bào,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522

Cầm Hương (thôn) 錦香村: tg.Đại Đồng,h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA 1236

Cầm Khê (xã) 錦溪社: tg.Nhật Chiêu,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 931

Cầm Khê (huyện) 錦溪縣: p.Lâm Thao,t.ST 946

Cầm Khê (xã) 錦溪社: tg.Tứ Minh,h.Cầm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 98

Cầm Khê (tổng) 錦溪總: h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 116

Cầm Khê (xã) 錦溪社: tg.Cầm Khê,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 116

Cầm La (thôn) 錦羅村: tg.Trung Bàn,h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1083

Cầm La (xã) 錦羅社: tg.Lỗ Hương,h.Mỹ Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1093

Cầm La (xã) 錦羅社: tg.Kinh Khê,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 116

Cầm La (xã) 錦羅社: tg.Phí Gia,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 147

Cầm Lý (xã) 錦里社: tg.Cang Sơn,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 536

Cầm Lý (xã) 錦里社: tg.Lôi Dương,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1144

Cầm Lý (thôn) 錦里村: x.Cầm Lý,tg.Lôi Dương,h.Lôi Dương,
p.Thọ Xuân,t.TH 1144

Cầm Lý (tổng) 錦里總: h.Nguyên Bình,p.Hòa An,t.CB 667

Cầm Lý (xã) 錦里社: tg.Cầm Lý,h.Nguyên Bình,p.Hòa An,t.CB 667

Cầm Lũ (thôn) 錦縷村: x.Dương Sơn,tg.Dương Sơn,h.Mỹ Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1093

Cầm Nang (thôn) 錦囊村: x.Bích Trường,tg.Bích Triều,h.Thanh Chương,
p.Anh Sơn,t.NA 1238

Cầm Nang (động) 錦囊洞: tg.Trình Cốt,h.Trình Cốt,t.TH 1152

Cầm Ngọc (thôn) 錦玉村: tg.Đô Lương,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA .. 1235

Cầm Phá (xã) 錦普社: tg.Hà Thanh,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 436

Cầm Phố (xã) 錦浦社: tg.Xuân Hoà,h.Minh Linh,đạo QT 1390

Cầm Sơn (xã) 錦山社: tg.Hòa Đàm,h.Cầm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 97

Cầm Thạch (phường) 錦石坊: tg.An Lạc,h.Thành Hoá,đạo QT 1393

Cầm Thanh (xã) 錦青社: tg.Xuân Lũng,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944

Cầm Thủy (huyện) 錦水縣: p.Quảng Hóa,t.TH 1139

Cầm Trạch (xã) 錦澤社: tg.Nhật Chiêu,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST .. 930

Cầm Trạch (xã) 錦澤社: tg.Đạo Tú,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 934

Cầm Trang (thôn) 錦粧村: tg.Du Đồng,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA .. 1259

Cầm Triển (thôn) 錦纏村: tg.Đồng Vệ,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930

Cầm Trục (xã) 錦軸社: tg.Ngọc Trục,h.Cầm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 97

Cầm Trung (xã) 錦中社: tg.Bái Trạch,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH .. 1090

Cầm Trường (xã) 錦場社: tg.Kim Nguyên,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246

Cầm Trường (thôn) 錦帳村: x.Ngọc Trường,tg.Hải Quật,h.Yên Định,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1110

Cầm Tú (xã) 錦繡社: tg.Bái Trạch,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1090

Cầm Văn (xã) 錦文社: tg.Đầu Kiên,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 148

Cầm Vân (xã) 錦雲社: tg.Phù Chấn,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH . 1101

Cầm Viên (xã) 錦園社: tg.Nhật Chiêu,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930

Cầm Vực (xã) 錦域社: tg.Kiến Cường,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930

Cầm Xá (xã) 錦舍社: tg.Đô Xá,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124

Cầm Xá (xã) 錦舍社: tg.Đại Lai,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509

Cầm Xuyên (huyện) 錦川縣: đạo HT 1322

Cầm Xuyên (xã) 錦川社: tg.Cầm Bào,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522

Cầm Quan (xã) 禁關社: tg.Chân Lại,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134

Cầm Sơn (xã) 禁山社: tg.Kiên Lao,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537

Cầm Vông (xã) 禁妄社: tg.Lăng Diễn,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1235

Cần Doanh (tổng) 芹營總: h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN 531

Cần Doanh (xã) 芹營社: tg.Cần Doanh,h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN ... 531

Cần Kiệm (tổng) 勤儉總: h.Thạch Thất,p.Quốc Oai,t.ST 924

Cần Kiệm (xã) 勤儉社: tg.Cần Kiệm,h.Thạch Thất,p.Quốc Oai,t.ST 924

Cần Nông (xã) 勤農社: tg.Thông Nông,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 660

Cần Phán (xã) 芹泮社: tg.Đồng Chân,h.Quỳnh Côi,pp.Thái Bình,t.NĐ ... 348

Cần Phán (xã) 芹泮社: tg.Giang Ngõ,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 664

Cần Ước (xã) 勤約社: tg.Quí Chính,ch.Lương Chánh,p.Thọ Xuân,t.TH . 1150

Cần Độ (tổng) 謹度總: h.Tây Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 954

Cần Độ (xã) 謹度社: tg.Cần Độ,h.Tây Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 954

Cần Kỵ (xã) 謹忌社: tg.Việt Yên,h.La Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1255

Cần Xá (tổng) 艮舍總: h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 920

Cần Xá (xã) 艮舍社: tg.Cần Xá,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 920

Cần Xá Hạ (xã) 艮舍下社: tg.Cần Xá,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 920

Cận Duyệt (xã) 近悅社: tg.Lương Tài,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN . 511

Cấp Dẫn (xã) 汲引社: tg.Phương Xá,h.Cầm Khê,p.Lâm Thao,t.ST 946

Cấp Dẫn (tổng) 汲引總: h.Kỳ An,đạo HT 1325

Cập Nhất (tổng) 及一總: h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113

Cập Nhất (xã) 及一社: tg.Cập Nhất,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113

Cập Thượng (xã) 及上社: tg.Cập Nhất,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD ... 113

Câu Đông (xã) 岫東社: tg.Câu Thượng,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144

Câu Đông Ngoại (thôn) 俱同外村: x.Lưu Vệ,tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1121

Câu Đông Nội (thôn) 俱同内村: x.Lưu Vệ,tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1121

Câu Hạ (xã) 岫下社: tg.Câu Thượng,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144

Câu Hoan (tổng) 俱歡總: h.Hải Lăng,đạo QT 1385

Câu Hoan (xã) 俱歡社: tg.Câu Hoan,h.Hải Lăng,đạo QT 1385

Câu Hoan (phường) 俱歡坊: tg.Mai Lộc,h.Thành Hoá,đạo QT 1393

Câu Hợp (xã) 俱合社: tg.Liên Hương,h.Bố Trạch,p.Quảng Trạch,t.QB . 1357

Câu Lạc (xã) 俱樂部: tg.Cao Lao,h.Bố Trạch,p.Quảng Trạch,t.QB 1357

Câu Nhi (xã) 駒兒社: tg.An Thư,h.Hải Lăng,đạo QT 1385

Câu Thượng (tổng) 岫上總: h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144

Câu Thượng (xã) 岫上社: tg.Câu Thượng,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD ... 144

Cầu Trung (xã) 峒中社: tg. Cầu Thượng, h. An Lão, p. Kiến Thụy, t. HD 144

Cầu Tử (xã) 驹子社: tg. Đội Sơn, h. Duy Tiên, p. Lý Nhân, t. HN 37

Cầu Tử (xã) 驹子社: tg. Thái Lai, h. Thủy Đường, p. Kinh Môn, t. HD 162

Cầu (thôn) 埭村: x. Cựu Thông Lăng, tg. Thông Lăng, h. Hưng Nguyên, p. Anh Sơn, t. NA 1242

Cầu (thôn) 求村: x. Đội Trường, tg. Cổ Định, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1123

Cầu (thôn) 埭社: x. Vĩnh Gia, tg. Lai Triều, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1124

Cầu (thôn) 埭村: x. Thịnh Đức, tg. Thịnh Đức, h. Phú Xuyên, p. Thường Tín, t. HN 22

Cầu (thôn) 埭村: x. An Thử, tg. Hiến Khánh, h. Vụ Bản, p. Nghĩa Hưng, t. ND 320

Cầu Bằng (xã) 埭憑社: tg. Thượng Khê, h. Tây Quan, p. Đoàn Hùng, t. ST 954

Cầu Cổ (xã) 求古社: tg. Ngô Xá, h. Phong Doanh, pp. Nghĩa Hưng, t. ND 326

Cầu Công (xã) 求公社: tg. Hiệu Vũ, h. Hưng Nhân, p. Tiên Hưng, t. HY 268

Cầu Đoài (thôn) 求兑村: x. Liên Trì, tg. Liên Trì, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1114

Cầu Đoài (thôn) 埭兑村: x. Đường Xuyên, tg. Đường Xuyên, h. Phú Xuyên, p. Thường Tín, t. HN 22

Cầu Đông (thôn) 埭東村: x. Nghĩa Hương, tg. Nghĩa Hương, h. Tư Nông, p. Phú Bình, t. TN 794

Cầu Đông (thôn) 求東村: x. Liên Trì, tg. Liên Trì, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1114

Cầu Đông (thôn) 埭東村: tg. Đường Xuyên, h. Phú Xuyên, p. Thường Tín, t. HN 22

Cầu Đơ (thôn) 埭多村: x. Thượng Thanh Oai, tg. Thượng Thanh Oai, h. Thanh Oai, p. Ứng Hòa, t. HN 28

Cầu Lâm (xã) 埭林社: tg. Đoàn Lâm, h. Gia Lộc, p. Ninh Giang, t. HD 131

Chàng (thôn) 撞村: x. Thạch Xá, tg. Thạch Xá, h. Thạch Thất, p. Quốc Oai, t. ST 924

Chàng (thôn) 撞村: x. Nham Kinh, tg. Cẩm Bối, h. Thanh Liêm, p. Lý Nhân, t. HN 40

Chàng Dương (xã) 撞楊社: tg. Nhân Mục, h. Vĩ Xuyên, p. Tương An, t. TQ 874

Chàng Độ (xã) 撞度社: tg. Chu Chàng, h. Tiên Phong, p. Quảng Oai, t. ST 909

Chàng Xá (tổng) 撞舍總: h. Vũ Nhai, p. Phú Bình, t. TN 803

Chàng Xuyên (xã) 撞川社: tg. Diên Lão, h. Tiên Minh, p. Nam Sách, t. HD 117

Châm Khê (tổng) 針溪總: h. Yên Phong, p. Từ Sơn, t. BN 497

Châm Khê (xã) 針溪社: tg. Châm Khê, h. Yên Phong, p. Từ Sơn, t. BN 497

Châm Khê (xã) 砧溪社: tg. Đại Công, h. Tiên Minh, p. Nam Sách, t. HD 116

Chân An (xã) 真安社: tg. La Miết, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1126

Chân Bang (xã) 真邦社: tg. Đan Nê, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1109

Chân Cẩm (thôn) 真琴村: tg. Thuận Mỹ, h. Thọ Xương, p. Hoài Đức, t. HN 11

Chân Châu (xã) 真珠社: tg. Hà Liên, h. Nghiêu Phong, p. Sơn Định, t. QY 419

Chân Châu (xã) 真珠社: tg. Tang Thác, h. Tiên Phong, p. Quảng Oai, t. ST 909

Chân Chính (xã) 真正社: tg. Thi Liệu, h. Nam Chân, p. Xuân Trường, t. ND 310

Chân Cơ (thôn) 真機村: x. Xuân Hội, tg. Đại Lý, h. Mỹ Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1094

Chân Dương (xã) 真陽社: tg. Đặng Xá, h. Chân Lộc, p. Anh Sơn, t. NA 1246

Chân Đào (xã) 真陶社: tg. Đầu Kiên, h. Kim Thành, p. Kiến Thụy, t. HD 148

Chân Đích (thôn) 真的村: x. Mỹ Chân, tg. Đồ Yên, h. Hưng Nguyên, p. Anh Sơn, t. NA 1242

Chân Định (xã) 真定社: tg. Đầu Kiên, h. Kim Thành, p. Kiến Thụy, t. HD 148

Chân Định (huyện) 真定縣: p. Kiến Xương, t. ND 331

Chân Hộ (xã) 真護社: tg. Dũng Liệt, h. Yên Phong, p. Từ Sơn, t. BN 497

Chân Hưng (thôn) 真興村: tg. Cát Ngan, h. Thanh Chương, p. Anh Sơn, t. NA 1239

Chân Lạc (xã) 真樂社: tg. Kim Nguyên, h. Chân Lộc, p. Anh Sơn, t. NA 1246

Chân Lại (xã) 真賴社: tg. Yên Lạc, h. Phụng Hoá, p. Nho Quan, t. NB 1037

Chân Lại (xã) 真賴社: tg. Ngọc Chúc, h. Hùng Quan, p. Đoàn Hùng, t. ST 955

Chân Lại (tổng) 真賴總: h. Từ Kỳ, p. Ninh Giang, t. HD 134

Chân Lại (xã) 真賴社: tg. Chân Lại, h. Từ Kỳ, p. Ninh Giang, t. HD 134

Chân Lao (xã) 真牢社: tg. Vĩnh Chân, h. Thanh Ba, p. Lâm Thao, t. ST 948

Chân Lộc (huyện) 真祿縣: p. Anh Sơn, t. NA 1245

Chân Lữ (thôn) 真旅村: tg. Dương Vũ, h. Yên Khánh, p. Yên Khánh, t. NB 1021

Chân Mỹ (phường) 真美坊: tg. Liên Đăng, h. Gia Viễn, p. Yên Khánh, t. NB 1029

Chân Mỹ (xã) 真美社: tg. Liên Đăng, h. Gia Viễn, p. Yên Khánh, t. NB 1029

Chân Mỹ (xã) 真美社: tg. Từ Vinh, h. Đại An, p. Nghĩa Hưng, t. ND 316

Chân Ngữ (xã) 真語社: tg. Đa Lộc, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1109

Chân Nho (xã) 真儒社: tg. La Miết, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1126

Chân Ninh (xã) 真寧社: tg. Ngọc Lũ, h. Mỹ Lộc, p. Xuân Trường, t. ND 307

Chân Ninh (huyện) 真寧縣: p. Xuân Trường, t. ND 312

Chân Sơn (xã) 真山社: tg. Trung Môn, h. Hàm Yên, p. An Bình, t. TQ 859

Chân Suất (phường) 真率坊: tg. Đặng Sơn, h. Lương Sơn, p. Anh Sơn, t. NA 1235

Chân Tông (xã) 真從社: tg. Vĩnh Chân, h. Thanh Ba, p. Lâm Thao, t. ST 948

Chân Trang (thôn) 真莊村: x. Nhuyễn Sơn, tg. Văn Trường, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1117

Chấn Đê (xã) 𡵿坻社: tg. Đạo Tú, h. Sơn Minh, p. Ứng Hòa, t. HN 26

Chấn Xuyên (xã) 𡵿川: tg. Phú Chấn, h. Thụy Nguyên, p. Thiệu Hóa, t. TH 1101

Chấn Đông (xã) 震東社: tg. Hòa Bình, h. Văn Giang, pp. Thuận Thành, t. BN 517

Chấp Hào (bản) 執豪本: tg. Trình Phú, h. Trình Cốt, t. TH 1152

Chấp Hùm (bản) 執獐本: tg. Trình Cốt, h. Trình Cốt, t. TH 1152

Chấp Lễ (thôn) 執禮村: tg. Thạch Xá, h. Lệ Thủy, p. Quảng Ninh, t. QB 1349

Chấp Lễ (thôn) 執禮村: tg. Hồ Xá, h. Minh Linh, đạo QT 1390

Chấp Trung (thôn) 執中村: tg. Đồ Lương, h. Lương Sơn, p. Anh Sơn, t. NA 1235

Chấp Trung (thôn) 執中村: x. Bình Đạm, tg. Chi Nê, h. Hậu Lộc, p. Hà Trung, t. TH 1097

Chấp Xuân (bản) 執春本: tg. Trình Cốt, h. Trình Cốt, t. TH 1152

Chấp Yết (tổng) 執謁總: h. Trình Cốt, t. TH 1152

Chấp Yết (mường) 執謁忙: tg. Chấp Yết, h. Trình Cốt, t. TH 1152

Chất Thành (tổng) 質成總: h. Kim Sơn, p. Yên Khánh, t. NB 1032

Chất Thành (lỵ) 質成里: tg. Chất Thành, h. Kim Sơn, p. Yên Khánh, t. NB 1032

Châu (thôn) 珠村: tg. Quảng Thi, h. Thụy Nguyên, p. Thiệu Hóa, t. TH 1102

Châu (thôn) 洲村: x. Bái Châu, tg. Bái Châu, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1109

Châu (thôn) 珠村: x. Thượng Cốc, tg. Thượng Cốc, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1145

Châu An (thôn) 珠安村: tg. Yên Thành, h. Vĩnh Thuận, p. Hoài Đức, t. HN 13

Châu Bạc (xã) 珠汭社: tg. Quỳnh Lưu, h. Phụng Hoá, p. Nho Quan, t. NB 1038

Châu Bạc (xã) 珠汭社: tg. Đồng Đội, h. Vụ Bản, p. Nghĩa Hưng, t. ND 319

Châu Bộ (xã) 郝步社: tg. Đích Sơn, h. Giáp Sơn, p. Kinh Môn, t. HD 157

Châu Bối (thôn) 珠貝村: x. Yên Lâm, tg. Đông Lý, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1110

Châu Cầu (xã) 郝埭社: tg. Đào Hương, h. Quế Dương, p. Từ Sơn, t. BN 500

Châu Cầu (xã) 球球社: tg. Phú Đạm, h. Kim Bảng, p. Lý Nhân, t. HN 38

Châu Chử (ấp) 朱渚邑: tg. Cự Chánh, h. Hương Thủy, p. TT 1422

Châu Hác (xã) 珠瑯社: tg. Tú Sơn, h. Thất Khê, p. Tráng Định, t. LS 602

Châu Lâm (xã) 珠林社: h. Thạch Hà, đạo HT 1321

Châu Mai (thôn) 朱枚村: x. Quế Sơn, tg. Ước Lễ, h. Thanh Oai, p. Ứng Hòa, t. HN 29

Châu Quan (xã) 珠關社: tg. Từ Ô, h. Thanh Miện, p. Bình Giang, t. HD 95

Châu Quyển (xã) 珠卷社: tg. Vĩnh Dật, ch. Văn Uyên, p. Tráng Định, t. LS 610

Châu Sơn (xã) 珠山社: tg. Bắc Lăng, ch. Vạn Ninh, p. Hải Ninh, t. QY 440

Châu Tháp (xã) 珠塔社: tg. Yên Thường, h. Đông Ngạc, p. Từ Sơn, t. BN 491

Châu Thị (phường) 州市坊: tg. Hồ Xá, h. Minh Linh, đạo QT 1390

Châu Trần (xã) 朱陳社: tg. Thọ Lão, h. Yên Lạc, pp. Vĩnh Tường, t. ST 940

Châu Xá (xã) 珠舍社: tg. Kim Bảng, h. Kim Bảng, p. Lý Nhân, t. HN 38

Châu Xuyên (xã) 珠川社: tg. Thọ Xương, h. Bảo Lộc, p. Lạng Giang, t. BN 531

Châu Xuyết (xã) 珠綴社: tg.Văn Xá,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124	Chiêm Ba (xã) 沾波社: tg.Mậu Lâm,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086
Chế (thôn) 制村: x.Trị Cự,tg.Đông Yên,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086	Chiêm Hoá (châu) 霑化州: p.Tương An,t.TQ 877
Chế Nhuệ (xã) 製銳社: tg.Trương Xá,h.Cẩm Khê,p.Lâm Thao,t.ST 947	Chiêm Thuận (thôn) 占順村: tg.Thần Hoàng,h.Thanh Quan, p.Thái Bình,t.NĐ 341
Chế Trì (xã) 制池社: tg.Dị Chế,h.Tiền Lữ,p.Tiền Hưng,t.HY 271	Chiên Sơn (xã) 旃山社: tg.Bản Động,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537
Chi Các (xã) 芝蘭社: tg.Đan Trường,h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HĐ 98	Chiết Pha (xã) 浙陂社: tg.Đường Anh,h.Phú Vang,p.TT 1420
Chi Cái (xã) 芝蓋社: tg.Văn Luận,h.Phụng Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1038	Chiêu Độ (xã) 昭度社: tg.Phù Tái,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HĐ 147
Chi Cát (xã) 芝葛社: tg.Minh Nông,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957	Chiêu Lai (tổng) 招來總: h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HĐ 100
Chi Cơ (thôn) 支機村: tg.Bích Triều,h.Thanh Chương,p.Anh Sơn,t.NA .. 1238	Chiêu Lai (xã) 招來社: tg.Chiêu Lai,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HĐ 100
Chi Điển (xã) 芝田社: tg.An Điển,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HĐ 106	Chiêu Lai (xã) 招來社: tg.Phong Thanh,ch.Ninh Biên,p.Điện Biên,t.HH . 738
Chi Đông (xã) 支東社: tg.Da Thượng,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525	Chiêu Lễ (thôn) 昭禮村: tg.Đại Công,h.Tiền Minh,p.Nam Sách,t.HĐ 116
Chi Khê (xã) 支溪社: tg.Yên Duyệt,h.Tương Dương, p.Tương Dương,t.NA 1272	Chiêu Lưu (tổng) 招留總: h.Kỳ Sơn,p.Tương Dương,t.NA 1273
Chi Khê (xã) 芝溪社: tg.Trường Kỳ,h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HĐ 97	Chiêu Lưu (xã) 招留社: tg.Chiêu Lưu,h.Kỳ Sơn,p.Tương Dương,t.NA .. 1273
Chi Lăng (xã) 枝陵社: tg.Bằng Mạc,ch.Ôn,p.Tràng Khánh,t.LS 616	Chiêu Minh (xã) 昭明社: tg.Thanh Lăng,h.Tiền Phong,p.Quảng Oai,t.ST 909
Chi Linh (xã) 支靈社: tg.Thổ Hào,h.Thanh Chương,p.Anh Sơn,t.NA 1238	Chiêu Tấn (châu) 昭晉州: p.Yên Tây,t.HH 734
Chi Linh (thôn) 支靈村: x.Chi Linh,tg.Thổ Hào,h.Thanh Chương, p.Anh Sơn,t.NA 1238	Chiêu Tín (phường) 昭信坊: tg.Hành Phố,h.Phong Đăng, p.Quảng Ninh,t.QB 1347
Chi Long (thôn) 支隆村: x.Màn Xá,tg.Màn Xá,h.Yên Phong, p.Từ Sơn,t.BN 497	Chiêu Tuấn (xã) 招俊社: tg.Văn Nham,h.Hữu Lũng,pp.Lạng Giang,t.BN 540
Chi Long (xã) 支龍社: tg.Trần Xá,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 44	Chiêu Ứng (xã) 昭應社: tg.Yên Lãng,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 945
Cựu Hào (xã) 舊豪社: tg.Hồ Sơn,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319	Chiêu Vật (xã) 昭物社: tg.Quỳ Trạch,h.Yên Thành,p.Diễn Châu,t.NA .. 1250
Chi Nê (thôn) 芝泥村: x.Trung Lâm,tg.Vũ Liệt,h.Thanh Chương, p.Anh Sơn,t.NA 1239	Chiêu Vũ (xã) 昭武社: tg.Bác Sơn,h.Vũ Nhai,p.Phú Bình,t.TN 803
Chi Nê (thôn) 芝尼村: tg.Phù Lưu,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269	Chiếu Chúc (xã) 照燭社: tg.Tám Linh,h.Thành Hoá,đạo QT 1394
Chi Nê (xã) 芝泥社: tg.Xích Thổ,h.Yên Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1042	Chiếu Thị (xã) 照市社: tg.Quảng Thi,h.Thuy Nguyễn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1102
Chi Nê (tổng) 芝泥總: h.Tiền Du,p.Từ Sơn,t.BN 494	Chiếu Thượng (thôn) 照上村: x.Quang Chiếu,tg.Quang Chiếu,h.Đông Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1106
Chi Nê (xã) 芝泥社: tg.Chi Nê,h.Tiền Du,p.Từ Sơn,t.BN 494	Chiếu Trung (thôn) 照中村: x.Quang Chiếu,tg.Quang Chiếu,h.Đông Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1106
Chi Nê (xã) 芝泥社: tg.Cao Bộ,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926	Chiếu Xung (xã) 照沖社: tg.Hoài Chính,ch.Lương Chánh, p.Thọ Xuân,t.TH 1150
Chi Nê (tổng) 芝泥總: h.Hậu Lộc,p.Hà Trung,t.TH 1096	Chính Đốn (xã) 整頓社: tg.Lê Xá,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029
Chi Nê (xã) 芝泥社: tg.Chi Nê,h.Hậu Lộc,p.Hà Trung,t.TH 1096	Chính (giáp) 正甲: x.Thanh Thủy,tg.Dã Lê,h.Hương Thủy,p.TT 1422
Chi Nê Nội (xã) 芝泥內社: tg.Chi Nê,h.Tiền Du,p.Từ Sơn,t.BN 494	Chính Công (xã) 正功社: tg.An Khâu,h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948
Chi Ngại (tổng) 支礙總: h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HĐ 106	Chính Cung (xã) 正供社: tg.Vũ Xá,h.Phong Lộc,p.Quảng Ninh,t.QB ... 1345
Chi Ngại (xã) 支礙社: tg.Chi Ngại,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HĐ 106	Chính Đại (xã) 正大社: tg.Đông Bàn,h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1082
Chi Phong (xã) 芝封社: tg.Trường Yên,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB . 1029	Chính Hòa (phường) 政和坊: tg.Hoàn Lão,h.Bố Trạch, p.Quảng Trạch,t.QB 1357
Chi Phong (xã) 芝封社: tg.Hành Thiện,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304	Chính Lộc (tổng) 政祿總: h.Phong Điền,p.TT..... 1428
Chi Phương (thôn) 芝芳村: tg.Bạch Hà,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA . 1234	Chính Lộc (xã) 政祿社: tg.Chính Lộc,h.Phong Điền,p.TT..... 1428
Chi Quan (xã) 芝關社: tg.Thốc Sơn,h.Hữu Lũng,pp.Lạng Giang,t.BN 540	Chính Lũ (xã) 正屢社: tg.Trình Nữ,ch.Lộc Bình,p.Tràng Khánh,t.LS 621
Chi Quan (xã) 芝關社: tg.Kim Quan,h.Thạch Thát,p.Quốc Oai,t.ST 924	Chính Mô (xã) 正謨社: tg.Quí Chính,ch.Lương Chánh,p.Thọ Xuân,t.TH 1150
Chi Quan (xã) 芝關社: tg.Chu Túc,h.Văn Quan,p.Tràng Định,t.LS 605	Chính Mông (xã) 正蒙社: tg.Quí Chính,ch.Lương Chánh, p.Thọ Xuân,t.TH 1150
Chi Truật (xã) 芝朮社: tg.Mỹ Xá,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40	Chính Quảng (thôn) 政廣村: tg.Võng Nhi,h.Hương Thủy,p.TT..... 1423
Chỉ Bồ (xã) 芷蒲社: tg.Vạn Xuân,h.Thuy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343	Chính Trung (ấp) 正中邑: tg.Tân Thành,h.Tiền Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335
Chỉ Mê (xã) 指迷社: tg.Lý Nhân,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN 795	Chính Trung (thôn) 正中村: tg.Du Đông,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259
Chỉ Mỹ (xã) 指美社: tg.Bằng Quán,h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS 602	Chính Trung (thôn) 正忠村: x.Đông Loan,tg.Tuân La,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1116
Chỉ Tác (xã) 紙作社: tg.Cang Sơn,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 536	Chính Trung (thôn) 正中村: x.Dũng Liệt,tg.Dũng Liệt,h.Yên Phong, p.Từ Sơn,t.BN 497
Chỉ Thiện (trại) 止善寨: tg.Chất Thành,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB .. 1033	Chính Trực (thôn) 正直村: tg.Thuận Bài,h.Bình Chính, p.Quảng Trạch,t.QB 1353
Chỉ Thiện (xã) 止善社: tg.Lạc Nghiệp,h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1040	Chính Vĩ (thôn) 政偉村: x.Đông Hải,tg.Đặng Xá,h.Chân Lộc, p.Anh Sơn,t.NA 1246
Chí Cẩn (thôn) 致謹村: x.Văn Hà,tg.Mật Vật,h.Thuy Nguyễn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1101	Chính Yên (xã) 正安社: tg.Yên Duyệt,h.Tương Dương, p.Tương Dương,t.NA 1272
Chí Đạo (xã) 志道社: tg.Lạc Thiện,h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1040	Chợ (thôn) 市村: x.Xuân Hội,tg.Đại Lý,h.Mỹ Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1094
Chí Lễ (xã) 致禮社: tg.An Thái,h.Hải Lăng,đạo QT 1385	Chợ (thôn) 市村: x.Lỗ Hiến,tg.Lôi Dương,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH .. 1144
Chí Linh (huyện) 至靈縣: p.Nam Sách,t.HĐ 106	
Chí Linh (xã) 至靈社: tg.Cổ Châu,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HĐ 106	
Chí Linh (xã) 至靈社: tg.Yên Khánh,h.Đông Triều,p.Kinh Môn,t.HĐ 165	
Chí Mỹ (xã) 至美社: tg.Mỹ Thái,h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN 530	
Chí Tĩnh (ấp) 至靜邑: tg.Quy Hậu,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1033	
Chí Trung (xã) 至忠社: tg.Nghĩa Trại,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN . 515	
Triêm Ân (xã) 霑恩社: tg.Mậu Tái,h.Phú Vang,p.TT..... 1420	

Chợ (thôn) 市村: tg. Tuyền Cừ, h. Đường An, p. Bình Giang, t. HD 93

Chợ Đông Thành (thôn) 東城市村: tg. Thuận Mỹ, h. Thọ Xương, p. Hoài Đức, t. HN 11

Chu Bàn (xã) 琯盤: tg. Liên Tri, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1114

Chu Căn (xã) 朱根: tg. Vạn Thiện, huyện Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1125

Chu Chàng (tổng) 朱幢總: h. Tiên Phong, p. Quảng Oai, t. ST 909

Chu Chàng (xã) 朱幢社: tg. Chu Chàng, h. Tiên Phong, p. Quảng Oai, t. ST 909

Chu Côn (xã) 朱崑: tg. Vạn Thiện, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1125

Chu Đế (xã) 朱提社: tg. Sơn Bình, h. Lập Thạch, p. Vĩnh Tường, t. ST 932

Chu Đế (phường) 朱提坊: x. Châu Đế, tg. Sơn Bình, h. Lập Thạch, p. Vĩnh Tường, t. ST 932

Chu Điện (xã) 周甸社: tg. Chu Điện, h. Phương Nhân, p. Lạng Giang, t. BN 530

Chu Điện (tổng) 周甸總: tg. Chu Điện, h. Phương Nhân, p. Lạng Giang, t. BN 530

Chu Hàng (xã) 周行社: tg. Luận Khê, ch. Thường Xuân, p. Thọ Xuân, t. TH 1147

Chu Hóa (tổng) 周化總: h. Sơn Vi, p. Lâm Thao, t. ST 944

Chu Hóa (xã) 周化社: tg. Chu Hóa, h. Sơn Vi, p. Lâm Thao, t. ST 944

Chu Hưng (xã) 周興社: tg. Nhữ Hạ, h. Hạ Hòa, p. Lâm Thao, t. ST 950

Chu Khê (thôn) 珠溪村: x. Liên Tri, tg. Liên Tri, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1114

Chu Lai (ấp) 朱來邑: tg. Tầm Linh, h. Thành Hoá, đạo QT 1394

Chu Lăng (ấp) 朱凌邑: tg. Viên Kiều, h. Thành Hoá, đạo QT 1394

Chu Lễ (tổng) 周禮總: h. Hương Khê, p. Đức Thọ, t. NA 1261

Chu Lễ (xã) 周禮社: tg. Chu Lễ, h. Hương Khê, p. Đức Thọ, t. NA 1261

Chu Liễn (xã) 琯璫社: tg. Phúc Tăng, h. Yên Dũng, p. Lạng Giang, t. BN 534

Chu Lôi (xã) 琯臺社: tg. Bát Bế, h. Vĩnh Lại, p. Ninh Giang, t. HD 123

Chu Mầu (xã) 周畝社: tg. Văn Mầu, h. Quế Dương, p. Từ Sơn, t. BN 500

Chu Nguyên (xã) 周原社: tg. Cấn Doanh, h. Bảo Lộc, p. Lạng Giang, t. BN 531

Chu Phan (xã) 朱幡社: tg. Phương Quan, h. Yên Lạc, pp. Vĩnh Tường, t. ST 941

Chu Quế (xã) 株桂社: tg. Khánh Yên, ch. Văn Bàn, p. Quy Hóa, t. HH 730

Chu Sơn (xã) 周山社: tg. Qui Chính, ch. Lương Chánh, p. Thọ Xuân, t. TH 1150

Chu Thử (xã) 周徐社: tg. Thượng Triệt, h. Thanh Lâm, p. Nam Sách, t. HD .. 110

Chu Trương (thôn) 珠帳村: x. Ngọc Trưởng, tg. Hải Quật, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1110

Chu Túc (tổng) 周粟總: h. Văn Quan, p. Trảng Định, t. LS 605

Chu Túc (xã) 周粟社: tg. Chu Túc, h. Văn Quan, p. Trảng Định, t. LS 605

Chu Tử (thôn) 朱紫村: x. Đại Lý, tg. Đại Lý, h. Mỹ Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1094

Chu Tử (xã) 朱紫社: tg. Lai Triều, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1124

Chu Xá (xã) 朱舍社: tg. Xuân Lai, h. Phong Đăng, p. Quảng Ninh, t. QB 1347

Chu Xá (thôn) 周舍村: tg. Chiêu Lai, h. Đường Hào, p. Bình Giang, t. HD 100

Chu Xá (xã) 朱舍社: tg. Thượng Cổ, h. Ân Thi, p. Khoái Châu, t. HY 256

Chú Lai (xã) 注萊社: tg. Đông Lý, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1110

Chú Lai (lăng) 注萊陵: tg. Đông Lý, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1110

Chú Lãng (xã) 注浪社: tg. Mỹ Nương, h. Lục Ngạn, p. Lạng Giang, t. BN 536

Chú Nhan (xã) 鑄顏社: tg. Phù Lưu Tế, h. Hoài An, p. Ứng Hòa, t. HN 34

Chùa (thôn) 廚村: x. Liên Bạt, tg. Xà Cẩu, h. Sơn Minh, p. Ứng Hòa, t. HN 26

Chuẩn Cách (xã) 準格社: tg. Lập Bái, h. Diên Hà, p. Tiên Hưng, t. HY 267

Chuẩn Thằng (xã) 準繩社: tg. Phù Tãi, h. Kim Thành, p. Kiến Thụy, t. HD .. 147

Chúc A (xã) 祝阿社: tg. Quy Hợp, h. Hương Khê, p. Đức Thọ, t. NA 1262

Chúc Lý (xã) 祝里社: tg. Chúc Sơn, h. Chương Đức, p. Ứng Hòa, t. HN 31

Chúc Sơn (xã) 祝山社: tg. Đông Lục, h. Sơn Dương, p. Đoan Hùng, t. ST 959

Chúc Sơn (tổng) 祝山總: h. Chương Đức, p. Ứng Hòa, t. HN 31

Chúc Sơn (xã) 祝山社: tg. Chúc Sơn, h. Chương Đức, p. Ứng Hòa, t. HN 31

Chung Mỹ (thôn) 鐘美村: tg. Lâm Thịnh, h. Nam Đường, p. Anh Sơn, t. NA 1235

Chung Mỹ (xã) 鐘美社: tg. Kênh Triều, h. Thủy Đường, p. Kinh Môn, t. HD .. 162

Chung Sơn (xã) 鍾山社: tg. Bảo Lộc Sơn, h. Yên Thế, pp. Lạng Giang, t. BN 540

Chung Tân (xã) 鍾津社: tg. Hà Châu, h. Hiệp Hòa, p. Đa Phúc, t. BN 522

Chùy Khê (xã) 槌溪社: tg. Cát Xuyên, h. Giao Thủy, p. Xuân Trường, t. ND 304

Chuyên (thôn) 專村: x. Đại Khánh, tg. Đại Bối, h. Đông Sơn, p. Thiệu Hóa, t. TH 1105

Chuyên Mỹ (xã) 專美社: tg. Mỹ Thái, h. Bảo Lộc, p. Lạng Giang, t. BN 530

Chuyên Mỹ (xã) 專美社: tg. Thịnh Đức, h. Phú Xuyên, p. Thường Tín, t. HN .. 22

Chuyên Mỹ (xã) 專美社: tg. Chuyên Nghiệp, h. Phú Xuyên, p. Thường Tín, t. HN 23

Chuyên Nghiệp (tổng) 專業總: h. Phú Xuyên, p. Thường Tín, t. HN 23

Chuyên Nghiệp (xã) 專業社: tg. Chuyên Nghiệp, h. Phú Xuyên, p. Thường Tín, t. HN 23

Chuyết Dương (xã) 輟陽社: tg. Thiết Sơn, h. Yên Dũng, p. Lạng Giang, t. BN 534

Chư Hương (xã) 諸香社: tg. Hạ Hiệu, ch. Bạch Thông, p. Thông Hóa, t. TN 819

Chủ Thị (phường) 堵市坊: tg. Trung Môn, h. Hàm Yên, p. An Bình, t. TQ 859

Chủ Xá Châu (xã) 褚舍洲社: tg. Đại Quan Châu, h. Văn Giang, pp. Thuận Thành, t. BN 518

Chương Các (xã) 章閣社: tg. Ngô Xá, h. Vĩnh Lộc, p. Quảng Hóa, t. TH 1130

Chương Dương (tổng) 彰陽總: h. Thượng Phúc, p. Thường Tín, t. HN 17

Chương Dương (xã) 彰陽社: tg. Chương Dương, h. Thượng Phúc, p. Thường Tín, t. HN 17

Chương Đức (huyện) 彰德縣: p. Ứng Hòa, t. HN 30

Chương Lộc (xã) 彰祿社: tg. Chương Dương, h. Thượng Phúc, p. Thường Tín, t. HN 17

Chương Nghĩa (xã) 彰義社: tg. Hải Lăng, h. Đại An, p. Nghĩa Hưng, t. ND 316

Cong (thôn) 釭村: x. Phú Lâm, tg. Bình Bút, h. Vĩnh Lộc, p. Quảng Hóa, t. TH 1131

Cò Dạ (xã) 姑夜社: tg. Lý Nhân, h. Tư Nông, p. Phú Bình, t. TN 795

Cò Mễ (xã) 荪米社: tg. Đỗ Xá, h. Võ Giàng, p. Từ Sơn, t. BN 500

Cổ Am (xã) 古庵社: tg. Đông Am, h. Vĩnh Bảo, p. Ninh Giang, t. HD 126

Cổ Ba (sách) 古巴冊: tg. Phác Lễ, h. Nghĩa Đường, p. Quỳnh Châu, t. NA 1275

Cổ Bài (xã) 古牌社: tg. Hải Quật, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1110

Cổ Bái (thôn) 古沛村: x. Đông Hải, tg. Đặng Xá, h. Chân Lộc, p. Anh Sơn, t. NA 1246

Cổ Bái (tổng) 古沛總: h. Kim Anh, p. Đa Phúc, t. BN 525

Cổ Bái (xã) 古沛社: tg. Cổ Bái, h. Kim Anh, p. Đa Phúc, t. BN 525

Cổ Bi (xã) 古碑社: tg. Phù Ninh, h. Phong Điền, p. TT 1428

Cổ Bi (xã) 古碑社: tg. Đặng Xá, h. Gia Lâm, pp. Thuận Thành, t. BN 515

Cổ Biện (tổng) 古汴總: h. Quảng Tế, p. Quảng Hóa, t. TH 1133

Cổ Biện (xã) 古汴社: tg. Cổ Biện, h. Quảng Tế, p. Quảng Hóa, t. TH 1133

Cổ Biện (tổng) 古汴總: h. Giáp Sơn, p. Kinh Môn, t. HD 157

Cổ Biện (xã) 古汴社: tg. Cổ Biện, h. Giáp Sơn, p. Kinh Môn, t. HD 157

Cổ Biện (tổng) 古汴總: h. Gia Lâm, pp. Thuận Thành, t. BN 515

Cổ Biện (xã) 古汴社: tg. Cổ Biện, h. Gia Lâm, pp. Thuận Thành, t. BN 515

Cổ Bưu (xã) 古郵社: tg. An Thái, h. Hải Lăng, đạo QT 1385

Cổ Bưu (xã) 古郵社: tg. Long Hồ, h. Hương Trà, p. TT 1418

Cổ Cảng (xã) 古港社: tg. Thuận Lễ, h. Minh Chính, p. Quảng Trạch, t. QB 1356

Cổ Chằm (xã) 古枕社: tg. Đại Điền, h. Thanh Hà, p. Nam Sách, t. HD 113

Cổ Chất (thôn) 古質村: x. Tả Giai, tg. Đông Cứu, h. Thượng Phúc, p. Thường Tín, t. HN 16

Cổ Châu (xã) 古州社: tg. Hòa Đàm, h. Cẩm Giàng, p. Bình Giang, t. HD 97

Cổ Châu (tổng) 古郝總: h. Chí Linh, p. Nam Sách, t. HD 106

Cổ Châu (xã) 古郝社: tg. Cổ Châu, h. Chí Linh, p. Nam Sách, t. HD 106

Cổ Chu (phố) 古株庸: tg. Lăng Yên, h. Thượng Lang, p. Trùng Khánh, t. CB 672

Cổ Chử (xã) 古渚社: tg. Đỗ Xá, h. Giao Thủy, p. Xuân Trường, t. ND 304

Cổ Chử (trang) 古渚庄: tg. Diên Hưng, h. Nam Chân, p. Xuân Trường, t. ND 311

Cổ Chử (xã) 古渚社: tg. Diên Hưng, h. Nam Chân, p. Xuân Trường, t. ND 310

Cổ Cốc (tổng) 古谷總: h. Thần Khê, p. Tiên Hưng, t. HY 265

Cổ Cốc (xã) 古谷社: tg. Cổ Cốc, h. Thần Khê, p. Tiên Hưng, t. HY 265

Cổ Đa (tổng) 古椰總: h. Nam Chân, p. Xuân Trường, t. ND 310

Cổ Da (xã) 古椰社: tg. Cổ Da, h. Nam Chân, p. Xuân Trường, t. ND 310

Cổ Duệ (thôn) 古喬村: x. Thiên Linh, tg. Văn Trinh, h. Ngọc Sơn, p. Tỉnh Gia, t. TH 1115

Cổ Dũng (xã) 賈勇士: tg. Đông Vi, h. Đông Quan, p. Thái Bình, t. ND 339

Cổ Dũng (tổng) 古勇總: h. Yên Dũng, p. Lạng Giang, t. BN 534

Cổ Dũng (xã) 古勇士: tg. Cổ Dũng, h. Yên Dũng, p. Lạng Giang, t. BN 534

Cổ Dũng (xã) 古勇士: tg. Lai Vu, h. Kim Thành, p. Kiến Thụy, t. HD 147

Cổ Dụ (thôn) 古唯村: tg. Kinh Khê, h. Tiên Minh, p. Nam Sách, t. HD 116

Cổ Dương (xã) 古陽社: tg. Tuấn Lệ, h. Đông Ngạn, p. Từ Sơn, t. BN 491

Cổ Đà (xã) 古陀社: tg. Quảng Phúc, h. Yên Mô, p. Yên Khánh, t. NB 1025

Cổ Đàm (xã) 古耽社: tg. Trung Bạ, h. Tống Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1083

Cổ Đàm (xã) 古耽社: tg. Phú Khê, h. Ý Yên, pp. Nghĩa Hưng, t. ND 323

Cổ Đàm (tổng) 古淡總: h. Nghi Xuân, p. Đức Thọ, t. NA 1265

Cổ Đàm (xã) 古淡社: tg. Cổ Đàm, h. Nghi Xuân, p. Đức Thọ, t. NA 1265

Cổ Đan (thôn) 古丹村: x. Đông Hải, tg. Đặng Xá, h. Chân Lọc, p. Anh Sơn, t. NA 1246

Cổ Đạo (xã) 古道社: tg. Hạ Hiệu, ch. Bạch Thông, p. Thông Hóa, t. TN 819

Cổ Điển (xã) 古典社: tg. Hải Bối, h. Yên Lãng, pp. Vĩnh Tường, t. ST 939

Cổ Điển (tổng) 古典總: h. Thanh Tri, p. Thường Tín, t. HN 19

Cổ Điển (xã) 古典社: tg. Cổ Điển, h. Thanh Tri, p. Thường Tín, t. HN 19

Cổ Diệp (xã) 古牒社: tg. Bình Bút, h. Vĩnh Lộc, p. Quảng Hóa, t. TH 1131

Cổ Định (trang) 古定庄: tg. Đại Bối, h. Đông Sơn, p. Thiệu Hóa, t. TH 1105

Cổ Định (tổng) 古定總: h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1123

Cổ Định (xã) 古定社: tg. Cổ Định, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1123

Cổ Đô (xã) 古都社: tg. Mộc Hoàn, h. Tiên Phong, p. Quảng Oai, t. ST 909

Cổ Đô (xã) 古都社: tg. Vạn Quy, h. Đông Sơn, p. Thiệu Hóa, t. TH 1105

Cổ Đô Thượng (xã) 古都上社: tg. Vạn Quy, h. Đông Sơn, p. Thiệu Hóa, t. TH 1105

Cổ Đồi (xã) 古堆社: tg. Văn Xá, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1125

Cổ Động (xã) 古峒社: tg. Cổ Nam, ch. Quan Hóa, p. Quảng Hóa, t. TH 1137

Cổ Động (xã) 古洞社: sở Đại Kiện, tg. Mai Cầu, h. Thanh Liêm, p. Lý Nhân, t. HN 40

Cổ Đường (xã) 古塘社: tg. Đường Hoàng Trung, h. Phú Xuyên, p. Thường Tín, t. HN 22

Cổ Giám (thôn) 古監村: tg. Yên Hòa, h. Thọ Xương, p. Hoài Đức, t. HN 12

Cổ Giản (xã) 古簡社: tg. Yên Lãng, h. Đông Triều, p. Kinh Môn, t. HD 165

Cổ Hiến (xã) 古賢社: tg. Trung Quán, h. Phong Lộc, p. Quảng Ninh, t. QB 1345

Cổ Hiến (xã) 古賢社: tg. Thủy Ba, h. Minh Linh, đạo QT 1390

Cổ Hiến (tổng) 古賢總: h. Thượng Phúc, p. Thường Tín, t. HN 16

Cổ Hiến (xã) 古賢社: tg. Cổ Hiến, h. Thượng Phúc, p. Thường Tín, t. HN 16

Cổ Hiệu (xã) 古號社: tg. Bài Trượng, h. Chương Đức, p. Ứng Hòa, t. HN 31

Cổ Hoàng (xã) 古弘社: tg. Bát Trang, ch. Vạn Ninh, p. Hải Ninh, t. QY 431

Cổ Hoàng (xã) 古泓社: tg. Quyết Trung, h. Tam Dương, p. Vĩnh Tường, t. ST 935

Cổ Hội (xã) 古會社: tg. Thượng Tâm, h. Thanh Quan, p. Thái Bình, t. ND 341

Cổ Ích (thôn) 古益村: x. Cổ Ngu, tg. Văn Lâm, h. La Sơn, p. Đức Thọ, t. NA 1255

Cổ Khê (xã) 古涇社: tg. Vĩnh Đại, h. Đông Triều, p. Kinh Môn, t. HD 165

Cổ Khúc (xã) 古曲社: tg. Cao Mỗ, h. Thần Khê, p. Tiên Hưng, t. HY 265

Cổ Khê (xã) 古涇社: h. Thạch Hà, đạo HT 1320

Cổ Lạc (xã) 古樂社: tg. Cách Linh, h. Quảng Uyên, p. Trùng Khánh, t. CB 675

Cổ Lâm (sách) 古攬冊: tg. Văn Trinh, h. Hưng Nguyên, p. Anh Sơn, t. NA 1243

Cổ Lâm (xã) 古攬社: tg. Chu Chàng, h. Tiên Phong, p. Quảng Oai, t. ST 909

Cổ Lâm (xã) 古攬社: tg. Yên Đổ, h. Đại Từ, p. Tông Hóa, t. TN 810

Cổ Lâm (xã) 古攬社: tg. Ngọc Trì, h. Lương Tài, p. Thuận Thành, t. BN 511

Cổ Lão (xã) 古老社: tg. Hương Cấn, h. Hương Trà, p. TT 1419

Cổ Lâm (xã) 古林社: tg. Yên Mô, h. Yên Mô, p. Yên Khánh, t. NB 1024

Cổ Lâm (ấp) 古林邑: tg. Ô Giang, h. Thành Hóa, đạo QT 1395

Cổ Lễ (xã) 古禮社: tg. Yên Canh, h. Ân Thi, p. Khoái Châu, t. HY 256

Cổ Lễ (xã) 古禮社: tg. Thần Lộ, h. Chân Ninh, p. Xuân Trường, t. ND 312

Cổ Liên (xã) 古輦社: tg. Hòa Lạc, h. Mỹ Lương, p. Quốc Oai, t. ST 926

Cổ Liêu (xã) 古遼社: tg. Khai Thái, h. Phú Xuyên, p. Thường Tín, t. HN 22

Cổ Liêu (tổng) 古遼總: h. Đại An, p. Nghĩa Hưng, t. ND 317

Cổ Liêu (xã) 古遼社: tg. Cổ Liêu, h. Đại An, p. Nghĩa Hưng, t. ND 317

Cổ Liễu (xã) 古柳社: tg. Mỹ Trạch, h. Lệ Thủy, p. Quảng Ninh, t. QB 1348

Cổ Linh (tổng) 古靈總: ch. Chiêm Hoá, p. Tương An, t. TQ 877

Cổ Linh (xã) 古靈社: tg. Cổ Linh, ch. Chiêm Hoá, p. Tương An, t. TQ 877

Cổ Linh (xã) 古靈社: tg. Cự Linh, h. Gia Lâm, pp. Thuận Thành, t. BN 515

Cổ Loa (tổng) 古螺總: h. Đông Ngạn, p. Từ Sơn, t. BN 492

Cổ Loa (xã) 古螺社: tg. Cổ Loa, h. Đông Ngạn, p. Từ Sơn, t. BN 492

Cổ Loan (xã) 古鸞社: tg. Yên Đãng, h. Yên Khánh, p. Yên Khánh, t. NB 1020

Cổ Lôi (xã) 古雷社: tg. Đông Cao, h. Vĩnh Lại, p. Ninh Giang, t. HD 123

Cổ Lũng (tổng) 古隴總: h. Phú Lương, p. Tông Hóa, t. TN 812

Cổ Lũng (xã) 古隴社: tg. Cổ Lũng, h. Phú Lương, p. Tông Hóa, t. TN 812

Cổ Lũng (tổng) 古隴總: h. Cẩm Thủy, p. Quảng Hóa, t. TH 1140

Cổ Lũng (xã) 古隴社: tg. Cổ Lũng, h. Cẩm Thủy, p. Quảng Hóa, t. TH 1140

Cổ Lũng (xã) 古隴社: tg. Bái Dương, h. Nam Chân, p. Xuân Trường, t. ND 310

Cổ Lũy (xã) 古壘社: tg. An Nhân, h. Hải Lăng, đạo QT 1385

Cổ Lương (thôn) 古梁村: tg. Đông Xuân, h. Thọ Xương, p. Hoài Đức, t. HN 11

Cổ Mạnh (xã) 古氓社: tg. Trí Yên, h. Phượng Nhãn, p. Lạng Giang, t. BN 530

Cổ Mạo (xã) 古帽社: tg. Cổ Viễn, h. Thượng Nguyên, p. Xuân Trường, t. ND 309

Cổ Mệnh (xã) 古命社: tg. Trạm Diên, h. Lục Ngạn, p. Lạng Giang, t. BN 537

Cổ Miệt (xã) 古蔑社: tg. Hương Đại, h. Thanh Hà, p. Nam Sách, t. HD 113

Cổ Miếu (xã) 古廟社: tg. Thụ Phúc, h. Tiên Du, p. Từ Sơn, t. BN 494

Cổ Mộc (xã) 古沐社: tg. Lai Triều, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1124

Cổ Nam (tổng) 古南總: ch. Quan Hóa, p. Quảng Hóa, t. TH 1137

Cổ Nam (xã) 古南社: tg. Cổ Nam, ch. Quan Hóa, p. Quảng Hóa, t. TH 1137

Cổ Ngõa (xã) 古坂社: tg. Thanh Mạc, h. Đan Phượng, p. Quốc Oai, t. ST 922

Cổ Ngu (xã) 古虞社: tg. Văn Lâm, h. La Sơn, p. Đức Thọ, t. NA 1255

Cổ Nha (xã) 古衙社: tg. Nhật Chiêu, h. Bạch Hạc, p. Vĩnh Tường, t. ST 930

Cổ Nhuế (tổng) 古芮總: h. Từ Liêm, p. Hoài Đức, t. HN 8

Cổ Nhuế (xã) 古芮社: tg. Cổ Nhuế, h. Từ Liêm, p. Hoài Đức, t. HN 8

Cổ Ninh (thôn) 古寧村: x. Niệm Hạ, tg. Xuân Vũ, h. Chân Định, p. Kiến Xương, t. ND 331

Cổ Nông (xã) 古農社: tg. Vũ Lăng, h. Quảng Uyên, p. Trùng Khánh, t. CB 674

Cổ Nông (tổng) 古農總: h. Nam Chân, p. Xuân Trường, t. ND 311

Cổ Nông (xã) 古農社: tg. Cổ Nông, h. Nam Chân, p. Xuân Trường, t. ND 311

Cổ Phao (phường) 古拋坊: x. Bằng Lương, tg. Cổ Dũng, h. Yên Dũng, p. Lạng Giang, t. BN 534

Cổ Pháp (xã) 古法社: tg. Tư Mai, h. Yên Dũng, p. Lạng Giang, t. BN 533

Cổ Pháp (xã) 古法社: tg. Thanh Mai, h. Tiên Phong, p. Quảng Oai, t. ST 909

Cổ Pháp (thôn) 古法村: tg. An Điền, h. Chí Linh, p. Nam Sách, t. HD 106

Cổ Phúc (xã) 鼓腹社: tg. Bách Lãm, h. Trấn Yên, p. Quy Hóa, t. HH 726

Cổ Phục (xã) 古復社: tg. Bát Nào, h. Kim Thành, p. Kiến Thụy, t. HD 147

Cổ Phương (xã) 古芳社: tg. Ý Cống, h. Thượng Lang, p. Trùng Khánh, t. CB 672

Cổ Quán (tổng) 古館總: h. Thần Khê, p. Tiên Hưng, t. HY 264

Cổ Quán (xã) 古館社: tg. Cổ Quán, h. Thần Khê, p. Tiên Hưng, t. HY 264

Cổ Sách (xã) 古索社: tg. Lập Bái, h. Diên Hà, p. Tiên Hưng, t. HY 267

Cổ Thành (xã) 古城社: tg. Bích La, h. Đăng Xương, đạo QT 1383

Cổ Tháp (xã) 古塔社: tg. Hạ Lang, h. Quảng Điền, p. TT 1427

Cổ Tháp (ấp) 古塔邑: tg. Hạ Lang, h. Quảng Điền, p. TT 1427

Cổ Thiết (xã) 古鐵社: tg. Tiêu Xá, h. Gia Bình, p. Thuận Thành, t. BN 509

Cổ Thọ (xã) 古壽社: tg. Bồ Xá, h. Bình Lục, p. Lý Nhân, t. HN 43

Cổ Tiết (xã) 古薛社: tg. Phương Quan, h. Đông Quan, p. Thái Bình, t. ND 338

Cổ Tiết (sách) 古節冊: tg. Phác Lễ, h. Nghĩa Đường, p. Quỳ Châu, t. NA 1275

Cổ Tiết (xã) 古薛社: tg. Văn Lang, h. Tam Nông, p. Gia Hưng, t. HH 709

Cổ Trai (xã) 古齋社: tg.Minh Lương,h.Minh Linh,đạo QT 1390	Côn Cương (xã) 崑崗社: tg.Cao Xá,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1125
Cổ Trai (thôn) 古齋村: tg.Đường Xuyên,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN .. 22	Côn Lăng (xã) 崑陵社: tg.Dương Vũ,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB .. 1021
Cổ Trai (trại) 古齋寨: tg.Xuyên Hữ,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124	Côn Lĩnh (thôn) 崑嶺村: tg.Cao Mật,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144
Cổ Trai (tổng) 古齋總: h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 140	Côn Lôn (tổng) 崑崙總: ch.Chiêm Hoá,p.Tương An,t.TQ 877
Cổ Trai (xã) 古齋社: tg.Cổ Trai,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 140	Côn Lôn (xã) 崑崙社: tg.Côn Lôn,ch.Chiêm Hoá,p.Tương An,t.TQ 877
Cổ Trai (thôn) 古齋村: x.Vĩnh Bảo,tg.Diên Hà,h.Diên Hà, p.Tiên Hưng,t.HY 267	Côn Luân (xã) 崑崙社: tg.Văn Bảng,ch.Luân,p.Điện Biên,t.HH 740
Cổ Trang (xã) 古莊社: tg.Đào Quan,h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN 531	Côn Minh (tổng) 昆明總: ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN 819
Cổ Trinh (thôn) 古貞村: x.Yên Thái,tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1115	Côn Minh (xã) 昆明社: tg.Côn Minh,ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN .. 819
Cổ Tung (xã) 古嵩社: tg.Cổ Da,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 310	Côn Minh (thôn) 昆明村: x.Từ Nê,tg.Cổ Định,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1123
Cổ Văn (thôn) 古文村: tg.Văn Trinh,h.Hưng Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA ... 1243	Công Bật (xã) 公弼社: tg.Thượng Giáo,ch.Bạch Thông, p.Thông Hóa,t.TN 819
Cổ Văn (xã) 古文社: tg.Bì Hạ,ch.Lục Yên,p.An Bình,t.TQ 867	Công Bồi (thôn) 功培村: x.Thống Trại,tg.Chi Nê,h.Hậu Lộc, p.Hà Trung,t.TH 1096
Cổ Viễn (tổng) 古遠總: h.Thượng Nguyên,p.Xuân Trường,t.NĐ 309	Công Bồi (xã) 功培社: tg.An Bồi,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 331
Cổ Viễn (xã) 古遠社: tg.Cổ Viễn,h.Thượng Nguyên,p.Xuân Trường,t.NĐ 309	Công Cối (thôn) 公檜村: x.Xuân Lôi,tg.Bất Phí,h.Võ Giàng, p.Từ Sơn,t.BN 501
Cổ Việt (xã) 古越社: tg.Đội Trạch,h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ 329	Công Đa (xã) 功多社: tg.Kim Quan,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 960
Cổ Vũ (xã) 鼓舞社: tg.Lân Sơn,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 663	Công Đình (xã) 公亭社: tg.Hạ Dương,h.Đồng Ngạc,p.Từ Sơn,t.BN 491
Cổ Vũ (phường) 鼓舞坊: tg.Thuận Mỹ,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 11	Công Hà (xã) 公河社: tg.Khuơng Tự,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN ... 506
Cổ Vũ (phường) 鼓舞坊: tg.Vĩnh Xương,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12	Công Lập (thôn) 功立村: x.Tĩnh Man,tg.Bất Náo,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1145
Cổ Xá (xã) 古舍社: tg.Cổ Cốc,h.Thần Khê,p.Tiên Hưng,t.HY 265	Công Luận (xã) 公論社: tg.Phụng Công,h.Văn Giang, pp.Thuận Thành,t.BN 517
Cổ Xuân (ấp) 古春邑: tg.Phù Ninh,h.Phong Điền,p.TT 1428	Công Lương (xã) 公良社: tg.An Cựu,h.Hương Thủy,p.TT 1422
Cổ Bản (thôn) 固本村: x.Dương Sơn,tg.Dương Sơn,h.Mỹ Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1093	Công Ngư (xã) 攻魚社: tg.Võng La,h.Yên Lăng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 939
Cổ Bản (thôn) 固本村: x.Yên Thái,tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1115	Công Thành (thôn) 功成村: x.Hương Phấn,tg.Diên Hào,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1146
Cổ Bản (xã) 固本社: tg.Thị Liệu,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 310	Công Trung (xã) 公忠社: tg.Quan Hóa,h.Yên Thành,p.Diễn Châu,t.NA 1250
Cổ Nghĩa (xã) 顧義社: tg.Xích Thổ,h.Yên Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1042	Công Xá (tổng) 公舍總: h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 44
Cốc (trang) 穀庄: tg.Thử Cốc,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1102	Công Xá (xã) 公舍社: tg.Công Xá,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 44
Cốc (thôn) 穀村: x.Cốc Xá,tg.Thử Cốc,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1101	Công Yên (thôn) 公安村: tg.Mỹ Lương,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 925
Cốc (thôn) 谷村: tg.Thụy Lợi,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38	Cống Hiến (xã) 貢賢社: tg.Hạ Am,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124
Cốc Chấn (trại) 穀振寨: tg.Trừ Trĩ,ch.Thoát Lãng,p.Tràng Định,t.LS 608	Cống Khê (xã) 貢溪社: tg.Trầm Lộng,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26
Cốc Dương (thôn) 穀陽村: x.Như Luyện,tg.Phi Lai,h.Nga Sơn, p.Hà Trung,t.TH 1086	Cống Khê (xã) 貢溪社: tg.Bột Xuyên,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31
Cốc Dương (xã) 穀陽社: tg.Vĩ Nhuệ,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 317	Cống Khê (sở) 貢溪所: tg.Bột Xuyên,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31
Cốc Đán (xã) 穀旦社: tg.Thượng Quan,h.Nguyên Bình,p.Hòa An,t.CB ... 667	Cống Khê (xã) 貢溪社: tg.Bất Náo,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 147
Cốc Đăng (xã) 穀登社: tg.Đại Quan,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 252	Cống Khê (xã) 貢溪社: tg.Ngọc Giả,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ .. 312
Cốc Hạ (thôn) 谷下村: tg.Quảng Thi,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1102	Cống Mỹ (xã) 貢美社: tg.Quỳnh Hoàng,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD 158
Cốc Hạ (thôn) 穀下村: x.Bố Vệ,tg.Bố Đức,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1104	Cống Thủy (xã) 貢水社: tg.Yên Ninh,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB . 1020
Cốc Khâu (trại) 谷邱寨: tg.Giang Ngô,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 664	Cống Thượng (thôn) 貢上村: tg.Nhã Lộng,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN . 794
Cốc Lương (xã) 穀梁社: tg.Yên Tàng,h.Đa Phúc,p.Đa Phúc,t.BN 521	Cống Vị (trại) 貢渭寨: tg.Nội,h.Vĩnh Thuận,p.Hoài Đức,t.HN 13
Cốc Thành (xã) 穀城社: tg.Thượng Kỳ,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316	Cống Xuyên (xã) 貢川社: tg.Đồng Cửu,h.Thượng Phúc, p.Thường Tín,t.HN 16
Cốc Thuận (thôn) 谷順村: x.Thượng Cốc,tg.Thượng Cốc,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1145	Cống Yên (thôn) 貢安村: tg.Nội,h.Vĩnh Thuận,p.Hoài Đức,t.HN 13
Cốc Thượng (thôn) 谷上村: tg.Quảng Thi,h.Thụy Nguyên, p.Thiệu Hóa,t.TH 1102	Cộng Khánh (xã) 共慶社: tg.Mật Ninh,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN . 533
Cốc Thượng (thôn) 谷上村: x.Thượng Cốc,tg.Thượng Cốc,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1145	Cộng Khánh (thôn) 共慶村: tg.Xuân Viên,h.Nghi Xuân,p.Đức Thọ,t.NA 1264
Cốc Tiên (xã) 谷僊社: tg.Phú Châu,h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST 913	Cộng Nhuận (trại) 共潤寨: tg.Chất Thành,h.Kim Sơn, p.Yên Khánh,t.NB 1032
Cốc Tràng (xã) 穀場社: tg.Cao Mật,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144	Cộng Phú (thôn) 共富村: x.Phù Sa,tg.Văn Trai,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1116
Cốc Tự (thôn) 谷寺村: x.Thượng Cốc,tg.Thượng Cốc,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1145	Cộng Vũ (xã) 共武社: tg.Ân Thi,h.Ân Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256
Cốc Xá (xã) 穀舍社: tg.Thử Cốc,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1101	Cốt Ngạnh (xã) 骨靛社: tg.Hoàng Đàm,h.Phổ Yên,p.Phú Bình,t.TN 796
Cốc Xá (thôn) 穀舍村: tg.Quảng Thi,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH . 1102	Cơ Sa (nguồn) 箕沙源: tg.Thượng Lưu,h.Minh Hoá,p.Quảng Trạch,t.QB 1359
Côi Khê (xã) 槐溪社: tg.Lạn Khê,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025	Cù Đồng (xã) 衢東村: tg.Sóc Sơn,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1131
Côi Sơn (xã) 槐山社: tg.Đàng Côi,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319	Cù Hải (thôn) 糾海村: x.Đô Bái,tg.Đô Bái,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH .. 1086
Côi Trì (xã) 槐池社: tg.Yên Mô,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1024	Cù Sơn (xã) 虬山社: tg.Thốc Sơn,h.Hữu Lũng,pp.Lạng Giang,t.BN 540
Cối Khê (xã) 檜溪社: tg.Nhượng Bạng,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659	

Cù Sơn (<i>phường</i>) 虬山坊: tg. Hoàng Xá, h. Yên Sơn, p. Quốc Oai, t. ST 919	Cự Lăng (<i>xã</i>) 巨陵: tg. La Miết, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1126
Cù Sơn (<i>xã</i>) 虬山社: tg. Hoàng Xá, h. Yên Sơn, p. Quốc Oai, t. ST 919	Cự Lâm (<i>thôn</i>) 巨林村: x. Thổ Vương, tg. Độ Liêu, h. Can Lộc, p. Đức Thọ, t. NA 1269
Cù Sơn (<i>xã</i>) 虬山社: tg. Hà Đàm, h. Thạch Lâm, p. Hòa An, t. CB 659	Cự Lâm (<i>tổng</i>) 巨林總: h. Nghĩa Đường, p. Quý Châu, t. NA 1275
Cù Sơn (<i>xã</i>) 衢山社: tg. Kiệt Đặc, h. Chí Linh, p. Nam Sách, t. HD 106	Cự Lâm (<i>xã</i>) 巨林社: tg. Cự Lâm, h. Nghĩa Đường, p. Quý Châu, t. NA 1275
Cù Tu (<i>thôn</i>) 虬鬚村: tg. Hạ Cổ, h. Ân Thi, p. Khoái Châu, t. HY 256	Cự Lâm (<i>tổng</i>) 巨林總: h. Thư Trì, p. Kiến Xương, t. ND 333
Cù Vân (<i>tổng</i>) 衢雲總: h. Phú Lương, p. Tông Hóa, t. TN 812	Cự Lâm (<i>xã</i>) 巨林社: tg. Cự Lâm, h. Thư Trì, p. Kiến Xương, t. ND 333
Cù Vân (<i>xã</i>) 衢雲社: tg. Cù Vân, h. Phú Lương, p. Tông Hóa, t. TN 812	Cự Linh (<i>xã</i>) 巨齡社: tg. Văn Trai, h. Cẩm Thủy, p. Quảng Hóa, t. TH 1139
Cụ (<i>thôn</i>) 具村: x. Lương Cầu, tg. Sơn Lôi, h. Bình Xuyên, p. Phú Bình, t. TN 801	Cự Linh (<i>tổng</i>) 巨靈總: h. Gia Lâm, pp. Thuận Thành, t. BN 515
Cụ (<i>thôn</i>) 具村: x. Tị Cự, tg. Đông Yên, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1086	Cự Linh (<i>xã</i>) 巨靈社: tg. Cự Linh, h. Gia Lâm, pp. Thuận Thành, t. BN 515
Cụ Trì (<i>xã</i>) 具池社: tg. La Ngoại, h. Thanh Miện, p. Bình Giang, t. HD 95	Cự Lộc (<i>thôn</i>) 巨祿村: x. Đại Đồng, tg. Hàng Vi, h. Hoằng Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1090
Cúc Bồ (<i>xã</i>) 菊蒲社: tg. Hu Trì, h. Vĩnh Bảo, p. Ninh Giang, t. HD 126	Cự Lộc (<i>trang</i>) 巨祿庄: tg. Đông Lý, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1110
Cúc Đường (<i>trang</i>) 菊堂庄: tg. Văn Lăng, h. Đông Hỷ, p. Phú Bình, t. TN 798	Cự Lộc (<i>thôn</i>) 巨祿村: tg. Khương Đình, h. Thanh Trì, p. Thường Tín, t. HN 19
Cúc Hương (<i>xã</i>) 菊香社: tg. Vũ La, h. Thanh Lâm, p. Nam Sách, t. HD 111	Cự Lộc (<i>xã</i>) 巨麓社: tg. Mặc Xá, h. Tứ Kỳ, p. Ninh Giang, t. HD 134
Cúc Thủy (<i>xã</i>) 菊水社: tg. Hạ Am, h. Vĩnh Lại, p. Ninh Giang, t. HD 124	Cự Lu (<i>xã</i>) 巨蘆社: tg. Tự Cường, h. Thạch Thành, p. Quảng Hóa, t. TH 1135
Cung Bái (<i>xã</i>) 恭拜社: tg. Đan Hội, h. Lục Ngạn, p. Lạng Giang, t. BN 537	Cự Lữ (<i>tổng</i>) 巨侶總: h. Cẩm Thủy, p. Quảng Hóa, t. TH 1139
Cung Chúc (<i>xã</i>) 恭祝社: tg. Viên Lang, h. Vĩnh Bảo, p. Ninh Giang, t. HD ... 126	Cự Năm (<i>thôn</i>) 巨稔村: tg. Hoàn Phúc, h. Bồ Trách, p. Quảng Trách, t. QB 1357
Cung Điền (<i>xã</i>) 龔田社: tg. Cao Xá, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1125	Cự Nham (<i>thôn</i>) 巨巖社: tg. Thái Lai, h. Quảng Xương, p. Tĩnh Gia, t. TH 1121
Cung Kiệm (<i>xã</i>) 恭儉社: tg. Đại Liễn, h. Võ Giàng, p. Từ Sơn, t. BN 501	Cự Phạm (<i>xã</i>) 巨范社: tg. Cam Đường, h. Kim Thành, p. Kiến Thụy, t. HD 147
Cung Nhượng (<i>xã</i>) 恭讓社: tg. Thọ Xương, h. Bảo Lộc, p. Lạng Giang, t. BN 531	Cự Phú (<i>thôn</i>) 巨富村: x. Thạch Nội, tg. Văn Trường, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1117
Cung Quế (<i>phường</i>) 宮桂坊: tg. Tri Hối, h. Gia Viễn, p. Yên Khánh, t. NB .. 1029	Cự Phú (<i>thôn</i>) 巨富村: x. Văn Phương, tg. Văn Trường, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1117
Cung Quế (<i>xã</i>) 宮桂社: tg. Thanh Quyết, h. Gia Viễn, p. Yên Khánh, t. NB 1029	Cự Phú (<i>xã</i>) 巨富社: tg. Lạc Thiện, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1125
Cung Thận (<i>xã</i>) 恭慎社: tg. Tương Phiêu, h. Thạch Thất, p. Quốc Oai, t. ST 923	Cự Sư (<i>xã</i>) 巨廬社: tg. Nghĩa Trai, h. Gia Lâm, pp. Thuận Thành, t. BN 515
Cung Thuế (<i>thôn</i>) 供稅村: tg. Đông Lỗ, h. Sơn Minh, p. Ứng Hòa, t. HN 26	Cự Thắng (<i>thôn</i>) 巨勝村: x. Quảng Lăng, tg. La Miết, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1126
Cung Thượng (<i>tổng</i>) 供上總: h. Quảng Xương, p. Tĩnh Gia, t. TH 1120	Cự Thắng (<i>thôn</i>) 巨勝村: x. Phú Chắt, tg. La Miết, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1126
Cung Thượng (<i>xã</i>) 供上: tg. Cung Thượng, h. Quảng Xương, p. Tĩnh Gia, t. TH 1120	Cự Thắng (<i>tổng</i>) 巨勝總: h. Thanh Thủy, p. Gia Hưng, t. HH 713
Củng Bả (<i>xã</i>) 拱把社: tg. Văn Thê, ch. Ôn, p. Tráng Khánh, t. LS 617	Cự Thắng (<i>xã</i>) 巨勝社: tg. Cự Thắng, h. Thanh Thủy, p. Gia Hưng, t. HH 713
Củng Xương (<i>chợ</i>) 鞏昌市: tg. Bạch Đằng, h. Hà Lang, p. Trùng Khánh, t. CB 677	Cự Thịnh (<i>thôn</i>) 巨盛村: x. Cự Lăng, tg. La Miết, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1126
Cư Chánh (<i>tổng</i>) 居正總: h. Hương Thủy, p. TT 1422	Cương Đoán (<i>xã</i>) 剛斷社: tg. Cổ Đạm, h. Nghi Xuân, p. Đức Thọ, t. NA 1265
Cư Chánh (<i>xã</i>) 居正社: tg. Cư Chánh, h. Hương Thủy, p. TT 1422	Cương Đông (<i>xã</i>) 崗東社: tg. Đông Mật, h. Lập Thạch, p. Vĩnh Tường, t. ST 932
Cư Điện (<i>thôn</i>) 居奠村: x. Thủy Chú, tg. Kiên Thạch, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1144	Cương Gián (<i>xã</i>) 崗澗社: tg. Cổ Đạm, h. Nghi Xuân, p. Đức Thọ, t. NA 1265
Cư Lễ (<i>xã</i>) 居禮社: tg. Lương Hạ, h. Cẩm Hóa, p. Thông Hóa, t. TN 816	Cương Gián (<i>xã</i>) 剛諫社: tg. Thuận Lễ, h. Minh Chính, p. Quảng Trạch, t. QB 1356
Cư Nhân (<i>xã</i>) 居仁社: tg. Lạc Đạo, h. Lạc Yên, p. Nho Quan, t. NB 1040	Cương Gián (<i>xã</i>) 岡澗社: tg. Xuân Hoà, h. Minh Linh, đạo QT 1390
Cư Nhân (<i>thôn</i>) 居仁村: x. Văn Trai, tg. Văn Trai, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1116	Cương Gián Đông (<i>ấp</i>) 岡澗東邑: tg. Khuông Phù, h. Quảng Điền, p. TT 1427
Cư Nhân (<i>xã</i>) 居仁社: tg. Cao Đường, h. Thượng Nguyên, p. Xuân Trường, t. ND 309	Cương Gián Tây (<i>ấp</i>) 岡澗西邑: tg. Khuông Phù, h. Quảng Điền, p. TT. 1427
Cư Tiên (<i>xã</i>) 居先社: tg. Hà Vĩ, ch. Bạch Thông, p. Thông Hóa, t. TN 819	Cương Lăng (<i>trang</i>) 崗陵庄: tg. Yên Đỗ, h. Đại Từ, p. Tông Hóa, t. TN 810
Cư Yên (<i>xã</i>) 居安社: tg. Hạ Lôi, h. Yên Lãng, pp. Vĩnh Tường, t. ST 938	Cương Ngô (<i>xã</i>) 崗梧社: tg. Cổ Điền, h. Thanh Trì, p. Thường Tín, t. HN 19
Cừ (<i>thôn</i>) 渠村: x. Tam Lộng, tg. Tam Lộng, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH . 1145	Cương Nha (<i>xã</i>) 訐衙社: tg. Hà Đái, h. Tiên Minh, p. Nam Sách, t. HD 117
Cừ (<i>thôn</i>) 渠村: tg. Vũ Xá, h. Phong Lộc, p. Quảng Ninh, t. QB 1345	Cương Trung (<i>thôn</i>) 崗中村: x. Đình Hương, tg. Cổ Định, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1123
Cử Đức (<i>xã</i>) 據德社: tg. Như Lăng, ch. Thường Xuân, p. Thọ Xuân, t. TH ... 1147	Cường Kỵ (<i>thôn</i>) 強騎村: tg. Lâm Thịnh, h. Nam Đường, p. Anh Sơn, t. NA 1235
Cự (<i>thôn</i>) 巨村: x. Nhị Trai, tg. Trùng Xá, h. Lương Tài, p. Thuận Thành, t. BN .. 511	Cường Nỗ (<i>xã</i>) 疆弩社: tg. Yên Linh, h. Hàm Yên, p. An Bình, t. TQ 860
Cự (<i>thôn</i>) 巨村: x. Mỹ Dụ, tg. Đô Yên, h. Hưng Nguyên, p. Anh Sơn, t. NA 1242	Cường Nỗ (<i>xã</i>) 疆弩社: tg. Xuân Canh, h. Đông Ngạn, p. Từ Sơn, t. BN 492
Cự (<i>thôn</i>) 巨村: x. Thổ Khối, tg. Mậu Lâm, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1086	Cường Nỗ (<i>xã</i>) 疆弩社: tg. Bách Lãm, h. Trấn Yên, p. Quý Hóa, t. HH 726
Cự (<i>thôn</i>) 巨村: x. Tam Lộng, tg. Tam Lộng, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH . 1145	Cửu Bao (<i>thôn</i>) 九包: tg. Khoái Lạc, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1110
Cự (<i>thôn</i>) 巨村: x. Bình Trị, tg. Tam Lộng, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1146	Cửu Cao (<i>xã</i>) 九臬社: tg. Như Quỳnh, h. Gia Lâm, pp. Thuận Thành, t. BN .. 514
Cự Bành (<i>xã</i>) 巨彭社: tg. Xuân Đài, h. Thanh Sơn, p. Gia Hưng, t. HH 711	Cửu Phong (<i>phố</i>) 芴葑舖: tg. Bàng Quan, h. Thất Khê, p. Tráng Định, t. LS . 602
Cự Bột (<i>sách</i>) 巨勃社: tg. Hạ Sư, h. Nghĩa Đường, p. Quý Châu, t. NA 1275	Cửu Tích (<i>xã</i>) 九錫社: tg. Minh Đoãn, h. Tây Quan, p. Đoàn Hùng, t. ST 954
Cự Đà (<i>thôn</i>) 巨駝村: x. Từ Đà, tg. Từ Minh, h. Hoằng Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1089	Cửu Yên (<i>thôn</i>) 久安村: tg. Xuân Liễu, h. Nam Đường, p. Anh Sơn, t. NA ... 1236
Cự Đà (<i>thôn</i>) 巨陀村: tg. Tả Thanh Oai, h. Thanh Oai, p. Ứng Hòa, t. HN 28	
Cự Đồng (<i>thôn</i>) 巨同村: tg. Đặng Xá, h. Gia Lâm, pp. Thuận Thành, t. BN ... 515	
Cự Đồng (<i>xã</i>) 巨同社: tg. Cự Thắng, h. Thanh Thủy, p. Gia Hưng, t. HH 713	
Cự Lai (<i>xã</i>) 巨萊社: tg. An Bồ, h. Vĩnh Bảo, p. Ninh Giang, t. HD 126	
Cự Lại (<i>xã</i>) 鉅賴社: tg. Kế Mỹ, h. Phú Vang, p. TT 1420	

Cửu Yên (*thôn*) 久安村: x.Việt Yên Thượng,tg.Việt Yên,h.La Sơn,
p.Đức Thọ,t.NA 1255

Cửu Yên (*xã*) 久安社: tg.Miêu Duệ,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 935

Cửu Yên (*xã*) 久安社: tg.Liêu Lâm,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN 506

Cửu Dương (*xã*) 白陽社: tg.Khánh Nham,h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS 602

Cứu Đồi (*xã*) 究堆社: tg.Phú Khê,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 116

Cứu Sơn (*xã*) 究山社: tg.Đồng Cửu,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509

Cựu (*thôn*) 舊村: x.Đồng Lỗ,tg.Mật Vật,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1101

Cựu (*thôn*) 舊村: x.Ngô Xá,tg.Lôi Dương,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1144

Cựu (*thôn*) 舊村: x.Hữu Vi,tg.Tam Lộng,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1145

Cựu (*thôn*) 舊村: x.Mộc Học,tg.Tam Lộng,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1145

Cựu (*thôn*) 舊村: x.Bảo Châu,tg.Vũ Điện,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45

Cựu Điện (*xã*) 舊甸社: tg.Kê Sơn,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124

Cựu Đình (*tổng*) 舊亭總: h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST 913

Cựu Đình (*xã*) 舊亭社: tg.Cựu Đình,h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST 913

Cựu Lâu (*thôn*) 舊樓村: tg.Đồng Thọ,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12

Cựu Lục (*xã*) 舊錄社: tg.Xuân Văn,h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST 913

Cựu Phong (*xã*) 舊峰社: tg.Mục Sơn,h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN 540

Cựu Quán (*xã*) 舊館社: tg.Sơn Đồng,h.Đan Phượng,p.Quốc Oai,t.ST 922

Cựu Thông Lăng (*xã*) 舊通朗社: tg.Thông Lăng,h.Hưng Nguyên,
p.Anh Sơn,t.NA 1242

Cựu Trạch (*thôn*) 舊宅村: x.Lôi Dương,tg.Lôi Dương,h.Lôi Dương,
p.Thọ Xuân,t.TH 1144

Cựu Tự (*xã*) 舊寺社: tg.Phù Lương,h.Võ Giàng,p.Từ Sơn,t.BN 501

Cựu Viên (*xã*) 舊園社: tg.Văn Đẩu,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144

D

Da Hương (*xã*) 椰香社: tg.Hà Hoàng,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957

Da Kiều (*xã*) 椰橋社: tg.Đồng Bạ,h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1082

Da Môn (*xã*) 椰門社: tg.An Xá,h.Do Linh,đạo QT 1391

Da Môn (*phường*) 椰門坊: tg.An Xá,h.Do Linh,đạo QT 1391

Da Nham (*xã*) 椰岩社: tg.Hạ Hiệu,ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN 819

Da Sơn (*xã*) 椰山社: tg.Thái Đào,h.Phượng Nhãn,p.Lạng Giang,t.BN 530

Da Thượng (*tổng*) 椰上總: h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525

Da Thượng (*xã*) 椰上社: tg.Da Thượng,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525

Da Viên (*xã*) 椰園社: tg.Hiến Lương,h.Phong Điền,p.TT 1428

Da Viên (*tổng*) 椰園總: h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151

Da Viên (*xã*) 椰園社: tg.Da Viên,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151

Da Xuyên (*xã*) 椰川社: tg.Toại An,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134

Dã Bản (*xã*) 野板社: tg.Đồng Viên,ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN 819

Dã Cát (*tổng*) 野葛總: h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926

Dã Cát (*xã*) 野葛社: tg.Dã Cát,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926

Dã Cầu (*thôn*) 野棣村: tg.Thượng Cổ,h.Ân Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256

Dã Độ (*xã*) 野渡社: tg.An Dã,h.Đàng Xương,đạo QT 1384

Dã Khê (*ấp*) 野溪邑: tg.Cư Chánh,h.Hương Thủy,p.TT 1422

Dã Lê (*tổng*) 野梨總: h.Hương Thủy,p.TT 1422

Dã Lê (*xã*) 野梨社: tg.Dã Lê,h.Hương Thủy,p.TT..... 1422

Dã Lê 野梨: tg.Lương Điền,h.Phú Lộc,p.TT 1423

Dã Lê Thượng (*xã*) 野梨上社: tg.Dã Lê,h.Hương Thủy,p.TT..... 1422

Dã Nham (*tổng*) 野岩總: ch.Văn Uyên,p.Tràng Định,t.LS 610

Dã Nham (*xã*) 野岩社: tg.Dã Nham,ch.Văn Uyên,p.Tràng Định,t.LS 610

Dã Thủ (*xã*) 野茱社: tg.Tiên Thủ,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522

Dã Tịch (*tràng*) 野闢庄: tg.Liên Hương,h.Bố Trạch,p.Quảng Trạch,t.QB 1357

Dạ Lung (*trại*) 夜籠寨: tg.Giang Ngõ,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 664

Danh Hựu (*xã*) 名園社: tg.Văn Lang,h.Tam Nông,p.Gia Hưng,t.HH 709

Danh Lâm (*xã*) 名林社: tg.Hội Phụ,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 491

Danh Thắng (*xã*) 名勝社: tg.Đức Thắng,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522

Dao Cù (*xã*) 瑤衢社: tg.Sa Lung,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 310

Dao Xá (*thôn*) 瑤舍村: tg.Quảng Thi,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH . 1102

Đặc Hạ (*xã*) 弋下社: tg.Cung Thượng,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH . 1120

Dân Trù (*xã*) 民稠社: tg.Hương Nha,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 941

Dận Tự (*xã*) 胤嗣社: tg.Đồng Phú,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930

Đậu Trì (*xã*) 酉池社: tg.Đồng Cao,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 123

Di Ái (*xã*) 遺愛社: tg.Kim Thiá,h.Đan Phượng,p.Quốc Oai,t.ST 922

Di Kiên (*xã*) 彌堅社: tg.Lai Triều,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124

Di Linh (*tràng*) 遺靈庄: tg.Văn Hội,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124

Di Lộc (*xã*) 彌祿社: tg.Thuận Bài,h.Bình Chính,p.Quảng Trạch,t.QB 1353

Di Luân (*thôn*) 葬倫村: tg.Đại Đồng,h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA 1236

Di Luân (*ấp*) 彌綸邑: tg.Thuận Hoà,h.Bình Chính,p.Quảng Trạch,t.QB . 1353

Di Luân (*xã*) 彌綸社: tg.Minh Lương,h.Minh Linh,đạo QT 1390

Di Phúc (*xã*) 貽福社: tg.Hoàn Đường,h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343

Di Phúc (*xã*) 頤福社: tg.Vọng Lỗ,h.Phụ Dực,pp.Thái Bình,t.NĐ 346

Dĩ Ninh (*trại*) 以寧寨: tg.Hồi Thuần,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1033

Dĩ Phố (*xã*) 汜浦社: tg.Mộc Phạm,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 23

Dị Chế (*xã*) 易制社: tg.Trạc Nhật,h.Thạch Thành,p.Quảng Hóa,t.TH 1135

Dị Chế (*tổng*) 易制總: h.Tiên Lữ,p.Tiên Hưng,t.HY 271

Dị Chế (*xã*) 易制社: tg.Dị Chế,h.Tiên Lữ,p.Tiên Hưng,t.HY 271

Dị Nậu (*thôn*) 易耨村: tg.Hoàng Mai,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA 1253

Dị Nậu (*xã*) 易耨社: tg.Hương Ngải,h.Thạch Thất,p.Quốc Oai,t.ST 924

Dị Nậu (*xã*) 易耨社: tg.Miêu Duệ,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 935

Dị Nậu (*tổng*) 易耨總: h.Tam Nông,p.Gia Hưng,t.HH 709

Dị Nậu (*xã*) 易耨社: tg.Dị Nậu,h.Tam Nông,p.Gia Hưng,t.HH 709

Dị Ốc (*tổng*) 異渥總: h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259

Dị Ốc (*xã*) 異渥社: tg.Dị Ốc,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259

Dị Sửu (*xã*) 易使社: tg.Trương Xá,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100

Dị Sửu (*xã*) 易使社: tg.Phá Lăng,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 511

Dị Sửu (*xã*) 易使社: tg.Cao Đường,h.Thượng Nguyên,p.Xuân Trường,t.NĐ 309

Dịch (*thôn*) 驛村: x.Điều An,tg.Cung Thượng,h.Quảng Xương,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1120

Dịch Diệp (*xã*) 奕葉社: tg.Phương Đế,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ 312

Dịch Dương (*xã*) 驛陽社: tg.Ngọc Chấn,ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ ... 862

Dịch Đồng (*xã*) 驛同社: tg.Đồng Hồn,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 941

Dịch Trì (*xã*) 液池社: tg.Liêu Xá,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100

Dịch Vọng (*tổng*) 驛望總: h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 7

Dịch Vọng (*xã*) 驛望社: tg.Dịch Vọng,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 7

Dịch Vọng (*sở*) 驛望所: tg.Dịch Vọng,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 7

Diêm Điền (*phường*) 鹽田坊: tg.Long Đại,h.Phong Lộc,
p.Quảng Ninh,t.QB 1345

Diêm Điền (*thôn*) 鹽田村: tg.Hoàn Nha,h.Giao Thủy,
p.Xuân Trường,t.NĐ 304

Diêm Hà Hạ (*xã*) 鹽河下社: tg.An Mỹ,h.Do Linh,đạo QT 1391

Diêm Hà Trung (*xã*) 鹽河中社: tg.An Mỹ,h.Do Linh,đạo QT 1391

Diêm Hộ (*xã*) 鹽戶社: tg.Hồ Đội,h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343

Diêm Phố (*xã*) 鹽浦社: tg.Đàng Trường,h.Hậu Lộc,p.Hà Trung,t.TH 1096

Diêm Tịch (*xã*) 鹽井社: tg.Quảng Nạp,h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343

Diêm Trì (*lỵ*) 鹽池里: tg.Tân An,h.Tiến Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335

Diêm Trường (*tổng*) 鹽場總: h.Phú Lộc,p.TT 1424

Diêm Trường (*xã*) 鹽場社: tg.Diêm Trường,h.Phú Lộc,p.TT 1424

Diêm Tự (*ấp*) 鹽聚邑: tg.Quảng Xuyên,h.Phú Vang,p.TT 1420

Diêm Dương (*xã*) 豔陽社: tg.Đường Xâm,h.Chân Định,
p.Kiến Xương,t.NĐ 331

Diệm Dương (xã) 艸陽社: tg.Hà Châu,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522

Diệm Khê (xã) 剡溪社: tg.Trúc Động,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD ... 162

Diệm Xuân (thôn) 艸春村: tg.Mộ Chu,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930

Diên (thôn) 延村: x.Diên Trường,tg.Phú Lão,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319

Diên An (xã) 延安社: tg.Thanh Cù,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 259

Diên Bình (xã) 延平社: tg.Diên Hưng,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ 313

Diên Đại (xã) 延代社: tg.Đường Anh,h.Phú Vang,p.TT 1420

Diên Điền (xã) 鹽田社: tg.An Bồi,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 331

Diên Gia (xã) 延嘉社: tg.Đạo Ngạn,ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ 863

Diên Hà (xã) 延河社: tg.Bình Cách,h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 339

Diên Hà (huyện) 延河縣: p.Tiên Hưng,t.HY 266

Diên Hà (tổng) 延河總: h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267

Diên Hà (xã) 延河社: tg.Diên Hà,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267

Diên Hào (tổng) 延豪總: h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1146

Diên Hào (xã) 延豪社: tg.Diên Hào,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1146

Diên Hy (xã) 延禧社: tg.Đa Lộc,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109

Diên Hưng (thôn) 延興村: tg.Đồng Thọ,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12

Diên Hưng (tràng) 延興庄: tg.Ngũ Trang,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 307

Diên Hưng (tổng) 延興總: h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 310

Diên Hưng (xã) 延興社: tg.Diên Hưng,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 310

Diên Hưng (tổng) 延興總: h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ 313

Diên Hưng Bằng (tràng) 延興憑庄: tg.Diên Hưng,h.Chân Ninh,
p.Xuân Trường,t.NĐ 313

Diên Hưng Đông (tràng) 延興東庄: tg.Diên Hưng,h.Chân Ninh,
p.Xuân Trường,t.NĐ 313

Diên Hưng Hậu (tràng) 延興後庄: tg.Diên Hưng,h.Nam Chân,
p.Xuân Trường,t.NĐ 310

Diên Hưng Nam (tràng) 延興南庄: tg.Diên Hưng,h.Chân Ninh,
p.Xuân Trường,t.NĐ 313

Diên Hưng Thượng (tràng) 延興上庄: tg.Diên Hưng,h.Nam Chân,
p.Xuân Trường,t.NĐ 310

Diên Hưng Tiền (tràng) 延興前庄: tg.Diên Hưng,h.Nam Chân,
p.Xuân Trường,t.NĐ 310

Diên Khánh (xã) 延慶社: tg.An Nhân,h.Hải Lăng,đạo QT 1385

Diên Lạc (xã) 筵樂社: tg.Lệ Viễn,h.Yên Bái,p.Tràng Khánh,t.LS 619

Diên Lãm (xã) 延攬社: tg.Truyền Nham,h.Thúy Vân,p.Quỳ Châu,t.NA 1276

Diên Lãng (xã) 延朗社: tg.Diên Hưng,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ 313

Diên Lão (tổng) 延老總: h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 117

Diên Lão (xã) 延老社: tg.Diên Lão,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 117

Diên Linh (xã) 延齡社: tg.Phú Ổ,h.Quảng Tế,p.Quảng Hóa,t.TH 1134

Diên Linh (xã) 延齡社: tg.Thượng Chiểu,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165

Diên Linh (xã) 鳶鈴社: tg.Đồng Kết,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 252

Diên Linh (xã) 延齡社: tg.Hoàng Tranh,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY 255

Diên Lộc (xã) 延祿社: tg.Yên Định,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109

Diên Lộc (thôn) 延祿村: tg.Kế Mỹ,h.Phú Vang,p.TT 1420

Diên Lộc (xã) 延祿社: tg.Xuân Lai,h.Đa Phúc,p.Đa Phúc,t.BN 521

Diên Mậu (tổng) 延茂總: h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB 1021

Diên Mậu (xã) 延茂社: tg.Diên Mậu,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB ... 1021

Diên Mỹ (xã) 延美社: tg.Từ Vinh,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316

Diên Nông (xã) 延農社: tg.Canh Nông,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267

Diên Phi (sách) 鳶飛冊: tg.Thuần Hàm,h.Nghĩa Đường,
p.Quỳ Châu,t.NA 1275

Diên Phúc (xã) 延福社: tg.Thuận Bài,h.Bình Chính,
p.Quảng Trạch,t.QB 1353

Diên Phúc (xã) 延福社: tg.Diên Hà,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267

Diên Sinh (xã) 延生社: tg.Câu Hoan,h.Hải Lăng,đạo QT 1385

Diên Thượng (xã) 延上社: tg.Đa Lộc,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109

Diên Tiên (thôn) 延先村: tg.Đô Lương,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1235

Diên Trữ (xã) 延貯社: tg.Hóa Tài,h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 339

Diên Trường (xã) 延長社: tg.Vũ Xá,h.Phong Lộc,p.Quảng Ninh,t.QB .. 1345

Diên Trường (thôn) 延長村: tg.Thuận Thị,h.Minh Chính,
p.Quảng Trạch,t.QB 1355

Diên Trường (xã) 延長社: tg.Mậu Tài,h.Phú Vang,p.TT 1420

Diên Trường (xã) 延長社: tg.Ninh Xá,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 20

Diên Trường (thôn) 延長村: x.Đô Kỳ,tg.Y Đốn,h.Thần Khê,
p.Tiên Hưng,t.HY 265

Diên Trường (xã) 延長社: tg.Phú Lão,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 320

Diên Tục (thôn) 延續村: x.Yên Lạc,tg.Yên Lạc,h.Thần Khê,
p.Tiên Hưng,t.HY 265

Diên Ứng (xã) 延應社: tg.Lương Xá,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31

Diễn Châu (phủ) 濱州府: t.NA 1248

Diễn Ngoại (xã) 衍外社: tg.Lai Triều,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124

Diễn Nội (xã) 衍内社: tg.Lai Triều,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124

Diễn Phái (xã) 演派社: tg.Đường Anh,h.Phú Vang,p.TT 1420

Dĩnh Bạ (xã) 郢畔社: tg.Sơn Đình,h.Phượng Nhãn,p.Lạng Giang,t.BN . 530

Dĩnh Cầu (xã) 郢楸社: tg.Phi Mô,h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN 531

Dĩnh Kế (tổng) 郢計總: h.Phượng Nhãn,p.Lạng Giang,t.BN 530

Dĩnh Kế (xã) 郢計社: tg.Dĩnh Kế,h.Phượng Nhãn,p.Lạng Giang,t.BN 530

Dĩnh Lục (xã) 郢陸社: tg.Phi Mô,h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN 531

Dĩnh Sơn (tổng) 郢山總: h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 533

Dĩnh Sơn (xã) 郢山社: tg.Dĩnh Sơn,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 533

Dĩnh Tháp (xã) 郢塔社: tg.Yên Thế,h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN 540

Dĩnh Trì (xã) 郢池社: tg.Dĩnh Kế,h.Phượng Nhãn,p.Lạng Giang,t.BN 530

Dĩnh Uyên (xã) 郢淵社: tg.Dĩnh Kế,h.Phượng Nhãn,p.Lạng Giang,t.BN . 530

Dĩnh Xuyên (xã) 郢川社: tg.Phi Mô,h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN 531

Do Đạo (xã) 由道社: tg.Đồng Thủy,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45

Do Đạo (xã) 由道社: tg.Đặng Xá,h.Hưng Nhân,p.Tiên Hưng,t.HY 268

Do Lễ (xã) 由禮社: tg.Thông Lăng,h.Hưng Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA 1242

Do Lễ (xã) 由禮社: tg.Vạn Diêm,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN 17

Do Lễ (xã) 由禮社: tg.Hoàng Xá,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31

Do Lễ (xã) 由禮社: tg.Phục Lễ,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162

Do Linh (huyện) 由靈縣: đạo QT 1390

Do Nghi (xã) 由儀社: tg.Phục Lễ,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162

Do Nghĩa (tổng) 由義總: h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944

Do Nghĩa (xã) 由義社: tg.Do Nghĩa,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944

Do Nghĩa (xã) 由義社: tg.Đồng Cao,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 123

Do Nhân (xã) 由仁社: tg.Lạc Thiện,h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1040

Do Nhân (xã) 由仁社: tg.Đa Lộc,h.Yên Lăng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938

Do Trường (thôn) 由場村: tg.Văn Viên,h.Hưng Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA 1242

Doanh Châu (thôn) 瀛州村: tg.Thuần Trung,h.Lương Sơn,
p.Anh Sơn,t.NA 1234

Doanh Thất (xã) 盈室社: tg.Hội Kế,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959

Doanh Thị Hạ (ấp) 營市下邑: tg.Phú Xuân,h.Hương Trà,p.TT 1418

Doanh Thị Thượng (ấp) 營市上邑: tg.Phú Xuân,h.Hương Trà,p.TT .. 1418

Doanh Xá (xã) 營舍社: tg.Đại Bối,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1105

Doãn Đăng (xã) 允登社: tg.Minh Doãn,h.Tây Quan,p.Đoan Hùng,t.ST .. 954

Doãn Lại (xã) 允賴社: tg.Thượng Côi,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD ... 162

Doãn Trung (xã) 允中社: tg.Hà Cát,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ ... 304

Doãn Xá (xã) 尹舍社: tg.Tuần Hóa,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1105

Doãn Xá (xã) 尹舍社: tg.Liệu Lâm,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN 506

Du Chàng (xã) 杜幢社: tg.Tiểu Xá,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509

Du Châu (xã) 榆州社: tg.Yên Đổ,h.Đại Từ,p.Tông Hóa,t.TN 810

Du Độ (xã) 瑜度社: tg.Tuần La,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1117

Du Đồng (tổng) 攸同總: h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259

Du Đồng (xã) 攸同社: tg. Du Đồng, h. Hương Sơn, p. Đức Thọ, t. NA 1259

Du Đồng (thôn) 攸同村: x. Đại Bối, tg. Đại Bối, h. Sơn Minh, p. Ứng Hòa, t. HN .. 26

Du Gia (xã) 瑜珈社: tg. Yên Định, h. Vị Xuyên, p. Tương An, t. TQ 874

Du Hạ (thôn) 油下村: x. Vạn Thắng, tg. Vạn Thiện, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1125

Du Hiếu (ấp) 攸好邑: tg. Hoàng Thu, h. Giao Thủy, p. Xuân Trường, t. ND ... 304

Du La (tổng) 遊羅總: h. Thanh Hà, p. Nam Sách, t. HD 113

Du La (xã) 遊羅社: tg. Du La, h. Thanh Hà, p. Nam Sách, t. HD 113

Du Lâm (xã) 榆林社: tg. Hội Phụ, h. Đông Ngạn, p. Từ Sơn, t. BN 491

Du Lễ (xã) 游禮社: tg. Nghi Dương, h. Nghi Dương, p. Kiến Thụy, t. HD 140

Du Liễn Thượng (thôn) 瑜輦上村: tg. Văn Trai, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1116

Du Mi (xã) 瑜麋社: tg. Chuyên Nghiệp, h. Phú Xuyên, p. Thường Tín, t. HN 23

Du Mỹ (thôn) 榆美村: tg. Hạ Cỗ, h. Ân Thi, p. Khoái Châu, t. HY 256

Du Nghệ (xã) 遊藝社: tg. Định Biên Trung, ch. Định, p. Tống Hóa, t. TN 807

Du Nghi (xã) 油議社: tg. Văn Lung, h. Thạch Thành, p. Quảng Hóa, t. TH .. 1135

Du Tái (xã) 榆塞社: tg. Cáp Nhất, h. Thanh Hà, p. Nam Sách, t. HD 113

Du Thượng (thôn) 油上村: x. Vạn Thắng, tg. Vạn Thiện, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1125

Du Ti (trang) 攸司庄: tg. Cổ Nông, h. Nam Chân, p. Xuân Trường, t. ND 311

Du Tràng (xã) 柚幢社: tg. Xung Quán, ch. Thoát Lãng, p. Tràng Định, t. LS .. 608

Du Trường (tổng) 油場總: h. Hậu Lộc, p. Hà Trung, t. TH 1096

Du Trường (xã) 油場: tg. Du Trường, h. Hậu Lộc, p. Hà Trung, t. TH 1096

Du Trường (trang) 油場庄: tg. Du Trường, h. Hậu Lộc, p. Hà Trung, t. TH .. 1096

Du Trường Hạ (xã) 油場下社: tg. Du Trường, h. Hậu Lộc, p. Hà Trung, t. TH 1096

Du Trường Trung (xã) 油場中社: tg. Du Trường, h. Hậu Lộc, p. Hà Trung, t. TH 1096

Du Viên (tổng) 榆園總: h. Kim Thành, p. Kiến Thụy, t. HD 148

Du Viên (xã) 榆園社: tg. Du Viên, h. Kim Thành, p. Kiến Thụy, t. HD 148

Du Vịnh (sở) 游詠所: tg. Cung Thượng, h. Quảng Xương, p. Tĩnh Gia, t. TH 1120

Du Vịnh (xã) 游詠社: tg. Cung Thượng, h. Quảng Xương, p. Tĩnh Gia, t. TH 1120

Du Xuyên (xã) 瑜川社: tg. Văn Trai, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1116

Du Xuyên (thôn) 瑜川村: x. Du Xuyên, tg. Văn Trai, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1116

Dú Hiễn (thôn) 愈賢村: x. Châu Bàn, tg. Liên Trì, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1114

Dự (thôn) 裕村: x. Du Đại, tg. Đông Vi, h. Đông Quan, p. Thái Bình, t. ND 339

Dự An (thôn) 裕安村: tg. Hoàng Lễ, h. Kỳ Anh, đạo HT 1327

Dự Côn (thôn) 裕昆村: x. Văn Phương, tg. Thái Lai, h. Quảng Xương, p. Tĩnh Gia, t. TH 1121

Dự Đại (xã) 裕大社: tg. Đông Vi, h. Đông Quan, p. Thái Bình, t. ND 339

Dự Nghĩa (xã) 喻義社: tg. Vụ Nông, h. Giáp Sơn, p. Kinh Môn, t. HD 158

Dự Thành (thôn) 裕成村: h. Kỳ Anh, đạo HT 1327

Dự Thịnh (thôn) 裕盛村: h. Kỳ Anh, đạo HT 1327

Dự Tiền (xã) 裕錢社: tg. Hà Liễu, h. Thanh Trì, p. Thường Tín, t. HN 19

Dưỡng Khê (xã) 筍溪社: tg. Yên Lưu, h. Giáp Sơn, p. Kinh Môn, t. HD 157

Dục Dương (xã) 育陽社: tg. Đường Xám, h. Chân Định, p. Kiến Xương, t. ND 331

Dục Đức (ấp) 浴德邑: tg. Hối Thuận, h. Kim Sơn, p. Yên Khánh, t. NB 1033

Dục Đức (phường) 浴德坊: tg. Thủy Ba, h. Minh Linh, đạo QT 1390

Dục Kỳ (xã) 毓奇社: tg. An Dật, h. Thanh Lâm, p. Nam Sách, t. HD 110

Dục Linh (tổng) 毓靈總: h. Phụ Dục, pp. Thái Bình, t. ND 346

Dục Linh (xã) 毓靈社: tg. Dục Linh, h. Phụ Dục, pp. Thái Bình, t. ND 346

Dục Mỹ (xã) 毓美社: tg. Cao Xá, h. Sơn Vi, p. Lâm Thao, t. ST 944

Dục Nội (xã) 育內社: tg. Cổ Loa, h. Đông Ngạn, p. Từ Sơn, t. BN 492

Dục Quang (xã) 毓光社: tg. Đình Sơn, h. Yên Dũng, p. Lạng Giang, t. BN ... 533

Dục Thị (phường) 育市坊: tg. Long Đại, h. Phong Lộc, p. Quảng Ninh, t. QB 1345

Dục Trị (xã) 育治社: tg. An Dật, h. Thanh Lâm, p. Nam Sách, t. HD 110

Dục Tú (tổng) 育秀總: h. Đông Ngạn, p. Từ Sơn, t. BN 491

Dục Tú (xã) 育秀社: tg. Dục Tú, h. Đông Ngạn, p. Từ Sơn, t. BN 491

Dục Vật (xã) 育物社: h. Thạch Hà, đạo HT 1321

Dụê (thôn) 裔村: x. Quan Yên, tg. Yên Định, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH .. 1109

Dung (giáp) 容甲: x. Văn Trai, tg. Văn Trai, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1116

Dũng Cầm (xã) 勇敢社: tg. Đạo Tú, h. Sơn Minh, p. Ứng Hòa, t. HN 26

Dũng Kim (xã) 湧金社: tg. Công Xá, h. Nam Xương, p. Lý Nhân, t. HN 44

Dũng Liệt (tổng) 勇烈總: h. Yên Phong, p. Từ Sơn, t. BN 497

Dũng Liệt (xã) 勇烈社: tg. Dũng Liệt, h. Yên Phong, p. Từ Sơn, t. BN 497

Dũng Lược (giáp) 勇略甲: tg. Thượng Bạ, h. Tống Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1082

Dũng Nghĩa (xã) 勇義社: tg. Hành Thiện, h. Giao Thủy, p. Xuân Trường, t. ND 304

Dũng Quyết (xã) 勇決社: tg. Vũ Dương, h. Quế Dương, p. Từ Sơn, t. BN 500

Dũng Quyết (xã) 勇決社: tg. Phú Khê, h. Ý Yên, pp. Nghĩa Hưng, t. ND 323

Dũng Thọ (thôn) 勇壽村: tg. Đông Thọ, h. Thọ Xương, p. Hoài Đức, t. HN 12

Dũng Thủy (xã) 湧澤社: tg. Vô Ngại, h. Thư Trì, p. Kiến Xương, t. ND 333

Dũng Thuý (trại) 湧翠寨: tg. Chát Thành, h. Kim Sơn, p. Yên Khánh, t. NB 1033

Dũng Vi (tổng) 勇爲總: h. Tiên Du, p. Từ Sơn, t. BN 494

Dũng Vi (xã) 勇爲社: tg. Dũng Vi, h. Tiên Du, p. Từ Sơn, t. BN 494

Dũng Vi (xã) 勇爲社: tg. Lương Viên, h. Sơn Dương, p. Đoan Hùng, t. ST 959

Dụng Hiễn (xã) 用賢社: tg. Sơn Minh, h. Sơn Vi, p. Lâm Thao, t. ST 944

Duy Dương (xã) 維陽社: tg. Yên Đổ, h. Bình Lục, p. Lý Nhân, t. HN 43

Duy Hoà (ấp) 惟和邑: tg. Quy Hậu, h. Kim Sơn, p. Yên Khánh, t. NB 1033

Duy Hoà (xã) 維和社: tg. An Dã, h. Đăng Xương, đạo QT 1384

Duy Nhất (xã) 惟一社: tg. Du Trường, h. Hậu Lộc, p. Hà Trung, t. TH 1096

Duy Phiên (xã) 維藩社: tg. An Mỹ, h. Do Linh, đạo QT 1391

Duy Phiên (xã) 維藩社: tg. Tang Thác, h. Tiên Phong, p. Quảng Oai, t. ST .. 909

Duy Phiên (xã) 維藩社: tg. Hoàng Xuyết, h. Tam Dương, p. Vĩnh Tường, t. ST 934

Duy Suối (thôn) 維澗村: tg. Hà Trung, h. Kỳ Anh, đạo HT 1326

Duy Tắc (ấp) 維則邑: tg. Hoàng Thu, h. Giao Thủy, p. Xuân Trường, t. ND ... 304

Duy Tiên (huyện) 維先縣: p. Lý Nhân, t. HN 36

Duy Tiểu (thôn) 惟肖村: x. Văn Lâm Thái, tg. Lưu Vệ, h. Quảng Xương, p. Tĩnh Gia, t. TH 1121

Duy Tinh (xã) 惟精社: tg. Du Trường, h. Hậu Lộc, p. Hà Trung, t. TH 1096

Duyên Trang (xã) 延莊社: tg. Thụy Phú, h. Thượng Phúc, p. Thường Tín, t. HN 17

Duyên Yết (xã) 延謁社: tg. Thụy Phú, h. Thượng Phúc, p. Thường Tín, t. HN .. 17

Duyện Dương (xã) 兗陽社: tg. Tì Bà, h. Lương Tài, p. Thuận Thành, t. BN .. 511

Duyệt Lễ (xã) 閏禮社: tg. Ba Đông, h. Phù Cừ, p. Khoái Châu, t. HY 255

Dư Ba (xã) 餘波社: tg. Phương Xá, h. Cẩm Khê, p. Lâm Thao, t. ST 946

Dư Dụ (xã) 餘裕社: tg. Hà Liễu, h. Thanh Trì, p. Thường Tín, t. HN 19

Dư Dục (xã) 餘裔社: tg. Đăng Côi, h. Vụ Bản, p. Nghĩa Hưng, t. ND 319

Dư Đông (xã) 余東社: tg. Phú Khê, h. Tiên Minh, p. Nam Sách, t. HD 116

Dư Hàng (xã) 餘杭社: tg. Đông Khê, h. An Dương, p. Kiến Thụy, t. HD 151

Dư Khánh (thôn) 餘慶村: x. Đăng Cao, tg. Bút Sơn, h. Hoàng Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1090

Dư Xá (xã) 余舍社: tg. Tam Á, h. Siêu Loại, p. Thuận Thành, t. BN 506

Dư Xá (xã) 余舍社: tg. Thái Đường, h. Hoài An, p. Ứng Hòa, t. HN 33

Dự Mao (xã) 譽髦社: tg. Thanh Khê, h. Đông Sơn, p. Thiệu Hóa, t. TH 1105

Dự Quần (thôn) 譽群村: x. Tuấn La Thái, tg. Tuấn La, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1116

Dự Vi (xã) 預爲社: tg. Bi Hạ, ch. Lục Yên, p. An Bình, t. TQ 867

Dực Đông (trang) 翼東庄: tg. Chi Nê, h. Hậu Lộc, p. Hà Trung, t. TH 1097

Dực Đông (xã) 翼東社: tg. Chi Nê, h. Hậu Lộc, p. Hà Trung, t. TH 1096

Dực Liễn (xã) 翊輦社: tg. Trịnh Xá, h. Thủy Đường, p. Kinh Môn, t. HD 161

Dực Vệ (xã) 翼衛社: tg.Dị Nậu,h.Tam Nông,p.Gia Hưng,t.HH 709

Dực Vi (xã) 翼爲社: tg.Thượng Mão,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN 506

Dực Yên (xã) 翊安社: tg.Hà Thanh,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 437

Dụng Tú (xã) 孕秀社: tg.Cổ Lũng,h.Phú Lương,p.Tông Hóa,t.TN 812

Dụng Tú (thôn) 孕秀村: tg.Quảng Thi,h.Thuy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1102

Dược Khê (ấp) 藥溪邑: x.Hương Khê,tg.Yên Định,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1124

Dược Sơn (xã) 藥山社: tg.Chí Ngại,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106

Dương (thôn) 楊村: tg.Ân Thi,h.Ân Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256

Dương A (xã) 陽阿社: tg.Bách Tĩnh,h.Thượng Nguyên,
p.Xuân Trường,t.NĐ 308

Dương Am (xã) 陽庵社: tg.Ngãi Am,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 127

Dương Ấng (xã) 陽盎社: tg.Lệnh Cấm,h.Hạ Lang,p.Trung Khánh,t.CB 676

Dương Áo (tổng) 陽爌總: h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 116

Dương Áo (xã) 陽爌社: tg.Dương Áo,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 116

Dương Chỉ (xã) 楊紙社: tg.Hoàng Chỉ,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 935

Dương Cốc (xã) 陽谷社: tg.Nhật Chiêu,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST . 931

Dương Cước (xã) 陽腳社: tg.Đường Xâm,h.Chân Định,
p.Kiến Xương,t.NĐ 331

Dương Cường (xã) 楊剛社: tg.Hương Đàn,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN .. 38

Dương Di (xã) 楊彌社: ch.Quỳnh Nhai,p.Điện Biên,t.HH 743

Dương Điều (xã) 陽調社: tg.Phong Cốc,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100

Dương Điều (xã) 陽調社: tg.Thượng Côi,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162

Dương Độ (xã) 楊度社: tg.Sa Lung,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ ... 310

Dương Đức (vạn) 楊德滿: tg.Cự Lâm,h.Nghĩa Đường,p.Quỳ Châu,t.NA 1275

Dương Đường (xã) 楊棠社: tg.Hoành Đường,h.Thuy Anh,
p.Thái Bình,t.NĐ 343

Dương Đường (xã) 楊棠社: tg.Yên Khánh,h.Đồng Triều,
p.Kinh Môn,t.HD 165

Dương Giao (xã) 楊膠社: tg.Phú Ổ,h.Quảng Tế,p.Quảng Hóa,t.TH 1134

Dương Hoà Hạ (thôn) 楊和下村: tg.Long Hồ,h.Hương Trà,p.TT 1418

Dương Hoà Thượng (thôn) 楊和上村: tg.Long Hồ,h.Hương Trà,p.TT 1418

Dương Hồi (xã) 陽回社: tg.An Trung Thượng,h.Đại An,
p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 317

Dương Húc (xã) 陽旭社: tg.Đại Vi,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494

Dương Huy (xã) 楊輝社: tg.Dĩnh Sơn,h.Yên Dững,p.Lạng Giang,t.BN ... 533

Dương Huy (tổng) 楊輝總: h.Hoành Bồ,p.Sơn Định,t.QY 402

Dương Huy (xã) 楊輝社: tg.Dương Huy,h.Hoành Bồ,p.Sơn Định,t.QY ... 402

Dương Huy (động) 楊輝峒: tg.Dương Huy,h.Hoành Bồ,p.Sơn Định,t.QY 403

Dương Huu (xã) 楊休社: tg.Trí Xuyên,h.Hoành Bồ,p.Sơn Định,t.QY 406

Dương Khê (xã) 陽溪社: tg.Đạo Tú,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26

Dương Khê (xã) 陽溪社: tg.Đặng Xá,h.Hưng Nhân,p.Tiên Hưng,t.HY ... 268

Dương Lai (xã) 陽來社: tg.Trình Xuyên,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319

Dương Lâm (xã) 楊林社: tg.Nhã Nam,h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN .. 540

Dương Lê (xã) 楊麗社: tg.An Dã,h.Đằng Xương,đạo QT 1384

Dương Liệt (xã) 楊烈社: tg.Phung Công,h.Vân Giang,
pp.Thuận Thành,t.BN 517

Dương Liễu (thôn) 楊柳村: x.Nam Kim Thượng,tg.Nam Kim,
h.Thanh Chương,p.Anh Sơn,t.NA 1239

Dương Liễu (tổng) 楊柳總: h.Đan Phượng,p.Quốc Oai,t.ST 921

Dương Liễu (xã) 楊柳社: tg.Dương Liễu,h.Đan Phượng,p.Quốc Oai,t.ST 921

Dương Liễu (xã) 楊柳社: tg.Ấm Phúc,ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ 863

Dương Liễu (xã) 楊柳社: tg.Đa Cốc,h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ 330

Dương Long (thôn) 陽隆村: tg.Đặng Sơn,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1235

Dương Lộc (xã) 楊祿社: tg.An Dã,h.Đằng Xương,đạo QT 1384

Dương Lôi (xã) 陽雷社: tg.Phù Lưu,h.Đồng Ngạc,p.Từ Sơn,t.BN 491

Dương Luật (xã) 楊律社: tg.Nhã Luật,h.Phổ Yên,p.Phú Bình,t.TN 797

Dương Nam (xã) 陽南社: tg.Lực Nông,h.Quảng Uyên,
p.Trung Khánh,t.CB 675

Dương Nham (tổng) 陽巖總: h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD 158

Dương Nham (xã) 陽巖社: tg.Dương Nham,h.Giáp Sơn,
p.Kinh Môn,t.HD 158

Dương Nỗ (tổng) 楊弩總: h.Phú Vang,p.TT 1420

Dương Nỗ (xã) 楊弩社: tg.Dương Nỗ,h.Phú Vang,p.TT 1420

Dương Ổ (xã) 陽塢社: tg.Khắc Niệm,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494

Dương Phạm (xã) 楊範社: tg.Thanh Khê,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ . 317

Dương Phẩm (xã) 楊品社: tg.Cư Chánh,h.Hương Thủy,p.TT 1422

Dương Phẩm Thượng (ấp) 楊品上色: tg.Cư Chánh,
h.Hương Thủy,p.TT 1422

Dương Phố (thôn) 楊浦村: x.Nam Kim Đông,tg.Nam Kim,
h.Thanh Chương,p.Anh Sơn,t.NA 1239

Dương Quan (xã) 楊關社: tg.Mỹ Thái,h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN 530

Dương Quang (xã) 楊琯社: tg.Nông Thượng,ch.Bạch Thông,
p.Thống Hóa,t.TN 819

Dương Quang (tổng) 楊光總: h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN 506

Dương Quang (xã) 楊光社: tg.Dương Quang,h.Siêu Loại,
p.Thuận Thành,t.BN 506

Dương Quỳ (tổng) 陽逵總: ch.Chiêu Tấn,p.Yên Tây,t.HH 734

Dương Quỳ (xã) 陽逵社: tg.Dương Quỳ,ch.Chiêu Tấn,p.Yên Tây,t.HH .. 734

Dương Sơn (xã) 楊山社: tg.Mục Sơn,h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN 540

Dương Sơn (tổng) 楊山總: h.Mỹ Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1093

Dương Sơn (xã) 楊山社: tg.Dương Sơn,h.Mỹ Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1093

Dương Sơn (xã) 楊山社: tg.Hương Cẩn,h.Hương Trà,p.TT 1419

Dương Sơn (xã) 陽山社: tg.Tam Sơn,h.Đồng Ngạc,p.Từ Sơn,t.BN 492

Dương Tảo (xã) 陽早社: tg.Vân La,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 20

Dương Thanh (thôn) 楊清村: x.Sơn Trang,tg.Dương Sơn,h.Mỹ Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1093

Dương Thiện (tràng) 楊善庄: tg.Diên Hưng,h.Chân Ninh,
p.Xuân Trường,t.NĐ 313

Dương Thủy (tổng) 楊水總: h.Mỹ Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1094

Dương Trạch (xã) 陽澤社: tg.Bình Dân,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 253

Dương Trai (xã) 楊齋社: tg.Đỗ Xá,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259

Dương Vũ (tổng) 楊武總: h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB 1021

Dương Vũ (xã) 楊武社: tg.Dương Vũ,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB . 1021

Dương Xá (xã) 楊舍社: tg.Phù Long,h.Hưng Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA .. 1242

Dương Xá (xã) 楊舍社: tg.Cự Lâm,h.Nghĩa Đường,p.Quỳ Châu,t.NA ... 1275

Dương Xá (xã) 楊舍社: tg.Mỹ Trạch,h.Lệ Thủy,p.Quảng Ninh,t.QB 1348

Dương Xá (xã) 陽舍社: tg.Đại Bối,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1105

Dương Xá (xã) 楊舍社: tg.Lôi Dương,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1144

Dương Xá (xã) 楊舍社: tg.Dương Quang,h.Siêu Loại,
p.Thuận Thành,t.BN 506

Dương Xá (xã) 楊舍社: tg.Kỷ Cầu,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40

Dương Xá (xã) 楊舍社: tg.Minh Loan,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 93

Dương Xá (xã) 楊舍社: tg.Hòa Đàm,h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 97

Dương Xá (xã) 陽舍社: tg.Tứ Minh,h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 98

Dương Xá (xã) 楊舍社: tg.Đặng Xá,h.Hưng Nhân,p.Tiên Hưng,t.HY 268

Dương Xuân (thôn) 陽春村: tg.Đặng Sơn,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1235

Dương Xuân (phường) 陽春坊: tg.Cát Ngạn,h.Thanh Chương,
p.Anh Sơn,t.NA 1239

Dương Xuân (phường) 陽春坊: tg.An Cự,h.Đằng Xương,đạo QT 1384

Dương Xuân (phường) 陽春坊: x.Mai Xá,tg.An Mỹ,h.Do Linh,đạo QT .. 1391

Dương Xuân (xã) 陽春社: tg.Phú Xuân,h.Hương Trà,p.TT 1418

Dương Xuân (xã) 陽春社: tg.Hoàng Xá,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD .. 113

Dương Xuân Hạ (xã) 楊春下社: tg.Cư Chánh,h.Hương Thủy,p.TT 1422

Dương Xuân Thượng (xã) 楊春上社: tg.Cư Chánh,h.Hương Thủy, p.TT..... 1422	
Dương Xuyên (xã) 楊川社: tg.Thượng Tâm,h.Thanh Quan, p.Thái Bình,t.NĐ 341	
Dương Chân (ấp) 養真邑: tg.Tân Cự,h.Tiên Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335	
Dương Chân (tổng) 養真總: h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162	
Dương Chân (xã) 養真社: tg.Dương Chân,h.Thủy Đường, p.Kinh Môn,t.HD 162	
Dương Chính (xã) 養正社: tg.Bằng Xá,h.Ỗ Yên,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 323	
Dương Diễm (ấp) 養恬邑: tg.Hồi Thuận,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1033	
Dương Động (tổng) 養洞總: h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162	
Dương Động (xã) 養洞社: tg.Dương Động,h.Thủy Đường, p.Kinh Môn,t.HD 162	
Dương Hiến (xã) 養賢社: tg.Cổ Hiến,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN 16	
Dương Hòa (xã) 養和社: tg.Hoàng Đạo,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37	
Dương Khê (xã) 養溪社: tg.Kỳ Vi,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1028	
Dương Lộc (xã) 養祿社: tg.Thượng Cốc,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1145	
Dương Mông (xã) 養蒙社: tg.Đồng Sơn,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494	
Dương Mông (xã) 養蒙社: tg.Phù Lão,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST ... 957	
Dương Mông (xã) 養蒙社: tg.Thượng Ấm,h.Sơn Dương, p.Đoan Hùng,t.ST 959	
Dương Mông (xã) 養蒙社: tg.Thượng Đình,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN 794	
Dương Mông (xã) 養蒙社: tg.Đường Anh,h.Phú Vang,p.TT..... 1420	
Dương Mông (xã) 養蒙社: tg.Kế Mỹ,h.Phú Vang,p.TT 1420	
Dương Mông (xã) 養蒙社: tg.Đội Sơn,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37	
Dương Mông (xã) 養蒙社: tg.Phù Tài,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD ... 147	
Dương Mông (xã) 養蒙社: tg.Hóa Nhân,ch.Văn Uyên,p.Tràng Định,t.LS 611	
Dương Phú (xã) 養富社: tg.Hà Nhuận,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD .. 148	
Dương Phú (xã) 養覆社: tg.Bằng Ngang,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 259	
Dương Thái (xã) 養泰社: tg.Bất Náo,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 147	
Dương Thiện (xã) 養善社: tg.Lạn Khê,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB ... 1025	
Dương Thông (xã) 養通社: tg.Thịnh Quang,h.Chân Định, p.Kiến Xương,t.NĐ 332	

Đ

Đa Bút (xã) 多筆社: tg.Biện Thượng,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1131	
Đa Cal (thôn) 多垓村: tg.Đặng Sơn,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1235	
Đa Cal (thôn) 多垓村: x.Văn Phương,tg.Thái Lai,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1121	
Đa Cầm (thôn) 多敢村: x.Văn Trinh,tg.Văn Trinh,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1114	
Đa Cẳng (thôn) 多衿村: x.Thanh Ban,tg.Vạn Thiện,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1125	
Đa Chất (xã) 多質社: tg.Đường Xuyên,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN ... 22	
Đa Cốc (thôn) 多穀村: x.Đồng Lâm,tg.Nga Khê,h.Can Lộc, p.Đức Thọ,t.NA 1269	
Đa Cốc (tổng) 多穀總: h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ 330	
Đa Cốc (xã) 多穀社: tg.Đa Cốc,h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ 330	
Đa Giá (tổng) 多稼總: h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1028	
Đa Giá Hạ (xã) 多稼下社: tg.Đa Giá,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1028	
Đa Hoà (xã) 多禾社: tg.Mễ Sở,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 252	
Đa Hoạch (xã) 多獲社: tg.Canh Hoạch,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1270	
Đa Hộ (thôn) 多戶村: x.Hải Châu,tg.Liên Trì,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1114	
Đa Khê (xã) 移溪社: tg.Hương Đại,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113	

Đa Lộc (thôn) 多祿村: x.Tiên Đào,tg.Nam Kim,h.Thanh Chương, p.Anh Sơn,t.NA 1239	
Đa Lộc (thôn) 多祿村: x.Nam Ngạn,tg.Thịnh Quả,h.La Sơn, p.Đức Thọ,t.NA 1255	
Đa Lộc (tổng) 多祿總: h.Yên Lăng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938	
Đa Lộc (xã) 多祿社: tg.Đa Lộc,h.Yên Lăng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938	
Đa Lộc (thôn) 多祿村: x.Đồng Lỗ,tg.Mật Vật,h.Thuy Nguyên, p.Thiệu Hóa,t.TH 1101	
Đa Lộc (tổng) 多祿總: h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109	
Đa Lộc (xã) 多祿社: tg.Đa Lộc,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109	
Đa Lộc (thôn) 多祿村: x.Yên Cự,tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1116	
Đa Lộc (xã) 多祿社: tg.Thủ Hộ,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1120	
Đa Lộc (thôn) 多祿村: x.Thái Lai,tg.Thái Lai,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1121	
Đa Lộc (xã) 多祿社: tg.Đồng Xá,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124	
Đa Lộc (thôn) 多祿村: tg.Văn Huệ,h.Ấn Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256	
Đa Mai (tổng) 多枚總: h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 533	
Đa Mai (xã) 多枚社: tg.Đa Mai,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 533	
Đa Nam (tràng) 多男庄: tg.Đồng Bạng,h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1082	
Đa Năng (xã) 多能社: tg.Tú Trạc,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959	
Đa Năng (xã) 多能社: tg.Thông Nông,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 660	
Đa Nắm (xã) 多稔社: tg.Khoái Lạc,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1110	
Đa Nghi (xã) 多儀社: tg.An Nhân,h.Hải Lăng,đạo QT 1385	
Đa Nghi (xã) 多儀社: tg.Đồng Cao,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 123	
Đa Ngư (xã) 多魚社: tg.Cổ Trại,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 140	
Đa Ngưu (tổng) 多牛總: h.Văn Giang,pp.Thuận Thành,t.BN 517	
Đa Ngưu (xã) 多牛社: tg.Đa Ngưu,h.Văn Giang,pp.Thuận Thành,t.BN ... 517	
Đa Niên (thôn) 多年村: x.Lôi Dương,tg.Lôi Dương,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1144	
Đa Phạn (thôn) 多飯村: x.Khúc Phấn,tg.Liên Cừ,h.Hậu Lộc, p.Hà Trung,t.TH 1097	
Đa Phú (thôn) 多富村: x.Mỹ Khê,tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1121	
Đa Phú (thôn) 多富村: x.Lập Lễ,tg.Hà Lý,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY ... 267	
Đa Phú (xã) 多富社: tg.Hưng Xá,h.Phong Doanh,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ ... 326	
Đa Phúc (thôn) 多福村: x.Hải Đô,tg.Hải Đô,h.Hung Nguyên, p.Anh Sơn,t.NA 1243	
Đa Phúc (xã) 多福社: tg.Lạc Thành,h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1039	
Đa Phúc (thôn) 多福村: tg.Lập Sài,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 919	
Đa Phúc (phủ) 多福府: t.BN 519	
Đa Phúc (huyện) 多福縣: p.Đa Phúc,t.BN 521	
Đa Quả (thôn) 多果村: tg.Phí Lai,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086	
Đa Quang (xã) 多琯社: tg.Dị Chế,h.Tiên Lữ,p.Tiên Hưng,t.HY 271	
Đa Sĩ (thôn) 多士村: x.Quang Chiếu,tg.Quang Chiếu,h.Đồng Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1106	
Đa Sĩ (xã) 多士社: tg.Thượng Thanh Oai,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 28	
Đa Sĩ (xã) 多士社: tg.Trương Xá,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100	
Đa Tiện (xã) 多便社: tg.Liệu Lâm,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN 506	
Đa Tôn (xã) 多孫社: tg.Lục Nông,h.Quảng Uyên,p.Trùng Khánh,t.CB 675	
Đa Tốn (tổng) 多遜總: h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN 515	
Đa Tốn (xã) 多遜社: tg.Đa Tốn,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN 515	
Đa Trợ (thôn) 多助村: x.Hòa Lương,tg.Văn Trinh,h.Hung Nguyên, p.Anh Sơn,t.NA 1243	
Đà (thôn) 陀村: x.Yên Tĩnh,tg.Cung Thượng,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1120	
Đà Bắc (châu) 陀北州: tg.Thanh Mai,p.Gia Hưng,t.HH 719	

Đà Can (xã) 沱𢆇社: tg.Lạc Giao,h.Quảng Uyên,p.Trùng Khánh,t.CB 674

Đà Dương (xã) 沱陽社: tg.Lâm Trường Hạ,ch.Lục Yên,p.An Bình,t.TQ .. 868

Đà Ninh (thôn) 陀寧村: x.Doãn Xá,tg.Tuân Hóa,h.Đồng Sơn,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1105

Đà Pha (thôn) 沱坡村: tg.Lăng Yên,h.Thượng Lang,p.Trùng Khánh,t.CB 672

Đà Phố (xã) 沱浦社: tg.Bồ Dương,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HĐ 124

Đà Sơn (thôn) 陀山村: x.Bùi Xá,tg.Trung Bạ,h.Tống Sơn,
p.Hà Trung,t.TH 1083

Đà Tàu (xã) 沱艘社: tg.Vũ Lăng,h.Quảng Uyên,p.Trùng Khánh,t.CB 674

Đà Tiếm (xã) 沱潛社: tg.Thổ Ốc,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45

Đà Vĩ (xã) 沱偉社: tg.Vũ Lăng,h.Quảng Uyên,p.Trùng Khánh,t.CB 674

Đà Vĩ (xã) 沱渭社: tg.Cồn Lôn,ch.Chiêm Hoá,p.Tương An,t.TQ 877

Đà Xuyên (xã) 陀川社: tg.Đồng Thủy,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45

Đài (thôn) 苔村: x.Bái Trại,tg.Trịnh Xá,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109

Đài (phố) 苔庸: tg.Cổ Linh,ch.Chiêm Hoá,p.Tương An,t.TQ 877

Đài Bàng (vạn) 臺滂灣: tg.Phong Xá,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497

Đài Mãn (xã) 苔滿社: tg.Cổ Linh,ch.Chiêm Hoá,p.Tương An,t.TQ 877

Đài Môn Thủy Cơ (phường) 臺門水機坊: tg.Sĩ Lâm,h.Đại An,
p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316

Đài Quan (xã) 苔關社: tg.Cổ Linh,ch.Chiêm Hoá,p.Tương An,t.TQ 877

Đài Thần (phường) 抬神坊: tg.Dương Liễu,h.Đan Phượng,
p.Quốc Oai,t.ST 921

Đãi Đán (xã) 待旦社: tg.Vạn Yên,h.Hoàn Bô,p.Sơn Định,t.QY 402

Đại An (xã) 大安社: tg.Kê Kiều,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333

Đại An (thôn) 大安村: x.Dương Sơn,tg.Dương Sơn,h.Mỹ Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1093

Đại An (xã) 大安社: tg.Nam Cai,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1144

Đại An (huyện) 大安縣: p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316

Đại An Trường (xã) 大安場社: tg.Chúc Sơn,h.Chương Đức,
p.Ứng Hòa,t.HN 31

Đại Áng (xã) 大盎社: tg.Quan Vinh,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029

Đại Áng (xã) 大盎社: tg.An Đôn,h.Đăng Xương,đạo QT 1384

Đại Áng (xã) 大盎社: tg.Vĩnh Đặng,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 19

Đại Bái (xã) 大拜社: tg.Bình Ngô,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509

Đại Bái (xã) 大拜社: tg.Điếu Hộ,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40

Đại Bản (thôn) 大本村: x.Bạt Trạc,tg.Nga Khê,h.Can Lộc,
p.Đức Thọ,t.NA 1269

Đại Bát (xã) 大鉢社: tg.Chi Ngại,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HĐ 106

Đại Bộ (xã) 大步社: tg.Trạm Diên,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537

Đại Bộc (xã) 大僕社: tg.Đồng Quang,h.Trần Yên,p.Quy Hóa,t.HH 727

Đại Bối (xã) 大貝社: tg.Hạ Lôi,h.Yên Lăng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938

Đại Bối (tổng) 大貝總: h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1105

Đại Bối (xã) 大貝社: tg.Đại Bối,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1105

Đại Bối (tổng) 大貝總: h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26

Đại Bối (xã) 大貝社: tg.Đại Bối,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26

Đại Cát (xã) 大吉社: tg.Hạ Trì,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8

Đại Cầu (xã) 大楮社: tg.Lam Cầu,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37

Đại Chu (thôn) 大周村: x.Mân Xá,tg.Mân Xá,h.Yên Phong,
p.Từ Sơn,t.BN 497

Đại Công (tổng) 大公總: h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HĐ 116

Đại Công (xã) 大公社: tg.Đại Công,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HĐ 116

Đại Duy (xã) 大維社: tg.Hoàng Tranh,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY 255

Đại Dực (xã) 大翊社: tg.Hà Thanh,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 436

Đại Dực (động) 大翊洞: tg.Hà Thanh,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 437

Đại Đan (phường) 大丹坊: tg.Thuận Lễ,h.Minh Chính,
p.Quảng Trạch,t.QB 1356

Đại Đăng (xã) 大登社: tg.Yên Đăng,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB ... 1020

Đại Đê (ấp) 大堤邑: tg.Diên Hưng,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ 313

Đại Đê (xã) 大堤社: tg.An Cự,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319

Đại Diên (xã) 大田社: tg.Vọng Lỗ,h.Phụ Dục,pp.Thái Bình,t.NĐ 346

Đại Diên (xã) 大田社: tg.Lăng Diên,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1235

Đại Diên (xã) 大田社: tg.Hà Môn,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 428

Đại Diên (thôn) 大田村: x.Thượng Hiệp,tg.Thượng Hiệp,h.Yên Sơn,
p.Quốc Oai,t.ST 919

Đại Diên (xã) 大田社: tg.Quan Ngoại,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST .. 935

Đại Diên (xã) 大田社: tg.Đồng Bạ,h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1082

Đại Diên (thôn) 大田村: x.Hoàng La,tg.Lỗ Hương,h.Mỹ Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1093

Đại Diên (xã) 大田社: tg.Mông Sơn,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1139

Đại Diên (tổng) 大田總: h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HĐ 113

Đại Diên (xã) 大田社: tg.Đại Diên,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HĐ 113

Đại Đình (xã) 大庭社: tg.Phù Lưu,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 491

Đại Định (tổng) 大定總: h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 28

Đại Định (xã) 大定社: tg.Đại Định,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 28

Đại Độ (xã) 大度社: tg.An Lạc,h.Thanh Hoá,đạo QT 1393

Đại Độ (xã) 大度社: tg.Sáp Mai,h.Yên Lăng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938

Đại Độc (xã) 大讀社: tg.Hà Thanh,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 437

Đại Đồng (tổng) 大同總: h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA 1236

Đại Đồng (xã) 大同社: tg.Đại Đồng,h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA 1236

Đại Đồng (tổng) 大同總: h.Thạch Thất,p.Quốc Oai,t.ST 924

Đại Đồng (xã) 大同社: tg.Đại Đồng,h.Thạch Thất,p.Quốc Oai,t.ST 924

Đại Đồng (xã) 大同社: tg.Sáp Mai,h.Yên Lăng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938

Đại Đồng (xã) 大同社: tg.Ninh Dân,h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948

Đại Đồng (xã) 大桐社: tg.Hàng Vi,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1090

Đại Đồng (tổng) 大同總: ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ 863

Đại Đồng (xã) 大同社: tg.Đại Đồng,ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ 863

Đại Đồng (phường) 大同坊: tg.Đại Đồng,ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ ... 863

Đại Đồng (xã) 大同社: tg.Đình Tổ,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN 506

Đại Đồng (xã) 大同社: tg.Nội Lăng,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333

Đại Gia (xã) 大家社: tg.Thụy Phú,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN 17

Đại Hạnh (xã) 大幸社: tg.Hòa Bình,h.Văn Giang,pp.Thuận Thành,t.BN .517

Đại Hào (xã) 大豪社: tg.An Cự,h.Đăng Xương,đạo QT 1384

Đại Hào (thôn) 大濠村: h.Kỳ Anh,đạo HT 1326

Đại Hòa (phường) 大和坊: tg.Thượng Lưu,h.Minh Hoá,
p.Quảng Trạch,t.QB 1359

Đại Hòa (xã) 大禾社: tg.An Dã,h.Đăng Xương,đạo QT 1384

Đại Hóa (xã) 大化社: tg.Lạn Giới,h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN 540

Đại Hoàng (xã) 大黃社: tg.Đồng Thủy,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45

Đại Hoàng (tổng) 大黃總: h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HĐ 144

Đại Hoàng (xã) 大黃社: tg.Đại Hoàng,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HĐ 144

Đại Hoàng (tổng) 大黃總: h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 332

Đại Hoàng (xã) 大黃社: tg.Đại Hoàng,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ .332

Đại Hộ (xã) 大戶社: tg.Quý Trạch,h.Yên Thành,p.Diễn Châu,t.NA 1250

Đại Hộ (xã) 大護社: tg.Nghĩa Khê,h.Hùng Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 955

Đại Hộ (thôn) 大戶村: x.Du Trường,tg.Du Trường,h.Hậu Lộc,
p.Hà Trung,t.TH 1096

Đại Hội (xã) 大會社: tg.Ô Mễ,h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ 329

Đại Hương (xã) 袞香社: tg.Vũ La,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HĐ 111

Đại Hữu (ấp) 大有邑: tg.Tân Định,h.Tiên Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335

Đại Hữu (tổng) 大有總: h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029

Đại Hữu (xã) 大有社: tg.Đại Hữu,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029

Đại Hữu (xã) 大有社: tg.Hành Phố,h.Phong Đăng,p.Quảng Ninh,t.QB .. 1347

Đại Hữu (thôn) 大有村: x.Hoàng La,tg.Lỗ Hương,h.Mỹ Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1093

Đại Hữu Thủy Cơ (phường) 大有水機坊: tg.Nhã Luật,h.Phổ Yên, p.Phú Bình,t.TN 797	Đại Phong Lộc (xã) 大豐祿社: tg.Đại Phong Lộc,h.Lệ Thủy, p.Quảng Ninh,t.QB 1349
Đại Khánh (xã) 大慶社: tg.Đại Bối,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1105	Đại Phu (thôn) 大夫村: x.La Giãn,tg.Hòa Lạc,h.Mỹ Lương, p.Quốc Oai,t.ST 926
Đại Khê (xã) 大溪社: tg.Dương Thủy,h.Mỹ Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1094	Đại Phú (sở) 大富所: tg.Đồng Yên,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086
Đại Khối (thôn) 大塊村: x.Đồng Khối,tg.Thọ Hạc,h.Đồng Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1104	Đại Phú (xã) 大富社: x.Đại Trung,tg.Bái Trạch,h.Hoàng Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1090
Đại Kiện (xã) 大健社: tg.Mai Cầu,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40	Đại Phú (xã) 大富社: tg.Bất Náo,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1145
Đại Kiện (sở) 大健所: tg.Mai Cầu,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40	Đại Phúc (xã) 代福社: tg.Hành Phố,h.Phong Đăng,p.Quảng Ninh,t.QB 1347
Đại Lai (xã) 大來社: tg.Hà Môn,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 430	Đại Phùng (xã) 大馮社: tg.Đan Phượng Thượng,h.Đan Phượng, p.Quốc Oai,t.ST 922
Đại Lai (xã) 大來社: tg.Tĩnh Oa,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659	Đại Phùng (phường) 大馮坊: tg.Đan Táo,h.Đa Phúc,p.Đa Phúc,t.BN 521
Đại Lai (tổng) 大來總: h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509	Đại Phùng (phường) 大馮坊: tg.Kim Anh,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525
Đại Lai (xã) 大來社: tg.Đại Lai,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509	Đại Phương (xã) 大芳社: tg.Từ Minh,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH ... 1089
Đại Lai (thôn) 大來村: x.Phương Lai,tg.Trí Lai,h.Vũ Tiên, p.Kiến Xương,t.NĐ 329	Đại Phương Lang (tổng) 大芳柳總: h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HĐ 144
Đại Lại (xã) 大賚社: tg.Hổ Sơn,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319	Đại Phương Lang (xã) 大芳柳社: tg.Đại Phương Lang,h.An Lão, p.Kiến Thụy,t.HĐ 144
Đại Lãm (xã) 大攬社: tg.Tam Di,h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN 531	Đại Quan (tổng) 大關總: h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 252
Đại Lâm (xã) 大林社: tg.Phong Xá,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497	Đại Quan (xã) 大關社: tg.Đại Quan,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 252
Đại Lý (tổng) 大里總: h.Mỹ Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1094	Đại Quan Châu (tổng) 大關洲總: h.Văn Giang,pp.Thuận Thành,t.BN . 518
Đại Lý (xã) 大里社: tg.Đại Lý,h.Mỹ Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1094	Đại Quan Châu (xã) 大關洲社: tg.Đại Quan Châu,h.Văn Giang, pp.Thuận Thành,t.BN 518
Đại Lý (xã) 大里社: tg.Đại Bối,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1105	Đại Sơn (xã) 大山社: tg.Đồng Sơn,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494
Đại Lý (xã) 大里社: tg.Nam Cai,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1145	Đại Tảo (sở) 大早所: tg.Hoàng Mai,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 533
Đại Lịch (tổng) 大歷總: h.Văn Chấn,p.Quy Hóa,t.HH 725	Đại Tảo (xã) 大早社: tg.Đồng Sơn,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494
Đại Lịch (xã) 大歷社: tg.Đại Lịch,h.Văn Chấn,p.Quy Hóa,t.HH 725	Đại Tảo (sở) 大早所: tg.Châm Khê,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497
Đại Liễn (tổng) 大輦總: h.Võ Giàng,p.Từ Sơn,t.BN 501	Đại Táo (xã) 大棗社: tg.Đan Táo,h.Đa Phúc,p.Đa Phúc,t.BN 521
Đại Liễn Hạ (xã) 大輦下社: tg.Đại Liễn,h.Võ Giàng,p.Từ Sơn,t.BN 501	Đại Tăng (thôn) 大增村: tg.Mỹ Duệ,h.Cẩm Xuyên,đạo HT 1323
Đại Liễn Thượng (xã) 大輦上社: tg.Đại Liễn,h.Võ Giàng, p.Từ Sơn,t.BN 501	Đại Tân (xã) 大津社: tg.Chi Ngại,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HĐ 106
Đại Lộ (xã) 大路社: tg.Ninh Xá,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 20	Đại Thạch (xã) 大石社: tg.Tam Lộng,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1145
Đại Lộc (xã) 大祿社: tg.An Dã,h.Đăng Xương,đạo QT 1384	Đại Than (xã) 大灘社: tg.Vạn Tư,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509
Đại Lộc (phường) 大祿坊: tg.An Mỹ,h.Do Linh,đạo QT 1391	Đại Thân (tổng) 大伸總: h.Tây Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 954
Đại Lộc (thôn) 大祿村: x.Quan Phương,tg.Thái Lai,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1121	Đại Thân (xã) 大伸社: tg.Đại Thân,h.Tây Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 954
Đại Lộc (xã) 大祿社: tg.Vinh Xương,h.Phong Điền,p.TT 1428	Đại Thọ (thôn) 大壽村: x.Cao Vình,tg.Cao Vình,h.Nga Sơn, p.Hà Trung,t.TH 1087
Đại Lộc (tổng) 大祿總: h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HĐ 140	Đại Thủy (thôn) 大水村: x.Tuần La Thái,tg.Tuần La,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1116
Đại Lộc (xã) 大祿社: tg.Đại Lộc,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HĐ 140	Đại Tiền (xã) 大錢社: tg.Từ Minh,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1089
Đại Lợi (phường) 大利坊: tg.Thuận Mỹ,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 11	Đại Tiết (xã) 大節社: h.Thạch Hà,đạo HT 1322
Đại Lục (xã) 大陸社: tg.Kim Lăng,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957	Đại Toán (tổng) 大蒜總: tg.Đại Toán,h.Quế Dương,p.Từ Sơn,t.BN 499
Đại Lữ (thôn) 大侶村: x.Phù Lưu,tg.Phù Lưu,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269	Đại Toán (xã) 大蒜社: tg.Đại Toán,h.Quế Dương,p.Từ Sơn,t.BN 499
Đại Lữ (xã) 大侶社: tg.Hà Ích,h.Lập Thạch,p.Vinh Tường,t.ST 932	Đại Trà (tổng) 大郊總: h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HĐ 140
Đại Lữ (xã) 大呂社: tg.La Đôi,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HĐ 110	Đại Trà (xã) 大郊社: tg.Đại Trà,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HĐ 140
Đại Mão (xã) 大卯社: tg.Thượng Mão,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN .. 506	Đại Trạch (xã) 大澤社: tg.Đình Tổ,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN 506
Đại Mạo (xã) 玳瑁社: tg.Phương Duy,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HĐ 130	Đại Trang (xã) 大莊社: tg.Quan Trang,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HĐ ... 148
Đại Miện (xã) 大洒社: tg.Yên Định,h.Vị Xuyên,p.Tương An,t.TQ 874	Đại Tráng (xã) 大壯社: tg.Đỗ Xá,h.Võ Giàng,p.Từ Sơn,t.BN 500
Đại Mổ (tổng) 大姥總: h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8	Đại Trung (xã) 大中社: tg.Bái Trạch,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1090
Đại Mổ (xã) 大姥社: tg.Đại Mổ,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8	Đại Trung (thôn) 大中村: x.Quan Phương,tg.Thái Lai,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1121
Đại Nãi (xã) 大鼯社: tg.An Thái,h.Hải Lăng,đạo QT 1385	Đại Từ (huyện) 大慈縣: p.Tông Hóa,t.TN 810
Đại Nại (xã) 大奈社: h.Thạch Hà,đạo HT 1321	Đại Từ (thôn) 大慈村: x.Doãn Xá,tg.Tuần Hóa,h.Đồng Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1105
Đại Nại (xã) 大耐社: tg.Dị Chế,h.Tiên Lữ,p.Tiên Hưng,t.HY 271	Đại Từ (thôn) 大慈村: x.Linh Đường,tg.Thanh Liệt,h.Thanh Trì, p.Thường Tín,t.HN 19
Đại Năm (xã) 大稔社: tg.Tiên Bối,h.Quỳnh Côi,pp.Thái Bình,t.NĐ 348	Đại Từ (tổng) 大慈總: h.Văn Giang,pp.Thuận Thành,t.BN 517
Đại Năm (thôn) 大稔村: x.Triệu Xá,tg.Thanh Khê,h.Đồng Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1105	Đại Từ (xã) 大慈社: tg.Đại Từ,h.Văn Giang,pp.Thuận Thành,t.BN 517
Đại Phác (xã) 大樸社: tg.Yên Phú,h.Trần Yên,p.Quy Hóa,t.HH 727	Đại Tự (thôn) 大寺村: tg.Kim Thiá,h.Đan Phượng,p.Quốc Oai,t.ST 922
Đại Phạm (tổng) 大范總: h.Hạ Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950	
Đại Phạm (xã) 大范社: tg.Đại Phạm,h.Hạ Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950	
Đại Phẩm (xã) 大品社: tg.Chúc Sơn,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31	
Đại Phong (trại) 大豐寨: tg.Quỳnh Lưu,h.Phụng Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1038	
Đại Phong Lộc (tổng) 大豐祿總: h.Lệ Thủy,p.Quảng Ninh,t.QB 1349	

Đại Tự (xã) 代序社: tg. Nhật Chiêu, h. Bạch Hạc, p. Vĩnh Tường, t. ST 931

Đại Tự (xã) 大寺社: tg. Khương Tự, h. Siêu Loại, p. Thuận Thành, t. BN 506

Đại Uyên (xã) 大淵社: tg. Kim Lôi, h. Đông Triều, p. Kinh Môn, t. HD 165

Đại Vi (tổng) 大爲總: h. Tiên Du, p. Từ Sơn, t. BN 494

Đại Vi (xã) 大爲社: tg. Đại Vi, h. Tiên Du, p. Từ Sơn, t. BN 494

Đại Vi Thượng (xã) 大爲上社: tg. Đại Vi, h. Tiên Du, p. Từ Sơn, t. BN 494

Đại Vi Trung (xã) 大爲中社: tg. Đại Vi, h. Tiên Du, p. Từ Sơn, t. BN 494

Đại Xảo (xã) 大巧社: tg. Đông Viên, ch. Bạch Thông, p. Thông Hóa, t. TN 819

Đại Yên (trại) 大安寨: tg. Nội, h. Vĩnh Thuận, p. Hoài Đức, t. HN 13

Đam Hải (xã) 耽海社: tg. Đan Hải, h. Nghi Xuân, p. Đức Thọ, t. NA 1265

Đam Khê (xã) 耽溪社: tg. Lạn Khê, h. Yên Mô, p. Yên Khánh, t. NB 1025

Đam Nhiễm (xã) 丹染社: tg. Bối Khê, h. Thanh Oai, p. Ứng Hòa, t. HN 29

Đam Thượng (tổng) 耽上總: h. Hạ Hòa, p. Lâm Thao, t. ST 950

Đam Thượng (xã) 丹上社: tg. Đam Thượng, h. Hạ Hòa, p. Lâm Thao, t. ST 950

Đàm Bao (thôn) 潭包村: tg. Quảng Thị, h. Thụy Nguyên, p. Thiệu Hóa, t. TH 1102

Đàm Hà (xã) 潭河社: tg. Hà Môn, ch. Vạn Ninh, p. Hải Ninh, t. QY 428

Đàm Khánh (tổng) 覃慶總: h. Yên Mô, p. Yên Khánh, t. NB 1025

Đàm Khánh (xã) 覃慶社: tg. Đàm Khánh, h. Yên Mô, p. Yên Khánh, t. NB 1025

Đàm Lộc (xã) 潭祿社: tg. Hàn Giang, h. Cẩm Giàng, p. Bình Giang, t. HD 98

Đàm Thanh (xã) 潭清社: tg. Hữu Bị, h. Mỹ Lộc, p. Xuân Trường, t. ND 307

Đạm Nội (xã) 淡内社: tg. Bạch Trữ, h. Yên Lãng, pp. Vĩnh Tường, t. ST 938

Đạm Thủy (xã) 淡水社: tg. Vĩnh Đại, h. Đông Triều, p. Kinh Môn, t. HD 165

Đạm Trai (thôn) 淡齋村: tg. Thanh Vĩ, h. Tùng Thiện, p. Quảng Oai, t. ST 911

Đạm Trai (thôn) 淡齋村: x. Thận Trai, tg. Trưng Xá, h. Lương Tài, p. Thuận Thành, t. BN 511

Đạm Xuyên (xã) 淡川社: tg. Bạch Trữ, h. Yên Lãng, pp. Vĩnh Tường, t. ST .. 938

Đan Bối (xã) 丹貝社: tg. Đông Cao, h. Vĩnh Lại, p. Ninh Giang, t. HD 123

Đan Cầu (xã) 丹球社: tg. Đông Cao, h. Vĩnh Lại, p. Ninh Giang, t. HD 123

Đan Chàng (xã) 丹撞社: tg. Nhân Vũ, h. Ân Thi, p. Khoái Châu, t. HY 256

Đan Chế (ấp) 丹制邑: tg. Diêm Trường, h. Phú Lộc, p. TT 1424

Đan Chế (xã) 丹制社: h. Thạch Hà, đạo HT 1321

Đan Duệ (xã) 丹裔社: tg. Minh Lương, h. Minh Linh, đạo QT 1390

Đan Dương Hạ (xã) 丹陽下社: tg. Đồng Phú, h. Bạch Hạc, p. Vĩnh Tường, t. ST 930

Đan Dương Thượng (xã) 丹陽上社: tg. Đồng Phú, h. Bạch Hạc, p. Vĩnh Tường, t. ST 930

Đan Điền (xã) 丹田社: tg. An Bó, h. Vĩnh Bảo, p. Ninh Giang, t. HD 126

Đan Giáp (xã) 丹甲社: tg. Mỹ Động, h. Thanh Miện, p. Bình Giang, t. HD 95

Đan Hà (xã) 丹霞社: tg. Đam Thượng, h. Hạ Hòa, p. Lâm Thao, t. ST 950

Đan Hà (xã) 丹霞社: tg. Thượng Vực, h. Phố Yên, p. Phú Bình, t. TN 796

Đan Hải (tổng) 丹海總: h. Nghi Xuân, p. Đức Thọ, t. NA 1265

Đan Hội (tổng) 丹會總: h. Lục Ngạn, p. Lạng Giang, t. BN 537

Đan Hội (xã) 丹會社: tg. Đan Hội, h. Lục Ngạn, p. Lạng Giang, t. BN 537

Đan Hội (xã) 丹會社: tg. Tây Tựu, h. Từ Liêm, p. Hoài Đức, t. HN 9

Đan Hội (xã) 丹會社: tg. Thượng Bái, h. Diên Hà, p. Tiên Hưng, t. HY 267

Đan Khê (xã) 丹溪社: tg. Túc Tranh, h. Phú Lương, p. Tông Hóa, t. TN 812

Đan Loan (xã) 丹鑾社: tg. Minh Loan, h. Đường An, p. Bình Giang, t. HD 93

Đan Nê (tổng) 丹泥總: h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1109

Đan Nê Hạ (xã) 丹泥下社: tg. Đan Nê, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH ... 1109

Đan Nê Thượng (xã) 丹泥上社: tg. Đan Nê, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1109

Đan Nguyên (xã) 丹原社: tg. Đông Lỗ, h. Yên Lạc, pp. Vĩnh Tường, t. ST ... 940

Đan Nhiễm (thôn) 丹染村: tg. Xuân Liễu, h. Nam Đường, p. Anh Sơn, t. NA 1236

Đan Nhiễm (xã) 丹染社: tg. Phụng Công, h. Văn Giang, pp. Thuận Thành, t. BN 517

Đan Nhiễm (sở) 丹染所: tg. Phụng Công, h. Văn Giang, pp. Thuận Thành, t. BN 517

Đan Ốc (xã) 丹屋社: tg. Giới Phiên, h. Trấn Yên, p. Quy Hóa, t. HH 727

Đan Phố (xã) 丹浦社: tg. Đan Hải, h. Nghi Xuân, p. Đức Thọ, t. NA 1265

Đan Phượng (huyện) 丹鳳縣: p. Quốc Oai, t. ST 921

Đan Phượng Thượng (tổng) 丹鳳上總: h. Đan Phượng, p. Quốc Oai, t. ST 922

Đan Phượng Thượng (xã) 丹鳳上社: tg. Đan Phượng Thượng, h. Đan Phượng, p. Quốc Oai, t. ST 922

Đan Quế (xã) 丹桂社: tg. An Nhân, h. Hải Lăng, đạo QT 1385

Đan Sa (xã) 丹砂社: tg. Thuận Bái, h. Bình Chính, p. Quảng Trạch, t. QB ... 1353

Đan Sa (phố) 丹砂舖: tg. Bàng Mạc, ch. Ôn, p. Trảng Khánh, t. LS 616

Đan Táo (tổng) 丹棗總: h. Đa Phúc, p. Đa Phúc, t. BN 521

Đan Táo (xã) 丹棗社: tg. Đan Táo, h. Đa Phúc, p. Đa Phúc, t. BN 521

Đan Thâm (xã) 丹忱社: tg. Minh Lương, h. Minh Linh, đạo QT 1390

Đan Thâm (xã) 丹忱社: tg. Đại Định, h. Thanh Oai, p. Ứng Hòa, t. HN 28

Đan Thê (xã) 丹梯社: tg. La Phù, h. Bát Bạt, p. Quảng Oai, t. ST 915

Đan Trai (thôn) 丹齋村: tg. Hương Khê, h. Hương Khê, p. Đức Thọ, t. NA 1262

Đan Tràng (xã) 丹場社: tg. Đan Hải, h. Nghi Xuân, p. Đức Thọ, t. NA 1265

Đan Trì (xã) 丹墀社: tg. Hoàng Xuyên, h. Tam Dương, p. Vĩnh Tường, t. ST .. 934

Đan Trường (tổng) 丹場總: h. Cẩm Giàng, p. Bình Giang, t. HD 98

Đan Trường (xã) 丹場社: tg. Đan Trường, h. Cẩm Giàng, p. Bình Giang, t. HD 98

Đan Uyên (xã) 丹淵社: tg. Đan Hải, h. Nghi Xuân, p. Đức Thọ, t. NA 1265

Đàn Loan (xã) 壇鸞社: tg. Mộ Chu, h. Bạch Hạc, p. Vĩnh Tường, t. ST 930

Đàn Trầm (xã) 壇沉社: tg. Vĩnh Chân, h. Thanh Ba, p. Lâm Thao, t. ST 948

Đàn Viên (xã) 壇園社: tg. Đồng Dương, h. Thanh Oai, p. Ứng Hòa, t. HN 28

Đán (bản) 旦本: tg. Chắp Yết, h. Trình Cốt, t. TH 1152

Đán Bộ (bản) 旦部本: tg. Trình Phủ, h. Trình Cốt, t. TH 1152

Đán Hào (bản) 旦豪本: tg. Trình Phủ, h. Trình Cốt, t. TH 1152

Đào Dương (xã) 陶陽社: tg. Phú Lão, h. Vụ Bản, p. Nghĩa Hưng, t. ND 320

Đào Đặng (xã) 陶鄧社: tg. Cao Đường, h. Tiên Lữ, p. Tiên Hưng, t. HY 271

Đào Động (xã) 桃洞社: tg. Vọng Lỗ, h. Phụ Dực, pp. Thái Bình, t. ND 346

Đào Hương (tổng) 桃香總: h. Quế Dương, p. Từ Sơn, t. BN 500

Đào Hương (xã) 桃香社: tg. Đào Hương, h. Quế Dương, p. Từ Sơn, t. BN 500

Đào Khê (xã) 桃溪社: tg. An Trung Hạ, h. Đại An, p. Nghĩa Hưng, t. ND 316

Đào Lăng (xã) 桃浪社: tg. Trú Hữu, h. Lục Ngạn, p. Lạng Giang, t. BN 537

Đào Lăng (xã) 桃浪社: tg. Dã Cát, h. Mỹ Lương, p. Quốc Oai, t. ST 926

Đào Lăng (xã) 桃浪社: tg. Văn Hội, h. Vĩnh Lại, p. Ninh Giang, t. HD 124

Đào Lăng (xã) 桃浪社: tg. An Trung Hạ, h. Đại An, p. Nghĩa Hưng, t. ND 316

Đào Lâm (xã) 桃林社: tg. Lâm Trường Thượng, ch. Lục Yên, p. An Bình, t. TQ 868

Đào Lâm (xã) 陶林社: tg. Đoàn Lâm, h. Gia Lộc, p. Ninh Giang, t. HD 131

Đào Mỹ (xã) 陶美社: tg. Bạch Hà, h. Lương Sơn, p. Anh Sơn, t. NA 1234

Đào Ngạn (xã) 桃岸社: tg. Phù Đống, h. Thạch Lâm, p. Hòa An, t. CB 659

Đào Ninh (xã) 陶寧社: tg. Giang Ngõ, h. Thạch An, p. Hòa An, t. CB 664

Đào Quan (tổng) 桃觀總: h. Bảo Lộc, p. Lạng Giang, t. BN 531

Đào Quan (xã) 桃觀社: tg. Đào Quan, h. Bảo Lộc, p. Lạng Giang, t. BN 531

Đào Sơn (xã) 桃山社: tg. Trú Hữu, h. Lục Ngạn, p. Lạng Giang, t. BN 537

Đào Thực (xã) 陶淑社: tg. Hương La, h. Yên Phong, p. Từ Sơn, t. BN 497

Vân Sơn (xã) 雲山社: tg. Sơn Đình, h. Phụng Nhãn, p. Lạng Giang, t. BN .. 530

Đào Viên (xã) 桃園社: tg. Lý Trai, h. Đông Thành, p. Diễn Châu, t. NA 1249

Đào Viên (xã) 桃園社: tg. An Lịch, h. Đông Yên, p. Khoái Châu, t. HY 253

Đào Xá (xã) 陶舍社: tg. Đồng Vĩ, h. Đông Quan, p. Thái Bình, t. ND 339

Đào Xá (tổng) 陶舍總: h. Phụ Dực, pp. Thái Bình, t. ND 346

Đào Xá (xã) 陶舍社: tg. Đào Xá, h. Phụ Dực, pp. Thái Bình, t. ND 346

Đào Xá (xã) 陶舍社: tg. Hạ Bi, h. Bát Bạt, p. Quảng Oai, t. ST 915

Đào Xá (xã) 陶舍社: tg. Thượng Đình, h. Tư Nông, p. Phú Bình, t. TN 794

Đào Xá (*thôn*) 陶舍村: x.Viên Kiệu,tg.Đồng Lỗ,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26

Đào Xá (*xã*) 陶舍社: tg.Ngọc Cục,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 92

Đào Xá (*xã*) 陶舍社: tg.Phá Lãng,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 511

Đào Xá (*xã*) 陶舍社: tg.Đỗ Xá,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 101

Đào Xá (*xã*) 陶舍社: tg.Lưu Xá,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 253

Đào Xá (*xã*) 陶舍社: tg.Tạ Xá,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 260

Đào Xá (*xã*) 陶舍社: tg.Hiệu Vũ,h.Hung Nhân,p.Tiên Hưng,t.HY 268

Đào Xuyên (*xã*) 桃川社: tg.An Xá,h.Do Linh,đạo QT 1391

Đào Xuyên (*xã*) 陶川社: tg.Phá Lãng,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 511

Đào Xuyên (*xã*) 桃川社: tg.Đa Tốn,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN 515

Đào Yêu (*xã*) 桃天社: tg.Điều Yêu,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151

Đạo (*thôn*) 道村: x.Yên Thái,tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1115

Đạo Chân (*tổng*) 道真總: h.Võ Giang,p.Từ Sơn,t.BN 501

Đạo Chân (*xã*) 道真社: tg.Đạo Chân,h.Võ Giang,p.Từ Sơn,t.BN 501

Đạo Củ (*trại*) 蹈矩寨: tg.Hồi Thuần,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1033

Đạo Dương (*xã*) 道陽社: tg.Vĩnh Đại,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165

Đạo Đầu (*xã*) 道頭社: tg.An Lưu,h.Đăng Xương,đạo QT 1384

Đạo Khê (*xã*) 道溪社: tg.Sài Trang,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100

Đạo Kỷ (*tổng*) 道紀總: h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 933

Đạo Kỷ (*xã*) 道紀社: tg.Đạo Kỷ,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 933

Đạo Lương (*xã*) 稻梁社: tg.Đồng Cao,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 123

Đạo Ngạn (*xã*) 道岸社: tg.Quang Biểu,h.Việt Yên,p.Lạng Giang,t.BN 534

Đạo Ngạn (*tổng*) 道岸總: ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ 863

Đạo Ngạn (*xã*) 道岸社: tg.Đạo Ngạn,ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ 863

Đạo Nghĩa (*xã*) 道義社: tg.Đỗ Xá,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304

Đạo Nguyên (*thôn*) 導元村: x.Mỹ Hưng,tg.Mậu Lâm,h.Nga Sơn,
p.Hà Trung,t.TH 1086

Đạo Nội (*xã*) 道內社: tg.Nhân Mục,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 933

Đạo Phái (*xã*) 道派社: tg.Đoàn Lâm,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 131

Đạo Quý (*xã*) 道櫃社: tg.Bái Dương,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ .. 310

Đạo Sử (*xã*) 道使社: tg.Phá Lãng,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 511

Đạo Thượng (*xã*) 道上社: tg.Yên Tàng,h.Đa Phúc,p.Đa Phúc,t.BN 521

Đạo Trì (*xã*) 道疇社: tg.Bình Hòa,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 932

Đạo Trì (*xã*) 稻疇社: tg.An Dương,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 935

Đạo Tú (*tổng*) 道秀總: h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 934

Đạo Tú (*xã*) 道秀社: tg.Đạo Tú,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 934

Đạo Tú (*xã*) 道秀社: tg.Đồng Hồ,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN 506

Đạo Tú (*tổng*) 道秀總: h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26

Đạo Tú (*xã*) 道秀社: tg.Đạo Tú,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26

Đạo Tú (*xã*) 道秀社: tg.Trúc Động,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162

Đạo Viện (*xã*) 道院社: tg.Bình Ca,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 860

Đạo Xá (*xã*) 道舍社: tg.Nghĩa Xá,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN 506

Đáp Cầu (*xã*) 塔球社: tg.Đỗ Xá,h.Võ Giang,p.Từ Sơn,t.BN 500

Đáp Khê (*xã*) 答溪社: tg.Cổ Châu,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106

Đạp Thanh (*xã*) 踏青社: tg.Dương Huy,h.Hoàn Bồ,p.Sơn Định,t.QY 403

Đạt Đông (*thôn*) 達東村: x.Trang Liệt,tg.Văn Xá,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

Đạt Tài (*thôn*) 達才村: x.Hà Dương,tg.Bút Sơn,h.Hoàng Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1090

Đạt Thượng (*thôn*) 達上村: x.Trang Liệt,tg.Văn Xá,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

Đắc (*thôn*) 得村: x.Yên Lãng,tg.Diên Hào,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH . 1146

Đắc Hiến (*xã*) 得賢社: tg.Hoàng Đàm,h.Phổ Yên,p.Phú Bình,t.TN 796

Đắc Lộc (*xã*) 得祿社: tg.Đồng Lạc,h.Thủy Văn,p.Quý Châu,t.NA 1276

Đắc Lực (*xã*) 得力社: tg.Bảo Ngũ,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 320

Đắc Sở (*tổng*) 得所總: h.Đan Phượng,p.Quốc Oai,t.ST 921

Đắc Sở (*xã*) 得所社: tg.Đắc Sở,h.Đan Phượng,p.Quốc Oai,t.ST 921

Đắc Sở (*giáp*) 得所甲: tg.Hoàng Thu,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ .. 304

Đắc Sở (*thôn*) 得所村: tg.Bái Dương,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ .. 310

Đắc Thắng (*thôn*) 得勝村: tg.Phí Lai,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086

Đắc Thắng Hạ (*xã*) 得勝下社: tg.Hải Lãng,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316

Đắc Thắng Thượng (*xã*) 得勝上社: tg.Hải Lãng,h.Đại An,
p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316

Đắc Tượng (*xã*) 得象社: tg.Đường Xâm,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 331

Đặc Hiến (*xã*) 特賢社: tg.Đặc Kiệt,ch.Quan Hóa,p.Quảng Hóa,t.TH 1137

Đặc Kiệt (*xã*) 特傑社: tg.Vân Lãng,h.Đồng Hỷ,p.Phú Bình,t.TN 798

Đặc Kiệt (*tổng*) 特傑總: ch.Quan Hóa,p.Quảng Hóa,t.TH 1137

Đặc Kiệt (*xã*) 特傑社: tg.Đặc Kiệt,ch.Quan Hóa,p.Quảng Hóa,t.TH 1137

Đăng (*thôn*) 登村: x.Thạch Khê,tg.Thạch Khê,h.Đồng Sơn,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1105

Đăng Ân (*xã*) 登恩社: tg.Cẩn Xá,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 920

Đăng Bình (*xã*) 登平社: tg.Quý Trạch,h.Yên Thành,p.Diễn Châu,t.NA . 1250

Đăng Cao (*xã*) 登高社: tg.Hoàng Trường,h.Yên Thành,
p.Diễn Châu,t.NA 1249

Đăng Cao (*xã*) 登高社: tg.Lực Đình,h.Bình Xuyên,p.Phú Bình,t.TN 801

Đăng Châu (*xã*) 登洲社: tg.Bắc Hoàng,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959

Đăng Châu (*tổng*) 登州總: h.Thượng Lang,p.Trùng Khánh,t.CB 672

Đăng Châu (*xã*) 登州社: tg.Đăng Châu,h.Thượng Lang,
p.Trùng Khánh,t.CB 672

Đăng Cốc (*xã*) 登穀社: tg.Yên Định,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124

Đăng Côi (*tổng*) 登瑰總: h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319

Đăng Côi (*xã*) 登瑰社: tg.Đăng Côi,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319

Đăng Hoàng (*xã*) 橙黃社: tg.Thụy Lũng,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 331

Đăng Khôi (*thôn*) 登魁村: x.Quảng Chiếu Thượng,tg.Quảng Chiếu,h.Đồng
Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1106

Đăng Lai (*xã*) 登來社: tg.Kênh Thanh,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 117

Đăng Long (*xã*) 登隆社: tg.An Cự,h.Đăng Xương,đạo QT 1384

Đăng Mai (*xã*) 登邁社: tg.Tư Mai,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 533

Đăng Năm (*xã*) 登稔社: tg.Hùng Dị,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 859

Đăng Năm (*xã*) 登湓社: tg.Lãng Yên,h.Thượng Lang,
p.Trùng Khánh,t.CB 672

Đăng Ngạn (*xã*) 燈岸社: tg.Quảng Bị,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31

Đăng Nhân (*xã*) 登垠社: tg.Lý Nhân,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN 795

Đăng Phối (*thôn*) 登配村: tg.Cao Bộ,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926

Đăng Tảo (*xã*) 登早社: tg.Sài Trang,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100

Đăng Tiên (*xã*) 登僊社: tg.Phương Hương,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926

Đăng Triều (*trang*) 登朝庄: tg.Mỹ Lâm,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN .. 22

Đăng Triều (*xã*) 登朝社: tg.Trùng Xá,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN . 511

Đăng Trường (*xã*) 登場社: tg.Yên Bái,h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343

Đăng Trường (*thôn*) 登場村: tg.Thanh Viên,h.Quỳnh Lưu,
p.Diễn Châu,t.NA 1252

Đăng Trường (*tổng*) 登場總: h.Hậu Lộc,p.Hà Trung,t.TH 1096

Đăng Trường (*xã*) 登場社: tg.Đăng Trường,h.Hậu Lộc,p.Hà Trung,t.TH 1096

Đăng Văn (*xã*) 登文社: tg.Mỹ Lương,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 925

Đăng Xá (*xã*) 登舍社: tg.Châm Khê,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497

Đăng Xuân (*thôn*) 登春村: tg.Tam Đẳng,h.Nghi Xuân,p.Đức Thọ,t.NA . 1265

Đăng Xuyên (*xã*) 登川社: tg.Bổng Xuyên,h.Phong Doanh,
pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 326

Đăng Xương (*huyện*) 登昌縣: đạo QT 1383

Đăng An (*xã*) 滕安社: tg.Thốc Sơn,h.Hữu Lũng,pp.Lạng Giang,t.BN 541

Đăng Cao (*xã*) 滕高社: tg.Bút Sơn,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1090

Đăng Châu (*xã*) 藤洲社: tg.Yên Tảo,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 259

Đăng Chương (*xã*) 滕璋社: tg.Cát Đằng,h.Phong Doanh,
pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 326

Đặng Động (xã) 藤洞社: tg. Thượng Đồng, h. Phong Doanh, p. Nghĩa Hưng, t. ND 325

Đặng Man (xã) 藤蔓社: tg. Yên Tảo, h. Kim Động, p. Khoái Châu, t. HY 259

Đặng Trung (xã) 藤中社: tg. Bút Sơn, h. Hoàng Hóa, p. Hà Trung, t. TH ... 1090

Đặng Xá (xã) 藤舍社: tg. Bút Sơn, h. Hoàng Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1090

Đặng (thôn) 鄧村: x. Quỳnh Côi, tg. Văn Trường, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1117

Đặng (thôn) 鄧村: tg. Đặng Xá, h. Ân Thi, p. Khoái Châu, t. HY 256

Đặng Cầu (xã) 鄧棣社: tg. Cao Đường, h. Tiên Lữ, p. Tiên Hưng, t. HY 271

Đặng Đê (xã) 鄧堤社: tg. Cao Lao, h. Bồ Trách, p. Quảng Trách, t. QB 1357

Đặng Điền (xã) 鄧田社: tg. Đặng Xá, h. Chân Lộc, p. Anh Sơn, t. NA 1246

Đặng Đình (thôn) 鄧丁村: tg. Thổ Hoàng, h. Ân Thi, p. Khoái Châu, t. HY 256

Đặng Lâm (thôn) 鄧林村: tg. Đặng Sơn, h. Lương Sơn, p. Anh Sơn, t. NA .. 1235

Đặng Lộc (xã) 鄧祿社: tg. Thuỷ Liên, h. Lê Thuỷ, p. Quảng Ninh, t. QB 1348

Đặng Ngoại (xã) 鄧外社: tg. Đông Lỗ, h. Việt Yên, p. Lạng Giang, t. BN 534

Đặng Phú (thôn) 鄧覆村: x. Xuân Phố, tg. Kiên Thạch, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1144

Đặng Sơn (tổng) 鄧山總: h. Lương Sơn, p. Anh Sơn, t. NA 1235

Đặng Thị Trung (ấp) 鄧市中邑: tg. Phú Xuân, h. Hương Trà, p. TT 1418

Đặng Thượng (thôn) 鄧上村: tg. Đặng Sơn, h. Lương Sơn, p. Anh Sơn, t. NA 1235

Đặng Xá (thôn) 鄧舍村: x. Lương Trường, tg. Bích Triều, h. Thanh Chương, p. Anh Sơn, t. NA 1238

Đặng Xá (tổng) 鄧舍總: h. Chân Lộc, p. Anh Sơn, t. NA 1246

Đặng Xá (xã) 鄧舍社: tg. Đặng Xá, h. Chân Lộc, p. Anh Sơn, t. NA 1246

Đặng Xá (xã) 鄧舍社: tg. Trung Quán, h. Phong Lộc, p. Quảng Ninh, t. QB 1345

Đặng Xá (xã) 鄧舍社: tg. Thuỷ Ba, h. Minh Linh, đạo QT 1390

Đặng Xá (xã) 鄧舍社: tg. Thạch Xá, h. Thạch Thất, p. Quốc Oai, t. ST 924

Đặng Xá (xã) 鄧舍社: tg. Thái Đường, h. Hoài An, p. Ứng Hòa, t. HN 33

Đặng Xá (xã) 鄧舍社: tg. Kim Bảng, h. Kim Bảng, p. Lý Nhân, t. HN 38

Đặng Xá (xã) 鄧舍社: tg. Hương Ngải, h. Thanh Liêm, p. Lý Nhân, t. HN 40

Đặng Xá (tổng) 鄧舍總: h. Thanh Miện, p. Bình Giang, t. HD 95

Đặng Xá (xã) 鄧舍社: tg. Đặng Xá, h. Thanh Miện, p. Bình Giang, t. HD 95

Đặng Xá (xã) 鄧舍社: tg. An Xá, h. Cẩm Giàng, p. Bình Giang, t. HD 97

Đặng Xá (xã) 鄧舍社: tg. Thượng Triệt, h. Thanh Lâm, p. Nam Sách, t. HD .. 110

Đặng Xá (tổng) 鄧舍總: h. Gia Lâm, pp. Thuận Thành, t. BN 515

Đặng Xá (xã) 鄧舍社: tg. Đặng Xá, h. Gia Lâm, pp. Thuận Thành, t. BN 515

Đặng Xá (xã) 鄧舍社: tg. Kim Lôi, h. Đông Triều, p. Kinh Môn, t. HD 165

Đặng Xá (tổng) 鄧舍總: h. Ân Thi, p. Khoái Châu, t. HY 256

Đặng Xá (tổng) 鄧舍總: h. Hưng Nhân, p. Tiên Hưng, t. HY 268

Đặng Xá (xã) 鄧舍社: tg. Đặng Xá, h. Hưng Nhân, p. Tiên Hưng, t. HY 268

Đặng Xá (xã) 鄧舍社: tg. Thụy Lôi, h. Tiên Lữ, p. Tiên Hưng, t. HY 271

Đặng Xá (xã) 鄧舍社: tg. Cao Đường, h. Thượng Nguyên, p. Xuân Trường, t. ND 309

Đặng Xuyên (thôn) 鄧川村: tg. Thổ Hoàng, h. Ân Thi, p. Khoái Châu, t. HY . 256

Đặng Yên (xã) 鄧安社: tg. Đặng Xá, h. Chân Lộc, p. Anh Sơn, t. NA 1246

Đâu Kiên (tổng) 兜堅總: h. Kim Thành, p. Kiến Thụy, t. HD 148

Đâu Kiên (xã) 兜堅社: tg. Đâu Kiên, h. Kim Thành, p. Kiến Thụy, t. HD 148

Đâu Kinh (xã) 兜涇社: tg. Bích La, h. Đăng Xương, đạo QT 1383

Đầu Mâu (xã) 頭牟社: tg. Ngọc Chúc, h. Hùng Quan, p. Đoàn Hùng, t. ST ... 955

Đầu Hàn (xã) 斗韓社: tg. Châm Khê, h. Yên Phong, p. Từ Sơn, t. BN 497

Đế Cầu (tổng) 提棣總: h. Siêu Loại, p. Thuận Thành, t. BN 506

Đế Cầu (xã) 提棣社: tg. Đế Cầu, h. Siêu Loại, p. Thuận Thành, t. BN 506

Đế Cầu (xã) 提棣社: tg. Yên Xá, h. Kim Động, p. Khoái Châu, t. HY 259

Đế Cốc (tổng) 提谷總: h. Yên Hoà, p. Nho Quan, t. NB 1042

Đế Cốc (xã) 提谷社: tg. Đế Cốc, h. Yên Hoà, p. Nho Quan, t. NB 1042

Đế (thôn) 底村: x. Hòa Trường, tg. Ngọc Đới, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH .. 1115

Đế (thôn) 底村: x. Tào Sơn, tg. Yên Thái, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1115

Đế Bồn (thôn) 底盆村: x. Phương Trì, tg. Yên Thái, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1115

Đế Định (huyện) 底定縣: p. Tương An, t. TQ 871

Đế Trụ (xã) 砥柱社: tg. Ngô Khê, h. Nam Xương, p. Lý Nhân, t. HN 45

Đế Xuyên (xã) 底川社: tg. Đại Công, h. Tiên Minh, p. Nam Sách, t. HD 116

Đệ Nhất (tổng) 第一總: h. Mỹ Lộc, p. Xuân Trường, t. ND 307

Đệ Nhất (xã) 第一社: tg. Đệ Nhất, h. Mỹ Lộc, p. Xuân Trường, t. ND 307

Đệ Nhị (xã) 第二社: tg. Đệ Nhất, h. Mỹ Lộc, p. Xuân Trường, t. ND 307

Đệ Tam (xã) 第三社: tg. Đệ Nhất, h. Mỹ Lộc, p. Xuân Trường, t. ND 307

Đệ Tứ (xã) 第四社: tg. Đệ Nhất, h. Mỹ Lộc, p. Xuân Trường, t. ND 307

Đệ Tứ Ngoại (trang) 第四外庄: tg. Ngũ Trang, h. Mỹ Lộc, p. Xuân Trường, t. ND 307

Địa Linh (xã) 地靈社: tg. Thượng Giáo, ch. Bạch Thông, p. Thông Hóa, t. TN 819

Địa Mãn (xã) 地滿社: tg. Vạn Diễm, h. Thượng Phúc, p. Thường Tín, t. HN 17

Đích Sơn (tổng) 的山總: h. Giáp Sơn, p. Kinh Môn, t. HD 157

Đích Sơn (xã) 的山社: tg. Đích Sơn, h. Giáp Sơn, p. Kinh Môn, t. HD 157

Địch Cát (xã) 迪吉: tg. Liên Cừ, h. Hậu Lộc, p. Hà Trung, t. TH 1097

Địch Giáo (xã) 迪教社: tg. Lạc Thiện, h. Lạc Yên, p. Nho Quan, t. NB 1040

Địch Giáo (ấp) 迪教邑: tg. Hoàng Thu, h. Giao Thủy, p. Xuân Trường, t. ND 304

Địch Hòa (xã) 迪和社: tg. Đan Trường, h. Cẩm Giàng, p. Bình Giang, t. HD ... 98

Địch Lễ (xã) 迪禮社: tg. Đồng Phú, h. Thượng Nguyên, p. Xuân Trường, t. ND 309

Địch Lộng (xã) 笛弄社: tg. Thanh Quyết, h. Gia Viễn, p. Yên Khánh, t. NB 1029

Địch Lương (xã) 迪良社: tg. Hạ Am, h. Vĩnh Lại, p. Ninh Giang, t. HD 124

Địch Quả (xã) 迪果社: tg. Xuân Đài, h. Thanh Sơn, p. Gia Hưng, t. HH 711

Địch Trung (xã) 迪忠社: tg. Đại Lai, h. Gia Bình, p. Thuận Thành, t. BN 509

Địch Trường (xã) 滌場社: tg. Đan Trường, h. Cẩm Giàng, p. Bình Giang, t. HD 98

Địch VI (châu) 荻葦洲: tg. Thanh Mạc, h. Đan Phượng, p. Quốc Oai, t. ST 922

Địch VI (vạn) 荻葦萬: tg. Thanh Mạc, h. Đan Phượng, p. Quốc Oai, t. ST 922

Điểm Giang (xã) 恬江社: tg. Đại Hữu, h. Gia Viễn, p. Yên Khánh, t. NB 1029

Điểm Giang (phường) 恬江坊: tg. Đại Hữu, h. Gia Viễn, p. Yên Khánh, t. NB 1029

Điểm HI (phố) 恬熙鋪: tg. Chu Túc, h. Văn Quan, p. Tràng Định, t. LS 605

Điểm Mặc (xã) 恬默社: tg. Thanh Điều, ch. Định, p. Tông Hóa, t. TN 807

Điểm Thụy (xã) 恬瑞社: tg. Nhả Lộng, h. Tư Nông, p. Phú Bình, t. TN 794

Điểm Xá (xã) 恬舍社: tg. Đại Hữu, h. Gia Viễn, p. Yên Khánh, t. NB 1029

Điểm Xá (xã) 恬舍社: tg. Thụy Lôi, h. Tiên Lữ, p. Tiên Hưng, t. HY 271

Điền Công (xã) 田功社: tg. Bí Giang, h. Đông Triều, p. Kinh Môn, t. HD 166

Điền Hạ (xã) 田下社: tg. Diên Lư, h. Cẩm Thủy, p. Quảng Hóa, t. TH 1140

Điền Loan Hạ (xã) 田彎下社: tg. Đại Đồng, ch. Thu Châu, p. An Bình, t. TQ 863

Điền Loan Thượng (xã) 田彎上社: tg. Đại Đồng, ch. Thu Châu, p. An Bình, t. TQ 863

Điền Loan Trung (xã) 田彎中社: tg. Đại Đồng, ch. Thu Châu, p. An Bình, t. TQ 863

Điền Lư (thôn) 田蘆村: x. Phú Điền, tg. Đông Bạ, h. Tống Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1082

Điền Lư (tổng) 田蘆總: h. Cẩm Thủy, p. Quảng Hóa, t. TH 1140

Điền Nhi (xã) 田兒社: tg. Đoàn Bái, h. Gia Lộc, p. Ninh Giang, t. HD 131

Điền Phong (xã) 田豐社: tg. Yên Lê, ch. Văn Uyên, p. Tràng Định, t. LS ... 610

Điền Sơn (tổng) 田山總: h. Hàm Yên, p. An Bình, t. TQ 859

Điền Sơn (xã) 田山社: tg. Diên Sơn, h. Hàm Yên, p. An Bình, t. TQ 859

Điền Thượng (xã) 田上社: tg. Diên Lư, h. Cẩm Thủy, p. Quảng Hóa, t. TH 1140

Điền Thượng (xã) 漠上社: tg. An Điền, h. Chí Linh, p. Nam Sách, t. HD 106

Điền Trạch (xã) 田宅社: tg. Mục Sơn, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1146

Điện Trì (xã) 漠池社: tg.An Hộ,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106	Đinh Loan (xã) 亭鑾社: tg.Nghĩa Trại,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN . 515
Điện Xá (thôn) 田舍村: x.Nga Khê,tg.Nga Khê,h.Can Lộc, p.Đức Thọ,t.NA 1269	Đinh Lô (xã) 亭墟社: tg.An Thọ,ch.Lương Chánh,p.Thọ Xuân,t.TH 1150
Điện Xá (xã) 田舍社: tg.Bác Lăng,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 439	Đinh Ngọ (xã) 亭午社: tg.Lam Cầu,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37
Điện Xá (động) 田舍峒: tg.Bác Lăng,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 440	Đinh Ngọ (xã) 亭牛社: tg.Ngọ Dương,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 148
Điện Xá (xã) 田舍社: tg.Kim Bảng,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38	Đinh Ngũ (xã) 亭伍社: tg.Canh Nông,h.Diên Hà,p.Tiền Hưng,t.HY 267
Điện Lộc (tràng) 典祿庄: tg.Hoàn Phúc,h.Bố Trạch, p.Quảng Trạch,t.QB 1357	Đinh Phú (xã) 亭富社: tg.Hương Đình,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525
Điện An (xã) 奠安社: tg.Cổ Nông,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 311	Đinh Tổ (xã) 亭祖社: tg.An Lạc,h.Thành Hoá,đạo QT 1393
Điện Bàn (xã) 奠盤社: tg.Thổ Ốc,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45	Đinh Tổ (tổng) 亭祖總: h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN 506
Điện Biên (phủ) 奠邊府: t.HH 736	Đinh Tổ (xã) 亭祖社: tg.Đình Tổ,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN 506
Điện Cư (sở) 奠居所: tg.Đàng Trường,h.Hậu Lộc,p.Hà Trung,t.TH 1096	Đinh Tổ (xã) 亭祖村: x.Hoảng Phúc,tg.La Phù,h.Thượng Phúc, p.Thường Tín,t.HN 16
Điệnệp (thôn) 牒村: x.Trang Việt,tg.Đa Lộc,h.Yên Lăng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938	Đinh Tổ (xã) 亭祖社: tg.Đường An,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HĐ 92
Điện Sơn (xã) 疊山社: tg.An Khê,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37	Đinh Trung (thôn) 亭中村: x.Lãng Vịnh,tg.Trung Bạ,h.Tống Sơn, p.Hà Trung,t.TH 1083
Điêu Lương (tổng) 雕梁總: h.Cẩm Khê,p.Lâm Thao,t.ST 946	Đinh Trường (sở) 亭場所: tg.Phù Đạm,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38
Điêu Lương (xã) 雕梁社: tg.Điêu Lương,h.Cẩm Khê,p.Lâm Thao,t.ST .. 946	Đinh Vỹ (xã) 亭偉社: tg.Yên Thương,h.Đồng Ngạc,p.Từ Sơn,t.BN 491
Điêu (thôn) 調村: x.Cung Thượng,tg.Cung Thượng,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1120	Đỉnh Dương (xã) 鼎陽社: tg.Trừng Xá,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 511
Điêu An (xã) 調安: tg.Cung Thượng,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1120	Đỉnh Lã (xã) 鼎呂社: tg.Phù Lưu,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269
Điêu Hòa (thôn) 調和村: x.Điêu An,tg.Cung Thượng,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1120	Đỉnh (thôn) 錠村: x.Ngọc Xuyên,tg.Ngọc Xuyên,h.Hoàng Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1091
Điêu Họa (xã) 條畫社: tg.Quan Hoàng,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1139	Định (châu) 定州: p.Tông Hóa,t.TN 806
Điêu Hộ (xã) 調護社: tg.Vân Lung,h.Thạch Thành,p.Quảng Hóa,t.TH .. 1135	Định Bảo (xã) 定保社: tg.Cam Thủy,h.Văn Quan,p.Tràng Định,t.LS 605
Điêu Hộ (tổng) 調護總: h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40	Định Biên Hạ (tổng) 定邊下總: ch.Định,p.Tông Hóa,t.TN 807
Điêu Hộ (xã) 調護社: h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40	Định Biên Hạ (xã) 定邊下社: tg.Định Biên Hạ,ch.Định,p.Tông Hóa,t.TN 807
Điêu Khê (xã) 條溪社: tg.Tiên La,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN 794	Định Biên Thượng (tổng) 定邊上總: ch.Định,p.Tông Hóa,t.TN 806
Điêu Lang (tổng) 調琅總: h.Hạ Lang,p.Trùng Khánh,t.CB 676	Định Biên Thượng (xã) 定邊上社: tg.Định Biên Thượng,ch.Định, p.Tông Hóa,t.TN 806
Điêu Lang (xã) 調琅社: tg.Điêu Lang,h.Hạ Lang,p.Trùng Khánh,t.CB 677	Định Biên Trung (tổng) 定邊中總: ch.Định,p.Tông Hóa,t.TN 807
Điêu Nha (xã) 條街社: tg.An Lịch,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 253	Định Biên Trung (xã) 定邊中社: tg.Định Biên Trung,ch.Định, p.Tông Hóa,t.TN 807
Điêu Sơn (xã) 條山社: tg.Trung Hành,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151	Định Công (xã) 定功社: tg.Khuông Đình,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN . 19
Điêu Thượng (xã) 條上社: tg.Phương Quan,h.Đồng Quan, p.Thái Bình,t.NĐ 338	Định Cư (ấp) 定居邑: tg.Tân Hưng,h.Tiến Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335
Điêu Yêu (tổng) 條天總: h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151	Định Cư (xã) 定居社: tg.Lạc Đạo,h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1040
Điêu Yêu Đông (xã) 條天東社: tg.Điêu Yêu,h.An Dương, p.Kiến Thụy,t.HD 151	Định Cư (động) 定居峒: tg.Hậu Cự,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 440
Điêu Yêu Hạ (xã) 條天下社: tg.Điêu Yêu,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151	Định Cương (xã) 定崗社: tg.Xuân Lai,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN .. 509
Điêu Yêu Thượng (xã) 條天上社: tg.Điêu Yêu,h.An Dương, p.Kiến Thụy,t.HD 151	Định Đào (xã) 琯陶社: tg.Đoàn Bái,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 131
Điêu Yêu Trung (xã) 條天中社: tg.Điêu Yêu,h.An Dương, p.Kiến Thụy,t.HD 151	Định Giang (xã) 淀江社: tg.Nại Xuyên,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD .. 147
Đinh (thôn) 釘村: x.Bãi Trại,tg.Trịnh Xá,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109	Định Hương (xã) 定香社: tg.Mộ Chu,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930
Đinh Đồng (xã) 丁同社: tg.Cẩm Bối,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40	Định Hương (thôn) 定香村: x.Đồng Khối,tg.Thọ Hạc,h.Đồng Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1104
Đinh Phương (xã) 丁芳社: tg.Hạ Quan,h.Cẩm Hóa,p.Thông Hóa,t.TN .. 816	Định Hướng (trại) 定向寨: tg.Hồi Thuận,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1033
Đinh Xá (xã) 丁舍社: tg.Hương Nha,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 941	Định Lập (xã) 定立社: tg.Hậu Cự,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 440
Đinh Xá (xã) 丁舍社: tg.Đội Sơn,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37	Định Lập (động) 定立峒: tg.Hậu Cự,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 440
Đinh Xá (xã) 丁舍社: tg.Thụy Lôi,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38	Định Man (xã) 定蠻社: tg.Định Biên Trung,ch.Định,p.Tông Hóa,t.TN 807
Đinh Xá (thôn) 丁舍村: tg.Thổ Hoàng,h.Ấn Thái,p.Khoái Châu,t.HY 256	Định Mỹ (xã) 定姥社: tg.Xuân Lai,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509
Đinh Xuyên (xã) 丁川社: tg.Thái Đường,h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN 33	Định Môn (xã) 定門社: tg.Long Hồ,h.Hương Trà,p.TT 1418
Đinh (thôn) 亭村: x.Thủy Chú,tg.Kiên Thạch,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1144	Định Quán (thôn) 定館村: tg.Thượng Cung,h.Thượng Phúc, p.Thường Tín,t.HN 16
Đinh (thôn) 亭村: x.Bất Nào,tg.Bất Nào,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1145	Định Trường (thôn) 定長村: tg.Việt Yên,h.La Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1255
Đinh Bảng (xã) 亭榜社: tg.Phù Lưu,h.Đồng Ngạc,p.Từ Sơn,t.BN 491	Định Vũ (xã) 定武社: tg.Hạ Đoàn,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 152
Đinh Cao (xã) 亭皋社: tg.Cát Dương,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY 256	Định Xá (phường) 定舍坊: tg.Liên Hương,h.Bố Trạch, p.Quảng Trạch,t.QB 1357
Đinh Chàng (thôn) 亭撞村: x.Phương Đình,tg.Phương Đình,h.Sơn Minh, p.Ứng Hòa,t.HN 26	Định Xá (xã) 定舍社: tg.Cam Đường,h.Thành Hoá,đạo QT 1393
Đinh Hương (xã) 庭香社: tg.Cổ Định,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1123	Đoài (thôn) 兑村: x.Ngoại Can Lộc,tg.Nội Ngoại,h.Can Lộc, p.Đức Thọ,t.NA 1269
Đinh Kiều (thôn) 亭橋村: tg.Thượng Đình,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN ... 794	Đoài (thôn) 兑村: x.Phủ Điện,tg.Đồng Bạ,h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH . 1082
	Đoài (thôn) 兑村: x.Phủ Ninh,tg.Dương Thủy,h.Mỹ Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1094

Đoài (thôn) 兑村: x.Yên Xá,tg.Phùng Thịnh,h.Thuy Nguyên,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1102

Đoài (thôn) 兑村: x.Văn Trinh,tg.Văn Trinh,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH . 1114

Đoài (thôn) 兑村: x.Thiên Linh,tg.Văn Trinh,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1115

Đoài (thôn) 兑村: x.Hương La,tg.Văn Trưởng,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1117

Đoài (giáp) 兑甲: x.Nhân Vồng,tg.Văn Xá,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH . 1124

Đoài (thôn) 兑村: x.Thượng Vắn,tg.Lạc Thiện,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

Đoài (thôn) 兑村: x.La Miết,tg.La Miết,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1126

Đoài (thôn) 兑村: x.Thăng Đường,tg.Ngo Xá,h.Vinh Lộc,
p.Quảng Hóa,t.TH 1130

Đoài (thôn) 兑村: x.ích Lộc,tg.Kiên Thạch,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1144

Đoài (thôn) 兑村: x.Đại Đồng,tg.Đình Tổ,h.Siêu Loại,
p.Thuận Thành,t.BN 506

Đoài (tổng) 兑總: h.Thạch Hà,đạo HT 1319

Đoài (thôn) 兑村: x.Phù Xá,tg.Phù Lỗ,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525

Đoài (thôn) 兑村: x.Chương Nghĩa,tg.Hải Lăng,h.Đại An,
p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316

Đoài Côn (xã) 兑崑社: tg.Ỡ Cống,h.Thượng Lang,p.Trùng Khánh,t.CB .. 672

Đoài Côn (phố) 兑崑庸: tg.Ỡ Cống,h.Thượng Lang,p.Trùng Khánh,t.CB 672

Đoài Duyệt (thôn) 兑說村: x.Thổ Vượng,tg.Độ Liêu,h.Can Lộc,
p.Đức Thọ,t.NA 1269

Đoài Đồng (thôn) 兑東村: x.Ngọc Hoạch,tg.Mật Vật,h.Thuy Nguyên,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1101

Đoài Khê (thôn) 兑溪村: x.Bat Trạc,tg.Nga Khê,h.Can Lộc,
p.Đức Thọ,t.NA 1269

Đoài Khê (xã) 兑溪社: tg.Lạn Khê,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025

Đoài Khê (thôn) 兑溪村: tg.Đan Phượng Thượng,h.Đan Phượng,
p.Quốc Oai,t.ST 922

Đoài Khôn (xã) 兑坤社: tg.Trà Lĩnh,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659

Đoài Lỗ (xã) 兑魯社: tg.Đồng Lỗ,h.Yên Lập,p.Quy Hóa,t.HH 729

Đoài Môn (trại) 兑門寨: tg.Dịch Vọng,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 7

Đoài Thượng 兑上甲: tg.Cam Giá Thịnh,h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST 913

Đoài Thượng (thôn) 兑上村: x.Ngọc Hoạch,tg.Mật Vật,h.Thuy Nguyên,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1101

Đoan Bái (xã) 端拜社: tg.Đồng Lỗ,h.Việt Yên,p.Lạng Giang,t.BN 534

Đoan Bái (xã) 端拜社: tg.Bình Ngô,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509

Đoan Bình (xã) 端平社: tg.Liên Đăng,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029

Đoan Hạ (xã) 端下社: tg.Lương Khê,h.Bất Bạt,p.Quảng Oai,t.ST 915

Đoan Hùng (phủ) 端雄府: t.ST 951

Đoan Khê (xã) 端溪社: tg.Lạc Đạo,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN 515

Đoan Lễ (xã) 端禮社: tg.Phục Lễ,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162

Đoan Nữ (xã) 端女社: tg.Bột Xuyên,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31

Đoan Thượng (xã) 端上社: tg.Lương Khê,h.Bất Bạt,p.Quảng Oai,t.ST . 915

Đoan Tĩnh (xã) 端靜社: tg.Vạn Ninh,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 426

Đoan Túc (xã) 端肅社: tg.Trị Lai,h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ 329

Đoan Vi (xã) 端莖社: tg.Hàng Vi,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1089

Đoan Xá (xã) 端舍社: tg.Đại Lộc,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 140

Đoàn Bái (tổng) 段拜總: h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 131

Đoàn Bái (xã) 段拜社: tg.Đoàn Bái,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 131

Đoàn Đào (xã) 段陶社: tg.Hoàng Tranh,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY ... 255

Đoàn Lâm (tổng) 段林總: h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 131

Đoàn Lâm (xã) 段林社: tg.Đoàn Lâm,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 131

Đoàn Xá (xã) 段舍社: tg.Phương Đình,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26

Đoàn Xá (thôn) 段舍村: x.An Phú,tg.Thái Đường,h.Hoài An,
p.Ứng Hòa,t.HN 33

Đoàn Xá (xã) 段舍社: tg.Phù Nội,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95

Đoàn Xá (xã) 段舍社: tg.Văn Hội,h.Vinh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124

Đoàn Xá (xã) 段舍社: tg.Mặc Xá,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134

Đoàn Xá (xã) 段舍社: tg.Hạ Đoàn,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 152

Đoàn Xá (xã) 段舍社: tg.Vinh Đại,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165

Đoạn Quyết (xã) 斷決社: tg.Mật Vật,h.Thuy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1101

Đô Bái (tổng) 都沛總: h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086

Đô Bái (xã) 都沛社: tg.Đô Bái,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086

Đô Đàn (xã) 都壇社: tg.Mộ Đạo,h.Quế Dương,p.Từ Sơn,t.BN 500

Đô Hành (xã) 都行社: h.Thạch Hà,đạo HT 1322

Đô Khê (xã) 都溪社: tg.Phúc Lộc,h.Hương Khê,p.Đức Thọ,t.NA 1261

Đô Kỳ (xã) 都奇社: tg.Y Đồn,h.Thần Khê,p.Tiên Hưng,t.HY 265

Đô Lương (tổng) 都梁總: h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1235

Đô Mỹ (xã) 都美社: tg.Y Đồn,h.Thần Khê,p.Tiên Hưng,t.HY 265

Đô Mông Sơn (xã) 都蒙山社: tg.Điếu Lang,h.Hạ Lang,
p.Trùng Khánh,t.CB 677

Đô Quan (xã) 都官社: tg.Bình Lăng,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN ... 17

Đô Quan (thôn) 都關村: tg.Bạch Sam,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD . 100

Đô Quan (xã) 都關社: tg.Diên Hưng,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ .. 310

Đô Quan (xã) 都關社: tg.Thượng Đồng,h.Phong Doanh,
pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 325

Đô Quan Hạ (tràng) 都關下庄: tg.Diên Hưng,h.Nam Chân,
p.Xuân Trường,t.NĐ 310

Đô Trang (thôn) 都庄村: x.Đô Xá,tg.Đô Xá,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1124

Đô Trình (thôn) 都程村: x.Hà Mi,tg.Yên Định,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1124

Đô Uyên (tràng) 都淵庄: tg.Đan Hải,h.Nghi Xuân,p.Đức Thọ,t.NA 1265

Đô Xá (tổng) 都舍總: h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124

Đô Xá (xã) 都舍社: tg.Đô Xá,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124

Đô Yên (tổng) 都安總: h.Hưng Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA 1242

Đô Yên (xã) 都安社: tg.Đô Yên,h.Hưng Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA 1242

Đô Yên (thôn) 都安村: x.Đô An,tg.Đô Yên,h.Hưng Nguyên,
p.Anh Sơn,t.NA 1242

Đổ (thôn) 徒村: x.Ngo Xá,tg.Ngo Xá,h.Vinh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1130

Đổ Hải (xã) 塗海社: tg.Đổ Sơn,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 140

Đổ Sơn (tổng) 塗山總: h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 140

Đổ Sơn (xã) 塗山社: tg.Đổ Sơn,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 140

Đổ Thủy (xã) 徒水社: tg.Thượng Long,h.Yên Lập,p.Quy Hóa,t.HH 729

Đổ Chủ (tổng) 杜渚總: h.Ky Anh,đạo HT 1325

Đổ Gia (phường) 杜嘉坊: tg.Đổ Xá,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259

Đổ Hà (thôn) 杜河村: tg.Hà Liễu,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 19

Đổ Lâm (xã) 杜林社: tg.Đoàn Lâm,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 131

Đổ Mỹ (thôn) 杜美村: tg.Phù Vệ,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100

Đổ Sơn (xã) 杜山社: tg.Phao Thanh,h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948

Đổ Xá (tổng) 杜舍總: h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259

Đổ Xá (xã) 杜舍社: tg.Đổ Xá,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259

Đổ Xá (tổng) 杜舍總: h.Võ Giang,p.Từ Sơn,t.BN 500

Đổ Xá (xã) 杜舍社: tg.Đổ Xá,h.Võ Giang,p.Từ Sơn,t.BN 500

Đổ Xá (xã) 杜舍社: tg.Mỹ Lâm,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 22

Đổ Xá (xã) 杜舍社: tg.Lam Cầu,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37

Đổ Xá (xã) 杜舍社: tg.Quỳnh Bội,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509

Đổ Xá (tổng) 杜舍總: h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100

Đổ Xá (xã) 杜舍社: tg.Đồng Cao,h.Vinh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 123

Đổ Xá (xã) 杜舍社: tg.Yên Xá,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 259

Đổ Xá (tổng) 杜舍總: h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304

Đổ Xá (xã) 杜舍社: tg.Đổ Xá,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304

Đổ Xá Hạ (xã) 杜舍下社: tg.Đổ Xá,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100

Đỗ Xá Thượng (xã) 杜舍上社: tg.Đỗ Xá,h.Đường Hào, p.Bình Giang,t.HD 100	Đôn Thư (xã) 敦書社: tg.Hậu Bổng,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 131
Đỗ Xuyên (xã) 杜川社: tg.Lương Lỗ,h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948	Đông (thôn) 東村: x.Cụu Thông Lãng,tg.Thông Lãng,h.Hưng Nguyên, p.Anh Sơn,t.NA 1242
Đỗ Xuyên (xã) 杜川社: tg.Đỗ Xá,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100	Đông (thôn) 東村: x.Bùi Ngõa,tg.Hải Đò,h.Hưng Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA 1243
Đỗ Xuyên (xã) 杜川社: tg.Hậu Bổng,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 131	Đông (thôn) 東村: x.Bùi Khổng,tg.Hải Đò,h.Hưng Nguyên, p.Anh Sơn,t.NA 1243
Độ (thôn) 度村: x.Tị Cự,tg.Đông Yên,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086	Đông (trang) 東庄: x.Yết Lỗ,tg.Dương Vũ,h.Yên Khánh, p.Yên Khánh,t.NB 1021
Độ (thôn) 渡村: x.Bãi Ninh,tg.Bút Sơn,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1090	Đông (giáp) 東甲: tg.Thủy Liên,h.Lệ Thủy,p.Quảng Ninh,t.QB 1348
Độ (thôn) 渡村: x.Đống Hà,tg.Ngọc Xuyên,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1091	Đông (giáp) 東甲: tg.Thủy Liên,h.Lệ Thủy,p.Quảng Ninh,t.QB 1349
Độ (thôn) 度村: x.Trạm Lộ,tg.Yên Định,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124	Đông (giáp) 東甲: x.Bích La,tg.Bích La,h.Đằng Xương,đạo QT 1383
Độ Liêu (tổng) 度遼總: h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269	Đông (giáp) 東甲: x.Dương Lệ,tg.An Dã,h.Đằng Xương,đạo QT 1384
Độ Liêu (xã) 度遼社: tg.Độ Liêu,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269	Đông (giáp) 東甲: x.Ngô Xá,tg.An Lưu,h.Đằng Xương,đạo QT 1384
Độ Việt (trại) 度越寨: tg.Vụ Bản,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319	Đông (giáp) 東甲: x.An Du,tg.Minh Lương,h.Minh Linh,đạo QT 1390
Đốc Hành (xã) 篤行社: tg.Cẩm Khê,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 116	Đông (thôn) 東村: x.Liêm Công,tg.Minh Lương,h.Minh Linh,đạo QT 1390
Đốc Hậu (xã) 篤厚村: x.Vạn Phúc,tg.Trình Tiết,h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN 34	Đông (thôn) 東村: x.Phủ Điện,tg.Đông Bản,h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1082
Đốc Hậu (xã) 篤厚社: tg.Cẩm Khê,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 116	Đông (thôn) 東村: x.Bình Hòa,tg.Nam Bản,h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1083
Đốc Sơ (xã) 篤初社: tg.Phú Xuân,h.Hương Trà,p.TT 1418	Đông (thôn) 東村: x.Đống Hà,tg.Ngọc Xuyên,h.Hoàng Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1091
Đốc Tín (xã) 篤信社: tg.Trình Tiết,h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN 34	Đông (thôn) 東村: x.Phú Ninh,tg.Dương Thủy,h.Mỹ Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1094
Độc Bô (xã) 獨步社: tg.Thanh Khê,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 317	Đông (thôn) 東村: x.Chi Nê,tg.Chi Nê,h.Hậu Lộc,p.Hà Trung,t.TH 1096
Độc Trang (trại) 犢庄寨: tg.Lê Xá,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029	Đông (thôn) 東村: x.Yên Lãng,tg.Phú Hà,h.Thụy Nguyên, p.Thiệu Hóa,t.TH 1101
Đồi (thôn) 賸村: x.Mỹ Dự,tg.Tuần La,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1117	Đông (thôn) 東村: x.Yên Xá,tg.Phùng Thịnh,h.Thụy Nguyên, p.Thiệu Hóa,t.TH 1102
Đồi Mới (ấp) 玳瑁邑: tg.A Nhi,h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Đông (thôn) 東村: x.Phong Mỹ,tg.Khoái Lạc,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1110
Đối Sơn (xã) 對山社: tg.Vô Tranh,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 536	Đông (thôn) 東村: x.Hào Môn,tg.Liên Trì,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1114
Đội (thôn) 隊村: x.Quỳnh Côi,tg.Văn Trường,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1117	Đông (thôn) 東村: x.Văn Trinh,tg.Văn Trinh,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1114
Đội Lĩnh (xã) 隊嶺社: tg.Đội Sơn,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37	Đông (thôn) 東村: x.Thiên Linh,tg.Văn Trinh,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1115
Đội Ninh (thôn) 隊寧村: tg.Đàm Khánh,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB ... 1025	Đông (thôn) 東村: x.Yên Thái,tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH .. 1115
Đội Sơn (tổng) 隊山總: h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37	Đông (thôn) 東村: x.Hương La,tg.Văn Trường,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1117
Đội Sơn (xã) 隊山社: tg.Đội Sơn,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37	Đông (thôn) 東村: x.Điền An,tg.Cung Thượng,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1120
Đội Tĩnh (thôn) 隊井村: x.Phấn Tĩnh,tg.Tuần La,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1116	Đông (thôn) 東村: x.Mỹ Khê,tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH . 1121
Đội Trà (thôn) 隊茶村: x.Tuần La Thái,tg.Tuần La,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1116	Đông (thôn) 東村: x.Thái Lai,tg.Thái Lai,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1121
Đội Trạch (tổng) 隊澤總: h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ 329	Đông (thôn) 東村: x.Thanh Hà,tg.Cổ Định,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1123
Đội Trạch (xã) 隊澤社: tg.Đội Trạch,h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ 329	Đông (giáp) 東甲: x.Nhân Vống,tg.Văn Xá,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124
Đội Trung (thôn) 隊中村: x.Quảng Chiếu,tg.Quang Chiếu,h.Đông Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1105	Đông (thôn) 東村: x.Thượng Vắn,tg.Lạc Thiện,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1125
Đội Trung (xã) 隊中社: tg.Đội Sơn,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37	Đông (thôn) 東村: x.Thượng Du,tg.Lạc Thiện,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1125
Đội Tượng (thôn) 隊仗: tg.Cổ Định,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1123	Đông (thôn) 東村: x.Lê Xá,tg.La Miết,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1126
Đội Xuyên (xã) 隊川社: tg.Thổ Ốc,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45	Đông (thôn) 東村: x.Thăng Đường,tg.Ngo Xá,h.Vĩnh Lộc, p.Quảng Hóa,t.TH 1130
Đôn Bản (xã) 敦本社: tg.Đông Quang,h.Trần Yên,p.Quy Hóa,t.HH 727	Đông (thôn) 東村: x.Phương Điện,tg.Lôi Dương,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1144
Đôn Cáo (xã) 敦告社: tg.Lãng Lãng,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124	Đông (thôn) 東村: x.ích Lộc,tg.Kiên Thạch,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1144
Đôn Đức (xã) 敦德社: tg.Văn Bảng,ch.Luân,p.Điện Biên,t.HH 740	Đông (thôn) 東村: x.Oanh Cốc,tg.Thượng Cốc,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1145
Đôn Giáo (xã) 敦教社: tg.Toại An,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134	Đông (thôn) 東村: x.Tuy Lai,tg.Diễn Hào,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH .. 1146
Đôn Giáo (xã) 敦教社: tg.Yên Phú,h.Trần Yên,p.Quy Hóa,t.HH 727	Đông (thôn) 東村: x.Yên Lãng,tg.Diễn Hào,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1146
Đôn Hậu (xã) 敦厚社: tg.Quyet Trung,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 934	Đông (giáp) 東甲: x.Tiến Thành,tg.Vinh Trị,h.Hương Trà,p.TT 1419
Đôn Lương (tổng) 敦良總: h.Nghiêu Phong,p.Sơn Định,t.QY 416	Đông (giáp) 東甲: x.Triều Sơn,tg.Vinh Trị,h.Hương Trà,p.TT 1419
Đôn Lương (xã) 敦良社: tg.Đôn Lương,h.Nghiêu Phong,p.Sơn Định,t.QY 417	Đông (giáp) 東甲: x.Văn Quật,tg.Vinh Trị,h.Hương Trà,p.TT 1419
Đôn Lương (xã) 惇良社: tg.An Khê,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37	Đông (giáp) 東甲: x.Nam Phố,tg.Dương Nỗ,h.Phú Vang,p.TT 1420
Đôn Mục (xã) 敦睦社: tg.Nhân Mục,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 933	Đông (giáp) 東甲: x.Văn Giang,tg.Sư Lỗ,h.Phú Vang,p.TT 1420
Đôn Mỹ (xã) 敦美社: tg.Đị Ốc,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259	
Đôn Nghĩa (thôn) 敦義村: x.Ngọc Xuyên,tg.Ngọc Xuyên,h.Hoàng Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1091	
Đôn Nghĩa (xã) 敦義社: tg.An Dương,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151	
Đôn Nhượng (thôn) 敦讓村: x.Do Lễ,tg.Thông Lãng,h.Hưng Nguyên, p.Anh Sơn,t.NA 1242	
Đôn Phục (xã) 敦復社: tg.Lịch Cốc,h.Vĩnh Hòa,p.Tương Dương,t.NA .. 1272	
Đôn Thư (xã) 敦書社: tg.Phương Trung,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 28	
Đôn Thư (xã) 敦書社: tg.Ngô Xá,h.Bình Lục,p.Lý Nhân,t.HN 43	

Đông (<i>giáp</i>) 東甲: th.Miêu Nha,tg.Võng Nhi,h.Hương Thủy,p.TT 1423	Đông Cao (<i>xã</i>) 東泉社: tg.Tiểu Lễ,h.Đa Phúc,p.Đa Phúc,t.BN 522
Đông (<i>giáp</i>) 東甲: x.Lương Điền,tg.Lương Điền,h.Phú Lộc,p.TT 1423	Đông Cao (<i>xã</i>) 東泉社: tg.Trang Vinh,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316
Đông (<i>giáp</i>) 東甲: x.Bác Vọng,tg.Hà Lang,h.Quảng Điền,p.TT 1427	Đông Cáp (<i>xã</i>) 東閣社: tg.Hoàng Tranh,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY ... 255
Đông (<i>giáp</i>) 東甲: x.Thế Chí,tg.Vĩnh Xương,h.Phong Điền,p.TT 1428	Đông Cận (<i>xã</i>) 東覲社: tg.Hội Xuyên,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 130
Đông (<i>thôn</i>) 東村: x.Đại Đồng,tg.Đình Tổ,h.Siêu Loại, p.Thuận Thành,t.BN 506	Đông Cầu (<i>xã</i>) 東岫社: tg.Vạn Phần,h.Yên Thành,p.Điền Châu,t.NA ... 1249
Đông (<i>thôn</i>) 東村: x.Đức Mộ,tg.Phù Lưu,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38	Đông Châu (<i>thôn</i>) 東洲村: tg.Phù Long,h.Hưng Nguyên, p.Anh Sơn,t.NA 1242
Đông (<i>tổng</i>) 東總: h.Thạch Hà,đạo HT 1319	Đông Châu (<i>thôn</i>) 東洲村: x.Trang Liệt,tg.Văn Xá,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1125
Đông (<i>thôn</i>) 東村: x.An Hộ,tg.An Hộ,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106	Đông Châu (<i>xã</i>) 東洲社: tg.Võng Phan,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY 256
Đông (<i>thôn</i>) 東村: x.Nông Vụ,tg.Đặng Xá,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN 515	Đông Chiếu (<i>xã</i>) 東照社: tg.Tiên Châu,h.Tiên Lữ,p.Tiên Hưng,t.HY 272
Đông (<i>thôn</i>) 東村: x.Đồng Tảo,tg.Yên Vĩnh,h.Đồng Yên, p.Khoái Châu,t.HY 252	Đông Chú (<i>xã</i>) 東注社: tg.Bất Náo,h.Phụ Dục,pp.Thái Bình,t.NĐ 346
Đông (<i>thôn</i>) 東村: x.Tử Dương,tg.Tử Dương,h.Đồng Yên, p.Khoái Châu,t.HY 252	Đông Chú (<i>xã</i>) 東注社: tg.Hội Khê,h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ 329
Đông (<i>thôn</i>) 東村: x.Phù Xá,tg.Phù Lỗ,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525	Đông Chủ (<i>thôn</i>) 東渚村: tg.Thượng Xá,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA ... 1246
Đông (<i>thôn</i>) 東村: x.Chương Nghĩa,tg.Hải Lăng,h.Đại An, p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316	Đông Cốc (<i>xã</i>) 東谷社: tg.Khương Tự,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN . 506
Đông Am (<i>thôn</i>) 東庵村: x.Hòa Trường,tg.Ngọc Đới,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1115	Đông Côi (<i>xã</i>) 東瑰社: tg.Bình Ngô,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509
Đông Am (<i>ấp</i>) 東庵邑: tg.Điềm Trường,h.Phú Lộc,p.TT 1424	Đông Côn (<i>xã</i>) 東崑社: tg.Điền Lão,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 117
Đông Am (<i>tổng</i>) 東庵總: h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126	Đông Cương (<i>xã</i>) 東剛社: tg.Kiến Cương,h.Bạch Hạc, p.Vĩnh Tường,t.ST 930
Đông Am (<i>xã</i>) 東庵社: tg.Đồng Am,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126	Đông Cửu (<i>tổng</i>) 東宛總: h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN 16
Đông An (<i>thôn</i>) 東安村: x.Thiên Linh,tg.Văn Trinh,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1115	Đông Cửu (<i>xã</i>) 東宛社: tg.Đồng Cửu,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN . 16
Đông An (<i>ấp</i>) 東安邑: tg.An Cư,h.Phú Lộc,p.TT..... 1424	Đông Cửu (<i>tổng</i>) 東宛總: h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509
Đông An (<i>xã</i>) 東安社: tg.Trung Hành,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151	Đông Cửu (<i>xã</i>) 東宛社: tg.Đồng Cửu,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN ... 509
Đông An (<i>xã</i>) 東安社: tg.Cát Xuyên,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ ... 304	Đông Cự (<i>thôn</i>) 東舊村: tg.Yên Kien,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926
Đông Ấp (<i>xã</i>) 東邑社: tg.Chu Lễ,h.Hương Khê,p.Đức Thọ,t.NA 1261	Đông Dã (<i>xã</i>) 東野社: tg.Bồ Dương,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124
Đông Ba Hạ (<i>xã</i>) 東波下社: tg.Thượng Kỳ,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316	Đông Dã Thượng (<i>thôn</i>) 東野上村: tg.Phù Ninh,h.Phong Điền,p.TT ... 1428
Đông Ba Thượng (<i>xã</i>) 東波上社: tg.Thượng Kỳ,h.Đại An, p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316	Đông Du (<i>xã</i>) 東榆社: tg.Bồng Lai,h.Quế Dương,p.Từ Sơn,t.BN 500
Đông Bài (<i>xã</i>) 冬排社: tg.Ninh Bắc,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525	Đông Duệ (<i>thôn</i>) 東喬社: tg.Lạc Nghiệp,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 111
Đông Bạ (<i>tổng</i>) 東伴總: h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1082	Đông Duy (<i>xã</i>) 東維社: tg.Bồng Xuyên,h.Phong Doanh, pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 326
Đông Bằng Thượng (<i>thôn</i>) 東憑上村: x.Thanh Hà,tg.Cổ Định,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1123	Đông Duyên (<i>xã</i>) 東沿社: tg.Tín Yên,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN 17
Đông Bằng Trĩ (<i>thôn</i>) 東憑治村: x.Thanh Hà,tg.Cổ Định,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1123	Đông Dư (<i>tổng</i>) 東畬總: h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN 515
Đông Bích (<i>thôn</i>) 東壁村: tg.Thuần Trung,h.Lương Sơn, p.Anh Sơn,t.NA 1234	Đông Dư (<i>xã</i>) 東畬社: tg.Đồng Dư,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN 515
Đông Bích (<i>xã</i>) 東壁社: tg.Mẫn Xá,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 491	Đông Dương (<i>xã</i>) 東洋社: tg.Quảng Nạp,h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ . 343
Đông Biện (<i>xã</i>) 東汴社: tg.Biện Thượng,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1131	Đông Dương (<i>xã</i>) 東陽社: tg.Lũ Đãng,h.Bình Chính, p.Quảng Trạch,t.QB 1353
Đông Biểu (<i>xã</i>) 東表社: tg.Ngô Xá,h.Phong Doanh,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 326	Đông Dương (<i>xã</i>) 東陽社: tg.An Nhân,h.Hải Lăng,đạo QT 1385
Đông Bình (<i>thôn</i>) 東平村: x.Canh Hoạch,tg.Canh Hoạch,h.Can Lộc, p.Đức Thọ,t.NA 1270	Đông Dương (<i>xã</i>) 東陽社: tg.Thượng Khê,h.Tây Quan, p.Đoan Hùng,t.ST 954
Đông Bình (<i>trang</i>) 東平庄: tg.Thượng Bạ,h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1082	Đông Dương (<i>thôn</i>) 東楊村: tg.Điềm Trường,h.Phú Lộc,p.TT 1424
Đông Bình (<i>xã</i>) 東平社: tg.Quỳnh Bội,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN . 509	Đông Dương (<i>xã</i>) 東陽社: tg.Lâm Sơn Nam,h.Quế Dương, p.Từ Sơn,t.BN 500
Đông Cao (<i>ấp</i>) 東泉邑: tg.Tân An,h.Tiên Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335	Đông Dương (<i>xã</i>) 東陽社: tg.Phương Đình,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN .. 26
Đông Cao (<i>thôn</i>) 東高村: x.Anh Tuy,tg.Thần Phù,h.Yên Mô, p.Yên Khánh,t.NB 1025	Đông Dương (<i>xã</i>) 東洋社: tg.Tăng Long,h.Đa Phúc,p.Đa Phúc,t.BN 521
Đông Cao (<i>trang</i>) 東高庄: tg.Hoàn Phúc,h.Bố Trạch, p.Quảng Trạch,t.QB 1357	Đông Đài (<i>xã</i>) 東台社: tg.Vân La,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 20
Đông Cao (<i>xã</i>) 東泉社: tg.Kim Đà,h.Yên Lăng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938	Đông Đoài (<i>thôn</i>) 東兌村: x.Đội Trạch,tg.Đội Trạch,h.Vũ Tiên, p.Kiến Xương,t.NĐ 329
Đông Cao (<i>thôn</i>) 東泉村: x.Phù Lai,tg.Xuân Lai,h.Gia Bình, p.Thuận Thành,t.BN 509	Đông Đổ (<i>tổng</i>) 東塗總: h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 526
Đông Cao (<i>thôn</i>) 東泉村: h.Cẩm Xuyên,đạo HT 1324	Đông Đổ (<i>xã</i>) 東塗社: tg.Đồng Đổ,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 526
Đông Cao (<i>tổng</i>) 東高總: h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 123	Đông Đồi (<i>tổng</i>) 東堆總: h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106
Đông Cao (<i>xã</i>) 東高社: tg.Đồng Cao,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 123	Đông Đồi (<i>xã</i>) 東堆社: tg.Đồng Đồi,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106
	Đông Động (<i>tổng</i>) 東洞總: h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 340
	Đông Động (<i>xã</i>) 東洞社: tg.Đồng Động,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 340
	Đông Đường (<i>thôn</i>) 東堂村: x.Can Trúc,tg.Ngọc Đới,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1115
	Đông Giang (<i>xã</i>) 東江社: tg.Thượng Triệt,h.Thanh Lâm, p.Nam Sách,t.HD 110

Đồng Giao (xã) 東郊社: tg.Mao Diển,h.Cẩm Giang,p.Bình Giang,t.HD 97	Đồng Lâm (xã) 東林社: tg.Mai Đình,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522
Đồng Hà (xã) 東河社: tg.An Lạc,h.Thành Hoá,đạo QT 1393	Đồng Lâm Thượng (thôn) 東林上村: tg.Hiến Lương, h.Phong Diển,p.TT 1428
Đồng Hà (phường) 東河坊: tg.Thuận Mỹ,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN ... 11	Đồng Lân (xã) 東鄰社: tg.Bất Náo,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1145
Đồng Hà (phường) 東河坊: tg.Đồng Xuân,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN . 11	Đồng Lâu (xã) 東樓社: tg.Thuy Phiêu,h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST 913
Đồng Hải (xã) 東海社: tg.Đặng Xá,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246	Đồng Lâu (xã) 東樓社: tg.Nội Trá,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497
Đồng Hào (xã) 東濠社: tg.Hà Cát,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304	Đồng Lâu (xã) 東樓社: tg.Thuy Lũng,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ ... 331
Đồng Hòa (thôn) 東和村: x.Thổ Vương,tg.Độ Liêu,h.Can Lộc, p.Đức Thọ,t.NA 1269	Đồng Liệt (xã) 東烈社: tg.Xuân Lâm,h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA 1236
Đồng Hồ (tổng) 東湖總: h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 339	Đồng Liêu (xã) 東寥社: tg.Thạch Khôi,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 130
Đồng Hồ (xã) 東湖社: tg.Đồng Hồ,h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 339	Đồng Linh (xã) 東靈社: tg.Dục Linh,h.Phụ Dục,pp.Thái Bình,t.NĐ 346
Đồng Hồ (xã) 東湖社: tg.Đường Anh,h.Phú Vang,p.TT 1420	Đồng Lĩnh (xã) 東嶺社: tg.Nghĩa Xá,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN ... 506
Đồng Hồ (tổng) 東湖總: h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN 506	Đồng Lĩnh (xã) 東嶺社: tg.Hoàng Xá,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113
Đồng Hồ (xã) 東湖社: tg.Đồng Hồ,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN 506	Đồng Lĩnh (xã) 東嶺社: tg.Dương Nham,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD .. 158
Đồng Hồi (thôn) 東回村: tg.Hoàng Mai,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA 1253	Đồng Lĩnh (xã) 東嶺社: tg.Thượng Kỳ,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316
Đồng Huỳnh (xã) 東鶯社: tg.Phù Sa,h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST 913	Đồng Loan (xã) 東鸞社: tg.Trí Yên,h.Phượng Nhãn,p.Lạng Giang,t.BN . 530
Đồng Hương (xã) 東香社: tg.Trú Hữu,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN .. 537	Đồng Lỗ (tổng) 東魯總: h.Việt Yên,p.Lạng Giang,t.BN 534
Đồng Hương (thôn) 東香村: x.Dị Sữ,tg.Phá Lãng,h.Lương Tài, p.Thuận Thành,t.BN 511	Đồng Lỗ (xã) 東魯社: tg.Đồng Lỗ,h.Việt Yên,p.Lạng Giang,t.BN 534
Đồng Kênh (thôn) 東涇村: x.Ích Vĩnh,tg.Cao Vĩnh,h.Nga Sơn, p.Hà Trung,t.TH 1087	Đồng Lỗ (xã) 東魯社: tg.Bạch Trữ,h.Yên Lãng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938
Đồng Kết (tổng) 東結總: h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 252	Đồng Lỗ (tổng) 東魯總: h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 940
Đồng Kết (xã) 東結社: tg.Đồng Kết,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 252	Đồng Lỗ (xã) 東魯社: tg.Đồng Lỗ,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 940
Đồng Khê (xã) 東溪社: tg.Bình Cách,h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 339	Đồng Lỗ (xã) 東魯社: tg.Mật Vật,h.Thuy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1101
Đồng Khê (thôn) 東溪村: x.Cổ Ngu,tg.Văn Lâm,h.La Sơn, p.Đức Thọ,t.NA 1255	Đồng Lỗ (tổng) 東魯總: h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26
Đồng Khê (xã) 東溪社: tg.Lê Xá,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029	Đồng Lỗ (xã) 東魯社: tg.Đồng Lỗ,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26
Đồng Khê (thôn) 東溪村: tg.Đan Phượng Thượng,h.Đan Phượng, p.Quốc Oai,t.ST 922	Đồng Lỗ (xã) 東魯社: tg.Thượng Nhất,h.Thạch Hà,đạo HT 1321
Đồng Khê (thôn) 東溪村: x.Quỳ Chử,tg.Dương Thủy,h.Mỹ Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1094	Đồng Lỗ (tổng) 東魯總: h.Yên Lập,p.Quy Hóa,t.HH 729
Đồng Khê (tổng) 凍溪總: h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 141	Đồng Lỗ (xã) 東魯社: tg.Đồng Lỗ,h.Yên Lập,p.Quy Hóa,t.HH 729
Đồng Khê (xã) 凍溪社: tg.Đồng Khê,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD ... 141	Đồng Lỗ (xã) 東魯社: tg.Tiên Cầu,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 259
Đồng Khê (tổng) 東溪總: h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151	Đồng Lộ (xã) 東路社: tg.Quan Ngoại,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST .. 935
Đồng Khê (xã) 東溪社: tg.Đồng Khê,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151	Đồng Lôi (xã) 東雷社: tg.Viên Lang,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126
Đồng Khê (xã) 東溪社: tg.Vĩnh Đại,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165	Đồng Lung (xã) 東瀧社: tg.Đại Phương Lang,h.An Lão, p.Kiến Thụy,t.HD 144
Đồng Khố (xã) 東塊社: tg.Thọ Hạc,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1104	Đồng Lũy (xã) 東壘社: tg.Vạn Phần,h.Yên Thành,p.Diễn Châu,t.NA ... 1249
Đồng Khúc (thôn) 東曲村: x.Khúc Lộng,tg.Xuân Cầu,h.Văn Giang, pp.Thuận Thành,t.BN 518	Đồng Lư (xã) 東閭社: tg.An Lương,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 110
Đồng Kiều (thôn) 東橋村: tg.Lương Diển,h.Phú Lộc,p.TT 1424	Đồng Lý (tổng) 東里總: h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1110
Đồng La (xã) 東羅社: tg.Đặng Xá,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95	Đồng Lý (xã) 東里社: tg.Đồng Lý,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1110
Đồng La Hạ (xã) 東羅下社: tg.Cấn Xá,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 920	Đồng Lý (thôn) 東里村: x.Sen Hồ,tg.Liên Trì,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1114
Đồng La Thượng (xã) 東羅上社: tg.Cấn Xá,h.Yên Sơn, p.Quốc Oai,t.ST 920	Đồng Lý (xã) 東里社: tg.Đạo Ngạn,ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ 863
Đồng Lạc (xã) 東落社: tg.Cang Sơn,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 536	Đồng Mai (xã) 東枚社: tg.Vĩnh Đại,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165
Đồng Lạc (xã) 東落社: tg.Sa Lung,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 310	Đồng Mai (xã) 冬枚社: tg.Đại Từ,h.Văn Giang,pp.Thuận Thành,t.BN 517
Đồng Lạc (số) 東落所: tg.Sa Lung,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 310	Đồng Mai (xã) 東枚社: tg.Tam Sơn,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 492
Đồng Lạc (số) 東落所: tg.Ngọc Giã,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ .. 312	Đồng Mặc (tổng) 東墨總: h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 306
Đồng Lai (xã) 東萊社: tg.Lạc Nghiệp,h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1040	Đồng Mặc (xã) 東墨社: tg.Đồng Mặc,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 306
Đồng Lai (xã) 東萊社: tg.An Lạc,h.Thành Hoá,đạo QT 1393	Đồng Mật (tổng) 東密總: h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 932
Đồng Lai (xã) 東萊社: tg.Thượng Tri,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 9	Đồng Mật (xã) 東密社: tg.Đồng Mật,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 932
Đồng Lại (xã) 東賴社: tg.Đồng Am,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126	Đồng Mật (xã) 東密社: tg.Trình Tiết,h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN 34
Đồng Lao (xã) 東牢社: tg.Thượng Ốc,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8	Đồng Mẫu (xã) 東畝社: tg.Đường Xá,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 940
Đồng Lâm (thôn) 東林村: tg.Lâm Thịnh,h.Nam Đường, p.Anh Sơn,t.NA 1235	Đồng Mẫu (xã) 東畝社: tg.Thân Thượng,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ ... 317
Đồng Lâm (xã) 東林社: tg.Nga Khê,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269	Đồng Miếu (thôn) 東廟村: x.Đại Mão,tg.Thượng Mão,h.Siêu Loại, p.Thuận Thành,t.BN 506
Đồng Lâm (xã) 東林社: tg.Phúc Yên,h.Quảng Diển,p.TT..... 1427	Đồng Minh (thôn) 東明村: x.Văn Hà,tg.Mật Vật,h.Thuy Nguyên, p.Thiệu Hóa,t.TH 1101
Đồng Lâm (số) 東林所: tg.Đặng Xá,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN ... 515	Đồng Minh (xã) 東明社: tg.Diễn Lão,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 117
	Đồng Minh (xã) 東銘社: tg.Yên Vĩnh,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 252
	Đồng Mỗ (xã) 東姥社: tg.Ngọc Chúc,h.Hùng Quan,p.Đoan Hùng,t.ST ... 955
	Đồng Môn (tràng) 東門庄: tg.Bình Bút,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH .. 1131
	Đồng Mỹ (thôn) 東美村: tg.Vĩnh Xương,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12

Đông Mỹ (thôn) 東美村: x.Thổ Vượng,tg.Độ Liêu,h.Can Lộc, p.Đức Thọ,t.NA 1269	
Đông Ngạc (xã) 東鄂社: tg.Minh Tảo,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8	
Đông Ngang (phường) 東昂坊: tg.Yên Vĩnh,h.Đông Yên, p.Khoái Châu,t.HY 252	
Đông Ngạn (xã) 東岸社: tg.La Văn,h.Hưng Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA ... 1243	
Đông Ngạn (huyện) 東岸縣: p.Từ Sơn,t.BN 490	
Đông Ngạn (xã) 東岸社: tg.Hội Phụ,h.Đông Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 491	
Đông Ngoại (xã) 東外社: tg.Nghĩa Xã,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN 506	
Đông Nham (xã) 東岩社: tg.Thọ Xương,h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN .. 531	
Đông Nham (xã) 東岩社: tg.Đầu Kiền,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD ... 148	
Đông Nhuế (xã) 東洑社: tg.Xuân Vũ,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ ... 331	
Đông Ninh (thôn) 東寧村: x.Nhị Trai,tg.Trường Xá,h.Lương Tài, p.Thuận Thành,t.BN 511	
Đông Phiên (xã) 東潘社: tg.Hương Đại,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD .. 113	
Đông Phố (giáp) 東埔甲: tg.Thọ Hạc,h.Đông Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1104	
Đông Phù (xã) 東扶社: tg.Màn Xá,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497	
Đông Phù Liệt (xã) 東扶烈社: tg.Nam Phù Liệt,h.Thanh Trì, p.Thường Tín,t.HN 19	
Đông Phú (thôn) 東富村: x.Vân Trai,tg.Vân Trai,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1116	
Đông Phương (thôn) 東芳村: tg.Phúc Hải,h.Nghi Dương, p.Kiến Thụy,t.HD 141	
Đông Quách (ấp) 東郭邑: tg.Tân Cự,h.Tiền Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335	
Đông Quan (huyện) 東關縣: p.Thái Bình,t.NĐ 338	
Đông Quan (tổng) 東關總: h.Đề Định,p.Tương An,t.TQ 871	
Đông Quan (tổng) 東關總: h.Yên Bái,p.Tràng Khánh,t.LS 619	
Đông Quan (xã) 東關社: tg.Đông Quan,h.Yên Bái,p.Tràng Khánh,t.LS 619	
Đông Quang (sở) 東光所: x.Gia Thụy,tg.Đông Yên,h.Nga Sơn, p.Hà Trung,t.TH 1086	
Đông Quang (thôn) 東光村: x.Thủ Hộ,tg.Thủ Hộ,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1120	
Đông Quang (tổng) 東琯總: h.Trần Yên,p.Quy Hóa,t.HH 727	
Đông Quang (xã) 東琯社: tg.Đông Quang,h.Trần Yên,p.Quy Hóa,t.HH 727	
Đông Quang (xã) 東琯社: tg.Đệ Nhất,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 307	
Đông Quất (xã) 冬橋社: tg.Hu Trì,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126	
Đông Quynh (xã) 東扈社: tg.Thượng Bái,h.Diên Hà,p.Tiền Hưng,t.HY .. 267	
Đông Sàng (xã) 東床社: tg.Cam Giá Thịnh,h.Phúc Thọ, p.Quảng Oai,t.ST 913	
Đông Sơn (thôn) 東山村: x.Xuân Hòa,tg.Nam Kim,h.Thanh Chương, p.Anh Sơn,t.NA 1239	
Đông Sơn (thôn) 東山村: x.Bạt Trạc,tg.Nga Khê,h.Can Lộc, p.Đức Thọ,t.NA 1269	
Đông Sơn (tổng) 東山總: h.Tiền Du,p.Từ Sơn,t.BN 494	
Đông Sơn (xã) 東山社: tg.Đông Sơn,h.Tiền Du,p.Từ Sơn,t.BN 494	
Đông Sơn (huyện) 東山縣: p.Thiệu Hóa,t.TH 1104	
Đông Sơn (xã) 東山社: tg.Thọ Hạc,h.Đông Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1104	
Đông Sơn (thôn) 東山村: x.Đông Sơn,tg.Thọ Hạc,h.Đông Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1104	
Đông Sơn (xã) 東山社: tg.Đông An,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 859	
Đông Sơn (xã) 東山社: tg.Yên Lăng,h.Đông Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165	
Đông Tạ (tổng) 東謝總: h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126	
Đông Tạ (xã) 東謝社: tg.Đông Tạ,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126	
Đông Tác (phường) 東作坊: tg.Kim Liên,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN ... 12	
Đông Tác (thôn) 東作村: x.Đông Sơn,tg.Thọ Hạc,h.Đông Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1104	
Đông Tác (xã) 東作社: tg.Thọ Hạc,h.Đông Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1104	

Đông Tác (thôn) 東作村: x.Oanh Cốc,tg.Thượng Cốc,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1145	
Đông Tác (phường) 東作坊: tg.Đông Thọ,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN .. 12	
Đông Tác (thôn) 東作村: tg.Đại Lộc,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 140	
Đông Tảo (xã) 東早社: tg.Phong Xá,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497	
Đông Tảo (xã) 東早社: tg.Yên Vĩnh,h.Đông Yên,p.Khoái Châu,t.HY 252	
Đông Tân (thôn) 東新村: tg.Kim Liên,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12	
Đông Tân (phường) 東津坊: tg.Đông Cao,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 123	
Đông Thái (thôn) 東泰村: x.An Đồng,tg.Việt Yên,h.La Sơn, p.Đức Thọ,t.NA 1255	
Đông Thành (huyện) 東城縣: p.Diễn Châu,t.NA 1249	
Đông Thành (xã) 東城社: tg.Liên Hương,h.Bố Trạch, p.Quảng Trạch,t.QB 1357	
Đông Thành (thôn) 東城村: x.Yên Nội,tg.Thuận Mỹ,h.Thọ Xương, p.Hoài Đức,t.HN 11	
Đông Thành (xã) 東城社: tg.Hà Cát,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ .. 304	
Đông Tháp (xã) 東塔社: tg.Lý Trai,h.Đông Thành,p.Diễn Châu,t.NA ... 1249	
Đông Thị (thôn) 東市村: tg.Hạ Bi,h.Bất Bạt,p.Quảng Oai,t.ST 915	
Đông Thịnh (thôn) 東盛村: tg.Lâm Thịnh,h.Nam Đường, p.Anh Sơn,t.NA 1235	
Đông Thịnh (thôn) 東盛村: x.Thổ Vượng,tg.Độ Liêu,h.Can Lộc, p.Đức Thọ,t.NA 1269	
Đông Thịnh (thôn) 東盛村: x.Bái Hà,tg.Đặng Trường,h.Hậu Lộc, p.Hà Trung,t.TH 1096	
Đông Thọ (thôn) 東壽村: x.Quảng Hán,tg.Bái Châu,h.Yên Định, p.Thiệu Hóa,t.TH 1109	
Đông Thọ (tổng) 東壽總: h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12	
Đông Thượng (thôn) 東上村: x.Ích Hậu,tg.Phù Lưu,h.Can Lộc, p.Đức Thọ,t.NA 1269	
Đông Thượng (thôn) 東上村: x.Bái Hà,tg.Đặng Trường,h.Hậu Lộc, p.Hà Trung,t.TH 1096	
Đông Tiệm (xã) 東漸社: tg.Ngọc Chúc,h.Hùng Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 955	
Đông Tiễn (xã) 東箭社: tg.Quang Biểu,h.Việt Yên,p.Lạng Giang,t.BN ... 534	
Đông Tĩnh (xã) 東靖社: tg.Thân Thượng,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ ... 317	
Đông Trạch (xã) 東澤社: tg.Nam Phù Liệt,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 19	
Đông Trạch (xã) 東澤社: tg.Lương Tài,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 511	
Đông Trại (xã) 東齋社: tg.Nghĩa Khê,h.Hùng Quan,p.Đoan Hùng,t.ST .. 955	
Đông Trại (xã) 東寨社: tg.Trực Nội,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 340	
Đông Trì (thôn) 東池村: tg.Xuân Vũ,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 331	
Đông Trì Hạ (ấp) 東池下邑: tg.Phú Xuân,h.Hương Trà,p.TT 1418	
Đông Trì Thượng (ấp) 東池上邑: tg.Phú Xuân,h.Hương Trà,p.TT..... 1418	
Đông Trì Trung (ấp) 東池中邑: tg.Phú Xuân,h.Hương Trà,p.TT 1418	
Đông Triều (huyện) 東潮縣: p.Kinh Môn,t.HD 165	
Đông Triều (xã) 東潮社: tg.Vĩnh Đại,h.Đông Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165	
Đông Trù (xã) 東疇社: tg.Hội Phụ,h.Đông Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 491	
Đông Trung (thôn) 東忠村: tg.Đô Lương,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1235	
Đông Trung (thôn) 東中村: x.Ích Hậu,tg.Phù Lưu,h.Can Lộc, p.Đức Thọ,t.NA 1269	
Đông Trung (thôn) 東中村: x.Ngọc Âu,tg.Ngô Xá,h.Vĩnh Lộc, p.Quảng Hóa,t.TH 1130	
Đông Trường (thôn) 東長村: x.Lạc Phố,tg.Đỗ Xá,h.Hương Sơn, p.Đức Thọ,t.NA 1259	
Đông Viên (thôn) 東園村: x.Nam Kim Đông,tg.Nam Kim,h.Thanh Chương, p.Anh Sơn,t.NA 1239	
Đông Viên (xã) 東園社: tg.Chu Chàng,h.Tiền Phong,p.Quảng Oai,t.ST . 909	
Đông Viên (xã) 東園社: tg.Lương Điền,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST .. 940	
Đông Viên (xã) 東園社: tg.Phú Khê,h.Cầm Khê,p.Lâm Thao,t.ST 946	

Đồng Viên (tổng) 東園總: ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN 819	Đồng Bảng (xã) 同榜社: tg.Vật Lại,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST 911
Đồng Viên (xã) 東園社: tg.Đồng Viên,ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN 819	Đồng Bạ (xã) 同伴社: tg.Cổ Liêu,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 317
Đồng Viên (xã) 東園社: tg.Quế Tân,h.Võ Giàng,p.Từ Sơn,t.BN 501	Đồng Bào (xã) 同胞社: tg.An Lưu,h.Đảng Xương,đạo QT 1384
Đồng Xá (xã) 東舍社: tg.Quỳnh Côi,h.Quỳnh Côi,pp.Thái Bình,t.NĐ 348	Đồng Bào (xã) 同胞社: tg.Hạ Lang,h.Quảng Điền,p.TT 1427
Đồng Xá (thôn) 東舍村: x.Độ Liêu,tg.Độ Liêu,h.Can Lộc, p.Đức Thọ,t.NA 1269	Đồng Bào (xã) 同胞社: tg.Tiền Xá,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37
Đồng Xá (xã) 東舍社: tg.Đại Bối,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1105	Đồng Bào (xã) 同胞社: tg.Hội Xuyên,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 130
Đồng Xá (xã) 東舍社: tg.Phong Xá,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497	Đồng Bào (xã) 同胞社: tg.Chân Lại,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134
Đồng Xá (xã) 東舍社: tg.Vĩnh Lại,h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 97	Đồng Bẩm (xã) 同稟社: tg.Hướng Thượng,h.Động Hỷ,p.Phú Bình,t.TN .. 798
Đồng Xá (xã) 東舍社: tg.Vĩnh Đại,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165	Đồng Bình (thôn) 同平村: x.Bái Trạch,tg.Bái Trạch,h.Hoàng Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1090
Đồng Xá (xã) 東舍社: tg.Từ Dương,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 252	Đồng Bộc (tổng) 同僕總: ch.Lộc Bình,p.Tràng Khánh,t.LS 621
Đồng Xuất (xã) 東出社: tg.Mẫn Xá,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 491	Đồng Bộc (tràng) 同僕庄: tg.Đồng Bộc,ch.Lộc Bình,p.Tràng Khánh,t.LS 621
Đồng Xuyên (xã) 東川社: tg.Nội Trá,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497	Đồng Bộc (phố) 同僕舖: tg.Đồng Bộc,ch.Lộc Bình,p.Tràng Khánh,t.LS . 621
Đồng Xuyên (xã) 東川社: tg.An Thành,h.Quảng Điền,p.TT..... 1427	Đồng Bổng (xã) 同俸社: tg.Đạm Thương,h.Hạ Hóa,p.Lâm Thao,t.ST ... 950
Đồng Xuyên (xã) 東川社: tg.Từ Đới,h.Tiền Minh,p.Nam Sách,t.HD 117	Đồng Ca (phường) 同歌坊: tg.Thượng Lưu,h.Minh Hoá, p.Quảng Trạch,t.QB 1359
Đồng Xương (xã) 東昌社: tg.Vạn Phấn,h.Yên Thành,p.Diễn Châu,t.NA 1249	Đồng Cách (xã) 同格社: tg.Thượng Đồng,h.Phong Doanh, pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 325
Đồng Yên (thôn) 東安村: x.An Tràng,tg.Yên Trường,h.Chân Lộc, p.Anh Sơn,t.NA 1246	Đồng Canh (xã) 同耕社: tg.An Đổ,h.Quảng Tế,p.Quảng Hóa,t.TH 1133
Đồng Yên (xã) 東安社: tg.Vân Tụ,h.Đồng Thành,p.Diễn Châu,t.NA 1249	Đồng Căng (tràng) 同矜庄: tg.Trung Bạ,h.Tổng Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1083
Đồng Yên (tổng) 東安總: h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086	Đồng Cẩn (tràng) 同芹庄: tg.Văn Lâm,h.La Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1256
Đồng Yên (xã) 東安社: tg.Đồng Yên,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086	Đồng Chàng (xã) 彤幢社: tg.Mặc Xá,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134
Đồng Yên (xã) 東安社: tg.Mẫn Xá,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497	Đồng Chân (tổng) 同真總: h.Quỳnh Côi,pp.Thái Bình,t.NĐ 348
Đồng Yên (thôn) 東安村: tg.Đồng Thọ,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12	Đồng Chân (xã) 同真社: tg.Đồng Chân,h.Quỳnh Côi,pp.Thái Bình,t.NĐ 348
Đồng Yên (huyện) 東安縣: p.Khoái Châu,t.HY 252	Đồng Chân (xã) 同真社: tg.Quảng Tế,h.Quảng Tế,p.Quảng Hóa,t.TH 1133
Đồn (tràng) 屯庄: tg.Đan Nê,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109	Đồng Chi (xã) 同枝社: tg.Thị Liệu,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 310
Đồn (chợ) 屯市: tg.Tràng Quế,ch.Ồn,p.Tràng Khánh,t.LS 617	Đồng Chiêm (thôn) 同占村: x.Minh Nông,tg.Phù Lưu Tế,h.Hoài An, p.Ứng Hòa,t.HN 34
Đồn Bối (xã) 屯貝社: tg.Vạn Tải,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 110	Đồng Cốc (xã) 同谷社: tg.Minh Lương,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926
Đồn Ca (thôn) 屯奇村: tg.Ngưỡng Đồng,h.Quảng Uyên, p.Trùng Khánh,t.CB 675	Đồng Côi (xã) 同瑰社: tg.Thị Liệu,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 310
Đồn Diến (sở) 屯田所: tg.Thủ Hộ,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1120	Đồng Công (tổng) 同功總: h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259
Đồn Diến (trại) 屯田寨: h.Thạch Hà,đạo HT 1321	Đồng Cừ (xã) 同渠社: tg.Đồng Vi,h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 339
Đồn Diến (xã) 屯田社: tg.Thượng Nhị,h.Thạch Hà,đạo HT 1321	Đồng Cương (xã) 同崗社: tg.Đồng Hồn,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 941
Đồn Độ (tổng) 屯度總: ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 440	Đồng Cường (thôn) 同強村: tg.Đồng Công,h.Hương Sơn, p.Đức Thọ,t.NA 1259
Đồn Độ (xã) 屯度社: tg.Đồn Độ,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 441	Đồng Dẫn (xã) 同羹社: tg.Sư Lỗ,h.Phú Vang,p.TT 1420
Đồn Huệ (thôn) 屯惠村: tg.Ngưỡng Đồng,h.Quảng Uyên, p.Trùng Khánh,t.CB 675	Đồng Dẫn (ấp) 同寅邑: tg.Lương Diến,h.Phú Lộc,p.TT 1423
Đồn Lục (xã) 屯陸社: tg.Tạ Xá,h.Cẩm Khê,p.Lâm Thao,t.ST 946	Đồng Diên (xã) 同延社: tg.Mỹ Xá,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40
Đồn Lương (xã) 屯良社: tg.Dĩnh Sơn,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN ... 533	Đồng Du (thôn) 桐柚村: tg.Vũ Liệt,h.Thanh Chương,p.Anh Sơn,t.NA ... 1239
Đồn Sơn (xã) 屯山社: tg.Bái Đò,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1146	Đồng Du (xã) 桐油社: tg.Ngô Xá,h.Bình Lục,p.Lý Nhân,t.HN 43
Đồn Sơn (xã) 屯山社: tg.Yên Khánh,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165	Đồng Dụ (xã) 同喻社: tg.Văn Cú,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151
Đồn Xá (xã) 屯舍社: tg.Đổ Xá,h.Bình Lục,p.Lý Nhân,t.HN 43	Đồng Duệ (thôn) 同叟村: x.Trường Vĩ,tg.Quảng Chiếu,h.Đồng Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1106
Đồng (thôn) 同村: x.Nam Cai,tg.Nam Cai,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1144	Đồng Dương (tổng) 桐陽總: h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 28
Đồng (tràng) 同庄: tg.Lập Bái,h.Diễn Hà,p.Tiền Hưng,t.HY 267	Đồng Dương (xã) 桐陽社: tg.Đồng Dương,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN . 28
Đồng Ái (phường) 同愛坊: tg.Thượng Lưu,h.Minh Hoá, p.Quảng Trạch,t.QB 1359	Đồng Đắc (ấp) 同得邑: tg.Hương Đạo,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB ... 1033
Đồng An (xã) 同安社: tg.Thanh Viên,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA .. 1252	Đồng Đăng (xã) 同登社: tg.Vĩnh Dật,ch.Văn Uyên,p.Tràng Định,t.LS 610
Đồng An (tổng) 同安總: h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 859	Đồng Đăng (phố) 同登舖: tg.Vĩnh Dật,ch.Văn Uyên,p.Tràng Định,t.LS .. 610
Đồng An (xã) 同安社: tg.Đồng An,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 859	Đồng Đầu (xã) 同投社: tg.Dục Tú,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 491
Đồng An (thôn) 同安村: tg.Vũ Điện,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45	Đồng Độ (thôn) 同度村: x.Nhuễn Sơn,tg.Văn Trường,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1117
Đồng Bạch (thôn) 同白村: x.Tường An,tg.Ô Mễ,h.Vũ Tiên, p.Kiến Xương,t.NĐ 329	Đồng Đội (xã) 同隊社: tg.Tuần La,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1116
Đồng Bài (xã) 同排社: tg.Đôn Lương,h.Nghiêu Phong,p.Sơn Định,t.QY . 418	Đồng Đội (tổng) 同隊總: h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319
Đồng Bang (phường) 同幫坊: tg.Thượng Lưu,h.Minh Hoá, p.Quảng Trạch,t.QB 1359	Đồng Đội (xã) 同隊社: tg.Đồng Đội,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319
Đồng Bang (tổng) 同邦總: h.Động Hỷ,p.Phú Bình,t.TN 798	Đồng Đức (thôn) 同德村: x.Xích Hạch,tg.Quang Chiếu,h.Đồng Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1105
Đồng Bang (xã) 同邦社: tg.Đồng Bang,h.Động Hỷ,p.Phú Bình,t.TN 798	Đồng Đức (xã) 同德社: tg.Lạc Thị,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 130
Đồng Bàn (xã) 銅盤社: tg.Thổ Ốc,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45	

Đồng Glám (xã) 銅鑑社: tg.An Dã,h.Đăng Xương,đạo QT 1384

Đồng Giang (phường) 同江坊: tg.Thượng Lưu,h.Minh Hoá,
p.Quảng Trạch,t.QB 1359

Đồng Giới (xã) 同界社: tg.Văn Cú,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151

Đồng Hà (tràng) 同河庄: tg.Đồng Lý,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1110

Đồng Hải (tổng) 同海總: h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 340

Đồng Hải (xã) 同海社: tg.Đồng Hải,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 340

Đồng Hàn (tràng) 同翰庄: tg.Yên Xá,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267

Đồng Hòa (thôn) 同和村: tg.Đồng Công,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259

Đồng Hòa (phường) 同和坊: tg.Túc Duyên,h.Động Hỷ,p.Phú Bình,t.TN 798

Đồng Hòa (xã) 同和社: tg.Tuần La,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1116

Đồng Hoan (phố) 同歡舖: h.Băng Mạc,ch.Ôn,p.Tràng Khánh,t.LS 616

Đồng Hoàng (xã) 桐黃社: tg.Đồng Dương,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 28

Đồng Hội (tràng) 同會庄: tg.Diên Mậu,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB 1021

Đồng Hội (xã) 同會社: tg.Hóa Luật,h.Thạch Thành,p.Quảng Hóa,t.TH 1135

Đồng Hồn (tổng) 同渾總: h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 941

Đồng Hồn (xã) 同渾社: tg.Đồng Hồn,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 941

Đồng Hương (xã) 同鄉社: tg.Bố Đức,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1104

Đồng Hương (thôn) 同鄉村: x.Yên Cư,tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1116

Đồng Hương (xã) 同鄉村: tg.Trạc Nhật,h.Thạch Thành,
p.Quảng Hóa,t.TH 1135

Đồng Hưu (xã) 同休社: tg.Hương Vĩ,h.Hữu Lũng,pp.Lạng Giang,t.BN 541

Đồng Ích (xã) 同益社: tg.Từ Minh,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1089

Đồng Kê (xã) 同偈社: tg.Phương Xá,h.Cẩm Khê,p.Lâm Thao,t.ST 946

Đồng Khê (xã) 桐溪社: tg.Mao Diên,h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 97

Đồng Khê (xã) 桐溪社: tg.An Lương,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 110

Đồng Kỳ (thôn) 同奇村: x.Tứ Ty Tĩnh Mỹ,tg.Lạc Thiện,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

Đồng Kỷ (xã) 同紀社: tg.Phương Quan,h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 338

Đồng Kỵ (xã) 同暨社: tg.Nghĩa Lập,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 492

Đồng Lạc (ấp) 同樂邑: tg.Tân Thành,h.Tiền Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335

Đồng Lạc (thôn) 同樂村: tg.Đồng Công,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259

Đồng Lạc (tổng) 同樂總: h.Thúy Vân,p.Quỳ Châu,t.NA 1276

Đồng Lạc (xã) 同樂社: tg.Đồng Lạc,h.Thúy Vân,p.Quỳ Châu,t.NA 1276

Đồng Lạc (xã) 同樂社: tg.Vân Cải,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029

Đồng Lạc (thôn) 同樂村: tg.Đan Phượng Thượng,h.Đan Phượng,
p.Quốc Oai,t.ST 922

Đồng Lạc (xã) 同樂社: tg.Hội Hạ,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 940

Đồng Lạc (xã) 同樂社: tg.Nhu Viễn,ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN 819

Đồng Lạc (xã) 同樂社: tg.Thuận Chính,ch.Lương Chánh,
p.Thọ Xuân,t.TH 1150

Đồng Lạc (thôn) 同樂村: tg.Thuận Mỹ,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 11

Đồng Lạc (xã) 同樂社: tg.Kim Bảng,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38

Đồng Lạc (xã) 同樂社: tg.Thu Ngạc,h.Yên Lập,p.Quỳ Hóa,t.HH 729

Đồng Lạc (tràng) 同樂庄: tg.Yên Xá,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267

Đồng Lạc (xã) 同樂社: tg.Tiên Dực,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525

Đồng Lại (xã) 同賴社: tg.Đồng Cao,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 123

Đồng Lại (xã) 同賴社: tg.Bao Trung,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 130

Đồng Lang (xã) 同琅社: tg.Cẩm Ân,ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ 863

Đồng Lang (xã) 同琅社: tg.Lâm Đường,h.Vĩnh Tuy,p.An Bình,t.TQ 865

Đồng Lê (phường) 同黎坊: tg.Thượng Lưu,h.Minh Hoá,
p.Quảng Trạch,t.QB 1359

Đồng Lễ (thôn) 同禮村: x.Đồng Hương,tg.Bố Đức,h.Đồng Sơn,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1104

Đồng Lệ (xã) 同例社: tg.Chúc Sơn,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31

Đồng Lịch (xã) 同曆社: tg.Xuân Hử,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124

Đồng Liệt (xã) 同烈社: tg.Đồng Vĩ,h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 339

Đồng Loan (xã) 同鸞社: tg.Tuần La,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1116

Đồng Loan (xã) 同鸞社: tg.Bạch Đằng,h.Hạ Lang,p.Trùng Khánh,t.CB 677

Đồng Lộng (xã) 同弄社: tg.Bái Trạch,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1090

Đồng Lợi (thôn) 同利村: tg.Mỹ Dương,h.Phong Doanh,
pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 325

Đồng Luân (xã) 同倫社: tg.Quảng Bị,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31

Đồng Luận (xã) 同論社: tg.Lương Khê,h.Bất Bạt,p.Quảng Oai,t.ST 915

Đồng Luận (xã) 同論社: tg.Động Lâm,h.Hà Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950

Đồng Luật (xã) 同律社: tg.Tự Cường,h.Thạch Thành,
p.Quảng Hóa,t.TH 1135

Đồng Luật (xã) 同律社: tg.Khánh Nham,h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS 602

Đồng Lục (tổng) 同錄總: h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959

Đồng Lục (xã) 同錄社: tg.Đồng Lục,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959

Đồng Lũng (xã) 同隴社: tg.Đam Thượng,h.Hà Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950

Đồng Luộc (thôn) 同潞村: x.Thống Trại,tg.Chi Nê,h.Hậu Lộc,
p.Hà Trung,t.TH 1096

Đồng Lư (xã) 同閭社: tg.Tiên Lữ,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 920

Đồng Lư (xã) 同閭社: tg.Vũ Điện,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45

Đồng Lư (xã) 同閭社: tg.Đỗ Xá,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304

Đồng Lương (xã) 桐梁社: tg.Điều Lương,h.Cẩm Khê,p.Lâm Thao,t.ST 946

Đồng Lương (thôn) 同良村: x.Thanh Ban,tg.Vạn Thiện,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

Đồng Lượng (xã) 同量社: tg.Đồng Sơn,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494

Đồng Lý (xã) 同里社: tg.Thái Lai,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162

Đồng Lý (xã) 同里社: tg.Băng Ngang,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 259

Đồng Mạc (xã) 同漠社: tg.Mỹ Dương,h.Phong Doanh,
pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 325

Đồng Mai (tràng) 同枚庄: tg.Phú Khê,h.Thần Khê,p.Tiên Hưng,t.HY 265

Đồng Miệt (tràng) 同蔑庄: x.Yên Thái,tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1115

Đồng Mô (xã) 同模社: tg.Nãi Sơn,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 140

Đồng Mỗ (xã) 同姥社: tg.Túc Duyên,h.Động Hỷ,p.Phú Bình,t.TN 798

Đồng Môn (thôn) 同門村: x.Tứ Ty Tĩnh Mỹ,tg.Lạc Thiện,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

Đồng Mỹ (thôn) 同美村: tg.Thượng Cổ,h.Ân Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256

Đồng Nại (thôn) 同耐村: h.Kỳ Anh,đạo HT 1327

Đồng Nạp (phường) 同納坊: tg.Thượng Lưu,h.Minh Hoá,
p.Quảng Trạch,t.QB 1359

Đồng Nặc (thôn) 同愿村: x.Yên Thái,tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1115

Đồng Ngọ (xã) 同午社: tg.Vũ La,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 111

Đồng Ngư (xã) 同魚社: tg.Trạc Nhật,h.Thạch Thành,p.Quảng Hóa,t.TH 1135

Đồng Ngư (xã) 銅魚社: tg.Liêu Lâm,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN 506

Đồng Nhân (ấp) 同仁邑: tg.Tân Bối,h.Tiền Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335

Đồng Nhân (thôn) 同仁村: tg.Xuân Liễu,h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA 1236

Đồng Nhân (trại) 同仁寨: tg.Hồi Thôn,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1033

Đồng Nhân (xã) 同仁社: tg.Hải Bối,h.Yên Lãng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 939

Đồng Nhân (tràng) 同仁庄: tg.Bái Châu,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1110

Đồng Nhân Châu (xã) 同仁洲社: tg.Thanh Trì,h.Thanh Trì,
p.Thường Tín,t.HN 19

Đồng Nhĩ (tràng) 同僮庄: x.Yên Thái,tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1115

Đồng Niên (xã) 同年社: tg.Đan Trường,h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 98

Đồng Nỗ (tràng) 同弩庄: tg.Đặng Xá,h.Hưng Nhân,p.Tiên Hưng,t.HY 268

Đồng Ô (xã) 同烏社: tg.Trung Bạ,h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1083

Đồng Phái (tổng) 全派總: h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS 602

Đồng Phái (xã) 全派社: tg.Đồng Phái,h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS 602

Đồng Phong (xã) 同風社: tg.Kiến Diên,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 438

Đồng Phong (xã) 同風社: tg.Phi Lai,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086

Đồng Phố (xã) 同鋪社: tg.Thạch Khê,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH ... 1105

Đồng Phố (xã) 同庸社: tg.Lương Xá,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 22

Đồng Phù (tổng) 同符總: h.Thượng Nguyên,p.Xuân Trường,t.NĐ 309

Đồng Phù (xã) 同符社: tg.Đồng Phù,h.Thượng Nguyên,
p.Xuân Trường,t.NĐ 309

Đồng Phú (tổng) 同富總: h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB 1021

Đồng Phú (xã) 同富社: tg.Đồng Phú,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB . 1021

Đồng Phú (xã) 同富社: tg.Phú Hữu,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST 911

Đồng Phú (tổng) 同富總: h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930

Đồng Phú (xã) 同富社: tg.Đồng Phú,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930

Đồng Phú (thôn) 同富村: x.Đô Kỳ,tg.Y Đồn,h.Thần Khê,
p.Tiên Hưng,t.HY 265

Đồng Phúc (xã) 同福社: tg.Quảng Khê,ch.Bạch Thông,
p.Thống Hóa,t.TN 819

Đồng Quan (thôn) 同官村: tg.Đồng Hải,h.Thanh Quan,
p.Thái Bình,t.NĐ 340

Đồng Quan (xã) 同官社: tg.An Bồ,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126

Đồng Quan (xã) 同觀社: tg.Hà Trường,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD 157

Đồng Quang (xã) 同光社: tg.Mặc Xá,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134

Đồng Quản (xã) 形管社: tg.Ngưỡng Đồng,h.Quảng Uyên,
p.Trùng Khánh,t.CB 675

Đồng Quán (xã) 同館社: tg.Phượng Dực,h.Thượng Phúc,
p.Thường Tín,t.HN 17

Đồng Quán (xã) 同貫社: tg.Lạc Sơn,ch.Thủy Vĩ,p.Quy Hóa,t.HH 732

Đồng Quý (thôn) 同軌村: x.Quả Khê,tg.Vân Trinh,h.Hưng Nguyên,
p.Anh Sơn,t.NA 1243

Đồng Quý (tràng) 同櫃庄: tg.Bái Dương,h.Nam Chân,
p.Xuân Trường,t.NĐ 310

Đồng Quý (xã) 同櫃社: tg.Bái Dương,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 310

Đồng Sài (xã) 同儕社: tg.Phù Lương,h.Võ Giàng,p.Từ Sơn,t.BN 501

Đồng Số (xã) 同數社: tg.Tự Cường,h.Thạch Thành,p.Quảng Hóa,t.TH 1135

Đồng Sơn (xã) 桐山社: tg.Thuy Lợi,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38

Đồng Tái (xã) 同載社: tg.Lạc Thị,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 130

Đồng Tâm (xã) 同心社: tg.Kiến Diên,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 438

Đồng Tâm (động) 同心峒: tg.Kiến Diên,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 438

Đồng Tâm (xã) 同心社: tg.Đường Xá,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 940

Đồng Than (tổng) 同灘總: h.Văn Giang,pp.Thuận Thành,t.BN 517

Đồng Than (xã) 同灘社: tg.Đồng Than,h.Văn Giang,
pp.Thuận Thành,t.BN 517

Đồng Thanh (xã) 同聲社: tg.Tri Lai,h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ 329

Đồng Thị (xã) 同視社: tg.Đạo Kỳ,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 933

Đồng Thuận (thôn) 同順村: tg.Đồng Xuân,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 11

Đồng Thủy (tổng) 澧水總: h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45

Đồng Thủy (xã) 澧水社: tg.Đồng Thủy,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45

Đồng Tình (tràng) 同情庄: tg.Đa Lộc,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109

Đồng Tính (xã) 桐井社: tg.Vị Dương,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 341

Đồng Tính (xã) 桐井社: tg.Xuân Cầu,h.Văn Giang,pp.Thuận Thành,t.BN 518

Đồng Tráng (xã) 同壯社: tg.Trạc Nhật,h.Thạch Thành,
p.Quảng Hóa,t.TH 1135

Đồng Trì (xã) 銅池社: tg.Cổ Điện,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 19

Đồng Trụ (thôn) 同柱村: tg.Vạn Thiện,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH ... 1126

Đồng Truy (thôn) 同追村: x.Thạch Khê,tg.Thạch Khê,h.Đồng Sơn,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1105

Đồng Truyền (phường) 同傳坊: Thủy Cợt,t.TH 1156

Đồng Trư (xã) 同豬社: tg.Ngọc Động,h.Thạch Thành,
p.Quảng Hóa,t.TH 1136

Đồng Trữ (xã) 同貯社: tg.Tiên Lữ,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 920

Đồng Tu (xã) 同修社: tg.Yên Xá,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267

Đồng Tử (xã) 桐梓社: tg.Phù Lưu,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144

Đồng Uyên (xã) 潼淵社: tg.Phúc Khê,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ .. 341

Đồng Văn (tràng) 同文庄: tg.Vụ Bản,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319

Đồng Văn (thôn) 同文村: tg.Du Đông,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259

Đồng Văn (xã) 同文社: tg.Cự Lâm,h.Nghĩa Đường,p.Quỳ Châu,t.NA 1275

Đồng Văn (xã) 同文社: tg.Vân Tập,h.Quế Phong,p.Quỳ Châu,t.NA 1276

Đồng Văn (xã) 同文社: tg.Kiến Diên,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 438

Đồng Văn (tổng) 同文總: h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959

Đồng Văn (xã) 同文社: tg.Đồng Văn,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST ... 959

Đồng Văn (xã) 同文社: tg.Tiên Xá,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37

Đồng Văn (phố) 同文鋪: tg.Hữu Thu,ch.Thoát Lãng,p.Tràng Định,t.LS .. 607

Đồng Văn (thôn) 同文村: x.Đặng Động,tg.Thượng Đồng,h.Phong Doanh,
pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 325

Đồng Vân (xã) 彤雲社: tg.Đồng Phù,h.Thượng Nguyên,
p.Xuân Trường,t.NĐ 309

Đồng Vệ (tổng) 同衛總: h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930

Đồng Vệ (xã) 同衛社: tg.Đồng Vệ,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930

Đồng Vi (tổng) 同爲總: h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 339

Đồng Vi (xã) 同爲社: tg.Đồng Vi,h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 339

Đồng Vinh (xã) 同榮社: tg.Thịnh Đức,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN ... 22

Đồng Vinh (thôn) 同榮村: x.Thổ Ốc,tg.Thổ Ốc,h.Nam Xương,
p.Lý Nhân,t.HN 45

Đồng Vọng (tràng) 同望庄: tg.Đặng Xá,h.Hưng Nhân,p.Tiên Hưng,t.HY 268

Đồng Xá (xã) 同舍社: tg.Lỗ Hương,h.Mỹ Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1093

Đồng Xá (tổng) 同舍總: h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1123

Đồng Xá (xã) 同舍社: tg.Đồng Xá,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1123

Đồng Xá (xã) 同舍社: tg.Phú Ổ,h.Quảng Tế,p.Quảng Hóa,t.TH 1134

Đồng Xá (tổng) 桐舍總: h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN 506

Đồng Xá (xã) 桐舍社: tg.Đồng Xá,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN 506

Đồng Xá (phường) 同舍坊: tg.Chiêu Lai,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100

Đồng Xá (xã) 同舍社: tg.Phí Gia,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 147

Đồng Xá (xã) 同舍社: tg.Trực Cát,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151

Đồng Xuân (thôn) 同春村: tg.Xuân Lâm,h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA 1236

Đồng Xuân (tổng) 同春總: h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 11

Đồng Xuân (phường) 同春坊: tg.Đồng Xuân,h.Thọ Xương,
p.Hoài Đức,t.HN 11

Đồng Xuyên (xã) 潼川社: tg.Lương Tài,h.Lương Tài,
p.Thuận Thành,t.BN 511

Đồng Xuyên (xã) 同綴社: tg.Đại Liên,h.Võ Giàng,p.Từ Sơn,t.BN 501

Đồng Yên (xã) 同安社: tg.Đại Lý,h.Mỹ Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1094

Đồng Yên (xã) 同安社: tg.Yên Xá,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 259

Đồng Lâm (xã) 董林社: tg.Quỳnh Bội,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN .. 509

Đồng Viên (xã) 董園社: tg.Phù Đồng,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494

Đồng Xá (xã) 董舍社: tg.Lương Hạ,h.Cẩm Hóa,p.Thống Hóa,t.TN 816

Đồng Xuyên (xã) 董川社: tg.Phù Đồng,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494

Đồng (thôn) 棟村: x.An Hoạch,tg.Quảng Chiểu,h.Đồng Sơn,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1106

Đồng Cải (thôn) 凍改村: x.Thanh Hà,tg.Cổ Định,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1123

Đồng Đa (phố) 凍多庸: tg.Lục Nông,h.Quảng Uyên,
p.Trùng Khánh,t.CB 675

Đồng Hà (xã) 凍河社: tg.Ngọc Xuyên,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1091

Đồng Hải (xã) 凍海社: tg.Yên Ninh,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB 1020

Đống Khê (xã) 凍溪社: tg.Đặng Châu,h.Thượng Lang,
p.Trùng Khánh,t.CB 672

Đống Long (chợ) 凍龍市: tg.Điều Lang,h.Hạ Lang,p.Trùng Khánh,t.CB 677

Đống Lương (xã) 棟樑社: tg.Ngọc Đới,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1115

Đống Lương (xã) 棟梁社: tg.Phú Lão,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319

Đống Mai (xã) 凍枚社: tg.Ninh Bắc,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525

Đống Mỹ (thôn) 凍美村: x.Đống Hà,tg.Ngọc Tuyết,h.Hoàng Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1091

Đống Nải (thôn) 棟乃村: x.Đại An,tg.Nam Cai,h.Lôi Dương,
p.Thọ Xuân,t.TH 1144

Đống Táo (thôn) 棟棗村: tg.Đại Công,h.Tiền Minh,p.Nam Sách,t.HD 116

Đống Thanh (thôn) 棟青村: tg.Bạch Sam,h.Đường Hào,
p.Bình Giang,t.HD 100

Đống Vũ (thôn) 棟宇村: x.Bạch Sam,tg.Bạch Sam,h.Sơn Minh,
p.Ứng Hòa,t.HN 26

Đống Xuyên (xã) 棟川社: tg.Hào Kiệt,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319

Động Bàng (xã) 洞旁社: tg.Đồng Lý,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1110

Động Bổng (xã) 峒蓬社: tg.Nam Bạ,h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1083

Động Cừu (tổng) 洞究總: h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 29

Động Cừu (xã) 洞究社: tg.Động Cừu,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 29

Động Dã (xã) 洞野社: tg.Động Cừu,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 29

Động Đại (xã) 洞岱社: tg.Thượng Hộ,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333

Động Đạt (tổng) 洞達總: h.Phú Lương,p.Tông Hóa,t.TN 812

Động Đạt (xã) 洞達社: tg.Động Đạt,h.Phú Lương,p.Tông Hóa,t.TN 812

Động Glán (xã) 峒澗社: tg.Cổ Đạm,h.Nghi Xuân,p.Đức Thọ,t.NA 1265

Động Hải (thôn) 洞海村: tg.Vũ Xá,h.Phong Lộc,p.Quảng Ninh,t.QB 1345

Động Hậu (tràng) 洞後庄: tg.Thượng Bạ,h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1082

Động Hỷ (huyện) 洞喜縣: p.Phú Bình,t.TN 798

Động Lãm (xã) 洞覽社: tg.Thắng Lãm,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 28

Động Lâm (xã) 峒林社: tg.La Phù,h.Bất Bạt,p.Quảng Oai,t.ST 915

Động Lâm (tổng) 洞林總: h.Hà Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950

Động Lâm (xã) 洞林社: tg.Động Lâm,h.Hà Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950

Động Linh (xã) 洞靈社: tg.Hà Bắc,h.Yên Hưng,p.Sơn Định,t.QY 410

Động Linh (xã) 洞靈社: tg.Hoàng Đạo,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37

Động Phấn (xã) 洞粉社: tg.Cao Đường,h.Thượng Nguyên,
p.Xuân Trường,t.NĐ 309

Động Phí (xã) 洞費社: tg.Đạo Tú,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26

Động Quan (xã) 峒關社: tg.Trúc Lâu,ch.Lục Yên,p.An Bình,t.TQ 867

Động Tiền (tràng) 洞前庄: tg.Thượng Bạ,h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1082

Động Trạch (xã) 洞澤社: tg.Bổ Dương,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124

Động Trung (thôn) 洞中村: tg.Xuân Vũ,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 331

Động Tư (châu) 洞思洲: tg.Long Đại,h.Phong Lộc,p.Quảng Ninh,t.QB . 1345

Động Xá (tổng) 洞舍總: h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40

Động Xá (xã) 洞舍社: tg.Động Xá,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40

Động Xá (xã) 洞舍社: tg.Bằng Ngang,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY ... 259

Động Xích (xã) 洞赤社: tg.An Cự,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319

Động Xuyên (xã) 洞川社: tg.Mai Cầu,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40

Đột Lĩnh (xã) 突嶺社: tg.Cao Đồi,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106

Đới (thôn) 帶村: x.An Đông,tg.Thủ Hộ,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH .. 1120

Đới Ân (xã) 戴恩社: tg.Tông Chính,ch.Lương Chánh,p.Thọ Xuân,t.TH . 1150

Đới Đức (xã) 戴德社: tg.Tông Chính,ch.Lương Chánh,p.Thọ Xuân,t.TH 1150

Đới Khê (xã) 帶溪社: tg.Thổ Hoàng,h.Ân Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256

Đới Nhân (xã) 戴仁社: tg.Đa Giá,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1028

Đới Sơn (xã) 帶山社: tg.Lạn Khê,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025

Đục Khê (xã) 潰溪社: tg.Phù Lưu Thượng,h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN 34

Đức Bản (xã) 德本社: tg.An Trạch,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45

Đức Bưu (xã) 德郵社: tg.Phú Xuân,h.Hương Trà,p.TT..... 1418

Đức Cái (xã) 德蓋社: tg.Hoài Chính,ch.Lương Chánh,p.Thọ Xuân,t.TH 1150

Đức Cầm (thôn) 德敢村: x.Phượng Trì,tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1115

Đức Cầu (xã) 德棣社: tg.Yên Trang,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN ... 512

Đức Cơ (ấp) 德基邑: tg.Tân Phong,h.Tiền Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335

Đức Cung (thôn) 德恭村: tg.Hiến Lễ,h.Bình Xuyên,p.Phú Bình,t.TN 800

Đức Dương (thôn) 德陽村: x.Đình Xuyên,tg.Thái Đường,h.Hoài An,
p.Ứng Hòa,t.HN 33

Đức Hậu (thôn) 德厚村: x.Trung Mậu,tg.Thông Lãng,h.Hung Nguyên,
p.Anh Sơn,t.NA 1242

Đức Hậu (xã) 德厚社: tg.Phổ Lộng,h.Đa Phúc,p.Đa Phúc,t.BN 521

Đức Hậu (xã) 德厚社: tg.Vân Thế,ch.Ôn,p.Tràng Khánh,t.LS 617

Đức Hiệp (xã) 德協社: tg.Liễu Lâm,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN 506

Đức Hiệp (xã) 德協社: tg.Cự Lâm,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333

Đức Hình (phố) 德馨鋪: tg.Dã Nam,ch.Văn Uyên,p.Tràng Định,t.LS 610

Đức Huy (xã) 德輝社: tg.Kim Quan,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 960

Đức La (xã) 德羅社: tg.Trí Yên,h.Phượng Nhãn,p.Lạng Giang,t.BN 530

Đức Lạp (xã) 德獵社: tg.Yên Xá,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 933

Đức Lâm (xã) 德林社: h.Thạch Hà,đạo HT 1321

Đức Lân (xã) 德鄰社: tg.Yên Trường,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246

Đức Lân (tổng) 德鄰總: h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN 794

Đức Lân (xã) 德鄰社: tg.Đức Lân,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN 794

Đức Mại (xã) 德邁社: tg.Mỹ Thái,h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN 530

Đức Mộ (xã) 德墓社: tg.Phù Lưu,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38

Đức Môn (thôn) 德門村: tg.Đồng Xuân,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 11

Đức Mỹ (thôn) 德美村: tg.Yên Trường,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246

Đức Nẫm (thôn) 德稔村: tg.Xuân Liễu,h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA .. 1236

Đức Nhàn (tổng) 德間總: ch.Đà Bắc,p.Gia Hưng,t.HH 719

Đức Nhàn (xã) 德間社: tg.Đức Nhàn,ch.Đà Bắc,p.Gia Hưng,t.HH 719

Đức Nhuận (xã) 德潤社: tg.Cát Ngạn,h.Thanh Chương,p.Anh Sơn,t.NA 1239

Đức Nhuận (xã) 德潤社: tg.Yên Vĩnh,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY ... 252

Đức Phong (xã) 德豐社: tg.Đại Trà,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 140

Đức Quân (xã) 德均社: tg.Nghĩa Quân,h.Tây Quan,p.Đoan Hùng,t.ST .. 954

Đức Tái (xã) 德載社: tg.Đại Toàn,h.Quế Dương,p.Từ Sơn,t.BN 499

Đức Thắng (tổng) 德勝總: h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522

Đức Thắng (xã) 德勝社: tg.Đức Thắng,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522

Đức Thịnh (xã) 德盛社: tg.Yên Trường,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246

Đức Thọ (phủ) 德壽府: t.NA 1254

Đức Thọ (xã) 德壽社: tg.Phượng Đình,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26

Đức Trạch (xã) 德澤社: tg.Hà Hối,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN 17

Đức Trại (thôn) 德齋村: tg.Quảng Thi,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1102

Đức Trại (xã) 德齋社: tg.Yên Trang,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 512

Đức Triêm (tổng) 德霑總: h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 259

Đức Triêm (xã) 德霑社: tg.Đức Triêm,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY ... 259

Đức Trọng (xã) 德重社: tg.Thanh Cẩn,h.Quảng Điện,p.TT 1427

Đức Trọng Hạ (thôn) 德重下村: tg.Hạ Lang,h.Quảng Điện,p.TT 1427

Đức Võng (phường) 德網坊: tg.Thượng Xá,h.Chân Lộc,
p.Anh Sơn,t.NA 1246

Đường (thôn) 唐村: x.Phùng Thịnh,tg.Phùng Thịnh,h.Thụy Nguyên,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1102

Đường (thôn) 唐村: tg.Đặng Xá,h.Ân Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256

Đường An (xã) 堂安社: tg.Cổ Loa,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 492

Đường An (thôn) 唐安村: x.Hàng Vi,tg.Hàng Vi,h.Hoàng Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1089

Đường An (xã) 唐安社: tg.Phù Lưu Thượng,h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN ... 34

Đường An (huyện) 唐安縣: p.Bình Giang,t.HD 92

Đường An (tổng) 唐安總: h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 92

Đường An (thôn) 唐安村: tg.Đường An,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD ... 92

Đường Anh (tổng) 棠英總: h.Phú Vang,p.TT 1420

Đường Anh (xã) 棠英社: tg.Đường Anh,h.Phú Vang,p.TT 1420

Đường Âm (xã) 棠陰社: tg.Yên Phú,h.Vĩnh Điện,p.Tương An,t.TQ 871

Đường Âm (xã) 棠陰社: tg.Suất Tĩnh,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 664

Đường Âm (xã) 棠陰社: tg.Lam Cầu,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37

Đường Cù (thôn) 唐衢村: x.Phù Long,tg.Phù Long,h.Hưng Nguyên,
p.Anh Sơn,t.NA 1242

Đường Đệ (xã) 棠棣社: tg.Hạ Lôi,h.Yên Lãng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938

Đường Hào (xã) 唐豪社: tg.Hà Liên,h.Nghiêu Phong,p.Sơn Định,t.QY .. 419

Đường Hào (huyện) 唐豪縣: p.Bình Giang,t.HD 99

Đường Hào Thượng (xã) 唐豪上社: tg.Sải Trang,h.Đường Hào,
p.Bình Giang,t.HD 100

Đường Hào Trung (xã) 唐豪中社: tg.Sải Trang,h.Đường Hào,
p.Bình Giang,t.HD 100

Đường Hoàng Đông (xã) 唐黃東社: tg.Đường Hoàng Trung,
h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 22

Đường Hoàng Hạ (xã) 唐黃下社: tg.Đường Hoàng Trung,h.Phú Xuyên,
p.Thường Tín,t.HN 22

Đường Hoàng Trung (tổng) 唐黃中總: h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 22

Đường Hoàng Trung (xã) 唐黃中社: tg.Đường Hoàng Trung,
h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 22

Đường Kê (xã) 塘偈社: tg.Hoàng Xá,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31

Đường Kênh (xã) 唐涇社: tg.Cao Mai,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ . 331

Đường Khê (tổng) 棠溪總: h.Nghĩa Đường,p.Quỳ Châu,t.NA 1275

Đường Lại (thôn) 唐賴村: x.Thạch Nội,tg.Văn Trường,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1117

Đường Lâm (thôn) 唐林村: x.Cổ Bài,tg.Hải Quật,h.Yên Định,
p.Thịệu Hóa,t.TH 1110

Đường Lê (xã) 棠梨社: tg.Viên Nội,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31

Đường Long (xã) 唐隆社: tg.Chính Lộc,h.Phong Điền,p.TT 1428

Đường Ngạc (xã) 堂鄂社: tg.Phú Gia,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8

Đường Ngang (tràng) 唐昂: tg.Mật Vật,h.Thuy Nguyên,
p.Thịệu Hóa,t.TH 1101

Đường Ngang (tràng) 唐昂社: tg.Đặng Xá,h.Hưng Nhân,
p.Tiên Hưng,t.HY 268

Đường Sơn (xã) 唐山社: tg.Quan Hoàng,h.Cẩm Thủy,
p.Quảng Hóa,t.TH 1139

Đường Sơn (xã) 棠山社: tg.Thủy Đường,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162

Đường Tỉnh (xã) 棠井社: tg.Hoàn Đường,h.Thuy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343

Đường Trang (xã) 唐莊社: tg.Sải Trang,h.Đường Hào,
p.Bình Giang,t.HD 100

Đường Xá (tổng) 唐舍總: h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 940

Đường Xá (xã) 唐舍社: tg.Đường Xá,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 940

Đường Xâm (tổng) 塘琛總: h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 331

Đường Xâm (xã) 塘琛社: tg.Đường Xâm,h.Chân Định,
p.Kiến Xương,t.NĐ 331

Đường Xiên (ấp) 塘圪邑: tg.Kế Mỹ,h.Phú Vang,p.TT 1420

Đường Xuyên (lỵ) 唐川里: tg.Tân Hưng,h.Tiên Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ . 335

Đường Xuyên (tổng) 唐川總: h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 22

Đường Xuyên (xã) 唐川社: tg.Đường Xuyên,h.Phú Xuyên,
p.Thường Tín,t.HN 22

Đường Xuyên (xã) 唐川社: tg.Đường Xuyên,h.Phú Xuyên,
p.Thường Tín,t.HN 22

G

Gia Áo (xã) 嘉襖社: tg.Hiến Quan,h.Tam Nông,p.Gia Hưng,t.HH 709

Gia Bằng (tổng) 嘉憑總: h.Nguyên Bình,p.Hòa An,t.CB 667

Gia Bằng (xã) 嘉憑社: tg.Gia Bằng,h.Nguyên Bình,p.Hòa An,t.CB 668

Gia Bình (phường) 嘉平坊: tg.Bái Ân,h.Thành Hoá,đạo QT 1393

Gia Bình (huyện) 嘉平縣: p.Thuận Thành,t.BN 508

Gia Bộc (xã) 嘉僕社: tg.Đông Phái,h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS 602

Gia Cát (tổng) 嘉吉總: h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522

Gia Cát (xã) 嘉吉社: tg.Gia Cát,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522

Gia Cấp (xã) 家給社: tg.Cổ Quán,h.Thần Khê,p.Tiên Hưng,t.HY 264

Gia Chiêu (tràng) 嘉昭庄: tg.Cao Lao,h.Bố Trạch,p.Quảng Trạch,t.QB 1357

Gia Cốc (xã) 嘉穀社: tg.Hành Phố,h.Phong Đăng,p.Quảng Ninh,t.QB .. 1347

Gia Cốc (xã) 嘉穀社: tg.Lương Điền,h.Phú Lộc,p.TT 1424

Gia Cốc (xã) 嘉穀社: tg.Đông An,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 859

Gia Cốc (xã) 嘉穀社: tg.Phú Mỹ,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95

Gia Cốc (xã) 嘉穀社: tg.Đa Tốn,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN 515

Gia Cốc (thôn) 嘉穀村: tg.Đặng Xá,h.Ấn Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256

Gia Cung (xã) 嘉恭社: tg.Lân Sơn,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 663

Gia Du (xã) 嘉猷社: tg.Tam Lộng,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 935

Gia Dụ (tổng) 家喻總: h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1140

Gia Dụ (xã) 家喻社: tg.Gia Dụ,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1140

Gia Dụ (xã) 家喻社: tg.Hiến Quan,h.Tam Nông,p.Gia Hưng,t.HH 709

Gia Đăng (xã) 家等社: tg.An Lưu,h.Đặng Xương,đạo QT 1384

Gia Điền (xã) 嘉田社: tg.Nhữ Hạ,h.Hạ Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950

Gia Đức (xã) 嘉德社: tg.Dương Động,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD ... 162

Gia Hanh (thôn) 嘉亨村: x.Bát Trạc,tg.Nga Khê,h.Can Lộc,
p.Đức Thọ,t.NA 1269

Gia Hòa (thôn) 嘉禾村: tg.Tam Đăng,h.Nghi Xuân,p.Đức Thọ,t.NA 1265

Gia Hòa (xã) 嘉禾社: tg.Lạc Trị,h.Thạch Thất,p.Quốc Oai,t.ST 924

Gia Hòa (xã) 嘉禾社: tg.Nhất Thế,h.Vũ Nai,p.Phú Bình,t.TN 803

Gia Hòa (xã) 嘉禾社: tg.Mỹ Trọng,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 307

Gia Hòa (xã) 嘉和社: tg.Thị Liễu,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 310

Gia Hộ (xã) 加戶社: tg.Quỳ Trạch,h.Yên Thành,p.Diễn Châu,t.NA 1250

Gia Hội (thôn) 嘉會村: tg.Cát Ngán,h.Thanh Chương,p.Anh Sơn,t.NA .. 1239

Gia Hội (xã) 嘉會社: tg.Hữu Đạo,h.Quế Phong,p.Quỳ Châu,t.NA 1276

Gia Hội (xã) 嘉會社: tg.Sơn A,h.Văn Chấn,p.Quỳ Hóa,t.HH 725

Gia Hội (xã) 嘉會社: tg.Bằng Quân,h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS 602

Gia Hưng (phủ) 嘉興府: t.HH 706

Gia Lạc (xã) 嘉樂社: tg.Lâm Thịnh,h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA 1235

Gia Lạp (xã) 嘉蠟社: tg.Thượng Bái,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267

Gia Lâm (xã) 嘉林社: tg.Hố Xá,h.Minh Linh,đạo QT 1390

Gia Lâm (huyện) 嘉林縣: pp.Thuận Thành,t.BN 514

Gia Lâm (xã) 嘉林社: tg.Cổ Biện,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN 515

Gia Lộc (xã) 嘉祿社: tg.Cổ Loa,h.Đông Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 492

Gia Lộc (huyện) 嘉祿縣: p.Ninh Giang,t.HD 130

Gia Lộc (xã) 嘉祿社: tg.Bằng Mạc,ch.Ôn,p.Tràng Khánh,t.LS 616

Gia Lộc Ngoại (phường) 嘉祿外坊: tg.Liên Hương,h.Bố Trạch,
p.Quảng Trạch,t.QB 1357

Gia Lộc Nội (phường) 嘉祿内坊: tg.Liên Hương,h.Bố Trạch,
p.Quảng Trạch,t.QB 1357

Gia Luận (xã) 嘉論社: tg.Hà Liên,h.Nghiêu Phong,p.Sơn Định,t.QY 420

Gia Miễn (xã) 嘉勉社: tg.Hội Hoan,h.Văn Quan,p.Tràng Định,t.LS 605

Gia Miêu Ngoại (trang) 嘉苗外庄: tg. Thượng Bạ, h. Tống Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1082

Gia Miêu Nội (trang) 嘉苗内庄: tg. Thượng Bạ, h. Tống Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1082

Gia Miêu Thượng (trang) 嘉苗上庄: tg. Thượng Bạ, h. Tống Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1082

Gia Mô (xã) 嘉謨社: tg. Lạc Thiện, h. Lạc Yên, p. Nho Quan, t. NB 1040

Gia Mô (xã) 嘉模社: tg. Yên Lãng, h. Đông Triều, p. Kinh Môn, t. HD 165

Gia Mông (tổng) 嘉蒙總: h. Sơn Dương, p. Đoàn Hùng, t. ST 959

Gia Mông (xã) 嘉蒙社: tg. Gia Mông, h. Sơn Dương, p. Đoàn Hùng, t. ST 959

Gia Mỹ (thôn) 嘉美村: x. Canh Hoạch, tg. Canh Hoạch, h. Can Lộc, p. Đức Thọ, t. NA 1270

Gia Mỹ (xã) 嘉美社: tg. Văn Nham, h. Hữu Lũng, pp. Lạng Giang, t. BN 540

Gia Ngư (phường) 嘉魚坊: tg. Đông Thọ, h. Thọ Xương, p. Hoài Đức, t. HN 12

Gia Phú (xã) 嘉富社: tg. Đại Lai, h. Gia Bình, p. Thuận Thành, t. BN 509

Gia Phú (tổng) 嘉富總: ch. Thủy Vĩ, p. Quy Hóa, t. HH 732

Gia Phú (xã) 嘉富社: tg. Gia Phú, ch. Thủy Vĩ, p. Quy Hóa, t. HH 732

Gia Phúc (xã) 嘉福社: tg. La Phù, h. Thượng Phúc, p. Thường Tín, t. HN 16

Gia Quan (xã) 嘉觀社: tg. Trú Hựu, h. Lục Ngạn, p. Lạng Giang, t. BN 537

Gia Quất (xã) 嘉橘社: tg. Gia Thụy, h. Gia Lâm, pp. Thuận Thành, t. BN 515

Gia Sơn (xã) 嘉山社: tg. Kha Hộ, h. Lục Ngạn, p. Lạng Giang, t. BN 537

Gia Thận (xã) 嘉慎社: tg. Thổ Bình, ch. Chiêm Hoá, p. Tương An, t. TQ 877

Gia Thiện (thôn) 嘉善村: x. Canh Hoạch, tg. Canh Hoạch, h. Can Lộc, p. Đức Thọ, t. NA 1270

Gia Thịnh (thôn) 嘉盛村: x. Quang Chiêm, tg. Văn Lâm, h. La Sơn, p. Đức Thọ, t. NA 1256

Gia Thụy (xã) 嘉瑞社: tg. Đông Yên, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1086

Gia Thụy (tổng) 嘉瑞總: h. Gia Lâm, pp. Thuận Thành, t. BN 515

Gia Thụy (xã) 嘉瑞社: tg. Gia Thụy, h. Gia Lâm, pp. Thuận Thành, t. BN 515

Gia Thượng (xã) 嘉上社: tg. Gia Thụy, h. Gia Lâm, pp. Thuận Thành, t. BN 515

Gia Trọng (xã) 嘉狀社: tg. Trọng Vinh, h. Đại An, p. Nghĩa Hưng, t. ND 316

Gia Tuổi (xã) 嘉歲社: tg. Cách Linh, h. Quảng Uyên, p. Trùng Khánh, t. CB 675

Gia Viễn (huyện) 嘉遠縣: p. Yên Khánh, t. NB 1028

Giá Cầu (tổng) 遮球總: h. Phú Xuyên, p. Thường Tín, t. HN 22

Giá Cầu (xã) 遮球社: tg. Giá Cầu, h. Phú Xuyên, p. Thường Tín, t. HN 22

Giá Hộ (xã) 稼戶社: tg. Kỳ Vĩ, h. Gia Viễn, p. Yên Khánh, t. NB 1028

Giá Phú (xã) 稼富社: tg. Kỳ Vĩ, h. Gia Viễn, p. Yên Khánh, t. NB 1028

Giá Sơn (xã) 架山社: tg. Quang Biểu, h. Việt Yên, p. Lạng Giang, t. BN 534

Giá Sơn (xã) 架山社: tg. Uy Viễn, h. Gia Viễn, p. Yên Khánh, t. NB 1029

Gial (thôn) 佳村: x. Văn Trai, tg. Văn Trai, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1116

Gial Cảnh (phường) 佳境坊: tg. Thượng, h. Vĩnh Thuận, p. Hoài Đức, t. HN 13

Gial Lạc (xã) 偕樂社: tg. Quan Hóa, h. Yên Thành, p. Diễn Châu, t. NA 1250

Gial Lạc (xã) 偕樂社: tg. Yên Vĩnh, h. Vĩnh Điện, p. Tương An, t. TQ 871

Gial Lạc (xã) 佳樂社: tg. Đa Thượng, h. Kim Anh, p. Đa Phúc, t. BN 525

Gial Phạm (xã) 楷範社: tg. An Phú, h. Văn Giang, pp. Thuận Thành, t. BN 518

Giải Trãi (xã) 解豸社: tg. Lạc Thiện, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1125

Giang Biếu (xã) 江表社: tg. Bình Bút, h. Vĩnh Lộc, p. Quảng Hóa, t. TH 1131

Giang Biếu (trang) 江表庄: tg. Bình Bút, h. Vĩnh Lộc, p. Quảng Hóa, t. TH 1131

Giang Cao (xã) 江泉社: tg. Đa Tốn, h. Gia Lâm, pp. Thuận Thành, t. BN 515

Giang Hán (xã) 江漢社: tg. Mai Pha, ch. Ôn, p. Tráng Khánh, t. LS 616

Giang Hiến (phường) 江瀨坊: tg. An Đôn, h. Đàng Xương, đạo QT 1384

Giang Hồ (mạn) 江湖蔓: tg. Vông Nhi, h. Hương Thủy, p. TT 1423

Giang Liễu (xã) 江柳社: tg. Bất Phỉ, h. Võ Giàng, p. Từ Sơn, t. BN 501

Giang Ngô (tổng) 江吳總: h. Thạch An, p. Hòa An, t. CB 664

Giang Ngô (xã) 江吳社: tg. Giang Ngô, h. Thạch An, p. Hòa An, t. CB 664

Giang Thanh (xã) 江淸社: tg. Mai Pha, ch. Ôn, p. Tráng Khánh, t. LS 616

Giang Triều (xã) 江潮社: tg. Quan Trung, h. Đông Thành, p. Diễn Châu, t. NA 1249

Giang Triều (xã) 江潮社: tg. Mậu Tài, h. Phú Vang, p. TT 1420

Giang Triều (thôn) 江潮村: x. Đại Bối, tg. Đại Bối, h. Sơn Minh, p. Ứng Hòa, t. HN 26

Giang Vông (phường) 江網坊: tg. Yên Mỹ, h. Hoàn Bó, p. Sơn Định, t. QY 405

Giản Giáng (thôn) 揀降村: x. Vạn Phúc, tg. Trám Lộng, h. Sơn Minh, p. Ứng Hòa, t. HN 26

Giản Ngoại (xã) 澗外社: tg. Lạn Giới, h. Yên Thế, pp. Lạng Giang, t. BN 540

Giảng Võ (trại) 講武寨: tg. Nội, h. Vĩnh Thuận, p. Hoài Đức, t. HN 13

Gián Khẩu (xã) 澗口社: tg. Tri Hối, h. Gia Viễn, p. Yên Khánh, t. NB 1029

Giao Tắt (xã) 膠漆社: tg. Kim Sơn, h. Gia Lâm, pp. Thuận Thành, t. BN 515

Giao Thủy (huyện) 膠水縣: p. Xuân Trường, t. ND 303

Giao Tự (xã) 膠寺社: tg. Kim Sơn, h. Gia Lâm, pp. Thuận Thành, t. BN 515

Giáo Dục (ấp) 教育邑: tg. Sĩ Lâm, h. Đại An, p. Nghĩa Hưng, t. ND 316

Giáo Liêm (xã) 教廉社: tg. Bản Động, h. Lục Ngạn, p. Lạng Giang, t. BN 537

Giáo Liêm (xã) 教廉社: tg. An Dã, h. Đàng Xương, đạo QT 1384

Giáo Phòng (phường) 教防坊: tg. Hộ Xá, h. Giao Thủy, p. Xuân Trường, t. ND 304

Giáo Phòng Quy Lập (phường) 歸立教防坊: tg. Sĩ Lâm, h. Đại An, p. Nghĩa Hưng, t. ND 316

Giáo Phường (thôn) 教坊村: tg. Kim Liên, h. Thọ Xương, p. Hoài Đức, t. HN 12

Giáp (thôn) 甲村: x. Thổ Khối, tg. Mậu Lâm, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1086

Giáp Ất (xã) 甲乙社: tg. Văn Lang, h. Hạ Hòa, p. Lâm Thao, t. ST 950

Giáp Bát (thôn) 甲八村: tg. Hoàng Mai, h. Thanh Trì, p. Thường Tín, t. HN 19

Giáp Giá (thôn) 甲這村: x. Phú Khê, tg. Hưng Xá, h. Phong Doanh, pp. Nghĩa Hưng, t. ND 326

Giáp Lục (thôn) 甲陸村: x. Kiên Giáp, tg. Đồ Bái, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1087

Giáp Lục (thôn) 甲六村: tg. Hoàng Mai, h. Thanh Trì, p. Thường Tín, t. HN 19

Giáp Nam (phường) 甲南坊: Thủy Cự, t. TH 1156

Giáp Ngọ (thôn) 甲午村: tg. Chúc Sơn, h. Chương Đức, p. Ứng Hòa, t. HN 31

Giáp Ngoại (thôn) 甲外村: x. Hương Lư, tg. Đồ Bái, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1087

Giáp Nhất (thôn) 甲一村: x. Thịnh Liệt, tg. Hoàng Mai, h. Thanh Trì, p. Thường Tín, t. HN 19

Giáp Nhất (thôn) 甲一村: x. Nhân Mục Môn, tg. Khương Đình, h. Thanh Trì, p. Thường Tín, t. HN 19

Giáp Nhất (thôn) 甲壹村: tg. Mỹ Dương, h. Phong Doanh, pp. Nghĩa Hưng, t. ND 325

Giáp Nhị (thôn) 甲二村: x. Thịnh Liệt, tg. Hoàng Mai, h. Thanh Trì, p. Thường Tín, t. HN 19

Giáp Nhị (thôn) 甲貳村: tg. Mỹ Dương, h. Phong Doanh, pp. Nghĩa Hưng, t. ND 325

Giáp Nội (thôn) 甲内村: x. Hương Lư, tg. Đồ Bái, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1087

Giáp Sơn (huyện) 峽山縣: p. Kinh Môn, t. HD 157

Giáp Sơn Hạ (xã) 峽山下社: tg. Dương Nham, h. Giáp Sơn, p. Kinh Môn, t. HD 158

Giáp Sơn Thượng (xã) 峽山上社: tg. Dương Nham, h. Giáp Sơn, p. Kinh Môn, t. HD 158

Giáp Tam (thôn) 甲三村: tg. Thuận Thị, h. Minh Chính, p. Quảng Trạch, t. QB 1355

Giáp Thạch (xã) 峽石社: tg. Dương Nham, h. Giáp Sơn, p. Kinh Môn, t. HD 158

Giáp Thất (thôn) 甲七村: tg. Hoàng Mai, h. Thanh Trì, p. Thường Tín, t. HN 19

Giáp Tứ (thôn) 甲四村: tg. Hoàng Mai, h. Thanh Trì, p. Thường Tín, t. HN 19

Giới Đức (xã) 界德社: tg. Thịnh Đức, h. Phú Xuyên, p. Thường Tín, t. HN 22

Giới Phiên (tổng) 界番總: h.Trần Yên,p.Quy Hóa,t.HH 727

Giới Phiên (xã) 界番社: tg.Giới Phiên,h.Trần Yên,p.Quy Hóa,t.HH 727

Giới Tế (xã) 界際社: tg.Mân Xá,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497

Gôi Mỹ (thôn) 垵美村: tg.An Ấp,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259

H

Hà (thôn) 河村: tg.Vũ Xá,h.Phong Lộc,p.Quảng Ninh,t.QB 1345

Hà (thôn) 河村: x.Bạch Cầu,tg.Thạch Giản,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH ... 1086

Hà (thôn) 河村: x.Kiên Giáp,tg.Đô Bái,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1087

Hà (thôn) 河村: x.Hương Nhị,tg.Thủy Cam,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 29

Hà Áo (ấp) 河澳邑: tg.Kế Mỹ,h.Phú Vang,p.TT 1420

Hà Bạc (tổng) 河泊總: h.Bố Trạch,p.Quảng Trạch,t.QB 1358

Hà Bắc (tổng) 河北總: h.Yên Hưng,p.Sơn Định,t.QY 409

Hà Cảng (xã) 河港社: tg.Hạ Lang,h.Quảng Điền,p.TT 1427

Hà Cát (tổng) 河葛總: h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304

Hà Cát (xã) 河葛社: tg.Hà Cát,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304

Hà Cầu (xã) 河埭社: tg.An Lạc,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124

Hà Châu (xã) 河洲社: tg.Phương Trà,h.Tiên Lữ,p.Tiên Hưng,t.HY 272

Hà Châu (tổng) 河洲總: h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522

Hà Châu (xã) 河洲社: tg.Hà Châu,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522

Hà Cối (xã) 河檜社: tg.Hà Môn,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 428

Hà Công (thôn) 河公村: tg.Thuận Lễ,h.Minh Chính,p.Quảng Trạch,t.QB 1356

Hà Dương (xã) 震陽社: tg.Bút Sơn,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1090

Hà Dương (xã) 河陽社: tg.Hạ Am,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124

Hà Dương (xã) 河陽社: tg.Hải Lăng,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316

Hà Đái (tổng) 河帶總: h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 117

Hà Đàm (tổng) 河譚總: h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659

Hà Đàm (xã) 河譚社: tg.Hà Đàm,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659

Hà Đô (xã) 河都社: tg.Đan Nê,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109

Hà Đồ (thôn) 河圖村: x.Bái Trạch,tg.Bái Trạch,h.Hoàng Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1090

Hà Đồ (ấp) 河圖邑: tg.Hạ Lang,h.Quảng Điền,p.TT 1427

Hà Đông (xã) 河東社: tg.Phúc Lộc,h.Hương Khê,p.Đức Thọ,t.NA 1261

Hà Đông (thôn) 河東村: x.Bái Trạch,tg.Bái Trạch,h.Hoàng Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1090

Hà Đông (thôn) 河東村: x.Thái Các,tg.Thủ Hộ,h.Quảng Xương,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1120

Hà Đới (xã) 河帶社: tg.Hà Đái,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 117

Hà Gian (xã) 河間社: tg.Hà Quảng,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659

Hà Glán (xã) 河諫社: tg.Hà Thanh,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 436

Hà Hải (xã) 河海社: tg.Hà Lộ,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134

Hà Hoàng (xã) 河隍社: tg.Tượng Yên,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 663

Hà Hồi (tổng) 河回總: h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN 17

Hà Hồi (xã) 河回社: tg.Hà Hồi,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN 17

Hà Hương (xã) 菽香社: tg.Bắc Tạ,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126

Hà Khẩu (thôn) 河口村: x.Nghĩa Trại,tg.Cao Xá,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

Hà Khẩu (phường) 河口坊: tg.Đồng Thọ,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN ... 12

Hà Khê (xã) 河溪社: tg.Hà Lộ,h.Đồng Ngạc,p.Từ Sơn,t.BN 491

Hà La (thôn) 河羅村: x.Ngưu Phương,tg.Thái Lai,h.Quảng Xương,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1121

Hà Lạc (ấp) 河洛邑: tg.Hạ Lang,h.Quảng Điền,p.TT 1427

Hà Lang (xã) 何郎社: tg.Thượng Bái,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267

Hà Lạn (xã) 河爛社: tg.Kiên Lao,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304

Hà Lão (tổng) 河老總: h.Hung Nhân,p.Tiên Hưng,t.HY 268

Hà Lão (xã) 河老社: tg.Hà Lão,h.Hung Nhân,p.Tiên Hưng,t.HY 268

Hà Lý (tổng) 河里總: h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267

Hà Lý (xã) 河里社: tg.Hà Lý,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267

Hà Lịch (xã) 霞露社: tg.Bái Đô,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1146

Hà Liên (tổng) 河蓮總: h.Nghiêu Phong,p.Sơn Định,t.QY 418

Hà Liên (xã) 河蓮社: tg.Du Trường,h.Hậu Lộc,p.Hà Trung,t.TH 1096

Hà Liên (xã) 河蓮社: tg.Yên Định,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124

Hà Liễn (xã) 河輦社: tg.Song Mai,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 161

Hà Liễu (xã) 河柳社: tg.Bát Phí,h.Võ Giang,p.Từ Sơn,t.BN 501

Hà Liễu (tổng) 河柳總: h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 19

Hà Liễu (xã) 河柳社: tg.Hà Liễu,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 19

Hà Liễu (xã) 河柳社: tg.An Hộ,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106

Hà Liễu (xã) 河柳社: tg.Sa Lung,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 310

Hà Linh (xã) 遐齡社: tg.Chu Lễ,h.Hương Khê,p.Đức Thọ,t.NA 1261

Hà Linh (xã) 遐齡社: tg.Hoàng Tranh,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY 255

Hà Lỗ (xã) 河魯社: tg.Câu Hoan,h.Hải Lăng,đạo QT 1385

Hà Lỗ (tổng) 河魯總: h.Đồng Ngạc,p.Từ Sơn,t.BN 491

Hà Lỗ (xã) 河魯社: tg.Hà Lỗ,h.Đồng Ngạc,p.Từ Sơn,t.BN 491

Hà Lộ (xã) 河路社: tg.Ngọc Xuyên,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1091

Hà Lộ (tổng) 河路總: h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134

Hà Lộ (xã) 河路社: tg.Hà Lộ,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134

Hà Lộc (xã) 河祿社: tg.Câu Hoan,h.Hải Lăng,đạo QT 1385

Hà Lộc (phường) 河祿坊: tg.An Mỹ,h.Do Linh,đạo QT 1391

Hà Lộc (xã) 遐祿社: tg.Khai Xuân,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 945

Hà Lôi (xã) 河雷社: tg.Mễ Sơn,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165

Hà Lợi Thượng (thôn) 河利上村: tg.An Mỹ,h.Do Linh,đạo QT 1391

Hà Lợi Trung (thôn) 河利中村: tg.An Mỹ,h.Do Linh,đạo QT 1391

Hà Lũ (xã) 河屨社: tg.Bác Lăng,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 440

Hà Luận (xã) 河論社: tg.Dưỡng Chân,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD ... 162

Hà Lũng (thôn) 河隴村: x.Phú Hà,tg.Phú Hà,h.Thụy Nguyên,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1101

Hà Lũng (xã) 河隴社: tg.Tam Lộng,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1145

Hà Lương (xã) 河良社: tg.Đại Phạm,h.Hà Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950

Hà Lương (xã) 河梁社: tg.Cao Mật,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1130

Hà Lương (xã) 河梁社: tg.Thổ Bình,ch.Chiêm Hoá,p.Tương An,t.TQ 877

Hà Mạt (thôn) 河沫村: x.Hà Thượng,tg.Du Trường,h.Hậu Lộc,
p.Hà Trung,t.TH 1096

Hà MI (xã) 河湄社: tg.Bích Du,h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343

Hà MI (xã) 河湄社: tg.Bích La,h.Đặng Xương,đạo QT 1384

Hà MI (xã) 河湄社: tg.Yên Định,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124

Hà Môn (xã) 河門社: tg.Cao Lao,h.Bố Trạch,p.Quảng Trạch,t.QB 1357

Hà Môn (tổng) 河門總: ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 428

Hà Nam (tổng) 河南總: h.Yên Hưng,p.Sơn Định,t.QY 412

Hà Nhuận (ấp) 河潤邑: tg.Quảng Xuyên,h.Phú Vang,p.TT 1420

Hà Nhuận (tổng) 河潤總: h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 148

Hà Nhuận (xã) 河潤社: tg.Hà Nhuận,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 148

Hà Niệm (thôn) 河念村: x.An Hòa,tg.Tuân La,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1116

Hà Nữu (thôn) 河狃村: x.Thạch Phương,tg.Thủ Hộ,h.Quảng Xương,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1120

Hà Nội (tỉnh) 河内省: 3

Hà Nữu (thôn) 河狃村: x.Ngưu Phương,tg.Thái Lai,h.Quảng Xương,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1121

Hà Phấn (thôn) 河粉村: x.Bình Đạm,tg.Chí Nê,h.Hậu Lộc,
p.Hà Trung,t.TH 1097

Hà Quang (xã) 霞光社: tg.Kiên Lao,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ ... 304

Hà Quảng (tổng) 河廣總: h. Thạch Lâm, p. Hòa An, t. CB 659	Hạ (thôn) 下村: x. Côn Lãng, tg. Dương Vũ, h. Yên Khánh, p. Yên Khánh, t. NB 1021
Hà Quảng (xã) 河廣社: tg. Hà Quảng, h. Thạch Lâm, p. Hòa An, t. CB 659	Hạ (thôn) 下村: tg. Thạch Xá, h. Lệ Thủy, p. Quảng Ninh, t. QB 1349
Hà Quảng (xã) 河廣社: tg. Quang Bì, ch. Văn Uyên, p. Trảng Định, t. LS 611	Hạ (thôn) 下村: x. An Xá, tg. Đại Phong Lộc, h. Lệ Thủy, p. Quảng Ninh, t. QB 1349
Hà Quất Đoài (xã) 河橋兑社: tg. Hà Môn, ch. Vạn Ninh, p. Hải Ninh, t. QY 429	Hạ (thôn) 下村: x. Tiên Lễ, tg. Thuận Thị, h. Minh Chính, p. Quảng Trạch, t. QB 1355
Hà Quất Đông (xã) 河橋東社: tg. Hà Môn, ch. Vạn Ninh, p. Hải Ninh, t. QY 429	Hạ (thôn) 下村: x. Phương Liên, tg. Liên Hương, h. Bố Trạch, p. Quảng Trạch, t. QB 1357
Hà Tây (xã) 河西社: tg. An Cư, h. Đăng Xương, đạo QT 1384	Hạ (thôn) 下村: x. Cao Lao, tg. Cao Lao, h. Bố Trạch, p. Quảng Trạch, t. QB ... 1357
Hà Tây (xã) 河西社: tg. Thủy Đường, h. Thủy Đường, p. Kinh Môn, t. HD 162	Hạ (thôn) 下村: x. Tân Trại, tg. Minh Lương, h. Minh Linh, đạo QT 1390
Hà Thạch (xã) 河石社: tg. Phú Thọ, h. Sơn Vi, p. Lâm Thao, t. ST 945	Hạ (thôn) 下村: x. Mộ Đồng, tg. Mộ Chu, h. Bạch Hạc, p. Vĩnh Tường, t. ST 930
Hà Thanh (xã) 河清社: tg. Thổ Mật, h. Yên Mô, p. Yên Khánh, t. NB 1025	Hạ (thôn) 下村: tg. La Đình, h. Tư Nông, p. Phú Bình, t. TN 794
Hà Thanh (xã) 河清社: tg. An Xá, h. Do Linh, đạo QT 1391	Hạ (thôn) 下村: x. Bình Hòa, tg. Nam Bản, h. Tống Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1083
Hà Thanh (tổng) 河清總: ch. Vạn Ninh, p. Hải Ninh, t. QY 435	Hạ (thôn) 下村: x. Trại Lộ, tg. Yên Định, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1124
Hà Thanh (xã) 河清社: tg. Bút Sơn, h. Hoảng Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1090	Hạ (thôn) 下村: x. Ngô Xá, tg. Lôi Dương, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1144
Hà Thanh (ấp) 河清邑: tg. Kế Mỹ, h. Phú Vang, p. TT 1420	Hạ (thôn) 下村: x. Lăng Động, tg. Kiên Thạch, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1144
Hà Thanh (thôn) 河清村: tg. Đồng Xuân, h. Thọ Xương, p. Hoài Đức, t. HN 11	Hạ (thôn) 下村: x. Biện Trạch, tg. Nam Cai, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH ... 1144
Hà Thao (xã) 河洮社: tg. Giá Cầu, h. Phú Xuyên, p. Thường Tín, t. HN 22	Hạ (thôn) 下村: x. Quả Nhục, tg. Thượng Cốc, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1145
Hà Thủy (xã) 河水社: tg. Dương Thủy, h. Mỹ Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1094	Hạ (thôn) 下村: x. Mạnh Chư, tg. Bát Nào, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1145
Hà Thủy (thôn) 河始村: x. Phú Ninh, tg. Dương Thủy, h. Mỹ Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1094	Hạ (thôn) 下村: x. Nhuế Biện, tg. Bát Nào, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1145
Hà Thượng (xã) 河上社: tg. An Xá, h. Do Linh, đạo QT 1391	Hạ (thôn) 下村: x. Hà Lũng, tg. Tam Lộng, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1145
Hà Thượng (xã) 河上社: tg. Du Trường, h. Hậu Lộc, p. Hà Trung, t. TH 1096	Hạ (giáp) 下甲: x. Dưỡng Mông, tg. Kế Mỹ, h. Phú Vang, p. TT 1420
Hà Tĩnh (đạo) 河靜道: 1317	Hạ (giáp) 下甲: th. Miêu Nha, tg. Vống Nhi, h. Hương Thủy, p. TT 1423
Hà Trạch (xã) 河澤社: tg. Hà Châu, h. Hiệp Hòa, p. Đa Phúc, t. BN 522	Hạ (thôn) 下村: tg. Trung An, h. Thạch Lâm, p. Hòa An, t. CB 659
Hà Trì (xã) 河池社: tg. Ngọc Pha, h. Thạch An, p. Hòa An, t. CB 664	Hạ (tổng) 下總: h. Vĩnh Thuận, p. Hoài Đức, t. HN 13
Hà Trì (thôn) 荷池村: tg. Thượng Thanh Oai, h. Thanh Oai, p. Ứng Hòa, t. HN 28	Hạ (thôn) 下村: x. Nhị Khê, tg. Cổ Hiền, h. Thượng Phúc, p. Thường Tín, t. HN 16
Hà Trung (xã) 河中社: tg. An Xá, h. Do Linh, đạo QT 1391	Hạ (thôn) 下村: sở An Duyên, tg. Thanh Trì, h. Thanh Trì, p. Thường Tín, t. HN ... 19
Hà Trung (phường) 河中坊: tg. An Xá, h. Do Linh, đạo QT 1391	Hạ (thôn) 下村: tg. Khương Đình, h. Thanh Trì, p. Thường Tín, t. HN 19
Hà Trung (phủ) 河中府: t. TH 1080	Hạ (thôn) 下村: tg. Khương Đình, h. Thanh Trì, p. Thường Tín, t. HN 19
Hà Trung (thôn) 河中村: x. Oanh Cốc, tg. Thái Lai, h. Quảng Xương, p. Tĩnh Gia, t. TH 1121	Hạ (thôn) 下村: x. Chuyên Mỹ, tg. Thịnh Đức, h. Phú Xuyên, p. Thường Tín, t. HN 22
Hà Trung (xã) 河中社: tg. Diêm Trường, h. Phú Lộc, p. TT 1424	Hạ (thôn) 下村: x. Thịnh Đức, tg. Thịnh Đức, h. Phú Xuyên, p. Thường Tín, t. HN .. 22
Hà Trung (thôn) 何中村: h. Kỳ Anh, đạo HT 1326	Hạ (thôn) 下村: x. Vĩnh Lộc, tg. Sơn Minh, h. Sơn Minh, p. Ứng Hòa, t. HN 25
Hà Trung (tổng) 河中總: h. Kỳ Anh, đạo HT 1325	Hạ (thôn) 下村: x. Minh Nông, tg. Phù Lưu Tế, h. Hoài An, p. Ứng Hòa, t. HN 34
Hà Trữ (ấp) 河貯邑: tg. Diêm Trường, h. Phú Lộc, p. TT 1424	Hạ (tràng) 下庄: x. Bồng Lãng, tg. Mai Cầu, h. Thanh Liêm, p. Lý Nhân, t. HN 40
Hà Trường (tổng) 河場總: h. Giáp Sơn, p. Kinh Môn, t. HD 157	Hạ (tràng) 下庄: x. Cát Trĩ, tg. Động Xá, h. Thanh Liêm, p. Lý Nhân, t. HN 40
Hà Trường (xã) 河場社: tg. Hà Trường, h. Giáp Sơn, p. Kinh Môn, t. HD 157	Hạ (thôn) 下村: x. Mạc Xá, tg. Công Xá, h. Nam Xương, p. Lý Nhân, t. HN 44
Hà Vĩ (xã) 河洩社: tg. Hà Lỗ, h. Đông Ngạn, p. Từ Sơn, t. BN 491	Hạ (thôn) 下村: x. Thụy Trà, tg. Mạn Đề, h. Thanh Lâm, p. Nam Sách, t. HD 110
Hà Vĩ (xã) 河尾社: tg. Tín Yên, h. Thượng Phúc, p. Thường Tín, t. HN 17	Hạ (thôn) 下村: x. Đồng Dư, tg. Đồng Dư, h. Gia Lâm, pp. Thuận Thành, t. BN .. 515
Hà Vĩ (xã) 河渭社: tg. Thọ Xương, h. Bảo Lộc, p. Lạng Giang, t. BN 531	Hạ (thôn) 下村: x. Tiên Dực, tg. Tiên Dực, h. Kim Anh, p. Đa Phúc, t. BN 525
Hà Vĩ (tổng) 河渭總: ch. Bạch Thông, p. Thông Hóa, t. TN 819	Hạ (thôn) 下村: tg. Hà Cát, h. Giao Thủy, p. Xuân Trường, t. ND 304
Hà Vĩ (xã) 河渭社: tg. Hà Vĩ, ch. Bạch Thông, p. Thông Hóa, t. TN 819	Hạ (thôn) 下村: x. Bình Cách, tg. Bình Lương, h. Ý Yên, pp. Nghĩa Hưng, t. ND .. 323
Hà Xá (thôn) 何舍村: x. Hàm Lâm, tg. Bích Triều, h. Thanh Chương, p. Anh Sơn, t. NA 1238	Hạ (thôn) 下村: x. Đồng Cách, tg. Thượng Đồng, h. Phong Doanh, pp. Nghĩa Hưng, t. ND 325
Hà Xá (xã) 何舍社: tg. An Đôn, h. Đăng Xương, đạo QT 1384	Hạ (thôn) 下村: x. Thuận An, tg. Đội Trạch, h. Vũ Tiên, p. Kiến Xương, t. ND 329
Hà Xá (phường) 何舍坊: tg. Mai Lộc, h. Thành Hóa, đạo QT 1393	Hạ Am (tổng) 下庵總: h. Vĩnh Lại, p. Ninh Giang, t. HD 124
Hà Xá (phường) 河舍坊: tg. Đại Đồng, h. Thạch Thất, p. Quốc Oai, t. ST 924	Hạ Am (xã) 下庵社: tg. Hạ Am, h. Vĩnh Lại, p. Ninh Giang, t. HD 124
Hà Xá (xã) 何舍社: tg. Phao Thanh, h. Thanh Ba, p. Lâm Thao, t. ST 948	Hạ Bái (xã) 下沛社: tg. Thượng Bái, h. Diên Hà, p. Tiên Hưng, t. HY 267
Hà Xá (xã) 河舍社: tg. Đan Nê, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1109	Hạ Bằng La (xã) 下憑羅社: tg. Đại Lịch, h. Văn Chấn, p. Quy Hóa, t. HH ... 725
Hà Xá (xã) 河舍社: tg. Lôi Dương, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1144	Hạ Bi (phường) 下邳坊: x. Lân Cường, tg. Hương Tảo, h. Việt Yên, p. Lạng Giang, t. BN 534
Hà Xá (xã) 河舍社: tg. Trinch Tiết, h. Hoài An, p. Ứng Hòa, t. HN 34	Hạ Bi (tổng) 下邳總: h. Bát Bạt, p. Quảng Oai, t. ST 915
Hà Xá (xã) 何舍社: tg. Ngọc Cục, h. Đường An, p. Bình Giang, t. HD 92	Hạ Bi (xã) 下邳社: tg. Hạ Bi, h. Bát Bạt, p. Quảng Oai, t. ST 915
Hà Xá (xã) 何舍社: tg. Thanh Triều, h. Hưng Nhân, p. Tiên Hưng, t. HY 268	Hạ Bi (xã) 下邳社: tg. Kim Bôi, h. Mỹ Lương, p. Quốc Oai, t. ST 926
Hạ (thôn) 下村: x. Tiên Yên, tg. Diên Mậu, h. Yên Khánh, p. Yên Khánh, t. NB 1021	Hạ Bi (xã) 下邳社: tg. Lôi Khê, h. Đường An, p. Bình Giang, t. HD 93
Hạ (thôn) 下村: x. An Dũng, tg. Yên Trường, h. Chân Lộc, p. Anh Sơn, t. NA ... 1246	Hạ Bi (xã) 下邳社: tg. Phương Duy, h. Gia Lộc, p. Ninh Giang, t. HD 130
Hạ (thôn) 下村: tg. Thiết Sơn, h. Yên Dũng, p. Lạng Giang, t. BN 534	Hạ Bổng (xã) 下蓬社: tg. Thượng Bổng, h. Hưong Sơn, p. Đức Thọ, t. NA .. 1259
Hạ (thôn) 下村: x. Lịch Dương, tg. Lịch Dương, h. Yên Khánh, p. Yên Khánh, t. NB 1020	Hạ Cát (xã) 夏葛社: tg. Cát Dương, h. Phù Cừ, p. Khoái Châu, t. HY 256
Hạ (thôn) 下村: x. Yên Liêu, tg. Yên Liêu, h. Yên Khánh, p. Yên Khánh, t. NB .. 1021	Hạ Cầu (xã) 下駒社: tg. Đầu Kiên, h. Kim Thành, p. Kiến Thụy, t. HD 148
	Hạ Chiếu (tổng) 下照總: h. Đông Triều, p. Kinh Môn, t. HD 165

Hạ Chiếu (xã) 下照社: tg.Hạ Chiếu,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165	Hạ Nam (xã) 下南社: tg.Lục Nông,h.Quảng Uyên,p.Trùng Khánh,t.CB ... 675
Hạ Cổ (tổng) 下古總: h.Ân Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256	Hạ Nậu (xã) 夏耨社: tg.Miêu Duệ,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 935
Hạ Côi (xã) 下塊社: tg.Thượng Côi,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162	Hạ Nậu (xã) 下耨社: tg.Dị Nậu,h.Tam Nông,p.Gia Hưng,t.HH 709
Hạ Dã (xã) 下野社: tg.Thượng Dã,h.Đa Phúc,p.Đa Phúc,t.BN 521	Hạ Nhất (tổng) 下壹總: h.Thạch Hà,đạo HT 1319
Hạ Dục (xã) 下浴社: tg.Hoàng Xá,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31	Hạ Nhị (tổng) 下貳總: h.Thạch Hà,đạo HT 1319
Hạ Dương (tổng) 夏陽總: h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 491	Hạ Nông (xã) 下農社: tg.Thượng Nông,h.Tam Nông,p.Gia Hưng,t.HH ... 709
Hạ Dương (xã) 夏陽社: tg.Hạ Dương,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 491	Hạ Pha (xã) 下坡社: tg.Thượng Pha,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 664
Hạ Đạo (xã) 下道社: tg.Bình Hòa,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 932	Hạ Phan (xã) 下潘社: tg.Sơn Bình,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 932
Hạ Đạt (xã) 下達社: tg.Thượng Vụ,h.Phổ Yên,p.Phú Bình,t.TN 796	Hạ Phán (xã) 下泮社: tg.Đồng Chân,h.Quỳnh Côi,pp.Thái Bình,t.NĐ 348
Hạ Đình (thôn) 下亭村: tg.Khuông Đình,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN ... 19	Hạ Phù (thôn) 下扶村: tg.Nam Kim,h.Thanh Chương,p.Anh Sơn,t.NA ... 1239
Hạ Đoàn (tổng) 下段總: h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 152	Hạ Quan (tổng) 下關總: h.Cẩm Hòa,p.Thông Hóa,t.TN 816
Hạ Đoàn (xã) 下段社: tg.Hạ Đoàn,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 152	Hạ Quan (xã) 下關社: tg.Hạ Quan,h.Cẩm Hòa,p.Thông Hóa,t.TN 816
Hạ Đỗ (xã) 下杜社: tg.Hà Nhuận,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 148	Hạ Suu (tổng) 下腹總: h.Nghĩa Đường,p.Quý Châu,t.NA 1275
Hạ Đồng (thôn) 下同村: tg.Thần Lộ,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ ... 312	Hạ Suu (sách) 下腹冊: tg.Hạ Suu,h.Nghĩa Đường,p.Quý Châu,t.NA 1275
Hạ Đồng (thôn) 下同村: tg.Ngọc Giả,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ ... 312	Hạ Tầm (xã) 下尋社: tg.Thượng Tầm,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 341
Hạ Động (tổng) 下洞總: h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 338	Hạ Tập (xã) 下輯社: tg.Yên Định,h.Thuy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343
Hạ Động (xã) 下洞社: tg.Hạ Động,h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 338	Hạ Thái (xã) 賀泰社: tg.Ninh Xá,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 20
Hạ Đường (ấp) 下堂邑: tg.Tâm Linh,h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Hạ Tốn (xã) 下巽社: tg.Đa Tốn,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN 515
Hạ Hiệp (tổng) 下協總: h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 919	Hạ Trang (xã) 下莊社: tg.Quan Trang,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 148
Hạ Hiệp (xã) 下協社: tg.Hạ Hiệp,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 919	Hạ Trì (tổng) 下池總: h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8
Hạ Hiệu (tổng) 下效總: ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN 819	Hạ Trì (xã) 下池社: tg.Hạ Trì,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8
Hạ Hiệu (xã) 下效社: tg.Hạ Hiệu,ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN 819	Hạ Tứ (thôn) 下泗村: x.Bùi Xá,tg.Yên Hồ,h.La Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1255
Hạ Hòa (thôn) 下和村: tg.Bất Lạm,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 920	Hạ Vấn (xã) 下問社: tg.Niêm Sơn,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537
Hạ Hòa (huyện) 夏和縣: p.Lâm Thao,t.ST 949	Hạ Vĩnh (tổng) 夏永總: h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113
Hạ Hoàng (tổng) 下黃總: h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957	Hạ Vĩnh (xã) 夏永社: tg.Hạ Vĩnh,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113
Hạ Hoàng (xã) 下黃社: tg.Hạ Hoàng,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957	Hạ Vụ (xã) 下務社: tg.Vạn Phái,h.Phổ Yên,p.Phú Bình,t.TN 797
Hạ Hội (xã) 下會社: tg.Tây Tựu,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 9	Hạ Xá (thôn) 夏舍村: x.Đào Dương,tg.Phú Lão,h.Vụ Bản, p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319
Hạ Ích (tổng) 下益總: h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 932	Hạ Xuyết (xã) 下綴社: tg.Đồng Vệ,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930
Hạ Ích (xã) 下益社: tg.Hạ Ích,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 932	Hạ Yên (xã) 下安社: tg.Thanh La,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 960
Hạ Kết (xã) 下結社: tg.Thượng Kết,h.Phổ Yên,p.Phú Bình,t.TN 796	Hạ Yên Quyết (xã) 下安決社: tg.Dịch Vọng,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN .. 7
Hạ Khê (thôn) 賀溪村: x.Hương Cái,tg.Hải Đông,h.Hưng Nguyên, p.Anh Sơn,t.NA 1243	Hạ Yến (thôn) 下燕村: x.Phù Lưu,tg.Phù Lưu,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269
Hạ Khuông (xã) 下匡社: tg.Phúc Cầu,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 93	Hạc Bổng (xã) 鶴俸社: tg.Ngọc Chấn,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 317
Hạ Kỳ (xã) 下奇社: tg.Thượng Kỳ,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316	Hạc Cao (xã) 鶴泉社: tg.Quan Hoàng,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH . 1139
Hạ Lãm (tổng) 下攬總: h.Văn Lãng,p.Tông Hóa,t.TN 809	Hạc Châu (xã) 鶴洲社: tg.Đội Trạch,h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ 329
Hạ Lãm (xã) 下攬社: tg.Hạ Lãm,h.Văn Lãng,p.Tông Hóa,t.TN 809	Hạc Đình (xã) 鶴亭社: tg.Nghĩa Yên,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930
Hạ Lang (tổng) 賀郎總: h.Quảng Điện,p.TT..... 1427	Hạc Lâm (xã) 鶴林社: tg.Mai Đình,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522
Hạ Lang (xã) 賀郎社: tg.Hạ Lang,h.Quảng Điện,p.TT 1427	Hạc Linh (xã) 鶴齡社: tg.Cao Xá,h.Đồng Thành,p.Diễn Châu,t.NA 1249
Hạ Lang (huyện) 下琅縣: p.Trùng Khánh,t.CB 676	Hạc Lương (xã) 鶴梁社: tg.Đội Trạch,h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ 329
Hạ Lao (xã) 下牢社: tg.Cổ Nông,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 311	Hạc Ngang (xã) 鶴昂社: tg.Hoành Đường,h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343
Hạ Lễ (xã) 夏禮社: tg.Nhân Vũ,h.Ân Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256	Hạc Sơn (xã) 鶴山社: tg.Phú Xuyên,h.Tiên Phong,p.Quảng Oai,t.ST 909
Hạ Liệt (xã) 下烈社: tg.Thượng Liệt,h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 339	Hải (thôn) 海村: x.Lương Niệm,tg.Cung Thượng,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1120
Hạ Linh (xã) 下齡社: tg.Thủy Nhai,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304	Hải An (xã) 海安社: tg.Tang Giá,h.Quỳnh Côi,pp.Thái Bình,t.NĐ 348
Hạ Long (xã) 下龍社: tg.Thượng Long,h.Yên Lập,p.Quý Hóa,t.HH 729	Hải Án (thôn) 海晏村: x.Thứ Nhất,tg.Hàng Vi,h.Hoàng Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1089
Hạ Lộ (xã) 下路社: tg.Phù Nham,h.Văn Chấn,p.Quý Hóa,t.HH 725	Hải Bối (tổng) 海貝總: h.Yên Lãng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 939
Hạ Lôi (xã) 夏雷社: tg.Cần Kiệm,h.Thạch Thất,p.Quốc Oai,t.ST 924	Hải Bối (xã) 海貝社: tg.Hải Bối,h.Yên Lãng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 939
Hạ Lôi (tổng) 夏雷總: h.Yên Lãng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938	Hải Cát (xã) 海葛社: tg.Long Hồ,h.Hương Trà,p.TT..... 1418
Hạ Lôi (xã) 夏雷社: tg.Hạ Lôi,h.Yên Lãng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938	Hải Châu (xã) 海洲社: tg.Liên Trì,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1114
Hạ Lỗi (thôn) 下磊村: h.Thạch Hà,đạo HT 1321	Hải Chủ (xã) 海渚社: tg.Xuân Hoà,h.Minh Linh,đạo QT 1390
Hạ Lũng (xã) 下隴社: tg.Lương Xâm,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151	Hải Côn (xã) 海崑社: tg.Đặng Xá,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246
Hạ Lũng (xã) 下隴社: tg.Vĩnh Dật,ch.Văn Uyên,p.Tràng Định,t.LS 610	Hải Dương (tỉnh) 海陽省: 81
Hạ Lý (xã) 下里社: tg.Da Viên,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151	Hải Đô (xã) 海都社: tg.Đồng Hồ,h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 339
Hạ Mạo (tổng) 下冒總: h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 945	Hải Đô (tổng) 海都總: h.Hung Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA 1243
Hạ Mạo (xã) 下冒社: tg.Hạ Mạo,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 945	Hải Đô (xã) 海都社: tg.Hải Đô,h.Hung Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA 1243
Hạ Miêu (xã) 下苗社: tg.Cát Xuyên,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304	Hải Hộ (xã) 海戶社: tg.Đại Diện,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113
Hạ Mỗ (xã) 下姥社: tg.Thượng Hội,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 9	
Hạ Mộ Công (xã) 下募功社: tg.Bí Giang,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 166	

Hải Huyết Bán (*trang*) 海穴半庄: tg. Hoành Nha, h. Giao Thủy, p. Xuân Trường, t. ND 304

Hải Lăng (*xã*) 海浪社: tg. Hà Thanh, ch. Vạn Ninh, p. Hải Ninh, t. QY 437

Hải Lăng (*động*) 海浪峒: tg. Hà Thanh, ch. Vạn Ninh, p. Hải Ninh, t. QY 437

Hải Lăng (*tổng*) 海浪總: h. Đại An, p. Nghĩa Hưng, t. ND 316

Hải Lăng (*trang*) 海浪庄: tg. Hải Lăng, h. Đại An, p. Nghĩa Hưng, t. ND 316

Hải Lăng (*xã*) 海浪社: tg. Hải Lăng, h. Đại An, p. Nghĩa Hưng, t. ND 316

Hải Lăng (*huyện*) 海陵縣: đạo QT 1385

Hải Lỗ (*thôn*) 海醴村: tg. Hoàng Mai, h. Quỳnh Lưu, p. Diễn Châu, t. NA 1253

Hải Lịch (*xã*) 海曆社: tg. Diên Hào, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1146

Hải Lộ (*xã*) 海路社: tg. Thần Lộ, h. Chân Ninh, p. Xuân Trường, t. ND 312

Hải Lưu (*xã*) 海榴社: tg. Bạch Lưu, h. Lập Thạch, p. Vĩnh Tường, t. ST 933

Hải Nạp (*xã*) 海納社: tg. Đàm Khánh, h. Yên Mô, p. Yên Khánh, t. NB 1025

Hải Nham (*xã*) 海岩社: tg. Lạn Khê, h. Yên Mô, p. Yên Khánh, t. NB 1025

Hải Ninh (*phủ*) 海寧府: t. QY 423

Hải Ninh (*xã*) 海寧社: tg. Phù Tài, h. Kim Thành, p. Kiến Thụy, t. HD 147

Hải Quật (*tổng*) 海窟總: h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1110

Hải Quật (*xã*) 海窟社: tg. Hải Quật, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1110

Hải Thanh (*xã*) 海清社: tg. La Văn, h. Hưng Nguyên, p. Anh Sơn, t. NA 1243

Hải Trạch (*xã*) 海澤社: tg. Diên Hào, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1146

Hải Triều (*xã*) 海潮社: tg. Thanh Triều, h. Hưng Nhân, p. Tiên Hưng, t. HY 268

Hải Trình (*xã*) 海程社: tg. Mậu Tài, h. Phú Vang, p. TT 1420

Hải Yến (*xã*) 海晏社: tg. Đặng Xá, h. Chân Lộc, p. Anh Sơn, t. NA 1246

Hải Yến (*xã*) 海晏社: tg. Hà Nam, h. Yên Hưng, p. Sơn Định, t. QY 413

Hải Yến (*xã*) 海晏社: tg. Lưu Vệ, h. Quảng Xương, p. Tĩnh Gia, t. TH 1121

Hải Yến (*tổng*) 海晏總: h. Tiên Lữ, p. Tiên Hưng, t. HY 271

Hải Yến (*xã*) 海晏社: tg. Hải Yến, h. Tiên Lữ, p. Tiên Hưng, t. HY 271

Hải Yến (*xã*) 海晏社: tg. Cao Lâu, ch. Lộc Bình, p. Tràng Khánh, t. LS 621

Hàm Anh (*xã*) 含英社: tg. Phù Lưu, h. Can Lộc, p. Đức Thọ, t. NA 1269

Hàm Ân (*giáp*) 含恩甲: tg. Quy Hậu, h. Kim Sơn, p. Yên Khánh, t. NB 1033

Hàm Cách (*xã*) 咸格社: tg. Hà Lộ, h. Tứ Kỳ, p. Ninh Giang, t. HD 134

Hàm Dương (*xã*) 咸陽社: tg. Ngải Am, h. Vĩnh Bảo, p. Ninh Giang, t. HD 127

Hàm Hạ (*xã*) 函夏社: tg. Thanh Khê, h. Đông Sơn, p. Thiệu Hóa, t. TH 1105

Hàm Hy (*xã*) 咸熙社: tg. An Đường, h. Tứ Kỳ, p. Ninh Giang, t. HD 134

Hàm Hoà (*xã*) 咸和社: tg. Hồ Xá, h. Minh Linh, đạo QT 1390

Hàm Khánh (*thôn*) 含慶村: tg. Thanh Nhân, h. Thọ Xương, p. Hoài Đức, t. HN 13

Hàm Lạc (*xã*) 咸樂社: tg. Cẩn Doanh, h. Bảo Lộc, p. Lạng Giang, t. BN 531

Hàm Lâm (*xã*) 咸臨社: tg. Bích Triều, h. Thanh Chương, p. Anh Sơn, t. NA 1238

Hàm Lô (*xã*) 咸墟社: tg. Tam Lô, ch. Lương Chánh, p. Thọ Xuân, t. TH 1150

Hàm Nhược (*xã*) 咸若社: tg. Vũ Xá, h. Phong Lộc, p. Quảng Ninh, t. QB 1345

Hàm Phu (*trại*) 咸孚寨: tg. Chất Thành, h. Kim Sơn, p. Yên Khánh, t. NB 1033

Hàm Tử (*xã*) 鹹子社: tg. Yên Vĩnh, h. Đông Yên, p. Khoái Châu, t. HY 252

Hàm Yên (*huyện*) 咸安縣: p. An Bình, t. TQ 859

Hàm Yên (*xã*) 咸安社: tg. Tượng Yên, h. Thạch An, p. Hòa An, t. CB 663

Hanh Cù (*xã*) 亨衢社: tg. Trương Xá, h. Cẩm Khê, p. Lâm Thao, t. ST 947

Hanh Cù (*xã*) 亨衢社: tg. Thanh Cù, h. Thanh Ba, p. Lâm Thao, t. ST 948

Hanh Cù (*xã*) 亨衢社: tg. Thạch Giản, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1086

Hanh Gia (*xã*) 亨嘉社: tg. Đò Bái, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1087

Hanh Gia (*thôn*) 亨嘉村: x. Hanh Gia, tg. Đò Bái, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1087

Hanh Lợi (*trại*) 亨利寨: tg. Bọt Xuyên, h. Chương Đức, p. Ứng Hòa, t. HN 31

Hanh Thông (*ấp*) 亨通邑: tg. Tân Bôi, h. Tiến Hải, p. Kiến Xương, t. ND 335

Hàn (*thôn*) 韓村: x. Hiên Môn, tg. Vụ Bản, h. Vụ Bản, p. Nghĩa Hưng, t. ND 319

Hàn Giang (*tổng*) 邯江總: h. Cẩm Giang, p. Bình Giang, t. HD 98

Hàn Giang (*xã*) 邯江社: tg. Hàn Giang, h. Cẩm Giang, p. Bình Giang, t. HD 98

Hàn Lạc (*xã*) 韓樂社: tg. Kim Sơn, h. Gia Lâm, pp. Thuận Thành, t. BN 515

Hàn Lâm (*xã*) 翰林社: tg. Đoàn Lâm, h. Gia Lộc, p. Ninh Giang, t. HD 131

Hàn Mặc (*xã*) 翰墨社: tg. Cổ Viễn, h. Thượng Nguyên, p. Xuân Trường, t. ND 309

Hàn Miếu Ngoại (*trang*) 韓廟外庄: tg. Ngũ Trang, h. Mỹ Lộc, p. Xuân Trường, t. ND 307

Hàn Thượng (*xã*) 邯上社: tg. Hàn Giang, h. Cẩm Giang, p. Bình Giang, t. HD 98

Hàn Trung (*xã*) 邯中社: tg. Đan Trường, h. Cẩm Giang, p. Bình Giang, t. HD 98

Hàn Xuyên (*xã*) 韓川社: tg. Văn Lang, h. Chân Ninh, p. Xuân Trường, t. ND 312

Hàng Khê (*xã*) 杭涇社: tg. Đông Khê, h. An Dương, p. Kiến Thụy, t. HD 151

Hàng Vi (*tổng*) 行葦總: h. Hoảng Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1089

Hàng Vi (*xã*) 行葦社: tg. Hàng Vi, h. Hoảng Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1089

Hành Dịch (*xã*) 行役社: tg. Văn Tập, h. Quế Phong, p. Quỳnh Châu, t. NA 1276

Hành Hà (*xã*) 行河社: tg. Hành Thiện, h. Giao Thủy, p. Xuân Trường, t. ND 304

Hành Lạc (*xã*) 行樂社: tg. Như Quỳnh, h. Gia Lâm, pp. Thuận Thành, t. BN 514

Hành Lu (*tổng*) 衡盧總: ch. Văn Uyên, p. Trảng Định, t. LS 610

Hành Lu (*xã*) 衡盧社: tg. Hành Lu, ch. Văn Uyên, p. Trảng Định, t. LS 610

Hành Nhân (*xã*) 行仁社: tg. Phú Lão, h. Vụ Bản, p. Nghĩa Hưng, t. ND 319

Hành Phổ (*tổng*) 衡普總: h. Phong Đăng, p. Quảng Ninh, t. QB 1347

Hành Phổ (*xã*) 衡普社: tg. Hành Phổ, h. Phong Đăng, p. Quảng Ninh, t. QB 1347

Hành Quán (*xã*) 行館社: tg. Tư Mại, h. Yên Dũng, p. Lạng Giang, t. BN 533

Hành Thiện (*tổng*) 行善總: h. Giao Thủy, p. Xuân Trường, t. ND 304

Hành Thiện (*xã*) 行善社: tg. Hành Thiện, h. Giao Thủy, p. Xuân Trường, t. ND 304

Hành Thiện (*ấp*) 行善邑: tg. Lạc Thiện, h. Giao Thủy, p. Xuân Trường, t. ND 305

Hán Đà (*xã*) 漢沱社: tg. Quảng Lâm, h. Quế Dương, p. Từ Sơn, t. BN 500

Hán Lý (*xã*) 漢里社: tg. Văn Hội, h. Vĩnh Lại, p. Ninh Giang, t. HD 124

Hán Nam (*tổng*) 漢南總: h. Tiên Minh, p. Nam Sách, t. HD 117

Hán Nam (*xã*) 漢南社: tg. Hán Nam, h. Tiên Minh, p. Nam Sách, t. HD 117

Hán Nữ (*xã*) 漢女社: tg. Quyết Trung, h. Tam Dương, p. Vĩnh Tường, t. ST 934

Hán Sải (*xã*) 漢蕞社: tg. Đại Thán, h. Tây Quan, p. Đoàn Hùng, t. ST 954

Hán Xuyên (*xã*) 漢川社: tg. Kim Lôi, h. Đông Triều, p. Kinh Môn, t. HD 165

Hạnh Đàn (*thôn*) 杏壇村: x. Lại Thượng, tg. Đại Đồng, h. Thạch Thất, p. Quốc Oai, t. ST 924

Hạnh Đàn (*thôn*) 杏壇村: tg. Tây Tựu, h. Từ Liêm, p. Hoài Đức, t. HN 9

Hạnh Khẩu (*xã*) 杏口社: tg. Đồng Phú, h. Thượng Nguyên, p. Xuân Trường, t. ND 309

Hạnh Lâm (*xã*) 杏林社: tg. Lý Trai, h. Đông Thành, p. Diễn Châu, t. NA 1249

Hạnh Lâm (*trại*) 杏林寨: tg. Phù Đạm, h. Kim Bảng, p. Lý Nhân, t. HN 38

Hạnh Lâm (*thôn*) 杏林村: x. Liên Xương, tg. Phú Lão, h. Vụ Bản, p. Nghĩa Hưng, t. ND 320

Hạnh Thị (*xã*) 杏市社: tg. Đại Phương Lang, h. An Lão, p. Kiến Thụy, t. HD 144

Hào (*thôn*) 豪村: x. Kênh Lũ, tg. Bình Cách, h. Đông Quan, p. Thái Bình, t. ND 339

Hào (*thôn*) 豪村: x. Hào Môn, tg. Liên Tri, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1114

Hào (*thôn*) 豪村: x. Sen Hố, tg. Liên Tri, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1114

Hào Châu (*xã*) 豪洲社: tg. Vũ Điện, h. Nam Xương, p. Lý Nhân, t. HN 45

Hào Gia (*xã*) 豪家社: tg. Bách Lãm, h. Trấn Yên, p. Quy Hóa, t. HH 726

Hào Khê (*xã*) 豪溪社: tg. Trực Cát, h. An Dương, p. Kiến Thụy, t. HD 151

Hào Kiệt (*tổng*) 豪傑總: h. Vụ Bản, p. Nghĩa Hưng, t. ND 319

Hào Kiệt (*xã*) 豪傑社: tg. Hào Kiệt, h. Vụ Bản, p. Nghĩa Hưng, t. ND 319

Hào Liên (*bản*) 豪蓮本: tg. Trình Cố, h. Trình Cố, t. TH 1152

Hào Lương (*thôn*) 豪梁村: tg. Quảng Thị, h. Thụy Nguyên, p. Thiệu Hóa, t. TH 1102

Hào Môn (*xã*) 豪門社: tg. Liên Tri, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1114

Hào Nhuế (*xã*) 清洩社: tg. Kênh Thanh, h. Tiên Minh, p. Nam Sách, t. HD 117

Hào Phú (*xã*) 豪富社: tg. Tam Di, h. Bảo Lộc, p. Lạng Giang, t. BN 531

Hào Sơn (*phường*) 豪山坊: tg. Thanh Viên, h. Quỳnh Lưu, p. Diễn Châu, t. NA 1252

Hào Tráng (*xã*) 豪壯社: tg. Đức Nhân, ch. Đà Bắc, p. Gia Hưng, t. HH 719

Hào Vĩnh (<i>thôn</i>) 豪詠村: x.Yên Mỹ,tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1116	Hiền Lương (<i>tổng</i>) 賢良總: h.Phong Điền,p.TT 1428
Hào Xá (<i>xã</i>) 豪舍社: tg.Hương Đại,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113	Hiền Lương (<i>xã</i>) 賢良社: tg.Hiền Lương,h.Phong Điền,p.TT 1428
Hảo Hiệp (<i>xã</i>) 好協社: tg.Hạ Hiệp,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 919	Hiền Lương (<i>tổng</i>) 賢良總: ch.Đà Bắc,p.Gia Hưng,t.HH 719
Hảo Hội (<i>xã</i>) 好會社: tg.Lai Cách,h.Cẩm Giang,p.Bình Giang,t.HD 98	Hiền Lương (<i>xã</i>) 賢良社: tg.Hiền Lương,ch.Đà Bắc,p.Gia Hưng,t.HH 719
Hảo Sơn (<i>phường</i>) 好山坊: tg.Bái Ân,h.Thành Hoá,đạo QT 1393	Hiền Lương (<i>xã</i>) 賢良社: tg.Cổ Bái,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525
Hát Môn (<i>xã</i>) 喝門社: tg.Phù Long,h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST 913	Hiền Quan (<i>xã</i>) 賢關社: tg.Vô Hốt,h.Yên Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1042
Hạt Đậu (<i>bản</i>) 曷豆本: tg.Trình Cốt,h.Trình Cốt,t.TH 1152	Hiền Quan (<i>tổng</i>) 賢關總: h.Tam Nông,p.Gia Hưng,t.HH 709
Hạt Xuân (<i>bản</i>) 曷春本: tg.Trình Cốt,h.Trình Cốt,t.TH 1152	Hiền Quan (<i>xã</i>) 賢關社: tg.Hiền Quan,h.Tam Nông,p.Gia Hưng,t.HH 709
Hậu (<i>thôn</i>) 後村: tg.Văn Lâm,h.La Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1255	Hiền Sĩ (<i>xã</i>) 賢士社: tg.Phù Ninh,h.Phong Điền,p.TT 1428
Hậu (<i>giáp</i>) 後甲: x.Bích La,tg.Bích La,h.Đăng Xương,đạo QT 1383	Hiền Võng (<i>xã</i>) 賢網社: tg.Lại Xá,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113
Hậu (<i>thôn</i>) 厚村: x.Bạch Cầu,tg.Thạch Giản,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086	Hiền Dương (<i>xã</i>) 顯揚社: tg.Hòa Đàm,h.Cẩm Giang,p.Bình Giang,t.HD .. 97
Hậu (<i>thôn</i>) 厚村: x.Yên Phụ,tg.Hương La,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497	Hiền Khánh (<i>tổng</i>) 顯慶總: h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 320
Hậu (<i>thôn</i>) 厚村: x.Sen Hố,tg.Liên Trì,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1114	Hiền Khánh (<i>xã</i>) 顯慶社: tg.Hiền Khánh,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ .. 320
Hậu (<i>thôn</i>) 厚村: x.Yên Thái,tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1115	Hiền Lễ (<i>tổng</i>) 顯禮總: h.Bình Xuyên,p.Phú Bình,t.TN 800
Hậu (<i>thôn</i>) 後村: x.Vĩnh Đồng,tg.Tạ Xá,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 260	Hiền Lễ (<i>xã</i>) 顯禮社: tg.Hiền Lễ,h.Bình Xuyên,p.Phú Bình,t.TN 800
Hậu Am (<i>xã</i>) 後庵社: tg.Thượng Am,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126	Hiền Lộc (<i>xã</i>) 顯祿社: tg.Trung Quán,h.Phong Lộc,p.Quảng Ninh,t.QB 1345
Hậu Áng (<i>thôn</i>) 厚盎村: x.Từ Ty Tĩnh Mỹ,tg.Lạc Thiện,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1125	Hiền Môn (<i>xã</i>) 顯門社: tg.Vụ Bản,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319
Hậu Bồi (<i>xã</i>) 厚培社: tg.Đệ Nhất,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 307	Hiền Sơn (<i>phường</i>) 顯山坊: tg.Hà Bạc,h.Bố Trạch,p.Quảng Trạch,t.QB 1358
Hậu Bổng (<i>xã</i>) 厚俸社: tg.Vô Hốt,h.Yên Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1042	Hiền Vinh (<i>xã</i>) 顯榮社: tg.Trung Quán,h.Phong Lộc,p.Quảng Ninh,t.QB 1345
Hậu Bổng (<i>tổng</i>) 厚俸總: h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 131	Hiền Vinh (<i>thôn</i>) 顯榮村: x.Yên Cừ,tg.Liên Cừ,h.Hậu Lộc, p.Hà Trung,t.TH 1097
Hậu Bổng (<i>xã</i>) 厚俸社: tg.Hậu Bổng,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 131	Hiến Lăng (<i>xã</i>) 憲朗社: tg.Đại Đồng,h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA 1236
Hậu Cơ (<i>tổng</i>) 厚基總: ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 440	Hiến Nạp (<i>xã</i>) 獻納社: tg.Yên Xá,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267
Hậu Dưỡng (<i>xã</i>) 厚養社: tg.Đa Lộc,h.Yên Lăng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938	Hiệp Hạ (<i>xã</i>) 協下社: tg.Sơn Trang,ch.Ôn,p.Tràng Khánh,t.LS 616
Hậu Đại (<i>thôn</i>) 厚大村: x.Hào Môn,tg.Liên Trì,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1114	Hiệp Hòa (<i>xã</i>) 洽和社: tg.Vân Tụ,h.Đồng Thành,p.Diễn Châu,t.NA 1249
Hậu Kiên (<i>xã</i>) 後堅社: tg.Bích La,h.Đăng Xương,đạo QT 1384	Hiệp Hòa (<i>huyện</i>) 洽和縣: p.Đa Phúc,t.BN 522
Hậu Lô (<i>xã</i>) 厚墟社: tg.Tam Lô,ch.Lương Chánh,p.Thọ Xuân,t.TH 1150	Hiệp Khẩu (<i>xã</i>) 峽口社: tg.Yên Mỹ,h.Hoành Bó,p.Sơn Định,t.QY 405
Hậu Lộc (<i>xã</i>) 厚祿社: tg.Lũ Đăng,h.Bình Chính,p.Quảng Trạch,t.QB 1353	Hiệp Lễ (<i>xã</i>) 協禮社: tg.Bát Bế,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 123
Hậu Lộc (<i>xã</i>) 厚祿社: tg.Cự Đình,h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST 913	Hiệp Lộc (<i>xã</i>) 協祿社: tg.Hạ Hiệp,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 919
Hậu Lộc (<i>xã</i>) 厚祿社: tg.Chu Hóa,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944	Hiệp Luật (<i>xã</i>) 協律社: tg.Bái Dương,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ . 310
Hậu Lộc (<i>huyện</i>) 厚祿縣: p.Hà Trung,t.TH 1096	Hiệp Lũng (<i>xã</i>) 協隴社: tg.Thượng Hiệp,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 919
Hậu Phong (<i>thôn</i>) 厚豐村: x.Vạn Linh,tg.Thái Lai,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1121	Hiệp Môn (<i>xã</i>) 峽門社: tg.Yên Lũng,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 860
Hậu Quan (<i>xã</i>) 後關社: tg.Kiệt Đặc,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106	Hiệp Phù (<i>xã</i>) 協扶社: tg.Hạ Dương,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 491
Hậu Tải (<i>xã</i>) 厚載社: tg.Vĩ Sĩ,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333	Hiệp Thuận (<i>xã</i>) 協順社: tg.Hạ Hiệp,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 919
Hậu Thạch (<i>thôn</i>) 厚石村: x.Hào Môn,tg.Liên Trì,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1114	Hiếu (<i>thôn</i>) 好村: x.Lạc Nghiệp,tg.Lạc Nghiệp,h.Thanh Lâm, p.Nam Sách,t.HD 111
Hậu Trạch (<i>thôn</i>) 厚澤村: tg.Hữu Bằng,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA . 1259	Hiếu Dụ (<i>động</i>) 孝裕峒: tg.Bác Lăng,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 440
Hậu Trạch (<i>thôn</i>) 厚澤村: x.Thạch Giản,tg.Thạch Giản,h.Nga Sơn, p.Hà Trung,t.TH 1086	Hiếu Đức (<i>giáp</i>) 好德甲: tg.Cam Đường,h.Thành Hoá,đạo QT 1393
Hậu Trữ (<i>xã</i>) 厚貯社: tg.Hóa Tài,h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 339	Hiếu Giang (<i>tuần</i>) 孝江巡: tg.Ô Giang,h.Thành Hoá,đạo QT 1395
Hậu Vệ (<i>thôn</i>) 後衛村: x.Quang Tiến,tg.Thái Lai,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1121	Hiếu Hiến (<i>thôn</i>) 好賢村: x.Hải Châu,tg.Liên Trì,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1114
Hào Xá (<i>xã</i>) 豪舍社: tg.Dị Chế,h.Tiên Lữ,p.Tiên Hưng,t.HY 271	Hiếu Kiệm (<i>tổng</i>) 孝儉總: h.Kỳ Sơn,p.Tương Dương,t.NA 1273
Hệ (<i>thôn</i>) 係村: x.Tang Thác,tg.Tang Thác,h.Tiên Phong,p.Quảng Oai,t.ST 909	Hiếu Kiệm (<i>xã</i>) 孝儉社: tg.Hiếu Kiệm,h.Kỳ Sơn,p.Tương Dương,t.NA .. 1273
Hỉ Du (<i>xã</i>) 嬉遊社: tg.Vĩnh Trì,h.Hương Trà,p.TT 1419	Hiếu Lễ (<i>xã</i>) 好禮社: tg.Mạn Lạn,h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948
Hiên (<i>bản</i>) 軒本: tg.Trình Cốt,h.Trình Cốt,t.TH 1152	Hiếu Lễ (<i>xã</i>) 好禮社: tg.Lãng Yên,h.Thượng Lang,p.Trùng Khánh,t.CB .. 672
Hiên Đường (<i>xã</i>) 軒堂社: tg.Khắc Niệm,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494	Hiếu Lễ (<i>xã</i>) 好禮社: tg.Cao Lâu,ch.Lộc Bình,p.Tràng Khánh,t.LS 621
Hiên Khôn (<i>bản</i>) 軒坤本: tg.Chấp Yết,h.Trình Cốt,t.TH 1152	Hiếu Nghĩa (<i>trại</i>) 好義寨: tg.Quy Hậu,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1033
Hiển Đa (<i>xã</i>) 賢多社: tg.Trương Xá,h.Cẩm Khê,p.Lâm Thao,t.ST 947	Hiếu Nghĩa (<i>xã</i>) 好義社: tg.Lạc Thành,h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1039
Hiển Hào (<i>thôn</i>) 賢豪村: x.Diễn Hào,tg.Diễn Hào,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1146	Hiếu Nghĩa (<i>xã</i>) 好義社: tg.Côn Minh,ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN 819
Hiển Liêu (<i>xã</i>) 賢僚社: tg.Tiên Phong,ch.Ninh Biên,p.Điện Biên,t.HH 738	Hiếu Thiện (<i>xã</i>) 好善社: tg.Bống Hải,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB . 1021
Hiển Lương (<i>xã</i>) 賢良社: tg.An Dã,h.Đăng Xương,đạo QT 1384	Hiếu Trại (<i>xã</i>) 孝齋社: ch.Sơn La,p.Gia Hưng,t.HH 714
Hiển Lương (<i>xã</i>) 賢良社: tg.Động Lâm,h.Hà Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950	Hiệu Lũng (<i>xã</i>) 校隴社: tg.Yên Lạc,h.Phụng Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1037
	Hiệu Lực (<i>xã</i>) 效力社: tg.Mỹ Khê,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST 911
	Hiệu Mỹ (<i>thôn</i>) 校美村: x.Nghĩa Liệt,tg.Phù Long,h.Hưng Nguyên, p.Anh Sơn,t.NA 1242
	Hiệu Thuận (<i>xã</i>) 效順社: h.Kỳ Anh,đạo HT 1327
	Hiệu Trân (<i>xã</i>) 效珍社: tg.Yên Tăng,h.Đa Phúc,p.Đa Phúc,t.BN 521

Hiệu Vũ (tổng) 效武總: h.Hung Nhân,p.Tiên Hưng,t.HY 268	Hòa Luật (xã) 和律社: tg.Hòa Luật,h.Thạch Thành,p.Quảng Hóa,t.TH . 1135
Hiệu Vũ (xã) 效武社: tg.Hiệu Vũ,h.Hung Nhân,p.Tiên Hưng,t.HY 268	Hòa Luật (thôn) 和律村: h.Kỳ Anh,đạo HT 1326
Hình Hương (xã) 馨香社: tg.Lãnh Sơn,h.Hạ Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950	Hòa Lũng (xã) 和隴社: tg.Yên Lũng,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 860
Hòa (thôn) 和村: x.Thượng Hiệp,tg.Thượng Hiệp,h.Yên Sơn, p.Quốc Oai,t.ST 919	Hòa Lương (xã) 和良社: tg.Vân Trinh,h.Hưng Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA 1243
Hòa (thôn) 和村: x.Bái Trạch,tg.Hiệu Vũ,h.Hung Nhân,p.Tiên Hưng,t.HY .. 268	Hòa Mã (thôn) 和馬村: tg.Kim Liên,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12
Hòa An (xã) 和安社: tg.Thọ Xương,h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN 531	Hòa Mạc (xã) 和幕社: tg.Trác Bút,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45
Hòa An (thôn) 和安村: x.Mỹ Hòa,tg.Đồng Công,h.Hương Sơn, p.Đức Thọ,t.NA 1259	Hòa Mục (xã) 和睦社: tg.Mục Sơn,h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN 540
Hòa An (xã) 和安社: tg.Mậu Tài,h.Phú Vang,p.TT 1420	Hòa Mục (xã) 和睦社: tg.Đã Cát,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926
Hòa An (ấp) 和安邑: tg.Điêm Trường,h.Phú Lộc,p.TT 1424	Hòa Mục (xã) 和睦社: tg.Ngọc Chúc,h.Hùng Quan,p.Đoan Hùng,t.ST ... 955
Hòa An (phủ) 和安府: t.CB 655	Hòa Mục (xã) 和睦社: tg.Nông Thượng,ch.Bạch Thông, p.Thông Hóa,t.TN 819
Hòa Bình (giáp) 和平甲: tg.Thuận Hoà,h.Bình Chính, p.Quảng Trạch,t.QB 1353	Hòa Mục (xã) 和睦社: tg.Phù Đồng,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659
Hòa Bình (sách) 和平冊: tg.Hoảng Nhuệ,h.Bất Bạt,p.Quảng Oai,t.ST 916	Hòa Mục (trang) 和睦庄: tg.Ngô Xá,h.Bình Lục,p.Lý Nhân,t.HN 43
Hòa Bình (xã) 和平社: tg.Nông Thượng,ch.Bạch Thông, p.Thông Hóa,t.TN 819	Hòa Mỹ (tổng) 禾美總: h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 21
Hòa Bình (ấp) 和平邑: tg.Lương Diên,h.Phú Lộc,p.TT 1424	Hòa Mỹ (xã) 禾美社: tg.Hòa Mỹ,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 21
Hòa Bình (tổng) 和平總: h.Văn Giang,pp.Thuận Thành,t.BN 517	Hòa Nhu (thôn) 和柔村: x.Mỹ Xá,tg.Khoá Nhu,h.Đồng Yên, p.Khoái Châu,t.HY 253
Hòa Bình (xã) 和平社: tg.Hòa Bình,h.Văn Giang,pp.Thuận Thành,t.BN . 517	Hòa Nhuệ (xã) 和銳社: tg.Chân Lại,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134
Hòa Chúng (thôn) 和眾村: x.Cung Thượng,tg.Cung Thượng,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1120	Hòa Nhuyễn (xã) 和軟社: tg.Hóa Nhân,ch.Văn Uyên, p.Tràng Định,t.LS 611
Hòa Chủr (xã) 和渚社: tg.Phương Chủr,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144	Hòa Niếu (xã) 和裊社: tg.Văn Hóa,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144
Hòa Cự (xã) 禾具社: tg.Thượng Đồng,h.Phong Doanh, pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 325	Hòa Ninh (thôn) 和寧村: tg.Thuận Thị,h.Minh Chính, p.Quảng Trạch,t.QB 1355
Hòa Cư (xã) 和居社: tg.Trừ Trí,ch.Thoát Lãng,p.Tràng Định,t.LS 608	Hòa Ninh (xã) 和寧社: tg.Nhượng Bạ,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659
Hòa Diên (thôn) 和延村: x.Đại Đồng,tg.Hàng Vi,h.Hoảng Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1090	Hòa Quân (xã) 和鈞社: tg.Vũ Liệt,h.Thanh Chương,p.Anh Sơn,t.NA 1239
Hòa Duyệt (xã) 和悅社: tg.Hương Khê,h.Hương Khê,p.Đức Thọ,t.NA .. 1262	Hòa Quân (xã) 和均社: tg.Đạm Thượng,h.Hạ Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950
Hòa Duyệt (trang) 和悅庄: tg.Hoàn Lão,h.Bố Trạch, p.Quảng Trạch,t.QB 1357	Hòa Quân (xã) 禾勻社: tg.Kế Mỹ,h.Phú Vang,p.TT 1420
Hòa Đa (xã) 禾多社: tg.Sư Lỗ,h.Phú Vang,p.TT 1420	Hòa Thuận (xã) 和順社: tg.Nam Bạ,h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1083
Hòa Đam (tổng) 和耽總: h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 97	Hòa Tranh (xã) 和瑋社: tg.Trầm Lộng,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26
Hòa Đam (xã) 和耽社: tg.Hòa Đam,h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 97	Hòa Triều (thôn) 和朝村: x.Cam Lộ,tg.Đồng Xá,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1124
Hòa ĐIếu (xã) 和調社: tg.An Cư,h.Đăng Xương,đạo QT 1384	Hòa Trung (xã) 和忠社: tg.Tiên Xá,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37
Hòa Đình (xã) 禾亭社: tg.Khắc Niệm,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494	Hòa Trường (xã) 禾場社: tg.Ngọc Đới,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1115
Hòa Đĩnh (trại) 和定寨: tg.Tân Khai,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ ... 305	Hòa Ung (xã) 和雍社: tg.Bất Bế,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 123
Hòa Đông (thôn) 禾東村: x.Gia Hòa,tg.Lạc Trĩ,h.Thạch Thất, p.Quốc Oai,t.ST 924	Hòa Viên (xã) 和院社: tg.Phù Trạch,h.Phong Điền,p.TT 1428
Hòa Đông (xã) 和同社: tg.Cao Dương,h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343	Hòa Xá (xã) 和舍社: tg.Thái Đường,h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN 33
Hòa Hợp (sách) 和合冊: tg.Lâm La,h.Nghĩa Đường,p.Quỳ Châu,t.NA .. 1275	Hòa Xuân (ấp) 和春邑: tg.Chính Lộc,h.Phong Điền,p.TT 1428
Hòa Hy (xã) 和熙社: tg.Đôn Lương,h.Nghiêu Phong,p.Sơn Định,t.QY 417	Hóa Dục (xã) 化育社: tg.Lạc Xuyên,h.Cẩm Xuyên,đạo HT 1323
Hòa Khê (xã) 和溪社: tg.Bạch Sam,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37	Hóa Hiệp (xã) 化洽社: tg.Yên Xá,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267
Hòa Lạc (xã) 和樂社: tg.Mỹ Lý,h.Kỳ Sơn,p.Tương Dương,t.NA 1273	Hóa Ngoại Ba Ngạn (bạn) 化外巴岸伴: tg.Mai Lộc,h.Thành Hoá, đạo QT 1394
Hòa Lạc (ấp) 和樂邑: tg.Quy Hậu,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1033	Hóa Nhân (tổng) 化仁總: ch.Văn Uyên,p.Tràng Định,t.LS 611
Hòa Lạc (xã) 和樂社: tg.Thuận Hoà,h.Bình Chính,p.Quảng Trạch,t.QB 1353	Hóa Nhân (xã) 化仁社: tg.Hóa Nhân,ch.Văn Uyên,p.Tràng Định,t.LS 611
Hòa Lạc (xã) 和樂社: tg.Thốc Sơn,h.Hữu Lũng,pp.Lạng Giang,t.BN 540	Hóa Quang (xã) 化琬社: tg.Bách Lãm,h.Trần Yên,p.Quy Hóa,t.HH 726
Hòa Lạc (thôn) 和樂村: tg.Hồ Xá,h.Minh Linh,đạo QT 1390	Hóa Tài (tổng) 貨財總: h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 339
Hòa Lạc (phố) 和樂埠: tg.Vạn Ninh,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 426	Hóa Tài (xã) 貨財社: tg.Hóa Tài,h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 339
Hòa Lạc (tổng) 和樂總: h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926	Hóa Thượng (tổng) 化上總: h.Động Hỷ,p.Phú Bình,t.TN 798
Hòa Lạc (xã) 和樂社: tg.Hòa Lạc,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926	Hóa Thượng (xã) 化上社: tg.Hóa Thượng,h.Động Hỷ,p.Phú Bình,t.TN .. 798
Hòa Lạc (xã) 和樂社: tg.Đồng Phú,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930	Hóa Trung (xã) 化中社: tg.Hóa Thượng,h.Động Hỷ,p.Phú Bình,t.TN 798
Hòa Lâm (xã) 禾林社: tg.Sơn Giao,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522	Hạ Đồng (thôn) 畫棟村: x.Bạch Sam,tg.Bạch Sam,h.Sơn Minh, p.Ứng Hòa,t.HN 26
Hòa Lễ (xã) 和禮社: tg.Trạc Nhật,h.Thạch Thành,p.Quảng Hóa,t.TH ... 1135	Hoạch (thôn) 獲村: x.Ngọc Hoạch,tg.Mật Vật,h.Thụy Nguyên, p.Thiệu Hóa,t.TH 1101
Hòa Lộc (thôn) 和祿村: tg.Nội Ngoại,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269	Hoạch (thôn) 獲村: x.Bái Trại,tg.Trịnh Xá,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH . 1109
Hòa Luật (xã) 和律社: tg.Thuỷ Liên,h.Lệ Thủy,p.Quảng Ninh,t.QB 1349	Hoạch Trạch (xã) 獲澤社: tg.Đường An,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD . 92
Hòa Luật (tổng) 和律總: h.Thạch Thành,p.Quảng Hóa,t.TH 1135	Hoài An (xã) 懷安社: tg.Liên Trì,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1114
	Hoài An (huyện) 懷安縣: p.Ứng Hòa,t.HN 33

Hoài Ân (xã) 懷恩社: tg.Lạc Thành,h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1039	Hoàng Hà (xã) 湟河社: tg.Quế Nham,h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN 540
Hoài Bảo (xã) 懷抱社: tg.Nội Duệ,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494	Hoàng Hà (xã) 黃河社: tg.Hạ Nhất,h.Thạch Hà,đạo HT 1321
Hoài Chính (tổng) 懷正總: ch.Lương Chánh,p.Thọ Xuân,t.TH 1150	Hoàng Hà (thôn) 黃河村: tg.Kim Sơn,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN .. 515
Hoài Chính (xã) 懷正社: tg.Hoài Chính,ch.Lương Chánh, p.Thọ Xuân,t.TH 1150	Hoàng Hà Thượng (xã) 黃河上社: tg.An Mỹ,h.Do Linh,đạo QT 1391
Hoài Đức (phủ) 懷德府: t.HN 6	Hoàng Hộc (xã) 黃鶴社: tg.Thạch Khê,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH . 1105
Hoài Hữu (xã) 淮右社: tg.Trùng Hoài,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ ... 341	Hoàng Kênh (tổng) 黃涇總: h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 110
Hoài Lai (ấp) 懷來邑: tg.Lai Thành,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1033	Hoàng Kênh (xã) 黃涇社: tg.Hoàng Kênh,h.Thanh Lâm, p.Nam Sách,t.HD 110
Hoài Lai (tổng) 懷萊總: ch.Lai,p.Điện Biên,t.HH 742	Hoàng Kênh (xã) 黃涇社: tg.Kê Sơn,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124
Hoài Lai (xã) 懷萊社: tg.Hoài Lai,ch.Lai,p.Điện Biên,t.HH 742	Hoàng La (xã) 黃羅社: tg.Hoàng Trường,h.Yên Thành, p.Diễn Châu,t.NA 1249
Hoài Viễn (xã) 懷遠社: tg.Yên Phú,h.Trấn Yên,p.Quỳ Hóa,t.HH 727	Hoàng La (xã) 黃羅社: tg.Hội Kế,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959
Hoài Viễn (tg) 懷遠總: ch.Lộc Bình,p.Tràng Khánh,t.LS 621	Hoàng La (xã) 黃羅社: tg.Lỗ Hường,h.Mỹ Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1093
Hoài Viễn (trang) 懷遠庄: tg.Hoài Viễn,ch.Lộc Bình,p.Tràng Khánh,t.LS 621	Hoàng Lạp (thôn) 黃蠟村: x.Quảng Chiếu Thượng,tg.Quảng Chiếu, h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1106
Hoan Ái (xã) 歡愛社: tg.Thượng Cổ,h.Ấn Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256	Hoàng Lạt (xã) 黃辣社: tg.Đan Hội,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537
Hoan Chúc (xã) 歡祝社: tg.Tu Vũ,h.Bát Bạt,p.Quảng Oai,t.ST 915	Hoàng Lâm (trang) 黃林庄: tg.Hoài Viễn,ch.Lộc Bình, p.Tràng Khánh,t.LS 621
Hoan Thịnh (xã) 歡盛社: tg.An Lạc,h.Thành Hoá,đạo QT 1393	Hoàng Lâu (xã) 黃樓社: tg.Kim Quan,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST . 960
Hoàn Lão (tổng) 完老總: h.Bố Trạch,p.Quảng Trạch,t.QB 1357	Hoàng Lâu (xã) 黃樓社: tg.Ngo Dương,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD . 148
Hoàn Lão (thôn) 完老村: tg.Hoàn Lão,h.Bố Trạch,p.Quảng Trạch,t.QB 1357	Hoàng Lâu (xã) 黃樓社: tg.Văn Cú,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151
Hoàn Lương (ấp) 還良邑: tg.Lương Diến,h.Phú Lộc,p.TT..... 1424	Hoàng Lâu (xã) 黃樓社: tg.Quỳnh Hoàng,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD . 158
Hoàn Phúc (tổng) 完馥總: h.Bố Trạch,p.Quảng Trạch,t.QB 1357	Hoàng Lý (xã) 黃里社: tg.Hoàng Đạo,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37
Hoàn Phúc (thôn) 完馥村: tg.Hoàn Phúc,h.Bố Trạch, p.Quảng Trạch,t.QB 1357	Hoàng Liên (ấp) 黃蓮邑: tg.Phù Ninh,h.Phong Diến,p.TT..... 1428
Hoàng (thôn) 黃村: x.Cổ Nhuế,tg.Cổ Nhuế,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8	Hoàng Lỗ (xã) 黃魯社: tg.Hà Bắc,h.Yên Hưng,p.Sơn Định,t.QY 411
Hoàng An (ấp) 黃安邑: tg.Lương Văn,h.Hương Thuỷ,p.TT..... 1422	Hoàng Lưu (xã) 黃流社: tg.Hòa Mỹ,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 21
Hoàng Bồ (xã) 橫蒲社: tg.Phí Xá,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95	Hoàng Mal (tổng) 黃枚總: h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 533
Hoàng Cẩn (xã) 黃芹社: tg.Thông Lăng,h.Hưng Nguyên, p.Anh Sơn,t.NA 1242	Hoàng Mal (xã) 黃枚社: tg.Hoàng Mai,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN .. 533
Hoàng Cẩn (xã) 黃芹社: tg.Thượng Nhất,h.Thạch Hà,đạo HT 1320	Hoàng Mal (tổng) 黃梅總: h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA 1253
Hoàng Châu (xã) 璜琿社: tg.Đôn Lương,h.Nghiêu Phong, p.Sơn Định,t.QY 418	Hoàng Mal (xã) 黃梅社: tg.Hoàng Mai,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA 1253
Hoàng Chỉ (tổng) 黃紙總: h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 935	Hoàng Mal (tổng) 黃梅總: h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 19
Hoàng Chỉ (xã) 黃紙社: tg.Hoàng Chỉ,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 935	Hoàng Mal (xã) 黃梅社: tg.Hoàng Mai,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 19
Hoàng Chung (xã) 黃鍾社: tg.Hạ Ích,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST .. 932	Hoàng Mal (xã) 黃枚社: tg.An Dương,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151
Hoàng Công (xã) 黃公社: tg.Thuỷ Liên,h.Lệ Thuỷ,p.Quảng Ninh,t.QB 1349	Hoàng Mộc (xã) 黃木社: tg.Thủy Cam,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 29
Hoàng Cương (tổng) 黃崗總: h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948	Hoàng Nê (thôn) 黃泥村: x.Hoàng Trach,tg.Bạch Liên,h.Yên Mô, p.Yên Khánh,t.NB 1025
Hoàng Cương (xã) 黃崗社: tg.Hoàng Cương,h.Thanh Ba, p.Lâm Thao,t.ST 948	Hoàng Nê (xã) 黃泥社: tg.Ngô Xá,h.Phong Doanh,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 326
Hoàng Cương (xã) 黃崗社: tg.Cao Vịnh,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH .. 1087	Hoàng Nghĩa (thôn) 黃義村: x.Dương Xá,tg.Phù Long,h.Hưng Nguyên, p.Anh Sơn,t.NA 1242
Hoàng Du (xã) 黃油社: tg.Đoàn Bái,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 131	Hoàng Nha (xã) 黃芽社: tg.Thái Lạc,h.Văn Giang,pp.Thuận Thành,t.BN 517
Hoàng Đàm (xã) 黃潭社: tg.Thạch Bàn,h.Phong Đăng, p.Quảng Ninh,t.QB 1347	Hoàng Nông (tổng) 黃農總: h.Thần Khê,p.Tiên Hưng,t.HY 265
Hoàng Đàm (tổng) 黃潭總: h.Phổ Yên,p.Phú Bình,t.TN 796	Hoàng Nông (trang) 黃農庄: tg.Hoàng Nông,h.Thần Khê, p.Tiên Hưng,t.HY 265
Hoàng Đàm (xã) 黃潭社: tg.Hoàng Đàm,h.Phổ Yên,p.Phú Bình,t.TN 796	Hoàng Pha (xã) 黃坡社: tg.Lâm Động,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD . 162
Hoàng Đan (xã) 黃丹社: tg.Hung Xá,h.Phong Doanh, pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 326	Hoàng Quyển (xã) 黃卷社: tg.Uy Viễn,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB .. 1029
Hoàng Đạo (tổng) 黃道總: h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37	Hoàng Sơn (thôn) 黃山村: tg.Dương Vũ,h.Yên Khánh, p.Yên Khánh,t.NB 1021
Hoàng Đạo (xã) 黃道社: tg.Hoàng Đạo,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37	Hoàng Sơn (xã) 黃山社: tg.Kỳ Vi,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1028
Hoàng Đồi (xã) 黃堆社: tg.Đồng Than,h.Văn Giang, pp.Thuận Thành,t.BN 517	Hoàng Sơn (thôn) 黃山村: x.Xích Hạch,tg.Quang Chiếu,h.Đồng Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1105
Hoàng Đông (thôn) 橫東村: tg.Hoành Nha,h.Giao Thủy, p.Xuân Trường,t.NĐ 304	Hoàng Thạch (xã) 黃石社: tg.Hạ Chiếu,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165
Hoàng Đồng (xã) 黃同社: tg.Trừ Trĩ,ch.Thoát Lăng,p.Tràng Định,t.LS .. 608	Hoàng Thanh (xã) 黃青社: tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1121
Hoàng Gia (xã) 黃家社: tg.Văn Thái,h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 98	Hoàng Thổ (thôn) 黃土村: x.Bạch Cầu,tg.Thạch Giản,h.Nga Sơn, p.Hà Trung,t.TH 1086
Hoàng Giang (xã) 黃江社: tg.Xuân Lai,h.Phong Đăng, p.Quảng Ninh,t.QB 1347	Hoàng Thứ (xã) 黃次社: tg.Từ Ô,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95
Hoàng Giang (thôn) 黃江村: tg.Cáp Dẫn,h.Kỳ Anh,đạo HT 1327	Hoàng Trạch (xã) 黃澤社: tg.Mễ Sở,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 252
Hoàng Giản (xã) 黃澗社: tg.Chi Ngại,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106	Hoàng Tranh (tổng) 璜瑯總: h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY 255

Hoàng Tranh (xã) 横埗社: tg.Hoàng Tranh,h.Phù Cừ,
p.Khoái Châu,t.HY 255

Hoàng Trí (xã) 黄峙社: tg.Nhu Viễn,ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN . 819

Hoàng Trù (thôn) 黄厨村: tg.Lâm Thịnh,h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA 1235

Hoàng Trung (xã) 黄忠社: tg.Liên Hương,h.Bố Trạch,
p.Quảng Trạch,t.QB 1357

Hoàng Trường (tổng) 黄场總: h.Yên Thành,p.Diễn Châu,t.NA 1249

Hoàng Trường (xã) 黄场社: tg.Hoàng Trường,h.Yên Thành,
p.Diễn Châu,t.NA 1249

Hoàng Vân (xã) 黄雲社: tg.Hoàng Xuyết,h.Tam Dương,
p.Vĩnh Tường,t.ST 934

Hoàng Vân (trang) 黄雲庄: tg.Thượng Bạ,h.Tống Sơn,
p.Hà Trung,t.TH 1082

Hoàng Vân (xã) 黄雲社: tg.Đường Xuyên,h.Phú Xuyên,
p.Thường Tín,t.HN 22

Hoàng Vân (xã) 黄雲社: tg.Lam Cầu,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37

Hoàng Vân (tổng) 黄雲總: h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522

Hoàng Vân (xã) 黄雲社: tg.Hoàng Vân,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522

Hoàng Vân Ngoại (thôn) 黄雲外村: tg.Yên Lạc,h.Kim Động,
p.Khoái Châu,t.HY 260

Hoàng Xá (xã) 黄舍社: tg.An Lão,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333

Hoàng Xá (xã) 黄舍社: tg.Vũ Liệt,h.Thanh Chương,p.Anh Sơn,t.NA 1239

Hoàng Xá (xã) 黄舍社: tg.Thái Xá,h.Đồng Thành,p.Diễn Châu,t.NA 1249

Hoàng Xá (xã) 黄舍社: tg.Tang Thác,h.Tiên Phong,p.Quảng Oai,t.ST ... 909

Hoàng Xá (xã) 黄舍社: tg.Lương Khê,h.Bất Bạt,p.Quảng Oai,t.ST 915

Hoàng Xá (tổng) 黄舍總: h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 919

Hoàng Xá (xã) 黄舍社: tg.Hoàng Xá,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 919

Hoàng Xá (trại) 黄舍寨: tg.Hoàng Xá,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 919

Hoàng Xá (thôn) 黄舍村: x.Lại Thượng,tg.Đại Đồng,h.Thạch Thất,
p.Quốc Oai,t.ST 924

Hoàng Xá (xã) 黄舍社: tg.Kim Đà,h.Yên Lãng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938

Hoàng Xá (xã) 黄舍社: tg.Mạn Lạn,h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948

Hoàng Xá (thôn) 黄舍村: x.Liên Trì,tg.Liên Trì,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1114

Hoàng Xá (xã) 黄舍社: tg.Hạ Trì,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8

Hoàng Xá (xã) 黄舍社: tg.Vạn Điểm,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN . 17

Hoàng Xá (thôn) 黄舍村: x.Hà Liễu,tg.Hà Liễu,h.Thanh Trì,
p.Thường Tín,t.HN 19

Hoàng Xá (xã) 黄舍社: tg.Nghĩa Xá,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN 506

Hoàng Xá (thôn) 黄舍村: x.Phương Đình,tg.Phương Đình,h.Sơn Minh,
p.Ứng Hòa,t.HN 26

Hoàng Xá (tổng) 黄舍總: h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31

Hoàng Xá (xã) 黄舍社: tg.Hoàng Xá,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31

Hoàng Xá (xã) 黄舍社: tg.Mạn Đề,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 110

Hoàng Xá (tổng) 黄舍總: h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113

Hoàng Xá (xã) 黄舍社: tg.Hoàng Xá,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113

Hoàng Xá (xã) 黄舍社: tg.Phí Gia,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 147

Hoàng Xá (xã) 黄舍社: tg.Vĩnh Đại,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165

Hoàng Xá (xã) 黄舍社: tg.Kim Hương,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY 255

Hoàng Xá (xã) 黄舍社: tg.Thanh Cù,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 259

Hoàng Xá Hạ (xã) 黄舍下社: tg.Thuỷ Ba,h.Minh Linh,đạo QT 1390

Hoàng Xá Hạ (xã) 黄舍下社: tg.Đồng Vệ,h.Bạch Hạc,
p.Vĩnh Tường,t.ST 930

Hoàng Xá Thượng (xã) 黄舍上社: tg.Thuỷ Ba,h.Minh Linh,đạo QT .. 1390

Hoàng Xá Thượng (xã) 黄舍上社: tg.Đồng Vệ,h.Bạch Hạc,
p.Vĩnh Tường,t.ST 930

Hoàng Xuyên (thôn) 黄川村: tg.Văn Nhue,h.Ấn Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256

Hoàng Xuyết (tổng) 黄綴總: h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 934

Hoàng Xuyết (xã) 黄綴社: tg.Hoàng Xuyết,h.Tam Dương,
p.Vĩnh Tường,t.ST 934

Hoành Bồ (huyện) 横蒲縣: p.Sơn Định,t.QY 400

Hoành Cừ (thôn) 横渠社: tg.Thái Lai,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH .. 1121

Hoành Cừ (thôn) 横渠村: x.Tam Lộng,tg.Tam Lộng,h.Lôi Dương,
p.Thọ Xuân,t.TH 1145

Hoành Đông (ấp) 横東邑: tg.Lạc Thiện,h.Giao Thủy,
p.Xuân Trường,t.NĐ 305

Hoành Đường (tổng) 横棠總: h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343

Hoành Đường (xã) 横棠社: tg.Hoành Đường,h.Thụy Anh,
p.Thái Bình,t.NĐ 343

Hoành Kênh (xã) 横涇社: tg.Liên Hương,h.Bố Trạch,
p.Quảng Trạch,t.QB 1357

Hoành Lễ (xã) 宏禮社: tg.Đăng Châu,h.Thượng Lang,
p.Trùng Khánh,t.CB 672

Hoành Lộ (thôn) 横路村: tg.Hoành Nha,h.Giao Thủy,
p.Xuân Trường,t.NĐ 304

Hoành Lộ (ấp) 横路邑: tg.Lạc Thiện,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ .. 305

Hoành Lộc (xã) 衡麓社: tg.Văn Thái,h.Cẩm Giang,p.Bình Giang,t.HD 98

Hoành Mai (xã) 衡枚社: tg.Bằng Hoành,h.Vị Xuyên,p.Tương An,t.TQ 874

Hoành Mô (xã) 宏謨社: tg.Phi Mô,h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN 531

Hoành Mô (xã) 横模社: tg.Kiến Diên,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 438

Hoành Mô (động) 横模峒: tg.Kiến Diên,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 438

Hoành Mô (xã) 宏模社: tg.Kim Mã,h.Nguyên Bình,p.Hòa An,t.CB 668

Hoành Mô (xã) 宏模社: tg.Nội Hoàng,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 166

Hoành Mỹ (xã) 宏美社: tg.Hà Lý,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267

Hoành Mỹ (trang) 宏美庄: tg.Hà Lý,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267

Hoành Nha (tổng) 横衙總: h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304

Hoành Nha (xã) 横衙社: tg.Hoành Nha,h.Giao Thủy,
p.Xuân Trường,t.NĐ 304

Hoành Nha (ấp) 横衙邑: tg.Lạc Thiện,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 305

Hoành Nhị (thôn) 横二村: tg.Hoành Nha,h.Giao Thủy,
p.Xuân Trường,t.NĐ 304

Hoành Phổ (xã) 宏普社: tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1116

Hoành Phúc (xã) 宏福社: tg.La Phù,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN . 16

Hoành Quan (xã) 横觀社: tg.Hoành Đường,h.Thụy Anh,
p.Thái Bình,t.NĐ 343

Hoành Quán (xã) 横館社: tg.Thủy Nhai,h.Giao Thủy,
p.Xuân Trường,t.NĐ 304

Hoành Sơn (thôn) 横山村: x.Nam Kim Thượng,tg.Nam Kim,h.Thanh Chương,
p.Anh Sơn,t.NA 1239

Hoành Tam (thôn) 横三村: tg.Hoành Nha,h.Giao Thủy,
p.Xuân Trường,t.NĐ 304

Hoành Tam (ấp) 横三邑: tg.Lạc Thiện,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 305

Hoành Tảo (xã) 横早社: tg.Tảo Thượng,h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST . 913

Hoành Thu (tổng) 横秋總: h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304

Hoành Trung (xã) 宏忠社: tg.Liên Cừ,h.Hậu Lộc,p.Hà Trung,t.TH 1097

Hoành Tứ (thôn) 横肆村: tg.Hoành Nha,h.Giao Thủy,
p.Xuân Trường,t.NĐ 304

Hoành Viễn (xã) 宏遠社: tg.Thạch Bàn,h.Phong Đăng,
p.Quảng Ninh,t.QB 1347

Hoành Vực (xã) 横域社: tg.Trà Lũ,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304

Hoắc Châu (xã) 霍洲社: tg.Phú Xuyên,h.Tiên Phong,p.Quảng Oai,t.ST 909

Hoắc Sa (xã) 霍沙社: tg.Thanh Lăng,h.Tiên Phong,p.Quảng Oai,t.ST 909

Hoàng Hóa (huyện) 弘化縣: p.Hà Trung,t.TH 1089

Hoàng Lại (tổng) 弘賴總: h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113

Hoàng Lại (xã) 弘賴社: tg. Hoàng Lại, h. Thanh Hà, p. Nam Sách, t. HD 113

Hoàng Lại (xã) 弘賴社: tg. Hoàng Văn, h. Hiệp Hòa, p. Đa Phúc, t. BN 522

Hoàng Lễ (tổng) 弘禮總: h. Kỳ Anh, đạo HT 1325

Hoàng Liệt (xã) 泓烈社: tg. Thanh Liệt, h. Thanh Trì, p. Thường Tín, t. HN 19

Hoàng Liệt (xã) 弘烈社: tg. Lạc Dương, h. Thất Khê, p. Tràng Định, t. LS 602

Hoàng Mông (xã) 弘蒙社: tg. Bát Trang, ch. Vạn Ninh, p. Hải Ninh, t. QY ... 431

Hoàng Nghị (xã) 弘毅社: tg. Lang Quán, h. Hàm Yên, p. An Bình, t. TQ 859

Hoàng Nghị (xã) 弘毅社: tg. Ngô Xá, h. Phong Doanh, pp. Nghĩa Hưng, t. ND 326

Hoàng Nghĩa (xã) 弘義社: tg. Hàng Vĩ, h. Hoàng Hóa, p. Hà Trung, t. TH . 1089

Hoàng Nhuệ (tổng) 弘銳總: h. Bát Bạt, p. Quảng Oai, t. ST 916

Hoàng Nhuệ (sách) 弘銳冊: tg. Hoàng Nhuệ, h. Bát Bạt, p. Quảng Oai, t. ST 916

Hoàng Nông (xã) 弘農社: tg. Tiên Sơn, h. Đại Từ, p. Tông Hóa, t. TN 810

Hoàng Nông (xã) 弘農社: tg. Canh Nông, h. Diên Hà, p. Tiên Hưng, t. HY .. 267

Hoàng Pháp (xã) 弘法社: tg. Trung Môn, h. Hàm Yên, p. An Bình, t. TQ 859

Hoàng Trạch (xã) 弘澤社: tg. Bạch Liên, h. Yên Mô, p. Yên Khánh, t. NB . 1025

Hoàng Từ (xã) 宏祠社: tg. Bình Cách, h. Đông Quan, p. Thái Bình, t. ND 339

Hòa Lâm (xã) 槐林社: tg. Bạch Sam, h. Đường Hào, p. Bình Giang, t. HD 100

Hòa Nha (xã) 槐街社: tg. An Tiêm, h. Đông Quan, p. Thái Bình, t. ND 339

Hòa Thị (thôn) 槐市村: x. Thượng Phúc, tg. La Phù, h. Thượng Phúc, p. Thường Tín, t. HN 16

Hòa Thị (xã) 槐市社: tg. Đại Lộc, h. Nghi Dương, p. Kiến Thụy, t. HD 140

Hồ (thôn) 胡村: x. Văn Nhượng Thượng, tg. Thọ Hạc, h. Đông Sơn, p. Thiệu Hóa, t. TH 1104

Hồ (bản) 胡本: h. Sầm Nưa, t. TH 1155

Hồ Bảo (thôn) 胡寶村: x. Liên Xá, tg. Liên Trì, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1114

Hồ Khẩu (phường) 湖口坊: tg. Trung, h. Vĩnh Thuận, p. Hoài Đức, t. HN 13

Hồ Lai (ấp) 湖來邑: tg. Viên Kiều, h. Thành Hoá, đạo QT 1394

Hồ Liễn (xã) 瑚琏社: tg. Phúc Cầu, h. Đường An, p. Bình Giang, t. HD 93

Hồ Sen (xã) 湖蓮社: tg. Hồ Sơn, h. Vụ Bản, p. Nghĩa Hưng, t. ND 319

Hồ Thịnh (thôn) 胡盛村: x. Liên Xá, tg. Liên Trì, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1114

Hồ Thượng (thôn) 胡上村: x. Liên Xá, tg. Liên Trì, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1114

Hồ Trung (thôn) 胡中村: x. Liên Xá, tg. Liên Trì, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1114

Hồ Xá (tổng) 胡舍總: h. Minh Linh, đạo QT 1390

Hồ Xá (xã) 胡舍社: tg. Hồ Xá, h. Minh Linh, đạo QT 1390

Hổ (thôn) 虎村: x. Vệ Quốc, tg. Đa Lộc, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1109

Hổ Đàm (thôn) 虎潭村: x. Nhân Lý, tg. Vạn Quy, h. Đông Sơn, p. Thiệu Hóa, t. TH 1105

Hổ Đội (tổng) 虎隊總: h. Thụy Anh, p. Thái Bình, t. ND 343

Hổ Đội (xã) 虎隊社: tg. Hồ Đội, h. Thụy Anh, p. Thái Bình, t. ND 343

Hổ Khê (thôn) 虎溪村: tg. Phù Lưu Tế, h. Hoài An, p. Ứng Hòa, t. HN 34

Hổ Khưu (xã) 虎丘社: tg. Hội Hạ, h. Yên Lạc, pp. Vĩnh Tường, t. ST 940

Hổ Lao (xã) 虎牢社: tg. Vô Tranh, h. Lục Ngạn, p. Lạng Giang, t. BN 536

Hổ Lao (xã) 虎牢社: tg. Mễ Sơn, h. Đông Triều, p. Kinh Môn, t. HD 165

Hổ Sơn (tổng) 虎山總: h. Vụ Bản, p. Nghĩa Hưng, t. ND 319

Hổ Sơn (xã) 虎山社: tg. Hồ Sơn, h. Vụ Bản, p. Nghĩa Hưng, t. ND 319

Hổ Đông (xã) 鄒東社: tg. Hà Nhuận, h. Kim Thành, p. Kiến Thụy, t. HD 148

Hộ (thôn) 戶村: x. Cổ Đô, tg. Vạn Quy, h. Đông Sơn, p. Thiệu Hóa, t. TH 1105

Hộ (thôn) 護村: x. Thạch Phương, tg. Thủ Hộ, h. Quảng Xương, p. Tĩnh Gia, t. TH 1120

Hộ Đáp (xã) 護答社: tg. Kiên Lao, h. Lục Ngạn, p. Lạng Giang, t. BN 537

Hộ Đỗ (xã) 鄒杜社: tg. Vĩnh Luật, h. Can Lộc, p. Đức Thọ, t. NA 1270

Hộ Hiểu (xã) 戶曉社: tg. Sơn Cẩm, h. Phú Lương, p. Tông Hóa, t. TN 812

Hộ Khẩu (xã) 戶口社: tg. Đại Công, h. Tiên Minh, p. Nam Sách, t. HD 116

Hộ Niệm (xã) 護念社: tg. Phù Lưu, h. An Lão, p. Kiến Thụy, t. HD 144

Hộ Thành (thôn) 戶城村: x. Đại Trung, tg. Bái Trạch, h. Hoàng Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1090

Hộ Thịnh (thôn) 戶盛村: x. Thượng Cốc, tg. Thượng Cốc, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1145

Hộ Thượng (thôn) 戶上村: x. Thượng Cốc, tg. Thượng Cốc, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1145

Hộ Trung (thôn) 戶中村: x. Thượng Cốc, tg. Thượng Cốc, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1145

Hộ Trung (xã) 護中社: tg. Dũng Liệt, h. Yên Phong, p. Từ Sơn, t. BN 497

Hộ Vệ (xã) 護衛社: tg. Nội Viên, h. Tiên Du, p. Từ Sơn, t. BN 494

Hộ Xá (xã) 戶舍社: tg. An Hộ, h. Chí Linh, p. Nam Sách, t. HD 106

Hộ Xá (xã) 戶舍社: tg. Đặng Xá, h. Gia Lâm, pp. Thuận Thành, t. BN 515

Hộ Xá (tổng) 戶舍總: h. Giao Thủy, p. Xuân Trường, t. ND 304

Hộ Xá (xã) 戶舍社: tg. Hộ Xá, h. Giao Thủy, p. Xuân Trường, t. ND 304

Hộc (thôn) 鵠村: x. Hoàng Hộc, tg. Thạch Khê, h. Đông Sơn, p. Thiệu Hóa, t. TH 1105

Hộc Thượng (thôn) 鵠上村: x. Hoàng Hộc, tg. Thạch Khê, h. Đông Sơn, p. Thiệu Hóa, t. TH 1105

Hồi Bao (xã) 回抱社: tg. Nội Duệ, h. Tiên Du, p. Từ Sơn, t. BN 494

Hồi Cù (thôn) 回虬村: x. Châu Xuyết, tg. Văn Xá, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1124

Hồi Cương (xã) 回剛社: tg. Kiên Cương, h. Bạch Hạc, p. Vĩnh Tường, t. ST . 930

Hồi Mỹ (thôn) 回美村: tg. Kim Liên, h. Thọ Xương, p. Hoài Đức, t. HN 12

Hồi Quan (xã) 回關社: tg. Mân Xá, h. Yên Phong, p. Từ Sơn, t. BN 497

Hồi Thuần (tổng) 回純總: h. Kim Sơn, p. Yên Khánh, t. NB 1033

Hồi Thuần (ấp) 回純邑: tg. Hồi Thuần, h. Kim Sơn, p. Yên Khánh, t. NB 1033

Hồi Trung (xã) 回中社: tg. Thụy Lợi, h. Kim Bảng, p. Lý Nhân, t. HN 38

Hồi Xuân (xã) 回春社: tg. Phú Lê, ch. Quan Hóa, p. Quảng Hóa, t. TH 1137

Hồi Xuân (xã) 回春社: tg. Nãi Sơn, h. Nghi Dương, p. Kiến Thụy, t. HD 140

Hội (thôn) 會村: x. Tuy Lai, tg. Diên Hào, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1146

Hội Am (xã) 會庵社: tg. Đông Am, h. Vĩnh Bảo, p. Ninh Giang, t. HD 126

Hội An (xã) 會安社: tg. An Nhân, h. Hải Lăng, đạo QT 1385

Hội An (xã) 會安社: tg. Mỹ Động, h. Thanh Miện, p. Bình Giang, t. HD 95

Hội Châu (xã) 會洲社: tg. Thương Tầm, h. Thanh Quan, p. Thái Bình, t. ND . 341

Hội Động (xã) 會洞社: tg. Công Xá, h. Nam Xương, p. Lý Nhân, t. HN 44

Hội Hạ (tổng) 會下總: h. Yên Lạc, pp. Vĩnh Tường, t. ST 940

Hội Hạ (xã) 會下社: tg. Hội Hạ, h. Yên Lạc, pp. Vĩnh Tường, t. ST 940

Hội Hoan (tổng) 會歡總: h. Văn Quan, p. Tràng Định, t. LS 605

Hội Hoan (xã) 會歡社: tg. Hội Hoan, h. Văn Quan, p. Tràng Định, t. LS 605

Hội Kê (xã) 會稽社: tg. Thượng Hộ, h. Thư Trì, p. Kiến Xương, t. ND 334

Hội Kê (thôn) 會稽村: x. Sơn Đầu, tg. Thạch Giản, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1086

Hội Kế (tổng) 會計總: h. Sơn Dương, p. Đoan Hùng, t. ST 959

Hội Kế (xã) 會計社: tg. Hội Kế, h. Sơn Dương, p. Đoan Hùng, t. ST 959

Hội Khê (xã) 會溪社: tg. Điều Lang, h. Hạ Lang, p. Trùng Khánh, t. CB 677

Hội Khê (xã) 會溪社: tg. Kiên Lao, h. Giao Thủy, p. Xuân Trường, t. ND 304

Hội Khê (tổng) 會溪總: h. Vũ Tiên, p. Kiến Xương, t. ND 329

Hội Khê (xã) 會溪社: tg. Hội Khê, h. Vũ Tiên, p. Kiến Xương, t. ND 329

Hội Kỳ (xã) 會岐社: tg. An Thư, h. Hải Lăng, đạo QT 1385

Hội Lâm (thôn) 會林村: tg. Đặng Sơn, h. Lương Sơn, p. Anh Sơn, t. NA 1235

Hội Nguyên (huyện) 會元縣: p. Tương Dương, t. NA 1273

Hội Phụ (tổng) 會阜總: h. Đông Ngạn, p. Từ Sơn, t. BN 491

Hội Phụ (xã) 會阜社: tg. Hội Phụ, h. Đông Ngạn, p. Từ Sơn, t. BN 491

Hội Thống (xã) 會統社: tg. Đan Hải, h. Nghi Xuân, p. Đức Thọ, t. NA 1265

Hội Thượng (tổng) 會上總: h. Tam Dương, p. Vĩnh Tường, t. ST 934

Hội Thượng (xã) 會上社: tg.Hội Thượng,h.Tam Dương,
p.Vĩnh Tường,t.ST 934

Hội Tiên (thôn) 會仙村: tg.Lăng Diên,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1235

Hội Triều (xã) 會朝社: tg.Bái Trạch,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1090

Hội Vũ (thôn) 會舞村: tg.Thuận Mỹ,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 11

Hội Xá (xã) 會舍社: tg.Phù Lưu Thượng,h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN 34

Hội Xuyên (tổng) 會川總: h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 130

Hội Xuyên (xã) 會川社: tg.Hội Xuyên,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 130

Hợp Cát (xã) 合吉社: tg.Quang Luyện,h.Quế Phong,p.Quỳ Châu,t.NA 1276

Hợp Khế (phường) 合契坊: tg.An Đôn,h.Đăng Xương,đạo QT 1384

Hợp Lễ (xã) 合禮社: tg.Yên Lăng,h.Yên Lăng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938

Hợp Long (thôn) 合龍村: x.Ích Vĩnh,tg.Cao Vĩnh,h.Nga Sơn,
p.Hà Trung,t.TH 1087

Hu Trì (tổng) 盱池總: h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126

Hu Trì (xã) 盱池社: tg.Hu Trì,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126

Hu Xung (bản) 吁稱本: h.Sầm Nưa,t.TH 1155

Hủ (thôn) 煦村: x.Bái Trạch,tg.Hiệu Vũ,h.Hung Nhân,p.Tiên Hưng,t.HY ... 268

Huân Phong (tổng) 勳風總: h.Văn Quan,p.Tràng Định,t.LS 605

Huân Phong (xã) 勳風社: tg.Huân Phong,h.Văn Quan,
p.Tràng Định,t.LS 605

Húc Hạ (xã) 旭下社: tg.Viên Kiều,h.Thành Hoá,đạo QT 1394

Húc Thượng (xã) 旭上社: tg.Viên Kiều,h.Thành Hoá,đạo QT 1394

Huế Đông (xã) 攜東社: tg.Đại Lai,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509

Huế Trì (xã) 鄔池社: tg.Cổ Biện,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD 157

Huế Địch (trại) 惠迪寨: tg.Chất Thành,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB ... 1032

Huế Ốc (thôn) 惠渥村: x.Dị Ốc,tg.Dị Ốc,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA . 1259

Hung Đặng (sách) 凶鄧冊: tg.Thượng Lưu,h.Minh Hoá,
p.Quảng Trạch,t.QB 1359

Hung Ốc (sách) 凶喔冊: tg.Thượng Lưu,h.Minh Hoá,
p.Quảng Trạch,t.QB 1359

Hùng Dị (tổng) 雄異總: h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 859

Hùng Dị (xã) 雄異社: tg.Hùng Dị,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 859

Hùng Đô (xã) 雄都社: tg.Tứ Mỹ,h.Tam Nông,p.Gia Hưng,t.HH 709

Hùng Lâm (xã) 雄攬社: tg.Dinh Sơn,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 533

Hùng Lâm (xã) 雄攬社: tg.Vĩnh Lại,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944

Hùng Nhĩ (xã) 雄珥社: tg.Phương Giao,h.Thanh Sơn,p.Gia Hưng,t.HH .. 711

Hùng Nỗ (xã) 雄弩社: tg.Trình Tường,h.Vĩnh Tuy,p.An Bình,t.TQ 865

Hùng Phú (xã) 雄富社: tg.Phù Đạm,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38

Hùng Quan (huyện) 雄關縣: p.Đoan Hùng,t.ST 955

Hùng Quan (xã) 雄關社: tg.Ngọc Chúc,h.Hùng Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 955

Hùng Sơn (thôn) 雄山村: tg.Thuận Hoà,h.Bình Chính,
p.Quảng Trạch,t.QB 1353

Hùng Sơn (tổng) 雄山總: h.Đại Từ,p.Tông Hóa,t.TN 811

Hùng Sơn (xã) 雄山社: tg.Hùng Sơn,h.Đại Từ,p.Tông Hóa,t.TN 811

Hùng Tâm (xã) 雄心社: tg.An Trung Thượng,h.Đại An,
p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 317

Hùng Thắng (xã) 雄勝社: tg.Thượng Triệt,h.Thanh Lâm,
p.Nam Sách,t.HD 110

Hùng Thắng (xã) 雄勝社: tg.Nhân Lý,ch.Văn Uyên,p.Tràng Định,t.LS .. 610

Hùng Thắng (xã) 雄勝社: tg.Đức Thắng,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522

Hùng Thốn (xã) 雄吞社: tg.Thổ Bình,ch.Chiêm Hoá,p.Tương An,t.TQ ... 877

Hùng Trì (xã) 雄池社: tg.Lạc Đạo,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN 515

Hùng Văn (xã) 雄文社: tg.Hàng Vi,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1090

Hùng Văn (xã) 雄文庄: x.Đội Trung,tg.Đội Sơn,h.Duy Tiên,
p.Lý Nhân,t.HN 37

Hùng Văn Nhị (tràng) 雄文二庄: x.Cầu Từ,tg.Đội Sơn,h.Duy Tiên,
p.Lý Nhân,t.HN 37

Hùng VI (xã) 雄偉社: tg.Phương Giao,h.Thanh Sơn,p.Gia Hưng,t.HH 711

Hùng Yên (xã) 雄安社: tg.Hội Hạ,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 940

Huống Thượng (tổng) 況上總: h.Động Hỷ,p.Phú Bình,t.TN 798

Huống Thượng (xã) 況上社: tg.Huống Thượng,h.Động Hỷ,
p.Phú Bình,t.TN 798

Huống Thượng Thủy Cơ (phường) 況上水機坊: tg.Huống Thượng,
h.Động Hỷ,p.Phú Bình,t.TN 798

Huy Ngạc (xã) 輝萼社: tg.Thượng Trưng,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930

Huy Ngạc (xã) 輝萼社: tg.Hùng Sơn,h.Đại Từ,p.Tông Hóa,t.TN 811

Huyền Chân (xã) 玄真社: tg.Nội Lăng,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333

Huyền Doãn (thôn) 玄允村: x.Quang Khai,tg.Thiện Kế,h.Bình Xuyên,
p.Phú Bình,t.TN 801

Huyền Khâu (thôn) 玄邱村: x.Bác Lãm,tg.Thắng Lãm,h.Thanh Oai,
p.Ứng Hòa,t.HN 28

Huyền Lăng (tổng) 玄朗總: h.Vĩnh Hòa,p.Tương Dương,t.NA 1272

Huyền Nữ (phường) 玄狃坊: tg.Thượng Lưu,h.Minh Hoá,
p.Quảng Trạch,t.QB 1359

Huyền Thiên (thôn) 玄天村: tg.Đồng Xuân,h.Thọ Xương,
p.Hoài Đức,t.HN 11

Huyền Tụng (xã) 弦誦社: tg.Nông Thượng,ch.Bạch Thông,
p.Thông Hóa,t.TN 819

Huyền Tụng (xã) 弦誦社: tg.Yên Lưu,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD 157

Huỳnh Cung (xã) 矍宮社: tg.Cổ Diên,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 19

Hư Tả (tổng) 虛左總: h.Thượng Nguyên,p.Xuân Trường,t.NĐ 309

Hư Tả (xã) 虛左社: tg.Hư Tả,h.Thượng Nguyên,p.Xuân Trường,t.NĐ 309

Hưng (thôn) 興村: x.Cổ Bai,tg.Hải Quật,h.Yên Định,p.Thịệu Hóa,t.TH 1110

Hưng (thôn) 興村: x.Ngọc Âu,tg.Ngo Xá,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH .. 1130

Hưng Công (xã) 興功社: tg.Cổ Viễn,h.Thượng Nguyên,
p.Xuân Trường,t.NĐ 309

Hưng Đễ (xã) 興悌社: tg.Cổ Nông,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 311

Hưng Giáo (xã) 興教社: tg.Đại Định,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 28

Hưng Hiến (tràng) 興賢庄: tg.Bạch Liên,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB .. 1025

Hưng Hiến (xã) 興賢社: tg.Quảng Phúc,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB .. 1025

Hưng Hiến (xã) 興賢社: tg.Cổ Hiến,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN ... 16

Hưng Hóa (tỉnh) 興化省: 703

Hưng Học (xã) 興學社: tg.Hà Nam,h.Yên Hưng,p.Sơn Định,t.QY 412

Hưng Lại (xã) 興賴社: tg.Hưng Lục,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 940

Hưng Lễ (thôn) 興禮村: x.Lạp Cầu,tg.Hải Đô,h.Hung Nguyên,
p.Anh Sơn,t.NA 1243

Hưng Lễ (thôn) 興禮村: x.Yên Mỹ,tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1116

Hưng Lễ (xã) 興禮社: tg.Cung Thượng,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1120

Hưng Long (thôn) 興隆村: x.Hương Cái,tg.Hải Đô,h.Hung Nguyên,
p.Anh Sơn,t.NA 1243

Hưng Lộc (giáp) 興祿甲: tg.Thuận Hoà,h.Bình Chính,
p.Quảng Trạch,t.QB 1353

Hưng Lục (tổng) 興陸總: h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 940

Hưng Lục (xã) 興陸社: tg.Hưng Lục,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 940

Hưng Nghĩa (thôn) 興義村: x.Nghĩa Liệt,tg.Phù Long,h.Hung Nguyên,
p.Anh Sơn,t.NA 1242

Hưng Nghĩa (xã) 興義社: tg.Hải Lăng,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316

Hưng Nguyên (huyện) 興元縣: p.Anh Sơn,t.NA 1241

Hưng Nhân (thôn) 興仁村: x.Nghĩa Liệt,tg.Phù Long,h.Hung Nguyên,
p.Anh Sơn,t.NA 1242

Hưng Nhân (xã) 興仁社: tg.An Thư,h.Hải Lăng,đạo QT 1385

Hưng Nhân (xã) 興仁社: tg.Thổ Ốc,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45

Hưng Nhân (thôn) 興仁村: tg.Hà Trung,h.Kỳ Anh,đạo HT 1327

Hưng Nhân (*huyện*) 興仁縣: p.Tiên Hưng,t.HY 267

Hưng Nhân (*xã*) 興仁社: tg.Đặng Xá,h.Hưng Nhân,p.Tiên Hưng,t.HY ... 268

Hưng Nhượng (*xã*) 興讓社: tg.Đào Xá,h.Phụ Dực,pp.Thái Bình,t.NĐ 346

Hưng Nhượng (*xã*) 興讓社: tg.Sơn Đồng,h.Quỳnh Côi,
pp.Thái Bình,t.NĐ 348

Hưng Nhượng (*xã*) 興讓社: tg.Lạc Thành,h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1039

Hưng Nhượng (*trại*) 興讓寨: tg.Đường Xám,h.Chân Định,
p.Kiến Xương,t.NĐ 331

Hưng Nhượng Hạ (*trang*) 興讓下庄: x.Hưng Nhượng,tg.Cổ Nông,h.Nam
Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 311

Hưng Nhượng Thượng (*trang*) 興讓上庄: tg.Cổ Nông,h.Nam Chân,
p.Xuân Trường,t.NĐ 311

Hưng Nhượng Trung (*trang*) 興讓中社: x.Hưng Nhượng,tg.Cổ Nông,
h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 311

Hưng Phú (*xã*) 興富社: tg.Hải Lăng,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316

Hưng Phúc (*thôn*) 興福村: x.Triều Khẩu,tg.Văn Viên,h.Hưng Nguyên,
p.Anh Sơn,t.NA 1242

Hưng Thi (*xã*) 興施社: tg.Xích Thổ,h.Yên Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1042

Hưng Thịnh (*xã*) 興盛社: tg.Phù Chấn,h.Thuy Nguyên,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1101

Hưng Vũ (*xã*) 興武社: tg.Bác Sơn,h.Vũ Nhai,p.Phú Bình,t.TN 803

Hưng Xá (*tổng*) 興舍總: h.Phong Doanh,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 326

Hưng Xá (*xã*) 興舍社: tg.Hưng Xá,h.Phong Doanh,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 326

Hưng Xá Thượng (*xã*) 興舍上社: tg.Hưng Xá,h.Phong Doanh,
pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 326

Hưng Yên (*tỉnh*) 興安省: 247

Hương (*thôn*) 香村: x.Chi Nê,tg.Chi Nê,h.Hậu Lộc,p.Hà Trung,t.TH 1096

Hương (*thôn*) 香村: x.Sơn Trại,tg.Cao Xá,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

Hương (*thôn*) 香村: x.Bạch Liên,tg.Lạc Thiện,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

Hương (*thôn*) 香村: x.Hương Phấn,tg.Diễn Hào,h.Lôi Dương,
p.Thọ Xuân,t.TH 1146

Hương (*thôn*) 香村: x.Cổ Đàm,tg.Phú Khê,h.Y Yên,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ .. 323

Hương Ái (*xã*) 香藹社: tg.Cao Xá,h.Đông Thành,p.Diễn Châu,t.NA 1249

Hương Ái (*xã*) 香藹社: tg.Đại Bối,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26

Hương Anh (*xã*) 香英社: tg.Lạc Thị,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 130

Hương Áng (*xã*) 香盎社: tg.Kỳ Vĩ,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1028

Hương Áng (*xã*) 香盎社: tg.Yên Trang,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 512

Hương Bài (*thôn*) 香牌村: tg.Đồng Xuân,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN .. 11

Hương Bảng Hữu (*xã*) 香榜右社: tg.Đắc Sở,h.Đan Phượng,
p.Quốc Oai,t.ST 921

Hương Bảng Thượng (*xã*) 香榜上社: tg.Đắc Sở,h.Đan Phượng,
p.Quốc Oai,t.ST 921

Hương Bạ Đông (*áp*) 香伴東邑: tg.Lang Hạ,h.Thành Hoá,đạo QT . 1394

Hương Bạ Tây (*áp*) 香伴西邑: tg.Lang Hạ,h.Thành Hoá,đạo QT 1394

Hương Bào Ngoại (*thôn*) 香袍外村: x.Bố Vệ,tg.Bố Đức,h.Đông Sơn,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1104

Hương Bào Nội (*thôn*) 香袍內村: x.Bố Vệ,tg.Bố Đức,h.Đông Sơn,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1104

Hương Bông (*xã*) 香茛社: tg.Đệ Nhất,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 307

Hương Cà (*xã*) 香茄社: tg.Quản Nhân,ch.Thường Xuân,
p.Thọ Xuân,t.TH 1147

Hương Cá (*xã*) 香箇社: tg.Tự Cường,h.Thạch Thành,p.Quảng Hóa,t.TH 1135

Hương Cái (*xã*) 香蓋社: tg.Hải Đông,h.Hưng Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA 1243

Hương Cái (*xã*) 香蓋社: tg.Yên Đổ,h.Bình Lục,p.Lý Nhân,t.HN 43

Hương Cam (*thôn*) 香甘村: x.Đặng Xá,tg.Đặng Xá,h.Chân Lộc,
p.Anh Sơn,t.NA 1246

Hương Canh (*tổng*) 香梗總: h.Yên Lãng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938

Hương Canh (*xã*) 香梗社: tg.Hương Canh,h.Yên Lãng,
pp.Vĩnh Tường,t.ST 938

Hương Canh (*tổng*) 香梗總: h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8

Hương Canh (*xã*) 香梗社: tg.Hương Canh,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8

Hương Cáp (*xã*) 香閣社: tg.Cự Lâm,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333

Hương Cát (*xã*) 香葛社: tg.Ngọc Giả,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ . 312

Hương Cẩn (*xã*) 香芹社: tg.Hoàng Mai,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA 1253

Hương Cẩn (*thôn*) 香芹村: tg.Hoàng Mai,h.Quỳnh Lưu,
p.Diễn Châu,t.NA 1253

Hương Cẩn (*tổng*) 香芹總: h.Hương Trà,p.TT 1419

Hương Cẩn (*xã*) 香芹社: tg.Hương Cẩn,h.Hương Trà,p.TT 1419

Hương Cẩn (*xã*) 香芹社: h.Cẩm Xuyên,đạo HT 1324

Hương Cẩn (*xã*) 香芹社: tg.Yên Lãng,h.Thanh Thủy,p.Gia Hưng,t.HH .. 713

Hương Cầu (*xã*) 香溝社: tg.Mai Đình,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522

Hương Chi (*xã*) 香芝社: tg.Ti Bà,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 511

Hương Chiếu (*xã*) 照沼社: tg.Tiên Châu,h.Tiên Lữ,p.Tiên Hưng,t.HY ... 272

Hương Chúc (*xã*) 香燭社: tg.Hà Châu,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522

Hương Côn (*xã*) 香崑社: tg.Thượng Ốc,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8

Hương Cống (*xã*) 鄉貢社: tg.Trường Kỳ,h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 97

Hương Da (*xã*) 香椰社: tg.Ninh Bắc,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525

Hương Du (*xã*) 香油社: tg.Yên Vệ,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB 1021

Hương Duẩn (*thôn*) 香笋村: x.Đa Lộc,tg.Đông Xá,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1124

Hương Duệ (*thôn*) 香裔村: tg.Thượng Xá,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA . 1246

Hương Duệ (*xã*) 香裔社: h.Cẩm Xuyên,đạo HT 1324

Hương Đà (*thôn*) 香陀村: x.Quang Khái,tg.Thiên Kế,h.Bình Xuyên,
p.Phú Bình,t.TN 801

Hương Đại (*tổng*) 香袋總: h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113

Hương Đại (*xã*) 香袋社: tg.Hương Đại,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113

Hương Đạm (*xã*) 香淡社: tg.Trạc Nhật,h.Thạch Thành,
p.Quảng Hóa,t.TH 1135

Hương Đàn (*tổng*) 香壇總: h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38

Hương Đàn (*xã*) 香壇社: tg.Hương Đàn,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38

Hương Đạo (*tổng*) 鄉道總: h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1033

Hương Đạo (*lý*) 鄉道里: tg.Hương Đạo,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB .. 1033

Hương Đầu (*thôn*) 香頭村: x.Thống Trại,tg.Chi Nê,h.Hậu Lộc,
p.Hà Trung,t.TH 1096

Hương Diễn (*trang*) 香田庄: tg.Yên Tảo,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 259

Hương Đình (*thôn*) 香亭村: tg.Thượng Xá,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246

Hương Đình (*xã*) 香亭社: tg.An Xá,h.Do Linh,đạo QT 1391

Hương Đình (*tổng*) 香亭總: h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525

Hương Đình (*xã*) 香亭社: tg.Hương Đình,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525

Hương Đô (*xã*) 香都社: tg.Đại Mỹ,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8

Hương Đô (*xã*) 香都社: tg.Mai Động,h.Bình Lục,p.Lý Nhân,t.HN 43

Hương Đường (*xã*) 香堂社: tg.Bồng Điền,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333

Hương Đường (*xã*) 香堂社: tg.Trà Hương,h.Nghi Dương,
p.Kiến Thụy,t.HD 140

Hương Giai (*xã*) 香佳社: tg.Bình Lăng,h.Thượng Phúc,p.Thương Tín,t.HN 17

Hương Giản (*xã*) 香澗社: tg.Thái Đào,h.Phượng Nhân,
p.Lạng Giang,t.BN 530

Hương Gián (*xã*) 香間社: tg.Lý Đổ,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 93

Hương Khê (*trại*) 香溪寨: tg.Tân Bối,h.Tiến Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335

Hương Khê (*huyện*) 香溪縣: p.Đức Thọ,t.NA 1261

Hương Khê (*tổng*) 香溪總: h.Hương Khê,p.Đức Thọ,t.NA 1262

Hương Khê (*xã*) 香溪社: tg.Hương Khê,h.Hương Khê,p.Đức Thọ,t.NA . 1262

Hương Khê (*xã*) 香溪社: tg.Yên Định,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124

Hương Khê (xã) 香溪社: tg.Thụy Lội,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38

Hương Khê (thôn) 香溪村: tg.An Trạch,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45

Hương Khê (xã) 香溪社: tg.Phương Đế,h.Chân Ninh,
p.Xuân Trường,t.NĐ 312

Hương La (xã) 香羅社: tg.Quỳnh Côi,h.Quỳnh Côi,pp.Thái Bình,t.NĐ 348

Hương La (tổng) 香羅總: h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497

Hương La (xã) 香羅社: tg.Hương La,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497

Hương La (xã) 香羅社: tg.Vân Trường,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1117

Hương La (xã) 香羅社: tg.Kinh Khê,h.Tiền Minh,p.Nam Sách,t.HD 116

Hương La (xã) 香羅社: tg.Trà Hương,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD ... 140

Hương La (xã) 香羅社: tg.Lập Bái,h.Diễn Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267

Hương Lai (thôn) 香來村: x.Lai Duệ,t.G.Thử Cốc,h.Thuy Nguyên,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1101

Hương Lại (thôn) 香賴村: x.Hải Đô,t.G.Hải Đô,h.Hưng Nguyên,
p.Anh Sơn,t.NA 1243

Hương Lang (xã) 香榔社: tg.Lương Xá,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN .. 31

Hương Lang Ngoại (thôn) 香榔外村: tg.Thanh Mạc,h.Đan Phượng,
p.Quốc Oai,t.ST 922

Hương Lang Nội (thôn) 香榔内村: tg.Thanh Mạc,h.Đan Phượng,
p.Quốc Oai,t.ST 922

Hương Lãng (xã) 香朗社: tg.Thái Lạc,h.Văn Giang,
pp.Thuận Thành,t.BN 517

Hương Lạn (xã) 香爛社: tg.Tự Lạn,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 533

Hương Lạp (thôn) 香粒村: tg.Cao Mật,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144

Hương Lạt (xã) 香濼社: tg.Nội Hoàng,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 166

Hương Lâm (xã) 香林社: tg.Cát Ngạn,h.Thanh Chương,
p.Anh Sơn,t.NA 1239

Hương Lâm (thôn) 香林村: x.Vĩnh Bảo,tg.Biện Thủy,h.Phú Xuyên,
p.Thường Tín,t.HN 22

Hương Lâm (xã) 香林社: tg.Biện Thủy,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN . 22

Hương Lễ (xã) 香禮社: tg.Lý Đổ,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 93

Hương Liên (thôn) 香蓮村: tg.Đô Lương,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1235

Hương Liệu (xã) 香料社: tg.An Lưu,h.Đăng Xương,đạo QT 1384

Hương Lô(xã) 香墟社: tg.Đô Bái,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1087

Hương Lung (xã) 香籠社: tg.Tiểu Trà,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD . 141

Hương Lưu (xã) 香菴社: tg.Quảng Lâm,h.Quế Dương,p.Từ Sơn,t.BN ... 500

Hương Mạc (xã) 香漠社: tg.Thanh Mạc,h.Đan Phượng,
p.Quốc Oai,t.ST 922

Hương Mai (xã) 香枚社: tg.Tự Lạn,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 533

Hương Mãn (xã) 香滿社: tg.Mỹ Thái,h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN 530

Hương Mặc (xã) 香墨社: tg.Du La,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113

Hương Mặc (xã) 香墨社: tg.Nghĩa Lập,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 492

Hương Minh (thôn) 香茗村: tg.Đồng Thọ,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN . 12

Hương Mông (giáp) 鄉蒙甲: x.Bình Hòa,tg.Nam Bạ,h.Tống Sơn,
p.Hà Trung,t.TH 1083

Hương Nại (xã) 香奈社: tg.Thổ Mật,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025

Hương Nang (xã) 香囊社: tg.Phượng Lâu,h.Phù Ninh,
p.Đoan Hùng,t.ST 957

Hương Nê (xã) 香泥社: tg.Thượng Quan,h.Nguyên Bình,p.Hòa An,t.CB 667

Hương Ngọc (xã) 香萼社: tg.Nhân Mục,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 933

Hương Ngải (tổng) 香艾總: h.Thạch Thất,p.Quốc Oai,t.ST 924

Hương Ngải (xã) 香艾社: tg.Hương Ngải,h.Thạch Thất,p.Quốc Oai,t.ST 924

Hương Ngải (tổng) 香艾總: h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40

Hương Ngải (xã) 香艾社: tg.Hương Ngải,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN .. 40

Hương Ngải (xã) 香艾社: tg.Nam Đường,h.Chân Định,
p.Kiến Xương,t.NĐ 332

Hương Nghĩa (thôn) 香義村: tg.Phúc Lâm,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12

Hương Ngọc (xã) 香玉社: tg.Tam Lộng,h.Tam Dương,
p.Vĩnh Tường,t.ST 935

Hương Nha (tổng) 香衙總: h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 941

Hương Nha (xã) 香衙社: tg.Hương Nha,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST . 941

Hương Nha (xã) 香衙社: tg.Hiến Quan,h.Tam Nông,p.Gia Hưng,t.HH ... 709

Hương Nhi (xã) 香兒社: tg.An Cừ,h.Y Yên,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 323

Hương Nhị (xã) 香蕊社: tg.Thủy Cam,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 29

Hương Ninh (xã) 香寧社: tg.Gia Cát,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522

Hương Nộn (xã) 香嫩社: tg.Dị Nậu,h.Tam Nông,p.Gia Hưng,t.HH 709

Hương Phấn (xã) 香粉社: tg.Cao Xá,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

Hương Phấn (thôn) 香粉村: x.Hương Phấn,tg.Cao Xá,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

Hương Phấn (xã) 香奮社: tg.Diễn Hào,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH . 1146

Hương Phương (xã) 香芳社: tg.Thái Lai,h.Quảng Xương,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1121

Hương Qua (thôn) 香瓜村: tg.Thượng Xá,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246

Hương Quan (thôn) 香關村: tg.Thượng Xá,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246

Hương Quan (xã) 香關社: tg.Phù Chấn,h.Thụy Nguyên,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1101

Hương Quan (xã) 香關社: tg.Thượng Ốc,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8

Hương Quất (xã) 香橘社: tg.Mỹ Xá,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134

Hương Sạ (xã) 香麝社: tg.An Khâu,h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948

Hương Sơn (huyện) 香山縣: p.Đức Thọ,t.NA 1258

Hương Sơn (thôn) 香山村: x.Dương Sơn,tg.Dương Sơn,h.Mỹ Hòa,
p.Hà Trung,t.TH 1093

Hương Sơn (xã) 香山社: tg.Hòa Luật,h.Thạch Thành,
p.Quảng Hóa,t.TH 1135

Hương Sơn (xã) 香山社: tg.Mục Hà,h.Vĩnh Tuy,p.An Bình,t.TQ 865

Hương Sơn (thôn) 香山村: tg.Hà Trung,h.Kỳ Anh,đạo HT 1327

Hương Sơn (tổng) 香山總: h.Văn Chấn,p.Quy Hóa,t.HH 725

Hương Sơn (xã) 香山社: tg.Hương Sơn,h.Văn Chấn,p.Quy Hóa,t.HH 725

Hương Tảo (tổng) 香早總: h.Việt Yên,p.Lạng Giang,t.BN 534

Hương Tảo (xã) 香早社: tg.Hương Tảo,h.Việt Yên,p.Lạng Giang,t.BN ... 534

Hương Tảo (xã) 香早社: tg.Tảo Thượng,h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST . 913

Hương Táo (xã) 香棗社: tg.Cự Lâm,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333

Hương Thanh (thôn) 香清村: tg.Vân Trinh,h.Hưng Nguyên,
p.Anh Sơn,t.NA 1243

Hương Thắng (xã) 香勝社: tg.Lâu Hạ,h.Vũ Nai,p.Phú Bình,t.TN 803

Hương Thị (xã) 香柿社: tg.Bái Châu,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109

Hương Thị (tràng) 香柿庄: x.Hương Thị,tg.Bái Châu,h.Yên Định,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1109

Hương Thịnh (thôn) 香盛村: x.Lạp Cầu,tg.Hải Đô,h.Hưng Nguyên,
p.Anh Sơn,t.NA 1243

Hương Thụy (thôn) 香樹村: tg.Vũ Liệt,h.Thanh Chương,p.Anh Sơn,t.NA 1239

Hương Thụy (xã) 香樹社: tg.Hương Khê,h.Hương Khê,p.Đức Thọ,t.NA . 1262

Hương Thủy (huyện) 香水縣: p.TT..... 1422

Hương Tích (thôn) 香蹟村: x.Quả Khê,tg.Vân Trinh,h.Hưng Nguyên,
p.Anh Sơn,t.NA 1243

Hương Tô (xã) 香蘇社: tg.Mao Điền,h.Cẩm Giang,p.Bình Giang,t.HD 97

Hương Trà (thôn) 香茶村: x.Dương Xá,tg.Phù Long,h.Hưng Nguyên,
p.Anh Sơn,t.NA 1242

Hương Trà (huyện) 香茶縣: p.TT..... 1418

Hương Trại (xã) 香齋社: tg.Trừng Xá,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 511

Hương Trì (xã) 香池社: tg.Vân Trường,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1117

Hương Triệu (xã) 香篆社: tg.Đại Lai,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509

Hương Triệu (thôn) 香篆村: x.Đồng Lỗ,tg.Đồng Lỗ,h.Yên Lập,
p.Quy Hóa,t.HH 729

Hương Trù (xã) 香廚社: tg. Hương Nha, h. Yên Lạc, pp. Vĩnh Tường, t. ST .. 941

Hương Trù (xã) 香懶社: tg. Đông Kết, h. Đông Yên, p. Khoái Châu, t. HY 252

Hương Trung (thôn) 鄉中村: x. Dịch Cát, tg. Liên Cừ, h. Hậu Lộc, p. Hà Trung, t. TH 1097

Hương Uyên (xã) 香淵社: tg. Từ Dương, h. Đông Yên, p. Khoái Châu, t. HY 252

Hương Vân (xã) 香雲社: tg. Nội Viên, h. Tiên Du, p. Từ Sơn, t. BN 494

Hương Vận (xã) 香運社: tg. An Thái, h. Hải Lăng, đạo QT 1385

Hương Vĩ (tổng) 香洧總: h. Hữu Lũng, pp. Lạng Giang, t. BN 541

Hương Vĩ (xã) 香洧社: tg. Hương Vĩ, h. Hữu Lũng, pp. Lạng Giang, t. BN 541

Hương Viên (xã) 香園社: tg. Lương Điền, h. Yên Lạc, pp. Vĩnh Tường, t. ST 940

Hương Viên (thôn) 香園村: tg. Thanh Nhân, h. Thọ Xương, p. Hoài Đức, t. HN 13

Hương Xa (xã) 香車社: tg. Đỗ Xá, h. Hương Sơn, p. Đức Thọ, t. NA 1259

Hương Xôi (thôn) 香欸村: x. Đặc Hạ, tg. Cung Thượng, h. Quảng Xương, p. Tĩnh Gia, t. TH 1120

Hưởng Phương (xã) 嚮芳社: tg. Lũ Đãng, h. Bình Chính, p. Quảng Trạch, t. QB 1353

Hướng Càn (xã) 向乾社: tg. Mọc Hạ, ch. Mọc, p. Gia Hưng, t. HH 721

Hướng Dương (thôn) 向陽村: tg. Quảng Thi, h. Thụy Nguyên, p. Thiệu Hóa, t. TH 1102

Hướng Dương (xã) 向陽社: tg. Ngọc Chấn, ch. Thu Châu, p. An Bình, t. TQ 862

Hướng Dương (xã) 向陽社: tg. Bình Lăng, h. Thương Phúc, p. Thường Tín, t. HN 17

Hướng Đạo (xã) 向道社: tg. Lạc Đạo, h. Gia Lâm, pp. Thuận Thành, t. BN .. 515

Hướng Hóa (lý) 向化里: tg. Văn Hải, h. Nghiêu Phong, p. Sơn Định, t. QY ... 421

Hướng Minh (xã) 向銘社: tg. Bằng Hoành, h. Vị Xuyên, p. Tương An, t. TQ 874

Hướng Mộ (xã) 向慕社: ch. Sơn La, p. Gia Hưng, t. HH 714

Hướng Nghĩa (xã) 向義社: tg. Lạc Đạo, h. Lạc Yên, p. Nho Quan, t. NB 1040

Hướng Nghĩa (thôn) 向義村: x. Hành Nhân, tg. Phú Lão, h. Vụ Bản, p. Nghĩa Hưng, t. ND 319

Hướng Tân (ấp) 向津邑: tg. Tân Cơ, h. Tiến Hải, p. Kiến Xương, t. ND 335

Hướng Vinh (thôn) 向榮村: tg. Dương Quý, ch. Chiêu Tấn, p. Yên Tây, t. HH 734

Huu Liệt (thôn) 休烈村: tg. Nam Phú Liệt, h. Thanh Trì, p. Thường Tín, t. HN .. 19

Huu Liệt (xã) 休烈社: tg. Trúc Động, h. Thủy Đường, p. Kinh Môn, t. HD 162

Hữu Ái (xã) 友愛社: tg. Tiêu Xá, h. Gia Bình, p. Thuận Thành, t. BN 509

Hữu Bằng (tổng) 有憑總: h. Hương Sơn, p. Đức Thọ, t. NA 1259

Hữu Bằng (xã) 有憑社: tg. Hữu Bằng, h. Hương Sơn, p. Đức Thọ, t. NA 1259

Hữu Bằng (xã) 有憑社: tg. Kha Hộ, h. Lục Ngạn, p. Lạng Giang, t. BN 537

Hữu Bằng (xã) 有憑社: tg. Thạch Xá, h. Thạch Thát, p. Quốc Oai, t. ST 924

Hữu Bằng (xã) 有憑社: tg. Sơn Lôi, h. Bình Xuyên, p. Phú Bình, t. TN 801

Hữu Bằng (xã) 有朋社: tg. Tiên Yên, h. Vĩnh Tuy, p. An Bình, t. TQ 865

Hữu Bằng (xã) 有憑社: tg. Phù Lương, h. Võ Giàng, p. Từ Sơn, t. BN 501

Hữu Bì (tổng) 有備總: h. Mỹ Lộc, p. Xuân Trường, t. ND 307

Hữu Bì (xã) 有備社: tg. Hữu Bì, h. Mỹ Lộc, p. Xuân Trường, t. ND 307

Hữu Biên Giám (thôn) 右邊監村: tg. Yên Hòa, h. Thọ Xương, p. Hoài Đức, t. HN 12

Hữu Biệt (xã) 有別社: tg. Lâm Thịnh, h. Nam Đường, p. Anh Sơn, t. NA 1235

Hữu Bính (phường) 右柄坊: tg. Vũ Xá, h. Phong Lộc, p. Quảng Ninh, t. QB 1345

Hữu Bổ (xã) 有補社: tg. Sơn Minh, h. Sơn Vi, p. Lâm Thao, t. ST 944

Hữu Bộc (xã) 右僕社: tg. Thạch Khê, h. Đông Sơn, p. Thiệu Hóa, t. TH 1105

Hữu Cal (phường) 右該坊: tg. Minh Lý, h. Phong Lộc, p. Quảng Ninh, t. QB 1345

Hữu Can Lộc (thôn) 右干祿村: tg. Nội Ngoại, h. Can Lộc, p. Đức Thọ, t. NA 1269

Hữu Chấp (xã) 有執社: tg. Nam Cai, h. Vĩnh Lộc, p. Quảng Hóa, t. TH 1131

Hữu Chấp (xã) 有執社: tg. Châm Khê, h. Yên Phong, p. Từ Sơn, t. BN 497

Hữu Chố (thôn) 有別村: tg. Văn Lâm, h. La Sơn, p. Đức Thọ, t. NA 1255

Hữu Chung (xã) 有終社: tg. Xuyên Hử, h. Vĩnh Lại, p. Ninh Giang, t. HD 124

Hữu Chung (xã) 有終社: tg. Hà Lộ, h. Từ Kỳ, p. Ninh Giang, t. HD 134

Hữu Cước (xã) 有腳社: tg. Thượng Tri, h. Từ Liêm, p. Hoài Đức, t. HN 9

Hữu Dụng (xã) 有用社: tg. Đăng Côi, h. Vụ Bản, p. Nghĩa Hưng, t. ND 319

Hữu Đạo (tổng) 有道總: h. Quế Phong, p. Quý Châu, t. NA 1276

Hữu Đạo (xã) 有道社: tg. Hữu Đạo, h. Quế Phong, p. Quý Châu, t. NA 1276

Hữu Đăng (xã) 有登社: tg. Vũ Xá, h. Phong Lộc, p. Quảng Ninh, t. QB 1345

Hữu Đễ (xã) 友悌社: tg. Chu Túc, h. Văn Quan, p. Trảng Định, t. LS 605

Hữu Diếu (xã) 有條社: tg. An Dã, h. Đăng Xương, đạo QT 1384

Hữu Định (xã) 有定社: tg. Gia Cát, h. Hiệp Hòa, p. Đa Phúc, t. BN 522

Hữu Đô (xã) 右都社: tg. Nghĩa Khê, h. Hùng Quan, p. Đoàn Hùng, t. ST 955

Hữu Đông Môn (thôn) 右東門村: tg. Thuận Mỹ, h. Thọ Xương, p. Hoài Đức, t. HN 11

Hữu Giang (xã) 右江社: tg. Cao Lao, h. Bố Trạch, p. Quảng Trạch, t. QB ... 1357

Hữu Hạ (xã) 右下社: tg. Hữu Thượng, h. Hữu Lũng, pp. Lạng Giang, t. BN 541

Hữu Hậu (ấp) 右後邑: tg. Long Đại, h. Phong Lộc, p. Quảng Ninh, t. QB 1345

Hữu Hùng (ấp) 右雄邑: tg. Long Đại, h. Phong Lộc, p. Quảng Ninh, t. QB .. 1345

Hữu Khánh (tràng) 友慶庄: tg. Đồng Bộc, ch. Lộc Bình, p. Tràng Khánh, t. LS 621

Hữu Khuông (tổng) 右匡總: h. Kỳ Sơn, p. Tương Dương, t. NA 1273

Hữu Khuông (xã) 右匡社: tg. Hữu Khuông, h. Kỳ Sơn, p. Tương Dương, t. NA 1273

Hữu Lại (thôn) 有賴村: x. Đồng Đội, tg. Tuấn La, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1116

Hữu Lân (xã) 右鄰社: tg. Quang Biểu, h. Việt Yên, p. Lạng Giang, t. BN 534

Hữu Lân (xã) 右鄰社: tg. Văn Nham, h. Hữu Lũng, pp. Lạng Giang, t. BN 540

Hữu Lân (xã) 右鄰社: tg. Sơn Trang, ch. Ôn, p. Tràng Khánh, t. LS 616

Hữu Lập (thôn) 有立村: tg. Hoàng Mai, h. Quỳnh Lưu, p. Diễn Châu, t. NA .. 1253

Hữu Lập (sách) 有立冊: tg. Nhiều Hợp, h. Nghĩa Đường, p. Quý Châu, t. NA 1276

Hữu Lễ (xã) 有禮社: tg. Lục Dã, h. Tương Dương, p. Tương Dương, t. NA ... 1272

Hữu Lễ (xã) 有禮社: tg. Như Lăng, ch. Thường Xuân, p. Thọ Xuân, t. TH 1147

Hữu Lộc (thôn) 有祿村: x. Kiệt Thạch, tg. Độ Liêu, h. Can Lộc, p. Đức Thọ, t. NA 1269

Hữu Lộc (xã) 有祿社: tg. Hành Phố, h. Phong Đăng, p. Quảng Ninh, t. QB .. 1347

Hữu Lộc (xã) 有祿社: tg. Nghĩa Khê, h. Hùng Quan, p. Đoàn Hùng, t. ST 955

Hữu Lộc (thôn) 有祿村: x. Tuấn La Thái, tg. Tuấn La, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1116

Hữu Lộc (xã) 有祿社: tg. Kiệt Đặc, h. Chí Linh, p. Nam Sách, t. HD 106

Hữu Lộc (xã) 有祿社: tg. Bằng Mạc, ch. Ôn, p. Tràng Khánh, t. LS 616

Hữu Lộc (xã) 有祿社: tg. Cự Lâm, h. Thư Trì, p. Kiến Xương, t. ND 333

Hữu Lũng (huyện) 右隴縣: pp. Lạng Giang, t. BN 540

Hữu Lương (xã) 友良社: tg. Huân Phong, h. Văn Quan, p. Trảng Định, t. LS 605

Hữu Mục (xã) 友睦社: tg. Mục Sơn, h. Yên Thế, pp. Lạng Giang, t. BN 540

Hữu Na (xã) 有那社: tg. Mỹ Lương, h. Mỹ Lương, p. Quốc Oai, t. ST 925

Hữu Nghĩa (thôn) 有義村: x. Bái Hà, tg. Đăng Trường, h. Hậu Lộc, p. Hà Trung, t. TH 1096

Hữu Ninh (thôn) 有寧村: x. Thu Hoạch, tg. Canh Hoạch, h. Can Lộc, p. Đức Thọ, t. NA 1270

Hữu Phan (xã) 右潘社: tg. Trung Quán, h. Phong Lộc, p. Quảng Ninh, t. QB 1345

Hữu Phú (xã) 有覆社: tg. Lữ Lương, h. Tam Dương, p. Vĩnh Tường, t. ST 935

Hữu Phương (thôn) 有芳村: x. Thu Hoạch, tg. Canh Hoạch, h. Can Lộc, p. Đức Thọ, t. NA 1270

Hữu Quang (xã) 有琬社: tg. Thạch Thán, h. Yên Sơn, p. Quốc Oai, t. ST 920

Hữu Sản (xã) 有產社: tg. Bằng Hoành, h. Vị Xuyên, p. Tương An, t. TQ 874

Hữu Sản (xã) 有產社: tg. Lê Viễn, h. Yên Bái, p. Tràng Khánh, t. LS 619

Hữu Tân (thôn) 右津村: tg. Phúc Lâm, h. Thọ Xương, p. Hoài Đức, t. HN 12

Hữu Thác (xã) 有托社: tg. Cồn Minh, ch. Bạch Thông, p. Thông Hóa, t. TN .. 819

Hữu Thanh Oai (xã) 右青威社: tg. Tả Thanh Oai, h. Thanh Oai, p. Ứng Hòa, t. HN 28

Hữu Thị Tây Luông (<i>thôn</i>) 右市西龍村: tg.Phúc Lâm,h.Thọ Xương, p.Hoài Đức,t.HN 12	
Hữu Thổ (<i>xã</i>) 有土社: tg.Ngọc Chúc,h.Hùng Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 955	
Hữu Thu (<i>tổng</i>) 有秋總: ch.Thoát Lãng,p.Tràng Định,t.LS 607	
Hữu Thu (<i>xã</i>) 有秋社: tg.Hữu Thu,ch.Thoát Lãng,p.Tràng Định,t.LS 607	
Hữu Thủ (<i>xã</i>) 有守社: tg.Miêu Duệ,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 935	
Hữu Thủy (<i>tổng</i>) 右水總: ch.Quan Hóa,p.Quảng Hóa,t.TH 1137	
Hữu Thủy (<i>xã</i>) 右水社: tg.Hữu Thủy,ch.Quan Hóa,p.Quảng Hóa,t.TH 1137	
Hữu Thường (<i>xã</i>) 有常社: tg.Vân Cái,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029	
Hữu Thượng (<i>tổng</i>) 右上總: h.Hữu Lũng,pp.Lạng Giang,t.BN 541	
Hữu Thượng (<i>xã</i>) 右上社: tg.Hữu Thượng,h.Hữu Lũng, pp.Lạng Giang,t.BN 541	
Hữu Tiệm (<i>xã</i>) 有漸社: tg.Đa Cốc,h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ 330	
Hữu Tiệp (<i>trại</i>) 右捷寨: tg.Nội,h.Vĩnh Thuận,p.Hoài Đức,t.HN 13	
Hữu Văn (<i>xã</i>) 有文社: tg.Vân Tập,h.Quế Phong,p.Quỳ Châu,t.NA 1276	
Hữu Vi (<i>ấp</i>) 有爲邑: tg.Tân Cơ,h.Tiến Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335	
Hữu Vi (<i>xã</i>) 有爲社: tg.Tam Lộng,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1145	
Hữu Vĩnh (<i>giáp</i>) 有永甲: tg.Quỳnh Lâm,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA 1253	
Hữu Vĩnh (<i>xã</i>) 有永社: tg.Hòa Lạc,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926	
Hữu Vĩnh (<i>xã</i>) 有永社: tg.Quỳnh Sơn,h.Vũ Nhai,p.Phú Bình,t.TN 803	
Hữu Vĩnh (<i>xã</i>) 有永社: tg.Bái Trạch,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1090	
Hữu Vĩnh (<i>xã</i>) 有永社: tg.Đông Quan,h.Đế Định,p.Tương An,t.TQ 871	
Hữu Vĩnh (<i>xã</i>) 有永社: tg.Phù Lưu Thượng,h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN 34	
Hữu Vu (<i>tổng</i>) 有芋總: h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959	
Hữu Vu (<i>xã</i>) 有芋社: tg.Hữu Vu,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959	
Hữu Xuyên (<i>xã</i>) 右川社: tg.Hữu Thủy,ch.Quan Hóa,p.Quảng Hóa,t.TH 1137	
Hựu Hiễn (<i>xã</i>) 佑賢社: tg.Toại An,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134	
Hy Cương (<i>xã</i>) 義崗社: tg.Xuân Lũng,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944	
Hy Hà (<i>xã</i>) 熙河社: tg.Thượng Bái,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267	
Hy Lũng (<i>xã</i>) 熙隴社: tg.Trà Lĩnh,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659	
Hy Nhiên (<i>giáp</i>) 熙然甲: tg.Hồi Thuần,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1033	
Hy Sơn (<i>xã</i>) 義山社: tg.Xuân Lũng,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944	
Hy Tái (<i>xã</i>) 熙載社: tg.Điều Yêu,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151	
Hỷ Duyệt (<i>thôn</i>) 喜悅村: tg.Hoàn Phúc,h.Bố Trạch,p.Quảng Trạch,t.QB 1357	
Hỷ Tước (<i>tràng</i>) 喜雀庄: tg.Tiên Châu,h.Tiên Lữ,p.Tiên Hưng,t.HY 272	

I

Ich Hạng (<i>xã</i>) 益厚社: tg.Phù Lưu,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269	
Ich Hạng (<i>thôn</i>) 益厚村: x.Ich Hạng,t.Phù Lưu,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269	
Ich Hữu (<i>xã</i>) 益友社: tg.Quang Bì,ch.Văn Uyên,p.Tràng Định,t.LS 611	
Ich Lộc (<i>xã</i>) 益祿社: tg.Kiên Thạch,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1144	
Ich Minh (<i>xã</i>) 益明社: tg.Hương Nha,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 941	
Ich Nhị (<i>xã</i>) 益二社: tg.Tri Nhị,h.Quế Dương,p.Từ Sơn,t.BN 500	
Ich Trang (<i>xã</i>) 益莊社: tg.Quan Trang,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD ... 148	
Ich Vịnh (<i>xã</i>) 益詠社: tg.Thanh Mạc,h.Đan Phượng,p.Quốc Oai,t.ST 922	
Ich Vịnh (<i>xã</i>) 益詠社: tg.Cao Vịnh,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1087	
Ich Vịnh (<i>thôn</i>) 益詠村: x.Vĩnh Trung,t.Cổ Điện,h.Thanh Trì, p.Thường Tín,t.HN 19	

K

Kê Sơn (<i>tổng</i>) 稽山總: h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124	
---	--

Kê Sơn (<i>xã</i>) 稽山社: tg.Kê Sơn,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124	
Kế Đăng (<i>ấp</i>) 繼登邑: tg.Kế Mỹ,h.Phú Vang,p.TT 1420	
Kế Khê (<i>xã</i>) 薊溪社: tg.Ấm Phúc,ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ 863	
Kế Mỹ (<i>tổng</i>) 繼美總: h.Phú Vang,p.TT 1420	
Kế Môn (<i>xã</i>) 薊門社: tg.Vĩnh Xương,h.Phong Điền,p.TT 1428	
Kế Môn (<i>xã</i>) 薊門社: tg.Cẩm Lý,h.Nguyên Bình,p.Hòa An,t.CB 667	
Kế Sung (<i>xã</i>) 繼充社: tg.Kế Mỹ,h.Phú Vang,p.TT 1420	
Kệ Châu (<i>xã</i>) 偃洲社: tg.Thanh Cù,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 259	
Kệ Gián (<i>xã</i>) 偃間社: tg.Bằng Dã,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 93	
Kệ Sơn (<i>xã</i>) 偃山社: tg.Phương Hương,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926	
Kệ Sơn (<i>xã</i>) 偃山社: tg.Thượng Chiếu,h.Đông Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165	
Kênh (<i>thôn</i>) 涇村: x.Hoàng La,tg.Lỗ Hương,h.Mỹ Hóa,p.Hà Trung,t.TH ... 1093	
Kênh (<i>thôn</i>) 涇村: x.Phi Lai,tg.Phi Lai,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086	
Kênh (<i>thôn</i>) 涇村: x.Tràng Lang,tg.Yên Định,h.Yên Định, p.Thiệu Hóa,t.TH 1109	
Kênh (<i>thôn</i>) 涇村: x.Y Đồn,tg.Y Đồn,h.Thần Khê,p.Tiên Hưng,t.HY 265	
Kênh (<i>thôn</i>) 涇村: x.Đô Mỹ,tg.Y Đồn,h.Thần Khê,p.Tiên Hưng,t.HY 265	
Kênh Bạt (<i>xã</i>) 涇拔社: tg.Nam Đường,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ ... 332	
Kênh Bối (<i>xã</i>) 涇貝社: tg.Đặng Xá,h.Ân Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256	
Kênh Cầu (<i>xã</i>) 涇棧社: tg.Đổng Than,h.Văn Giang, pp.Thuận Thành,t.BN 517	
Kênh Dương (<i>xã</i>) 涇陽社: tg.La Đồi,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 110	
Kênh Đào (<i>thôn</i>) 涇陶村: x.Lộc Động,tg.Yên Mô,h.Yên Mô, p.Yên Khánh,t.NB 1025	
Kênh Đào (<i>xã</i>) 涇陶社: tg.Bột Xuyên,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31	
Kênh Đào (<i>xã</i>) 涇陶社: tg.Hành Thiện,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304	
Kênh Đào (<i>xã</i>) 涇陶社: tg.Phú Lão,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319	
Kênh Đào (<i>thôn</i>) 涇陶村: x.Đào Dương,tg.Phú Lão,h.Vụ Bản, p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 320	
Kênh Điển (<i>xã</i>) 涇田社: tg.Du Viên,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 148	
Kênh Động (<i>xã</i>) 涇洞社: tg.Cẩm Bối,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40	
Kênh Hạ (<i>xã</i>) 涇夏社: tg.Dương Nham,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD 158	
Kênh Hữu (<i>xã</i>) 涇右社: tg.Bắc Tạ,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126	
Kênh Khê (<i>thôn</i>) 涇溪村: x.Đông Lý,tg.Đông Lý,h.Yên Định, p.Thiệu Hóa,t.TH 1110	
Kênh Khê (<i>xã</i>) 涇溪社: tg.Đông Kết,h.Đông Yên,p.Khoái Châu,t.HY 252	
Kênh Khương (<i>xã</i>) 涇姜社: tg.Chiêu Lai,h.Đường Hào, p.Bình Giang,t.HD 100	
Kênh Lũ (<i>xã</i>) 涇縷社: tg.Bình Cách,h.Đông Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 339	
Kênh Lũng (<i>xã</i>) 涇隴社: tg.Thị Liệu,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ .. 310	
Kênh Môn (<i>xã</i>) 涇門社: tg.Xuân Hoà,h.Minh Linh,đạo QT 1390	
Kênh Nhuận (<i>xã</i>) 涇潤社: tg.Thuận Lễ,h.Minh Chính, p.Quảng Trạch,t.QB 1356	
Kênh Nhuế (<i>xã</i>) 涇汭社: tg.Nam Đường,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 332	
Kênh Phố (<i>xã</i>) 涇浦社: tg.Vạn Tư,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509	
Kênh Thanh (<i>xã</i>) 涇清社: tg.Thuận Lễ,h.Minh Chính, p.Quảng Trạch,t.QB 1356	
Kênh Thanh (<i>tổng</i>) 涇清總: h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 117	
Kênh Thanh (<i>xã</i>) 涇清社: tg.Kênh Thanh,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 117	
Kênh Thanh (<i>xã</i>) 涇清社: tg.Bình Lương,h.Y Yên,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ .. 323	
Kênh Thủy (<i>xã</i>) 涇水社: tg.Mỹ Xá,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40	
Kênh Trạch (<i>thôn</i>) 涇澤村: tg.Kê Sơn,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124	
Kênh Trạo (<i>xã</i>) 涇掉社: tg.Tri Xuyên,h.Hoàn Bó,p.Sơn Định,t.QY 406	
Kênh Trì (<i>xã</i>) 涇池社: tg.Hu Trì,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126	
Kênh Triều (<i>xã</i>) 涇潮社: tg.Lạc Thị,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 130	
Kênh Triều (<i>tổng</i>) 涇潮總: h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162	
Kênh Triều (<i>xã</i>) 涇潮社: tg.Kênh Triều,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162	

Kênh Trung (xã) 涇中社: tg.Kiệt Đặc,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD	106
Kênh Trùng (xã) 涇澄社: tg.Thuân Lễ,h.Minh Chính, p.Quảng Trạch,t.QB	1356
Kênh Uyên (xã) 涇淵社: tg.Thạch Lỗi,h.Cẩm Giang,p.Bình Giang,t.HD ...	97
Kênh Xuyên (xã) 涇川社: tg.Đại Hoàng,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD	144
Kha Hộ (tổng) 訶護總: h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN	537
Kha Hộ (xã) 訶護社: tg.Kha Hộ,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN	537
Kha Lâm (xã) 珂林社: tg.Văn Đầu,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD	144
Kha Lý (xã) 珂里社: tg.Yên Bái,h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ	343
Kha Lý (xã) 軻里社: tg.Mật Ninh,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN	533
Kha Nhi (xã) 柯而社: tg.La Đình,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN	794
Kha Sơn (xã) 柯山社: tg.La Đình,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN	794
Kha Xá (xã) 訶舍社: tg.Vĩnh Lại,h.Cẩm Giang,p.Bình Giang,t.HD	97
Khả Cảnh (xã) 可景社: tg.Đa Cốc,h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ	330
Khả Chính (xã) 可政社: tg.An Cự,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ	319
Khả Cửu (xã) 可久社: tg.Kiên Lao,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN	537
Khả Cửu (xã) 可久社: tg.Yên Lãng,h.Thanh Thủy,p.Gia Hưng,t.HH	713
Khả Do (xã) 可由社: tg.Kim Anh,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN	525
Khả Gia (phường) 可嘉坊: tg.Phương Điền,h.Hương Khê, p.Đức Thọ,t.NA	1262
Khả La (trang) 可羅庄: tg.Tống Súc,h.Hung Nhân,p.Tiên Hưng,t.HY	268
Khả Lạc (thôn) 可樂村: tg.Đàm Khánh,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB	1025
Khả Lam (thôn) 可藍村: x.Yên Thái,tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH	1115
Khả Lãm (xã) 可攬社: tg.Xuân Liểu,h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA	1236
Khả Liễu (thôn) 可了村: x.Hương Lâm,tg.Biện Thủy,h.Phú Xuyên, p.Thường Tín,t.HN	22
Khả Luật (thôn) 可律村: tg.Thổ Ngõa,h.Cẩm Xuyên,đạo HT	1323
Khả Lực Trung (trang) 可力中庄: Khả Lực,tg.Cao Đường, h.Thượng Nguyên,p.Xuân Trường,t.NĐ	309
Khả Phong (thôn) 可封村: tg.Đặng Sơn,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA	1235
Khả Phong (xã) 可封社: tg.Thụy Lôi,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN	38
Khả Phú (thôn) 可富村: x.Nam Thạch,tg.Đan Nê,h.Yên Định, p.Thiệu Hóa,t.TH	1109
Khả Quan (thôn) 可觀村: tg.Đặng Sơn,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA ..	1235
Khách (phố) 客庸: tg.Trung Môn,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ	859
Khách Nhi (thôn) 客兒村: x.Tang Thác,tg.Tang Thác,h.Tiên Phong, p.Quảng Oai,t.ST	909
Khai Khẩn (thôn) 開墾村: tg.Lạn Khê,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB	1025
Khai Lai (xã) 開來社: tg.Hà Động,h.Đông Quan,p.Thái Bình,t.NĐ	338
Khai Lãng (xã) 開朗社: tg.Đặng Sơn,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA	1235
Khai Quang (xã) 開光社: tg.Quyết Trung,h.Tam Dương, p.Vĩnh Tường,t.ST	934
Khai Quán (xã) 開館社: tg.Cổ Linh,ch.Chiêm Hoá,p.Tương An,t.TQ	877
Khai Thái (tổng) 開泰總: h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN	22
Khai Thái (xã) 開泰社: tg.Khai Thái,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN	22
Khải Mông (xã) 啓蒙社: tg.Xuân Viên,h.Nghi Xuân,p.Đức Thọ,t.NA	1264
Khải Mông (xã) 啓蒙社: tg.Phá Lãng,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN	511
Khải Xuân (tổng) 啓春總: h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST	945
Khải Xuân (xã) 啓春社: tg.Khải Xuân,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST	945
Khám Lãng (xã) 龔浪社: tg.Bắc Lũng,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN ...	537
Khang Lực (xã) 糠力社: tg.Tú Trạc,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST	959
Khang Thọ (thôn) 康壽村: tg.Lâm Thịnh,h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA	1236
Khán Xuân (thôn) 看春村: tg.Yên Thành,h.Vĩnh Thuận,p.Hoài Đức,t.HN .	13
Khánh (thôn) 慶村: x.Hiến Môn,tg.Vụ Bản,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ ..	319
Khánh Đường (thôn) 慶堂村: x.Đồng Lâm,tg.Nga Khê,h.Can Lộc, p.Đức Thọ,t.NA	1269

Khánh Giang (xã) 慶江社: tg.Yên Lễ,h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN ...	540
Khánh Hiệp (xã) 慶協社: tg.Thượng Hiệp,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST ..	919
Khánh Khê (xã) 慶溪社: tg.Phú Xá,h.Văn Quan,p.Tràng Định,t.LS	605
Khánh Lạc (thôn) 慶樂村: x.Hoàng Xá,tg.Vũ Liệt,h.Thanh Chương, p.Anh Sơn,t.NA	1239
Khánh Lai (thôn) 慶來村: x.Tự Tiên,tg.Diên Lão,h.Tiên Minh, p.Nam Sách,t.HD	117
Khánh Lai (thôn) 慶來村: x.Đô Kỳ,tg.Y Đồn,h.Thần Khê, p.Tiên Hưng,t.HY	265
Khánh Lộc (thôn) 慶祿村: x.Tiền Đào,tg.Nam Kim,h.Thanh Chương, p.Anh Sơn,t.NA	1239
Khánh Lộc (ấp) 慶祿邑: tg.Cư Chánh,h.Hương Thủy,p.TT	1422
Khánh Mậu (thôn) 慶茂村: x.Cổ Miệt,tg.Hương Đại,h.Thanh Hà, p.Nam Sách,t.HD	113
Khánh Mỹ (ấp) 慶美邑: tg.Kế Mỹ,h.Phú Vang,p.TT	1420
Khánh Mỹ (xã) 慶美社: tg.Tống Súc,h.Hung Nhân,p.Tiên Hưng,t.HY	267
Khánh Môn (xã) 慶門社: tg.An Hóa,ch.Thoát Lãng,p.Tràng Định,t.LS ...	608
Khánh Nham (tổng) 慶岩總: h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS	602
Khánh Nham (xã) 慶岩社: tg.Khánh Nham,h.Thất Khê, p.Tràng Định,t.LS	602
Khánh Sơn (xã) 慶山社: tg.Văn Viên,h.Hung Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA ..	1242
Khánh Tân (thôn) 慶津村: tg.Lật Sài,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST	919
Khánh Thọ (phường) 慶壽坊: tg.Thủy Ba,h.Minh Linh,đạo QT	1390
Khánh Thọ (thôn) 慶壽村: tg.Phú Hà,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH ..	1101
Khánh Thụy Tả (thôn) 慶瑞左村: tg.Thuận Mỹ,h.Thọ Xương, p.Hoài Đức,t.HN	11
Khánh Trạch (xã) 慶澤社: tg.Tuần La,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH	1117
Khánh Vân (thôn) 慶雲村: x.Hà Liễu,tg.Hà Liễu,h.Thanh Trì, p.Thường Tín,t.HN	19
Khánh Vân (xã) 慶雲社: tg.Đạo Tú,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN	26
Khánh Yên (tổng) 慶安總: ch.Văn Bàn,p.Quy Hóa,t.HH	730
Khánh Yên (xã) 慶安社: tg.Khánh Yên,ch.Văn Bàn,p.Quy Hóa,t.HH	730
Khánh Yên (trại) 慶安寨: tg.Khánh Yên,ch.Văn Bàn,p.Quy Hóa,t.HH	730
Khảo Bàn (xã) 考盤社: tg.Khánh Yên,ch.Văn Bàn,p.Quy Hóa,t.HH	730
Khảo Bàn (xã) 考盤社: tg.Bằng Quân,h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS	602
Khắc Kiệm (xã) 克儉社: tg.Chàng Xá,h.Vũ Nai,p.Phú Bình,t.TN	803
Khắc Lư (xã) 克閭社: tg.Mỹ Dương,h.Phong Doanh,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ ..	325
Khắc Nhất (giáp) 克一甲: tg.Hoàng Thu,h.Giao Thủy, p.Xuân Trường,t.NĐ	304
Khắc Niệm (tổng) 克念總: h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN	494
Khắc Niệm Hạ (xã) 克念下社: tg.Khắc Niệm,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN ..	494
Khắc Niệm Thượng (xã) 克念上社: tg.Khắc Niệm,h.Tiên Du, p.Từ Sơn,t.BN	494
Khắc Ninh (trang) 克寧庄: tg.Thượng Bạ,h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH ..	1082
Khắc Hoạch (xã) 肯獲社: tg.Bãi Trượng,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN ..	31
Khâu An (xã) 邱安社: tg.Trung An,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB	659
Khâu Mông (xã) 駙驤社: tg.Phú Xá,h.Văn Quan,p.Tràng Định,t.LS	605
Khe Bôn (xã) 溪奔社: tg.Đồng Văn,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST	959
Khe Cầu (trại) 溪溝寨: tg.Vụ Bản,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ	319
Khe Cầu (xã) 溪楸社: tg.Cổ Dũng,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN	534
Khe Đầu (xã) 溪頭社: tg.Vũ Lâm,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB	1021
Khe Hạ (xã) 溪下社: tg.Luân Khê,ch.Thường Xuân,p.Thọ Xuân,t.TH	1147
Khe Hối (xã) 溪洄社: tg.Hà Hối,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN	17
Khe Khẩu (xã) 溪口社: tg.Vĩnh Đại,h.Đông Triều,p.Kinh Môn,t.HD	165
Khe Kiều (tổng) 溪橋總: h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ	333
Khe Kiều (xã) 溪橋社: tg.Khe Kiều,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ	333
Khe Ngoại (xã) 溪外社: tg.Kim Đà,h.Yên Lãng,pp.Vĩnh Tường,t.ST	938

Khê Nữ (xã) 溪女社: tg. Phú Lễ, h. Kim Anh, p. Đa Phúc, t. BN 525

Khê Tang (xã) 溪桑社: tg. Đại Định, h. Thanh Oai, p. Ứng Hòa, t. HN 28

Khê Than (xã) 溪灘社: tg. Tiên Lữ, h. Yên Sơn, p. Quốc Oai, t. ST 920

Khê Than (xã) 溪灘社: tg. Văn Nuê, h. Ân Thi, p. Khoái Châu, t. HY 256

Khê Thượng (thôn) 溪上村: tg. Hương Khê, h. Hương Khê, p. Đức Thọ, t. NA 1262

Khê Thượng (tổng) 溪上總: h. Bát Bạt, p. Quảng Oai, t. ST 915

Khê Thượng (xã) 溪上社: tg. Khê Thượng, h. Bát Bạt, p. Quảng Oai, t. ST .. 915

Khê Xá (xã) 溪舍社: tg. Hàng Vi, h. Hoàng Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1090

Khê Xá (xã) 溪舍社: tg. Sư Lễ, h. Phú Vang, p. TT 1420

Khiêm Ich (thôn) 謙益村: x. Nga Khê, tg. Nga Khê, h. Can Lộc, p. Đức Thọ, t. NA 1269

Khiêm Xung (xã) 謙沖社: tg. Quang Chiêm, ch. Quan Hóa, p. Quảng Hóa, t. TH 1138

Khiết Cử (trại) 絮矩寨: tg. Hoàng Thu, h. Giao Thủy, p. Xuân Trường, t. ND .. 304

Khiết Kỷ (ấp) 潔己邑: tg. Quy Hậu, h. Kim Sơn, p. Yên Khánh, t. NB 1033

Khiếu Đắc (xã) 叫得社: tg. Trung An, h. Thạch Lâm, p. Hòa An, t. CB 659

Khiếu Thang (phố) 叫湯庸: tg. Nga Ô, h. Thượng Lang, p. Trùng Khánh, t. CB 672

Kinh Dao (xã) 輕徭社: tg. Vụ Nòng, h. Giáp Sơn, p. Kinh Môn, t. HD 158

Kinh Khoái (xã) 輕快社: ch. Thuận, p. Điện Biên, t. HH 744

Khoa Cử (thôn) 科舉村: tg. Lâm Thịnh, h. Nam Đường, p. Anh Sơn, t. NA .. 1235

Khoa Trường (thôn) 科場村: x. Lương Trường, tg. Bích Triều, h. Thanh Chương, p. Anh Sơn, t. NA 1238

Khoa Trường (giáp) 科場甲: x. Tuấn La, tg. Tuấn La, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1116

Khoá Nhu (tổng) 袴襦總: h. Đông Yên, p. Khoái Châu, t. HY 253

Khoá Nhu (xã) 袴襦社: tg. Khoá Nhu, h. Đông Yên, p. Khoái Châu, t. HY 253

Khoái (thôn) 快村: x. An Khoái, tg. Lôi Dương, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1144

Khoái Châu (phủ) 快州府: t. HY 249

Khoái Khê (xã) 快溪社: tg. Xuân Lai, h. Gia Bình, p. Thuận Thành, t. BN 509

Khoái Lạc (xã) 快樂社: tg. Hà Bắc, h. Yên Hưng, p. Sơn Định, t. QY 411

Khoái Lạc (tổng) 快樂總: h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1110

Khoái Lạc (xã) 快樂社: tg. Khoái Lạc, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1110

Khoan Bộ (xã) 寬步社: tg. Nhân Mục, h. Lập Thạch, p. Vĩnh Tường, t. ST ... 933

Khoan Dịch (thôn) 寬役村: x. Du Trường, tg. Du Trường, h. Hậu Lộc, p. Hà Trung, t. TH 1096

Khoan Lư (xã) 寬閣社: tg. Hữu Vу, h. Sơn Dương, p. Đoan Hùng, t. ST 959

Khoan Tế (thôn) 寬濟村: x. Đa Tốn, tg. Đa Tốn, h. Gia Lâm, pp. Thuận Thành, t. BN 515

Khoan Trọng (xã) 寬仲社: tg. Công Xá, h. Nam Xương, p. Lý Nhân, t. HN 44

Khoát Dã (xã) 闊野社: tg. Đào Quan, h. Bảo Lộc, p. Lạng Giang, t. BN 531

Khố Kỳ (thôn) 庫旗村: x. Mao Xá, tg. Lôi Dương, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1144

Khố Nội (thôn) 庫內村: x. Nga Khê, tg. Nga Khê, h. Can Lộc, p. Đức Thọ, t. NA 1269

Khôi Hoàn (van) 恢宏溝: tg. Cự Lâm, h. Nghĩa Đường, p. Quỳnh Châu, t. NA 1275

Khôi Kỳ (xã) 瑰琦社: tg. Tiên Sơn, h. Đại Từ, p. Tông Hóa, t. TN 810

Khôn Duy (thôn) 坤維村: tg. Mỹ Lương, h. Mỹ Lương, p. Quốc Oai, t. ST 925

Khôn Lại (trại) 坤賴寨: tg. Trữ Trí, ch. Thoát Lãng, p. Tràng Định, t. LS 608

Khôn Lâu (xã) 坤婁社: tg. Thốc Sơn, h. Hữu Lũng, pp. Lạng Giang, t. BN 541

Khôn Văn (xã) 坤文社: tg. Tràng Quế, ch. Ôn, p. Tráng Khánh, t. LS 617

Khổn Vi (xã) 鷹圍社: tg. Niêm Sơn, h. Lục Ngạn, p. Lạng Giang, t. BN 537

Khổng Tào (xã) 孔曹社: tg. Tam Lộng, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH ... 1145

Khổng Trạch (xã) 孔宅社: tg. Hào Kiệt, h. Vụ Bản, p. Nghĩa Hưng, t. ND 319

Khổng Tước (xã) 孔雀社: tg. Văn Bán, h. Yên Lập, p. Quy Hóa, t. HH 728

Khổng Xuyên (xã) 孔川社: tg. Đông Văn, h. Sơn Dương, p. Đoan Hùng, t. ST 959

Khuẩn Hà (xã) 菌河社: tg. Vĩnh Yên, ch. Chiêm Hoá, p. Tương An, t. TQ 877

Khuẩn Sơn (xã) 菌山社: tg. Đại Đồng, ch. Thu Châu, p. An Bình, t. TQ 863

Khuất Xá (tổng) 屈舍總: ch. Lộc Bình, p. Tráng Khánh, t. LS 621

Khuất Xá (xã) 屈舍社: tg. Khuất Xá, ch. Lộc Bình, p. Tráng Khánh, t. LS 621

Khúc Gián (xã) 曲澗社: tg. An Luận, h. An Lão, p. Kiến Thụy, t. HD 144

Khúc Lộng (xã) 曲弄社: tg. Cổ Lũng, h. Phú Lương, p. Tông Hóa, t. TN 812

Khúc Lộng (xã) 曲弄社: tg. Xuân Cầu, h. Văn Giang, pp. Thuận Thành, t. BN 518

Khúc Mai (xã) 曲枚社: tg. Đông Hồ, h. Đông Quan, p. Thái Bình, t. ND 339

Khúc Phấn (xã) 曲粉社: tg. Liên Cừ, h. Hậu Lộc, p. Hà Trung, t. TH 1097

Khúc Phụ (xã) 曲阜社: tg. Ngọc Xuyên, h. Hoàng Hóa, p. Hà Trung, t. TH .. 1091

Khúc Phụ (xã) 曲阜社: tg. Thổ Bình, ch. Chiêm Hoá, p. Tương An, t. TQ 877

Khúc Thủy (thôn) 曲水村: tg. Tá Thanh Oai, h. Thanh Oai, p. Ứng Hòa, t. HN 28

Khúc Toại (xã) 曲遂社: tg. Châm Khê, h. Yên Phong, p. Từ Sơn, t. BN 497

Khúc Trì (xã) 曲池社: tg. Văn Đầu, h. An Lão, p. Kiến Thụy, t. HD 144

Khuê Chữ (xã) 圭渚社: tg. Long Hồ, h. Hương Trà, p. TT 1418

Khuê Chữ (ấp) 圭渚邑: tg. Lương Diên, h. Phú Lộc, p. TT 1424

Khuê Phương (xã) 圭芳社: tg. Phú Gia, h. Kim Thành, p. Kiến Thụy, t. HD .. 147

Khuông Lư (xã) 匡廬社: tg. Kênh Triều, h. Thủy Đường, p. Kinh Môn, t. HD 162

Khuông Phù (tổng) 匡扶總: h. Quảng Diên, p. TT 1427

Khuông Phù (xã) 匡扶社: tg. Khuông Phù, h. Quảng Diên, p. TT 1427

Khuông Phù (xã) 匡扶社: tg. Tống Súc, h. Hưng Nhân, p. Tiên Hưng, t. HY 268

Khuông Phụ (xã) 匡輔社: tg. Phương Duy, h. Gia Lộc, p. Ninh Giang, t. HD 130

Khuyến Công (xã) 勸功社: tg. Thụy Lợi, h. Kim Bảng, p. Lý Nhân, t. HN 38

Khuyến Lương (xã) 勸良社: tg. Thanh Tri, h. Thanh Tri, p. Thường Tín, t. HN 19

Khuyến Nông (xã) 勸農社: tg. Mục Sơn, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1146

Khuyến Thiện (thôn) 勸善村: x. Đông Trạch, tg. Lương Tài, h. Lương Tài, p. Thuận Thành, t. BN 511

Khuynh Quý (tổng) 傾葵總: ch. Định, p. Tông Hóa, t. TN 807

Khuynh Quý (xã) 傾葵社: tg. Khuynh Quý, ch. Định, p. Tông Hóa, t. TN 807

Khương Dụ (xã) 姜裕社: tg. Quảng Phúc, h. Yên Mô, p. Yên Khánh, t. NB 1025

Khương Đình (tổng) 姜亭總: h. Thanh Tri, p. Thường Tín, t. HN 19

Khương Đình (xã) 姜亭社: tg. Khương Đình, h. Thanh Tri, p. Thường Tín, t. HN 19

Khương Giang (xã) 姜江社: tg. Nộn Khê, h. Yên Mô, p. Yên Khánh, t. NB 1025

Khương Hà (xã) 姜河社: tg. Hoàn Phúc, h. Bố Trạch, p. Quảng Trạch, t. QB 1357

Khương Lộc (phường) 姜祿坊: tg. Yên Đãng, h. Yên Khánh, p. Yên Khánh, t. NB 1020

Khương Thượng (xã) 姜上社: tg. Yên Văn, h. Yên Mô, p. Yên Khánh, t. NB 1025

Khương Thượng (trại) 姜上砦: tg. Hạ, h. Vĩnh Thuận, p. Hoài Đức, t. HN 13

Khương Tự (tổng) 姜寺總: h. Siêu Loại, p. Thuận Thành, t. BN 506

Khương Tự (xã) 姜寺社: tg. Khương Tự, h. Siêu Loại, p. Thuận Thành, t. BN 506

Kiêm (bản) 兼本: tg. Chắp Yết, h. Trinch Cốt, t. TH 1152

Kiêm Đa (tràng) 兼多庄: tg. Đa Giá, h. Gia Viễn, p. Yên Khánh, t. NB 1028

Kiêm Long (xã) 兼隆社: tg. Thuận Hoà, h. Bình Chính, p. Quảng Trạch, t. QB 1353

Kiêm Phúc (thôn) 兼福村: x. Yên Thái, tg. Yên Thái, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1115

Kiêm Phúc (thôn) 兼福村: x. Yên Lãng, tg. Diên Hào, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1146

Kiểm Hồ (thôn) 劍湖村: Trùng Thanh Hạ, tg. Phúc Lâm, h. Thọ Xương, p. Hoài Đức, t. HN 12

Kiên Bính (phường) 堅柄坊: tg. Vũ Xá, h. Phong Lộc, p. Quảng Ninh, t. QB 1345

Kiên Chính (lý) 堅正里: tg. Tân Khai,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ .. 305	
Kiên Cương (tổng) 堅剛總: h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930	
Kiên Cương (xã) 堅剛社: tg.Kiên Cương,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930	
Kiên Giáp (xã) 堅甲社: tg.Đô Bái,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1087	
Kiên Lao (tổng) 堅牢總: h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537	
Kiên Lao (xã) 堅牢社: tg.Kiên Lao,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537	
Kiên Lao (xã) 堅牢社: tg.Ngọc Đông,h.Thạch Thành,p.Quảng Hóa,t.TH 1136	
Kiên Lao (xã) 堅牢社: tg.Nại Xuyên,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 147	
Kiên Lao (xã) 堅牢社: tg.Yên Phú,h.Trần Yên,p.Quy Hóa,t.HH 727	
Kiên Lao (tổng) 堅牢總: h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304	
Kiên Lao (xã) 堅牢社: tg.Kiên Lao,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304	
Kiên Lão Thượng (thôn) 堅老上村: x.Bình Hòa,tg.Nam Bạ,h.Tống Sơn, p.Hà Trung,t.TH 1083	
Kiên Mộc (xã) 堅木社: tg.Hậu Cự,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 440	
Kiên Mỹ (ấp) 堅美邑: tg.An Đôn,h.Đăng Xương,đạo QT 1384	
Kiên Nhuệ (xã) 堅銳社: tg.Hạ Vĩnh,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113	
Kiên Thạch (tổng) 堅石總: h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1144	
Kiên Thạch (xã) 堅石社: tg.Kiên Thạch,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1144	
Kiên Trận (xã) 堅陣社: tg.Thanh La,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 960	
Kiên Trung (ấp) 堅忠邑: tg.Cư Chánh,h.Hương Thủy,p.TT..... 1422	
Kiên Trung (xã) 堅忠社: tg.Kiên Lao,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ . 304	
Kiến Bái (xã) 虔拜社: tg.Trịnh Xá,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 161	
Kiến Dương (xã) 虔陽社: tg.Phượng Vĩ Trung,ch.Định,p.Tông Hóa,t.TN 807	
Kiến (thôn) 豐村: x.Thạch Nội,tg.Văn Trường,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1117	
Kiến Châu (xã) 建洲社: tg.Đồng Kết,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 252	
Kiến Diên (tổng) 建延總: ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 437	
Kiến Diên (xã) 建延社: tg.Kiến Diên,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 438	
Kiến Ốc (xã) 建屋社: tg.Bống Hải,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB 1021	
Kiến Phong (xã) 建封社: tg.Bất Một,h.Yên Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1042	
Kiến Phong (xã) 建封社: tg.Văn Cú,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151	
Kiến Quan (xã) 建關社: tg.Lương Xá,h.Phụ Dục,pp.Thái Bình,t.NĐ 346	
Kiến Thái (ấp) 見泰邑: tg.Hương Đạo,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1033	
Kiến Thụy (phủ) 建瑞府: t.HD 136	
Kiến Trung (xã) 建中社: tg.Mật Vật,h.Thuy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1101	
Kiến Xá (xã) 建舍社: tg.An Lão,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333	
Kiến Xương (phủ) 建昌府: t.NĐ 327	
Kiện Khê (xã) 健溪社: tg.Kỷ Cầu,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40	
Kiện Vũ (xã) 健武社: tg.Trầm Lộng,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26	
Kiệt Đặc (tổng) 傑特總: h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106	
Kiệt Đặc (xã) 傑特社: tg.Kiệt Đặc,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106	
Kiệt Đặc Thượng (xã) 傑特上社: tg.Kiệt Đặc,h.Chí Linh, p.Nam Sách,t.HD 106	
Kiệt Sơn (tổng) 傑山總: h.Thanh Sơn,p.Gia Hưng,t.HH 711	
Kiệt Sơn (xã) 傑山社: tg.Kiệt Sơn,h.Thanh Sơn,p.Gia Hưng,t.HH 711	
Kiệt Thạch (xã) 碣石社: tg.Đô Liêu,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269	
Kiệt Thạch (xã) 碣石社: tg.Thường Tú,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 859	
Kiều Kỳ (xã) 驍騎社: tg.Đa Tốn,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN 515	
Kiểu (thôn) 橋村: x.Đằng Cao,tg.Bút Sơn,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1090	
Kiểu Đại (thôn) 橋代村: x.Bố Vệ,tg.Bố Đức,h.Đồng Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1104	
Kiểu La (thôn) 喬羅村: x.Gia Lạp,tg.Thượng Bái,h.Diên Hà, p.Tiên Hưng,t.HY 267	
Kiểu Lộc (thôn) 橋祿村: tg.Hạ Hiệp,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 919	
Kiểu Mộc (xã) 喬木社: h.Thạch Hà,đạo HT 1320	
Kiểu Thạch (xã) 橋石社: tg.Thanh Triều,h.Hưng Nhân,p.Tiên Hưng,t.HY 268	
Kiểu Trung (thôn) 橋中村: x.Gia Hòa,tg.Lạc Trì,h.Thạch Thất, p.Quốc Oai,t.ST 924	

Kiểu Trung (thôn) 橋中村: x.Đằng Cao,tg.Bút Sơn,h.Hoàng Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1090	
Kiểu Tùng (xã) 橋松社: tg.Mạn Lạn,h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948	
Kiểu (thôn) 徽村: x.Yên Thái,tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1115	
Kim Anh (huyện) 金英縣: p.Đa Phúc,t.BN 524	
Kim Anh (tổng) 金英總: h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525	
Kim Anh (xã) 金英社: tg.Kim Anh,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525	
Kim Áng (xã) 金盎社: tg.Nại Xuyên,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 147	
Kim Âu (thôn) 金甌村: tg.Kim Sơn,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN 515	
Kim Bài (xã) 金牌社: tg.Phương Trung,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 28	
Kim Bảng (xã) 金榜社: tg.Hoàng Trường,h.Yên Thành, p.Diễn Châu,t.NA 1249	
Kim Bảng (xã) 金榜社: tg.Thống Thượng,h.Phổ Yên,p.Phú Bình,t.TN 797	
Kim Bảng (huyện) 金榜縣: p.Lý Nhân,t.HN 37	
Kim Bảng (tổng) 金榜總: h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38	
Kim Bảng (xã) 金榜社: tg.Kim Bảng,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38	
Kim Bí (xã) 金轡社: tg.Tây Đằng,h.Tiên Phong,p.Quảng Oai,t.ST 908	
Kim Bích (xã) 金甌社: tg.La Đồi,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 110	
Kim Bôi (tổng) 金盃總: h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926	
Kim Bôi (xã) 金盃社: tg.Kim Bôi,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926	
Kim Bôi (xã) 金盃社: tg.Trịnh Tiết,h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN 34	
Kim Bổng (thôn) 金蓬村: tg.Đồng Lỗ,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26	
Kim Can (xã) 金竿社: tg.Du La,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113	
Kim Chàng (xã) 金弘社: tg.Bảo Lộc Sơn,h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN 540	
Kim Châm (thôn) 金針村: x.Triều Hồi,tg.Đại Bối,h.Sơn Minh, p.Ứng Hòa,t.HN 26	
Kim Châm (xã) 金箴社: tg.Biểu Đa,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144	
Kim Châu (xã) 金洲社: tg.Phương Trung,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN ... 28	
Kim Châu (xã) 金鄒社: tg.Yên Lạc,h.Thần Khê,p.Tiên Hưng,t.HY 265	
Kim Chùy (thôn) 金鎚村: tg.Phù Lưu,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269	
Kim Cổ (thôn) 金鼓村: tg.Thuận Mỹ,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 11	
Kim Cốc (thôn) 金谷村: x.Đồng Đội,tg.Tuần La,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1116	
Kim Côn (thôn) 金崑村: tg.Cao Mật,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144	
Kim Đa (xã) 金多社: tg.Hữu Khuông,h.Kỳ Sơn,p.Tương Dương,t.NA 1273	
Kim Đà (tổng) 金陀總: h.Yên Lăng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938	
Kim Đà (xã) 金陀社: tg.Kim Đà,h.Yên Lăng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938	
Kim Đái (xã) 金帶社: tg.Phượng Lâu,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957	
Kim Đào (xã) 金桃社: tg.Phá Lãng,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 511	
Kim Đầu (xã) 金兜社: tg.An Lạc,h.Thanh Hoá,đạo QT 1393	
Kim Đề (xã) 金堤社: tg.Tang Thác,h.Tiên Phong,p.Quảng Oai,t.ST 909	
Kim Độ (xã) 金度社: tg.La Đồi,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 110	
Kim Đồi (thôn) 金堆村: tg.Canh Hoạch,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1270	
Kim Đồi (xã) 金堆社: tg.An Thành,h.Quảng Điện,p.TT 1427	
Kim Đồi (xã) 金堆社: tg.Đạo Chân,h.Võ Giàng,p.Từ Sơn,t.BN 501	
Kim Đồi (xã) 金堆社: tg.Thạch Lỗi,h.Cẩm Giang,p.Bình Giang,t.HD 97	
Kim Đồi (xã) 金堆社: tg.Phan Xá,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134	
Kim Động (huyện) 金洞縣: p.Khoái Châu,t.HY 259	
Kim Đới (xã) 金帶社: tg.Bối Sơn,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST 911	
Kim Đới (xã) 金帶社: tg.Hà Đái,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 117	
Kim Đới (xã) 金帶社: tg.Văn Hòa,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144	
Kim Đường (xã) 金塘社: tg.Cổ Biện,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN ... 515	
Kim Giám (xã) 金鑑社: tg.Quang Luyên,h.Quế Phong, p.Quỳ Châu,t.NA 1276	
Kim Giang (thôn) 金江村: tg.Đồng Lỗ,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26	
Kim Giao (xã) 金交社: tg.An Nhân,h.Hải Lăng,đạo QT 1385	
Kim Húc (xã) 金旭社: tg.Hậu Bổng,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 131	

Kim Hương (tổng) 金香總: h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY 255	Kim Sơn (huyện) 金山縣: p.Yên Khánh,t.NB 1032
Kim Hương (xã) 金香社: tg.Kim Hương,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY ... 255	Kim Sơn (tổng) 金山總: h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN 515
Kim Hỷ (xã) 金喜社: tg.Lương Thượng,h.Cẩm Hóa,p.Thông Hóa,t.TN 816	Kim Sơn (xã) 金山社: tg.Kim Sơn,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN 515
Kim Lăng (tổng) 金陵總: h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957	Kim Sơn (xã) 金山社: tg.Cổ Trai,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 140
Kim Lăng (xã) 金陵社: tg.Kim Lăng,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957	Kim Thanh (xã) 金聲社: tg.Bạch Trữ,h.Yên Lãng,pp.Vĩnh Tường,t.ST ... 938
Kim Lâu (xã) 金樓社: tg.Xuân Văn,h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST 913	Kim Thành (huyện) 金城縣: p.Kiến Thụy,t.HD 147
Kim Liên (thôn) 金蓮村: tg.Lâm Thịnh,h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA .. 1235	Kim Thao (xã) 金洮社: tg.Lâm Thao,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN .. 511
Kim Liên (tổng) 金蓮總: h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12	Kim Tháp (xã) 金塔社: tg.Đế Cầu,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN 506
Kim Liên (phường) 金蓮坊: tg.Kim Liên,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12	Kim Tháp (xã) 金塔社: tg.Yên Lạc,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 260
Kim Liên (xã) 金蓮社: tg.Yên Lãng,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165	Kim Thiã (tổng) 金匙總: h.Đan Phượng,p.Quốc Oai,t.ST 922
Kim Linh (nguồn) 金齡源: tg.Thượng Lưu,h.Minh Hoá, p.Quảng Trạch,t.QB 1359	Kim Thiếu (xã) 金韶社: tg.Nghĩa Lập,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 492
Kim Lĩnh (xã) 金嶺社: tg.Lý Nhân,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN 795	Kim Thượng (thôn) 金上村: tg.Kim Nguyên,h.Chân Lộc, p.Anh Sơn,t.NA 1246
Kim Long (xã) 金龍社: tg.An Ninh,h.Hương Trà,p.TT 1418	Kim Tiên (xã) 金僊社: tg.Phù Lỗ,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525
Kim Long (ấp) 金龍邑: tg.Cư Chánh,h.Hương Thủy,p.TT 1422	Kim Tĩnh (xã) 金井社: tg.Thượng Dã,h.Đa Phúc,p.Đa Phúc,t.BN 521
Kim Lô (xã) 金爐社: tg.Lương Hạ,h.Cẩm Hóa,p.Thông Hóa,t.TN 816	Kim Trà (xã) 金郊社: tg.Thượng Chiếu,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD ... 165
Kim Lôi (tổng) 金罍總: h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165	Kim Trang (xã) 金粧社: tg.Thọ Trương,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD . 95
Kim Lôi (xã) 金罍社: tg.Kim Lôi,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165	Kim Trung (thôn) 金中村: tg.Kim Nguyên,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246
Kim Lũ (sách) 金屨冊: tg.Thượng Lưu,h.Minh Hoá,p.Quảng Trạch,t.QB 1359	Kim Xuyên (xã) 金川社: tg.Át Sơn,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959
Kim Lũ (xã) 金縷社: tg.Khuông Đình,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 19	Kim Xuyên (xã) 金川社: tg.Toại An,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134
Kim Lũ (xã) 金縷社: tg.Tiên Xá,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37	Kim Xuyên (xã) 金川社: tg.Cổ Biện,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD 157
Kim Lũ (thôn) 金縷村: x.Điều Hộ,t.Điều Hộ,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40	Kim Xuyên (xã) 金綴社: tg.Xuyên Hử,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124
Kim Lũ (xã) 金縷社: tg.Chiêu Lai,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100	Kinh Dân (thôn) 京民村: tg.Võng Nhi,h.Hương Thủy,p.TT 1423
Kim Lũ (xã) 金縷社: tg.Xuân Lai,h.Đa Phúc,p.Đa Phúc,t.BN 521	Kinh Kệ (xã) 經偈社: tg.Sơn Minh,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944
Kim Luật (xã) 金律社: tg.Tòng Chính,ch.Lương Chánh,p.Thọ Xuân,t.TH 1150	Kinh Khê (tổng) 荆溪總: h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 116
Kim Lung (xã) 金籠社: tg.Hoàng Mai,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA . 1253	Kinh Khê (xã) 荆溪社: tg.Kinh Khê,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 116
Kim Lung (xã) 金籠社: tg.An Nhân,h.Hải Lăng,đạo QT 1385	Kinh Môn (phủ) 荆門府: t.HD 154
Kim Lung (xã) 金籠社: tg.Phượng Liễn,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 960	Kinh (thôn) 擎村: x.Xa Kinh,tg.Thượng Cốc,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1145
Kim Lung (xã) 金籠社: tg.Thịnh Đức,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 22	Kỳ (thôn) 奇村: (xã) Minh Đài,tg.Phi Lai,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086
Kim Lũy (xã) 金壘社: tg.Vạn Phần,h.Yên Thành,p.Diễn Châu,t.NA 1249	Kỳ Anh (huyện) 奇英縣: đạo HT 1324
Kim Mã (thôn) 金馬村: x.Mỹ Chân,tg.Đô Yên,h.Hung Nguyên, p.Anh Sơn,t.NA 1242	Kỳ Ba (xã) 奇葩社: tg.Luân Khê,ch.Thường Xuân,p.Thọ Xuân,t.TH 1147
Kim Mã (tổng) 金馬總: h.Nguyên Bình,p.Hòa An,t.CB 668	Kỳ Bố (xã) 奇布社: tg.Lạc Đạo,h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ 329
Kim Mã (xã) 金馬社: tg.Kim Mã,h.Nguyên Bình,p.Hòa An,t.CB 668	Kỳ Côi (xã) 琦瑰社: tg.Nại Xuyên,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 147
Kim Nại (xã) 金鼎社: tg.Hành Phố,h.Phong Đăng,p.Quảng Ninh,t.QB . 1347	Kỳ Công (xã) 奇功社: tg.Kha Hộ,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537
Kim Ngân (xã) 金銀社: tg.An Bồ,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126	Kỳ Dương (xã) 岐陽社: tg.Chương Dương,h.Thượng Phúc, p.Thường Tín,t.HN 17
Kim Ngọc (thôn) 金玉村: x.Yên Lạc,tg.Yên Lạc,h.Thần Khê, p.Tiên Hưng,t.HY 265	Kỳ Dương (xã) 岐陽社: tg.Đồng Văn,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST ... 959
Kim Nguyên (tổng) 金原總: h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246	Kỳ Đà (thôn) 奇陀村: x.Phù Lạc,tg.Chi Nê,h.Hậu Lộc,p.Hà Trung,t.TH .. 1097
Kim Nguyên (xã) 金原社: tg.Kim Nguyên,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246	Kỳ Đặc (xã) 奇特社: tg.Kiệt Đặc,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106
Kim Ngưu (xã) 金牛社: tg.Đa Ngưu,h.Văn Giang,pp.Thuận Thành,t.BN 517	Kỳ Đồng (xã) 奇桐社: tg.Thọ Lão,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 940
Kim Ổ (xã) 金塢社: tg.Thượng Xá,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246	Kỳ La (xã) 奇羅社: tg.Vân Tán,h.Cẩm Xuyên,đạo HT 1323
Kim Quan (tổng) 金關總: h.Thạch Thất,p.Quốc Oai,t.ST 924	Kỳ La (xã) 琦羅社: tg.An Hóa,ch.Thoát Lãng,p.Tràng Định,t.LS 608
Kim Quan (xã) 金關社: tg.Kim Quan,h.Thạch Thất,p.Quốc Oai,t.ST 924	Kỳ Lãm (xã) 奇攬社: tg.Ngọc Chúc,h.Hùng Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 955
Kim Quan (tổng) 金關總: h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 960	Kỳ Lão (xã) 耆老社: tg.Văn Luận,h.Phụng Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1038
Kim Quan (tổng) 金關總: h.Cẩm Giang,p.Bình Giang,t.HD 97	Kỳ Lâm (xã) 琪林社: tg.An Xá,h.Do Linh,đạo QT 1391
Kim Quan (xã) 金關社: tg.Kim Quan,h.Cẩm Giang,p.Bình Giang,t.HD 97	Kỳ Lâm (xã) 琪琳社: tg.Bắc Hoàng,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959
Kim Quan (số) 金關所: tg.Gia Thụy,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN ... 515	Kỳ Lâm (xã) 奇林社: tg.Tú Xuyên,h.Văn Quan,p.Tràng Định,t.LS 605
Kim Quan (xã) 金關社: tg.Đồng Dư,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN ... 515	Kỳ Lộng (thôn) 奇弄村: x.Yên Mỹ,tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1116
Kim Quan (xã) 金關社: tg.Tràng Quế,ch.Ôn,p.Tràng Khánh,t.LS 617	Kỳ Lừa (phố) 駝驢鋪: tg.Trữ Trí,ch.Thoát Lãng,p.Tràng Định,t.LS 608
Kim Quan Hạ (xã) 金關下社: tg.Kim Quan,h.Sơn Dương, p.Đoan Hùng,t.ST 960	Kỳ Nhai (xã) 奇涯社: tg.Phúc Khê,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 341
Kim Quan Thượng (xã) 金關上社: tg.Kim Quan,h.Sơn Dương, p.Đoan Hùng,t.ST 960	Kỳ Phúc (xã) 奇福社: tg.Kim Nguyên,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246
Kim Quất (thôn) 金橘村: x.Ngọc Đới,tg.Ngọc Đới,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1115	Kỳ Sơn (huyện) 祈山縣: p.Tương Dương,t.NA 1273
Kim Quy (xã) 金龜社: tg.Biện Thủy,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 22	Kỳ Sơn (xã) 岐山社: tg.Hoàng Chí,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 935
	Kỳ Sơn (xã) 琦山社: tg.Cổ Trai,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 140
	Kỳ Sơn (xã) 岐山社: tg.Đồng Đới,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106
	Kỳ Tháp Hạ (ấp) 奇塔下邑: tg.Lang Hạ,h.Thành Hoá,đạo QT 1394

Kỳ Tháp Thượng (áp) 奇塔上色: tg.Lang Hạ,h.Thành Hoá,đạo QT ... 1394

Kỳ Thủ (xã) 耆叟社: tg.Nam Cai,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1131

Kỳ Thủy (xã) 淇水社: tg.Bảo Đà,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 28

Kỳ Trân (thôn) 奇珍村: tg.Thượng Xá,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246

Kỳ Trọng (xã) 奇重社: tg.Đồng Hải,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 340

Kỳ Trúc (thôn) 淇竹村: x.Kiệt Thạch,tg.Độ Liêu,h.Can Lộc,
p.Đức Thọ,t.NA 1269

Kỳ Trúc (xã) 淇竹社: tg.An Xá,h.Do Linh,đạo QT 1391

Kỳ Úc (thôn) 淇澳村: x.Lạc Trị,tg.Lạc Trị,h.Thạch Thất,p.Quốc Oai,t.ST . 923

Kỳ Úc (xã) 淇澳社: tg.Dương Áo,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 116

Kỳ Vật (xã) 其物社: tg.Bạch Sam,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26

Kỳ Vĩ (tổng) 奇偉總: h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1028

Kỳ Vĩ (xã) 奇偉社: tg.Kỳ Vĩ,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1028

Kỳ Vĩ (thôn) 奇偉村: x.Văn Trinh,tg.Văn Trinh,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1114

Kỳ Vĩ (tổng) 奇偉總: h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 116

Kỳ Vĩ (xã) 奇偉社: tg.Kỳ Vĩ,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 116

Kỷ Cầu (tổng) 杞球總: h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40

Kỷ Cầu (xã) 杞球社: tg.Kỷ Cầu,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40

Kỷ Luật (xã) 紀律社: tg.Thiết Ống,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1140

Kỷ Mã (xã) 驥馬社: tg.Đạo Ngạn,ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ 863

Kỷ Phú (tổng) 既富總: h.Đại Từ,p.Tông Hòa,t.TN 810

Kỷ Phú (xã) 既富社: tg.Kỷ Phú,h.Đại Từ,p.Tông Hòa,t.TN 810

L

La Bình (xã) 羅屏社: tg.Yên Văn,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025

La Bình (xã) 羅平社: tg.Tiên Sơn,h.Đại Từ,p.Tông Hòa,t.TN 810

La Cao (xã) 羅臬社: tg.Đại Hoàng,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 332

La Cầu (xã) 羅球社: tg.Phú Kê,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 116

La Chàng (xã) 羅撞社: tg.Yên Canh,h.Ấn Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256

La Chủr (xã) 羅渚社: tg.Long Hồ,h.Hương Trà,p.TT..... 1418

La Chủr Hạ (áp) 羅渚下邑: tg.Lương Điền,h.Phú Lộc,p.TT 1423

La Duy (xã) 羅帷社: tg.An Thái,h.Hải Lăng,đạo QT 1385

La Dương (xã) 羅陽社: tg.Yên Lũng,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8

La Dương (xã) 羅陽社: tg.Mễ Sơn,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165

La Điền (xã) 羅田社: tg.Vô Ngại,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333

La Đình (tổng) 羅亭總: h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN 794

La Đình (xã) 羅亭社: tg.La Đình,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN 794

La Đồi (tổng) 羅堆總: h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 110

La Đồi (xã) 羅堆社: tg.La Đồi,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 110

La Giang (xã) 羅江社: tg.Toại An,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134

La Giản (xã) 羅碭社: tg.Hòa Lạc,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926

La Hà (xã) 羅河社: tg.Thuận Thị,h.Minh Chính,p.Quảng Trạch,t.QB 1355

La Hạ (xã) 羅下社: tg.Hạ Bi,h.Bất Bạt,p.Quảng Oai,t.ST 915

La Hào (xã) 羅豪社: tg.An Nông,h.Phú Lộc,p.TT 1423

La Hào (xã) 羅豪社: tg.Bồ Xá,h.Bình Lục,p.Lý Nhân,t.HN 43

La Hiên (thôn) 羅軒村: tg.Lịch Sơn,h.Đồng Hỷ,p.Phú Bình,t.TN 798

La Hộ (xã) 羅戶社: tg.La Mai,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1028

La Khán (xã) 羅看社: tg.Cổ Lũng,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1140

La Khê (thôn) 羅溪村: tg.Phúc Lộc,h.Hương Khê,p.Đức Thọ,t.NA 1261

La Khê (xã) 羅溪社: tg.Hà Bắc,h.Yên Hưng,p.Sơn Định,t.QY 410

La Khê (xã) 羅溪社: tg.Phú Xuân,h.Hương Trà,p.TT 1418

La Khê (xã) 羅溪社: tg.La Nội,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8

La Lũ (xã) 羅縷社: tg.Luận Khê,ch.Thường Xuân,p.Thọ Xuân,t.TH 1147

La Mạc (xã) 羅幕社: tg.Cát Ngạn,h.Thanh Chương,p.Anh Sơn,t.NA 1239

La Mai (tổng) 羅枚總: h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1028

La Mai (xã) 羅枚社: tg.La Mai,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1028

La Mạt (xã) 羅沫社: tg.Chiêu Lai,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100

La Miết (tổng) 羅蕺總: h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1126

La Miết (tổng) 羅蔑總: h.Thành Hoá,đạo QT 1395

La Miết (xã) 羅蕺社: tg.La Miết,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1126

La Miết (xã) 羅蔑社: tg.Quảng Lâm,h.Quế Dương,p.Từ Sơn,t.BN 500

La Miết Hạ (xã) 羅蔑下社: tg.La Miết,h.Thành Hoá,đạo QT 1395

La Miết Thượng (xã) 羅蔑上社: tg.La Miết,h.Thành Hoá,đạo QT 1395

La Ngạn (xã) 羅岸社: tg.Vĩ Nhuế,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 317

La Ngoại (tổng) 羅外總: h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95

La Ngoại (xã) 羅外社: tg.La Ngoại,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95

La Nham (xã) 羅岩社: tg.La Văn,h.Hưng Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA 1243

La Niên (xã) 羅年社: tg.Đồng Phái,h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS 602

La Nội (tổng) 羅內總: h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8

La Nội (xã) 羅內社: tg.La Nội,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8

La Phẩm (xã) 羅品社: tg.Thanh Lăng,h.Tiên Phong,p.Quảng Oai,t.ST ... 909

La Phù (tổng) 羅浮總: h.Bất Bạt,p.Quảng Oai,t.ST 915

La Phù (xã) 羅浮社: tg.La Phù,h.Bất Bạt,p.Quảng Oai,t.ST 915

La Phù (xã) 羅浮社: tg.Yên Lũng,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8

La Phù (tổng) 羅浮總: h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN 16

La Phù (xã) 羅浮社: tg.La Phù,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN 16

La Sơn (huyện) 羅山縣: p.Đức Thọ,t.NA 1254

La Sơn (xã) 羅山社: tg.La Đình,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN 794

La Sơn (xã) 羅山社: tg.Ấn Độ,h.Quảng Tế,p.Quảng Hóa,t.TH 1133

La Sơn (áp) 羅山邑: tg.An Nông,h.Phú Lộc,p.TT 1423

La Sơn (sở) 羅山所: tg.Bồ Xá,h.Bình Lục,p.Lý Nhân,t.HN 43

La Sơn (xã) 羅山社: tg.Bằng Quân,h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS 602

La Tập (bạn) 羅集伴: tg.Ô Giang,h.Thành Hoá,đạo QT 1395

La Thạch (xã) 羅石社: tg.Thanh Mạc,h.Đan Phượng,p.Quốc Oai,t.ST ... 922

La Thạch (xã) 羅石社: tg.Trường Cát,h.Quảng Tế,p.Quảng Hóa,t.TH .. 1134

La Thượng (xã) 羅上社: tg.Hạ Bi,h.Bất Bạt,p.Quảng Oai,t.ST 915

La Tiến (xã) 羅薦社: tg.Võng Phan,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY 256

La Tinh (xã) 羅星社: tg.La Nội,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8

La Tĩnh (xã) 羅井社: tg.Toại An,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134

La Uyên (xã) 羅淵社: tg.Khê Kiều,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333

La Uyên (xã) 羅淵社: tg.La Phù,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN 16

La Vân (xã) 羅雲社: tg.Quỳnh Ngọc,h.Quỳnh Côi,pp.Thái Bình,t.NĐ 348

La Vân (tổng) 羅雲總: h.Hưng Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA 1243

La Vân (xã) 羅雲社: tg.La Văn,h.Hưng Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA 1243

La Vân (xã) 羅雲社: tg.La Mai,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1028

La Vân Hạ (xã) 羅雲下社: tg.Phúc Yên,h.Quảng Điền,p.TT 1427

La Vân Thượng (xã) 羅雲上社: tg.Phúc Yên,h.Quảng Điền,p.TT 1427

La Xá (xã) 羅舍社: tg.Đoan Lâm,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 131

La Xá (xã) 羅舍社: tg.Ngọc Lâm,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134

La Xá (xã) 羅舍社: tg.Cổ Biện,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD 157

La Xá (xã) 羅舍社: tg.Vụ Bản,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319

La Xuyên (xã) 羅川社: tg.Lạc Nghiệp,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD ... 111

La Xuyên (giáp) 羅川甲: tg.Hành Thiện,h.Giao Thủy,
p.Xuân Trường,t.NĐ 304

La Xuyên (xã) 羅川社: tg.Cát Đằng,h.Phong Doanh,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 326

La Ỗ (xã) 羅綺社: tg.Mậu Tài,h.Phú Vang,p.TT 1420

Lã Điền (xã) 呂田社: tg.Bách Tĩnh,h.Thượng Nguyên,
p.Xuân Trường,t.NĐ 308

Lã Hoàng (xã) 呂瓊社: tg.Ngọc Chúc,h.Hùng Quan,p.Đoan Hùng,t.ST .. 955

Lã Xá (xã) 莒舍社: tg.Chu Túc,h.Văn Quan,p.Tràng Định,t.LS 605

Lác Môn (<i>trại</i>) 樂門寨: tg.Quần Anh,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ .. 313	Lạc Sơn (<i>thôn</i>) 樂山村: tg.Hà Trung,h.Kỳ Anh,đạo HT 1325
Lác Môn Thủy Cơ (<i>phường</i>) 樂門水機坊: tg.Quần Anh,h.Chân Ninh, p.Xuân Trường,t.NĐ 313	Lạc Sơn (<i>xã</i>) 樂山社: tg.Đồng Đới,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106
Lạc Bạ (<i>xã</i>) 樂伴社: tg.Bảng Hoành,h.Vị Xuyên,p.Tương An,t.TQ 874	Lạc Sơn (<i>tổng</i>) 樂山總: ch.Thủy Vĩ,p.Quy Hóa,t.HH 732
Lạc Bí (<i>xã</i>) 樂秘社: tg.Hạ Chiếu,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165	Lạc Sơn (<i>xã</i>) 樂山社: tg.Lạc Sơn,ch.Thủy Vĩ,p.Quy Hóa,t.HH 732
Lạc Bình (<i>thôn</i>) 樂平村: tg.Vô Hốt,h.Yên Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1042	Lạc Thành (<i>ấp</i>) 樂成邑: tg.Tân Định,h.Tiến Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335
Lạc Cầu (<i>xã</i>) 落球社: tg.Đồng Than,h.Văn Giang,pp.Thuận Thành,t.BN 517	Lạc Thành (<i>tổng</i>) 樂成總: h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1039
Lạc Chính (<i>thôn</i>) 樂政村: tg.Yên Thành,h.Vinh Thuận,p.Hoài Đức,t.HN .. 13	Lạc Thị (<i>tổng</i>) 樂市總: h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 130
Lạc Chính (<i>xã</i>) 樂政社: tg.Bãi Dương,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 310	Lạc Thị (<i>xã</i>) 樂市社: tg.Lạc Thị,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 130
Lạc Chính (<i>tràng</i>) 樂政庄: x.Lạc Chính,tg.Bãi Dương,h.Nam Chân, p.Xuân Trường,t.NĐ 310	Lạc Thiện (<i>ấp</i>) 樂善邑: tg.Tân Thành,h.Tiến Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335
Lạc Chính (<i>tổng</i>) 樂正總: h.Y Yên,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 323	Lạc Thiện (<i>ấp</i>) 樂善邑: tg.Hương Đạo,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB ... 1033
Lạc Chính (<i>xã</i>) 樂正社: tg.Lạc Chính,h.Y Yên,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 323	Lạc Thiện (<i>tổng</i>) 樂善總: h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1040
Lạc Chính (<i>xã</i>) 樂政社: tg.Lạc Đạo,h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ 329	Lạc Thiện (<i>tổng</i>) 樂善總: h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1125
Lạc Cổ (<i>xã</i>) 樂古社: tg.Vọng Lỗ,h.Phụ Dực,pp.Thái Bình,t.NĐ 346	Lạc Thiện (<i>tổng</i>) 樂善總: h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 305
Lạc Dục (<i>xã</i>) 樂育社: tg.Mỹ Xá,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134	Lạc Thổ (<i>xã</i>) 樂土社: tg.Yên Vinh,h.Vinh Điện,p.Tương An,t.TQ 871
Lạc Dương (<i>tổng</i>) 洛陽總: h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS 602	Lạc Thổ (<i>xã</i>) 樂土社: tg.Đồng Hồ,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN 506
Lạc Dương (<i>xã</i>) 洛陽社: tg.Lạc Dương,h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS 602	Lạc Thủy (<i>xã</i>) 樂水社: tg.Yên Lạc,h.Phụng Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1037
Lạc Đạo (<i>tổng</i>) 樂道總: h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1040	Lạc Thủy (<i>xã</i>) 樂水社: tg.Tam Lộng,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1145
Lạc Đạo (<i>xã</i>) 樂道社: tg.Đồng Đới,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106	Lạc Thủy (<i>xã</i>) 樂水社: tg.Đồng Kết,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 252
Lạc Đạo (<i>tổng</i>) 樂道總: h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN 515	Lạc Tinh (<i>xã</i>) 樂菁社: tg.Bí Giang,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 166
Lạc Đạo (<i>xã</i>) 樂道社: tg.Lạc Đạo,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN 515	Lạc Trị (<i>tổng</i>) 樂治總: h.Thạch Thát,p.Quốc Oai,t.ST 923
Lạc Đạo (<i>xã</i>) 樂道社: tg.Đỗ Xá,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304	Lạc Trị (<i>xã</i>) 樂治社: tg.Lạc Trị,h.Thạch Thát,p.Quốc Oai,t.ST 923
Lạc Đạo (<i>ấp</i>) 樂道邑: tg.Sĩ Lâm,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316	Lạc Trung (<i>xã</i>) 樂中社: tg.Lương Diên,h.Yên Lạc,pp.Vinh Tường,t.ST ... 940
Lạc Đạo (<i>tổng</i>) 樂道總: h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ 329	Lạc Trung (<i>xã</i>) 洛中社: tg.Đồng Lỗ,h.Yên Lạc,pp.Vinh Tường,t.ST 940
Lạc Đạo (<i>xã</i>) 樂道社: tg.Lạc Đạo,h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ 329	Lạc Trung (<i>thôn</i>) 樂忠村: tg.Thanh Nhân,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN . 12
Lạc Đô (<i>xã</i>) 樂都社: tg.Vạn Quy,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1105	Lạc Trường (<i>sở</i>) 樂場所: tg.Phù Đạm,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38
Lạc Giản (<i>xã</i>) 落澗社: tg.Thái Đào,h.Phượng Nhãn,p.Lạng Giang,t.BN .. 530	Lạc Tự (<i>xã</i>) 樂聚社: tg.Hà Môn,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 430
Lạc Giao (<i>tràng</i>) 樂郊庄: tg.Thuận Lễ,h.Minh Chính, p.Quảng Trạch,t.QB 1356	Lạc Viên (<i>xã</i>) 樂園社: tg.Da Viên,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151
Lạc Giao (<i>tổng</i>) 樂郊總: h.Quảng Uyên,p.Trùng Khánh,t.CB 674	Lạc Xá (<i>xã</i>) 樂舍社: tg.Quế Tân,h.Võ Giàng,p.Từ Sơn,t.BN 501
Lạc Giao (<i>xã</i>) 樂郊社: tg.Lạc Giao,h.Quảng Uyên,p.Trùng Khánh,t.CB . 674	Lạc Xuyên (<i>tổng</i>) 樂川總: h.Cẩm Xuyên,đạo HT 1322
Lạc Hạ (<i>thôn</i>) 樂下村: h.Cẩm Xuyên,đạo HT 1324	Lạc Ý (<i>xã</i>) 樂懿社: tg.Đồng Hồn,h.Yên Lạc,pp.Vinh Tường,t.ST 941
Lạc Hộ (<i>ấp</i>) 樂戶邑: tg.Phú Xuân,h.Hương Trà,p.TT 1418	Lạc Yên (<i>huyện</i>) 樂安縣: p.Nho Quan,t.NB 1039
Lạc Khoái (<i>xã</i>) 樂快社: tg.Lê Xá,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029	Lai (<i>thôn</i>) 來村: x.Đội Trương,tg.Cổ Định,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH .. 1123
Lạc Khổng (<i>xã</i>) 樂孔社: tg.Ngo Xá,h.Việt Yên,p.Lạng Giang,t.BN 534	Lai (<i>châu</i>) 萊州: ch.Lai,p.Điện Biên,t.HH 741
Lạc Khư (<i>xã</i>) 樂墟社: tg.An Hóa,ch.Thoát Lãng,p.Tràng Định,t.LS 608	Lai Bồ (<i>xã</i>) 萊蒲社: tg.Tây Đằng,h.Tiên Phong,p.Quảng Oai,t.ST 908
Lạc Miếu (<i>xã</i>) 樂廟社: tg.Thái Lạc,h.Văn Giang,pp.Thuận Thành,t.BN .. 517	Lai Các (<i>xã</i>) 萊閣社: tg.Văn Luận,h.Phụng Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1038
Lạc Na (<i>xã</i>) 樂那社: tg.Cổ Da,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 310	Lai Cách (<i>xã</i>) 來格社: tg.Hồ Xá,h.Minh Linh,đạo QT 1390
Lạc Nghiệp (<i>tổng</i>) 樂業總: h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1040	Lai Cách (<i>tổng</i>) 來格總: h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 98
Lạc Nghiệp (<i>tổng</i>) 樂業總: h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 111	Lai Cách (<i>xã</i>) 來格社: tg.Lai Cách,h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 98
Lạc Nghiệp (<i>xã</i>) 樂業社: tg.Lạc Nghiệp,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 111	Lai Cách (<i>xã</i>) 來格社: tg.Đan Táo,h.Đa Phúc,p.Đa Phúc,t.BN 521
Lạc Nghiệp (<i>xã</i>) 樂業社: tg.Mai Pha,ch.Ôn,p.Trùng Khánh,t.LS 616	Lai Cầu (<i>xã</i>) 萊球社: tg.Phan Xá,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134
Lạc Nghiệp (<i>xã</i>) 樂業社: tg.Trà Lũ,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304	Lai Chu (<i>xã</i>) 萊菜社: tg.Sơn Bình,h.Lập Thạch,p.Vinh Tường,t.ST 932
Lạc Nghiệp (<i>ấp</i>) 樂業邑: tg.Lạc Thiện,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 305	Lai Duê (<i>xã</i>) 來喬社: tg.Thử Cốc,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1101
Lạc Nhuế (<i>xã</i>) 落芮社: tg.Phong Xá,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497	Lai Đáp (<i>sách</i>) 萊答冊: tg.Lâm La,h.Nghĩa Đường,p.Quỳ Châu,t.NA 1275
Lạc Nhuế (<i>xã</i>) 洛芮社: tg.Hương Đan,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38	Lai Đồng (<i>thôn</i>) 來同村: tg.Du Đồng,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259
Lạc Nông (<i>xã</i>) 樂農社: tg.Yên Phú,h.Vinh Điện,p.Tương An,t.TQ 871	Lai Đồng (<i>xã</i>) 來同社: tg.Kiệt Sơn,h.Thanh Sơn,p.Gia Hưng,t.HH 711
Lạc Oa (<i>xã</i>) 樂窩社: tg.Bạch Đằng,h.Hạ Lang,p.Trùng Khánh,t.CB 677	Lai Hà (<i>ấp</i>) 來河邑: tg.Thanh Cấn,h.Quảng Điện,p.TT 1427
Lạc Phố (<i>xã</i>) 洛浦社: tg.Đỗ Xá,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259	Lai Hạ (<i>xã</i>) 來賀社: tg.Đức Triêm,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 259
Lạc Quần (<i>xã</i>) 樂群社: tg.Kiến Lao,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304	Lai Khê (<i>xã</i>) 萊溪社: tg.Lại Thượng,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 110
Lạc Sơn (<i>xã</i>) 樂山社: tg.Hạ Động,h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 338	Lai Khê (<i>xã</i>) 萊溪社: tg.Lai Vu,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 147
Lạc Sơn (<i>trại</i>) 樂山寨: tg.Cát Ngạn,h.Thanh Chương,p.Anh Sơn,t.NA .. 1239	Lai Lộc (<i>thôn</i>) 來祿村: tg.Thổ Ngựa,h.Cẩm Xuyên,đạo HT 1324
Lạc Sơn (<i>phường</i>) 樂山坊: tg.Thuận Lễ,h.Minh Chính, p.Quảng Trạch,t.QB 1356	Lai Nhã (<i>thôn</i>) 萊雅村: x.Thái Nhã,tg.Vũ Liệt,h.Thanh Chương, p.Anh Sơn,t.NA 1239
Lạc Sơn (<i>xã</i>) 樂山社: tg.Bát Trang,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 432	Lai Ổn (<i>xã</i>) 來穩社: tg.Tiên Bối,h.Quỳnh Côi,pp.Thái Bình,t.NĐ 348
Lạc Sơn (<i>xã</i>) 樂山社: tg.Đạo Kỳ,h.Lập Thạch,p.Vinh Tường,t.ST 933	Lai Phúc (<i>xã</i>) 來福社: tg.An Đôn,h.Đảng Xương,đạo QT 1384
	Lai Phục (<i>thôn</i>) 來服社: tg.Vạn Thiện,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1126
	Lai Phương Hạ (<i>xã</i>) 萊芳下社: tg.Kênh Thanh,h.Tiền Minh, p.Nam Sách,t.HD 117

Lai Phương Thượng (xã) 菜芳上社: tg. Hà Đái, h. Tiên Minh, p. Nam Sách, t. HD 117

Lai Sâm (xã) 菜森社: tg. Phong Thanh, ch. Ninh Biên, p. Điện Biên, t. HH 738

Lai Sơn (xã) 菜山社: tg. Đạo Tú, h. Tam Dương, p. Vĩnh Tường, t. ST 934

Gia Phù (xã) 嘉符社: tg. Tân Phong, ch. Phù Yên, p. Gia Hưng, t. HH 716

Lai Sơn (xã) 菜山社: tg. Xuân Bảng, h. Kim Anh, p. Đa Phúc, t. BN 526

Lai Tảo (xã) 來早社: tg. Bội Xuyên, h. Chương Đức, p. Ứng Hòa, t. HN 31

Lai Thạch (tổng) 菜石總: h. La Sơn, p. Đức Thọ, t. NA 1256

Lai Thạch (xã) 菜石社: tg. Lai Thạch, h. La Sơn, p. Đức Thọ, t. NA 1256

Lai Thành (tổng) 來成總: h. Kim Sơn, p. Yên Khánh, t. NB 1033

Lai Thành (ấp) 來成邑: tg. Lai Thành, h. Kim Sơn, p. Yên Khánh, t. NB 1033

Lai Thành (thôn) 來成村: x. Đồng Hương, tg. Bồ Đức, h. Đồng Sơn, p. Thiệu Hóa, t. TH 1104

Lai Thành (xã) 來成社: tg. Bái Châu, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1109

Lai Thành (xã) 來成社: tg. Phú Ốc, h. Hương Trà, p. TT 1419

Lai Thị (xã) 菜市社: tg. Đại Hoàng, h. An Lão, p. Kiến Thụy, t. HD 144

Lai Triều (xã) 來朝社: tg. Hoàng Đường, h. Thụy Anh, p. Thái Bình, t. ND 343

Lai Triều (tổng) 來朝總: h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1124

Lai Triều (xã) 來朝社: tg. Lai Triều, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1124

Lai Trung (giáp) 來中甲: tg. Thanh Cấn, h. Quảng Điền, p. TT 1427

Lai Trung (thôn) 來中村: h. Cẩm Xuyên, đạo HT 1324

Lai Vĩ (xã) 來爲社: tg. Đa Cốc, h. Vũ Tiên, p. Kiến Xương, t. ND 330

Lai Vu (tổng) 菜蕪總: h. Kim Thành, p. Kiến Thụy, t. HD 147

Lai Vu (xã) 菜蕪社: tg. Lai Vu, h. Kim Thành, p. Kiến Thụy, t. HD 147

Lai Xá (xã) 菜舍社: tg. Kim Thiá, h. Đan Phượng, p. Quốc Oai, t. ST 922

Lai Xá (xã) 菜舍社: tg. Hạ Lang, h. Quảng Điền, p. TT 1427

Lai Xá Đông (xã) 菜舍東社: tg. Lương Xá, h. Lương Tài, p. Thuận Thành, t. BN 511

Lai Xá Tê (xã) 菜舍犀社: tg. Lương Xá, h. Lương Tài, p. Thuận Thành, t. BN 511

Lái Cao (phường) 俚高坊: Thủy Cự, t. TH 1156

Lại An (xã) 賴安社: tg. An Xá, h. Do Linh, đạo QT 1391

Lại Ân (xã) 賴恩社: tg. Mậu Tài, h. Phú Vang, p. TT 1420

Lại Bằng (xã) 賴憑社: tg. Phú Ốc, h. Hương Trà, p. TT 1418

Lại Dụ (xã) 賴裕社: tg. Thượng Ốc, h. Từ Liêm, p. Hoài Đức, t. HN 8

Lại Hạ (xã) 賴下社: tg. Kim Quan, h. Thạch Thất, p. Quốc Oai, t. ST 924

Lại Hạ (xã) 賴下社: tg. Lai Thượng, h. Thanh Lâm, p. Nam Sách, t. HD 110

Lại Mông (xã) 賴蒙社: tg. An Cự, h. Đăng Xương, đạo QT 1384

Lại Nghĩa (thôn) 賴義村: x. Phúc Lộc, tg. Xuân Canh, h. Đông Ngạn, p. Từ Sơn, t. BN 492

Lại Ốc (xã) 賴屋社: tg. Đa Ngưu, h. Văn Giang, pp. Thuận Thành, t. BN 517

Lại Thâm (xã) 賴深社: tg. Trú Hựu, h. Lục Ngạn, p. Lạng Giang, t. BN 537

Lại Thế (xã) 賴世社: tg. Đường Anh, h. Phú Vang, p. TT 1420

Lại Thượng (xã) 賴上社: tg. Đại Đồng, h. Thạch Thất, p. Quốc Oai, t. ST 924

Lại Thượng (tổng) 賴上總: h. Thanh Lâm, p. Nam Sách, t. HD 110

Lại Thượng (xã) 賴上社: tg. Lai Thượng, h. Thanh Lâm, p. Nam Sách, t. HD 110

Lại Trạch (xã) 賴澤社: tg. Hòa Bình, h. Văn Giang, pp. Thuận Thành, t. BN 517

Lại Trì (xã) 賴池社: tg. Xuân Vũ, h. Chân Định, p. Kiến Xương, t. ND 331

Lại Xá (xã) 賴舍社: tg. Bình Cách, h. Đông Quan, p. Thái Bình, t. ND 339

Lại Xá (xã) 賴舍社: tg. Thạch Bàn, h. Phong Đăng, p. Quảng Ninh, t. QB ... 1347

Lại Xá (xã) 賴舍社: tg. Thủy Ba, h. Minh Linh, đạo QT 1390

Lại Xá (xã) 賴舍社: tg. Ngọc Chúc, h. Hùng Quan, p. Đoan Hùng, t. ST 955

Lại Xá (xã) 賴舍社: tg. Đan Nê, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1109

Lại Xá (xã) 賴舍社: tg. Kỳ Cầu, h. Thanh Liêm, p. Lý Nhân, t. HN 40

Lại Xá (tổng) 賴舍總: h. Thanh Hà, p. Nam Sách, t. HD 113

Lại Xá (xã) 賴舍社: tg. Lai Xá, h. Thanh Hà, p. Nam Sách, t. HD 113

Lại Xá (xã) 賴舍社: tg. Hiến Khánh, h. Vụ Bản, p. Nghĩa Hưng, t. ND 320

Lại Yên (xã) 賴安社: tg. Trú Hựu, h. Lục Ngạn, p. Lạng Giang, t. BN 537

Lại Yên (xã) 賴安社: tg. Đắc Sở, h. Đan Phượng, p. Quốc Oai, t. ST 921

Lam (thôn) 藍村: x. Duy Nhất, tg. Du Trưởng, h. Hậu Lộc, p. Hà Trung, t. TH ... 1096

Lam Cầu (thôn) 藍棣村: tg. Quỳnh Lâm, h. Quỳnh Lưu, p. Diễn Châu, t. NA 1253

Lam Cầu (thôn) 藍棣村: x. Đại Mão, tg. Thượng Mão, h. Siêu Loại, p. Thuận Thành, t. BN 506

Lam Cầu (tổng) 藍棣總: h. Duy Tiên, p. Lý Nhân, t. HN 37

Lam Cầu (xã) 藍棣社: tg. Lam Cầu, h. Duy Tiên, p. Lý Nhân, t. HN 37

Lam Cầu (xã) 藍棣社: tg. Đồng Thủy, h. Nam Xương, p. Lý Nhân, t. HN 45

Lam Cầu (xã) 藍球社: tg. Thị Đức, h. Gia Lộc, p. Ninh Giang, t. HD 131

Lam Châu (thôn) 藍珠村: x. Ngọc Đới, tg. Ngọc Đới, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1115

Lam Điền (xã) 藍田社: tg. Lương Xá, h. Chương Đức, p. Ứng Hòa, t. HN 31

Lam Hà (xã) 藍河社: tg. Bái Trạch, h. Hoàng Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1090

Lam Quặt (xã) 藍窟社: tg. Văn Cầu, h. Yên Thế, pp. Lạng Giang, t. BN 540

Lam Sơn (xã) 藍山社: tg. Quảng Thi, h. Thụy Nguyên, p. Thiệu Hóa, t. TH ... 1102

Lam Thủy (xã) 藍水社: tg. An Thái, h. Hải Lăng, đạo QT 1385

Lam Vĩ (xã) 藍尾社: tg. Phương Vĩ Thượng, ch. Định, p. Tông Hóa, t. TN 807

Lam Vĩ (xã) 藍尾社: tg. Phù Chấn, h. Thụy Nguyên, p. Thiệu Hóa, t. TH 1101

Lam Vĩ (phường) 藍尾坊: Thủy Cự, t. TH 1156

Lầm Dương (xã) 覽陽社: tg. Văn Mẫu, h. Quế Dương, p. Từ Sơn, t. BN 500

Lầm Hải (xã) 攬海社: tg. Phúc Hải, h. Nghi Dương, p. Kiến Thụy, t. HD 141

Lầm Khê (xã) 攬溪社: tg. Bình Cách, h. Đông Quan, p. Thái Bình, t. ND 339

Lầm Khê (xã) 攬溪社: tg. Đông Khê, h. Nghi Dương, p. Kiến Thụy, t. HD 141

Lầm Sơn Dương (xã) 覽山陽社: tg. Lầm Sơn Nam, h. Quế Dương, p. Từ Sơn, t. BN 500

Lầm Sơn Đông (xã) 覽山東社: tg. Lầm Sơn Nam, h. Quế Dương, p. Từ Sơn, t. BN 500

Lầm Sơn Nam (tổng) 覽山南總: h. Quế Dương, p. Từ Sơn, t. BN 500

Lầm Sơn Nam (xã) 覽山南社: tg. Lầm Sơn Nam, h. Quế Dương, p. Từ Sơn, t. BN 500

Lầm Sơn Trung (xã) 覽山中社: tg. Lầm Sơn Nam, h. Quế Dương, p. Từ Sơn, t. BN 500

Lan (thôn) 蘭村: x. Yên Thái, tg. Yên Thái, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1115

Lan Xá (xã) 蘭舍社: tg. Văn Tự, h. Đông Thành, p. Diễn Châu, t. NA 1249

Lang (thôn) 廊村: x. Tràng Lang, tg. Yên Định, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1109

Lang Cải (xã) 琅改社: tg. Bình Ca, h. Hàm Yên, p. An Bình, t. TQ 860

Lang Can (xã) 琅玕社: tg. Phú Linh, h. Vĩ Xuyên, p. Tương An, t. TQ 874

Lang Can (xã) 琅玕社: tg. Thông Nông, h. Thạch Lâm, p. Hòa An, t. CB 660

Lang Can (xã) 琅玕社: tg. Du La, h. Thanh Hà, p. Nam Sách, t. HD 113

Lang Da (xã) 榔榔社: tg. Từ Ô, h. Thanh Miện, p. Bình Giang, t. HD 95

Lang Động (xã) 琅洞社: tg. Hương Đại, h. Thanh Hà, p. Nam Sách, t. HD ... 113

Lang Khê (xã) 琅溪社: tg. An Lương, h. Thanh Lâm, p. Nam Sách, t. HD 110

Lang Lăng (xã) 郎陵社: tg. Cát Xuyên, h. Giao Thủy, p. Xuân Trường, t. ND 304

Lang Nhân (thôn) 琅玕村: x. Lấp Lẽ, tg. Hà Lý, h. Diên Hà, p. Tiên Hưng, t. HY 267

Lang Phúc (xã) 閭福社: tg. An Đôn, h. Đăng Xương, đạo QT 1384

Lang Phúc (phường) 閭福坊: tg. Mai Lộc, h. Thành Hoá, đạo QT 1393

Lang Quán (tổng) 琅館總: h. Hàm Yên, p. An Bình, t. TQ 859

Lang Quán (xã) 琅館社: tg. Lang Quán, h. Hàm Yên, p. An Bình, t. TQ 859

Lang Sơn (xã) 琅山社: tg. Nhữ Hạ, h. Hạ Hòa, p. Lâm Thao, t. ST 950

Lang Viên (xã) 榔園社: tg. Bất Bế, h. Vĩnh Lại, p. Ninh Giang, t. HD 123

Lang Xá (xã) 廊舍社: tg. Lương Văn, h. Hương Thủy, p. TT 1422

Làng Cát (ấp) 廊吉邑: tg. Viên Kiều, h. Thành Hoá, đạo QT 1394

Làng Chiếm (ấp) 廊占邑: tg. Viên Kiều, h. Thành Hoá, đạo QT 1394

Làng Công (xã) 廊公社: tg. Làng Thuận, h. Thành Hoá, đạo QT 1394

Làng Cồn (xã) 廊壩社: tg. Làng Thuận, h. Thành Hoá, đạo QT 1394

Làng Động (áp) 廊峒邑: tg.Viên Kiều,h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Lăng Phong (xã) 閭豐社: tg.Lăng Phong,h.Phụng Hoá, p.Nho Quan,t.NB 1037
Làng Hạ (tổng) 廊下總: h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Lăng Quang (thôn) 朗光村: tg.Du Đồng,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259
Làng Hạ (áp) 廊下邑: tg.Lang Hạ,h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Lăng Sơn (xã) 朗山社: tg.Nhân Mục,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 933
Làng Húc (áp) 廊項邑: tg.Làng Thuận,h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Lăng Sơn (xã) 朗山社: tg.Lương Thượng,h.Cẩm Hóa,p.Thông Hóa,t.TN 816
Làng Khống Hạ (áp) 廊控下邑: tg.Lang Hạ,h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Lăng Sơn (xã) 朗山社: tg.Trí Yên,h.Phượng Nhân,p.Lạng Giang,t.BN ... 530
Làng Khống Thượng (áp) 廊控上邑: tg.Lang Hạ, h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Lăng Thị (xã) 澗市社: tg.Do Nghĩa,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944
Làng Lục (áp) 廊錄邑: tg.Lang Hạ,h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Lăng Tĩnh (xã) 朗晴社: tg.An Tiêm,h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.ND 339
Làng Mít Đông (áp) 廊蔑東邑: tg.Làng Sen,h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Lăng Vân (xã) 朗雲社: tg.Trí Hối,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029
Làng Mít Tây (áp) 廊蔑西邑: tg.Làng Sen,h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Lăng Vịnh (xã) 朗詠社: tg.Trung Bạ,h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1083
Làng Nam (trại) 廊南寨: tg.Phong Thu,ch.Chiêu Tấn,p.Yên Tây,t.HH 734	Lăng Xuyên (xã) 浪川社: tg.Hội Xuyên,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 130
Làng Ô (áp) 廊烏邑: tg.Làng Sen,h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Lăng Xuyên (xã) 朗川社: tg.Nội Lăng,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333
Làng Ô (áp) 廊烏邑: tg.Tám Linh,h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Lăng Yên (thôn) 朗安村: tg.Thanh Nhàn,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN .. 12
Làng Pha (xã) 廊坡社: tg.Gia Phú,ch.Thủy Vĩ,p.Quy Hóa,t.HH 732	Lãnh Khanh (xã) 冷卿社: tg.Lãnh Sơn,h.Hà Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950
Làng Quần (áp) 廊群邑: tg.Làng Thuận,h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Lãnh Sơn (tổng) 冷山總: h.Hà Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950
Làng Rượu (áp) 廊醕邑: tg.Viên Kiều,h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Lãnh Sơn (xã) 冷山社: tg.Lãnh Sơn,h.Hà Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950
Làng Sen (tổng) 廊蓮總: h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Lãnh Thủy (xã) 冷水社: tg.Khuông Phù,h.Quảng Điện,p.TT 1427
Làng Sen (xã) 廊蓮社: tg.Làng Sen,h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Lãnh Thủy (xã) 冷水社: tg.Mông Sơn,ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ 863
Làng Sen (áp) 廊蓮邑: tg.Làng Sen,h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Lãnh Trì (xã) 冷池社: tg.Mộc Phàm,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 23
Làng Tấn (áp) 廊散邑: tg.La Miết,h.Thành Hoá,đạo QT 1395	Lạn Chàng (xã) 爛弘社: tg.Chu Điện,h.Phượng Nhân,p.Lạng Giang,t.BN 530
Làng Thìn (châu) 廊辰州: tg.Mai Lộc,h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Lạn Dương (xã) 蘭陽社: tg.Thanh Cù,h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948
Làng Thuận (áp) 廊順邑: tg.Làng Thuận,h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Lạn Giới (tổng) 爛界總: h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN 540
Làng Thuận (tổng) 廊順總: h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Lạn Giới (xã) 爛界社: tg.Lạn Giới,h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN 540
Làng Thường (xã) 廊常社: tg.Làng Thuận,h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Lạn Khê (tổng) 蘭溪總: h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025
Làng Tiếp (áp) 廊接邑: tg.A Nhi,h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Lạn Khê (xã) 蘭溪社: tg.Lạn Khê,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025
Làng Trầm (xã) 廊沉社: tg.Làng Thuận,h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Lạn Khê (xã) 爛溪社: tg.Bắc Lũng,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537
Làng Trì (áp) 廊池邑: tg.Làng Sen,h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Lạn Mầu (tổng) 爛畝總: h.Phượng Nhân,p.Lạng Giang,t.BN 530
Làng Triện (áp) 廊篆邑: tg.A Nhi,h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Lạn Mầu (xã) 爛畝社: tg.Lạn Mầu,h.Phượng Nhân,p.Lạng Giang,t.BN ... 530
Làng Trúc Hạ (xã) 廊竹下社: tg.Làng Sen,h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Lạn Quật (xã) 爛窟社: tg.Vân Cẩu,h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN 540
Làng Trúc Thượng (xã) 廊竹上社: tg.Làng Sen, h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Lạn Trạch (xã) 爛澤社: tg.Tự Lạn,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 533
Làng Vi Hạ (áp) 廊爲下邑: tg.Làng Thuận,h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Lạng Gia (trại) 諒嘉寨: tg.Sơn Trang,ch.Ôn,p.Tràng Khánh,t.LS 616
Làng Vi Thượng (áp) 廊爲上邑: tg.Làng Thuận,h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Lạng Giang (pp) 諒江分府: t.BN 539
Lăn Sơn (tổng) 懶山總: h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 663	Lạng Giang (phủ) 諒江府: t.BN 527
Lăn Sơn (xã) 懶山社: tg.Lăn Sơn,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 663	Lạng Sơn (tỉnh) 諒山省: 593
Lăn Tranh (xã) 懶爭社: tg.Quế Nham,h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN ... 540	Lao (thôn) 榜村: tg.Quan Hoàng,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1139
Lăng (thôn) 朗村: x.Cụu Thông Lăng,tg.Thông Lăng,h.Hưng Nguyên, p.Anh Sơn,t.NA 1242	Lao Chủ (xã) 牢渚社: tg.Dương Áo,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 116
Lăng (thôn) 朗村: x.Phú Hà,tg.Phú Hà,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1101	Lao Khê (xã) 牢溪社: tg.Dương Áo,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 116
Lăng Am (xã) 閭庵社: tg.Thượng Am,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126	Lão Hộ (xã) 老戶社: tg.Lạn Mầu,h.Phượng Nhân,p.Lạng Giang,t.BN 530
Lăng Ca (xã) 郎歌社: tg.Đàm Khánh,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025	Lão Hương (xã) 老香社: tg.Trú Hữu,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537
Lăng Cầu (thôn) 朗棧村: tg.Thượng Cổ,h.Ấn Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256	Lão Khê (xã) 老溪社: tg.Hà Lão,h.Hưng Nhân,p.Tiên Hưng,t.HY 268
Lăng Côn (xã) 閭崑社: tg.Đại Trà,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 140	Lão Phong (tổng) 老豐總: h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 141
Lăng Dương (xã) 浪陽社: tg.Lương Xá,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 511	Lão Phong (xã) 老豐社: tg.Lão Phong,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 141
Lăng Dương (xã) 朗陽社: tg.Uy Mãnh,h.Văn Quan,p.Tràng Định,t.LS .. 605	Lão Phú (xã) 老富社: tg.Lão Phong,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 141
Lăng Điện (tổng) 朗田總: h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1235	Lão Sơn (xã) 老山社: tg.Hội Hạ,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 940
Lăng Điện (xã) 朗田社: tg.Lăng Điện,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1235	Lạp Cầu (xã) 臘棧社: tg.Hải Đô,h.Hưng Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA 1243
Lăng Đông (xã) 朗東社: tg.Đường Xâm,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 331	Lạp Cốc (xã) 獵谷社: tg.Thạch Thán,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 920
Lăng Động (xã) 朗洞社: tg.Kiên Thạch,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH . 1144	Lạp Hạ (xã) 臘下社: tg.Lạp Thượng,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 920
Lăng Động (sở) 朗洞所: tg.Kiên Thạch,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH . 1144	Lạp Thượng (tổng) 臘上總: h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 920
Lăng Hồ (xã) 澗湖社: tg.Do Nghĩa,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944	Lạp Thượng (xã) 臘上社: tg.Lạp Thượng,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST ... 920
Lăng Khê (xã) 朗溪社: tg.Đại Đồng,h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA 1236	Lạp Xuyên (xã) 臘川社: tg.Thượng Khê,h.Tây Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 954
Lăng Khê (xã) 浪溪社: tg.Phá Lăng,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN ... 511	Lạt Hà (xã) 濑河社: tg.Trắc Bút,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45
Lăng Lăng (tổng) 朗陵總: h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124	Lạt Sơn (xã) 濑山社: tg.Quyển Sơn,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38
Lăng Ngạn (xã) 朗岸社: tg.Yên Hố,h.La Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1255	Lăng (thôn) 陵村: x.Cự Lăng,tg.La Miết,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1126
Lăng Ngâm (xã) 朗吟社: tg.Đồng Cửu,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509	Lăng Hoài (xã) 凌懷社: tg.Lạc Giao,h.Quảng Uyên,p.Trùng Khánh,t.CB 674
Lăng Phong (tổng) 閭豐總: h.Phụng Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1037	Lăng Khê (xã) 凌溪社: tg.Hà Môn,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 429
	Lăng Sương (sách) 凌霜冊: tg.Hoàng Huệ,h.Bát Bạt,p.Quảng Oai,t.ST 916
	Lăng Trung (xã) 凌徵社: tg.Kiến Cường,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930

Lăng Xao (<i>xã</i>) 凌敲社: tg.Yên Lễ,h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN 540	Lập Bái (<i>xã</i>) 立沛社: tg.Lập Bái,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267
Lăng Yên (<i>tổng</i>) 凌煙總: h.Thượng Lang,p.Trùng Khánh,t.CB 672	Lập Bản (<i>tổng</i>) 立本總: h.Bình Xuyên,p.Phú Bình,t.TN 801
Lăng Yên (<i>xã</i>) 凌煙社: tg.Lăng Yên,h.Thượng Lang, p.Trùng Khánh,t.CB 672	Lập Bản (<i>xã</i>) 立本社: tg.Lập Bản,h.Bình Xuyên,p.Phú Bình,t.TN 801
Lâm Ca (<i>xã</i>) 林歌社: tg.Thái Bình,h.Yên Bái,p.Tràng Khánh,t.LS 619	Lập Kiên (<i>thôn</i>) 立堅村: x.Yên Nội,tg.Cao Vịnh,h.Nga Sơn, p.Hà Trung,t.TH 1087
Lâm Cao (<i>xã</i>) 臨高社: tg.Thuỷ Ba,h.Minh Linh,đạo QT 1390	Lập Lễ (<i>tổng</i>) 立禮總: h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113
Lâm Cao (<i>xã</i>) 林泉社: tg.Đại Công,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 116	Lập Lễ (<i>xã</i>) 立禮社: tg.Lập Lễ,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113
Lâm Cầu (<i>xã</i>) 林球社: tg.Phí Xá,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95	Lập Lễ (<i>xã</i>) 立禮社: tg.Hà Lý,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267
Lâm Du (<i>xã</i>) 臨遊社: tg.Gia Thụy,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN 515	Lập Mã (<i>xã</i>) 立馬社: tg.Hà Môn,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 430
Lâm Động (<i>tổng</i>) 林洞總: h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162	Lập Thạch (<i>giáp</i>) 立石甲: tg.Thượng Xá,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA ... 1246
Lâm Động (<i>xã</i>) 林洞社: tg.Lâm Động,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD .. 162	Lập Thạch (<i>xã</i>) 立石社: tg.An Đôn,h.Đàng Xương,đạo QT 1384
Lâm Đường (<i>tổng</i>) 林塘總: h.Vĩnh Tuy,p.An Bình,t.TQ 865	Lập Thạch (<i>phường</i>) 立石坊: tg.Mai Lộc,h.Thành Hoá,đạo QT 1393
Lâm Đường (<i>xã</i>) 林塘社: tg.Lâm Đường,h.Vĩnh Tuy,p.An Bình,t.TQ 865	Lập Thạch (<i>huyện</i>) 立石縣: p.Vĩnh Tường,t.ST 932
Lâm Hạ (<i>xã</i>) 臨賀社: tg.Gia Thụy,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN 515	Lập Thạch (<i>xã</i>) 立石社: tg.Yên Xá,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 933
Lâm Hộ (<i>xã</i>) 林護社: tg.Da Thượng,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525	Lập Thành (<i>thôn</i>) 立成村: x.Mai Trang,tg.Biện Thủy,h.Phú Xuyên, p.Thường Tín,t.HN 22
Lâm La (<i>tổng</i>) 林羅總: h.Nghĩa Đường,p.Quý Châu,t.NA 1275	Lập Thành (<i>xã</i>) 立誠社: tg.Hiến Khánh,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 320
Lâm La (<i>sách</i>) 林羅冊: tg.Lâm La,h.Nghĩa Đường,p.Quý Châu,t.NA 1275	Lập Vũ (<i>xã</i>) 立武社: tg.Hiến Khánh,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 320
Lâm Lang (<i>xã</i>) 琳瑯社: tg.Thuận Lễ,h.Minh Chính,p.Quảng Trạch,t.QB 1356	Lật Dương (<i>xã</i>) 栗陽社: tg.Thụy Phú,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN . 17
Lâm Lang (<i>xã</i>) 琳瑯社: tg.Cam Đường,h.Thành Hoá,đạo QT 1393	Lật Dương (<i>xã</i>) 標陽社: tg.Kỳ Vĩ,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 116
Lâm Lang (<i>xã</i>) 琳瑯社: tg.Mỹ Điện,h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS 602	Lật Điền (<i>xã</i>) 栗田社: tg.Lạc Chính,h.Ỗ Yên,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 323
Lâm Lộc (<i>xã</i>) 林鹿社: tg.Vân Trại,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1139	Lật Đường (<i>xã</i>) 栗唐社: tg.Khai Thái,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 22
Lâm Lợi (<i>xã</i>) 琳珣社: tg.Động Lâm,h.Hạ Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950	Lật Khê (<i>xã</i>) 慄溪社: tg.Kỳ Vĩ,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 116
Lâm Luận (<i>xã</i>) 林論社: tg.An Thọ,ch.Lương Chánh,p.Thọ Xuân,t.TH .. 1150	Lật Sài (<i>tổng</i>) 栗柴總: h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 919
Lâm Lư (<i>xã</i>) 林盧社: tg.Quân Nhân,ch.Thường Xuân,p.Thọ Xuân,t.TH 1147	Lâu Động (<i>xã</i>) 寥洞社: tg.Đích Sơn,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD 157
Lâm Lưu (<i>xã</i>) 臨流社: tg.Tam Lộng,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 935	Lâu Hà (<i>xã</i>) 樓霞社: tg.Miêu Duệ,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 935
Lâm Sa (<i>xã</i>) 林沙社: tg.Sa Lung,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1140	Lâu Hạ (<i>xã</i>) 樓下社: tg.Lâu Thượng,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957
Lâm Thao (<i>xã</i>) 臨洮社: tg.Hương Khê,h.Hương Khê,p.Đức Thọ,t.NA ... 1262	Lâu Hạ (<i>tổng</i>) 樓下總: h.Vũ Nai,p.Phú Bình,t.TN 803
Lâm Thao (<i>phủ</i>) 臨洮府: t.ST 942	Lâu Hạ (<i>xã</i>) 樓下社: tg.Lâu Hạ,h.Vũ Nai,p.Phú Bình,t.TN 803
Lâm Thao (<i>tổng</i>) 臨洮總: h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 511	Lâu Khê (<i>xã</i>) 樓溪社: tg.La Đôi,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 110
Lâm Thao (<i>xã</i>) 臨洮社: tg.Lâm Thao,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN . 511	Lâu Thượng (<i>tổng</i>) 樓上總: h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957
Lâm Thịnh (<i>tổng</i>) 林盛總: h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA 1235	Lâu Thượng (<i>xã</i>) 樓上社: tg.Lâu Thượng,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957
Lâm Trạch (<i>xã</i>) 林宅社: tg.Liên Hương,h.Bố Trạch,p.Quảng Trạch,t.QB 1357	Lâu Thượng (<i>tổng</i>) 樓上總: h.Vũ Nai,p.Phú Bình,t.TN 803
Lâm Trường Hạ (<i>tổng</i>) 林場下總: ch.Lục Yên,p.An Bình,t.TQ 868	Lâu Thượng (<i>xã</i>) 樓上社: tg.Lâu Thượng,h.Vũ Nai,p.Phú Bình,t.TN 803
Lâm Trường Hạ (<i>xã</i>) 林場下社: tg.Lâm Trường Hạ,ch.Lục Yên, p.An Bình,t.TQ 868	Lê Dương (<i>xã</i>) 梨陽社: tg.Đại Định,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 28
Lâm Trường Thượng (<i>tổng</i>) 林場上總: ch.Lục Yên,p.An Bình,t.TQ 868	Lê Đào (<i>xã</i>) 黎陶社: tg.Ninh Dân,h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948
Lâm Trường Thượng (<i>xã</i>) 林場上社: tg.Lâm Trường Thượng, ch.Lục Yên,p.An Bình,t.TQ 868	Lê Độ (<i>xã</i>) 黎度社: tg.Quế Tân,h.Vô Giàng,p.Từ Sơn,t.BN 501
Lâm Trường Trung (<i>xã</i>) 林場中社: tg.Lâm Trường Thượng,ch.Lục Yên, p.An Bình,t.TQ 868	Lê Xá (<i>thôn</i>) 黎舍村: x.Dương Xá,tg.Phù Long,h.Hưng Nguyên, p.Anh Sơn,t.NA 1242
Lâm Vân (<i>xã</i>) 林雲社: tg.Lương Sơn,ch.Lục Yên,p.An Bình,t.TQ 868	Lê Xá (<i>tổng</i>) 黎舍總: h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029
Lâm Xá (<i>xã</i>) 林舍社: tg.An Điện,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106	Lê Xá (<i>xã</i>) 黎舍社: tg.Lê Xá,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029
Lâm Xá (<i>xã</i>) 林舍社: tg.Nội Hoàng,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 166	Lê Xá (<i>xã</i>) 黎舍社: tg.Xuân Lai,h.Phong Đăng,p.Quảng Ninh,t.QB 1347
Lâm Xuân (<i>xã</i>) 臨春社: tg.Thuận Thị,h.Minh Chính, p.Quảng Trạch,t.QB 1355	Lê Xá (<i>xã</i>) 黎舍社: tg.Thuỷ Ba,h.Minh Linh,đạo QT 1390
Lâm Xuân (<i>xã</i>) 臨春社: tg.An Xá,h.Do Linh,đạo QT 1391	Lê Xá (<i>xã</i>) 黎舍社: tg.Trịnh Xá,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109
Lâm Xuyên (<i>xã</i>) 臨川社: tg.Đường Xá,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST ... 940	Lê Xá (<i>thôn</i>) 黎舍村: x.Lê Xá,tg.Trịnh Xá,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109
Lâm Xuyên (<i>xã</i>) 臨川社: tg.Át Sơn,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959	Lê Xá (<i>xã</i>) 黎舍社: tg.Vân Trại,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1116
Lâm Xuyên (<i>xã</i>) 臨川社: tg.Suất Tĩnh,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 664	Lê Xá (<i>thôn</i>) 黎舍村: x.Thủ Hộ,tg.Thủ Hộ,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1120
Lâm Xuyên (<i>xã</i>) 林川社: tg.An Điện,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106	Lê Xá (<i>xã</i>) 黎舍社: tg.La Miết,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1126
Lân Chỉ (<i>xã</i>) 麟趾社: tg.Nhượng Bạ,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659	Lê Xá (<i>xã</i>) 黎舍社: tg.Sư Lỗ,h.Phú Vang,p.TT 1420
Lân Cường (<i>xã</i>) 鄰疆社: tg.Hương Tảo,h.Việt Yên,p.Lạng Giang,t.BN ... 534	Lê Xá (<i>xã</i>) 黎舍社: tg.Đế Cầu,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN 506
Lân Du (<i>tổng</i>) 麟遊總: h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124	Lê Xá (<i>xã</i>) 黎舍社: tg.Bột Xuyên,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31
Lân Du (<i>xã</i>) 麟遊社: tg.Lân Du,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124	Lê Xá (<i>xã</i>) 黎舍社: tg.Đội Sơn,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37
Lập Ái (<i>xã</i>) 立愛社: tg.Tiểu Xá,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509	Lê Xá (<i>xã</i>) 黎舍社: tg.Phúc Cầu,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 93
Lập An (<i>ấp</i>) 立安邑: tg.An Cư,h.Phú Lộc,p.TT 1424	Lê Xá (<i>xã</i>) 黎舍社: tg.An Hộ,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106
Lập Bái (<i>tổng</i>) 立沛總: h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267	Lê Xá (<i>xã</i>) 黎舍社: tg.Vân Hội,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124
	Lê Xá (<i>xã</i>) 黎舍社: tg.Kim Sơn,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN 515

Lê Xá (xã) 黎舍社: tg.Nãi Sơn,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD	140	Lý Nhân (xã) 里仁社: tg.Thiết Sơn,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN	534
Lê Xá (xã) 黎舍社: tg.Vụ Nông,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD	158	Lý Nhân (xã) 里仁社: tg.Đàm Khánh,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB	1025
Lê Xá (xã) 黎舍社: tg.Kim Lôi,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD	165	Lý Nhân (thôn) 里仁村: tg.Hoàn Lão,h.Bố Trạch,p.Quảng Trạch,t.QB ..	1357
Lê Xá (xã) 黎舍社: tg.Ân Thi,h.Ân Thi,p.Khoái Châu,t.HY	256	Lý Nhân (xã) 里仁: tg.Hà Bạc,h.Bố Trạch,p.Quảng Trạch,t.QB	1358
Lê Xá (xã) 黎舍社: tg.Cao Đường,h.Thượng Nguyên,p.Xuân Trường,t.NĐ	309	Lý Nhân (xã) 里仁社: tg.Yên Lãng,h.Yên Lãng,pp.Vĩnh Tường,t.ST	938
Lê Xá (xã) 黎舍社: tg.Đặng Côi,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ	319	Lý Nhân (tổng) 里坨總: h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN	795
Lễ Động (xã) 禮洞社: tg.Thượng Bồng,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA ..	1259	Lý Nhân (xã) 里坨社: tg.Lý Nhân,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN	795
Lễ Động (thôn) 禮洞村: x.Yên Định,tg.Yên Định,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH	1124	Lý Nhân (thôn) 里仁村: x.Hương Thi,tg.Bái Châu,h.Yên Định, p.Thiệu Hóa,t.TH	1109
Lễ Động (tộc) 禮洞族: x.Yên Định,tg.Yên Định,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH	1124	Lý Nhân (phủ) 里仁府: t.HN	35
Lễ Hiệp (xã) 禮河社: tg.Hu Tri,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD	126	Lý Nhân (xã) 里仁社: tg.Đồng Thủy,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN	45
Lễ Khê (xã) 禮溪社: tg.Nhân Lý,h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST	913	Lý Quật (xã) 理窟社: tg.Lạn Giới,h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN	540
Lễ Khê (xã) 醴溪社: tg.Phú Xuân,h.Hương Trà,p.TT.....	1418	Lý Trại (tổng) 里齋總: h.Đồng Thành,p.Diễn Châu,t.NA	1249
Lễ Khê (xã) 禮溪社: tg.Hoàng Xá,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN	31	Lý Trại (xã) 里齋社: tg.Lý Trại,h.Đồng Thành,p.Diễn Châu,t.NA	1249
Lễ Môn (xã) 禮門社: tg.An Xá,h.Do Linh,đạo QT	1391	Lý Viên (xã) 李園社: tg.Ngo Xá,h.Việt Yên,p.Lạng Giang,t.BN	534
Lễ Nghĩa (thôn) 禮義村: tg.Thuần Trung,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA	1234	Lý Xá (xã) 李舍社: tg.Dục Linh,h.Phụ Dục,pp.Thái Bình,t.NĐ	346
Lễ Nhuế (xã) 禮芮社: tg.Giá Cầu,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN	22	Lịch Bài (tổng) 歷排總: h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ	329
Lễ Nhượng (xã) 禮讓社: tg.Phi Mô,h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN	531	Lịch Bài (xã) 歷排社: tg.Lịch Bài,h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ	329
Lễ Thần (tổng) 禮神總: h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ	341	Lịch Cốc (tổng) 歷谷總: h.Vĩnh Hòa,p.Tương Dương,t.NA	1272
Lễ Thần (xã) 禮神社: tg.Lễ Thần,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ	341	Lịch Dương (tổng) 鄺陽總: h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB	1020
Lễ Xá (thôn) 禮舍村: x.Đồng Hương,tg.Bố Đức,h.Đồng Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH	1104	Lịch Dương (xã) 鄺陽社: tg.Lịch Dương,h.Yên Khánh, p.Yên Khánh,t.NB	1020
Lễ Xuyên (xã) 禮川社: tg.Tam Sơn,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN	492	Lịch Đình (xã) 歷亭社: tg.Nhữ Hạ,h.Hạ Hòa,p.Lâm Thao,t.ST	950
Lễ Xuyên (xã) 禮川社: tg.An Cư,h.Đặng Xương,đạo QT	1384	Lịch Đông (xã) 歷東社: tg.Thần Lộ,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ ..	312
Lệ Bảo (xã) 麗寶社: tg.Phương Quan,h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.NĐ	338	Lịch Sơn (xã) 歷山社: tg.Đan Hội,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN	537
Lệ Cẩm (xã) 麗錦社: tg.Tự Cường,h.Thạch Thành,p.Quảng Hóa,t.TH ..	1135	Lịch Sơn (phường) 歷山坊: tg.Bái Ân,h.Thành Hoá,đạo QT	1393
Lệ Cẩm (thôn) 麗錦村: tg.Cẩm Khê,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD	116	Lịch Sơn (tổng) 歷山總: h.Đồng Hỷ,p.Phú Bình,t.TN	798
Lệ Câu (xã) 驪駒社: tg.Du Viên,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD	148	Lịch Sơn (xã) 歷山社: tg.Lịch Sơn,h.Đồng Hỷ,p.Phú Bình,t.TN	798
Lệ Chi (xã) 荔枝社: tg.Cổ Biện,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN	515	Lịch Sơn (xã) 歷山社: tg.Xung Quán,ch.Thoát Lãng,p.Tràng Định,t.LS ..	608
Lệ Chi (xã) 荔芝社: tg.Thụy Lôi,h.Tiên Lữ,p.Tiên Hưng,t.HY	271	Lịch Tân (phường) 礫津坊: tg.An Xá,h.Do Linh,đạo QT	1391
Lệ Khê (xã) 麗溪社: tg.Trịnh Vạn,ch.Thường Xuân,p.Thọ Xuân,t.TH	1147	Lịch Trạch (xã) 曆澤社: tg.Diễn Hào,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH	1146
Lệ Kỳ (xã) 麗奇社: tg.Long Đại,h.Phong Lộc,p.Quảng Ninh,t.QB	1345	Liêm (thôn) 廉村: x.Đặng Xá,tg.Cao Đường,h.Thượng Nguyên, p.Xuân Trường,t.NĐ	309
Lệ Mật (xã) 麗密社: tg.Gia Thủy,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN	515	Liêm (trại) 廉寨: tg.Cao Đường,h.Thượng Nguyên,p.Xuân Trường,t.NĐ	309
Lệ Mỹ (xã) 麗美社: tg.Phù Lão,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST	957	Liêm Ái (xã) 廉愛社: tg.Mỹ Trạch,h.Lệ Thủy,p.Quảng Ninh,t.QB	1348
Lệ Ngạc (xã) 隸萼社: tg.Cang Sơn,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN	536	Liêm Công (xã) 廉公社: tg.Minh Lương,h.Minh Linh,đạo QT	1390
Lệ Sơn Hạ (trang) 荔山下庄: tg.Thuận Lễ,h.Minh Chính, p.Quảng Trạch,t.QB	1356	Liêm Khê (xã) 廉溪社: tg.Thượng Am,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD	126
Lệ Sơn Thượng (xã) 荔山上社: tg.Thuận Lễ,h.Minh Chính, p.Quảng Trạch,t.QB	1356	Liêm Luật (xã) 廉律社: tg.Thủy Liên,h.Lệ Thủy,p.Quảng Ninh,t.QB	1349
Lệ Tảo (xã) 麗早社: tg.Phúc Hải,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD	141	Liêm Thủy (xã) 廉水社: tg.Lương Hạ,h.Cẩm Hóa,p.Thông Hóa,t.TN	816
Lệ Thủy (huyện) 麗水縣: p.Quảng Ninh,t.QB	1348	Liêm Thủy (xã) 廉水社: tg.Lệnh Cẩm,h.Hạ Lang,p.Trùng Khánh,t.CB	676
Lệ Thủy (xã) 麗水社: tg.Trác Bút,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN	45	Liêm Xuyên (xã) 廉川社: tg.Phúc Tăng,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN	534
Lệ Viễn (tổng) 麗遠總: h.Yên Bái,p.Tràng Khánh,t.LS	619	Liên Bạt (xã) 連拔社: tg.Xá Cầu,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN	26
Lệ Viễn (xã) 麗遠社: tg.Lệ Viễn,h.Yên Bái,p.Tràng Khánh,t.LS	619	Liên Bộ (xã) 連步社: tg.Quế Nham,h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN	540
Lệnh Cẩm (tổng) 令禁總: h.Hạ Lang,p.Trùng Khánh,t.CB	676	Liên Châu (xã) 聯珠社: tg.Bái Trạch,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH	1090
Lệnh Cẩm (xã) 令禁社: tg.Lệnh Cẩm,h.Hạ Lang,p.Trùng Khánh,t.CB ...	676	Liên Chiêu (xã) 蓮沼社: tg.Phù Sa,h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST	913
Lệnh Cẩm (phố) 令禁庸: tg.Lệnh Cẩm,h.Hạ Lang,p.Trùng Khánh,t.CB .	676	Liên Cừ (tổng) 蓮渠總: h.Hậu Lộc,p.Hà Trung,t.TH	1097
Lệnh Đức (xã) 令德社: tg.Bạch Lựu,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST	933	Liên Cừ (xã) 蓮渠社: tg.Liên Cừ,h.Hậu Lộc,p.Hà Trung,t.TH	1097
Lý Bạ (trại) 李伴寨: tg.Bạch Đằng,h.Hạ Lang,p.Trùng Khánh,t.CB	677	Liên Đăng (tổng) 聯登總: h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB	1029
Lý Dương (xã) 里陽社: tg.Cổ Châu,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD	106	Liên Đăng (xã) 聯登社: tg.Liên Đăng,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB	1029
Lý Đổ (tổng) 里堵總: h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD	93	Liên Đăng (phường) 聯登坊: tg.Liên Đăng,h.Gia Viễn, p.Yên Khánh,t.NB	1029
Lý Đổ (xã) 里堵社: tg.Lý Đổ,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD	93	Liên Đích (xã) 蓮莪社: tg.Mai Động,h.Bình Lục,p.Lý Nhân,t.HN	43
Lý Đông (xã) 里東社: tg.Vĩnh Lại,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD	93	Liên Đường (thôn) 蓮塘村: tg.Vĩnh Xương,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN	12
Lý Hải (xã) 理海社: tg.Yên Lãng,h.Yên Lãng,pp.Vĩnh Tường,t.ST	938	Liên Đường (xã) 蓮塘社: tg.Cổ Biện,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN ..	515
Lý Hoà (thôn) 里和村: tg.Hà Bạc,h.Bố Trạch,p.Quảng Trạch,t.QB	1358	Liên Hương (tổng) 蓮香總: h.Bố Trạch,p.Quảng Trạch,t.QB	1357
Lý Nghĩa (xã) 履義社: tg.Hải Lãng,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ	316	Liên Hương (xã) 蓮香社: tg.Liên Hương,h.Bố Trạch, p.Quảng Trạch,t.QB	1357

Liên Khê (xã) 蓮溪社: tg.Trùng Hoài,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ	341
Liên Khê (văn) 蓮溪溝: tg.Cự Lâm,h.Nghĩa Đường,p.Quỳ Châu,t.NA ...	1275
Liên Khê (xã) 蓮溪社: tg.Liên Cừ,h.Hậu Lộc,p.Hà Trung,t.TH	1097
Liên Khê (ấp) 蓮溪邑: x.Hương Khê,tg.Yên Định,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH	1124
Liên Lý (xã) 連里社: tg.Phù Lỗ,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN	525
Liên Phố (xã) 蓮浦社: tg.Nam Cai,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH	1145
Liên Phương (thôn) 蓮芳村: x.Nguyệt Áng,tg.Kiên Thạch,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH	1144
Liên Tĩnh (xã) 蓮井社: tg.Cổ Nông,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ ...	311
Liên Trì (xã) 蓮池社: tg.Lạn Khê,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB	1025
Liên Trì (xã) 蓮池社: tg.Liên Cừ,h.Hậu Lộc,p.Hà Trung,t.TH	1097
Liên Trì (thôn) 蓮池村: tg.Liên Cừ,h.Hậu Lộc,p.Hà Trung,t.TH	1097
Liên Trì (tổng) 蓮池總: h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH	1114
Liên Trì (xã) 蓮池社: tg.Liên Trì,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH	1114
Liên Xá (xã) 連舍社: tg.Liên Trì,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH	1114
Liên Xương (xã) 連昌社: tg.Phi Mô,h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN	531
Liên Xương (xã) 連昌社: tg.Phú Lão,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ	320
Liên Xương (thôn) 蓮昌村: x.Liên Xương,tg.Phú Lão,h.Vụ Bản, p.Nghĩa Hưng,t.NĐ	319
Liễn Cốc (xã) 輦穀社: tg.Tạ Xá,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY	260
Liễn Luận (xã) 輦論社: tg.An Luận,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD	144
Liễn Sơn (xã) 輦山社: tg.Thượng Đạt,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST ...	932
Liễn Thâm (xã) 璫琛社: tg.Đồng Tạ,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD	126
Liệt Hạ (xã) 烈賀社: tg.Thịnh Liệt,h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN	531
Liêu Đông (xã) 遼東社: tg.Cổ Đàm,h.Nghi Xuân,p.Đức Thọ,t.NA	1265
Liêu Đông (xã) 遼東社: tg.Cát Xuyên,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ	304
Liêu Hạ (xã) 遼下社: tg.Liêu Xá,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD	100
Liêu Hải (xã) 遼海社: tg.An Trung Hạ,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ	316
Liêu Phú (xã) 遼富社: tg.Cát Xuyên,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ ..	304
Liêu Sơn (thôn) 僚山村: tg.Thuận Hoà,h.Bình Chính, p.Quảng Trạch,t.QB	1353
Liêu Thượng (xã) 遼上社: tg.Liêu Xá,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD .	100
Liêu Thượng (xã) 遼上社: tg.Cát Xuyên,h.Giao Thủy, p.Xuân Trường,t.NĐ	304
Liêu Trung (xã) 遼中社: tg.Liêu Xá,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD	100
Liêu Xá (tổng) 遼舍總: h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD	100
Liêu Xá (xã) 遼舍社: tg.Liêu Xá,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD	100
Liêu Xá (xã) 寥舍社: tg.Mỹ Xá,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD	134
Liễu Chàng (xã) 柳幢社: tg.Thạch Khôi,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD ...	130
Liễu Cốc Hạ (xã) 柳谷下社: tg.Phú Ốc,h.Hương Trà,p.TT.....	1418
Liễu Cốc Thượng (xã) 柳谷上社: tg.Phú Ốc,h.Hương Trà,p.TT.....	1418
Liễu Doanh (xã) 柳營社: tg.Phương Chữ,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD	144
Liễu Đề (xã) 柳堤社: tg.Phúc Tăng,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN	534
Liễu Đề (xã) 柳堤社: tg.Diên Hưng,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ	313
Liễu Điện (xã) 柳甸社: tg.Đồng Am,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD	126
Liễu Đô (xã) 柳都社: tg.Bì Hạ,ch.Lục Yên,p.An Bình,t.TQ	867
Liễu Đồi (xã) 柳堆社: tg.Mỹ Xá,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN	40
Liễu Giai (trại) 柳街寨: tg.Nội,h.Vĩnh Thuận,p.Hoài Đức,t.HN	13
Liễu Khê (xã) 柳溪社: tg.Liêu Lâm,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN	506
Liễu Lâm (tổng) 柳林總: h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN	506
Liễu Lâm (xã) 柳林社: tg.Liêu Lâm,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN	506
Liễu Ngạn (xã) 柳岸社: tg.Liêu Lâm,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN ...	506
Liễu Ngoại (thôn) 柳外村: x.Hà Liễu,tg.Hà Liễu,h.Thanh Trì, p.Thường Tín,t.HN	19
Liễu Nha (thôn) 柳衙村: tg.Bích Triều,h.Thanh Chương,p.Anh Sơn,t.NA	1238
Liễu Nha (xã) 柳衙社: tg.Đệ Nhất,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ	307

Liễu Nội (thôn) 柳內村: x.Hà Liễu,tg.Hà Liễu,h.Thanh Trì, p.Thường Tín,t.HN	19
Liễu Viên (xã) 柳園社: tg.Triều Đông,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN	16
Liễu Xuyên (thôn) 柳川村: x.Dương Xá,tg.Phù Long,h.Hung Nguyên, p.Anh Sơn,t.NA	1242
Liệu (thôn) 料村: x.Y Xá,tg.Tuân Hóa,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH	1105
Linh An (xã) 靈安社: tg.An Cư,h.Đằng Xương,đạo QT	1384
Linh Chiếu (xã) 靈沼社: tg.An Lưu,h.Đằng Xương,đạo QT	1384
Linh Cốc (xã) 靈穀社: tg.Đồng An,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ	859
Linh Đàm (xã) 靈潭社: tg.Phượng Vĩ Hạ,ch.Định,p.Tông Hóa,t.TN	807
Linh Đạo (xã) 靈道社: tg.Phù Vệ,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD	100
Linh Đông (xã) 靈東社: tg.An Lạc,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD	124
Linh Động (thôn) 靈洞村: tg.Vĩnh Xương,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN ..	12
Linh Động (xã) 靈洞社: tg.An Lạc,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD	124
Linh Đường (thôn) 苓塘村: tg.Thanh Liệt,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN	19
Linh Đường (xã) 苓塘社: tg.Thanh Liệt,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN ...	19
Linh Giang (xã) 靈江社: tg.Cổ Châu,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD	106
Linh Hạ (xã) 靈夏社: tg.Cao Đường,h.Tiên Lữ,p.Tiên Hưng,t.HY	271
Linh Hoàng (xã) 靈黃社: tg.Tĩnh Oa,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB	659
Linh Hồ (xã) 靈湖社: tg.Phú Linh,h.Vị Xuyên,p.Tương An,t.TQ	874
Linh Khê (xã) 靈溪社: tg.An Hộ,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD	106
Linh Lang Trạch (xã) 靈琅擇社: tg.Điều Lang,h.Hạ Lang, p.Trùng Khánh,t.CB	677
Linh Lộ (thôn) 齡路村: x.Văn Khuê,tg.Văn Trinh,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH	1115
Linh Lung (thôn) 玲瓏村: x.Cam Biều,tg.Thủ Hộ,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH	1120
Linh Mai (xã) 靈梅社: tg.Kim Mã,h.Nguyên Bình,p.Hòa An,t.CB	668
Linh Nam (xã) 靈岩社: tg.Hướng Thượng,h.Động Hỷ,p.Phú Bình,t.TN .	798
Linh Quang (xã) 靈琬社: tg.Kim Mã,h.Nguyên Bình,p.Hòa An,t.CB	668
Linh Quang (thôn) 靈琬村: tg.Vĩnh Xương,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN	12
Linh Quy (xã) 靈龜社: tg.Kim Sơn,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN	515
Linh Sơn (xã) 靈山社: tg.Kiên Lao,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN	537
Linh Sơn (xã) 靈山社: tg.Hòa Lạc,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST	926
Linh Sơn (xã) 靈山社: tg.Hiến Lễ,h.Bình Xuyên,p.Phú Bình,t.TN	800
Linh Sơn (xã) 靈山社: tg.Trung Môn,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ	859
Linh Thượng (tràng) 靈上庄: tg.Thượng Ốc,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN	8
Linh Xá (xã) 靈舍社: tg.Chí Nê,h.Hậu Lộc,p.Hà Trung,t.TH	1097
Linh Xá (xã) 靈舍社: tg.Cao Đồi,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD	106
Linh Xâm (xã) 玲琛社: tg.Quyết Trung,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST	934
Linh Xuân (xã) 靈椿社: tg.Đồng Lâm,h.Hà Hòa,p.Lâm Thao,t.ST	950
Linh Xuyên (tổng) 靈川總: h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST	959
Linh Xuyên (xã) 靈川社: tg.Linh Xuyên,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST	959
Lĩnh Mai (xã) 嶺梅社: tg.Quảng Bốc,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN	511
Loa Lâu (xã) 螺樓社: tg.Đức Lân,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN	794
Loa Sơn (xã) 螺山社: tg.Nhân Mục,h.Vị Xuyên,p.Tương An,t.TQ	874
Loan Dã (xã) 鶯野社: tg.Chu Lễ,h.Hương Khê,p.Đức Thọ,t.NA	1261
Long (bản) 龍本: tg.Trình Phú,h.Trình Cốt,t.TH	1152
Long Bó (thôn) 龍布村: tg.Đặng Sơn,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA	1235
Long Bồi (xã) 隆垧社: tg.Đồng Động,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ ...	340
Long Cầu (xã) 隆祿社: tg.Hoàng Tranh,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY	255
Long Châu (xã) 龍珠社: tg.Bất Lạm,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST	920
Long Cốc (xã) 龍谷社: tg.Xuân Đài,h.Thanh Sơn,p.Gia Hưng,t.HH	711
Long Đại (tổng) 隆代總: h.Phong Lộc,p.Quảng Ninh,t.QB	1345
Long Đại (xã) 隆代社: tg.Long Đại,h.Phong Lộc,p.Quảng Ninh,t.QB	1345
Long Đoàn (thôn) 龍端村: x.Dương Sơn,tg.Dương Sơn,h.Mỹ Hóa, p.Hà Trung,t.TH	1093

Long Đồng (thôn) 隆棟村: x.Trung Mậu,tg.Thống Lãng,h.Hưng Nguyên, p.Anh Sơn,t.NA 1242	Lộc Đa (xã) 祿多社: tg.Yên Trường,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246
Long Giang (xã) 龍江社: tg.Phù Long,h.Hưng Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA 1242	Lộc Đại (thôn) 祿代村: tg.Minh Lý,h.Phong Lộc,p.Quảng Ninh,t.QB 1345
Long Giản (xã) 隆揀社: tg.Quỳnh Sơn,h.Vũ Nhai,p.Phú Bình,t.TN 803	Lộc Điền (xã) 祿田社: tg.Bổng Điền,h.Thư Tri,p.Kiến Xương,t.NĐ 333
Long Hồ (tổng) 隆湖總: h.Hương Trà,p.TT 1418	Lộc Điền (xã) 祿田社: tg.Văn Viên,h.Hưng Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA 1242
Long Hồ (xã) 隆湖社: tg.Long Hồ,h.Hương Trà,p.TT 1418	Lộc Điền Thượng (phường) 祿田上坊: tg.Lũ Đẳng,h.Bình Chính, p.Quảng Trạch,t.QB 1353
Long Hưng (xã) 隆興社: tg.An Thái,h.Hải Lăng,đạo QT 1385	Lộc Động (xã) 鹿峒社: tg.Yên Mô,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025
Long Khám (xã) 龍龕社: tg.Đồng Sơn,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494	Lộc Giang (thôn) 祿江村: x.Phù Lưu,tg.Quảng Chiếu,h.Đồng Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1106
Long Khê (thôn) 龍溪村: tg.Phú Ốc,h.Hương Trà,p.TT 1418	Lộc Hà (xã) 祿河社: tg.Hội Phụ,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 491
Long Môn (thôn) 龍門村: tg.Lâm Thịnh,h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA 1235	Lộc Hải (xã) 祿海社: tg.Đặng Xá,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246
Long Nãi (thôn) 龍乃村: x.Diên Phúc,tg.Diên Hà,h.Diên Hà, p.Tiên Hưng,t.HY 267	Lộc Hải (xã) 祿海社: tg.Cung Thượng,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1120
Long Ốc (thôn) 隆渥村: x.Dị Ốc,tg.Dị Ốc,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259	Lộc Long (xã) 祿隆社: tg.Trung Quán,h.Phong Lộc,p.Quảng Ninh,t.QB 1345
Long Sơn (phường) 隆山坊: tg.Bãi Ân,h.Thành Hoá,đạo QT 1393	Lộc Long (thôn) 祿龍村: x.Thiếu Xuyên,tg.Văn Trinh,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1115
Long Thái (thôn) 隆泰村: tg.Bạch Hà,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1234	Lộc Mỹ (thôn) 祿美村: tg.Kim Nguyên,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246
Long Thịnh (xã) 隆盛社: tg.Quảng Thi,h.Thuy Nguyên, p.Thiệu Hóa,t.TH 1102	Lộc Nguyên (thôn) 祿原村: x.Mỹ Lộc,tg.Canh Hoạch,h.Can Lộc, p.Đức Thọ,t.NA 1270
Long Thịnh (phố) 隆盛鋪: tg.Nghiêm Lật,h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS 602	Lộc Nham (xã) 祿巖社: tg.Đồng Xá,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124
Long Vực (thôn) 龍域村: x.Can Trúc,tg.Văn Trường,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1117	Lộc Non (thôn) 祿墩村: x.Thủy Chú,tg.Kiến Thạch,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1144
Long Xuyên (thôn) 龍川村: x.Phúc Phú,tg.Phù Long,h.Hưng Nguyên, p.Anh Sơn,t.NA 1242	Lộc Nộn (xã) 祿籛社: tg.Tiên Xá,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37
Lỗ Đông (xã) 壩東社: tg.Bắc Tạ,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126	Lộc Quý (xã) 祿貴社: tg.Khê Kiều,h.Thư Tri,p.Kiến Xương,t.NĐ 333
Lỗ Ti (xã) 壩卑社: tg.Trình Cát,ch.Mai Sơn,p.Gia Hưng,t.HH 715	Lộc Thọ (xã) 祿壽社: tg.Đặng Xá,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246
Lỗ Điền (thôn) 魯田村: x.Hương Cãi,tg.Hải Đô,h.Hưng Nguyên, p.Anh Sơn,t.NA 1243	Lộc Thọ (tràng) 祿壽庄: tg.Liên Hương,h.Bố Trạch,p.Quảng Trạch,t.QB 1357
Lỗ Giao (xã) 魯郊社: tg.Cổ Loa,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 492	Lộc Thọ (thôn) 祿壽村: x.Diên Phúc,tg.Diên Hà,h.Diên Hà, p.Tiên Hưng,t.HY 267
Lỗ Hà (xã) 魯河社: tg.Trần Xá,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 44	Lộc Thủy (ấp) 萊水邑: tg.Lạc Thiện,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 305
Lỗ Hạnh (xã) 魯杏社: tg.Đồng Lỗ,h.Việt Yên,p.Lạng Giang,t.BN 534	Lộc Tiên (xã) 祿僊社: tg.Đặng Trường,h.Hậu Lộc,p.Hà Trung,t.TH 1096
Lỗ Hiễn (xã) 魯賢社: tg.Lôi Dương,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1144	Lộc Trạch (xã) 祿澤社: tg.Đồng Xá,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124
Lỗ Hương (tổng) 魯鄉總: h.Mỹ Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1093	Lộc Trì (xã) 祿疇社: tg.Cẩm Khê,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 116
Lỗ Hương (xã) 魯鄉社: tg.Lỗ Hương,h.Mỹ Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1093	Lộc Trung (thôn) 祿中村: x.Lộc Hải,tg.Cung Thượng,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1120
Lỗ Khê (xã) 魯溪社: tg.Hà Lỗ,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 491	Lộc Trường (thôn) 祿長村: x.Đồng Lương,tg.Ngọc Đới,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1115
Lỗ Quỳnh (xã) 魯炯社: tg.Đồng Lỗ,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 940	Lộc Tuy (xã) 祿綏社: tg.Lạc Thiện,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1125
Lỗ Sà (xã) 罾搓社: tg.Diêm Trường,h.Phú Lộc,p.TT 1424	Lộc Xá (xã) 祿舍社: tg.Thạch Bàn,h.Phong Đăng,p.Quảng Ninh,t.QB 1347
Lỗ Sơn (xã) 魯山社: tg.Lạc Thiện,h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1040	Lộc Yên (xã) 祿安社: tg.Cao Lâu,ch.Lộc Bình,p.Tràng Khánh,t.LS 621
Lỗ Sơn (xã) 魯山社: tg.Hà Chiếu,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165	Lôi Cầu (xã) 雷棗社: tg.Yên Xá,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 260
Lỗ Trì (xã) 魯池社: tg.Từ Đà,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957	Lôi Châu (xã) 雷洲社: tg.An Trứ,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 110
Lỗ Trường (xã) 魯場社: tg.Vạn Xuân,h.Thuy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343	Lôi Dương (huyện) 雷陽縣: p.Thọ Xuân,t.TH 1143
Lỗ Tự (xã) 魯敘社: tg.Phùng Thịnh,h.Thuy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1102	Lôi Dương (tổng) 雷陽總: h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1144
Lỗ Xá (xã) 魯舍社: tg.An Xá,h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 97	Lôi Dương (xã) 雷陽社: tg.Lôi Dương,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1144
Lỗ Xá (xã) 魯舍社: tg.Hà Trường,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD 157	Lôi Động (xã) 雷洞社: tg.Chi Ngại,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106
Lỗ Xá (xã) 魯舍社: tg.Hung Xá,h.Phong Doanh,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 326	Lôi Động (xã) 雷洞社: tg.Hương Đại,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113
Lộ Đông (xã) 路東社: tg.Hội Thượng,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 934	Lôi Động (xã) 雷洞社: tg.Lâm Động,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162
Lộ Xá (xã) 路舍社: tg.Cổ Quán,h.Thần Khê,p.Tiên Hưng,t.HY 264	Lôi Hà (xã) 雷河社: tg.Trác Bút,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45
Lộ Xuyên (xã) 路川社: tg.Phương Đế,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ 312	Lôi Khê (tổng) 雷溪總: h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 93
Lộc An (xã) 祿安社: tg.Phúc Lộc,h.Hương Khê,p.Đức Thọ,t.NA 1261	Lôi Khê (xã) 雷溪社: tg.Lôi Khê,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 93
Lộc An (xã) 祿安社: tg.Mỹ Lộc,h.Phong Đăng,p.Quảng Ninh,t.QB 1347	Lôi Trạch (xã) 雷澤社: tg.Ngài Am,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 127
Lộc Anh (lỵ) 淩英里: tg.Ninh Nhất,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ 313	Lôi Trì (xã) 雷池社: tg.Lý Đổ,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 93
Lộc Bình (châu) 祿平州: p.Tràng Khánh,t.LS 621	Lôi Trinh (trại) 擂貞寨: tg.Thổ Bình,ch.Chiêm Hoá,p.Tương An,t.TQ 877
Lộc Bồi (xã) 祿培社: tg.Đan Nê,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109	Lôi Xá (xã) 雷舍社: tg.Đan Trường,h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 98
Lộc Châu (xã) 祿洲社: tg.Đặng Xá,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246	Lôi Yên (xã) 雷安社: tg.Tam Dị,h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN 531
Lộc Châu (xã) 祿洲社: tg.Tam Đăng,h.Nghi Xuân,p.Đức Thọ,t.NA 1264	Lỗi Dương (xã) 耒陽社: tg.Vĩnh Chân,h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948
Lộc Châu (phường) 祿洲坊: Thủy Cự,t.TH 1156	Lỗi Dương (xã) 耒陽社: tg.Đường An,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 92
Lộc Dã (xã) 鹿野社: tg.Võng Xuyên,h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST 913	Lỗi Dương (xã) 耒陽社: tg.Thủy Đường,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162
Lộc Dư (thôn) 祿餘村: x.Hoàng Phúc,tg.La Phù,h.Thượng Phúc, p.Thường Tín,t.HN 16	

Lỗi Sơn (xã) 磊山社: tg.Vân Cái,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029

Lộng Điền (xã) 弄田社: tg.Thượng Kỳ,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316

Lộng Đình (xã) 弄亭社: tg.Đại Từ,h.Văn Giang,pp.Thuận Thành,t.BN ... 517

Lộng Khê (xã) 弄溪社: tg.Đào Xá,h.Phụ Dục,pp.Thái Bình,t.NĐ 346

Lộng Khê (xã) 弄溪社: tg.Phương Đế,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ 312

Lộng Ngọc (xã) 弄玉社: tg.Hòa Luật,h.Thạch Thành,
p.Quảng Hóa,t.TH 1135

Lộng Ngọc (xã) 弄玉社: tg.Cự Lữ,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1139

Lợi Bắc (xã) 利博社: tg.Đồng Quan,h.Yên Bái,p.Tràng Khánh,t.LS 619

Lợi Lạc (sách) 利樂冊: tg.Hạ Suu,h.Nghĩa Đường,p.Quỳ Châu,t.NA 1275

Lợi Xá (thôn) 利舍村: x.Ích Hậu,tg.Phù Lưu,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269

Lợi Xá (xã) 利舍社: tg.Hoàng Đàm,h.Phổ Yên,p.Phú Bình,t.TN 796

Lũ (bản) 屨本: tg.Chấp Yết,h.Trình Cốt,t.TH 1152

Lũ (thôn) 屨村: x.Cao Bạt,tg.Nam Đường,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 332

Lũ An (xã) 屨安社: tg.Lý Nhân,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN 795

Lũ Đăng (tổng) 屨登總: h.Bình Chính,p.Quảng Trạch,t.QB 1353

Lũ Đăng (xã) 屨登社: tg.Lũ Đăng,h.Bình Chính,p.Quảng Trạch,t.QB ... 1353

Lũ Đăng (phường) 屨登坊: tg.Trịnh Xá,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH ... 1109

Lũ Đăng (xã) 屨登社: tg.Hán Nam,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 117

Lũ Đăng (xã) 屨登社: tg.Cao Mỗ,h.Thần Khê,p.Tiên Hưng,t.HY 265

Lũ Đăng (xã) 屨登社: tg.Cát Đằng,h.Phong Doanh,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 326

Lũ Điền (xã) 屨田社: tg.Giới Phiên,h.Trần Yên,p.Quỳ Hóa,t.HH 727

Lũ Khê (xã) 屨溪社: tg.Hùng Di,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 859

Lũ Phong (xã) 屨豐社: tg.Yên Mỹ,h.Hoàn Bó,p.Sơn Định,t.QY 404

Lũ Phú (xã) 屨富社: tg.Xuân Áng,h.Phượng Nhãn,p.Lạng Giang,t.BN 530

Luân (châu) 倫州: ch.Luân,p.Điện Biên,t.HH 740

Luận Khê (tổng) 論溪總: ch.Thường Xuân,p.Thọ Xuân,t.TH 1147

Luận Phẩm (xã) 論品社: tg.Quan Ngoại,h.Tam Dương,
p.Vĩnh Tường,t.ST 935

Luật (thôn) 律村: x.Bạch Liên,tg.Lạc Thiện,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

Luật Ngoại (thôn) 律外村: tg.Xuân Vũ,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 331

Luật Nội (thôn) 律内村: tg.Xuân Vũ,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 331

Luật Sơn (ấp) 律山邑: tg.Mỹ Trạch,h.Lệ Thủy,p.Quảng Ninh,t.QB 1348

Lục (thôn) 陸村: x.Hành Nhân,tg.Phú Lão,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ ... 319

Lục Ba (xã) 錄波社: tg.Trường Lang,h.Đại Từ,p.Tông Hóa,t.TN 811

Lục Bình (xã) 陸平社: tg.Hà Vĩ,ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN 819

Lục Châu (xã) 蓼洲社: tg.Tang Thác,h.Tiên Phong,p.Quảng Oai,t.ST ... 909

Lục Dã (tổng) 綠野總: h.Tương Dương,p.Tương Dương,t.NA 1272

Lục Dã (xã) 錄野社: tg.Thanh Đế,đ.Ch.Định,p.Tông Hóa,t.TN 807

Lục Dương (xã) 錄陽社: tg.Thượng Đình,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN 794

Lục Dương (xã) 錄陽社: tg.Đồng Đồi,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106

Lục Dương (tràng) 綠楊庄: tg.Trình Nữ,ch.Lộc Bình,p.Tràng Khánh,t.LS 621

Lục Độ (xã) 錄度社: tg.Đôn Lương,h.Nghiêu Phong,p.Sơn Định,t.QY 417

Lục Giới (xã) 錄界社: tg.Nhã Nam,h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN 540

Lục Hồn (xã) 陸渾社: tg.Bác Lăng,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 440

Lục Hồn (động) 陸渾峒: tg.Bác Lăng,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 440

Lục Khê (xã) 寥涇社: tg.Viên Lang,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126

Lục Kỳ (xã) 陸奇社: tg.Tú Xuyên,h.Văn Quan,p.Tràng Định,t.LS 605

Lục Lâu (xã) 錄樓社: tg.Hoàng Xuyên,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST . 934

Lục Liễu (xã) 錄柳社: tg.Mục Sơn,h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN 540

Lục Linh (xã) 淩淩社: tg.Lễ Thần,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 341

Lục Ngạn (huyện) 陸岸縣: p.Lạng Giang,t.BN 536

Lục Thôn (tràng) 陸村庄: tg.Đồng Bộc,ch.Lộc Bình,p.Tràng Khánh,t.LS 621

Lục Thủy (xã) 萊水社: tg.Thủy Nhai,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ .. 304

Lục Trì (sở) 蓼池所: tg.Hạ Lôi,h.Yên Lăng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938

Lục Trúc (xã) 錄竹社: tg.Đằng Trường,h.Hậu Lộc,p.Hà Trung,t.TH 1096

Lục Trúc (xã) 錄竹社: tg.Tam Lộng,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1145

Lục Yên (châu) 陸安州: p.An Bình,t.TQ 867

Lung (thôn) 籠村: x.Nam Thạch,tg.Đan Nê,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109

Lung Động (xã) 瀧洞社: tg.Cao Đồi,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106

Lũng (thôn) 隴村: tg.Trung An,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659

Lũng Bắc (xã) 隴北社: tg.Lương Xâm,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151

Lũng Biều (trại) 隴瓢寨: tg.Bạch Đằng,h.Hạ Lang,p.Trùng Khánh,t.CB . 677

Lũng Bó (xã) 隴布社: tg.Cổ Lũng,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1140

Lũng Cao (xã) 隴高社: tg.Cổ Lũng,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1140

Lũng Chung Lũng Trát (thôn) 隴鐘隴扎村: tg.Lăng Yên,
h.Thượng Lang,p.Trùng Khánh,t.CB 672

Lũng Cốc (xã) 隴谷社: tg.Cổ Lũng,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1140

Lũng Đa (thôn) 隴多村: tg.Bạch Đằng,h.Hạ Lang,p.Trùng Khánh,t.CB ... 677

Lũng Đầu (xã) 隴頭社: tg.Thần Hương,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 341

Lũng Điện (xã) 隴淀社: tg.Đằng Châu,h.Thượng Lang,
p.Trùng Khánh,t.CB 672

Lũng Giang (xã) 隴江社: tg.Nội Duệ,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494

Lũng Hoàng (xã) 隴黃社: tg.Tĩnh Luyện,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 932

Lũng Hữu (xã) 隴右社: tg.Lữ Lương,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST ... 935

Lũng Khê (thôn) 隴溪村: x.Thanh Tương,tg.Khuông Tự,h.Siêu Loại,
p.Thuận Thành,t.BN 506

Lũng Lai (thôn) 隴萊村: tg.Đằng Châu,h.Thượng Lang,
p.Trùng Khánh,t.CB 672

Lũng Lâu (trại) 隴樓寨: tg.Giang Ngô,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 664

Lũng Lâu (thôn) 隴樓村: tg.Lăng Yên,h.Thượng Lang,
p.Trùng Khánh,t.CB 672

Lũng Mi (thôn) 隴眉村: tg.Quảng Thi,h.Thuy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1102

Lũng Môn (xã) 隴門社: tg.Tràng Quế,ch.Ôn,p.Tràng Khánh,t.LS 617

Lũng Ngoại (xã) 隴外社: tg.Mộ Chu,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930

Lũng Niêm (xã) 隴粘社: tg.Cổ Lũng,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH ... 1140

Lũng Sơn (xã) 隴山社: tg.Nội Duệ,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494

Lũng Tả (giáp) 隴左甲: tg.Tân Bối,h.Tiến Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335

Lũng Tí (trại) 隴笪寨: tg.Nga Ổ,h.Thượng Lang,p.Trùng Khánh,t.CB 672

Lũng Tiềm (xã) 隴潛社: tg.Cổ Lũng,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH ... 1140

Lũng Trì (thôn) 隴知村: tg.Lăng Yên,h.Thượng Lang,p.Trùng Khánh,t.CB 672

Lũng Uyển (trại) 隴碗寨: tg.Điếu Lang,h.Hạ Lang,p.Trùng Khánh,t.CB . 677

Lũng Vân (xã) 隴雲社: tg.Cổ Lũng,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1140

Lũng Vị (thôn) 隴位村: tg.Yên Kien,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926

Lũng Xuyên (trại) 隴川寨: tg.Giang Ngô,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 664

Lũng Xuyên (xã) 隴川社: tg.An Khê,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37

Lũng Xuyên Hạ (thôn) 隴川下村: tg.Đường Xá,h.Yên Lạc,
pp.Vĩnh Tường,t.ST 940

Lũng Xuyên Thượng (thôn) 隴川上村: tg.Đường Xá,h.Yên Lạc,
pp.Vĩnh Tường,t.ST 940

Lũy Dương (xã) 湮陽社: tg.Phan Xá,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134

Luyến Khuyết (xã) 戀闕社: tg.Đồng Hồ,h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 339

Luyện Đạt (sách) 練達冊: tg.Phác Lỗ,h.Nghĩa Đường,p.Quỳ Châu,t.NA 1275

Luyện Đông (thôn) 煉東村: x.Đằng Cao,tg.Bút Sơn,h.Hoàng Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1090

Luyện Phù (thôn) 煉扶村: x.Đằng Cao,tg.Bút Sơn,h.Hoàng Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1090

Luyện Tây (thôn) 練西村: x.Đằng Cao,tg.Bút Sơn,h.Hoàng Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1090

Luyện Trung (thôn) 練中村: x.Đằng Cao,tg.Bút Sơn,h.Hoàng Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1090

Lư Tường (thôn) 蘆祥村: x.Hải Đò,tg.Hải Đò,h.Hung Nguyên,
p.Anh Sơn,t.NA 1243

Lữ Đô (xã) 侶都社: tg.Phú Khê,h.Y Yên,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 323

Lữ Hạ (<i>xã</i>) 侶下社: tg.Cự Lữ,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1139	Lương Hạ (<i>tổng</i>) 梁下總: h.Cẩm Hóa,p.Thông Hóa,t.TN 816
Lữ Lương (<i>tổng</i>) 呂梁總: h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 935	Lương Hạ (<i>xã</i>) 梁下社: tg.Lương Hạ,h.Cẩm Hóa,p.Thông Hóa,t.TN 816
Lữ Lương (<i>xã</i>) 呂梁社: tg.Lữ Lương,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST ... 935	Lương Hàn (<i>xã</i>) 良韓社: tg.Văn Lang,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ 312
Lữ Thượng (<i>xã</i>) 侶上社: tg.Cự Lữ,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1139	Lương Hội (<i>thôn</i>) 良會村: x.Đồng Lâm,tg.Nga Khê,h.Can Lộc, p.Đức Thọ,t.NA 1269
Lữ Trung (<i>xã</i>) 侶中社: tg.Cự Lữ,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1139	Lương Khê (<i>tổng</i>) 梁溪總: h.Bát Bạt,p.Quảng Oai,t.ST 915
Lữ Vân (<i>xã</i>) 侶雲社: tg.Đức Lân,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN 794	Lương Khê (<i>xã</i>) 梁溪社: tg.Lương Khê,h.Bát Bạt,p.Quảng Oai,t.ST 915
Lữ Xá (<i>xã</i>) 閭舍社: tg.Mễ Trường,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40	Lương Khê (<i>xã</i>) 琅溪社: tg.Lương Xâm,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD .. 151
Lực Canh (<i>tổng</i>) 力耕總: ch.Quan Hóa,p.Quảng Hóa,t.TH 1137	Lương Khê (<i>xã</i>) 良溪社: tg.Quan Bế,h.Hưng Nhân,p.Tiên Hưng,t.HY 268
Lực Canh (<i>xã</i>) 力耕社: tg.Lực Canh,ch.Quan Hóa,p.Quảng Hóa,t.TH .. 1137	Lương Khế (<i>thôn</i>) 良契村: tg.Cát Ngạn,h.Thanh Chương, p.Anh Sơn,t.NA 1239
Lực Canh (<i>xã</i>) 力耕社: tg.Xuân Canh,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 492	Lương Kiệt (<i>xã</i>) 梁碣社: tg.Thủy Đường,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162
Lực Đáp (<i>xã</i>) 力答社: tg.Bất Bế,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 123	Lương Kiệt (<i>xã</i>) 良傑社: tg.Hào Kiệt,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319
Lực Điển (<i>xã</i>) 力田社: tg.Từ Dương,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 252	Lương Lại (<i>xã</i>) 良賴社: tg.Hoàng Lại,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113
Lực Đình (<i>tổng</i>) 力丁總: h.Bình Xuyên,p.Phú Bình,t.TN 801	Lương Lạnh (<i>xã</i>) 涼冷社: tg.Đôn Lương,h.Nghiêu Phong, p.Sơn Định,t.QY 417
Lực Đình (<i>xã</i>) 力丁社: tg.Lực Đình,h.Bình Xuyên,p.Phú Bình,t.TN 801	Lương Lỗ (<i>tổng</i>) 良魯總: h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948
Lực Đình (<i>trại</i>) 力丁寨: x.Lực Đình,tg.Lực Đình,h.Bình Xuyên, p.Phú Bình,t.TN 801	Lương Lỗ (<i>xã</i>) 良魯社: tg.Lương Lỗ,h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948
Lực Giá (<i>xã</i>) 力稼社: tg.Đa Giá,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1028	Lương Lộc (<i>xã</i>) 良祿社: tg.Sư Lỗ,h.Phú Vang,p.TT 1420
Lực Hành (<i>xã</i>) 力行社: tg.Sơn Đò,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 860	Lương Mã (<i>xã</i>) 良馬社: tg.Cổ Linh,ch.Chiêm Hoá,p.Tương An,t.TQ 877
Lực Hành (<i>xã</i>) 力行社: tg.Trung Hành,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151	Lương Mã (<i>phố</i>) 良馬庸: tg.Lân Sơn,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 663
Lực Na (<i>xã</i>) 力那社: tg.Lực Canh,ch.Quan Hóa,p.Quảng Hóa,t.TH 1137	Lương Mai (<i>xã</i>) 良枚社: tg.Hiến Lương,h.Phong Điền,p.TT..... 1428
Lực Nông (<i>tổng</i>) 力農總: h.Quảng Uyên,p.Trùng Khánh,t.CB 675	Lương Mông (<i>xã</i>) 涼蒙社: tg.Dương Huy,h.Hoàn Bô,p.Sơn Định,t.QY .403
Lực Nông (<i>xã</i>) 力農社: tg.Lực Nông,h.Quảng Uyên,p.Trùng Khánh,t.CB 675	Lương Mông (<i>xã</i>) 良蒙社: tg.Phú Hữu,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST .911
Lương (<i>thôn</i>) 涼村: tg.Ấn Thi,h.Ấn Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256	Lương Mộng (<i>thôn</i>) 良夢村: x.Thanh Hà,tg.Cổ Định,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1123
Lương An (<i>xã</i>) 良安社: tg.An Đôn,h.Đăng Xương,đạo QT 1384	Lương Mỹ (<i>xã</i>) 良美社: tg.Quỳnh Côi,h.Quỳnh Côi,pp.Thái Bình,t.NĐ 348
Lương An (<i>xã</i>) 良安社: tg.Định Biên Trung,ch.Định,p.Tông Hóa,t.TN 807	Lương Mỹ (<i>xã</i>) 良美社: tg.An Cự,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319
Lương Bằng (<i>xã</i>) 良憑社: tg.Đại Phạm,h.Hạ Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950	Lương Năng (<i>ấp</i>) 良能邑: tg.Lương Điền,h.Phú Lộc,p.TT 1424
Lương Bô (<i>xã</i>) 琅琚社: tg.Lương Xâm,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151	Lương Năng (<i>xã</i>) 良能社: tg.Thông Nông,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB .660
Lương Can (<i>xã</i>) 琅玕社: tg.Định Biên Hạ,ch.Định,p.Tông Hóa,t.TN 807	Lương Năng (<i>xã</i>) 良能社: tg.Tú Xuyên,h.Văn Quan,p.Tràng Định,t.LS .. 605
Lương Cẩm (<i>xã</i>) 良琴社: tg.Dũng Liệt,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497	Lương Nham (<i>xã</i>) 良岩社: tg.Bách Lãm,h.Trần Yên,p.Quy Hóa,t.HH 726
Lương Cầu (<i>xã</i>) 良駒社: tg.Sơn Lôi,h.Bình Xuyên,p.Phú Bình,t.TN 801	Lương Niệm (<i>xã</i>) 良念社: tg.Cung Thương,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1120
Lương Cầu (<i>xã</i>) 梁駒社: tg.Du Viên,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 148	Lương Pháp (<i>xã</i>) 良法社: tg.Quỳnh Bội,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509
Lương Chánh (<i>châu</i>) 良政州: p.Thọ Xuân,t.TH 1150	Lương Phong (<i>xã</i>) 良風社: tg.Đồng Lỗ,h.Việt Yên,p.Lạng Giang,t.BN .. 534
Lương Châu (<i>thôn</i>) 良珠村: x.Tiên Dực,tg.Tiên Dực,h.Kim Anh, p.Đa Phúc,t.BN 525	Lương Phú (<i>xã</i>) 良富社: tg.Đại Hoàng,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 332
Lương Cổ (<i>xã</i>) 良古社: tg.Phúc Yên,h.Quảng Điền,p.TT 1427	Lương Phúc (<i>xã</i>) 良福社: tg.Tăng Long,h.Đa Phúc,p.Đa Phúc,t.BN 521
Lương Cổ (<i>xã</i>) 良古社: tg.Lam Cầu,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37	Lương Quán (<i>xã</i>) 涼館社: tg.Cổ Loa,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 492
Lương Cự (<i>xã</i>) 良具社: tg.Quỳnh Ngọc,h.Quỳnh Côi,pp.Thái Bình,t.NĐ .348	Lương Quán (<i>thôn</i>) 涼館村: x.Dương Sơn,tg.Dương Sơn,h.Mỹ Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1093
Lương Dụ (<i>xã</i>) 良誘社: tg.Lăng Lãng,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124	Lương Quán (<i>xã</i>) 涼館社: tg.Cư Chánh,h.Hương Thủy,p.TT..... 1422
Lương Đa (<i>xã</i>) 良多社: tg.Trầm Lộng,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26	Lương Quán (<i>xã</i>) 涼館社: tg.Quỳnh Hoàng,h.Giáp Sơn, p.Kinh Môn,t.HD 158
Lương Điền (<i>ấp</i>) 良田邑: tg.Tân Phong,h.Tiến Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ .. 335	Lương Quy (<i>xã</i>) 良龜社: tg.Cổ Loa,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 492
Lương Điền (<i>thôn</i>) 良田村: tg.Đặng Sơn,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1235	Lương Quy (<i>xã</i>) 良規社: tg.Văn Cú,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151
Lương Điền (<i>thôn</i>) 良田村: tg.Bích Triều,h.Thanh Chương, p.Anh Sơn,t.NA 1238	Lương Sĩ (<i>ấp</i>) 良士邑: tg.Phù Ninh,h.Phong Điền,p.TT 1428
Lương Điền (<i>xã</i>) 良田社: tg.Thái Xá,h.Đồng Thành,p.Diễn Châu,t.NA 1249	Lương Sơn (<i>huyện</i>) 梁山縣: p.Anh Sơn,t.NA 1234
Lương Điền (<i>xã</i>) 良田社: tg.Câu Hoan,h.Hải Lăng,đạo QT 1385	Lương Sơn (<i>thôn</i>) 良山村: tg.Yên Kien,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926
Lương Điền (<i>tổng</i>) 良田總: h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 940	Lương Sơn (<i>xã</i>) 梁山社: tg.Nhân Sơn,ch.Lương Chánh, p.Thọ Xuân,t.TH 1150
Lương Điền (<i>xã</i>) 良田社: tg.Lương Điền,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 940	Lương Sơn (<i>ấp</i>) 良山邑: tg.Lương Điền,h.Phú Lộc,p.TT 1424
Lương Điền (<i>tổng</i>) 良田總: h.Phú Lộc,p.TT 1423	Lương Sơn (<i>tổng</i>) 梁山總: ch.Lục Yên,p.An Bình,t.TQ 868
Lương Điền (<i>xã</i>) 良田社: tg.Lương Điền,h.Phú Lộc,p.TT 1423	Lương Sơn (<i>xã</i>) 梁山社: tg.Lương Sơn,ch.Lục Yên,p.An Bình,t.TQ 868
Lương Đống (<i>xã</i>) 樑棟社: tg.Đồng Hải,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 340	Lương Sủ (<i>thôn</i>) 良使村: tg.Yên Hòa,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12
Lương Đường (<i>xã</i>) 良棠社: tg.Ngọc Cục,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 92	Lương Tạ (<i>xã</i>) 涼謝社: tg.Phao Thanh,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN 794
Lương Giai (<i>thôn</i>) 良佳村: vạn Thanh Đàm,tg.Bích Triều,h.Thanh Chương, p.Anh Sơn,t.NA 1238	Lương Tài (<i>huyện</i>) 良才縣: p.Thuận Thành,t.BN 510
Lương Giang (<i>phường</i>) 梁江坊: tg.Đặng Sơn,h.Lương Sơn, p.Anh Sơn,t.NA 1235	
Lương Gián (<i>xã</i>) 琅琖社: tg.An Hộ,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106	
Lương Hà (<i>xã</i>) 梁河社: tg.Ngọc Tuyết,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH .. 1091	

Lương Tài (tổng) 良才總: h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 511

Lương Tài (xã) 良才社: tg.Lương Tài,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN . 511

Lương Tầm (xã) 良蠶社: tg.Giới Phiên,h.Trần Yên,p.Quy Hóa,t.HH 727

Lương Tân (thôn) 良津村: x.Dũng Liệt,tg.Dũng Liệt,h.Yên Phong,
p.Từ Sơn,t.BN 497

Lương Thiện (phường) 良善坊: tg.Mỹ Lộc,h.Phong Đăng,
p.Quảng Ninh,t.QB 1347

Lương Thiện (xã) 良善社: tg.Dương Quỳ,ch.Chiêu Tấn,p.Yên Tây,t.HH 734

Lương Thường (xã) 良常社: tg.An Tiêm,h.Đông Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 339

Lương Thượng (tổng) 梁上總: h.Cẩm Hóa,p.Thông Hóa,t.TN 816

Lương Thượng (xã) 梁上社: tg.Lương Thượng,h.Cẩm Hóa,
p.Thông Hóa,t.TN 816

Lương Trà (xã) 涼茶社: tg.Cẩm Lý,h.Nguyễn Bình,p.Hòa An,t.CB 667

Lương Trạch (xã) 涼澤社: tg.Hạ Am,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124

Lương Tri (xã) 良知社: tg.Ninh Hải,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 427

Lương Tri (phố) 良知庸: tg.Ninh Hải,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 427

Lương Tri (ấp) 良知邑: tg.Lương Điền,h.Phú Lộc,p.TT..... 1424

Lương Trình (thôn) 良程村: tg.Thuận Bài,h.Bình Chính,
p.Quảng Trạch,t.QB 1353

Lương Trình (xã) 涼程社: tg.Phao Thanh,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.LN .. 794

Lương Trù (xã) 良疇社: tg.Lương Điền,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST .. 940

Lương Trường (xã) 良場社: tg.Bích Triều,h.Thanh Chương,
p.Anh Sơn,t.NA 1238

Lương Văn (tổng) 良文總: h.Hương Thủy,p.TT 1422

Lương Văn (xã) 良文社: tg.Lương Văn,h.Hương Thủy,p.TT 1422

Lương Viên (tổng) 梁園總: h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959

Lương Viên (xã) 梁園社: tg.Lương Viên,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959

Lương Viên (xã) 涼院社: tg.Quảng Xuyên,h.Phú Vang,p.TT 1420

Lương Viên (ấp) 涼院邑: tg.Diêm Trường,h.Phú Lộc,p.TT 1424

Lương Xá (tổng) 梁舍總: h.Phụ Dực,pp.Thái Bình,t.NĐ 346

Lương Xá (xã) 梁舍社: tg.Lương Xá,h.Phụ Dực,pp.Thái Bình,t.NĐ 346

Lương Xá (xã) 梁舍社: tg.Xuân Áng,h.Hạ Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950

Lương Xá (thôn) 良舍村: x.Phú Điện,tg.Đại Lý,h.Mỹ Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1094

Lương Xá (xã) 良舍社: tg.Thủ Hộ,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1120

Lương Xá (tổng) 梁舍總: h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 22

Lương Xá (xã) 梁舍社: tg.Lương Xá,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 22

Lương Xá (thôn) 良舍村: x.Phương Đình,tg.Phương Đình,h.Sơn Minh,
p.Ứng Hòa,t.HN 26

Lương Xá (tổng) 良舍總: h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31

Lương Xá (xã) 良舍社: tg.Lương Xá,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31

Lương Xá (tổng) 梁舍總: h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 511

Lương Xá (xã) 梁舍社: tg.Lương Xá,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN .. 511

Lương Xá (xã) 梁舍社: tg.Kim Quan,h.Cẩm Giang,p.Bình Giang,t.HD 97

Lương Xá (xã) 梁舍社: tg.Bạch Sam,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD ... 100

Lương Xá (xã) 梁舍社: tg.Phương Duy,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 130

Lương Xá (xã) 梁舍社: tg.Bất Náo,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 147

Lương Xá (xã) 梁舍社: tg.Tiên Cầu,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 259

Lương Xá (xã) 良舍社: tg.Quan Bế,h.Hung Nhân,p.Tiên Hưng,t.HY 268

Lương Xá (xã) 梁舍社: tg.Đồng Mặc,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 306

Lương Xá (xã) 良舍社: tg.Như Thức,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 307

Lương Xá (xã) 良舍社: tg.Cao Đường,h.Thượng Nguyên,
p.Xuân Trường,t.NĐ 309

Lương Xá (xã) 梁舍社: tg.Từ Vinh,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316

Lương Xá Thượng (xã) 梁舍上社: tg.Từ Vinh,h.Đại An,
p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316

Lương Xâm (tổng) 琅琛總: h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151

Lương Xâm (xã) 琅琛社: tg.Lương Xâm,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD . 151

Lương Y (xã) 良醫社: tg.Thông Nông,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 660

Lương Yên (thôn) 良安村: tg.Thanh Nhân,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12

Lương Yến (xã) 良宴社: tg.Long Đại,h.Phong Lộc,p.Quảng Ninh,t.QB 1345

Lưỡng Biên (tràng) 兩邊庄: x.Nam Công,tg.Cẩm Bối,h.Thanh Liêm,
p.Lý Nhân,t.HN 40

Lưỡng Kim (xã) 兩金社: tg.An Cư,h.Đặng Xương,đạo QT 1384

Lưỡng Kỳ (xã) 兩岐社: tg.Dương Huy,h.Hoành Bồ,p.Sơn Định,t.QY 403

Lưỡng Quán (tổng) 兩館總: h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 941

Lưỡng Quán (châu) 兩館洲: tg.Lưỡng Quán,h.Yên Lạc,
pp.Vĩnh Tường,t.ST 941

Lưu (giáp) 留甲: x.Yên Xá,tg.Phùng Thịnh,h.Thụy Nguyên,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1102

Lưu Đồn (xã) 留屯社: tg.Quảng Nạp,h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343

Lưu Hiến (thôn) 留賢村: x.Thủ Hộ,tg.Thủ Hộ,h.Quảng Xương,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1120

Lưu Hương (ấp) 留香邑: tg.Tự Tân,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1033

Lưu Khánh (xã) 留慶社: tg.Dương Nỗ,h.Phú Vang,p.TT 1420

Lưu Khê (xã) 菑溪社: tg.Hà Nam,h.Yên Hưng,p.Sơn Định,t.QY 413

Lưu Khê (xã) 菑溪社: tg.Tín Yên,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN 17

Lưu Phái (xã) 劉派社: tg.Cổ Điện,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 19

Lưu Phương (trại) 留芳寨: tg.Tân An,h.Tiên Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335

Lưu Sơn (xã) 菑山社: tg.Bạch Hà,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1234

Lưu Thanh (giáp) 流清甲: tg.Chất Thành,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1032

Lưu Vệ (tổng) 留衛總: h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1121

Lưu Vệ (xã) 留衛社: tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1121

Lưu Xá (xã) 劉舍社: tg.Kim Thia,h.Đan Phượng,p.Quốc Oai,t.ST 922

Lưu Xá (xã) 劉舍社: tg.Túc Duyên,h.Động Hỷ,p.Phú Bình,t.TN 798

Lưu Xá (xã) 欸舍社: tg.Phù Lưu Tế,h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN 34

Lưu Xá (xã) 劉舍社: tg.Kim Bảng,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38

Lưu Xá (tổng) 劉舍總: h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 253

Lưu Xá (xã) 劉舍社: tg.Lưu Xá,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 253

Lưu Xá (xã) 劉舍社: tg.Yên Canh,h.Ân Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256

Lưu Xá (xã) 劉舍社: tg.Hiệu Vũ,h.Hung Nhân,p.Tiên Hưng,t.HY 268

Lựu Bảo (xã) 榴堡社: tg.An Ninh,h.Hương Trà,p.TT 1418

Lựu Khê (xã) 榴溪社: tg.Bái Châu,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109

Lựu Khê (xã) 榴溪社: tg.Xà Cầu,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26

Lựu Phố (xã) 榴圃社: tg.Đệ Nhất,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 307

M

Ma Năng Hạ (sách) 麻能下冊: tg.Thượng Lưu,h.Minh Hoá,
p.Quảng Trạch,t.QB 1359

Ma Năng Thượng (sách) 麻能上冊: tg.Thượng Lưu,h.Minh Hoá,
p.Quảng Trạch,t.QB 1359

Mã Hậu (thôn) 馬後村: tg.Vũ Điện,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45

Mã Náo (xã) 瑪瑙社: tg.Thụy Lợi,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38

Mã Tô (xã) 馬嘶社: tg.Hà Môn,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 429

Mã Tiên (xã) 馬鞭社: tg.Bạch Liên,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025

Mạc Xá (xã) 幕舍社: tg.Hạ Tri,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8

Mạc Xá (xã) 幕舍社: tg.Công Xá,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 44

Mạc Xá (xã) 莫舍社: tg.Thượng Triệt,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 110

Mạc Xuyên (xã) 莫川社: tg.Tì Bà,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 511

Mạch Dương (xã) 麥陽社: tg.Xuân Canh,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN .. 492

Mạch Kỳ (xã) 麥岐社: tg.Thủy Cam,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 29

Mạch Lũng (xã) 麥隴社: tg.Sáp Mai,h.Yên Lăng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938	Mai Pha (tổng) 枚坡總: ch.Ôn,p.Tràng Khánh,t.LS 616
Mai (thôn) 枚村: x.Đái Khê,tg.Lạn Khê,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025	Mai Pha (xã) 枚坡社: tg.Mai Pha,ch.Ôn,p.Tràng Khánh,t.LS 616
Mai (thôn) 枚村: x.Xích Hạch,tg.Quang Chiếu,h.Đồng Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1105	Mai Phong (xã) 枚峰社: tg.Cẩm Bảo,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522
Mai (trang) 枚庄: tg.Đồng Lý,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1110	Mai Phú (xã) 枚福社: tg.Gia Thụy,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN 515
Mai (thôn) 枚村: x.Đồng Bàng,tg.Đồng Lý,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH . 1110	Mai Quang (thôn) 枚光村: x.Quang Chiếu,tg.Quang Chiếu,h.Đồng Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1105
Mai (thôn) 枚村: x.Hào Môn,tg.Liên Trì,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1114	Mai Sao (xã) 枚稍社: tg.Vô Tranh,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 536
Mai (thôn) 枚村: x.Yên Tĩnh,tg.Cung Thượng,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1120	Mai Sảo (xã) 枚稍社: tg.Tràng Quế,ch.Ôn,p.Tràng Khánh,t.LS 617
Mai (thôn) 枚村: x.Thổ Giá,tg.Cao Xá,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1125	Mai Sơn (xã) 枚山社: tg.La Đình,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN 794
Mai (châu) 枚州: p.Gia Hưng,t.HH 718	Mai Sơn (xã) 枚山社: tg.Kê Sơn,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124
Mai (thôn) 枚村: x.Xuân Phương,tg.Kim Anh,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN ... 525	Mai Sơn (châu) 枚山州: p.Gia Hưng,t.HH 715
Mai Bả (xã) 枚榜社: tg.Thượng Xá,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246	Mai Sơn (xã) 枚山社: tg.Quế Trạo,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522
Mai Cầu (tổng) 枚棧總: h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40	Mai Thái (ấp) 枚泰邑: tg.A Nhi,h.Thành Hoá,đạo QT 1394
Mai Cầu (xã) 枚棧社: tg.Mai Cầu,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40	Mai Thụy (xã) 枚墅社: tg.Song Mai,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 161
Mai Châu (xã) 枚洲社: tg.Sáp Mai,h.Yên Lăng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938	Mai Thượng (xã) 枚賞社: tg.Lạn Mẫu,h.Phượng Nhãn, p.Lạng Giang,t.BN 530
Mai Chữ (xã) 枚渚社: tg.Thịnh Quang,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ ... 332	Mai Thượng (xã) 枚上社: tg.Bạch Mai,ch.Mai,p.Gia Hưng,t.HH 718
Mai Cương (xã) 枚崗社: tg.Bồng Lai,h.Quế Dương,p.Từ Sơn,t.BN 500	Mai Thượng (xã) 枚上社: tg.Mai Đình,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522
Mai Dịch (xã) 枚驛社: tg.Dịch Vọng,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 7	Mai Tô (xã) 枚蘇社: tg.Niem Sơn,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537
Mai Diêm (xã) 枚鹽社: tg.Hồ Đới,h.Thuy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343	Mai Trai (xã) 枚齋社: tg.Thanh Vị,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST 911
Mai Dương (xã) 枚陽社: tg.Nghi Dương,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 140	Mai Trang (xã) 枚莊社: tg.Tiên Bối,h.Quỳnh Côi,pp.Thái Bình,t.NĐ 348
Mai Đàn (xã) 枚壇社: tg.An Thái,h.Hải Lăng,đạo QT 1385	Mai Trang (xã) 枚莊社: tg.Biện Thủy,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 22
Mai Đàn Thượng (thôn) 枚壇上村: tg.Mai Lộc,h.Thành Hoá,đạo QT . 1393	Mai Trung (thôn) 枚中村: tg.Trường Kỳ,h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD . 97
Mai Điều (xã) 枚條社: tg.Đan Hội,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537	Mai Viên (xã) 枚園社: tg.Bằng Ngang,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY ... 259
Mai Đình (xã) 枚亭社: tg.Chu Hóa,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944	Mai Vĩnh (ấp) 枚詠邑: tg.Kế Mỹ,h.Phú Vang,p.TT 1420
Mai Đình (tổng) 枚亭總: h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522	Mai Vực (thôn) 枚域村: tg.Biện Thượng,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH . 1131
Mai Đình (xã) 枚亭社: tg.Mai Đình,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522	Mai Xá (xã) 枚舍社: tg.Dục Linh,h.Phụ Dực,pp.Thái Bình,t.NĐ 346
Mai Độ (xã) 枚度社: tg.Lạc Chính,h.Ỗ Yên,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 323	Mai Xá (sách) 枚舍冊: tg.Lâm La,h.Nghĩa Đường,p.Quỳ Châu,t.NA 1275
Mai Động (xã) 梅洞社: tg.Hoàng Mai,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 19	Mai Xá (thôn) 枚舍村: tg.Dương Vũ,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB 1021
Mai Động (tổng) 枚洞總: h.Bình Lục,p.Lý Nhân,t.HN 43	Mai Xá (thôn) 枚舍村: tg.Thần Phù,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025
Mai Động (xã) 枚洞社: tg.Mai Động,h.Bình Lục,p.Lý Nhân,t.HN 43	Mai Xá (xã) 枚舍社: tg.An Mỹ,h.Do Linh,đạo QT 1391
Mai Động (xã) 枚洞社: tg.Xuyên Hử,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124	Mai Xá (xã) 枚舍社: tg.Đô Xá,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124
Mai Động (xã) 枚洞社: tg.Trúc Động,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162	Mai Xá (xã) 枚舍社: tg.Công Xá,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 44
Mai Động (xã) 枚洞社: tg.Nghĩa Lập,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 492	Mai Xá (xã) 枚舍社: tg.Bằng Ngang,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 259
Mai Đường (xã) 枚堂社: tg.Quang Biểu,h.Việt Yên,p.Lạng Giang,t.BN .. 534	Mai Xá (xã) 枚舍社: tg.Thụy Lôi,h.Tiên Lữ,p.Tiên Hưng,t.HY 271
Mai Hạ (xã) 枚下社: tg.Thanh Mai,ch.Mai,p.Gia Hưng,t.HH 718	Mai Xá (xã) 枚舍社: tg.Hữu Bị,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 307
Mai Hạ (xã) 枚下社: tg.Mai Đình,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522	Mai Xá (xã) 枚舍社: tg.Cao Đường,h.Thượng Nguyên, p.Xuân Trường,t.NĐ 309
Mai Hiên (xã) 枚軒社: tg.Hội Phụ,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 491	Mai Xá Chính (xã) 枚舍正社: tg.An Mỹ,h.Do Linh,đạo QT 1391
Mai Hương (xã) 枚香社: tg.Thượng Xá,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246	Mai Xá Hạ (xã) 枚舍下社: tg.Xuân Lai,h.Phong Đăng, p.Quảng Ninh,t.QB 1347
Mai Hương (xã) 枚香社: tg.Uy Viễn,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029	Mai Xá Thị (xã) 枚舍市社: tg.An Mỹ,h.Do Linh,đạo QT 1391
Mai Hương (phường) 枚香坊: tg.Uy Viễn,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029	Mai Xá Thượng (xã) 枚舍上社: tg.Xuân Lai,h.Phong Đăng, p.Quảng Ninh,t.QB 1347
Mai Hương (xã) 枚香社: tg.Lạc Chính,h.Ỗ Yên,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 323	Mai Xuân (xã) 枚春社: tg.Mậu Tai,h.Phú Vang,p.TT 1420
Mai Khê (xã) 枚溪社: tg.Đa Mai,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 533	Mai Xuyên (xã) 枚川社: tg.Tuân Hóa,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1105
Mai Khê (thôn) 枚溪村: tg.Lương Quán,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST .. 941	Mai Xuyên (thôn) 枚川村: tg.Thổ Hoàng,h.Ân Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256
Mai Khê (xã) 枚溪社: tg.Phương Duy,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 130	Mại Đức (xã) 邁德社: tg.Mậu Lâm,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086
Mai Lạp (xã) 枚獵社: tg.Nông Hạ,ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN 819	Mại Khê (xã) 邁溪社: tg.Cổ Dũng,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 534
Mai Lâm (xã) 枚林社: tg.Vĩnh Luật,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1270	Mại Ngoại (thôn) 邁外村: x.An Khoái,tg.Mậu Lâm,h.Nga Sơn, p.Hà Trung,t.TH 1086
Mai Lĩnh (phường) 枚嶺坊: tg.An Thái,h.Hải Lăng,đạo QT 1385	Mại Xuyên (xã) 邁川社: tg.Cổ Dũng,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 534
Mai Lĩnh (xã) 梅嶺社: tg.Lăng Yên,h.Thượng Lang,p.Trùng Khánh,t.CB 672	Man (thôn) 蠻村: x.Tĩnh Man,tg.Bát Náo,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH ... 1145
Mai Lĩnh (xã) 枚嶺社: tg.Đồng Dương,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 28	Man Duy (huyện) 蠻維縣: t.TH 1154
Mai Lĩnh (xã) 枚嶺社: tg.Hà Lão,h.Hung Nhãn,p.Tiên Hưng,t.HY 268	Man Duy (bản) 蠻維本: h.Man Duy,t.TH 1154
Mai Lộc (tổng) 枚祿總: h.Thành Hoá,đạo QT 1393	Man Thạch (xã) 蔓石社: tg.Đạo Kỳ,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 933
Mai Lộc (phường) 枚祿坊: tg.Mai Lộc,h.Thành Hoá,đạo QT 1393	Mang Động (xã) 茫洞社: tg.Cẩm Lý,h.Nguyên Bình,p.Hòa An,t.CB 667
Mai Lũng (xã) 枚隴社: tg.Thượng Pha,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 664	
Mai Miếu (thôn) 枚廟村: tg.Hạ Bi,h.Bát Bát,p.Quảng Oai,t.ST 915	
Mai Ổ (xã) 枚塢社: tg.Vĩnh Chân,h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948	
Mai Ổ (xã) 枚塢社: tg.Đại Toán,h.Quế Dương,p.Từ Sơn,t.BN 499	

Mang Sơn (xã) 芒山社: tg. An Khê, h. Duy Tiên, p. Lý Nhân, t. HN 37	Mấn Hóa (xã) 敏化社: tg. Lương Viên, h. Sơn Dương, p. Đoàn Hùng, t. ST ... 959
Mãn Đường (thôn) 滿堂村: x. Ngọc Đường, tg. Đông Lỗ, h. Sơn Minh, p. Ứng Hòa, t. HN 26	Mấn Xá (tổng) 閔舍總: h. Yên Phong, p. Từ Sơn, t. BN 497
Mấn Sơn (xã) 滿山社: tg. Văn Nham, h. Hùng Quan, p. Đoàn Hùng, t. ST 955	Mấn Xá (tổng) 閔舍總: h. Đông Ngạn, p. Từ Sơn, t. BN 491
Mấn Xá (xã) 滿舍社: tg. Khương Tự, h. Siêu Loại, p. Thuận Thành, t. BN 506	Mấn Xá (xã) 閔舍社: tg. Mấn Xá, h. Đông Ngạn, p. Từ Sơn, t. BN 491
Mãnh Gia (xã) 猛加社: tg. Tiên Phong, ch. Ninh Biên, p. Điện Biên, t. HH 738	Mật (thôn) 密村: x. Mật Vật, tg. Mật Vật, h. Thụy Nguyên, p. Thiệu Hóa, t. TH . 1101
Mạn Châu (xã) 慢川社: tg. Đông Kết, h. Đông Yên, p. Khoái Châu, t. HY 252	Mật (thôn) 密村: x. Mật Quang, tg. Vạn Thiện, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1125
Mạn Đà (xã) 漫沱社: tg. Ngưỡng Đổng, h. Quảng Uyên, p. Trùng Khánh, t. CB 675	Mật (thôn) 密村: x. An Khoái, tg. Lôi Dương, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH . 1144
Mạn Đề (tổng) 曼堤總: h. Thanh Lâm, p. Nam Sách, t. HD 110	Mật Kỳ (thôn) 謚畿村: x. Ich Vỉnh, tg. Cao Vỉnh, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1087
Mạn Đề (xã) 曼堤社: tg. Mạn Đề, h. Thanh Lâm, p. Nam Sách, t. HD 110	Mật Như (trại) 密如寨: tg. Tự Tân, h. Kim Sơn, p. Yên Khánh, t. NB 1033
Mạn Hạ (xã) 蔓下社: tg. Bình Hòa, h. Lập Thạch, p. Vĩnh Tường, t. ST 932	Mật Ninh (tổng) 謚寧總: h. Yên Dũng, p. Lạng Giang, t. BN 533
Mạn Lạn (tổng) 慢爛總: h. Thanh Ba, p. Lâm Thao, t. ST 948	Mật Ninh (xã) 謚寧社: tg. Mật Ninh, h. Yên Dũng, p. Lạng Giang, t. BN 533
Mạn Lạn (xã) 慢爛社: tg. Mạn Lạn, h. Thanh Ba, p. Lâm Thao, t. ST 948	Mật Quang (xã) 密光社: tg. Vạn Thiện, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH ... 1125
Mạn Nhuế (xã) 曼芮社: tg. Trác Châu, h. Thanh Lâm, p. Nam Sách, t. HD ... 111	Mật Sơn (thôn) 密山村: x. Bố Vệ, tg. Bố Đức, h. Đông Sơn, p. Thiệu Hóa, t. TH 1104
Mạn Thượng (xã) 蔓上社: tg. Bình Hòa, h. Lập Thạch, p. Vĩnh Tường, t. ST 932	Mật Sơn (xã) 密山社: tg. Kiệt Đặc, h. Chí Linh, p. Nam Sách, t. HD 106
Mạn Trù (xã) 慢櫛社: tg. Đông Kết, h. Đông Yên, p. Khoái Châu, t. HY 252	Mật Vật (tổng) 密勿總: h. Thụy Nguyên, p. Thiệu Hóa, t. TH 1101
Mạn Trù Châu (xã) 慢櫛洲社: tg. Đông Kết, h. Đông Yên, p. Khoái Châu, t. HY 252	Mật Vật (xã) 密勿社: tg. Mật Vật, h. Thụy Nguyên, p. Thiệu Hóa, t. TH 1101
Mạnh Chư (xã) 孟諸社: tg. Bát Náo, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1145	Mậu A (xã) 茂阿社: tg. Đông Quang, h. Trấn Yên, p. Quy Hóa, t. HH 727
Mạnh Chư (xã) 孟諸社: tg. Yên Đổ, h. Bình Lục, p. Lý Nhân, t. HN 43	Mậu Công (thôn) 懋功村: x. Hải Lich, tg. Diên Hào, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1146
Mạnh Lân (xã) 孟憐社: tg. Thọ Lão, h. Yên Lạc, pp. Vĩnh Tường, t. ST 940	Mậu Công (xã) 茂功社: tg. An Đường, h. Tứ Kỳ, p. Ninh Giang, t. HD 134
Mạnh Sơn (thôn) 孟山村: tg. Phú Hậu, h. Quỳnh Lưu, p. Diễn Châu, t. NA . 1252	Mậu Duệ (xã) 茂裔社: tg. Đông Quan, h. Đế Định, p. Tương An, t. TQ 871
Mạnh Tân (thôn) 孟津村: tg. Đông Lỗ, h. Sơn Minh, p. Ứng Hòa, t. HN 26	Mậu Duyệt (xã) 茂悅社: tg. Lương Tài, h. Lương Tài, p. Thuận Thành, t. BN 511
Mạnh Tân (xã) 孟津社: tg. Hội Xuyên, h. Gia Lộc, p. Ninh Giang, t. HD 130	Mậu Đốt (xã) 茂茁社: tg. Nghiêm Lật, h. Thất Khê, p. Tràng Định, t. LS 602
Mao An (thôn) 毛安村: x. Phú Ninh, tg. Dương Thủy, h. Mỹ Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1094	Mậu Đức (xã) 茂德社: tg. Yên Duyệt, h. Tương Dương, p. Tương Dương, t. NA 1272
Mao An (thôn) 毛安村: x. Cát Xuyên, tg. Dương Thủy, h. Mỹ Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1094	Mậu Hoà (phường) 茂和坊: tg. Mai Lộc, h. Thành Hoá, đạo QT 1394
Mao Điền (tổng) 毛田總: h. Cẩm Giàng, p. Bình Giang, t. HD 97	Mậu Hoà (tuấn) 茂禾巡: tg. Ô Giang, h. Thành Hoá, đạo QT 1395
Mao Điền (xã) 毛田社: tg. Mao Điền, h. Cẩm Giàng, p. Bình Giang, t. HD 97	Mậu Hòa (xã) 茂和社: tg. Dương Liễu, h. Đan Phượng, p. Quốc Oai, t. ST 921
Mao Khê (xã) 茅溪社: tg. Đông Khê, h. Nghi Dương, p. Kiến Thụy, t. HD 141	Mậu Lâm (thôn) 茂林村: tg. Văn Trinh, h. Hưng Nguyên, p. Anh Sơn, t. NA 1243
Mao Xá (xã) 髦舍社: tg. Lôi Dương, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1144	Mậu Lâm (thôn) 茂林村: x. Phú Viên, tg. Phú Lưu, h. Can Lộc, p. Đức Thọ, t. NA 1269
Mão Cầu (xã) 卯俅社: tg. Ngụ Nhuế, h. Nam Xương, p. Lý Nhân, t. HN 45	Mậu Lâm (tổng) 茂林總: h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1086
Mão Cầu (xã) 卯楸社: tg. Yên Canh, h. Ân Thi, p. Khoái Châu, t. HY 256	Mậu Lâm (xã) 茂林社: tg. Mậu Lâm, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1086
Mão Chính (xã) 茆荏社: tg. Phong Cốc, h. Đường Hào, p. Bình Giang, t. HD 100	Mậu Lâm (thôn) 茂林村: x. Thạch Nội, tg. Văn Trường, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1117
Mão Điền (xã) 卯田社: tg. Thượng Mão, h. Siêu Loại, p. Thuận Thành, t. BN 506	Mậu Lâm (xã) 茂林社: tg. Lân Du, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1124
Mão Điền Đông (xã) 卯田東社: tg. Thượng Mão, h. Siêu Loại, p. Thuận Thành, t. BN 506	Mậu Lâm (thôn) 茂林村: tg. Lương Điền, h. Phú Lộc, p. TT 1424
Mạo Chủ (xã) 瑁瑯社: tg. Kỳ Cầu, h. Thanh Liêm, p. Lý Nhân, t. HN 40	Mậu Lâm (xã) 茂林社: tg. An Lịch, h. Đông Yên, p. Khoái Châu, t. HY 253
Mạo Khê (xã) 帽溪社: tg. Yên Lãng, h. Đông Triều, p. Kinh Môn, t. HD 165	Mậu Lâm (thôn) 茂林村: x. Đồ Kỳ, tg. Y Đốn, h. Thất Khê, p. Tiên Hưng, t. HY 265
Mạo Phố (xã) 瑁瑯社: tg. Hạ Mao, h. Sơn Vi, p. Lâm Thao, t. ST 945	Mậu Lộc (xã) 茂祿社: tg. Trịnh Vạn, ch. Thường Xuân, p. Thọ Xuân, t. TH . 1147
Mật Lăng (xã) 秣陵社: tg. Thân Lộ, h. Chân Ninh, p. Xuân Trường, t. NĐ 312	Mậu Lực (xã) 茂力社: tg. Từ Vinh, h. Đại An, p. Nghĩa Hưng, t. NĐ 316
Mặc Cầu (xã) 墨楸社: tg. An Dật, h. Thanh Lâm, p. Nam Sách, t. HD 110	Mậu Lương (thôn) 茂良村: x. Trung Thanh Oai, tg. Thượng Thanh Oai, h. Thanh Oai, p. Ứng Hòa, t. HN 28
Mặc Điền (xã) 墨田社: tg. Lãng Điền, h. Lương Sơn, p. Anh Sơn, t. NA 1235	Mậu Lương (xã) 茂良社: tg. Lương Tài, h. Lương Tài, p. Thuận Thành, t. BN 511
Mặc Động (xã) 墨洞社: tg. Đông Đồi, h. Chí Linh, p. Nam Sách, t. HD 106	Mậu Nghĩa (sách) 茂義冊: tg. Lâm La, h. Nghĩa Đường, p. Quỳnh Châu, t. NA 1275
Mặc Ngạn (xã) 墨岸社: tg. Đông Đồi, h. Chí Linh, p. Nam Sách, t. HD 106	Mậu Nông (xã) 茂農社: tg. Huân Phong, h. Văn Quan, p. Tràng Định, t. LS . 605
Mặc Tảo (xã) 默早社: tg. Hoàng Trường, h. Yên Thành, p. Diễn Châu, t. NA 1249	Mậu Sơn (thôn) 茂山村: x. Hương Quan, tg. Phù Chấn, h. Thụy Nguyên, p. Thiệu Hóa, t. TH 1101
Mặc Thủ (xã) 墨守社: tg. Du La, h. Thanh Hà, p. Nam Sách, t. HD 113	Mậu Tài (thôn) 茂材村: tg. Đại Đồng, h. Nam Đường, p. Anh Sơn, t. NA 1236
Mặc Xá (tổng) 墨舍總: h. Tứ Kỳ, p. Ninh Giang, t. HD 134	Mậu Tài (thôn) 茂材村: x. Mậu Lâm, tg. Mậu Lâm, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1086
Mặc Xá (xã) 墨舍社: tg. Mặc Xá, h. Tứ Kỳ, p. Ninh Giang, t. HD 134	Mậu Tài (tổng) 茂材總: h. Phú Vang, p. TT 1419
Mản Trung (giáp) 閔中甲: x. Sơn Viên, tg. Thọ Hạc, h. Đông Sơn, p. Thiệu Hóa, t. TH 1104	Mậu Tài (xã) 茂材社: tg. Mậu Tài, h. Phú Vang, p. TT 1419
Mản Xá (xã) 閔舍社: tg. Mản Xá, h. Đông Ngạn, p. Từ Sơn, t. BN 497	Mậu Thịnh (thôn) 茂盛村: x. Mậu Lâm, tg. Mậu Lâm, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1086
Mản Xá (thôn) 閔舍村: x. Mản Xá, tg. Mản Xá, h. Yên Phong, p. Từ Sơn, t. BN 497	
Mấn Đức (xã) 敏德社: tg. Lạc Nghiệp, h. Lạc Yên, p. Nho Quan, t. NB 1040	

Mậu Thịnh (<i>thôn</i>) 茂盛村: x.Thủ Hộ,tg.Thủ Hộ,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1120	
Mậu Thung (<i>thôn</i>) 茂椿村: x.Mậu Lâm,tg.Mậu Lâm,h.Nga Sơn, p.Hà Trung,t.TH 1086	
Mậu Xuân (<i>thôn</i>) 茂椿村: x.Tuần La,tg.Tuần La,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1116	
Mậu Yên (<i>thôn</i>) 茂安村: x.Phi Lai,tg.Phi Lai,h.Nga Sơn, p.Hà Trung,t.TH 1086	
Mễ Sở (<i>tổng</i>) 米所總: h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 252	
Mễ Sở (<i>xã</i>) 米所社: tg.Mễ Sở,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 252	
Mễ Sơn (<i>xã</i>) 米山社: tg.Ninh Hải,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 426	
Mễ Sơn (<i>xã</i>) 米山社: tg.Trà Lĩnh,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659	
Mễ Sơn (<i>thôn</i>) 米山村: x.Thượng Phúc,tg.La Phù,h.Thượng Phúc, p.Thường Tín,t.HN 16	
Mễ Sơn (<i>tổng</i>) 米山總: h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165	
Mễ Sơn (<i>xã</i>) 米山社: tg.Mễ Sơn,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165	
Mễ Thủy (<i>xã</i>) 米水社: tg.Vân Thế,ch.Ôn,p.Tràng Khánh,t.LS 617	
Mễ Trì (<i>xã</i>) 米池社: tg.Dịch Vọng,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 7	
Mễ Trường (<i>tổng</i>) 米場總: h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40	
Mễ Trường (<i>xã</i>) 米場社: tg.Mễ Trường,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40	
Mễ Xá (<i>xã</i>) 米舍社: tg.Mễ Sơn,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165	
Mi Dã (<i>xã</i>) 眉野社: tg.Lăng Lăng,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124	
Mi Đông (<i>xã</i>) 媚東社: tg.Kênh Triều,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162	
Mi Khuu (<i>xã</i>) 眉邱社: tg.Bá Hạ,h.Bình Xuyên,p.Phú Bình,t.TN 801	
Mi Khuu (<i>trại</i>) 眉邱寨: x.Mi Khuu,tg.Bá Hạ,h.Bình Xuyên, p.Phú Bình,t.TN 801	
Mi Sơn (<i>xã</i>) 媚山社: tg.Kênh Triều,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162	
Mi Trì (<i>xã</i>) 麋池社: tg.La Ngoại,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95	
Mi Xá (<i>xã</i>) 敕舍社: tg.Nhân Vũ,h.Ân Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256	
Mĩ (<i>thôn</i>) 美村: x.Nga Mi,tg.Đồng Xá,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124	
Mĩ (<i>trang</i>) 美庄: tg.Đồng Xá,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124	
Mĩ Chí (<i>thôn</i>) 美致村: x.Mật Quang,tg.Vạn Thiện,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1125	
Mĩ Lâm (<i>xã</i>) 美林社: tg.Yên Trường,h.Thủy Nguyên,p.Thịệu Hóa,t.TH 1101	
Mĩ Phong (<i>xã</i>) 美風社: tg.Lai Triều,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124	
Miến Hoàn (<i>phường</i>) 免完坊: tg.Mai Lộc,h.Thành Hoá,đạo QT 1393	
Miến Dương (<i>xã</i>) 沔陽社: tg.Thổ Bình,ch.Chiêm Hoá,p.Tương An,t.TQ 877	
Miêu Duệ (<i>tổng</i>) 苗裔總: h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 935	
Miêu Duệ (<i>xã</i>) 苗裔社: tg.Miêu Duệ,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 935	
Miêu Nha (<i>thôn</i>) 苗芽村: tg.Hoàng Nhuệ,h.Bất Bạt,p.Quảng Oai,t.ST 916	
Miêu Nha (<i>trại</i>) 苗芽寨: tg.Hoàng Xá,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 919	
Miêu Nha (<i>thôn</i>) 苗芽村: x.Hà Mi,tg.Yên Định,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1124	
Miêu Nha (<i>thôn</i>) 苗芽村: x.Chu Cẩn,tg.Vạn Thiện,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1125	
Miêu Nha (<i>thôn</i>) 苗芽村: tg.Võng Nhi,h.Hương Thủy,p.TT 1423	
Miêu Nha (<i>xã</i>) 苗芽社: tg.Bất Phi,h.Võ Giang,p.Từ Sơn,t.BN 501	
Miêu Nha (<i>xã</i>) 苗芽社: tg.Hương Canh,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8	
Miêu Nha (<i>xã</i>) 苗芽社: tg.Đích Sơn,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD 157	
Miêu Nha (<i>xã</i>) 苗芽社: tg.Song Mai,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 161	
Miếu (<i>thôn</i>) 廟村: x.Khánh Hiệp,tg.Thượng Hiệp,h.Yên Sơn, p.Quốc Oai,t.ST 919	
Miếu (<i>thôn</i>) 廟村: x.Trường Vĩ,tg.Quảng Chiểu,h.Đồng Sơn, p.Thịệu Hóa,t.TH 1106	
Miếu (<i>thôn</i>) 廟村: x.Văn Trinh,tg.Văn Trinh,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1114	
Miếu Lăng (<i>thôn</i>) 廟朗村: x.Lạc Nghiệp,tg.Lạc Nghiệp,h.Thanh Lâm, p.Nam Sách,t.HD 111	

Minh Cẩm (<i>trang</i>) 鳴琴庄: tg.Thượng Lưu,h.Minh Hoá, p.Quảng Trạch,t.QB 1359	
Minh Cẩm (<i>xã</i>) 鳴琴社: tg.Dương Huy,h.Hoành Bó,p.Sơn Định,t.QY 404	
Minh Cẩm (<i>xã</i>) 鳴琴社: tg.Ngọc Chúc,h.Hùng Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 955	
Minh Cẩm Ngoại (<i>phường</i>) 鳴琴外坊: tg.Thượng Lưu,h.Minh Hoá, p.Quảng Trạch,t.QB 1359	
Minh Cẩm Nội (<i>phường</i>) 鳴琴內坊: tg.Thượng Lưu,h.Minh Hoá, p.Quảng Trạch,t.QB 1359	
Minh Châu (<i>xã</i>) 明珠社: tg.Vân Hải,h.Nghiêu Phong,p.Sơn Định,t.QY 421	
Minh Châu (<i>xã</i>) 明珠社: tg.Chu Chàng,h.Tiên Phong,p.Quảng Oai,t.ST 909	
Minh Châu (<i>thôn</i>) 明珠村: tg.Đặng Xá,h.Ân Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256	
Minh Chính (<i>huyện</i>) 明政縣: p.Quảng Trạch,t.QB 1355	
Minh Chuẩn (<i>xã</i>) 明準社: tg.Lâm Trường Thương,ch.Lục Yên, p.An Bình,t.TQ 868	
Minh Côi (<i>xã</i>) 明瑰社: tg.Văn Lang,h.Hạ Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950	
Minh Côi (<i>thôn</i>) 銘瑰村: x.Quỳnh Côi,tg.Văn Trường,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1117	
Minh Doãn (<i>tổng</i>) 明允總: h.Tây Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 954	
Minh Doãn (<i>xã</i>) 明允社: tg.Minh Doãn,h.Tây Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 954	
Minh Đài (<i>xã</i>) 明臺社: tg.Phi Lai,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086	
Minh Đạo (<i>xã</i>) 明道社: tg.Phú Hữu,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST 911	
Minh Giám (<i>thôn</i>) 明監村: tg.Yên Hòa,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12	
Minh Giáo (<i>xã</i>) 明教社: tg.Lệnh Cẩm,h.Hạ Lang,p.Trùng Khánh,t.CB 676	
Minh Hạc (<i>xã</i>) 鳴鶴社: tg.Nhữ Hạ,h.Hạ Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950	
Minh Hòa (<i>thôn</i>) 明和村: x.Nam Ngạn,tg.Thịnh Quả,h.La Sơn, p.Đức Thọ,t.NA 1255	
Minh Hoá (<i>huyện</i>) 明化縣: p.Quảng Trạch,t.QB 1359	
Minh Hồ (<i>xã</i>) 明湖社: tg.Xuân Liễu,h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA 1236	
Minh Hương (<i>xã</i>) 明鄉社: tg.Vinh Trị,h.Hương Trà,p.TT 1419	
Minh Hương (<i>phố</i>) 明鄉庸: tg.Ngọc Uyển,ch.Thủy Vĩ,p.Quy Hóa,t.HH 732	
Minh Kha (<i>xã</i>) 鳴珂社: tg.Kim Lăng,h.Pù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957	
Minh Kha (<i>xã</i>) 鳴珂社: tg.Văn Cú,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151	
Minh Khương (<i>xã</i>) 銘姜社: tg.Phù Loan,h.Vĩ Xuyên,p.Tương An,t.TQ 874	
Minh Kinh (<i>thôn</i>) 明經村: tg.Khương Đình,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 19	
Minh Lang (<i>xã</i>) 鳴琅社: tg.Lang Quán,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 859	
Minh Lang (<i>xã</i>) 明琅社: tg.Yên Xá,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267	
Minh Lễ (<i>xã</i>) 明禮社: tg.Thuận Thị,h.Minh Chính,p.Quảng Trạch,t.QB 1355	
Minh Lễ (<i>xã</i>) 明禮社: tg.Vân Nham,h.Hữu Lũng,pp.Lạng Giang,t.BN 540	
Minh Lễ (<i>xã</i>) 明禮社: tg.Hà Lộ,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134	
Minh Lệnh (<i>xã</i>) 明令社: tg.Đồng Lục,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959	
Minh Liễn (<i>xã</i>) 明犍社: tg.Sâm Linh,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 140	
Minh Linh (<i>huyện</i>) 明靈縣: đạo QT 1389	
Minh Linh (<i>xã</i>) 明靈社: tg.Thứ Cốc,h.Thủy Nguyên,p.Thịệu Hóa,t.TH 1101	
Minh Loan (<i>xã</i>) 明鸞社: tg.Hà Quảng,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659	
Minh Loan (<i>tổng</i>) 明鸞總: h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 93	
Minh Loan (<i>xã</i>) 明鸞社: tg.Minh Loan,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 93	
Minh Luân (<i>xã</i>) 明倫社: tg.Nghĩa Quân,h.Tây Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 954	
Minh Lương (<i>tổng</i>) 明良總: h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269	
Minh Lương (<i>xã</i>) 明良社: tg.Minh Lương,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269	
Minh Lương (<i>tổng</i>) 明良總: h.Minh Linh,đạo QT 1390	
Minh Lương (<i>xã</i>) 明良社: tg.Minh Lương,h.Minh Linh,đạo QT 1390	
Minh Lương (<i>tổng</i>) 明涼總: h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926	
Minh Lương (<i>xã</i>) 明涼社: tg.Minh Lương,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926	
Minh Lương (<i>xã</i>) 明良社: tg.Phù Lương,h.Võ Giang,p.Từ Sơn,t.BN 501	
Minh Lương (<i>xã</i>) 明琅社: tg.Dương Quy,ch.Chiêu Tấn,p.Yên Tây,t.HH 734	
Minh Lý (<i>tổng</i>) 明理總: h.Phong Lộc,p.Quảng Ninh,t.QB 1345	
Minh Lý (<i>xã</i>) 明理社: tg.Minh Lý,h.Phong Lộc,p.Quảng Ninh,t.QB 1345	

Minh Lý (<i>trang</i>) 明理庄: tg. Hồ Xá, h. Minh Linh, đạo QT	1390
Minh Lý (<i>tổng</i>) 明里總: h. Động Hỷ, p. Phú Bình, t. TN	798
Minh Lý (<i>xã</i>) 明里社: tg. Minh Lý, h. Động Hỷ, p. Phú Bình, t. TN	798
Minh Nghị (<i>xã</i>) 明誼社: tg. Kỳ Vĩ, h. Tiên Minh, p. Nam Sách, t. HD	116
Minh Nghĩa Đoài (<i>thôn</i>) 明義兌村: x. Minh Nghĩa, tg. Thạch Giản, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH	1086
Minh Nghĩa Đông (<i>thôn</i>) 明義東村: x. Minh Nghĩa, tg. Thạch Giản, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH	1086
Minh Nghĩa Trung (<i>thôn</i>) 明義中村: x. Minh Nghĩa, tg. Thạch Giản, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH	1086
Minh Nông (<i>xã</i>) 明農社: tg. Minh Lương, h. Mỹ Lương, p. Quốc Oai, t. ST ...	926
Minh Nông (<i>tổng</i>) 明農總: h. Phù Ninh, p. Đoan Hùng, t. ST	957
Minh Nông (<i>xã</i>) 明農社: tg. Minh Nông, h. Phù Ninh, p. Đoan Hùng, t. ST ...	957
Minh Nông (<i>xã</i>) 明農社: tg. Phù Lưu Tế, h. Hoài An, p. Ứng Hòa, t. HN	34
Minh Quả (<i>xã</i>) 明果社: tg. Vũ Liệt, h. Thanh Chương, p. Anh Sơn, t. NA	1239
Minh Quán (<i>xã</i>) 鳴鶴社: tg. Bách Lãm, h. Trấn Yên, p. Quy Hóa, t. HH	726
Minh Quyết (<i>xã</i>) 明決社: tg. Ngọc Trục, h. Cẩm Giàng, p. Bình Giang, t. HD ..	97
Minh Tảo (<i>tổng</i>) 明早總: h. Từ Liêm, p. Hoài Đức, t. HN	8
Minh Tảo (<i>xã</i>) 明早社: tg. Minh Tảo, h. Từ Liêm, p. Hoài Đức, t. HN	8
Minh Tảo (<i>sở</i>) 明早所: tg. Minh Tảo, h. Từ Liêm, p. Hoài Đức, t. HN	8
Minh Thận (<i>sở</i>) 明慎所: tg. Thạch Giản, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH ...	1086
Minh Thịnh (<i>xã</i>) 鳴盛社: tg. Yên Ninh, h. Yên Khánh, p. Yên Khánh, t. NB ..	1020
Minh Thụy (<i>xã</i>) 明瑞社: tg. Ước Lễ, h. Thanh Oai, p. Ứng Hòa, t. HN	29
Minh Tranh (<i>xã</i>) 明瑋社: tg. Tường Phiêu, h. Thạch Thất, p. Quốc Oai, t. ST ..	923
Minh Trù (<i>xã</i>) 明疇社: tg. Cấn Kiệm, h. Thạch Thất, p. Quốc Oai, t. ST	924
Minh Trung (<i>xã</i>) 明徵社: tg. Thượng Trưng, h. Bạch Hạc, p. Vĩnh Tường, t. ST	930
Minh Trùng (<i>trang</i>) 明澄庄: tg. Thuận Lễ, h. Minh Chính, p. Quảng Trạch, t. QB	1356
Minh Tường (<i>xã</i>) 明詳社: tg. Cấn Độ, h. Tây Quan, p. Đoan Hùng, t. ST	954
Minh Vũ (<i>xã</i>) 明武社: tg. Vạn Xuân, h. Thụy Anh, p. Thái Bình, t. NB	343
Mô Châu (<i>ấp</i>) 謨洲邑: tg. Hoàng Thu, h. Giao Thủy, p. Xuân Trường, t. NB ..	304
Mô Nham (<i>xã</i>) 模岩社: tg. Minh Lương, h. Minh Linh, đạo QT	1390
Mô Vịnh (<i>thôn</i>) 謨詠村: x. Thái Nhã, tg. Vũ Liệt, h. Thanh Chương, p. Anh Sơn, t. NA	1239
Mỗ (<i>thôn</i>) 某村: x. Phong Mỹ, tg. Khoái Lạc, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH ..	1110
Mỗ (<i>thôn</i>) 某村: x. Bình Trị, tg. Tam Lộng, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH ...	1146
Mỗ (<i>thôn</i>) 某村: x. Mai Trang, tg. Biện Thủy, h. Phú Xuyên, p. Thường Tín, t. HN ..	22
Mỗ (<i>thôn</i>) 姥村: x. Cao Mỗ, tg. Cao Mỗ, h. Thần Khê, p. Tiên Hưng, t. HY	265
Mỗ Đoàn (<i>xã</i>) 姥段社: tg. Mỹ Xá, h. Tứ Kỳ, p. Ninh Giang, t. HD	134
Mỗ Sơn (<i>xã</i>) 姥山社: tg. Phương Hương, h. Mỹ Lương, p. Quốc Oai, t. ST ...	926
Mỗ Sơn (<i>xã</i>) 姥山社: tg. Trí Yên, h. Phượng Nhãn, p. Lạng Giang, t. BN	530
Mỗ Thổ (<i>xã</i>) 某土社: tg. Ngọc Cục, h. Yên Dũng, p. Lạng Giang, t. BN	533
Mỗ Thượng (<i>trang</i>) 姥上庄: tg. Túc Duyên, h. Động Hỷ, p. Phú Bình, t. TN ..	798
Mỗ Xá (<i>xã</i>) 姥舍社: tg. Văn La, h. Chương Đức, p. Ứng Hòa, t. HN	31
Mộ Chu (<i>tổng</i>) 慕周總: h. Bạch Hạc, p. Vĩnh Tường, t. ST	930
Mộ Chu (<i>xã</i>) 慕周社: tg. Mộ Chu, h. Bạch Hạc, p. Vĩnh Tường, t. ST	930
Mộ Đạo (<i>xã</i>) 慕道社: tg. Yên Lãng, h. Yên Lãng, pp. Vĩnh Tường, t. ST	938
Mộ Đạo (<i>tổng</i>) 慕道總: h. Quế Dương, p. Từ Sơn, t. BN	500
Mộ Đạo (<i>xã</i>) 慕道社: tg. Mộ Đạo, h. Quế Dương, p. Từ Sơn, t. BN	500
Mộ Đạo (<i>xã</i>) 慕道社: tg. Lịch Bài, h. Vũ Tiên, p. Kiến Xương, t. NB	329
Mộ Lao (<i>thôn</i>) 募牢村: tg. Đại Mỗ, h. Từ Liêm, p. Hoài Đức, t. HN	8
Mộ Trạch (<i>xã</i>) 募澤社: tg. Tuyền Cũ, h. Đường An, p. Bình Giang, t. HD	92
Mộ Xuân (<i>xã</i>) 募春社: tg. Thượng Long, h. Yên Lập, p. Quy Hóa, t. HH	729
Mộc (<i>châu</i>) 木州: p. Gia Hưng, t. HH	721
Mộc Đức (<i>xã</i>) 沐德社: tg. Cam Đường, h. Thành Hóa, đạo QT	1393
Mộc Đức (<i>ấp</i>) 沐德邑: tg. Sư Lỗ, h. Phú Vang, p. TT	1420
Mộc Đức (<i>ấp</i>) 沐德邑: tg. Hoàng Thu, h. Giao Thủy, p. Xuân Trường, t. NB ..	304
Mộc Hạ (<i>tổng</i>) 木下總: ch. Mộc, p. Gia Hưng, t. HH	721
Mộc Hạ (<i>xã</i>) 木下社: tg. Mộc Hạ, ch. Mộc, p. Gia Hưng, t. HH	721
Mộc Hòa (<i>xã</i>) 木禾社: tg. Từ Du, h. Lập Thạch, p. Vĩnh Tường, t. ST	932
Mộc Hoàn (<i>trại</i>) 木丸寨: tg. Quỳnh Lưu, h. Phụng Hoá, p. Nho Quan, t. NB ..	1038
Mộc Hoàn (<i>tổng</i>) 木丸總: h. Tiên Phong, p. Quảng Oai, t. ST	909
Mộc Hoàn (<i>xã</i>) 木丸社: tg. Mộc Hoàn, h. Tiên Phong, p. Quảng Oai, t. ST ...	909
Mộc Hộc (<i>xã</i>) 木斛社: tg. Tam Lộng, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH	1145
Mộc Hộc (<i>xã</i>) 木斛社: tg. Lạc Giao, h. Quảng Uyên, p. Trùng Khánh, t. CB ..	674
Mộc Nhuận (<i>xã</i>) 沐潤社: tg. Tuân Hóa, h. Đông Sơn, p. Thiệu Hóa, t. TH ...	1105
Mộc Phàm (<i>tổng</i>) 木凡總: h. Phú Xuyên, p. Thường Tín, t. HN	23
Mộc Phàm (<i>xã</i>) 木凡社: tg. Mộc Phàm, h. Phú Xuyên, p. Thường Tín, t. HN ...	23
Mộc Thượng (<i>tổng</i>) 木上總: ch. Mộc, p. Gia Hưng, t. HH	721
Mộc Thượng (<i>xã</i>) 木上社: tg. Mộc Thượng, ch. Mộc, p. Gia Hưng, t. HH	721
Mộc Trụ (<i>ấp</i>) 木柱邑: tg. Quảng Xuyên, h. Phú Vang, p. TT	1420
Mộc Tùng (<i>thôn</i>) 木松村: x. Điều Hộ, tg. Điều Hộ, h. Thanh Liêm, p. Lý Nhân, t. HN	40
Môn Độc (<i>động</i>) 門潰洞: tg. Thông Nông, h. Thạch Lâm, p. Hòa An, t. CB ...	660
Môn Sơn (<i>xã</i>) 門山社: tg. Tứ Dương, h. Tương Dương, p. Tương Dương, t. NA	1272
Môn Trì (<i>thôn</i>) 門池村: x. Tang Thác, tg. Tang Thác, h. Tiên Phong, p. Quảng Oai, t. ST	909
Mông An (<i>xã</i>) 蒙安社: tg. Yên Vĩnh, h. Vĩnh Điện, p. Tương An, t. TQ	871
Mông Ân (<i>xã</i>) 蒙恩社: tg. Yên Vĩnh, h. Vĩnh Điện, p. Tương An, t. TQ	871
Mông Dưỡng (<i>xã</i>) 蒙養社: tg. Phúc Yên, h. Quảng Điện, p. TT	1427
Mông Hóa (<i>sách</i>) 蒙化冊: tg. Hoàng Nhuệ, h. Bát Bạt, p. Quảng Oai, t. ST ..	916
Mông Huu (<i>trại</i>) 蒙休寨: tg. Chát Thành, h. Kim Sơn, p. Yên Khánh, t. NB ..	1032
Mông Phụ (<i>xã</i>) 蒙阜社: tg. Cam Giá Thịnh, h. Phúc Thọ, p. Quảng Oai, t. ST ..	913
Mông Sơn (<i>xã</i>) 蒙山社: tg. Bát Trang, ch. Vạn Ninh, p. Hải Ninh, t. QY	432
Mông Sơn (<i>tổng</i>) 蒙山總: h. Cẩm Thủy, p. Quảng Hóa, t. TH	1139
Mông Sơn (<i>xã</i>) 蒙山社: tg. Mông Sơn, h. Cẩm Thủy, p. Quảng Hóa, t. TH ...	1139
Mông Sơn (<i>tổng</i>) 蒙山總: ch. Thu Châu, p. An Bình, t. TQ	863
Mông Sơn (<i>xã</i>) 蒙山社: tg. Mông Sơn, ch. Thu Châu, p. An Bình, t. TQ	863
Mông Tràng Hạ (<i>xã</i>) 蒙場下社: tg. Cao Mật, h. An Lão, p. Kiến Thụy, t. HD ..	144
Mông Tràng Thượng (<i>xã</i>) 蒙場上社: tg. Cao Mật, h. An Lão, p. Kiến Thụy, t. HD	144
Mông Xá (<i>xã</i>) 蒙舍社: tg. Lạc Dương, h. Thất Khê, p. Tràng Định, t. LS	602
Mộng Ngư (<i>phường</i>) 夢魚坊: tg. Phú Hậu, h. Quỳnh Lưu, p. Diễn Châu, t. NA	1253
Mộng Sơn (<i>thôn</i>) 夢山村: tg. Ngọc Lặc, h. Thụy Nguyên, p. Thiệu Hóa, t. TH	1102
Mộng Sơn (<i>xã</i>) 夢山社: tg. Mông Sơn, h. Cẩm Thủy, p. Quảng Hóa, t. TH ...	1139
Mục Đội (<i>thôn</i>) 目隊村: x. Sơn Đầu, tg. Thạch Giản, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH	1086
Mục Hà (<i>tổng</i>) 穆河總: h. Vĩnh Tuy, p. An Bình, t. TQ	865
Mục Hà (<i>xã</i>) 穆河社: tg. Mục Hà, h. Vĩnh Tuy, p. An Bình, t. TQ	865
Mục Lân (<i>xã</i>) 睦鄰社: tg. Cấn Kiệm, h. Thạch Thất, p. Quốc Oai, t. ST	924
Mục Mã (<i>phố</i>) 牧馬庸: tg. Lân Sơn, h. Thạch An, p. Hòa An, t. CB	663
Mục Sơn (<i>tổng</i>) 目山總: h. Yên Thế, pp. Lạng Giang, t. BN	540
Mục Sơn (<i>xã</i>) 目山社: tg. Mục Sơn, h. Yên Thế, pp. Lạng Giang, t. BN	540
Mục Sơn (<i>tổng</i>) 目山總: h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH	1146
Mục Sơn (<i>xã</i>) 目山社: tg. Mục Sơn, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH	1146
Mục Xá (<i>xã</i>) 睦舍社: tg. Thủy Cam, h. Thanh Oai, p. Ứng Hòa, t. HN	29
Muội Sáng (<i>xã</i>) 昧爽社: tg. Dị Chế, h. Tiên Lữ, p. Tiên Hưng, t. HY	271
Muội Vu (<i>động</i>) 昧圩洞: tg. Suất Tĩnh, h. Thạch An, p. Hòa An, t. CB	664
Mường Bổng (<i>châu</i>) 芒倖州: tg. Mai Lộc, h. Thành Hóa, đạo QT	1394
Mường Chất (<i>bản</i>) 芒質本: h. Man Duy, t. TH	1154

Mường Đăng (<i>bản</i>) 茫登本: tg.Trình Cốt,h.Trình Cốt,t.TH 1152	Mỹ Duệ (<i>xã</i>) 美喬社: tg.Đội Sơn,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37
Mường Đới (<i>bản</i>) 茫帶本: h.Man Duy,t.TH 1154	Mỹ Duệ (<i>xã</i>) 美喬社: tg.Mỹ Duệ,h.Cẩm Xuyên,đạo HT 1323
Mường Hàm (<i>bản</i>) 茫啣本: h.Sâm Nưa,t.TH 1155	Mỹ Duệ (<i>tổng</i>) 美喬總: h.Cẩm Xuyên,đạo HT 1322
Mường Kháng (<i>bản</i>) 茫亢本: h.Man Duy,t.TH 1154	Mỹ Duệ (<i>xã</i>) 美喬社: tg.Ti Bà,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 511
Mường Lai (<i>trại</i>) 茫萊寨: tg.Ngọc Pha,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 664	Mỹ Duyệt (<i>xã</i>) 美悅: tg.Thạch Xá,h.Lệ Thủy,p.Quảng Ninh,t.QB 1349
Mường Liệt (<i>bản</i>) 茫烈本: h.Sâm Nưa,t.TH 1155	Mỹ Dự (<i>xã</i>) 美譽社: tg.Tuần La,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1117
Mường Nha (<i>bản</i>) 茫牙本: h.Sâm Nưa,t.TH 1155	Mỹ Dương (<i>xã</i>) 美陽社: tg.Phan Xá,h.Nghi Xuân,p.Đức Thọ,t.NA 1264
Mường Vang (<i>châu</i>) 茫嶺州: tg.Mai Lộc,h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Mỹ Dương (<i>tổng</i>) 美楊總: h.Phong Doanh,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 325
Mường Văn (<i>mường</i>) 茫汶: tg.Chấp Yết,h.Trình Cốt,t.TH 1152	Mỹ Dương (<i>xã</i>) 美楊社: tg.Mỹ Dương,h.Phong Doanh, pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 325
Mường Viện (<i>bản</i>) 茫援本: h.Sâm Nưa,t.TH 1155	Mỹ Đà (<i>xã</i>) 美駝社: tg.Từ Minh,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1089
My Cầu (<i>xã</i>) 鄆球社: tg.Tuyển Cử,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 92	Mỹ Đài (<i>áp</i>) 美台邑: tg.Làng Thuận,h.Thành Hoá,đạo QT 1394
My Du (<i>thôn</i>) 湄油村: x.Sơn Trang,tg.Dương Sơn,h.Mỹ Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1093	Mỹ Đại (<i>xã</i>) 美代社: h.Thạch Hà,đạo HT 1322
My Dương (<i>xã</i>) 鄆陽社: tg.Nga My,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 28	Mỹ Đàm (<i>xã</i>) 美潭社: tg.Bình Bút,h.Thạch Thành,p.Quảng Hóa,t.TH 1136
My Diên (<i>xã</i>) 鄆田社: tg.Hoàng Mai,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 533	Mỹ Diễm (<i>xã</i>) 美恬社: tg.Quan Hoàng,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1139
My Động (<i>tổng</i>) 鄆洞總: h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95	Mỹ Diên (<i>thôn</i>) 美田村: x.Địch Cát,tg.Liên Cừ,h.Hậu Lộc, p.Hà Trung,t.TH 1097
My Động (<i>xã</i>) 鄆洞社: tg.My Động,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95	Mỹ Diên (<i>thôn</i>) 美田村: x.Đồng Loan,tg.Tuần La,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1116
My Khê (<i>xã</i>) 鄆溪社: tg.Thị Tranh,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 92	Mỹ Diên (<i>tổng</i>) 美田總: h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS 602
My Sơn (<i>xã</i>) 鄆山社: tg.Thổ Hào,h.Thanh Chương,p.Anh Sơn,t.NA 1238	Mỹ Diên (<i>xã</i>) 美田社: tg.Mỹ Diên,h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS 602
My Sơn (<i>xã</i>) 鄆山社: tg.Dương Sơn,h.Mỹ Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1093	Mỹ Đô (<i>xã</i>) 美都社: tg.Vân Quy,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1105
My Sơn (<i>xã</i>) 眉山社: tg.Cự Lữ,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1139	Mỹ Động (<i>xã</i>) 美洞社: tg.Mỹ Nương,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 536
My Sơn (<i>thôn</i>) 眉山村: tg.Tuy Lai,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31	Mỹ Đức (<i>trại</i>) 美德寨: tg.Tân Thành,h.Tiên Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335
My Xuyên (<i>xã</i>) 湄川社: tg.Lại Thượng,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD .. 110	Mỹ Đức (<i>xã</i>) 美德社: tg.Thạch Bàn,h.Phong Đăng,p.Quảng Ninh,t.QB . 1347
Mỹ (<i>thôn</i>) 美村: x.Đô Mỹ,tg.Y Đồn,h.Thần Khê,p.Tiên Hưng,t.HY 265	Mỹ Đức (<i>thôn</i>) 美德村: x.Ngọc Xuyên,tg.Ngọc Xuyên,h.Hoàng Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1091
Mỹ (<i>thôn</i>) 美村: x.Mỹ Dụ,tg.Đô Yên,h.Hưng Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA 1242	Mỹ Đức (<i>thôn</i>) 美德村: tg.Vĩnh Xương,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12
Mỹ (<i>thôn</i>) 美村: x.Tào Xuyên,tg.Dương Thủy,h.Mỹ Hóa,p.Hà Trung,t.TH . 1094	Mỹ Gia (<i>sách</i>) 美嘉册: tg.An Cự,h.Phú Lộc,p.TT 1424
Mỹ (<i>thôn</i>) 美村: x.Hương Quan,tg.Phù Chấn,h.Thụy Nguyên, p.Thiệu Hóa,t.TH 1101	Mỹ Giá (<i>xã</i>) 美稼社: tg.Tang Giá,h.Quỳnh Côi,pp.Thái Bình,t.NĐ 348
Mỹ (<i>thôn</i>) 美村: x.Yên Xá,tg.Phùng Thịnh,h.Thụy Nguyên, p.Thiệu Hóa,t.TH 1102	Mỹ Giang (<i>thôn</i>) 美江村: tg.Thượng Hiệp,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 919
Mỹ (<i>thôn</i>) 美村: x.Hữu Vi,tg.Tam Lộng,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1145	Mỹ Giang (<i>xã</i>) 美江社: tg.Dương Chân,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD . 162
Mỹ Ả (<i>xã</i>) 美娥社: tg.Nam Phù Liệt,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 19	Mỹ Hà (<i>phường</i>) 美河坊: tg.Điều Lương,h.Cẩm Khê,p.Lâm Thao,t.ST 946
Mỹ Á (<i>áp</i>) 美亞邑: tg.Diêm Trường,h.Phú Lộc,p.TT 1424	Mỹ Hào (<i>xã</i>) 美豪社: tg.Bất Náo,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1145
Mỹ An (<i>áp</i>) 美安邑: tg.Lương Diên,h.Phú Lộc,p.TT 1423	Mỹ Hậu (<i>thôn</i>) 美厚村: x.Xuân An,tg.Yên Trường,h.Chân Lộc, p.Anh Sơn,t.NA 1246
Mỹ Ân (<i>xã</i>) 美恩社: tg.Toại An,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134	Mỹ Hòa (<i>xã</i>) 美和社: tg.Thịnh Liệt,h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN 531
Mỹ Bế (<i>thôn</i>) 美陂村: x.Lê Xá,tg.Trịnh Xá,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109	Mỹ Hòa (<i>thôn</i>) 美和村: tg.Đô Lương,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1235
Mỹ Bổng (<i>xã</i>) 美俸社: tg.Bổng Diên,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333	Mỹ Hòa (<i>thôn</i>) 美和村: tg.Quỳnh Lâm,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA .. 1253
Mỹ Cảnh (<i>thôn</i>) 美景村: x.Thiên Linh,tg.Văn Trinh,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1115	Mỹ Hòa (<i>xã</i>) 美和社: tg.Đồng Công,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259
Mỹ Cát (<i>xã</i>) 美葛社: tg.Tam Lộng,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1145	Mỹ Hòa (<i>xã</i>) 美和社: tg.Lạc Thiện,h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1040
Mỹ Chân (<i>xã</i>) 美貞社: tg.Đô Yên,h.Hưng Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA 1242	Mỹ Hòa (<i>phường</i>) 美和坊: tg.An Lạc,h.Thành Hoá,đạo QT 1393
Mỹ Châu (<i>thôn</i>) 美洲村: tg.Lâm Thịnh,h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA .. 1235	Mỹ Hòa (<i>thôn</i>) 美和村: x.Yên Lăng,tg.Phú Hà,h.Thụy Nguyên, p.Thiệu Hóa,t.TH 1101
Mỹ Chí (<i>xã</i>) 美志社: tg.Vân Lung,h.Thạch Thành,p.Quảng Hóa,t.TH 1135	Mỹ Hòa (<i>áp</i>) 美和邑: tg.Vĩnh Xương,h.Phong Diên,p.TT 1428
Mỹ Chiêm (<i>thôn</i>) 美占村: x.Đặng Xá,tg.Đặng Xá,h.Chân Lộc, p.Anh Sơn,t.NA 1246	Mỹ Hòa Thượng (<i>giáp</i>) 美和上甲: tg.Thuận Bai,h.Bình Chính, p.Quảng Trạch,t.QB 1353
Mỹ Chính (<i>thôn</i>) 美政村: tg.An Thư,h.Hải Lăng,đạo QT 1385	Mỹ Hóa (<i>xã</i>) 美化社: tg.Quảng Khê,ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN ... 819
Mỹ Côi (<i>xã</i>) 美瑰社: tg.Đặng Côi,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319	Mỹ Hóa (<i>huyện</i>) 美化縣: p.Hà Trung,t.TH 1093
Mỹ Cự (<i>xã</i>) 美具社: tg.Dương Chân,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162	Mỹ Hội (<i>phường</i>) 美會坊: tg.Vũ Xá,h.Phong Lộc,p.Quảng Ninh,t.QB 1345
Mỹ Cự (<i>xã</i>) 美具社: tg.Mễ Sơn,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165	Mỹ Hợp (<i>phường</i>) 美合坊: tg.Nội Ngoại,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269
Mỹ Cương (<i>phường</i>) 美垌坊: tg.Minh Lý,h.Phong Lộc, p.Quảng Ninh,t.QB 1345	Mỹ Hưng (<i>xã</i>) 美興社: tg.Mậu Lâm,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086
Mỹ Cương (<i>phường</i>) 美垌坊: tg.Thuận Lễ,h.Minh Chính, p.Quảng Trạch,t.QB 1356	Mỹ Hương (<i>thôn</i>) 美香村: tg.Thạch Xá,h.Lệ Thủy,p.Quảng Ninh,t.QB .. 1349
Mỹ Cương (<i>thôn</i>) 美垌村: tg.Phù Trạch,h.Phong Diên,p.TT 1428	Mỹ Khản (<i>xã</i>) 美侃社: tg.Mỹ Diên,h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS 602
Mỹ Da (<i>xã</i>) 美瑯社: tg.Cẩm Nhân,ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ 862	Mỹ Khê (<i>xã</i>) 美溪社: tg.Phương Diên,h.Hương Khê,p.Đức Thọ,t.NA 1262
Mỹ Do (<i>thôn</i>) 美由村: x.Địch Cát,tg.Liên Cừ,h.Hậu Lộc,p.Hà Trung,t.TH 1097	Mỹ Khê (<i>xã</i>) 美溪社: tg.An Lưu,h.Đặng Xương,đạo QT 1384
Mỹ Dụ (<i>xã</i>) 美裕社: tg.Đô Yên,h.Hưng Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA 1242	Mỹ Khê (<i>tổng</i>) 美溪總: h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST 911

Mỹ Khê (xã) 美溪社: tg.Mỹ Khê,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST 911	Mỹ Quan (phường) 美觀坊: tg.Đồng Bạng,h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH . 1082
Mỹ Khê (xã) 美溪社: tg.Mậu Lâm,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086	Mỹ Sảo (xã) 美稍社: tg.Xuân Áng,h.Hạ Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950
Mỹ Khê (xã) 美溪社: tg.Ngọc Xuyên,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1091	Mỹ Sơn (xã) 美山社: tg.Lân Sơn,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 663
Mỹ Khê (xã) 美溪社: tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1121	Mỹ Sơn (xã) 美山社: tg.Nam Sơn,h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS 602
Mỹ Khê (xã) 美溪社: tg.Ỗ Cống,h.Thượng Lang,p.Trùng Khánh,t.CB 672	Mỹ Tá (xã) 美佐社: tg.Thủy Ba,h.Minh Linh,đạo QT 1390
Mỹ Khê (xã) 美溪社: tg.Kinh Khê,h.Tiền Minh,p.Nam Sách,t.HD 116	Mỹ Tân (thôn) 美津村: x.Phúc Lý,tg.Thanh Khê,h.Đồng Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1105
Mỹ Khê (thôn) 美溪村: tg.Đồng Khê,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 141	Mỹ Tân (xã) 美津社: tg.Trường Cát,h.Quảng Tế,p.Quảng Hóa,t.TH 1134
Mỹ Lạc (xã) 美樂社: tg.Cao Mại,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.ND 331	Mỹ Tế (xã) 美濟社: tg.Quảng Tế,h.Quảng Tế,p.Quảng Hóa,t.TH 1133
Mỹ Lang Hạ (xã) 美榔下社: tg.Biểu Đa,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144	Mỹ Thạch (xã) 美石社: tg.Thủ Hộ,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1120
Mỹ Lâm (thôn) 美林村: tg.Vân Trình,h.Hung Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA .. 1243	Mỹ Thái (tổng) 美太總: h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN 530
Mỹ Lâm (thôn) 美林村: x.Lương Xá,tg.Thủ Hộ,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1120	Mỹ Thái (xã) 美太社: tg.Mỹ Thái,h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN 530
Mỹ Lâm (tổng) 美林總: h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 22	Mỹ Thành (xã) 美成社: tg.Lạc Đạo,h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1040
Mỹ Lâm (xã) 美林社: tg.Mỹ Lâm,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 22	Mỹ Thành (thôn) 美成村: tg.Thủy Ba,h.Minh Linh,đạo QT 1390
Mỹ Lệ (phường) 美麗坊: tg.Hành Phố,h.Phong Đăng,p.Quảng Ninh,t.QB 1347	Mỹ Thành (xã) 美成社: tg.Mậu Lâm,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086
Mỹ Liệt (tổng) 美烈總: h.Văn Quan,p.Tràng Định,t.LS 605	Mỹ Thành (ấp) 美成邑: tg.Lương Điền,h.Phú Lộc,p.TT..... 1424
Mỹ Liệt (xã) 美烈社: tg.Mỹ Liệt,h.Văn Quan,p.Tràng Định,t.LS 605	Mỹ Thịnh (thôn) 美盛村: x.Yên Nội,tg.Cao Vình,h.Nga Sơn, p.Hà Trung,t.TH 1087
Mỹ Lộc (xã) 美祿社: tg.Đào Quan,h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN 531	Mỹ Thịnh (thôn) 美盛村: tg.Quảng Thi,h.Thụy Nguyên, p.Thiệu Hóa,t.TH 1102
Mỹ Lộc (tổng) 美祿總: h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 533	Mỹ Thịnh (trang) 美盛庄: tg.Bái Châu,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1110
Mỹ Lộc (xã) 美祿社: tg.Mỹ Lộc,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 533	Mỹ Thổ (xã) 美土社: tg.Mỹ Trạch,h.Lệ Thủy,p.Quảng Ninh,t.QB 1348
Mỹ Lộc (giáp) 美祿甲: tg.Quỳnh Lâm,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA .. 1253	Mỹ Thủy (xã) 美水社: tg.An Nhân,h.Hải Lăng,đạo QT 1385
Mỹ Lộc (xã) 美祿社: tg.Canh Hoạch,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1270	Mỹ Thượng (thôn) 美上村: x.Yên Lăng,tg.Diễn Hào,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1146
Mỹ Lộc (tổng) 美祿總: h.Phong Đăng,p.Quảng Ninh,t.QB 1347	Mỹ Trạch (tổng) 美宅總: h.Lệ Thủy,p.Quảng Ninh,t.QB 1348
Mỹ Lộc (xã) 美祿社: tg.Mỹ Lộc,h.Phong Đăng,p.Quảng Ninh,t.QB 1347	Mỹ Trạch (thôn) 美澤村: tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1121
Mỹ Lộc (thôn) 美祿村: tg.Hoàn Lão,h.Bố Trạch,p.Quảng Trạch,t.QB 1357	Mỹ Trạch (thôn) 美澤村: tg.Đường An,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 92
Mỹ Lộc (xã) 美祿社: tg.An Cư,h.Đăng Xương,đạo QT 1384	Mỹ Trạch Hạ (thôn) 美宅下村: tg.Mỹ Trạch,h.Lệ Thủy, p.Quảng Ninh,t.QB 1348
Mỹ iộc (phường) 美祿坊: tg.Minh Lương,h.Minh Linh,đạo QT 1390	Mỹ Trạch Thượng (thôn) 美宅上村: tg.Mỹ Trạch,h.Lệ Thủy, p.Quảng Ninh,t.QB 1348
Mỹ Lộc (thôn) 美祿村: x.Phù Liên,tg.Thạch Khê,h.Đồng Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1105	Mỹ Trang (xã) 美莊社: tg.Tiên Bối,h.Quỳnh Côi,pp.Thái Bình,t.NĐ 348
Mỹ Lộc (xã) 美祿社: tg.Yên Định,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109	Mỹ Trang (xã) 美狀社: tg.Hùng Sơn,h.Đại Từ,p.Tông Hóa,t.TN 811
Mỹ Lộc (thôn) 美祿村: x.Cam Biều,tg.Thủ Hộ,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1120	Mỹ Trọng (tổng) 美重總: h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 306
Mỹ Lộc (thôn) 美祿村: tg.Phúc Lâm,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12	Mỹ Trọng (xã) 美重社: tg.Mỹ Trọng,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 307
Mỹ Lộc (thôn) 美祿村: tg.Vân Tân,h.Cẩm Xuyên,đạo HT 1323	Mỹ Trung (thôn) 美中村: tg.Thuần Trung,h.Lương Sơn, p.Anh Sơn,t.NA 1234
Mỹ Lộc (xã) 美祿社: tg.Cẩm Khê,h.Tiền Minh,p.Nam Sách,t.HD 116	Mỹ Tường (xã) 美祥社: tg.Phù Lưu,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269
Mỹ Lộc (huyện) 美祿縣: p.Xuân Trường,t.NĐ 306	Mỹ Xá (xã) 美舍社: tg.Lương Xá,h.Phụ Dực,pp.Thái Bình,t.NĐ 346
Mỹ Lộc (xã) 美祿社: tg.Như Thức,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 307	Mỹ Xá (xã) 美舍社: tg.Thượng Xá,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246
Mỹ Lộc (thôn) 美祿村: x.Cổ Đàm,tg.Phú Khê,h.Ỗ Yên, pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 323	Mỹ Xá (xã) 美舍社: tg.Trung Quán,h.Phong Lộc,p.Quảng Ninh,t.QB 1345
Mỹ Lộc (xã) 美祿社: tg.Bổng Điền,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333	Mỹ Xá (xã) 美舍社: tg.An Thành,h.Quảng Điền,p.TT 1427
Mỹ Lợi (ấp) 美利邑: tg.Diêm Trường,h.Phú Lộc,p.TT..... 1424	Mỹ Xá (xã) 美舍社: tg.Đồng Xá,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN 506
Mỹ Lương (huyện) 美良縣: p.Quốc Oai,t.ST 925	Mỹ Xá (tổng) 美舍總: h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40
Mỹ Lương (tổng) 美良總: h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 925	Mỹ Xá (xã) 美舍社: tg.Mỹ Xá,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40
Mỹ Lý (tổng) 美里總: h.Kỳ Sơn,p.Tương Dương,t.NA 1273	Mỹ Xá (tổng) 美舍總: h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 133
Mỹ Lý (xã) 美里社: tg.Mỹ Lý,h.Kỳ Sơn,p.Tương Dương,t.NA 1273	Mỹ Xá (xã) 美舍社: tg.Mỹ Xá,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 133
Mỹ Lý (xã) 美里社: tg.Vân Quy,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1105	Mỹ Xá (xã) 美舍社: tg.Khoá Nhu,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 253
Mỹ Ngọc (thôn) 美玉村: tg.Sải Trang,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD .. 100	Mỹ Xá (xã) 美舍社: tg.Thanh Triều,h.Hung Nhân,p.Tiền Hưng,t.HY 268
Mỹ Ngọc (xã) 美玉社: tg.Quỳnh Ngọc,h.Quỳnh Côi,pp.Thái Bình,t.NĐ ... 348	Mỹ Xuyên (thôn) 美川村: x.Mỹ Hòa,tg.Đồng Công,h.Hương Sơn, p.Đức Thọ,t.NA 1259
Mỹ Ngọc (thôn) 美玉村: tg.Thuần Trung,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1234	Mỹ Xuyên (xã) 美川社: tg.Cao Mật,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1130
Mỹ Nương (tổng) 美娘總: h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 536	Mỹ Xuyên (xã) 美川社: tg.Phù Trạch,h.Phong Điền,p.TT 1428
Mỹ Nương (xã) 美娘社: tg.Mỹ Nương,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 536	Mỹ Yên (thôn) 美安村: x.Vân Trình,tg.Vân Trình,h.Hung Nguyên, p.Anh Sơn,t.NA 1243
Mỹ Phúc (xã) 美福社: tg.Đào Quan,h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN 531	
Mỹ Phúc (thôn) 美福村: tg.Đại Phong Lộc,h.Lệ Thủy, p.Quảng Ninh,t.QB 1349	
Mỹ Quan (xã) 美觀社: tg.Vạn Phần,h.Yên Thành,p.Diễn Châu,t.NA 1249	
Mỹ Quan (trang) 美觀庄: tg.Đồng Bạng,h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1082	

N

Na (thôn) 那村: x.Khúc Phụ,tg.Ngọc Xuyên,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1091

Na (thôn) 那村: x.Ngo Xã,tg.Ngo Xã,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1130

Na Bôn (châu) 那賁州: tg.Mai Lộc,h.Thành Hoá,đạo QT 1394

Na Điển (thôn) 那田村: x.Thái Nhã,tg.Vũ Liệt,h.Thanh Chương,
p.Anh Sơn,t.NA 1239

Na Hoài (phố) 那懷舖: tg.Tú Xuyên,h.Văn Quan,p.Tràng Định,t.LS 605

Na Lạn (trại) 那爛寨: tg.Giang Ngô,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 664

Na Lữ (xã) 那侶社: tg.Hà Đàm,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659

Na Nắm (phường) 那稔坊: tg.An Thái,h.Hải Lăng,đạo QT 1385

Na Phàm (bản) 那凡本: tg.Trình Cốt,h.Trình Cốt,t.TH 1152

Na Trinh (trại) 那禪寨: tg.Giang Ngô,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 664

Nà Lạn (phố) 那爛庸: tg.Giang Ngô,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 664

Nà Lược (trại) 那略寨: tg.Tượng Yên,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 663

Nà Xắc (xã) 那確社: tg.Hà Quảng,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659

Nãi Sơn (tổng) 乃山總: h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 140

Nãi Sơn (xã) 乃山社: tg.Nãi Sơn,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 140

Nại (thôn) 奈村: x.Mỹ Khê,tg.Ngọc Xuyên,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1091

Nại Cửu (xã) 耐久社: tg.Bích La,h.Đăng Xương,đạo QT 1383

Nại Khê (xã) 奈溪社: tg.Kim Hương,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY 255

Nại Trì (xã) 奈池社: tg.La Ngoại,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95

Nại Tử (xã) 李子社: tg.Phương Quan,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 941

Nại Tử Châu (xã) 李子洲社: tg.Phương Quan,h.Yên Lạc,
pp.Vĩnh Tường,t.ST 941

Nại Xuyên (tổng) 奈川總: h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 147

Nại Xuyên Đông (thôn) 奈川東村: tg.Nại Xuyên,h.Kim Thành,
p.Kiến Thụy,t.HD 147

Nại Xuyên Thượng (xã) 奈川上社: tg.Nại Xuyên,h.Kim Thành,
p.Kiến Thụy,t.HD 147

Nam (giáp) 南甲: tg.Thuỷ Liên,h.Lệ Thuỷ,p.Quảng Ninh,t.QB 1348

Nam (giáp) 南甲: tg.Thuỷ Liên,h.Lệ Thuỷ,p.Quảng Ninh,t.QB 1349

Nam (thôn) 南村: x.Lý Nhân,tg.Hà Bạc,h.Bố Trạch,p.Quảng Trạch,t.QB . 1358

Nam (giáp) 南甲: x.Bích La,tg.Bích La,h.Đăng Xương,đạo QT 1383

Nam (giáp) 南甲: x.An Du,tg.Minh Lương,h.Minh Linh,đạo QT 1390

Nam (thôn) 南村: x.Bình Hòa,tg.Nam Bàn,h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH .. 1083

Nam (thôn) 南村: x.Đồng An,tg.Đồng Yên,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH ... 1086

Nam (giáp) 南甲: x.Triều Sơn,tg.Vĩnh Trì,h.Hương Trà,p.TT 1419

Nam (giáp) 南甲: x.Nam Phố,tg.Dương Nỗ,h.Phú Vang,p.TT 1420

Nam (thôn) 南村: x.Đồng Tảo,tg.Yên Vĩnh,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 252

Nam Am (xã) 楠庵社: tg.Ngài Am,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 127

Nam Bàn (tổng) 南伴總: h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1083

Nam Cai (xã) 南垓社: tg.Phương Hương,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST ... 926

Nam Cai (tổng) 南垓總: h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1131

Nam Cai (xã) 南垓社: tg.Nam Cai,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1131

Nam Cai (tổng) 南垓總: h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1144

Nam Cai (xã) 南垓社: tg.Nam Cai,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1144

Nam Cai (thôn) 南該村: x.Thịnh Đức,tg.Thịnh Đức,h.Phú Xuyên,
p.Thường Tín,t.HN 22

Nam Cao (xã) 南泉社: tg.Nam Quang,h.Đề Định,p.Tương An,t.TQ 871

Nam Chân (huyện) 南眞縣: p.Xuân Trường,t.NĐ 310

Nam Chân (xã) 南眞社: tg.Bái Dương,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 310

Nam Chân (trang) 南眞庄: tg.Bái Dương,h.Nam Chân,
p.Xuân Trường,t.NĐ 310

Nam Công (xã) 南功社: tg.Cẩm Bối,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40

Nam Cường (thôn) 南彊村: x.Yên Lăng,tg.Diên Hào,h.Lôi Dương,
p.Thọ Xuân,t.TH 1146

Nam Cường (xã) 南彊社: tg.Hạ Lôi,h.Yên Lăng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938

Nam Cường (xã) 南彊社: tg.Văn Lang,h.Tam Nông,p.Gia Hưng,t.HH 709

Nam Dư (xã) 南畬社: tg.Thanh Trì,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 19

Nam Dương (phường) 南陽坊: tg.Bái Ân,h.Thành Hoá,đạo QT 1393

Nam Dương (xã) 南陽社: tg.Thanh Cấn,h.Quảng Điện,p.TT 1427

Nam Dương (xã) 南陽社: tg.Thái Đường,h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN 33

Nam Dương Đông (phường) 南陽東坊: x.Mai Xá,tg.An Mỹ,
h.Do Linh,đạo QT 1391

Nam Dương Tây (phường) 南陽西坊: x.Mai Xá,tg.An Mỹ,
h.Do Linh,đạo QT 1391

Nam Đài (xã) 南臺社: tg.Tang Giá,h.Quỳnh Côi,pp.Thái Bình,t.NĐ 348

Nam Đấu (xã) 南斗社: tg.Ngọc Chúc,h.Hùng Quan,p.Đoan Hùng,t.ST ... 955

Nam Điện (xã) 南奠社: tg.Mỹ Nương,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 536

Nam Định (tỉnh) 南定省: 297

Nam Đồng (trại) 南同寨: tg.Hạ,h.Vĩnh Thuận,p.Hoài Đức,t.HN 13

Nam Đường (huyện) 南塘縣: p.Anh Sơn,t.NA 1235

Nam Đường (phường) 南唐坊: Thủy Cự,t.TH 1156

Nam Đường (tổng) 南塘總: h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 331

Nam Đường (xã) 南塘社: tg.Nam Đường,h.Chân Định,
p.Kiến Xương,t.NĐ 331

Nam Giang (phường) 南江坊: tg.Trí Xuyên,h.Hoành Bồ,p.Sơn Định,t.QY 406

Nam Giang (xã) 南江社: tg.Thượng Triệt,h.Thanh Lâm,
p.Nam Sách,t.HD 110

Nam Giản (xã) 南澗社: tg.Cổ Châu,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106

Nam Hà (xã) 南河社: tg.Hộ Xá,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304

Nam Hòa (phường) 南和坊: tg.Yên Tảo,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY . 259

Nam Huân (thôn) 南薰村: x.Ốc Khê,tg.Nga Khê,h.Can Lộc,
p.Đức Thọ,t.NA 1269

Nam Huân (thôn) 南薰村: x.Trương Xá,tg.Đặng Trường,h.Hậu Lộc,
p.Hà Trung,t.TH 1096

Nam Hưng (xã) 南興社: tg.Diên Hưng,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 310

Nam Hưng Hạ (trang) 南興下庄: tg.Diên Hưng,h.Nam Chân,
p.Xuân Trường,t.NĐ 310

Nam Hưng Thượng (trang) 南興上庄: tg.Diên Hưng,h.Nam Chân,
p.Xuân Trường,t.NĐ 310

Nam Khang (thôn) 南康村: x.An Trảng,tg.Yên Trường,h.Chân Lộc,
p.Anh Sơn,t.NA 1246

Nam Khê (thôn) 南溪村: tg.Đặng Trường,h.Hậu Lộc,p.Hà Trung,t.TH .. 1096

Nam Kim (tổng) 南金總: h.Thanh Chương,p.Anh Sơn,t.NA 1239

Nam Kim (xã) 南金社: tg.Nam Kim,h.Thanh Chương,p.Anh Sơn,t.NA ... 1239

Nam Kim (thôn) 南金村: tg.Nam Kim,h.Thanh Chương,p.Anh Sơn,t.NA 1239

Nam Kim Đông (xã) 南金東社: tg.Nam Kim,h.Thanh Chương,
p.Anh Sơn,t.NA 1239

Nam Kim Thượng (xã) 南金上社: tg.Nam Kim,h.Thanh Chương,
p.Anh Sơn,t.NA 1239

Nam Ký (xã) 南豎社: tg.Đông Bang,h.Động Hỷ,p.Phú Bình,t.TN 798

Nam Lăng (xã) 南澗社: tg.Văn Lang,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ . 312

Nam Lĩnh (thôn) 南嶺村: tg.Thuận Hoà,h.Bình Chính,
p.Quảng Trạch,t.QB 1353

Nam Lỗ (xã) 南魯社: tg.Cao Mỗ,h.Thần Khê,p.Tiên Hưng,t.HY 265

Nam Lư (trại) 南臚寨: tg.Ngọc Uyển,ch.Thủy Vĩ,p.Quy Hóa,t.HH 732

Nam Lý (xã) 南里社: tg.Xuân Bảng,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 526

Nam Mẫu (xã) 南畝社: tg.Quảng Khê,ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN 819

Nam Mẫu (thôn) 南畝村: tg.Văn La,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31

Nam Mẫu (xã) 南畝社: tg.Bí Giang,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 166	Năng Cải (thôn) 能改村: x.Hải Châu,tg.Liên Trì,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1114
Nam Môn (phố) 南門鋪: tg.Mai Pha,ch.Ôn,p.Tràng Khánh,t.LS 616	Năng Hoàng (xã) 能弘社: tg.Lang Quán,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 859
Nam Ngạn (xã) 南岸社: tg.Thịnh Quả,h.La Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1255	Năng Khả (xã) 能可社: tg.Vĩnh Yên,ch.Chiêm Hoá,p.Tương An,t.TQ 877
Nam Ngạn (xã) 南岸社: tg.Quang Biếu,h.Việt Yên,p.Lạng Giang,t.BN ... 534	Năng Tĩnh (ấp) 能靜邑: tg.Tân Cơ,h.Tiến Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335
Nam Ngạn (xã) 南岸社: tg.Thọ Hạc,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1104	Năng Tĩnh (xã) 能靜社: tg.Mỹ Trọng,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 307
Nam Ngư (thôn) 南魚村: tg.Vĩnh Xương,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12	Năng Yên (xã) 能安社: tg.Ninh Dân,h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948
Nam Nhai (phố) 南街鋪: tg.Trừ Trĩ,ch.Thoát Lãng,p.Tràng Định,t.LS 608	Nằm (thôn) 稔村: x.Đa Nằm,tg.Khoái Lạc,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH .. 1110
Nam Nhi (trại) 男兒寨: tg.Nhất Thế,h.Vũ Nhai,p.Phú Bình,t.TN 803	Nằm Bái (thôn) 稔沛村: x.Phúc Lý,tg.Thanh Khê,h.Đồng Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1105
Nam Ổ (xã) 南塢社: tg.Côn Minh,ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN 819	Nằm Đông (thôn) 稔東村: tg.Xuân Liễu,h.Nam Đường, p.Anh Sơn,t.NA 1236
Nam Phố (giáp) 南庸甲: tg.Thọ Hạc,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1104	Nằm Thủy (xã) 稔水社: tg.Vân Thê,ch.Ôn,p.Tràng Khánh,t.LS 617
Nam Phố (xã) 南浦社: tg.Dương Nỗ,h.Phú Vang,p.TT 1420	Nậm Nàng (phố) 淦娘庸: tg.Ngọc Pha,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 664
Nam Phố (thôn) 南庸村: tg.Đồng Thọ,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12	Nậm Thực (xã) 淦熟社: tg.Trung An,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659
Nam Phố Cẩn (thôn) 南浦芹村: tg.An Nông,h.Phú Lộc,p.TT 1423	Nậm Tốc (trại) 淦速寨: tg.Bạch Đằng,h.Hạ Lang,p.Trùng Khánh,t.CB 677
Nam Phố Hà Châu (ấp) 南浦河招邑: tg.An Nông,h.Phú Lộc,p.TT .. 1423	Nật Sơn (xã) 昵山社: tg.Kim Bôi,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926
Nam Phố Hạ (xã) 南浦下社: tg.An Nông,h.Phú Lộc,p.TT 1423	Nậu (thôn) 耨村: x.Kênh Lũ,tg.Bình Cách,h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.NĐ . 339
Nam Phù (xã) 南符社: tg.Phúc Yên,h.Quảng Điền,p.TT 1427	Nậu Phú (xã) 耨富社: tg.Khai Xuân,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 945
Nam Phù Liệt (tổng) 南扶烈總: h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 19	Nê Trung (thôn) 泥中村: x.Vạn Linh,tg.Thái Lai,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1121
Nam Phù Liệt (xã) 南扶烈社: tg.Nam Phù Liệt,h.Thanh Trì, p.Thường Tín,t.HN 19	Nga (thôn) 峨村: x.Thổ Khối,tg.Mậu Lâm,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086
Nam Phú (xã) 南富社: tg.Mỹ Lâm,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 22	Nga (thôn) 峨村: x.Trường Quang,tg.Cao Xá,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1125
Nam Phúc (trang) 南福庄: tg.Hoàn Lão,h.Bố Trạch, p.Quảng Trạch,t.QB 1357	Nga Châu (xã) 峨洲社: tg.Đồng Yên,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086
Nam Quang (tổng) 南光總: h.Đề Định,p.Tương An,t.TQ 871	Nga Chỉ (xã) 峨址社: tg.Ngọc Pha,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 664
Nam Quất (xã) 南橘社: tg.Mỹ Lâm,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 22	Nga Hà (xã) 莪河社: tg.Nga Phú,h.Cẩm Khê,p.Lâm Thao,t.ST 946
Nam Sách (phủ) 南策府: t.HD 102	Nga Hoàng (xã) 娥煌社: tg.Tam Lộng,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 935
Nam Sơn (xã) 南山社: tg.Đặng Xá,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246	Nga Hoàng (động) 娥煌洞: tg.Tam Lộng,h.Tam Dương, p.Vĩnh Tường,t.ST 935
Nam Sơn (xã) 南山社: tg.Đồn Độ,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 441	Nga Hoàng (xã) 鵝黃社: tg.Quảng Lâm,h.Quế Dương,p.Từ Sơn,t.BN 500
Nam Sơn (tổng) 南山總: h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS 602	Nga Hoàng (xã) 鵝黃社: tg.Bằng Quán,h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 97
Nam Sơn (xã) 南山社: tg.Nam Sơn,h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS 602	Nga Khê (tổng) 鵝溪總: h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269
Nam Tạ (xã) 南謝社: tg.Đồng Tạ,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126	Nga Khê (xã) 鵝溪社: tg.Nga Khê,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269
Nam Thạch (xã) 南石社: tg.Đan Nê,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109	Nga Khê (thôn) 峨溪村: x.Quan Phương,tg.Thái Lai,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1121
Nam Thịnh (thôn) 南盛村: x.Trung Mậu,tg.Thông Lãng,h.Hưng Nguyên, p.Anh Sơn,t.NA 1242	Nga Khê (xã) 峨溪社: tg.Trần Xá,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 44
Nam Trạch (xã) 南澤社: tg.Chu Lễ,h.Hương Khê,p.Đức Thọ,t.NA 1261	Nga Lộ (thôn) 峨路村: x.Mậu Lâm,tg.Mậu Lâm,h.Nga Sơn, p.Hà Trung,t.TH 1086
Nam Trĩ (xã) 南鶩社: tg.Hạ Quan,h.Cẩm Hóa,p.Thông Hóa,t.TN 816	Nga MI (tổng) 娥眉總: h.Hội Nguyên,p.Tương Dương,t.NA 1273
Nam Trĩ (xã) 南池社: tg.Thổ Hoàng,h.Ân Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256	Nga MI (xã) 娥眉社: tg.Nga Mi,h.Hội Nguyên,p.Tương Dương,t.NA 1273
Nam Trĩnh (xã) 南鄭社: ch.Thuận,p.Điện Biên,t.HH 744	Nga MI (thôn) 峨眉村: x.Cam Biếu,tg.Thủ Hộ,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1120
Nam Trường (thôn) 南場村: tg.Diêm Trường,h.Phú Lộc,p.TT 1424	Nga MI (xã) 峨眉社: tg.Đồng Xá,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124
Nam Viêm (xã) 南炎社: tg.Sơn Lôi,h.Bình Xuyên,p.Phú Bình,t.TN 801	Nga MI (xã) 峨眉社: tg.Sơn Lương,h.Yên Lập,p.Quy Hóa,t.HH 728
Nam Xá (xã) 南舍社: tg.An Trạch,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45	Nga MI (xã) 峨眉社: tg.Hà Châu,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522
Nam Xương (xã) 南昌社: tg.Thọ Xương,h.Bảo Lộc, p.Lạng Giang,t.BN 531	Nga My (xã) 峨眉社: tg.Đề Cốc,h.Yên Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1042
Nam Xương (huyện) 南昌縣: p.Lý Nhân,t.HN 44	Nga My (tổng) 峨眉總: h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 28
Nam Yên (xã) 南安社: tg.Cam Giá Thượng,h.Phúc Thọ, p.Quảng Oai,t.ST 913	Nga My (xã) 峨眉社: tg.Nga My,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 28
Nang (thôn) 萇村: x.Hung Lễ,tg.Cung Thượng,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1120	Nga Ổ (tổng) 峨塢總: h.Thượng Lang,p.Trùng Khánh,t.CB 672
Nang (thôn) 萇村: x.Cao Bạt,tg.Nam Đường,h.Chân Định, p.Kiến Xương,t.NĐ 332	Nga Ổ (xã) 峨塢社: tg.Nga Ổ,h.Thượng Lang,p.Trùng Khánh,t.CB 672
Nang Sa (xã) 囊沙社: tg.Động Lâm,h.Hà Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950	Nga Phú (tổng) 峨富總: h.Cẩm Khê,p.Lâm Thao,t.ST 946
Nang Thanh (thôn) 襄青村: x.Đại Lý,tg.Đại Lý,h.Mỹ Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1094	Nga Phú (xã) 莪富社: tg.Nga Phú,h.Cẩm Khê,p.Lâm Thao,t.ST 946
Nạp (thôn) 納村: x.Phùng Thịnh,tg.Phùng Thịnh,h.Thụy Nguyên, p.Thiệu Hóa,t.TH 1102	Nga Phú (thôn) 峨富村: x.Cẩm La,tg.Lỗ Hương,h.Mỹ Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1093
Nạp Bảng (thôn) 納榜村: x.Vân Liễu,tg.Vân Trai,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1116	Nga Phụ (xã) 峨阜社: tg.Linh Xuyên,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959
Năng An (trại) 能安寨: tg.Chất Thành,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1032	Nga Quán (xã) 鵝鵲社: tg.Bách Lãm,h.Trần Yên,p.Quy Hóa,t.HH 726

Nga Sơn (<i>thôn</i>) 峨山村: x.Lăng Vính,tg.Trung Bạn,h.Tống Sơn, p.Hà Trung,t.TH 1083	
Nga Sơn (<i>thôn</i>) 峨山村: x.Bùi Xá,tg.Trung Bạn,h.Tống Sơn, p.Hà Trung,t.TH 1083	
Nga Sơn (<i>huyện</i>) 峨山縣: p.Hà Trung,t.TH 1085	
Nga Sơn (<i>xã</i>) 峨山社: tg.Nga Ổ,h.Thượng Lang,p.Trùng Khánh,t.CB 672	
Nga Sơn (<i>xã</i>) 峨山社: tg.Động Xá,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40	
Nga Thượng (<i>thôn</i>) 峨上村: x.Thạch Nội,tg.Văn Trường,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1117	
Nga Thượng (<i>xã</i>) 峨上社: tg.Trần Xá,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 44	
Ngã Ba (<i>phường</i>) 三岐坊: x.Ngư Uyên,tg.Cổ Dũng,h.Yên Dũng, p.Lạng Giang,t.BN 534	
Ngạc Tứ (<i>xã</i>) 鄆泗社: tg.Từ Đồi,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 117	
Ngải Am (<i>tổng</i>) 艾庵總: h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 127	
Ngải Am (<i>xã</i>) 艾庵社: tg.Ngải Am,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 127	
Ngải Cầu (<i>xã</i>) 艾球社: tg.Yên Lũng,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8	
Ngải Dương (<i>xã</i>) 艾陽社: tg.Thái Lạc,h.Văn Giang, pp.Thuận Thành,t.BN 517	
Ngải Khê (<i>trang</i>) 艾溪庄: tg.Giá Cầu,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 22	
Ngải Trang (<i>xã</i>) 艾莊社: tg.Sơn Đồng,h.Quỳnh Côi,pp.Thái Bình,t.NĐ .. 348	
Ngải Trì (<i>xã</i>) 艾池社: tg.Mê Trường,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40	
Ngang Sơn (<i>xã</i>) 昂山社: tg.Ỗ Cống,h.Thượng Lang,p.Trùng Khánh,t.CB 672	
Ngân Phố (<i>phường</i>) 岸浦坊: tg.Hữu Bằng,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259	
Ngao Thị (<i>phố</i>) 鰲市鋪: tg.Hoài Viễn,ch.Lộc Bình,p.Tràng Khánh,t.LS ... 621	
Ngao Thượng (<i>xã</i>) 鰲上社: tg.Hương Vĩ,h.Hữu Lũng, pp.Lạng Giang,t.BN 541	
Ngâm Điền (<i>xã</i>) 吟田社: tg.Đông Cửu,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN . 509	
Ngâm Mặc (<i>xã</i>) 吟墨社: tg.Đại Toán,h.Quê Dương,p.Từ Sơn,t.BN 500	
Ngân Bổng (<i>xã</i>) 銀蓬社: tg.Kinh Khê,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 116	
Ngân Cầu (<i>xã</i>) 銀球社: tg.Nội Trà,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497	
Ngân Cầu (<i>xã</i>) 銀球社: tg.Kinh Khê,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 116	
Ngân Hạnh (<i>xã</i>) 銀杏社: tg.Hòa Bình,h.Văn Giang,pp.Thuận Thành,t.BN 517	
Ngẫu Khê (<i>xã</i>) 藕溪社: tg.Sơn Đồng,h.Quỳnh Côi,pp.Thái Bình,t.NĐ 348	
Ngệ (<i>phường</i>) 义坊: tg.Đức Triêm,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 259	
Ngệ An (<i>tỉnh</i>) 义安省: 1229	
Ngệ Oản (<i>xã</i>) 藝輓社: tg.Hoàng Chí,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST . 935	
Nghehnh Lạp (<i>xã</i>) 迎臘社: tg.Thượng Khê,h.Tây Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 954	
Nghehnh Tiên (<i>xã</i>) 迎僊社: tg.Tào Khê,h.Thủy Văn,p.Quỳ Châu,t.NA .. 1276	
Nghehnh Tiên (<i>xã</i>) 迎僊社: tg.Quan Đài,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST . 941	
Nghehnh Tường (<i>xã</i>) 迎祥社: tg.Tân Chi,h.Vũ Nai,p.Phú Bình,t.TN 803	
Nghi (<i>phố</i>) 宜庸: tg.Thổ Bình,ch.Chiêm Hoá,p.Tương An,t.TQ 877	
Nghi Bố (<i>xã</i>) 宜布社: tg.Tĩnh Oa,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659	
Nghi Dương (<i>huyện</i>) 宜陽縣: p.Kiến Thụy,t.HD 140	
Nghi Dương (<i>tổng</i>) 宜陽總: h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 140	
Nghi Dương (<i>xã</i>) 宜陽社: tg.Nghi Dương,h.Nghi Dương, p.Kiến Thụy,t.HD 140	
Nghi Giang (<i>xã</i>) 沂江社: tg.Diêm Trường,h.Phú Lộc,p.TT 1424	
Nghi Giang (<i>xã</i>) 沂江社: tg.Nghĩa Xá,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN . 506	
Nghi Khê (<i>xã</i>) 沂溪社: tg.Ngọc Lâm,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134	
Nghi Khúc (<i>xã</i>) 沂曲社: tg.Bình Ngô,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509	
Nghi Lễ (<i>thôn</i>) 儀隸村: tg.Xuân Liễu,h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA 1236	
Nghi Lộc (<i>xã</i>) 儀祿社: tg.Sơn Minh,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 25	
Nghi Phú (<i>xã</i>) 宜富社: tg.Đông Chàn,h.Quỳnh Côi,pp.Thái Bình,t.NĐ 348	
Nghi Tầm (<i>phường</i>) 宜蠶坊: tg.Thượng,h.Vĩnh Thuận,p.Hoài Đức,t.HN 13	
Nghi Vệ (<i>xã</i>) 儀衛社: tg.Nội Viên,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494	
Nghi Vính (<i>xã</i>) 沂詠社: tg.Cao Vính,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1087	
Nghi Xuân (<i>huyện</i>) 宜春縣: p.Đức Thọ,t.NA 1264	

Nghi Xuyên (<i>xã</i>) 沂川社: tg.Đại Quan,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY ..252	
Nghĩa (<i>thôn</i>) 義村: x.Lương Cầu,tg.Sơn Lôi,h.Bình Xuyên,p.Phú Bình,t.TN 801	
Nghĩa An (<i>xã</i>) 義安社: tg.An Lạc,h.Thành Hoá,đạo QT 1393	
Nghĩa Chế (<i>xã</i>) 義制社: tg.Dị Chế,h.Tiên Lữ,p.Tiên Hưng,t.HY 271	
Nghĩa Chỉ (<i>xã</i>) 義址社: tg.Chi Nê,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494	
Nghĩa Dũng (<i>thôn</i>) 義勇村: tg.Phúc Lâm,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN . 12	
Nghĩa Dũng (<i>xã</i>) 義勇社: tg.Mỹ Xá,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134	
Nghĩa Dương (<i>xã</i>) 義陽社: tg.An Lương,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 110	
Nghĩa Đô (<i>tổng</i>) 義都總: ch.Lục Yên,p.An Bình,t.TQ 868	
Nghĩa Đô (<i>xã</i>) 義都社: tg.Nghĩa Đô,ch.Lục Yên,p.An Bình,t.TQ 868	
Nghĩa Đô (<i>xã</i>) 義都社: tg.Dịch Vọng,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 7	
Nghĩa Động (<i>thôn</i>) 義洞村: tg.Xuân Liễu,h.Nam Đường, p.Anh Sơn,t.NA 1236	
Nghĩa Động (<i>trang</i>) 義洞庄: tg.Thượng Bạn,h.Tống Sơn, p.Hà Trung,t.TH 1082	
Nghĩa Đường (<i>huyện</i>) 義棠縣: p.Quỳ Châu,t.NA 1275	
Nghĩa Hảo (<i>xã</i>) 義好社: tg.Tiên Lữ,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 920	
Nghĩa Hòa (<i>sách</i>) 義和冊: tg.Nghĩa Hưng,h.Nghĩa Đường, p.Quỳ Châu,t.NA 1276	
Nghĩa Hộ (<i>thôn</i>) 義戶村: x.Kiên Thạch,tg.Kiên Thạch,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1144	
Nghĩa Hợp (<i>sách</i>) 義合冊: tg.Hạ Suu,h.Nghĩa Đường,p.Quỳ Châu,t.NA 1275	
Nghĩa Hưng (<i>tổng</i>) 義興總: h.Nghĩa Đường,p.Quỳ Châu,t.NA 1276	
Nghĩa Hưng (<i>sách</i>) 義興冊: tg.Nghĩa Hưng,h.Nghĩa Đường, p.Quỳ Châu,t.NA 1276	
Nghĩa Hưng (<i>phủ</i>) 義興府: t.NĐ 314	
Nghĩa Hưng (<i>p-p</i>) 義興分府: t.NĐ 322	
Nghĩa Hương (<i>xã</i>) 義鄉社: tg.Thạch Thán,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST . 920	
Nghĩa Hương (<i>tổng</i>) 義鄉總: h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN 794	
Nghĩa Hương (<i>xã</i>) 義鄉社: tg.Nghĩa Hương,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN 794	
Nghĩa Hương (<i>sở</i>) 義鄉所: tg.Lỗ Hương,h.Mỹ Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1093	
Nghĩa Khê (<i>xã</i>) 義溪社: tg.Vô Ngại,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333	
Nghĩa Khê (<i>tổng</i>) 義溪總: h.Hùng Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 955	
Nghĩa Khê (<i>xã</i>) 義溪社: tg.Nghĩa Khê,h.Hùng Quan,p.Đoan Hùng,t.ST . 955	
Nghĩa Khê (<i>xã</i>) 義溪社: tg.An Lương,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 110	
Nghĩa Lập (<i>xã</i>) 義立社: tg.Hưng Lục,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 940	
Nghĩa Lập (<i>thôn</i>) 義立村: x.Phượng Lịch,tg.Bái Trạch,h.Hoàng Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1090	
Nghĩa Lập (<i>ấp</i>) 義立邑: tg.Kế Mỹ,h.Phú Vang,p.TT 1420	
Nghĩa Lập (<i>thôn</i>) 義立村: tg.Đổng Xuân,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN ... 11	
Nghĩa Lập (<i>tổng</i>) 義立總: h.Đông Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 492	
Nghĩa Lập (<i>xã</i>) 義立社: tg.Nghĩa Lập,h.Đông Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 492	
Nghĩa Lễ (<i>xã</i>) 義禮社: tg.Như Thức,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 307	
Nghĩa Liệt (<i>xã</i>) 義烈社: tg.Thịnh Liệt,h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN 531	
Nghĩa Liệt (<i>xã</i>) 義烈社: tg.Phù Long,h.Hưng Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA . 1242	
Nghĩa Liệt (<i>sách</i>) 義烈冊: tg.Đường Khê,h.Nghĩa Đường, p.Quỳ Châu,t.NA 1275	
Nghĩa Lộ (<i>xã</i>) 義路社: tg.Vống Xuyên,h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST 913	
Nghĩa Lộ (<i>xã</i>) 義路社: tg.Linh Xuyên,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959	
Nghĩa Lộ (<i>xã</i>) 義路社: tg.Phúc Yên,h.Quảng Điền,p.TT 1427	
Nghĩa Lộ (<i>xã</i>) 義路社: tg.La Nội,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8	
Nghĩa Lộ (<i>xã</i>) 義路社: tg.Thượng Chiếu,h.Đông Triều,p.Kinh Môn,t.HD . 165	
Nghĩa Lộ (<i>xã</i>) 義路社: tg.Đại Từ,h.Văn Giang,pp.Thuận Thành,t.BN 517	
Nghĩa Lư (<i>xã</i>) 義閭社: tg.An Lương,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 110	
Nghĩa Lương (<i>xã</i>) 義良社: tg.Đại Phạm,h.Hạ Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950	
Nghĩa Lý (<i>thôn</i>) 義理村: tg.Phú Hậu,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA ... 1252	
Nghĩa Lý (<i>xã</i>) 義理社: tg.Bắc Tạ,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126	

Nghĩa Môn (<i>trang</i>) 義門庄: tg.Trung Bạh,h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1083	Ngọ (<i>thôn</i>) 午村: x.Liên Bạt,tg.Xà Cầu,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26
Nghĩa Môn (<i>thôn</i>) 義門村: x.Đa Cốc,tg.Đa Cốc,h.Vũ Tiên, p.Kiến Xương,t.NĐ 330	Ngọ Cầu (<i>xã</i>) 午棣社: tg.Như Quỳnh,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN .. 514
Nghĩa Mỹ (<i>xã</i>) 義美社: tg.Thiết Sơn,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 534	Ngọ Dương (<i>tổng</i>) 牛陽總: h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 148
Nghĩa Nương (<i>thôn</i>) 義娘村: tg.Thuận Bãi,h.Bình Chính, p.Quảng Trạch,t.QB 1353	Ngọ Dương (<i>xã</i>) 牛陽社: tg.Ngọ Dương,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 148
Nghĩa Phil (<i>xã</i>) 義肥社: tg.Mục Hà,h.Vĩnh Tuy,p.An Bình,t.TQ 865	Ngọ Phúc (<i>thôn</i>) 午覆村: tg.Dương Quý,ch.Chiêu Tấn,p.Yên Tây,t.HH .. 734
Nghĩa Phú (<i>thôn</i>) 義附村: tg.Thanh Vị,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST . 911	Ngọ Sơn (<i>thôn</i>) 牛山村: tg.Hoàng Lễ,h.Kỳ Anh,đạo HT 1326
Nghĩa Phú (<i>xã</i>) 義富社: tg.Văn Thái,h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 98	Ngọ Trang (<i>xã</i>) 午莊社: tg.Hồ Sơn,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319
Nghĩa Phương (<i>xã</i>) 義芳社: tg.Cang Sơn,h.Lục Ngạn, p.Lạng Giang,t.BN 536	Ngọ Vực (<i>thôn</i>) 午域村: x.Nhân Vống,tg.Văn Xá,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1124
Nghĩa Quán (<i>thôn</i>) 義館村: tg.Võng Nhi,h.Hương Thủy,p.TT 1423	Ngọ Xá (<i>tổng</i>) 午舍總: h.Việt Yên,p.Lạng Giang,t.BN 534
Nghĩa Quân (<i>tổng</i>) 義均總: h.Tây Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 954	Ngọ Xá (<i>xã</i>) 午舍社: tg.Ngọ Xá,h.Việt Yên,p.Lạng Giang,t.BN 534
Nghĩa Quân (<i>xã</i>) 義均社: tg.Nghĩa Quân,h.Tây Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 954	Ngọ Xá (<i>xã</i>) 午舍社: tg.Vạn Thiện,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1125
Nghĩa Sơn (<i>xã</i>) 義山社: tg.Phù Long,h.Hưng Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA . 1243	Ngọ Xá (<i>tổng</i>) 午舍總: h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1130
Nghĩa Sơn (<i>xã</i>) 義山社: tg.Bối Sơn,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST 911	Ngọ Xá (<i>xã</i>) 午舍社: tg.Ngọ Xá,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1130
Nghĩa Sơn (<i>thôn</i>) 義山村: x.Yên Vực,tg.Từ Minh,h.Hoàng Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1089	Ngọ Xá (<i>thôn</i>) 午舍村: x.Thượng Mão,tg.Thượng Mão,h.Siêu Loại, p.Thuận Thành,t.BN 506
Nghĩa Tá (<i>xã</i>) 義佐社: tg.Định Biên Thượng,ch.Định,p.Tống Hóa,t.TN ... 806	Ngọ Xá (<i>xã</i>) 午舍社: tg.Phương Đình,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26
Nghĩa Trạch (<i>xã</i>) 義澤社: tg.Ngọc Trục,h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 97	Ngọ Xá (<i>xã</i>) 午舍社: tg.Phù Lưu Tế,h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN 34
Nghĩa Trai (<i>xã</i>) 義齋社: tg.Cao Xá,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1125	Ngoại (<i>thôn</i>) 外村: x.Bình Hải,tg.Thổ Mật,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB ... 1025
Nghĩa Trai (<i>tổng</i>) 義齋總: h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN 515	Ngoại (<i>thôn</i>) 外村: tg.Thượng Hiệp,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 919
Nghĩa Trai (<i>xã</i>) 義齋社: tg.Nghĩa Trai,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN . 515	Ngoại (<i>thôn</i>) 外村: x.Lại Hạ,tg.Kim Quan,h.Thạch Thất,p.Quốc Oai,t.ST .. 924
Nghĩa Trang (<i>xã</i>) 義莊社: tg.Đào Quan,h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN .. 531	Ngoại (<i>thôn</i>) 外村: tg.Đức Lân,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN 794
Nghĩa Trang (<i>xã</i>) 義莊社: tg.Phượng Vĩ Hà,ch.Định,p.Tống Hóa,t.TN ... 807	Ngoại (<i>thôn</i>) 外村: x.Kiên Giáp,tg.Đô Bái,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1087
Nghĩa Trang (<i>xã</i>) 義莊社: tg.Dương Sơn,h.Mỹ Hóa,p.Hà Trung,t.TH ... 1093	Ngoại (<i>thôn</i>) 外村: tg.Du Trường,h.Hậu Lộc,p.Hà Trung,t.TH 1096
Nghĩa Trang (<i>trang</i>) 義莊庄: x.Nghĩa Trang,tg.Dương Sơn,h.Mỹ Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1093	Ngoại (<i>thôn</i>) 外村: x.Minh Linh,tg.Thử Cốc,h.Thuy Nguyễn, p.Thiệu Hòa,t.TH 1101
Nghĩa Trang (<i>xã</i>) 義莊社: tg.Sài Trang,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100	Ngoại (<i>thôn</i>) 外村: tg.Trung An,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659
Nghĩa Trang (<i>xã</i>) 義莊社: tg.Quan Trang,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 148	Ngoại (<i>thôn</i>) 外村: ch.Tam Bảo,tg.Minh Tảo,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8
Nghĩa Vi (<i>xã</i>) 義園社: tg.Thượng Mão,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN . 506	Ngoại (<i>thôn</i>) 外村: x.Đỗ Xá,tg.Lam Cầu,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37
Nghĩa Vũ (<i>xã</i>) 義武社: tg.Thiết Sơn,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 534	Ngoại (<i>thôn</i>) 外村: x.Đồng Xuyên,tg.Từ Đồi,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 117
Nghĩa Vũ (<i>xã</i>) 義武社: tg.Cổ Biện,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD 157	Ngoại (<i>thôn</i>) 外村: x.Tiên Đồi,tg.Từ Đồi,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 117
Nghĩa Vũ (<i>xã</i>) 義武社: tg.Ba Đông,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY 255	Ngoại (<i>thôn</i>) 外村: x.Y Đốn,tg.Y Đốn,h.Thần Khê,p.Tiên Hưng,t.HY 265
Nghĩa Xá (<i>tổng</i>) 義舍總: h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN 506	Ngoại (<i>trang</i>) 外庄: x.Lập Lễ,tg.Hà Lý,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267
Nghĩa Xá (<i>xã</i>) 義舍社: tg.Nghĩa Xá,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN 506	Ngoại (<i>thôn</i>) 外村: x.Bạt Trung,tg.Nam Đường,h.Chân Định, p.Kiến Xương,t.NĐ 331
Nghĩa Xá (<i>xã</i>) 義舍社: tg.Mỹ Xá,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134	Ngoại Can Lộc (<i>xã</i>) 外干祿社: tg.Nội Ngoại,h.Can Lộc, p.Đức Thọ,t.NA 1269
Nghĩa Yên (<i>xã</i>) 義安社: tg.Việt Yên,h.La Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1255	Ngoại Đàm (<i>xã</i>) 外潭社: tg.Hoàng Lai,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113
Nghĩa Yên (<i>tổng</i>) 義安總: h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930	Ngoại Đê (<i>ly</i>) 外堤里: tg.Tân Định,h.Tiến Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335
Nghĩa Yên (<i>xã</i>) 義安社: tg.Nghĩa Yên,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930	Ngoại Đê (<i>xã</i>) 外堤社: tg.Bái Dương,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ . 310
Nghiêm Lật (<i>tổng</i>) 嚴栗總: h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS 602	Ngoại Độ (<i>thôn</i>) 外度村: x.Triều Hối,tg.Đại Bối,h.Sơn Minh, p.Ứng Hòa,t.HN 26
Nghiêm Lật (<i>xã</i>) 嚴栗社: tg.Nghiêm Lật,h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS .. 602	Ngoại Hải (<i>phường</i>) 外海坊: tg.Thuận Bãi,h.Bình Chính, p.Quảng Trạch,t.QB 1353
Nghiêm Sơn (<i>xã</i>) 嚴山社: tg.Điện Sơn,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 859	Ngoại Hải (<i>phường</i>) 外海坊: x.Vân Trai,tg.Vân Trai,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1116
Nghiêm Thắng (<i>thôn</i>) 嚴勝村: tg.Đô Lương,h.Lương Sơn, p.Anh Sơn,t.NA 1235	Ngoại Hoàng (<i>xã</i>) 外黃社: tg.Phù Lưu Thượng,h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN 34
Nghiêm Xá (<i>thôn</i>) 嚴舍村: x.Nội Trà,tg.Nội Trà,h.Yên Phong, p.Từ Sơn,t.BN 497	Ngoại Khê (<i>xã</i>) 外溪社: tg.Kỷ Cầu,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40
Nghiêm Xá (<i>xã</i>) 嚴舍社: tg.Vũ Dương,h.Quế Dương,p.Từ Sơn,t.BN 500	Ngoại Lang (<i>xã</i>) 外朗社: tg.Vô Ngại,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333
Nghiêm Xá (<i>xã</i>) 嚴舍社: tg.Triều Đông,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN 16	Ngoại Sa (<i>xã</i>) 外沙社: tg.Sa Lung,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1140
Nghiên Loan (<i>xã</i>) 研鸞社: tg.Hạ Hiệu,ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN 819	Ngoại Sơn (<i>xã</i>) 外山社: tg.Mông Sơn,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH . 1139
Nghiêu Phong (<i>huyện</i>) 堯封縣: p.Sơn Định,t.QY 416	Ngoại Trạch (<i>xã</i>) 外澤社: tg.Hương Canh,h.Yên Lãng, pp.Vĩnh Tường,t.ST 938
Nghiêu Quan (<i>xã</i>) 堯關社: tg.Viên Lang,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126	Ngoại Trình (<i>xã</i>) 外程社: tg.Hổ Đồi,h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343
Ngọ (<i>thôn</i>) 午村: x.Chuyên Mỹ,tg.Thịnh Đức,h.Phú Xuyên, p.Thường Tín,t.HN 22	Ngọc (<i>thôn</i>) 玉村: tg.Xuân Liễu,h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA 1236
Ngọ (<i>thôn</i>) 午村: x.Tất Tác,tg.Đại Lý,h.Mỹ Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1094	Ngọc A (<i>xã</i>) 玉阿社: tg.Lữ Lương,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 935
Ngọ (<i>thôn</i>) 午村: x.Yên Thái,tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1115	Ngọc Am (<i>thôn</i>) 玉庵村: tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1121
Ngọ (<i>thôn</i>) 午村: x.Ngọ Xá,tg.Vạn Thiện,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH ... 1125	

Ngọc Âu (xã) 玉甌社: tg.Ngô Xá,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1130

Ngọc Bồ (xã) 玉蒲社: tg.Ngọc Động,h.Thạch Thành,p.Quảng Hóa,t.TH 1136

Ngọc Bộ (xã) 玉步社: tg.Đa Nguu,h.Văn Giang,pp.Thuận Thành,t.BN ... 517

Ngọc Bôi (thôn) 玉盃村: x.Thứ Nhất,tg.Hàng Vi,h.Hoàng Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1089

Ngọc Bôi (xã) 玉盃社: tg.Thanh Khê,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1105

Ngọc Bôi (xã) 玉盃社: tg.Sóc Sơn,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1131

Ngọc Bối (thôn) 玉貝村: tg.Trung Bạ,h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1083

Ngọc Bối (xã) 玉貝社: tg.Bái Đê,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1146

Ngọc Bồn (thôn) 玉盆村: x.Ngọc Lịch,tg.Ngọc Đới,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1115

Ngọc Canh (xã) 玉梗社: tg.Hương Canh,h.Yên Lãng,
pp.Vĩnh Tường,t.ST 938

Ngọc Chấm (xã) 玉枕社: tg.La Miết,h.Nồng Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1126

Ngọc Chấn (tổng) 玉振總: ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ 862

Ngọc Chấn (xã) 玉振社: tg.Ngọc Chấn,ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ 862

Ngọc Chấn (tổng) 玉振總: h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 317

Ngọc Chấn (xã) 玉振社: tg.Ngọc Chấn,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 317

Ngọc Chi (xã) 玉枝社: tg.Tang Giá,h.Quỳnh Côi,pp.Thái Bình,t.NĐ 348

Ngọc Chi (thôn) 玉枝村: tg.Phú Hậu,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA .. 1252

Ngọc Chúc (tổng) 玉燭總: h.Hùng Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 955

Ngọc Chúc (xã) 玉燭社: tg.Ngọc Chúc,h.Hùng Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 955

Ngọc Chử (xã) 玉渚社: tg.Phương Chử,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HĐ 144

Ngọc Côi (xã) 玉瑰社: tg.Đặng Côi,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319

Ngọc Côn (xã) 玉崑社: tg.Lăng Yên,h.Thượng Lang,p.Trùng Khánh,t.CB 672

Ngọc Cù (thôn) 玉虬村: x.Văn Phái Ngoại,tg.Văn Trường,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1117

Ngọc Cự (xã) 玉具社: tg.Vân Cầu,h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN 540

Ngọc Cục (tổng) 玉局總: h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 533

Ngọc Cục (xã) 玉局社: tg.Ngọc Cục,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 533

Ngọc Cục (tổng) 玉局總: h.Đường An,p.Bình Giang,t.HĐ 92

Ngọc Cục (xã) 玉局社: tg.Ngọc Cục,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HĐ 92

Ngọc Cục (xã) 玉局社: tg.Hành Thiện,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304

Ngọc Diễm (thôn) 玉琰村: tg.Phú Hậu,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA 1252

Ngọc Điểm (xã) 玉點社: tg.Lập Lễ,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HĐ 113

Ngọc Điển (thôn) 玉田村: x.Do Lễ,tg.Thông Lãng,h.Hung Nguyên,
p.Anh Sơn,t.NA 1242

Ngọc Điển (xã) 玉田社: tg.Thượng Nhất,h.Thạch Hà,đạo HT 1321

Ngọc Điều (xã) 玉條社: tg.Bổ Dương,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HĐ 124

Ngọc Đình (thôn) 玉亭村: tg.Lâm Thịnh,h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA 1235

Ngọc Đình (xã) 玉亭社: tg.Hà Lý,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267

Ngọc Đình (trang) 玉亭庄: tg.Hà Lý,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267

Ngọc Đĩnh (xã) 玉鼎社: tg.Bút Sơn,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1090

Ngọc Đoài (xã) 玉兑社: tg.Thanh Viên,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA 1252

Ngọc Đô (xã) 玉都社: tg.Trịnh Xá,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109

Ngọc Đới (xã) 玉堆社: tg.Đạo Chân,h.Võ Giang,p.Từ Sơn,t.BN 501

Ngọc Đồng (xã) 玉童社: tg.Hu Tri,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HĐ 126

Ngọc Động (xã) 玉洞社: tg.Lê Xá,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029

Ngọc Động (xã) 玉峒社: tg.Trường Cát,h.Quảng Tế,p.Quảng Hóa,t.TH 1134

Ngọc Động (tổng) 玉峒總: h.Thạch Thành,p.Quảng Hóa,t.TH 1136

Ngọc Động (xã) 玉峒社: tg.Ngọc Động,h.Thạch Thành,
p.Quảng Hóa,t.TH 1136

Ngọc Động (xã) 玉洞社: tg.Hà Đái,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HĐ 117

Ngọc Đới (xã) 玉帶社: tg.Chi Nê,h.Hậu Lộc,p.Hà Trung,t.TH 1096

Ngọc Đới (thôn) 玉帶村: x.Phù Chấn,tg.Phù Chấn,h.Thụy Nguyên,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1101

Ngọc Đới (tổng) 玉帶總: h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1115

Ngọc Đới (xã) 玉帶社: tg.Ngọc Đới,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1115

Ngọc Đới (thôn) 玉帶村: x.Ngọc Đới,tg.Ngọc Đới,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1115

Ngọc Đường (thôn) 玉堂村: x.Đồng Lỗ,tg.Đồng Lỗ,h.Sơn Minh,
p.Ứng Hòa,t.HN 26

Ngọc Đường (xã) 玉堂社: x.Ngọc Đường,tg.Đồng Lỗ,h.Sơn Minh,
p.Ứng Hòa,t.HN 26

Ngọc Đường (xã) 玉堂社: tg.Đức Triêm,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 259

Ngọc Giả (tổng) 玉華總: h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ 312

Ngọc Giả (xã) 玉華社: tg.Ngọc Giả,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ ... 312

Ngọc Giang (xã) 玉江社: tg.Tuân Lệ,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 491

Ngọc Giáp (xã) 玉甲社: tg.Thủ Hộ,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1120

Ngọc Hà (trại) 玉河寨: tg.Nội,h.Vĩnh Thuận,p.Hoài Đức,t.HN 13

Ngọc Hà (xã) 玉河社: tg.Đan Táo,h.Đa Phúc,p.Đa Phúc,t.BN 521

Ngọc Hoạch (xã) 玉獲社: tg.Mật Vật,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1101

Ngọc Hoạch (xã) 玉獲社: tg.Vận Quy,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH .. 1105

Ngọc Hoạch (xã) 玉獲社: tg.Đồng Lý,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1110

Ngọc Hoàng (xã) 玉泓社: tg.Quyet Trung,h.Tam Dương,
p.Vĩnh Tường,t.ST 935

Ngọc Hồ (ấp) 玉湖邑: tg.Long Hồ,h.Hương Trà,p.TT 1418

Ngọc Hồi (thôn) 玉回村: x.Vĩnh Trung,tg.Cổ Diễn,h.Thanh Trì,
p.Thường Tín,t.HN 19

Ngọc Hốt (thôn) 玉箭村: x.Mỹ Chân,tg.Đô Yên,h.Hung Nguyên,
p.Anh Sơn,t.NA 1242

Ngọc Huy (phường) 玉輝坊: tg.Hoàng Mai,h.Quỳnh Lưu,
p.Diễn Châu,t.NA 1253

Ngọc Huyền (thôn) 玉玄村: x.Sơn Viên,tg.Thọ Hạc,h.Đồng Sơn,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1104

Ngọc Khám (xã) 玉龕社: tg.Lâm Thao,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 511

Ngọc Khê (thôn) 玉溪村: x.Cao Vịnh,tg.Cao Vịnh,h.Nga Sơn,
p.Hà Trung,t.TH 1087

Ngọc Khê (xã) 玉溪社: tg.Ngọc Lặc,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1102

Ngọc Khê (thôn) 玉溪村: x.Văn Trinh,tg.Văn Trinh,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1114

Ngọc Khê (xã) 玉溪社: tg.Phù Lưu,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HĐ 162

Ngọc Kiều (thôn) 玉橋村: tg.Tây Tựu,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 9

Ngọc Kỳ (xã) 玉棋社: tg.Từ Du,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 932

Ngọc Lạp (thôn) 玉粒村: x.Ích Lộc,tg.Kiên Thạch,h.Lôi Dương,
p.Thọ Xuân,t.TH 1144

Ngọc Lạp (xã) 玉粒社: tg.Từ Ô,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HĐ 95

Ngọc Lặc (tổng) 玉勒總: h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1102

Ngọc Lặc (xã) 玉勒社: tg.Ngọc Lặc,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH . 1102

Ngọc Lặc (xã) 玉勒社: tg.Mỹ Xá,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HĐ 133

Ngọc Lâm (thôn) 玉林村: x.Trung Lâm,tg.Vũ Liệt,h.Thanh Chương,
p.Anh Sơn,t.NA 1239

Ngọc Lâm (xã) 玉林社: tg.Mỹ Lộc,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 533

Ngọc Lâm (xã) 玉林社: tg.Thanh Viên,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA 1252

Ngọc Lâm (xã) 玉林社: tg.Thần Phù,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025

Ngọc Lâm (xã) 玉林社: tg.Ngọc Xuyết,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH . 1091

Ngọc Lâm (thôn) 玉林村: x.Đồng Đội,tg.Tuân La,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1116

Ngọc Lâm (tổng) 玉林總: h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HĐ 134

Ngọc Lâm (xã) 玉林社: tg.Ngọc Lâm,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HĐ 134

Ngọc Lân (thôn) 玉璘村: tg.Kim Nguyên,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA .. 1246

Ngọc Lập (xã) 玉立社: tg.Ngọc Lặc,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH . 1102

Ngọc Lập (thôn) 玉立村: x.Ích Lộc,tg.Kiên Thạch,h.Lôi Dương,
p.Thọ Xuân,t.TH 1144

Ngọc Lập (xã) 玉立社: tg.Trương Xá,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD .. 100	
Ngọc Lập (thôn) 玉立村: x.Đoài Lỗ,tg.Đông Lỗ,h.Yên Lập, p.Quy Hóa,t.HH 729	
Ngọc Lâu (xã) 玉樓社: tg.Lạc Thành,h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1039	
Ngọc Lâu (thôn) 玉樓村: x.Cao Vĩnh,tg.Cao Vĩnh,h.Nga Sơn, p.Hà Trung,t.TH 1087	
Ngọc Lâu (thôn) 玉樓村: x.Quảng Xuyên,tg.Quang Chiếu,h.Đông Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1106	
Ngọc Lâu (xã) 玉樓社: tg.Bằng Quan,h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD ... 97	
Ngọc Lậu (thôn) 玉漏村: x.Doãn Xá,tg.Tuân Hóa,h.Đông Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1105	
Ngọc Lịch (xã) 玉曆社: tg.Ngọc Đới,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1115	
Ngọc Lịch (xã) 玉曆社: tg.Diên Hào,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1146	
Ngọc Liễn (xã) 玉輦社: tg.Ngo Xá,h.Việt Yên,p.Lạng Giang,t.BN 534	
Ngọc Liễn (xã) 玉輦社: tg.Thượng Đạt,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 932	
Ngọc Liễn (xã) 玉輦社: tg.Bằng Hoành,h.Vị Xuyên,p.Tương An,t.TQ 874	
Ngọc Liễn (xã) 玉輦社: tg.Cổ Trai,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 140	
Ngọc Long (xã) 玉龍社: tg.Nhã Lộng,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN 794	
Ngọc Lũ (xã) 玉縷社: tg.Ca Đình,h.Tây Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 954	
Ngọc Lũ (tổng) 玉縷總: h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 307	
Ngọc Lũ (xã) 玉縷社: tg.Ngọc Lũ,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 307	
Ngọc Luật (thôn) 玉律村: tg.Bạch Hà,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1234	
Ngọc Luật (xã) 玉律社: tg.Lãng Yên,h.Thượng Lang, p.Trùng Khánh,t.CB 672	
Ngọc Lũy (xã) 玉壘社: h.Thạch Hà,đạo HT 1322	
Ngọc Lũy (xã) 玉壘社: tg.Dục Tú,h.Đông Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 491	
Ngọc Lý (xã) 玉里社: tg.Ngọc Cục,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 533	
Ngọc Mal (xã) 玉枚社: tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1121	
Ngọc Man (xã) 玉蠻社: tg.Bái Đô,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1146	
Ngọc Mỹ (thôn) 玉美村: tg.Bạch Hà,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1234	
Ngọc Mỹ (thôn) 玉美村: x.Phù Lưu,tg.Phù Lưu,h.Can Lộc, p.Đức Thọ,t.NA 1269	
Ngọc Mỹ (xã) 玉美社: tg.Lạc Nghiệp,h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1040	
Ngọc Mỹ (thôn) 玉美村: x.Thứ Nhất,tg.Hàng Vi,h.Hoàng Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1090	
Ngọc Mỹ (thôn) 玉美村: x.Ngọc Xuyên,tg.Ngọc Xuyên,h.Hoàng Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1091	
Ngọc Nham (xã) 玉岩社: tg.Ngọc Cục,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN . 533	
Ngọc Nhĩ (xã) 玉珥社: tg.Cẩm Đới,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST 911	
Ngọc Nhĩ (thôn) 玉弭村: x.Ngọc Lịch,tg.Ngọc Đới,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1115	
Ngọc Nhụy (xã) 玉蕊社: tg.Uy Viễn,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029	
Ngọc Pha (tổng) 玉坡總: h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 664	
Ngọc Pha (xã) 玉坡社: tg.Ngọc Pha,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 664	
Ngọc Phố (xã) 玉鋪社: tg.Phù Đổng,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659	
Ngọc Quan (xã) 玉關社: tg.Lâm Thao,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 511	
Ngọc Quang (xã) 玉琯社: tg.Lục Đình,h.Bình Xuyên,p.Phú Bình,t.TN ... 801	
Ngọc Quang (trại) 玉琯寨: x.Ngọc Quang,tg.Lục Đình,h.Bình Xuyên, p.Phú Bình,t.TN 801	
Ngọc Quang Hạ (thôn) 玉光下村: x.Cốc Xá,tg.Thử Cốc, h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1102	
Ngọc Quang Thượng (thôn) 玉光上村: x.Cốc Xá,tg.Thử Cốc, h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1102	
Ngọc Quản (xã) 玉管社: tg.Ngưông Đổng,h.Quảng Uyên, p.Trùng Khánh,t.CB 675	
Ngọc Quế (xã) 玉桂社: tg.Quỳnh Ngọc,h.Quỳnh Côi,pp.Thái Bình,t.NĐ 348	
Ngọc Sơn (thôn) 玉山村: tg.Xuân Lâm,h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA . 1236	
Ngọc Sơn (thôn) 玉山村: x.An Lãng,tg.Minh Lương,h.Can Lộc, p.Đức Thọ,t.NA 1269	
Ngọc Sơn (thôn) 玉山村: tg.Nhã Lộng,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN 794	
Ngọc Sơn (huyện) 玉山縣: p.Tĩnh Gia,t.TH 1114	
Ngọc Sơn (xã) 玉山社: tg.Biện Thượng,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH . 1131	
Ngọc Sơn (xã) 玉山社: tg.Điều Lang,h.Hạ Lang,p.Trùng Khánh,t.CB 677	
Ngọc Sơn (xã) 玉山社: tg.Xuân Áng,h.Phượng Nhân,p.Lạng Giang,t.BN 530	
Ngọc Tái (xã) 玉塞社: tg.Phan Xá,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134	
Ngọc Tạc (xã) 玉皂社: tg.Trạc Nhật,h.Thạch Thành,p.Quảng Hóa,t.TH 1135	
Ngọc Than (xã) 玉灘社: tg.Thạch Thán,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 920	
Ngọc Thanh (thôn) 玉青村: tg.Thanh Viên,h.Quỳnh Lưu, p.Diễn Châu,t.NA 1252	
Ngọc Thành (xã) 玉成社: tg.Vân Cầu,h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN ... 540	
Ngọc Tháp (xã) 玉塔社: tg.Phú Thọ,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 945	
Ngọc Tháp (thôn) 玉塔村: x.Cổ Đồi,tg.Văn Xá,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1125	
Ngọc Thị (xã) 玉市社: tg.Hoàng Đạo,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37	
Ngọc Thiển (xã) 玉澱社: ch.Quỳnh Nhại,p.Điện Biên,t.HH 743	
Ngọc Thụy (xã) 玉樹社: tg.Quan Ngoại,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 935	
Ngọc Thượng (thôn) 玉上村: x.Nhị Trại,tg.Tì Bà,h.Lương Tài, p.Thuận Thành,t.BN 511	
Ngọc Tích (xã) 玉積社: tg.Thanh Khê,h.Đông Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH ... 1105	
Ngọc Tích (thôn) 玉積村: x.Vi Bạc,tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1121	
Ngọc Tĩnh (thôn) 玉井村: x.Tuần Kiệt,tg.Mật Vật,h.Thụy Nguyên, p.Thiệu Hóa,t.TH 1101	
Ngọc Tĩnh (tràng) 玉井庄: x.Yên Thái,tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1115	
Ngọc Tĩnh (xã) 玉井社: tg.Kiên Lao,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ .. 304	
Ngọc Tĩnh (xã) 玉井社: tg.Diên Hưng,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 310	
Ngọc Tĩnh (tràng) 玉井庄: x.Phù Ngọc,tg.Diên Hưng,h.Nam Chân, p.Xuân Trường,t.NĐ 311	
Ngọc Trà (xã) 玉茶社: tg.Thủ Hộ,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1120	
Ngọc Trà (xã) 玉茶社: tg.Luân Khê,ch.Thường Xuân,p.Thọ Xuân,t.TH 1147	
Ngọc Trác (xã) 玉琢社: tg.Chu Điện,h.Phượng Nhân,p.Lạng Giang,t.BN 530	
Ngọc Trạc (xã) 玉掉社: tg.Trạc Nhật,h.Thạch Thành, p.Quảng Hóa,t.TH 1136	
Ngọc Trì (thôn) 玉池村: x.Đại Lý,tg.Đại Lý,h.Mỹ Hóa,p.Hà Trung,t.TH . 1094	
Ngọc Trì (xã) 玉池社: tg.Mễ Trường,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40	
Ngọc Trì (tổng) 玉池總: h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 511	
Ngọc Trì (xã) 玉池社: tg.Ngọc Trì,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 511	
Ngọc Trĩ (xã) 玉峙社: tg.Ngọc Pha,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 664	
Ngọc Triện (xã) 玉篆社: tg.Đại Lai,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509	
Ngọc Trục (xã) 玉軸社: tg.Đại Mỗ,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8	
Ngọc Trục (tổng) 玉軸總: h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 97	
Ngọc Trục (xã) 玉軸社: tg.Ngọc Trục,h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD ... 97	
Ngọc Trung (xã) 玉中社: tg.Thử Cốc,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1102	
Ngọc Truy (thôn) 玉琿村: x.Khoái Lạc,tg.Khoái Lạc,h.Yên Định, p.Thiệu Hóa,t.TH 1110	
Ngọc Trường (xã) 玉帳社: tg.Hải Quật,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH . 1110	
Ngọc Tử (xã) 玉紫社: tg.Thanh Xá,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1130	
Ngọc Ủng (xã) 玉甕社: tg.Lãng Phong,h.Phụng Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1037	
Ngọc Uyên (thôn) 玉淵村: x.Trường Lộc,tg.Cổ Định,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1123	
Ngọc Uyên (xã) 玉淵社: tg.Trác Châu,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD . 111	
Ngọc Uyển (xã) 玉碗社: tg.La Miết,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1126	
Ngọc Uyển (tổng) 玉碗總: ch.Thủy Vi,p.Quy Hóa,t.HH 732	

Ngọc Uyển (xã) 玉琬社: tg.Ngọc Uyển,ch.Thủy Vĩ,p.Quy Hóa,t.HH 732
Ngọc Vực (xã) 玉域社: tg.Bái Châu,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1110
Ngọc Xuyên (xã) 玉川社: tg.Bình Ngô,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN . 509
Ngọc Xuyên (xã) 玉川社: tg.Đỗ Sơn,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD ... 140
Ngọc Xuyết (thôn) 玉綴村: x.Gia Thụy,tg.Đồng Yên,h.Nga Sơn, p.Hà Trung,t.TH 1086
Ngọc Xuyết (tổng) 玉綴總: h.Hoảng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1091
Ngọc Xuyết (xã) 玉綴社: tg.Ngọc Xuyết,h.Hoảng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1091
Ngọc Xuyết (phường) 玉綴坊: Thủy Cốt,t.TH 1156
Ngọc Xuyết (xã) 玉綴社: tg.Phù Vệ,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD ... 100
Ngô Cương (xã) 梧崗社: tg.Đại Lai,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509
Ngô Đạo (xã) 吾道社: tg.Yên Tàng,h.Đa Phúc,p.Đa Phúc,t.BN 521
Ngô Đồng (xã) 梧桐社: tg.Liên Đăng,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029
Ngô Đồng (xã) 梧桐社: tg.Thủy Cam,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 29
Ngô Đồng (xã) 梧桐社: tg.Cao Đồi,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106
Ngô Khê (xã) 梧溪社: tg.Quan Vinh,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029
Ngô Khê (xã) 吾溪社: tg.Trình Tường,h.Vinh Tuy,p.An Bình,t.TQ 865
Ngô Khê (xã) 梧溪社: tg.Châm Khê,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497
Ngô Khê (tổng) 梧溪總: h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45
Ngô Khê (xã) 梧溪社: tg.Ngô Khê,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45
Ngô Nhi (xã) 吾兒社: tg.Hoàng Đạo,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37
Ngô Phần (xã) 梧汾社: tg.Ngọc Tri,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 511
Ngô Sài (xã) 吾儕社: tg.Hoàng Xá,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 919
Ngô Trường (thôn) 梧場村: x.Đức Lân,tg.Yên Trường,h.Chân Lộc, p.Anh Sơn,t.NA 1246
Ngô Xá (xã) 吳舍社: tg.An Lão,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333
Ngô Xá (thôn) 吳舍村: x.Đức Lân,tg.Yên Trường,h.Chân Lộc, p.Anh Sơn,t.NA 1246
Ngô Xá (xã) 吳舍社: tg.Thạch Bàn,h.Phong Đăng,p.Quảng Ninh,t.QB . 1347
Ngô Xá (xã) 吳舍社: tg.Yên Lễ,h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN 540
Ngô Xá (xã) 吳舍社: tg.An Lưu,h.Đăng Xương,đạo QT 1384
Ngô Xá (xã) 吳舍社: tg.Phương Xá,h.Cẩm Khê,p.Lâm Thao,t.ST 946
Ngô Xá (xã) 吳舍社: tg.Phao Thanh,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN 794
Ngô Xá (xã) 吳舍社: tg.Lôi Dương,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1144
Ngô Xá (thôn) 吳舍村: x.Nội Trá,tg.Nội Trá,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497
Ngô Xá (thôn) 吳舍村: x.Màn Xá,tg.Màn Xá,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497
Ngô Xá (xã) 吳舍社: tg.Tiên Xá,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37
Ngô Xá (tổng) 吳舍總: h.Bình Lục,p.Lý Nhân,t.HN 43
Ngô Xá (xã) 吳舍社: tg.Ngô Xá,h.Bình Lục,p.Lý Nhân,t.HN 43
Ngô Xá (xã) 吳舍社: tg.Vũ Điện,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45
Ngô Xá (xã) 吳舍社: tg.Lưu Xá,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 253
Ngô Xá (xã) 吳舍社: tg.Tạ Xá,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 260
Ngô Xá (xã) 吾舍社: tg.Ngọc Lũ,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 307
Ngô Xá (xã) 吳舍社: tg.Bách Tính,h.Thượng Nguyên, p.Xuân Trường,t.NĐ 308
Ngô Xá (xã) 吳舍社: tg.An Cừ,h.Ý Yên,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 323
Ngô Xá (tổng) 吳舍總: h.Phong Doanh,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 326
Ngô Xá (xã) 吳舍社: tg.Ngô Xá,h.Phong Doanh,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 326
Ngô Xuyên (xã) 梧川社: tg.Như Quỳnh,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN 514
Ngu Nhuế (tổng) 虞芮總: h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45
Ngu Nhuế (xã) 虞芮社: tg.Ngu Nhuế,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45
Ngu Nhuế (xã) 虞芮社: tg.Lạc Đạo,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN 515
Ngũ Bào (xã) 五泡社: tg.Phú Hậu,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA 1252
Ngũ Hẩu (thôn) 五侯村: x.Trừng Thanh Trung,tg.Phúc Lâm, h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12
Ngũ Khê (thôn) 五溪村: tg.Du Đông,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259
Ngũ Lão (xã) 五老社: tg.Viên Quang,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY 255

Ngũ Lộc (xã) 五祿社: tg.Thịnh Quâ,h.La Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1255
Ngũ Luân (thôn) 五倫村: x.Đại Bối,tg.Đại Bối,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26
Ngũ Phúc (thôn) 五福村: tg.Bích Triều,h.Thanh Chương, p.Anh Sơn,t.NA 1238
Ngũ Phúc (xã) 五福社: tg.Ngô Xá,h.Việt Yên,p.Lạng Giang,t.BN 534
Ngũ Trang (tổng) 五庄總: h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 307
Ngụy Dương (xã) 魏陽社: tg.Thượng Nhất,h.Thạch Hà,đạo HT 1320
Nguyên Bình (huyện) 原平縣: p.Hòa An,t.CB 667
Nguyên Khê (xã) 元溪社: tg.Kim Quan,h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 97
Nguyên Khiết (phường) 源潔坊: tg.Cát Nặng,h.Thanh Chương, p.Anh Sơn,t.NA 1239
Nguyên Khiết Hạ (thôn) 源潔下村: tg.Phúc Lâm,h.Thọ Xương, p.Hoài Đức,t.HN 12
Nguyên Khiết Thượng (thôn) 源潔上村: tg.Phúc Lâm,h.Thọ Xương, p.Hoài Đức,t.HN 12
Nguyên Xá (xã) 元舍社: tg.Cổ Cốc,h.Thần Khê,p.Tiên Hưng,t.HY 265
Nguyễn (thôn) 阮村: tg.Đồng Thủy,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45
Nguyễn (thôn) 阮村: x.Hoàng Kênh,tg.Hoàng Kênh,h.Thanh Lâm, p.Nam Sách,t.HD 110
Nguyệt Áng (xã) 月盎社: tg.Hành Phố,h.Phong Đăng, p.Quảng Ninh,t.QB 1347
Nguyệt Áng (xã) 月盎社: tg.Kiên Thạch,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1144
Nguyệt Áng (xã) 月盎社: tg.Vĩnh Đặng,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN ... 19
Nguyệt Áng (xã) 月盎社: tg.Phù Lưu,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144
Nguyệt Áo (xã) 月澳社: tg.Lai Thạch,h.La Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1256
Nguyệt Ấn (xã) 月印社: tg.Quảng Thi,h.Thụy Nguyên, p.Thiệu Hóa,t.TH 1102
Nguyệt Biểu (xã) 月瓢社: tg.Cư Chánh,h.Hương Thủy,p.TT 1422
Nguyệt Bổng (thôn) 月俸村: tg.Xuân Lâm,h.Nam Đường, p.Anh Sơn,t.NA 1236
Nguyệt Cầu (thôn) 月棣村: x.Vọng Nguyệt,tg.Nội Trá,h.Yên Phong, p.Từ Sơn,t.BN 497
Nguyệt Chư (thôn) 月諸村: x.Liên Trì,tg.Liên Trì,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1114
Nguyệt Đức (phường) 月德坊: x.Thần Chúc,tg.Tiên Lát,h.Việt Yên, p.Lạng Giang,t.BN 534
Nguyệt Lăng (thôn) 月朗村: x.Nhân Lý,tg.Vận Quy,h.Đồng Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1105
Nguyệt Lăng (xã) 月朗社: x.Lạc Chính,h.Ý Yên,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 323
Nguyệt Lâm (xã) 月臨社: tg.Lịch Bài,h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ 329
Nguyệt Lũ (ấp) 月婁邑: tg.Tân An,h.Tiền Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335
Nguyệt Mại (xã) 月邁社: tg.Thị Liễu,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ . 310
Nguyệt Quật (xã) 月窟社: tg.Vân Trại,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1116
Nguyệt Tĩnh (thôn) 月井村: tg.Hải Đò,h.Hưng Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA 1243
Ngư (thôn) 漁村: x.Ốc Thổ,tg.Lạc Thiện,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH ... 1125
Ngư Đại (thôn) 魚黛村: x.Xuân Lôi,tg.Bất Phí,h.Võ Giang,p.Từ Sơn,t.BN 501
Ngư Đại (xã) 魚袋社: tg.Hương Đại,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113
Ngư Uyên (xã) 魚淵社: tg.Cổ Dũng,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 534
Ngư Uyên (xã) 魚淵社: tg.Yên Lưu,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD 157
Ngư Vồng (thôn) 漁網村: tg.Đồng Thọ,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12
Ngự Nhung (xã) 禦戎社: tg.Vân Nham,h.Hữu Lũng,pp.Lạng Giang,t.BN 540
Ngự Viễn (xã) 禦遠社: tg.Quỳnh Sơn,h.Vũ Nhại,p.Phú Bình,t.TN 803
Ngưỡng Đồng (tổng) 仰同總: h.Quảng Uyên,p.Trùng Khánh,t.CB 675
Ngưỡng Đồng (xã) 仰同社: tg.Ngưỡng Đồng,h.Quảng Uyên, p.Trùng Khánh,t.CB 675
Ngưỡng Đức (thôn) 仰德村: x.Tuấn Kiệt,tg.Mặt Vật,h.Thụy Nguyên, p.Thiệu Hóa,t.TH 1101

Ngưỡng Nhân (<i>trại</i>) 仰仁寨: tg. Hoàng Thu, h. Giao Thủy, p. Xuân Trường, t. ND 304	
Ngưỡng Vồng (<i>phường</i>) 仰網坊: tg. Yên Đãng, h. Yên Khánh, p. Yên Khánh, t. NB 1020	
Ngưỡng Vồng (<i>phường</i>) 仰網坊: Thủy Cốt, t. TH 1156	
Ngưu Cước (<i>tuần</i>) 牛腳巡: tg. Ô Giang, h. Thành Hoá, đạo QT 1395	
Ngưu Phương (<i>xã</i>) 牛芳社: tg. Thái Lai, h. Quảng Xương, p. Tĩnh Gia, t. TH 1121	
Ngưu Trì (<i>xã</i>) 牛池社: tg. Cổ Da, h. Nam Chân, p. Xuân Trường, t. ND 310	
Ngưu Uyên (<i>xã</i>) 牛淵社: tg. Toại An, h. Tứ Kỳ, p. Ninh Giang, t. HD 134	
Nha (<i>thôn</i>) 衙村: x. Nga Mi, tg. Đông Xá, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1124	
Nha Khê (<i>xã</i>) 衙溪社: tg. Lạc Thị, h. Gia Lộc, p. Ninh Giang, t. HD 130	
Nha Xá (<i>xã</i>) 衙舍社: tg. Mộc Phạm, h. Phú Xuyên, p. Thường Tín, t. HN 23	
Nha Xuyên (<i>xã</i>) 衙川社: tg. Phúc Khê, h. Thanh Quan, p. Thái Bình, t. ND .. 341	
Nhã Lộng (<i>tổng</i>) 雅弄總: h. Tư Nông, p. Phú Bình, t. TN 794	
Nhã Lộng (<i>xã</i>) 雅弄社: tg. Nhã Lộng, h. Tư Nông, p. Phú Bình, t. TN 794	
Nhã Luật (<i>tổng</i>) 雅律總: h. Phổ Yên, p. Phú Bình, t. TN 797	
Nhã Luật (<i>xã</i>) 雅律社: tg. Nhã Luật, h. Phổ Yên, p. Phú Bình, t. TN 797	
Nhã Nam (<i>tổng</i>) 雅南總: h. Yên Thế, pp. Lạng Giang, t. BN 540	
Nhã Nam (<i>xã</i>) 雅南社: tg. Nhã Nam, h. Yên Thế, pp. Lạng Giang, t. BN 540	
Nhã Nam (<i>xã</i>) 雅南社: tg. Ngọc Pha, h. Thạch An, p. Hòa An, t. CB 664	
Nhạ Lộc (<i>xã</i>) 迓祿社: tg. Đông Xá, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1123	
Nhạc Lộc (<i>xã</i>) 岳麓社: tg. Nghĩa Trai, h. Gia Lâm, pp. Thuận Thành, t. BN .. 515	
Nham Cáp (<i>xã</i>) 岩閣社: tg. Lạc Nghiệp, h. Thanh Lâm, p. Nam Sách, t. HD . 111	
Nham Cát (<i>thôn</i>) 巖葛村: x. Châu Xuyết, tg. Văn Xá, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1124	
Nham Kênh (<i>xã</i>) 岩涇社: tg. Cẩm Bối, h. Thanh Liêm, p. Lý Nhân, t. HN 40	
Nham Lang (<i>xã</i>) 岩廊社: tg. Hiệu Vũ, h. Hưng Nhân, p. Tiên Hưng, t. HY 268	
Nham Xá (<i>thôn</i>) 岩舍村: x. Độ Liêu, tg. Độ Liêu, h. Can Lộc, p. Đức Thọ, t. NA 1269	
Nhan Biếu (<i>xã</i>) 顏瓢社: tg. An Đôn, h. Đăng Xương, đạo QT 1384	
Nhan Hiển (<i>xã</i>) 顏顯社: tg. Tự Cường, h. Thạch Thành, p. Quảng Hóa, t. TH 1135	
Nhan Lạc (<i>thôn</i>) 閑樂村: tg. Cát Ngạn, h. Thanh Chương, p. Anh Sơn, t. NA 1239	
Nhan Môn (<i>xã</i>) 雁門社: tg. Thượng Giáo, ch. Bạch Thông, p. Thông Hóa, t. TN 819	
Nhan Tái (<i>xã</i>) 雁塞社: tg. Phù Lỗ, h. Kim Anh, p. Đa Phúc, t. BN 525	
Nhan Tháp (<i>xã</i>) 雁塔社: tg. Xuân Liễu, h. Nam Đường, p. Anh Sơn, t. NA .. 1236	
Nhan Tháp (<i>xã</i>) 雁塔社: tg. Yên Thế, h. Yên Thế, pp. Lạng Giang, t. BN 540	
Nhan Tháp (<i>xã</i>) 雁塔社: tg. Mễ Sở, h. Đông Yên, p. Khoái Châu, t. HY 252	
Nhan Yên (<i>vạn</i>) 雁安滿: tg. Cự Lâm, h. Nghĩa Đường, p. Quỳ Châu, t. NA . 1275	
Nhan Bối (<i>thôn</i>) 仁培村: tg. Đô Lương, h. Lương Sơn, p. Anh Sơn, t. NA 1235	
Nhan Canh (<i>thôn</i>) 仁耕村: h. Kỳ Anh, đạo HT 1327	
Nhan Chấm (<i>xã</i>) 仁枕社: tg. Nhân Sơn, ch. Lương Chánh, p. Thọ Xuân, t. TH 1150	
Nhan Dục (<i>xã</i>) 仁育社: tg. Bạch Sam, h. Đường Hào, p. Bình Giang, t. HD .. 100	
Nhan Dục (<i>xã</i>) 仁育社: tg. Yên Tảo, h. Kim Động, p. Khoái Châu, t. HY 259	
Nhan Đà (<i>thôn</i>) 仁陀村: x. Đăng Cao, tg. Bút Sơn, h. Hoàng Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1090	
Nhan Đồng (<i>thôn</i>) 仁同村: tg. Chiêu Lai, h. Đường Hào, p. Bình Giang, t. HD 100	
Nhan Giả (<i>xã</i>) 仁者社: tg. Điện Sơn, h. Hàm Yên, p. An Bình, t. TQ 859	
Nhan Giả (<i>xã</i>) 仁者社: tg. Công Xá, h. Nam Xương, p. Lý Nhân, t. HN 44	
Nhan Giả (<i>xã</i>) 仁者社: tg. Kê Sơn, h. Vĩnh Lại, p. Ninh Giang, t. HD 124	
Nhan Hậu (<i>thôn</i>) 仁厚村: tg. Đặng Sơn, h. Lương Sơn, p. Anh Sơn, t. NA ... 1235	
Nhan Hậu (<i>thôn</i>) 仁厚村: tg. Xuân Liễu, h. Nam Đường, p. Anh Sơn, t. NA . 1236	
Nhan Hậu (<i>thôn</i>) 仁厚村: x. Khúc Phụ, tg. Ngọc Xuyết, h. Hoàng Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1091	

Nhan Hậu (<i>thôn</i>) 仁厚村: x. Văn Trường, tg. Văn Trường, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1117	
Nhan Hậu (<i>thôn</i>) 仁厚村: x. Lưu Vệ, tg. Lưu Vệ, h. Quảng Xương, p. Tĩnh Gia, t. TH 1121	
Nhan Hiền (<i>xã</i>) 仁賢社: tg. Cổ Hiến, h. Thượng Phúc, p. Thường Tín, t. HN ... 16	
Nhan Huống (<i>xã</i>) 仁貺社: tg. Thanh Viên, h. Quỳnh Lưu, p. Diễn Châu, t. NA 1252	
Nhan Hưng (<i>thôn</i>) 仁興村: x. Hải Châu, tg. Liên Trì, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1114	
Nhan Hữu (<i>xã</i>) 仁友社: tg. Đại Lai, h. Gia Bình, p. Thuận Thành, t. BN 509	
Nhan Kiệt (<i>xã</i>) 仁傑社: tg. Bảng Dã, h. Đường An, p. Bình Giang, t. HD 93	
Nhan Lạc (<i>xã</i>) 仁樂社: tg. Nhân Mục, h. Lập Thạch, p. Vĩnh Tường, t. ST 933	
Nhan Lễ (<i>thôn</i>) 仁禮村: x. Mạn Đề, tg. Mạn Đề, h. Thanh Lâm, p. Nam Sách, t. HD 110	
Nhan Lễ (<i>xã</i>) 仁禮社: tg. Bắc Tạ, h. Vĩnh Bảo, p. Ninh Giang, t. HD 126	
Nhan Lễ (<i>thôn</i>) 仁禮村: tg. Kim Sơn, h. Gia Lâm, pp. Thuận Thành, t. BN 515	
Nhan Lễ Thái (<i>thôn</i>) 仁禮泰村: x. Yên Thái, tg. Yên Thái, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1115	
Nhan Lễ Thượng (<i>thôn</i>) 仁禮上村: x. Yên Thái, tg. Yên Thái, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1115	
Nhan Lộ (<i>xã</i>) 仁路社: tg. Cao Mật, h. Vĩnh Lộc, p. Quảng Hóa, t. TH 1130	
Nhan Lu (<i>xã</i>) 仁閭社: tg. Du La, h. Thanh Hà, p. Nam Sách, t. HD 113	
Nhan Lý (<i>tổng</i>) 仁里總: h. Phúc Thọ, p. Quảng Oai, t. ST 913	
Nhan Lý (<i>xã</i>) 仁里社: tg. Nhân Lý, h. Phúc Thọ, p. Quảng Oai, t. ST 913	
Nhan Lý (<i>thôn</i>) 仁里村: tg. Phương Hương, h. Mỹ Lương, p. Quốc Oai, t. ST 926	
Nhan Lý (<i>thôn</i>) 仁里村: x. Như Luyện, tg. Phi Lai, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1086	
Nhan Lý (<i>thôn</i>) 仁里村: x. Ngọc Hoạch, tg. Mật Vật, h. Thụy Nguyên, p. Thiệu Hóa, t. TH 1101	
Nhan Lý (<i>xã</i>) 仁里社: tg. Phùng Thịnh, h. Thụy Nguyên, p. Thiệu Hóa, t. TH 1102	
Nhan Lý (<i>xã</i>) 仁里社: tg. Vạn Quy, h. Đông Sơn, p. Thiệu Hóa, t. TH 1105	
Nhan Lý (<i>thôn</i>) 仁里村: x. Đông Lý, tg. Đông Lý, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1110	
Nhan Lý (<i>thôn</i>) 仁里村: x. Hải Châu, tg. Liên Trì, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1114	
Nhan Lý (<i>xã</i>) 仁里社: tg. Sơn Đô, h. Hàm Yên, p. An Bình, t. TQ 860	
Nhan Lý (<i>thôn</i>) 仁里村: tg. Hoàng Lễ, h. Kỳ Anh, đạo HT 1327	
Nhan Lý (<i>xã</i>) 仁里社: tg. An Lương, h. Thanh Lâm, p. Nam Sách, t. HD 110	
Nhan Lý (<i>xã</i>) 仁里社: tg. Xuyên Hử, h. Vĩnh Lại, p. Ninh Giang, t. HD 124	
Nhan Lý (<i>xã</i>) 仁里社: tg. Thái Lai, h. Thủy Đường, p. Kinh Môn, t. HD 162	
Nhan Lý (<i>xã</i>) 仁里社: ch. Sơn La, p. Gia Hưng, t. HH 714	
Nhan Lý (<i>xã</i>) 仁里社: tg. Hà Lý, h. Diên Hà, p. Tiên Hưng, t. HY 267	
Nhan Lý (<i>tổng</i>) 仁里總: ch. Văn Uyên, p. Trảng Định, t. LS 610	
Nhan Lý (<i>xã</i>) 仁里社: tg. Nhân Lý, ch. Văn Uyên, p. Trảng Định, t. LS 610	
Nhan Lý (<i>xã</i>) 仁里社: tg. Văn Thê, ch. Ôn, p. Trảng Khánh, t. LS 617	
Nhan Lý (<i>xã</i>) 仁里社: tg. Thần Thương, h. Đại An, p. Nghĩa Hưng, t. ND 317	
Nhan Lý Đoài (<i>thôn</i>) 仁里兌村: tg. Thạch Giản, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1086	
Nhan Lý Đông (<i>thôn</i>) 仁里東村: tg. Thạch Giản, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1086	
Nhan Mỹ (<i>thôn</i>) 仁美村: x. Đội Trượng, tg. Cổ Định, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1123	
Nhan Mỹ (<i>thôn</i>) 仁美村: x. Đình Hương, tg. Cổ Định, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1123	
Nhan Mục (<i>tổng</i>) 仁睦總: h. Lập Thạch, p. Vĩnh Tường, t. ST 933	
Nhan Mục (<i>xã</i>) 仁睦社: tg. Nhân Mục, h. Lập Thạch, p. Vĩnh Tường, t. ST ... 933	
Nhan Mục (<i>xã</i>) 仁睦社: tg. Lâm Trường Hạ, ch. Lục Yên, p. An Bình, t. TQ .. 868	

Nhân Mục (tổng) 仁睦總: h.Vị Xuyên,p.Tương An,t.TQ 874

Nhân Mục (xã) 仁睦社: tg.Nhân Mục,h.Vị Xuyên,p.Tương An,t.TQ 874

Nhân Mục (xã) 仁睦社: tg.Dịch Vọng,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 7

Nhân Mục (xã) 仁睦社: tg.Kê Sơn,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124

Nhân Mục Cựu (xã) 仁睦舊社: tg.Khuơng Đình,h.Thanh Trì,
p.Thường Tín,t.HN 19

Nhân Mục Môn (xã) 仁睦門社: tg.Khuơng Đình,h.Thanh Trì,
p.Thường Tín,t.HN 19

Nhân Mỹ (xã) 仁美社: tg.Hương Canh,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8

Nhân Mỹ (thôn) 仁美村: x.Văn Phái,tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1115

Nhân Ngoại (xã) 仁外社: tg.Quyết Trung,h.Tam Dương,
p.Vĩnh Tường,t.ST 934

Nhân Nhượng (thôn) 仁讓村: x.Trang Liệt,tg.Văn Xá,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

Nhân Nội (thôn) 仁内村: tg.Thuận Mỹ,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 11

Nhân Nội (xã) 仁内社: tg.Đa Ngưu,h.Văn Giang,pp.Thuận Thành,t.BN 517

Nhân Phẩm (xã) 仁品社: tg.Thần Phù,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025

Nhân Phong (thôn) 仁風村: tg.Thanh Viên,h.Quỳnh Lưu,
p.Diễn Châu,t.NA 1252

Nhân Sơn (xã) 仁山社: tg.Thanh Viên,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA 1252

Nhân Sơn (thôn) 因山村: x.Kiến Giáp,tg.Đô Bái,h.Nga Sơn,
p.Hà Trung,t.TH 1087

Nhân Sơn (thôn) 仁山村: x.Đồng Yên,tg.Đại Lý,h.Mỹ Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1094

Nhân Sơn (tổng) 仁山總: ch.Lương Chánh,p.Thọ Xuân,t.TH 1150

Nhân Thanh (xã) 仁聲社: tg.Tri Lai,h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ 329

Nhân Thành (xã) 仁城社: tg.Thổ Hào,h.Thanh Chương,
p.Anh Sơn,t.NA 1238

Nhân Thành (xã) 仁城社: tg.Đa Ngưu,h.Văn Giang,
pp.Thuận Thành,t.BN 517

Nhân Thi (thôn) 仁施村: tg.Đồng Công,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259

Nhân Thiếp (xã) 玠洩社: tg.Thượng Giáo,ch.Bạch Thông,
p.Thông Hóa,t.TN 819

Nhân Thọ (thôn) 仁壽村: tg.Yên Hồ,h.La Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1255

Nhân Thọ (thôn) 仁壽村: x.Hải Yến,tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1121

Nhân Thọ (xã) 仁壽社: tg.Yên Lũng,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 860

Nhân Trạch (thôn) 仁宅村: x.Văn Lâm Thái,tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1121

Nhân Trạch (thôn) 仁宅村: x.Thắng Lãm,tg.Thắng Lãm,h.Thanh Oai,
p.Ứng Hòa,t.HN 28

Nhân Trạch (xã) 仁澤社: tg.Thần Thượng,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 317

Nhân Trạch Đoài (thôn) 仁宅兑村: x.Lưu Vệ,tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1121

Nhân Trại (xã) 仁齋社: tg.Lý Trại,h.Đồng Thành,p.Diễn Châu,t.NA 1249

Nhân Trại (thôn) 仁齋村: x.Vân Trại,tg.Vân Trại,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1116

Nhân Trại (tộc) 仁齋族: x.Vân Trại,tg.Vân Trại,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1116

Nhân Trại (thôn) 仁齋村: tg.Đồng Lỗ,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26

Nhân Trại (xã) 仁齋社: tg.Cổ Trại,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 140

Nhân Trung (thôn) 仁忠村: tg.Đô Lương,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1235

Nhân Vĩng (thôn) 仁網村: tg.Thổ Hào,h.Thanh Chương,
p.Anh Sơn,t.NA 1238

Nhân Vĩng (xã) 仁網社: tg.Văn Xá,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124

Nhân Vĩng (xã) 仁網社: tg.Lại Xá,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113

Nhân Vũ (thôn) 仁武村: x.Nguyệt Quật,tg.Vân Trại,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1116

Nhân Vũ (tổng) 仁武總: h.Ân Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256

Nhân Vũ (xã) 仁武社: tg.Nhân Vũ,h.Ân Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256

Nhân Vực (thôn) 仁域村: x.Lỗ Hương,tg.Lỗ Hương,h.Mỹ Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1093

Nhân Vực (thôn) 仁域村: x.Liên Xá,tg.Liên Trì,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1114

Nhân Vực (xã) 仁域社: tg.Vạn Điểm,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN 17

Nhân Vực (xã) 玠域社: tg.Từ Đồi,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 117

Nhân Xá (xã) 仁舍社: tg.Tống Súc,h.Hung Nhân,p.Tiên Hưng,t.HY 268

Nhất Sơn (xã) 一山社: tg.Yên Lưu,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD 157

Nhất Thế (tổng) 一體總: h.Vũ Nhại,p.Phú Bình,t.TN 803

Nhất Thế (xã) 一體社: tg.Nhất Thế,h.Vũ Nhại,p.Phú Bình,t.TN 803

Nhất Trại (xã) 一齋社: tg.Trùng Xá,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 511

Nhật Chiêu (tổng) 日昭總: h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930

Nhật Chiêu (xã) 日昭社: tg.Nhật Chiêu,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930

Nhật Chiêu (phường) 日昭坊: tg.Thượng,h.Vĩnh Thuận,p.Hoài Đức,t.HN 13

Nhật Chiêu (xã) 日照社: tg.Bình Bút,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1131

Nhật Chiêu (xã) 日照社: tg.Quảng Tế,h.Quảng Tế,p.Quảng Hóa,t.TH 1133

Nhật Đức (phường) 日德坊: x.Tiên Nha,tg.Bắc Lũng,h.Lục Ngạn,
p.Lạng Giang,t.BN 537

Nhật Lăng (xã) 日朗社: tg.Thốc Sơn,h.Hữu Lũng,pp.Lạng Giang,t.BN 540

Nhật Lệ (xã) 日麗社: tg.Cam Đường,h.Thành Hoá,đạo QT 1393

Nhật Lệ (xã) 日麗社: tg.Cát Dương,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY 256

Nhật Phú (xã) 日富社: tg.Thanh Xuyên,h.Quế Phong,
p.Quỳ Châu,t.NA 1276

Nhật Quả (xã) 日果社: tg.Thượng Cốc,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1145

Nhật Quang (xã) 日光社: tg.Vạn Quy,h.Đồng Sơn,p.Thịệu Hóa,t.TH 1105

Nhật Tảo (xã) 日早社: tg.Phú Gia,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8

Nhật Tảo (xã) 日早社: tg.Kim Bảng,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38

Nhật Tảo (xã) 日早社: tg.Hòa Đàm,h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 97

Nhật Tảo (xã) 日早社: tg.Nhân Vũ,h.Ân Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256

Nhật Tảo (xã) 日早社: tg.Hà Lão,h.Hung Nhân,p.Tiên Hưng,t.HY 268

Nhĩ Châu (xã) 徧洲社: tg.Phương Trà,h.Tiên Lữ,p.Tiên Hưng,t.HY 272

Nhĩ Độ (xã) 你度社: tg.Trần Xá,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 44

Nhĩ Hạ (xã) 珥下社: tg.An Mỹ,h.Do Linh,đạo QT 1391

Nhĩ Thượng (xã) 珥上社: tg.An Mỹ,h.Do Linh,đạo QT 1391

Nhĩ Trại (xã) 珥齋社: tg.Ti Bà,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 511

Nhĩ Trung (xã) 珥中社: tg.An Mỹ,h.Do Linh,đạo QT 1391

Nhị (thôn) 貳村: x.Đồng Phú,tg.Đồng Phú,h.Yên Khánh,
p.Yên Khánh,t.NB 1021

Nhị (thôn) 二村: x.Phượng Vĩ,tg.Mỹ Xá,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40

Nhị (thôn) 二村: x.Phù Liễn,tg.Trịnh Xá,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 161

Nhị (thôn) 貳村: x.Diễn Trường,tg.Phù Lão,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 320

Nhị (thôn) 二村: x.Thám Thanh,tg.Hiến Khánh,h.Vụ Bản,
p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 320

Nhị Châu (xã) 蕊珠社: tg.Ninh Xá,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 20

Nhị Châu (xã) 榮洲社: tg.Trác Châu,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 111

Nhị Khê (xã) 蕊溪社: tg.Cổ Hiến,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN 16

Nhị Khê (xã) 蕊溪社: tg.Thịnh Đức,h.Phù Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 22

Nhị Mổ (xã) 二米社: tg.Khoá Nhu,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 253

Nhiễm Dương (xã) 冉陽社: tg.Nghĩa Xá,h.Siêu Loại,
p.Thuận Thành,t.BN 506

Nhiễm Hạ (trang) 髥下庄: tg.Xích Thổ,h.Yên Hoà,p.Nho Quan,t.NB 1042

Nhiễm Thượng (thôn) 染上村: tg.Đồng Thọ,h.Thọ Xương,
p.Hoài Đức,t.HN 12

Nhiên (<i>thôn</i>) 然村: x.Đội Trương,tg.Cổ Định,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1123	
Nhiếp Xá (<i>xã</i>) 聶舍社: tg.My Động,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95	
Nhiều Hợp (<i>tổng</i>) 饒合總: h.Nghĩa Đường,p.Quý Châu,t.NA 1276	
Nhiều Hợp (<i>sách</i>) 饒合冊: tg.Nhiều Hợp,h.Nghĩa Đường, p.Quý Châu,t.NA 1276	
Nho Lâm (<i>ấp</i>) 儒林邑: tg.Tân An,h.Tiền Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335	
Nho Lâm (<i>xã</i>) 儒林社: tg.Cao Xá,h.Đông Thành,p.Diễn Châu,t.NA 1249	
Nho Lâm (<i>xã</i>) 儒林社: tg.Bồng Hải,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB ... 1021	
Nho Lâm (<i>xã</i>) 儒林社: tg.Đường Xá,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 940	
Nho Lâm (<i>xã</i>) 儒林社: tg.Phúc Yên,h.Quảng Điền,p.TT 1427	
Nho Lâm (<i>xã</i>) 儒林社: tg.Chân Lại,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134	
Nho Lâm (<i>xã</i>) 儒林社: tg.Đức Triêm,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 259	
Nho Lâm (<i>xã</i>) 儒林社: tg.Sơn Trang,ch.Ôn,p.Tràng Khánh,t.LS 616	
Nho Lý (<i>xã</i>) 儒里社: tg.An Cư,h.Đặng Xương,đạo QT 1384	
Nho Quan (<i>phủ</i>) 儒關府: t.NB 1035	
Nhu Điều (<i>xã</i>) 柔條社: tg.Điều Yêu,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151	
Nhu Viễn (<i>tổng</i>) 柔遠總: ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN 819	
Nhu Viễn (<i>xã</i>) 柔遠社: tg.Nhu Viễn,ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN ... 819	
Nhũ Nhuận (<i>thôn</i>) 乳潤村: x.Lôi Dương,tg.Lôi Dương,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1144	
Nhũ Tĩnh (<i>xã</i>) 乳井社: tg.Mặc Xá,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134	
Nhuận Ốc (<i>trại</i>) 潤屋寨: tg.Tân Định,h.Tiền Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335	
Nhuận Ốc (<i>xã</i>) 潤屋社: tg.Bồng Hải,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB .. 1021	
Nhuận Trạch (<i>thôn</i>) 潤澤村: tg.Cát Ngán,h.Thanh Chương, p.Anh Sơn,t.NA 1239	
Nhuận Trạch (<i>xã</i>) 潤澤社: tg.Phương Hương,h.Mỹ Lương, p.Quốc Oai,t.ST 926	
Nhuận Trạch (<i>thôn</i>) 潤澤村: x.Đông Trạch,tg.Lương Tài,h.Lương Tài, p.Thuận Thành,t.BN 511	
Nhuế (<i>thôn</i>) 芮村: x.Mộc Hộc,tg.Tam Lộng,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1145	
Nhuế Biện (<i>xã</i>) 芮汴社: tg.Bất Náo,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1145	
Nhuế Dương (<i>xã</i>) 芮陽社: tg.Đại Quan,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 252	
Nhuế Đông (<i>xã</i>) 芮東社: tg.Phá Lãng,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 511	
Nhuế Khúc (<i>xã</i>) 芮曲社: tg.Bạch Trữ,h.Yên Lãng,pp.Vĩnh Tường,t.ST .. 938	
Nhuế Sơn (<i>xã</i>) 芮山社: tg.An Dật,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 110	
Nhuế Xuyên (<i>xã</i>) 芮川社: tg.Phao Thanh,h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948	
Nhuệ (<i>thôn</i>) 銳村: tg.Sơn Đồng,h.Đan Phượng,p.Quốc Oai,t.ST 922	
Nhuệ (<i>thôn</i>) 銳村: x.Hà Dương,tg.Bút Sơn,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1090	
Nhuệ (<i>thôn</i>) 銳村: x.Duy Nhất,tg.Du Trường,h.Hậu Lộc,p.Hà Trung,t.TH 1096	
Nhuệ (<i>thôn</i>) 銳村: x.Phùng Thịnh,tg.Phùng Thịnh,h.Thụy Nguyên, p.Thiệu Hóa,t.TH 1102	
Nhuệ (<i>thôn</i>) 銳村: x.An Hoạch,tg.Quảng Chiểu,h.Đồng Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1106	
Nhuệ (<i>giáp</i>) 銳甲: x.Thạch Nội,tg.Văn Trường,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1117	
Nhuệ Động (<i>thôn</i>) 銳洞村: tg.Đại Công,h.Tiền Minh,p.Nam Sách,t.HD .. 116	
Nhuệ Giang (<i>xã</i>) 銳江社: tg.Cổ Hiến,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN 16	
Nhuệ Giang (<i>thôn</i>) 銳江村: tg.Phù Vệ,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100	
Nhuệ Hổ (<i>xã</i>) 銳虎社: tg.Yên Lãng,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165	
Nhuệ Tây (<i>thôn</i>) 銳西村: x.Bái Ninh,tg.Bút Sơn,h.Hoàng Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1090	
Nhuệ Tham (<i>thôn</i>) 銳琛村: x.Doãn Xá,tg.Tuân Hóa,h.Đồng Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1105	
Nhuỷn (<i>thôn</i>) 軟村: x.Nhuỷn Sơn,tg.Văn Trường,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1117	

Nhuỷn (<i>thôn</i>) 軟村: x.Kim Bài,tg.Phương Trung,h.Thanh Oai, p.Ứng Hòa,t.HN 28	
Nhuỷn (<i>thôn</i>) 軟村: tg.Chiêu Lai,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100	
Nhuỷn Sơn (<i>xã</i>) 軟山社: tg.Văn Trường,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1117	
Như Áng (<i>thôn</i>) 如盎村: tg.Quảng Thi,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1102	
Như Áng (<i>xã</i>) 如盎社: tg.Tuân La,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1117	
Như Bá (<i>thôn</i>) 如柏村: tg.Thanh Viên,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA ... 1252	
Như Cổ (<i>xã</i>) 如故社: tg.Nông Hạ,ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN 819	
Như Cương (<i>thôn</i>) 如岡村: tg.Cấp Dẫn,h.Kỳ Anh,đạo HT 1326	
Như Đăng (<i>giáp</i>) 如登甲: tg.Chất Thành,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1032	
Như Độ (<i>ấp</i>) 如度邑: tg.Quy Hậu,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1033	
Như Khuê (<i>trang</i>) 如圭庄: tg.Vân Mộng,ch.Lộc Bình,p.Tràng Khánh,t.LS 621	
Như Lăng (<i>thôn</i>) 如陵村: x.Đồng An,tg.Đồng Yên,h.Nga Sơn, p.Hà Trung,t.TH 1086	
Như Lăng (<i>xã</i>) 如陵社: tg.Phùng Thịnh,h.Thụy Nguyên, p.Thiệu Hóa,t.TH 1102	
Như Lăng (<i>tổng</i>) 如陵總: ch.Thường Xuân,p.Thọ Xuân,t.TH 1147	
Như Lăng (<i>xã</i>) 如陵社: tg.Vũ Lăng,h.Quảng Uyên,p.Trùng Khánh,t.CB . 674	
Như Lâm (<i>xã</i>) 如林社: tg.Chân Lại,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134	
Như Lân (<i>xã</i>) 如麟社: tg.Đa Ngưu,h.Văn Giang,pp.Thuận Thành,t.BN ... 517	
Như Lê (<i>xã</i>) 如礪社: tg.An Thái,h.Hải Lăng,đạo QT 1385	
Như Luyện (<i>xã</i>) 如練社: tg.Phi Lai,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086	
Như Nguyệt (<i>xã</i>) 如月社: tg.Hương La,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497	
Như Phượng (<i>xã</i>) 如鳳社: tg.Đa Ngưu,h.Văn Giang, pp.Thuận Thành,t.BN 517	
Như Quỳnh (<i>tổng</i>) 如瓊總: h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN 514	
Như Quỳnh (<i>xã</i>) 如瓊社: tg.Như Quỳnh,h.Gia Lâm, pp.Thuận Thành,t.BN 514	
Như Sơn (<i>xã</i>) 駕山社: tg.Đạo Kỳ,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 933	
Như Thiết (<i>xã</i>) 如鐵社: tg.Thiết Sơn,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 534	
Như Thức (<i>tổng</i>) 如式總: h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 307	
Như Thức (<i>xã</i>) 如式社: tg.Như Thức,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 307	
Như Trắc (<i>xã</i>) 如琢社: tg.Thổ Ốc,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45	
Như Xuyên (<i>xã</i>) 如川社: tg.Nghĩa Khê,h.Hùng Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 955	
Như Ý Thượng (<i>xã</i>) 如意上社: tg.Bí Giang,h.Đồng Triều, p.Kinh Môn,t.HD 166	
Như Ý Trung (<i>xã</i>) 如意中社: tg.Bí Giang,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 166	
Như Yêu (<i>trang</i>) 如邀庄: tg.Hoài Viễn,ch.Lộc Bình,p.Tràng Khánh,t.LS 621	
Nhữ Hạ (<i>tổng</i>) 汝下總: h.Hà Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950	
Nhữ Hạ (<i>xã</i>) 汝下社: tg.Nhữ Hạ,h.Hà Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950	
Nhữ Hán (<i>xã</i>) 汝漢社: tg.Ngọc Chúc,h.Hùng Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 955	
Nhữ Khê (<i>xã</i>) 汝溪社: tg.Ngọc Chúc,h.Hùng Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 955	
Nhữ Khê (<i>xã</i>) 汝溪社: tg.Tống Súc,h.Hung Nhân,p.Tiên Hưng,t.HY 268	
Nhữ Thủy (<i>xã</i>) 汝水社: tg.Tống Súc,h.Hung Nhân,p.Tiên Hưng,t.HY 268	
Nhữ Thượng (<i>xã</i>) 汝上社: tg.Nhữ Hạ,h.Hà Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950	
Nhữ Xá (<i>thôn</i>) 汝舍村: x.Từ Đà,tg.Từ Minh,h.Hoàng Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1089	
Nhữ Xá (<i>xã</i>) 汝舍社: tg.Thọ Trương,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95	
Nhược Công (<i>phường</i>) 若工坊: tg.Hạ,h.Vinh Thuận,p.Hoài Đức,t.HN 13	
Nhược Thạch (<i>thôn</i>) 若石村: tg.Vân Tân,h.Cẩm Xuyên,đạo HT 1324	
Nhượng Đông (<i>xã</i>) 讓東社: tg.Hành Thiện,h.Giao Thủy, p.Xuân Trường,t.NĐ 304	
Nhượng Bạ (<i>xã</i>) 讓畔社: tg.Tông Chính,ch.Lương Chánh, p.Thọ Xuân,t.TH 1150	
Nhượng Bạ (<i>xã</i>) 讓畔社: h.Cẩm Xuyên,đạo HT 1324	
Nhượng Bạ (<i>tổng</i>) 讓畔總: h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659	
Nhượng Bạ (<i>xã</i>) 讓畔社: tg.Nhượng Bạ,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659	

Nhượng Bạ (*trại*) 讓畔寨: tg.Vân Mộng,ch.Lộc Bình,
p.Tràng Khánh,t.LS 621

Nhượng Bộ (*xã*) 讓步社: tg.Phượng Lâu,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957

Nhượng Lão (*xã*) 讓老社: tg.Minh Lương,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST . 926

Nhượng Mỹ (*xã*) 讓美社: tg.Lệnh Cấm,h.Hạ Lang,p.Trùng Khánh,t.CB . 676

Niêm Phù (*xã*) 粘扶社: tg.Phúc Yên,h.Quảng Điện,p.TT 1427

Niêm Sơn (*tổng*) 粘山總: h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537

Niêm Sơn (*xã*) 粘山社: tg.Niêm Sơn,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537

Niêm Sơn (*xã*) 粘山社: tg.Đồng Quan,h.Đề Định,p.Tương An,t.TQ 871

Niêm Sơn (*xã*) 粘山社: tg.Thượng Côi,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD . 162

Niệm (*thôn*) 念村: x.Niệm Thương,tg.Đồng Xá,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1124

Niệm Hạ (*xã*) 念下社: tg.Xuân Vũ,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 331

Niệm Nghĩa (*xã*) 念義社: tg.An Dương,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD ... 151

Niệm Quang (*tổng*) 念琬總: h.Đồng Hỷ,p.Phú Bình,t.TN 798

Niệm Quang (*xã*) 念琬社: tg.Niệm Quang,h.Đồng Hỷ,p.Phú Bình,t.TN . 798

Niệm Thượng (*xã*) 念上社: tg.Đồng Xá,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124

Ninh (*thôn*) 寧村: x.Ngọc Âu,tg.Ngo Xá,h.Vinh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH ... 1130

Ninh (*thôn*) 寧村: x.Vinh Lộc,tg.Thanh Xá,h.Vinh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1130

Ninh (*thôn*) 寧村: x.Đô Mỹ,tg.Y Đồn,h.Thần Khê,p.Tiên Hưng,t.HY 265

Ninh Bảo (*xã*) 寧保社: tg.Đồng Đồi,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106

Ninh Bắc (*tổng*) 寧北總: h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525

Ninh Bắc (*xã*) 寧北社: tg.Ninh Bắc,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525

Ninh Biên (*châu*) 寧邊州: p.Điện Biên,t.HH 737

Ninh Bình (*tỉnh*) 寧平省: 1013

Ninh Cù (*tổng*) 寧衢總: h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343

Ninh Cù (*xã*) 寧衢社: tg.Ninh Cù,h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343

Ninh Cường (*xã*) 寧疆社: tg.Quần Anh,h.Chân Ninh,
p.Xuân Trường,t.NĐ 313

Ninh Dân (*tổng*) 寧民總: h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948

Ninh Dật (*trại*) 寧謐寨: tg.Tự Tân,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1033

Ninh Dị (*xã*) 寧異社: tg.Hùng Dị,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 859

Ninh Duy (*tổng*) 寧維總: h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 117

Ninh Duy (*xã*) 寧維社: tg.Ninh Duy,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 117

Ninh Dương (*xã*) 寧陽社: tg.Vạn Ninh,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 425

Ninh Dương (*xã*) 寧陽社: tg.Cổ Linh,ch.Chiêm Hoá,p.Tương An,t.TQ ... 877

Ninh Dương (*xã*) 寧陽社: tg.Nga My,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 28

Ninh Định (*xã*) 寧定社: tg.Gia Cát,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522

Ninh Động (*xã*) 寧洞社: tg.Quang Biểu,h.Việt Yên,p.Lạng Giang,t.BN .. 534

Ninh Giang (*xã*) 寧江社: tg.Hạ Dương,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 491

Ninh Giang (*phủ*) 寧江府: t.HD 120

Ninh Hải (*tổng*) 寧海總: ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 426

Ninh Kiệm (*xã*) 寧儉社: tg.Phù Loan,h.Vị Xuyên,p.Tương An,t.TQ 874

Ninh Lạc (*xã*) 寧樂社: tg.Tượng Yên,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 663

Ninh Lão (*xã*) 寧老社: tg.Hoàng Đạo,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37

Ninh Liệt (*xã*) 寧烈社: tg.Thượng Dã,h.Đa Phúc,p.Đa Phúc,t.BN 521

Ninh Môn (*xã*) 寧門社: tg.Hương Đình,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525

Ninh Mỹ (*áp*) 寧美邑: tg.Ninh Nhất,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ 313

Ninh Nhất (*tổng*) 寧一總: h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ 313

Ninh Phong (*xã*) 寧豐社: tg.Kha Hộ,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537

Ninh Phú (*thôn*) 寧富村: x.Phượng Vi,tg.Mỹ Xá,h.Thanh Liêm,
p.Lý Nhân,t.HN 40

Ninh Quan (*xã*) 寧關: tg.An Điện,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106

Ninh Sơn (*xã*) 寧山社: tg.Thượng Đình,h.Từ Nông,p.Phú Bình,t.TN 794

Ninh Sơn (*xã*) 寧山社: tg.Chúc Sơn,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31

Ninh Tào (*xã*) 寧曹社: tg.Gia Cát,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522

Ninh Tảo (*xã*) 寧早社: tg.Hương Ngải,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40

Ninh Tập (*xã*) 寧集社: tg.Đồng Kết,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 252

Ninh Thái (*thôn*) 寧泰村: x.Việt Yên Thượng,tg.Việt Yên,h.La Sơn,
p.Đức Thọ,t.NA 1255

Ninh Thái (*xã*) 寧泰社: tg.Hương Ngải,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40

Ninh Vũ (*xã*) 寧武社: tg.Yên Cảnh,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 253

Ninh Xá (*thôn*) 寧舍村: tg.An Ấp,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259

Ninh Xá (*thôn*) 寧舍村: x.Độ Liêu,tg.Độ Liêu,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269

Ninh Xá (*phường*) 寧舍坊: tg.Bái Ân,h.Thành Hoá,đạo QT 1393

Ninh Xá (*tổng*) 寧舍總: h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 20

Ninh Xá (*xã*) 寧舍社: tg.Ninh Xá,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 20

Ninh Xá (*thôn*) 寧舍村: x.Phượng Vi,tg.Mỹ Xá,h.Thanh Liêm,
p.Lý Nhân,t.HN 40

Ninh Xá (*xã*) 寧舍社: tg.Kim Lôi,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165

Ninh Xá (*xã*) 寧舍社: tg.Cát Đằng,h.Phong Doanh,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ . 326

Ninh Xuyên (*xã*) 寧川社: tg.Cổ Dũng,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN ... 534

Non (*thôn*) 嫩村: x.Phương Điện,tg.Lôi Dương,h.Lôi Dương,
p.Thọ Xuân,t.TH 1144

Nỗ (*giáp*) 弩甲: x.Vân Trai,tg.Vân Trai,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1116

Nỗ (*thôn*) 弩村: x.Diên Hà,tg.Diên Hà,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267

Nỗ Bạ (*xã*) 弩伴社: tg.Vân La,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 20

Nỗ Châu (*xã*) 弩洲社: tg.Minh Nông,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957

Nỗ Dương (*xã*) 弩楊社: tg.Đức Lân,h.Từ Nông,p.Phú Bình,t.TN 794

Nỗ Kiến (*thôn*) 弩建村: x.Tam Lộng,tg.Tam Lộng,h.Lôi Dương,
p.Thọ Xuân,t.TH 1145

Nỗ Linh (*thôn*) 弩靈村: x.Như Luyện,tg.Phi Lai,h.Nga Sơn,
p.Hà Trung,t.TH 1086

Nỗ Lực (*xã*) 弩力社: tg.Minh Nông,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957

Nỗ Sơn (*xã*) 弩山社: tg.Tự Cường,h.Thạch Thành,p.Quảng Hóa,t.TH ... 1135

Nội (*thôn*) 内村: x.Lộc Động,tg.Yên Mô,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025

Nội (*thôn*) 内村: x.Bình Hải,tg.Thổ Mật,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025

Nội (*thôn*) 内村: x.Thuần Nhuế,tg.Thượng Hiệp,h.Yên Sơn,
p.Quốc Oai,t.ST 919

Nội (*thôn*) 内村: x.Lại Hạ,tg.Kim Quan,h.Thạch Thất,p.Quốc Oai,t.ST 924

Nội (*thôn*) 内村: x.Xuân Nông,tg.Đức Lân,h.Từ Nông,p.Phú Bình,t.TN 794

Nội (*thôn*) 内村: x.Trương Xá,tg.Đăng Trường,h.Hậu Lộc,
p.Hà Trung,t.TH 1096

Nội (*thôn*) 内村: x.Minh Linh,tg.Thử Cốc,h.Thụy Nguyên,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1101

Nội (*thôn*) 内村: x.Xuân Phố,tg.Thử Cốc,h.Thụy Nguyên,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1102

Nội (*thôn*) 内村: x.Đồng Bàng,tg.Đồng Lý,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH .. 1110

Nội (*thôn*) 内村: x.Uy Nỗ,tg.Ngọc Đới,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1115

Nội (*giáp*) 内甲: x.Lỗ Hiến,tg.Lôi Dương,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1144

Nội (*thôn*) 内村: x.Nhật Quả,tg.Thượng Cốc,h.Lôi Dương,
p.Thọ Xuân,t.TH 1145

Nội (*thôn*) 内村: x.Mục Sơn,tg.Mục Sơn,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1146

Nội (*thôn*) 内村: tg.Trung An,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659

Nội (*tổng*) 内總: h.Vinh Thuận,p.Hoài Đức,t.HN 13

Nội (*thôn*) 内村: tg.Vân La,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 20

Nội (*thôn*) 内村: x.Đỗ Xá,tg.Lam Cầu,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37

Nội (*thôn*) 内村: x.Đồng Xuyên,tg.Từ Đới,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD ... 117

Nội (*thôn*) 内村: x.Tiên Đới,tg.Từ Đới,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 117

Nội (*thôn*) 内村: x.Đồng Quan,tg.Hà Trường,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD 157

Nội (*thôn*) 内村: x.Hoàng Văn,tg.Yên Lạc,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY . 260

Nội (*thôn*) 内村: x.Y Đồn,tg.Y Đồn,h.Thần Khê,p.Tiên Hưng,t.HY 265

Nội (*tràng*) 内庄: x.Lập Lễ,tg.Hà Lý,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267

Nội (*thôn*) 内村: x.Niệm Hạ,tg.Xuân Vũ,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ ... 331

Nội (thôn) 内村: x.Bạt Trung,tg.Nam Đường,h.Chân Định,
p.Kiến Xương,t.NĐ 331

Nội Am (xã) 内庵社: tg.Ninh Xá,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 20

Nội Bình (ấp) 内平邑: tg.An Ninh,h.Hương Trà,p.TT 1418

Nội Can Lộc (xã) 内干祿社: tg.Nội Ngoại,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269

Nội Chế (thôn) 内制村: tg.Hiến Khánh,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 320

Nội Chiếm (xã) 内占社: tg.Suất Tĩnh,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 664

Nội Diên (thôn) 内延村: x.An Hồ,tg.Yên Hồ,h.La Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1255

Nội Duệ (tổng) 内裔總: h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494

Nội Duệ (xã) 内裔社: tg.Nội Duệ,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494

Nội Duệ Đông (xã) 内裔東社: tg.Nội Duệ,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494

Nội Duệ Khánh (xã) 内裔慶社: tg.Nội Duệ,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494

Nội Duệ Nam (xã) 内裔南社: tg.Nội Duệ,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494

Nội Đan (xã) 内丹社: tg.Đông Tạ,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126

Nội Động (xã) 内洞社: tg.Hạ Lôi,h.Yên Lãng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938

Nội Hà (phường) 内河坊: tg.Thuận Thị,h.Minh Chính,
p.Quảng Trạch,t.QB 1355

Nội Hoàng (xã) 内黄社: tg.Phúc Tăng,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 534

Nội Hoàng (tổng) 内黄總: h.Đông Triều,p.Kinh Môn,t.HD 166

Nội Hoàng (xã) 内黄社: tg.Nội Hoàng,h.Đông Triều,p.Kinh Môn,t.HD 166

Nội Hoàng (xã) 内黄社: tg.Mỹ Dương,h.Phong Doanh,
pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 325

Nội Hoàng (xã) 内宏社: tg.Nội Lãng,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333

Nội Hộ (xã) 内護社: tg.Thọ Lão,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 940

Nội Lãng (tổng) 内朗總: h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333

Nội Lãng (xã) 内朗社: tg.Nội Lãng,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333

Nội Linh (xã) 内靈社: tg.Cao Đường,h.Tiên Lữ,p.Tiên Hưng,t.HY 271

Nội Lưu (xã) 内菑社: tg.Phù Lưu Thương,h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN 33

Nội Ngoại (tổng) 内外總: h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269

Nội Ninh (xã) 内寧社: tg.Quang Biểu,h.Việt Yên,p.Lạng Giang,t.BN 534

Nội Phật (xã) 内佛社: tg.Hương Canh,h.Yên Lãng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938

Nội Phật (thôn) 内佛村: x.Đồng Mai,tg.Ninh Bắc,h.Kim Anh,
p.Đa Phúc,t.BN 525

Nội Phú (thôn) 内富村: x.Đồng Cửu,tg.Đồng Cửu,h.Gia Bình,
p.Thuận Thành,t.BN 509

Nội Sa (xã) 内沙社: tg.Sa Lung,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1140

Nội Tạ (xã) 内謝社: tg.Bắc Tạ,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126

Nội Tây (thôn) 内西村: tg.Sài Trang,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100

Nội Thắng (xã) 内勝社: tg.An Bồ,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126

Nội Trà (tổng) 内茶總: h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497

Nội Trà (xã) 内茶社: tg.Nội Trà,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497

Nội Tử (thôn) 内子村: x.Từ Đà,tg.Từ Minh,h.Hoàng Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1089

Nội Viên (tổng) 内圓總: h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494

Nội Viên (xã) 内圓社: tg.Nội Viên,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494

Nội Viên (xã) 内員社: tg.Tiên Hương,h.Tiên Lữ,p.Tiên Hưng,t.HY 272

Nội Xá (xã) 内舍社: tg.Thái Đường,h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN 33

Nông Cống (huyện) 農貢縣: p.Tĩnh Gia,t.TH 1123

Nông Cung (thôn) 農供村: tg.Thượng Đình,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN 794

Nông Đồn (xã) 農屯社: tg.Nghiêm Lật,h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS 602

Nông Hạ (tổng) 農下總: ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN 819

Nông Hạ (xã) 農下社: tg.Nông Hạ,ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN 819

Nông Hiệt (xã) 農頤社: tg.Phong Thanh,ch.Ninh Biên,p.Điện Biên,t.HH 738

Nông Khê (xã) 農溪社: tg.Trịnh Tiết,h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN 34

Nông Thượng (tổng) 農上總: ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN 819

Nông Thượng (xã) 農上社: tg.Nông Thượng,ch.Bạch Thông,
p.Thông Hóa,t.TN 819

Nông Trang (xã) 農莊社: tg.Minh Nông,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957

Nông Vụ (xã) 農務社: tg.Vạn Phái,h.Phổ Yên,p.Phú Bình,t.TN 797

Nông Vụ (xã) 農務社: tg.Bái Đô,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1146

Nông Vụ (xã) 農務社: tg.Hương Đàn,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38

Nông Vụ (xã) 農務社: tg.Đặng Xá,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN 515

Nông Xá (xã) 農舍社: tg.Vụ Nông,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD 158

Nộn Khê (tổng) 嫩溪總: h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025

Nộn Khê (xã) 嫩溪社: tg.Nộn Khê,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025

Nùng Lý (xã) 穰李社: tg.Hòa Luật,h.Thạch Thành,p.Quảng Hóa,t.TH 1135

Nữu (thôn) 扭村: x.Hòa Trường,tg.Ngọc Đới,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1115

O

Oanh Cốc (xã) 鶯谷社: tg.Thái Lai,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1121

Oanh Cốc (xã) 鶯谷社: tg.Thượng Cốc,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1145

Ô Cách (thôn) 烏格村: tg.Hoàng Xá,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 919

Ô Cách (thôn) 烏格村: x.Liên Trì,tg.Liên Trì,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1114

Ô Cách (xã) 烏格社: tg.Hương Ngải,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40

Ô Cách (thôn) 烏格村: x.Thọ Diên,tg.Diên Hà,h.Diên Hà,
p.Tiên Hưng,t.HY 267

Ô Giang (tổng) 烏江總: h.Thành Hoá,đạo QT 1395

Ô Giang Hạ (ấp) 烏江下邑: tg.Ô Giang,h.Thành Hoá,đạo QT 1395

Ô Giang Thượng (ấp) 烏江上邑: tg.Ô Giang,h.Thành Hoá,đạo QT 1395

Ô Giang Trung (ấp) 烏江中邑: tg.Ô Giang,h.Thành Hoá,đạo QT 1395

Ô Mễ (xã) 烏米社: tg.Ngô Xá,h.Bình Lục,p.Lý Nhân,t.HN 43

Ô Mễ (xã) 烏米社: tg.Mỹ Xá,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134

Ô Mễ (tổng) 烏米總: h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ 329

Ô Mễ (xã) 烏米社: tg.Ô Mễ,h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ 329

Ô Sa (xã) 烏紗社: tg.Thanh Cẩn,h.Quảng Điện,p.TT 1427

Ô Trình (xã) 烏程社: tg.Yên Định,h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343

Ô Xuyên (xã) 烏川社: tg.Lôi Khê,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 93

Ổ (thôn) 塢村: x.Bách Lộc,tg.Lạc Trì,h.Thạch Thất,p.Quốc Oai,t.ST 923

Ổ Hạng (xã) 塢港社: tg.Nga Ổ,h.Thượng Lang,p.Trùng Khánh,t.CB 672

Ổ Vực (xã) 塢域社: tg.Quảng Bị,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31

Ốc (thôn) 沃村: x.Ốc Thổ,tg.Lạc Thiện,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

Ốc Khê (xã) 沃溪社: tg.Nga Khê,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269

Ốc Nhiều (thôn) 沃饒村: x.Ốc Khê,tg.Nga Khê,h.Can Lộc,
p.Đức Thọ,t.NA 1269

Ốc Nhiều (xã) 沃饒社: tg.Hòa Bình,h.Văn Giang,pp.Thuận Thành,t.BN 517

Ốc Sa (xã) 沃沙社: tg.Lạc Thiện,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

Ốc Thổ (xã) 沃土社: tg.Lạc Thiện,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

Ốc Thổ (sở) 沃土所: tg.Lạc Thiện,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

Ốc Trù (xã) 沃疇社: tg.Hội Hạ,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 940

Ôn (bản) 溫本: tg.Trịnh Cố,h.Trịnh Cố,t.TH 1152

Ôn (châu) 温州: p.Tràng Khánh,t.LS 616

Ôn Lương Hạ (xã) 溫良下社: tg.Khuynh Quỳ,ch.Định,p.Tông Hóa,t.TN 807

Ôn Lương Thượng (xã) 溫良上社: tg.Khuynh Quỳ,ch.Định,
p.Tông Hóa,t.TN 807

Ôn Xá (xã) 溫舍社: tg.Thái Lạc,h.Văn Giang,pp.Thuận Thành,t.BN 517

Ông Đình (xã) 翁亭社: tg.Yên Cảnh,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 253

Ông Hòa (thôn) 翁和村: x.Đại Trung,tg.Bái Trạch,h.Hoàng Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1090

Ổn Lâm (xã) 穩林社: tg.Lạc Thiện,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

P

Phá Lãng (tổng) 破浪總: h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 511

Phá Lãng (xã) 破浪社: tg.Phá Lãng,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN ... 511

Phác (thôn) 樸村: x.Bái Châu,tg.Bái Châu,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109

Phác Cô (thôn) 樸姑村: x.Hoàng Trạch,tg.Bạch Liên,h.Yên Mô,
p.Yên Khánh,t.NB 1025

Phác Đồng (thôn) 樸全村: x.Hưng Thịnh,tg.Phù Chấn,h.Thuy Nguyên,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1101

Phác Động (xã) 朴洞社: tg.Là Phù,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN ... 16

Phác Lỗ (tổng) 樸魯總: h.Nghĩa Đường,p.Quỳ Châu,t.NA 1275

Phác Lỗ (sách) 樸魯冊: tg.Phác Lỗ,h.Nghĩa Đường,p.Quỳ Châu,t.NA .. 1275

Phác Lỗ (xã) 樸魯社: tg.Bố Dương,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124

Phác Môn (thôn) 朴門村: tg.Hoàng Lễ,h.Kỳ Anh,đạo HT 1327

Phác Xuyên (xã) 樸川社: tg.Phú Khê,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 116

Phạm (thôn) 范村: x.Diên Hà,tg.Diên Hà,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267

Phạm Khê (xã) 范溪社: tg.Phú Mỹ,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95

Phạm Lâm (xã) 范林社: tg.Đoàn Lâm,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 131

Phạm Lý (xã) 范里社: tg.Đặng Xá,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95

Phạm Thức (xã) 范式社: tg.Như Thức,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 307

Phạm Trung (xã) 範中社: tg.Đoàn Bái,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 131

Phạm Xá (thôn) 范舍村: x.Thanh Lăng,tg.Trung Bạ,h.Tống Sơn,
p.Hà Trung,t.TH 1083

Phạm Xá (thôn) 范舍村: x.Vân Phương,tg.Thái Lai,h.Quảng Xương,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1121

Phạm Xá (tràng) 范舍庄: tg.Đội Sơn,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37

Phạm Xá (xã) 范舍社: tg.Đặng Xá,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95

Phạm Xá (xã) 范舍社: tg.Mỹ Xá,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 133

Phạm Xá (xã) 范舍社: tg.Cam Đường,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 147

Phạm Xá (xã) 范舍社: tg.Yên Lưu,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD 157

Phạm Xá (xã) 范舍社: tg.Thượng Chiểu,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD .. 165

Phạm Xá (xã) 范舍社: tg.Kim Hương,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY 255

Phạm Xá (xã) 范舍社: tg.Thanh Khê,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 317

Phan (thôn) 潘村: x.Cụu Thông Lăng,tg.Thông Lăng,h.Hưng Nguyên,
p.Anh Sơn,t.NA 1242

Phan (thôn) 潘村: x.Phan Xá,tg.Yên Trường,h.Chân Lộc,
p.Anh Sơn,t.NA 1246

Phan (thôn) 潘村: x.Đô Mỹ,tg.Y Đồn,h.Thần Khê,p.Tiên Hưng,t.HY 265

Phan Kiều (xã) 幡橋社: tg.Cự Lâm,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333

Phan Lương (xã) 潘良社: tg.Sơn Bình,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST .. 932

Phan Lương (xã) 潘良社: tg.Át Sơn,h.Sơn Dương,p.Đoàn Hùng,t.ST 959

Phan Xá (xã) 潘舍社: tg.Yên Trường,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246

Phan Xá (tổng) 潘舍總: h.Nghi Xuân,p.Đức Thọ,t.NA 1264

Phan Xá (xã) 潘舍社: tg.Phan Xá,h.Nghi Xuân,p.Đức Thọ,t.NA 1264

Phan Xá (thôn) 潘舍村: x.Phù Viên,tg.Phù Lưu,h.Can Lộc,
p.Đức Thọ,t.NA 1269

Phan Xá (xã) 潘舍社: tg.Xuân Lai,h.Phong Đăng,p.Quảng Ninh,t.QB .. 1347

Phan Xá (xã) 潘舍社: tg.An Dã,h.Đặng Xương,đạo QT 1384

Phan Xá (xã) 潘舍社: tg.Thuỷ Ba,h.Minh Linh,đạo QT 1390

Phan Xá (phường) 潘舍坊: tg.Cam Đường,h.Thành Hoá,đạo QT 1393

Phan Xá (tổng) 潘舍總: h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134

Phan Xá (xã) 潘舍社: tg.Phan Xá,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134

Phan Xá (xã) 潘舍社: tg.Viên Quang,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY 255

Phan Xá (xã) 潘舍社: tg.Hành Thiện,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ .. 304

Phần Long (thôn) 攀龍村: tg.Thuận Bài,h.Bình Chính,
p.Quảng Trạch,t.QB 1353

Phán Thủy (xã) 泮水社: tg.Tạ Xá,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 260

Phao (thôn) 拋村: x.Phù Sa,tg.Vân Trai,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1116

Phao (thôn) 拋村: x.Lục Trúc,tg.Tam Lộng,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1145

Phao Sơn (xã) 拋山社: tg.Cổ Châu,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106

Phao Tân (xã) 拋津社: tg.Cổ Châu,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106

Phao Thanh (tổng) 拋青總: h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948

Phao Thanh (xã) 拋青社: tg.Phao Thanh,h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948

Phao Thanh (tổng) 拋青總: h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN 794

Phao Thanh (xã) 拋青社: tg.Phao Thanh,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN ... 794

Phao Vồng (phường) 拋網坊: tg.Lương Lỗ,h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948

Phao Vồng (xã) 拋網社: tg.Dương Nỗ,h.Phú Vang,p.TT 1420

Pháp Bảo (xã) 法寶社: tg.Kim Lôi,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165

Pháp Cấm (xã) 法禁社: tg.Nhân Mục,h.Vị Xuyên,p.Tương An,t.TQ 874

Pháp Chế (xã) 法制社: tg.Bằng Dã,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 93

Pháp Cổ (xã) 法古社: tg.Thượng Côi,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162

Pháp Kệ (xã) 法偈社: tg.Lũ Đàng,h.Bình Chính,p.Quảng Trạch,t.QB 1353

Pháp Ngữ (xã) 法語社: tg.Vân Lung,h.Thạch Thành,p.Quảng Hóa,t.TH 1135

Pháp Vân (thôn) 法雲村: x.Hoàng Liệt,tg.Thanh Liệt,h.Thanh Trì,
p.Thường Tín,t.HN 19

Phát Diệm (ấp) 發艷邑: tg.Tự Tân,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1033

Phẩm Trật (xã) 品秩社: tg.Quế Trạo,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522

Phần Dương Thượng (thôn) 汾陽上村: tg.Phù Vệ,h.Đường Hào,
p.Bình Giang,t.HD 100

Phần Hà (thôn) 汾河村: tg.Phù Vệ,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100

Phần Lâm (thôn) 汾林村: tg.Phù Vệ,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100

Phần Lộc (xã) 郤鹿社: tg.Bất Náo,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 147

Phần Thạch (xã) 汾石社: tg.Tĩnh Luyện,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 932

Phần Thượng (xã) 汾上社: tg.An Lạc,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124

Phần (thôn) 奮村: x.Hương Phần,tg.Diên Hào,h.Lôi Dương,
p.Thọ Xuân,t.TH 1146

Phần Động (xã) 粉洞社: tg.Phong Xá,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497

Phần Lôi (xã) 奮雷社: tg.Hương Tảo,h.Việt Yên,p.Lạng Giang,t.BN 535

Phần Lôi (phường) 奮雷坊: x.Pần Lôi,tg.Hương Tảo,h.Việt Yên,
p.Lạng Giang,t.BN 535

Phần Mễ (xã) 粉米社: tg.Động Đạt,h.Phú Lương,p.Tông Hóa,t.TN 812

Phần Sơn (xã) 粉山社: tg.Phúc Tăng,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN ... 534

Phần Súc (xã) 粉飭社: tg.Động Đạt,h.Phú Lương,p.Tông Hóa,t.TN 812

Phần Táo (xã) 粉棗社: tg.Tang Giá,h.Quỳnh Côi,pp.Thái Bình,t.NĐ 348

Phần Tinh (xã) 粉井社: tg.Tuần La,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1116

Phần Trì (sở) 粉池所: tg.Phúc Tăng,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 534

Phần Trì (xã) 粉池社: tg.Phúc Tăng,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 534

Phần Vũ (xã) 奮武社: tg.Phương Độ,h.Vĩnh Tuy,p.An Bình,t.TQ 865

Phất Lộc (xã) 弗祿社: tg.Thượng Liệt,h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 339

Phất Mê (xã) 弗迷社: tg.Đồn Độ,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 441

Phất Mê (xã) 弗迷社: tg.Cách Linh,h.Quảng Uyên,p.Trùng Khánh,t.CB .. 675

Phất Náo (xã) 弗撓社: h.Thạch Hà,đạo HT 1322

Phật Tích (xã) 佛跡社: tg.Thụ Phúc,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494

Phi Đan (xã) 披丹社: tg.Y Na,h.Phú Lương,p.Tông Hóa,t.TN 812

Phi Hưu (xã) 丕休社: tg.An Lạc,h.Thành Hoá,đạo QT 1393

Phi Lai (tổng) 飛來總: h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086

Phi Lai (xã) 飛來社: tg.Phi Lai,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086

Phi Lễ (xã) 丕禮社: tg.Trú Hựu,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537

Phi Liệt (xã) 丕烈社: tg.Thượng Côi,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162

Phi Liệt (xã) 丕烈社: tg.Phụng Công,h.Vân Giang,pp.Thuận Thành,t.BN 517

Phi Mô (tổng) 丕謨總: h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN	531	p.Hà Trung,t.TH	1090
Phi Mô (xã) 丕謨社: tg.Phi Mô,h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN	531	Phong Mỹ (thôn) 豐美村: x.Lai Duệ,tg.Thử Cốc,h.Thụy Nguyên,	
Phi Mỹ (xã) 丕美社: tg.Lạc Dương,h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS	602	p.Thiệu Hóa,t.TH	1101
Phi Điển (xã) 肥田社: tg.Niêm Sơn,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN	537	Phong Nấm (thôn) 豐稔村: tg.Xuân Lâm,h.Nam Đường,	
Phí (bản) 費本: tg.Chấp Yết,h.Trình Cốt,t.TH	1152	p.Anh Sơn,t.NA	1236
Phí Gia (tổng) 費家總: h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD	147	Phong Nấm (xã) 豐稔社: tg.Hùng Di,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ	859
Phí Gia (xã) 費家社: tg.Phi Gia,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD	147	Phong Nha (tràng) 峰衙庄: tg.Cao Lao,h.Bố Trạch,	
Phí Trạch (xã) 費澤社: tg.Đạo Tú,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN	26	p.Quảng Trạch,t.QB	1357
Phí Xá (tổng) 費舍總: h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD	95	Phong Niên (xã) 豐年社: tg.Đôn Lương,h.Nghiêu Phong,	
Phí Xá (xã) 費舍社: tg.Phi Xá,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD	95	p.Sơn Định,t.QY	418
Phí Xá (xã) 費舍社: tg.Bảng Quân,h.Cẩm Giang,p.Bình Giang,t.HD	97	Phong Niên (xã) 豐年社: tg.Gia Phú,ch.Thủy Vi,p.Quy Hóa,t.HH	732
Phí Xá (xã) 費舍社: tg.Vụ Nông,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD	158	Phong Nội (xã) 封内社: tg.Phi Gia,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD	147
Phổ Hội (xã) 付會社: tg.An Cự,h.Đảng Xương,đạo QT	1384	Phong Phú (xã) 豐富社: tg.Lạc Thiện,h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB	1040
Phổ Nham (xã) 付岩社: tg.Đại Quan,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY	252	Phong Phú (thôn) 豐富村: tg.Phi Lai,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH	1086
Phong Bái (thôn) 豐沛村: x.Tuần La,tg.Tuần La,h.Ngọc Sơn,		Phong Sơn (xã) 豐山社: tg.Đại Đồng,h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA ...	1236
p.Tĩnh Gia,t.TH	1116	Phong Thái (thôn) 豐泰村: x.Liên Tri,tg.Liên Tri,h.Ngọc Sơn,	
Phong Cầu (xã) 楓棣社: tg.Đại Trà,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD	140	p.Tĩnh Gia,t.TH	1114
Phong Châu (xã) 豐洲社: tg.Phú Xuyên,h.Tiên Phong,p.Quảng Oai,t.ST 909		Phong Thanh (tổng) 風清總: ch.Ninh Biên,p.Điện Biên,t.HH	738
Phong Cốc (xã) 豐穀社: tg.Niêm Sơn,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN ...	537	Phong Thanh (xã) 風清社: tg.Phong Thanh,ch.Ninh Biên,	
Phong Cốc (thôn) 豐穀村: x.Lai Duệ,tg.Thử Cốc,h.Thụy Nguyên,		p.Điện Biên,t.HH	738
p.Thiệu Hóa,t.TH	1101	Phong Thịnh (thôn) 豐盛村: tg.Vũ Lăng,h.Quảng Uyên,	
Phong Cốc (tổng) 豐穀總: h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD	100	p.Trùng Khánh,t.CB	674
Phong Cốc (xã) 豐穀社: tg.Phong Cốc,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100		Phong Thu (tổng) 豐收總: ch.Chiêu Tấn,p.Yên Tây,t.HH	734
Phong Cốc (thôn) 豐穀村: x.Phú Lão,tg.Phú Lão,h.Vụ Bản,		Phong Thu (xã) 豐收社: tg.Phong Thu,ch.Chiêu Tấn,p.Yên Tây,t.HH ...	734
p.Nghĩa Hưng,t.NĐ	319	Phong Vực (xã) 封域社: tg.Điều Lương,h.Cẩm Khê,p.Lâm Thao,t.ST	946
Phong Doanh (huyện) 豐盈縣: pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ	325	Phong Xá (tổng) 豊舍總: h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN	497
Phong Dụ (xã) 豐裕社: tg.Bác Lăng,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY	439	Phong Xá (xã) 豊舍社: tg.Phong Xá,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN	497
Phong Dụ (xã) 豐裕社: tg.Đồng Quang,h.Trấn Yên,p.Quy Hóa,t.HH	727	Phong Ý (xã) 豐懿社: tg.Mông Sơn,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH	1139
Phong Đăng (xã) 豊登社: tg.Đồng Hồ,h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.NĐ ..	339	Phổ (thôn) 鋪村: x.Nga Mi,tg.Đồng Xá,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH	1124
Phong Đăng (huyện) 豊登縣: p.Quảng Ninh,t.QB	1347	Phổ Lại (xã) 普賴社: tg.An Lạc,h.Thành Hoá,đạo QT	1393
Phong Đăng (xã) 豊登社: tg.Lương Điền,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 940		Phổ Lại (phường) 普賴坊: tg.An Lạc,h.Thành Hoá,đạo QT	1393
Phong Điền (huyện) 豊田縣: p.TT	1428	Phổ Lại (xã) 普賴社: tg.Thanh Cấn,h.Quảng Điền,p.TT	1427
Phong Đường (xã) 豊堂社: tg.Hư Tả,h.Thượng Nguyên,		Phổ Lại (xã) 普賴社: tg.Đào Hương,h.Quế Dương,p.Từ Sơn,t.BN	500
p.Xuân Trường,t.NĐ	309	Phổ Lộng (tổng) 普弄總: h.Đa Phúc,p.Đa Phúc,t.BN	521
Phong Hậu (thôn) 豐厚村: tg.Quỳnh Lâm,h.Quỳnh Lưu,		Phổ Lộng (xã) 普弄社: tg.Phổ Lộng,h.Đa Phúc,p.Đa Phúc,t.BN	521
p.Diễn Châu,t.NA	1253	Phổ Lý (xã) 普里社: tg.Huống Thượng,h.Động Hỷ,p.Phú Bình,t.TN	798
Phong Hậu (thôn) 豐厚村: x.Thử Cốc,tg.Thử Cốc,h.Thụy Nguyên,		Phổ Minh (thôn) 普明村: x.Ngoại Can Lộc,tg.Nội Ngoại,h.Can Lộc,	
p.Thiệu Hóa,t.TH	1101	p.Đức Thọ,t.NA	1269
Phong Hậu (thôn) 豐厚村: x.Hải Yến,tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương,		Phổ Trì (xã) 普池社: tg.Dương Nỗ,h.Phú Vang,p.TT	1420
p.Tĩnh Gia,t.TH	1121	Phổ Yên (huyện) 普安縣: p.Phú Bình,t.TN	796
Phong Hậu (thôn) 豐厚村: x.Hoàng Thanh,tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương,		Phổ Cát (xã) 庸葛社: tg.Hòa Luật,h.Thạch Thành,p.Quảng Hóa,t.TH ...	1135
p.Tĩnh Gia,t.TH	1121	Phổ Châu (xã) 浦珠社: x.Lạc Phố,tg.Đỗ Xá,h.Hương Sơn,	
Phong Huân (xã) 風薰社: tg.Định Biên Trung,ch.Định,p.Tông Hóa,t.TN 807		p.Đức Thọ,t.NA	1259
Phong Huân (xã) 風薰社: tg.Quân Nhân,ch.Thường Xuân,		Phổ Đông (thôn) 浦東村: x.Nam Kim Đông,tg.Nam Kim,	
p.Thọ Xuân,t.TH	1147	h.Thanh Chương,p.Anh Sơn,t.NA	1239
Phong Lai (ấp) 豊來邑: tg.Tân Thành,h.Tiến Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ	335	Phổ Lễ (xã) 浦禮社: tg.Phục Lễ,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD	162
Phong Lai (xã) 豊來社: tg.Thanh Cấn,h.Quảng Điền,p.TT	1427	Phổn Mậu (xã) 繁茂社: tg.Chu Túc,h.Văn Quan,p.Tràng Định,t.LS	605
Phong Lâm (xã) 楓林社: tg.Phan Xá,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD	134	Phổn Xương (xã) 蕃昌社: tg.Yên Thế,h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN ..	540
Phong Lộc (huyện) 豐祿縣: p.Quảng Ninh,t.QB	1345	Phu (thôn) 敷村: x.Vĩnh Gia,tg.Lai Triều,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH ...	1124
Phong Lộc (xã) 豊祿社: tg.Đồng Mặc,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ	306	Phu Diễn (xã) 敷演社: tg.Cổ Nhuế,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN	8
Phong Lôi (xã) 風雷社: tg.Đồng Động,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ .	340	Phu Đức (thôn) 孚德村: tg.Thanh Viên,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA ..	1252
Phong Lưu (xã) 風流社: tg.Hà Nam,h.Yên Hưng,p.Sơn Định,t.QY	412	Phu Huệ (phường) 孚惠坊: tg.Canh Hoạch,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA ..	1270
Phong Mỹ (xã) 豐美社: tg.Khoái Lạc,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH	1110	Phu Vinh (ấp) 敷榮邑: tg.Tự Tân,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB	1033
Phong Miêu (xã) 豊苗社: tg.Cát Xuyên,h.Giao Thủy,		Phu Vinh (xã) 敷榮社: tg.Lạc Thiện,h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB	1040
p.Xuân Trường,t.NĐ	304	Phu Vinh (xã) 敷榮社: tg.Minh Lý,h.Phong Lộc,p.Quảng Ninh,t.QB	1345
Phong Mục (tràng) 豐牧庄: tg.Dương Sơn,h.Mỹ Hóa,p.Hà Trung,t.TH .	1093	Phu Vinh (thôn) 敷榮村: h.Cẩm Xuyên,đạo HT	1324
Phong Mỹ (thôn) 豐美村: x.Hữu Vĩnh,tg.Bái Trạch,h.Hoảng Hóa,		Phù An (xã) 扶安社: tg.Dương Nỗ,h.Phú Vang,p.TT	1420

Phù An (xã) 扶安社: tg.Viên Nội,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31	Phù Long (tổng) 扶龍總: h.Hưng Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA 1242
Phù Anh (xã) 芙英社: tg.Kim Hương,h.Phù Cũ,p.Khoái Châu,t.HY 255	Phù Long (xã) 扶龍社: tg.Phù Long,h.Hưng Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA ... 1242
Phù Bài (xã) 符牌社: tg.Lương Văn,h.Hương Thủy,p.TT 1422	Phù Long (xã) 扶隆社: tg.Hà Liên,h.Nghiêu Phong,p.Sơn Định,t.QY 419
Phù Bật (xã) 扶弼社: tg.Phượng Dực,h.Thượng Phúc,p.Thượng Tín,t.HN . 17	Phù Long (tổng) 扶龍總: h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST 913
Phù Cầm (xã) 扶琴社: tg.Dũng Liệt,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497	Phù Long (xã) 扶龍社: tg.Phù Long,h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST 913
Phù Câu (xã) 扶溝社: tg.Vật Lại,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST 911	Phù Lỗ (xã) 扶魯社: tg.Từ Đà,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957
Phù Chấn (tổng) 扶軫總: h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1101	Phù Lỗ (tổng) 扶魯總: h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525
Phù Chấn (xã) 扶軫社: tg.Phù Chấn,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1101	Phù Lỗ (xã) 扶魯社: tg.Phù Lỗ,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525
Phù Chấn (xã) 扶軫社: tg.Thạch Khê,h.Đông Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH ... 1105	Phù Lộc (xã) 扶祿社: tg.Phù Chấn,h.Đông Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 492
Phù Chấn (tổng) 扶軫總: h.Đông Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 492	Phù Lôi (xã) 浮巒社: tg.Thượng Dã,h.Đa Phúc,p.Đa Phúc,t.BN 521
Phù Chấn (xã) 扶軫社: tg.Phù Chấn,h.Đông Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 492	Phù Luân (xã) 扶輪社: tg.Phù Chấn,h.Đông Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 492
Phù Chính (xã) 扶正社: tg.Thuỷ Liên,h.Lệ Thủy,p.Quảng Ninh,t.QB ... 1348	Phù Lương (tổng) 扶良總: h.Võ Giang,p.Từ Sơn,t.BN 501
Phù Chính (xã) 扶正社: tg.Tuân Lộ,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930	Phù Lương (xã) 扶良社: tg.Phù Lương,h.Võ Giang,p.Từ Sơn,t.BN 501
Phù Cốc (xã) 扶穀社: tg.Tuân Lộ,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930	Phù Lưu (xã) 芙蕾社: tg.Đồng Vi,h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.ND 339
Phù Cừ (huyện) 芙蕖縣: p.Khoái Châu,t.HY 255	Phù Lưu (tổng) 芙蕾總: h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269
Phù Cựu (xã) 扶舊社: tg.Văn Hội,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124	Phù Lưu (xã) 芙蕾社: tg.Phù Lưu,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269
Phù Diễn (xã) 扶演社: tg.Cổ Nhuế,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8	Phù Lưu (thôn) 芙蕾村: x.Phù Lưu,tg.Phù Lưu,h.Can Lộc, p.Đức Thọ,t.NA 1269
Phù Dung (ấp) 芙蓉邑: tg.Tám Thanh,h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Phù Lưu (xã) 芙蕾社: tg.Lũ Đãng,h.Bình Chính,p.Quảng Trạch,t.QB 1353
Phù Dực (xã) 扶翊社: tg.Phù Đồng,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494	Phù Lưu (xã) 芙蕾社: tg.Bích La,h.Đãng Xương,đạo QT 1383
Phù Đạm (tổng) 扶淡總: h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38	Phù Lưu (trang) 芙蕾庄: tg.Thượng Bạ,h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH ... 1082
Phù Đạm (xã) 扶淡社: tg.Phù Đạm,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38	Phù Lưu (xã) 芙蕾社: tg.Bút Sơn,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1090
Phù Đề (xã) 芙堤社: tg.Phù Lưu,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38	Phù Lưu (thôn) 芙蕾村: x.Phúc Khê,tg.Tuân Hóa,h.Đông Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1105
Phù Đô (xã) 扶都社: tg.Thần Thượng,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 317	Phù Lưu (xã) 芙蕾社: tg.Quảng Chiểu,h.Đông Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH .. 1106
Phù Đồng (tổng) 扶董總: h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494	Phù Lưu (thôn) 芙蕾村: x.Phù Lưu,tg.Quảng Chiểu,h.Đông Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1106
Phù Đồng (xã) 扶董社: tg.Phù Đồng,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494	Phù Lưu (thôn) 芙蕾村: x.Ngọc Trưởng,tg.Hải Quật,h.Yên Định, p.Thiệu Hóa,t.TH 1110
Phù Đồng (tổng) 扶棟總: h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659	Phù Lưu (xã) 芙蕾社: tg.Cự Lữ,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1139
Phù Đồng (xã) 扶棟社: tg.Phù Đồng,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659	Phù Lưu (thôn) 芙蕾村: x.Trung Vực,tg.Nam Cai,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1144
Phù Đức (xã) 扶德社: tg.Phượng Lâu,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957	Phù Lưu (thôn) 芙蕾村: x.Oanh Cốc,tg.Thượng Cốc,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1145
Phù Ê (xã) 鳧鷖社: tg.Mỹ Liệt,h.Văn Quan,p.Tràng Định,t.LS 605	Phù Lưu (tổng) 芙蕾總: h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38
Phù Gia (xã) 浮嘉社: tg.Huân Phong,h.Văn Quan,p.Tràng Định,t.LS 605	Phù Lưu (xã) 芙蕾社: tg.Phù Lưu,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38
Phù Hiên (xã) 扶軒社: tg.Đại Thán,h.Tây Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 954	Phù Lưu (tổng) 芙蕾總: h.Đông Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 491
Phù Hưng (xã) 扶興社: tg.Trịnh Xá,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109	Phù Lưu (xã) 芙蕾社: tg.Phù Lưu,h.Đông Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 491
Phù Kênh (xã) 鳧涇社: tg.Thuận Lễ,h.Minh Chính,p.Quảng Trạch,t.QB 1356	Phù Lưu (tổng) 芙蕾總: h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144
Phù Khê (xã) 浮溪社: tg.Nghĩa Lập,h.Đông Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 492	Phù Lưu (xã) 芙蕾社: tg.Phù Lưu,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144
Phù Lạc (thôn) 浮落村: tg.Chi Nê,h.Hậu Lộc,p.Hà Trung,t.TH 1097	Phù Lưu (tổng) 芙蕾總: h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162
Phù Lạc (xã) 浮落社: tg.Chi Nê,h.Hậu Lộc,p.Hà Trung,t.TH 1097	Phù Lưu Đông (thôn) 芙蕾東村: x.Hoàng Thanh,tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1121
Phù Lạc (xã) 扶樂社: tg.Đồng Dương,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 28	Phù Lưu Mỹ (thôn) 芙蕾美村: x.Hoàng Thanh,tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1121
Phù Lai (xã) 扶萊社: tg.Cổ Bái,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525	Phù Lưu Ngoại (xã) 芙蕾外社: tg.Phù Lưu,h.Thủy Đường, p.Kinh Môn,t.HD 162
Phù Lãng (xã) 扶朗社: tg.Phù Lương,h.Võ Giang,p.Từ Sơn,t.BN 501	Phù Lưu Nội (xã) 芙蕾內社: tg.Phù Lưu,h.Thủy Đường, p.Kinh Môn,t.HD 162
Phù Lao (xã) 扶牢社: tg.Cự Thắng,h.Thanh Thủy,p.Gia Hưng,t.HH 713	Phù Lưu Tế (tổng) 芙蕾細總: h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN 34
Phù Lão (tổng) 扶老總: h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957	Phù Lưu Tế (xã) 芙蕾細社: tg.Phù Lưu Tế,h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN ... 34
Phù Lão (xã) 扶老社: tg.Phù Lão,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957	Phù Lưu Thượng (xã) 芙蕾上社: tg.Phù Lưu,h.Can Lộc, p.Đức Thọ,t.NA 1269
Phù Lập (xã) 扶立社: tg.Tuân Lộ,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930	Phù Lưu Thượng (tổng) 芙蕾上總: h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN 33
Phù Lập Thượng (thôn) 扶立上村: x.Thụ Phúc,tg.Thụ Phúc, h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494	Phù Lưu Trung (thôn) 芙蕾中村: x.Hoàng Thanh,tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1121
Phù Lập Trung (thôn) 扶立中村: x.Thụ Phúc,tg.Thụ Phúc, h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494	Phù Nam (xã) 扶南社: tg.Phúc Yên,h.Quảng Điện,p.TT 1427
Phù Liễn (xã) 扶輦社: tg.Đa Mai,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 533	
Phù Liễn (xã) 扶輦社: tg.Tĩnh Luyện,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 932	
Phù Liễn (xã) 扶輦社: tg.Túc Duyên,h.Động Hỷ,p.Phú Bình,t.TN 798	
Phù Liễn (xã) 扶輦社: tg.Thạch Khê,h.Đông Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1105	
Phù Liễn (xã) 扶輦社: tg.Vạn Tái,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 110	
Phù Liễn (xã) 扶輦社: tg.Phù Lưu,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144	
Phù Liễn (xã) 扶輦社: tg.Trịnh Xá,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 161	
Phù Liệt (xã) 扶烈社: tg.Phụng Công,h.Văn Giang,pp.Thuận Thành,t.BN 517	
Phù Loan (tổng) 扶鸞總: h.Vị Xuyên,p.Tương An,t.TQ 874	
Phù Loan (xã) 扶鸞社: tg.Phù Loan,h.Vị Xuyên,p.Tương An,t.TQ 874	

Phù Nghĩa (xã) 扶義社: tg.Đông Mặc,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 306

Phù Ngọc (xã) 浮玉社: tg.Điên Hưng,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 311

Phù Nguyên (xã) 扶原社: tg.Phùng Thịnh,h.Thụy Nguyên,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1102

Phù Nguyên (xã) 扶原社: tg.Hòa Luật,h.Thạch Thành,
p.Quảng Hóa,t.TH 1135

Phù Nham (tổng) 扶岩總: h.Văn Chấn,p.Quy Hóa,t.HH 725

Phù Nham (xã) 扶岩社: tg.Phù Nham,h.Văn Chấn,p.Quy Hóa,t.HH 725

Phù Ninh (thôn) 扶寧村: tg.Lũ Đàng,h.Bình Chính,
p.Quảng Trạch,t.QB 1353

Phù Ninh (huyện) 扶寧縣: p.Đoan Hùng,t.ST 957

Phù Ninh (xã) 扶寧社: tg.Tử Đà,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957

Phù Ninh (tổng) 扶寧總: h.Phong Điền,p.TT 1428

Phù Ninh (xã) 扶寧社: tg.Phù Ninh,h.Phong Điền,p.TT 1428

Phù Ninh (xã) 扶寧社: tg.Hạ Dương,h.Đồng Ngạc,p.Từ Sơn,t.BN 491

Phù Nội (tổng) 扶內總: h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95

Phù Nội (xã) 扶內社: tg.Phù Nội,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95

Phù Phong (xã) 扶風社: tg.Cao Xá,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944

Phù Quang (xã) 扶光社: tg.Từ Minh,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1089

Phù Sa (xã) 浮沙社: tg.Thần Phù,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025

Phù Sa (tổng) 浮沙總: h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST 913

Phù Sa (xã) 浮沙社: tg.Phù Sa,h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST 913

Phù Sa (xã) 浮沙社: tg.Vân Trai,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1116

Phù Sa (xã) 浮沙社: tg.Đại Quan,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 252

Phù Sa (xã) 浮沙社: tg.Phương Trà,h.Tiên Lữ,p.Tiên Hưng,t.HY 272

Phù Sa (xã) 浮沙社: tg.Hải Lăng,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316

Phù Sơn (xã) 芙山社: tg.Phù Lưu,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38

Phù Tái (xã) 扶載社: tg.Yên Đổ,h.Bình Lục,p.Lý Nhân,t.HN 43

Phù Tái (xã) 扶載社: tg.Văn Hội,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124

Phù Tái (tổng) 扶載總: h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 147

Phù Tái (xã) 扶載社: tg.Phù Tái,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 147

Phù Tang (xã) 扶桑社: tg.Phù Đồng,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659

Phù Tảo (xã) 扶早社: tg.Phù Chấn,h.Đồng Ngạc,p.Từ Sơn,t.BN 492

Phù Than (xã) 浮灘社: tg.Vạn Tư,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509

Phù Tinh (xã) 扶星社: tg.Lập Lễ,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113

Phù Tôn (ấp) 芙尊邑: tg.Tầm Thanh,h.Thành Hoá,đạo QT 1394

Phù Trạch (xã) 扶宅社: tg.Thuận Thị,h.Minh Chính,
p.Quảng Trạch,t.QB 1355

Phù Trạch (tổng) 扶宅總: h.Phong Điền,p.TT 1428

Phù Trạch (xã) 扶宅社: tg.Phù Trạch,h.Phong Điền,p.TT 1428

Phù Trì (xã) 扶持社: tg.Lâu Thượng,h.Vũ Nhai,p.Phù Bình,t.TN 803

Phù Trì (xã) 扶持社: tg.Đa Thượng,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525

Phù Trung (xã) 浮中社: tg.Thượng Hội,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 9

Phù Ủng (xã) 扶擁社: tg.Chiêu Lai,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100

Phù Vệ (xã) 扶衛社: tg.Yên Lạc,h.Phụng Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1037

Phù Vệ (tổng) 扶衛總: h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100

Phù Viên (xã) 芙園社: tg.Phù Lưu,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269

Phù Viên (xã) 符園社: tg.Quyển Sơn,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38

Phù Việt (xã) 扶越社: h.Thạch Hà,đạo HT 1321

Phù Xá (thôn) 扶舍村: x.Phù Long,tg.Phù Long,h.Hưng Nguyên,
p.Anh Sơn,t.NA 1242

Phù Xá (xã) 符舍社: tg.Phù Lỗ,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525

Phù Yên (xã) 扶安社: tg.Yên Kiện,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926

Phù Yên (xã) 扶安社: tg.Dũng Liệt,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497

Phù Yên (châu) 扶安州: p.Gia Hưng,t.HH 716

Phủ (thôn) 府村: x.Vĩnh Sơn,t.HN 38

Phủ Điển (xã) 甫田社: tg.Đồng Bạng,h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1082

Phủ Điển (xã) 甫田社: tg.Như Thức,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 307

Phủ Lý (xã) 甫里社: tg.Động Đạt,h.Phú Lương,p.Tông Hóa,t.TN 812

Phủ Lý (xã) 甫里社: tg.Vạn Quy,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1105

Phủ Trính (ấp) 府貞邑: tg.A Nhì,h.Thành Hoá,đạo QT 1394

Phủ Từ (thôn) 府詞村: tg.Đồng Xuân,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 11

Phủ Võng (phường) 俯網坊: tg.Yên Đăng,h.Yên Khánh,
p.Yên Khánh,t.NB 1020

Phủ Xá (thôn) 甫舍村: x.Xích Hạch,tg.Quang Chiếu,h.Đồng Sơn,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1105

Phủ Yên (xã) 撫安社: tg.Nghĩa Yên,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930

Phủ Yên (trại) 甫安寨: tg.Gia Phú,ch.Thủy Vi,p.Quy Hóa,t.HH 732

Phú (thôn) 富村: tg.Thổ Hoàng,h.Ân Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256

Phú (thôn) 富村: x.Phú Lão,tg.Phú Lão,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319

Phú Áng (xã) 富盎社: tg.An Đôn,h.Đàng Xương,đạo QT 1384

Phú Ân (phường) 富殷坊: tg.Bái Ân,h.Thành Hoá,đạo QT 1393

Phú Ân (lỵ) 富殷里: tg.Cát Xuyên,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304

Phú Ân (xã) 富殷社: tg.Thịnh Quang,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ ... 332

Phú Bác (xã) 賦博社: tg.Suất Tĩnh,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 664

Phú Bản (thôn) 富本村: x.Vạn Thiện,tg.Vạn Thiện,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

Phú Bật (thôn) 富弼村: x.Quảng Chiếu,tg.Quang Chiếu,h.Đồng Sơn,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1105

Phú Bình (phường) 富平坊: tg.Hành Phố,h.Phong Đăng,
p.Quảng Ninh,t.QB 1347

Phú Bình (phủ) 富平府: t.TN 791

Phú Bồn (xã) 覆盆社: tg.Tầm Linh,h.Thành Hoá,đạo QT 1394

Phú Chằm (xã) 富枕社: tg.La Miết,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1126

Phú Châu (tổng) 富洲總: h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST 913

Phú Châu (xã) 富洲社: tg.Phú Châu,h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST 913

Phú Chử (xã) 富渚社: tg.Bồng Điền,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333

Phú Cốc (xã) 富穀社: tg.Tân Chi,h.Vũ Nhai,p.Phù Bình,t.TN 803

Phú Cốc (thôn) 富穀村: x.Bổ Vệ,tg.Bổ Đức,h.Đồng Sơn,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1104

Phú Cốc (xã) 富穀社: tg.Trạc Nhặt,h.Thạch Thành,p.Quảng Hóa,t.TH . 1135

Phú Cốc (xã) 富穀社: tg.Hà Hồi,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN 17

Phú Cốc (xã) 富穀社: tg.Đồng Thủy,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45

Phú Cốc (xã) 富穀社: tg.Đặng Xá,h.Ân Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256

Phú Cốc (xã) 富穀社: tg.Tạ Xá,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 260

Phú Cốc (xã) 富穀社: tg.Trình Xuyên,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319

Phú Cốc (xã) 富穀社: tg.Đa Cốc,h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ 330

Phú Cường (ấp) 富強邑: tg.An Cư,h.Phú Lộc,p.TT 1424

Phú Cường (xã) 富彊社: tg.Văn Lang,h.Tam Nông,p.Gia Hưng,t.HH 709

Phú Dã (xã) 富野社: tg.Đa Mai,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 533

Phú Diễn (xã) 富演社: tg.Cổ Nhuế,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8

Phú Diễn (thôn) 富衍村: tg.Tả Thanh Oai,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN ... 28

Phú Duyệt (xã) 富悅社: tg.Đỗ Chử,h.Kỳ Anh,đạo HT 1326

Phú Dư (thôn) 富餘村: x.Hữu Vĩnh,tg.Phù Lưu Thượng,h.Hoài An,
p.Ứng Hòa,t.HN 34

Phú Dư (xã) 富祿社: tg.Quỳnh Bội,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509

Phú Dương (tràng) 富陽庄: tg.Trung Bạng,h.Tống Sơn,
p.Hà Trung,t.TH 1083

Phú Đa (xã) 富多社: tg.Phú Hậu,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA 1252

Phú Đa (xã) 富多社: tg.Tang Thác,h.Tiên Phong,p.Quảng Oai,t.ST 909

Phú Đa (thôn) 富多村: tg.Sơn Đồng,h.Đan Phượng,p.Quốc Oai,t.ST 922

Phú Đa (thôn) 富多村: x.Văn Phương,tg.Văn Trường,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1117

Phú Đa (thôn) 富多村: x.Quang Tiến,tg.Thái Lai,h.Quảng Xương,

p. Tỉnh Gia, t. TH 1121

Phú Đa (thôn) 富多村: x. Bạch Liên, tg. Lạc Thiện, h. Nông Cống,
p. Tỉnh Gia, t. TH 1125

Phú Đa (xã) 富多社: tg. Công Xá, h. Nam Xương, p. Lý Nhân, t. HN 44

Phú Đa (xã) 富多社: tg. Lý Đổ, h. Đường An, p. Bình Giang, t. HD 93

Phú Đa (xã) 富多社: tg. Yên Nhân, h. Đường Hào, p. Bình Giang, t. HD 100

Phú Đa Đoài (thôn) 富多兑村: x. Lưu Vệ, tg. Lưu Vệ, h. Quảng Xương,
p. Tỉnh Gia, t. TH 1121

Phú Đa Đông (thôn) 富多東村: x. Lưu Vệ, tg. Lưu Vệ, h. Quảng Xương,
p. Tỉnh Gia, t. TH 1121

Phú Đa Hậu (thôn) 富多後村: x. Can Trúc, tg. Văn Trường, h. Ngọc Sơn,
p. Tỉnh Gia, t. TH 1117

Phú Đa Tiến (thôn) 富多前村: x. Can Trúc, tg. Văn Trường, h. Ngọc Sơn,
p. Tỉnh Gia, t. TH 1117

Phú Đăng (thôn) 富登村: x. Mỹ Dụ, tg. Đồ Yên, h. Hưng Nguyên,
p. Anh Sơn, t. NA 1242

Phú Đăng (xã) 富登社: tg. Đường An, h. Đường An, p. Bình Giang, t. HD 92

Phú Diển (xã) 富田社: tg. Văn Viên, h. Hưng Nguyên, p. Anh Sơn, t. NA 1242

Phú Diển (xã) 富田社: tg. Đại Lý, h. Mỹ Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1094

Phú Diển (thôn) 富田村: tg. Tả Thanh Oai, h. Thanh Oai, p. Ứng Hòa, t. HN .. 28

Phú Diển (trang) 富田庄: tg. Hoàng Nông, h. Thần Khê, p. Tiên Hưng, t. HY 265

Phú Diển (xã) 富田社: tg. Bằng Mạc, ch. Ôn, p. Tráng Khánh, t. LS 616

Phú Đô (xã) 富都社: tg. Sơn Cẩm, h. Phú Lương, p. Tông Hòa, t. TN 812

Phú Đồi (xã) 富堆社: tg. Lương Xá, h. Phú Xuyên, p. Thường Tín, t. HN 22

Phú Đồi (xã) 富堆社: tg. Trinch Tiết, h. Hoài An, p. Ứng Hòa, t. HN 34

Phú Động (xã) 富洞社: tg. Hoàng Cương, h. Thanh Ba, p. Lâm Thao, t. ST . 948

Phú Đường (xã) 富堂社: tg. Thủy Nhai, h. Giao Thủy,
p. Xuân Trường, t. ND 304

Phú Gia (xã) 富嘉社: tg. Phương Diên, h. Hương Khê, p. Đức Thọ, t. NA 1261

Phú Gia (xã) 富家社: tg. Đa Giá, h. Gia Viễn, p. Yên Khánh, t. NB 1028

Phú Gia (xã) 富家社: tg. Dương Sơn, h. Mỹ Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1093

Phú Gia (ấp) 富家邑: tg. An Cự, h. Phú Lộc, p. TT 1424

Phú Gia (tổng) 富家總: h. Từ Liêm, p. Hoài Đức, t. HN 8

Phú Gia (xã) 富家社: tg. Phú Gia, h. Từ Liêm, p. Hoài Đức, t. HN 8

Phú Giang (thôn) 富江村: tg. Tam Đăng, h. Nghi Xuân, p. Đức Thọ, t. NA . 1265

Phú Hà (tổng) 富河總: h. Thụy Nguyên, p. Thiệu Hóa, t. TH 1101

Phú Hà (xã) 富河社: tg. Phú Hà, h. Thụy Nguyên, p. Thiệu Hóa, t. TH 1101

Phú Hà (xã) 富河社: tg. Hà Lão, h. Hưng Nhân, p. Tiên Hưng, t. HY 268

Phú Hải (xã) 富海社: tg. An Nhân, h. Hải Lăng, đạo QT 1385

Phú Hải (ấp) 富海邑: tg. An Cự, h. Phú Lộc, p. TT 1424

Phú Hạng (xã) 富巷社: tg. Bất Lạm, h. Yên Sơn, p. Quốc Oai, t. ST 920

Phú Hào (xã) 富豪社: tg. Bất Náo, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1145

Phú Hào (xã) 富豪社: tg. Bách Tính, h. Thượng Nguyên,
p. Xuân Trường, t. ND 308

Phú Hậu (tổng) 富厚總: h. Quỳnh Lưu, p. Diễn Châu, t. NA 1252

Phú Hậu (xã) 富厚社: tg. Phú Hậu, h. Quỳnh Lưu, p. Diễn Châu, t. NA 1252

Phú Hậu (xã) 富厚社: tg. Bồng Hải, h. Yên Khánh, p. Yên Khánh, t. NB 1021

Phú Hậu (xã) 富厚社: tg. Lạc Đạo, h. Lạc Yên, p. Nho Quan, t. NB 1040

Phú Hậu (phường) 富厚坊: tg. An Lạc, h. Thành Hoá, đạo QT 1393

Phú Hậu (xã) 富厚社: tg. Đông Mật, h. Lập Thạch, p. Vĩnh Tường, t. ST 932

Phú Hậu (xã) 富厚社: tg. Thử Cốc, h. Thụy Nguyên, p. Thiệu Hóa, t. TH 1102

Phú Hoà (xã) 富和社: tg. Mỹ Lộc, h. Phong Đăng, p. Quảng Ninh, t. QB 1347

Phú Hoàn (xã) 富完社: tg. Lam Cầu, h. Duy Tiên, p. Lý Nhân, t. HN 37

Phú Hộ (thôn) 富户村: x. Hòa Lương, tg. Văn Trinch, h. Hưng Nguyên,
p. Anh Sơn, t. NA 1243

Phú Hội (phường) 富會坊: tg. Vũ Xá, h. Phong Lộc, p. Quảng Ninh, t. QB .. 1345

Phú Hữu (tổng) 富有總: h. Tùng Thiện, p. Quảng Oai, t. ST 911

Phú Hữu (xã) 富有社: tg. Phú Hữu, h. Tùng Thiện, p. Quảng Oai, t. ST 911

Phú Hữu (xã) 富有社: tg. Viên Nội, h. Chương Đức, p. Ứng Hòa, t. HN 31

Phú Ích (xã) 富益社: tg. Thượng Xá, h. Chân Lộc, p. Anh Sơn, t. NA 1246

Phú Ích (xã) 富益社: tg. Vũ Điện, h. Nam Xương, p. Lý Nhân, t. HN 45

Phú Kê (tổng) 富雞總: h. Tiên Minh, p. Nam Sách, t. HD 116

Phú Kê (xã) 富雞社: tg. Phú Kê, h. Tiên Minh, p. Nam Sách, t. HD 116

Phú Kênh (xã) 富涇社: tg. Cao Lao, h. Bồ Trạch, p. Quảng Trạch, t. QB 1357

Phú Kênh (xã) 富涇社: tg. An Nhân, h. Hải Lăng, đạo QT 1385

Phú Khê (xã) 富溪社: tg. Quế Nham, h. Yên Thế, pp. Lạng Giang, t. BN 540

Phú Khê (tổng) 富溪總: h. Cẩm Khê, p. Lâm Thao, t. ST 946

Phú Khê (xã) 富溪社: tg. Phú Khê, h. Cẩm Khê, p. Lâm Thao, t. ST 946

Phú Khê (xã) 富溪社: tg. Dương Thủy, h. Mỹ Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1094

Phú Khê (xã) 富溪社: tg. Dương Nỗ, h. Phú Vang, p. TT 1420

Phú Khê (xã) 富溪社: tg. Đại Quan, h. Đông Yên, p. Khoái Châu, t. HY 252

Phú Khê (tổng) 富溪總: h. Thần Khê, p. Tiên Hưng, t. HY 265

Phú Khê (xã) 富溪社: tg. Phú Khê, h. Thần Khê, p. Tiên Hưng, t. HY 265

Phú Khê (xã) 富溪社: tg. Quan Bế, h. Hưng Nhân, p. Tiên Hưng, t. HY 268

Phú Khê (tổng) 富溪總: h. Y Yên, pp. Nghĩa Hưng, t. ND 323

Phú Khê (xã) 富溪社: tg. Phú Khê, h. Y Yên, pp. Nghĩa Hưng, t. ND 323

Phú Khê (xã) 富溪社: tg. Hưng Xá, h. Phong Doanh, pp. Nghĩa Hưng, t. ND 326

Phú Khố (xã) 富庫社: tg. Văn Luận, h. Phụng Hoá, p. Nho Quan, t. NB 1038

Phú Khuân (xã) 富圉社: tg. Khuynh Quý, ch. Định, p. Tông Hòa, t. TN 807

Phú Kỳ (xã) 富期社: tg. Mỹ Lộc, h. Phong Đăng, p. Quảng Ninh, t. QB 1347

Phú Kỳ (thôn) 富奇村: x. Đại Trung, tg. Bái Trạch, h. Hoằng Hóa,
p. Hà Trung, t. TH 1090

Phú La (xã) 富羅社: tg. Tiên Sơn, h. Đại Từ, p. Tông Hóa, t. TN 810

Phú La (xã) 富羅社: tg. Hà Nhuận, h. Kim Thành, p. Kiến Thụy, t. HD 148

Phú La (xã) 富羅社: tg. Yên Lạc, h. Thần Khê, p. Tiên Hưng, t. HY 265

Phú Lạc (xã) 富樂社: tg. Trương Xá, h. Cẩm Khê, p. Lâm Thao, t. ST 947

Phú Lạc (thôn) 富樂村: x. Phương Lai, tg. Trì Lai, h. Vũ Tiên,
p. Kiến Xương, t. ND 329

Phú Lai (xã) 富萊社: tg. Lăng Phong, h. Phụng Hoá, p. Nho Quan, t. NB 1037

Phú Lai (xã) 富來社: tg. Mật Vật, h. Thụy Nguyên, p. Thiệu Hóa, t. TH 1101

Phú Lai (xã) 福來社: tg. Xuân Lai, h. Gia Bình, p. Thuận Thành, t. BN 509

Phú Lãm (xã) 富攬社: tg. Tam Di, h. Bảo Lộc, p. Lạng Giang, t. BN 531

Phú Lãng (thôn) 富朗村: x. Đồ Kỳ, tg. Y Đốn, h. Thần Khê,
p. Tiên Hưng, t. HY 265

Phú Lão (xã) 富老社: tg. Trì Nhị, h. Quế Dương, p. Từ Sơn, t. BN 500

Phú Lão (tổng) 富老總: h. Vụ Bản, p. Nghĩa Hưng, t. ND 319

Phú Lão (xã) 富老社: tg. Phú Lão, h. Vụ Bản, p. Nghĩa Hưng, t. ND 319

Phú Lâm (thôn) 富林村: tg. Yên Trường, h. Thụy Nguyên,
p. Thiệu Hóa, t. TH 1101

Phú Lâm (xã) 富林社: tg. Quảng Thi, h. Thụy Nguyên, p. Thiệu Hóa, t. TH . 1102

Phú Lâm (xã) 富林社: tg. Đại Bối, h. Đông Sơn, p. Thiệu Hóa, t. TH 1105

Phú Lâm (xã) 富林社: tg. Bình Bút, h. Vĩnh Lộc, p. Quảng Hóa, t. TH 1131

Phú Lãm (xã) 富廩社: tg. Lạc Thiện, h. Lạc Yên, p. Nho Quan, t. NB 1040

Phú Lãm (thôn) 富廩村: x. Văn Phương, tg. Văn Trường, h. Ngọc Sơn,
p. Tỉnh Gia, t. TH 1117

Phú Lập (thôn) 富立村: x. Hàm Lâm, tg. Bích Triều, h. Thanh Chương,
p. Anh Sơn, t. NA 1238

Phú Lâu (xã) 富樓社: tg. Lương Xá, h. Lương Tài, p. Thuận Thành, t. BN 511

Phú Lễ (xã) 富禮社: tg. Khê Kiều, h. Thư Trì, p. Kiến Xương, t. ND 333

Phú Lễ (thôn) 富禮村: tg. Hoàn Phúc, h. Bồ Trạch, p. Quảng Trạch, t. QB .. 1357

Phú Lễ (xã) 富禮社: tg. An Đôn, h. Đăng Xương, đạo QT 1384

Phú Lễ (thôn) 富禮村: x. Phương Lịch, tg. Bái Trạch, h. Hoằng Hóa,
p. Hà Trung, t. TH 1090

Phú Lễ (xã) 富禮社: tg. Phú Lệ, ch. Quan Hóa, p. Quảng Hóa, t. TH 1137

Phú Lễ (xã) 富禮社: tg.Hạ Lang,h.Quảng Điện,p.TT.....	1427
Phú Lễ (thôn) 富禮村: x.Đô Kỳ,tg.Y Đồn,h.Thần Khê,p.Tiên Hưng,t.HY ..	265
Phú Lễ (ấp) 富禮邑: tg.Quần Anh,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ	313
Phú Lệ (tổng) 富麗總: ch.Quan Hóa,p.Quảng Hóa,t.TH	1137
Phú Lệ (xã) 富麗社: tg.Phú Lệ,ch.Quan Hóa,p.Quảng Hóa,t.TH	1137
Phú Liễm (xã) 富斂社: tg.Thượng Cốc,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH ...	1145
Phú Liêu (xã) 富寮社: tg.An Cự,h.Đảng Xương,đạo QT	1384
Phú Linh (tổng) 富靈總: h.Vị Xuyên,p.Tương An,t.TQ	874
Phú Linh (xã) 富靈社: tg.Phú Linh,h.Vị Xuyên,p.Tương An,t.TQ	874
Phú Long (thôn) 富隆村: tg.Phú Hậu,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA ..	1252
Phú Long (thôn) 富隆村: x.Thạch Nội,tg.Văn Trường,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH	1117
Phú Lộc (xã) 富祿社: tg.Thạch Bàn,h.Phong Đăng,p.Quảng Ninh,t.QB	1347
Phú Lộc (thôn) 富祿村: tg.Thuận Hoà,h.Bình Chính, p.Quảng Trạch,t.QB	1353
Phú Lộc (xã) 富祿社: tg.Kim Đà,h.Yên Lãng,pp.Vinh Tường,t.ST	938
Phú Lộc (xã) 富祿社: tg.Hạ Hoàng,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST	957
Phú Lộc (xã) 富祿社: tg.Phù Chấn,h.Thuy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH ...	1101
Phú Lộc (xã) 富祿社: tg.Trường Cát,h.Quảng Tế,p.Quảng Hóa,t.TH ...	1134
Phú Lộc (huyện) 富祿縣: p.TT.....	1423
Phú Lộc (xã) 富祿社: tg.Văn Thái,h.Cẩm Giang,p.Bình Giang,t.HD	98
Phú Lộng (thôn) 富弄村: x.Nguyệt Ánh,tg.Kiên Thạch,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH	1144
Phú Lư (xã) 富閭社: tg.Vũ Điện,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN	45
Phú Lương (thôn) 富良村: tg.Phú Hậu,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA	1252
Phú Lương (huyện) 富良縣: p.Tông Hóa,t.TN	812
Phú Lương (xã) 富良社: tg.Liên Cừ,h.Hậu Lộc,p.Hà Trung,t.TH	1097
Phú Lương (xã) 富良社: tg.An Thành,h.Quảng Điện,p.TT	1427
Phú Lương (xã) 富良社: tg.Xà Cẩu,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN	26
Phú Lương (xã) 富良社: tg.Vũ La,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD	111
Phú Mại (xã) 富邁社: tg.Tư Mại,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN	533
Phú Mãn (xã) 富滿社: tg.Đã Cát,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST	926
Phú Mãn (xã) 富滿社: tg.Ba Đồng,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY	255
Phú Mãn (xã) 富滿社: tg.Nội Lãng,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ	333
Phú Mẫn (thôn) 富敏村: x.Nội Trà,tg.Nội Trà,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN	497
Phú Mỹ (xã) 富米總: h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD	95
Phú Mỹ (xã) 富米社: tg.Phú Mỹ,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD	95
Phú Mỹ (xã) 富美社: tg.Quỳnh Lâm,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA ...	1253
Phú Minh (xã) 富明社: tg.Phú Hậu,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA ...	1252
Phú Minh Hạ (xã) 富明下社: tg.Phú Minh Thượng,h.Đại Từ, p.Tông Hóa,t.TN	811
Phú Minh Thượng (tổng) 富明上總: h.Đại Từ,p.Tông Hóa,t.TN	811
Phú Minh Thượng (xã) 富明上社: tg.Phú Minh Thượng,h.Đại Từ, p.Tông Hóa,t.TN	811
Phú Môn (xã) 富門社: tg.Phú Ổ,h.Quảng Tế,p.Quảng Hóa,t.TH	1134
Phú Môn (xã) 富門社: tg.Cự Lữ,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH	1139
Phú Môn (xã) 富門社: tg.An Nông,h.Phú Lộc,p.TT.....	1423
Phú Mỹ (xã) 富美社: tg.Lịch Dương,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB ...	1021
Phú Mỹ (xã) 富美社: tg.Vô Hốt,h.Yên Hoá,p.Nho Quan,t.NB	1042
Phú Mỹ (phường) 富美坊: tg.Vũ Xá,h.Phong Lộc,p.Quảng Ninh,t.QB ...	1345
Phú Mỹ (xã) 富美社: tg.Cao Lao,h.Bố Trạch,p.Quảng Trạch,t.QB	1357
Phú Mỹ (xã) 富美社: tg.Hồ Xá,h.Minh Linh,đạo QT	1390
Phú Mỹ (thôn) 富美村: tg.Thạch Thán,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST	920
Phú Mỹ (xã) 富美社: tg.Yên Lãng,h.Yên Lãng,pp.Vinh Tường,t.ST	938
Phú Mỹ (xã) 富美社: tg.Phao Thanh,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN	794
Phú Mỹ (ấp) 富美邑: tg.An Nông,h.Phú Lộc,p.TT	1423
Phú Mỹ (xã) 富美社: tg.Đình Tổ,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN	506
Phú Mỹ (xã) 富美社: tg.Hương Canh,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN	8
Phú Mỹ (xã) 富美社: tg.Mỹ Lâm,h.Phù Xuyên,p.Thường Tín,t.HN	22
Phú Mỹ (xã) 富美社: tg.Viên Quang,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY	255
Phú Mỹ (thôn) 富美村: x.Đô Kỳ,tg.Y Đồn,h.Thần Khê,p.Tiên Hưng,t.HY ..	265
Phú Mỹ (xã) 富美社: tg.Mỹ Liet,h.Văn Quan,p.Tràng Định,t.LS	605
Phú Mỹ (xã) 富美社: tg.Thịnh Quang,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ ...	332
Phú Nam (xã) 富男社: tg.Phú Lệ,ch.Quan Hóa,p.Quảng Hóa,t.TH	1137
Phú Nam (xã) 富南社: tg.Yên Phú,h.Vĩnh Điện,p.Tương An,t.TQ	871
Phú Nắm (thôn) 富稔村: x.Thạch Ngoại,tg.Văn Trường,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH	1117
Phú Ngạn (xã) 富岸社: tg.Cam Đường,h.Thành Hoá,đạo QT	1393
Phú Ngạn (xã) 富岸社: tg.An Thành,h.Quảng Điện,p.TT.....	1427
Phú Nghĩa (xã) 富義社: tg.Phú Hậu,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA ...	1252
Phú Nghĩa (xã) 富義社: tg.Phú Hữu,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST	911
Phú Nghĩa (trang) 富義庄: tg.Vị Xuyên,h.Văn Lãng,p.Tông Hóa,t.TN	809
Phú Nghiêm (xã) 富嚴社: tg.Phú Lệ,ch.Quan Hóa,p.Quảng Hóa,t.TH .	1137
Phú Nguyên (thôn) 富原村: x.Biện Trạch,tg.Nam Cai,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH	1145
Phú Ngữ (xã) 富围社: tg.Khuynh Quý,ch.Định,p.Tông Hóa,t.TN	807
Phú Nha (xã) 富衙社: tg.Thượng Hộ,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ	333
Phú Nhai (xã) 富涯社: tg.Thủy Nhai,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ ...	304
Phú Nham (xã) 富岩社: tg.Nghĩa Khê,h.Hùng Quan,p.Đoan Hùng,t.ST .	955
Phú Nham (xã) 富岩社: tg.Hạ Hoàng,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST	957
Phú Nham (thôn) 富巖村: x.Như Luyện,tg.Phí Lai,h.Nga Sơn, p.Hà Trung,t.TH	1086
Phú Nhi (xã) 富兒社: tg.Cam Giá Thịnh,h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST ..	913
Phú Nhiều (xã) 富饒社: tg.Kê Thượng,h.Bất Bạt,p.Quảng Oai,t.ST	915
Phú Nhiều (xã) 富饒社: tg.Gia Mông,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST ...	959
Phú Nhuận (ấp) 富潤邑: tg.Tân Định,h.Tiến Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ	335
Phú Nhuận (thôn) 富潤村: tg.Đặng Sơn,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA	1235
Phú Nhuận (thôn) 富潤村: tg.Lâm Thịnh,h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA	1236
Phú Nhuận (xã) 富潤社: tg.Bản Động,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN ...	537
Phú Nhuận (phường) 富潤坊: tg.Vũ Xá,h.Phong Lộc, p.Quảng Ninh,t.QB	1345
Phú Nhuận (trang) 富潤庄: x.Yên Thái,tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH	1115
Phú Nhuận (xã) 富潤社: tg.Chu Túc,h.Văn Quan,p.Tràng Định,t.LS	605
Phú Ninh (xã) 富寧社: tg.Minh Lý,h.Phong Lộc,p.Quảng Ninh,t.QB	1345
Phú Ninh (xã) 富寧社: tg.Dương Thủy,h.Mỹ Hóa,p.Hà Trung,t.TH	1094
Phú Ninh (thôn) 富寧村: x.Ngọc Trưởng,tg.Hải Quật,h.Yên Định, p.Thiệu Hóa,t.TH	1110
Phú Ninh (xã) 富寧社: tg.Tam Á,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN	506
Phú Ninh (xã) 富寧社: tg.Mê Sơn,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD	165
Phú Nội (xã) 富內社: tg.Phí Gia,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD	147
Phú Nội (thôn) 富內村: x.Liên Xương,tg.Phú Lão,h.Vụ Bản, p.Nghĩa Hưng,t.NĐ	319
Phú Nội (thôn) 富內村: tg.Hung Xá,h.Phong Doanh,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ	326
Phú Nông (thôn) 富農村: tg.Đồng Vệ,h.Bạch Hạc,p.Vinh Tường,t.ST	930
Phú Nông (xã) 富農社: tg.Minh Nông,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST	957
Phú Nông (xã) 富農社: tg.Chính Lộc,h.Phong Điện,p.TT	1428
Phú Nông (trang) 富農庄: tg.Hoàng Nông,h.Thần Khê,p.Tiên Hưng,t.HY	265
Phú Nông (xã) 富農社: tg.Canh Nông,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY	267
Phú Nương (xã) 富娘社: tg.Hương Vĩ,h.Hữu Lũng,pp.Lạng Giang,t.BN .	541
Phú Ổ (xã) 富塢社: tg.Thạch Xá,h.Thạch Thất,p.Quốc Oai,t.ST	924
Phú Ổ (tổng) 富塢總: h.Quảng Tế,p.Quảng Hóa,t.TH	1134
Phú Ổ (xã) 富塢社: tg.Phú Ổ,h.Quảng Tế,p.Quảng Hóa,t.TH	1134
Phú Ốc (trại) 富屋寨: tg.Quỳnh Lưu,h.Phụng Hoá,p.Nho Quan,t.NB	1038

Phú Ốc (<i>phường</i>) 富屋坊: tg. Bái Ân, h. Thành Hoá, đạo QT 1393	Phú Trang (<i>xã</i>) 富粧社: tg. Cổ Đạm, h. Nghi Xuân, p. Đức Thọ, t.NA 1265
Phú Ốc (<i>tổng</i>) 富屋總: h. Hương Trà, p. TT 1418	Phú Trang (<i>xã</i>) 富莊社: tg. Yên Trang, h. Lương Tài, p. Thuận Thành, t.BN 512
Phú Ốc (<i>xã</i>) 富屋社: tg. Phú Ốc, h. Hương Trà, p. TT 1418	Phú Triều (<i>thôn</i>) 富朝村: x. Thạch Nội, tg. Văn Trường, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1117
Phú Ốc (<i>xã</i>) 富沃社: tg. Như Thức, h. Mỹ Lộc, p. Xuân Trường, t. ND 307	Phú Triều (<i>xã</i>) 富朝社: tg. Bao Trung, h. Gia Lộc, p. Ninh Giang, t. HD 130
Phú Phong (<i>giáp</i>) 富豐甲: tg. Phú Hậu, h. Quỳnh Lưu, p. Diễn Châu, t. NA 1252	Phú Trường (<i>phường</i>) 富長坊: tg. Hồ Xá, h. Minh Linh, đạo QT 1390
Phú Phong (<i>xã</i>) 富豐社: tg. Hương Nha, h. Yên Lạc, pp. Vĩnh Tường, t. ST .. 941	Phú Túc (<i>xã</i>) 富足社: tg. Phương Dục, h. Thượng Phúc, p. Thường Tín, t. HN 17
Phú Quân (<i>xã</i>) 富均社: tg. Bằng Quận, h. Cẩm Giàng, p. Bình Giang, t. HD .. 97	Phú Uyên (<i>xã</i>) 富淵社: tg. Thần Hưởng, h. Thanh Quan, p. Thái Bình, t. ND 341
Phú Quý (<i>xã</i>) 富貴社: tg. Minh Lý, h. Phong Lộc, p. Quảng Ninh, t. QB 1345	Phú Vang (<i>huyện</i>) 富榮縣: p. TT 1419
Phú Sơn (<i>thôn</i>) 富山村: x. Thạch Nội, tg. Văn Trường, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1117	Phú Văn (<i>thôn</i>) 富文村: tg. Thuận Trung, h. Lương Sơn, p. Anh Sơn, t. NA .. 1234
Phú Sơn (<i>xã</i>) 富山社: tg. Cao Mật, h. Vĩnh Lộc, p. Quảng Hóa, t. TH 1130	Phú Văn (<i>xã</i>) 富文社: tg. Thái Lai, h. Quảng Xương, p. Tĩnh Gia, t. TH 1121
Phú Sơn (<i>xã</i>) 富山社: tg. Trường Cát, h. Quảng Tế, p. Quảng Hóa, t. TH ... 1134	Phú Văn (<i>xã</i>) 富文社: tg. Ti Bà, h. Lương Tài, p. Thuận Thành, t. BN 511
Phú Sủng (<i>ấp</i>) 富寵邑: tg. Lương Điền, h. Phú Lộc, p. TT 1424	Phú Vật (<i>xã</i>) 富物社: tg. Hà Lão, h. Hưng Nhân, p. Tiên Hưng, t. HY 268
Phú Tàng (<i>xã</i>) 富藏社: tg. Yên Tàng, h. Đa Phúc, p. Đa Phúc, t. BN 521	Phú Viên (<i>xã</i>) 富園社: tg. Trú Hữu, h. Lục Ngạn, p. Lạng Giang, t. BN 537
Phú Tàng (<i>quán</i>) 富藏館: tg. Văn Thê, ch. Ôn, p. Trảng Khánh, t. LS 617	Phú Viên (<i>thôn</i>) 富員村: x. Quỳnh Côi, tg. Văn Trường, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1117
Phú Tán (<i>xã</i>) 富贊社: tg. Phú Lệ, ch. Quan Hóa, p. Quảng Hóa, t. TH 1137	Phú Viên (<i>thôn</i>) 富園村: x. Lâm Hạ, tg. Gia Thủy, h. Gia Lâm, pp. Thuận Thành, t. BN 515
Phú Thái (<i>xã</i>) 富泰社: tg. Sư Lỗ, h. Phú Vang, p. TT 1420	Phú Vinh (<i>thôn</i>) 富榮村: x. Đặng Điền, tg. Đặng Xá, h. Chân Lộc, p. Anh Sơn, t. NA 1246
Phú Thái (<i>xã</i>) 富泰社: tg. Bát Náo, h. Kim Thành, p. Kiến Thụy, t. HD 147	Phú Vinh (<i>thôn</i>) 富榮村: x. Ngũ Lộc, tg. Thịnh Quâ, h. La Sơn, p. Đức Thọ, t. NA 1255
Phú Thị (<i>phường</i>) 富市坊: tg. Hồ Xá, h. Minh Linh, đạo QT 1390	Phú Vinh (<i>xã</i>) 富榮社: tg. Yên Kiện, h. Mỹ Lương, p. Quốc Oai, t. ST 926
Phú Thị (<i>xã</i>) 富市社: tg. Kim Sơn, h. Gia Lâm, pp. Thuận Thành, t. BN 515	Phú Vinh (<i>xã</i>) 富榮社: tg. Hoàng Xuyên, h. Tam Dương, p. Vĩnh Tường, t. ST 934
Phú Thị (<i>xã</i>) 富市社: tg. Mễ Sở, h. Đông Yên, p. Khoái Châu, t. HY 252	Phú Vinh (<i>xã</i>) 富榮社: tg. Hàng Vi, h. Hoàng Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1090
Phú Thọ (<i>thôn</i>) 富壽村: tg. Đô Lương, h. Lương Sơn, p. Anh Sơn, t. NA 1235	Phú Vinh (<i>thôn</i>) 富榮村: x. Văn Trai, tg. Văn Trai, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1116
Phú Thọ (<i>thôn</i>) 富壽村: x. Lương Trường, tg. Bích Triều, h. Thanh Chương, p. Anh Sơn, t. NA 1238	Phú Vinh (<i>thôn</i>) 富榮村: x. Cao Mỗ, tg. Cao Mỗ, h. Thần Khê, p. Tiên Hưng, t. HY 265
Phú Thọ (<i>phường</i>) 富壽坊: tg. Phú Hậu, h. Quỳnh Lưu, p. Diễn Châu, t. NA 1253	Phú Vinh (<i>thôn</i>) 富榮村: x. Diên Hà, tg. Diên Hà, h. Diên Hà, p. Tiên Hưng, t. HY 267
Phú Thọ (<i>xã</i>) 富壽社: tg. Thượng Phong Lộc, h. Lệ Thủy, p. Quảng Ninh, t. QB 1349	Phú Xá (<i>xã</i>) 富舍社: tg. Minh Lý, h. Phong Lộc, p. Quảng Ninh, t. QB 1345
Phú Thọ (<i>phường</i>) 富壽坊: tg. Bái Ân, h. Thành Hoá, đạo QT 1393	Phú Xá (<i>thôn</i>) 富舍村: x. Phú Hà, tg. Phú Hà, h. Thụy Nguyên, p. Thiệu Hóa, t. TH 1101
Phú Thọ (<i>tổng</i>) 富壽總: h. Sơn Vi, p. Lâm Thao, t. ST 945	Phú Xá (<i>thôn</i>) 富舍村: x. Nguyệt Quật, tg. Văn Trai, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1116
Phú Thọ (<i>xã</i>) 富壽社: tg. Phú Thọ, h. Sơn Vi, p. Lâm Thao, t. ST 945	Phú Xá (<i>xã</i>) 富舍社: tg. Thủ Hộ, h. Quảng Xương, p. Tĩnh Gia, t. TH 1120
Phú Thọ (<i>thôn</i>) 富壽村: x. Phi Lai, tg. Phi Lai, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1086	Phú Xá (<i>xã</i>) 富舍社: tg. Phú Gia, h. Từ Liêm, p. Hoài Đức, t. HN 8
Phú Thọ (<i>thôn</i>) 富壽村: x. Cao Vịnh, tg. Cao Vịnh, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1087	Phú Xá (<i>xã</i>) 富舍社: tg. Trường Kỳ, h. Cẩm Giàng, p. Bình Giang, t. HD 97
Phú Thọ (<i>thôn</i>) 富壽村: x. Hà Lộ, tg. Ngọc Xuyên, h. Hoàng Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1091	Phú Xá (<i>xã</i>) 富舍社: tg. Hạ Đoàn, h. An Dương, p. Kiến Thụy, t. HD 152
Phú Thọ (<i>thôn</i>) 富壽村: x. Đại Lý, tg. Đại Lý, h. Mỹ Hóa, p. Hà Trung, t. TH .. 1094	Phú Xá (<i>tổng</i>) 富舍總: h. Văn Quan, p. Trảng Định, t. LS 605
Phú Thọ (<i>thôn</i>) 富壽村: x. Thử Cốc, tg. Thử Cốc, h. Thụy Nguyên, p. Thiệu Hóa, t. TH 1101	Phú Xá (<i>xã</i>) 富舍社: tg. Phú Xá, h. Văn Quan, p. Trảng Định, t. LS 605
Phú Thọ (<i>thôn</i>) 富壽村: x. Đông Lý, tg. Đông Lý, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1110	Phú Xuân (<i>phường</i>) 富春社: tg. An Thái, h. Hải Lăng, đạo QT 1385
Phú Thọ (<i>thôn</i>) 富壽村: x. Châu Bàn, tg. Liên Trì, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1114	Phú Xuân (<i>xã</i>) 富春社: tg. Y Na, h. Phú Lương, p. Tông Hóa, t. TN 812
Phú Thọ (<i>thôn</i>) 富壽村: x. Thượng Du, tg. Lạc Thiện, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1125	Phú Xuân (<i>tổng</i>) 富春總: h. Hương Trà, p. TT 1418
Phú Thọ (<i>thôn</i>) 富壽村: x. Thượng Cốc, tg. Thượng Cốc, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1145	Phú Xuân (<i>xã</i>) 富春社: tg. Phú Xuân, h. Hương Trà, p. TT 1418
Phú Thọ (<i>xã</i>) 富壽社: tg. Quảng Bố, h. Lương Tài, p. Thuận Thành, t. BN 511	Phú Xuân (<i>ấp</i>) 富春邑: tg. An Nông, h. Phú Lộc, p. TT 1423
Phú Thuận (<i>xã</i>) 富順社: tg. Lý Đỗ, h. Đường An, p. Bình Giang, t. HD 93	Phú Xuân (<i>ấp</i>) 富春邑: tg. Phù Trạch, h. Phong Điền, p. TT 1428
Phú Thứ (<i>xã</i>) 富庶社: tg. Ngọc Pha, h. Thạch An, p. Hòa An, t. CB 664	Phú Xuân (<i>xã</i>) 富春社: tg. Kênh Thanh, h. Tiên Minh, p. Nam Sách, t. HD ... 117
Phú Thứ (<i>xã</i>) 富庶社: tg. Lam Cầu, h. Duy Tiên, p. Lý Nhân, t. HN 37	Phú Xuyên (<i>xã</i>) 富川社: tg. Phi Mô, h. Bảo Lộc, p. Lạng Giang, t. BN 531
Phú Thứ (<i>xã</i>) 富庶社: tg. Đăng Côi, h. Vụ Bản, p. Nghĩa Hưng, t. ND 319	Phú Xuyên (<i>tổng</i>) 富川總: h. Tiên Phong, p. Quảng Oai, t. ST 909
Phú Tinh (<i>thôn</i>) 富情村: x. Thử Cốc, tg. Thử Cốc, h. Thụy Nguyên, p. Thiệu Hóa, t. TH 1101	Phú Xuyên (<i>xã</i>) 富川社: tg. Phú Xuyên, h. Tiên Phong, p. Quảng Oai, t. ST 909
Phú Trạch (<i>xã</i>) 富澤社: tg. Vồng Xuyên, h. Phúc Thọ, p. Quảng Oai, t. ST .. 913	Phú Xuyên (<i>ấp</i>) 富川邑: tg. An Cự, h. Phú Lộc, p. TT 1424
Phú Trạch (<i>xã</i>) 富宅社: tg. La Miết, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1126	Phú Xuyên (<i>huyện</i>) 富川縣: p. Thường Tín, t. HN 21
Phú Trạch (<i>xã</i>) 富澤社: tg. Mễ Sở, h. Đông Yên, p. Khoái Châu, t. HY 252	Phụ An (<i>ấp</i>) 附安邑: tg. Diêm Trường, h. Phú Lộc, p. TT 1424
	Phụ Chính (<i>xã</i>) 輔政社: tg. Văn La, h. Chương Đức, p. Ứng Hòa, t. HN 31
	Phụ Cường (<i>xã</i>) 阜彊社: tg. Văn Lang, h. Tam Nông, p. Gia Hưng, t. HH 709

Phụ Dục (<i>huyện</i>) 附翼縣: pp.Thái Bình,t.NĐ	346	p.Anh Sơn,t.NA	1242
Phụ Dục (<i>xã</i>) 輔翊社: tg.Bố Dương,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HĐ	124	Phúc Hậu (<i>thôn</i>) 福厚村: x.Phúc Khê,tg.Tuân Hóa,h.Đồng Sơn,	
Phụ Khánh (<i>thôn</i>) 阜慶村: tg.Vĩnh Xương,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN ..	12	p.Thiệu Hóa,t.TH	1105
Phụ Long (<i>xã</i>) 輔隆社: tg.Đồng Mặc,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ	306	Phúc Hội (<i>xã</i>) 福會社: tg.Phương Điền,h.Hương Khê,p.Đức Thọ,t.NA ..	1262
Phụ Lỗi (<i>xã</i>) 負來社: tg.Nãi Sơn,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HĐ	140	Phúc Khánh (<i>xã</i>) 福慶社: tg.An Lão,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ	333
Phụ Lực (<i>thôn</i>) 輔力村: x.Thái Lai,tg.Thái Lai,h.Quảng Xương,		Phúc Khánh (<i>xã</i>) 福慶社: tg.Trường Lang,h.Đại Từ,p.Tông Hóa,t.TN	811
p.Tĩnh Gia,t.TH	1121	Phúc Khánh (<i>xã</i>) 福慶社: tg.Lương Sơn,ch.Lục Yên,p.An Bình,t.TQ	868
Phụ Ổ (<i>xã</i>) 阜塢社: tg.Long Hồ,h.Hương Trà,p.TT	1418	Phúc Khê (<i>tổng</i>) 福溪總: h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ	341
Phụ Phượng (<i>phường</i>) 附鳳坊: x.Mai Xá,tg.An Mỹ,h.Do Linh,đạo QT ..	1391	Phúc Khê (<i>xã</i>) 福溪社: tg.Phúc Khê,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ	341
Phụ Quách (<i>giáp</i>) 阜郭甲: tg.Tân Hưng,h.Tiền Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ ..	335	Phúc Khê (<i>xã</i>) 福溪社: tg.Tuân Hóa,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH	1105
Phụ Quảng (<i>thôn</i>) 附廣村: tg.Võng Nhi,h.Hương Thủy,p.TT	1423	Phúc Kiều (<i>thôn</i>) 福橋村: tg.Thuận Hoà,h.Bình Chính,	
Phụ Sơn (<i>xã</i>) 阜山社: tg.Dương Nham,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HĐ	158	p.Quảng Trạch,t.QB	1353
Phụ Tài (<i>xã</i>) 阜財社: tg.An Dã,h.Đăng Xương,đạo QT	1384	Phúc Lai (<i>xã</i>) 福萊社: tg.Quỳnh Lưu,h.Phụng Hoá,p.Nho Quan,t.NB ...	1038
Phụ Thành (<i>ấp</i>) 阜成邑: tg.Tân Hưng,h.Tiền Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ	335	Phúc Lai (<i>xã</i>) 福來社: tg.Minh Doãn,h.Tây Quan,p.Đoan Hùng,t.ST	954
Phụ Thành (<i>xã</i>) 阜成社: tg.Quang Phong,h.Thúy Văn,		Phúc Lai (<i>xã</i>) 福來社: tg.Đồng Lý,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH	1110
p.Quỳ Châu,t.NA	1276	Phúc Lai (<i>xã</i>) 福來社: tg.Phong Cốc,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HĐ ...	100
Phụ Thành (<i>xã</i>) 阜成社: tg.Cẩm Ân,ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ	863	Phúc Lăng (<i>thôn</i>) 福朗村: x.Đống Lương,tg.Ngọc Đới,h.Ngọc Sơn,	
Phụ Vệ (<i>xã</i>) 輔衛社: tg.An Điền,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HĐ	106	p.Tĩnh Gia,t.TH	1115
Phụ Việt (<i>xã</i>) 輔越社: tg.Thạch Xá,h.Lệ Thủy,p.Quảng Ninh,t.QB	1349	Phúc Lâm (<i>xã</i>) 福林社: tg.Mật Ninh,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN	533
Phụ Yên (<i>tổng</i>) 阜安總: ch.Tuân Giáo,p.Điện Biên,t.HH	739	Phúc Lâm (<i>xã</i>) 福林社: tg.Hố Xá,h.Minh Linh,đạo QT	1390
Phụ Yên (<i>xã</i>) 阜安社: tg.Phụ Yên,ch.Tuân Giáo,p.Điện Biên,t.HH	739	Phúc Lâm (<i>trang</i>) 覆林庄: tg.Yên Đổ,h.Đại Từ,p.Tông Hóa,t.TN	810
Phúc (<i>thôn</i>) 福村: x.Thụ Phúc,tg.Thụ Phúc,h.Tiền Du,p.Từ Sơn,t.BN	494	Phúc Lâm (<i>xã</i>) 福林社: tg.Đại Bối,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH	1105
Phúc Am (<i>thôn</i>) 福庵村: tg.Yên Đăng,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB ..	1020	Phúc Lâm (<i>ấp</i>) 福林邑: tg.An Nông,h.Phú Lộc,p.TT.....	1423
Phúc Am (<i>xã</i>) 福庵社: tg.Ninh Xá,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN	20	Phúc Lâm (<i>xã</i>) 福林社: tg.Mông Sơn,ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ	863
Phúc Ấm (<i>thôn</i>) 福蔭村: tg.Chu Lễ,h.Hương Khê,p.Đức Thọ,t.NA	1261	Phúc Lâm (<i>tổng</i>) 福林總: h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN	12
Phúc Ấm (<i>xã</i>) 福蔭社: tg.Tuân Hóa,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH	1105	Phúc Lâm (<i>thôn</i>) 福林村: tg.Phúc Lâm,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN	12
Phúc Bình (<i>xã</i>) 福平社: tg.Lệnh Cẩm,h.Hạ Lang,p.Trùng Khánh,t.CB ...	676	Phúc Lâm (<i>phường</i>) 福林坊: tg.Kim Liên,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN ..	12
Phúc Bó (<i>xã</i>) 福布社: tg.Phong Cốc,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HĐ ...	100	Phúc Lâm (<i>thôn</i>) 福林村: x.Tri Lễ,tg.Ước Lễ,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN ..	29
Phúc Bối (<i>xã</i>) 福培社: tg.Yên Trường,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH ..	1101	Phúc Lâm (<i>xã</i>) 福林社: tg.Hoàng Xá,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN	31
Phúc Bội (<i>xã</i>) 福培社: tg.Tang Giá,h.Quỳnh Côi,pp.Thái Bình,t.NĐ	348	Phúc Lâm Tiểu (<i>thôn</i>) 福林小村: tg.Kim Liên,h.Thọ Xương,	
Phúc Cầu (<i>tổng</i>) 福求總: h.Đường An,p.Bình Giang,t.HĐ	93	p.Hoài Đức,t.HN	12
Phúc Cầu (<i>xã</i>) 福求社: tg.Phúc Cầu,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HĐ	93	Phúc Lập (<i>xã</i>) 福立社: tg.Tuân Lộ,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST	930
Phúc Châu (<i>xã</i>) 福洲社: tg.Trác Bút,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN	45	Phúc Lâu (<i>xã</i>) 覆樓社: tg.Phú Hữu,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST	911
Phúc Chỉ (<i>xã</i>) 福祉社: tg.Cổ Liêu,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ	317	Phúc Lễ (<i>xã</i>) 福禮社: tg.An Cự,h.Đăng Xương,đạo QT	1384
Phúc Chiếm Thượng (<i>thôn</i>) 腹占上村: x.Đống Lương,tg.Ngọc Đới,		Phúc Lệ (<i>xã</i>) 福勸社: tg.Thạch Khôi,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HĐ	130
h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH	1115	Phúc Liệt (<i>xã</i>) 覆烈社: tg.Trúc Động,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HĐ	162
Phúc Chiếm Trung (<i>thôn</i>) 腹占中村: x.Đống Lương,tg.Ngọc Đới,h.Ngọc		Phúc Linh (<i>xã</i>) 福靈社: tg.Đường Anh,h.Phú Vang,p.TT	1420
Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH	1115	Phúc Linh (<i>xã</i>) 福靈社: tg.Cổ Linh,ch.Chiêm Hoá,p.Tương An,t.TQ	877
Phúc Chính (<i>thôn</i>) 福整村: tg.Yên Đăng,h.Yên Khánh,		Phúc Linh (<i>xã</i>) 福齡社: tg.Mai Đình,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN	522
p.Yên Khánh,t.NB	1020	Phúc Long (<i>thôn</i>) 福龍村: tg.Đại Đồng,h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA ..	1236
Phúc Diên (<i>xã</i>) 腹延社: tg.Thạch Khôi,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HĐ	130	Phúc Long (<i>xã</i>) 福隆社: tg.Phúc Tăng,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN ..	534
Phúc Duê (<i>xã</i>) 福喬社: tg.Long Đại,h.Phong Lộc,p.Quảng Ninh,t.QB ...	1345	Phúc Long (<i>xã</i>) 福隆社: tg.Trung Quán,h.Phong Lộc,	
Phúc Dương (<i>xã</i>) 福陽社: tg.An Ấp,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA	1259	p.Quảng Ninh,t.QB	1345
Phúc Đa (<i>xã</i>) 福多社: tg.Mễ Sơn,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HĐ	165	Phúc Lộc (<i>tổng</i>) 福祿總: h.Hương Khê,p.Đức Thọ,t.NA	1261
Phúc Điền (<i>trại</i>) 福田寨: tg.Hương Đạo,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB ...	1033	Phúc Lộc (<i>xã</i>) 福祿社: tg.Thiện Trạo,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB ...	1020
Phúc Điền (<i>xã</i>) 福田社: tg.An Nhân,h.Hải Lăng,đạo QT	1385	Phúc Lộc (<i>xã</i>) 福祿社: tg.Nộn Khê,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB	1025
Phúc Điền (<i>thôn</i>) 福田村: tg.Trung Bạ,h.Tổng Sơn,p.Hà Trung,t.TH ...	1083	Phúc Lộc (<i>thôn</i>) 福祿村: tg.Hoàn Lão,h.Bố Trạch,p.Quảng Trạch,t.QB ..	1357
Phúc Đình (<i>xã</i>) 福亭社: tg.Hữu Thượng,h.Hữu Lũng,pp.Lạng Giang,t.BN ..	541	Phúc Lộc (<i>xã</i>) 福祿社: tg.Hoàn Lão,h.Bố Trạch,p.Quảng Trạch,t.QB ...	1357
Phúc Giới (<i>xã</i>) 腹界社: tg.Hạ Vĩnh,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HĐ	113	Phúc Lộc (<i>xã</i>) 福祿社: tg.An Dã,h.Đăng Xương,đạo QT	1384
Phúc Hải (<i>thôn</i>) 福海村: x.Nghĩa Liệt,tg.Phù Long,h.Hưng Nguyên,		Phúc Lộc (<i>xã</i>) 福祿社: tg.Cự Đình,h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST	913
p.Anh Sơn,t.NA	1243	Phúc Lộc (<i>ấp</i>) 福祿邑: tg.An Cự,h.Phú Lộc,p.TT	1424
Phúc Hải (<i>xã</i>) 腹海社: tg.Lai Thạch,h.La Sơn,p.Đức Thọ,t.NA	1256	Phúc Lộc (<i>xã</i>) 福祿社: tg.Xuân Canh,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN	492
Phúc Hải (<i>tổng</i>) 腹海總: h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HĐ	141	Phúc Lộc (<i>xã</i>) 福祿社: tg.Đan Táo,h.Đa Phúc,p.Đa Phúc,t.BN	521
Phúc Hải (<i>xã</i>) 腹海社: tg.Phúc Hải,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HĐ	141	Phúc Lương (<i>xã</i>) 福良社: tg.Lãng Phong,h.Phụng Hoá,	
Phúc Hải (<i>xã</i>) 福海社: tg.Tổng Súc,h.Hưng Nhân,p.Tiền Hưng,t.HY	267	p.Nho Quan,t.NB	1037
Phúc Hậu (<i>thôn</i>) 福厚村: tg.Đô Lương,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA ...	1235	Phúc Lương (<i>xã</i>) 福良社: tg.Hành Phố,h.Phong Đăng,	
Phúc Hậu (<i>thôn</i>) 福厚村: x.Phúc Phú,tg.Phù Long,h.Hưng Nguyên,		p.Quảng Ninh,t.QB	1347

Phúc Lý (<i>xã</i>) 福履社: tg.Tây Tựu,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 9	Phúc Trinh (<i>xã</i>) 福禋社: tg.Phượng Vĩ Hạ,ch.Định,p.Tông Hóa,t.TN 807
Phúc Lý (<i>phường</i>) 福履坊: tg.Minh Lương,h.Minh Linh,đạo QT 1390	Phúc Trung (<i>xã</i>) 福中社: tg.Nội Lãng,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333
Phúc Lý (<i>xã</i>) 福里社: tg.Thanh Khê,h.Đông Sơn,p.Thịệu Hóa,t.TH 1105	Phúc Tuy (<i>xã</i>) 福綏社: tg.Lạc Nghiệp,h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1040
Phúc Mãn (<i>thôn</i>) 福満村: x.Lưu Vệ,tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1121	Phúc Tuy (<i>xã</i>) 福綏社: tg.Lâm Đường,h.Vĩnh Tuy,p.An Bình,t.TQ 865
Phúc Mãn (<i>thôn</i>) 福満村: x.Hoàng Thanh,tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1121	Phúc Tự (<i>thôn</i>) 福寺村: tg.Hoàn Lão,h.Bố Trạch,p.Quảng Trạch,t.QB 1357
Phúc Mãn (<i>xã</i>) 福満社: tg.Đồng Thủy,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45	Phúc Tường (<i>xã</i>) 福祥村: tg.Sóc Sơn,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1131
Phúc Mỹ (<i>thôn</i>) 福美村: tg.Đô Lương,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1235	Phúc Tượng (<i>ấp</i>) 福象邑: tg.An Cự,h.Phú Lộc,p.TT 1424
Phúc Mỹ (<i>xã</i>) 福美社: tg.Văn Viên,h.Hưng Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA 1242	Phúc Ứng (<i>xã</i>) 福應社: tg.Ngọc Pha,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 664
Phúc Mỹ (<i>xã</i>) 福美社: tg.Minh Lý,h.Phong Lộc,p.Quảng Ninh,t.QB 1345	Phúc Vinh (<i>xã</i>) 福榮社: tg.Thạch Bàn,h.Phong Đăng, p.Quảng Ninh,t.QB 1347
Phúc Mỹ (<i>xã</i>) 福美社: tg.An Đôn,h.Đảng Xương,đạo QT 1384	Phúc Xá (<i>thôn</i>) 福舍村: tg.Cam Đường,h.Thành Hoá,đạo QT 1393
Phúc Mỹ (<i>thôn</i>) 福美村: x.Liên Trì,tg.Liên Trì,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1114	Phúc Xá (<i>xã</i>) 福舍社: tg.Phúc Cầu,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 93
Phúc Nhạc (<i>xã</i>) 福岳社: tg.Yên Văn,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025	Phúc Xuyên (<i>thôn</i>) 福川村: x.Triều Khẩu,tg.Văn Viên,h.Hưng Nguyên, p.Anh Sơn,t.NA 1242
Phúc Nhĩ (<i>xã</i>) 福爾社: tg.Hành Phố,h.Phong Đăng,p.Quảng Ninh,t.QB 1347	Phúc Yên (<i>thôn</i>) 福安村: tg.Đô Lương,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1235
Phúc Ninh (<i>xã</i>) 福寧社: tg.Quang Biếu,h.Việt Yên,p.Lạng Giang,t.BN ... 534	Phúc Yên (<i>thôn</i>) 福安村: tg.Xuân Lâm,h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA . 1236
Phúc Ninh (<i>xã</i>) 福寧社: tg.Yên Lũng,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 860	Phúc Yên (<i>tổng</i>) 福煙總: h.Quảng Điền,p.TT 1427
Phúc Nội (<i>tràng</i>) 福内庄: tg.An Lão,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333	Phúc Yên (<i>xã</i>) 福煙社: tg.Phúc Yên,h.Quảng Điền,p.TT 1427
Phúc Phú (<i>xã</i>) 福富社: tg.Phù Long,h.Hưng Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA . 1242	Phục Cổ (<i>xã</i>) 復古社: tg.Bát Mọt,h.Yên Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1042
Phúc Quả (<i>xã</i>) 福果社: tg.Cư Chánh,h.Hương Thủy,p.TT 1422	Phục Cổ (<i>phường</i>) 復古坊: tg.Kim Liên,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12
Phúc Quan (<i>thôn</i>) 福關村: x.Vạn Quất,tg.Trầm Lộng,h.Sơn Minh, p.Ứng Hòa,t.HN 26	Phục Cổ (<i>xã</i>) 復古社: tg.Thu Ngạc,h.Yên Lập,p.Quy Hóa,t.HH 729
Phúc Sài (<i>xã</i>) 福柴社: tg.Lật Sài,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 919	Phục Hòa (<i>tổng</i>) 復和總: h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 663
Phúc Sơn (<i>thôn</i>) 福山村: tg.Đặng Sơn,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA ... 1235	Phục Hòa (<i>xã</i>) 復和社: tg.Phục Hòa,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 663
Phúc Sơn (<i>thôn</i>) 腹山村: x.Bân Xá,tg.Minh Lương,h.Can Lộc, p.Đức Thọ,t.NA 1269	Phục Lạp (<i>xã</i>) 伏臘社: tg.Kha Hộ,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537
Phúc Sơn (<i>tràng</i>) 福山庄: tg.Đàm Khánh,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025	Phục Lạp (<i>xã</i>) 伏臘社: tg.Lạp Thượng,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 920
Phúc Sơn (<i>xã</i>) 福山社: tg.Kỳ Vĩ,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1028	Phục Lễ (<i>thôn</i>) 復禮村: x.Hữu Vĩnh,tg.Bái Trạch,h.Hoàng Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1090
Phúc Sơn (<i>xã</i>) 福山社: tg.Yên Trường,h.Thụy Nguyên, p.Thịệu Hóa,t.TH 1101	Phục Lễ (<i>xã</i>) 復禮社: tg.Vĩnh Kiên,ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ 863
Phúc Sơn (<i>thôn</i>) 福山村: x.Đông Sơn,tg.Thọ Hạ,ch.Đông Sơn, p.Thịệu Hóa,t.TH 1104	Phục Lễ (<i>xã</i>) 復禮社: tg.Lệnh Cẩm,h.Hạ Lang,p.Trùng Khánh,t.CB 676
Phúc Ta (<i>thôn</i>) 福些村: tg.Phù Vệ,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100	Phục Lễ (<i>thôn</i>) 復禮村: x.Triều Hối,tg.Đại Bối,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26
Phúc Tăng (<i>xã</i>) 福増社: tg.Nhượng Bạ,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB ... 659	Phục Lễ (<i>xã</i>) 復禮社: tg.Thị Tranh,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 92
Phúc Tăng (<i>tổng</i>) 福層總: h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 534	Phục Lễ (<i>tổng</i>) 復禮總: h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162
Phúc Tăng (<i>xã</i>) 福層社: tg.Phúc Tăng,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN . 534	Phục Lễ (<i>xã</i>) 復禮社: tg.Phục Lễ,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162
Phúc Thành (<i>thôn</i>) 福成村: x.Khúc Phấn,tg.Liên Cừ,h.Hậu Lộc, p.Hà Trung,t.TH 1097	Phục Lễ (<i>xã</i>) 復禮社: tg.Đức Triêm,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 259
Phúc Thắng (<i>xã</i>) 福勝社: tg.Đức Thắng,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522	Phục Lễ (<i>xã</i>) 復禮社: tg.Xích Bích,h.Thần Khê,p.Tiên Hưng,t.HY 265
Phúc Thị (<i>xã</i>) 福市社: tg.An Xá,h.Do Linh,đạo QT 1391	Phục Linh (<i>xã</i>) 茯苓社: tg.Cù Văn,h.Phú Lương,p.Tông Hóa,t.TN 812
Phúc Thọ (<i>huyện</i>) 福壽縣: p.Quảng Oai,t.ST 912	Phục Mỹ (<i>xã</i>) 復美社: tg.Quan Hoàng,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1139
Phúc Thọ (<i>thôn</i>) 福壽村: x.Cao Vịnh,tg.Cao Vịnh,h.Nga Sơn, p.Hà Trung,t.TH 1087	Phục Nông (<i>xã</i>) 服農社: tg.Bái Dương,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 310
Phúc Thọ (<i>xã</i>) 福壽社: tg.Thanh Khê,h.Đông Sơn,p.Thịệu Hóa,t.TH ... 1105	Phục Thiện (<i>xã</i>) 服善社: tg.Vạn Ninh,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 426
Phúc Thọ (<i>xã</i>) 福壽社: tg.Phong Cốc,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD . 100	Phục Thiện (<i>xã</i>) 服善社: tg.Chi Ngại,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106
Phúc Thuận (<i>xã</i>) 覆順社: tg.Thống Thượng,h.Phổ Yên,p.Phú Bình,t.TN 797	Phùng (<i>thôn</i>) 馮村: tg.Thạch Xá,h.Thạch Thắt,p.Quốc Oai,t.ST 924
Phúc Thụy (<i>thôn</i>) 福瑞村: tg.Đô Lương,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA . 1235	Phùng (<i>thôn</i>) 馮村: x.Phùng Thịnh,tg.Phùng Thịnh,h.Thụy Nguyên, p.Thịệu Hóa,t.TH 1102
Phúc Thượng (<i>thôn</i>) 福上村: x.Yên Lãng,tg.Diễn Hào,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1146	Phùng (<i>thôn</i>) 馮村: x.Thịnh Đức,tg.Thịnh Đức,h.Phú Xuyên, p.Thường Tín,t.HN 22
Phúc Tích (<i>xã</i>) 福積社: tg.Phù Trạch,h.Phong Điền,p.TT 1428	Phùng Dục (<i>xã</i>) 馮翊社: tg.Hàng Vĩ,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1090
Phúc Tiên (<i>xã</i>) 福仙社: tg.Tống Súc,h.Hưng Nhân,p.Tiên Hưng,t.HY 267	Phùng Dục (<i>thôn</i>) 馮翊村: tg.Quảng Thi,h.Thụy Nguyên, p.Thịệu Hóa,t.TH 1102
Phúc Tô (<i>thôn</i>) 福蘇村: tg.Thuận Mỹ,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 11	Phùng Khoang (<i>xã</i>) 馮琬社: tg.Đại Mỗ,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8
Phúc Trạch (<i>xã</i>) 福澤社: tg.Quỳ Trạch,h.Yên Thành,p.Diễn Châu,t.NA 1250	Phùng Thiện (<i>xã</i>) 逢善社: tg.Bồng Hải,h.Yên Khánh, p.Yên Khánh,t.NB 1021
Phúc Trạch (<i>xã</i>) 福澤社: tg.Phúc Lộc,h.Hương Khê,p.Đức Thọ,t.NA ... 1261	Phùng Thịnh (<i>tổng</i>) 馮盛總: h.Thụy Nguyên,p.Thịệu Hóa,t.TH 1102
Phúc Trạch (<i>ấp</i>) 福澤邑: tg.An Nông,h.Phú Lộc,p.TT 1423	Phùng Thịnh (<i>xã</i>) 馮盛社: tg.Phùng Thịnh,h.Thụy Nguyên, p.Thịệu Hóa,t.TH 1102
Phúc Trì (<i>thôn</i>) 福池村: tg.Yên Đăng,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB . 1020	Phùng Xá (<i>xã</i>) 馮舍社: tg.Thạch Xá,h.Thạch Thắt,p.Quốc Oai,t.ST 924
	Phùng Xá (<i>xã</i>) 馮舍社: tg.Phương Xá,h.Cẩm Khê,p.Lâm Thao,t.ST 946
	Phùng Xá (<i>xã</i>) 馮舍社: tg.Phù Lưu Tế,h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN 34

Phùng Xá (xã) 馮舍社: tg.Đại Lai,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509

Phụng Chính (xã) 奉政社: tg.Điêm Trường,h.Phú Lộc,p.TT 1424

Phụng Công (xã) 奉公社: tg.Đồng Công,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259

Phụng Công (xã) 奉公社: tg.Bồng Hải,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB 1021

Phụng Công (xã) 奉公社: tg.Cao Mật,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH .. 1130

Phụng Công (thôn) 奉公村: x.Cổ Hiến,tg.Cổ Hiến,h.Thượng Phúc,
p.Thường Tín,t.HN 16

Phụng Công (tổng) 奉公總: h.Văn Giang,pp.Thuận Thành,t.BN 517

Phụng Công (xã) 奉公社: tg.Phụng Công,h.Văn Giang,
pp.Thuận Thành,t.BN 517

Phụng Cống (xã) 奉貢社: tg.Cam Thủy,h.Văn Quan,p.Tràng Định,t.LS 605

Phụng Dưỡng (thôn) 奉養村: tg.Quảng Thi,h.Thụy Nguyên,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1102

Phụng Hoá (huyện) 奉化縣: p.Nho Quan,t.NB 1037

Phụng Lịch (xã) 奉曆社: tg.Lý Trại,h.Đồng Thành,p.Diễn Châu,t.NA .. 1249

Phụng Nghĩa (thôn) 奉義村: tg.Bất Lạm,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 920

Phụng Pháp (xã) 奉法社: tg.Mỹ Lộc,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 533

Phụng Pháp (xã) 奉法社: tg.Đồng Khê,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD .. 151

Phụng Thượng (xã) 奉上社: tg.Điền Lự,h.Cẩm Thủy,
p.Quảng Hóa,t.TH 1140

Phụng Thượng (thôn) 奉上村: tg.Xuân Vũ,h.Chân Định,
p.Kiến Xương,t.NĐ 331

Phụng Viện (thôn) 奉院村: tg.Thị Tranh,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD . 92

Phương An (phường) 方安坊: tg.Mai Lộc,h.Thành Hoá,đạo QT 1394

Phương Bản (xã) 芳板社: tg.Bất Lạm,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 920

Phương Bằng (xã) 芳憑社: tg.Đoàn Bái,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD .. 131

Phương Cai (xã) 芳垓社: tg.Yên Kien,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926

Phương Cẩm (xã) 芳錦社: tg.Đồng Lục,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959

Phương Cầu (xã) 芳球社: tg.Bất Phí,h.Võ Giàng,p.Từ Sơn,t.BN 501

Phương Châu (xã) 芳洲社: tg.Phú Xuyên,h.Tiên Phong,
p.Quảng Oai,t.ST 909

Phương Chử (xã) 芳渚社: tg.Cổ Linh,ch.Chiêm Hoá,p.Tương An,t.TQ .. 877

Phương Chử (tổng) 芳渚總: h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144

Phương Chử (xã) 芳渚社: tg.Phương Chử,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD .. 144

Phương Da (xã) 芳榔社: tg.An Đôn,h.Đảng Xương,đạo QT 1384

Phương Da (xã) 芳榔社: tg.An Nhân,h.Hải Lăng,đạo QT 1385

Phương Diên (ấp) 芳延邑: tg.Kế Mỹ,h.Phú Vang,p.TT 1420

Phương Du (xã) 芳榆社: tg.Yên Vệ,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB ... 1021

Phương Duệ (xã) 芳裔社: tg.Thượng Bồng,h.Hương Sơn,
p.Đức Thọ,t.NA 1259

Phương Duệ (xã) 芳裔社: tg.Cam Đường,h.Kim Thành,
p.Kiến Thụy,t.HD 147

Phương Duy (tổng) 芳維總: h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 130

Phương Duy (xã) 芳維社: tg.Phương Duy,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 130

Phương Dương (xã) 芳陽社: tg.Mỹ Động,h.Thanh Miện,
p.Bình Giang,t.HD 95

Phương Đề (thôn) 芳堤社: tg.Thạch Giản,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086

Phương Đề (xã) 芳堤社: tg.Quần Anh,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ 313

Phương Đề (tổng) 芳邱總: h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ 312

Phương Đề (xã) 芳邱社: tg.Phương Đề,h.Chân Ninh,
p.Xuân Trường,t.NĐ 312

Phương Điểm (xã) 芳店社: tg.Hội Xuyên,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD . 130

Phương Điển (tổng) 芳田總: h.Hương Khê,p.Đức Thọ,t.NA 1261

Phương Điển (xã) 芳田社: tg.Phương Điển,h.Hương Khê,
p.Đức Thọ,t.NA 1262

Phương Điện (xã) 芳甸社: tg.Lôi Dương,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1144

Phương Đình (xã) 芳亭社: tg.Cụu Đình,h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST . 913

Phương Đình (tổng) 芳亭總: h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26

Phương Đình (xã) 芳亭社: tg.Phương Đình,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN . 26

Phương Đỗ (xã) 芳杜社: tg.Đa Mai,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 533

Phương Độ (xã) 芳度社: tg.Phù Sa,h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST 913

Phương Độ (xã) 芳度社: tg.La Đình,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN 794

Phương Độ (thôn) 芳度村: x.Đồng Yên,tg.Đại Lý,h.Mỹ Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1094

Phương Độ (tổng) 芳度總: h.Vĩnh Tuy,p.An Bình,t.TQ 865

Phương Độ (xã) 芳度社: tg.Phương Độ,h.Vĩnh Tuy,p.An Bình,t.TQ 865

Phương Độ (xã) 芳度社: tg.Đại Lai,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509

Phương Đồi (xã) 芳堆社: tg.Điên Lão,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 117

Phương Động (thôn) 芳峒村: h.Kỳ Anh,đạo HT 1327

Phương Đường (trang) 芳塘庄: tg.Mật Vật,h.Thụy Nguyên,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1101

Phương Đường (xã) 芳塘社: tg.Bắc Tạ,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD . 126

Phương Đường (xã) 芳堂社: tg.Trà Hương,h.Nghi Dương,
p.Kiến Thụy,t.HD 140

Phương Giao (tổng) 芳膠總: h.Thanh Sơn,p.Gia Hưng,t.HH 711

Phương Giao (xã) 芳膠社: tg.Phương Giao,h.Thanh Sơn,
p.Gia Hưng,t.HH 711

Phương Hương (tổng) 芳香總: h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926

Phương Hương (xã) 芳香社: tg.Phương Hương,h.Mỹ Lương,
p.Quốc Oai,t.ST 926

Phương Khê (xã) 芳溪社: tg.Phú Xuyên,h.Tiên Phong,p.Quảng Oai,t.ST 909

Phương Khê (xã) 芳溪社: tg.Tiên Lữ,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 920

Phương Khê (xã) 芳溪社: tg.Phú Mỹ,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD ... 95

Phương Khê (thôn) 芳溪村: tg.Đồng Khê,h.Nghi Dương,
p.Kiến Thụy,t.HD 141

Phương Khê (xã) 方溪社: tg.Cam Đường,h.Kim Thành,
p.Kiến Thụy,t.HD 147

Phương Lai (xã) 芳來社: tg.Tri Lai,h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ 329

Phương Lam Đông (ấp) 芳藍東邑: tg.Lương Văn,
h.Hương Thuỷ,p.TT 1423

Phương Lam Tây (ấp) 芳藍西邑: tg.Lương Văn,h.Hương Thuỷ,
p.TT 1423

Phương Lang Thượng (xã) 芳榔上社: tg.Biểu Đa,h.An Lão,
p.Kiến Thụy,t.HD 144

Phương Lạn (xã) 芳爛社: tg.Lạn Mẫu,h.Phượng Nhân,
p.Lạng Giang,t.BN 530

Phương Lăng (xã) 芳陵社: tg.Lâm Động,h.Thủy Đường,
p.Kinh Môn,t.HD 162

Phương Lâm (sách) 芳林冊: tg.Hoàng Nhuệ,h.Bất Bạt,
p.Quảng Oai,t.ST 916

Phương Lâm (xã) 芳林社: tg.Kim Bảng,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38

Phương Liên (xã) 芳蓮社: tg.Liên Hương,h.Bố Trạch,
p.Quảng Trạch,t.QB 1357

Phương Liệt (xã) 方烈社: tg.Hoàng Mai,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN . 19

Phương Linh (tổng) 芳苓總: h.Cẩm Hóa,p.Thông Hóa,t.TN 816

Phương Linh (xã) 芳苓社: tg.Phương Linh,h.Cẩm Hóa,
p.Thông Hóa,t.TN 816

Phương Lĩnh (xã) 芳嶺社: tg.Mạn Lạn,h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948

Phương Lưu (xã) 芳留社: tg.Dương Nham,h.Giáp Sơn,
p.Kinh Môn,t.HD 158

Phương Mai (xã) 芳枚社: tg.Bình Cách,h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.NĐ . 339

Phương Mai (xã) 芳梅社: tg.Yên Ninh,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB 1020

Phương Mạn (xã) 芳蔓社: tg.Quảng Nạp,h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ . 343

Phương Mạn (xã) 芳蔓社: tg.Tiên Phong,ch.Ninh Biên,p.Điện Biên,t.HH 738

Phượng Mỹ (xã) 芳美社: h.Thạch Hà,đạo HT 1322

Phượng Mỹ (xã) 芳美社: tg.Thái Lai,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162

Phượng Ngạn (xã) 芳岸社: tg.An Dã,h.Đăng Xương,đạo QT 1384

Phượng Nhai (xã) 芳街社: tg.Cao Mật,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH . 1130

Phượng Nham (xã) 芳岩社: tg.Phao Thanh,h.Thanh Ba,
p.Lâm Thao,t.ST 948

Phượng Nhị (xã) 芳蕊社: tg.Ninh Xá,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 20

Phượng Nhuế (xã) 芳芮社: tg.Minh Doãn,h.Tây Quan,
p.Đoan Hùng,t.ST 954

Phượng Quan (tổng) 芳關總: h.Đông Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 338

Phượng Quan (xã) 芳關社: tg.Phượng Quan,h.Đông Quan,
p.Thái Bình,t.NĐ 338

Phượng Quan (tổng) 芳關總: h.Yên Lạc,pp.Vinh Tường,t.ST 941

Phượng Quan (xã) 芳關社: tg.Khuông Tự,h.Siêu Loại,
p.Thuận Thành,t.BN 506

Phượng Quan (xã) 芳關社: tg.Phù Nội,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95

Phượng Quan (xã) 芳關社: tg.Tứ Mỹ,h.Tam Nông,p.Gia Hưng,t.HH 709

Phượng Quất (xã) 芳橘社: tg.Hà Trường,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD . 157

Phượng Quế (xã) 芳桂社: tg.Hà Hồi,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN . 17

Phượng Tân (phường) 芳津坊: tg.Phương Điền,h.Hương Khê,
p.Đức Thọ,t.NA 1262

Phượng Thủy (xã) 芳水社: tg.Trình Nữ,ch.Lộc Bình,
p.Tràng Khánh,t.LS 621

Phượng Trà (tổng) 芳茶總: h.Tiên Lữ,p.Tiên Hưng,t.HY 272

Phượng Trà (xã) 芳茶社: tg.Phượng Trà,h.Tiên Lữ,p.Tiên Hưng,t.HY 272

Phượng Trạch (thôn) 方宅村: tg.Phương Điền,h.Hương Khê,
p.Đức Thọ,t.NA 1262

Phượng Trạch (xã) 芳澤社: tg.Tuân Lệ,h.Đông Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN ... 491

Phượng Trạch (xã) 芳澤社: tg.Cao Mai,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 331

Phượng Trì (thôn) 芳池村: x.Văn Trinh,tg.Văn Trinh,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1114

Phượng Trung (thôn) 方中村: tg.Đông Xuân,h.Thọ Xương,
p.Hoài Đức,t.HN 11

Phượng Trung (tổng) 方中總: h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 28

Phượng Trung (xã) 方中社: tg.Phượng Trung,h.Thanh Oai,
p.Ứng Hòa,t.HN 28

Phượng Tùng (xã) 芳叢社: tg.Đức Triêm,h.Kim Động,
p.Khoái Châu,t.HY 259

Phượng Viên (xã) 芳園社: tg.La Phù,h.Bất Bạt,p.Quảng Oai,t.ST 915

Phượng Viên (xã) 芳園社: tg.An Khâu,h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948

Phượng Viên (xã) 芳園社: tg.Đông Viên,ch.Bạch Thông,
p.Thông Hóa,t.TN 819

Phượng Vỹ (xã) 芳偉社: tg.Đỗ Xá,h.Võ Giang,p.Từ Sơn,t.BN 500

Phượng Xá (xã) 芳舍社: tg.Phượng Quan,h.Đông Quan,
p.Thái Bình,t.NĐ 338

Phượng Xá (tổng) 芳舍總: h.Cẩm Khê,p.Lâm Thao,t.ST 946

Phượng Xá (xã) 芳舍社: tg.Phượng Xá,h.Cẩm Khê,p.Lâm Thao,t.ST 946

Phượng Xá (xã) 芳舍社: tg.Kim Bảng,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38

Phượng Xá (xã) 芳舍社: tg.Ti Bà,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 511

Phượng Xá (xã) 芳舍社: tg.Đoàn Bái,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 131

Phượng Xuân (xã) 芳春社: tg.Long Đại,h.Phong Lộc,
p.Quảng Ninh,t.QB 1345

Phượng Xuân (phường) 方春坊: tg.Bái Ân,h.Thành Hoá,đạo QT 1393

Phượng Cương (thôn) 鳳崗村: x.Đặng Điền,tg.Đặng Xá,h.Chân Lộc,
p.Anh Sơn,t.NA 1246

Phượng Dực (tổng) 鳳翼總: h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN 17

Phượng Dực (xã) 鳳翼社: tg.Phượng Dực,h.Thượng Phúc,
p.Thường Tín,t.HN 17

Phượng Đám (thôn) 鳳盎村: x.Phượng Trì,tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1115

Phượng Đầu (xã) 鳳頭社: tg.Hoàng Lại,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD . 113

Phượng Hoàng (xã) 鳳凰社: tg.Thổ Ngổa,h.Cẩm Xuyên,đạo HT 1323

Phượng Hoàng (xã) 鳳凰社: tg.Phù Nội,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95

Phượng Hoàng (xã) 鳳凰社: tg.Kim Lôi,h.Đông Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165

Phượng Kỳ (xã) 鳳岐社: tg.Cựu Đình,h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST 913

Phượng Lai (xã) 鳳來社: tg.Trịnh Xá,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109

Phượng Lâu (tổng) 鳳樓總: h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957

Phượng Lâu (xã) 鳳樓社: tg.Phượng Lâu,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957

Phượng Lâu (xã) 鳳樓社: tg.Thanh Cù,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 259

Phượng Lịch (thôn) 鳳歷村: tg.Thuần Trung,h.Lương Sơn,
p.Anh Sơn,t.NA 1234

Phượng Lịch (xã) 鳳歷社: tg.Bái Trạch,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1090

Phượng Lịch (thôn) 鳳歷村: x.Phượng Lịch,tg.Bái Trạch,h.Hoàng Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1090

Phượng Lịch (xã) 鳳歷社: tg.Bối Khê,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 29

Phượng Liễn (tổng) 鳳輦總: h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 960

Phượng Liễn (xã) 鳳輦社: tg.Phượng Liễn,h.Sơn Dương,
p.Đoan Hùng,t.ST 960

Phượng Liễn (thôn) 鳳輦村: tg.Vân Tân,h.Cẩm Xuyên,đạo HT 1324

Phượng Mao (sách) 鳳毛冊: tg.Hoàng Nhuệ,h.Bất Bạt,p.Quảng Oai,t.ST 916

Phượng Mao (xã) 鳳毛社: tg.Vũ Dương,h.Quế Dương,p.Từ Sơn,t.BN ... 500

Phượng Mao (xã) 鳳毛社: tg.Vân Bán,h.Yên Lập,p.Quy Hóa,t.HH 728

Phượng Nghi (xã) 鳳儀社: tg.Lân Du,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124

Phượng Nhãn (huyện) 鳳眼縣: p.Lạng Giang,t.BN 529

Phượng Nhãn (xã) 鳳眼社: tg.Trí Yên,h.Phượng Nhãn,
p.Lạng Giang,t.BN 530

Phượng Sơn (xã) 鳳山社: tg.Thượng Côi,h.Thủy Đường,
p.Kinh Môn,t.HD 162

Phượng Trì (xã) 鳳池社: tg.Yên Mô,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1024

Phượng Trì (xã) 鳳池社: tg.Đan Phượng Thượng,h.Đan Phượng,
p.Quốc Oai,t.ST 922

Phượng Trì (xã) 鳳池社: tg.Đông Lỗ,h.Yên Lạc,pp.Vinh Tường,t.ST 940

Phượng Trì (thôn) 鳳池村: x.Thứ Nhất,tg.Hàng Vi,h.Hoàng Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1089

Phượng Trì (xã) 鳳池社: tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1115

Phượng Trì (thôn) 鳳池村: x.Dị Sử,tg.Phá Lãng,h.Lương Tài,
p.Thuận Thành,t.BN 511

Phượng Tường (xã) 鳳翔社: tg.Cao Đường,h.Tiên Lữ,p.Tiên Hưng,t.HY 271

Phượng Tường (xã) 鳳翔社: tg.Văn Lang,h.Chân Ninh,
p.Xuân Trường,t.NĐ 312

Phượng Vĩ (xã) 鳳尾社: tg.Mỹ Xá,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40

Phượng Vĩ (sở) 鳳尾所: tg.Mỹ Xá,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40

Phượng Vĩ Hạ (tổng) 鳳尾下總: ch.Định,p.Tông Hóa,t.TN 807

Phượng Vĩ Hạ (xã) 鳳尾下社: tg.Phượng Vĩ Hạ,ch.Định,
p.Tông Hóa,t.TN 807

Phượng Vĩ Thượng (tổng) 鳳尾上總: ch.Định,p.Tông Hóa,t.TN 807

Phượng Vĩ Thượng (xã) 鳳尾上社: tg.Phượng Vĩ Thượng,ch.Định,
p.Tông Hóa,t.TN 807

Phượng Vĩ Trung (tổng) 鳳尾中總: ch.Định,p.Tông Hóa,t.TN 807

Phượng Vĩ Trung (xã) 鳳尾中社: tg.Phượng Vĩ Trung,ch.Định,
p.Tông Hóa,t.TN 807

Q

Qua Bộ (xã) 瓜步社: tg. Bao Trung, h. Gia Lộc, p. Ninh Giang, t. HD 130

Qua Điền (xã) 瓜田社: tg. Mai Pha, ch. Ôn, p. Trảng Khánh, t. LS 616

Quả (thôn) 果村: x. Quả Linh, tg. Trinh Xuyên, h. Vụ Bản, p. Nghĩa Hưng, t. ND 319

Quả Cảm (xã) 果敢社: tg. Cấn Độ, h. Tây Quan, p. Đoàn Hùng, t. ST 954

Quả Cảm (xã) 果敢社: tg. Châm Khê, h. Yên Phong, p. Từ Sơn, t. BN 497

Quả Khê (xã) 果溪社: tg. Văn Trinh, h. Hưng Nguyên, p. Anh Sơn, t. NA 1243

Quả Linh (xã) 果靈社: tg. Trinh Xuyên, h. Vụ Bản, p. Nghĩa Hưng, t. ND 319

Quả Nhựa (xã) 果銳社: tg. Thượng Cốc, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1145

Quả Phẩm (xã) 果品社: tg. Tam Đẳng, h. Nghi Xuân, p. Đức Thọ, t. NA 1264

Quả Thoát (xã) 果脱社: tg. Ngưỡng Đồng, h. Quảng Uyên, p. Trùng Khánh, t. CB 675

Quan (thôn) 官村: x. Bắc Lãm, tg. Thảng Lãm, h. Thanh Oai, p. Ứng Hòa, t. HN 28

Quan Bản (xã) 關本社: tg. Đồng Quan, h. Yên Bái, p. Trảng Khánh, t. LS 619

Quan Bằng (xã) 關憑社: tg. Quan Hoàng, h. Cẩm Thủy, p. Quảng Hóa, t. TH 1139

Quan Bế (tổng) 關閉總: h. Hưng Nhân, p. Tiên Hưng, t. HY 268

Quan Bế (xã) 關閉社: tg. Quan Bế, h. Hưng Nhân, p. Tiên Hưng, t. HY 268

Quan Biện (xã) 關汴社: tg. Quan Hoàng, h. Cẩm Thủy, p. Quảng Hóa, t. TH 1139

Quan Bồ (thôn) 關蒲村: x. Phú Xuân, tg. Kênh Thanh, h. Tiên Minh, p. Nam Sách, t. HD 117

Quan Cal (xã) 關垓社: tg. Phú Chấn, h. Thụy Nguyên, p. Thiệu Hóa, t. TH 1101

Quan Cao (xã) 關皋社: tg. Cao Mai, h. Chân Định, p. Kiến Xương, t. ND 331

Quan Châm (thôn) 官箴村: x. Thịnh Đức, tg. Thịnh Đức, h. Phú Xuyên, p. Thường Tín, t. HN 22

Quan Chiêm (xã) 觀瞻社: tg. Trung Bạ, h. Tống Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1083

Quan Chử (xã) 關渚社: tg. Nga Ổ, h. Thượng Lang, p. Trùng Khánh, t. CB 672

Quan Cù (xã) 關衢社: tg. An Xá, h. Cẩm Giàng, p. Bình Giang, t. HD 97

Quan Đài (tổng) 關臺總: h. Yên Lạc, pp. Vĩnh Tường, t. ST 941

Quan Đài (xã) 關臺社: tg. Quan Đài, h. Yên Lạc, pp. Vĩnh Tường, t. ST 941

Quan Đình (xã) 關亭社: tg. Bát Náo, h. Phụ Dực, pp. Thái Bình, t. ND 346

Quan Đình (xã) 關亭社: tg. Quan Ngoại, h. Tam Dương, p. Vĩnh Tường, t. ST 935

Quan Đình (xã) 關亭社: tg. Mẫn Xá, h. Đông Ngạn, p. Từ Sơn, t. BN 491

Quan Đình (xã) 關亭社: tg. Lạc Nghiệp, h. Thanh Lâm, p. Nam Sách, t. HD 111

Quan Độ (xã) 關度社: tg. Mẫn Xá, h. Đông Ngạn, p. Từ Sơn, t. BN 491

Quan Hà (xã) 關河社: tg. Quan Bế, h. Hưng Nhân, p. Tiên Hưng, t. HY 268

Quan Hóa (tổng) 觀化總: h. Yên Thành, p. Diễn Châu, t. NA 1250

Quan Hóa (xã) 觀化社: tg. Quan Hóa, h. Yên Thành, p. Diễn Châu, t. NA 1250

Quan Hóa (châu) 關化縣: p. Quảng Hóa, t. TH 1137

Quan Hoạch (thôn) 官獲村: x. Nghĩa Trai, tg. Cao Xá, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1125

Quan Hoàng (tổng) 關隍總: h. Cẩm Thủy, p. Quảng Hóa, t. TH 1139

Quan Hoàng (xã) 關隍社: tg. Quan Hoàng, h. Cẩm Thủy, p. Quảng Hóa, t. TH 1139

Quan Huế (xã) 關畦社: tg. Nam Sơn, h. Thất Khê, p. Trảng Định, t. LS 602

Quan Kênh (xã) 關涇社: tg. Hoàng Kênh, h. Thanh Lâm, p. Nam Sách, t. HD 110

Quan Khê (xã) 關溪社: tg. Đại Điền, h. Thanh Hà, p. Nam Sách, t. HD 113

Quan Khê (thôn) 關溪村: tg. Thanh Triều, h. Hưng Nhân, p. Tiên Hưng, t. HY 268

Quan Lạn (xã) 觀爛社: tg. Văn Hải, h. Nghiêu Phong, p. Sơn Định, t. QY 421

Quan Lũng (xã) 關隴社: tg. Chàng Xá, h. Vũ Nhai, p. Phú Bình, t. TN 803

Quan Ngoại (tổng) 關外總: h. Tam Dương, p. Vĩnh Tường, t. ST 935

Quan Ngoại (xã) 關外社: tg. Quan Ngoại, h. Tam Dương, p. Vĩnh Tường, t. ST 935

Quan Nha (xã) 關街社: tg. An Khê, h. Duy Tiên, p. Lý Nhân, t. HN 37

Quan Nhân (thôn) 官人村: tg. Khương Đình, h. Thanh Trì, p. Thường Tín, t. HN 19

Quan Nội (xã) 關內社: tg. Quan Ngoại, h. Tam Dương, p. Vĩnh Tường, t. ST 935

Quan Nội (thôn) 關內村: x. Từ Đà, tg. Từ Minh, h. Hoàng Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1089

Quan Nội (thôn) 官內村: x. Phù Sa, tg. Văn Trai, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1116

Quan Phác (xã) 關樸社: tg. Quan Hoàng, h. Cẩm Thủy, p. Quảng Hóa, t. TH 1139

Quan Phố (xã) 關浦社: tg. Chuyên Nghiệp, h. Phú Xuyên, p. Thường Tín, t. HN 23

Quan Phương (xã) 觀芳社: tg. Thái Lai, h. Quảng Xương, p. Tĩnh Gia, t. TH 1121

Quan Quan Hạ (xã) 觀關下社: tg. Ngô Khê, h. Nam Xương, p. Lý Nhân, t. HN 45

Quan Quan Thượng (xã) 觀關上社: tg. Ngô Khê, h. Nam Xương, p. Lý Nhân, t. HN 45

Quan Quan Trung (xã) 觀關中社: tg. Ngô Khê, h. Nam Xương, p. Lý Nhân, t. HN 45

Quan Quang (xã) 觀光社: tg. Nam Quang, h. Để Định, p. Tương An, t. TQ 871

Quan Sơn (xã) 關山社: tg. An Dật, h. Thanh Lâm, p. Nam Sách, t. HD 110

Quan Thiếu (xã) 關苴社: tg. Mỹ Dương, h. Phong Doanh, pp. Nghĩa Hưng, t. ND 325

Quan Trang (tổng) 觀莊總: h. Kim Thành, p. Kiến Thụy, t. HD 148

Quan Trang (xã) 觀莊社: tg. Quan Trang, h. Kim Thành, p. Kiến Thụy, t. HD 148

Quan Trì (xã) 官池社: tg. Quan Hoàng, h. Cẩm Thủy, p. Quảng Hóa, t. TH 1139

Quan Trung (tổng) 關中總: tg. Thái Xá, h. Đông Thành, p. Diễn Châu, t. NA 1249

Quan Trung (xã) 關中社: tg. Quan Trung, h. Đông Thành, p. Diễn Châu, t. NA 1249

Quan Trường (xã) 官場社: tg. Thượng Đình, h. Tư Nông, p. Phú Bình, t. TN 794

Quan Tự (thôn) 關寺村: x. Đại Bối, tg. Đại Bối, h. Sơn Minh, p. Ứng Hòa, t. HN 26

Quan Vinh (tổng) 觀榮總: h. Gia Viễn, p. Yên Khánh, t. NB 1029

Quan Vinh (xã) 觀榮社: tg. Quan Vinh, h. Gia Viễn, p. Yên Khánh, t. NB 1029

Quan Vịnh (xã) 觀詠社: tg. Quan Hoàng, h. Cẩm Thủy, p. Quảng Hóa, t. TH 1139

Quan Xá (xã) 關舍社: tg. Quan Trung, h. Đông Thành, p. Diễn Châu, t. NA 1249

Quan Xuyên (xã) 關川社: tg. Đại Quan, h. Đông Yên, p. Khoái Châu, t. HY 252

Quan Yên (xã) 官安社: tg. Yên Định, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1109

Quang (thôn) 光村: x. Lạc Thủy, tg. Tam Lộng, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1145

Quang (thôn) 光村: tg. Trà Lĩnh, h. Thạch Lâm, p. Hòa An, t. CB 659

Quang Anh (xã) 光英社: tg. Thị Đức, h. Gia Lộc, p. Ninh Giang, t. HD 131

Quang Ấm (xã) 光蔭社: tg. Điện Lư, h. Cẩm Thủy, p. Quảng Hóa, t. TH 1140

Quang Ấm (xã) 琬蔭社: tg. Lam Cầu, h. Duy Tiên, p. Lý Nhân, t. HN 37

Quang Bĩ (tổng) 光賁總: ch. Văn Uyên, p. Trảng Định, t. LS 611

Quang Bĩ (xã) 光賁社: tg. Quang Bĩ, ch. Văn Uyên, p. Trảng Định, t. LS 611

Quang Bị (xã) 光被社: tg. Hạ Bị, h. Bát Bạt, p. Quảng Oai, t. ST 915

Quang Bị (xã) 光被社: tg. Thị Đức, h. Gia Lộc, p. Ninh Giang, t. HD 131

Quang Biểu (tổng) 光表總: h. Việt Yên, p. Lạng Giang, t. BN 534

Quang Biểu (xã) 光表社: tg. Quang Biểu, h. Việt Yên, p. Lạng Giang, t. BN 534

Quang Chỉ (xã) 光址社: tg. Đồ Xá, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1124

Quang Chiêm (xã) 光瞻社: tg. Văn Lâm, h. La Sơn, p. Đức Thọ, t. NA 1255

Quang Chiêm (*thôn*) 光瞻村: x.Quang Chiêm,tg.Văn Lâm,h.La Sơn,
p.Đức Thọ,t.NA 1255

Quang Chiêm (*thôn*) 光占村: x.Đồng Lương,tg.Ngọc Đối,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1115

Quang Chiêm (*tổng*) 光瞻總: ch.Quan Hóa,p.Quảng Hóa,t.TH 1138

Quang Chiêm (*xã*) 光瞻社: tg.Quang Chiêm,ch.Quan Hóa,
p.Quảng Hóa,t.TH 1138

Quang Chiếu (*tổng*) 光照總: h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1105

Quang Chiếu (*xã*) 光照社: tg.Quang Chiếu,h.Đồng Sơn,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1106

Quang Chiếu (*xã*) 光照村: tg.Sóc Sơn,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH . 1131

Quang Cống (*xã*) 光貢社: tg.Lệnh Cẩm,h.Hạ Lang,p.Trùng Khánh,t.CB 676

Quang Diệu (*xã*) 光耀社: tg.Hòa Lạc,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926

Quang Dụ (*thôn*) 光裕村: x.Triều Khẩu,tg.Văn Viên,h.Hưng Nguyên,
p.Anh Sơn,t.NA 1242

Quang Dực (*xã*) 琯翼社: tg.Bố Dương,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124

Quang Điểm (*xã*) 光點社: tg.Phú Khê,h.Y Yên,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 323

Quang Hiển (*xã*) 光顯社: tg.Đàm Khánh,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025

Quang Húc (*xã*) 光旭社: tg.Chu Chàng,h.Tiên Phong,p.Quảng Oai,t.ST 909

Quang Húc (*xã*) 光旭社: tg.Tứ Mỹ,h.Tam Nông,p.Gia Hưng,t.HH 709

Quang Huy (*tổng*) 光輝總: ch.Phù Yên,p.Gia Hưng,t.HH 716

Quang Huy (*xã*) 光輝社: tg.Quang Huy,ch.Phù Yên,p.Gia Hưng,t.HH ... 716

Quang Kha (*xã*) 琯珂社: tg.Tam Lộng,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 935

Quang Lâm (*xã*) 琯覽社: tg.Thắng Lâm,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 28

Quang Lang (*xã*) 琯榔社: tg.Hồ Đội,h.Thuy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343

Quang Lang (*xã*) 琯榔社: tg.Tràng Quế,ch.Ôn,p.Tràng Khánh,t.LS 617

Quang Lang (*chợ*) 琯榔市: tg.Tràng Quế,ch.Ôn,p.Tràng Khánh,t.LS 617

Quang Lăng (*phường*) 光朗坊: tg.Cát Ngạn,h.Thanh Chương,
p.Anh Sơn,t.NA 1239

Quang Lăng (*xã*) 光朗社: tg.Huyền Lăng,h.Vĩnh Hòa,
p.Tương Dương,t.NA 1272

Quang Lăng Đoài (*thôn*) 光朗兑村: tg.Trung Bạ,h.Tống Sơn,
p.Hà Trung,t.TH 1083

Quang Lăng Đông (*thôn*) 光朗东村: tg.Trung Bạ,h.Tống Sơn,
p.Hà Trung,t.TH 1083

Quang Lễ (*xã*) 琯禮社: tg.Bằng Dã,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 93

Quang Lệ (*xã*) 光麗社: tg.Cát Dương,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY 256

Quang Lối (*trại*) 琯塹寨: tg.Quỳnh Lưu,h.Phụng Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1038

Quang Luyện (*tổng*) 光練總: h.Quế Phong,p.Quỳ Châu,t.NA 1276

Quang Luyện (*xã*) 光練社: tg.Quang Luyện,h.Quế Phong,
p.Quỳ Châu,t.NA 1276

Quang Mãn (*xã*) 光滿社: tg.Mễ Sơn,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165

Quang Ốc (*xã*) 琯沃社: tg.Thổ Ốc,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45

Quang Phong (*tổng*) 光風總: h.Thủy Văn,p.Quỳ Châu,t.NA 1276

Quang Phong (*xã*) 光風社: tg.Quang Phong,h.Thủy Văn,
p.Quỳ Châu,t.NA 1276

Quang Tắt (*xã*) 琯滕社: tg.Ất Sơn,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959

Quang Tiễn (*thôn*) 光前村: x.Thiếu Xuyên,tg.Văn Trính,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1115

Quang Tiễn (*xã*) 光前社: tg.Thái Lai,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH . 1121

Quang Tiễn (*thôn*) 光前村: tg.Tuyển Cừ,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD . 92

Quang Trác (*xã*) 琯琢社: tg.Phù Lưu,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38

Quang Trí (*xã*) 琯致社: tg.Kim Lôi,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165

Quang Viễn (*xã*) 光遠社: tg.Bạch Lưu,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST . 933

Quang Vinh (*xã*) 琯榮社: tg.Hóa Thượng,h.Đồng Hỷ,p.Phù Bình,t.TN ... 798

Quang Xá (*xã*) 光舍社: tg.Viên Quang,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY 255

Quang Xán (*xã*) 光爓社: tg.Như Thức,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 307

Quanh (*thôn*) 航村: tg.Thổ Hoàng,h.Ân Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256

Quản (*trang*) 管庄: tg.Phùng Thịnh,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1102

Quản Xá (*xã*) 管舍社: tg.Phùng Thịnh,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1102

Quảng A (*xã*) 廣阿社: tg.Tuân Lộ,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930

Quảng Ái (*xã*) 廣愛社: tg.Đồng Cửu,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509

Quảng Bá (*phường*) 廣布坊: tg.Thượng,h.Vĩnh Thuận,p.Hoài Đức,t.HN ... 13

Quảng Bạch (*xã*) 廣白社: tg.Nhu Viễn,ch.Bạch Thông,
p.Thông Hóa,t.TN 819

Quảng Bí (*xã*) 廣秘社: tg.Ngọc Lâm,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134

Quảng Bị (*tổng*) 廣被總: h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31

Quảng Bị (*xã*) 廣被社: tg.Quảng Bị,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31

Quảng Bình (*tỉnh*) 廣平省: 1339

Quảng Bố (*tổng*) 廣布總: h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 511

Quảng Bố (*xã*) 廣布社: tg.Quảng Bố,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN . 511

Quảng Cầu (*xã*) 廣球社: tg.Ngọc Trì,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN . 511

Quảng Châu (*thôn*) 廣洲村: tg.Thuận Hoà,h.Bình Chính,
p.Quảng Trạch,t.QB 1353

Quảng Chiếu (*xã*) 廣照社: tg.Quang Chiếu,h.Đồng Sơn,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1105

Quảng Chiếu (*tổng*) 廣照總: h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1106

Quảng Chiếu Thượng (*xã*) 廣照上社: tg.Quảng Chiếu,h.Đồng Sơn,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1106

Quảng Cố (*xã*) 廣固社: tg.Tức Tranh,h.Phú Lương,p.Tông Hóa,t.TN 812

Quảng Công (*xã*) 廣功社: tg.Yên Mô,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1024

Quảng Cư (*xã*) 廣居社: tg.Xuân Lai,h.Phong Đăng,p.Quảng Ninh,t.QB 1347

Quảng Cư (*xã*) 廣居社: tg.Hoàng Chí,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST . 935

Quảng Cư (*xã*) 廣居社: tg.Dương Nỗ,h.Phú Vang,p.TT 1420

Quảng Cư (*xã*) 廣居社: tg.Mai Pha,ch.Ôn,p.Tràng Khánh,t.LS 616

Quảng Cư (*xã*) 廣居社: tg.Cổ Liêu,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 317

Quảng Đạt (*xã*) 廣達社: tg.Cam Đường,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD . 147

Quảng Điền (*xã*) 廣田社: tg.An Dã,h.Đặng Xương,đạo QT 1384

Quảng Điền (*huyện*) 廣田縣: p.TT 1426

Quảng Độ (*thôn*) 廣度村: tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH ... 1121

Quảng Đông (*bang*) 廣東幫: tg.Thọ Hạc,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1104

Quảng Đông (*bang*) 廣東幫: t.TH 1104

Quảng Đông (*bang*) 廣東幫: t.TH 1156

Quảng Đông (*bang*) 廣東幫: tg.Thượng Pha,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 664

Quảng Động (*xã*) 廣洞社: tg.Vân Tự,h.Đồng Thành,p.Diễn Châu,t.NA 1249

Quảng Động (*xã*) 廣洞社: tg.Hoàng Xá,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 919

Quảng Đối (*xã*) 廣戴社: tg.Đạo Tú,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26

Quảng Giáo (*xã*) 廣教社: tg.Sơn Đô,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 860

Quảng Hán (*xã*) 廣漢社: tg.Bái Châu,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109

Quảng Hóa (*phủ*) 廣化府: t.TH 1128

Quảng Khai (*xã*) 廣開社: tg.Thiện Kế,h.Bình Xuyên,p.Phù Bình,t.TN 801

Quảng Khê (*tổng*) 廣溪總: ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN 819

Quảng Khê (*xã*) 廣溪社: tg.Quảng Khê,ch.Bạch Thông,
p.Thông Hóa,t.TN 819

Quảng Khuyến (*xã*) 廣勸社: tg.Nội Ngoại,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269

Quảng La (*xã*) 廣羅社: tg.Trí Xuyên,h.Hoành Bô,p.Sơn Định,t.QY 406

Quảng Lại (*xã*) 廣賴社: tg.Đại Định,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 28

Quảng Lâm (*tổng*) 廣覽總: h.Quế Dương,p.Từ Sơn,t.BN 500

Quảng Lâm (*xã*) 廣覽社: tg.Quảng Lâm,h.Quế Dương,p.Từ Sơn,t.BN ... 500

Quảng Lăng (*xã*) 廣陵社: tg.La Miết,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1126

Quảng Luận (*xã*) 廣論社: tg.Phúc Hải,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 141

Quảng Lượng (*xã*) 廣量社: tg.An Dã,h.Đặng Xương,đạo QT 1384

Quảng Mạc (*xã*) 廣漠社: tg.Yên Phú,h.Trần Yên,p.Quỳ Hóa,t.HH 727

Quảng Mạc (*xã*) 廣廩社: tg.Quang Bí,ch.Văn Uyên,p.Tràng Định,t.LS ... 611

Quảng Mô (xã) 廣謨社: tg. Phi Mô, h. Bảo Lộc, p. Lạng Giang, t. BN	531
Quảng Nạp (tổng) 廣納總: h. Thụy Anh, p. Thái Bình, t. ND	343
Quảng Nạp (xã) 廣納社: tg. Quảng Nạp, h. Thụy Anh, p. Thái Bình, t. ND ...	343
Quảng Nạp (xã) 廣納社: tg. Đàm Khánh, h. Yên Mô, p. Yên Khánh, t. NB .	1025
Quảng Nạp (xã) 廣納社: tg. Ninh Dân, h. Thanh Ba, p. Lâm Thao, t. ST	948
Quảng Nạp (xã) 廣納社: tg. Định Biên Hạ, ch. Định, p. Tông Hóa, t. TN	807
Quảng Nạp (thôn) 廣納村: x. An Hoạch, tg. Quảng Chiếu, h. Đông Sơn, p. Thiệu Hóa, t. TH	1106
Quảng Nạp (xã) 廣納社: tg. Quảng Bó, h. Lương Tài, p. Thuận Thành, t. BN	511
Quảng Nạp (xã) 廣納社: tg. Thượng Đồng, h. Phong Doanh, pp. Nghĩa Hưng, t. ND	325
Quảng Nguyên (xã) 廣源社: tg. Xã Cầu, h. Sơn Minh, p. Ứng Hòa, t. HN	26
Quảng Nhân (xã) 廣仁社: tg. Mai Pha, ch. Ôn, p. Tràng Khánh, t. LS	616
Quảng Ninh (phủ) 廣寧府: t. QB	1343
Quảng Oai (phủ) 廣威府: t. ST	906
Quảng Phúc (xã) 廣福社: tg. Đa Mai, h. Yên Dũng, p. Lạng Giang, t. BN	533
Quảng Phúc (tổng) 廣福總: h. Yên Mô, p. Yên Khánh, t. NB	1025
Quảng Phúc (xã) 廣福社: tg. Quảng Phúc, h. Yên Mô, p. Yên Khánh, t. NB	1025
Quảng Phúc (trang) 廣福庄: tg. Thượng Bạ, h. Tống Sơn, p. Hà Trung, t. TH	1082
Quảng Tân (xã) 廣津社: tg. Cao Đài, h. Chí Linh, p. Nam Sách, t. HD	106
Quảng Tây (bang) 廣西幫: tg. Giang Ngô, h. Thạch An, p. Hòa An, t. CB	664
Quảng Tế (huyện) 廣濟縣: p. Quảng Hóa, t. TH	1133
Quảng Tế (tổng) 廣濟總: h. Quảng Tế, p. Quảng Hóa, t. TH	1133
Quảng Tế (xã) 廣濟社: tg. Quảng Tế, h. Quảng Tế, p. Quảng Hóa, t. TH ...	1133
Quảng Tế (thôn) 廣濟村: tg. Vồng Nhi, h. Hường Thủy, p. TT	1423
Quảng Thi (tổng) 廣施總: h. Thụy Nguyên, p. Thiệu Hóa, t. TH	1102
Quảng Thi (xã) 廣施社: tg. Quảng Thi, h. Thụy Nguyên, p. Thiệu Hóa, t. TH	1102
Quảng Thị (phường) 廣市坊: tg. Trung Môn, h. Hàm Yên, p. An Bình, t. TQ .	859
Quảng Trạch (phủ) 廣澤府: t. QB	1350
Quảng Trị (đạo) 廣治道:	1381
Quảng Trù (xã) 廣疇社: tg. Hà Quảng, h. Thạch Lâm, p. Hòa An, t. CB	659
Quảng Trữ (trang) 廣儲庄: tg. Trinh Nữ, ch. Lộc Bình, p. Tràng Khánh, t. LS	621
Quảng Từ (xã) 廣慈社: tg. Nộn Khê, h. Yên Mô, p. Yên Khánh, t. NB	1025
Quảng Uyên (huyện) 廣淵縣: p. Trùng Khánh, t. CB	674
Quảng Xá (xã) 廣舍社: tg. Thủy Ba, h. Minh Linh, đạo QT	1390
Quảng Xá (phường) 廣舍坊: x. Mai Xá, tg. An Mỹ, h. Do Linh, đạo QT	1391
Quảng Xá (thôn) 廣舍村: x. Bó Vệ, tg. Bố Đức, h. Đông Sơn, p. Thiệu Hóa, t. TH	1104
Quảng Xuyên (xã) 廣川社: tg. Quang Chiếu, h. Đông Sơn, p. Thiệu Hóa, t. TH	1106
Quảng Xuyên (tổng) 廣川總: h. Phú Vang, p. TT	1420
Quảng Xuyên (xã) 廣川社: tg. Quảng Xuyên, h. Phú Vang, p. TT	1420
Quảng Xuyên (xã) 廣川社: tg. Toại An, h. Tứ Kỳ, p. Ninh Giang, t. HD	134
Quảng Xương (huyện) 廣昌縣: p. Tĩnh Gia, t. TH	1120
Quảng Yên (tỉnh) 廣安省:	395
Quán (thôn) 館村: x. Quán Xá, tg. Phú Khê, h. Thần Khê, p. Tiên Hưng, t. HY ..	265
Quán Các (xã) 館閣社: tg. Hộ Xá, h. Giao Thủy, p. Xuân Trường, t. ND	304
Quán Dương (xã) 淮陽社: tg. Lương Lỗ, h. Thanh Ba, p. Lâm Thao, t. ST ...	948
Quán Đào (xã) 館陶社: tg. Mỹ Xá, h. Tứ Kỳ, p. Ninh Giang, t. HD	133
Quán Khái (xã) 灌溉社: tg. An Lạc, h. Vĩnh Lại, p. Ninh Giang, t. HD	124
Quán La (xã) 觀羅社: tg. Phú Gia, h. Từ Liêm, p. Hoài Đức, t. HN	8
Quán La (sở) 觀羅所: tg. Phú Gia, h. Từ Liêm, p. Hoài Đức, t. HN	8
Quán Nha (xã) 館衙社: tg. Lam Cầu, h. Duy Tiên, p. Lý Nhân, t. HN	37
Quán Trạch (xã) 灌澤社: tg. Phụng Công, h. Văn Giang, pp. Thuận Thành, t. BN	517

Quán Triều (xã) 觀朝社: tg. Sơn Cẩm, h. Phú Lương, p. Tông Hóa, t. TN	812
Quán Xá (thôn) 館舍村: x. An Phú, tg. Thái Đường, h. Hoài An, p. Ứng Hòa, t. HN	33
Quán Xá (xã) 館舍社: tg. Phú Khê, h. Thần Khê, p. Tiên Hưng, t. HY	265
Quần Bác (xã) 均博社: tg. Cao Mại, h. Chân Định, p. Kiến Xương, t. ND	331
Quần Bình (xã) 均平社: tg. Hà Vĩ, ch. Bạch Thông, p. Thông Hóa, t. TN	819
Quần Động (xã) 筠洞社: tg. Hạ Động, h. Đông Quan, p. Thái Bình, t. ND	339
Quần Kênh (xã) 勻涇社: tg. An Thái, h. Hải Lăng, đạo QT	1385
Quần Khê (xã) 均溪社: tg. Động Lâm, h. Hạ Hòa, p. Lâm Thao, t. ST	950
Quần Lao (xã) 均勞社: tg. Nhân Lý, ch. Văn Uyên, p. Tràng Định, t. LS	610
Quần Lợi (trại) 均利寨: tg. Hoàng Thu, h. Giao Thủy, p. Xuân Trường, t. ND	304
Quần Ngao (xã) 鈞鰲社: tg. An Đồn, h. Đăng Xương, đạo QT	1384
Quần Ngao (phường) 鈞鰲坊: tg. Mai Lộc, h. Thành Hóa, đạo QT	1393
Quần Nhân (tổng) 均仁總: ch. Thường Xuân, p. Thọ Xuân, t. TH	1147
Quần Nhân (xã) 均仁社: tg. Quần Nhân, ch. Thường Xuân, p. Thọ Xuân, t. TH	1147
Quần Phú (thôn) 均富社: tg. Đăng Trường, h. Hậu Lộc, p. Hà Trung, t. TH .	1096
Quần Phú (xã) 均富社: tg. Nam Cai, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH	1145
Quần Trạch (trại) 均澤寨: tg. Tân An, h. Tiến Hải, p. Kiến Xương, t. ND	335
Quần Triêm (trại) 均霪寨: tg. Chất Thành, h. Kim Sơn, p. Yên Khánh, t. NB	1032
Quảng Xá (thôn) 廣舍村: x. Nam Kim Đông, tg. Nam Kim, h. Thanh Chương, p. Anh Sơn, t. NA	1239
Quần Anh (tổng) 群英總: h. Chân Ninh, p. Xuân Trường, t. ND	313
Quần Anh Hạ (xã) 群英下社: tg. Quần Anh, h. Chân Ninh, p. Xuân Trường, t. ND	313
Quần Anh Thượng (xã) 群英上社: tg. Quần Anh, h. Chân Ninh, p. Xuân Trường, t. ND	313
Quần Anh Trung (xã) 群英中社: tg. Quần Anh, h. Chân Ninh, p. Xuân Trường, t. ND	313
Quần Bối (thôn) 群貝村: x. Chu Côn, tg. Vạn Thiện, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH	1125
Quần Cao (xã) 群高社: tg. Cao Mại, h. Chân Định, p. Kiến Xương, t. ND	331
Quần Điểm (thôn) 群恬村: x. Yên Thái, tg. Yên Thái, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH	1115
Quần Đội (xã) 群隊社: tg. Diên Hào, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH	1146
Quần Hậu (thôn) 群厚村: x. Hà Mi, tg. Yên Định, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH	1124
Quần Kênh (thôn) 群涇村: x. Kiên Thạch, tg. Kiên Thạch, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH	1144
Quần Lạc (xã) 群樂社: tg. Văn Lang, h. Chân Ninh, p. Xuân Trường, t. ND ..	312
Quần Lạc (lý) 群樂里: tg. Sĩ Lâm, h. Đại An, p. Nghĩa Hưng, t. ND	316
Quần Lai (thôn) 群來村: x. Bảo Đà, tg. Thượng Cốc, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH	1145
Quần Lai (thôn) 群來村: tg. Diên Hào, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH	1146
Quần Lao (xã) 群牢社: tg. Diên Hưng, h. Nam Chân, p. Xuân Trường, t. ND	310
Quần Lãm (thôn) 群廩村: x. Văn Phái Ngoại, tg. Văn Trường, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH	1117
Quần Liêu (xã) 群遼社: tg. Hải Lăng, h. Đại An, p. Nghĩa Hưng, t. ND	316
Quần Lương (xã) 群良社: tg. Văn Lang, h. Chân Ninh, p. Xuân Trường, t. ND	312
Quần Mục (xã) 群睦社: tg. Đại Lộc, h. Nghi Dương, p. Kiến Thụy, t. HD	140
Quần Ngọc (thôn) 群玉村: x. Đông Lâm, tg. Nga Khê, h. Can Lộc, p. Đức Thọ, t. NA	1269
Quần Ngọc (thôn) 群玉村: x. Văn Trinh, tg. Văn Trinh, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH	1115
Quần Ngọc (thôn) 群玉村: x. Quảng Lăng, tg. La Miết, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH	1126

Quần Ngọc (xã) 群玉社: tg. Diên Hào, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH ...	1146
Quần Nham (thôn) 群巖村: x. Cam Lộ, tg. Đông Xá, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH	1124
Quần Thanh (thôn) 群青村: x. Cam Lộ, tg. Đông Xá, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH	1124
Quần Tín (thôn) 群信村: x. Tam Lộng, tg. Tam Lộng, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH	1145
Quần Trọng (thôn) 群仲村: x. Xa Kinh, tg. Thượng Cốc, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH	1145
Quần Trúc (thôn) 群竹村: x. Cam Lộ, tg. Đông Xá, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH	1124
Quất Bàng (xã) 橘旁社: tg. Trạm Diên, h. Lục Ngạn, p. Lạng Giang, t. BN ...	537
Quất Cốt (xã) 橘汨社: tg. Nhật Chiêu, h. Bạch Hạc, p. Vĩnh Tường, t. ST	931
Quất Du (xã) 橘油社: tg. Mục Sơn, h. Yên Thế, pp. Lạng Giang, t. BN	540
Quất Động (xã) 橘洞社: tg. Bình Lăng, h. Thượng Phúc, p. Thường Tín, t. HN 17	
Quất Lâm (xã) 橘林社: tg. Lạn Mầu, h. Phượng Nhãn, p. Lạng Giang, t. BN .	530
Quất Lâm (xã) 橘林社: tg. Dã Cát, h. Mỹ Lương, p. Quốc Oai, t. ST	926
Quất Lâm (xã) 橘林社: tg. Hà Hồi, h. Thượng Phúc, p. Thường Tín, t. HN	17
Quất Lâm (thôn) 橘林村: x. Vạn Quất, tg. Trám Lộng, h. Sơn Minh, p. Ứng Hòa, t. HN	26
Quất Lâm (trang) 橘林庄: tg. Hoành Nha, h. Giao Thủy, p. Xuân Trường, t. ND	304
Quất Lựu (xã) 橘榴社: tg. Hương Canh, h. Yên Lãng, pp. Vĩnh Tường, t. ST 938	
Quất Tĩnh (xã) 橘井社: tg. Hà Hồi, h. Thượng Phúc, p. Thường Tín, t. HN	17
Quất Xá (phường) 橘舍坊: tg. Mai Lộc, h. Thành Hoá, đạo QT	1393
Quế Dương (xã) 桂楊社: tg. Dương Liễu, h. Đan Phượng, p. Quốc Oai, t. ST 921	
Quế Dương (huyện) 桂楊縣: p. Từ Sơn, t. BN	499
Quế Lâm (thôn) 桂林村: x. Hiệp Thuận, tg. Hạ Hiệp, h. Yên Sơn, p. Quốc Oai, t. ST	919
Quế Lâm (xã) 桂林社: tg. Minh Doãn, h. Tây Quan, p. Đoàn Hùng, t. ST	954
Quế Lâm (xã) 桂林社: tg. Trà Hương, h. Nghi Dương, p. Kiến Thụy, t. HD	140
Quế Lâm (xã) 桂林社: tg. Hoàng Tranh, h. Phú Cừ, p. Khoái Châu, t. HY	255
Quế Linh (xã) 桂苓社: tg. Định Biên Thượng, ch. Định, p. Tông Hóa, t. TN ...	806
Quế Lĩnh (xã) 桂嶺社: tg. Cổ Biện, h. Giáp Sơn, p. Kinh Môn, t. HD	157
Quế Nham (tổng) 桂岩總: h. Yên Thế, pp. Lạng Giang, t. BN	540
Quế Nham (xã) 桂岩社: tg. Quế Nham, h. Yên Thế, pp. Lạng Giang, t. BN ..	540
Quế Nham (xã) 桂巖社: tg. Đạo Kỳ, h. Lập Thạch, p. Vĩnh Tường, t. ST	933
Quế Ổ (xã) 桂塢社: tg. Đại Toán, h. Quế Dương, p. Từ Sơn, t. BN	499
Quế Phong (huyện) 桂峰縣: p. Quỳnh Châu, t. NA	1276
Quế Sơn (xã) 桂山社: tg. Bản Động, h. Lục Ngạn, p. Lạng Giang, t. BN	537
Quế Sơn (xã) 桂山社: tg. Ước Lễ, h. Thanh Oai, p. Ứng Hòa, t. HN	29
Quế Sơn (xã) 桂山社: tg. Sơn Lương, h. Yên Lập, p. Quỳnh Hóa, t. HH	728
Quế Tân (tổng) 桂津總: h. Võ Giàng, p. Từ Sơn, t. BN	501
Quế Tân (xã) 桂津社: tg. Quế Tân, h. Võ Giàng, p. Từ Sơn, t. BN	501
Quế Trạo (xã) 桂棹社: tg. Đạo Kỳ, h. Lập Thạch, p. Vĩnh Tường, t. ST	933
Quế Trạo (tổng) 桂棹總: h. Hiệp Hòa, p. Đa Phúc, t. BN	522
Quế Trạo (xã) 桂棹社: tg. Quế Trạo, h. Hiệp Hòa, p. Đa Phúc, t. BN	522
Qui Chính (tổng) 歸正總: ch. Lương Chánh, p. Thọ Xuân, t. TH	1150
Qui Hậu (xã) 歸厚社: tg. Trảng Quế, ch. Ôn, p. Trảng Khánh, t. LS	617
Qui Nhân (xã) 歸仁社: tg. Nhân Mục, h. Vị Xuyên, p. Tương An, t. TQ	874
Quy Chính (thôn) 歸正村: tg. Xuân Liễu, h. Nam Đường, p. Anh Sơn, t. NA 1236	
Quy Đức (thôn) 歸德村: tg. Hà Bạc, h. Bố Trạch, p. Quảng Trạch, t. QB	1358
Quy Đức (xã) 歸德社: tg. Đức Nhân, ch. Đà Bắc, p. Gia Hưng, t. HH	719
Quy Hậu (xã) 歸厚社: tg. Bồng Hải, h. Yên Khánh, p. Yên Khánh, t. NB	1021
Quy Hậu (tổng) 歸厚總: h. Kim Sơn, p. Yên Khánh, t. NB	1033
Quy Hậu (lỵ) 歸厚里: tg. Quy Hậu, h. Kim Sơn, p. Yên Khánh, t. NB	1033
Quy Hậu (xã) 歸厚社: tg. Lạc Nghiệp, h. Lạc Yên, p. Nho Quan, t. NB	1040
Quy Hậu (xã) 歸厚社: tg. Mỹ Trạch, h. Lệ Thủy, p. Quảng Ninh, t. QB	1348
Quy Hậu (xã) 歸厚社: tg. Hóa Nhân, ch. Văn Uyên, p. Trảng Định, t. LS	611
Quy Hóa (phủ) 歸化府: t. HH	723
Quy Hợp (tổng) 歸合總: h. Hương Khê, p. Đức Thọ, t. NA	1262
Quy Hướng (xã) 歸向社: tg. Mộc Hạ, ch. Mộc, p. Gia Hưng, t. HH	721
Quy Lai (xã) 歸來社: tg. Quan Hóa, h. Yên Thành, p. Diễn Châu, t. NA	1250
Quy Lai (xã) 歸來社: tg. Mậu Tài, h. Phú Vang, p. TT	1420
Quy Lưu (phường) 歸流坊: tg. Phù Đạm, h. Kim Bảng, p. Lý Nhân, t. HN	38
Quy Mộ (xã) 歸墓社: tg. Phú Yên, ch. Tuấn Giáo, p. Điện Biên, t. HH	739
Quy Mông (xã) 龜蒙社: tg. Yên Thường, h. Đông Ngạc, p. Từ Sơn, t. BN	491
Quy Mông (xã) 龜蒙社: tg. Yên Phú, h. Trấn Yên, p. Quỳnh Hóa, t. HH	727
Quy Mỹ (xã) 歸美社: tg. Lạc Thiện, h. Lạc Yên, p. Nho Quan, t. NB	1040
Quy Phú (xã) 歸富社: tg. Hành Thiện, h. Giao Thủy, p. Xuân Trường, t. ND .	304
Quy Triều (xã) 歸朝社: tg. Phương Vĩ Hạ, ch. Định, p. Tông Hóa, t. TN	807
Quy Trình (xã) 規程社: tg. Mỹ Lộc, h. Phong Điền, p. Quảng Ninh, t. QB ..	1347
Quy Túc (xã) 龜息社: tg. Phù Lưu, h. An Lão, p. Kiến Thụy, t. HD	144
Quy Vinh (thôn) 規榮村: h. Cẩm Xuyên, đạo HT	1324
Quy Xá (xã) 規舍社: tg. Vạn Quy, h. Đông Sơn, p. Thiệu Hóa, t. TH	1105
Quỳ Châu (phủ) 葵州府: t. NA	1274
Quỳ Chủ (xã) 葵渚社: tg. Dương Thủy, h. Mỹ Hóa, p. Hà Trung, t. TH	1094
Quỳ Dương (xã) 葵陽社: tg. Quỳ Trạch, h. Yên Thành, p. Diễn Châu, t. NA 1250	
Quỳ Dương (tổng) 葵楊總: h. Thúy Vân, p. Quỳ Châu, t. NA	1276
Quỳ Dương (xã) 葵楊社: tg. Quỳ Dương, h. Thúy Vân, p. Quỳ Châu, t. NA 1276	
Quỳ Khê (xã) 葵溪社: tg. Trúc Động, h. Thủy Đường, p. Kinh Môn, t. HD	162
Quỳ Lăng (xã) 葵陵社: tg. Quỳ Trạch, h. Yên Thành, p. Diễn Châu, t. NA ..	1250
Quỳ Thành (xã) 葵誠社: tg. Như Lăng, ch. Thường Xuân, p. Thọ Xuân, t. TH	1147
Quỳ Trạch (tổng) 葵澤總: h. Yên Thành, p. Diễn Châu, t. NA	1250
Quỳ Trạch (xã) 葵澤社: tg. Quỳ Trạch, h. Yên Thành, p. Diễn Châu, t. NA .	1250
Quý Đê (xã) 揆堤社: tg. Diên Hưng, h. Chân Ninh, p. Xuân Trường, t. ND	313
Quý Độ (xã) 軌度社: tg. Bồng Xuyên, h. Phong Doanh, pp. Nghĩa Hưng, t. ND	326
Quý Nhất (trại) 揆壹寨: tg. Sĩ Lâm, h. Đại An, p. Nghĩa Hưng, t. ND	316
Quý Cao (xã) 貴臬社: tg. An Đường, h. Tứ Kỳ, p. Ninh Giang, t. HD	134
Quý Dương (xã) 貴陽社: tg. Trường Kỳ, h. Cẩm Giàng, p. Bình Giang, t. HD .	97
Quý Đức (lỵ) 貴德里: tg. Tân Hưng, h. Tiến Hải, p. Kiến Xương, t. ND	335
Quý Đức (thôn) 貴德村: tg. Lâm Thịnh, h. Nam Đường, p. Anh Sơn, t. NA ..	1235
Quý Giáp (thôn) 貴甲村: x. Đăng Trường, tg. Đăng Trường, h. Hậu Lộc, p. Hà Trung, t. TH	1096
Quý Hòa (thôn) 貴和村: tg. Phú Hậu, h. Quỳnh Lưu, p. Diễn Châu, t. NA	1252
Quý Hoà (xã) 貴和社: tg. Lạc Đạo, h. Lạc Yên, p. Nho Quan, t. NB	1040
Quý Hòa (xã) 貴和社: tg. An Hùng, ch. Văn Uyên, p. Trảng Định, t. LS	611
Quý Khê (xã) 貴谿社: tg. Bằng Quận, h. Cẩm Giàng, p. Bình Giang, t. HD	97
Quý Kim (xã) 貴金社: tg. Lão Phong, h. Nghi Dương, p. Kiến Thụy, t. HD	141
Quý Lộc La Chủ (ấp) 貴祿羅渚邑: tg. Lương Diên, h. Phú Lộc, p. TT ...	1423
Quý Vinh (thôn) 貴榮村: tg. Hoàng Mai, h. Quỳnh Lưu, p. Diễn Châu, t. NA 1253	
Quý Xuyên (xã) 貴川社: tg. An Bồ, h. Vĩnh Bảo, p. Ninh Giang, t. HD	126
Quốc Oai (phủ) 國威府: t. ST	917
Quyển A (xã) 拳阿社: tg. Từ Sơn, h. Thất Khê, p. Trảng Định, t. LS	602
Quyển Đông (thôn) 權東村: h. Cẩm Xuyên, đạo HT	1324
Quyển Hoàng (thôn) 權衡村: h. Kỳ Anh, đạo HT	1327
Quyển Sơn (tổng) 卷山總: h. Kim Bảng, p. Lý Nhân, t. HN	38
Quyển (thôn) 眷村: x. Bái Trạch, tg. Hiệu Vũ, h. Hưng Nhân, p. Tiên Hưng, t. HY	268
Quyển Lũng (xã) 眷隴社: tg. Phú Xá, h. Văn Quan, p. Trảng Định, t. LS	605
Quyết Bình (ấp) 決平邑: tg. Chât Thành, h. Kim Sơn, p. Yên Khánh, t. NB 1032	
Quyết Nhược (xã) 厥若社: h. Cẩm Xuyên, đạo HT	1323

Quyết Trung (xã) 厥中社: tg.Bồng Hải,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB 1021
Quyết Trung (tổng) 厥中總: h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 934
Quyết Trung (xã) 厥中社: tg.Quyết Trung,h.Tam Dương, p.Vĩnh Tường,t.ST 934
Quỳnh Anh (lỵ) 瓊英里: tg.Ninh Nhất,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ 313
Quỳnh Bảo (xã) 瓊寶社: tg.Quỳnh Hoàng,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD 158
Quỳnh Biểu (xã) 瓊表社: tg.Hà Nam,h.Yên Hưng,p.Sơn Định,t.QY 413
Quỳnh Bôi (xã) 瓊盂社: tg.Thanh Khê,h.Đông Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH .. 1105
Quỳnh Bội (tổng) 瓊珮總: h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509
Quỳnh Bội (xã) 瓊珮社: tg.Quỳnh Bội,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN .. 509
Quỳnh Côi (huyện) 瓊瑰縣: pp.Thái Bình,t.NĐ 347
Quỳnh Côi (tổng) 瓊瑰總: h.Quỳnh Côi,pp.Thái Bình,t.NĐ 348
Quỳnh Côi (xã) 瓊瑰社: tg.Quỳnh Côi,h.Quỳnh Côi,pp.Thái Bình,t.NĐ .. 348
Quỳnh Côi (xã) 瓊瑰社: tg.Văn Trường,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH ... 1117
Quỳnh Côi (xã) 瓊瑰社: tg.Thị Đức,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 131
Quỳnh Côi Hạ (xã) 瓊瑰下社: tg.Thị Đức,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 131
Quỳnh Đô (xã) 瓊都社: tg.Cổ Điện,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 19
Quỳnh Đồi (thôn) 瓊堆村: tg.Phú Hậu,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA 1252
Quỳnh Đồi (xã) 瓊堆社: tg.Đạo Chân,h.Võ Giàng,p.Từ Sơn,t.BN 501
Quỳnh Động (xã) 瓊洞社: tg.Yên Thế,h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN .. 540
Quỳnh Hoàng (tổng) 瓊瓏總: h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD 158
Quỳnh Hoàng (xã) 瓊瓏社: tg.Quỳnh Hoàng,h.Giáp Sơn, p.Kinh Môn,t.HD 158
Quỳnh Khê (xã) 瓊溪社: tg.Cam Đường,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 147
Quỳnh Lâm (tổng) 瓊林總: h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA 1253
Quỳnh Lâm (xã) 瓊林社: tg.Quỳnh Lâm,h.Quỳnh Lưu, p.Diễn Châu,t.NA 1253
Quỳnh Lâm (thôn) 瓊林村: x.Bân Xá,tg.Minh Lương,h.Can Lộc, p.Đức Thọ,t.NA 1269
Quỳnh Lâm (xã) 瓊林社: tg.Cam Giá Thượng,h.Phúc Thọ, p.Quảng Oai,t.ST 913
Quỳnh Lâm (xã) 瓊林社: tg.Hoàng Nhụệ,h.Bất Bạt,p.Quảng Oai,t.ST ... 916
Quỳnh Lâm (xã) 瓊林社: tg.Vĩnh Lại,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944
Quỳnh Lâu (xã) 瓊樓社: tg.Hà Bắc,h.Yên Hưng,p.Sơn Định,t.QY 410
Quỳnh Lâu (xã) 瓊樓社: tg.Đăng Châu,h.Thượng Lang, p.Trùng Khánh,t.CB 672
Quỳnh Lôi (trại) 瓊雲砦: tg.Kim Liên,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12
Quỳnh Lưu (huyện) 瓊瑠縣: p.Diễn Châu,t.NA 1252
Quỳnh Lưu (tổng) 瓊瑠總: h.Phụng Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1038
Quỳnh Lưu (xã) 瓊瑠社: tg.Quỳnh Lưu,h.Phụng Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1038
Quỳnh Lý (xã) 瓊里社: tg.Yên Bái,h.Thuy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343
Quỳnh Ngọc (tổng) 瓊玉總: h.Quỳnh Côi,pp.Thái Bình,t.NĐ 348
Quỳnh Ngọc (xã) 瓊玉社: tg.Quỳnh Ngọc,h.Quỳnh Côi, pp.Thái Bình,t.NĐ 348
Quỳnh Nhai (châu) 瓊崖州: p.Diên Biên,t.HH 743
Quỳnh Quán (xã) 瓊管社: tg.Ngưỡng Đồng,h.Quảng Uyên, p.Trùng Khánh,t.CB 675
Quỳnh Sơn (tổng) 瓊山總: h.Vũ Nai,p.Phú Bình,t.TN 803
Quỳnh Sơn (xã) 瓊山社: tg.Quỳnh Sơn,h.Vũ Nai,p.Phú Bình,t.TN 803
Quỳnh Sơn (xã) 瓊山社: tg.Xuân Ấng,h.Phượng Nhân, p.Lạng Giang,t.BN 530
Quỳnh Thượng (thôn) 瓊上村: x.Văn Phái,tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1115
Quỳnh Trân (xã) 瓊珍社: tg.Lam Cầu,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37
Quỳnh Tự (xã) 瓊苗社: tg.Quỳnh Lâm,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA 1253
Quỳnh Văn (xã) 瓊文社: tg.Quỳnh Lâm,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA 1253

S

Sa (thôn) 沙村: x.Mỹ Dự,tg.Tuân La,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1117
Sa Cao (xã) 沙泉社: tg.Đội Trạch,h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ 329
Sa Cát (xã) 沙葛社: tg.Cát Hộ,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 341
Sa Châu (ấp) 沙洲邑: tg.Lạc Thiện,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 305
Sa Đề (xã) 沙堤社: tg.Diên Hưng,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ 313
Sa Khoát (châu) 沙闊洲: tg.Lưỡng Quán,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 941
Sa Khúc (xã) 沙曲社: tg.Phương Quan,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST .. 941
Sa Kiệt (xã) 砂碣社: tg.Túc Duyên,h.Động Hỷ,p.Phú Bình,t.TN 798
Sa Lung (xã) 紗籠社: tg.Hồ Xá,h.Minh Linh,đạo QT 1390
Sa Lung (xã) 砂籠社: tg.Văn Lăng,h.Động Hỷ,p.Phú Bình,t.TN 798
Sa Lung (tổng) 沙籠總: h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1140
Sa Lung (xã) 沙籠社: tg.Chiêu Lai,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100
Sa Lung (xã) 沙籠社: tg.Sơn Lương,h.Yên Lập,p.Quy Hóa,t.HH 728
Sa Lung (tổng) 沙籠總: h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 310
Sa Lung (xã) 沙籠社: tg.Sa Lung,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 310
Sa Lung (tràng) 沙籠庄: tg.Sa Lung,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ .. 310
Sa Trung (xã) 沙中社: tg.Đại Công,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 116
Sách Lâm (tổng) 册林總: ch.Yên,p.Gia Hưng,t.HH 722
Sách Lâm (xã) 册林社: tg.Sách Lâm,ch.Yên,p.Gia Hưng,t.HH 722
Sài (thôn) 柴村: x.Trường Quang,tg.Cao Xá,h.Nòng Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1125
Sài Đầu (xã) 柴頭社: tg.Văn Nham,h.Hùng Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 955
Sài Đường (xã) 柴塘社: tg.Phong Cốc,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100
Sài Khê (xã) 柴溪社: tg.Lật Sài,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 919
Sài Quất (xã) 柴橘社: tg.Đại Quan,h.Đông Yên,p.Khoái Châu,t.HY 252
Sài Thị (xã) 柴市社: tg.Đại Quan,h.Đông Yên,p.Khoái Châu,t.HY 252
Sài Thúc (thôn) 柴束村: x.Trùng Thanh Trung,tg.Phúc Lâm,h.Thọ Xương, p.Hoài Đức,t.HN 12
Sài Trang (tổng) 柴莊總: h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100
Sài Trang (xã) 柴莊社: tg.Sài Trang,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100
Sái Nghi (xã) 洒沂社: tg.Biểu Đa,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144
Sái Xuân (phường) 晒春坊: tg.An Thái,h.Hải Lăng,đạo QT 1385
San Lợi (thôn) 刊利村: x.Ốc Khê,tg.Nga Khê,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269
Sảng Mộc (xã) 爽木社: tg.Tân Chi,h.Vũ Nai,p.Phú Bình,t.TN 803
Sảo Châu (xã) 稍洲社: tg.Trương Xá,h.Cẩm Khê,p.Lâm Thao,t.ST 947
Sảo Phong (phường) 稍豐坊: tg.Thượng Lưu,h.Minh Hoá, p.Quảng Trạch,t.QB 1359
Sáp Mai (tổng) 插枚總: h.Yên Lăng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938
Sáp Mai (xã) 插枚社: tg.Sáp Mai,h.Yên Lăng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938
Sần Viên (xã) 潺湲社: tg.Đồng Quan,h.Yên Bái,p.Tràng Khánh,t.LS 619
Sâm Dương (xã) 琛陽社: tg.Xâm Thị,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 20
Sâm Động (xã) 琛洞社: tg.Xâm Thị,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 20
Sâm Hồ (xã) 琛湖社: tg.Xâm Thị,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 20
Sâm Linh (tổng) 參苓總: h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 140
Sâm Linh (xã) 參苓社: tg.Sâm Linh,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 140
Sâm Sâm (sách) 森森册: tg.Thượng Lưu,h.Minh Hoá, p.Quảng Trạch,t.QB 1359
Sâm Thị (tổng) 琛市總: h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 20
Sâm Thị (xã) 琛市社: tg.Xâm Thị,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 20
Sâm Xuyên (xã) 琛川社: tg.Xâm Thị,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 20
Sầm Dương (xã) 岑陽社: tg.Át Sơn,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959
Sầm Khúc (xã) 岑曲社: tg.Đồng Xá,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN 506

Sấm Nưa (*huyện*) 岑柳縣: t.TH 1155

Sấm Nưa (*mường*) 岑柳佯: h.Sấm Nưa,t.TH 1155

Sấm Xuyên (*xã*) 岑川社: tg.Phục Hòa,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 663

Sấu Lâu (*xã*) 瘦樓社: tg.Lâu Thương,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957

Sen Hồ (*xã*) 蓮湖社: tg.Mật Ninh,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 533

Sen Hồ (*xã*) 蓮湖社: tg.Tĩnh Luyện,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 932

Sen Hồ (*xã*) 蓮湖社: tg.Liên Trì,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1114

Sen Hồ (*thôn*) 蓮湖村: x.Sen Hồ,tg.Liên Trì,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1114

Sênh (*thôn*) 笙村: x.Vạn Linh,tg.Thái Lai,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1121

Sĩ Bằng (*xã*) 荏憑社: tg.Lương Thương,h.Cẩm Hóa,p.Thông Hóa,t.TN ... 816

Sĩ Lâm (*tổng*) 士林總: h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316

Sĩ Lâm (*trại*) 士林寨: tg.Sĩ Lâm,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316

Sĩ Thọ (*xã*) 仕壽社: tg.Thiết Ống,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1140

Siêu Loại (*huyện*) 超類縣: p.Thuận Thành,t.BN 505

Siêu Nghệ (*xã*) 超詣社: tg.Kim Bảng,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38

Siêu Quần (*xã*) 超群社: tg.Phù Trạch,h.Phong Điền,p.TT 1428

Siêu Quần (*xã*) 超群社: tg.Đại Định,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 28

Sinh Dược (*xã*) 生藥社: tg.Lê Xá,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029

Sinh Quả (*xã*) 笙果社: tg.Bảo Đà,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 28

Sóc Đăng (*xã*) 朔登社: tg.Cần Độ,h.Tây Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 954

Sóc Giang (*xã*) 朔江社: tg.Hà Quảng,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659

Sóc Sơn (*tổng*) 槲山總: h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1131

Sóc Sơn (*xã*) 槲山社: tg.Sóc Sơn,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1131

Song (*thôn*) 雙村: x.Yên Thái,tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH .. 1115

Song Khê (*xã*) 雙溪社: tg.Phúc Tăng,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN ... 534

Song Lĩnh (*xã*) 雙嶺社: tg.Thường Tú,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 859

Song Mai (*xã*) 雙梅社: tg.An Dương,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151

Song Mai (*tổng*) 雙梅總: h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 161

Song Mai (*xã*) 雙梅社: tg.Song Mai,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 161

Song Tháp (*xã*) 雙塔社: tg.Yên Thường,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN ... 491

Song Tĩnh (*xã*) 雙靖社: tg.Lạc Giao,h.Quảng Uyên,
p.Trùng Khánh,t.CB 674

Sơ Lâm (*thôn*) 疏林村: tg.Cổ Viễn,h.Thượng Nguyên,
p.Xuân Trường,t.NĐ 309

Sở (*thôn*) 所村: x.Châu Xuyên,tg.Văn Xá,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH ... 1124

Sơn (*thôn*) 山村: x.Tất Tác,tg.Đại Lý,h.Mỹ Hòa,p.Hà Trung,t.TH 1094

Sơn (*thôn*) 山村: x.Lương Niệm,tg.Cung Thương,h.Quảng Xương,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1120

Sơn (*thôn*) 山村: x.Thổ Giá,tg.Cao Xá,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

Sơn (*thôn*) 山村: x.Tiên Hòa,tg.Thanh Xá,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH .. 1130

Sơn (*thôn*) 山村: x.Lôi Dương,tg.Lôi Dương,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1144

Sơn A (*tổng*) 山阿總: h.Văn Chấn,p.Quy Hóa,t.HH 725

Sơn A (*xã*) 山阿社: tg.Sơn A,h.Văn Chấn,p.Quy Hóa,t.HH 725

Sơn Bạ (*xã*) 山畔社: tg.Tu Vũ,h.Bất Bạt,p.Quảng Oai,t.ST 915

Sơn Bình (*tổng*) 山屏總: h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 932

Sơn Bình (*xã*) 山屏社: tg.Sơn Bình,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 932

Sơn Bộc (*xã*) 山僕社: tg.Phù Nham,h.Văn Chấn,p.Quy Hóa,t.HH 725

Sơn Cao (*xã*) 山高社: tg.Nhân Sơn,ch.Lương Chánh,p.Thọ Xuân,t.TH .. 1150

Sơn Cẩm (*tổng*) 山錦總: h.Phú Lương,p.Tông Hóa,t.TN 812

Sơn Cẩm (*xã*) 山錦社: tg.Sơn Cẩm,h.Phú Lương,p.Tông Hóa,t.TN 812

Sơn Cầu (*xã*) 山球社: tg.Đạo Kỳ,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 933

Sơn Chinh (*xã*) 山征社: tg.Quang Chiêm,ch.Quan Hóa,
p.Quảng Hóa,t.TH 1138

Sơn Chu (*thôn*) 山珠村: x.Đồng Loan,tg.Tuần La,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1116

Sơn Công Thượng (*xã*) 山公上社: tg.Phú Ốc,h.Hương Trà,p.TT 1418

Sơn Cốt (*xã*) 山骨社: tg.Hoàng Đàm,h.Phổ Yên,p.Phú Bình,t.TN 796

Sơn Cương (*xã*) 山崗社: tg.Thượng Nông,h.Tam Nông,
p.Gia Hưng,t.HH 709

Sơn Du (*xã*) 山莧社: tg.Đồng Đố,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 526

Sơn Dược (*xã*) 山藥社: tg.Vân Cái,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029

Sơn Dương (*xã*) 山陽社: tg.Yên Mỹ,h.Hoành Bó,p.Sơn Định,t.QY 405

Sơn Dương (*huyện*) 山陽縣: p.Đoan Hùng,t.ST 959

Sơn Đầu (*xã*) 山頭社: tg.Định Biên Hạ,ch.Định,p.Tông Hóa,t.TN 807

Sơn Đầu (*xã*) 山頭社: tg.Thạch Giản,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086

Sơn Đổ (*xã*) 山底社: tg.Hòa Luật,h.Thạch Thành,p.Quảng Hóa,t.TH 1135

Sơn Đình (*xã*) 山亭社: tg.Quan Ngoại,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 935

Sơn Đình (*tổng*) 山亭總: h.Phượng Nhãn,p.Lạng Giang,t.BN 530

Sơn Đình (*xã*) 山亭社: tg.Sơn Đình,h.Phượng Nhãn,p.Lạng Giang,t.BN .530

Sơn Định (*phủ*) 山定府: t.QY 400

Sơn Đô (*tổng*) 山都總: h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 860

Sơn Đô (*xã*) 山都社: tg.Sơn Đô,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 860

Sơn Đông (*xã*) 山東社: tg.Tương Phiêu,h.Thạch Thất,p.Quốc Oai,t.ST .. 923

Sơn Đông (*xã*) 山東社: tg.Đồng Mật,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 932

Sơn Đông (*tổng*) 山桐總: h.Quỳnh Côi,pp.Thái Bình,t.NĐ 348

Sơn Đông (*xã*) 山桐社: tg.Sơn Đông,h.Quỳnh Côi,pp.Thái Bình,t.NĐ 348

Sơn Đông (*tổng*) 山桐總: h.Đan Phượng,p.Quốc Oai,t.ST 922

Sơn Đông (*xã*) 山桐社: tg.Sơn Đông,h.Đan Phượng,p.Quốc Oai,t.ST 922

Sơn Đường (*xã*) 山棠社: tg.Bích Du,h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343

Sơn Giao (*tổng*) 山膠總: h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522

Sơn Giao (*xã*) 山膠社: tg.Sơn Giao,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522

Sơn Hà (*xã*) 山河社: tg.Đô Xá,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124

Sơn Hạ (*xã*) 山下社: tg.Điện Lư,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1140

Sơn Hậu (*thôn*) 山候村: x.Quảng Lăng,tg.La Miết,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1126

Sơn Hiên (*xã*) 山軒社: tg.Quang Chiêm,ch.Quan Hóa,
p.Quảng Hóa,t.TH 1138

Sơn Hồ Châu (*xã*) 山呼洲社: tg.Đại Quan Châu,h.Văn Giang,
pp.Thuận Thành,t.BN 518

Sơn Huy (*thôn*) 山輝村: x.Bạt Trạc,tg.Nga Khê,h.Can Lộc,
p.Đức Thọ,t.NA 1269

Sơn Khê (*xã*) 山溪社: tg.Yên Lưu,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD 157

Sơn Khuân (*xã*) 山圉社: tg.Quan Ngoại,h.Tam Dương,
p.Vĩnh Tường,t.ST 935

Sơn Kịch (*xã*) 山戾社: tg.Hoàng Chỉ,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST ... 935

Sơn Kiều (*xã*) 山嶠社: tg.Hưng Lục,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 940

Sơn La (*xã*) 山羅社: tg.Thuần Trung,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1234

Sơn La (*châu*) 山羅州: p.Gia Hưng,t.HH 714

Sơn Lăng (*thôn*) 山朗村: x.Lạp Cầu,tg.Hải Đò,h.Hưng Nguyên,
p.Anh Sơn,t.NA 1243

Sơn Lập (*xã*) 山立社: tg.Đôn Đố,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 441

Sơn Linh (*thôn*) 山靈村: x.Hoàng Xá,tg.Vũ Liệt,h.Thanh Chương,
p.Anh Sơn,t.NA 1239

Sơn Lĩnh (*ấp*) 山嶺邑: tg.An Cự,h.Phú Lộc,p.TT 1424

Sơn Lô (*xã*) 山爐社: tg.An Thọ,ch.Lương Chánh,p.Thọ Xuân,t.TH 1150

Sơn Lộ (*xã*) 山路社: tg.Tiên Lữ,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 920

Sơn Lộc (*xã*) 山麓社: tg.Thanh Vị,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST 910

Sơn Lôi (*tổng*) 山雷總: h.Bình Xuyên,p.Phú Bình,t.TN 801

Sơn Lôi (*xã*) 山雷社: tg.Sơn Lôi,h.Bình Xuyên,p.Phú Bình,t.TN 801

Sơn Lôi (*trại*) 山雷寨: tg.Vụ Bản,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319

Sơn Luật (*thôn*) 山律村: tg.Đỗ Chử,h.Kỳ Anh,đạo HT 1327

Sơn Lương (*thôn*) 山良村: x.Xích Hạch,tg.Quang Chiếu,h.Đồng Sơn,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1105

Sơn Lương (*tổng*) 山梁總: h.Yên Lập,p.Quy Hóa,t.HH 728

Sơn Lương (xã) 山梁社: tg.Sơn Lương,h.Yên Lập,p.Quy Hóa,t.HH 728

Sơn Lưu (xã) 山留社: tg.Sơn Minh,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944

Sơn Minh (tổng) 山明總: h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944

Sơn Minh (xã) 山明社: tg.Sơn Minh,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944

Sơn Minh (xã) 山明社: tg.Giá Cầu,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 22

Sơn Minh (huyện) 山明縣: p.Ứng Hòa,t.HN 25

Sơn Minh (tổng) 山明總: h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 25

Sơn Minh (xã) 山明社: tg.Sơn Minh,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 25

Sơn Na (thôn) 山那村: x.Thanh Ban,tg.Vạn Thiện,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

Sơn Nga (xã) 山峨社: tg.Nga Phú,h.Cẩm Khê,p.Lâm Thao,t.ST 946

Sơn Nhiêu (xã) 山遼社: tg.Đại Phạm,h.Hạ Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950

Sơn Nông (xã) 山農社: tg.Cách Linh,h.Quảng Uyên,
p.Trùng Khánh,t.CB 675

Sơn Ôi (xã) 山隈社: tg.Hải Quật,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1110

Sơn Phú (thôn) 山富村: x.Vĩnh Gia,tg.Lai Triều,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1124

Sơn Quả (xã) 山果社: tg.Vân Cầu,h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN 540

Sơn Quả (ấp) 山果邑: tg.Phù Ninh,h.Phong Điền,p.TT 1428

Sơn Quang (xã) 山光社: tg.Dĩnh Sơn,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN ... 533

Sơn Quyết (xã) 山厥社: tg.Thanh Quyết,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029

Sơn Quyết (xã) 山厥社: tg.Yên Kiện,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926

Sơn Tang (xã) 山桑社: tg.Lương Diên,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 940

Sơn Tăng (xã) 山増社: tg.Phú Xá,h.Văn Quan,p.Tràng Định,t.LS 605

Sơn Tây (tỉnh) 山西省: 903

Sơn Thị (xã) 山市社: tg.Do Nghĩa,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944

Sơn Tinh (xã) 山晴社: tg.Tạ Xá,h.Cẩm Khê,p.Lâm Thao,t.ST 946

Sơn Trà (thôn) 山茶村: x.Yên Mỹ,tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1116

Sơn Trà (xã) 山茶社: tg.Hữu Thủy,ch.Quan Hóa,p.Quảng Hóa,t.TH 1137

Sơn Trại (xã) 山齋社: tg.Cao Xá,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

Sơn Trang (xã) 山庄社: tg.Lạc Nghiệp,h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1040

Sơn Trang (thôn) 山莊村: x.Ngọc Xuyên,tg.Ngọc Xuyên,h.Hoàng Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1091

Sơn Trang (xã) 山莊社: tg.Dương Sơn,h.Mỹ Hòa,p.Hà Trung,t.TH 1093

Sơn Trang (tổng) 山莊總: ch.Ôn,p.Tràng Khánh,t.LS 616

Sơn Trang (xã) 山莊社: tg.Sơn Trang,ch.Ôn,p.Tràng Khánh,t.LS 616

Sơn Trung (xã) 山中社: tg.Lai Triều,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124

Sơn Tùng (xã) 山松社: tg.Phúc Yên,h.Quảng Điện,p.TT 1427

Sơn Tùng Thượng (xã) 山松上社: tg.Hiến Lương,
h.Phong Điền,p.TT 1428

Sơn Tường (xã) 山牆社: tg.Xuân Lũng,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944

Sơn Vi (xã) 山薇社: tg.Tường Phiêu,h.Thạch Thất,p.Quốc Oai,t.ST 923

Sơn Vi (huyện) 山圍縣: p.Lâm Thao,t.ST 944

Sơn Vi (xã) 山圍社: tg.Cao Xá,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944

Sơn Vi (xã) 山微社: tg.Cự Thắng,h.Thanh Thủy,p.Gia Hưng,t.HH 713

Sơn Vĩ (xã) 山尾社: tg.Bảo An,h.Hội Nguyên,p.Tương Dương,t.NA 1273

Sơn Viện (xã) 山院社: tg.Thọ Hạc,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1104

Sơn Yêu (thôn) 山腰村: x.Vân Liên,tg.Vân Trại,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1116

Sơn Yêu (xã) 山腰社: tg.Ngọc Uyển,ch.Thủy Vĩ,p.Quy Hóa,t.HH 732

Suất Hoá (xã) 率化社: tg.Lạc Đạo,h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1040

Suất Hóa (xã) 率化社: tg.Nông Thượng,ch.Bạch Thông,
p.Thông Hóa,t.TN 819

Suất Lễ (xã) 率禮社: tg.Cao Lâu,ch.Lộc Bình,p.Tràng Khánh,t.LS 621

Suất Tính (xã) 率性社: tg.Suất Tĩnh,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 664

Suất Tých (tổng) 率性總: h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 664

Sung Doanh (tràng) 充盈庄: tg.Thượng Bạ,h.Tống Sơn,
p.Hà Trung,t.TH 1082

Sung Doanh (thôn) 充盈村: x.Vân Trại,tg.Vân Trại,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1116

Sung Lư (xã) 充閭社: tg.Hương Tảo,h.Việt Yên,p.Lạng Giang,t.BN 535

Sung Lư (xã) 充閭社: tg.Bãi Đò,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1146

Sung Ngụ (ấp) 充虞邑: tg.Lang Hạ,h.Thành Hoá,đạo QT 1394

Sủng Ốc (thôn) 寵渥村: x.Dị Ốc,tg.Dị Ốc,h.Hương Sơn,
p.Đức Thọ,t.NA 1259

Suối Ải (động) 滌隘峒: tg.Suất Tĩnh,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 664

Suối Bao (bản) 滌包本: tg.Trình Cốt,h.Trình Cốt,t.TH 1152

Suối Bão (bản) 滌抱本: tg.Trình Cốt,h.Trình Cốt,t.TH 1152

Suối Ca (bản) 滌歌本: tg.Trình Cốt,h.Trình Cốt,t.TH 1152

Suối Đáo (động) 滌到峒: tg.Thông Nông,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB ... 660

Suối Điều (động) 滌彫峒: tg.Thông Nông,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB .. 660

Suối Hàn (trại) 滌欣寨: tg.Lãn Sơn,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 663

Suối Hoa (bản) 滌華本: tg.Trình Cốt,h.Trình Cốt,t.TH 1152

Suối Hùng (bản) 滌雄本: tg.Trình Cốt,h.Trình Cốt,t.TH 1152

Suối Khỏe (bản) 滌驍本: tg.Trình Cốt,h.Trình Cốt,t.TH 1152

Suối Lai (trại) 滌淩寨: tg.Lãn Sơn,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 663

Suối Lái (trại) 滌隄寨: tg.Lãn Sơn,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 663

Suối Lộng (bản) 滌弄本: tg.Trình Cốt,h.Trình Cốt,t.TH 1152

Suối Mòn (bản) 滌痢本: tg.Trình Cốt,h.Trình Cốt,t.TH 1152

Suối Ông (bản) 滌翁本: tg.Trình Cốt,h.Trình Cốt,t.TH 1152

Suối Sơn (bản) 滌輪本: tg.Trình Cốt,h.Trình Cốt,t.TH 1152

Suối Tranh (động) 滌爭峒: tg.Suất Tĩnh,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 664

Sư Lỗ (tổng) 師魯總: h.Phú Vang,p.TT 1420

Sư Lỗ Đông (xã) 師魯東社: tg.Lương Diên,h.Phú Lộc,p.TT 1423

Sư Lỗ Thượng (xã) 師魯上社: tg.Sư Lỗ,h.Phú Vang,p.TT 1420

Sự (bản) 事本: tg.Trình Phú,h.Trình Cốt,t.TH 1152

Sương (thôn) 霜村: x.Sơn Trại,tg.Cao Xá,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH . 1125

T

Tả Ao (xã) 左澳社: tg.Xuân Viên,h.Nghi Xuân,p.Đức Thọ,t.NA 1264

Tả Can Lộc (thôn) 左干祿村: tg.Nội Ngoại,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269

Tả Chí (ấp) 左志邑: tg.Phú Xuân,h.Hương Trà,p.TT 1418

Tả Giai (xã) 左佳社: tg.Đồng Cửu,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN 16

Tả Hữu (xã) 左右社: tg.Bích La,h.Đặng Xương,đạo QT 1384

Tả Kiên (xã) 左堅社: tg.An Đôn,h.Đặng Xương,đạo QT 1384

Tả Phan (xã) 左潘社: tg.Vũ Xá,h.Phong Lộc,p.Quảng Ninh,t.QB 1345

Tả Quan (xã) 左關社: tg.Thủy Đường,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD ... 162

Tả Thanh Oai (tổng) 左青威總: h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 28

Tả Thanh Oai (xã) 左青威社: tg.Tả Thanh Oai,h.Thanh Oai,
p.Ứng Hòa,t.HN 28

Tả Thượng (thôn) 左上村: tg.Nội Ngoại,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269

Tả Tiệp (ấp) 左捷邑: tg.Long Đại,h.Phong Lộc,p.Quảng Ninh,t.QB 1345

Tá Bang (châu) 佐幫州: tg.Mai Lộc,h.Thành Hoá,đạo QT 1394

Tạ Đường (xã) 謝堂社: tg.Uy Viễn,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029

Tạ Xá (tổng) 謝舍總: h.Cẩm Khê,p.Lâm Thao,t.ST 946

Tạ Xá (xã) 謝舍社: tg.Tạ Xá,h.Cẩm Khê,p.Lâm Thao,t.ST 946

Tạ Xá (xã) 謝舍社: tg.Cao Đồi,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106

Tạ Xá (tổng) 謝舍總: h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 260

Tạ Xá (xã) 謝舍社: tg.Tạ Xá,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 260

Tạ Xá (xã) 謝舍社: tg.Xích Bích,h.Thần Khê,p.Tiên Hưng,t.HY 265

Tài Lương (xã) 才良社: tg. An Lưu, h. Đăng Xương, đạo QT 1384	Tam Sơn (xã) 三山社: tg. Nhân Lý, h. Phúc Thọ, p. Quảng Oai, t. ST 913
Tài Lương (xã) 才良社: tg. Đông Phái, h. Thất Khê, p. Tráng Định, t. LS 602	Tam Sơn (thôn) 三山村: x. Dị Sử, tg. Phá Lãng, h. Lương Tài, p. Thuận Thành, t. BN 511
Tài Thác (xã) 裁拓社: tg. Tang Giá, h. Quỳnh Côi, pp. Thái Bình, t. ND 348	Tam Sơn (xã) 三山社: tg. Trịnh Xá, h. Thủy Đường, p. Kinh Môn, t. HD 161
Tái Kênh (xã) 塞涇社: tg. Ngô Xá, h. Bình Lục, p. Lý Nhân, t. HN 43	Tam Sơn (tổng) 三山總: h. Đông Ngạn, p. Từ Sơn, t. BN 492
Tam (thôn) 三村: x. Cồ Nhuế, tg. Cồ Nhuế, h. Từ Liêm, p. Hoài Đức, t. HN 8	Tam Sơn (xã) 三山社: tg. Tam Sơn, h. Đông Ngạn, p. Từ Sơn, t. BN 492
Tam (thôn) 三村: trại Giảng Võ, tg. Nội, h. Vĩnh Thuận, p. Hoài Đức, t. HN 13	Tam Tảo (xã) 三棗社: tg. Mãn Xá, h. Yên Phong, p. Từ Sơn, t. BN 497
Tam (thôn) 三村: trang Hải Huyệt Bán, tg. Hoàng Nha, h. Giao Thủy, p. Xuân Trường, t. ND 304	Tam Tập (xã) 三輯社: tg. Bồ Dương, h. Vĩnh Lại, p. Ninh Giang, t. HD 124
Tam (thôn) 參村: x. An Khê, tg. Lịch Dương, h. Yên Khánh, p. Yên Khánh, t. NB 1021	Tam Thai (xã) 三台社: tg. Thanh Nhuế, h. Vĩnh Hòa, p. Tương Dương, t. NA 1272
Tam (thôn) 參村: x. Thạch Lỗi, tg. Yên Liêu, h. Yên Khánh, p. Yên Khánh, t. NB 1021	Tam Trạch (xã) 三澤社: tg. Sài Trang, h. Đường Hào, p. Bình Giang, t. HD .. 100
Tam Á (tổng) 三桮總: h. Siêu Loại, p. Thuận Thành, t. BN 506	Tam Trí (xã) 三知社: tg. Vạn Xuân, h. Thụy Anh, p. Thái Bình, t. ND 343
Tam Á (xã) 三桮社: tg. Tam Á, h. Siêu Loại, p. Thuận Thành, t. BN 506	Tam Trĩ (xã) 三峙社: tg. Hà Thanh, ch. Vạn Ninh, p. Hải Ninh, t. QY 436
Tam Bảo (xã) 三寶社: tg. Thụ Phúc, h. Tiên Du, p. Từ Sơn, t. BN 494	Tam Tương (xã) 三湘社: tg. Bát Bế, h. Vĩnh Lại, p. Ninh Giang, t. HD 123
Tam Bảo (châu) 三寶洲: tg. Minh Tảo, h. Từ Liêm, p. Hoài Đức, t. HN 8	Tam Xá (xã) 三舍社: tg. Bình Lăng, h. Thượng Phúc, p. Thường Tín, t. HN 17
Tam Bảo (sở) 三寶所: tg. Minh Tảo, h. Từ Liêm, p. Hoài Đức, t. HN 8	Tam Xuyên (xã) 三川社: tg. Thanh Khê, h. Đông Sơn, p. Thiệu Hóa, t. TH . 1105
Tam Chúc (xã) 三祝社: tg. Thụy Lợi, h. Kim Bảng, p. Lý Nhân, t. HN 38	Tầm Tang (thôn) 蠶桑村: tg. Bích Triều, h. Thanh Chương, p. Anh Sơn, t. NA 1238
Tam Cửu (tràng) 三九庄: tg. Văn Hội, h. Vĩnh Lại, p. Ninh Giang, t. HD 124	Tầm Tang (xã) 蠶桑社: tg. Phụng Công, h. Văn Giang, pp. Thuận Thành, t. BN 517
Tam Dị (tổng) 三異總: h. Bảo Lộc, p. Lạng Giang, t. BN 531	Tang Điền (lỵ) 桑田里: tg. Tân Khai, h. Giao Thủy, p. Xuân Trường, t. ND 305
Tam Dị (xã) 三異社: tg. Tam Dị, h. Bảo Lộc, p. Lạng Giang, t. BN 531	Tang Giá (tổng) 桑柘總: h. Quỳnh Côi, pp. Thái Bình, t. ND 348
Tam Dương (huyện) 三陽縣: p. Vĩnh Tường, t. ST 934	Tang Giá (xã) 桑柘社: tg. Tang Giá, h. Quỳnh Côi, pp. Thái Bình, t. ND 348
Tam Đa (thôn) 三多村: x. Quả Khê, tg. Văn Trinh, h. Hưng Nguyên, p. Anh Sơn, t. NA 1243	Tang Lục (xã) 桑籙社: tg. Xuân Vân, h. Phúc Thọ, p. Quảng Oai, t. ST 913
Tam Đa (xã) 三多社: tg. Yên Lưu, h. Giáp Sơn, p. Kinh Môn, t. HD 158	Tang Ma (xã) 桑麻社: tg. La Phù, h. Bất Bạt, p. Quảng Oai, t. ST 915
Tam Đăng (tổng) 三登總: h. Nghi Xuân, p. Đức Thọ, t. NA 1264	Tang Ma (xã) 桑麻社: tg. Phương Giao, h. Thanh Sơn, p. Gia Hưng, t. HH 711
Tam Đăng (phường) 三登坊: tg. Thượng Lưu, h. Minh Hoá, p. Quảng Trạch, t. QB 1359	Tang Mỹ (xã) 桑美社: tg. Trâm Nhĩ, h. Phú Ninh, p. Đoàn Hùng, t. ST 957
Tam Đăng (xã) 三登社: tg. Động Cửu, h. Thanh Oai, p. Ứng Hòa, t. HN 29	Tang Nộn (xã) 桑嫩社: tg. Tảo Thượng, h. Phúc Thọ, p. Quảng Oai, t. ST 913
Tam Đăng (xã) 三登社: tg. An Trung Thượng, h. Đại An, p. Nghĩa Hưng, t. ND 317	Tang Thác (tổng) 桑拓總: h. Tiên Phong, p. Quảng Oai, t. ST 909
Tam Đăng Hạ (xã) 三登下社: tg. Tam Đăng, h. Nghi Xuân, p. Đức Thọ, t. NA 1264	Tang Thác (xã) 桑拓社: tg. Tang Thác, h. Tiên Phong, p. Quảng Oai, t. ST . 909
Tam Đăng Thượng (xã) 三登上社: tg. Tam Đăng, h. Nghi Xuân, p. Đức Thọ, t. NA 1264	Tang Trữ (xã) 桑苧社: tg. Bái Dương, h. Nam Chân, p. Xuân Trường, t. ND .. 310
Tam Đồng (xã) 三同社: tg. Đông Lý, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1110	Tàng Lang (bản) 藏郎本: tg. Trình Cố, h. Trình Cố, t. TH 1152
Tam Giang (phường) 三江坊: tg. Đăng Sơn, h. Lương Sơn, p. Anh Sơn, t. NA 1235	Tào (thôn) 曹村: x. Tào Xuyên, tg. Dương Thủy, h. Mỹ Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1094
Tam Hữu (xã) 三有社: tg. Bích La, h. Đăng Xương, đạo QT 1383	Tào (thôn) 曹村: x. Tào Sơn, tg. Yên Thái, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1116
Tam Kiệt (xã) 三傑社: tg. Cổ Trai, h. Nghi Dương, p. Kiến Thụy, t. HD 140	Tào Điền (xã) 曹田社: tg. Lãng Điền, h. Lương Sơn, p. Anh Sơn, t. NA 1235
Tam Kỳ (phố) 三岐庸: tg. Trung Môn, h. Hàm Yên, p. An Bình, t. TQ 859	Tào Giang (thôn) 曹江村: tg. Lãng Điền, h. Lương Sơn, p. Anh Sơn, t. NA .. 1235
Tam Lễ (xã) 三禮社: tg. Quỳnh Lâm, h. Quỳnh Lưu, p. Diễn Châu, t. NA 1253	Tào Khê (tổng) 曹溪總: h. Thúy Vân, p. Quỳ Châu, t. NA 1276
Tam Linh (thôn) 三靈村: tg. Mậu Lâm, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1086	Tào Khê (xã) 曹溪社: tg. Tào Khê, h. Thúy Vân, p. Quỳ Châu, t. NA 1276
Tam Lô (tổng) 三爐總: ch. Lương Chánh, p. Thọ Xuân, t. TH 1150	Tào Khê (xã) 漕溪社: tg. Phú Mỹ, h. Thanh Miện, p. Bình Giang, t. HD 95
Tam Lộng (xã) 三弄社: tg. An Tiêm, h. Đông Quan, p. Thái Bình, t. ND 339	Tào Lâm (xã) 曹林社: tg. Yên Định, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1124
Tam Lộng (tổng) 三弄總: h. Tam Dương, p. Vĩnh Tường, t. ST 935	Tào Nha (xã) 曹衙社: tg. An Trạch, h. Nam Xương, p. Lý Nhân, t. HN 45
Tam Lộng (xã) 三弄社: tg. Tam Lộng, h. Tam Dương, p. Vĩnh Tường, t. ST . 935	Tào Sơn (xã) 曹山社: tg. Yên Thái, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1115
Tam Lộng (tổng) 三弄總: h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1145	Tào Trung (thôn) 曹中村: x. Nguyệt Quật, tg. Văn Trai, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1116
Tam Lộng (xã) 三弄: tg. Tam Lộng, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1145	Tào Xá (xã) 曹舍社: tg. Bình Cách, h. Đông Quan, p. Thái Bình, t. ND 339
Tam Lộng (xã) 三弄社: tg. Kim Mã, h. Nguyên Bình, p. Hòa An, t. CB 668	Tào Xuyên (xã) 曹川社: tg. Dương Thủy, h. Mỹ Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1094
Tam Lộng (xã) 叁弄社: tg. Tú Đoàn, ch. Lộc Bình, p. Tráng Khánh, t. LS 621	Tảo Dương (xã) 早陽社: tg. Thủy Cam, h. Thanh Oai, p. Ứng Hòa, t. HN 29
Tam Lư (xã) 三閭社: tg. Nam Cai, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1145	Tảo Hạ (xã) 早下社: tg. Tảo Thượng, h. Phúc Thọ, p. Quảng Oai, t. ST 913
Tam Lư (xã) 三閭社: tg. Tam Sơn, h. Đông Ngạn, p. Từ Sơn, t. BN 492	Tảo Hòa (xã) 早禾社: tg. Hoàng Kênh, h. Thanh Lâm, p. Nam Sách, t. HD ... 110
Tam Lư Chương Đức (phường) 三閭彰德坊: Thủy Cự, t. TH 1156	Tảo Khê (xã) 早溪社: tg. Phương Đình, h. Sơn Minh, p. Ứng Hòa, t. HN 26
Tam Muội (xã) 三昧社: tg. Kim Hương, h. Phù Cừ, p. Khoái Châu, t. HY 255	Tảo Khê (xã) 早溪社: tg. Bọt Xuyên, h. Chương Đức, p. Ứng Hòa, t. HN 31
Tam Nông (huyện) 三農縣: p. Gia Hưng, t. HH 709	Tảo Mai (xã) 早枚社: tg. Phù Lỗ, h. Kim Anh, p. Đa Phúc, t. BN 525
Tam Nông (xã) 三農社: tg. Dị Chế, h. Tiên Lữ, p. Tiên Hưng, t. HY 271	Tảo Môn (xã) 早門社: tg. Đông Thủy, h. Nam Xương, p. Lý Nhân, t. HN 45
	Tảo Sơn (xã) 早山社: tg. Quan Bế, h. Hưng Nhân, p. Tiên Hưng, t. HY 268
	Tảo Thượng (tổng) 早上總: h. Phúc Thọ, p. Quảng Oai, t. ST 913
	Tảo Thượng (xã) 早上社: tg. Tảo Thượng, h. Phúc Thọ, p. Quảng Oai, t. ST 913
	Táo Dịch (xã) 棗荻社: tg. Gia Cát, h. Hiệp Hòa, p. Đa Phúc, t. BN 522
	Tăng Bổng (trại) 增俸寨: tg. Bổng Điền, h. Thư Trì, p. Kiến Xương, t. ND 333

Tăng Hạ (xã) 曾賀社: tg. Thạch Khôi,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 130	Tân Mai (xã) 新枚社: tg. Bạch Mai,ch.Mai,p.Gia Hưng,t.HH 718
Tăng Long (tổng) 增隆總: h.Đa Phúc,p.Đa Phúc,t.BN 521	Tân Minh (phường) 新明坊: tg. Bãi Ân,h.Thành Hoá,đạo QT 1393
Tăng Long (xã) 增隆社: tg. Tăng Long,h.Đa Phúc,p.Đa Phúc,t.BN 521	Tân Mộc (xã) 新木社: tg. Vô Tranh,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 536
Tăng Nhi (xã) 增兒社: tg.Lương Lỗ,h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948	Tân Mỹ (xã) 新美社: tg. Lạc Thành,h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1039
Tăng Thượng (xã) 曾上社: tg. Bao Trung,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD .. 130	Tân Mỹ (phường) 新美坊: tg. Cam Đường,h.Thành Hoá,đạo QT 1393
Tăng Mỹ (xã) 增媚社: tg. Đông Đô,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 526	Tân Ốc (xã) 新屋社: tg. Trí Xuyên,h.Hoành Bồ,p.Sơn Định,t.QY 406
Tâm Chính (xã) 心正社: tg. Thuận Chính,ch.Lương Chánh, p.Thọ Xuân,t.TH 1150	Tân Phong (tổng) 新豐總: h.Tiền Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335
Tâm Duyệt (xã) 心悅社: tg. Mỹ Trạch,h.Lệ Thuỷ,p.Quảng Ninh,t.QB 1348	Tân Phong (tổng) 新豐總: ch.Phù Yên,p.Gia Hưng,t.HH 716
Tâm Quy (xã) 心歸社: tg. Nam Bạ,h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1083	Tân Phong (xã) 新豐社: tg. Tân Phong,ch.Phù Yên,p.Gia Hưng,t.HH 716
Tấm Bồn (châu) 尋盆州: tg.Mai Lộc,h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Tân Quy (tràng) 新歸庄: tg. Vị Xuyên,h.Văn Lăng,p.Tông Hóa,t.TN 809
Tấm Khê (xã) 潭溪社: tg. Khai Thái,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 22	Tân Sa (ấp) 津沙邑: tg. Kế Mỹ,h.Phú Vang,p.TT 1420
Tấm La Hạ (ấp) 尋羅下邑: tg. La Miệt,h.Thành Hoá,đạo QT 1395	Tân Sơn (phường) 新山坊: tg. Mai Lộc,h.Thành Hoá,đạo QT 1394
Tấm La Thượng (ấp) 尋羅上邑: tg. La Miệt,h.Thành Hoá,đạo QT 1395	Tân Thành (tổng) 新成總: h.Tiền Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335
Tấm Linh (tổng) 尋靈總: h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Tân Thành (phường) 新成坊: tg. Cam Đường,h.Thành Hoá,đạo QT 1393
Tấm Linh (xã) 尋靈社: tg. Tấm Linh,h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Tân Thuỷ (ấp) 津水邑: tg. Vồng Nhì,h.Hương Thuỷ,p.TT 1423
Tấm Nguyên (xã) 尋源社: tg. Văn Mộng,ch.Lộc Bình,p.Tràng Khánh,t.LS 621	Tân Tô (ấp) 新蘇邑: tg. Lương Văn,h.Hương Thuỷ,p.TT 1422
Tấm Thanh (tổng) 尋聲總: h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Tân Trại (xã) 新寨社: tg. Minh Lương,h.Minh Linh,đạo QT 1390
Tấm Thanh (ấp) 尋聲邑: tg. Tấm Thanh,h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Tân Trại (xã) 薪寨社: tg. Tượng Yên,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 663
Tấm Thanh (xã) 尋聲社: tg. Tấm Thanh,h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Tân Xuân (phường) 新春坊: tg. Bích La,h.Đăng Xương,đạo QT 1384
Tấm Thượng (xã) 沁上社: tg. Viên Lang,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD .. 126	Tân Xuân (phường) 新春坊: tg. Bãi Ân,h.Thành Hoá,đạo QT 1393
Tấm Viên (xã) 沁園社: tg. Khoái Lạc,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1110	Tân Yên (tràng) 新安庄: tg. Thống Thượng,h.Phổ Yên,p.Phú Bình,t.TN ... 797
Tân (thôn) 津村: x.Đức Mộ,tg.Phù Lưu,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38	Tấn Thân (xã) 縉紳社: tg. Ninh Dân,h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948
Tân An (tổng) 新安總: h.Tiền Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335	Tập Cát (thôn) 集吉村: x.Vạn Thiện,tg.Vạn Thiện,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1125
Tân An (phường) 新安坊: tg. An Nhân,h.Hải Lăng,đạo QT 1385	Tập Lục (xã) 裴錄社: tg. Xuân Lũng,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944
Tân An (phường) 新安坊: tg. Hồ Xá,h.Minh Linh,đạo QT 1390	Tập Mỹ (xã) 集美社: tg. Bồ Xá,h.Bình Lục,p.Lý Nhân,t.HN 43
Tân An (thôn) 新安村: tg. An Xá,h.Do Linh,đạo QT 1391	Tập Ninh (xã) 輯寧社: tg. Mộ Đạo,h.Quế Dương,p.Từ Sơn,t.BN 500
Tân An (phường) 新安坊: tg. Cam Đường,h.Thành Hoá,đạo QT 1393	Tập Phúc (thôn) 集福村: tg. Đò Lương,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1235
Tân An (phường) 新安坊: tg. Bãi Ân,h.Thành Hoá,đạo QT 1393	Tập Phúc (xã) 集福社: tg. Cao Xá,h.Đồng Thành,p.Diễn Châu,t.NA 1249
Tân An (xã) 新安社: tg. Phú Xuân,h.Hương Trà,p.TT 1418	Tất Cầu (xã) 郝棣社: tg. Kinh Khê,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 116
Tân An (ấp) 新安邑: tg. An Cư,h.Phú Lộc,p.TT 1424	Tất Tác (xã) 膝作社: tg. Đại Lý,h.Mỹ Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1094
Tân Bồi (tổng) 新培總: h.Tiền Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335	Tất Viên (xã) 漆園社: tg. Tiên Hương,h.Tiên Lữ,p.Tiên Hưng,t.HY 272
Tân Cầu (xã) 津棣社: tg. Cát Đằng,h.Phong Doanh,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 326	Tấu Cư (xã) 湊居社: tg. Phong Thanh,ch.Ninh Biên,p.Điện Biên,t.HH 738
Tân Châu (phường) 津洲坊: tg. Cao Lao,h.Bố Trạch, p. Quảng Trạch,t.QB 1357	Tây (thôn) 西村: tg. Thuỷ Liên,h.Lệ Thuỷ,p.Quảng Ninh,t.QB 1349
Tân Chi (tổng) 薪舊總: h.Vũ Nai,p.Phú Bình,t.TN 803	Tây (giáp) 西甲: x.Ngô Xá,tg. An Lưu,h.Đăng Xương,đạo QT 1384
Tân Chi (xã) 薪舊社: tg. Tân Chi,h.Vũ Nai,p.Phú Bình,t.TN 803	Tây (thôn) 西村: x.Liêm Công,tg. Minh Lương,h.Minh Linh,đạo QT 1390
Tân Cơ (tổng) 新基總: h.Tiền Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335	Tây (thôn) 西村: tg. Bút Sơn,h.Hoảng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1090
Tân Định (tổng) 新定總: h.Tiền Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335	Tây (giáp) 西甲: x.Triều Sơn,tg. Hương Cẩn,h.Hương Trà,p.TT 1419
Tân Định (xã) 新定社: tg. Bích La,h.Đăng Xương,đạo QT 1384	Tây (giáp) 西甲: x.Nam Phố,tg. Dương Nỗ,h.Phú Vang,p.TT 1420
Tân Định (phường) 新定坊: tg. Hồ Xá,h.Minh Linh,đạo QT 1390	Tây (giáp) 西甲: x.Văn Giang,tg. Sư Lỗ,h.Phú Vang,p.TT 1420
Tân Định (phường) 新定坊: tg. Cam Đường,h.Thành Hoá,đạo QT 1393	Tây (giáp) 西甲: x.Bác Vọng,tg. Hạ Lang,h.Quảng Diên,p.TT 1427
Tân Hà (vạn) 新河萬: tg. Thọ Hạc,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1104	Tây (giáp) 西甲: x.Thế Chí,tg. Vĩnh Xương,h.Phong Điền,p.TT 1428
Tân Hòa (phường) 新和坊: tg. Cam Đường,h.Thành Hoá,đạo QT 1393	Tây (thôn) 西村: x.An Hộ,tg. An Hộ,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106
Tân Hội (phường) 新會坊: tg. An Nhân,h.Hải Lăng,đạo QT 1385	Tây Am (xã) 西庵社: tg. Đông Am,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126
Tân Hội 新會庸: tg. Thanh Vị,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST 911	Tây Cổ (xã) 西顧社: tg. Lữ Lương,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 935
Tân Hưng (tổng) 新興總: h.Tiền Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335	Tây Cốc (xã) 西谷社: tg. Ca Đình,h.Tây Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 954
Tân Hưng (phường) 新興坊: tg. Cam Đường,h.Thành Hoá,đạo QT 1393	Tây Dương (xã) 西陽社: tg. Thượng Nông,h.Tam Nông,p.Gia Hưng,t.HH 709
Tân Khai (thôn) 新開村: tg. Thuận Mỹ,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 11	Tây Đằng (tổng) 西藤總: h.Tiền Phong,p.Quảng Oai,t.ST 908
Tân Khai (tổng) 新開總: h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 305	Tây Đằng (xã) 西藤社: tg. Tây Đằng,h.Tiền Phong,p.Quảng Oai,t.ST 908
Tân Kim (phường) 新金坊: tg. Mai Lộc,h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Tây Giáp (phường) 西甲坊: tg. An Mỹ,h.Do Linh,đạo QT 1391
Tân Lác (lỵ) 新樂里: tg. Quăn Anh,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ 313	Tây Hồ (xã) 西湖社: tg. Sư Lỗ,h.Phú Vang,p.TT 1420
Tân Lang (xã) 檳榔社: tg. Hữu Thu,ch.Thoát Lang,p.Tràng Định,t.LS 607	Tây Hồ (phường) 西湖坊: tg. Thượng,h.Vĩnh Thuận,p.Hoài Đức,t.HN 13
Tân Lâm (phường) 新林坊: tg. Mai Lộc,h.Thành Hoá,đạo QT 1394	Tây Hồ Hạ (ấp) 西湖下邑: tg. An Cư,h.Phú Lộc,p.TT 1424
Tân Lệ (xã) 新麗社: tg. Thạch Bàn,h.Phong Đăng,p.Quảng Ninh,t.QB .. 1347	Tây Lạc (xã) 西落社: tg. Sa Lung,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 310
Tân Liêu (ấp) 新遼邑: tg. An Trung Hạ,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316	Tây Lũy (xã) 西壘社: tg. Vạn Phần,h.Yên Thành,p.Diễn Châu,t.NA 1249
Tân Lộc (thôn) 新祿村: tg. Thượng Xá,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246	Tây Mỗ (xã) 西姥社: tg. Cẩn Độ,h.Tây Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 954
	Tây Mỗ (xã) 西姥社: tg. Phi Lai,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086

Tây Mỗ (xã) 西姥社: tg.Đại Mỗ,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8

Tây Nha (xã) 西街社: tg.Đặng Xá,h.Hưng Nhân,p.Tiền Hưng,t.HY 268

Tây Nhai (xã) 西街社: tg.Cao Mật,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1130

Tây Quan (huyện) 西關縣: p.Đoan Hùng,t.ST 953

Tây Quan (xã) 西關社: tg.Ca Đình,h.Tây Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 954

Tây Thành (xã) 西城社: tg.An Thành,h.Quảng Điện,p.TT 1427

Tây Trác (xã) 西卓社: tg.Vân Lung,h.Thạch Thành,p.Quảng Hóa,t.TH 1135

Tây Trì (xã) 西池社: tg.An Lạc,h.Thành Hoá,đạo QT 1393

Tây Tụ (tổng) 西就總: h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 9

Tây Tụ (xã) 西就社: tg.Tây Tụ,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 9

Tây Vĩ (xã) 西渭社: tg.Thanh Vĩ,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST 910

Tây Vực (xã) 西域社: tg.Yên Lịch,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959

Tây Xá (xã) 西舍社: tg.Kim Đà,h.Yên Lãng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938

Tây Xuyên (xã) 西川社: tg.Thanh Triều,h.Hưng Nhân,p.Tiền Hưng,t.HY 268

Tê Chủ (xã) 犀渚社: tg.An Dương,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151

Tê Quả (xã) 犀果社: tg.Bảo Đà,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 28

Tế Lỗ (xã) 齊魯社: tg.Đồng Lỗ,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 940

Tế Lỗ (xã) 齊禮社: tg.Cao Xá,h.Sơn Vĩ,p.Lâm Thao,t.ST 944

Tế Lỗ (xã) 齊魯社: tg.Tứ Mỹ,h.Tam Nông,p.Gia Hưng,t.HH 709

Tế Bằng (xã) 濟憑社: tg.Ngọc Trục,h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 97

Tế Cát (xã) 細葛社: tg.Ngu Nhuế,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45

Tế Cầu (xã) 濟棣社: tg.Xuyên Hử,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124

Tế Độ (thôn) 濟渡村: tg.Cao Xá,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

Tế Quan (xã) 細關社: tg.Đồng Hải,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 340

Tế Sơn (xã) 細山社: tg.Đồng Đới,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106

Tế Tiêu (xã) 細蕉社: tg.Phù Lưu Tế,h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN 34

Tế Xuân (ấp) 濟春邑: tg.Lương Diên,h.Phú Lộc,p.TT 1424

Tế Xuyên (xã) 濟川社: tg.Hạ Dương,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 491

Tế Xuyên (xã) 細川社: tg.Ngu Nhuế,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45

Thác Mang (phố) 砣砣庸: tg.Vạn Ninh,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 426

Thạc Lại (xã) 碩賴社: tg.Phú Xuân,h.Hương Trà,p.TT 1418

Thạc Quả (xã) 碩果社: tg.Bái Châu,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109

Thạc Quả (trại) 碩果寨: tg.Tự Cường,h.Thạch Thành,
p.Quảng Hóa,t.TH 1135

Thạc Quả (xã) 碩果社: tg.Dục Tú,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 491

Thạc Trục (xã) 碩軸社: tg.Từ Du,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 932

Thạch (thôn) 石村: x.Thạch Xá,tg.Thạch Xá,h.Thạch Thất,
p.Quốc Oai,t.ST 924

Thạch (thôn) 石村: x.Nam Thạch,tg.Đan Nê,h.Yên Định,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1109

Thạch An (xã) 石安社: tg.Cao Phong,h.Bất Bạt,p.Quảng Oai,t.ST 916

Thạch An (huyện) 石安縣: p.Hòa An,t.CB 663

Thạch Bàn (tổng) 石盤總: h.Phong Đăng,p.Quảng Ninh,t.QB 1347

Thạch Bàn (xã) 石盤社: tg.Thạch Bàn,h.Phong Đăng,
p.Quảng Ninh,t.QB 1347

Thạch Bàn (xã) 石盤社: tg.Minh Lương,h.Minh Linh,đạo QT 1390

Thạch Bàn (ấp) 石盤邑: tg.An Cự,h.Phú Lộc,p.TT 1424

Thạch Bàn Thượng (xã) 石盤上社: tg.Xuân Lai,h.Phong Đăng,
p.Quảng Ninh,t.QB 1347

Thạch Bằng (thôn) 石憑村: x.Ngọc Âu,tg.Ngo Xá,h.Vĩnh Lộc,
p.Quảng Hóa,t.TH 1130

Thạch Bích (xã) 石壁社: tg.Bảo Đà,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 28

Thạch Bình (xã) 石廐社: tg.Khuông Phù,h.Quảng Điện,p.TT 1427

Thạch Bình (xã) 石屏社: tg.Vũ Lãng,h.Quảng Uyên,p.Trùng Khánh,t.CB 674

Thạch Cáp (xã) 石閣社: tg.Vĩnh Lại,h.Sơn Vĩ,p.Lâm Thao,t.ST 944

Thạch Căn (xã) 石根社: tg.Dương Nỗ,h.Phú Vang,p.TT 1420

Thạch Cầu (xã) 石棣社: tg.Quỳnh Lâm,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA 1253

Thạch Cầu (thôn) 石棣村: tg.Quỳnh Lâm,h.Quỳnh Lưu,
p.Diễn Châu,t.NA 1253

Thạch Cầu (xã) 石棣社: tg.Gia Thụy,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN .. 515

Thạch Cầu (xã) 石棣社: tg.Bái Dương,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 310

Thạch Cừ (xã) 石渠社: tg.Thái Lai,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1121

Thạch Đạn (xã) 石礮社: tg.Trữ Trí,ch.Thoát Lãng,p.Tràng Định,t.LS 608

Thạch Đẳng (xã) 石磴社: tg.Trạc Nhật,h.Thạch Thành,
p.Quảng Hóa,t.TH 1136

Thạch Đê (thôn) 石堤村: x.Mạn Đê,tg.Mạn Đê,h.Thanh Lâm,
p.Nam Sách,t.HD 110

Thạch Động (xã) 石洞社: tg.Quỳnh Lâm,h.Quỳnh Lưu,
p.Diễn Châu,t.NA 1253

Thạch Động (xã) 石峒社: tg.Nhượng Bạt,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659

Thạch Đường (thôn) 石堂村: x.Quang Chiếu,tg.Quang Chiếu,h.Đồng Sơn,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1106

Thạch Giám (xã) 石鑑社: tg.Thanh Nhuế,h.Vĩnh Hòa,
p.Tương Dương,t.NA 1272

Thạch Giản (tổng) 石澗總: h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086

Thạch Giản (xã) 石澗社: tg.Thạch Giản,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086

Thạch Hà (ấp) 石河邑: tg.Lương Văn,h.Hương Thủy,p.TT 1422

Thạch Hà (huyện) 石河縣: đạo HT 1319

Thạch Hãn (xã) 石悍社: tg.An Thái,h.Hải Lăng,đạo QT 1385

Thạch Hãn (ấp) 石捍邑: tg.Long Hồ,h.Hương Trà,p.TT 1418

Thạch Hào (xã) 石壕社: tg.Hán Nam,h.Tiền Minh,p.Nam Sách,t.HD 117

Thạch Khê (tổng) 石溪總: h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1105

Thạch Khê (xã) 石溪社: tg.Thạch Khê,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1105

Thạch Khoán (xã) 石券社: tg.Cự Thắng,h.Thanh Thủy,p.Gia Hưng,t.HH 713

Thạch Khôi (tổng) 石灰總: h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 130

Thạch Khôi (xã) 石灰社: tg.Thạch Khôi,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 130

Thạch Khối (phường) 石塊坊: tg.Thượng,h.Vĩnh Thuận,p.Hoài Đức,t.HN 13

Thạch Kiệt (xã) 石碣社: tg.Kiệt Sơn,h.Thanh Sơn,p.Gia Hưng,t.HH 711

Thạch La (xã) 石羅社: tg.Vô Hốt,h.Yên Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1042

Thạch Lại (xã) 石賴社: tg.Trà Lĩnh,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659

Thạch Lâm (xã) 下攬社: tg.Gia Dụ,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1140

Thạch Lâm (huyện) 石林縣: p.Hòa An,t.CB 658

Thạch Lãm (xã) 石凜社: tg.Gia Dụ,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1140

Thạch Lễ (thôn) 石禮村: x.Gia Thụy,tg.Đồng Yên,h.Nga Sơn,
p.Hà Trung,t.TH 1086

Thạch Loan (xã) 石灣社: tg.Nhân Lý,ch.Văn Uyên,p.Tràng Định,t.LS 610

Thạch Lỗi (xã) 石磊社: tg.Yên Liêu,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB 1021

Thạch Lỗi (xã) 石磊社: tg.Ngọc Động,h.Thạch Thành,
p.Quảng Hóa,t.TH 1136

Thạch Lỗi (tổng) 石磊總: h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 97

Thạch Lỗi (xã) 石磊社: tg.Thạch Lỗi,h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 97

Thạch Lỗi (xã) 石磊社: tg.Cổ Bái,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525

Thạch Lũng (xã) 石隴社: tg.Quảng Tế,h.Quảng Tế,p.Quảng Hóa,t.TH 1133

Thạch Luyện (thôn) 石練村: x.Đồng Loan,tg.Tuần La,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1116

Thạch Lư (xã) 石壚社: tg.Điện Lư,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1140

Thạch Lương (xã) 石梁社: tg.Hương Sơn,h.Văn Chấn,p.Quy Hóa,t.HH 725

Thạch Lựu (xã) 石榴社: tg.Đại Phương Lang,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144

Thạch Môn (xã) 石門社: tg.Quảng Tế,h.Quảng Tế,p.Quảng Hóa,t.TH 1133

Thạch Môn (xã) 石門社: tg.Nhượng Bạt,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659

Thạch Ngạn (xã) 石岸社: tg.Yên Duyệt,h.Tương Dương,
p.Tương Dương,t.NA 1272

Thạch Ngoại (xã) 石外社: tg.Văn Trường,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1117

Thạch Nham (xã) 石岩社: tg.Đôi Khê,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 29

Thạch Nội (xã) 石内社: tg.Văn Trường,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1117	Thái Lai (xã) 泰萊社: tg.Lập Bản,h.Bình Xuyên,p.Phú Bình,t.TN 801
Thạch Phương (xã) 石芳社: tg.Thủ Hộ,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1120	Thái Lai (xã) 泰來社: tg.Yên Trường,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1101
Thạch Quật (xã) 石窟社: tg.Đồng Yên,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086	Thái Lai (tổng) 泰來總: h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1121
Thạch Sơn (xã) 石山社: tg.Thượng Lưu,h.Minh Hoá, p.Quảng Trạch,t.QB 1359	Thái Lai (xã) 泰來社: tg.Thái Lai,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1121
Thạch Sơn (xã) 石山社: tg.Chu Hóa,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944	Thái Lai (xã) 泰來社: tg.Mao Điền,h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 97
Thạch Thành (huyện) 石城縣: p.Quảng Hóa,t.TH 1135	Thái Lai (xã) 泰萊社: tg.Kênh Thanh,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 117
Thạch Thán (tổng) 石炭總: h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 920	Thái Lai (tổng) 太來總: h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162
Thạch Thán (thôn) 石炭村: tg.Thạch Thán,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 920	Thái Lai (xã) 太來社: tg.Thái Lai,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162
Thạch Thất (huyện) 石室縣: p.Quốc Oai,t.ST 923	Thái Lăng (xã) 泰朗社: tg.Phan Xá,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134
Thạch Tiến (thôn) 石前村: x.Lập Cầu,tg.Hải Đô,h.Hung Nguyên, p.Anh Sơn,t.NA 1243	Thái Lão (xã) 蔡老社: tg.Đô Yên,h.Hung Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA 1242
Thạch Tổ (xã) 石祖社: tg.Kỷ Cầu,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40	Thái Mông (xã) 太蒙社: tg.Địch Sơn,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD 157
Thạch Uyên (xã) 石淵社: tg.La Phù,h.Bát Bạt,p.Quảng Oai,t.ST 915	Thái Nguyên (tỉnh) 太原省: 787
Thạch Xá (tổng) 石舍總: h.Lệ Thủy,p.Quảng Ninh,t.QB 1349	Thái Nhã (xã) 泰雅社: tg.Vũ Liệt,h.Thanh Chương,p.Anh Sơn,t.NA 1239
Thạch Xá (xã) 石舍: tg.Thạch Xá,h.Lệ Thủy,p.Quảng Ninh,t.QB 1349	Thái Ninh (xã) 太寧社: tg.Ninh Dân,h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948
Thạch Xá (xã) 石舍社: tg.La Phù,h.Bát Bạt,p.Quảng Oai,t.ST 915	Thái Phù (xã) 泰符社: tg.Phù Lỗ,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525
Thạch Xá (tổng) 石舍總: h.Thạch Thất,p.Quốc Oai,t.ST 924	Thái Thạch (xã) 采石社: tg.Phù Nội,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95
Thạch Xá (xã) 石舍社: tg.Thạch Xá,h.Thạch Thất,p.Quốc Oai,t.ST 924	Thái Thịnh (sách) 太盛冊: tg.Phác Lỗ,h.Nghĩa Đường,p.Quỳ Châu,t.NA 1275
Thạch Xá Hạ (xã) 石舍下社: tg.Thạch Xá,h.Lệ Thủy, p.Quảng Ninh,t.QB 1349	Thái Thường (thôn) 太常村: x.Duy Nhất,tg.Du Trường,h.Hậu Lộc, p.Hà Trung,t.TH 1096
Thạch Xá Thượng (xã) 石舍上社: tg.Thạch Xá,h.Lệ Thủy, p.Quảng Ninh,t.QB 1349	Thái Trì (xã) 太池社: tg.Lâm Thao,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 511
Thạch Yến (xã) 石燕社: tg.Ngọc Lặc,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1102	Thái Tượng (thôn) 泰象村: x.Thạch Nội,tg.Văn Trường,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1117
Thal Dương Hạ (xã) 邵陽下社: tg.Vinh Trị,h.Hương Trà,p.TT 1419	Thái Xá (tổng) 蔡舍總: h.Đồng Thành,p.Diễn Châu,t.NA 1249
Thal Dương Thượng (xã) 邵陽上社: tg.Vinh Trị,h.Hương Trà,p.TT ... 1419	Thái Xá (xã) 蔡舍社: tg.Thái Xá,h.Đồng Thành,p.Diễn Châu,t.NA 1249
Thái (thôn) 泰村: x.Ngo Xá,tg.Vạn Thiện,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH .. 1125	Thái Xương (xã) 泰昌社: tg.Trầm Nhĩ,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957
Thái (thôn) 泰村: x.Đường Xuyên,tg.Đường Xuyên,h.Phú Xuyên, p.Thường Tín,t.HN 22	Thái Yên (thôn) 太安村: x.Quang Chiêm,tg.Văn Lâm,h.La Sơn, p.Đức Thọ,t.NA 1255
Thái Bạt (xã) 泰拔社: tg.Kê Thượng,h.Bát Bạt,p.Quảng Oai,t.ST 915	Tham Đồng (giáp) 參同甲: tg.Tân Bối,h.Tiến Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335
Thái Bằng (tộc) 太憑族: x.Đội Trương,tg.Cổ Định,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1123	Thám Thanh (xã) 探青社: tg.Hiến Khánh,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 320
Thái Bình (phủ) 太平府: t.NĐ 336	Thám Xuân (xã) 探春社: tg.Nhân Lý,ch.Văn Uyên,p.Tràng Định,t.LS 610
Thái Bình (pp) 太平分府: t.NĐ 345	Than Uyên (xã) 灘淵社: tg.Dương Quỳ,ch.Chiêu Tấn,p.Yên Tây,t.HH ... 734
Thái Bình (thôn) 太平村: x.Hàm Lâm,tg.Bích Triều,h.Thanh Chương, p.Anh Sơn,t.NA 1238	Thanh Ái (xã) 青靄社: tg.Lạn Mẫu,h.Phượng Nhãn,p.Lạng Giang,t.BN .. 530
Thái Bình (xã) 太平社: tg.Phù Lão,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957	Thanh Am (xã) 清庵社: tg.Đặng Xá,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN 515
Thái Bình (thôn) 太平村: x.Tuấn Kiệt,tg.Mật Vật,h.Thụy Nguyên, p.Thiệu Hóa,t.TH 1101	Thanh An (xã) 青安社: tg.Tam Lộng,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1145
Thái Bình (ấp) 太平邑: tg.Lương Điền,h.Phú Lộc,p.TT 1423	Thanh An (thôn) 清安村: tg.Phúc Lâm,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12
Thái Bình (tổng) 太平總: h.Yên Bái,p.Tràng Khánh,t.LS 619	Thanh An (thôn) 清安村: x.Thanh Khê,tg.An Trạch,h.Nam Xương, p.Lý Nhân,t.HN 45
Thái Bình (xã) 太平社: tg.Thái Bình,h.Yên Bái,p.Tràng Khánh,t.LS 619	Thanh Áng (xã) 青盎社: tg.Bột Xuyên,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31
Thái Các (xã) 泰閣社: tg.Thủ Hộ,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1120	Thanh Ấm (xã) 青蔭社: tg.Phương Đình,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26
Thái Cẩn (xã) 菜片社: tg.Yên Lãng,h.Thanh Thủy,p.Gia Hưng,t.HH 713	Thanh Ba (huyện) 青波縣: p.Lâm Thao,t.ST 948
Thái Công (thôn) 太公村: x.Xuân Vũ,tg.Xuân Vũ,h.Chân Định, p.Kiến Xương,t.NĐ 331	Thanh Ba (xã) 青波社: tg.Mạn Lạn,h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948
Thái Đào (tổng) 太陶總: h.Phượng Nhãn,p.Lạng Giang,t.BN 530	Thanh Ban (xã) 青班社: tg.Vạn Thiện,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH ... 1125
Thái Đào (xã) 太陶社: tg.Thái Đào,h.Phượng Nhãn,p.Lạng Giang,t.BN .. 530	Thanh Ban (thôn) 青班村: x.Thanh Ban,tg.Vạn Thiện,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1125
Thái Đường (tổng) 太堂總: h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN 33	Thanh Bản (xã) 青板社: tg.Cự Lâm,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333
Thái Đường (xã) 太堂社: tg.Thái Đường,h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN 33	Thanh Bào (xã) 青袍社: tg.Thượng Trưng,h.Bạch Hạc, p.Vĩnh Tường,t.ST 930
Thái Đường (xã) 太堂社: tg.Ngô Khê,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45	Thanh Bảo (thôn) 清寶村: tg.Yên Thành,h.Vĩnh Thuận,p.Hoài Đức,t.HN . 13
Thái Đường (xã) 太堂社: tg.Đặng Xá,h.Hưng Nhãn,p.Tiên Hưng,t.HY ... 268	Thanh Bằng (xã) 青憑社: tg.Thượng Lương,h.Văn Lãng, p.Tông Hóa,t.TN 809
Thái La (xã) 採羅社: tg.Bảo Ngũ,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 320	Thanh Bình (xã) 青平社: ch.Thuận,p.Điện Biên,t.HH 744
Thái Lạc (tổng) 太樂總: h.Văn Giang,pp.Thuận Thành,t.BN 517	Thanh Bối (xã) 青蒲社: tg.Phù Lưu Thượng,h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN 33
Thái Lạc (xã) 太樂社: tg.Thái Lạc,h.Văn Giang,pp.Thuận Thành,t.BN ... 517	Thanh Bôi (xã) 青盔社: tg.La Miết,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1126
Thái Lai (xã) 泰萊社: tg.Yên Lãng,h.Yên Lãng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938	Thanh Cẩm (xã) 清琴社: tg.Hành Lư,ch.Văn Uyên,p.Tràng Định,t.LS 610
	Thanh Cẩn (tổng) 清勤總: h.Quảng Điện,p.TT 1427
	Thanh Cẩn (xã) 清勤社: tg.Thanh Cẩn,h.Quảng Điện,p.TT..... 1427
	Thanh Cầu (xã) 清溝社: tg.Đại Đồng,h.Thạch Thất,p.Quốc Oai,t.ST 924

Thanh Châu (xã) 青菜社: tg.Tiểu Lễ,h.Đa Phúc,p.Đa Phúc,t.BN 522

Thanh Chiếu (xã) 清沼社: tg.Phù Sa,h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST 913

Thanh Chử (thôn) 清渚村: x.Thái Nhã,tg.Vũ Liệt,h.Thanh Chương,
p.Anh Sơn,t.NA 1239

Thanh Chử (xã) 清渚社: tg.Long Hồ,h.Hương Trà,p.TT 1418

Thanh Chương (huyện) 清漳縣: p.Anh Sơn,t.NA 1238

Thanh Cù (tổng) 青虬總: h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948

Thanh Cù (xã) 青虬社: tg.Thanh Cù,h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948

Thanh Cù (tổng) 青虬總: h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 259

Thanh Cù (xã) 青虬社: tg.Thanh Cù,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 259

Thanh Cương (xã) 青崗社: tg.Hàn Giang,h.Cẩm Giang,
p.Bình Giang,t.HD 98

Thanh Đa (xã) 青椰社: tg.Quảng Bốc,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN .. 511

Thanh Dã (xã) 青野社: tg.Tam Dị,h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN 531

Thanh Dã (trại) 青野寨: tg.Phú Hậu,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA 1253

Thanh Du (xã) 青油社: tg.Hóa Tài,h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 339

Thanh Dương (xã) 青陽社: tg.Cao Xá,h.Đồng Thành,
p.Diễn Châu,t.NA 1249

Thanh Dương (xã) 青陽社: tg.Đại Bối,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH .. 1105

Thanh Dương (xã) 青陽社: tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1121

Thanh Dương (ấp) 青陽邑: tg.Kế Mỹ,h.Phú Vang,p.TT 1420

Thanh Dương (xã) 青陽社: tg.Bạch Sam,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26

Thanh Đà (xã) 清沱社: tg.Quỳ Trách,h.Yên Thành,p.Diễn Châu,t.NA .. 1250

Thanh Đàm (thôn) 清潭村: tg.Xuân Liễu,h.Nam Đường,
p.Anh Sơn,t.NA 1236

Thanh Đàm (vạn) 清潭蕩: tg.Bích Triều,h.Thanh Chương,
p.Anh Sơn,t.NA 1238

Thanh Đàm (thôn) 清潭村: vạn Thanh Đàm,tg.Bích Triều,
h.Thanh Chương,p.Anh Sơn,t.NA 1238

Thanh Đàm (thôn) 青潭村: tg.Mậu Tài,h.Phú Vang,p.TT 1420

Thanh Đạm (thôn) 清淡村: x.Bình Đạm,tg.Chi Nê,h.Hậu Lộc,
p.Hà Trung,t.TH 1097

Thanh Đán (xã) 青旦社: tg.Đồng Bạng,h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1082

Thanh Đặng (xã) 青鄧社: tg.Thái Lạc,h.Văn Giang,
pp.Thuận Thành,t.BN 517

Thanh Điển (thôn) 青田村: x.Ngọc Hoạch,tg.Mật Vật,h.Thụy Nguyên,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1101

Thanh Điển (thôn) 青田村: x.Thanh Bàn,tg.Vạn Thiện,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

Thanh Diểu (tổng) 青鳥總: ch.Định,p.Tông Hóa,t.TN 807

Thanh Diểu (xã) 青鳥社: tg.Thanh Diểu,ch.Định,p.Tông Hóa,t.TN 807

Thanh Đoài (thôn) 青兌村: tg.Thanh Viên,h.Quỳnh Lưu,
p.Diễn Châu,t.NA 1252

Thanh Đồng (xã) 青童社: tg.Lạc Thiện,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH . 1125

Thanh Đường (thôn) 清塘村: tg.Đô Lương,h.Lương Sơn,
p.Anh Sơn,t.NA 1235

Thanh Đường (thôn) 青塘村: tg.Thanh Viên,h.Quỳnh Lưu,
p.Diễn Châu,t.NA 1252

Thanh Giám (ly) 清監里: tg.Tân Phong,h.Tiến Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ .. 335

Thanh Hà (thôn) 清河村: tg.Hà Bạc,h.Bố Trách,p.Quảng Trạch,t.QB ... 1358

Thanh Hà (xã) 清河社: tg.Cổ Định,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1123

Thanh Hà (xã) 清河社: tg.Vĩnh Trị,h.Hương Trà,p.TT 1419

Thanh Hà (xã) 清河社: tg.An Thành,h.Quảng Điền,p.TT 1427

Thanh Hà (thôn) 清河村: tg.Đồng Thọ,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12

Thanh Hà (xã) 清河社: tg.An Trú,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 110

Thanh Hà (huyện) 青河縣: p.Nam Sách,t.HD 112

Thanh Hải (trang) 清海庄: tg.Thượng Bạng,h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1082

Thanh Hóa (tỉnh) 清化省: 1073

Thanh Hoài (xã) 青淮社: tg.Khuông Tự,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN 506

Thanh Hối (xã) 清誨社: tg.Lạc Nghiệp,h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1040

Thanh Hội (xã) 青會社: tg.Đạo Tú,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26

Thanh Huống (xã) 青況社: tg.Bảo Nang,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN 795

Thanh Huy (thôn) 青輝村: x.Vạn Lộc,tg.Thạch Khê,h.Đồng Sơn,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1105

Thanh Hương (xã) 清香社: tg.Thượng Hộ,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333

Thanh Hương (xã) 青青社: tg.Lãnh Sơn,h.Hạ Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950

Thanh Hương (xã) 清香社: tg.Chính Lộc,h.Phong Điền,p.TT 1428

Thanh Hương (xã) 清鄉社: tg.Đồng Mặc,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 306

Thanh Khai (xã) 青開社: tg.Phương Duy,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD .. 130

Thanh Khê (thôn) 清溪村: x.Bạt Trạc,tg.Nga Khê,h.Can Lộc,
p.Đức Thọ,t.NA 1269

Thanh Khê (xã) 清溪社: tg.Quan Vinh,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029

Thanh Khê (phường) 清溪坊: tg.Bái Ân,h.Thành Hoá,đạo QT 1393

Thanh Khê (tổng) 清溪總: h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1105

Thanh Khê (thôn) 清溪村: x.Lộc Hải,tg.Cung Thượng,h.Quảng Xương,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1120

Thanh Khê (xã) 清溪社: tg.Điều Hộ,h.Thanh Liêm,p.Ứng Hòa,t.HN 29

Thanh Khê (xã) 清溪社: tg.Bối Khê,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 40

Thanh Khê (xã) 青溪社: tg.An Trạch,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45

Thanh Khê (xã) 清溪社: tg.Lập Lễ,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113

Thanh Khê (xã) 清溪社: tg.Hạ Am,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124

Thanh Khê (xã) 青溪社: tg.Thái Lạc,h.Văn Giang,
pp.Thuận Thành,t.BN 517

Thanh Khê (xã) 清溪社: tg.Đệ Nhất,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 307

Thanh Khê (xã) 清溪社: tg.Thi Liệu,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ .. 310

Thanh Khê (tổng) 清溪總: h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 317

Thanh Khê (xã) 清溪社: tg.Thanh Khê,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 317

Thanh Khiết (thôn) 青潔村: tg.Vũ Liệt,h.Thanh Chương,
p.Anh Sơn,t.NA 1239

Thanh La (xã) 青羅社: tg.Vũ Liệt,h.Thanh Chương,p.Anh Sơn,t.NA 1239

Thanh La (tổng) 青羅總: h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 960

Thanh La (xã) 青羅社: tg.Thanh La,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 960

Thanh Lam (xã) 青藍社: tg.Đường Anh,h.Phú Vang,p.TT 1420

Thanh Lam Bó (thôn) 青藍蒲村: tg.Sư Lỗ,h.Phú Vang,p.TT..... 1420

Thanh Lam Thượng (thôn) 青藍上村: tg.Lương Văn,
h.Hương Thủy,p.TT..... 1423

Thanh Lam Trung (thôn) 青藍中村: tg.Sư Lỗ,h.Phú Vang,p.TT..... 1420

Thanh Lãm (xã) 青覽社: tg.Thắng Lãm,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 28

Thanh Lãm (xã) 青攬社: tg.Hương Đình,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525

Thanh Lãng (thôn) 青朗村: tg.Đặng Sơn,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1235

Thanh Lãng (xã) 青朗社: tg.Văn Lâm,h.La Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1255

Thanh Lãng (sách) 清朗冊: tg.Thượng Lưu,h.Minh Hoá,
p.Quảng Trạch,t.QB 1359

Thanh Lãng (tổng) 青浪總: h.Tiên Phong,p.Quảng Oai,t.ST 909

Thanh Lãng (xã) 青浪社: tg.Thanh Lãng,h.Tiên Phong,
p.Quảng Oai,t.ST 909

Thanh Lãng (xã) 青朗社: tg.Trung Bạng,h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH .. 1083

Thanh Lãng (thôn) 青朗村: x.Thạch Giản,tg.Thạch Giản,h.Nga Sơn,
p.Hà Trung,t.TH 1086

Thanh Lãng (xã) 清朗社: tg.Phù Lưu,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD ... 162

Thanh Lãng (thôn) 青朗村: x.Thọ Diên,tg.Diên Hà,h.Diên Hà,
p.Tiên Hưng,t.HY 267

Thanh Lãnh (trại) 青冷寨: x.Thanh Lãnh,tg.Thiện Kế,h.Bình Xuyên,
p.Phú Bình,t.TN 801

Thanh Lãnh (xã) 青冷社: tg. Hạ Vĩnh,h. Thanh Hà,p. Nam Sách,t. HD 113	Thanh Oai (xã) 青威社: tg. Tuân Hóa,h. Đông Sơn,p. Thiệu Hóa,t. TH 1105
Thanh Lăng (trang) 清凌庄: tg. Cao Lao,h. Bó Trạch, p. Quảng Trạch,t. QB 1357	Thanh Oai (huyện) 青威縣: p. Ứng Hòa,t. HN 27
Thanh Lâm (huyện) 青林縣: p. Nam Sách,t. HD 110	Thanh Phần (xã) 清汾社: tg. Lạc Trĩ,h. Thạch Thất,p. Quốc Oai,t. ST 923
Thanh Lâm (xã) 青林社: tg. An Trứ,h. Thanh Lâm,p. Nam Sách,t. HD 110	Thanh Phong (xã) 清風社: tg. Hải Đồ,h. Hưng Nguyên,p. Anh Sơn,t. NA 1243
Thanh Lâu (xã) 青樓社: tg. Hạ Mạo,h. Sơn Vi,p. Lâm Thao,t. ST 945	Thanh Phúc (xã) 清福社: tg. Vĩnh Trĩ,h. Hương Trà,p. TT 1419
Thanh Lê (xã) 青黎社: tg. An Lưu,h. Đăng Xương,đạo QT 1384	Thanh Quan (huyện) 青關縣: p. Thái Bình,t. ND 340
Thanh Lễ (xã) 青禮社: tg. Mỹ Thái,h. Bảo Lộc,p. Lạng Giang,t. BN 530	Thanh Quang (thôn) 清琫村: x. Đại Đồng,tg. Hàng Vi,h. Hoàng Hóa, p. Hà Trung,t. TH 1090
Thanh Liêm (xã) 清廉社: tg. An Dã,h. Đăng Xương,đạo QT 1384	Thanh Quang (xã) 清琫社: tg. Thượng Ốc,h. Từ Liêm,p. Hoài Đức,t. HN 8
Thanh Liêm (thôn) 青廉村: x. Châu Tuyết,tg. Văn Xá,h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia,t. TH 1124	Thanh Quát (xã) 青括社: tg. Thọ Lão,h. Yên Lạc,pp. Vĩnh Tường,t. ST 940
Thanh Liêm (huyện) 青廉縣: p. Lý Nhân,t. HN 39	Thanh Quyết (tổng) 青厥總: h. Gia Viễn,p. Yên Khánh,t. NB 1029
Thanh Liêm (xã) 青廉社: tg. Hương Ngải,h. Thanh Liêm,p. Lý Nhân,t. HN .. 40	Thanh Quyết (xã) 青厥社: tg. Thanh Quyết,h. Gia Viễn, p. Yên Khánh,t. NB 1029
Thanh Liên (xã) 青槌社: tg. Bách Lãm,h. Trấn Yên,p. Quy Hóa,t. HH 726	Thanh Quyết (phường) 青厥坊: tg. Thanh Quyết,h. Gia Viễn, p. Yên Khánh,t. NB 1029
Thanh Liệt (xã) 清烈社: tg. Phù Long,h. Hưng Nguyên,p. Anh Sơn,t. NA 1243	Thanh Quỳ (xã) 青葵社: tg. Dương Quỳ,ch. Chiêu Tấn,p. Yên Tây,t. HH ... 734
Thanh Liệt (tổng) 清烈總: h. Thanh Trì,p. Thường Tín,t. HN 19	Thanh Sấm (xã) 青岑社: tg. Đức Triêm,h. Kim Động,p. Khoái Châu,t. HY . 259
Thanh Liệt (xã) 清烈社: tg. Thanh Liệt,h. Thanh Trì,p. Thường Tín,t. HN 19	Thanh Sơn (xã) 青山社: tg. Thanh Viên,h. Quỳnh Lưu,p. Diễn Châu,t. NA 1252
Thanh Liêu (xã) 清僚社: tg. Cát Ngạn,h. Thanh Chương,p. Anh Sơn,t. NA 1239	Thanh Sơn (xã) 青山社: tg. Thuận Lễ,h. Minh Chính, p. Quảng Trạch,t. QB 1356
Thanh Liêu (xã) 青寥社: tg. Thạch Khôi,h. Gia Lộc,p. Ninh Giang,t. HD 130	Thanh Sơn (xã) 青山社: tg. Linh Xuyên,h. Sơn Dương,p. Đoan Hùng,t. ST 959
Thanh Lộc (xã) 青祿社: tg. Nhá Luật,h. Phố Yên,p. Phú Bình,t. TN 797	Thanh Sơn (xã) 青山社: tg. Lang Quán,h. Hàm Yên,p. An Bình,t. TQ 859
Thanh Luận (xã) 青論社: tg. Từ Trang,h. Đông Triều,p. Kinh Môn,t. HD ... 166	Thanh Sơn (xã) 青山社: tg. Đỗ Xá,h. Võ Giàng,p. Từ Sơn,t. BN 500
Thanh Lũng (xã) 青隴社: tg. Chu Chàng,h. Tiên Phong,p. Quảng Oai,t. ST 909	Thanh Sơn (huyện) 清山縣: p. Gia Hưng,t. HH 711
Thanh Lương (phường) 清凉坊: tg. Đặng Sơn,h. Lương Sơn, p. Anh Sơn,t. NA 1235	Thanh Tảo (xã) 青早社: tg. Chi Ngại,h. Chí Linh,p. Nam Sách,t. HD 106
Thanh Lương (thôn) 清凉村: x. Phù Lưu,tg. Phù Lưu,h. Can Lộc, p. Đức Thọ,t. NA 1269	Thanh Tân (xã) 清津社: tg. Bạch Hà,h. Lương Sơn,p. Anh Sơn,t. NA 1234
Thanh Lương (xã) 清凉社: tg. An Lạc,h. Thành Hoá,đạo QT 1393	Thanh Tân (phường) 清新坊: tg. Phù Ninh,h. Phong Điền,p. TT 1428
Thanh Lương (thôn) 清凉村: tg. Mộ Chu,h. Bạch Hạc,p. Vĩnh Tường,t. ST 930	Thanh Tháp (thôn) 青塔村: x. Nhân Vĩng,tg. Văn Xá,h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia,t. TH 1124
Thanh Lương (xã) 青涼社: tg. Phao Thanh,h. Tư Nông,p. Phú Bình,t. TN 794	Thanh Thần (xã) 青神社: tg. Nga My,h. Thanh Oai,p. Ứng Hòa,t. HN 28
Thanh Lương (xã) 清凉社: tg. Hương Cẩn,h. Hương Trà,p. TT 1419	Thanh Thủy (xã) 青水社: tg. Xuân Liễu,h. Nam Đường,p. Anh Sơn,t. NA 1236
Thanh Lương (xã) 清凉社: tg. Yên Phú,h. Vĩnh Điện,p. Tương An,t. TQ ... 871	Thanh Thủy (xã) 青水社: tg. Thuận Lễ,h. Minh Chính, p. Quảng Trạch,t. QB 1356
Thanh Mạc (tổng) 清漠總: h. Đan Phượng,p. Quốc Oai,t. ST 922	Thanh Thủy (thôn) 清水村: tg. Thuận Lễ,h. Minh Chính, p. Quảng Trạch,t. QB 1356
Thanh Mạc (xã) 清漠社: tg. Thanh Mạc,h. Đan Phượng,p. Quốc Oai,t. ST 922	Thanh Thủy (xã) 清水社: tg. Dã Lễ,h. Hương Thủy,p. TT 1422
Thanh Mai (xã) 青枚社: tg. Dục Linh,h. Phú Dục,pp. Thái Bình,t. ND 346	Thanh Thủy (huyện) 清水縣: p. Gia Hưng,t. HH 712
Thanh Mai (xã) 青枚社: tg. Đa Mai,h. Yên Dũng,p. Lạng Giang,t. BN 533	Thanh Thủy (xã) 清水社: tg. Phổ Lộng,h. Đa Phúc,p. Đa Phúc,t. BN 521
Thanh Mai (tổng) 青梅總: h. Tiên Phong,p. Quảng Oai,t. ST 909	Thanh Thủy (phố) 清水舖: tg. Trảng Quế,ch. Ôn,p. Trảng Khánh,t. LS 617
Thanh Mai (xã) 青梅社: tg. Thanh Mai,h. Tiên Phong,p. Quảng Oai,t. ST .. 909	Thanh Tiên (xã) 青仙社: tg. Mậu Tài,h. Phú Vang,p. TT 1419
Thanh Mai (xã) 青枚社: tg. Chu Hóa,h. Sơn Vi,p. Lâm Thao,t. ST 944	Thanh Tiêu (trang) 青焦庄: tg. Mật Vật,h. Thụy Nguyên, p. Thiệu Hóa,t. TH 1101
Thanh Mai (tổng) 青枚總: ch. Mai,p. Gia Hưng,t. HH 718	Thanh Trà (xã) 青茶社: tg. Túc Tranh,h. Phú Lương,p. Tông Hóa,t. TN 812
Thanh Mật (xã) 清密社: tg. Hành Lư,ch. Văn Uyên,p. Trảng Định,t. LS 610	Thanh Trà (xã) 清茶社: tg. Trà Lũ,h. Giao Thủy,p. Xuân Trường,t. ND 304
Thanh Miến (thôn) 青麵村: tg. Yên Hòa,h. Thọ Xương,p. Hoài Đức,t. HN 12	Thanh Trì (xã) 青池社: tg. Thanh Lăng,h. Tiên Phong,p. Quảng Oai,t. ST . 909
Thanh Miện (huyện) 青沔縣: p. Bình Giang,t. HD 94	Thanh Trì (thôn) 清池村: tg. Thanh Vĩ,h. Tùng Thiện,p. Quảng Oai,t. ST ... 911
Thanh Nê (xã) 青泥社: tg. Cao Bô,h. Mỹ Lương,p. Quốc Oai,t. ST 926	Thanh Trì (huyện) 青池縣: p. Thường Tín,t. HN 18
Thanh Nê (xã) 青泥社: tg. An Cừ,h. Ý Yên,pp. Nghĩa Hưng,t. ND 323	Thanh Trì (tổng) 青池總: h. Thanh Trì,p. Thường Tín,t. HN 19
Thanh Nê (xã) 青泥社: tg. An Bồi,h. Chân Định,p. Kiến Xương,t. ND 331	Thanh Trì (xã) 青池社: tg. Thanh Trì,h. Thanh Trì,p. Thường Tín,t. HN 19
Thanh Nga (xã) 青娥社: tg. Hữu Đạo,h. Quế Phong,p. Quỳnh Châu,t. NA .. 1276	Thanh Trĩ (tổng) 青致總: h. Bình Xuyên,p. Phú Bình,t. TN 801
Thanh Nga (xã) 青娥社: tg. Nga Phú,h. Cẩm Khê,p. Lâm Thao,t. ST 946	Thanh Trĩ (xã) 青致社: tg. Thanh Trĩ,h. Bình Xuyên,p. Phú Bình,t. TN 801
Thanh Nga (xã) 菁娥社: tg. Dương Sơn,h. Mỹ Hóa,p. Hà Trung,t. TH 1093	Thanh Triều (tổng) 青潮總: h. Hưng Nhân,p. Tiên Hưng,t. HY 268
Thanh Nga (xã) 菁莪社: tg. Đông Than,h. Văn Giang, pp. Thuận Thành,t. BN 517	Thanh Triều (xã) 青潮社: tg. Thanh Triều,h. Hưng Nhân, p. Tiên Hưng,t. HY 268
Thanh Nga (xã) 青娥社: tg. Đặng Xá,h. Hưng Nhân,p. Tiên Hưng,t. HY 268	Thanh Trung (thôn) 清中村: x. Thái Lai,tg. Thái Lai,h. Quảng Xương, p. Tĩnh Gia,t. TH 1121
Thanh Nha (thôn) 清衙村: tg. Vũ Liệt,h. Thanh Chương,p. Anh Sơn,t. NA 1239	Thanh Túy (xã) 青翠社: tg. Hạ Hoàng,h. Phù Ninh,p. Đoan Hùng,t. ST 957
Thanh Nhàn (tổng) 清閑總: h. Thọ Xương,p. Hoài Đức,t. HN 12	
Thanh Nhàn (thôn) 清閑村: tg. Thanh Nhàn,h. Thọ Xương,p. Hoài Đức,t. HN 12	
Thanh Nhàn (xã) 清閑社: tg. Cổ Bái,h. Kim Anh,p. Đa Phúc,t. BN 525	
Thanh Nhuế (tổng) 青芮總: h. Vĩnh Hòa,p. Tương Dương,t. NA 1272	
Thanh Non (xã) 青嫩社: tg. Quyển Sơn,h. Kim Bảng,p. Lý Nhân,t. HN 38	

Thanh Tứ (<i>thôn</i>) 清泗村: x.Xuân Hòa,tg.Nam Kim,h.Thanh Chương, p.Anh Sơn,t.NA 1239	
Thanh Tước (<i>xã</i>) 青雀社: tg.Kim Anh,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525	
Thanh Tương (<i>xã</i>) 清湘社: tg.Vĩnh Yên,ch.Chiêm Hoá,p.Tương An,t.TQ 877	
Thanh Tương (<i>xã</i>) 青湘社: tg.Khuông Tự,h.Siêu Loại, p.Thuận Thành,t.BN 506	
Thanh Uyên (<i>xã</i>) 清淵社: tg.Văn Lang,h.Tam Nông,p.Gia Hưng,t.HH ... 709	
Thanh Vân (<i>xã</i>) 青雲社: tg.Đạo Tú,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 934	
Thanh Vân (<i>xã</i>) 青雲社: tg.Hoàng Văn,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522	
Thanh Vận (<i>xã</i>) 清韻社: tg.Nông Hạ,ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN 819	
Thanh Vị (<i>tổng</i>) 清渭總: h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST 910	
Thanh Vị (<i>xã</i>) 清渭社: tg.Thanh Vị,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST 910	
Thanh Vị (<i>xã</i>) 清渭社: tg.Hà Vị,ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN 819	
Thanh Viên (<i>tổng</i>) 青園總: h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA 1252	
Thanh Viên (<i>xã</i>) 青園社: tg.Thanh Viên,h.Quỳnh Lưu, p.Diễn Châu,t.NA 1252	
Thanh Xá (<i>thôn</i>) 青舍社: tg.Đồng Xá,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1123	
Thanh Xá (<i>tổng</i>) 青舍總: h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1130	
Thanh Xá (<i>xã</i>) 青舍社: tg.Thanh Xá,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1130	
Thanh Xá (<i>thôn</i>) 青舍村: tg.Yên Nhân,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100	
Thanh Xá (<i>xã</i>) 青舍社: tg.Bao Trung,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 130	
Thanh Xuân (<i>phường</i>) 青春坊: tg.Đặng Sơn,h.Lương Sơn, p.Anh Sơn,t.NA 1235	
Thanh Xuyên (<i>tổng</i>) 青川總: h.Quế Phong,p.Quỳ Châu,t.NA 1276	
Thanh Xuyên (<i>xã</i>) 青川社: tg.Thanh Xuyên,h.Quế Phong, p.Quỳ Châu,t.NA 1276	
Thanh Xuyên (<i>xã</i>) 清川社: tg.Suất Tĩnh,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 664	
Thanh Y (<i>thôn</i>) 青衣村: x.Đình Hương,tg.Cổ Định,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1123	
Thành (<i>thôn</i>) 城村: x.Kiên Giáp,tg.Đô Bái,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH ... 1087	
Thành (<i>thôn</i>) 成村: x.Bằng Tác,tg.Tam Lộng,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1145	
Thành Công (<i>thôn</i>) 成功村: x.Âm Công,tg.Đô Yên,h.Hưng Nguyên, p.Anh Sơn,t.NA 1242	
Thành Công (<i>xã</i>) 成功社: tg.Khuông Phù,h.Quảng Điện,p.TT 1427	
Thành Đức (<i>giáp</i>) 成德甲: tg.Chất Thành,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1032	
Thành Hoá (<i>huyện</i>) 成化縣: đạo QT 1392	
Thành Thị (<i>xã</i>) 成市社: tg.Ngọc Lũ,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 307	
Thành Trung (<i>ấp</i>) 城中邑: tg.An Thành,h.Quảng Điện,p.TT 1427	
Thản Cù (<i>xã</i>) 坦衢社: tg.Lâm Trường Hạ,ch.Lục Yên,p.An Bình,t.TQ 868	
Thản Đãng (<i>xã</i>) 坦蕩社: tg.Thống Thượng,h.Phổ Yên,p.Phú Bình,t.TN . 797	
Thản Sơn (<i>xã</i>) 坦山社: tg.Thượng Đạt,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST . 932	
Thao Chính (<i>xã</i>) 洮正社: tg.Mỹ Lâm,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 22	
Thao Hà (<i>xã</i>) 洮河社: tg.Văn Lang,h.Hạ Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950	
Thảo Nhân (<i>xã</i>) 草閣社: tg.Bản Động,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN ... 537	
Tháp Châu (<i>ấp</i>) 塔洲邑: tg.Hoàng Thu,h.Giao Thủy, p.Xuân Trường,t.NĐ 304	
Tháp Dương (<i>xã</i>) 塔陽社: tg.Hoàng Kênh,h.Thanh Lâm, p.Nam Sách,t.HD 110	
Tháp Miếu (<i>xã</i>) 塔廟社: tg.Bạch Trữ,h.Yên Lãng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938	
Tháp Phiên (<i>xã</i>) 塔潘村: x.Lạc Nghiệp,tg.Lạc Nghiệp,h.Thanh Lâm, p.Nam Sách,t.HD 111	
Tháp Thượng (<i>thôn</i>) 塔上村: tg.Đan Phượng Thượng,h.Đan Phượng, p.Quốc Oai,t.ST 922	
Tháp Trung (<i>thôn</i>) 塔中村: x.Cổ Đồi,tg.Văn Xá,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1125	
Thăng Đường (<i>xã</i>) 升堂社: tg.Ngo Xá,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH .. 1130	

Thắng Động (<i>xã</i>) 勝洞社: tg.Đồng Phú,h.Yên Khánh, p.Yên Khánh,t.NB 1021	
Thắng Khâu (<i>xã</i>) 勝邱社: tg.Tượng Yên,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 663	
Thắng Lâm (<i>tổng</i>) 勝覽總: h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 28	
Thắng Nghĩa (<i>xã</i>) 勝義社: tg.Tú Trạc,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST . 959	
Thắng Sơn (<i>xã</i>) 勝山社: tg.Cự Thắng,h.Thanh Thủy,p.Gia Hưng,t.HH ... 713	
Thắng Trí (<i>xã</i>) 勝致社: tg.Thanh Trí,h.Bình Xuyên,p.Phú Bình,t.TN 801	
Thắng Trí (<i>xã</i>) 勝致社: tg.Cổ Bái,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525	
Thâm Động (<i>xã</i>) 琛洞社: tg.Thượng Hộ,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333	
Thâm Khê (<i>xã</i>) 深溪社: tg.An Nhân,h.Hải Lăng,đạo QT 1385	
Thâm Khố (<i>xã</i>) 琛琿社: tg.Phụng Công,h.Văn Giang, pp.Thuận Thành,t.BN 517	
Thâm Triều (<i>xã</i>) 深朝社: tg.Bích La,h.Đặng Xương,đạo QT 1384	
Thẩm Đoan (<i>ấp</i>) 審端邑: tg.Viên Kiều,h.Thành Hoá,đạo QT 1394	
Thân Dương (<i>xã</i>) 申陽社: tg.Ỗ Cống,h.Thượng Lang, p.Trùng Khánh,t.CB 672	
Thân Thuộc (<i>trại</i>) 親屬寨: tg.Phong Thu,ch.Chiêu Tấn,p.Yên Tây,t.HH . 734	
Thân Thượng (<i>thôn</i>) 親上村: x.Trung Mậu,tg.Thông Lăng,h.Hưng Nguyên, p.Anh Sơn,t.NA 1242	
Thân Thượng (<i>xã</i>) 親上社: tg.Lạc Nghiệp,h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1040	
Thân Thượng (<i>thôn</i>) 親上村: x.Dũng Liệt,tg.Dũng Liệt,h.Yên Phong, p.Từ Sơn,t.BN 497	
Thân Thượng (<i>tổng</i>) 親上總: h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 317	
Thân Thượng (<i>xã</i>) 親上社: tg.Thân Thượng,h.Đại An, p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 317	
Thân Thượng (<i>trang</i>) 親上庄: x.Cao Bạt,tg.Nam Đường,h.Chân Định, p.Kiến Xương,t.NĐ 332	
Thân Trúc (<i>phường</i>) 新竹坊: tg.Cam Đường,h.Thành Hoá,đạo QT 1393	
Thân Xá (<i>xã</i>) 伸舍社: tg.Thổ Bình,ch.Chiêm Hoá,p.Tương An,t.TQ 877	
Thần (<i>thôn</i>) 神村: x.Thịnh Đức,tg.Thịnh Đức,h.Phú Xuyên, p.Thường Tín,t.HN 22	
Thần Chúc (<i>xã</i>) 神祝社: tg.Tiên Lát,h.Việt Yên,p.Lạng Giang,t.BN 534	
Thần Cốc (<i>thôn</i>) 神谷村: x.Oanh Cốc,tg.Thái Lai,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1121	
Thần Đầu (<i>xã</i>) 神投社: tg.Thần Hương,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ . 341	
Thần Đầu (<i>thôn</i>) 神投村: tg.Hoàng Lễ,h.Kỳ Anh,đạo HT 1327	
Thần Huống (<i>tổng</i>) 神呪總: h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 341	
Thần Huống (<i>xã</i>) 神呪社: tg.Thần Huống,h.Thanh Quan, p.Thái Bình,t.NĐ 341	
Thần Hương (<i>xã</i>) 宸香社: tg.Thiên Trạo,h.Yên Khánh, p.Yên Khánh,t.NB 1020	
Thần Khê (<i>huyện</i>) 神溪縣: p.Tiên Hưng,t.HY 264	
Thần Lộ (<i>tổng</i>) 神路總: h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ 312	
Thần Lộ (<i>xã</i>) 神路社: tg.Thần Lộ,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ 312	
Thần Lũy (<i>xã</i>) 神壘社: tg.Liên Đàng,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029	
Thần Nữ (<i>xã</i>) 神女社: tg.Bạch Sam,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37	
Thần Phù (<i>tổng</i>) 神符總: h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025	
Thần Phù (<i>xã</i>) 神符社: tg.Lương Văn,h.Hương Thủy,p.TT 1422	
Thần Quy (<i>xã</i>) 神龜社: tg.Biện Thủy,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 22	
Thần Sa (<i>xã</i>) 碾砂社: tg.Thượng Nông,h.Động Hỷ,p.Phú Bình,t.TN 798	
Thần Thiệu (<i>xã</i>) 神紹社: tg.Tri Hối,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029	
Thận Hành (<i>giáp</i>) 慎行甲: tg.Hành Thiện,h.Giao Thủy, p.Xuân Trường,t.NĐ 304	
Thận Nghiệp (<i>xã</i>) 慎業社: tg.Bách Tĩnh,h.Thượng Nguyên, p.Xuân Trường,t.NĐ 308	
Thận Trại (<i>xã</i>) 慎齋社: tg.Trưng Xá,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 511	
Thận Trung (<i>thôn</i>) 慎忠村: tg.Thượng Xá,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246	

Thận Tu (xã) 慎修社: tg. An Khê, h. Duy Tiên, p. Lý Nhân, t. HN 37	Thiên Lộc (thôn) 天祿村: tg. Hoàn Phúc, h. Bồ Trách, p. Quảng Trạch, t. QB 1357
Thận Vi (xã) 慎爲社: tg. Văn La, h. Thanh Trì, p. Thường Tín, t. HN 20	Thiên Thiện (xã) 遷善社: tg. Trà Lũ, h. Giao Thủy, p. Xuân Trường, t. ND ... 304
Thận Vi (xã) 慎爲社: tg. Bách Tĩnh, h. Thượng Nguyên, p. Xuân Trường, t. ND 308	Thiên Xuân (phường) 千春坊: tg. Mai Lộc, h. Thành Hoá, đạo QT 1393
Thất (thôn) 柒村: x. Đông Phú, tg. Đông Phú, h. Yên Khánh, p. Yên Khánh, t. NB 1021	Thiến Đổ (xã) 禪社社: tg. Hoành Đường, h. Thụy Anh, p. Thái Bình, t. ND 343
Thất Gian (xã) 七間社: tg. Phù Lương, h. Võ Giàng, p. Từ Sơn, t. BN 501	Thiến Quan (xã) 禪關社: tg. Trưng Hoài, h. Thanh Quan, p. Thái Bình, t. ND 341
Thất Khê (huyện) 柒溪縣: p. Trảng Định, t. LS 602	Thiến Quan (xã) 禪關社: tg. Đường Xâm, h. Chân Định, p. Kiến Xương, t. ND 331
Thế Chí (xã) 世至社: tg. Vĩnh Xương, h. Phong Điền, p. TT 1428	Thiến Quang (thôn) 禪琯村: tg. Vĩnh Xương, h. Thọ Xương, p. Hoài Đức, t. HN 12
Thế Lại Hạ (xã) 世賴下社: tg. Phú Xuân, h. Hương Trà, p. TT 1418	Thiện Bảo (xã) 善寶社: tg. Nam Bản, h. Tống Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1083
Thế Lại Thượng (xã) 世賴上社: tg. Phú Xuân, h. Hương Trà, p. TT 1418	Thiện Chính (phường) 善政坊: tg. Cam Đường, h. Thành Hoá, đạo QT ... 1393
Thế Lộc (xã) 世祿社: tg. Hành Phố, h. Phong Đăng, p. Quảng Ninh, t. QB ... 1347	Thiện Đáp (xã) 善答社: tg. Cam Đường, h. Kim Thành, p. Kiến Thụy, t. HD .. 147
Thế Lộc (xã) 世祿社: tg. Yên Lễ, h. Yên Thế, pp. Lạng Giang, t. BN 540	Thiện Giao (xã) 善交社: tg. Thiên Thoổ, ch. Lương Chánh, p. Thọ Xuân, t. TH 1150
Thế Lộc (xã) 世祿社: tg. Mậu Tài, h. Phú Vang, p. TT 1420	Thiện Hối (xã) 善誨社: tg. Tri Hối, h. Gia Viễn, p. Yên Khánh, t. NB 1029
Thế Trạch (xã) 世澤社: tg. Phù Lỗ, h. Kim Anh, p. Đa Phúc, t. BN 525	Thiện Kế (xã) 善繼社: tg. Hội Kế, h. Sơn Dương, p. Đoan Hùng, t. ST 959
Thế Trung (xã) 世徵社: tg. Kiên Cường, h. Bạch Hạc, p. Vĩnh Tường, t. ST .. 930	Thiện Kế (tổng) 善繼總: h. Bình Xuyên, p. Phú Bình, t. TN 801
Thi Liệu (tổng) 詩料總: h. Nam Chân, p. Xuân Trường, t. ND 310	Thiện Kế (xã) 善繼社: tg. Thiên Kế, h. Bình Xuyên, p. Phú Bình, t. TN 801
Thi Liệu (xã) 詩料社: tg. Thi Liệu, h. Nam Chân, p. Xuân Trường, t. ND 310	Thiện Kỳ (thôn) 善騎村: tg. Hoàng Mai, h. Quỳnh Lưu, p. Diễn Châu, t. NA 1253
Thi Ông (xã) 詩翁社: tg. An Thái, h. Hải Lăng, đạo QT 1385	Thiện Kỳ (xã) 善騎社: tg. Hương Vĩ, h. Hữu Lũng, pp. Lạng Giang, t. BN 541
Thi Phổ (xã) 施普社: tg. Thanh Xuyên, h. Quế Phong, p. Quỳ Châu, t. NA ... 1276	Thiện La (thôn) 善羅村: x. Du Trường, tg. Du Trường, h. Hậu Lộc, p. Hà Trung, t. TH 1096
Thi Xá (xã) 施舍社: tg. Tri Nhị, h. Quế Dương, p. Từ Sơn, t. BN 500	Thiện Loại (thôn) 善類村: tg. Lương Điền, h. Phú Lộc, p. TT 1424
Thị (thôn) 市村: x. Hoài Bảo, tg. Nội Duệ, h. Tiên Du, p. Từ Sơn, t. BN 494	Thiện Mỹ (thôn) 善美村: tg. Lâm Thịnh, h. Nam Đường, p. Anh Sơn, t. NA ... 1235
Thị (thôn) 市村: x. Châu Xuyết, tg. Văn Xá, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH .. 1124	Thiện Phiến (xã) 善片社: tg. Tiên Hương, h. Tiên Lữ, p. Tiên Hưng, t. HY 272
Thị (thôn) 市村: x. Vạn Thiện, tg. Vạn Thiện, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1125	Thiện Thổ (tổng) 善土總: ch. Lương Chánh, p. Thọ Xuân, t. TH 1150
Thị (thôn) 市村: x. Lạc Thủy, tg. Tam Lộng, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH .. 1145	Thiện Trạo (tổng) 善掉總: h. Yên Khánh, p. Yên Khánh, t. NB 1020
Thị (thôn) 市村: tg. Văn La, h. Thanh Trì, p. Thường Tín, t. HN 20	Thiện Trạo (xã) 善掉社: tg. Thiên Trạo, h. Yên Khánh, p. Yên Khánh, t. NB 1020
Thị (thôn) 市村: x. Quang Lãm, tg. Thảng Lãm, h. Thanh Oai, p. Ứng Hòa, t. HN 28	Thiếp Thượng (xã) 帖上社: tg. Chu Điện, h. Phượng Nhãn, p. Lạng Giang, t. BN 530
Thị Cầu (xã) 市祿社: tg. Đỗ Xá, h. Võ Giàng, p. Từ Sơn, t. BN 500	Thiếp Trì (xã) 帖池社: tg. Thái Đào, h. Phượng Nhãn, p. Lạng Giang, t. BN .. 530
Thị Đức (tổng) 示德總: h. Gia Lộc, p. Ninh Giang, t. HD 131	Thiệt (thôn) 設村: x. Cửu Bao, tg. Khoái Lạc, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1110
Thị Đức (xã) 示德社: tg. Thị Đức, h. Gia Lộc, p. Ninh Giang, t. HD 131	Thiệt Bình (xã) 鐵屏社: tg. Hà Lỗ, h. Đông Ngạn, p. Từ Sơn, t. BN 491
Thị Nguyên (thôn) 市原村: x. Cao Xá, tg. Thủy Cam, h. Thanh Oai, p. Ứng Hòa, t. HN 29	Thiệt Chính (xã) 鐵正社: tg. Thiệt Ống, h. Cẩm Thủy, p. Quảng Hóa, t. TH 1140
Thị Tân (thôn) 市津村: tg. Phù Vệ, h. Đường Hào, p. Bình Giang, t. HD 100	Thiệt Cương (xã) 鐵剛社: tg. Đồ Xá, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1124
Thị Tranh (tổng) 环琿總: h. Đường An, p. Bình Giang, t. HD 92	Thiệt Kế (xã) 鐵繼社: tg. Thiệt Ống, h. Cẩm Thủy, p. Quảng Hóa, t. TH 1140
Thị Tranh (xã) 环琿社: tg. Thị Tranh, h. Đường An, p. Bình Giang, t. HD 92	Thiệt Nham (xã) 鐵岩社: tg. Thiệt Sơn, h. Yên Dũng, p. Lạng Giang, t. BN .. 534
Thị Viên (xã) 柿園社: tg. Vồng Phan, h. Phù Cừ, p. Khoái Châu, t. HY 256	Thiệt Ống (tổng) 鐵甕總: h. Cẩm Thủy, p. Quảng Hóa, t. TH 1140
Thích Lỗi (xã) 釋来社: tg. Thạch Lỗi, h. Cẩm Giàng, p. Bình Giang, t. HD 97	Thiệt Ống (xã) 鐵甕社: tg. Thiệt Ống, h. Cẩm Thủy, p. Quảng Hóa, t. TH ... 1140
Thích Xá (xã) 適舍社: tg. Mỹ Nương, h. Lục Ngạn, p. Lạng Giang, t. BN 536	Thiệt Ống (xã) 鐵甕社: tg. Hà Lỗ, h. Đông Ngạn, p. Từ Sơn, t. BN 491
Thiểm Lộc (xã) 添祿社: tg. Thượng Xá, h. Chân Lộc, p. Anh Sơn, t. NA 1246	Thiệt Sơn (tổng) 鐵山總: h. Yên Dũng, p. Lạng Giang, t. BN 534
Thiểm Lộc (xã) 添祿社: tg. Lạc Chính, h. Ý Yên, pp. Nghĩa Hưng, t. ND 323	Thiệt Sơn (xã) 鐵山社: tg. Thiệt Sơn, h. Yên Dũng, p. Lạng Giang, t. BN 534
Thiểm Niêm (xã) 忝粘社: tg. Trạc Nhật, h. Thạch Thành, p. Quảng Hóa, t. TH 1135	Thiệt Sơn (xã) 鐵山社: tg. Thượng Lưu, h. Minh Hoá, p. Quảng Trạch, t. QB 1359
Thiểm Thanh (phường) 蟾青坊: tg. Hạ Hoàng, h. Phù Ninh, p. Đoan Hùng, t. ST 957	Thiệt Sơn (xã) 鐵山社: tg. La Miết, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1126
Thiểm Xuyên (xã) 剡川社: tg. Phong Xá, h. Yên Phong, p. Từ Sơn, t. BN ... 497	Thiệt Tái (xã) 鐵塞社: tg. Phan Xá, h. Tứ Kỳ, p. Ninh Giang, t. HD 134
Thiên Đông (xã) 遷冬社: tg. Bình Ca, h. Hàm Yên, p. An Bình, t. TQ 860	Thiệt Tháp (xã) 鐵塔社: tg. Hoàng Xá, h. Chương Đức, p. Ứng Hòa, t. HN 31
Thiên Đông (xã) 千冬社: tg. Bối Khê, h. Thanh Oai, p. Ứng Hòa, t. HN 29	Thiệt Thượng (xã) 鐵上社: tg. Thiệt Sơn, h. Yên Dũng, p. Lạng Giang, t. BN 534
Thiên Đông (xã) 千冬社: tg. Phù Tãi, h. Kim Thành, p. Kiến Thụy, t. HD 147	Thiệt Trà (xã) 鐵茶社: tg. Thiệt Ống, h. Cẩm Thủy, p. Quảng Hóa, t. TH 1140
Thiên Đông (xã) 千冬社: tg. Trịnh Xá, h. Thủy Đường, p. Kinh Môn, t. HD ... 161	Thiệt Tranh (xã) 鐵琿社: tg. Viên Lang, h. Vĩnh Bảo, p. Ninh Giang, t. HD ... 126
Thiên Đông (xã) 千冬社: tg. Dị Chế, h. Tiên Lữ, p. Tiên Hưng, t. HY 271	Thiệt Trụ (xã) 鐵柱社: tg. Mổ Sớ, h. Đông Yên, p. Khoái Châu, t. HY 252
Thiên Giản (thôn) 擅簡村: tg. Hà Liễu, h. Thanh Trì, p. Thường Tín, t. HN 19	Thiệt Trường Hạ (phường) 鐵場下坊: tg. An Lạc, h. Thành Hoá, đạo QT 1393
Thiên Khê (xã) 千溪社: tg. Vạn Tãi, h. Thanh Lâm, p. Nam Sách, t. HD 110	Thiệt Trường Thượng (phường) 鐵場上坊: tg. An Lạc, h. Thành Hoá, đạo QT 1393
Thiên Kiều (trại) 遷喬寨: tg. Tân Bối, h. Tiến Hải, p. Kiến Xương, t. ND 335	Thiệt Trường Thượng (thôn) 鐵場上村: tg. Mai Lộc, h. Thành Hoá, đạo QT 1393
Thiên Linh (xã) 千齡社: tg. Văn Trinh, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1115	
Thiên Linh (xã) 千齡社: tg. Cự Lũ, h. Cẩm Thủy, p. Quảng Hóa, t. TH 1139	

Thiếu (thôn) 韶村: x.An Khoái,tg.Lôi Dương,h.Lôi Dương,
p.Thọ Xuân,t.TH 1144

Thiếu Dương (trang) 韶陽庄: tg.Diên Hưng,h.Nam Chân,
p.Xuân Trường,t.NĐ 311

Thiếu Quang (xã) 韶光社: tg.Hạ Quan,h.Cầm Hóa,p.Thông Hóa,t.TN .. 816

Thiếu Sơn (thôn) 韶山村: x.Trường Vĩ,tg.Quảng Chiếu,h.Đồng Sơn,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1106

Thiếu Thạch (xã) 韶石社: tg.Yên Xá,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST ... 933

Thiếu Xá (xã) 韶舍社: tg.Hải Đò,h.Hung Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA 1243

Thiếu Xá (thôn) 韶舍村: x.Phù Lạc,tg.Chi Nê,h.Hậu Lộc,
p.Hà Trung,t.TH 1097

Thiếu Xá (xã) 韶舍社: tg.Đô Xá,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124

Thiếu Xuân (xã) 韶春社: tg.Phù Sa,h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST 913

Thiếu Xuyên (xã) 韶川社: tg.Văn Trinh,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH ... 1115

Thiệu Hóa (phủ) 韶化府: t.TH 1098

Thiệu Mỹ (xã) 韶美社: tg.Lập Lễ,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113

Thịnh (thôn) 盛村: x.Tào Xuyên,tg.Dương Thủy,h.Mỹ Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1094

Thịnh (thôn) 盛村: x.Yên Tĩnh,tg.Cung Thương,h.Quảng Xương,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1120

Thịnh Châu (xã) 盛邾社: tg.Phù Đạm,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38

Thịnh Đại (thôn) 盛代村: x.Thái Nhã,tg.Vũ Liệt,h.Thanh Chương,
p.Anh Sơn,t.NA 1239

Thịnh Đại (xã) 盛代社: tg.Hương Đán,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38

Thịnh Đán (xã) 盛旦社: tg.Túc Duyên,h.Động Hỷ,p.Phú Bình,t.TN 798

Thịnh Đức (tổng) 盛德總: h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 22

Thịnh Đức (xã) 盛德社: tg.Thịnh Đức,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 22

Thịnh Giai (xã) 盛佳社: tg.Tào Khê,h.Thủy Văn,p.Quỳ Châu,t.NA 1276

Thịnh Hào (phường) 盛豪坊: tg.Hạ,h.Vĩnh Thuận,p.Hoài Đức,t.HN 13

Thịnh Hòa (thôn) 盛和村: x.Hàng Vĩ,tg.Hàng Vĩ,h.Hoàng Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1089

Thịnh Hội (phường) 盛會坊: tg.An Cư,h.Đặng Xương,đạo QT 1384

Thịnh Kỉ (xã) 盛紀社: tg.Bạch Trữ,h.Yên Lãng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938

Thịnh Lạc (xã) 盛樂社: tg.Phúc Lộc,h.Hương Khê,p.Đức Thọ,t.NA 1261

Thịnh Lạc (thôn) 盛樂村: x.Nghĩa Trai,tg.Cao Xá,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

Thịnh Lâm (xã) 盛鄰社: tg.Dũng Vĩ,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494

Thịnh Liệt (tổng) 盛烈總: h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN 531

Thịnh Liệt (xã) 盛烈社: tg.Thịnh Liệt,h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN 531

Thịnh Liệt (xã) 盛烈社: tg.Hoàng Mai,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 19

Thịnh Mỹ (xã) 盛美社: tg.Kim Nguyên,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246

Thịnh Mỹ (phường) 盛美坊: tg.Hồ Xá,h.Minh Linh,đạo QT 1390

Thịnh Mỹ (thôn) 盛美村: x.Thạch Nội,tg.Văn Trường,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1117

Thịnh Mỹ (xã) 盛美社: tg.Diên Hào,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1146

Thịnh Nang (xã) 盛萇社: tg.Thiện Thổ,ch.Lương Chánh,
p.Thọ Xuân,t.TH 1150

Thịnh Quả (tổng) 盛果總: h.La Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1255

Thịnh Quả (xã) 盛果社: tg.Thịnh Quả,h.La Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1255

Thịnh Quang (trại) 盛琫砦: tg.Hạ,h.Vĩnh Thuận,p.Hoài Đức,t.HN 13

Thịnh Quang (tổng) 盛琫總: h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 332

Thịnh Quang (xã) 盛琫社: tg.Thịnh Quang,h.Chân Định,
p.Kiến Xương,t.NĐ 332

Thịnh Vạn (xã) 盛萬社: tg.Phong Cốc,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100

Thịnh Xá (thôn) 盛舍村: tg.Lâm Thịnh,h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA .. 1235

Thịnh Xá (thôn) 盛舍村: tg.An Ấp,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259

Thịnh Yên (thôn) 盛安村: tg.Kim Liên,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12

Thọ Am (xã) 壽庵社: tg.Ninh Xá,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 20

Thọ An (xã) 壽安社: tg.Vũ Điện,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45

Thọ Bi (xã) 壽碑社: tg.Ô Mễ,h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ 329

Thọ Bình (xã) 壽平社: tg.Quảng Phúc,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025

Thọ Bình (xã) 壽平社: tg.Bình Dân,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 253

Thọ Bút (thôn) 壽筆村: x.Bút Sơn,tg.Bút Sơn,h.Hoàng Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1090

Thọ Cách (xã) 壽格社: tg.Yên Bái,h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343

Thọ Cách (xã) 壽格社: tg.Bình Lương,h.Y Yên,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 323

Thọ Cao (thôn) 壽高村: x.Cao Mỗ,tg.Cao Mỗ,h.Thần Khê,
p.Tiên Hưng,t.HY 265

Thọ Cầu (xã) 壽球社: tg.Đội Sơn,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37

Thọ Cương (xã) 壽疆社: tg.Nhượng Bạt,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB ... 659

Thọ Diên (xã) 壽延社: tg.Diên Hà,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267

Thọ Đa (xã) 壽多社: tg.Hải Bối,h.Yên Lãng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 939

Thọ Đồn (thôn) 壽屯村: tg.Cao Mật,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1130

Thọ Đức (xã) 壽德社: tg.Phong Xá,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497

Thọ Hạc (tổng) 壽鶴總: h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1104

Thọ Hạc (xã) 壽鶴社: tg.Thọ Hạc,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1104

Thọ Hàm (xã) 壽含社: tg.Phú Xuân,h.Hương Trà,p.TT 1418

Thọ Hàm (ấp) 壽含邑: tg.An Nông,h.Phú Lộc,p.TT..... 1423

Thọ Hàm (xã) 壽含社: tg.Kinh Khê,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 116

Thọ Ích (xã) 壽益社: tg.Vũ Điện,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45

Thọ Khê (xã) 壽溪社: tg.Mẫn Xá,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 491

Thọ Lão (tổng) 壽老總: h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 940

Thọ Lão (xã) 壽老社: tg.Thọ Lão,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 940

Thọ Lão (xã) 壽老社: tg.Hoàng Đạo,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37

Thọ Lão (xã) 壽老社: tg.Viên Quang,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY 255

Thọ Liêu (xã) 壽僚社: tg.Trạc Nhật,h.Thạch Thành,
p.Quảng Hóa,t.TH 1135

Thọ Linh (xã) 壽齡社: tg.Hoàng Chỉ,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST ... 935

Thọ Linh (xã) 壽苓社: tg.Cù Văn,h.Phú Lương,p.Tông Hóa,t.TN 812

Thọ Linh (xã) 壽苓社: tg.Sâm Linh,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 140

Thọ Linh Hạ (thôn) 下村: tg.Thuận Thị,h.Minh Chính,
p.Quảng Trạch,t.QB 1355

Thọ Linh Thượng (xã) 壽齡上社: tg.Thuận Thị,h.Minh Chính,
p.Quảng Trạch,t.QB 1355

Thọ Lộc (thôn) 壽祿村: tg.An Ấp,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259

Thọ Lộc (thôn) 壽祿村: x.Bút Sơn,tg.Bút Sơn,h.Hoàng Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1090

Thọ Lộc (thôn) 壽祿村: x.Quang Chiếu,tg.Quang Chiếu,h.Đồng Sơn,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1106

Thọ Lộc (xã) 壽祿社: tg.Biện Thượng,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1131

Thọ Lộc (xã) 壽祿社: tg.Bổng Diên,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333

Thọ Mai (xã) 壽梅社: tg.Hoàng Mai,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA 1253

Thọ Mai (xã) 壽枚社: tg.Đồng Thủy,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45

Thọ Mi (xã) 壽眉社: tg.Hậu Bổng,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 131

Thọ Nga (thôn) 壽峨村: x.Văn Phương,tg.Văn Trường,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1117

Thọ Nghĩa (xã) 壽義社: tg.An Thọ,ch.Lương Chánh,p.Thọ Xuân,t.TH .. 1150

Thọ Nham (xã) 壽岩社: tg.Đại Quan,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 252

Thọ Ninh (thôn) 壽寧村: x.Việt Yên Thượng,tg.Việt Yên,h.La Sơn,
p.Đức Thọ,t.NA 1255

Thọ Ninh (xã) 壽寧社: tg.Lương Xá,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 511

Thọ Phật (xã) 壽佛社: tg.Thạch Khê,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1105

Thọ Quan (thôn) 壽官村: x.Nguyệt Quật,tg.Văn Trai,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1116

Thọ Sơn (xã) 壽山社: tg. Quan Trung, h. Đông Thành, p. Diên Châu, t. NA 1249	Thoát Lãng (châu) 脫朗州: p. Trảng Định, t. LS 607
Thọ Sơn (xã) 壽山社: tg. Hữu Đạo, h. Quế Phong, p. Quỳnh Châu, t. NA 1276	Thổ Bình (tổng) 土平總: ch. Chiêm Hoá, p. Tương An, t. TQ 877
Thọ Sơn (xã) 壽山社: tg. Thuận Hoà, h. Bình Chính, p. Quảng Trạch, t. QB 1353	Thổ Bình (xã) 土平社: tg. Thổ Bình, ch. Chiêm Hoá, p. Tương An, t. TQ 877
Thọ Sơn (thôn) 壽山村: x. Bút Sơn, tg. Bút Sơn, h. Hoằng Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1090	Thổ Cầu (xã) 土球社: tg. Lưu Xá, h. Đông Yên, p. Khoái Châu, t. HY 253
Thọ Sơn (thôn) 壽山村: x. Cổ Đô, tg. Vạn Quy, h. Đông Sơn, p. Thiệu Hóa, t. TH 1105	Thổ Châu (phường) 土殊坊: tg. Tam Đẳng, h. Nghi Xuân, p. Đức Thọ, t. NA 1265
Thọ Sơn (xã) 壽山社: tg. Thanh Khê, h. Đông Sơn, p. Thiệu Hóa, t. TH 1105	Thổ Châu (phường) 土洲坊: tg. Yên Vĩnh, h. Đông Yên, p. Khoái Châu, t. HY 252
Thọ Sơn (thôn) 壽山村: tg. Lưu Vệ, h. Quảng Xương, p. Tĩnh Gia, t. TH 1121	Thổ Cốc (xã) 土穀社: tg. An Phú, h. Văn Giang, pp. Thuận Thành, t. BN 518
Thọ Sơn (xã) 壽山社: tg. Yên Lũng, h. Hàm Yên, p. An Bình, t. TQ 860	Thổ Giá (xã) 土架社: tg. Cao Xá, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1125
Thọ Tân (thôn) 壽津村: x. Xuân Phố, tg. Thử Cốc, h. Thụy Nguyên, p. Thiệu Hóa, t. TH 1102	Thổ Hà (xã) 土河社: tg. Tiên Lát, h. Việt Yên, p. Lạng Giang, t. BN 534
Thọ Thắng (xã) 壽勝社: tg. Trịnh Vạn, ch. Thường Xuân, p. Thọ Xuân, t. TH 1147	Thổ Hào (tổng) 土豪總: h. Thanh Chương, p. Anh Sơn, t. NA 1238
Thọ Toán (thôn) 壽算村: x. Nam Kim Đông, tg. Nam Kim, h. Thanh Chương, p. Anh Sơn, t. NA 1239	Thổ Hào (xã) 土豪社: tg. Thổ Hào, h. Thanh Chương, p. Anh Sơn, t. NA 1238
Thọ Trương (tổng) 壽張總: h. Thanh Miện, p. Bình Giang, t. HD 95	Thổ Hoàng (thôn) 土黃村: x. Mậu Lâm, tg. Mậu Lâm, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1086
Thọ Trương (xã) 壽張社: tg. Thọ Trương, h. Thanh Miện, p. Bình Giang, t. HD 95	Thổ Hoàng (tổng) 土黃總: h. Ân Thi, p. Khoái Châu, t. HY 256
Thọ Trường (thôn) 壽長村: tg. Quỳnh Lâm, h. Quỳnh Lưu, p. Diên Châu, t. NA 1253	Thổ Hoàng (xã) 土黃社: tg. Thổ Hoàng, h. Ân Thi, p. Khoái Châu, t. HY 256
Thọ Trường (thôn) 壽長村: x. Văn Phái, tg. Yên Thái, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1115	Thổ Khối (xã) 土塊社: tg. Phương Xá, h. Cẩm Khê, p. Lâm Thao, t. ST 946
Thọ Trường (xã) 壽長社: tg. Trạc Nhật, h. Thạch Thành, p. Quảng Hóa, t. TH 1135	Thổ Khối (xã) 土塊社: tg. Vĩnh Chân, h. Thanh Ba, p. Lâm Thao, t. ST 948
Thọ Trường (xã) 壽長社: tg. Yên Lãng, h. Đông Triều, p. Kinh Môn, t. HD ... 165	Thổ Khối (thôn) 土塊村: tg. Trung Bạ, h. Tống Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1083
Thọ Trường (trang) 壽長庄: tg. Phú Lão, h. Vụ Bản, p. Nghĩa Hưng, t. NB ... 319	Thổ Khối (xã) 土塊: tg. Mậu Lâm, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1086
Thọ Tung (xã) 壽嵩社: tg. Cổ Da, h. Nam Chân, p. Xuân Trường, t. NB 310	Thổ Khối (xã) 土塊社: tg. Cự Linh, h. Gia Lâm, pp. Thuận Thành, t. BN 515
Thọ Tường (thôn) 壽祥村: x. Việt Yên Thượng, tg. Việt Yên, h. La Sơn, p. Đức Thọ, t. NA 1255	Thổ Khối (xã) 土塊社: tg. Yên Lạc, h. Kim Động, p. Khoái Châu, t. HY 260
Thọ Văn (thôn) 壽文村: x. Bút Sơn, tg. Bút Sơn, h. Hoằng Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1090	Thổ Mật (tổng) 土密總: h. Yên Mô, p. Yên Khánh, t. NB 1025
Thọ Vinh (thôn) 壽榮村: tg. Hoàng Mai, h. Quỳnh Lưu, p. Diên Châu, t. NA 1253	Thổ Mật (xã) 土密社: tg. Thổ Mật, h. Yên Mô, p. Yên Khánh, t. NB 1025
Thọ Vực (thôn) 壽域村: tg. Thanh Viên, h. Quỳnh Lưu, p. Diên Châu, t. NA 1252	Thổ Ngôã (xã) 土垠社: tg. Thuận Bãi, h. Bình Chính, p. Quảng Trạch, t. QB 1353
Thọ Vực (sách) 壽域冊: tg. Thuần Hàm, h. Nghĩa Đường, p. Quỳnh Châu, t. NA 1275	Thổ Ngôã (xã) 土垠社: tg. Tiên Lữ, h. Yên Sơn, p. Quốc Oai, t. ST 920
Thọ Vực (xã) 壽域社: tg. Đan Phượng Thượng, h. Đan Phượng, p. Quốc Oai, t. ST 922	Thổ Ngôã (thôn) 土垠村: x. Thiều Xuyên, tg. Văn Trinh, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1115
Thọ Vực (thôn) 壽域村: x. Bút Sơn, tg. Bút Sơn, h. Hoằng Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1090	Thổ Ngôã (thôn) 土瓦村: x. Nhân Vĩng, tg. Văn Xá, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1124
Thọ Vực (thôn) 壽域村: x. An Hoạch, tg. Quảng Chiểu, h. Đông Sơn, p. Thiệu Hóa, t. TH 1106	Thổ Ngôã (tổng) 土垠總: h. Cẩm Xuyên, đạo HT 1322
Thọ Vực (thôn) 壽域村: x. Thiên Linh, tg. Văn Trinh, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1115	Thổ Oa (phường) 土塢坊: x. Đông Sơn, tg. Thọ Hạc, h. Đông Sơn, p. Thiệu Hóa, t. TH 1104
Thọ Vực (xã) 壽域社: tg. Vạn Thiện, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1126	Thổ Ốc (tổng) 土沃總: h. Nam Xương, p. Lý Nhân, t. HN 45
Thọ Vực (xã) 壽域社: tg. Nam Cai, h. Vĩnh Lộc, p. Quảng Hóa, t. TH 1131	Thổ Ốc (xã) 土沃社: tg. Thổ Ốc, h. Nam Xương, p. Lý Nhân, t. HN 45
Thọ Vực (thôn) 壽域村: x. Lôi Dương, tg. Lôi Dương, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1144	Thổ Quan (thôn) 土關村: tg. Yên Hòa, h. Thọ Xương, p. Hoài Đức, t. HN 12
Thọ Vực (ấp) 壽域邑: tg. Quảng Xuyên, h. Phú Vang, p. TT 1420	Thổ Sơn (thôn) 土山村: x. Đông Sơn, tg. Thọ Hạc, h. Đông Sơn, p. Thiệu Hóa, t. TH 1104
Thọ Vực (xã) 壽域社: tg. Đại Bối, h. Sơn Minh, p. Ứng Hòa, t. HN 26	Thổ Sơn (thôn) 土山村: x. Văn Liễn, tg. Văn Trai, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1116
Thọ Vực (xã) 壽域社: tg. Phú Khê, h. Thần Khê, p. Tiên Hưng, t. HY 265	Thổ Sơn (thôn) 土山村: x. Trường Lộc, tg. Cổ Định, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1123
Thọ Xuân (phường) 壽春坊: tg. Cam Đường, h. Thành Hoá, đạo QT 1393	Thổ Sơn (thôn) 土山村: tg. Cao Mật, h. Vĩnh Lộc, p. Quảng Hóa, t. TH 1130
Thọ Xuân (phủ) 壽春府: t. TH 1142	Thổ Sơn (ấp) 土山邑: tg. An Cự, h. Phú Lộc, p. TT 1424
Thọ Xuyên (xã) 壽川社: tg. Thọ Trương, h. Thanh Miện, p. Bình Giang, t. HD 95	Thổ Tang (xã) 土桑社: tg. Lương Diên, h. Yên Lạc, pp. Vĩnh Tường, t. ST 940
Thọ Xuyên (xã) 壽川社: tg. Dị Nậu, h. Tam Nông, p. Gia Hưng, t. HH 709	Thổ Vị (thôn) 土位村: x. Thổ Giá, tg. Cao Xá, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1125
Thọ Xương (tổng) 壽昌總: h. Bảo Lộc, p. Lạng Giang, t. BN 531	Thổ Vượng (xã) 土旺社: tg. Độ Liêu, h. Can Lộc, p. Đức Thọ, t. NA 1269
Thọ Xương (xã) 壽昌社: tg. Thọ Xương, h. Bảo Lộc, p. Lạng Giang, t. BN ... 531	Thốc Sơn (tổng) 禿山總: h. Hữu Lũng, pp. Lạng Giang, t. BN 540
Thọ Xương (huyện) 壽昌縣: p. Hoài Đức, t. HN 11	Thốc Sơn (xã) 禿山社: tg. Thốc Sơn, h. Hữu Lũng, pp. Lạng Giang, t. BN 540
	Thời Ngôi (xã) 崔巍社: tg. Ngọc Chấn, h. Đại An, p. Nghĩa Hưng, t. NB 317
	Thông Hóa (phủ) 通化府: t. TN 814
	Thông Huế (phố) 通攜庸: tg. Ngưỡng Đồng, h. Quảng Uyên, p. Trùng Khánh, t. CB 675
	Thông Lãng (tổng) 通朗總: h. Hưng Nguyên, p. Anh Sơn, t. NA 1242
	Thông Lưu (xã) 通流社: tg. Lai Thạch, h. La Sơn, p. Đức Thọ, t. NA 1256
	Thông Nông (tổng) 通農總: h. Thạch Lâm, p. Hòa An, t. CB 660
	Thông Nông (xã) 通農社: tg. Thông Nông, h. Thạch Lâm, p. Hòa An, t. CB . 660

Thông Sơn (xã) 通山社: tg. Thông Nông,h. Thạch Lâm,p. Hòa An,t. CB ... 660	Thụ Khê (xã) 樹溪社: tg. Trúc Động,h. Thủy Đường,p. Kinh Môn,t. HD 162
Thống Hạ (xã) 統下社: tg. Thống Thượng,h. Phố Yên,p. Phú Bình,t. TN 797	Thụ Lộc (xã) 受祿社: tg. Cự Chánh,h. Hương Thủy,p. TT..... 1422
Thống Lĩnh (xã) 統嶺社: tg. Lại Xá,h. Thanh Hà,p. Nam Sách,t. HD 113	Thụ Phúc (tổng) 受福總: h. Tiên Du,p. Từ Sơn,t. BN 494
Thống Thiện (xã) 統善社: tg. Đại Liên,h. Võ Giàng,p. Từ Sơn,t. BN 501	Thụ Phúc (xã) 受福社: tg. Thụ Phúc,h. Tiên Du,p. Từ Sơn,t. BN 494
Thống Thượng (tổng) 統上總: h. Phố Yên,p. Phú Bình,t. TN 797	Thuần Chân (thôn) 純真村: x. Nội Can Lộc,tg. Nội Ngoại,h. Can Lộc, p. Đức Thọ,t. NA 1269
Thống Thượng (xã) 統上社: tg. Thống Thượng,h. Phố Yên, p. Phú Bình,t. TN 797	Thuần Hàm (tổng) 醇醑總: h. Nghĩa Đường,p. Quỳ Châu,t. NA 1275
Thống Trại (xã) 統寨社: tg. Chi Nê,h. Hậu Lộc,p. Hà Trung,t. TH 1096	Thuần Hàm (sách) 醇醑冊: tg. Thuần Hàm,h. Nghĩa Đường, p. Quỳ Châu,t. NA 1275
Thơm Ban (phố) 資班庸: tg. Ngọc Pha,h. Thạch An,p. Hòa An,t. CB 664	Thuần Hậu (thôn) 純厚村: tg. Thuần Trung,h. Lương Sơn, p. Anh Sơn,t. NA 1234
Thu (châu) 收州: p. An Bình,t. TQ 862	Thuần Lễ (xã) 純禮社: tg. Đại Quan,h. Đông Yên,p. Khoái Châu,t. HY 252
Thu Cúc (xã) 秋菊社: tg. Cao Dương,h. Thụy Anh,p. Thái Bình,t. ND 343	Thuần Lương (xã) 純良社: tg. Thượng Đình,h. Tư Nông,p. Phú Bình,t. TN 794
Thu Cúc (xã) 秋菊社: tg. Kiệt Sơn,h. Thanh Sơn,p. Gia Hưng,t. HH 711	Thuần Lương (thôn) 馴良村: x. Dương Sơn,tg. Dương Sơn,h. Mỹ Hóa, p. Hà Trung,t. TH 1093
Thu Cúc (xã) 秋菊社: tg. Dã Nham,ch. Văn Uyên,p. Trảng Định,t. LS 610	Thuần Lương (xã) 純良社: tg. Bàng Dã,h. Đường An,p. Bình Giang,t. HD .. 93
Thu Hoạch (xã) 收獲社: tg. Canh Hoạch,h. Can Lộc,p. Đức Thọ,t. NA 1270	Thuần Mang (xã) 茫社: tg. Thượng Quan,h. Nguyễn Bình, p. Hòa An,t. CB 667
Thu Lãng (xã) 秋浪社: tg. Ngọc Trục,h. Cẩm Giàng,p. Bình Giang,t. HD 97	Thuần Mỹ (xã) 純美社: tg. Lập Lễ,h. Thanh Hà,p. Nam Sách,t. HD 113
Thu Lũng (thôn) 秋隴村: tg. Thượng Xá,h. Chân Lộc,p. Anh Sơn,t. NA 1246	Thuần Nghệ (xã) 純藝社: tg. Thanh Vị,h. Tùng Thiện,p. Quảng Oai,t. ST . 911
Thu Lũng (thôn) 秋隴村: tg. Trung Bạ,h. Tống Sơn,p. Hà Trung,t. TH ... 1083	Thuần Như (xã) 純如社: tg. Cam Thủy,h. Văn Quan,p. Trảng Định,t. LS ... 605
Thu Ngạc (tổng) 秋鄂總: h. Yên Lập,p. Quỳ Hóa,t. HH 729	Thuần Trung (tổng) 純中總: h. Lương Sơn,p. Anh Sơn,t. NA 1234
Thu Ngạc (xã) 秋鄂社: tg. Thu Ngạc,h. Yên Lập,p. Quỳ Hóa,t. HH 729	Thuần Trung (xã) 純中社: tg. Lân Du,h. Nông Cống,p. Tĩnh Gia,t. TH 1124
Thu Quế (xã) 秋桂社: tg. Đan Phượng Thượng,h. Đan Phượng, p. Quốc Oai,t. ST 922	Thuần Túy (xã) 純粹社: tg. Đông Vi,h. Đông Quan,p. Thái Bình,t. ND 339
Thu Thành (thôn) 收成村: tg. Bích Triều,h. Thanh Chương, p. Anh Sơn,t. NA 1238	Thuần Tượng (xã) 馴象社: h. Kỳ Anh,đạo HT 1327
Thu Thập (xã) 收拾社: tg. Hạ Bì,h. Bất Bạt,p. Quảng Oai,t. ST 915	Thuần Xuyên (xã) 純川社: tg. Bạch Sam,h. Đường Hào, p. Bình Giang,t. HD 100
Thu Thủy (xã) 秋水社: tg. Xuân Lai,h. Đa Phúc,p. Đa Phúc,t. BN 521	Thuần Nhuế (xã) 舜内社: tg. Thượng Hiệp,h. Yên Sơn,p. Quốc Oai,t. ST . 919
Thu Thừ (xã) 秋蛭社: tg. Hành Phố,h. Phong Đăng,p. Quảng Ninh,t. QB . 1347	Thuận (châu) 順州: p. Điện Biên,t. HH 744
Thu Trường (xã) 秋場社: tg. Hiền Quan,h. Tam Nông,p. Gia Hưng,t. HH .. 709	Thuận An (xã) 順安社: tg. Đội Trạch,h. Vũ Tiên,p. Kiến Xương,t. ND 329
Thu Vật (xã) 收物社: tg. Ngọc Chấn,ch. Thu Châu,p. An Bình,t. TQ 862	Thuận Bài (tổng) 順排總: h. Bình Chính,p. Quảng Trạch,t. QB 1353
Thu Vi (xã) 秋葦社: tg. Tảo Thượng,h. Phúc Thọ,p. Quảng Oai,t. ST 913	Thuận Bài (xã) 順排社: tg. Thuận Bài,h. Bình Chính,p. Quảng Trạch,t. QB 1353
Thu Vi (thôn) 秋園村: x. Xuân Vi,tg. Ngọc Xuyên,h. Hoàng Hóa, p. Hà Trung,t. TH 1091	Thuận Chính (tổng) 順正總: ch. Lương Chánh,p. Thọ Xuân,t. TH 1150
Thu Vi (xã) 秋園社: tg. Lai Triều,h. Nông Cống,p. Tĩnh Gia,t. TH 1124	Thuận Đầu (xã) 順頭社: tg. An Nhân,h. Hải Lăng,đạo QT 1385
Thù Cốc (xã) 茆谷社: tg. Quế Trạo,h. Hiệp Hòa,p. Đa Phúc,t. BN 522	Thuận Định (thôn) 順定村: h. Kỳ Anh,đạo HT 1327
Thù Du (xã) 茆莧社: tg. Sâm Linh,h. Nghi Dương,p. Kiến Thụy,t. HD 140	Thuận Hậu (phường) 順厚坊: tg. Sĩ Lâm,h. Đại An,p. Nghĩa Hưng,t. ND 316
Thù Lâm (xã) 茆林社: tg. Tiên Thù,h. Hiệp Hòa,p. Đa Phúc,t. BN 522	Thuận Hòa (thôn) 順和村: tg. Lâm Thịnh,h. Nam Đường,p. Anh Sơn,t. NA 1235
Thù Lỗ (xã) 茆魯社: tg. Hà Lỗ,h. Đông Ngạn,p. Từ Sơn,t. BN 491	Thuận Hoà (tổng) 順和總: h. Bình Chính,p. Quảng Trạch,t. QB 1353
Thù Sơn (xã) 茆山社: tg. Quế Trạo,h. Hiệp Hòa,p. Đa Phúc,t. BN 522	Thuận Hoà (xã) 順和社: tg. Vĩnh Trị,h. Hương Trà,p. TT 1419
Thủ Chân (xã) 守真社: tg. Đông Đồi,h. Chí Linh,p. Nam Sách,t. HD 106	Thuận Lễ (tổng) 順禮總: h. Minh Chính,p. Quảng Trạch,t. QB 1356
Thủ Chính (lỵ) 守正里: tg. Tân Cự,h. Tiến Hải,p. Kiến Xương,t. ND 335	Thuận Lễ (thôn) 順禮村: h. Cẩm Xuyên,đạo HT 1324
Thủ Chính (xã) 守政社: tg. Ngọc Động,h. Thạch Thành, p. Quảng Hóa,t. TH 1136	Thuận Lương (thôn) 順良村: tg. Mỹ Lương,h. Mỹ Lương,p. Quốc Oai,t. ST 925
Thủ Dương (xã) 首陽社: tg. Mỹ Nương,h. Lục Ngạn,p. Lạng Giang,t. BN .. 536	Thuận Lý (thôn) 順理村: tg. Thuần Trung,h. Lương Sơn,p. Anh Sơn,t. NA 1234
Thủ Dương (xã) 首羊社: tg. Mễ Sơn,h. Đông Triều,p. Kinh Môn,t. HD 165	Thuận Mục (xã) 順穆社: tg. Lâm Trường Hạ,ch. Lục Yên,p. An Bình,t. TQ 868
Thủ Hộ (tổng) 守護總: h. Quảng Xương,p. Tĩnh Gia,t. TH 1120	Thuận Mỹ (thôn) 順美村: tg. Lâm Thịnh,h. Nam Đường,p. Anh Sơn,t. NA 1235
Thủ Hộ (xã) 守護社: tg. Thủ Hộ,h. Quảng Xương,p. Tĩnh Gia,t. TH 1120	Thuận Mỹ (thôn) 順美村: x. Yên Lâm,tg. Đông Lý,h. Yên Định, p. Thiệu Hóa,t. TH 1110
Thủ Lễ (xã) 守禮社: tg. Khuông Phụ,h. Quảng Điền,p. TT 1427	Thuận Mỹ (tổng) 順美總: h. Thọ Xương,p. Hoài Đức,t. HN 11
Thủ Lệ (trại) 守隸寨: tg. Nội,h. Vĩnh Thuận,p. Hoài Đức,t. HN 13	Thuận Mỹ (thôn) 順美村: tg. Thuận Mỹ,h. Thọ Xương,p. Hoài Đức,t. HN 11
Thủ Nghĩa (xã) 守義社: tg. Tô Xuyên,h. Phú Dục,pp. Thái Bình,t. ND 346	Thuận Nghĩa (phường) 順義坊: tg. Phú Hậu,h. Quỳnh Lưu, p. Diễn Châu,t. NA 1253
Thủ Pháp (sách) 守法冊: tg. Hoàng Nhượng,h. Bất Bạt,p. Quảng Oai,t. ST ... 916	Thuận Nhân (thôn) 順仁村: tg. Cầu Hoan,h. Hải Lăng,đạo QT 1385
Thủ Pháp (xã) 守法社: tg. Quỳnh Bội,h. Gia Bình,p. Thuận Thành,t. BN ... 509	Thuận Phú (tràng) 順富庄: tg. Hoàn Phúc,h. Bố Trạch, p. Quảng Trạch,t. QB 1357
Thủ Pháp (xã) 守法社: tg. Từ Ô,h. Thanh Miện,p. Bình Giang,t. HD 95	Thuận Quang (xã) 順光社: tg. Dương Quang,h. Siêu Loại, p. Thuận Thành,t. BN 506
Thủ Thịnh (xã) 守盛社: tg. Ngọc Động,h. Thạch Thành, p. Quảng Hóa,t. TH 1136	Thuận Thành (phủ) 順成府: t. BN 503
Thủ Trung (ấp) 守中邑: tg. Hương Đạo,h. Kim Sơn,p. Yên Khánh,t. NB ... 1033	
Thụ Điền (xã) 受田社: tg. Đông Động,h. Thanh Quan,p. Thái Bình,t. ND ... 340	
Thụ Ích (xã) 受益社: tg. Hương Nha,h. Yên Lạc,pp. Vĩnh Tường,t. ST 941	
Thụ Ích (xã) 受益社: tg. Thanh Khê,h. Đại An,p. Nghĩa Hưng,t. ND 317	

Thuận Thành (pp) 順成分府: t.BN	513
Thuận Thị (tổng) 順示總: h.Minh Chính,p.Quảng Trạch,t.QB	1355
Thuận Thượng (thôn) 順上村: tg.Đan Phượng Thượng,h.Đan Phượng, p.Quốc Oai,t.ST	922
Thuận Tôn (thôn) 順孫村: x.Tuấn Kiệt,tg.Mặt Vật,h.Thuy Nguyên, p.Thiệu Hóa,t.TH	1101
Thuận Tốn (xã) 順遜社: tg.Đa Tốn,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN	515
Thuận Trạch (phường) 順宅坊: tg.Mỹ Trạch,h.Lệ Thủy, p.Quảng Ninh,t.QB	1348
Thuận Yên (thôn) 順安村: tg.Thanh Viên,h.Quỳnh Lưu, p.Diễn Châu,t.NA	1252
Thuận Yên (xã) 順安社: tg.Phú Hữu,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST	911
Thuật Cổ (xã) 述古社: tg.Nghĩa Quân,h.Tây Quan,p.Đoan Hùng,t.ST	954
Thúc Thủy (xã) 束水社: tg.Thường Tú,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ	859
Thục Bành (thôn) 淑澎村: x.Ngọc Xuyên,tg.Ngọc Xuyên,h.Hoàng Hóa, p.Hà Trung,t.TH	1091
Thục Cầu (xã) 蜀棣社: tg.Đồng Xá,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN	506
Thục Luyện (xã) 熟練社: tg.Cự Thắng,h.Thanh Thủy,p.Gia Hưng,t.HH .	713
Thục Thiện (xã) 淑善社: tg.Hà Cát,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ ...	304
Thung Hạc (xã) 椿鶴社: tg.Tiểu Lễ,h.Đa Phúc,p.Đa Phúc,t.BN	522
Thủy Dương (xã) 垂陽社: tg.Bích Du,h.Thuy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ	343
Thủy An (ấp) 水安邑: tg.An Cư,h.Phú Lộc,p.TT	1424
Thủy Ba (tổng) 水波總: h.Minh Linh,đạo QT	1390
Thủy Ba Hạ (xã) 水波下社: tg.Thủy Ba,h.Minh Linh,đạo QT	1390
Thủy Ba Thượng (xã) 水波上社: tg.Thủy Ba,h.Minh Linh,đạo QT	1390
Thủy Bạ (xã) 水畔社: tg.Xuân Hoà,h.Minh Linh,đạo QT	1390
Thủy Bạ (ấp) 水畔邑: tg.Quảng Xuyên,h.Phú Vang,p.TT	1420
Thủy Cam (sách) 水甘冊: tg.An Cư,h.Phú Lộc,p.TT	1424
Thủy Cam (tổng) 水甘總: h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN	29
Thủy Cam (xã) 水甘社: tg.Thủy Cam,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN	29
Thủy Cấn (xã) 水芹社: tg.Thủy Liên,h.Lệ Thủy,p.Quảng Ninh,t.QB	1349
Thủy Chú (xã) 水注社: tg.Kiên Thạch,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH ...	1144
Thủy Cơ (phường) 水機坊: tg.Đàm Khánh,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB	1025
Thủy Cơ (phường) 水機坊: tg.Hồi Thuận,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB	1033
Thủy Cơ (phường) 水機坊: x.Triều Dương,tg.Bảo Nang,h.Tư Nông, p.Phú Bình,t.TN	795
Thủy Cơ (phường) 水機坊: x.Hùng Sơn,tg.Hùng Sơn,h.Đại Từ, p.Tông Hóa,t.TN	811
Thủy Cơ (phường) 水機坊: x.Cao Ngạn,tg.Sơn Cẩm,h.Phú Lương, p.Tông Hóa,t.TN	812
Thủy Cơ 水機: t.TH	1156
Thủy Cơ (phường) 水機坊: x.Tiêu Xá,tg.Tiêu Xá,h.Gia Bình, p.Thuận Thành,t.BN	509
Thủy Cơ (phường) 水機坊: tg.Văn Huệ,h.Ân Thi,p.Khoái Châu,t.HY	256
Thủy Cơ Mi Sơn (xã) 水機嵎山社: tg.Hà Môn,ch.Vạn Ninh, p.Hải Ninh,t.QY	430
Thủy Cư (phường) 水居坊: tg.Yên Trường,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA	1246
Thủy Cư (phường) 水居坊: tg.Hoàng Mai,h.Quỳnh Lưu, p.Diễn Châu,t.NA	1253
Thủy Dương (thôn) 水陽村: tg.An Cư,h.Phú Lộc,p.TT	1424
Thủy Điện Thượng (ấp) 水田上邑: tg.An Thành,h.Quảng Điện,p.TT.	1427
Thủy Đường (huyện) 水棠縣: p.Kinh Môn,t.HĐ	161
Thủy Đường (tổng) 水棠總: h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HĐ	162
Thủy Đường (xã) 水棠社: tg.Thủy Đường,h.Thủy Đường, p.Kinh Môn,t.HĐ	162
Thủy Khê (xã) 水溪社: tg.Xuân Hoà,h.Minh Linh,đạo QT	1390
Thủy Lập (ấp) 始立邑: tg.Thanh Cấn,h.Quảng Điện,p.TT	1427
Thủy Liên (tổng) 水蓮總: h.Lệ Thủy,p.Quảng Ninh,t.QB	1348
Thủy Liên (xã) 水蓮: tg.Thủy Liên,h.Lệ Thủy,p.Quảng Ninh,t.QB	1348
Thủy Liên (phường) 水蓮坊: tg.Minh Lương,h.Minh Linh,đạo QT	1390
Thủy Liên Hạ (xã) 水蓮下社: tg.Thủy Liên,h.Lệ Thủy, p.Quảng Ninh,t.QB	1348
Thủy Liên Thượng (xã) 水蓮上社: tg.Thủy Liên,h.Lệ Thủy, p.Quảng Ninh,t.QB	1348
Thủy Loan (xã) 水灣社: tg.Hành Lự,ch.Văn Uyên,p.Tràng Định,t.LS	610
Thủy Mai (xã) 水枚社: tg.Hữu Bằng,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA	1259
Thủy Nhai (tổng) 水涯總: h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ	304
Thủy Nhai (xã) 水涯社: tg.Thủy Nhai,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ .	304
Thủy Nhai (ấp) 水涯邑: tg.Lạc Thiện,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ .	305
Thủy Thanh (xã) 水青社: tg.Vân Trại,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH .	1139
Thủy Trung (xã) 水中社: tg.Thủy Liên,h.Lệ Thủy,p.Quảng Ninh,t.QB ...	1349
Thủy Tú (xã) 水秀社: tg.Thủy Liên,h.Lệ Thủy,p.Quảng Ninh,t.QB	1348
Thủy Tú (phường) 水秀坊: tg.Thủy Liên,h.Lệ Thủy,p.Quảng Ninh,t.QB	1348
Thủy Tú (thôn) 水秀村: x.Oanh Cốc,tg.Thượng Cốc,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH	1145
Thủy Tú (thôn) 水秀村: x.Tĩnh Man,tg.Bất Náo,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH	1145
Thủy Tú (xã) 水秀社: tg.Vĩnh Trại,h.Hương Trà,p.TT	1419
Thủy Vĩ (châu) 水尾州: p.Quy Hóa,t.HH	731
Thủy Vực (trang) 水域庄: tg.Thuận Hoà,h.Bình Chính, p.Quảng Trạch,t.QB	1353
Thủy Ái Châu (xã) 翠藺洲社: tg.Thanh Trì,h.Thanh Trì, p.Thường Tín,t.HN	19
Thủy Cầu (xã) 翠棣社: tg.Vân Cầu,h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN	540
Thủy Dĩnh (trại) 翠穎寨: tg.Hoàng Thu,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ	304
Thủy Doanh (xã) 翠嬴社: tg.Gia Dụ,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH ...	1140
Thủy Đại (xã) 翠黛社: tg.Đan Nê,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH	1109
Thủy Hội (xã) 翠會社: tg.Thượng Hội,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN	9
Thủy Lai (xã) 翠萊社: tg.Kim Quan,h.Thạch Thất,p.Quốc Oai,t.ST	924
Thủy Lam (xã) 翠嵐社: tg.Hà Lão,h.Hưng Nhân,p.Tiên Hưng,t.HY	268
Thủy Lâm (xã) 翠林社: tg.Lại Xá,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HĐ	113
Thủy Loa (xã) 翠螺社: tg.Phú Linh,h.Vị Xuyên,p.Tương An,t.TQ	874
Thủy Liễu (xã) 翠裊社: tg.Dương Áo,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HĐ	116
Thủy Sơn (xã) 翠山社: tg.Ngọc Lặc,h.Thuy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH .	1102
Thủy Trúc (thôn) 翠竹村: tg.Hạ Cổ,h.Ân Thi,p.Khoái Châu,t.HY	256
Thủy Vân (huyện) 翠雲縣: p.Quỳ Châu,t.NA	1276
Thụy Anh (huyện) 瑞英縣: p.Thái Bình,t.NĐ	342
Thụy Biểu (xã) 瑞表社: tg.Phương Xá,h.Cẩm Khê,p.Lâm Thao,t.ST	946
Thụy Bình (xã) 瑞平社: tg.Ô Mỹ,h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ	329
Thụy Chương (phường) 瑞彰坊: tg.Trung,h.Vĩnh Thuận,p.Hoài Đức,t.HN	13
Thụy Cốc (xã) 瑞穀社: tg.Đồng Hồn,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST	941
Thụy Dương (xã) 瑞陽社: tg.Lương Xá,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN ...	31
Thụy Điện (xã) 瑞田社: tg.Đạo Kỳ,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST	933
Thụy Hà (xã) 瑞河社: tg.Đồng Đố,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN	526
Thụy Hương (xã) 瑞香社: tg.Phú Gia,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN	8
Thụy Khuê (xã) 瑞圭社: tg.Lập Sài,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST	919
Thụy Lâm (xã) 瑞林社: tg.Đoàn Lâm,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HĐ	131
Thụy Liên (thôn) 瑞蓮村: x.Đại Trung,tg.Bái Trạch,h.Hoàng Hóa, p.Hà Trung,t.TH	1090
Thụy Liên (thôn) 瑞蓮村: x.Hữu Vĩnh,tg.Bái Trạch,h.Hoàng Hóa, p.Hà Trung,t.TH	1090
Thụy Lôi (xã) 瑞雷社: tg.Hương La,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN	497
Thụy Lôi (tổng) 瑞雷總: h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN	38
Thụy Lôi (xã) 瑞雷社: tg.Thụy Lợi,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN	38

Thụy Lôi (tổng) 瑞雷總: h.Tiền Lữ,p.Tiền Hưng,t.HY 271

Thụy Lôi (xã) 瑞雷社: tg.Thụy Lôi,h.Tiền Lữ,p.Tiền Hưng,t.HY 271

Thụy Lôi Hạ (xã) 瑞雷下社: tg.Thụy Lôi,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38

Thụy Lôi Thượng (xã) 瑞雷上社: tg.Thụy Lôi,h.Kim Bảng,
p.Lý Nhân,t.HN 38

Thụy Lũng (tổng) 瑞隴總: h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 331

Thụy Lũng (xã) 瑞隴社: tg.Thụy Lũng,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 331

Thụy Mão (xã) 瑞昴社: tg.Thượng Mão,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN 506

Thụy Nguyên (huyện) 瑞原縣: p.Thiệu Hóa,t.TH 1100

Thụy Phiêu (tổng) 瑞飄總: h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST 913

Thụy Phiêu (xã) 瑞飄社: tg.Thụy Phiêu,h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST .. 913

Thụy Phú (tổng) 瑞富總: h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN 17

Thụy Phú (xã) 瑞富社: tg.Thụy Phú,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN ... 17

Thụy Quang (xã) 瑞琯社: tg.Cổ Liêu,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 317

Thụy Sơn (xã) 瑞山社: tg.Đạo Kỳ,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 933

Thụy Sơn (xã) 瑞山社: tg.Hội Thượng,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 934

Thụy Sơn (xã) 瑞山社: tg.Sơn Minh,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944

Thụy Thố (xã) 瑞兔社: tg.Hộ Xá,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304

Thụy Trà (xã) 瑞茶社: tg.Mạn Đề,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 110

Thụy Trang (xã) 瑞莊社: tg.Sải Trang,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100

Thụy Ứng (xã) 瑞應社: tg.Đan Phượng Thượng,h.Đan Phượng,
p.Quốc Oai,t.ST 922

Thụy Ứng (xã) 瑞應社: tg.Cổ Hiến,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN 16

Thụy Vân (thôn) 瑞雲村: x.Cổ Ngu,tg.Văn Lâm,h.La Sơn,
p.Đức Thọ,t.NA 1255

Thụy Vân (xã) 瑞雲社: tg.Thanh Triều,h.Hưng Nhân,p.Tiền Hưng,t.HY .. 268

Thụy Vĩ (xã) 瑞埤社: tg.Mai Cầu,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40

Thụy Xuyên (xã) 瑞川社: tg.Đồng Cao,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 123

Thụy Yên (xã) 瑞安社: tg.Đạo Tú,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 934

Thư Cưu (thôn) 雒鳩村: x.Lương Quán,tg.Cổ Loa,h.Đồng Ngàn,
p.Từ Sơn,t.BN 492

Thư Dương (xã) 睢陽社: tg.Chương Dương,h.Thượng Phúc,
p.Thường Tín,t.HN 17

Thư Điền (trại) 書田寨: tg.Sĩ Lâm,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316

Thư Đồi (xã) 書堆社: tg.Đế Cầu,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN 506

Thư Lâm (xã) 書林社: tg.Hương La,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497

Thư Lâu (xã) 書樓社: tg.Trần Xá,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 44

Thư Thị (xã) 書柿社: tg.Liêu Xá,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100

Thư Trai (thôn) 書齋村: x.Lạc Trị,tg.Lạc Trị,h.Thạch Thất,
p.Quốc Oai,t.ST 923

Thư Trì (huyện) 舒池縣: p.Kiến Xương,t.NĐ 333

Thư Trung (xã) 舒中社: tg.Trung Hành,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HĐ .. 151

Thử Cốc (tổng) 黍穀總: h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1101

Thử Cốc (xã) 黍穀社: tg.Thử Cốc,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1101

Thử Hình (xã) 黍馨社: tg.Cẩm Bối,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40

Thử Luật (xã) 黍律社: tg.Thuỷ Liên,h.Lệ Thủy,p.Quảng Ninh,t.QB 1349

Thử Mễ (xã) 黍米社: tg.Thượng Đồng,h.Phong Doanh,
pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 325

Thứ Nhất (xã) 次一社: tg.Hàng Vi,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1089

Thứ Nhất (xã) 次一社: tg.Mai Động,h.Bình Lục,p.Lý Nhân,t.HN 43

Thứ Nhất (xã) 次一社: tg.Cổ Da,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 310

Thừa Bình (thôn) 承平村: x.Tuy An,tg.Cổ Định,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1123

Thừa Lệnh (xã) 承令社: tg.Phú Hữu,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST 911

Thừa Liệt (xã) 承烈社: tg.Tiến Liệt,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113

Thừa Thiên (phủ) 承天府: 1415

Thức Cốc (xã) 式谷社: tg.Thụy Lôi,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38

Thức Hóa (ấp) 式化邑: tg.Hoàng Thu,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304

Thức Thiện (xã) 識善社: tg.Phượng Liễn,h.Sơn Dương,
p.Đoan Hùng,t.ST 960

Thức Vụ (xã) 識務社: tg.Trang Vinh,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316

Thượng Điền (xã) 滄田社: tg.Tân Khai,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 305

Thượng Bạt (xã) 裳茈社: tg.Xà Cẩu,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26

Thượng Cương (xã) 常彊社: tg.Bằng Mạc,ch.Ôn,p.Tràng Khánh,t.LS .. 616

Thượng Doanh (xã) 常盈社: tg.Mễ Sơn,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HĐ 165

Thượng Nga (xã) 嫦娥社: tg.Lai Thạch,h.La Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1256

Thượng Thắng (xã) 常勝社: tg.Đức Thắng,h.Hiệp Hòa,
p.Đa Phúc,t.BN 522

Thượng Tín (phủ) 常信府: t.HN 15

Thượng Túc (tổng) 常足總: h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 859

Thượng Túc (xã) 常足社: tg.Thường Tú,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 859

Thượng Vệ (xã) 常衛社: tg.Phù Lưu Tế,h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN 34

Thượng Vũ (xã) 常武社: tg.Bình Ngô,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN ... 509

Thường Xuân (thôn) 常春村: tg.Lâm Thịnh,h.Nam Đường,
p.Anh Sơn,t.NA 1235

Thường Xuân (châu) 常春州: tg.Bái Đò,p.Thọ Xuân,t.TH 1147

Thưởng Diên (tràng) 賞延庄: x.Diên Hà,tg.Diên Hà,h.Diên Hà,
p.Tiền Hưng,t.HY 267

Thượng (thôn) 上村: x.Kha Sơn,tg.La Đình,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN ... 794

Thượng (thôn) 上村: x.Định Công,tg.Khuông Đình,h.Thanh Trì,
p.Thường Tín,t.HN 19

Thượng (thôn) 上村: x.Chuyên Mỹ,tg.Thịnh Đức,h.Phú Xuyên,
p.Thường Tín,t.HN 22

Thượng (thôn) 上村: x.Mỹ Du,tg.Đô Yên,h.Hung Nguyên,
p.Anh Sơn,t.NA 1242

Thượng (thôn) 上村: x.Bùi Khổng,tg.Hải Đò,h.Hung Nguyên,
p.Anh Sơn,t.NA 1243

Thượng (thôn) 上村: x.An Dũng,tg.Yên Trường,h.Chân Lộc,
p.Anh Sơn,t.NA 1246

Thượng (thôn) 上村: x.Nghĩa Mỹ,tg.Thiết Sơn,h.Yên Dũng,
p.Lạng Giang,t.BN 534

Thượng (thôn) 上村: x.Lịch Dương,tg.Lịch Dương,h.Yên Khánh,
p.Yên Khánh,t.NB 1020

Thượng (thôn) 上村: x.Tiền Yên,tg.Diên Mậu,h.Yên Khánh,
p.Yên Khánh,t.NB 1021

Thượng (thôn) 上村: x.Yên Liêu,tg.Yên Liêu,h.Yên Khánh,
p.Yên Khánh,t.NB 1021

Thượng 上村: x.Còn Lãng,tg.Dương Vũ,h.Yên Khánh,
p.Yên Khánh,t.NB 1021

Thượng (thôn) 上村: x.Yên Mô,tg.Yên Mô,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB . 1024

Thượng (thôn) 上村: x.Hoài Bảo,tg.Nội Duệ,h.Tiền Du,p.Từ Sơn,t.BN 494

Thượng (thôn) 上村: tg.Thạch Xá,h.Lệ Thủy,p.Quảng Ninh,t.QB 1349

Thượng (thôn) 上村: x.Tiền Lễ,tg.Thuận Thị,h.Minh Chính,
p.Quảng Trạch,t.QB 1355

Thượng (thôn) 上村: x.Phương Liễn,tg.Liên Hương,h.Bố Trạch,
p.Quảng Trạch,t.QB 1357

Thượng (thôn) 上村: x.Cao Lao,tg.Cao Lao,h.Bố Trạch,
p.Quảng Trạch,t.QB 1357

Thượng (thôn) 上村: x.Tân Trại,tg.Minh Lương,h.Minh Linh,đạo QT 1390

Thượng (thôn) 上村: x.Thượng Hiệp,tg.Thượng Hiệp,h.Yên Sơn,
p.Quốc Oai,t.ST 919

Thượng (thôn) 上村: x.Cụu Quán,tg.Sơn Đồng,h.Đan Phượng,
p.Quốc Oai,t.ST 922

Thượng (thôn) 上村: tg.Mộ Chu,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930

Thượng (thôn) 上村: x.Nội Hoạch,tg.Thọ Lão,h.Yên Lạc, pp.Vĩnh Tường,t.ST 940	
Thượng (thôn) 上村: tg.Phi Lai,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086	
Thượng (thôn) 上村: x.Thổ Khối,tg.Mậu Lâm,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086	
Thượng (thôn) 上村: x.Yên Vực,tg.Từ Minh,h.Hoàng Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1089	
Thượng (thôn) 上村: x.Phú Vinh,tg.Hàng Vi,h.Hoàng Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1090	
Thượng (thôn) 上村: x.Tào Xuyên,tg.Dương Thủy,h.Mỹ Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1094	
Thượng (thôn) 上村: x.Hương Quan,tg.Phù Chấn,h.Thuy Nguyên, p.Thiệu Hóa,t.TH 1101	
Thượng (thôn) 上村: x.Chấn Xuyên,tg.Phù Chấn,h.Thuy Nguyên, p.Thiệu Hóa,t.TH 1101	
Thượng (thôn) 上村: x.Yên Phụ,tg.Hương La,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497	
Thượng (thôn) 上村: x.Thạch Khê,tg.Thạch Khê,h.Đồng Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1105	
Thượng (thôn) 上村: x.An Hoạch,tg.Quảng Chiểu,h.Đồng Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1106	
Thượng (thôn) 上村: x.Hào Môn,tg.Liên Trì,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1114	
Thượng (thôn) 上村: x.Uy Nỗ,tg.Ngọc Đới,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH .. 1115	
Thượng (thôn) 上村: x.Hòa Trường,tg.Ngọc Đới,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1115	
Thượng (thôn) 上村: x.Vân Liên,tg.Vân Trại,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1116	
Thượng (thôn) 上村: x.An Hòa,tg.Tuần La,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH . 1116	
Thượng (thôn) 上村: x.Nga Mi,tg.Đồng Xá,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1124	
Thượng (thôn) 上村: x.Trạm Lộ,tg.Yên Định,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1124	
Thượng (thôn) 上村: x.Châu Xuyên,tg.Văn Xá,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1124	
Thượng (thôn) 上村: x.Trường Quang,tg.Cao Xá,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1125	
Thượng (thôn) 上村: x.Ngô Xá,tg.Lôi Dương,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1144	
Thượng (thôn) 上村: x.Lỗ Hiến,tg.Lôi Dương,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1144	
Thượng (thôn) 上村: x.Lăng Động,tg.Kiên Thạch,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1144	
Thượng (thôn) 上村: x.Nam Cai,tg.Nam Cai,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1144	
Thượng (thôn) 上村: x.Trung Vực,tg.Nam Cai,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1144	
Thượng (thôn) 上村: x.Biên Trạch,tg.Nam Cai,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1145	
Thượng (thôn) 上村: x.Quả Nhuệ,tg.Thượng Cốc,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1145	
Thượng (thôn) 上村: x.Mạnh Chư,tg.Bất Náo,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1145	
Thượng (thôn) 上村: x.Nhuế Biện,tg.Bất Náo,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1145	
Thượng (thôn) 上村: x.Hà Lũng,tg.Tam Lộng,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1145	
Thượng (giáp) 上甲: x.Tiến Thành,tg.Vĩnh Trì,h.Hương Trà,p.TT 1419	
Thượng (giáp) 上甲: x.Vân Quật,tg.Vĩnh Trì,h.Hương Trà,p.TT 1419	
Thượng (giáp) 上甲: x.Nam Phố,tg.Dương Nỗ,h.Phú Vang,p.TT 1420	
Thượng (giáp) 上甲: x.Dưỡng Mông,tg.Đường Anh,h.Phú Vang,p.TT..... 1420	

Thượng (giáp) 上甲: x.Thanh Thủy,tg.Dã Lê,h.Hương Thủy,p.TT 1422	
Thượng (giáp) 上甲: th.Miêu Nha,tg.Võng Nhi,h.Hương Thủy,p.TT 1423	
Thượng (giáp) 上甲: x.Lương Điền,tg.Lương Điền,h.Phú Lộc,p.TT 1423	
Thượng (thôn) 上村: tg.Trung An,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659	
Thượng (thôn) 上村: ph.Cổ Vũ,tg.Thuận Mỹ,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 11	
Thượng (tổng) 上總: h.Vĩnh Thuận,p.Hoài Đức,t.HN 13	
Thượng (thôn) 上村: sở An Duyên,tg.Thanh Trì,h.Thanh Trì, p.Thường Tín,t.HN 19	
Thượng (thôn) 上村: x.Vân La,tg.Vân La,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN ... 20	
Thượng (thôn) 上村: x.Đường Xuyên,tg.Đường Xuyên,h.Phú Xuyên, p.Thường Tín,t.HN 22	
Thượng (thôn) 上村: x.Thịnh Đức,tg.Thịnh Đức,h.Phú Xuyên, p.Thường Tín,t.HN 22	
Thượng (thôn) 上村: x.Đoàn Xá,tg.Phương Đình,h.Sơn Minh, p.Ứng Hòa,t.HN 26	
Thượng (thôn) 上村: x.Cao Xá,tg.Thủy Cam,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 29	
Thượng (thôn) 上村: x.Yến Vĩ,tg.Phù Lưu Thượng,h.Hoài An, p.Ứng Hòa,t.HN 34	
Thượng (trang) 上庄: x.Bống Lãng,tg.Mai Cầu,h.Thanh Liêm, p.Lý Nhân,t.HN 40	
Thượng (trang) 上庄: x.Cát Trì,tg.Động Xá,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN . 40	
Thượng (thôn) 上村: x.Mạc Xá,tg.Công Xá,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN . 44	
Thượng (thôn) 上村: x.Thuy Trà,tg.Mạn Đề,h.Thanh Lâm, p.Nam Sách,t.HD 110	
Thượng (thôn) 上村: tg.Đặng Xá,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN 515	
Thượng (thôn) 上村: x.Đồng Dư,tg.Đồng Dư,h.Gia Lâm, pp.Thuận Thành,t.BN 515	
Thượng (thôn) 上村: x.Tiên Dược,tg.Tiên Dược,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525	
Thượng (thôn) 上村: x.An Tứ,tg.Hà Cát,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304	
Thượng (thôn) 上村: x.Quả Linh,tg.Trình Xuyên,h.Vụ Bản, p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319	
Thượng (thôn) 上村: x.Bình Cách,tg.Bình Lương,h.Y Yên, pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 323	
Thượng (thôn) 上村: x.Đồng Cách,tg.Thượng Đồng,h.Phong Doanh, pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 325	
Thượng (thôn) 上村: sở Vọng Doanh,tg.Thượng Đồng,h.Phong Doanh,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 325	
Thượng (thôn) 上村: x.Đằng Động,tg.Thượng Đồng,h.Phong Doanh, pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 325	
Thượng (thôn) 上村: x.Tường An,tg.Ô Mỹ,h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ .. 329	
Thượng (thôn) 上村: x.Thuận An,tg.Đội Trạch,h.Vũ Tiên, p.Kiến Xương,t.NĐ 329	
Thượng Am (tổng) 上庵總: h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126	
Thượng Am (xã) 上庵社: tg.Thượng Am,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126	
Thượng An (phường) 上安坊: tg.An Nhân,h.Hải Lăng,đạo QT 1385	
Thượng An (xã) 上安社: tg.Phù Ninh,h.Phong Điền,p.TT 1428	
Thượng An (xã) 上安社: tg.Đường Xuyên,h.Phú Xuyên, p.Thường Tín,t.HN 22	
Thượng An Hạ (ấp) 上安下邑: tg.Đường Anh,h.Phú Vang,p.TT 1420	
Thượng Ấm (tổng) 上蔭總: h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959	
Thượng Ấm (xã) 上蔭社: tg.Thượng Ấm,h.Sơn Dương, p.Đoan Hùng,t.ST 959	
Thượng Ân (xã) 上恩社: tg.Thượng Quan,h.Nguyên Bình,p.Hòa An,t.CB 667	
Thượng Bái (tổng) 上沛總: h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267	
Thượng Bái (xã) 上沛社: tg.Thượng Bái,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267	
Thượng Bản (xã) 上板社: tg.Vân Nham,h.Hùng Quan, p.Đoan Hùng,t.ST 955	

Thượng Bảng (thôn) 上榜村: x.Quảng Hán,tg.Bái Châu,h.Yên Định,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1109

Thượng Bạn (tổng) 上伴總: h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1082

Thượng Bằng La (xã) 上憑羅社: tg.Đại Lịch,h.Văn Chấn,
p.Quy Hóa,t.HH 725

Thượng Bì (xã) 上邳社: tg.Phương Duy,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD ... 130

Thượng Bình (xã) 上平社: tg.Phương Điền,h.Hương Khê,
p.Đức Thọ,t.NA 1261

Thượng Bồng (tổng) 上蓬總: h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259

Thượng Bồng (xã) 上蓬社: tg.Thượng Bồng,h.Hương Sơn,
p.Đức Thọ,t.NA 1259

Thượng Cát (thôn) 上吉村: tg.Thuần Trung,h.Lương Sơn,
p.Anh Sơn,t.NA 1234

Thượng Cát (xã) 上葛社: tg.Hạ Tri,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8

Thượng Cầm (xã) 上琴社: tg.Hội Khê,h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ 329

Thượng Cầu (xã) 上駒社: tg.Du Viên,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 148

Thượng Chất (xã) 尚質村: tg.Văn Đẩu,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144

Thượng Châu (xã) 上洲社: tg.Trác Bút,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN ... 45

Thượng Chiếu (tổng) 上照總: h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165

Thượng Chiếu (xã) 上照社: tg.Thượng Chiếu,h.Đồng Triều,
p.Kinh Môn,t.HD 165

Thượng Cồ (tổng) 上古總: h.Ân Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256

Thượng Cốc (tổng) 上谷總: h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1145

Thượng Cốc (xã) 上谷社: tg.Thượng Cốc,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1145

Thượng Cốc (xã) 上谷社: tg.Như Lăng,ch.Thường Xuân,
p.Thọ Xuân,t.TH 1147

Thượng Cốc (xã) 上谷社: tg.Hội Xuyên,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD ... 130

Thượng Côi (tổng) 上瑰總: h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162

Thượng Côi (xã) 上瑰社: tg.Thượng Côi,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162

Thượng Cống (xã) 上貢社: tg.Nga Ổ,h.Thượng Lang,
p.Trùng Khánh,t.CB 672

Thượng Cung (tổng) 上供總: h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN 16

Thượng Cung (xã) 上供社: tg.Thượng Cung,h.Thượng Phúc,
p.Thường Tín,t.HN 16

Thượng Dã (tổng) 上野總: h.Đa Phúc,p.Đa Phúc,t.BN 521

Thượng Dã (xã) 上野社: tg.Thượng Dã,h.Đa Phúc,p.Đa Phúc,t.BN 521

Thượng Du (xã) 上游社: tg.Lạc Thiện,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH ... 1125

Thượng Đạo (trang) 上道庄: tg.Lập Bái,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267

Thượng Đắp (xã) 上答社: tg.Vạn Tải,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD ... 110

Thượng Đạt (tổng) 上達總: h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 932

Thượng Đạt (xã) 上達社: tg.Thượng Đạt,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 932

Thượng Đặng (xã) 上鄧社: tg.Mạn Đê,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 110

Thượng Điển (xã) 上田社: tg.Vô Ngại,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333

Thượng Đình (tổng) 上亭總: h.Từ Nông,p.Phú Bình,t.TN 794

Thượng Đình (xã) 上亭社: tg.Thượng Đình,h.Từ Nông,p.Phú Bình,t.TN 794

Thượng Đình (thôn) 上亭村: x.Nhân Mục Cựu,tg.Khuong Đình,h.Thanh Trì,
p.Thường Tín,t.HN 19

Thượng Đình Tam (thôn) 上亭三村: x.Nhị Khê,tg.Cổ Hiến,
h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN 16

Thượng Đoàn (xã) 上段社: tg.Hà Đoàn,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD . 152

Thượng Đổ (xã) 上杜社: tg.Lai Vu,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 147

Thượng Độ (xã) 上度社: tg.An Lạc,h.Thành Hoá,đạo QT 1393

Thượng Đống (thôn) 上同村: sớ Đại Tảo,tg.Châm Khê,h.Yên Phong,
p.Từ Sơn,t.BN 497

Thượng Đống (thôn) 上同村: tg.Sa Lung,h.Nam Chân,
p.Xuân Trường,t.NĐ 310

Thượng Đống (tổng) 上桐總: h.Phong Doanh,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 325

Thượng Đống (xã) 上桐社: tg.Thượng Đồng,h.Phong Doanh,
pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 325

Thượng Già (thôn) 上嘉村: x.Yên Lăng,tg.Phú Hà,h.Thụy Nguyên,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1101

Thượng Giáo (tổng) 上教總: ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN 819

Thượng Giáo (xã) 上教社: tg.Thượng Giáo,ch.Bạch Thông,
p.Thông Hóa,t.TN 819

Thượng Hạ Nha (xã) 上下衙社: tg.Từ Đà,h.Phù Ninh,
p.Đoan Hùng,t.ST 957

Thượng Hạ Xuân (xã) 上下椿社: tg.Nội Hoàng,h.Đồng Triều,
p.Kinh Môn,t.HD 166

Thượng Hiệp (tổng) 上協總: h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 919

Thượng Hiệp (xã) 上協社: tg.Thượng Hiệp,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 919

Thượng Hòa (thôn) 上和村: x.Thổ Vượng,tg.Độ Liêu,h.Can Lộc,
p.Đức Thọ,t.NA 1269

Thượng Hòa (thôn) 上和村: x.Đồng Hòa,tg.Tuần La,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1116

Thượng Hồ (thôn) 上湖村: x.Thổ Vượng,tg.Độ Liêu,h.Can Lộc,
p.Đức Thọ,t.NA 1269

Thượng Hộ (tổng) 上戶總: h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333

Thượng Hộ (xã) 上戶社: tg.Thượng Hộ,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333

Thượng Hộ (thôn) 上戶村: x.Vi Bạc,tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1121

Thượng Hội (tổng) 上會總: h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 9

Thượng Hội (xã) 上會社: tg.Thượng Hội,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 9

Thượng Hữu (xã) 尚友社: tg.Đồng Phù,h.Thượng Nguyên,
p.Xuân Trường,t.NĐ 309

Thượng Kế Tự 上莚寺: tg.Mai Lộc,h.Thành Hoá,đạo QT 1394

Thượng Kết (tổng) 上結總: h.Phổ Yên,p.Phú Bình,t.TN 796

Thượng Kết (xã) 上結社: tg.Thượng Kết,h.Phổ Yên,p.Phú Bình,t.TN 796

Thượng Khê (thôn) 上溪村: x.Hương Cái,tg.Hải Đô,h.Hưng Nguyên,
p.Anh Sơn,t.NA 1243

Thượng Khê (tổng) 上溪總: h.Tây Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 954

Thượng Khê (xã) 上溪社: tg.Thượng Khê,h.Tây Quan,
p.Đoan Hùng,t.ST 954

Thượng Khuông (xã) 上匡社: tg.Vĩnh Lại,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 93

Thượng Kiệm (ấp) 尚儉邑: tg.Tự Tân,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB ... 1033

Thượng Kỳ (tổng) 上奇總: h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316

Thượng Kỳ (xã) 上奇社: tg.Thượng Kỳ,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316

Thượng Lạc (xã) 上樂社: tg.Tràng Quế,ch.Ôn,p.Tràng Khánh,t.LS 617

Thượng Lại (xã) 上賴社: tg.Bát Trang,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 431

Thượng Lâm (tổng) 上攬總: h.Văn Lăng,p.Tông Hóa,t.TN 809

Thượng Lâm (xã) 上攬社: tg.Thượng Lâm,h.Văn Lăng,p.Tông Hóa,t.TN 809

Thượng Lâm (xã) 上攬社: tg.Gia Dụ,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH .. 1140

Thượng Lang (huyện) 上琅縣: p.Trùng Khánh,t.CB 671

Thượng Lao (xã) 上牢社: tg.Quảng Bị,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31

Thượng Lao (xã) 上牢社: tg.Cổ Nông,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 311

Thượng Lạp (xã) 尚獵社: tg.Nghĩa Yên,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930

Thượng Lâm (xã) 上林社: tg.Lạn Mẫu,h.Phượng Nhãn,
p.Lạng Giang,t.BN 530

Thượng Lâm (xã) 上林社: tg.Vĩnh Yên,ch.Chiêm Hoá,p.Tương An,t.TQ 877

Thượng Lâm (xã) 上林社: tg.Viên Nội,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31

Thượng Lập (xã) 上立社: tg.Hồ Xá,h.Minh Linh,đạo QT 1390

Thượng Liệt (tổng) 上烈總: h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 339

Thượng Liệt (xã) 上烈社: tg.Thượng Liệt,h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 339

Thượng Liệt (sớ) 上烈所: tg.Thượng Liệt,h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 339

Thượng Long (tổng) 上龍總: h.Yên Lập,p.Quy Hóa,t.HH 729

Thượng Long (xã) 上龍社: tg. Thượng Long, h. Yên Lập, p. Quy Hóa, t. HH 729	
Thượng Lô (xã) 上爐社: tg. Tam Lô, ch. Lương Chánh, p. Thọ Xuân, t. TH 1150	
Thượng Lộc (xã) 上祿社: tg. La Phù, h. Bát Bát, p. Quảng Oai, t. ST 915	
Thượng Lộc (thôn) 上祿村: tg. Thổ Ngõa, h. Cẩm Xuyên, đạo HT 1323	
Thượng Lỗi (thôn) 上磊村: h. Thạch Hà, đạo HT 1321	
Thượng Luật (xã) 上律社: tg. Thuỷ Liên, h. Lê Thuỷ, p. Quảng Ninh, t. QB 1349	
Thượng Lũng (xã) 上隴社: tg. Yên Lạc, h. Phụng Hoá, p. Nho Quan, t. NB 1037	
Thượng Lũng (xã) 上隴社: tg. Tiên Yên, h. Vĩnh Tuy, p. An Bình, t. TQ 865	
Thượng Lương (tổng) 上涼總: h. Văn Lãng, p. Tông Hóa, t. TN 809	
Thượng Lương (xã) 下涼社: tg. Thượng Lương, h. Văn Lãng, p. Tông Hóa, t. TN 809	
Thượng Lương (xã) 上涼社: tg. Thượng Lương, h. Văn Lãng, p. Tông Hóa, t. TN 809	
Thượng Lưu (tổng) 上流總: h. Minh Hoá, p. Quảng Trạch, t. QB 1359	
Thượng Lý (xã) 上里社: tg. Da Viên, h. An Dương, p. Kiến Thụy, t. HD 151	
Thượng Mão (tổng) 上卯總: h. Siêu Loại, p. Thuận Thành, t. BN 506	
Thượng Mão (xã) 上卯社: tg. Thượng Mão, h. Siêu Loại, p. Thuận Thành, t. BN 506	
Thượng Mạo (thôn) 上帽村: x. Bắc Lâm, tg. Thắng Lâm, h. Thanh Oai, p. Ứng Hòa, t. HN 28	
Thượng Mân (xã) 上汶社: tg. Lạc Thiện, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1125	
Thượng Miêu (xã) 上苗社: tg. Thủy Nhai, h. Giao Thủy, p. Xuân Trường, t. ND 304	
Thượng Miêu (ấp) 上苗邑: tg. Lạc Thiện, h. Giao Thủy, p. Xuân Trường, t. ND 305	
Thượng Minh (xã) 上明社: tg. Tứ Minh, h. Cẩm Giàng, p. Bình Giang, t. HD .. 98	
Thượng Mỗ (xã) 上姥社: tg. Thượng Hội, h. Từ Liêm, p. Hoài Đức, t. HN 9	
Thượng Mộ Công (xã) 上募功社: tg. Bí Giang, h. Đông Triều, p. Kinh Môn, t. HD 166	
Thượng Nam (xã) 上南社: tg. Lục Nông, h. Quảng Yên, p. Trùng Khánh, t. CB 675	
Thượng Nắm (thôn) 上稔村: tg. Xuân Liểu, h. Nam Đường, p. Anh Sơn, t. NA 1236	
Thượng Ngạn (xã) 上岸社: x. Diên Hà, tg. Diên Hà, h. Diên Hà, p. Tiên Hưng, t. HY 267	
Thượng Nghĩa (xã) 尚義社: tg. An Lạc, h. Thành Hoá, đạo QT 1393	
Thượng Nguyên (ấp) 上源邑: tg. Phù Trạch, h. Phong Điền, p. TT 1428	
Thượng Nguyên (huyện) 上元縣: p. Xuân Trường, t. ND 308	
Thượng Nhân (xã) 上仁社: tg. Thượng Vụ, h. Phố Yên, p. Phú Bình, t. TN .. 796	
Thượng Nhất (tổng) 上壹總: h. Thạch Hà, đạo HT 1319	
Thượng Nhị (tổng) 上貳總: h. Thạch Hà, đạo HT 1319	
Thượng Nhượng (xã) 上讓社: tg. Lạc Đạo, h. Lạc Yên, p. Nho Quan, t. NB 1040	
Thượng Nông (xã) 上農社: tg. Ninh Dân, h. Thanh Ba, p. Lâm Thao, t. ST .. 948	
Thượng Nông (xã) 上農社: tg. Cồn Lôn, ch. Chiêm Hoá, p. Tương An, t. TQ 877	
Thượng Nông (xã) 上農社: tg. An Trạch, h. Nam Xương, p. Lý Nhân, t. HN .. 45	
Thượng Nông (tổng) 上農總: h. Tam Nông, p. Gia Hưng, t. HH 709	
Thượng Nông (xã) 上農社: tg. Thượng Nông, h. Tam Nông, p. Gia Hưng, t. HH 709	
Thượng Nông (xã) 上農社: tg. Cổ Nông, h. Nam Chân, p. Xuân Trường, t. ND 311	
Thượng Nông (tràng) 上農庄: tg. Cổ Nông, h. Nam Chân, p. Xuân Trường, t. ND 311	
Thượng Nùng (tổng) 上濃總: h. Động Hỷ, p. Phú Bình, t. TN 798	
Thượng Nùng (xã) 上濃社: tg. Thượng Nùng, h. Động Hỷ, p. Phú Bình, t. TN 798	
Thượng Ốc (tổng) 上沃總: h. Từ Liêm, p. Hoài Đức, t. HN 8	
Thượng Ốc (xã) 上沃社: tg. Thượng Ốc, h. Từ Liêm, p. Hoài Đức, t. HN 8	
Thượng Pha (tổng) 上坡總: h. Thạch An, p. Hòa An, t. CB 664	

Thượng Pha (xã) 上坡社: tg. Thượng Pha, h. Thạch An, p. Hòa An, t. CB 664	
Thượng Phan (xã) 上潘社: tg. Yên Xá, h. Lập Thạch, p. Vĩnh Tường, t. ST .. 933	
Thượng Phán (xã) 上泮社: tg. Đông Chân, h. Quỳnh Côi, p. Thái Bình, t. ND 348	
Thượng Phong Lộc (tổng) 上豐祿總: h. Lê Thuỷ, p. Quảng Ninh, t. QB 1349	
Thượng Phong Lộc (xã) 上豐祿社: tg. Thượng Phong Lộc, h. Lê Thuỷ, p. Quảng Ninh, t. QB 1349	
Thượng Phù (thôn) 上扶村: tg. Phù Long, h. Hưng Nguyên, p. Anh Sơn, t. NA 1242	
Thượng Phú (xã) 上富社: tg. Thượng Tâm, h. Thanh Quan, p. Thái Bình, t. ND 341	
Thượng Phú (phường) 上富坊: tg. Thượng Lưu, h. Minh Hoá, p. Quảng Trạch, t. QB 1359	
Thượng Phúc (xã) 上福社: tg. Hạ Động, h. Đông Quan, p. Thái Bình, t. ND 339	
Thượng Phúc (xã) 上福社: tg. An Đôn, h. Đăng Xương, đạo QT 1384	
Thượng Phúc (thôn) 上福村: x. Dụ Mao, tg. Thanh Khê, h. Đông Sơn, p. Thiệu Hóa, t. TH 1105	
Thượng Phúc (thôn) 上福村: x. Phương Trì, tg. Yên Thái, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1115	
Thượng Phúc (thôn) 上福村: x. Nguyệt Quật, tg. Văn Trai, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1116	
Thượng Phúc (huyện) 上福縣: p. Thường Tín, t. HN 16	
Thượng Phúc (xã) 上福社: tg. La Phù, h. Thượng Phúc, p. Thường Tín, t. HN 16	
Thượng Phúc (thôn) 上福村: tg. Tả Thanh Oai, h. Thanh Oai, p. Ứng Hòa, t. HN 28	
Thượng Quan (tổng) 上關總: h. Nguyên Bình, p. Hòa An, t. CB 667	
Thượng Quan (xã) 上關社: tg. Thượng Quan, h. Nguyên Bình, p. Hòa An, t. CB 667	
Thượng Quất (xã) 上橘社: tg. Phù Lưu Tế, h. Hoài An, p. Ứng Hòa, t. HN 34	
Thượng Sà (phường) 上槎坊: tg. Yên Trường, h. Thụy Nguyên, p. Thiệu Hóa, t. TH 1101	
Thượng Suu (sách) 上腹册: tg. Hạ Suu, h. Nghĩa Đường, p. Quỳnh Châu, t. NA 1275	
Thượng Tầm (tổng) 上尋總: h. Thanh Quan, p. Thái Bình, t. ND 341	
Thượng Tầm (xã) 上尋社: tg. Thượng Tầm, h. Thanh Quan, p. Thái Bình, t. ND 341	
Thượng Thanh Oai (tổng) 上青威總: h. Thanh Oai, p. Ứng Hòa, t. HN 28	
Thượng Thanh Oai (xã) 上青威社: tg. Thượng Thanh Oai, h. Thanh Oai, p. Ứng Hòa, t. HN 28	
Thượng Thanh Thần (xã) 上青神社: tg. Nga My, h. Thanh Oai, p. Ứng Hòa, t. HN 28	
Thượng Thọ (thôn) 上壽村: tg. Xuân Lâm, h. Nam Đường, p. Anh Sơn, t. NA 1236	
Thượng Thọ (thôn) 上壽村: x. Trung Lâm, tg. Vũ Liệt, h. Thanh Chương, p. Anh Sơn, t. NA 1239	
Thượng Thọ (thôn) 上壽村: x. Cao Vịnh, tg. Cao Vịnh, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1087	
Thượng Thọ (thôn) 上壽村: x. Trì Trọng, tg. Dương Thủy, h. Mỹ Hóa, p. Hà Trung, t. TH 1094	
Thượng Thọ (thôn) 上壽村: x. Yên Lâm, tg. Đông Lý, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1110	
Thượng Thọ (thôn) 上壽村: x. Lưu Vệ, tg. Lưu Vệ, h. Quảng Xương, p. Tĩnh Gia, t. TH 1121	
Thượng Thụy (xã) 上瑞社: tg. Sơn Đông, h. Đan Phượng, p. Quốc Oai, t. ST 922	
Thượng Thụy (xã) 上瑞社: tg. Phú Gia, h. Từ Liêm, p. Hoài Đức, t. HN 8	
Thượng Tiết (xã) 尚節社: tg. Trình Tiết, h. Hoài An, p. Ứng Hòa, t. HN 34	

Thượng Trà (xã) 上邾社: tg. Thượng Chiêu, h. Đồng Triều, p. Kinh Môn, t. HD 165

Thượng Trạch (xã) 上澤社: tg. An Lưu, h. Đăng Xương, đạo QT 1384

Thượng Trại (thôn) 上齋村: x. Nguyệt Quật, tg. Văn Trại, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH 1116

Thượng Trang (xã) 上莊社: tg. Quan Trang, h. Kim Thành, p. Kiến Thụy, t. HD 148

Thượng Trầm (thôn) 上沅村: x. Kim Bài, tg. Phương Trung, h. Thanh Oai, p. Ứng Hòa, t. HN 28

Thượng Tri (tổng) 上池總: h. Từ Liêm, p. Hoài Đức, t. HN 9

Thượng Tri (xã) 上池社: tg. Thượng Tri, h. Từ Liêm, p. Hoài Đức, t. HN 9

Thượng Tri (thôn) 上池村: x. Thượng Mão, tg. Thượng Mão, h. Siêu Loại, p. Thuận Thành, t. BN 506

Thượng Triệt (tổng) 上徹總: h. Thanh Lâm, p. Nam Sách, t. HD 110

Thượng Triệt (xã) 上徹社: tg. Thượng Triệt, h. Thanh Lâm, p. Nam Sách, t. HD 110

Thượng Trụ (thôn) 上柱村: tg. Nội Ngoại, h. Can Lộc, p. Đức Thọ, t. NA 1269

Thượng Trưng (tổng) 上徵總: h. Bạch Hạc, p. Vĩnh Tường, t. ST 930

Thượng Trưng (xã) 上徵社: tg. Thượng Trưng, h. Bạch Hạc, p. Vĩnh Tường, t. ST 930

Thượng Tứ (thôn) 上泗村: x. Búi Xá, tg. Yên Hồ, h. La Sơn, p. Đức Thọ, t. NA 1255

Thượng Ván (xã) 上汶社: h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1125

Thượng Vụ (tổng) 上務總: h. Phố Yên, p. Phú Bình, t. TN 796

Thượng Vụ (xã) 上務社: tg. Thượng Vụ, h. Phố Yên, p. Phú Bình, t. TN 796

Thượng Xá (tổng) 上舍總: h. Chân Lộc, p. Anh Sơn, t. NA 1246

Thượng Xá (xã) 上舍社: tg. Thượng Xá, h. Chân Lộc, p. Anh Sơn, t. NA 1246

Thượng Xá (xã) 上舍社: tg. Thạch Bàn, h. Phong Đăng, p. Quảng Ninh, t. QB 1347

Thượng Xá (xã) 上舍社: tg. An Thái, h. Hải Lăng, đạo QT 1385

Thượng Yên (thôn) 上安村: tg. Phú Hậu, h. Quỳnh Lưu, p. Diễn Châu, t. NA 1252

Thượng Yên Quyết (xã) 上安決社: tg. Dịch Vọng, h. Từ Liêm, p. Hoài Đức, t. HN 7

Thượng Yến (thôn) 上燕村: x. Phú Lưu, tg. Phú Lưu, h. Can Lộc, p. Đức Thọ, t. NA 1269

TI (thôn) 司村: x. Thanh Hà, tg. Cổ Định, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1123

TI TI (thôn) 司司村: tg. Ngọc Lặc, h. Thụy Nguyên, p. Thiệu Hóa, t. TH 1102

TI Bà (tổng) 琵琶總: h. Lương Tài, p. Thuận Thành, t. BN 511

TI Bà (xã) 琵琶社: tg. Ti Bà, h. Lương Tài, p. Thuận Thành, t. BN 511

Tích Cốc (xã) 積穀社: tg. Lạc Nghiệp, h. Lạc Yên, p. Nho Quan, t. NB 1040

Tích Cốc (xã) 積穀社: tg. Cẩm Nhân, ch. Thu Châu, p. An Bình, t. TQ 862

Tích Mễ (xã) 積米社: tg. Niệm Quang, h. Đông Hỷ, p. Phú Bình, t. TN 798

Tích Sơn (xã) 錫山社: tg. Quyết Trung, h. Tam Dương, p. Vĩnh Tường, t. ST 934

Tích Tường (xã) 積祥社: tg. An Thái, h. Hải Lăng, đạo QT 1385

Tịch Trân (xã) 席珍社: tg. Đồng Phú, h. Yên Khánh, p. Yên Khánh, t. NB 1021

Tiên (thôn) 僊村: x. Cổ Đông, tg. Văn Xá, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1125

Tiên (thôn) 先村: x. Hữu Vi, tg. Tam Lộng, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1145

Tiên Ả (xã) 僊娥社: tg. Kim Lăng, h. Phú Ninh, p. Đoàn Hùng, t. ST 957

Tiên Am (xã) 先庵社: tg. Ngải Am, h. Vĩnh Bảo, p. Ninh Giang, t. HD 127

Tiên An (xã) 先安社: tg. Thanh Viên, h. Quỳnh Lưu, p. Diễn Châu, t. NA 1252

Tiên An (xã) 僊安社: tg. Thủy Ba, h. Minh Linh, đạo QT 1390

Tiên Bạ (xã) 僊伴社: tg. Mục Sơn, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1146

Tiên Bào (xã) 仙袍社: tg. Phan Xá, h. Nghi Xuân, p. Đức Thọ, t. NA 1264

Tiên Biếu (xã) 仙瓢社: tg. Lập Lễ, h. Thanh Hà, p. Nam Sách, t. HD 113

Tiên Bố (tổng) 先布總: h. Quỳnh Côi, pp. Thái Bình, t. ND 348

Tiên Bố (xã) 先布社: tg. Tiên Bó, h. Quỳnh Côi, pp. Thái Bình, t. ND 348

Tiên Cát (xã) 僊葛社: tg. Minh Nông, h. Phú Ninh, p. Đoàn Hùng, t. ST 957

Tiên Cẩm (xã) 仙琴社: tg. Đại Phương Lang, h. An Lão, p. Kiến Thụy, t. HD 144

Tiên Cầu (xã) 先棣社: tg. Tang Giá, h. Quỳnh Côi, pp. Thái Bình, t. ND 348

Tiên Cầu (xã) 先棣社: tg. Chiêu Lai, h. Đường Hào, p. Bình Giang, t. HD 100

Tiên Cầu (tổng) 僊棣總: h. Kim Động, p. Khoái Châu, t. HY 259

Tiên Cầu (xã) 僊棣社: tg. Tiên Cầu, h. Kim Động, p. Khoái Châu, t. HY 259

Tiên Châu (xã) 僊洲社: tg. Kim Lăng, h. Phú Ninh, p. Đoàn Hùng, t. ST 957

Tiên Châu (tổng) 仙洲總: h. Tiên Lữ, p. Tiên Hưng, t. HY 272

Tiên Châu (xã) 仙洲社: tg. Tiên Châu, h. Tiên Lữ, p. Tiên Hưng, t. HY 272

Tiên Chu (xã) 僊舟社: tg. Xuân Bàng, h. Kim Anh, p. Đa Phúc, t. BN 526

Tiên Chuông (xã) 僊掌社: tg. Hiến Khánh, h. Vụ Bản, p. Nghĩa Hưng, t. ND 320

Tiên Cốt (xã) 僊骨社: tg. Hòa Luật, h. Thạch Thành, p. Quảng Hóa, t. TH 1135

Tiên Cung (thôn) 僊宮村: tg. Thuần Trung, h. Lương Sơn, p. Anh Sơn, t. NA 1234

Tiên Cương (xã) 僊崗社: tg. Xuân Lũng, h. Sơn Vi, p. Lâm Thao, t. ST 944

Tiên Cựu (xã) 先舊社: tg. Đại Công, h. Tiên Minh, p. Nam Sách, t. HD 116

Tiên Du (huyện) 僊遊縣: p. Từ Sơn, t. BN 493

Tiên Du (xã) 僊油社: tg. Hạ Hoàng, h. Phú Ninh, p. Đoàn Hùng, t. ST 957

Tiên Dược (tổng) 僊藥總: h. Kim Anh, p. Đa Phúc, t. BN 525

Tiên Dược (xã) 僊藥社: tg. Tiên Dược, h. Kim Anh, p. Đa Phúc, t. BN 525

Tiên Đài (xã) 僊臺社: tg. Quan Đài, h. Yên Lạc, pp. Vĩnh Tường, t. ST 941

Tiên Đào (xã) 僊桃社: tg. Nam Kim, h. Thanh Chương, p. Anh Sơn, t. NA 1239

Tiên Điển (xã) 仙田社: tg. Phan Xá, h. Nghi Xuân, p. Đức Thọ, t. NA 1264

Tiên Định (xã) 先定社: tg. Từ Du, h. Lập Thạch, p. Vĩnh Tường, t. ST 932

Tiên Đồi (xã) 先堆社: tg. Từ Đồi, h. Tiên Minh, p. Nam Sách, t. HD 117

Tiên Đội (xã) 僊隊社: tg. Quỳnh Lâm, h. Quỳnh Lưu, p. Diễn Châu, t. NA 1253

Tiên Động (xã) 僊峒社: tg. Tượng Yên, h. Thạch An, p. Hòa An, t. CB 663

Tiên Động (xã) 仙洞社: tg. Mỹ Động, h. Thanh Miện, p. Bình Giang, t. HD 95

Tiên Đường (xã) 仙塘社: tg. Văn Tự, h. Đông Thành, p. Diễn Châu, t. NA 1249

Tiên Giao (xã) 僊膠社: tg. Phục Hòa, h. Thạch An, p. Hòa An, t. CB 663

Tiên Hàng (xã) 先杭社: tg. Hương Canh, h. Yên Lãng, pp. Vĩnh Tường, t. ST 938

Tiên Hào (xã) 先豪社: tg. Hồ Sơn, h. Vụ Bản, p. Nghĩa Hưng, t. ND 319

Tiên Hòa (xã) 先和: tg. Thanh Xá, h. Vĩnh Lộc, p. Quảng Hóa, t. TH 1130

Tiên Hội (xã) 僊會社: tg. Cát Ngạn, h. Thanh Chương, p. Anh Sơn, t. NA 1239

Tiên Hội (xã) 僊會社: tg. Hội Phụ, h. Đông Ngạn, p. Từ Sơn, t. BN 491

Tiên Hội (xã) 僊會社: tg. Hội Thượng, h. Tam Dương, p. Vĩnh Tường, t. ST 934

Tiên Hội (xã) 僊會社: tg. Tiên Sơn, h. Đại Từ, p. Tông Hóa, t. TN 810

Tiên Hội (xã) 仙會社: tg. An Luận, h. An Lão, p. Kiến Thụy, t. HD 144

Tiên Hội (xã) 先會社: tg. Uyên Lê, ch. Văn Uyên, p. Trảng Định, t. LS 610

Tiên Hưng (xã) 先興社: tg. Quảng Phúc, h. Yên Mô, p. Yên Khánh, t. NB 1025

Tiên Hưng (phủ) 先興府: t. HY 261

Tiên Hương (tổng) 仙香總: h. Tiên Lữ, p. Tiên Hưng, t. HY 272

Tiên Hương (xã) 仙香社: tg. Tiên Hương, h. Tiên Lữ, p. Tiên Hưng, t. HY 272

Tiên Hương (xã) 僊鄉社: tg. Đồng Đội, h. Vụ Bản, p. Nghĩa Hưng, t. ND 319

Tiên Kha (xã) 僊柯社: tg. Hội Thượng, h. Tam Dương, p. Vĩnh Tường, t. ST 934

Tiên Kha (xã) 僊舸社: tg. Tuấn Lễ, h. Đông Ngạn, p. Từ Sơn, t. BN 491

Tiên Khê (xã) 僊溪社: tg. Tiên Cầu, h. Kim Động, p. Khoái Châu, t. HY 259

Tiên Khoán (xã) 先券社: tg. Vụ Bản, h. Vụ Bản, p. Nghĩa Hưng, t. ND 319

Tiên Kiều (xã) 仙橋社: tg. Xuân Viên, h. Nghi Xuân, p. Đức Thọ, t. NA 1264

Tiên Kiều (xã) 僊橋社: tg. Mục Hà, h. Vĩnh Tuy, p. An Bình, t. TQ 865

Tiên Kỳ (xã) 僊琦社: tg. Cự Lâm, h. Nghĩa Đường, p. Quỳ Châu, t. NA 1275

Tiên Kỳ Ngoại (xã) 僊琦外社: tg. Văn Tự, h. Đông Thành, p. Diễn Châu, t. NA 1249

Tiên La (xã) 先羅社: tg. Cổ Dũng, h. Yên Dũng, p. Lạng Giang, t. BN 534

Tiên La (tổng) 先羅總: h. Từ Nông, p. Phú Bình, t. TN 794

Tiên La (xã) 先羅社: tg. Tiên La, h. Từ Nông, p. Phú Bình, t. TN 794

Tiên La (xã) 先羅社: tg. Canh Nông, h. Diên Hà, p. Tiên Hưng, t. HY 267

Tiên Lai (xã) 僊來社: tg. Thủy Ba, h. Minh Linh, đạo QT 1390

Tiên Lang (xã) 先郎社: tg.Thuận Lễ,h.Minh Chính, p.Quảng Trạch,t.QB 1356	
Tiên Lát (tổng) 先濑總: h.Việt Yên,p.Lạng Giang,t.BN 534	
Tiên Lát (xã) 先濑社: tg.Tiên Lát,h.Việt Yên,p.Lạng Giang,t.BN 534	
Tiên Lăng (xã) 僊陵社: tg.Vân Trại,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1139	
Tiên Lễ (xã) 先禮: tg.Thuận Thị,h.Minh Chính,p.Quảng Trạch,t.QB 1355	
Tiên Lễ Thượng (xã) 先禮上社: tg.Thuận Lễ,h.Minh Chính, p.Quảng Trạch,t.QB 1356	
Tiên Lệ (xã) 先麗社: tg.Thốc Sơn,h.Hữu Lũng,pp.Lạng Giang,t.BN 540	
Tiên Lịch (xã) 仙曆社: tg.Dị Ốc,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259	
Tiên Lộc (xã) 僊祿社: tg.Truyền Nham,h.Thủy Vân,p.Quỳ Châu,t.NA .. 1276	
Tiên Lộc (xã) 先祿社: tg.Hương Cấn,h.Hương Trà,p.TT 1419	
Tiên Lục (xã) 僊錄社: tg.Đào Quan,h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN 531	
Tiên Lũng (xã) 僊隴社: tg.Trung Môn,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 859	
Tiên Lữ (tổng) 僊侶總: h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 920	
Tiên Lữ (xã) 僊侶社: tg.Tiên Lữ,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 920	
Tiên Lữ (xã) 僊侶社: tg.Hạ Ích,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 932	
Tiên Lữ (xã) 仙侶社: tg.Đặng Xá,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95	
Tiên Lữ (huyện) 仙侶縣: p.Tiên Hưng,t.HY 271	
Tiên Lược (thôn) 先略村: x.Sơn Trại,tg.Cao Xá,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1125	
Tiên Lương (xã) 先良社: tg.Thuận Lễ,h.Minh Chính, p.Quảng Trạch,t.QB 1356	
Tiên Lương (xã) 先梁社: h.Thạch Hà,đạo HT 1322	
Tiên Lý (xã) 仙李社: tg.Lý Trại,h.Đồng Thành,p.Diễn Châu,t.NA 1249	
Tiên Minh (huyện) 先明縣: p.Nam Sách,t.HD 116	
Tiên Minh (xã) 先明社: tg.Diên Lão,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 117	
Tiên Mỗ (xã) 僊姥社: tg.Đồng Lỗ,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 940	
Tiên Mộc (xã) 先沐社: tg.Đô Xá,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124	
Tiên Mỹ (thôn) 僊美村: tg.Vĩnh Xương,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12	
Tiên Nghiên (xã) 鲜研社: tg.Dĩnh Sơn,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN . 533	
Tiên Nha (xã) 先衙社: tg.Bắc Lũng,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537	
Tiên Nhiêu (xã) 先饒社: tg.Bắc Lũng,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537	
Tiên Non Phụ Ổ (ấp) 僊嫩阜塢邑: tg.Lương Điền,h.Phú Lộc,p.TT 1423	
Tiên Nông (xã) 僊農社: tg.Vân Tự,h.Đồng Thành,p.Diễn Châu,t.NA 1249	
Tiên Nông (thôn) 仙農村: x.Sơn Ổi,tg.Hải Quặt,h.Yên Định, p.Thiệu Hóa,t.TH 1110	
Tiên Nộn (xã) 仙嫩社: tg.Mậu Tài,h.Phú Vang,p.TT 1420	
Tiên Phong (huyện) 先豐縣: p.Quảng Oai,t.ST 908	
Tiên Phong (tổng) 仙峰總: ch.Ninh Biên,p.Điện Biên,t.HH 738	
Tiên Phong (xã) 仙峰社: tg.Tiên Phong,ch.Ninh Biên,p.Điện Biên,t.HH 738	
Tiên Phú (xã) 先富社: tg.Khai Xuân,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 945	
Tiên Quán (xã) 僊館社: tg.Tạ Xá,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 260	
Tiên Sa (xã) 仙沙社: tg.Điều Yêu,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151	
Tiên Sài (xã) 僊柴社: tg.Cần Xá,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 920	
Tiên Sơn (xã) 僊山社: tg.Hội Thượng,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST . 934	
Tiên Sơn (tổng) 僊山總: h.Đại Từ,p.Tông Hóa,t.TN 810	
Tiên Sơn (xã) 僊山社: tg.Tiên Sơn,h.Đại Từ,p.Tông Hóa,t.TN 810	
Tiên Sơn (xã) 僊山社: tg.Mai Đình,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522	
Tiên Táo (thôn) 仙棗村: tg.Du La,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113	
Tiên Táo (xã) 僊棗社: tg.Đan Táo,h.Đa Phúc,p.Đa Phúc,t.BN 521	
Tiên Thành (xã) 山城社: tg.Thái Xá,h.Đồng Thành,p.Diễn Châu,t.NA . 1249	
Tiên Thị (thôn) 僊市村: tg.Thuận Mỹ,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 11	
Tiên Thiều (xã) 仙韶社: tg.Lập Lễ,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113	
Tiên Thủ (tổng) 先茱總: h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522	
Tiên Thủ (xã) 先茱社: tg.Tiên Thủ,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522	
Tiên Trà (xã) 先鄰社: tg.Nội Trà,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497	

Tiên Trang (thôn) 先莊村: x.Thái Các,tg.Thủ Hộ,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1120	
Tiên Trạo (xã) 僊榨社: tg.Thủy Ba,h.Minh Linh,đạo QT 1390	
Tiên Vệ (thôn) 先衛村: x.Lưu Vệ,tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1121	
Tiên Xá (xã) 僊舍社: tg.Nội Viên,h.Tiền Du,p.Từ Sơn,t.BN 494	
Tiên Xá (tổng) 先舍總: h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37	
Tiên Xá (xã) 先舍社: tg.Tiên Xá,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37	
Tiên Xá (xã) 仙舍社: tg.Dị Chế,h.Tiền Lữ,p.Tiền Hưng,t.HY 271	
Tiên Yên (xã) 先安社: h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB 1021	
Tiên Yên (châu) 先安州: tg.Bát Trang,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 435	
Tiên Yên (xã) 先安社: tg.Hà Thanh,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 437	
Tiên Yên (tổng) 先安總: h.Vĩnh Tuy,p.An Bình,t.TQ 865	
Tiên Yên (xã) 先安社: tg.Tiên Yên,h.Vĩnh Tuy,p.An Bình,t.TQ 865	
Tiên Yên (xã) 先安社: tg.Bí Giang,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 166	
Tiến (thôn) 前村: x.Phúc Khê,tg.Phúc Khê,h.Thanh Quan, p.Thái Bình,t.NĐ 341	
Tiến (thôn) 前村: tg.Văn Lâm,h.La Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1255	
Tiến (thôn) 前村: x.Khúc Phụ,tg.Ngọc Xuyên,h.Hoàng Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1091	
Tiến (thôn) 前村: x.Ngưư Phương,tg.Thái Lai,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1121	
Tiến (thôn) 前村: x.Trường Quang,tg.Cao Xá,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1125	
Tiến (thôn) 前村: x.Oanh Cốc,tg.Thượng Cốc,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1145	
Tiến Am (xã) 前庵社: tg.Thượng Am,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126	
Tiến Cựu (thôn) 前舊村: x.Hà Lộ,tg.Ngọc Xuyên,h.Hoàng Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1091	
Tiến Đoài (thôn) 前兑村: x.Hoàng Thanh,tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1121	
Tiến Đường (xã) 前堂社: tg.Ngô Khê,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45	
Tiến Hải (huyện) 錢海縣: p.Kiến Xương,t.NĐ 335	
Tiến Hậu (thôn) 前厚村: x.Hà Lộ,tg.Ngọc Xuyên,h.Hoàng Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1091	
Tiến Hậu (thôn) 前後村: x.Sơn Trại,tg.Cao Xá,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1125	
Tiến Huân (xã) 前勳社: tg.Phù Sa,h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST 913	
Tiến Kiên (xã) 前堅社: tg.An Đôn,h.Đăng Xương,đạo QT 1384	
Tiến Lạc Bình (thôn) 前樂平村: x.Châu Xuyên,tg.Văn Xá,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1124	
Tiến Lệ (xã) 前例社: tg.Đắc Sở,h.Đan Phượng,p.Quốc Oai,t.ST 921	
Tiến Lệ (xã) 前例社: tg.Tứ Minh,h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 98	
Tiến Liệt (tổng) 前烈總: h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113	
Tiến Liệt (xã) 前烈社: tg.Tiến Liệt,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113	
Tiến Liệt (xã) 前烈社: tg.Xuân Hử,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124	
Tiến Lộc (thôn) 前祿村: x.Dự Mao,tg.Thanh Khê,h.Đồng Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1105	
Tiến Thành (xã) 前成社: tg.Vĩnh Trị,h.Hương Trà,p.TT 1419	
Tiến Thịnh (thôn) 前盛村: x.Quang Tiến,tg.Thái Lai,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1121	
Tiến Tiệp (ấp) 前捷邑: tg.Vũ Xá,h.Phong Lộc,p.Quảng Ninh,t.QB 1345	
Tiến Trung (thôn) 前中村: x.Hà Lộ,tg.Ngọc Xuyên,h.Hoàng Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1091	
Tiến Trung (thôn) 前中村: tg.Đồng Xuân,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN . 11	
Tiến Trung (xã) 前中: tg.An Điền,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106	
Tiến Bào (xã) 進袍社: tg.Nghĩa Lập,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 492	

Tiến Động (xã) 進洞社: tg. Phụng Dục, h. Thượng Phúc,
p. Thường Tín, t. HN 17

Tiến Nắm (xã) 進稔社: tg. Nga Ổ, h. Thượng Lang, p. Trùng Khánh, t. CB 672

Tiến Trật (xã) 進秩社: tg. Xích Bích, h. Thần Khê, p. Tiên Hưng, t. HY 265

Tiếp Vũ (xã) 接武社: tg. Độ Liêu, h. Can Lộc, p. Đức Thọ, t. NA 1269

Tiêu Bả (xã) 標榜社: tg. Từ Mặc, h. Ý Yên, pp. Nghĩa Hưng, t. ND 323

Tiêu Dao (xã) 逍遙社: tg. Vạn Yên, h. Hoàng Bồ, p. Sơn Định, t. QY 402

Tiêu Dặc (xã) 蕭弋社: tg. Bát Bế, h. Vĩnh Lại, p. Ninh Giang, t. HD 123

Tiêu Động (xã) 蕉洞社: tg. Mai Động, h. Bình Lục, p. Lý Nhân, t. HN 43

Tiêu Động (tràng) 蕉洞社: tg. Mai Động, h. Bình Lục, p. Lý Nhân, t. HN 43

Tiêu Lâm (xã) 蕉林社: tg. La Ngoại, h. Thanh Miện, p. Bình Giang, t. HD 95

Tiêu Nhược (xã) 霄若社: tg. Cán Doanh, h. Bảo Lộc, p. Lạng Giang, t. BN .. 531

Tiêu Ổ (xã) 蕉塢社: tg. La Ngoại, h. Thanh Miện, p. Bình Giang, t. HD 95

Tiêu Sơn (xã) 嶠山社: tg. Bát Trang, ch. Vạn Ninh, p. Hải Ninh, t. QY 432

Tiêu Sơn (xã) 蕉山社: tg. Mân Xá, h. Yên Phong, p. Từ Sơn, t. BN 497

Tiêu Sơn Thượng (xã) 蕉山上社: tg. Mân Xá, h. Yên Phong,
p. Từ Sơn, t. BN 497

Tiêu Thiểu (thôn) 簫韶村: tg. Đồng Lỗ, h. Sơn Minh, p. Ứng Hòa, t. HN 26

Tiêu Tương (xứ) 蕭湘處: h. Kỳ Anh, đạo HT 1327

Tiêu Tương (xã) 蕭湘社: tg. Bát Bế, h. Vĩnh Lại, p. Ninh Giang, t. HD 123

Tiêu Xá (tổng) 蕭舍總: h. Gia Bình, p. Thuận Thành, t. BN 509

Tiêu Xá (xã) 蕭舍社: tg. Tiêu Xá, h. Gia Bình, p. Thuận Thành, t. BN 509

Tiêu Xá (xã) 標舍社: tg. Du La, h. Thanh Hà, p. Nam Sách, t. HD 113

Tiểu Ba (xã) 小巴社: tg. Cao Lao, h. Bố Trạch, p. Quảng Trạch, t. QB 1357

Tiểu Bàng (xã) 小旁社: tg. Đại Lộc, h. Nghi Dương, p. Kiến Thụy, t. HD 140

Tiểu Đan (xã) 小丹社: tg. Thuận Bãi, h. Bình Chính, p. Quảng Trạch, t. QB 1353

Tiểu Hoàng (xã) 小黃社: tg. Đại Hoàng, h. Chân Định,
p. Kiến Xương, t. ND 332

Tiểu Lâm (xã) 小林社: tg. Đặng Xá, h. Gia Lâm, pp. Thuận Thành, t. BN 515

Tiểu Lễ (tổng) 小禮總: h. Đa Phúc, p. Đa Phúc, t. BN 522

Tiểu Lễ (xã) 小禮社: tg. Tiểu Lễ, h. Đa Phúc, p. Đa Phúc, t. BN 522

Tiểu Liêm (xã) 小廉社: tg. Cao Đường, h. Thượng Nguyên,
p. Xuân Trường, t. ND 309

Tiểu Miện (xã) 小沔社: tg. Yên Định, h. Vị Xuyên, p. Tương An, t. TQ 874

Tiểu Phạm (xã) 小范社: tg. Động Lâm, h. Hà Hòa, p. Lâm Thao, t. ST 950

Tiểu Quan (xã) 小關社: tg. An Lịch, h. Đông Yên, p. Khoái Châu, t. HY 253

Tiểu Than (xã) 小灘社: tg. Vạn Tư, h. Gia Bình, p. Thuận Thành, t. BN 509

Tiểu Trà (tổng) 小茶總: h. Nghi Dương, p. Kiến Thụy, t. HD 141

Tiểu Trà (xã) 小茶社: tg. Tiểu Trà, h. Nghi Dương, p. Kiến Thụy, t. HD 141

Tiểu Tức Mặc (xã) 小即墨社: tg. Mỹ Trọng, h. Mỹ Lộc,
p. Xuân Trường, t. ND 307

Tiểu Ứng Hòa (thôn) 小應和村: tg. Quảng Bị, h. Chương Đức,
p. Ứng Hòa, t. HN 31

Tinh Mễ (thôn) 精米村: x. Đình Hương, tg. Cổ Định, h. Nông Cống,
p. Tĩnh Gia, t. TH 1123

Tinh Xá (xã) 精舍社: tg. Hoàng Cương, h. Thanh Ba, p. Lâm Thao, t. ST 948

Tinh Cương (xã) 晴崗社: tg. Trương Xá, h. Cẩm Khê, p. Lâm Thao, t. ST 947

Tinh Di (xã) 情怡社: tg. Hữu Bằng, h. Hương Sơn, p. Đức Thọ, t. NA 1259

Tinh Diễm (xã) 情豔社: tg. Hữu Bằng, h. Hương Sơn, p. Đức Thọ, t. NA 1259

Tinh Húc (xã) 晴旭社: tg. Bắc Lãng, ch. Vạn Ninh, p. Hải Ninh, t. QY 439

Tinh Húc (động) 晴旭峒: tg. Bắc Lãng, ch. Vạn Ninh, p. Hải Ninh, t. QY 440

Tinh Húc (xã) 晴旭社: tg. Bình Ca, h. Hàm Yên, p. An Bình, t. TQ 860

Tinh Lam (xã) 晴嵐社: tg. Bát Lạm, h. Yên Sơn, p. Quốc Oai, t. ST 920

Tinh Quang (xã) 晴光社: tg. Đặng Xá, h. Gia Lâm, pp. Thuận Thành, t. BN 515

Tĩnh (thôn) 井村: x. Yên Lãng, tg. Diên Hào, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1146

Tĩnh Lạc (xã) 井落社: tg. Từ Đồi, h. Tiên Minh, p. Nam Sách, t. HD 117

Tĩnh Ngô (xã) 井梧社: tg. Ngọc Trì, h. Lương Tài, p. Thuận Thành, t. BN 511

Tĩnh Thạch (thôn) 醒石村: tg. Nội Ngoại, h. Can Lộc, p. Đức Thọ, t. NA 1269

Tĩnh Thủy (xã) 井水村: tg. Ngọc Dương, h. Kim Thành, p. Kiến Thụy, t. HD ... 148

Tĩnh (thôn) 靜村: x. Can Trúc, tg. Ngọc Đồi, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t. TH ... 1115

Tĩnh Đà (xã) 靖沱社: tg. Suất Tĩnh, h. Thạch An, p. Hòa An, t. CB 664

Tĩnh Gia (sở) 靜嘉所: tg. Tuấn Hóa, h. Đông Sơn, p. Thiệu Hóa, t. TH 1105

Tĩnh Gia (phủ) 靜嘉府: t. TH 1112

Tĩnh Khê (phường) 靜溪坊: tg. Lê Xá, h. Gia Viễn, p. Yên Khánh, t. NB 1029

Tĩnh Lăng (xã) 靖朗社: tg. Trà Linh, h. Thạch Lâm, p. Hòa An, t. CB 659

Tĩnh Lộc (xã) 靖祿社: tg. Thiết Sơn, h. Yên Dũng, p. Lạng Giang, t. BN 534

Tĩnh Luyện (tổng) 淨練總: h. Lập Thạch, p. Vĩnh Tường, t. ST 932

Tĩnh Luyện (xã) 淨練社: tg. Tĩnh Luyện, h. Lập Thạch, p. Vĩnh Tường, t. ST 932

Tĩnh Man (xã) 靖蠻社: tg. Bát Náo, h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân, t. TH 1145

Tĩnh Oa (tổng) 靖窩總: h. Thạch Lâm, p. Hòa An, t. CB 659

Tĩnh Oa (xã) 靖窩社: tg. Tĩnh Oa, h. Thạch Lâm, p. Hòa An, t. CB 659

Tĩnh Oa (phố) 靖窩庸: tg. Tĩnh Oa, h. Thạch Lâm, p. Hòa An, t. CB 659

Tĩnh Xá (xã) 靜舍社: tg. Tì Bà, h. Lương Tài, p. Thuận Thành, t. BN 511

Tín Lương (xã) 信良社: tg. Xuân Áng, h. Hạ Hòa, p. Lâm Thao, t. ST 950

Tín Nghĩa (xã) 信義社: tg. Xuân Áng, h. Hạ Hòa, p. Lâm Thao, t. ST 950

Tín Vũ (xã) 信武社: tg. Đồng An, h. Hàm Yên, p. An Bình, t. TQ 859

Tín Yên (tổng) 信安總: h. Thượng Phúc, p. Thường Tín, t. HN 17

Tín Yên (xã) 信安社: tg. Tín Yên, h. Thượng Phúc, p. Thường Tín, t. HN 17

Tính Động (xã) 併洞社: tg. Phương Xá, h. Cẩm Khê, p. Lâm Thao, t. ST 946

Tính Linh (xã) 性靈社: tg. Cao Đường, h. Tiên Lữ, p. Tiên Hưng, t. HY 271

Tính Lý (thôn) 性理村: tg. Lâm Thịnh, h. Nam Đường, p. Anh Sơn, t. NA 1235

Tịnh Gia (xã) 淨嘉社: tg. Tú Đoàn, ch. Lộc Bình, p. Trảng Khánh, t. LS 621

Tịnh Sinh (xã) 並生社: tg. Linh Xuyên, h. Sơn Dương, p. Đoàn Hùng, t. ST .. 959

Tịnh Sóc (xã) 淨朔社: tg. Bình Gia, h. Văn Quan, p. Trảng Định, t. LS 605

Tịnh Xá (thôn) 淨舍村: x. Bô Vệ, tg. Bô Đức, h. Đông Sơn,
p. Thiệu Hóa, t. TH 1104

Tịnh Xuyên (tràng) 淨川庄: tg. Thượng Hộ, h. Thư Trì, p. Kiến Xương, t. ND 333

Tịnh Xuyên (xã) 淨川社: tg. Thượng Hộ, h. Thư Trì, p. Kiến Xương, t. ND 333

Toái Khê (xã) 淬溪社: tg. Hương Ngải, h. Thanh Liêm, p. Lý Nhân, t. HN 40

Toại An (tổng) 遂安總: h. Từ Kỳ, p. Ninh Giang, t. HD 134

Toại An (xã) 遂安社: tg. Toại An, h. Từ Kỳ, p. Ninh Giang, t. HD 134

Toản Thanh (xã) 攢青社: tg. Xuân Áng, h. Phụng Nhãn,
p. Lạng Giang, t. BN 530

Tông Chất (xã) 從質社: tg. Thuận Hoà, h. Bình Chính,
p. Quảng Trạch, t. QB 1353

Tông Chính (xã) 從正社: tg. Đồng Bại, h. Tống Sơn, p. Hà Trung, t. TH ... 1082

Tông Chính (tổng) 從正總: ch. Lương Chánh, p. Thọ Xuân, t. TH 1150

Tông Chu (xã) 從周社: tg. Cam Thủy, h. Văn Quan, p. Trảng Định, t. LS 605

Tông Cử (thôn) 從矩村: tg. Hạ Cổ, h. Ân Thi, p. Khoái Châu, t. HY 256

Tông Hóa (phủ) 從化府: t. TN 805

Tông Hóa (xã) 從化社: tg. Phú Xá, h. Thanh Miện, p. Bình Giang, t. HD 95

Tông Lệnh (xã) 從令社: tg. Mỹ Nương, h. Lục Ngạn, p. Lạng Giang, t. BN ... 536

Tông Lệnh (xã) 從令社: tg. Phương Linh, h. Cẩm Hóa, p. Thông Hóa, t. TN 816

Tông Lệnh (xã) 從令社: tg. Lâm Trường Thượng, ch. Lục Yên,
p. An Bình, t. TQ 868

Tông Lệnh (xã) 從令社: tg. Uy Mạnh, h. Văn Quan, p. Trảng Định, t. LS 605

Tông Luật (xã) 從律社: tg. Minh Lương, h. Minh Linh, đạo QT 1390

Tông Lý (thôn) 從理村: tg. Thuận Hoà, h. Bình Chính,
p. Quảng Trạch, t. QB 1353

Tông Thiện (thôn) 從善村: x. Vạn Thiện, tg. Vạn Thiện, h. Nông Cống,
p. Tĩnh Gia, t. TH 1125

Tô Đà (xã) 蘇陀社: tg. Lương Văn, h. Hương Thủy, p. TT 1422

Tô Đề (xã) 蘇堤社: tg. Tô Xuyên, h. Phụ Dục, pp. Thái Bình, t. ND 346

Tô Hải (xã) 蘇海社: tg. Tô Xuyên, h. Phụ Dục, pp. Thái Bình, t. ND 346

Tô Hồ (xã) 蘇湖社: tg.Tô Xuyên,h.Phụ Dục,pp.Thái Bình,t.NĐ 346	Trà Lâm (xã) 茶林社: tg.Khương Tự,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN 506
Tô Khê (xã) 蘇溪社: tg.Kim Sơn,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN 515	Trà Lâm (xã) 茶林社: tg.Tiền Cầu,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 259
Tô Mậu (xã) 蘇茂社: tg.Trúc Lâu,ch.Lục Yên,p.An Bình,t.TQ 867	Trà Linh (xã) 茶靈社: tg.Hạ Động,h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 339
Tô Trà (xã) 蘇茶社: tg.Trúc Lâu,ch.Lục Yên,p.An Bình,t.TQ 867	Trà Lĩnh (tổng) 茶嶺總: h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659
Tô Trang (xã) 蘇莊社: tg.Tô Xuyên,h.Phụ Dục,pp.Thái Bình,t.NĐ 346	Trà Lĩnh (xã) 茶嶺社: tg.Trà Lĩnh,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659
Tô Xá (xã) 蘇舍社: tg.Lũ Đàng,h.Bình Chính,p.Quảng Trạch,t.QB 1353	Trà Lĩnh (phố) 茶嶺庸: tg.Trà Lĩnh,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659
Tô Xuyên (tổng) 蘇川總: h.Phụ Dục,pp.Thái Bình,t.NĐ 346	Trà Lộc (xã) 茶祿社: tg.An Thái,h.Hải Lăng,đạo QT 1385
Tô Xuyên (xã) 蘇川社: tg.Tô Xuyên,h.Phụ Dục,pp.Thái Bình,t.NĐ 346	Trà Lũ (tổng) 茶縷總: h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304
Tổ Cầu (xã) 祖球社: tg.Hào Kiệt,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319	Trà Lũ (xã) 茶縷社: tg.Trà Lũ,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304
Tổ Hỏa (thôn) 祖火村: x.Tử Dương,tg.Tử Dương,h.Đồng Yên, p.Khoái Châu,t.HY 252	Trà Lũ (ấp) 茶縷邑: tg.Lạc Thiện,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 305
Tổ (thôn) 塑村: x.Thạch Phương,tg.Thủ Hộ,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1120	Trà Lý (xã) 茶里社: tg.Đại Hoàng,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 332
Tổ Phác (xã) 素樸社: tg.Đồng Lý,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1110	Trà Mỹ (thôn) 茶美村: x.Hoàng La,tg.Lỗ Hương,h.Mỹ Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1093
Tổ Tịch (thôn) 素席村: tg.Thuận Mỹ,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 11	Trà Nham (xã) 茶岩社: tg.Hữu Thu,ch.Thoát Lãng,p.Tràng Định,t.LS 607
Tôn Đạo (ấp) 尊道邑: tg.Quy Hậu,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1033	Trà Sơn (xã) 茶山社: tg.Vận Quy,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1105
Tôn Lộc (thôn) 尊祿村: tg.Cao Mật,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144	Trà Sơn (xã) 茶山社: tg.Trà Lĩnh,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659
Tổn Thành (ấp) 存誠邑: tg.Hoàng Thu,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304	Trà Sơn (thôn) 茶山村: x.Trúc Sơn,tg.Đường Chân,h.Thủy Đường, p.Kinh Môn,t.HD 162
Tổng Công (thôn) 宋公村: x.Châu Xuyên,tg.Văn Xá,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1124	Trà Thượng (xã) 茶上社: tg.Đạm Thượng,h.Hạ Hòa,p.Lâm Thao,t.ST ... 950
Tổng Khê (xã) 宋溪社: tg.Trực Nội,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 340	Trà Thượng (thôn) 茶上村: x.Hoàng La,tg.Lỗ Hương,h.Mỹ Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1093
Tổng Ngọc (thôn) 宋玉村: x.Thống Trại,tg.Chi Nê,h.Hậu Lộc, p.Hà Trung,t.TH 1096	Trà Thượng (thôn) 茶上村: x.Trà Sơn,tg.Vận Quy,h.Đồng Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1105
Tổng Nhì (xã) 宋兒社: tg.Trực Nội,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 340	Trà Tiến (xã) 茶進社: tg.Hàn Nam,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 117
Tổng Sơn (huyện) 宋山縣: p.Hà Trung,t.TH 1082	Trà Trì (xã) 茶池社: tg.An Thái,h.Hải Lăng,đạo QT 1385
Tổng Súc (tổng) 宋畜總: h.Hung Nhân,p.Tiên Hưng,t.HY 267	Trà Tu (xã) 茶須社: tg.Đàm Khánh,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025
Tổng Súc (xã) 宋畜社: tg.Tổng Súc,h.Hung Nhân,p.Tiên Hưng,t.HY 267	Trà Tự (xã) 茶漱社: tg.Đồng Thủy,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45
Tổng Vũ (xã) 宋武社: tg.Hội Khê,h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ 329	Trà Vi (xã) 茶微社: tg.Lịch Bài,h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ 329
Tổng Xá (xã) 宋舍社: tg.An Hộ,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106	Trác (thôn) 卓村: x.Giang Biều,tg.Bình Bút,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1131
Tổng Xá (xã) 宋舍社: tg.Hà Trường,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD 157	Trác Bút (xã) 卓筆社: tg.Nội Trà,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497
Tổng Xá (xã) 宋舍社: tg.Viên Quang,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY 255	Trác Bút (tổng) 卓筆總: h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45
Tổng Xá (xã) 宋舍社: tg.Từ Vinh,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316	Trác Bút (xã) 卓筆社: tg.Trác Bút,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45
Tổng Xá Hạ (xã) 宋舍下社: tg.Yên Lưu,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD .. 157	Trác Châu (tổng) 卓洲總: h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 111
Tốt Động (xã) 峯洞社: tg.Mỹ Lương,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 925	Trác Châu (xã) 卓洲社: tg.Trác Châu,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD .. 111
Tra (thôn) 查村: x.Ngọc Hoạch,tg.Mật Vật,h.Thụy Nguyên, p.Thiệu Hóa,t.TH 1101	Trác Dương (xã) 琢陽社: tg.Đặng Xá,h.Hung Nhân,p.Tiên Hưng,t.HY ... 268
Trà Bồ (xã) 茶蒲社: tg.Ba Đông,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY 255	Trạc Linh (xã) 濯靈社: tg.Phú Xuân,h.Hương Trà,p.TT 1418
Trà Bôi (xã) 茶盃社: tg.Yên Định,h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343	Trạc Nhật (tổng) 濯日總: h.Thạch Thành,p.Quảng Hóa,t.TH 1135
Trà Châu (xã) 茶洲社: tg.Mai Cầu,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40	Trạc Nhiệt (xã) 濯熱社: tg.Mộ Đạo,h.Quế Dương,p.Từ Sơn,t.BN 500
Trà Cổ (xã) 茶古社: tg.Ninh Hải,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 427	Trạc Thanh (thôn) 濯清村: tg.Đô Lương,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1235
Trà Dương (xã) 茶陽社: tg.Võng Phan,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY 256	Trạch Bái (xã) 澤沛社: tg.Trầm Lộng,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26
Trà Đình (xã) 茶嶺社: tg.Lê Xá,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029	Trạch Lâm (xã) 澤林社: tg.Trung Bạ,h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1083
Trà Đông (thôn) 茶東村: x.Trà Sơn,tg.Vận Quy,h.Đồng Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1105	Trạch Lâm (phường) 澤林坊: Thủy Cự,t.TH 1156
Trà Đông (xã) 茶東社: tg.Kỳ Vi,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 116	Trạch Lộ (xã) 澤路社: tg.Hà Lộ,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134
Trà Động (xã) 茶洞社: tg.Vô Ngại,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333	Trạch Lôi (xã) 澤雷社: tg.Tường Phiêu,h.Thạch Thất,p.Quốc Oai,t.ST .. 923
Trà Hạ (xã) 茶下社: tg.Đạm Thượng,h.Hạ Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950	Trạch Mi (xã) 澤湄社: tg.Thanh Mai,h.Tiên Phong,p.Quảng Oai,t.ST 909
Trà Hải (xã) 茶海社: tg.Kiên Lao,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304	Trạch Mi Trù (xã) 澤湄廚社: tg.Thanh Mai,h.Tiên Phong, p.Quảng Oai,t.ST 909
Trà Hồi (xã) 茶回社: tg.Yên Định,h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343	Trạch Phố (xã) 澤浦社: tg.Phù Trạch,h.Phong Điền,p.TT 1428
Trà Hương (xã) 茶香社: tg.An Đôn,h.Đàng Xương,đạo QT 1384	Trạch Xá (xã) 澤舍社: tg.Trầm Lộng,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26
Trà Hương (tổng) 茶香總: h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 140	Trạch Xá (thôn) 澤舍村: tg.Tuyển Cừ,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 92
Trà Hương (xã) 茶香社: tg.Trà Hương,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD . 140	Trại (thôn) 齋村: x.Phù Sa,tg.Vân Trại,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1116
Trà Hương (xã) 茶香社: tg.Ấn Thi,h.Ấn Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256	Trại (thôn) 齋村: x.Thượng Cốc,tg.Thượng Cốc,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1145
Trà Hương (xã) 茶香社: tg.Cao Mại,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 331	Trại Túc (xã) 齋肅社: tg.Nghĩa Trại,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN 515
Trà Khê (trại) 茶溪寨: tg.Kê Kiều,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333	Trại (thôn) 寨村: x.Bái Trại,tg.Trịnh Xá,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109
Trà Khê (xã) 茶溪社: tg.Trà Lũ,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304	Trại Hà (xã) 寨河社: tg.Cự Lũ,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1139
Trà Lai (xã) 茶萊社: tg.Thanh Quyết,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029	Trại Kênh (xã) 寨涇社: tg.Đường Chân,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162

Trại Sơn (xã) 寨山社: tg.Lăng Lăng,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124

Trại Sơn (xã) 寨山社: tg.Dương Nham,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD 158

Trạm Bạc (xã) 湛泊社: tg.Văn Cù,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151

Trạm Du (xã) 湛油社: tg.Yên Trang,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN ... 512

Trạm Điển (tổng) 湛田總: h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537

Trạm Điển (xã) 湛田社: tg.Trạm Điển,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN ... 537

Trạm Khê (xã) 湛溪社: tg.Vũ Điện,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45

Trạm Lộ (xã) 湛露社: tg.Yên Định,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124

Trạm Lộ (xã) 湛露社: tg.Tam Á,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN 506

Trạm Lộ (xã) 湛露社: tg.Vĩnh Đại,h.Đông Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165

Trạm Nội (xã) 湛内社: tg.Bằng Quân,h.Cầm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 97

Trang Lâu (thôn) 粧樓村: tg.Phúc Lâm,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12

Trang Liệt (xã) 莊烈社: tg.Văn Xá,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

Trang Liệt (xã) 莊烈社: tg.Phù Lưu,h.Đông Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 491

Trang Nghiêm Hạ (xã) 莊嚴下社: Trang Nghiêm,tg.Đổng Đội,
h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319

Trang Nghiêm Thượng (xã) 莊嚴上社: Trang Nghiêm,tg.Đổng Đội,
h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319

Trang Ôn (xã) 莊溫社: tg.Nghĩa Hương,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN 794

Trang Quan (xã) 莊觀社: tg.An Dương,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD ... 151

Trang Trì (xã) 莊持社: tg.Trung Môn,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 859

Trang Túc (xã) 莊肅社: tg.Thượng Kỳ,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316

Trang Việt (xã) 莊越社: tg.Đa Lộc,h.Yên Lăng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938

Trang Vĩnh (xã) 莊詠社: tg.Tòng Chính,ch.Lương Chánh,
p.Thọ Xuân,t.TH 1150

Trang Vũ (xã) 莊武社: tg.Đổng Than,h.Văn Giang,
pp.Thuận Thành,t.BN 517

Trang Xuân (xã) 莊椿社: tg.Lý Trai,h.Đông Thành,p.Diễn Châu,t.NA .. 1249

Tranh Chủr (xã) 琿渚社: tg.Bất Bế,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 123

Tranh Khúc (xã) 琿琿社: tg.Nam Phú Liệt,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 19

Tranh Nguyên (xã) 琿源社: tg.An Bồ,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126

Tranh Xuyên (xã) 琿川社: tg.Bất Bế,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 123

Tràng Định (phủ) 長定府: t.LS 598

Tràng Kênh (xã) 長湑社: tg.Dương Động,h.Thủy Đường,
p.Kinh Môn,t.HD 162

Tràng Khánh (phủ) 長慶府: t.LS 613

Tràng Lang (xã) 長廊社: tg.Yên Định,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109

Tràng Phái (xã) 長派社: tg.Tràng Quế,ch.Ôn,p.Tràng Khánh,t.LS 617

Tràng Quế (tổng) 長桂總: ch.Ôn,p.Tràng Khánh,t.LS 617

Tràng Quế (xã) 長桂社: tg.Tràng Quế,ch.Ôn,p.Tràng Khánh,t.LS 617

Tràng Xá (xã) 撞舍社: tg.Chàng Xá,h.Vũ Nhai,p.Phú Bình,t.TN 803

Tráng Biên (xã) 狀邊社: tg.Trà Lĩnh,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659

Tráng Liệt (xã) 壯烈社: tg.Thị Tranh,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 92

Tráng Liệt (thôn) 壯烈村: x.Cổ Miệt,tg.Hương Đại,h.Thanh Hà,
p.Nam Sách,t.HD 113

Tráng Lực (xã) 壯力社: tg.Khuông Phù,h.Quảng Điện,p.TT 1427

Tráng Tiệp (ấp) 壯捷邑: tg.Vũ Xá,h.Phong Lộc,p.Quảng Ninh,t.QB 1345

Trạng Sơn (thôn) 狀山村: x.Bùi Xá,tg.Trung Bạ,h.Tống Sơn,
p.Hà Trung,t.TH 1083

Trạng Vĩnh (tổng) 狀永總: h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316

Trạng Vĩnh (xã) 狀永社: tg.Trạng Vĩnh,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316

Trào (thôn) 嘲村: x.Văn Trinh,tg.Văn Trinh,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH . 1114

Trảo Nha (xã) 爪牙社: tg.Đoài,h.Thạch Hà,đạo HT 1321

Trạo (thôn) 掉村: tg.Văn Huệ,h.Ấn Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256

Trạo Hà (xã) 掉河社: tg.Mê Sơn,h.Đông Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165

Trạo Nhi (xã) 掉兒社: tg.Bạch Đằng,h.Hạ Lang,p.Trùng Khánh,t.CB 677

Trạp Khê (xã) 霑溪社: tg.Hà Bắc,h.Yên Hưng,p.Sơn Định,t.QY 411

Trát Cầu (thôn) 札楮村: tg.Thượng Cung,h.Thượng Phúc,
p.Thường Tín,t.HN 16

Trần Tranh (xã) 蓁琿社: tg.Ba Đông,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY 255

Trần Khê (xã) 簪溪社: tg.Tuyên Cừ,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 92

Trần Lý (xã) 簪履社: tg.An Thái,h.Hải Lăng,đạo QT 1385

Trần Nhĩ (tổng) 簪珥總: h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957

Trần Nhĩ (xã) 簪珥社: tg.Trần Nhĩ,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957

Trần Nhĩ (thôn) 簪珥村: tg.Hạ Cổ,h.Ấn Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256

Trầm Hương (thôn) 沉香村: x.Cổ Đàm,tg.Phú Khê,h.Y Yên,
pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 323

Trầm Lộng (tổng) 沉弄總: h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26

Trầm Lộng (xã) 沉弄社: tg.Trầm Lộng,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26

Trần Độ (xã) 珍第社: tg.Nghĩa Quân,h.Tây Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 954

Trần Kỳ (xã) 珍琦社: tg.Trương Kỳ,h.Cầm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 97

Trần Quả (thôn) 珍果村: x.Nguyệt Áng,tg.Kiên Thạch,h.Lôi Dương,
p.Thọ Xuân,t.TH 1144

Trần Quả (xã) 珍果社: tg.Hóa Nhân,ch.Văn Uyên,p.Tràng Định,t.LS 611

Trần Táo (xã) 珍棗社: tg.Kim Sơn,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN 515

Trần Vĩ (xã) 珍瑋社: tg.Vĩnh Lại,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944

Trần (thôn) 陳村: x.Ngo Xá,tg.Ngo Xá,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1130

Trần Thương (xã) 陳倉社: tg.Thổ Ốc,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45

Trần Xá (xã) 陳舍社: tg.Trung Quán,h.Phong Lộc,p.Quảng Ninh,t.QB .. 1345

Trần Xá (thôn) 陳舍村: x.Đông Loan,tg.Tuân La,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1116

Trần Xá (xã) 陳舍社: tg.Thái Lai,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1121

Trần Xá (xã) 陳舍社: tg.Dũng Liệt,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497

Trần Xá (tổng) 陳舍總: h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 44

Trần Xá (xã) 陳舍社: tg.Trần Xá,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 44

Trần Xá (xã) 陳舍社: tg.Cao Đài,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106

Trần Xá (xã) 陳舍社: tg.Ba Đông,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY 255

Trần Xá (xã) 陳舍社: tg.Thượng Bái,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267

Trấn Man (xã) 鎮蠻社: tg.Yên Trường,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1101

Trấn Yên (xã) 鎮安社: tg.Hội Thượng,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST . 934

Trấn Yên (xã) 鎮安社: tg.Bác Sơn,h.Vũ Nhai,p.Phú Bình,t.TN 803

Trấn Yên (huyện) 鎮安縣: p.Quỳ Hóa,t.HH 726

Trâu Khê (xã) 鄒溪社: tg.Hạ Quan,h.Cầm Hóa,p.Thông Hóa,t.TN 816

Trâu Khê (xã) 鄒溪社: tg.Thị Tranh,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 92

Trâu Lỗ (xã) 鄒魯社: tg.Mai Đình,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522

Trâu Xá (xã) 鄒舍社: tg.Phù Đàm,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38

Tri Bản (xã) 知本社: tg.Chu Lễ,h.Hương Khê,p.Đức Thọ,t.NA 1261

Tri Chỉ (trại) 知止寨: tg.Tân Bối,h.Tiến Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335

Tri Chỉ (xã) 知止社: tg.Vạn Xuân,h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343

Tri Chỉ (xã) 知止社: tg.Cự Lâm,h.Nghĩa Đường,p.Quỳ Châu,t.NA 1275

Tri Chỉ (xã) 知止社: tg.Hóa Mỹ,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 21

Tri Giới (xã) 知戒社: tg.Quân Nhân,ch.Thường Xuân,p.Thọ Xuân,t.TH . 1147

Tri Hối (tổng) 知誨總: h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029

Tri Hối (xã) 知誨社: tg.Tri Hối,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029

Tri Lai (xã) 知來社: tg.Vật Lại,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST 911

Tri Lai (xã) 知來社: tg.Đại Hoàng,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144

Tri Lai (tổng) 知來總: h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ 329

Tri Lai (xã) 知來社: tg.Tri Lai,h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ 329

Tri Lễ (thôn) 知禮村: tg.Đặng Sơn,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1235

Tri Lễ (xã) 知禮社: tg.Cự Lâm,h.Nghĩa Đường,p.Quỳ Châu,t.NA 1275

Tri Lễ (xã) 知禮社: tg.Đổng Lạc,h.Thúy Văn,p.Quỳ Châu,t.NA 1276

Tri Lễ (thôn) 知禮村: x.Hưng Lễ,tg.Cung Thượng,h.Quảng Xương,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1120

Tri Lễ (thôn) 知禮村: x.Ứng Lễ,tg.Ước Lễ,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 29

Tri Lễ (xã) 知禮社: tg.Ước Lễ,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 29

Tri Lễ (thôn) 知禮村: tg.Điều Hộ,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40

Tri Lễ (xã) 知禮社: tg.Huân Phong,h.Văn Quan,p.Tràng Định,t.LS 605

Tri Lễ (xã) 知禮社: tg.Xuân Vũ,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 331

Tri Nang (xã) 知蘘社: tg.Thiện Thổ,ch.Lương Chánh,p.Thọ Xuân,t.TH 1150

Tri Nhị (tổng) 知二總: h.Quế Dương,p.Từ Sơn,t.BN 500

Tri Nhị (xã) 知二社: tg.Tri Nhị,h.Quế Dương,p.Từ Sơn,t.BN 500

Tri Yêu (xã) 知要社: tg.Điều Yêu,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151

Tri Chính (ấp) 持正邑: tg.Tự Tân,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1033

Tri Động (thôn) 池洞村: tg.Thanh Quyết,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029

Tri Hào (xã) 池清社: tg.Hán Nam,h.Tiền Minh,p.Nam Sách,t.HD 117

Tri Long (xã) 池龍社: tg.Đạo Tú,h.Tam Dương,p.Vinh Tường,t.ST 934

Tri Trọng (xã) 持重社: tg.Dương Thủy,h.Mỹ Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1094

Trí An (xã) 致安社: tg.Cổ Nông,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 311

Trí Chủ (xã) 致主社: tg.Hoàng Cương,h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948

Trí Giả (xã) 智者社: tg.Kim Lôi,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165

Trí Phú (xã) 致富社: tg.Kê Thượng,h.Bất Bạt,p.Quảng Oai,t.ST 915

Trí Thủy (xã) 智水社: tg.Kim Nguyên,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246

Trí Thủy (xã) 智水社: tg.Phương Hương,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST ... 926

Trí Thủy (thôn) 智水村: x.Vĩnh Lộc,tg.Thanh Xá,h.Vĩnh Lộc,
p.Quảng Hóa,t.TH 1130

Trí Thủy (xã) 智水社: tg.Yên Lũng,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 860

Trí Xuyên (tổng) 智川總: h.Hoành Bồ,p.Sơn Định,t.QY 405

Trí Xuyên (xã) 智川社: tg.Trí Xuyên,h.Hoành Bồ,p.Sơn Định,t.QY 405

Trí Yên (tổng) 置安總: h.Phượng Nhãn,p.Lạng Giang,t.BN 530

Trí Yên (xã) 置安社: tg.Trí Yên,h.Phượng Nhãn,p.Lạng Giang,t.BN 530

Trị An (xã) 治安社: tg.Thịnh Liệt,h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN 531

Trị An (thôn) 治安村: x.Lạc Phố,tg.Đỗ Xá,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259

Trị Cự (xã) 治具社: tg.Vân Cầu,h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN 540

Trị Cự (xã) 治具社: tg.Đồng Yên,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086

Trị Nội (xã) 治内社: tg.Cao Vinh,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1087

Trị Nội (xã) 治内社: tg.Lai Triều,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124

Trị Thổ (xã) 治土社: tg.Thiện Thổ,ch.Lương Chánh,p.Thọ Xuân,t.TH ... 1150

Trích Sài (phường) 摘菜坊: tg.Trung,h.Vĩnh Thuận,p.Hoài Đức,t.HN 13

Trầm Ân (xã) 霑恩社: tg.Đặng Xá,h.Hưng Nhân,p.Tiên Hưng,t.HY 268

Trầm Hoá (ấp) 霑化邑: tg.Vô Hốt,h.Yên Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1042

Trầm Trạch (xã) 霑澤社: tg.Tuân Lệ,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 491

Triết Pha Hạ (xã) 浙陂下社: tg.Lương Văn,h.Hương Thủy,p.TT 1423

Triều Dương (thôn) 朝陽村: tg.Bạch Hà,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1234

Triều Dương (xã) 朝陽社: tg.Bảo Nang,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN 795

Triều (thôn) 朝村: x.Bái Trạch,tg.Hiệu Vũ,h.Hưng Nhân,p.Tiên Hưng,t.HY 268

Triều Châu (bang) 潮洲幫: t.TH 1156

Triều Công (thôn) 朝公村: x.Thủ Hộ,tg.Thủ Hộ,h.Quảng Xương,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1120

Triều Dương (xã) 朝陽社: tg.Nhà Lộng,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN 794

Triều Dương (xã) 朝陽社: tg.Cung Thượng,h.Quảng Xương,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1120

Triều Dương (xã) 潮陽社: tg.My Động,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95

Triều Dương (xã) 朝陽社: tg.Hải Yến,h.Tiền Lữ,p.Tiên Hưng,t.HY 271

Triều Đông (thôn) 朝東村: x.Bùi Xá,tg.Yên Hồ,h.La Sơn,
p.Đức Thọ,t.NA 1255

Triều Đông (xã) 潮東社: tg.Tường Phiêu,h.Thạch Thát,p.Quốc Oai,t.ST 923

Triều Đông (xã) 潮東社: tg.Đồng Mật,h.Lập Thạch,p.Vinh Tường,t.ST .. 932

Triều Đông (tổng) 潮東總: h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN 16

Triều Đông (xã) 潮東社: tg.Triều Đông,h.Thượng Phúc,
p.Thường Tín,t.HN 16

Triều Đông (xã) 潮東社: tg.Phú Khê,h.Tiền Minh,p.Nam Sách,t.HD 116

Triều Hồi (xã) 潮回社: tg.Đại Bối,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26

Triều Khẩu (xã) 潮口社: tg.Văn Viên,h.Hưng Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA 1242

Triều Khê (thôn) 潮溪村: tg.Đại Bối,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26

Triều Khúc (xã) 潮曲社: tg.Thượng Thanh Oai,h.Thanh Oai,
p.Ứng Hòa,t.HN 28

Triều Sơn (thôn) 朝山村: tg.Vĩnh Luật,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1270

Triều Sơn (xã) 朝山社: tg.Hương Cẩn,h.Hương Trà,p.TT 1419

Triều Sơn (xã) 朝山社: tg.Vĩnh Trị,h.Hương Trà,p.TT 1419

Triều Thủy (xã) 潮水社: tg.Quảng Xuyên,h.Phú Vang,p.TT 1420

Triều Thượng (thôn) 朝上村: h.Cẩm Xuyên,đạo HT 1324

Triều Vũ (xã) 朝舞社: tg.Gia Bàng,h.Nguyên Bình,p.Hóa An,t.CB 668

Triệu Nội (xã) 趙内社: tg.Phù Nội,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95

Triệu Xá (xã) 趙舍社: tg.Sơn Bình,h.Lập Thạch,p.Vinh Tường,t.ST 932

Triệu Xá (xã) 趙舍社: tg.Thanh Khê,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1105

Triệu Xá (xã) 趙舍社: tg.Mễ Trường,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40

Triệu Xá Tiền (xã) 趙舍前社: tg.Thanh Khê,h.Đồng Sơn,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1105

Triệu Xuyên (xã) 肇川社: tg.Phù Long,h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST ... 913

Trinh (phố) 貞庸: tg.Cổ Linh,ch.Chiêm Hoá,p.Tương An,t.TQ 877

Trinh Cát (ấp) 貞吉邑: tg.Tân Phong,h.Tiền Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335

Trinh Hà (xã) 禎河社: tg.Dương Sơn,h.Mỹ Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1093

Trinh Hưởng (xã) 禎享社: tg.Trịnh Xá,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 161

Trinh Khiết (thôn) 貞潔村: x.Trường Lộc,tg.Cổ Định,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1123

Trinh Lương (xã) 貞良社: tg.Thắng Lãm,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN ... 28

Trinh Nga (xã) 貞峨社: tg.Dương Sơn,h.Mỹ Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1093

Trinh Nguyên (thôn) 貞元村: x.Ngọc Hoạch,tg.Mật Vật,h.Thụy Nguyên,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1101

Trinh Nữ (xã) 貞女社: tg.Bạch Liên,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025

Trinh Nữ (xã) 貞女社: tg.Lôi Khê,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 93

Trinh Nữ (tg) 貞女總: ch.Lộc Bình,p.Tràng Khánh,t.LS 621

Trinh Nữ (trang) 貞女庄: tg.Trinh Nữ,ch.Lộc Bình,p.Tràng Khánh,t.LS 621

Trinh Phú (xã) 貞富社: tg.Liên Đăng,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029

Trinh Phú (xã) 貞富社: tg.Phá Lãng,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN .. 511

Trinh Sơn (xã) 禎山社: tg.Lỗ Hương,h.Mỹ Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1093

Trinh Thạch (phường) 貞石坊: tg.An Thái,h.Hải Lăng,đạo QT 1385

Trinh Tiết (tổng) 貞節總: h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN 34

Trinh Tiết (xã) 貞節社: tg.Trinh Tiết,h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN 34

Trinh Tường (tổng) 禎祥總: h.Vĩnh Tuy,p.An Bình,t.TQ 865

Trinh Tường (xã) 禎祥社: tg.Trinh Tường,h.Vĩnh Tuy,p.An Bình,t.TQ 865

Trinh Xá Tây Ngoại (thôn) 貞舍西外村: x.Văn Trinh,tg.Văn Trinh,
h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1114

Trinh Ban (xã) 呈班社: tg.Trinh Cát,ch.Mai Sơn,p.Gia Hưng,t.HH 715

Trinh Cát (tổng) 呈吉總: ch.Mai Sơn,p.Gia Hưng,t.HH 715

Trinh Cát (xã) 呈吉社: tg.Trinh Cát,ch.Mai Sơn,p.Gia Hưng,t.HH 715

Trinh Cố (huyện) 呈固縣: t.TH 1152

Trinh Cố (tổng) 呈固總: h.Trinh Cố,t.TH 1152

Trinh Cố (mường) 呈固𠀤: tg.Trinh Cố,h.Trinh Cố,t.TH 1152

Trinh Hằng (mường) 呈恒𠀤: tg.Trinh Cố,h.Trinh Cố,t.TH 1152

Trinh Khê (xã) 程溪社: tg.Phá Lãng,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN .. 511

Trinh Khúc (xã) 程曲社: tg.Trương Xá,h.Cẩm Khê,p.Lâm Thao,t.ST 947

Trinh La (xã) 程羅社: ch.Sơn La,p.Gia Hưng,t.HH 714

Trinh Lang (xã) 呈琅社: tg.Lang Quán,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 859

Trinh Mạn (bản) 呈饒本: h.Mạn Duyệt,t.TH 1154

Trinh Phiên (xã) 呈蕃社: tg.Trinh Cát,ch.Mai Sơn,p.Gia Hưng,t.HH 715

Trinh Phố (xã) 程浦社: tg.An Bối,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 331

Trinh Phú (tổng) 呈甫總: h.Trinh Cố,t.TH 1152

Trình Phủ (<i>mường</i>) 呈甫堡: tg.Trình Phủ,h.Trình Cốt,t.TH 1152	Trúc Giản (<i>xã</i>) 竹簡社: tg.Hoàng Tranh,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY ... 255
Trình Sáo (<i>bản</i>) 呈套本: h.Man Duy,t.TH 1154	Trúc Hạp (<i>xã</i>) 竹洽社: tg.Bắc Tạ,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126
Trình Thụy (<i>xã</i>) 呈瑞社: tg.Trình Cát,ch.Mai Sơn,p.Gia Hưng,t.HH 715	Trúc Khê (<i>xã</i>) 竹涇社: tg.An Lạc,h.Thành Hoá,đạo QT 1393
Trình Tường (<i>xã</i>) 呈祥社: tg.Lạc Sơn,ch.Thủy Vi,p.Quy Hóa,t.HH 732	Trúc Khê (<i>xã</i>) 竹溪社: tg.An Lạc,h.Thành Hoá,đạo QT 1393
Trình Uyên (<i>xã</i>) 程淵社: tg.Xích Bích,h.Thần Khê,p.Tiên Hưng,t.HY 265	Trúc Khê (<i>thôn</i>) 竹溪村: tg.Lạc Nghiệp,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 111
Trình Viên (<i>xã</i>) 程園社: tg.Phượng Dục,h.Thượng Phúc, p.Thường Tín,t.HN 17	Trúc Lâm (<i>xã</i>) 竹林社: tg.Phương Điền,h.Hương Khê,p.Đức Thọ,t.NA . 1261
Trình Xá (<i>xã</i>) 程舍社: tg.Vĩnh Lại,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944	Trúc Lâm (<i>xã</i>) 竹林社: tg.An Xá,h.Do Linh,đạo QT 1391
Trình Xá (<i>xã</i>) 程舍社: tg.Đại Từ,h.Văn Giang,pp.Thuận Thành,t.BN 517	Trúc Lâm (<i>xã</i>) 竹林社: tg.An Ninh,h.Hương Trà,p.TT 1418
Trình Xuyên (<i>tổng</i>) 程川總: h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319	Trúc Lâm (<i>xã</i>) 竹林社: tg.Phan Xá,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134
Trình Xuyên (<i>xã</i>) 程川社: tg.Trình Xuyên,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319	Trúc Lâu (<i>tổng</i>) 竹樓總: ch.Lục Yên,p.An Bình,t.TQ 867
Trịnh Bắc (<i>xã</i>) 鄭北社: ch.Thuận,p.Điện Biên,t.HH 744	Trúc Lâu (<i>xã</i>) 竹樓社: tg.Trúc Lâu,ch.Lục Yên,p.An Bình,t.TQ 867
Trịnh Điện (<i>xã</i>) 鄭甸社: tg.Đa Lộc,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109	Trúc Ổ (<i>xã</i>) 竹塢社: tg.Mộ Đạo,h.Quế Dương,p.Từ Sơn,t.BN 500
Trịnh Điện (<i>xã</i>) 鄭甸社: tg.Hữu Thủy,ch.Quan Hóa,p.Quảng Hóa,t.TH 1137	Trúc Phê (<i>xã</i>) 竹批社: tg.Thượng Nông,h.Tam Nông,p.Gia Hưng,t.HH ... 709
Trịnh Lộc (<i>xã</i>) 鄭祿社: tg.Đan Nê,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109	Trúc Sơn (<i>xã</i>) 竹山社: tg.Dương Chân,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD . 162
Trịnh Na (<i>xã</i>) 鄭那社: tg.Bình Chuẩn,h.Hội Nguyên, p.Tương Dương,t.NA 1273	Trúc Sơn (<i>thôn</i>) 竹山村: tg.Dương Chân,h.Thủy Đường, p.Kinh Môn,t.HD 162
Trịnh Nho (<i>xã</i>) 鄭儒社: tg.Sách Lâm,ch.Yên,p.Gia Hưng,t.HH 722	Trúc Võng (<i>phường</i>) 竹網坊: tg.Phú Hậu,h.Quỳnh Lưu, p.Diễn Châu,t.NA 1253
Trịnh Trang (<i>xã</i>) 鄭莊社: tg.Tiên Yên,h.Vinh Tuy,p.An Bình,t.TQ 865	Trúc Võng (<i>phường</i>) 竹網坊: tg.Vạn Yên,h.Hoàn Bồ,p.Sơn Định,t.QY . 402
Trịnh Vạn (<i>tổng</i>) 鄭萬總: ch.Thường Xuân,p.Thọ Xuân,t.TH 1147	Trung (<i>giáp</i>) 中甲: x.Bích La,tg.Bích La,h.Đăng Xương,đạo QT 1383
Trịnh Vạn (<i>xã</i>) 鄭萬社: tg.Trịnh Vạn,ch.Thường Xuân, p.Thọ Xuân,t.TH 1147	Trung (<i>thôn</i>) 中村: x.Cổ Bài,tg.Hải Quật,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH ... 1110
Trịnh Xá (<i>tổng</i>) 鄭舍總: h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109	Trung (<i>thôn</i>) 中村: x.Phúc Khê,tg.Phúc Khê,h.Thanh Quan, p.Thái Bình,t.NĐ 341
Trịnh Xá (<i>xã</i>) 鄭舍社: tg.Trịnh Xá,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109	Trung (<i>thôn</i>) 中村: x.Lịch Dương,tg.Lịch Dương,h.Yên Khánh, p.Yên Khánh,t.NB 1020
Trịnh Xá (<i>xã</i>) 鄭舍社: tg.Hữu Thủy,ch.Quan Hóa,p.Quảng Hóa,t.TH 1137	Trung (<i>thôn</i>) 中村: x.Hoài Bảo,tg.Nội Duệ,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494
Trịnh Xá (<i>xã</i>) 鄭舍社: tg.Yên Thường,h.Đồng Ngạc,p.Từ Sơn,t.BN 491	Trung (<i>thôn</i>) 中村: x.Tiên Yên,tg.Điên Mậu,h.Yên Khánh, p.Yên Khánh,t.NB 1021
Trịnh Xá (<i>tổng</i>) 鄭舍總: h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 161	Trung (<i>thôn</i>) 中村: tg.Thạch Xá,h.Lệ Thủy,p.Quảng Ninh,t.QB 1349
Trịnh Xá (<i>xã</i>) 鄭舍社: tg.Trịnh Xá,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 161	Trung (<i>thôn</i>) 中村: x.Tiên Lễ,tg.Thuận Thị,h.Minh Chính, p.Quảng Trạch,t.QB 1355
Trịnh Xá (<i>xã</i>) 鄭舍社: tg.Dị Chế,h.Tiên Lữ,p.Tiên Hưng,t.HY 271	Trung (<i>thôn</i>) 中村: x.Phương Liên,tg.Liên Hương,h.Bố Trạch, p.Quảng Trạch,t.QB 1357
Trịnh Xuyên (<i>xã</i>) 鄭川社: tg.Đồng Cao,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD ... 123	Trung (<i>thôn</i>) 中村: x.Cao Lao,tg.Cao Lao,h.Bố Trạch, p.Quảng Trạch,t.QB 1357
Trọng Đức (<i>thôn</i>) 重德村: tg.Võng Nhi,h.Hương Thủy,p.TT 1423	Trung (<i>giáp</i>) 中甲: tg.An Đôn,h.Đăng Xương,đạo QT 1384
Trọng Đức (<i>xã</i>) 重德社: tg.Mỹ Trọng,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 307	Trung (<i>thôn</i>) 中村: tg.Thượng Hiệp,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 919
Trọng Hậu (<i>thôn</i>) 重厚村: x.Tri Trọng,tg.Dương Thủy,h.Mỹ Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1094	Trung (<i>thôn</i>) 中村: tg.Hoàng Xá,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 919
Trọng Hợp (<i>sách</i>) 仲合册: tg.Thuần Hàm,h.Nghĩa Đường, p.Quỳ Châu,t.NA 1275	Trung (<i>thôn</i>) 中村: x.Bình Hòa,tg.Nam Bàn,h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1083
Trọng Sơn (<i>xã</i>) 重山社: tg.Hữu Thu,ch.Thoát Lãng,p.Tràng Định,t.LS ... 607	Trung (<i>thôn</i>) 中村: x.Thổ Khối,tg.Mậu Lâm,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH . 1086
Trù Mật (<i>xã</i>) 稠密社: tg.Phú Thọ,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 945	Trung (<i>thôn</i>) 中村: x.Ngọc Xuyên,tg.Ngọc Xuyên,h.Hoàng Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1091
Trú Hữu (<i>tổng</i>) 住佑總: h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537	Trung (<i>thôn</i>) 中村: x.Sơn Trang,tg.Dương Sơn,h.Mỹ Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1093
Trú Hữu (<i>xã</i>) 住佑社: tg.Trú Hữu,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537	Trung (<i>thôn</i>) 中村: x.Cát Xuyên,tg.Dương Thủy,h.Mỹ Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1094
Trú Hữu (<i>phường</i>) 住佑坊: x.Trú Hữu,tg.Trú Hữu,h.Lục Ngạn, p.Lạng Giang,t.BN 537	Trung (<i>thôn</i>) 中村: x.Dự Mao,tg.Thanh Khê,h.Đồng Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1105
Trụ (<i>thôn</i>) 柱村: x.Tào Xuyên,tg.Dương Thủy,h.Mỹ Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1094	Trung (<i>thôn</i>) 中村: x.Hào Môn,tg.Liên Trì,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH ... 1114
Trúc (<i>trang</i>) 竹庄: tg.Ngọc Lặc,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1102	Trung (<i>thôn</i>) 中村: x.Uy Nỗ,tg.Ngọc Đới,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1115
Trúc (<i>thôn</i>) 竹村: x.Yên Thái,tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH ... 1115	Trung (<i>thôn</i>) 中村: x.Vân Liên,tg.Vân Trai,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH ... 1116
Trúc An (<i>thôn</i>) 竹安村: tg.Yên Thành,h.Vĩnh Thuận,p.Hoài Đức,t.HN 13	Trung (<i>thôn</i>) 中村: x.An Hòa,tg.Tuần La,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1116
Trúc Cảnh (<i>thôn</i>) 竹璟村: x.Vân Phái,tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1115	Trung (<i>thôn</i>) 中村: x.Lương Niệm,tg.Cung Thượng,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1120
Trúc Cầu (<i>thôn</i>) 竹棣村: tg.Yên Xá,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 260	Trung (<i>thôn</i>) 中村: x.Mỹ Khê,tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1121
Trúc Đạm (<i>xã</i>) 竹淡社: tg.Tứ Lân,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959	Trung (<i>thôn</i>) 中村: x.Quang Tiến,tg.Thái Lai,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1121
Trúc Đăng (<i>phường</i>) 竹登坊: tg.Vũ Xá,h.Phong Lộc, p.Quảng Ninh,t.QB 1345	
Trúc Đăng (<i>xã</i>) 竹簞社: tg.An Dã,h.Đăng Xương,đạo QT 1384	
Trúc Đăng (<i>ấp</i>) 竹登邑: tg.Lương Điền,h.Phú Lộc,p.TT 1424	
Trúc Động (<i>xã</i>) 竹洞社: tg.Cần Kiệm,h.Thạch Thát,p.Quốc Oai,t.ST 924	
Trúc Động (<i>tổng</i>) 竹洞總: h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162	
Trúc Động (<i>xã</i>) 竹洞社: tg.Trúc Động,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD .. 162	

Trung (thôn) 中村: x.Ngưu Phương,tg.Thái Lai,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1121	Trung Cát (thôn) 中吉村: x.Ngoại Can Lộc,tg.Nội Ngoại,h.Can Lộc, p.Đức Thọ,t.NA 1269
Trung (thôn) 中村: x.Niệm Thượng,tg.Đồng Xá,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1124	Trung Cẩn (xã) 忠勤社: tg.Nam Kim,h.Thanh Chương,p.Anh Sơn,t.NA 1239
Trung (thôn) 中村: x.Nga Mi,tg.Đồng Xá,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1124	Trung Châu (xã) 中洲社: tg.Lương Xá,h.Phụ Dực,pp.Thái Bình,t.NĐ 346
Trung (thôn) 中村: x.Phương Điện,tg.Lôi Dương,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1144	Trung Châu (xã) 中洲社: tg.Đồng Kết,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY .. 252
Trung (thôn) 中村: x.Lăng Động,tg.Kiên Thạch,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1144	Trung Chỉ (xã) 中址社: tg.An Đôn,h.Đặng Xương,đạo QT 1384
Trung (thôn) 中村: x.Trung Vực,tg.Nam Cai,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1144	Trung Chỉ (phường) 中址坊: tg.Mai Lộc,h.Thành Hoá,đạo QT 1393
Trung (thôn) 中村: x.Bất Náo,tg.Bất Náo,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH . 1145	Trung Chính (thôn) 中正村: x.Thanh An,tg.Tam Lộng,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1145
Trung (thôn) 中村: x.Băng Tác,tg.Tam Lộng,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1145	Trung Dã (xã) 中野社: tg.Thượng Dã,h.Đa Phúc,p.Đa Phúc,t.BN 521
Trung (giáp) 中甲: x.Triều Sơn,tg.Vĩnh Trị,h.Hương Trà,p.TT 1419	Trung Dịch (thôn) 中驛村: x.Đồng Đội,tg.Tuần La,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1116
Trung (giáp) 中甲: x.Nam Phố,tg.Dương Nỗ,h.Phú Vang,p.TT 1420	Trung Đàm (xã) 中儋社: tg.Tây Tựu,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 9
Trung (giáp) 中甲: x.Văn Giang,tg.Sư Lỗ,h.Phú Vang,p.TT 1420	Trung Đan (xã) 忠丹社: tg.An Nhân,h.Hải Lăng,đạo QT 1385
Trung (giáp) 中甲: th.Miêu Nha,tg.Võng Nhi,h.Hương Thủy,p.TT 1423	Trung Đạo (xã) 中道社: tg.Sài Trang,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HĐ .. 100
Trung (thôn) 中村: tg.Trung An,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659	Trung Đăng (xã) 中等社: tg.Hà Lý,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267
Trung (thôn) 中村: x.Đại Mão,tg.Thượng Mão,h.Siêu Loại, p.Thuận Thành,t.BN 506	Trung Điển (thôn) 中田村: x.Yên Nội,tg.Cao Vịnh,h.Nga Sơn, p.Hà Trung,t.TH 1087
Trung (tổng) 中總: h.Vĩnh Thuận,p.Hoài Đức,t.HN 13	Trung Định (thôn) 中定村: tg.Chu Lễ,h.Hương Khê,p.Đức Thọ,t.NA 1261
Trung (thôn) 中村: x.Khuông Đình,tg.Khuông Đình,h.Thanh Trì, p.Thường Tín,t.HN 19	Trung Định (xã) 中定社: tg.Cẩm Bào,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522
Trung (thôn) 中村: x.Chuyên Mỹ,tg.Thịnh Đức,h.Phú Xuyên, p.Thường Tín,t.HN 22	Trung Đồng (thôn) 中同村: sỏ Đại Tảo,tg.Hoàng Mai,h.Yên Dũng, p.Lạng Giang,t.BN 533
Trung (thôn) 中村: x.Liên Bạt,tg.Xà Cẩu,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26	Trung Đồng (trại) 中同寨: tg.Thổ Mật,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025
Trung (tổng) 中總: h.Thạch Hà,đạo HT 1319	Trung Đồng (xã) 忠全社: tg.Chính Lộc,h.Phong Điền,p.TT 1428
Trung (thôn) 中村: tg.Thị Tranh,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HĐ 92	Trung Giản (xã) 中澗社: tg.Chuyên Nghiệp,h.Phú Xuyên, p.Thường Tín,t.HN 23
Trung (thôn) 中村: tg.Đặng Xá,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN 515	Trung Giáp (xã) 中甲社: tg.Vĩnh Dật,ch.Văn Uyên,p.Tràng Định,t.LS 610
Trung (thôn) 中村: tg.Thổ Hoàng,h.Ấn Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256	Trung Hà (xã) 中河社: tg.Khê Thượng,h.Bất Bạt,p.Quảng Oai,t.ST 915
Trung (thôn) 中村: x.Bảo Châu,tg.Phương Trà,h.Tiên Lữ,p.Tiên Hưng,t.HY 272	Trung Hà (châu) 中河洲: tg.Lương Quán,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 941
Trung (thôn) 中村: sỏ Vọng Doanh,tg.Thượng Đồng,h.Phong Doanh, pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 325	Trung Hà (thôn) 中河村: tg.Trương Xá,h.Cẩm Khê,p.Lâm Thao,t.ST 947
Trung (thôn) 中村: x.Đặng Động,tg.Thượng Đồng,h.Phong Doanh, pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 325	Trung Hành (tổng) 中行總: h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HĐ 151
Trung Ái (xã) 忠愛社: tg.Lũ Đãng,h.Bình Chính,p.Quảng Trạch,t.QB ... 1353	Trung Hành (xã) 中行社: tg.Trung Hành,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HĐ 151
Trung Ái (xã) 忠愛社: tg.Dịch Vọng,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 7	Trung Hậu (thôn) 忠厚村: tg.Thuần Trung,h.Lương Sơn, p.Anh Sơn,t.NA 1234
Trung Am (xã) 中庵社: tg.Thượng Am,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HĐ ... 126	Trung Hậu (xã) 忠厚社: tg.Kim Nguyên,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA ... 1246
Trung An (xã) 忠安社: tg.An Lưu,h.Đặng Xương,đạo QT 1384	Trung Hậu (xã) 忠厚社: tg.Tam Lộng,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST .935
Trung An (thôn) 忠安村: tg.An Nhân,h.Hải Lăng,đạo QT 1385	Trung Hậu (xã) 忠厚社: tg.Đa Lộc,h.Yên Lăng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938
Trung An (phường) 忠安坊: tg.An Mỹ,h.Do Linh,đạo QT 1391	Trung Hiếu (xã) 忠孝社: tg.Điều Hộ,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40
Trung An (phường) 中安坊: tg.Bái Ân,h.Thành Hoá,đạo QT 1393	Trung Hoàng (xã) 中黃社: tg.Yên Kien,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926
Trung An (thôn) 忠安村: tg.Võng Nhi,h.Hương Thủy,p.TT 1423	Trung Hoàng (xã) 中黃社: tg.Hạ Hoàng,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957
Trung An (ấp) 忠安邑: tg.Lương Điền,h.Phú Lộc,p.TT 1424	Trung Hộ (thôn) 中戸村: x.Vi Bạt,tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1121
Trung An (tổng) 中安總: h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659	Trung Hội (thôn) 中會村: x.Xuân Hòa,tg.Nam Kim,h.Thanh Chương, p.Anh Sơn,t.NA 1239
Trung Áng (thôn) 中盎村: x.Yên Cư,tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1116	Trung Hy (thôn) 中禧村: x.Phú Vinh,tg.Hàng Vi,h.Hoàng Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1090
Trung Bạ (tổng) 中伴總: h.Tổng Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1083	Trung Khâm (xã) 中坎社: tg.Định Biên Trung,ch.Định,p.Tông Hóa,t.TN 807
Trung Bạ (thôn) 中伴村: x.Nội Trà,tg.Nội Trà,h.Yên Phong, p.Từ Sơn,t.BN 497	Trung Khánh (xã) 忠慶社: tg.Bái Dương,h.Nam Chân, p.Xuân Trường,t.NĐ 310
Trung Bật (xã) 忠弼社: tg.Mỹ Điện,h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS 602	Trung Khê (xã) 中溪社: tg.Thụy Lợi,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38
Trung Bính (phường) 中柄坊: tg.Vũ Xá,h.Phong Lộc, p.Quảng Ninh,t.QB 1345	Trung Khuê (xã) 中圭社: tg.Trạm Điện,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN . 537
Trung Bộ (xã) 中部社: tg.Cao Bộ,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926	Trung Kiên (xã) 忠堅社: tg.La Văn,h.Hưng Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA ... 1243
Trung Bộ (ấp) 中步邑: tg.Phú Xuân,h.Hương Trà,p.TT 1418	Trung Kiên (xã) 中堅社: tg.Bích La,h.Đặng Xương,đạo QT 1384
	Trung Kiến (ấp) 忠虔邑: tg.An Cư,h.Phú Lộc,p.TT 1424
	Trung Lao (xã) 中牢社: tg.Thần Lộ,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ ... 312
	Trung Lăng (xã) 中陵社: tg.Phú Khê,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HĐ 116
	Trung Lâm (xã) 中林社: tg.Vũ Liệt,h.Thanh Chương,p.Anh Sơn,t.NA .. 1239

Trung Lập (*giáp*) 中立甲: tg.Tân Cự,h.Tiến Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335

Trung Lập (*thôn*) 中立村: tg.Phú Hậu,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA 1252

Trung Lập (*xã*) 中立社: tg.Hồ Xá,h.Minh Linh,đạo QT 1390

Trung Lập (*xã*) 中立社: tg.Thử Cốc,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH . 1102

Trung Lập (*xã*) 中立社: tg.Luận Khê,ch.Thường Xuân,p.Thọ Xuân,t.TH 1147

Trung Lập (*xã*) 中立社: tg.Hòa Mỹ,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 21

Trung Lập (*xã*) 中立社: tg.Trương Xá,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD . 100

Trung Lập (*xã*) 中立社: tg.Hà Lý,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267

Trung Lễ (*thôn*) 中禮村: x.Cổ Ngu,tg.Văn Lâm,h.La Sơn,
p.Đức Thọ,t.NA 1255

Trung Lễ (*xã*) 中禮社: tg.Thủy Nhai,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ ... 304

Trung Liệt (*xã*) 中烈社: tg.Thượng Liệt,h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.NĐ . 339

Trung Liệt (*thôn*) 忠烈村: x.Văn Trường,tg.Văn Trường,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1117

Trung Linh (*xã*) 中齡社: tg.Thủy Nhai,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304

Trung Lô (*xã*) 中爐社: tg.Tam Lô,ch.Lương Chánh,p.Thọ Xuân,t.TH ... 1150

Trung Lộc (*thôn*) 中祿村: tg.Tam Đẳng,h.Nghi Xuân,p.Đức Thọ,t.NA ... 1265

Trung Luật (*xã*) 中律社: tg.Thuỷ Liên,h.Lệ Thủy,p.Quảng Ninh,t.QB ... 1349

Trung Lực (*thôn*) 中力村: tg.Thuỷ Liên,h.Lệ Thủy,p.Quảng Ninh,t.QB . 1349

Trung Lương (*xã*) 中良社: tg.Thuận Chính,ch.Lương Chánh,
p.Thọ Xuân,t.TH 1150

Trung Lương (*xã*) 忠良社: tg.Yên Đổ,h.Bình Lục,p.Lý Nhân,t.HN 43

Trung Lương (*xã*) 忠良社: tg.Nội Hoàng,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 166

Trung Mâu (*xã*) 中牟社: tg.Thông Lăng,h.Hưng Nguyên,
p.Anh Sơn,t.NA 1242

Trung Mâu (*xã*) 中牟社: tg.Dũng Vi,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494

Trung Mẩu (*xã*) 中牟社: tg.Thien Kế,h.Bình Xuyên,p.Phú Bình,t.TN 801

Trung Môn (*tổng*) 中門總: h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 859

Trung Môn (*xã*) 中門社: tg.Trung Môn,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 859

Trung Mỹ (*thôn*) 中美村: x.An Tràng,tg.Yên Trường,h.Chân Lộc,
p.Anh Sơn,t.NA 1246

Trung Mỹ (*thôn*) 中美村: x.Xuân An,tg.Yên Trường,h.Chân Lộc,
p.Anh Sơn,t.NA 1246

Trung Mỹ (*thôn*) 忠美村: x.Phượng Trì,tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1115

Trung Nại (*thôn*) 中奈村: x.Thạch Giản,tg.Thạch Giản,h.Nga Sơn,
p.Hà Trung,t.TH 1086

Trung Năng (*xã*) 忠能社: tg.Thống Thượng,h.Phổ Yên,p.Phú Bình,t.TN 797

Trung Nghĩa (*xã*) 忠義社: tg.Long Đại,h.Phong Lộc,
p.Quảng Ninh,t.QB 1345

Trung Nghĩa (*xã*) 忠義社: tg.Tu Vũ,h.Bất Bạt,p.Quảng Oai,t.ST 915

Trung Ngại (*thôn*) 中外村: x.Ngọc Xuyên,tg.Ngọc Xuyên,h.Hoàng Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1091

Trung Nha (*xã*) 中衙社: tg.Hương Nha,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST .. 941

Trung Phu (*xã*) 中孚社: tg.Trình Xuyên,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ ... 319

Trung Phụ (*xã*) 忠輔社: tg.Cần Doanh,h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN 531

Trung Phụng (*thôn*) 中奉村: tg.Yên Hòa,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN . 12

Trung Quan (*xã*) 中關社: tg.Hạ Quan,h.Cẩm Hóa,p.Thông Hóa,t.TN 816

Trung Quan Châu (*xã*) 中關洲社: tg.Đại Quan Châu,h.Văn Giang,
pp.Thuận Thành,t.BN 518

Trung Quán (*tổng*) 忠館總: h.Phong Lộc,p.Quảng Ninh,t.QB 1345

Trung Quán (*xã*) 忠館社: tg.Trung Quán,h.Phong Lộc,
p.Quảng Ninh,t.QB 1345

Trung Quyển (*xã*) 中涓社: tg.Cao Đường,h.Thượng Nguyên,
p.Xuân Trường,t.NĐ 309

Trung Quy (*trại*) 中規寨: tg.Hương Đạo,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB . 1033

Trung Sơn (*thôn*) 中山村: tg.Tam Đẳng,h.Nghi Xuân,p.Đức Thọ,t.NA . 1265

Trung Sơn (*xã*) 中山社: tg.Mông Sơn,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH . 1139

Trung Sơn (*xã*) 中山社: tg.Kênh Triều,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD . 162

Trung Tạ (*xã*) 中謝社: tg.Bắc Tạ,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126

Trung Thanh Lang (*xã*) 中青榔社: tg.Đại Phương Lang,h.An Lão,
p.Kiến Thụy,t.HD 144

Trung Thanh Oai (*xã*) 中青威社: tg.Thượng Thanh Oai,h.Thanh Oai,
p.Ứng Hòa,t.HN 28

Trung Thắng (*phố*) 中倘庸: tg.Thông Nông,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 660

Trung Thịnh (*thôn*) 忠盛村: tg.Lâm Thịnh,h.Nam Đường,
p.Anh Sơn,t.NA 1235

Trung Thịnh (*thôn*) 中盛村: tg.Phù Lưu,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269

Trung Thịnh (*thôn*) 中盛村: x.Bạch Sam,tg.Bạch Sam,h.Sơn Minh,
p.Ứng Hòa,t.HN 26

Trung Thụy (*thôn*) 中瑞村: tg.Sơn Đông,h.Đan Phượng,p.Quốc Oai,t.ST 922

Trung Thượng (*thôn*) 中上村: tg.Thuần Trung,h.Lương Sơn,
p.Anh Sơn,t.NA 1234

Trung Thượng (*thôn*) 中上村: x.Đại Bối,tg.Đại Bối,h.Sơn Minh,
p.Ứng Hòa,t.HN 26

Trung Thượng (*tràng*) 中上庄: x.Đô Quan,tg.Diên Hưng,h.Nam Chân,
p.Xuân Trường,t.NĐ 310

Trung Tiết (*xã*) 中節社: tg.Dương Thủy,h.Mỹ Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1094

Trung Tiết (*xã*) 忠節社: h.Thạch Hà,đạo HT 1322

Trung Tín (*xã*) 忠信社: tg.Thạch Bàn,h.Phong Đẳng,
p.Quảng Ninh,t.QB 1347

Trung Tín (*xã*) 忠信村: x.Đình Xá,tg.Đội Sơn,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37

Trung Trang (*xã*) 中莊社: tg.Quan Trang,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 148

Trung Trật (*xã*) 中秩社: tg.Cẩm Bảo,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522

Trung Trinh (*xã*) 忠貞社: tg.Long Đại,h.Phong Lộc,p.Quảng Ninh,t.QB 1345

Trung Trinh (*xã*) 忠貞社: tg.Phá Lãng,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 511

Trung Trọng (*xã*) 中仲社: tg.Trình Tiết,h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN 34

Trung Trữ (*xã*) 中貯社: tg.La Mai,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1028

Trung Tự (*thôn*) 中寺村: ph.Đồng Tác,tg.Kim Liên,h.Thọ Xương,
p.Hoài Đức,t.HN 12

Trung Vũ (*xã*) 中武社: tg.Phú Hà,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1101

Trung Vực (*xã*) 中域社: tg.Nam Cai,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1144

Trung Xá (*xã*) 中舍社: tg.Phí Gia,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 147

Trung Yên (*thôn*) 中安村: tg.Phú Hậu,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA 1252

Trung Yên (*phường*) 中安坊: tg.An Đôn,h.Đặng Xương,đạo QT 1384

Trung Yên (*thôn*) 忠安村: tg.Đồng Thọ,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12

Trùng Khánh (*xã*) 重慶社: tg.Vĩnh Yên,ch.Chiêm Hoá,p.Tương An,t.TQ 877

Trùng Khánh (*phủ*) 重慶府: t.CB 669

Trùng Khôn (*xã*) 重坤社: tg.Gia Bằng,h.Nguyên Bình,p.Hòa An,t.CB 668

Trùng Minh (*xã*) 重明社: tg.Thụ Phúc,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494

Trùng Nhai (*xã*) 重崖社: tg.Nga Ổ,h.Thượng Lang,p.Trùng Khánh,t.CB . 672

Trùng Quan (*xã*) 重關社: tg.Cát Hộc,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 341

Truy Đình (*xã*) 追亭社: tg.Hà Lý,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267

Truy Đình (*tràng*) 追亭庄: tg.Hà Lý,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267

Truyền (*thôn*) 傳村: x.Hải Đò,tg.Hải Đò,h.Hung Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA 1243

Truyền Cổ (*xã*) 傳故社: tg.Thượng Giáo,ch.Bạch Thông,
p.Thông Hóa,t.TN 819

Truyền Nham (*tổng*) 傳岩總: h.Thủy Văn,p.Quỳ Châu,t.NA 1276

Truyền Nham (*xã*) 傳岩社: tg.Truyền Nham,h.Thủy Văn,
p.Quỳ Châu,t.NA 1276

Trừ Trí (*tổng*) 儲峙總: ch.Thoát Lăng,p.Tràng Định,t.LS 608

Trừ Trí (*xã*) 儲峙社: tg.Trừ Trí,ch.Thoát Lăng,p.Tràng Định,t.LS 608

Trử La (*xã*) 苧羅社: tg.Kim Quan,h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 97

Trử Lai (*xã*) 苧萊社: tg.Hội Kế,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959

Trực Cát (tổng) 直葛總: h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151

Trực Cát (xã) 直葛社: tg.Trực Cát,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151

Trực Độ (vạn) 直渡溝: tg.Yên Đăng,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB ... 1020

Trực Độ (vạn) 直渡溝: tg.Hồi Thuần,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1033

Trực Nội (tổng) 直内總: h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 340

Trực Nội (xã) 直内社: tg.Trực Nội,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 340

Trực Tầm (xã) 直尋社: tg.Dã Nham,ch.Văn Uyên,p.Tràng Định,t.LS 610

Trực Tầm (xã) 直尋社: tg.Đường Xâm,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ ... 331

Trực Trang (xã) 直莊社: tg.Quan Trang,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 148

Trừng Bích (xã) 澄碧社: tg.Lý Trai,h.Đồng Thành,p.Diễn Châu,t.NA ... 1249

Trừng Giang (thôn) 澄江村: x.Hung Thịnh,tg.Phù Chấn,h.Thuy Nguyễn,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1101

Trừng Hà (ấp) 澄河邑: tg.Quảng Xuyên,h.Phú Vang,p.TT 1420

Trừng Hà (xã) 澄河社: tg.Phù Đồng,h.Thạch Lâm,p.Hóa An,t.CB 659

Trừng Hải (phường) 澄海坊: tg.Thuận Hoà,h.Bình Chính,
p.Quảng Trạch,t.QB 1353

Trừng Hải (xã) 澄海社: tg.Thần Lộ,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ 312

Trừng Hoài (tổng) 澄淮總: h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 341

Trừng Hoài (xã) 澄淮社: tg.Trừng Hoài,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 341

Trừng Lục (thôn) 澄錄村: x.Bách Lộc,tg.Lạc Trị,h.Thạch Thất,
p.Quốc Oai,t.ST 923

Trừng Thanh (xã) 澄清社: tg.Quy Hợp,h.Hương Khê,p.Đức Thọ,t.NA . 1262

Trừng Thanh (thôn) 澄清村: tg.Phúc Lâm,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12

Trừng Thanh Hạ (thôn) 澄清下村: tg.Phúc Lâm,h.Thọ Xương,
p.Hoài Đức,t.HN 12

Trừng Thanh Thượng (thôn) 澄清上村: tg.Phúc Lâm,h.Thọ Xương,
p.Hoài Đức,t.HN 12

Trừng Thanh Trung (thôn) 澄清中村: tg.Phúc Lâm,h.Thọ Xương,
p.Hoài Đức,t.HN 12

Trừng Uyên (xã) 澄淵社: tg.Trừng Hoài,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 341

Trừng Uyên (ấp) 澄淵邑: tg.Lạc Thiện,h.Giao Thủy,
p.Xuân Trường,t.NĐ 305

Trừng Uyên (xã) 澄淵社: tg.Bách Tính,h.Thượng Nguyên,
p.Xuân Trường,t.NĐ 308

Trừng Uyên (xã) 澄淵社: tg.Đồng Đội,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319

Trừng Xá (xã) 澄舍社: tg.Khoái Lạc,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1110

Trừng Xá (tổng) 澄舍總: h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 511

Trừng Xá (xã) 澄舍社: tg.Trừng Xá,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 511

Trương Cầu (xã) 張求社: tg.Đường An,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD ... 92

Trương Xá (xã) 張舍社: tg.Cam Đường,h.Thành Hoá,đạo QT 1393

Trương Xá (tổng) 張舍總: h.Cầm Khê,p.Lâm Thao,t.ST 947

Trương Xá (xã) 張舍社: tg.Trương Xá,h.Cầm Khê,p.Lâm Thao,t.ST 947

Trương Xá (xã) 張舍社: tg.Đăng Trường,h.Hậu Lộc,p.Hà Trung,t.TH ... 1096

Trương Xá (xã) 張舍社: tg.Bình Ngô,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509

Trương Xá (tổng) 張舍總: h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100

Trương Xá (xã) 張舍社: tg.Trương Xá,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD . 100

Trương Xá (xã) 張舍社: tg.Lưu Xá,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 253

Trường (thôn) 場村: x.La Miết,tg.La Miết,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH . 1126

Trường Bảng (xã) 長榜社: tg.Mê Sơn,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD ... 165

Trường Các (xã) 長閣社: tg.Xuân Lâm,h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA 1236

Trường Cát (tổng) 長葛總: h.Quảng Tế,p.Quảng Hóa,t.TH 1134

Trường Cát (xã) 長葛社: tg.Trường Cát,h.Quảng Tế,p.Quảng Hóa,t.TH 1134

Trường Cát (xã) 長葛社: tg.Nga My,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 28

Trường Châu (xã) 長洲社: tg.Mộc Hoàn,h.Tiên Phong,
p.Quảng Oai,t.ST 909

Trường Châu (xã) 長珠社: tg.Ngọc Động,h.Thạch Thành,
p.Quảng Hóa,t.TH 1136

Trường Dục (xã) 長育社: tg.Trung Quán,h.Phong Lộc,
p.Quảng Ninh,t.QB 1345

Trường Duệ (xã) 長喬社: tg.Văn Cú,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151

Trường Dương (xã) 長楊社: tg.Trường Lang,h.Đại Từ,p.Tông Hóa,t.TN 811

Trường Đà (xã) 長陀社: tg.Yên Linh,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 860

Trường Đề (thôn) 長堤村: tg.Vân Trinh,h.Hung Nguyên,
p.Anh Sơn,t.NA 1243

Trường Hậu (thôn) 長厚村: tg.Phú Hậu,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA 1252

Trường Khê (xã) 長溪社: tg.Bạch Liên,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB ... 1025

Trường Khê (xã) 長溪社: tg.An Trung Hạ,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ . 316

Trường Kì (tổng) 長技總: h.Cầm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 97

Trường Kì (xã) 長技社: tg.Trường Kỳ,h.Cầm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 97

Trường Lang (tổng) 長郎總: h.Đại Từ,p.Tông Hóa,t.TN 811

Trường Lang (xã) 長郎社: tg.Trường Lang,h.Đại Từ,p.Tông Hóa,t.TN ... 811

Trường Lăng (thôn) 長朗村: x.Lạp Cầu,tg.Hải Đô,h.Hung Nguyên,
p.Anh Sơn,t.NA 1243

Trường Lâm (sở) 長林所: tg.Gia Thụy,h.Gia Lâm,
pp.Thuận Thành,t.BN 515

Trường Lệ (xã) 長麗社: tg.Cung Thượng,h.Quảng Xương,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1120

Trường Lộc (xã) 長祿社: tg.Cổ Định,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1123

Trường Lũ (xã) 長縷社: tg.Vọng Lỗ,h.Phụ Dục,pp.Thái Bình,t.NĐ 346

Trường Môn (xã) 場門社: tg.Vô Hốt,h.Yên Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1042

Trường Mỹ (xã) 長美社: tg.Thuần Trung,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1234

Trường Mỹ (thôn) 長美村: x.Hải Châu,tg.Liên Trì,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1114

Trường Ngoại (thôn) 場外村: h.Cầm Xuyên,đạo HT 1324

Trường Phúc (thôn) 長福村: tg.Câu Hoan,h.Hải Lăng,đạo QT 1385

Trường Phúc (thôn) 長腹村: x.Thạch Ngoại,tg.Văn Trường,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1117

Trường Quách (xã) 長郭社: tg.Mông Sơn,h.Cầm Thủy,
p.Quảng Hóa,t.TH 1139

Trường Quang (xã) 長光社: tg.Cao Xá,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH . 1125

Trường Sinh (thôn) 長生村: x.Yên Tế,tg.Yên Mô,h.Yên Mô,
p.Yên Khánh,t.NB 1024

Trường Sinh (xã) 長生社: tg.Câu Hoan,h.Hải Lăng,đạo QT 1385

Trường Tân (thôn) 長津村: x.Lương Xá,tg.Thủ Hộ,h.Quảng Xương,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1120

Trường Thành (xã) 長城社: tg.Quan Hóa,h.Yên Thành,
p.Diễn Châu,t.NA 1250

Trường Thị (thôn) 場市村: x.Đăng Trường,tg.Đăng Trường,h.Hậu Lộc,
p.Hà Trung,t.TH 1096

Trường Thịnh (thôn) 長盛村: tg.Đô Lương,h.Lương Sơn,
p.Anh Sơn,t.NA 1235

Trường Thọ (thôn) 長壽村: x.Liên Trì,tg.Liên Trì,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1114

Trường Thọ (thôn) 長壽村: x.Yên Tĩnh,tg.Cung Thượng,h.Quảng Xương,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1120

Trường Thọ (thôn) 長壽村: x.Hương Phấn,tg.Cao Xá,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

Trường Trị (sách) 長治冊: tg.Đường Khê,h.Nghĩa Đường,
p.Quỳ Châu,t.NA 1275

Trường Trung (thôn) 場中村: x.Đăng Trường,tg.Đăng Trường,h.Hậu Lộc,
p.Hà Trung,t.TH 1096

Trường Tuổi (thôn) 長歲村: x.Trường Vi,tg.Quảng Chiếu,h.Đồng Sơn,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1106

Trường Vi (xã) 長洧社: tg.Quảng Chiếu,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1106

Trường Xuân (thôn) 長春村: x.Việt Yên Thượng,tg.Việt Yên,h.La Sơn,
p.Đức Thọ,t.NA 1255

Trường Xuân (thôn) 長春村: x.Phù Liễn,tg. Thạch Khê,h.Đông Sơn,
p. Thiệu Hóa,t.TH 1105

Trường Xuân (xã) 長春社: tg.Thủy Cam,h. Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN ... 29

Trường Yên (tổng) 長安總: h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029

Trường Yên Hạ (xã) 長安下社: tg. Trường Yên,h.Gia Viễn,
p.Yên Khánh,t.NB 1029

Trường Yên Thượng (xã) 長安上社: tg. Trường Yên,h.Gia Viễn,
p.Yên Khánh,t.NB 1029

Trượng Đổ (xã) 杖杜社: tg.Đông Chân,h.Quỳnh Côi,
pp.Thái Bình,t.NĐ 348

Tu Cổ (xã) 修古社: tg.Băng Xá,h.Y Yên,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 323

Tu Hoàng (thôn) 修篁村: tg.Kim Thia,h.Đan Phượng,p.Quốc Oai,t.ST ... 922

Tu Lễ (xã) 修禮社: tg.Đông Lỗ,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26

Tu Linh (xã) 修齡社: tg.Cổ Châu,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106

Tu Trình (xã) 修程社: tg.Yên Bái,h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343

Tu Vũ (tổng) 修武總: h.Bát Bát,p.Quảng Oai,t.ST 915

Tu Vũ (xã) 修武社: tg.Tu Vũ,h.Bát Bát,p.Quảng Oai,t.ST 915

Tù (thôn) 酋村: x.Bát Náo,tg.Bát Náo,h.Lôi Dương,p. Thọ Xuân,t.TH 1145

Tú Anh (xã) 繡英社: tg.Khuất Xá,ch.Lộc Bình,p.Tràng Khánh,t.LS 621

Tú Ba (xã) 繡葩社: tg.Tiên Phong,ch.Ninh Biên,p.Điện Biên,t.HH 738

Tú Chung (xã) 秀鍾社: tg.Hùng Dị,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 859

Tú Đoạn (tg) 繡段總: ch.Lộc Bình,p.Tràng Khánh,t.LS 621

Tú Đoạn (xã) 繡段社: tg.Tú Đoạn,ch.Lộc Bình,p.Tràng Khánh,t.LS 621

Tú Đồi (xã) 繡堆社: tg.Nghi Dương,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 140

Tú Đường (xã) 繡堂社: tg.Hạ Vĩnh,h. Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113

Tú Khê (thôn) 秀溪村: x.Xuân Tú,tg.Đông Hồ,h.Siêu Loại,
p. Thuận Thành,t.BN 506

Tú La (xã) 繡羅社: tg.Kim Quan,h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 97

Tú Lệ (xã) 秀麗社: tg.Sơn A,h.Văn Chấn,p. Quy Hóa,t.HH 725

Tú Linh (xã) 秀嶺社: tg.Hùng Dị,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 859

Tú Loan (xã) 秀鸞社: tg. Thuận Bài,h.Bình Chính,p. Quảng Trạch,t.QB . 1353

Tú Lý (xã) 繡裏社: tg.Hiến Lương,ch.Đà Bắc,p.Gia Hưng,t.HH 719

Tú Sơn (tổng) 繡山總: h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS 602

Tú Sơn (xã) 繡山社: tg.Tú Sơn,h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS 602

Tú Tháp (thôn) 繡塔村: x.Xuân Tú,tg.Đông Hồ,h.Siêu Loại,
p. Thuận Thành,t.BN 506

Tú Thịnh (xã) 秀盛社: tg.Như Lãng,ch. Thường Xuân,p. Thọ Xuân,t.TH 1147

Tú Trạc (tổng) 秀擢總: h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959

Tú Trạc (xã) 秀擢社: tg.Tú Trạc,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959

Tú Trĩ (xã) 秀峙社: tg.Phương Linh,h.Cẩm Hóa,p.Thông Hóa,t.TN 816

Tú Tương (xã) 繡囊社: tg.Mộc Thượng,ch.Mộc,p.Gia Hưng,t.HH 721

Tú Viên (thôn) 秀園村: tg.Xuân Lâm,h.Nam Đường,p.An Sơn,t.NA 1236

Tú Xuyên (tổng) 秀川總: h.Văn Quan,p.Tràng Định,t.LS 605

Tú Xuyên (xã) 秀川社: tg.Tú Xuyên,h.Văn Quan,p.Tràng Định,t.LS 605

Tự Hoà (xã) 聚和社: tg.Tự Long,h.Vĩnh Tuy,p.An Bình,t.TQ 865

Tự Long (tổng) 聚隆總: h.Vĩnh Tuy,p.An Bình,t.TQ 865

Tự Long (xã) 聚隆社: tg.Tự Long,h.Vĩnh Tuy,p.An Bình,t.TQ 865

Tự Mỹ (xã) 聚美社: tg.Tự Long,h.Vĩnh Tuy,p.An Bình,t.TQ 865

Tự Nghĩa (xã) 聚義社: tg.Tự Long,h.Vĩnh Tuy,p.An Bình,t.TQ 865

Tự Nhân (xã) 聚仁社: tg.Tự Long,h.Vĩnh Tuy,p.An Bình,t.TQ 865

Tự Thành (xã) 聚成社: tg.Tự Long,h.Vĩnh Tuy,p.An Bình,t.TQ 865

Tuần Cáo (xã) 遵詒社: tg.Vũ Lâm,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB 1021

Tuần Dụ (xã) 遵裕社: tg.Xích Thố,h.Yên Hoà,p.Nho Quan,t.NB 1042

Tuần Đạo (xã) 遵道社: tg.Lạc Đạo,h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1040

Tuần Đạo (xã) 遵道社: tg.Mỹ Nương,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537

Tuần Đạo (thôn) 遵道村: x.Cao Vĩnh,tg.Cao Vĩnh,h.Nga Sơn,
p.Hà Trung,t.TH 1087

Tuần Giáo (châu) 遵教州: p.Điện Biên,t.HH 739

Tuần Hoá (trại) 遵化寨: tg.Hồi Thuận,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1033

Tuần Hóa (tổng) 遵化總: h.Đông Sơn,p. Thiệu Hóa,t.TH 1105

Tuần Hóa (xã) 遵化社: tg.Tuần Hóa,h.Đông Sơn,p. Thiệu Hóa,t.TH 1105

Tuần Lệ (tổng) 遵例總: h.Đông Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 491

Tuần Lệ (xã) 遵例社: tg.Tuần Lệ,h.Đông Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 491

Tuần Lộ (xã) 遵路社: tg.Lạc Thiện,h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1040

Tuần Lộ (tổng) 遵路總: h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930

Tuần Lộ (xã) 遵路社: tg.Tuần Lộ,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930

Tuần Lộ (xã) 遵路社: tg.Linh Xuyên,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959

Tuần Lộ (xã) 遵路社: tg.Thắng Lâm,h. Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 28

Tuần Lục (xã) 遵陸社: tg.Thần Lộ,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ 312

Tuần Nghĩa (lỵ) 遵義里: tg.Tân Bối,h.Tiên Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335

Tuần La (xã) 巡羅社: tg.Lương Xá,h.Lương Tài,p. Thuận Thành,t.BN 511

Tuần La (phường) 巡羅坊: tg.Lâm Thịnh,h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA 1236

Tuần La (tổng) 巡邏總: h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1116

Tuần La (xã) 巡邏社: tg.Tuần La,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1116

Tuần La Thái (xã) 巡邏泰社: tg.Tuần La,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1116

Tuần Lễ (xã) 循禮社: tg.An Ấp,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259

Tuần Lễ (trại) 循禮寨: tg.Quy Hậu,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1033

Tuần Lương (xã) 循良社: tg.Hán Nam,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD ... 117

Tuấn Dị (xã) 俊異社: tg.Nghĩa Trai,h.Gia Lâm,pp. Thuận Thành,t.BN 515

Tuấn Kiệt (xã) 俊傑社: tg.Mật Vật,h.Thụy Nguyên,p. Thiệu Hóa,t.TH 1101

Tuấn Kiệt (xã) 俊傑社: tg.Phúc Cầu,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 93

Tuấn Lương (xã) 俊良社: tg.Lương Tài,h.Lương Tài,p. Thuận Thành,t.BN 511

Tuấn Mai (xã) 俊邁社: tg.Mỹ Thái,h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN 530

Tuấn Mao (thôn) 俊毛村: x.Cẩm La,tg.Lỗ Hương,h.Mỹ Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1093

Tuấn Mao (thôn) 俊毛村: x.Thạch Ngột,tg.Văn Trường,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1117

Tuấn Mậu (xã) 俊茂社: tg.Tứ Trang,h.Đông Triều,p.Kinh Môn,t.HD 166

Tuấn Vĩ (xã) 俊偉社: tg.Kỳ Vĩ,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 116

Tuấn Xuyên (xã) 俊川社: tg. Thanh Mai,h.Tiên Phong,p.Quảng Oai,t.ST 909

Túc Duyên (tổng) 宿緣總: h.Động Hỷ,p.Phú Bình,t.TN 798

Túc Duyên (xã) 宿緣社: tg.Túc Duyên,h.Động Hỷ,p.Phú Bình,t.TN 798

Tục Mỹ (xã) 俗美社: tg.Giang Ngõ,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 664

Tung Cao (xã) 嵩高社: tg.Ngọc Pha,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 664

Tùng (thôn) 松村: x.Bùi Khổng,tg.Hải Đò,h.Hưng Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA 1243

Tùng Bách (xã) 松柏社: tg.Yên Định,h.Vị Xuyên,p.Tương An,t.TQ 874

Tùng Hiên (xã) 松軒社: tg.Cổ Linh,ch.Chiêm Hoá,p.Tương An,t.TQ 877

Tùng Lệnh (xã) 從令社: tg.Khe Thượng,h.Bát Bát,p.Quảng Oai,t.ST 915

Tùng Sơn (xã) 松山社: tg.Phù Long,h.Hưng Nguyên,p.An Sơn,t.NA . 1242

Tùng Thiện (huyện) 從善縣: p.Quảng Oai,t.ST 910

Tuy An (xã) 綏安社: tg.Cổ Định,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1123

Tuy An (thôn) 綏安村: x.Tuy An,tg.Cổ Định,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1123

Tuy Định (trại) 綏定寨: tg.Tuy Lộc,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1033

Tuy Hòa (thôn) 綏和村: x.Văn Trường,tg.Văn Trường,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1117

Tuy Lạc (xã) 綏樂社: tg.Kênh Triều,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162

Tuy Lai (ấp) 綏來邑: tg.Lai Thành,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1033

Tuy Lai (xã) 綏來社: tg.Bát Trang,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 431

Tuy Lai (xã) 綏來社: tg.Điện Hào,h.Lôi Dương,p. Thọ Xuân,t.TH 1146

Tuy Lai (tổng) 綏來總: h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31

Tuy Lai (xã) 綏來社: tg.Tuy Lai,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31

Tuy Lai (xã) 绥来社: tg.Vĩnh Lại,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 93	Tử Dương (xã) 紫陽社: tg.Bình Lăng,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN . 17
Tuy Lai (xã) 绥来社: tg.Văn Hội,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124	Tử Dương (xã) 紫陽社: tg.Sơn Minh,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 25
Tuy Lộc (tổng) 绥祿總: h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1033	Tử Dương (tổng) 紫陽總: h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 252
Tuy Lộc (lỵ) 绥祿里: tg.Tuy Lộc,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1033	Tử Dương (xã) 紫陽社: tg.Tử Dương,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 252
Tuy Lộc (xã) 绥祿社: tg.Đại Phong Lộc,h.Lệ Thủy,p.Quảng Ninh,t.QB 1349	Tử Đà (tổng) 紫駝總: h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957
Tuy Lộc (phường) 绥祿坊: tg.An Lạc,h.Thành Hoá,đạo QT 1393	Tử Đà (xã) 紫駝社: tg.Tử Đà,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957
Tuy Lộc (xã) 绥祿社: tg.Tường Phiêu,h.Thạch Thất,p.Quốc Oai,t.ST 923	Tử Đà (xã) 紫駝社: tg.Từ Minh,h.Hoảng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1089
Tuy Lộc (thôn) 绥祿村: h.Cẩm Xuyên,đạo HT 1324	Tử Đô (xã) 紫都社: tg.Hạ Động,h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 338
Tuy Tĩnh (xã) 绥靜社: tg.Quì Chính,ch.Lương Chánh,p.Thọ Xuân,t.TH 1150	Tử Đồi (tổng) 紫堆總: h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 117
Tuy Viên (xã) 雖垣社: tg.Thuỷ Ba,h.Minh Linh,đạo QT 1390	Tử Đồi (xã) 紫堆社: tg.Tử Đồi,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 117
Tùy Hối (xã) 隨誨社: tg.Trí Hối,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029	Tử Đường (xã) 紫棠社: tg.Bích Du,h.Thuy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343
Tùy Hối (phường) 隨誨坊: tg.Trí Hối,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029	Tử La (sách) 紫羅冊: tg.Thuần Hàm,h.Nghĩa Đường,p.Quý Châu,t.NA . 1275
Tùy Sơn (xã) 隨山社: tg.Hoàng Chí,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 935	Tử La (xã) 紫羅社: tg.Văn La,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31
Tụy Anh (thôn) 荊英村: x.Vân Trình,tg.Vân Trình,h.Hung Nguyên, p.Anh Sơn,t.NA 1243	Tử Mặc (tổng) 子墨總: h.Y Yên,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 323
Tụy Cổ (xã) 粹古社: tg.Tu Vũ,h.Bất Bạt,p.Quảng Oai,t.ST 915	Tử Mặc (xã) 子墨社: tg.Tử Mặc,h.Y Yên,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 323
Tụy Lộc (thôn) 荊祿村: tg.Phù Lưu,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269	Tử Nê (xã) 紫泥社: tg.Lạc Nghiệp,h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1040
Tụy Hiến (xã) 荊賢社: tg.Trình Tiết,h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN 34	Tử Nê (xã) 紫泥社: tg.Chi Nê,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494
Tuyên Bố (xã) 宣布社: tg.Quảng Bố,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN .. 511	Tử Nê (xã) 紫泥社: tg.Cao Bộ,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926
Tuyên Quang (tỉnh) 宣光省: 853	Tử Nê (xã) 紫泥社: tg.Cổ Định,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1123
Tuyển Cử (tổng) 選舉總: h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 92	Tử Nam (xã) 紫巖社: tg.Hạ Chiếu,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165
Tuyển Cử (thôn) 選舉村: tg.Tuyển Cử,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 92	Tử Niêm (xã) 紫粘社: tg.Mông Sơn,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1139
Tuyết Lô (xã) 雪爐社: tg.Tam Lô,ch.Lương Chánh,p.Thọ Xuân,t.TH 1150	Tử Tế (xã) 仔細社: tg.Thụy Lũng,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 331
Tư Đa (xã) 資多社: tg.Yên Lưu,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD 157	Tử Thanh (xã) 紫青社: tg.Cổ Viễn,h.Thượng Nguyên, p.Xuân Trường,t.NĐ 309
Tư Lập (xã) 斯立社: tg.Định Biên Thượng,ch.Định,p.Tông Hóa,t.TN 806	Tử Thủ (xã) 紫朶社: tg.Tiểu Lễ,h.Đa Phúc,p.Đa Phúc,t.BN 522
Tư Mại (tổng) 思邁總: h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 533	Tử Trầm (xã) 紫沉社: tg.Từ Lân,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959
Tư Mại (xã) 思邁社: tg.Tư Mại,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 533	Tử Vinh (tổng) 紫榮總: h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316
Tư Nông (huyện) 司農縣: p.Phù Bình,t.TN 794	Tử Vinh (xã) 紫榮社: tg.Tử Vinh,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316
Tư Sản (xã) 滋產社: tg.Hòa Mỹ,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 21	Tứ (thôn) 肆村: x.Vĩnh Dụ,tg.Hà Liễu,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 19
Tư Thâm (xã) 思深社: tg.Trú Hữu,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537	Tứ (thôn) 四村: trang Hải Huyệт Bán,tg.Hoàn Nha,h.Giao Thủy, p.Xuân Trường,t.NĐ 304
Tư Thế (xã) 資世社: tg.Khuơng Tự,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN 506	Tứ Chiếng (phường) 四政坊: tg.Hồ Xá,h.Minh Linh,đạo QT 1390
Tư Vi (xã) 思爲社: tg.Chi Nê,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494	Tứ Chiếng (phường) 四政坊: Thủy Cự,t.TH 1156
Từ Ái (xã) 慈愛社: tg.Tiểu Xá,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509	Tứ Chiếng Phù Cự (phường) 四政浮屠坊: tg.Tuần La,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1116
Từ Am (trại) 慈庵寨: tg.Hà Liễu,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 19	Tứ Chiếng Yên Trường (phường) 四政安場坊: Thủy Cự,t.TH 1156
Từ Châu (xã) 徐洲社: tg.Kê Kiều,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333	Tứ Chính (phố) 四政庸: tg.Nhượng Bạп,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659
Từ Châu (xã) 徐洲社: tg.Ước Lễ,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 29	Tứ Chính (ấp) 四政邑: tg.Nhượng Bạп,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659
Từ Điều (xã) 慈調社: tg.Đường Xuyên,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN ... 22	Tứ Duy (xã) 四維社: tg.Kê Sơn,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124
Từ Đường (xã) 祠堂社: tg.Chuyên Nghiệp,h.Phú Xuyên, p.Thường Tín,t.HN 23	Tứ Dương (tổng) 泗陽總: h.Tương Dương,p.Tương Dương,t.NA 1272
Từ Đường (xã) 祠堂社: tg.Kê Sơn,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124	Tứ Kỳ (thôn) 四岐村: x.Hoàng Liệт,tg.Thanh Liệт,h.Thanh Trì, p.Thường Tín,t.HN 19
Từ Hiếu (xã) 慈孝社: tg.Bì Hạ,ch.Lục Yên,p.An Bình,t.TQ 867	Tứ Kỳ (huyện) 四岐縣: p.Ninh Giang,t.HD 133
Từ Hồ (xã) 慈湖社: tg.Hòa Bình,h.Văn Giang,pp.Thuận Thành,t.BN 517	Tứ Kỳ (xã) 四岐社: tg.Phan Xá,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134
Từ Liêm (huyện) 慈廉縣: p.Hoài Đức,t.HN 7	Tứ Kỳ Hạ (xã) 四岐下社: tg.Chân Lại,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134
Từ Minh (tổng) 慈明總: h.Hoảng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1089	Tứ Lân (tổng) 四鄰總: h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959
Từ Minh (xã) 慈明社: tg.Từ Minh,h.Hoảng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1089	Tứ Lân (xã) 四鄰社: tg.Từ Lân,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959
Từ Ô (tổng) 慈烏總: h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95	Tứ Liễu (trại) 肆寮寨: tg.Cát Xuyên,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304
Từ Ô (xã) 慈烏社: tg.Từ Ô,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95	Tứ Linh (thôn) 四靈村: tg.Lạc Giao,h.Quảng Uyên,p.Trùng Khánh,t.CB . 674
Từ Phong (xã) 慈峰社: tg.Bổng Lai,h.Quế Dương,p.Từ Sơn,t.BN 500	Tứ Minh (tổng) 四明總: h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 98
Từ Quán (xã) 祠館社: tg.Hộ Xá,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304	Tứ Minh (xã) 四明社: tg.Từ Minh,h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 98
Từ Sơn (phủ) 慈山府: t.BN 488	Tứ Mỹ (thôn) 泗美村: x.Lạc Phố,tg.Đỗ Xá,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259
Từ Thủy (xã) 慈水社: tg.Điện Sơn,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 859	Tứ Mỹ (thôn) 泗美村: x.Đồng Lý,tg.Đồng Lý,h.Yên Định, p.Thiệu Hóa,t.TH 1110
Từ Vân (xã) 慈雲社: tg.Bình Lăng,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN 17	Tứ Mỹ (thôn) 泗美村: x.Yên Mỹ,tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1121
Từ Xá (xã) 徐舍社: tg.Yên Mỹ,h.Hoàn Bó,p.Sơn Định,t.QY 404	Tứ Mỹ (trang) 四美庄: tg.Thanh Xá,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1130
Từ Xá (xã) 慈舍社: tg.Từ Ô,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95	
Từ Xuyên (xã) 慈川社: tg.Trú Hữu,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537	
Tử Du (tổng) 紫莢總: h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 932	
Tử Du (xã) 紫莢社: tg.Tử Du,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 932	

Tứ Mỹ (xã) 四美社: tg.Ỗ Cống,h.Thượng Lang,p.Trùng Khánh,t.CB 672

Tứ Mỹ (xã) 四美社: tg.Trương Xá,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100

Tứ Mỹ (tổng) 四美總: h.Tam Nông,p.Gia Hưng,t.HH 709

Tứ Mỹ (xã) 四美社: tg.Tứ Mỹ,h.Tam Nông,p.Gia Hưng,t.HH 709

Tứ Nghi (thôn) 四沂村: tg.Biểu Đa,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144

Tứ Quận (xã) 四郡社: tg.Trâm Nhĩ,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957

Tứ Trang (tổng) 四庄總: h.Đông Triều,p.Kinh Môn,t.HD 166

Tứ Trang (xã) 四庄社: tg.Tứ Trang,h.Đông Triều,p.Kinh Môn,t.HD 166

Tứ Ty Tinh Mễ (xã) 四司精米社: tg.Lạc Thiện,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

Tự (thôn) 寺村: x.Can Trúc,tg.Ngọc Đới,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1115

Tự (thôn) 寺村: x.Tram Lộ,tg.Yên Định,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124

Tự Cường (tổng) 自彊總: h.Thạch Thành,p.Quảng Hóa,t.TH 1135

Tự Cường (xã) 自彊社: tg.Tự Cường,h.Thạch Thành,p.Quảng Hóa,t.TH 1135

Tự Cường (xã) 自彊社: tg.Văn Lang,h.Tam Nông,p.Gia Hưng,t.HH 709

Tự Khoát (thôn) 寺閣村: x.Nam Phù Liệt,tg.Nam Phù Liệt,h.Thanh Trì,
p.Thường Tín,t.HN 19

Tự Lạc (xã) 自樂社: tg.Thuận Chính,ch.Lương Chánh,p.Thọ Xuân,t.TH 1150

Tự Lạc (giáp) 自樂甲: tg.Hoàng Thu,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ ... 304

Tự Lạn (tổng) 似爛總: h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 533

Tự Lạn (xã) 似爛社: tg.Tự Lạn,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 533

Tự Luân (xã) 敘倫社: tg.Lạc Thị,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 130

Tự Nhiên (thôn) 自然村: x.Sơn Trang,tg.Dương Sơn,h.Mỹ Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1093

Tự Nhiên Châu (xã) 自然洲社: tg.Chương Dương,h.Thượng Phúc,
p.Thường Tín,t.HN 17

Tự Tân (tổng) 自新總: h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1033

Tự Tân (ấp) 自新邑: tg.Tự Tân,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1033

Tự Tháp (thôn) 寺塔村: ph.Báo Thiên,tg.Thuận Mỹ,h.Thọ Xương,
p.Hoài Đức,t.HN 11

Tự Thượng (phường) 序上坊: x.Định Hương,tg.Mộ Chu,h.Bạch Hạc,
p.Vĩnh Tường,t.ST 930

Tự Tiên (xã) 自先社: tg.Diên Lão,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 117

Túc Hiêu (ấp) 息畧邑: tg.Hồi Thuần,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1033

Túc Mặc (xã) 即墨社: tg.Lạc Thành,h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1039

Túc Mặc (xã) 即墨社: tg.Yên Lãng,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 945

Túc Mặc (xã) 即墨社: tg.Đông Mặc,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 306

Túc Tranh (giáp) 息爭甲: tg.Tân Cự,h.Tiến Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335

Túc Tranh (xã) 息爭社: tg.Lạc Đạo,h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1040

Túc Tranh (tổng) 息爭總: h.Phú Lương,p.Tông Hóa,t.TN 812

Túc Tranh (xã) 息爭社: tg.Túc Tranh,h.Phú Lương,p.Tông Hóa,t.TN 812

Tương Yên (phủ) 襄安府: t.TQ 869

Tương Dương (phủ) 襄陽府: t.NA 1272

Tương Dương (huyện) 襄陽縣: p.Tương Dương,t.NA 1272

Tương Đặng (xã) 襄鄧社: tg.Mạn Đề,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD .. 110

Tương Loát (xã) 相扞社: tg.Ngọc Chấn,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 317

Tương Mai (xã) 湘梅社: tg.Hoàng Mai,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 19

Tương Trúc (xã) 湘竹社: tg.Nam Phù Liệt,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 19

Tường (thôn) 詳村: x.Niệm Thượng,tg.Đổng Xá,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1124

Tường An (xã) 祥安社: tg.Ô Mễ,h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.NĐ 329

Tường Lân (xã) 祥麟村: tg.Chuyên Nghiệp,h.Phú Xuyên,
p.Thường Tín,t.HN 23

Tường Loan (thôn) 祥鸞村: x.Sơn Trai,tg.Cao Xá,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

Tường Loan Thượng (tràng) 翔鸞上庄: tg.Ngũ Trang,h.Mỹ Lộc,
p.Xuân Trường,t.NĐ 307

Tường Loan Trung (tràng) 翔鸞中庄: tg.Ngũ Trang,h.Mỹ Lộc,
p.Xuân Trường,t.NĐ 307

Tường Phiêu (tổng) 祥颿總: h.Thạch Thất,p.Quốc Oai,t.ST 923

Tường Phiêu (xã) 祥颿社: tg.Tường Phiêu,h.Thạch Thất,
p.Quốc Oai,t.ST 923

Tường Phong (xã) 祥豐社: tg.Tân Phong,ch.Phù Yên,p.Gia Hưng,t.HH 716

Tường Phù (xã) 祥符社: tg.Quang Huy,ch.Phù Yên,p.Gia Hưng,t.HH 716

Tường Vân (xã) 祥雲社: tg.An Cự,h.Đặng Xương,đạo QT 1384

Tường Vân (thôn) 祥雲村: x.Sơn Ôi,tg.Hải Quặt,h.Yên Định,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1110

Tường Vân (xã) 祥雲社: tg.Bắc Tạ,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126

Tường Vu (xã) 祥蕪社: tg.Lai Vu,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 147

Tường Xá (thôn) 庫舍村: x.Nam Kim Đông,tg.Nam Kim,h.Thanh Chương,
p.Anh Sơn,t.NA 1239

Tường Sơn (xã) 蔣山社: tg.Bảo Lộc Sơn,h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN 540

Tượng Cẩn (xã) 匠勤社: tg.Tượng Yên,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 663

Tượng Châu (ấp) 象洲邑: tg.Bái Trạch,h.Hoảng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1090

Tượng Cước (xã) 象腳社: tg.Lưu Xá,h.Đông Yên,p.Khoái Châu,t.HY 253

Tượng Sơn (thôn) 象山村: tg.Thuận Bài,h.Bình Chính,
p.Quảng Trạch,t.QB 1353

Tượng Yên (tổng) 匠安總: h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 663

Tượng Yên (xã) 匠安社: tg.Tượng Yên,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 663

Tụ Liệt (xã) 就烈社: tg.Thanh Liệt,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 19

U

Uẩn Áo (xã) 蘊奧社: tg.Mỹ Trạch,h.Lệ Thủy,p.Quảng Ninh,t.QB 1348

Uất Mậu (xã) 蔚茂社: tg.Khuông Phù,h.Quảng Điền,p.TT..... 1427

Úc Glán (xã) 郁澗社: tg.Văn Hòa,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144

Úc Kỳ (xã) 郁岐社: tg.Nhã Lộng,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN 794

Úc Lý (xã) 郁里社: tg.Động Cừu,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 29

Úc Sơn (xã) 郁山社: tg.La Đình,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN 794

Uông Hạ (xã) 汪下社: tg.Thượng Triệt,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD .. 110

Uông Thượng (xã) 汪上社: tg.Thượng Triệt,h.Thanh Lâm,
p.Nam Sách,t.HD 110

Uy (thôn) 威村: x.Lương Xá,tg.Thủ Hộ,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH ... 1120

Uy Hổ (xã) 威虎社: tg.Chi Nê,h.Hậu Lộc,p.Hà Trung,t.TH 1096

Uy Lễ (sách) 威魯冊: tg.Hạ Suu,h.Nghĩa Đường,p.Quỳ Châu,t.NA 1275

Uy Mạnh (tổng) 威猛總: h.Văn Quan,p.Tràng Định,t.LS 605

Uy Mạnh (xã) 威猛社: tg.Uy Mạnh,h.Văn Quan,p.Tràng Định,t.LS 605

Uy Nỗ (xã) 威弩社: tg.Ngọc Đới,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1115

Uy Nỗ (xã) 威弩社: tg.Tuân Lệ,h.Đông Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 491

Uy Nỗ (xã) 威弩社: tg.Bắc Tạ,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126

Uy Nỗ Hạ (xã) 威弩下社: tg.Hải Bối,h.Yên Lãng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 939

Uy Nỗ Thượng (xã) 威弩上社: tg.Xuân Canh,h.Đông Ngạn,
p.Từ Sơn,t.BN 492

Uy Nỗ Trung (xã) 威弩中社: tg.Tuân Lệ,h.Đông Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN .491

Uy Tế (xã) 威濟社: tg.Uy Viễn,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029

Uy Viễn (xã) 威遠社: tg.Phan Xá,h.Nghi Xuân,p.Đức Thọ,t.NA 1264

Uy Viễn (tổng) 威遠總: h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029

Uy Viễn (xã) 威遠社: tg.Uy Viễn,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029

Úy Uy (xã) 畏威社: tg.Thượng Đổng,h.Phong Doanh,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 325

Yên Lăng (xã) 淵浪社: tg.Yên Trang,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 512

Yên Lệ (tổng) 淵泪總: ch.Văn Yên,p.Tràng Định,t.LS 610

Yên Lệ (xã) 淵泪社: tg.Yên Lệ,ch.Văn Yên,p.Tràng Định,t.LS 610

Yên Trưng (tràng) 淵澄庄: tg.Thuận Lễ,h.Minh Chính,
p.Quảng Trạch,t.QB 1356

Úc Tải (xã) 億載社: tg.Mặc Xá,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134

Ứng Hòa (thôn) 應和村: tg.Mỹ Lâm,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 22

Ứng Hòa (phủ) 應和府: t.HN 24

Ứng Hòa (xã) 應和社: tg.Lương Xá,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31

Ứng Lễ (xã) 應禮社: tg.Ước Lễ,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 29

Ứng Liêm (xã) 應廉社: tg.Kỷ Cầu,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40

Ứng Lôi (xã) 應雷社: tg.Hà Lão,h.Hung Nhân,p.Tiên Hưng,t.HY 268

Ứng Luật (ấp) 應律邑: tg.Hương Đạo,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1033

Ứng Mộ (xã) 應募社: tg.Xuân Hử,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124

Ước Lễ (xã) 約禮社: tg.Thông Lăng,h.Hưng Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA ... 1242

Ước Lễ (xã) 約禮社: tg.Yên Lễ,h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN 540

Ước Lễ (tổng) 約禮總: h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 29

Ước Lễ (xã) 約禮社: tg.Ước Lễ,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 29

Ước Ngoại (thôn) 約外村: x.Thạch Cừ,tg.Thái Lai,h.Quảng Xương,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1121

Ước Nội (thôn) 約內村: x.Thạch Cừ,tg.Thái Lai,h.Quảng Xương,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1121

Ưu Đàm (xã) 優曇社: tg.Phù Trạch,h.Phong Điền,p.TT 1428

Ưu Nghĩa (thôn) 優義村: tg.Đồng Thọ,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12

Ưu Trường (thôn) 優長村: h.Cẩm Xuyên,đạo HT 1324

V

Văn Hà (xã) 挽河社: tg.Mật Vặt,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1101

Vạn Áng (tràng) 萬盎庄: h.Kỳ Anh,đạo HT 1326

Vạn Bảo (thôn) 萬寶村: tg.Đại Mỹ,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8

Vạn Bảo (châu) 萬寶洲: tg.Minh Tảo,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8

Vạn Bảo (trại) 萬寶寨: tg.Nội,h.Vĩnh Thuận,p.Hoài Đức,t.HN 13

Vạn Cát (phường) 萬吉坊: tg.Kiên Cường,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930

Vạn Diệp (xã) 萬葉社: tg.Đồng Phú,h.Thượng Nguyên,
p.Xuân Trường,t.NĐ 309

Vạn Điểm (tổng) 萬點總: h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN 17

Vạn Điểm (xã) 萬點社: tg.Vạn Điểm,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN .. 17

Vạn Điểm (xã) 萬點社: tg.Bằng Xá,h.Y Yên,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 323

Vạn Diển (xã) 萬渙社: tg.Thượng Chiểu,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD . 165

Vạn Đồn (xã) 萬屯社: tg.Quảng Nạp,h.Thuy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343

Vạn Đồn (xã) 萬屯社: tg.Cao Dương,h.Thượng Nguyên,
p.Xuân Trường,t.NĐ 309

Vạn Đường (xã) 萬堂社: tg.Lương Xá,h.Phụ Dục,pp.Thái Bình,t.NĐ 346

Vạn Hán (xã) 萬漢社: tg.Thượng Khê,h.Tây Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 954

Vạn Hạnh (xã) 萬行社: tg.Thượng Trung,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930

Vạn Hoạch (xã) 萬獲社: tg.Đồng Am,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126

Vạn Hộ (thôn) 萬戶村: tg.Lăng Diển,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1235

Vạn Hữu (thôn) 萬有村: tg.Ninh Hải,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 427

Vạn Khê Thị (thôn) 萬溪市村: tg.Vạn Thiện,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

Vạn Khoảnh (xã) 萬頃社: tg.Hữu Bị,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 307

Vạn Kim (phường) 萬金坊: x.Mai Xá,tg.An Mỹ,h.Do Linh,đạo QT 1391

Vạn Lại (xã) 萬賴社: tg.Yên Trường,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH . 1101

Vạn Lại (xã) 萬賴社: tg.Mông Sơn,ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ 863

Vạn Linh (xã) 萬靈社: tg.Thốc Sơn,h.Hữu Lũng,pp.Lạng Giang,t.BN 540

Vạn Linh (xã) 萬齡社: tg.Thái Lai,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1121

Vạn Long (phường) 萬龍坊: tg.Bích La,h.Đằng Xương,đạo QT 1384

Vạn Lộc (thôn) 萬祿村: x.Lương Trường,tg.Bích Triều,h.Thanh Chương,
p.Anh Sơn,t.NA 1238

Vạn Lộc (xã) 萬祿社: tg.Thượng Xá,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246

Vạn Lộc (xã) 萬祿社: tg.Thạch Khê,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1105

Vạn Lộc (xã) 萬祿社: tg.Trà Lũ,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304

Vạn Mỹ (xã) 萬美社: tg.Hạ Đoàn,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 152

Vạn Niên (thôn) 萬年村: x.Vạn Tái,tg.Vạn Tái,h.Thanh Lâm,
p.Nam Sách,t.HD 110

Vạn Ninh (châu) 萬寧州: p.Hải Ninh,t.QY 424

Vạn Ninh (tổng) 萬寧總: ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 424

Vạn Ninh (xã) 萬寧社: tg.Vạn Ninh,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 425

Vạn Phái (tổng) 萬派總: h.Phổ Yên,p.Phú Bình,t.TN 797

Vạn Phái (xã) 萬派社: tg.Vạn Phái,h.Phổ Yên,p.Phú Bình,t.TN 797

Vạn Phẩm (xã) 萬品社: tg.Quan Ngoại,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 935

Vạn Phần (tổng) 萬分總: h.Yên Thành,p.Diễn Châu,t.NA 1249

Vạn Phần (xã) 萬分社: tg.Vạn Phần,h.Yên Thành,p.Diễn Châu,t.NA ... 1249

Vạn Phúc (xã) 萬福社: tg.Châm Khê,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497

Vạn Phúc (tổng) 萬福總: h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 20

Vạn Phúc (xã) 萬福社: tg.Trầm Lộng,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26

Vạn Phúc (xã) 萬福社: tg.Trịnh Tiết,h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN 34

Vạn Phúc (xã) 萬福社: tg.Xuân Canh,h.Đồng Ngạc,p.Từ Sơn,t.BN 492

Vạn Phúc Châu (xã) 萬福洲社: tg.Vạn Phúc,h.Thanh Trì,
p.Thường Tín,t.HN 20

Vạn Phúc Đông (thôn) 萬福東村: x.Việt Yên Thượng,tg.Việt Yên,h.La Sơn,
p.Đức Thọ,t.NA 1255

Vạn Phúc Trung (thôn) 萬福中村: x.Việt Yên Thượng,tg.Việt Yên,h.La Sơn,
p.Đức Thọ,t.NA 1255

Vạn Quất (xã) 萬橋社: tg.Trầm Lộng,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26

Vạn Tải (xã) 萬載社: tg.Vạn Tư,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509

Vạn Tải (tổng) 萬載總: h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 110

Vạn Tải (xã) 萬載社: tg.Vạn Tải,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 110

Vạn Tải (xã) 萬載社: tg.Mặc Xá,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134

Vạn Thạch (xã) 萬石社: tg.Hoàng Văn,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522

Vạn Thắng (xã) 萬勝社: tg.Vạn Thiện,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH ... 1125

Vạn Thiện (tổng) 萬善總: h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

Vạn Thiện (xã) 萬善社: tg.Vạn Thiện,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

Vạn Thu (thôn) 萬秋村: x.Lưu Vệ,tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1121

Vạn Tư (tổng) 萬斯總: h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509

Vạn Tư (xã) 萬斯社: tg.Vạn Tư,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509

Vạn Xuân (tổng) 萬椿總: h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343

Vạn Xuân (xã) 萬椿社: tg.Vạn Xuân,h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343

Vạn Xuân (xã) 萬春社: tg.Hành Phố,h.Phong Đăng,p.Quảng Ninh,t.QB 1347

Vạn Xuân (xã) 萬春社: tg.Vạn Ninh,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 425

Vạn Xuân (xã) 萬春社: tg.An Ninh,h.Hương Trà,p.TT 1418

Vạn Yên (xã) 萬安社: tg.Trạm Diển,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537

Vạn Yên (tổng) 萬安總: h.Hoành Bồ,p.Sơn Định,t.QY 401

Vạn Yên (xã) 萬安社: tg.Vạn Yên,h.Hoành Bồ,p.Sơn Định,t.QY 401

Văn (giáp) 文甲: x.Dương Lệ,tg.An Dã,h.Đằng Xương,đạo QT 1384

Văn (thôn) 文村: x.Xuân Vi,tg.Ngọc Tuyết,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1091

Văn (thôn) 文村: x.Trường Vi,tg.Quảng Chiểu,h.Đồng Sơn,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1106

Văn (thôn) 文村: x.Đại Đồng,tg.Đình Tổ,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN .506

Văn Ấp (xã) 文邑社: tg.Vụ Bản,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319

Văn Ba (<i>thôn</i>) 文波村: x.Quang Chiếu,tg.Quang Chiếu,h.Đồng Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1106	Văn Khê (<i>thôn</i>) 文溪村: x.Quang Chiếu,tg.Quang Chiếu,h.Đồng Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1106
Văn Bàn (<i>châu</i>) 文盤州: p.Quy Hóa,t.HH 730	Văn Khê (<i>xã</i>) 文溪社: tg.Bố Khê,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 29
Văn Bàn (<i>xã</i>) 文盤社: tg.Vũ Lao,ch.Văn Bàn,p.Quy Hóa,t.HH 730	Văn Khê (<i>xã</i>) 文溪社: tg.Phí Xá,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95
Văn Bảng (<i>tổng</i>) 文榜總: ch.Luân,p.Điện Biên,t.HH 740	Văn Khê (<i>xã</i>) 文溪社: tg.Đại Phương Lang,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD .. 144
Văn Bảng (<i>xã</i>) 文榜社: tg.Văn Bảng,ch.Luân,p.Điện Biên,t.HH 740	Văn Khu Hạnh Đàn (<i>thôn</i>) 文區杏壇村: tg.Lệnh Cấm,h.Hạ Lang, p.Trung Khánh,t.CB 676
Văn Bân (<i>xã</i>) 文彬社: tg.Đan Nê,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109	Văn Khuê (<i>thôn</i>) 文奎村: tg.Bạch Hà,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1234
Văn Bối (<i>xã</i>) 文貝社: tg.Kim Bảng,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38	Văn Khuê (<i>xã</i>) 文奎社: tg.Văn Trính,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1115
Văn Bút (<i>xã</i>) 文筆社: tg.Trắc Bút,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45	Văn La (<i>xã</i>) 文羅社: tg.Long Đại,h.Phong Lộc,p.Quảng Ninh,t.QB 1345
Văn Chấn (<i>giáp</i>) 文振甲: x.Đức Lân,tg.Yên Trường,h.Chân Lạc, p.Anh Sơn,t.NA 1246	Văn La (<i>xã</i>) 文羅社: tg.Phượng Vĩ Hạ,ch.Định,p.Tông Hóa,t.TN 807
Văn Chấn (<i>xã</i>) 文振社: tg.Đôn Lương,h.Nghiêu Phong,p.Sơn Định,t.QY 418	Văn La (<i>thôn</i>) 文羅村: x.Quang Lâm,tg.Thắng Lâm,h.Thanh Oai, p.Ứng Hòa,t.HN 28
Văn Chấn (<i>huyện</i>) 文振縣: p.Quy Hóa,t.HH 725	Văn La (<i>tổng</i>) 文羅總: h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31
Văn Chiếu (<i>tổng</i>) 文照總: h.Hạ Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950	Văn La (<i>xã</i>) 文羅社: tg.Văn La,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31
Văn Chiếu (<i>xã</i>) 文照社: tg.Văn Chiếu,h.Hạ Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950	Văn Lang (<i>xã</i>) 文郎社: tg.Khê Kiều,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333
Văn Cú (<i>xã</i>) 文句社: tg.Tông Chính,ch.Lương Chánh,p.Thọ Xuân,t.TH . 1150	Văn Lang (<i>thôn</i>) 文郎村: x.Đô An,tg.Đô Yên,h.Hưng Nguyên, p.Anh Sơn,t.NA 1242
Văn Cú (<i>tổng</i>) 文句總: h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151	Văn Lang (<i>tổng</i>) 文郎總: h.Hạ Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950
Văn Cú (<i>xã</i>) 文句社: tg.Văn Cú,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151	Văn Lang (<i>xã</i>) 文郎社: tg.Văn Lang,h.Hạ Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950
Văn Cú (<i>thôn</i>) 文句村: x.Tân Cầu,tg.Cát Đằng,h.Phong Doanh, pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 326	Văn Lang (<i>tổng</i>) 文郎總: h.Tam Nông,p.Gia Hưng,t.HH 709
Văn Đấu (<i>tổng</i>) 文斗總: h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144	Văn Lang (<i>xã</i>) 文郎社: tg.Văn Lang,h.Tam Nông,p.Gia Hưng,t.HH 709
Văn Đấu (<i>xã</i>) 文斗社: tg.Văn Đấu,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144	Văn Lang (<i>tổng</i>) 文朗總: h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ 312
Văn Điểm (<i>xã</i>) 文點社: tg.Vĩnh Lại,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944	Văn Lang (<i>xã</i>) 文朗社: tg.Văn Lang,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ .. 312
Văn Điển (<i>xã</i>) 文典社: tg.Cổ Diễn,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 19	Văn Lãng (<i>xã</i>) 文朗社: tg.Vô Ngại,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333
Văn Định (<i>xã</i>) 文定社: tg.Uy Mãn,h.Văn Quan,p.Tràng Định,t.LS 605	Văn Lãng (<i>xã</i>) 文朗社: tg.Lạc Đạo,h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1040
Văn Đô (<i>xã</i>) 文都社: tg.Văn Trường,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1117	Văn Lãng (<i>huyện</i>) 文朗縣: p.Tông Hóa,t.TN 809
Văn Đông (<i>xã</i>) 汶東社: tg.Dương Áo,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 116	Văn Lâm (<i>trại</i>) 文林寨: tg.Khê Kiều,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333
Văn Đồng (<i>xã</i>) 文同社: tg.Phương Điền,h.Hương Khê,p.Đức Thọ,t.NA 1261	Văn Lâm (<i>thôn</i>) 文林村: tg.Bạch Hà,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1234
Văn Đức (<i>xã</i>) 文德社: tg.Lạc Đạo,h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1040	Văn Lâm (<i>thôn</i>) 文林村: tg.Xuân Liễu,h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA ... 1236
Văn Đức (<i>xã</i>) 文德社: tg.Bái Châu,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1110	Văn Lâm (<i>xã</i>) 文林社: tg.Xuân Lâm,h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA 1236
Văn Giai (<i>thôn</i>) 文階村: tg.Xuân Lâm,h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA ... 1236	Văn Lâm (<i>tổng</i>) 文林總: h.La Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1255
Văn Giai (<i>sách</i>) 文階冊: tg.Hạ Suu,h.Nghĩa Đường,p.Quỳ Châu,t.NA ... 1275	Văn Lâm (<i>xã</i>) 文林社: tg.Văn Lâm,h.La Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1255
Văn Giang (<i>thôn</i>) 文江村: tg.An Ấp,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259	Văn Lâm (<i>xã</i>) 文林社: tg.Vũ Lâm,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB 1021
Văn Giang (<i>xã</i>) 文江社: tg.Đồng Phú,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930	Văn Lâm (<i>thôn</i>) 文林村: x.Mậu Lâm,tg.Mậu Lâm,h.Nga Sơn, p.Hà Trung,t.TH 1086
Văn Giang (<i>xã</i>) 文江社: tg.Sư Lỗ,h.Phú Vang,p.TT 1420	Văn Lâm (<i>thôn</i>) 文林村: x.Đồng Đội,tg.Tuân La,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1116
Văn Giang (<i>huyện</i>) 文江縣: pp.Thuận Thành,t.BN 516	Văn Lâm Thái (<i>xã</i>) 文林太社: tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1121
Văn Giáo (<i>xã</i>) 文教社: tg.Ngọc Đới,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1115	Văn Lâm Thượng (<i>xã</i>) 文林上社: tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1121
Văn Giáp (<i>xã</i>) 文甲社: tg.Thượng Cung,h.Thượng Phúc, p.Thường Tín,t.HN 16	Văn Lâm Trung (<i>xã</i>) 文林中社: tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1121
Văn Giáp (<i>xã</i>) 文甲社: tg.Vĩnh Dật,ch.Văn Uyên,p.Tràng Định,t.LS 610	Văn Lôi (<i>xã</i>) 文雷社: tg.Hạ Lôi,h.Yên Lãng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938
Văn Hà (<i>xã</i>) 文河社: tg.Liên Trì,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1114	Văn Luận (<i>tổng</i>) 文論總: h.Phụng Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1038
Văn Hải (<i>ly</i>) 文海里: tg.Tân Phong,h.Tiến Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335	Văn Luận (<i>xã</i>) 文論社: tg.Văn Luận,h.Phụng Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1038
Văn Hải (<i>áp</i>) 文海邑: tg.Tuy Lộc,h.Kim Sơn,p.Yên Khánh,t.NB 1033	Văn Lý (<i>áp</i>) 文里邑: tg.Tân Khai,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 305
Văn Hạnh (<i>xã</i>) 文亨社: tg.Thịnh Quang,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 332	Văn Mặc (<i>xã</i>) 文墨社: tg.Du La,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113
Văn Hòa (<i>tổng</i>) 文和總: h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144	Văn Ngoại (<i>thôn</i>) 文外村: tg.Thượng Cung,h.Thượng Phúc, p.Thường Tín,t.HN 16
Văn Hòa (<i>xã</i>) 文和社: tg.Văn Hòa,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144	Văn Nham (<i>xã</i>) 文巖社: tg.Ngọc Đới,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1115
Văn Học (<i>xã</i>) 文學社: tg.Lương Thượng,h.Cẩm Hóa,p.Thông Hóa,t.TN .. 816	Văn Nhue (<i>tổng</i>) 文銳總: h.Ấn Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256
Văn Hội (<i>thôn</i>) 文會村: x.Việt Yên Thượng,tg.Việt Yên,h.La Sơn, p.Đức Thọ,t.NA 1255	Văn Nhue (<i>xã</i>) 文銳社: tg.Văn Nhue,h.Ấn Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256
Văn Hội (<i>thôn</i>) 文會村: tg.Thượng Cung,h.Thượng Phúc, p.Thường Tín,t.HN 16	Văn Ninh (<i>xã</i>) 文寧社: tg.Mật Ninh,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 533
Văn Hội (<i>tổng</i>) 文會總: h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124	Văn Nội (<i>thôn</i>) 文內村: x.Thắng Lâm,tg.Thắng Lâm,h.Thanh Oai, p.Ứng Hòa,t.HN 28
Văn Hội (<i>xã</i>) 文會社: tg.Văn Hội,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124	
Văn Hưng (<i>xã</i>) 文興社: tg.Đệ Nhất,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 307	
Văn Hương (<i>thôn</i>) 文香村: tg.Yên Hòa,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12	
Văn Khê (<i>xã</i>) 文溪社: tg.Nhân Lý,h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST 913	
Văn Khê (<i>xã</i>) 文溪社: tg.Kim Lăng,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957	

Văn Ông (xã) 文翁社: tg.Đồng Hải,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 340	Văn Xá (xã) 文舍社: tg.Phú Ốc,h.Hương Trà,p.TT 1418
Văn Ông (xã) 文翁社: tg.Phương Đình,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26	Văn Xá (xã) 文舍社: tg.Thủy Cam,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 29
Văn Phái (xã) 文派社: tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1115	Văn Xá (xã) 文舍社: tg.Mễ Trường,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40
Văn Phái (xã) 文派社: tg.Bạch Sam,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37	Văn Xá (xã) 文舍社: tg.Ngu Nhuế,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45
Văn Phái Ngoại (xã) 文派外社: tg.Văn Trường,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1117	Văn Xá (xã) 文舍社: tg.Ti Bà,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 511
Văn Phạm (xã) 文範社: tg.Lại Thượng,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD . 110	Văn Xá (xã) 文舍社: tg.Vũ La,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 111
Văn Phong (xã) 文風社: tg.An Lưu,h.Đặng Xương,đạo QT 1384	Văn Xá (xã) 文舍社: tg.Từ Mặc,h.Y Yên,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 323
Văn Phong (thôn) 文風村: x.Ngọc Lâm,tg.Ngọc Xuyết,h.Hoàng Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1091	Văn Xiển (tổng) 文闡總: h.Văn Lăng,p.Tông Hóa,t.TN 809
Văn Phong (xã) 文峰社: tg.Phù Lương,h.Võ Giàng,p.Từ Sơn,t.BN 501	Văn Xiển (xã) 文闡社: tg.Văn Xiển,h.Văn Lăng,p.Tông Hóa,t.TN 809
Văn Phú (xã) 文富社: tg.Thuận Thị,h.Minh Chính,p.Quảng Trạch,t.QB 1355	Văn Xuyên (xã) 文川社: tg.Hoảng Lại,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113
Văn Phú (xã) 文富社: tg.Văn Chiêu,h.Hà Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950	Văn Yên (xã) 文安社: tg.Lang Quán,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 859
Văn Phúc (thôn) 文福村: tg.Thanh Viên,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA 1252	Vân (phường) 雲坊: tg.Đức Triêm,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 259
Văn Phương (xã) 文芳社: tg.Văn Trường,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1117	Vân Am (xã) 雲庵社: tg.Yên Bái,h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343
Văn Phương (xã) 文芳社: tg.Thái Lai,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1121	Vân Am (xã) 雲庵社: tg.Quảng Thi,h.Thuy Nguyễn,p.Thiệu Hóa,t.TH ... 1102
Văn Quan (xã) 文關社: tg.Khuông Tự,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN . 506	Vân Am (xã) 雲庵社: tg.Phương Duy,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 130
Văn Quan (xã) 文關社: tg.Ngô Khê,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45	Vân An (xã) 雲安社: tg.An Đồn,h.Đặng Xương,đạo QT 1384
Văn Quan (huyện) 文關縣: p.Tràng Định,t.LS 604	Vân Bảng (xã) 雲榜社: tg.Hồ Sơn,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319
Văn Quán (xã) 文館社: tg.Đồng Chân,h.Quỳnh Côi,pp.Thái Bình,t.NĐ .. 348	Vân Bán (tổng) 雲半總: h.Yên Lập,p.Quy Hóa,t.HH 728
Văn Quán (xã) 文館社: tg.Kim Đà,h.Yên Lăng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938	Vân Bán (xã) 雲半社: tg.Vân Bán,h.Yên Lập,p.Quy Hóa,t.HH 728
Văn Quán (trang) 文館庄: tg.Thượng Thanh Oai,h.Thanh Oai, p.Ứng Hòa,t.HN 28	Vân Bảo (xã) 雲保社: tg.Hữu Vu,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959
Văn Quỹ (xã) 文軌社: tg.An Thư,h.Hải Lăng,đạo QT 1385	Vân Bổng (xã) 雲蓬社: tg.Yên Ninh,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB ... 1020
Văn Tảo (xã) 文藻社: tg.Du La,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113	Vân Cái (tổng) 雲蓋總: h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029
Văn Tân (thôn) 文津村: tg.Du Đồng,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259	Vân Cái (xã) 雲蓋社: tg.Vân Cái,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029
Văn Tân (thôn) 文新村: tg.Yên Hòa,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12	Vân Cái (thôn) 雲蓋村: tg.Trung Bạ,h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1083
Văn Thái (thôn) 文台村: tg.Thanh Viên,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA 1252	Vân Canh (xã) 雲耕社: tg.Hương Canh,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8
Văn Thái (tổng) 文台總: h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 98	Vân Cáp (xã) 雲閣社: tg.Vĩnh Lại,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944
Văn Thái (xã) 文台社: tg.Văn Thái,h.Cẩm Giàng,p.Bình Giang,t.HD 98	Vân Cát (xã) 雲葛社: tg.Đồng Đội,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319
Văn Than (xã) 文灘社: tg.Vạn Tư,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509	Vân Cẩn (xã) 雲根社: tg.Thanh Cẩn,h.Quảng Diễn,p.TT 1427
Văn Trạch (thôn) 文澤村: x.Đặng Diên,tg.Đặng Xá,h.Chân Lộc, p.Anh Sơn,t.NA 1246	Vân Cẩm (xã) 雲錦社: tg.Đồng Lỗ,h.Việt Yên,p.Lạng Giang,t.BN 534
Văn Trại (xã) 文齋社: tg.Lương Xá,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 22	Vân Cầu (tổng) 雲棣總: h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN 540
Văn Trinh (xã) 文貞社: tg.Đồng Sơn,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494	Vân Cầu (xã) 雲棣社: tg.Vân Cầu,h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN 540
Văn Trinh (tổng) 文貞總: h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1114	Vân Cầu (xã) 雲棣社: tg.Xuân Hử,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124
Văn Trinh (xã) 文貞社: tg.Văn Trinh,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1114	Vân Cầu (xã) 雲棣社: tg.Yên Lạc,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 260
Văn Trung (xã) 文徵社: tg.Kiên Cường,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST . 930	Vân Chàng (xã) 雲幢社: tg.Minh Lương,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269
Văn Trường (tổng) 文場總: h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1117	Vân Chàng (thôn) 雲幢村: x.Văn Xá,tg.Thủy Cam,h.Thanh Oai, p.Ứng Hòa,t.HN 29
Văn Trường (xã) 文場: tg.Văn Trường,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1117	Vân Chàng (xã) 雲幢社: tg.Thị Liệu,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ .. 310
Văn Trường (xã) 文場社: tg.Văn Đầu,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144	Vân Châu (xã) 雲洲社: tg.Kim Bảng,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38
Văn Tự (xã) 文字社: tg.Vạn Điểm,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN 17	Vân Chùy (xã) 雲槌社: tg.Hoàng Văn,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522
Văn Úc (xã) 文郁社: tg.Dương Áo,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 116	Vân Cô (trang) 雲姑庄: tg.Phí Lai,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086
Văn Uyên (xã) 文淵社: tg.Nam Phù Liệt,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN .. 19	Vân Cốc (xã) 雲谷社: tg.Hoàng Mai,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 533
Văn Uyên (châu) 文淵州: p.Tràng Định,t.LS 610	Vân Cốc (xã) 雲谷社: tg.Nhật Chiêu,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 931
Văn Vật (thôn) 文物村: x.Quảng Xuyên,tg.Quang Châu,h.Đồng Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1106	Vân Cồn (xã) 雲滾社: tg.Yên Định,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124
Văn Viên (tổng) 文園總: h.Hưng Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA 1242	Vân Cù (xã) 雲衢社: tg.Ninh Cù,h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343
Văn Viên (xã) 文園社: tg.Văn Viên,h.Hưng Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA 1242	Vân Cù (xã) 雲衢社: tg.Hương Khê,h.Hương Khê,p.Đức Thọ,t.NA 1262
Văn Xa (xã) 文車社: tg.Cát Dương,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY 256	Vân Cù (xã) 雲衢社: tg.Hương Cẩn,h.Hương Trà,p.TT 1419
Văn Xá (thôn) 文舍村: x.Trung Mậu,tg.Thông Lăng,h.Hưng Nguyên, p.Anh Sơn,t.NA 1242	Vân Cù (xã) 雲衢社: tg.Sa Lung,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 310
Văn Xá (xã) 文舍社: tg.Thượng Xá,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246	Vân Cung (xã) 雲恭社: tg.Lục Canh,ch.Quan Hóa,p.Quảng Hóa,t.TH . 1137
Văn Xá (xã) 文舍社: tg.Mỹ Lộc,h.Phong Đăng,p.Quảng Ninh,t.QB 1347	Vân Cước (xã) 雲腳社: tg.Đường Xâm,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ . 331
Văn Xá (thôn) 文舍村: x.Hải Yến,tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1121	Vân Cương (xã) 雲崗社: tg.Xuân Lũng,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944
Văn Xá (tổng) 文舍總: h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124	Vân Cương (xã) 雲崗社: tg.Nghĩa Khê,h.Hùng Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 955
	Vân Du (thôn) 雲油村: x.Đa Lộc,tg.Đổng Xá,h.Nông Cống, p.Tĩnh Gia,t.TH 1124
	Vân Du (xã) 雲油社: tg.Hòa Luэт,h.Thạch Thành,p.Quảng Hóa,t.TH 1135
	Vân Du (xã) 雲油社: tg.Lân Sơn,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 663
	Vân Dù (xã) 雲恤社: tg.Ngọc Chúc,h.Hùng Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 955
	Vân Duệ (xã) 雲裔社: tg.Mông Sơn,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1139

Vân Dương (xã) 雲陽社: tg.Nghĩa Hương,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN ... 794	Vân Lung (thôn) 雲籠村: x.Đông Lỗ,tg.Đông Lỗ,h.Yên Lập, p.Quy Hóa,t.HH 729
Vân Dương (xã) 雲揚社: tg.An Cựu,h.Hương Thủy,p.TT 1422	Vân Lũng (xã) 雲隴社: tg.Yên Lũng,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8
Vân Dương (xã) 雲陽社: tg.Phong Cốc,h.Đường Hào, p.Bình Giang,t.HD 100	Vân Mạc (thôn) 雲幕村: tg.Hạ Cốc,h.Ấn Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256
Vân Dương (xã) 雲陽社: tg.Bất Náo,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 147	Vân Mạc (xã) 雲幕社: tg.Uy Mãnh,h.Văn Quan,p.Tràng Định,t.LS 605
Vân Đài (thôn) 雲臺村: x.Nhật Quang,tg.Vận Quy,h.Đông Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1105	Vân Mạc (phố) 雲幕舖: tg.Uy Mãnh,h.Văn Quan,p.Tràng Định,t.LS 605
Vân Đài (xã) 雲臺社: tg.Vị Sĩ,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.ND 333	Vân Mẫu (tổng) 雲畝總: h.Quế Dương,p.Từ Sơn,t.BN 500
Vân Điểm (xã) 雲恬社: tg.Hà Lỗ,h.Đông Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 491	Vân Mẫu (xã) 雲畝社: tg.Vân Mẫu,h.Quế Dương,p.Từ Sơn,t.BN 500
Vân Đình (xã) 雲亭社: tg.Cựu Đình,h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST 913	Vân Môn (xã) 雲門社: tg.Lịch Bài,h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.ND 329
Vân Đình (thôn) 雲亭村: tg.Phương Đình,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26	Vân Mộng (xã) 雲夢社: tg.Quan Hóa,h.Yên Thành,p.Diễn Châu,t.NA ... 1250
Vân Đoàn (xã) 雲團社: tg.Đào Hương,h.Quế Dương,p.Từ Sơn,t.BN 500	Vân Mộng (xã) 雲夢社: tg.Mỹ Khê,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST 911
Vân Đô (xã) 雲都社: tg.Thanh Khê,h.Đông Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1105	Vân Mộng (xã) 雲夢社: tg.Trâm Nhĩ,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957
Vân Độ (xã) 雲度社: tg.Phương Duy,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 130	Vân Mộng (xã) 雲夢社: tg.Mỹ Liệt,h.Văn Quan,p.Tràng Định,t.LS 605
Vân Đồi (xã) 雲堆社: tg.Từ Đồi,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 117	Vân Mộng (tổng) 雲夢總: ch.Lộc Bình,p.Tràng Khánh,t.LS 621
Vân Đội (xã) 雲隊社: tg.Vân Tụ,h.Đông Thành,p.Diễn Châu,t.NA 1249	Vân Mộng (trang) 雲夢庄: tg.Vân Mộng,ch.Lộc Bình,p.Tràng Khánh,t.LS 621
Vân Đội (xã) 雲隊社: tg.Cao Xá,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944	Vân Nham (tổng) 雲岩總: h.Hữu Lũng,pp.Lạng Giang,t.BN 540
Vân Đội (xã) 雲隊社: tg.Tự Cường,h.Thạch Thành,p.Quảng Hóa,t.TH . 1135	Vân Nham (xã) 雲岩社: tg.Vân Nham,h.Hữu Lũng,pp.Lạng Giang,t.BN . 540
Vân Đồn (xã) 雲屯社: tg.Tiên La,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN 794	Vân Nham (tổng) 雲巖總: h.Hùng Quan,p.Đoan Hùng,t.ST 955
Vân Động (xã) 雲洞社: tg.Bắc Lũng,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537	Vân Nham (xã) 雲巖社: tg.Vân Nham,h.Hùng Quan,p.Đoan Hùng,t.ST . 955
Vân Động (xã) 雲洞社: tg.Vĩnh Đại,h.Đông Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165	Vân Nham (xã) 雲岩社: tg.Tràng Quế,ch.Ôn,p.Tràng Khánh,t.LS 617
Vân Động (xã) 雲洞社: tg.Hội Khê,h.Vũ Tiên,p.Kiến Xương,t.ND 329	Vân Nhung (xã) 雲仍社: tg.Tử Du,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 932
Vân Già (thôn) 雲遮村: tg.Thanh Vị,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST 911	Vân Nhung Thịnh (xã) 雲仍盛社: tg.Thọ Hạc,h.Đông Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1104
Vân Giang (xã) 雲江社: tg.Đổng Phú,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930	Vân Nhung Thượng (xã) 雲仍上社: tg.Thọ Hạc,h.Đông Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1104
Vân Hải (thôn) 雲海村: tg.Cổ Đàm,h.Nghi Xuân,p.Đức Thọ,t.NA 1265	Vân Nùng (xã) 雲濃社: tg.Mai Pha,ch.Ôn,p.Tràng Khánh,t.LS 616
Vân Hải (tổng) 雲海總: h.Nghiêu Phong,p.Sơn Định,t.QY 420	Vân Ổ (xã) 雲塢社: tg.Lương Diến,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 940
Vân Hán (xã) 雲漢社: tg.Đổng Bang,h.Động Hỷ,p.Phú Bình,t.TN 798	Vân Ổ (xã) 雲塢社: tg.Cổ Biện,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD 157
Vân Hoàn (thôn) 雲鬟村: x.Thạch Giản,tg.Thạch Giản,h.Nga Sơn, p.Hà Trung,t.TH 1086	Vân Quán (xã) 雲觀社: tg.Phúc Hải,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 141
Vân Hồ (thôn) 雲湖村: tg.Kim Liên,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12	Vân Quật (xã) 雲窟社: tg.Vĩnh Trì,h.Hương Trà,p.TT 1419
Vân Hội (thôn) 雲會村: tg.Lâm Thịnh,h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA 1235	Vân Quế (xã) 雲桂社: tg.Mễ Sơn,h.Đông Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165
Vân Hội (xã) 雲會社: tg.Thanh Mai,h.Tiên Phong,p.Quảng Oai,t.ST 909	Vân Sâm (trại) 雲森寨: tg.Tân Khai,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.ND 305
Vân Hội (xã) 雲會社: tg.Hội Hạ,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 940	Vân Sơn (xã) 雲山社: tg.Xuân Liễu,h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA 1236
Vân Hợp (xã) 雲合社: tg.Vân Mẫu,h.Quế Dương,p.Từ Sơn,t.BN 500	Đào Trường (xã) 陶場社: tg.Xuân Áng,h.Phượng Nhãn, p.Lạng Giang,t.BN 530
Vân Hương (xã) 雲香社: tg.Tiên Hương,h.Tiên Lữ,p.Tiên Hưng,t.HY 272	Vân Tản (tổng) 雲傘總: h.Cẩm Xuyên,đạo HT 1322
Vân Khám (xã) 雲龕社: tg.Khắc Niệm,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494	Vân Tập (tổng) 雲集總: h.Quế Phong,p.Quỳ Châu,t.NA 1276
Vân La (tổng) 雲羅總: h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 20	Vân Tập (xã) 雲集社: tg.Vân Tập,h.Quế Phong,p.Quỳ Châu,t.NA 1276
Vân La (xã) 雲羅社: tg.Vân La,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 20	Vân Tập (xã) 雲集社: tg.Lũ Đãng,h.Bình Chính,p.Quảng Trạch,t.QB 1353
Vân La (xã) 雲羅社: tg.Trác Bút,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45	Vân Tập (xã) 雲集社: tg.Đại Bối,h.Đông Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1105
Vân Lai (xã) 雲來社: tg.Phong Cốc,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100	Vân Tấu (xã) 雲胄社: tg.Đàm Khánh,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025
Vân Lãm (xã) 雲攬社: tg.Tử Du,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 932	Vân Thê (xã) 雲梯社: tg.An Cựu,h.Hương Thủy,p.TT 1422
Vân Lăng (tổng) 雲陵總: h.Động Hỷ,p.Phú Bình,t.TN 798	Vân Thê (xã) 雲梯社: tg.Vân Bán,h.Yên Lập,p.Quy Hóa,t.HH 728
Vân Lăng (xã) 雲陵社: tg.Vân Lăng,h.Động Hỷ,p.Phú Bình,t.TN 798	Vân Thê (tổng) 雲梯總: ch.Ôn,p.Tràng Khánh,t.LS 617
Vân Lâm (xã) 雲霖社: tg.Điện Sơn,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 859	Vân Thê (xã) 雲梯社: tg.Vân Thê,ch.Ôn,p.Tràng Khánh,t.LS 617
Vân Lâm (xã) 雲林社: tg.Kim Bảng,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38	Vân Tông (xã) 雲從社: tg.Thượng Quan,h.Nguyên Bình,p.Hòa An,t.CB . 667
Vân Liễn (xã) 雲輦社: tg.Vân Trại,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1116	Vân Tra (xã) 雲查社: tg.Vân Cú,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151
Vân Liêu (xã) 雲僚社: tg.Hạ Mao,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 945	Vân Trai (xã) 雲齋社: tg.Tây Đãng,h.Tiên Phong,p.Quảng Oai,t.ST 908
Vân Long (xã) 雲龍社: tg.Đại Hữu,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029	Vân Trai (xã) 雲齋社: tg.Đông Yên,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086
Vân Long (xã) 雲龍社: tg.Quan Hoàng,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1139	Vân Trai (tổng) 雲齋總: h.Cẩm Thủy,p.Tĩnh Gia,t.TH 1116
Vân Lôi (xã) 雲雷社: tg.Lũ Đãng,h.Bình Chính,p.Quảng Trạch,t.QB 1353	Vân Trai (xã) 雲齋社: tg.Vân Trại,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1116
Vân Lôi (xã) 雲雷社: tg.Đại Đồng,h.Thạch Thắt,p.Quốc Oai,t.ST 924	Vân Trai (tổng) 雲齋總: h.Ngọc Sơn,p.Gia Tĩnh,t.TH 1139
Vân Lung (xã) 雲籠社: tg.Kha Hộ,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537	Vân Trai (xã) 雲齋社: tg.Vân Trại,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1139
Vân Lung (xã) 雲籠社: tg.Phượng Lâu,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST ... 957	Vân Trai (xã) 雲齋社: tg.Thượng Cung,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN 16
Vân Lung (tổng) 雲籠總: h.Thạch Thành,p.Quảng Hóa,t.TH 1135	Vân Trì (xã) 雲池社: tg.Kha Hộ,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537
Vân Lung (xã) 雲籠社: tg.Lục Canh,ch.Quan Hóa,p.Quảng Hóa,t.TH .. 1137	Vân Trì (xã) 雲池社: tg.Tuân Lệ,h.Đông Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 491
Vân Lung (xã) 雲籠社: tg.Vân Lung,ch.Quan Hóa,p.Quảng Hóa,t.TH .. 1137	Vân Trình (tổng) 雲程總: h.Hung Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA 1243
Vân Lung (xã) 雲籠社: tg.Xuân Đài,h.Thanh Sơn,p.Gia Hưng,t.HH 711	

Vân Trình (xã) 雲程社: tg.Vân Trình,h.Hưng Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA .. 1243	Vị Khê (xã) 渭溪社: tg.Nhân Mục,h.Vị Xuyên,p.Tương An,t.TQ 874
Vân Trình (xã) 雲程社: tg.Chính Lộc,h.Phong Điền,p.TT 1428	Vị Khê (xã) 渭溪社: tg.Bách Tĩnh,h.Thượng Nguyên,p.Xuân Trường,t.NĐ 308
Vân Trục (xã) 雲軸社: tg.Từ Du,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 932	Vị Khê (xã) 渭溪社: tg.Vị Sĩ,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333
Vân Trường (xã) 雲長社: tg.Yên Lăng,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD ... 165	Vị Lại (xã) 渭賴社: tg.Vạn Yên,h.Hoành Bồ,p.Sơn Định,t.QY 402
Vân Tụ (tổng) 雲岫總: h.Đồng Thành,p.Diễn Châu,t.NA 1249	Vị Nhuế (xã) 渭汭社: tg.Chu Chàng,h.Tiên Phong,p.Quảng Oai,t.ST 909
Vân Tụ (xã) 雲岫社: tg.Vân Tụ,h.Đồng Thành,p.Diễn Châu,t.NA 1249	Vị Nội (xã) 渭內社: tg.Hương Canh,h.Yên Lăng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938
Vân Tường (xã) 雲祥社: tg.An Cư,h.Đặng Xương,đạo QT 1384	Vị Sĩ (tổng) 渭侯總: h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333
Vân Úc (xã) 雲郁社: tg.Dương Áo,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 116	Vị Sĩ (xã) 渭侯社: tg.Vị Sĩ,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333
Vân Ủy (xã) 雲委社: tg.Vân Thê,ch.Ôn,p.Tràng Khánh,t.LS 617	Vị Thủy (xã) 渭水社: tg.Thanh Vị,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST 910
Vân Yên (xã) 雲煙社: tg.Kỷ Phú,h.Đại Từ,p.Tông Hóa,t.TN 810	Vị Thủy (xã) 渭水社: tg.Vĩnh Đại,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165
Vận Châu (thôn) 運洲村: tg.Thổ Hào,h.Thanh Chương,p.Anh Sơn,t.NA 1238	Vị Thượng (xã) 渭上社: tg.Nghĩa Đô,ch.Lục Yên,p.An Bình,t.TQ 868
Vận Qui (tổng) 運規總: h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1105	Vị Trù (xã) 渭瘠社: tg.Hương Canh,h.Yên Lăng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938
Vận Qui (xã) 運規社: tg.Vận Quy,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1105	Vị Xuyên (tổng) 渭川總: h.Văn Lăng,p.Tông Hóa,t.TN 809
Vật Cách Hạ (xã) 物格下社: tg.Quỳnh Hoàng,h.Giáp Sơn, p.Kinh Môn,t.HD 158	Vị Xuyên (xã) 渭川社: tg.Vị Xuyên,h.Văn Lăng,p.Tông Hóa,t.TN 809
Vật Cách Thượng (xã) 物格上社: tg.Quỳnh Hoàng,h.Giáp Sơn, p.Kinh Môn,t.HD 158	Vị Xuyên (huyện) 渭川縣: p.Tương An,t.TQ 874
Vật Lại (tổng) 物賴總: h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST 911	Vị Xuyên (xã) 渭川社: tg.Đồng Mặc,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 306
Vật Lại (xã) 物賴社: tg.Vật Lại,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST 911	Viêm Minh (xã) 炎明社: tg.Phù Lưu Tế,h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN 34
Vật Phú (xã) 物富社: tg.Niêm Sơn,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537	Viêm Xá (xã) 炎舍社: tg.Châm Khê,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497
Vật Phụ (xã) 物阜社: tg.Vật Lại,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST 911	Viêm Xương (xã) 炎昌社: tg.Hậu Bồng,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 131
Vật Yên (xã) 物安社: tg.Vật Lại,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST 911	Viên Châu (xã) 圓洲社: tg.Mộc Hoàn,h.Tiên Phong,p.Quảng Oai,t.ST ... 909
Vệ (thôn) 衛村: x.Vệ Quốc,t.Đa Lộc,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109	Viên Châu (trại) 圓洲寨: tg.Đồng An,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 859
Vệ An (thôn) 衛安村: x.Hoàng Thanh,tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1121	Viên Chủ (xã) 圓渚社: tg.Phù Tài,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 147
Vệ Chính (thôn) 衛正村: tg.Văn Viên,h.Hưng Nguyên,p.Anh Sơn,t.NA . 1242	Viên Dương (xã) 洹陽社: tg.Mộc Phạm,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 23
Vệ Dương (xã) 衛陽社: tg.Chiêu Lai,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100	Viên Đình (thôn) 圓亭村: x.Viên Kiệu,tg.Đồng Lỗ,h.Sơn Minh, p.Ứng Hòa,t.HN 26
Vệ Đô (xã) 衛都社: tg.Từ Mỹ,h.Tam Nông,p.Gia Hưng,t.HH 709	Viên Hoàng (xã) 鄭黃社: tg.Đường Hoàng Trung,h.Phú Xuyên, p.Thường Tín,t.HN 22
Vệ Linh (xã) 衛靈社: tg.Tiên Dược,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525	Viên Khê (xã) 圓溪社: tg.Tuân Hóa,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1105
Vệ Nghĩa (xã) 衛義社: tg.Bích La,h.Đặng Xương,đạo QT 1383	Viên Khê (xã) 圓溪社: tg.Trúc Động,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162
Vệ Quốc (xã) 衛國社: tg.Đa Lộc,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109	Viên Kiều (tổng) 員喬總: h.Thành Hoá,đạo QT 1394
Vệ Sơn (xã) 衛山社: tg.Tiên Dược,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525	Viên Kiệu (xã) 圓輜社: tg.Đồng Lỗ,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26
Vệ Xá (xã) 衛舍社: tg.Đào Hương,h.Quế Dương,p.Từ Sơn,t.BN 500	Viên Lang (tổng) 圓柳總: h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126
Vi Bạc (xã) 葦薄社: tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1121	Viên Lang (xã) 圓榔社: tg.Viên Lang,h.Vĩnh Bảo,p.Ninh Giang,t.HD 126
Vi Cương (xã) 薇崗社: tg.Chu Hóa,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944	Viên Lăng (xã) 圓朗社: tg.Hà Hoàng,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957
Vi Hương (xã) 薇香社: tg.Phương Linh,h.Cẩm Hóa,p.Thông Hóa,t.TN ... 816	Viên Ngoại (xã) 鄭外社: tg.Văn La,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31
Vi Sơn (xã) 韋山社: tg.Vân Nham,h.Hữu Lũng,pp.Lạng Giang,t.BN 540	Viên Ngoại (thôn) 鄭外村: x.Lê Xá,tg.Kim Sơn,h.Gia Lâm, pp.Thuận Thành,t.BN 515
Vi Sơn (xã) 爲山社: tg.Thổ Bình,ch.Chiêm Hoá,p.Tương An,t.TQ 877	Viên Nội (xã) 鄭內社: tg.Tuân Lệ,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 491
Vĩ Nhuế (tổng) 媯汭總: h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316	Viên Nội (tổng) 鄭內總: h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31
Vĩ Nhuế (xã) 媯汭社: tg.Vĩ Nhuế,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316	Viên Nội (xã) 鄭內社: tg.Viên Nội,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31
Vĩ (thôn) 偉村: x.Mật Vật,tg.Mật Vật,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1101	Viên Quang (xã) 圓光社: tg.Vận Quy,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH ... 1105
Vĩ (thôn) 偉村: x.Thạch Phương,tg.Thủ Hộ,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1120	Viên Quang (tổng) 圓琬總: h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY 255
Vĩ Dã (xã) 葦野社: tg.Đương Anh,h.Phú Vang,p.TT 1420	Viên Quang (xã) 圓琬社: tg.Viên Quang,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY .. 255
Vĩ Dã 葦野: tg.Lương Điền,h.Phú Lộc,p.TT 1423	Viên Quận (xã) 圓郡社: tg.Phù Lão,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957
Vĩ Dã Hạ (xã) 葦野下社: tg.Lương Điền,h.Phú Lộc,p.TT 1423	Viên Tiêu (xã) 圓蕉社: tg.Tiên Châu,h.Tiên Lữ,p.Tiên Hưng,t.HY 272
Vĩ Dã Thượng (thôn) 葦野上村: tg.Cư Chánh,h.Hương Thủy,p.TT 1422	Viễn Lãm (xã) 遠攬社: tg.La Phù,h.Bất Bạt,p.Quảng Oai,t.ST 915
Vĩ Liệt (xã) 偉烈社: tg.Thịnh Liệt,h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN 531	Viễn Trình (xã) 遠程社: tg.Quảng Xuyên,h.Phú Vang,p.TT 1420
Vĩ Liệt (xã) 偉烈社: tg.Tiên Liệt,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113	Viện Đoài (thôn) 院兌村: x.Thiên Linh,tg.Vân Trình,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1115
Vĩ Liệt Thượng (thôn) 尾烈上村: tg.Nam Bạ,h.Tống Sơn, p.Hà Trung,t.TH 1083	Viện Đông (thôn) 院東村: x.Thiên Linh,tg.Vân Trình,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1115
Vĩ Vọng (xã) 偉望社: tg.Cách Linh,h.Quảng Uyên,p.Trùng Khánh,t.CB .. 675	Viện Giang (thôn) 院江村: x.Phù Lưu,tg.Quảng Chiếu,h.Đồng Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1106
Vị (phố) 渭舖: tg.Trừ Trí,ch.Thoát Lãng,p.Tràng Định,t.LS 608	Viện Sơn (thôn) 院山村: x.Sơn Viện,tg.Thọ Hạc,h.Đồng Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1104
Vị Dương (tổng) 渭陽總: h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 341	Viết (bản) 曰本: tg.Trịnh Cố,h.Trịnh Cố,t.TH 1152
Vị Dương (xã) 渭陽社: tg.Vị Dương,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 341	Việt An (xã) 越安社: tg.Quang Bích,văn Uyên,p.Tràng Định,t.LS 611
Vị Dương (xã) 渭陽社: tg.Hà Nam,h.Yên Hưng,p.Sơn Định,t.QY 413	
Vị Khê (xã) 渭溪社: tg.Vị Dương,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 341	

Việt Khê (xã) 越溪社: tg.Đại Hoàng,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144	Vĩnh Điện (xã) 永奠社: tg.Tú Sơn,h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS 602
Việt Khê (xã) 越溪社: tg.Phù Lưu,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162	Vĩnh Đồng (xã) 永同社: tg.Kim Bôi,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926
Việt Trì (thôn) 越池村: tg.Nghĩa Yên,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930	Vĩnh Đồng (xã) 永同社: tg.Tạ Xá,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 260
Việt Vân (xã) 越雲社: tg.Đại Liên,h.Vô Giáp,p.Từ Sơn,t.BN 501	Vĩnh Gia (thôn) 永嘉村: x.Lỗ Hương,tg.Lỗ Hương,h.Mỹ Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1093
Việt Yên (tổng) 越安總: tg.Việt Yên,h.La Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1255	Vĩnh Gia (xã) 永嘉社: tg.Lai Triều,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124
Việt Yên (huyện) 越安縣: p.Lạng Giang,t.BN 534	Vĩnh Gia (xã) 永嘉社: tg.Lâm Đường,h.Vĩnh Tuy,p.An Bình,t.TQ 865
Việt Yên (xã) 越安社: tg.An Cự,h.Đằng Xương,đạo QT 1384	Vĩnh Gia (xã) 永嘉社: tg.Thổ Bình,ch.Chiêm Hoá,p.Tương An,t.TQ 877
Việt Yên (phường) 越安坊: tg.Mai Lộc,h.Thành Hoá,đạo QT 1393	Vĩnh Hanh (phường) 永亨坊: tg.Đồng Xuân,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 11
Việt Yên (thôn) 越安村: x.Yên Mỹ,tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1121	Vĩnh Hòa (huyện) 永和縣: p.Tương Dương,t.NA 1272
Việt Yên (xã) 越安村: tg.Sóc Sơn,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1131	Vĩnh Hoà (phường) 永和坊: tg.An Cự,h.Đằng Xương,đạo QT 1384
Việt Yên (thôn) 越安村: tg.Nam Phú Liệt,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN . 19	Vĩnh Khang (xã) 永康社: tg.Lân Du,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124
Việt Yên (xã) 越安社: tg.Canh Nông,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267	Vĩnh Khánh (thôn) 永慶村: x.Việt Yên Thượng,tg.Việt Yên,h.La Sơn, p.Đức Thọ,t.NA 1255
Việt Yên (xã) 越安社: tg.Phú Lão,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319	Vĩnh Khánh (xã) 永慶社: tg.Vĩnh Yên,ch.Chiêm Hoá,p.Tương An,t.TQ .. 877
Việt Yên Hạ (xã) 越安下社: tg.Việt Yên,h.La Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1255	Vĩnh Khê (xã) 永溪社: tg.Yên Định,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1124
Việt Yên Thượng (xã) 越安上社: tg.Việt Yên,h.La Sơn, p.Đức Thọ,t.NA 1255	Vĩnh Khê (xã) 永溪社: tg.Văn Cú,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151
Vĩnh Hoà (xã) 榮和社: tg.Diêm Trường,h.Phú Lộc,p.TT 1424	Vĩnh Khoái (xã) 永快社: tg.Yên Lũng,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 860
Vĩnh Lộc (xã) 榮祿社: tg.Hành Phố,h.Phong Đăng,p.Quảng Ninh,t.QB 1347	Vĩnh Khương (xã) 永姜社: tg.Đàm Khánh,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025
Vĩnh Quang (thôn) 榮光村: x.Quang Chiếu,tg.Quang Chiếu,h.Đồng Sơn, p.Thiệu Hóa,t.TH 1106	Vĩnh Khương (xã) 永姜社: tg.Lê Viễn,h.Yên Bái,p.Tràng Khánh,t.LS ... 619
Vĩnh Quang (thôn) 榮光村: x.Đồng Đội,tg.Tuần La,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1116	Vĩnh Kiên (tổng) 永堅總: ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ 863
Vĩnh Quang Hạ (xã) 榮光下社: tg.An Xá,h.Do Linh,đạo QT 1391	Vĩnh Kiên (xã) 永堅社: tg.Vĩnh Kiên,ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ 863
Vĩnh Quang Thượng (xã) 榮光上社: tg.An Xá,h.Do Linh,đạo QT 1391	Vĩnh Kiến (xã) 永建社: tg.Công Xá,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 44
Vĩnh Tứ (xã) 榮賜社: tg.Mai Động,h.Bình Lục,p.Lý Nhân,t.HN 43	Vĩnh Kỳ (xã) 永畿社: tg.Thượng Hội,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 9
Vĩnh Vệ (xã) 榮衛社: tg.Đường Anh,h.Phú Vang,p.TT 1420	Vĩnh Lạc (xã) 永樂社: tg.Bì Hạ,ch.Lục Yên,p.An Bình,t.TQ 867
Vĩnh Ái (xã) 永愛社: tg.Hà Trung,h.Kỳ Anh,đạo HT 1327	Vĩnh Lạc (xã) 永樂社: tg.Viên Nội,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31
Vĩnh An (thôn) 永安村: x.An Khê,tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1121	Vĩnh Lại (sách) 永賴冊: tg.Nhiêu Hợp,h.Nghĩa Đường,p.Quỳ Châu,t.NA 1276
Vĩnh An (xã) 永安社: tg.Phù Trạch,h.Phong Điền,p.TT 1428	Vĩnh Lại (tổng) 永賴總: h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944
Vĩnh Ân (xã) 永恩社: tg.Bằng Quân,h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS 602	Vĩnh Lại (xã) 永賴社: tg.Vĩnh Lại,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944
Vĩnh Bảo (thôn) 永保村: x.Mỹ Lộc,tg.Canh Hoạch,h.Can Lộc, p.Đức Thọ,t.NA 1270	Vĩnh Lại (xã) 永賴社: tg.Mậu Tài,h.Phú Vang,p.TT..... 1420
Vĩnh Bảo (xã) 永保社: tg.Vĩnh Đặng,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 19	Vĩnh Lại (xã) 永賴社: tg.Cách Linh,h.Quảng Uyên,p.Trùng Khánh,t.CB . 675
Vĩnh Bảo (xã) 永保社: tg.Biện Thủy,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 22	Vĩnh Lại (thôn) 永賴村: h.Cẩm Xuyên,đạo HT 1324
Vĩnh Bảo (huyện) 永保縣: p.Ninh Giang,t.HD 126	Vĩnh Lại (tổng) 永賴總: h.Cẩm Giang,p.Bình Giang,t.HD 93
Vĩnh Bảo (xã) 永保社: tg.Xuân Cầu,h.Văn Giang,pp.Thuận Thành,t.BN 518	Vĩnh Lại (xã) 永賴社: tg.Vĩnh Lại,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 93
Vĩnh Bảo (xã) 永保社: tg.Diên Hà,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267	Vĩnh Lại (tổng) 永賴總: h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 97
Vĩnh Chân (tổng) 永真總: h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948	Vĩnh Lại (xã) 永賴社: tg.Vĩnh Lại,h.Cẩm Giang,p.Bình Giang,t.HD 97
Vĩnh Chân (xã) 永真社: tg.Vĩnh Chân,h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948	Vĩnh Lại (huyện) 永賴縣: p.Ninh Giang,t.HD 123
Vĩnh Dật (tổng) 永逸總: ch.Văn Uyên,p.Tràng Định,t.LS 610	Vĩnh Lại (xã) 永賴社: tg.Nghiêm Lật,h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS 602
Vĩnh Dật (xã) 永逸社: tg.Vĩnh Dật,ch.Văn Uyên,p.Tràng Định,t.LS 610	Vĩnh Lại (xã) 永賴社: tg.Chu Túc,h.Văn Quan,p.Tràng Định,t.LS 605
Vĩnh Dụ (xã) 永裕: tg.Hà Liễu,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 19	Vĩnh Lại (xã) 永賴社: tg.Hổ Sơn,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319
Vĩnh Duệ (xã) 永奮社: tg.Đội Sơn,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37	Vĩnh Lăng (xã) 永朗社: tg.Tuy Lai,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31
Vĩnh Duệ (xã) 永奮社: tg.Hậu Bổng,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 131	Vĩnh Lâm (xã) 永林社: tg.Kim Lôi,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165
Vĩnh Đại (xã) 永代社: tg.Thịnh Quả,h.La Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1255	Vĩnh Lộc (thôn) 永祿村: tg.Hoàng Mai,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA 1253
Vĩnh Đại (tổng) 永代總: h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165	Vĩnh Lộc (thôn) 永祿村: x.Canh Hoạch,tg.Canh Hoạch,h.Can Lộc, p.Đức Thọ,t.NA 1270
Vĩnh Đại (xã) 永代社: tg.Vĩnh Đại,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165	Vĩnh Lộc (sách) 永祿冊: tg.Thuần Hàm,h.Nghĩa Đường, p.Quỳ Châu,t.NA 1275
Vĩnh Đặng (tổng) 永鄧總: h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 19	Vĩnh Lộc (xã) 永祿社: tg.Nộn Khê,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025
Vĩnh Đặng (xã) 永鄧社: tg.Vĩnh Đặng,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 19	Vĩnh Lộc (thôn) 永祿村: tg.Thuận Thị,h.Minh Chính, p.Quảng Trạch,t.QB 1355
Vĩnh Điện (xã) 永甸社: tg.An Dương,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST .. 935	Vĩnh Lộc (phường) 永祿坊: tg.Thủy Ba,h.Minh Linh,đạo QT 1390
Vĩnh Điện (giáp) 永奠甲: x.Văn Hà,tg.Mật Vật,h.Thụy Nguyên, p.Thiệu Hóa,t.TH 1101	Vĩnh Lộc (thôn) 永祿村: tg.Thạch Xá,h.Thạch Thất,p.Quốc Oai,t.ST 924
Vĩnh Điện (thôn) 永奠村: x.Mỹ Dục,tg.Tuần La,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1117	Vĩnh Lộc (xã) 永祿社: tg.Lỗ Hương,h.Mỹ Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1093
Vĩnh Điện (huyện) 永奠縣: p.Tương An,t.TQ 871	Vĩnh Lộc (thôn) 永祿村: x.Yên Cự,tg.Liên Cự,h.Hậu Lộc, p.Hà Trung,t.TH 1097
	Vĩnh Lộc (huyện) 永祿縣: p.Quảng Hóa,t.TH 1130
	Vĩnh Lộc (xã) 永祿社: tg.Thanh Xá,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1130

Vĩnh Lộc (xã) 永祿社: tg.Mậu Tài,h.Phú Vang,p.TT 1419

Vĩnh Lộc (xã) 永祿社: tg.Sơn Minh,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 25

Vĩnh Lộc (xã) 永祿社: tg.Hòa Bình,h.Văn Giang,pp.Thuận Thành,t.BN .. 517

Vĩnh Luật (tổng) 永律總: h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1270

Vĩnh Luật (xã) 永律社: tg.Vĩnh Luật,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1270

Vĩnh Lưu (xã) 永留社: tg.Trung,h.Thạch Hà,đạo HT 1320

Vĩnh Lưu (xã) 永留社: tg.Hạ Đoàn,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 152

Vĩnh Mỹ (xã) 永姥社: tg.Đồng Lỗ,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 940

Vĩnh Mỹ (xã) 永慕社: tg.Cao Xá,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944

Vĩnh Mỹ (thôn) 永慕村: x.Tả Giai,tg.Đồng Cửu,h.Thượng Phúc,
p.Thường Tín,t.HN 16

Vĩnh Mỹ (xã) 永慕社: tg.Phí Xá,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95

Vĩnh Niệm (xã) 永念社: tg.An Dương,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151

Vĩnh Niên (xã) 永年社: tg.Sơn Đồng,h.Quỳnh Côi,pp.Thái Bình,t.NĐ 348

Vĩnh Ninh (ấp) 永寧邑: tg.Tân Định,h.Tiến Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335

Vĩnh Ninh (xã) 永寧社: tg.Tang Giá,h.Quỳnh Côi,pp.Thái Bình,t.NĐ 348

Vĩnh Ninh (thôn) 永寧村: x.An Lãng,tg.Minh Lương,h.Can Lộc,
p.Đức Thọ,t.NA 1269

Vĩnh Ninh (xã) 永寧社: tg.Vô Tranh,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 536

Vĩnh Ninh (xã) 永寧社: tg.An Dương,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST .. 935

Vĩnh Phệ (xã) 永滌社: tg.Tây Đằng,h.Tiên Phong,p.Quảng Oai,t.ST 908

Vĩnh Phú (xã) 永富社: tg.Thụ Phúc,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494

Vĩnh Phúc (thôn) 永福村: tg.Thuận Thị,h.Minh Chính,
p.Quảng Trạch,t.QB 1355

Vĩnh Phúc (xã) 永福社: tg.An Đôn,h.Đặng Xương,đạo QT 1384

Vĩnh Phúc (trại) 永福寨: tg.Nội,h.Vĩnh Thuận,p.Hoài Đức,t.HN 13

Vĩnh Phục (xã) 永復社: tg.Mân Xá,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497

Vĩnh Quần (thôn) 永群村: x.Sơn Viên,tg.Thọ Hạc,h.Đồng Sơn,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1104

Vĩnh Sơn (thôn) 永山村: tg.Đô Lương,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1235

Vĩnh Sơn (xã) 永山社: tg.Thuận Hoà,h.Bình Chính,
p.Quảng Trạch,t.QB 1353

Vĩnh Sơn (xã) 永山社: tg.Giang Ngô,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 664

Vĩnh Sơn (xã) 永山社: tg.Phù Lưu,h.Kim Bảng,p.Lý Nhân,t.HN 38

Vĩnh Thế (xã) 永世社: tg.Đại Liên,h.Võ Giàng,p.Từ Sơn,t.BN 501

Vĩnh Thọ (thôn) 永壽村: x.Bút Sơn,tg.Bút Sơn,h.Hoàng Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1090

Vĩnh Thọ (xã) 永壽社: tg.Lệnh Cẩm,h.Hạ Lang,p.Trùng Khánh,t.CB 676

Vĩnh Thuận (huyện) 永順縣: p.Hoài Đức,t.HN 13

Vĩnh Thực (xã) 永殖社: tg.Ninh Hải,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 427

Vĩnh Thượng (thôn) 永上村: x.Vĩnh Lộc,tg.Sơn Minh,h.Sơn Minh,
p.Ứng Hòa,t.HN 25

Vĩnh Trại (xã) 永齋社: tg.Trùng Xá,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 511

Vĩnh Trại (xã) 永寨社: tg.Trừ Trĩ,ch.Thoát Lãng,p.Tràng Định,t.LS 608

Vĩnh Trị (xã) 永治社: tg.Từ Minh,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1089

Vĩnh Trị (tổng) 永治總: h.Hương Trạ,p.TT..... 1419

Vĩnh Trị (xã) 永治社: tg.Vĩnh Trị,h.Hương Trạ,p.TT 1419

Vĩnh Trị (xã) 永治社: tg.Ngọc Chấn,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 317

Vĩnh Trù (thôn) 永疇村: x.Hà Mi,tg.Yên Định,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1124

Vĩnh Trù (thôn) 永疇村: tg.Đồng Xuân,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 11

Vĩnh Trụ (xã) 永柱社: tg.Công Xá,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 44

Vĩnh Trụ (xã) 永柱社: tg.Đồng Đới,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HĐ 106

Vĩnh Trung (xã) 永忠社: tg.Cổ Điện,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 19

Vĩnh Trung (xã) 永忠社: tg.Vĩnh Đặng,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 19

Vĩnh Trung (thôn) 永中村: h.Kỳ Anh,đạo HT 1326

Vĩnh Trường (xã) 永長社: tg.Đồng Mặc,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ . 306

Vĩnh Tuy (thôn) 永綏村: x.Ích Hậu,tg.Phù Lưu,h.Can Lộc,
p.Đức Thọ,t.NA 1269

Vĩnh Tuy (xã) 永綏社: tg.Vĩnh Luật,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1270

Vĩnh Tuy (xã) 永綏社: tg.Long Đại,h.Phong Lộc,p.Quảng Ninh,t.QB 1345

Vĩnh Tuy (huyện) 永綏縣: p.An Bình,t.TQ 864

Vĩnh Tuy (sở) 永綏所: tg.Thanh Trì,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 19

Vĩnh Tuy (xã) 永綏社: tg.Yên Lãng,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HĐ 165

Vĩnh Tường (phủ) 永祥府: t.ST 928

Vĩnh Tường (pp) 永祥分府: t.ST 936

Vĩnh Xá (xã) 永舍社: tg.Hạ Vĩnh,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HĐ 113

Vĩnh Xuân (xã) 永春社: tg.Khai Thái,h.Phú Xuyên,p.Thường Tín,t.HN 22

Vĩnh Xuyên (phường) 永川坊: Thủy Cự,t.TH 1156

Vĩnh Xuyên (xã) 永川社: tg.Bất Bế,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HĐ 123

Vĩnh xương (tổng) 永昌總: h.Phong Điền,p.TT 1428

Vĩnh Xương (xã) 永昌社: tg.Vĩnh Xương,h.Phong Điền,p.TT 1428

Vĩnh Xương (tổng) 永昌總: h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12

Vĩnh Xương (thôn) 永昌村: tg.Vĩnh Xương,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12

Vĩnh Xương (xã) 永昌社: tg.Viên Nội,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31

Vĩnh Yên (thôn) 永安村: tg.Đặng Sơn,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1235

Vĩnh Yên (xã) 永安社: tg.Yên Trường,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246

Vĩnh Yên (tổng) 永安總: h.Vũ Nai,p.Phú Bình,t.TN 803

Vĩnh Yên (xã) 永安社: tg.Vĩnh Yên,h.Vũ Nai,p.Phú Bình,t.TN 803

Vĩnh Yên (tổng) 永安總: ch.Chiêm Hoá,p.Tương An,t.TQ 877

Vĩnh Yên (xã) 永安社: tg.Vĩnh Yên,ch.Chiêm Hoá,p.Tương An,t.TQ 877

Vĩnh (thôn) 詠村: x.Mỹ Khê,tg.Ngọc Xuyên,h.Hoàng Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1091

Vĩnh (thôn) 詠村: x.Đội Trương,tg.Cổ Định,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1123

Vĩnh Cầu (xã) 詠球社: tg.Tam Sơn,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 492

Vĩnh Hương (xã) 詠香社: tg.Do Nghĩa,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944

Vĩnh Nghi (thôn) 詠沂村: tg.Nam Cai,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1144

Võ Giàng (huyện) 武江縣: p.Từ Sơn,t.BN 500

Võng Cổ (xã) 網罟社: tg.An Cự,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319

Võng La (tổng) 網羅總: h.Yên Lãng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 939

Võng La (xã) 網羅社: tg.Võng La,h.Yên Lãng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 939

Võng Nhi (phường) 網兒坊: tg.Kim Nguyên,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246

Võng Nhi (phường) 網兒坊: tg.Nội Ngoại,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269

Võng Nhi (phường) 網兒坊: tg.Thuận Hoà,h.Bình Chính,
p.Quảng Trạch,t.QB 1353

Võng Nhi (tổng) 網兒總: h.Hương Thủy,p.TT..... 1423

Võng Phan (tổng) 網幡總: h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY 256

Võng Phan (xã) 網幡社: tg.Võng Phan,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY 256

Võng Thị (phường) 網市坊: tg.Trung,h.Vĩnh Thuận,p.Hoài Đức,t.HN 13

Võng Thủy (xã) 網水社: tg.Ngọc Động,h.Thạch Thành,
p.Quảng Hóa,t.TH 1136

Võng Trì (xã) 輞池社: tg.Mậu Tài,h.Phú Vang,p.TT 1419

Võng Trì (ấp) 輞池邑: tg.Lương Điền,h.Phú Lộc,p.TT 1424

Võng Xuyên (tổng) 輞川總: h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST 913

Võng Xuyên Ngoại (xã) 輞川外社: tg.Võng Xuyên,h.Phúc Thọ,
p.Quảng Oai,t.ST 913

Võng Xuyên Nội (xã) 輞川内社: tg.Võng Xuyên,h.Phúc Thọ,
p.Quảng Oai,t.ST 913

Vọng (thôn) 望村: x.Tầm Viên,tg.Khoái Lạc,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1110

Vọng Doanh (sở) 望瀛所: tg.Thần Lộ,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ 312

Vọng Doanh (sở) 望瀛所: tg.Thượng Đồng,h.Phong Doanh,
pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 325

Vọng Doanh (xã) 望瀛社: tg.Bống Xuyên,h.Phong Doanh,
pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 326

Vọng Đông (thôn) 望東村: x.Dũng Liệt,tg.Dũng Liệt,h.Yên Phong, p.Từ Sơn,t.BN 497	
Vọng Đức (thôn) 望德村: tg.Thanh Nhân,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN .. 13	
Vọng Hà (thôn) 望河村: tg.Phúc Lâm,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12	
Vọng Hải (xã) 望海社: tg.Tiểu Trà,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 141	
Vọng Liễu (thôn) 望柳村: h.Kỳ Anh,đạo HT 1325	
Vọng Lỗ (tổng) 望魯總: h.Phụ Dục,pp.Thái Bình,t.NĐ 346	
Vọng Lỗ (xã) 望魯社: tg.Vọng Lỗ,h.Phụ Dục,pp.Thái Bình,t.NĐ 346	
Vọng Nguyệt (xã) 望月社: tg.Nội Trà,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497	
Vọng Nguyệt (xã) 望月社: tg.Nội Trà,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497	
Vô Điểm (xã) 無玷社: tg.Bằng Hoành,h.Vị Xuyên,p.Tương An,t.TQ 874	
Vô Giá (xã) 無價社: tg.Uy Viễn,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029	
Vô Hoạn (xã) 無患社: tg.Đồng Phù,h.Thượng Nguyên, p.Xuân Trường,t.NĐ 309	
Vô Hối (xã) 無悔社: tg.Đồng Hồ,h.Đồng Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 339	
Vô Hốt (tổng) 無忽總: h.Yên Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1042	
Vô Hốt (xã) 無忽社: tg.Vô Hốt,h.Yên Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1042	
Vô Khuy (xã) 無虧社: tg.Cẩm Đới,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST 911	
Vô Kị (xã) 無忌社: tg.Vân Trại,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1139	
Vô Lận (xã) 無吝社: tg.Trình Nữ,ch.Lộc Bình,p.Tràng Khánh,t.LS 621	
Vô Muộn (xã) 無悶社: tg.Vân Nham,h.Hữu Lũng,pp.Lạng Giang,t.BN 540	
Vô Muộn (xã) 無悶社: tg.Lương Thượng,h.Cẩm Hóa, p.Thông Hóa,t.TN 816	
Vô Ngại (tổng) 無礙總: h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333	
Vô Ngại (xã) 無礙社: tg.Vô Ngại,h.Thư Trì,p.Kiến Xương,t.NĐ 333	
Vô Ngại (xã) 無礙社: tg.Bác Lăng,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 440	
Vô Ngại (xã) 無礙社: tg.Bạch Sam,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HD 100	
Vô Ngạo (xã) 無傲社: tg.Bình Bút,h.Thạch Thành,p.Quảng Hóa,t.TH ... 1136	
Vô Song (xã) 無雙社: tg.Đồng Hải,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 340	
Vô Song (sách) 無雙冊: tg.Hoàng Nhuệ,h.Bất Bạt,p.Quảng Oai,t.ST 916	
Vô Song (xã) 無雙社: tg.Lạc Giao,h.Quảng Uyên,p.Trùng Khánh,t.CB .. 674	
Vô Tha (xã) 無他社: tg.Ấm Phúc,ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ 863	
Vô Tích (xã) 無錫社: tg.Linh Xuyên,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959	
Vô Tranh (tổng) 無爭總: h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 536	
Vô Tranh (xã) 無爭社: tg.Vô Tranh,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 536	
Vô Tranh (xã) 無爭社: tg.Văn Lang,h.Hạ Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950	
Vô Tranh (xã) 無爭社: tg.Sơn Cẩm,h.Phú Lương,p.Tông Hóa,t.TN 812	
Vô Vong (xã) 無妄社: tg.Phú Khê,h.Ỗ Yên,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 323	
Vu Châu (xã) 紆朱社: tg.Mộc Hoàn,h.Tiên Phong,p.Quảng Oai,t.ST 909	
Vu Điền (xã) 蕪田社: tg.Vũ Lăng,h.Quảng Uyên,p.Trùng Khánh,t.CB 674	
Vu Giản (xã) 紆澗社: tg.Dĩnh Kế,h.Phượng Nhãn,p.Lạng Giang,t.BN 530	
Vu Mộc (trại) 圩木寨: tg.Giang Ngô,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 664	
Vu Tập (trại) 圩習寨: tg.Giang Ngô,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 664	
Vu Thanh (xã) 蕪青社: tg.Lai Vu,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 147	
Vu Thủy (xã) 孟水社: tg.Hà Đàm,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659	
Vu Tử (xã) 紆紫社: tg.Do Nghĩa,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944	
Vũ (thôn) 武村: x.Ngo Xá,tg.Ngo Xá,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1130	
Vũ Cái (xã) 羽蓋社: tg.Phù Lưu,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1269	
Vũ Chấn (xã) 武振社: tg.Tân Chi,h.Vũ Nai,p.Phú Bình,t.TN 803	
Vũ Cốc (xã) 雨穀社: tg.Đồng An,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 859	
Vũ Di (xã) 臘胎社: tg.Thượng Trưng,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930	
Vũ Dương (tổng) 武陽總: h.Quế Dương,p.Từ Sơn,t.BN 500	
Vũ Dương (xã) 武陽社: tg.Vũ Dương,h.Quế Dương,p.Từ Sơn,t.BN 500	
Vũ Dương (xã) 舞陽社: tg.Ấn Thi,h.Ấn Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256	
Vũ Diệc (xã) 武迪社: tg.Vĩnh Yên,h.Vũ Nai,p.Phú Bình,t.TN 803	
Vũ Điện (tổng) 禹甸總: h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45	
Vũ Điện (xã) 禹甸社: tg.Vũ Điện,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45	

Vũ Gia (thôn) 武嘉村: x.Hải Yến,tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1121	
Vũ Hạ (xã) 武下社: tg.Vọng Lỗ,h.Phụ Dục,pp.Thái Bình,t.NĐ 346	
Vũ Khê (xã) 武溪社: tg.Đại Đồng,ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ 863	
Vũ La (tổng) 武羅總: h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 111	
Vũ La (xã) 武羅社: tg.Vũ La,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 111	
Vũ Lang (xã) 武琅社: tg.Tiên Yên,h.Vĩnh Tuy,p.An Bình,t.TQ 865	
Vũ Lao (xã) 武牢社: tg.Lạc Thành,h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1039	
Vũ Lao (xã) 武牢社: tg.Yên Lãng,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 945	
Vũ Lao (xã) 武牢社: tg.Cổ Lũng,h.Cẩm Thủy,p.Quảng Hóa,t.TH 1140	
Vũ Lao (xã) 武牢社: tg.Bà Trượng,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31	
Vũ Lao (xã) 武牢社: tg.Thượng Côi,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HD 162	
Vũ Lao (tổng) 武牢總: ch.Văn Bàn,p.Quy Hóa,t.HH 730	
Vũ Lao (xã) 武牢社: tg.Vũ Lao,ch.Văn Bàn,p.Quy Hóa,t.HH 730	
Vũ Lao (xã) 武牢社: tg.Khánh Nham,h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS 602	
Vũ Lao (xã) 武牢社: tg.Hộ Xá,h.Giao Thủy,p.Xuân Trường,t.NĐ 304	
Vũ Lăng (xã) 武陵社: tg.Nhất Thế,h.Vũ Nai,p.Phú Bình,t.TN 803	
Vũ Lăng (tổng) 武陵總: h.Quảng Uyên,p.Trùng Khánh,t.CB 674	
Vũ Lăng (xã) 武陵社: tg.Vũ Lăng,h.Quảng Uyên,p.Trùng Khánh,t.CB 674	
Vũ Lăng (xã) 武陵社: tg.Bình Lăng,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN 17	
Vũ Lăng (thôn) 武陵村: tg.Thủy Cam,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 29	
Vũ Lăng (xã) 武陵社: tg.Nam Sơn,h.Thất Khê,p.Tràng Định,t.LS 602	
Vũ Lăng (xã) 武陵社: tg.Thịnh Quang,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ .. 332	
Vũ Lâm (tổng) 武林總: h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB 1021	
Vũ Lâm (xã) 武林社: tg.Vũ Lâm,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB 1021	
Vũ Lễ (xã) 武禮社: tg.Nhất Thế,h.Vũ Nai,p.Phú Bình,t.TN 803	
Vũ Liệt (tổng) 武烈總: h.Thanh Chương,p.Anh Sơn,t.NA 1239	
Vũ Liệt (xã) 武烈社: tg.Vũ Liệt,h.Thanh Chương,p.Anh Sơn,t.NA 1239	
Vũ Linh (xã) 武靈社: tg.Vĩnh Kiên,ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ 863	
Vũ Loan (xã) 舞鸞社: tg.Lương Thượng,h.Cẩm Hóa,p.Thông Hóa,t.TN .. 816	
Vũ Nghi (xã) 武毅社: tg.Lễ Thần,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 341	
Vũ Ngoại (thôn) 武外村: x.Liên Bạt,tg.Xà Cầu,h.Sơn Minh, p.Ứng Hòa,t.HN 26	
Vũ Nguyên (thôn) 武原村: tg.Bích Triều,h.Thanh Chương, p.Anh Sơn,t.NA 1238	
Vũ Nhai (huyện) 武崖縣: p.Phú Bình,t.TN 803	
Vũ Nội (thôn) 武內村: x.Liên Bạt,tg.Xà Cầu,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN .. 26	
Vũ Sái (xã) 雨洒社: tg.Tứ Mỹ,h.Tam Nông,p.Gia Hưng,t.HH 709	
Vũ Thạch (thôn) 武石村: tg.Kim Liên,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12	
Vũ Thuận (tràng) 武順庄: tg.Hoàn Lão,h.Bố Trạch, p.Quảng Trạch,t.QB 1357	
Vũ Thuận (xã) 雨順社: tg.An Dã,h.Đặng Xương,đạo QT 1384	
Vũ Tiên (huyện) 武僊縣: p.Kiến Xương,t.NĐ 329	
Vũ Trù (xã) 雨廚社: tg.Đan Hội,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537	
Vũ Uy (xã) 武威社: tg.Dương Huy,h.Hoàn Bồ,p.Sơn Định,t.QY 403	
Vũ Xá (ấp) 武舍邑: tg.Tân Thành,h.Tiền Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335	
Vũ Xá (thôn) 武舍村: tg.Dương Vũ,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB 1021	
Vũ Xá (tổng) 武舍總: h.Phong Lộc,p.Quảng Ninh,t.QB 1345	
Vũ Xá (xã) 武舍社: tg.Vũ Xá,h.Phong Lộc,p.Quảng Ninh,t.QB 1345	
Vũ Xá (xã) 武舍社: tg.Xuân Hoà,h.Minh Linh,đạo QT 1390	
Vũ Xá (thôn) 武舍村: x.Du Trường,tg.Du Trường,h.Hậu Lộc, p.Hà Trung,t.TH 1096	
Vũ Xá (ấp) 武舍邑: tg.Cư Chánh,h.Hương Thủy,p.TT 1422	
Vũ Xá (xã) 武舍社: tg.Hương Ngải,h.Thanh Liêm,p.Lý Nhân,t.HN 40	
Vũ Xá (xã) 武舍社: tg.Ngu Nhuế,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45	
Vũ Xá (xã) 武舍社: tg.Phúc Cầu,h.Đường An,p.Bình Giang,t.HD 93	
Vũ Xá (xã) 武舍社: tg.Đặng Xá,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95	

Vũ Xá (xã) 武舍社: tg.Lai Cách,h.Cẩm Giang,p.Bình Giang,t.HD 98

Vũ Xá (xã) 武舍社: tg.Vũ La,h.Thanh Lâm,p.Nam Sách,t.HD 111

Vũ Xá (xã) 武舍社: tg.Mặc Xá,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134

Vũ Xá (xã) 武舍社: tg.Lai Vu,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 147

Vũ Xá (xã) 武舍社: tg.Kim Lôi,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165

Vũ Xá (xã) 武舍社: tg.Viên Quang,h.Phù Cừ,p.Khoái Châu,t.HY 255

Vũ Xá (xã) 武舍社: tg.Ngọc Lũ,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 307

Vũ Xuyên (xã) 武川社: tg.Mỹ Dương,h.Phong Doanh,
pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 325

Vũ Yên (thôn) 武安村: x.Lê Xá,tg.La Miết,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1126

Vũ Yển (xã) 武偃社: tg.Mạn Lạn,h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948

Vụ Bản (xã) 務本社: tg.Quy Hợp,h.Hương Khê,p.Đức Thọ,t.NA 1262

Vụ Bản (xã) 務本社: tg.Lạc Thành,h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1039

Vụ Bản (xã) 務本社: tg.Lập Bản,h.Bình Xuyên,p.Phú Bình,t.TN 801

Vụ Bản (xã) 務本社: tg.Vụ Nông,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD 158

Vụ Bản (xã) 務本社: tg.Mỹ Trọng,h.Mỹ Lộc,p.Xuân Trường,t.NĐ 307

Vụ Bản (huyện) 務本縣: p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 318

Vụ Bản (tổng) 務本總: tg.Vụ Bản,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319

Vụ Bản (xã) 務本社: tg.Vụ Bản,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 319

Vụ Cầu (xã) 婺球社: tg.Vĩnh Chân,h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948

Vụ Duyệt (xã) 務悅社: tg.Hoàng Mai,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA .. 1253

Vụ Đồng (thôn) 務同村: x.Đồng Lâm,tg.Đặng Xá,h.Gia Lâm,
pp.Thuận Thành,t.BN 515

Vụ Khê (xã) 務溪社: tg.Bát Trang,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 430

Vụ Nông (xã) 務農社: tg.Ngo Xá,h.Việt Yên,p.Lạng Giang,t.BN 534

Vụ Nông (xã) 務農社: tg.Lạc Thành,h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1039

Vụ Nông (xã) 務農社: tg.Kim Mã,h.Nguyên Bình,p.Hòa An,t.CB 664

Vụ Nông (tổng) 務農總: h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD 158

Vụ Nông (xã) 務農社: tg.Vụ Nông,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD 158

Vụ Nữ (xã) 婺女社: tg.Hiến Khánh,h.Vụ Bản,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 320

Vụ Quang (xã) 霧光社: tg.Quy Hợp,h.Hương Khê,p.Đức Thọ,t.NA 1262

Vụ Sài (xã) 務萊社: tg.Trạng Vĩnh,h.Đại An,p.Nghĩa Hưng,t.NĐ 316

Vực (thôn) 域村: x.Kim Bài,tg.Phương Trung,h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN .. 28

Vực Phác (xã) 域樸社: tg.Đa Lộc,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109

Vực Trường (xã) 域場社: tg.Hiến Quan,h.Tam Nông,p.Gia Hưng,t.HH .. 709

X

Xa Kinh (xã) 車塢社: tg.Thượng Cốc,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1145

Xa La (thôn) 車羅村: x.Trung Thanh Oai,tg.Thượng Thanh Oai,h.Thanh Oai,
p.Ứng Hòa,t.HN 28

Xa Lý (xã) 車里社: tg.Niêm Sơn,h.Lục Ngạn,p.Lạng Giang,t.BN 537

Xa Lý (thôn) 車里村: x.Ngo Xá,tg.Vạn Thiện,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

Xa Lý (thôn) 車里村: x.Quảng Lăng,tg.La Miết,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1126

Xa Liễn (xã) 車輦社: tg.Mậu Lâm,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086

Xa Loan (thôn) 車鸞村: x.Mậu Lâm,tg.Mậu Lâm,h.Nga Sơn,
p.Hà Trung,t.TH 1086

Xa Mã (phường) 車馬坊: Thủy Cự,t.TH 1156

Xa Mặc (tổng) 車幕總: h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 941

Xa Mặc (xã) 車幕社: tg.Xa Mặc,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 941

Xa Mậu (bản) 車牟本: h.Sấm Nưa,t.TH 1155

Xa Trực (xã) 車軸社: tg.Quang Luyện,h.Quế Phong,p.Quỳ Châu,t.NA .. 1276

Xa Trung (xã) 車中社: tg.Thị Liệu,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 310

Xa Vệ (thôn) 車衛村: x.Sơn Trang,tg.Dương Sơn,h.Mỹ Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1093

Xà Cầu (tổng) 蛇棣總: h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26

Xà Cầu (xã) 蛇棣社: tg.Xà Cầu,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26

Xã Đàn (phường) 社壇坊: tg.Yên Hòa,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 12

Xá Hộ (thôn) 舍戶村: tg.Vân Tân,h.Cẩm Xuyên,đạo HT 1323

Xá Lê (thôn) 舍黎村: x.Thử Cốc,tg.Thử Cốc,h.Thụy Nguyên,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1101

Xá Lượng (xã) 舍量社: tg.Chiêu Lưu,h.Kỳ Sơn,p.Tương Dương,t.NA 1273

Xá Thị (xã) 舍市社: tg.Cao Dương,h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343

Xạ Hương (xã) 麝香社: tg.Nghĩa Khê,h.Hùng Quan,p.Đoan Hùng,t.ST .. 955

Xạ Nảo (xã) 麝惱社: tg.Tam Lộng,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 935

Xạ Sơn (xã) 麝山社: tg.Hà Trường,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD 157

Xác Khê (xã) 確溪社: tg.An Điền,h.Chí Linh,p.Nam Sách,t.HD 106

Xâm Đông (xã) 琛東社: tg.Lương Xâm,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD ... 151

Xâm Động (xã) 琛洞社: tg.An Lạc,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124

Xích Bích (tổng) 赤壁總: h.Thần Khê,p.Tiên Hưng,t.HY 265

Xích Bích (xã) 赤壁社: tg.Xích Bích,h.Thần Khê,p.Tiên Hưng,t.HY 265

Xích Đằng (xã) 赤藤社: tg.Yên Tảo,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 259

Xích Lạc (xã) 赤輅社: tg.Quang Chiếu,h.Đồng Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH .. 1105

Xích Thổ (phường) 赤土坊: tg.Uy Viễn,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029

Xích Thổ (tổng) 赤土總: h.Yên Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1042

Xích Thổ (xã) 赤土社: tg.Xích Thổ,h.Yên Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1042

Xích Thổ (xã) 赤土社: tg.Yên Mỹ,h.Hoàn Bồ,p.Sơn Định,t.QY 404

Xích Thổ (xã) 赤土社: tg.Điếu Yêu,h.An Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 151

Xóm (bản) 庄本: tg.Chấp Yết,h.Trình Cốt,t.TH 1152

Xóm (phố) 苦蒿: tg.Cổ Linh,ch.Chiêm Hoá,p.Tương An,t.TQ 877

Xóm Xá (xã) 苦舍社: tg.Cổ Linh,ch.Chiêm Hoá,p.Tương An,t.TQ 877

Xối Đông (xã) 毳東社: tg.Thần Lộ,h.Chân Ninh,p.Xuân Trường,t.NĐ 312

Xối Tây (xã) 毳西社: tg.Cổ Nông,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 311

Xối Thượng (xã) 毳上社: tg.Cổ Nông,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 311

Xối Trì (xã) 毳池社: tg.Cổ Nông,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 311

Xu (bản) 趨本: tg.Chấp Yết,h.Trình Cốt,t.TH 1152

Xuân (thôn) 春村: x.Bái Hà,tg.Đặng Trường,h.Hậu Lộc,p.Hà Trung,t.TH .. 1096

Xuân (thôn) 椿村: x.Động Bàng,tg.Đồng Lý,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1110

Xuân (thôn) 椿村: x.Can Trúc,tg.Ngọc Đới,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH .. 1115

Xuân (thôn) 椿村: x.Cung Thượng,tg.Cung Thượng,h.Quảng Xương,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1120

Xuân Ái (xã) 春靄社: tg.Châm Khê,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497

Xuân Am (thôn) 春庵村: x.Ấm Công,tg.Đô Yên,h.Hưng Nguyên,
p.Anh Sơn,t.NA 1242

Xuân An (phường) 春安坊: tg.An Đôn,h.Đặng Xương,đạo QT 1384

Xuân An (phường) 春安坊: tg.An Mỹ,h.Do Linh,đạo QT 1391

Xuân An (áp) 春安邑: tg.Phú Xuân,h.Hương Trà,p.TT 1418

Xuân An (xã) 春安社: tg.Hà Đàm,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659

Xuân An (xã) 春安社: tg.Hương Đại,h.Thanh Hà,p.Nam Sách,t.HD 113

Xuân Áng (thôn) 春盎村: x.Xuân Hòa,tg.Nam Kim,h.Thanh Chương,
p.Anh Sơn,t.NA 1239

Xuân Áng (xã) 春盎社: tg.Thượng Xá,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246

Xuân Áng (xã) 春盎社: tg.Hà Liên,h.Nghiêu Phong,p.Sơn Định,t.QY 420

Xuân Áng (tổng) 春盎總: h.Hạ Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950

Xuân Áng (xã) 春盎社: tg.Xuân Áng,h.Hạ Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950

Xuân Áng (xã) 春盎社: tg.Ngọc Chúc,h.Hùng Quan,p.Đoan Hùng,t.ST .. 955

Xuân Áng (thôn) 春盎社: tg.Phí Lai,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086

Xuân Áng (thôn) 春盎村: x.Liên Trì,tg.Liên Trì,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1114

Xuân Áng (xã) 春盎社: tg.Cổ Biện,h.Quảng Tế,p.Quảng Hòa,t.TH 1133

Xuân Ấng (<i>xã</i>) 春盎社: tg. Lại Xá,h. Thanh Hà,p. Nam Sách,t. HD 113	Xuân Đám (<i>thôn</i>) 春盎村: tg. Dương Vũ,h. Yên Khánh, p. Yên Khánh,t. NB 1021
Xuân Ấng (<i>xã</i>) 春盎社: tg. An Lũn,h. An Lão,p. Kiến Thụy,t. HD 144	Xuân Đán (<i>xã</i>) 春旦社: tg. Hạ Ich,h. Lập Thạch,p. Vĩnh Tường,t. ST 932
Xuân Ấng (<i>tổng</i>) 春盎總: h. Phương Nhân,p. Lạng Giang,t. BN 530	Xuân Đào (<i>xã</i>) 春陶社: tg. Lý Trai,h. Đông Thành,p. Diên Châu,t. NA 1249
Xuân Ấng (<i>xã</i>) 春盎社: tg. Xuân Ấng,h. Phương Nhân, p. Lạng Giang,t. BN 530	Xuân Đào (<i>xã</i>) 春桃社: tg. Phù Đổng,h. Thạch Lâm,p. Hòa An,t. CB 659
Xuân Bách (<i>xã</i>) 春柏社: tg. Hương Đình,h. Kim Anh,p. Đa Phúc,t. BN 525	Xuân Đào (<i>xã</i>) 春桃社: tg. Lương Tài,h. Lương Tài,p. Thuận Thành,t. BN .. 511
Xuân Bảng (<i>thôn</i>) 春榜村: tg. Xuân Lâm,h. Nam Đường,p. Anh Sơn,t. NA 1236	Xuân Điểm (<i>xã</i>) 春點社: tg. Cao Đường,h. Tiên Lữ,p. Tiên Hưng,t. HY 271
Xuân Bảng (<i>thôn</i>) 春榜村: x. Ngọc Đới,tg. Ngọc Đới,h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia,t. TH 1115	Xuân Diển (<i>ấp</i>) 春田邑: tg. Phù Ninh,h. Phong Diển,p. TT 1428
Xuân Bảng (<i>tổng</i>) 春榜總: h. Kim Anh,p. Đa Phúc,t. BN 526	Xuân Đình (<i>xã</i>) 春亭社: tg. Yên Vĩnh,h. Đông Yên,p. Khoái Châu,t. HY 252
Xuân Bảng (<i>xã</i>) 春榜社: tg. Xuân Bảng,h. Kim Anh,p. Đa Phúc,t. BN 526	Xuân Đỗ (<i>xã</i>) 春杜社: tg. Cự Linh,h. Gia Lâm,pp. Thuận Thành,t. BN 515
Xuân Bảng (<i>xã</i>) 春榜社: tg. Đồng Đội,h. Vụ Bản,p. Nghĩa Hưng,t. ND 319	Xuân Độ (<i>xã</i>) 春度社: tg. Lưu Vệ,h. Quảng Xương,p. Tĩnh Gia,t. TH 1121
Xuân Bảng (<i>xã</i>) 春榜社: tg. Thụy Lũng,h. Chân Định,p. Kiến Xương,t. ND 331	Xuân Độ (<i>xã</i>) 椿度社: tg. Đoàn Bái,h. Gia Lộc,p. Ninh Giang,t. HD 131
Xuân Biểu (<i>xã</i>) 春瓢社: tg. Cẩm Bảo,h. Hiệp Hòa,p. Đa Phúc,t. BN 522	Xuân Giang (<i>thôn</i>) 春江村: tg. Tam Đẳng,h. Nghi Xuân, p. Đức Thọ,t. NA 1264
Xuân Bình (<i>thôn</i>) 春平村: x. Xuân Lôi,tg. Bát Phí,h. Võ Giàng, p. Từ Sơn,t. BN 501	Xuân Giang (<i>xã</i>) 春江社: tg. Từ Minh,h. Hoàng Hóa,p. Hà Trung,t. TH ... 1089
Xuân Bồ (<i>xã</i>) 春莆社: tg. Xuân Lai,h. Phong Điền,p. Quảng Ninh,t. QB .. 1347	Xuân Giang (<i>xã</i>) 春江社: tg. Mục Hà,h. Vĩnh Tuy,p. An Bình,t. TQ 865
Xuân Bồ (<i>xã</i>) 春蒲社: tg. An Bồ,h. Vĩnh Bảo,p. Ninh Giang,t. HD 126	Xuân Giao (<i>xã</i>) 春膠社: tg. Vũ Lao,ch. Văn Bàn,p. Quy Hóa,t. HH 730
Xuân Cai (<i>thôn</i>) 春菱村: x. Dũng Liệt,tg. Dũng Liệt,h. Yên Phong, p. Từ Sơn,t. BN 497	Xuân Hải (<i>thôn</i>) 春海村: tg. Canh Hoạch,h. Can Lộc,p. Đức Thọ,t. NA 1270
Xuân Canh (<i>phường</i>) 春耕坊: tg. Thượng Lưu,h. Minh Hoá, p. Quảng Trạch,t. QB 1359	Xuân Hi Hạ (<i>xã</i>) 春熙下社: tg. Thủy Nhai,h. Giao Thủy, p. Xuân Trường,t. ND 304
Xuân Canh (<i>tổng</i>) 春耕總: h. Đông Ngạc,p. Từ Sơn,t. BN 492	Xuân Hi Thượng (<i>xã</i>) 春熙上社: tg. Thủy Nhai,h. Giao Thủy, p. Xuân Trường,t. ND 304
Xuân Canh (<i>xã</i>) 春耕社: tg. Xuân Canh,h. Đông Ngạc,p. Từ Sơn,t. BN 492	Xuân Hi Thượng (<i>ấp</i>) 春熙上邑: tg. Lạc Thiện,h. Giao Thủy, p. Xuân Trường,t. ND 305
Xuân Cát (<i>xã</i>) 春葛社: tg. Đại Công,h. Tiên Minh,p. Nam Sách,t. HD 116	Xuân Hòa (<i>ấp</i>) 春和邑: tg. Tân Bối,h. Tiến Hải,p. Kiến Xương,t. ND 335
Xuân Cẩm (<i>thôn</i>) 春錦村: h. Kỳ Anh,đạo HT 1327	Xuân Hòa (<i>thôn</i>) 春和村: tg. Lâm Thịnh,h. Nam Đường,p. Anh Sơn,t. NA 1235
Xuân Cầu (<i>tổng</i>) 春楸總: h. Văn Giang,pp. Thuận Thành,t. BN 518	Xuân Hòa (<i>xã</i>) 春和社: tg. Nam Kim,h. Thanh Chương,p. Anh Sơn,t. NA . 1239
Xuân Cầu (<i>xã</i>) 春楸社: tg. Xuân Cầu,h. Văn Giang,pp. Thuận Thành,t. BN 518	Xuân Hòa (<i>thôn</i>) 春和村: tg. Quỳnh Lâm,h. Quỳnh Lưu, p. Diên Châu,t. NA 1253
Xuân Chi (<i>thôn</i>) 春枝村: tg. Đặng Sơn,h. Lương Sơn,p. Anh Sơn,t. NA 1235	Xuân Hòa (<i>thôn</i>) 春和村: x. Canh Hoạch,tg. Canh Hoạch,h. Can Lộc, p. Đức Thọ,t. NA 1270
Xuân Cốc (<i>xã</i>) 春穀社: tg. Bắc Tạ,h. Vĩnh Bảo,p. Ninh Giang,t. HD 126	Xuân Hòa (<i>xã</i>) 春和社: tg. Thạch Bàn,h. Phong Điền, p. Quảng Ninh,t. QB 1347
Xuân Cước (<i>xã</i>) 春腳社: tg. An Bối,h. Chân Định,p. Kiến Xương,t. ND 331	Xuân Hòa (<i>trang</i>) 春和庄: tg. Thuận Hoà,h. Bình Chính, p. Quảng Trạch,t. QB 1353
Xuân Du (<i>xã</i>) 椿油社: tg. Đoàn Bái,h. Gia Lộc,p. Ninh Giang,t. HD 131	Xuân Hòa (<i>tổng</i>) 春和總: h. Minh Linh,đạo QT 1390
Xuân Dục (<i>xã</i>) 春育社: tg. Trung Quán,h. Phong Lộc,p. Quảng Ninh,t. QB 1345	Xuân Hòa (<i>xã</i>) 春和社: tg. Xuân Hoà,h. Minh Linh,đạo QT 1390
Xuân Dục (<i>xã</i>) 春育社: tg. Bạch Sam,h. Đường Hào,p. Bình Giang,t. HD .. 100	Xuân Hòa (<i>xã</i>) 春和社: tg. Hiến Lễ,h. Bình Xuyên,p. Phú Bình,t. TN 800
Xuân Dục (<i>xã</i>) 春育社: tg. Phổ Lộng,h. Đa Phúc,p. Đa Phúc,t. BN 521	Xuân Hòa (<i>xã</i>) 春和社: tg. Lân Du,h. Nông Cống,p. Tĩnh Gia,t. TH 1124
Xuân Dục (<i>xã</i>) 春育社: tg. Hóa Nhân,ch. Văn Uyên,p. Trảng Định,t. LS 611	Xuân Hòa (<i>xã</i>) 春和社: tg. An Ninh,h. Hương Trà,p. TT 1418
Xuân Dục (<i>ấp</i>) 春育邑: tg. Kiên Lao,h. Giao Thủy,p. Xuân Trường,t. ND ... 304	Xuân Hòa (<i>xã</i>) 春和社: tg. An Cự,h. Hương Thủy,p. TT 1422
Xuân Dương (<i>thôn</i>) 春陽村: tg. Xuân Lâm,h. Nam Đường, p. Anh Sơn,t. NA 1236	Xuân Hòa (<i>phố</i>) 春和廬: tg. Trung Môn,h. Hàm Yên,p. An Bình,t. TQ 859
Xuân Dương (<i>xã</i>) 春陽社: tg. An Lưu,h. Đàng Xương,đạo QT 1384	Xuân Hòa (<i>xã</i>) 春和社: tg. Bát Phí,h. Võ Giàng,p. Từ Sơn,t. BN 501
Xuân Dương (<i>xã</i>) 春陽社: tg. Hạ Bi,h. Bất Bạt,p. Quảng Oai,t. ST 915	Xuân Hòa (<i>xã</i>) 春和社: tg. Thượng Pha,h. Thạch An,p. Hòa An,t. CB 664
Xuân Dương (<i>xã</i>) 春陽社: tg. Lương Hạ,h. Cẩm Hóa,p. Thông Hóa,t. TN ... 816	Xuân Hoảng (<i>xã</i>) 春恍社: tg. Cẩm Lý,h. Nguyên Bình,p. Hòa An,t. CB 667
Xuân Dương (<i>xã</i>) 春陽社: tg. Phú Xuân,h. Hương Trà,p. TT 1418	Xuân Hồi (<i>trại</i>) 春回寨: tg. Chất Thành,h. Kim Sơn,p. Yên Khánh,t. NB ... 1032
Xuân Dương (<i>xã</i>) 春陽社: tg. Nghi Dương,h. Nghi Dương, p. Kiến Thụy,t. HD 140	Xuân Hồi (<i>xã</i>) 春回社: tg. Thượng Phong Lộc,h. Lệ Thủy, p. Quảng Ninh,t. QB 1349
Xuân Dương (<i>xã</i>) 春陽社: tg. Phụ Yên,ch. Tuân Giáo,p. Điện Biên,t. HH .. 739	Xuân Hồi (<i>phường</i>) 春回坊: tg. Thượng Phong Lộc,h. Lệ Thủy, p. Quảng Ninh,t. QB 1349
Xuân Dương (<i>xã</i>) 春陽社: tg. Xuân Lai,h. Đa Phúc,p. Đa Phúc,t. BN 521	Xuân Hồi (<i>thôn</i>) 春回村: tg. Vống Nhi,h. Hương Thủy,p. TT 1423
Xuân Dương (<i>xã</i>) 春陽社: tg. Đồng Quan,h. Yên Bái,p. Trảng Khánh,t. LS 619	Xuân Hội (<i>xã</i>) 春會社: tg. Nội Viên,h. Tiên Du,p. Từ Sơn,t. BN 494
Xuân Đài (<i>xã</i>) 春臺社: tg. Quan Đài,h. Yên Lạc,pp. Vĩnh Tường,t. ST 941	Xuân Hội (<i>xã</i>) 春會社: tg. Đại Lý,h. Mỹ Hóa,p. Hà Trung,t. TH 1094
Xuân Đài (<i>thôn</i>) 春臺村: x. Quảng Xuyên,tg. Quang Chiếu,h. Đông Sơn, p. Thiệu Hóa,t. TH 1106	Xuân Húc (<i>xã</i>) 春旭社: tg. Lương Diển,h. Yên Lạc,pp. Vĩnh Tường,t. ST 940
Xuân Đài (<i>thôn</i>) 春臺村: x. Biện Trạch,tg. Nam Cai,h. Lôi Dương, p. Thọ Xuân,t. TH 1145	Xuân Huy (<i>xã</i>) 春徽社: tg. Trung Môn,h. Hàm Yên,p. An Bình,t. TQ 859
Xuân Đài (<i>xã</i>) 春臺社: tg. Hương Cấn,h. Hương Trà,p. TT 1419	Xuân Hương (<i>xã</i>) 春鄉社: tg. Nhân Lý,h. Phúc Thọ,p. Quảng Oai,t. ST 913
Xuân Đài (<i>xã</i>) 春臺社: tg. Phương Chử,h. An Lão,p. Kiến Thụy,t. HD 144	Xuân Hương (<i>xã</i>) 春香社: tg. Thổ Bình,ch. Chiêm Hoá,p. Tương An,t. TQ 877
Xuân Đài (<i>tổng</i>) 春臺總: h. Thanh Sơn,p. Gia Hưng,t. HH 711	
Xuân Đài (<i>xã</i>) 春臺社: tg. Xuân Đài,h. Thanh Sơn,p. Gia Hưng,t. HH 711	

Xuân Khánh (<i>thôn</i>) 春慶村: x.Canh Hoạch,tg.Canh Hoạch,h.Can Lộc, p.Đức Thọ,t.NA 1270	Xuân Lôi (<i>thôn</i>) 春雷村: x.Đoài Lỗ,tg.Đồng Lỗ,h.Yên Lập, p.Quy Hóa,t.HH 729
Xuân Khê (<i>xã</i>) 春溪社: tg.An Trạch,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45	Xuân Lũng (<i>xã</i>) 春隴社: tg.Chu Lễ,h.Hương Khê,p.Đức Thọ,t.NA 1261
Xuân Kỳ (<i>xã</i>) 春琪社: tg.Nghĩa Đô,ch.Lục Yên,p.An Bình,t.TQ 868	Xuân Lũng (<i>xã</i>) 春隴社: tg.Tĩnh Luyện,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 932
Xuân Kỳ (<i>xã</i>) 春祺社: tg.Phù Lỗ,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525	Xuân Lũng (<i>tổng</i>) 春隴總: h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944
Xuân Kiều (<i>thôn</i>) 春橋村: tg.Thuận Bãi,h.Bình Chính, p.Quảng Trạch,t.QB 1353	Xuân Lũng (<i>xã</i>) 春隴社: tg.Xuân Lũng,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 944
Xuân La (<i>thôn</i>) 春羅村: tg.Lâm Thịnh,h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA ... 1235	Xuân Lũng (<i>xã</i>) 春隴社: tg.Quảng Tế,h.Quảng Tế,p.Quảng Hóa,t.TH . 1133
Xuân La (<i>xã</i>) 春羅社: tg.Thượng Giáo,ch.Bạch Thông, p.Thông Hóa,t.TN 819	Xuân Lũng (<i>xã</i>) 春隴社: tg.Tông Chính,ch.Lương Chánh, p.Thọ Xuân,t.TH 1150
Xuân La (<i>xã</i>) 春羅社: tg.Phượng Dục,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN 17	Xuân Mai (<i>xã</i>) 春枚社: tg.Thuận Lễ,h.Minh Chính,p.Quảng Trạch,t.QB 1356
Xuân La (<i>xã</i>) 春羅社: tg.Trà Hương,h.Nghi Dương,p.Kiến Thụy,t.HD 140	Xuân Mai (<i>xã</i>) 春枚社: tg.Phương Hương,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST .926
Xuân La (<i>thôn</i>) 春羅村: x.Diên Hà,tg.Diên Hà,h.Diên Hà, p.Tiên Hưng,t.HY 267	Xuân Mai (<i>xã</i>) 春梅社: tg.Hùng Di,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 859
Xuân Lai (<i>tổng</i>) 春來總: h.Phong Đăng,p.Quảng Ninh,t.QB 1347	Xuân Mai (<i>xã</i>) 春枚社: ch.Thuận,p.Điện Biên,t.HH 744
Xuân Lai (<i>xã</i>) 春來社: tg.Xuân Lai,h.Phong Đăng,p.Quảng Ninh,t.QB . 1347	Xuân Mang (<i>xã</i>) 春芒社: tg.Cam Đường,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 147
Xuân Lai (<i>thôn</i>) 春來: tg.Thái Lai,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1121	Xuân Mãn (<i>xã</i>) 春滿社: tg.Mỹ Thái,h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN 530
Xuân Lai (<i>thôn</i>) 春來村: x.Phương Điện,tg.Lôi Dương,h.Lôi Dương, p.Thọ Xuân,t.TH 1144	Xuân Mãn (<i>tràng</i>) 春滿庄: tg.Vân Mộng,ch.Lộc Bình,p.Tràng Khánh,t.LS 621
Xuân Lai (<i>thôn</i>) 春來村: tg.An Nông,h.Phú Lộc,p.TT 1423	Xuân Mậu (<i>thôn</i>) 春茂村: x.Canh Hoạch,tg.Canh Hoạch,h.Can Lộc, p.Đức Thọ,t.NA 1270
Xuân Lai (<i>xã</i>) 春萊社: tg.Cẩm Nhân,ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ 862	Xuân Mỹ (<i>thôn</i>) 春美村: x.Tiên Đào,tg.Nam Kim,h.Thanh Chương, p.Anh Sơn,t.NA 1239
Xuân Lai (<i>tổng</i>) 春來總: h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509	Xuân Mỹ (<i>thôn</i>) 春美村: x.Vân Trinh,tg.Vân Trinh,h.Hưng Nguyên, p.Anh Sơn,t.NA 1243
Xuân Lai (<i>xã</i>) 春來社: tg.Xuân Lai,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509	Xuân Mỹ (<i>xã</i>) 春媚社: tg.Xuân Hoà,h.Minh Linh,đạo QT 1390
Xuân Lai (<i>xã</i>) 春來社: tg.Tử Đồi,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 117	Xuân Nê (<i>thôn</i>) 春泥村: tg.Hà Liễu,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 19
Xuân Lai (<i>xã</i>) 春萊社: tg.Tử Dương,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 252	Xuân Nguyên (<i>xã</i>) 春原社: tg.Đăng Xá,h.Ân Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256
Xuân Lai (<i>tổng</i>) 春來總: h.Đa Phúc,p.Đa Phúc,t.BN 521	Xuân Nha (<i>thôn</i>) 春芽村: tg.Tam Đăng,h.Nghi Xuân,p.Đức Thọ,t.NA ... 1264
Xuân Lai (<i>xã</i>) 春來社: tg.Xuân Lai,h.Đa Phúc,p.Đa Phúc,t.BN 521	Xuân Nha (<i>xã</i>) 春芽社: tg.Mộc Thượng,ch.Mộc,p.Gia Hưng,t.HH 721
Xuân Lãng (<i>xã</i>) 春朗社: tg.Yên Lãng,h.Yên Lãng,pp.Vĩnh Tường,t.ST .. 938	Xuân Nhai (<i>xã</i>) 春街社: tg.Cao Mật,h.Vĩnh Lộc,p.Quảng Hóa,t.TH 1130
Xuân Lạn (<i>xã</i>) 春爛社: tg.Vạn Ninh,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 425	Xuân Như (<i>thôn</i>) 春如村: tg.Đăng Sơn,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA ... 1235
Xuân Lâm (<i>thôn</i>) 春林村: tg.Xuân Liễu,h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA 1236	Xuân Niếu (<i>xã</i>) 春裊社: tg.Mỹ Xá,h.Tứ Kỳ,p.Ninh Giang,t.HD 134
Xuân Lâm (<i>tổng</i>) 春林總: h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA 1236	Xuân Ninh (<i>xã</i>) 春寧社: tg.Vạn Ninh,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 426
Xuân Lâm (<i>xã</i>) 春林社: tg.An Thái,h.Hải Lăng,đạo QT 1385	Xuân Non (<i>xã</i>) 春墩社: tg.Phù Lỗ,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525
Xuân Lê (<i>xã</i>) 春犁社: tg.Liễu Lâm,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN 506	Xuân Nông (<i>thôn</i>) 春農村: x.Bái Trạch,tg.Bái Trạch,h.Hoàng Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1090
Xuân Lệ (<i>tràng</i>) 春麗庄: tg.Hoài Viễn,ch.Lộc Bình,p.Tràng Khánh,t.LS 621	Xuân Nông (<i>xã</i>) 春農社: tg.Phù Đồng,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659
Xuân Liễu (<i>tổng</i>) 春柳總: h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA 1236	Xuân Nùng (<i>xã</i>) 春濃社: tg.Đức Lân,h.Tư Nông,p.Phú Bình,t.TN 794
Xuân Liễu (<i>xã</i>) 春柳社: tg.Xuân Liễu,h.Nam Đường,p.Anh Sơn,t.NA ... 1236	Xuân Ổ (<i>xã</i>) 春塢社: tg.Khắc Niệm,h.Tiên Du,p.Từ Sơn,t.BN 494
Xuân Liễu (<i>thôn</i>) 春柳村: x.Phan Xá,tg.Yên Trường,h.Chân Lộc, p.Anh Sơn,t.NA 1246	Xuân Ổ (<i>xã</i>) 春塢社: tg.Quảng Khê,ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN ... 819
Xuân Liễu (<i>thôn</i>) 春柳村: x.Hương La,tg.Văn Trường,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1117	Xuân Ổ (<i>xã</i>) 春塢社: tg.Quảng Xuyên,h.Phú Vang,p.TT 1420
Xuân Linh (<i>xã</i>) 春靈社: tg.Cổ Linh,ch.Chiêm Hoá,p.Tương An,t.TQ 877	Xuân Phách (<i>xã</i>) 春珀社: tg.Tượng Yên,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 663
Xuân Linh (<i>xã</i>) 椿鈴社: tg.Khoá Nhu,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 253	Xuân Phổ (<i>xã</i>) 春浦社: tg.Phúc Khê,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 341
Xuân Lĩnh (<i>xã</i>) 椿嶺社: tg.Quan Hóa,h.Yên Thành,p.Diễn Châu,t.NA . 1250	Xuân Phổ (<i>xã</i>) 春浦社: tg.Thử Cốc,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH .. 1102
Xuân Long (<i>xã</i>) 春龍社: tg.Xuân Hoà,h.Minh Linh,đạo QT 1390	Xuân Phổ (<i>xã</i>) 春浦社: tg.Kiên Thạch,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH .. 1144
Xuân Lộc (<i>thôn</i>) 春祿村: tg.Quỳnh Lâm,h.Quỳnh Lưu, p.Diễn Châu,t.NA 1253	Xuân Phú (<i>thôn</i>) 春富村: x.Cẩm La,tg.Lỗ Hương,h.Mỹ Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1093
Xuân Lộc (<i>phường</i>) 春祿坊: tg.Câu Hoan,h.Hải Lăng,đạo QT 1385	Xuân Phụ (<i>thôn</i>) 春阜村: tg.Ngọc Xuyên,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1091
Xuân Lộc (<i>phường</i>) 春祿坊: x.Mai Xá,tg.An Mỹ,h.Do Linh,đạo QT 1391	Xuân Phúc (<i>xã</i>) 春福社: tg.Nam Kim,h.Thanh Chương,p.Anh Sơn,t.NA 1239
Xuân Lộc (<i>xã</i>) 春祿社: tg.Phù Ninh,h.Phong Điền,p.TT 1428	Xuân Phương (<i>xã</i>) 春芳社: tg.Thượng Giáo,ch.Bạch Thông, p.Thông Hóa,t.TN 819
Xuân Lôi (<i>thôn</i>) 春雷村: tg.Nam Kim,h.Thanh Chương,p.Anh Sơn,t.NA 1239	Xuân Phương (<i>thôn</i>) 春芳村: x.Dặc Hạ,tg.Cung Thượng,h.Quảng Xương, p.Tĩnh Gia,t.TH 1120
Xuân Lôi (<i>xã</i>) 春雷社: tg.Hạ Ích,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 932	Xuân Phương (<i>xã</i>) 春芳社: tg.Kim Anh,h.Kim Anh,p.Đa Phúc,t.BN 525
Xuân Lôi (<i>thôn</i>) 春雷村: x.Hà Dương,tg.Bút Sơn,h.Hoàng Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1090	Xuân Quan (<i>xã</i>) 春關社: tg.Đồng Dư,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN .515
Xuân Lôi (<i>thôn</i>) 春雷村: x.Thống Trại,tg.Chi Nê,h.Hậu Lộc, p.Hà Trung,t.TH 1096	Xuân Quan (<i>xã</i>) 椿關社: tg.Yên Cảnh,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY ..253
Xuân Lôi (<i>xã</i>) 春雷社: tg.Mông Sơn,ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ 863	Xuân Quang (<i>thôn</i>) 春光村: tg.Túc Duyên,h.Đồng Hỷ,p.Phú Bình,t.TN .. 798
Xuân Lôi (<i>xã</i>) 春雷社: tg.Bất Phích,h.Vô Giang,p.Từ Sơn,t.BN 501	Xuân Quang (<i>xã</i>) 春琬社: tg.Thổ Bình,ch.Chiêm Hoá,p.Tương An,t.TQ 877
	Xuân Quang (<i>xã</i>) 春光社: tg.Phục Hòa,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 663

Xuân Quang (xã) 春琰社: tg.Từ Đồi,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 117

Xuân Quang (xã) 春琰社: tg.Nại Xuyên,h.Kim Thành,p.Kiến Thụy,t.HD 147

Xuân Quang (xã) 春琰社: tg.Yên Lăng,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165

Xuân Quang (xã) 春光社: tg.Văn Lang,h.Tam Nông,p.Gia Hưng,t.HH 709

Xuân Quang (xã) 春光社: tg.Quang Bí,ch.Văn Uyên,p.Tràng Định,t.LS 611

Xuân Sinh (xã) 春生社: tg.Ngọc Chấn,ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ 862

Xuân Sơn (tràng) 春山庄: tg.Cao Lao,h.Bố Trạch,p.Quảng Trạch,t.QB 1357

Xuân Sơn (xã) 春山社: tg.Hòa Lạc,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926

Xuân Sơn (xã) 春山社: tg.Đồng Xá,h.Nông Cống,p.Tĩnh Gia,t.TH 1123

Xuân Sơn (thôn) 春山村: tg.Hà Trung,h.Kỳ Anh,đạo HT 1326

Xuân Tàng (xã) 春藏社: tg.Yên Tàng,h.Đa Phúc,p.Đa Phúc,t.BN 521

Xuân Táo (xã) 春棗社: tg.Đan Táo,h.Đa Phúc,p.Đa Phúc,t.BN 521

Xuân Thành (phường) 春城坊: tg.An Mỹ,h.Do Linh,đạo QT 1391

Xuân Thị (thôn) 春市村: x.Xuân Hội,tg.Đại Lý,h.Mỹ Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1094

Xuân Thịnh (thôn) 春盛村: tg.Lâm Thịnh,h.Nam Đường,
p.Anh Sơn,t.NA 1235

Xuân Thịnh (thôn) 春盛村: x.Mỹ Chân,tg.Đô Yên,h.Hung Nguyên,
p.Anh Sơn,t.NA 1242

Xuân Thọ (thôn) 春壽村: tg.Quỳnh Lâm,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA 1253

Xuân Thụy (xã) 春樹社: tg.Vạn Ninh,ch.Vạn Ninh,p.Hải Ninh,t.QY 426

Xuân Thụy (xã) 春樹社: tg.Phù Lưu,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 491

Xuân Thủy (phường) 春水坊: tg.Đặng Sơn,h.Lương Sơn,
p.Anh Sơn,t.NA 1235

Xuân Thủy (thôn) 春水村: tg.Tam Đương,h.Nghi Xuân,p.Đức Thọ,t.NA 1264

Xuân Thủy (xã) 春水社: tg.Quế Tân,h.Võ Giang,p.Từ Sơn,t.BN 501

Xuân Thủy (thôn) 春水村: h.Kỳ Anh,đạo HT 1327

Xuân Thụy (xã) 春瑞社: tg.Đa Tốn,h.Gia Lâm,pp.Thuận Thành,t.BN 515

Xuân Thượng (thôn) 椿上村: x.Động Bàng,tg.Đồng Lý,h.Yên Định,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1110

Xuân Tĩ (thôn) 春耙村: x.Lạc Thủy,tg.Tam Lộng,h.Lôi Dương,
p.Thọ Xuân,t.TH 1145

Xuân Tinh (thôn) 春晴村: tg.Thượng Xá,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246

Xuân Tinh (xã) 春晴社: tg.Vĩnh Luật,h.Can Lộc,p.Đức Thọ,t.NA 1270

Xuân Tinh (tràng) 春情庄: tg.Vân Mộng,ch.Lộc Bình,p.Tràng Khánh,t.LS 621

Xuân Trạch (thôn) 春澤村: tg.Phù Long,h.Hung Nguyên,
p.Anh Sơn,t.NA 1242

Xuân Trạch (xã) 春澤社: tg.Tự Lạn,h.Yên Dũng,p.Lạng Giang,t.BN 533

Xuân Trạch (xã) 春澤社: tg.Từ Du,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 932

Xuân Trạch (xã) 春澤社: tg.Xuân Canh,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 492

Xuân Trì (thôn) 春池村: tg.An Ấp,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259

Xuân Trì (tràng) 春池庄: tg.Lê Xá,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029

Xuân Trì (xã) 春池社: tg.Văn Hội,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124

Xuân Trù (xã) 春疇社: tg.Hà Quảng,h.Thạch Lâm,p.Hòa An,t.CB 659

Xuân Trù (xã) 春疇社: tg.Tiên Thủ,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522

Xuân Trúc (xã) 春竹社: tg.Thanh Triều,h.Hung Nhân,p.Tiên Hưng,t.HY 268

Xuân Trường (thôn) 春場村: tg.Đặng Sơn,h.Lương Sơn,
p.Anh Sơn,t.NA 1235

Xuân Trường (phủ) 春長府: t.NĐ 302

Xuân Tú (xã) 春秀社: tg.Đồng Hồ,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN 506

Xuân Tú (thôn) 春秀村: x.Xuân Tú,tg.Đồng Hồ,h.Siêu Loại,
p.Thuận Thành,t.BN 506

Xuân Tuỳ (xã) 春隨社: tg.Hạ Lang,h.Quảng Điền,p.TT 1427

Xuân Tường (thôn) 春祥村: tg.Xuân Lâm,h.Nam Đường,
p.Anh Sơn,t.NA 1236

Xuân Úc (giáp) 春郁甲: tg.Phú Hậu,h.Quỳnh Lưu,p.Diễn Châu,t.NA 1252

Xuân Úc (xã) 春郁社: tg.Dương Áo,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 116

Xuân Úc (xã) 春郁社: tg.Văn Hòa,h.An Lão,p.Kiến Thụy,t.HD 144

Xuân Ứng (xã) 春應社: tg.Đồng Lỗ,h.Yên Lập,p.Quy Hóa,t.HH 729

Xuân Vân (tổng) 春雲總: h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST 913

Xuân Vân Đoài (thôn) 春雲兌村: tg.Xuân Vân,h.Phúc Thọ,
p.Quảng Oai,t.ST 913

Xuân Vân Đông (thôn) 春雲東村: tg.Xuân Vân,h.Phúc Thọ,
p.Quảng Oai,t.ST 913

Xuân Vi (xã) 春圍社: tg.Ngọc Xuyên,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1091

Xuân Viên (tổng) 春圍總: h.Nghi Xuân,p.Đức Thọ,t.NA 1264

Xuân Viên (xã) 春圍社: tg.Xuân Viên,h.Nghi Xuân,p.Đức Thọ,t.NA 1264

Xuân Viên (xã) 春圍社: tg.An Nhân,h.Hải Lăng,đạo QT 1385

Xuân Viên (thôn) 春圍村: x.Quang Tiến,tg.Thái Lai,h.Quảng Xương,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1121

Xuân Viên (tràng) 春圍庄: tg.Châm Khê,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497

Xuân Viên (xã) 春圍社: tg.Mễ Sơn,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HD 165

Xuân Viện (xã) 春院社: tg.An Hùng,ch.Văn Uyên,p.Tràng Định,t.LS 611

Xuân Viện Đông (thôn) 春院東村: x.Liên Trì,tg.Liên Trì,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1114

Xuân Viện Trung (thôn) 春院中村: x.Liên Trì,tg.Liên Trì,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1114

Xuân Vinh (thôn) 春榮村: tg.Hiến Lễ,h.Bình Xuyên,p.Phú Bình,t.TN 800

Xuân Vũ (tổng) 春宇總: h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 331

Xuân Vũ (xã) 春宇社: tg.Xuân Vũ,h.Chân Định,p.Kiến Xương,t.NĐ 331

Xuân Vũ (thôn) 春宇村: x.Xuân Vũ,tg.Xuân Vũ,h.Chân Định,
p.Kiến Xương,t.NĐ 331

Xuân Yên (xã) 春安社: tg.Yên Trường,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246

Xuân Yên (xã) 春安社: tg.Hoàng Trường,h.Yên Thành,
p.Diễn Châu,t.NA 1249

Xuân Yên (thôn) 春煙村: tg.Thuận Mỹ,h.Thọ Xương,p.Hoài Đức,t.HN 11

Xuất Cốc (xã) 出谷社: tg.Bằng Xá,h.Y Yên,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 323

Xuất Tác (xã) 出作社: tg.Lâu Thượng,h.Vũ Nhai,p.Phú Bình,t.TN 803

Xung Quán (xã) 冲館社: tg.Yên Thường,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 491

Xung Quán (tổng) 冲貫總: ch.Thoát Lãng,p.Tràng Định,t.LS 608

Xung Quán (xã) 冲貫社: tg.Xung Quán,ch.Thoát Lãng,
p.Tràng Định,t.LS 608

Xuyên Cốc (xã) 串谷村: tg.Bài Trương,h.Chương Đức,p.Ứng Hòa,t.HN 31

Xuyên Dương (thôn) 穿陽村: x.Văn Xá,tg.Thủy Cam,h.Thanh Oai,
p.Ứng Hòa,t.HN 29

Xuyên Đông (xã) 川東社: tg.Vụ Nông,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD 158

Xuyên Hử (tổng) 川潯總: h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124

Xuyên Hử (xã) 川潯社: tg.Xuyên Hử,h.Vĩnh Lại,p.Ninh Giang,t.HD 124

Xuyết (thôn) 綴村: x.Ngọc Xuyên,tg.Ngọc Xuyên,h.Hoàng Hóa,
p.Hà Trung,t.TH 1091

Xuyết Cẩm (xã) 綴錦社: tg.Lạc Thị,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 130

Xuyết Cầu (xã) 綴求社: tg.Phi Lai,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086

Xuyết Hương (xã) 綴香社: tg.Từ Mặc,h.Y Yên,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 323

Xuyết Hưu (xã) 綴休社: tg.Xuân Áng,h.Hạ Hòa,p.Lâm Thao,t.ST 950

Xuyết Khê (xã) 綴溪社: tg.Lạc Thị,h.Gia Lộc,p.Ninh Giang,t.HD 130

Xuyết Lưu (thôn) 綴流村: tg.Đồng Lỗ,h.Sơn Minh,p.Ứng Hòa,t.HN 26

Xuyết Tân (thôn) 綴津村: x.Phượng Trì,tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1115

Xước Dụ (xã) 綽裕社: tg.Long Hồ,h.Hương Trà,p.TT 1418

Xương Minh (xã) 昌銘社: tg.Tràng Quế,ch.Ôn,p.Tràng Khánh,t.LS 617

Xương Thịnh (châu) 昌盛州: tg.Mai Lộc,h.Thành Hoá,đạo QT 1394

Xương Thịnh (xã) 昌盛社: tg.Phú Khê,h.Cẩm Khê,p.Lâm Thao,t.ST 946

Y

Y (thôn) 依村: x.Phù Sa,tg.Vân Trai,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1116

Y Bích (xã) 漪碧社: tg.Đặng Trường,h.Hậu Lộc,p.Hà Trung,t.TH 1096

Y Can (xã) 猗犴社: tg.Giới Phiên,h.Trần Yên,p.Quy Hóa,t.HH 727

Y Đốn (tổng) 猗頓總: h.Thần Khê,p.Tiên Hưng,t.HY 265

Y Đốn (xã) 猗頓社: tg.Y Đốn,h.Thần Khê,p.Tiên Hưng,t.HY 265

Y Kỳ (xã) 伊岐社: tg.Tử Đà,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957

Y Lữ (xã) 伊閭社: tg.Cổ Da,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 310

Y Na (xã) 猗那社: tg.Đế Cốc,h.Yên Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1042

Y Ngô (thôn) 伊吾村: x.Đại Lý,tg.Đại Lý,h.Mỹ Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1094

Y Nhân (xã) 依仁社: tg.Thượng Ấm,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959

Y Xá (xã) 伊舍社: tg.Tuân Hóa,h.Đông Sơn,p.Thiệu Hóa,t.TH 1105

Ỗ Cống (tổng) 綺貢總: h.Thượng Lang,p.Trùng Khánh,t.CB 672

Ỗ Cống (xã) 綺貢社: tg.Ỗ Cống,h.Thượng Lang,p.Trùng Khánh,t.CB 672

Ỗ La (xã) 綺羅社: tg.Trung Môn,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 859

Ỗ La (xã) 綺羅社: tg.La Nội,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8

Ỗ Na (tổng) 猗那總: h.Phú Lương,p.Tông Hóa,t.TN 812

Ỗ Na (xã) 猗那社: tg.Ỗ Na,h.Phú Lương,p.Tông Hóa,t.TN 812

Ỗ Na (xã) 倚那社: tg.Đổ Xá,h.Võ Giàng,p.Từ Sơn,t.BN 500

Ỗ Quan (xã) 綺關社: tg.An Khê,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37

Ỗ Tịch (xã) 倚席社: tg.Thốc Sơn,h.Hữu Lũng,pp.Lạng Giang,t.BN 540

Ý Yên (huyện) 懿安縣: pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 323

Yêm (thôn) 俺村: x.Hào Môn,tg.Liên Tri,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1114

Yên (thôn) 安村: x.Thạch Xá,tg.Thạch Xá,h.Thạch Thất,p.Quốc Oai,t.ST 924

Yên (thôn) 安村: x.Bạch Cầu,tg.Thạch Giản,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086

Yên (thôn) 安村: x.Đông An,tg.Đông Yên,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086

Yên (thôn) 安村: x.Quan Yên,tg.Yên Định,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1109

Yên (châu) 安州: p.Gia Hưng,t.HH 722

Yên Bái (huyện) 安博縣: p.Tràng Khánh,t.LS 619

Yên Bạc (xã) 安泊社: tg.Quỳnh Lưu,h.Phụng Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1038

Yên Bạc (xã) 安泊社: tg.Mỹ Khê,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST 911

Yên Bài (xã) 安排社: tg.Hoàng Trường,h.Yên Thành,p.Diễn Châu,t.NA 1249

Yên Bài (xã) 安排社: tg.Bối Sơn,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST 911

Yên Bài (xã) 安排社: tg.Xa Mạc,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 941

Yên Bài (xã) 安排社: tg.Vĩnh Đại,h.Đông Triều,p.Kinh Môn,t.HĐ 165

Yên Bái (tổng) 安拜總: h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343

Yên Bái (xã) 安拜社: tg.Yên Bái,h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343

Yên Bái (xã) 安沛社: tg.Bách Lãm,h.Trần Yên,p.Quy Hóa,t.HH 726

Yên Bái (xã) 安沛社: tg.Hung Xá,h.Phong Doanh,pp.Nghĩa Hưng,t.NĐ 326

Yên Bảo (thôn) 安保村: tg.Thanh Vị,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST 911

Yên Bảo (xã) 安保社: tg.Tiên Xá,h.Duy Tiên,p.Lý Nhân,t.HN 37

Yên Bắc (thôn) 安北村: tg.Yên Liêu,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB 1021

Yên Bằng (xã) 安憑社: tg.Hùng Sơn,h.Đại Từ,p.Tông Hóa,t.TN 811

Yên Bộ (thôn) 安陸村: tg.Kim Thia,h.Đan Phượng,p.Quốc Oai,t.ST 922

Yên Biên (xã) 安邊社: tg.Vĩnh Đại,h.Đông Triều,p.Kinh Môn,t.HĐ 165

Yên Bình (thôn) 安平村: x.Canh Hoạch,tg.Canh Hoạch,h.Can Lộc,
p.Đức Thọ,t.NA 1270

Yên Bình (xã) 安平社: tg.Mục Hà,h.Vinh Tuy,p.An Bình,t.TQ 865

Yên Bình (xã) 安平社: tg.Dương Quang,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN 506

Yên Bồ (xã) 安蒲社: tg.Vật Lại,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST 911

Yên Bồ (xã) 安布社: tg.Yên Châu,h.Yên Bái,p.Tràng Khánh,t.LS 619

Yên Canh (tổng) 安耕總: h.Ấn Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256

Yên Canh (xã) 安耕社: tg.Yên Canh,h.Ấn Thi,p.Khoái Châu,t.HY 256

Yên Cảnh (xã) 安境社: tg.Chương Dương,h.Thượng Phúc,
p.Thường Tín,t.HN 17

Yên Cảnh (tổng) 安境總: h.Đông Yên,p.Khoái Châu,t.HY 253

Yên Cảnh (xã) 安境社: tg.Yên Cảnh,h.Đông Yên,p.Khoái Châu,t.HY 253

Yên Cầu (xã) 安棣社: tg.Hiệu Vũ,h.Hung Nhân,p.Tiên Hưng,t.HY 268

Yên Chân (xã) 安真社: tg.Đông Hải,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 340

Yên Chân (xã) 安真社: tg.Đông Chân,h.Quỳnh Côi,pp.Thái Bình,t.NĐ 348

Yên Châu (xã) 安舟社: tg.Hà Châu,h.Hiệp Hòa,p.Đa Phúc,t.BN 522

Yên Châu (tổng) 安州總: h.Yên Bái,p.Tràng Khánh,t.LS 619

Yên Châu (xã) 安州社: tg.Yên Châu,h.Yên Bái,p.Tràng Khánh,t.LS 619

Yên Chỉ (xã) 安址社: tg.Hồ Đội,h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343

Yên Chỉ (xã) 安止社: tg.Vân Cãi,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029

Yên Cốc (xã) 安固社: tg.Quảng Nạp,h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343

Yên Cốc (xã) 安谷社: tg.Triều Đông,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN 16

Yên Cống (thôn) 安貢村: tg.Yên Liêu,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB 1021

Yên Cúc (xã) 安鞠社: tg.Cao Dương,h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343

Yên Cư (trại) 安居寨: tg.Tân Hưng,h.Tiến Hải,p.Kiến Xương,t.NĐ 335

Yên Cư (thôn) 安居村: x.Nghĩa Liệt,tg.Phù Long,h.Hung Nguyên,
p.Anh Sơn,t.NA 1242

Yên Cư (xã) 安居社: tg.Vạn Phấn,h.Yên Thành,p.Diễn Châu,t.NA 1249

Yên Cư (thôn) 安居村: x.Ngũ Lộc,tg.Thịnh Quả,h.La Sơn,
p.Đức Thọ,t.NA 1255

Yên Cư (xã) 安居社: tg.Lịch Dương,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB 1020

Yên Cư (xã) 安居社: tg.Quỳnh Lưu,h.Phụng Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1038

Yên Cư (thôn) 安居村: tg.Hà Bắc,h.Yên Hưng,p.Sơn Định,t.QY 412

Yên Cư (xã) 安居社: tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1116

Yên Cừ (xã) 安渠社: tg.Liên Cừ,h.Hậu Lộc,p.Hà Trung,t.TH 1097

Yên Cường (thôn) 安疆村: x.Đặng Triều,tg.Trùng Xá,h.Lương Tài,
p.Thuận Thành,t.BN 511

Yên Dã (xã) 安野社: tg.Hùng Sơn,h.Đại Từ,p.Tông Hóa,t.TN 811

Yên Dân (xã) 安民社: tg.Ninh Dân,h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948

Yên Diên (xã) 安延社: tg.Yên Lĩnh,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 860

Yên Diệu (xã) 安耀社: tg.Hòa Lạc,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926

Yên Dục (xã) 安育社: tg.Bất Náo,h.Phụ Dục,pp.Thái Bình,t.NĐ 346

Yên Dục (thôn) 安育村: tg.Hà Hiệp,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 919

Yên Duệ (thôn) 安睿村: x.Xuân An,tg.Yên Trường,h.Chân Lộc,
p.Anh Sơn,t.NA 1246

Yên Duệ (xã) 安裔社: tg.Thượng Bổng,h.Hương Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1259

Yên Dũng (huyện) 安勇縣: p.Lạng Giang,t.BN 532

Yên Dũng (xã) 安勇社: tg.Yên Trường,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246

Yên Duyên (xã) 安沿社: tg.Tín Yên,h.Thượng Phúc,p.Thường Tín,t.HN 17

Yên Duyên (sở) 安緣所: tg.Thanh Trì,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 19

Yên Duyên (xã) 安緣社: tg.Thanh Trì,h.Thanh Trì,p.Thường Tín,t.HN 19

Yên Duyệt (tổng) 安悅總: h.Tương Dương,p.Tương Dương,t.NA 1272

Yên Dương (tổng) 安陽總: h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 935

Yên Dương (xã) 安陽社: tg.An Dương,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 935

Yên Dương (thôn) 安養村: tg.Hà Hiệp,h.Yên Sơn,p.Quốc Oai,t.ST 919

Yên Dương (xã) 安養社: tg.Nội Hoàng,h.Đông Triều,p.Kinh Môn,t.HĐ 166

Yên Dương (xã) 安養社: tg.Thu Ngạc,h.Yên Lập,p.Quy Hóa,t.HH 729

Yên Đại (thôn) 安代村: x.Đức Lân,tg.Yên Trường,h.Chân Lộc,
p.Anh Sơn,t.NA 1246

Yên Đạo (xã) 安道社: tg.An Dương,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 935

Yên Đạo (xã) 安道社: tg.Tử Đà,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957

Yên Đăng (xã) 安登社: tg.Hoàng Trường,h.Yên Thành,
p.Diễn Châu,t.NA 1249

Yên Đăng (tổng) 安登總: h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB 1020

Yên Đăng (xã) 安登社: tg.Yên Đăng,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB 1020

Yên Đặng (xã) 安鄧社: tg. Bồng Lai, h. Quế Dương, p. Từ Sơn, t. BN 500	Yên Hựu (xã) 安祐社: tg. Ninh Duy, h. Tiên Minh, p. Nam Sách, t. HD 117
Yên Diễm (xã) 安恬社: tg. Phù Lưu, h. Can Lộc, p. Đức Thọ, t. NA 1269	Yên Khánh (thôn) 安慶村: x. Chi Linh, tg. Thổ Hào, h. Thanh Chương, p. Anh Sơn, t. NA 1238
Yên Diễm (xã) 安恬社: tg. Hương Tảo, h. Việt Yên, p. Lạng Giang, t. BN 534	Yên Khánh (phủ) 安慶府: t. NB 1017
Yên Diễm (xã) 安恬社: tg. Lạc Đạo, h. Lạc Yên, p. Nho Quan, t. NB 1040	Yên Khánh (huyện) 安慶縣: p. Yên Khánh, t. NB 1020
Yên Diễm (thôn) 安恬村: tg. Hiến Lễ, h. Bình Xuyên, p. Phú Bình, t. TN 800	Yên Khánh (tổng) 安慶總: h. Đông Triều, p. Kinh Môn, t. HD 165
Yên Điều (thôn) 安調村: tg. Phú Hậu, h. Quỳnh Lưu, p. Diễn Châu, t. NA ... 1252	Yên Khánh (xã) 安慶社: tg. Yên Khánh, h. Đông Triều, p. Kinh Môn, t. HD .. 165
Yên Đình (xã) 安庭社: tg. Thường Tú, h. Hàm Yên, p. An Bình, t. TQ 859	Yên Khâu (tổng) 安邱總: h. Thanh Ba, p. Lâm Thao, t. ST 948
Yên Định (tổng) 安定總: h. Thụy Anh, p. Thái Bình, t. ND 343	Yên Khâu (xã) 安邱社: tg. An Khâu, h. Thanh Ba, p. Lâm Thao, t. ST 948
Yên Định (xã) 安定社: tg. Yên Định, h. Thụy Anh, p. Thái Bình, t. ND 343	Yên Khê (xã) 安溪社: h. Yên Khánh, p. Yên Khánh, t. NB 1021
Yên Định (thôn) 安定村: tg. Phù Lưu, h. Can Lộc, p. Đức Thọ, t. NA 1269	Yên Khê (xã) 鄒溪社: tg. Thanh Cù, h. Thanh Ba, p. Lâm Thao, t. ST 948
Yên Định (sở) 安定所: tg. Chi Nê, h. Hậu Lộc, p. Hà Trung, t. TH 1097	Yên Khoái (xã) 安快社: tg. Thiệu Trạo, h. Yên Khánh, p. Yên Khánh, t. NB 1020
Yên Định (huyện) 安定縣: p. Thiệu Hóa, t. TH 1109	Yên Khoái (xã) 安快社: tg. Thụy Phiêu, h. Phúc Thọ, p. Quảng Oai, t. ST 913
Yên Định (tổng) 安定總: h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1109	Yên Khoái (xã) 安快社: tg. Mậu Lâm, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1086
Yên Định (xã) 安定社: tg. Yên Định, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1109	Yên Khoái (xã) 安快社: tg. Xuân Lai, h. Gia Bình, p. Thuận Thành, t. BN 509
Yên Định (tổng) 安定總: h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1124	Yên Khoái (xã) 安快社: tg. Khuất Xá, ch. Lộc Bình, p. Tráng Khánh, t. LS 621
Yên Định (xã) 安定社: tg. Yên Định, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1124	Yên Khuyến (xã) 安勸社: tg. Nghiêm Lật, h. Thất Khê, p. Tráng Định, t. LS . 602
Yên Định (xã) 安定社: tg. Trường Cát, h. Quảng Tế, p. Quảng Hóa, t. TH .. 1134	Yên Kiện (tổng) 安健總: h. Mỹ Lương, p. Quốc Oai, t. ST 926
Yên Định (tổng) 安定總: h. Vĩ Xuyên, p. Tương An, t. TQ 874	Yên Kiện (xã) 安健社: tg. Yên Kiện, h. Mỹ Lương, p. Quốc Oai, t. ST 926
Yên Định (xã) 安定社: tg. Yên Định, h. Vĩ Xuyên, p. Tương An, t. TQ 874	Yên Kiện (xã) 安健社: tg. Hoàng Cương, h. Thanh Ba, p. Lâm Thao, t. ST ... 948
Yên Định (thôn) 安定村: tg. Yên Thành, h. Vĩnh Thuận, p. Hoài Đức, t. HN 13	Yên Kiện (xã) 安健社: tg. Trám Nhĩ, h. Phú Ninh, p. Đoàn Hùng, t. ST 957
Yên Định (xã) 安定社: tg. Tam Á, h. Siêu Loại, p. Thuận Thành, t. BN 506	Yên Kiện (thôn) 安健村: x. Vĩnh Trung, tg. Cổ Diễn, h. Thanh Trì, p. Thường Tín, t. HN 19
Yên Đỗ (sách) 安堵冊: tg. Phác Lỗ, h. Nghĩa Đường, p. Quỳnh Châu, t. NA 1275	Yên Kỳ (xã) 安期社: tg. Phú Hữu, h. Tùng Thiện, p. Quảng Oai, t. ST 911
Yên Đỗ (tổng) 安堵總: h. Đại Từ, p. Tông Hóa, t. TN 810	Yên Ký (xã) 安記社: tg. Tiên Bó, h. Quỳnh Côi, pp. Thái Bình, t. ND 348
Yên Đỗ (xã) 安堵社: tg. Yên Đỗ, h. Đại Từ, p. Tông Hóa, t. TN 810	Yên Lạc (xã) 安樂社: tg. Xuân Liễu, h. Nam Đường, p. Anh Sơn, t. NA 1236
Yên Đỗ (tổng) 安堵總: h. Bình Lục, p. Lý Nhân, t. HN 43	Yên Lạc (tổng) 安樂總: h. Phụng Hoá, p. Nho Quan, t. NB 1037
Yên Đỗ (xã) 安堵社: tg. Yên Đỗ, h. Bình Lục, p. Lý Nhân, t. HN 43	Yên Lạc (xã) 安樂社: tg. Yên Lạc, h. Phụng Hoá, p. Nho Quan, t. NB 1037
Yên Đội (xã) 安隊社: tg. Xích Thổ, h. Yên Hoá, p. Nho Quan, t. NB 1042	Yên Lạc (huyện) 安樂縣: pp. Vĩnh Tường, t. ST 940
Yên Đồng (xã) 安全社: tg. Việt Yên, h. La Sơn, p. Đức Thọ, t. NA 1255	Yên Lạc (xã) 安樂社: tg. Hội Hạ, h. Yên Lạc, pp. Vĩnh Tường, t. ST 940
Yên Động (xã) 安峒社: tg. Yên Châu, h. Yên Bái, p. Tráng Khánh, t. LS 619	Yên Lạc (thôn) 安樂村: x. Sơn Đầu, tg. Thạch Giản, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1086
Yên Đức (sách) 安德冊: tg. Hoàng Huệ, h. Bất Bạt, p. Quảng Oai, t. ST 916	Yên Lạc (xã) 安樂社: tg. Quảng Thi, h. Thụy Nguyên, p. Thiệu Hóa, t. TH .. 1102
Yên Đức (xã) 安德社: tg. Yên Vĩnh, h. Vĩnh Điện, p. Tương An, t. TQ 871	Yên Lạc (thôn) 安樂村: x. Lộc Bối, tg. Đan Nê, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1109
Yên Giả (xã) 安者社: tg. Quảng Lãm, h. Quế Dương, p. Từ Sơn, t. BN 500	Yên Lạc (xã) 安樂社: tg. Thủ Hộ, h. Quảng Xương, p. Tĩnh Gia, t. TH 1120
Yên Hà (xã) 安遐社: tg. Tự Lạn, h. Yên Dũng, p. Lạng Giang, t. BN 533	Yên Lạc (xã) 安樂社: tg. Yên Vĩnh, h. Vĩnh Điện, p. Tương An, t. TQ 871
Yên Hà (xã) 安河社: tg. Hải Bối, h. Yên Lãng, pp. Vĩnh Tường, t. ST 939	Yên Lạc (xã) 安樂社: tg. Thái Lạc, h. Văn Giang, pp. Thuận Thành, t. BN 517
Yên Hà (ấp) 安河邑: tg. Đồ Bái, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1087	Yên Lạc (tổng) 安樂總: h. Thần Khê, p. Tiên Hưng, t. HY 260
Yên Hà (phường) 煙霞坊: Thủy Cự, t. TH 1156	Yên Lạc (xã) 安樂社: tg. Yên Lạc, h. Kim Động, p. Khoái Châu, t. HY 260
Yên Hạnh (xã) 安幸社: tg. Mậu Lâm, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t. TH 1086	Yên Lạc (tổng) 安樂總: h. Kim Động, p. Khoái Châu, t. HY 265
Yên Hân (xã) 安欣社: tg. Côn Minh, ch. Bạch Thông, p. Thông Hóa, t. TN 819	Yên Lạc (xã) 安樂社: tg. Yên Lạc, h. Thần Khê, p. Tiên Hưng, t. HY 265
Yên Hi (xã) 安禧社: tg. Lãng Yên, h. Thượng Lang, p. Trùng Khánh, t. CB 672	Yên Lạc (thôn) 安樂村: x. Yên Lạc, tg. Yên Lạc, h. Thần Khê, p. Tiên Hưng, t. HY 265
Yên Hòa (thôn) 安和村: tg. Hoàng Mai, h. Quỳnh Lưu, p. Diễn Châu, t. NA . 1253	Yên Lạc Thượng (thôn) 安樂上村: tg. Tam Đẳng, h. Nghi Xuân, p. Đức Thọ, t. NA 1265
Yên Hòa (xã) 安和社: tg. An Dương, h. Tam Dương, p. Vĩnh Tường, t. ST 935	Yên Lại (xã) 安賴社: tg. Cấn Doanh, h. Bảo Lộc, p. Lạng Giang, t. BN 531
Yên Hòa (thôn) 安和村: x. Thống Trại, tg. Chi Nê, h. Hậu Lộc, p. Hà Trung, t. TH 1096	Yên Lại (xã) 安賴社: tg. Văn Luận, h. Phụng Hoá, p. Nho Quan, t. NB 1038
Yên Hòa (xã) 安和社: tg. Yên Định, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t. TH 1124	Yên Lại (xã) 安賴社: tg. Ngọc Lâm, h. Tứ Kỳ, p. Ninh Giang, t. HD 134
Yên Hòa (tổng) 安和總: h. Thọ Xương, p. Hoài Đức, t. HN 12	Yên Lãm (xã) 安欖社: tg. Phượng Lâu, h. Phú Ninh, p. Đoàn Hùng, t. ST 957
Yên Hòa (thôn) 安和村: tg. Yên Hòa, h. Thọ Xương, p. Hoài Đức, t. HN 12	Yên Lang (xã) 安琅社: tg. Cổ Linh, ch. Chiêm Hoá, p. Tương An, t. TQ 877
Yên Hoá (huyện) 安化縣: p. Nho Quan, t. NB 1041	Yên Lãng (thôn) 安浪村: x. Quả Khê, tg. Văn Trinh, h. Hưng Nguyên, p. Anh Sơn, t. NA 1243
An Hóa (tổng) 安化總: ch. Thoát Lãng, p. Tráng Định, t. LS 608	Yên Lãng (xã) 安浪社: tg. Minh Lương, h. Can Lộc, p. Đức Thọ, t. NA 1269
An Hóa (xã) 安化社: tg. An Hóa, ch. Thoát Lãng, p. Tráng Định, t. LS 608	Yên Lãng (sách) 安朗冊: tg. Phác Lỗ, h. Nghĩa Đường, p. Quỳnh Châu, t. NA 1275
Yên Hoành (xã) 安宏社: tg. Yên Định, h. Yên Định, p. Thiệu Hóa, t. TH 1109	Yên Lãng (huyện) 安朗縣: pp. Vĩnh Tường, t. ST 938
Yên Hồ (tổng) 安湖總: h. La Sơn, p. Đức Thọ, t. NA 1255	Yên Lãng (tổng) 安朗總: h. Yên Lãng, pp. Vĩnh Tường, t. ST 938
Yên Hồ (xã) 安湖社: tg. Yên Hồ, h. La Sơn, p. Đức Thọ, t. NA 1255	
Yên Hội (thôn) 安會村: x. An Đông, tg. Việt Yên, h. La Sơn, p. Đức Thọ, t. NA 1255	
Yên Hợp (thôn) 安合村: x. Kiệt Thạch, tg. Đồ Liêu, h. Can Lộc, p. Đức Thọ, t. NA 1269	
Yên Hưng (huyện) 安興縣: p. Sơn Định, t. QY 409	
Yên Hưng (xã) 安興社: tg. Hà Bắc, h. Yên Hưng, p. Sơn Định, t. QY 409	

Yên Lăng (xã) 安朗社: tg.Yên Lăng,h.Yên Lăng,pp.Vĩnh Tường,t.ST 938	Yên Lũng (xã) 安隴社: tg.Yên Lũng,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 860
Yên Lăng (xã) 安朗: tg.Phú Hà,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1101	Yên Lũng (tổng) 安隴總: h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8
Yên Lăng (trại) 安朗寨: x.Yên Lăng,tg.Phú Hà,h.Thụy Nguyên, p.Thiệu Hóa,t.TH 1101	Yên Lũng (xã) 安隴社: tg.Yên Lũng,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8
Yên Lăng (thôn) 安浪村: x.Can Trúc,tg.Ngọc Đối,h.Ngọc Sơn, p.Tĩnh Gia,t.TH 1115	Yên Lư (xã) 安閣社: tg.Thủy Đường,h.Thủy Đường,p.Kinh Môn,t.HĐ 162
Yên Lăng (xã) 安朗: tg.Diên Hào,h.Lôi Dương,p.Thọ Xuân,t.TH 1146	Yên Lương (xã) 安良社: tg.Lăng Diên,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA ... 1235
Yên Lăng (xã) 安朗社: tg.Nam Quang,h.Đề Định,p.Tương An,t.TQ 871	Yên Lương (thôn) 安良村: tg.Thượng Xá,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA . 1246
Yên Lăng (xã) 安朗社: tg.Dũng Liệt,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497	Yên Lương (ấp) 安良邑: tg.Yên Lạc,h.Phụng Hoá,p.Nho Quan,t.NB ... 1037
Yên Lăng (trại) 安朗砦: tg.Hạ,h.Vĩnh Thuận,p.Hoài Đức,t.HN 13	Yên Lương (xã) 安良社: tg.Lạc Thiện,h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB 1040
Yên Lăng (xã) 安朗社: tg.Ngô Khê,h.Nam Xương,p.Lý Nhân,t.HN 45	Yên Lương (xã) 安良社: tg.Yên Xá,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 933
Yên Lăng (tổng) 安朗總: h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HĐ 165	Yên Lưu (thôn) 安留村: tg.Yên Trường,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246
Yên Lăng (xã) 安朗社: tg.Yên Lăng,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HĐ 165	Yên Lưu (tổng) 安留總: h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HĐ 157
Yên Lăng (tổng) 安朗總: h.Thanh Thủy,p.Gia Hưng,t.HH 713	Yên Lưu Hạ (xã) 安留下社: tg.Yên Lưu,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HĐ ... 157
Yên Lăng (xã) 安朗社: tg.Yên Lăng,h.Thanh Thủy,p.Gia Hưng,t.HH 713	Yên Lưu Thượng (xã) 安留上社: tg.Yên Lưu,h.Giáp Sơn, p.Kinh Môn,t.HĐ 157
Yên Lãnh (tổng) 安冷總: h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 945	Yên Lý (xã) 安里社: tg.Vạn Phấn,h.Yên Thành,p.Diễn Châu,t.NA 1249
Yên Lãnh (xã) 安冷社: tg.Yên Lãnh,h.Sơn Vi,p.Lâm Thao,t.ST 945	Yên Lý (xã) 安里社: tg.Yên Vệ,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB 1021
Yên Lão (xã) 安老社: tg.Văn Luận,h.Phụng Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1038	Yên Mạo (thôn) 安帽村: x.Phi Lai,tg.Phi Lai,h.Nga Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1086
Yên Lão (thôn) 安老村: tg.Yên Nhân,h.Đường Hào,p.Bình Giang,t.HĐ ... 100	Yên Mật (xã) 安密社: tg.Phú Hữu,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST 911
Yên Lão Giáp (xã) 安老甲社: tg.Thọ Lão,h.Yên Lạc, pp.Vĩnh Tường,t.ST 940	Yên Mỹ (thôn) 安米村: x.Nghĩa Hương,tg.Nghĩa Hương,h.Tư Nông, p.Phú Bình,t.TN 794
Yên Lão Thị (xã) 安老市社: tg.Thọ Lão,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 940	Yên Minh (xã) 安銘社: tg.Đồng Quan,h.Đề Định,p.Tương An,t.TQ 871
Yên Lạp (xã) 安獵社: tg.Bình Hòa,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 932	Yên Mô (huyện) 安謨縣: p.Yên Khánh,t.NB 1024
Yên Lăng (xã) 安陵社: tg.Văn Tự,h.Đồng Thành,p.Diễn Châu,t.NA 1249	Yên Mô (tổng) 安謨總: h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1024
Yên Lâm (ấp) 安林邑: tg.Thần Phù,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025	Yên Mô (xã) 安謨社: tg.Yên Mô,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1024
Yên Lâm (xã) 安林社: tg.Đồng Lý,h.Yên Định,p.Thiệu Hóa,t.TH 1110	Yên Mô (phường) 安謨坊: tg.Bích La,h.Đặng Xương,đạo QT 1384
Yên Lâm (xã) 安林社: tg.Quế Tân,h.Võ Giàng,p.Từ Sơn,t.BN 501	Yên Mộ (xã) 安墓社: tg.Xa Mạc,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 941
Yên Lâm (xã) 安林社: tg.Mễ Sơn,h.Đồng Triều,p.Kinh Môn,t.HĐ 165	Yên Mông (xã) 安蒙社: tg.Lăng Phong,h.Phụng Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1037
Yên Lập (xã) 安立社: tg.Hà Bắc,h.Yên Hưng,p.Sơn Định,t.QY 411	Yên Mộng (xã) 安夢社: tg.Kim Lăng,h.Phù Ninh,p.Đoan Hùng,t.ST 957
Yên Lập (xã) 安立社: tg.Yên Xá,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 933	Yên Mỹ (thôn) 安美村: x.Mỹ Chân,tg.Đô Yên,h.Hưng Nguyên, p.Anh Sơn,t.NA 1242
Yên Lập (huyện) 安立縣: p.Quy Hóa,t.HH 728	Yên Mỹ (thôn) 安美村: x.Yên Thái,tg.Việt Yên,h.La Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1255
Yên Lễ (xã) 安禮社: tg.Trực Nội,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 340	Yên Mỹ (thôn) 安美村: x.Kiệt Thạch,tg.Đô Liêu,h.Can Lộc, p.Đức Thọ,t.NA 1269
Yên Lễ (tổng) 安禮總: h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN 540	Yên Mỹ (tổng) 安美總: h.Hoàn Bồ,p.Sơn Định,t.QY 404
Yên Lễ (xã) 安禮社: tg.Yên Lễ,h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN 540	Yên Mỹ (xã) 安美社: tg.Yên Mỹ,h.Hoàn Bồ,p.Sơn Định,t.QY 404
Yên Lệ (xã) 安隸社: tg.Hòa Lạc,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926	Yên Mỹ (xã) 安美社: tg.Cam Giá Thịnh,h.Phúc Thọ,p.Quảng Oai,t.ST ... 913
Yên Lệnh (xã) 安令社: tg.Yên Định,h.Thụy Anh,p.Thái Bình,t.NĐ 343	Yên Mỹ (xã) 安美社: tg.Kim Quan,h.Thạch Thất,p.Quốc Oai,t.ST 924
Yên Lệnh (xã) 安令社: tg.Chuyên Nghiệp,h.Phú Xuyên, p.Thường Tín,t.HN 23	Yên Mỹ (xã) 安美社: tg.Hoàng Chỉ,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST 935
Yên Lịch (tổng) 安歷總: h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959	Yên Mỹ (xã) 安美社: tg.Hiến Lễ,h.Bình Xuyên,p.Phú Bình,t.TN 800
Yên Lịch (xã) 安歷社: tg.Yên Lịch,h.Sơn Dương,p.Đoan Hùng,t.ST 959	Yên Mỹ (thôn) 安美村: x.Đại Trung,tg.Bái Trạch,h.Hoàng Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1090
Yên Liêu (tổng) 安遼總: h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB 1021	Yên Mỹ (thôn) 安美村: tg.Yên Trường,h.Thụy Nguyên, p.Thiệu Hóa,t.TH 1101
Yên Liêu (xã) 安遼社: tg.Yên Liêu,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB 1021	Yên Mỹ (thôn) 安美村: x.Yên Lăng,tg.Phú Hà,h.Thụy Nguyên, p.Thiệu Hóa,t.TH 1101
Yên Linh (xã) 安靈社: tg.Sơn Đông,h.Quỳnh Côi,pp.Thái Bình,t.NĐ 348	Yên Mỹ (xã) 安美社: tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1116
Yên Lĩnh (tổng) 安嶺總: h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 860	Yên Mỹ (xã) 安美社: tg.Lưu Vệ,h.Quảng Xương,p.Tĩnh Gia,t.TH 1121
Yên Lĩnh (xã) 安嶺社: tg.Yên Lĩnh,h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 860	Yên Mỹ (xã) 安美社: tg.Luân Khê,ch.Thường Xuân,p.Thọ Xuân,t.TH 1147
Yên Lỗ (xã) 安魯社: tg.Đại Đồng,h.Thạch Thất,p.Quốc Oai,t.ST 924	Yên Mỹ (xã) 安美社: tg.Dương Quang,h.Siêu Loại,p.Thuận Thành,t.BN . 506
Yên Lộ (thôn) 安路村: x.Phù Chấn,tg.Phù Chấn,h.Thụy Nguyên, p.Thiệu Hóa,t.TH 1101	Yên Mỹ Châu (xã) 安美洲社: tg.Vạn Phúc,h.Thanh Trì, p.Thường Tín,t.HN 20
Yên Lộ (xã) 安路社: tg.La Nội,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8	Yên Nậu (thôn) 安耨村: x.Do Lễ,tg.Thông Lăng,h.Hưng Nguyên, p.Anh Sơn,t.NA 1242
Yên Lộc (thôn) 安祿村: x.Hanh Gia,tg.Đô Bái,h.Nga Sơn, p.Hà Trung,t.TH 1087	Yên Nghiệp (xã) 安業社: tg.Lạc Thành,h.Lạc Yên,p.Nho Quan,t.NB ... 1039
Yên Lộc (thôn) 安祿村: x.Liên Châu,tg.Bái Trạch,h.Hoàng Hóa, p.Hà Trung,t.TH 1090	Yên Nghiệp (xã) 安業社: tg.Đường Xá,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST .. 940
Yên Lũ (xã) 煙縷社: tg.Trực Nội,h.Thanh Quan,p.Thái Bình,t.NĐ 340	Yên Ngô (thôn) 安吳村: tg.Đại Liên,h.Võ Giàng,p.Từ Sơn,t.BN 501
Yên Luật (xã) 安律社: tg.Vĩnh Chân,h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST 948	Yên Ngô (xã) 安吳社: tg.Bình Ngô,h.Gia Bình,p.Thuận Thành,t.BN 509
Yên Lung (xã) 煙籠社: tg.Sa Lung,h.Nam Chân,p.Xuân Trường,t.NĐ 310	
Yên Lũng (tổng) 安隴總: h.Hàm Yên,p.An Bình,t.TQ 860	

Yên Ngu (xã) 安娛社: tg. Vạn Phần, h. Yên Thành, p. Diễn Châu, t.NA 1249

Yên Ngưu (xã) 安牛社: tg. Cổ Diễn, h. Thanh Trì, p. Thường Tín, t.HN 19

Yên Nhân (xã) 安仁社: tg. Đa Lộc, h. Yên Lãng, pp. Vĩnh Tường, t.ST 938

Yên Nhân (tổng) 安仁總: h. Đường Hào, p. Bình Giang, t.HD 100

Yên Nhân (xã) 安仁社: tg. Yên Nhân, h. Đường Hào, p. Bình Giang, t.HD ... 100

Yên Nhuế (xã) 安芮社: tg. Đê Cầu, h. Siêu Loại, p. Thuận Thành, t.BN 506

Yên Ninh (xã) 安寧社: tg. Lương Xá, h. Phụ Dục, pp. Thái Bình, t.NĐ 346

Yên Ninh (xã) 安寧社: tg. Mật Ninh, h. Yên Dũng, p. Lạng Giang, t.BN 533

Yên Ninh (tổng) 安寧總: h. Yên Khánh, p. Yên Khánh, t.NB 1020

Yên Ninh (xã) 安寧社: tg. Yên Ninh, h. Yên Khánh, p. Yên Khánh, t.NB 1020

Yên Ninh (xã) 安寧社: tg. Phú Thọ, h. Sơn Vi, p. Lâm Thao, t.ST 945

Yên Ninh (thôn) 安寧村: x. Hanh Gia, tg. Đô Bái, h. Nga Sơn,
p. Hà Trung, t.TH 1087

Yên Ninh (vạn) 安寧萬: tg. Châm Khê, h. Yên Phong, p. Từ Sơn, t.BN 497

Yên Ninh (thôn) 安寧村: tg. Yên Thành, h. Vĩnh Thuận, p. Hoài Đức, t.HN 13

Yên Ninh Ngoại (xã) 安寧外社: tg. Phù Lưu, h. Thủy Đường,
p. Kinh Môn, t.HD 162

Yên Ninh Nội (xã) 安寧內社: tg. Phù Lưu, h. Thủy Đường,
p. Kinh Môn, t.HD 162

Yên Nội (thôn) 安內村: x. An Đồng, tg. Việt Yên, h. La Sơn, p. Đức Thọ, t.NA 1255

Yên Nội (xã) 安內社: tg. Hoàng Xá, h. Yên Sơn, p. Quốc Oai, t.ST 919

Yên Nội (xã) 安內社: tg. Cao Vịnh, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t.TH 1087

Yên Nội (thôn) 安內村: x. Cổ Đồi, tg. Văn Xá, h. Nông Cống,
p. Tĩnh Gia, t.TH 1125

Yên Nội (thôn) 安內村: ph. Cổ Vũ, tg. Thuận Mỹ, h. Thọ Xương,
p. Hoài Đức, t.HN 11

Yên Nội (thôn) 安內村: tg. Thuận Mỹ, h. Thọ Xương, p. Hoài Đức, t.HN 11

Yên Ổn (thôn) 安穩村: x. Liên Trì, tg. Liên Cừ, h. Hậu Lộc, p. Hà Trung, t.TH 1097

Yên Ổn (xã) 安穩社: tg. Lạc Thiện, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t.TH 1125

Yên Pháp (xã) 安法社: tg. Đồ Yên, h. Hưng Nguyên, p. Anh Sơn, t.NA 1242

Yên Phong (huyện) 安豐縣: p. Từ Sơn, t.BN 496

Yên Phốc (xã) 安浦社: tg. Cao Xá, h. Đông Thành, p. Diễn Châu, t.NA 1249

Yên Phú (thôn) 安富村: tg. Đặng Sơn, h. Lương Sơn, p. Anh Sơn, t.NA 1235

Yên Phú (thôn) 安富村: tg. Hoàng Mai, h. Quỳnh Lưu, p. Diễn Châu, t.NA . 1253

Yên Phú (xã) 安富社: x. Yên Thái, tg. Việt Yên, h. La Sơn, p. Đức Thọ, t.NA 1255

Yên Phú (xã) 安富社: tg. Yên Liêu, h. Yên Khánh, p. Yên Khánh, t.NB 1021

Yên Phú (xã) 安富社: tg. Phù Lão, h. Phù Ninh, p. Đoàn Hùng, t.ST 957

Yên Phú (xã) 安富社: tg. Cón Minh, ch. Bạch Thông, p. Thông Hóa, t.TN 819

Yên Phú (thôn) 安富村: x. Đại Trung, tg. Bái Trạch, h. Hoàng Hóa,
p. Hà Trung, t.TH 1090

Yên Phú (tổng) 安富總: h. Vinh Điện, p. Tương An, t.TQ 871

Yên Phú (xã) 安富社: tg. Yên Phú, h. Vinh Điện, p. Tương An, t.TQ 871

Yên Phú (thôn) 安富村: tg. Đồng Xuân, h. Thọ Xương, p. Hoài Đức, t.HN 11

Yên Phú (xã) 安富社: tg. Thượng Cung, h. Thượng Phúc, p. Thường Tín, t.HN 16

Yên Phú (tổng) 安富總: h. Trấn Yên, p. Quy Hóa, t.HH 727

Yên Phú (xã) 安富社: tg. Yên Phú, h. Trấn Yên, p. Quy Hóa, t.HH 727

Yên Phú (tổng) 安富總: h. Văn Giang, pp. Thuận Thành, t.BN 518

Yên Phú (thôn) 安富村: tg. Xuân Lai, h. Đa Phúc, p. Đa Phúc, t.BN 521

Yên Phú (thôn) 安富村: x. Đội Trạch, tg. Đội Trạch, h. Vũ Tiên,
p. Kiến Xương, t.NĐ 329

Yên Phụ (xã) 安阜社: tg. Thụy Phiêu, h. Phúc Thọ, p. Quảng Oai, t.ST 913

Yên Phụ (xã) 安阜社: tg. Hương La, h. Yên Phong, p. Từ Sơn, t.BN 497

Yên Phụ (phường) 安阜坊: tg. Thượng, h. Vĩnh Thuận, p. Hoài Đức, t.HN 13

Yên Phúc (xã) 安福社: tg. Đồ Yên, h. Hưng Nguyên, p. Anh Sơn, t.NA 1242

Yên Phúc (thôn) 安福村: x. An Hố, tg. Yên Hố, h. La Sơn, p. Đức Thọ, t.NA 1255

Yên Phúc (xã) 安福社: tg. Thiện Trạo, h. Yên Khánh, p. Yên Khánh, t.NB 1020

Yên Quả (thôn) 安果村: tg. Xuân Liễu, h. Nam Đường, p. Anh Sơn, t.NA ... 1236

Yên Quả (thôn) 安果村: x. Từ Nê, tg. Cổ Định, h. Nông Cống,
p. Tĩnh Gia, t.TH 1123

Yên Quang (thôn) 安光村: tg. Yên Thành, h. Vĩnh Thuận, p. Hoài Đức, t.HN . 13

Yên Quán (xã) 安館社: tg. Bát Lạm, h. Yên Sơn, p. Quốc Oai, t.ST 920

Yên Quán (xã) 安館社: tg. Đồng Hồn, h. Yên Lạc, pp. Vĩnh Tường, t.ST 941

Yên Quân (xã) 安均社: tg. Quỳ Trạch, h. Yên Thành, p. Diễn Châu, t.NA . 1250

Yên Quyết (xã) 安決社: tg. Mỹ Lâm, h. Phú Xuyên, p. Thường Tín, t.HN 22

Yên Sào (xã) 安巢社: tg. Sơn Lương, h. Yên Lập, p. Quy Hóa, t.HH 728

Yên Sào (xã) 安巢社: tg. Đan Tảo, h. Đa Phúc, p. Đa Phúc, t.BN 521

Yên Sinh (sách) 安生冊: tg. Phác Lỗ, h. Nghĩa Đường, p. Quỳ Châu, t.NA . 1275

Yên Sinh (xã) 安生社: tg. Mễ Sơn, h. Đông Triều, p. Kinh Môn, t.HD 165

Yên Sở (xã) 安所社: tg. Dương Liễu, h. Đan Phượng, p. Quốc Oai, t.ST 921

Yên Sở (phường) 安所坊: tg. Dương Liễu, h. Đan Phượng, p. Quốc Oai, t.ST 921

Yên Sơn (huyện) 安山縣: p. Quốc Oai, t.ST 919

Yên Sơn (ấp) 安山邑: tg. Đô Bái, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t.TH 1087

Yên Sơn (thôn) 安山村: x. Phú Xuân, tg. Kênh Thanh, h. Tiên Minh,
p. Nam Sách, t.HD 117

Yên Sơn (xã) 安山社: tg. Trí Yên, h. Phượng Nhãn, p. Lạng Giang, t.BN 530

Yên Sư (xã) 安師社: tg. Nộn Khê, h. Yên Mô, p. Yên Khánh, t.NB 1025

Yên Tàng (tổng) 安藏總: h. Đa Phúc, p. Đa Phúc, t.BN 521

Yên Tàng (xã) 安藏社: tg. Yên Tàng, h. Đa Phúc, p. Đa Phúc, t.BN 521

Yên Tảo (tổng) 安早總: h. Kim Động, p. Khoái Châu, t.HY 259

Yên Tảo (xã) 安早社: tg. Yên Tảo, h. Kim Động, p. Khoái Châu, t.HY 259

Yên Tâm (xã) 安心社: tg. Đường Xá, h. Yên Lạc, pp. Vĩnh Tường, t.ST 940

Yên Tân (xã) 安津社: tg. Hương La, h. Yên Phong, p. Từ Sơn, t.BN 497

Yên Tập (xã) 安集社: tg. Quan Hóa, h. Yên Thành, p. Diễn Châu, t.NA 1250

Yên Tập (xã) 安集社: tg. Hương Tảo, h. Việt Yên, p. Lạng Giang, t.BN 535

Yên Tập (xã) 安集社: tg. Phú Khê, h. Cẩm Khê, p. Lâm Thao, t.ST 946

Yên Tập (thôn) 安集村: tg. Vĩnh Xương, h. Thọ Xương, p. Hoài Đức, t.HN 12

Yên Tập (xã) 安集社: tg. Yên Đổ, h. Bình Lục, p. Lý Nhân, t.HN 43

Yên Tập (tràng) 安集庄: tg. Yên Đổ, h. Bình Lục, p. Lý Nhân, t.HN 43

Yên Tập (xã) 安集社: tg. Yên Nhân, h. Đường Hào, p. Bình Giang, t.HD 100

Yên Tây (phủ) 安西府: t.HH 733

Yên Tế (xã) 安濟社: tg. Yên Mô, h. Yên Mô, p. Yên Khánh, t.NB 1024

Yên Tế (thôn) 安濟村: x. Yên Tế, tg. Yên Mô, h. Yên Mô, p. Yên Khánh, t.NB 1024

Yên Thái (thôn) 安泰村: x. Nghĩa Liệt, tg. Phù Long, h. Hưng Nguyên,
p. Anh Sơn, t.NA 1242

Yên Thái (xã) 安泰社: tg. Việt Yên, h. La Sơn, p. Đức Thọ, t.NA 1255

Yên Thái (thôn) 安泰村: tg. Cấn Xá, h. Yên Sơn, p. Quốc Oai, t.ST 920

Yên Thái (xã) 安泰社: tg. Phượng Lâu, h. Phù Ninh, p. Đoàn Hùng, t.ST 957

Yên Thái (xã) 安泰社: tg. Yên Thuận, h. Đại Từ, p. Tông Hóa, t.TN 811

Yên Thái (tổng) 安泰總: h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t.TH 1115

Yên Thái (xã) 安泰社: tg. Yên Thái, h. Ngọc Sơn, p. Tĩnh Gia, t.TH 1115

Yên Thái (xã) 安泰社: tg. Lãng Lãng, h. Nông Cống, p. Tĩnh Gia, t.TH 1124

Yên Thái (thôn) 安泰村: x. Nhân Vọng, tg. Văn Xá, h. Nông Cống,
p. Tĩnh Gia, t.TH 1124

Yên Thái (thôn) 安泰村: tg. Thuận Mỹ, h. Thọ Xương, p. Hoài Đức, t.HN 11

Yên Thái (phường) 安泰坊: tg. Trung, h. Vĩnh Thuận, p. Hoài Đức, t.HN 13

Yên Than (xã) 安灘社: tg. Hà Thanh, ch. Vạn Ninh, p. Hải Ninh, t.QY 437

Yên Thanh (thôn) 安清村: tg. Đô Lương, h. Lương Sơn, p. Anh Sơn, t.NA . 1235

Yên Thanh (xã) 安清社: tg. Yên Xá, h. Lập Thạch, p. Vĩnh Tường, t.ST 933

Yên Thành (huyện) 安城縣: p. Diễn Châu, t.NA 1249

Yên Thành (xã) 安城社: tg. Trường Yên, h. Gia Viễn, p. Yên Khánh, t.NB . 1029

Yên Thành (ấp) 安城邑: tg. Đô Bái, h. Nga Sơn, p. Hà Trung, t.TH 1087

Yên Thành (tổng) 安城總: h. Vĩnh Thuận, p. Hoài Đức, t.HN 13

Yên Thành (thôn) 安城村: tg. Yên Thành, h. Vĩnh Thuận, p. Hoài Đức, t.HN . 13

Yên Thành (xã) 安城社: tg. Xuân Lai, h. Gia Bình, p. Thuận Thành, t.BN 509

Yên Thành (thôn) 安成村: tg.Phong Cốc,h.Đường Hào,
p.Bình Giang,t.HD 100

Yên Thế (huyện) 安世縣: pp.Lạng Giang,t.BN 539

Yên Thế (tổng) 安世總: h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN 540

Yên Thế (xã) 安世社: tg.Yên Thế,h.Yên Thế,pp.Lạng Giang,t.BN 540

Yên Thị (xã) 安市社: tg.Lãng Phong,h.Phụng Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1037

Yên Thích (xã) 安適社: tg.Hoàng Chí,h.Tam Dương,p.Vĩnh Tường,t.ST . 935

Yên Thiết (xã) 安設社: tg.Bạch Lưu,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 933

Yên Thịnh (xã) 安盛社: tg.Thịnh Liệt,h.Bảo Lộc,p.Lạng Giang,t.BN 531

Yên Thịnh (thôn) 安盛村: x.An Tràng,tg.Yên Trường,h.Chân Lộc,
p.Anh Sơn,t.NA 1246

Yên Thịnh (thôn) 安盛村: tg.Cẩm Đối,h.Tùng Thiện,p.Quảng Oai,t.ST .. 911

Yên Thịnh (xã) 安盛社: tg.Nhu Viễn,ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN . 819

Yên Thịnh (xã) 安盛社: tg.Vĩnh Kiên,ch.Thu Châu,p.An Bình,t.TQ 863

Yên Thọ (thôn) 安壽村: tg.Yên Hồ,h.La Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1255

Yên Thọ (xã) 安壽社: tg.Kiên Cường,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930

Yên Thọ (thôn) 安壽村: x.Thử Cốc,tg.Thử Cốc,h.Thụy Nguyên,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1101

Yên Thọ (xã) 安壽社: tg.Yên Lũng,h.Từ Liêm,p.Hoài Đức,t.HN 8

Yên Thổ (xã) 安土社: tg.Dương Huy,h.Hoành Bó,p.Sơn Định,t.QY 403

Yên Thống (xã) 安統社: tg.Vạn Phấn,h.Yên Thành,p.Diễn Châu,t.NA . 1249

Yên Thuận (tổng) 安順總: h.Đại Từ,p.Tông Hòa,t.TN 811

Yên Thuận (xã) 安順社: tg.Yên Thuận,h.Đại Từ,p.Tông Hòa,t.TN 811

Yên Thuận (thôn) 安順村: tg.Yên Thành,h.Vĩnh Thuận,p.Hoài Đức,t.HN . 13

Yên Thủy (xã) 安水社: tg.Yên Lưu,h.Giáp Sơn,p.Kinh Môn,t.HD 157

Yên Thư (xã) 安舒社: tg.Hương Nha,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 941

Yên Thường (tổng) 安常總: h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN 491

Yên Thường (xã) 安常社: tg.Yên Thường,h.Đồng Ngạn,p.Từ Sơn,t.BN . 491

Yên Thượng (thôn) 安上村: x.Thổ Giá,tg.Cao Xá,h.Nông Cống,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1125

Yên Tĩnh (xã) 安靜社: tg.Cung Thượng,h.Quảng Xương,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1120

Yên Tôn (thôn) 安孫村: x.Yên Thái,tg.Yên Thái,h.Ngọc Sơn,
p.Tĩnh Gia,t.TH 1115

Yên Trạch (thôn) 安宅村: tg.Thượng Xá,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA .. 1246

Yên Trạch (xã) 安宅社: tg.Trường Yên,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB .. 1029

Yên Trạch (xã) 安宅社: tg.Hoàng Cường,h.Thanh Ba,p.Lâm Thao,t.ST . 948

Yên Trạch (xã) 安宅社: tg.Phù Lương,h.Võ Giang,p.Từ Sơn,t.BN 501

Yên Trạch (thôn) 安宅村: tg.Yên Thành,h.Vĩnh Thuận,p.Hoài Đức,t.HN .. 13

Yên Trạch (xã) 安宅社: ch.Quỳnh Nhai,p.Điện Biên,t.HH 743

Yên Trang (tổng) 安莊總: h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 512

Yên Trang (xã) 安莊社: tg.Yên Trang,h.Lương Tài,p.Thuận Thành,t.BN 512

Yên Trì (xã) 安池社: tg.Hà Bắc,h.Yên Hưng,p.Sơn Định,t.QY 410

Yên Trì (xã) 安治社: tg.Lãng Phong,h.Phụng Hoá,p.Nho Quan,t.NB 1037

Yên Trình (thôn) 安呈村: tg.Phương Hương,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926

Yên Trĩnh (xã) 安鄭社: ch.Quỳnh Nhai,p.Điện Biên,t.HH 743

Yên Trù (xã) 安嚮社: tg.Hung Lục,h.Yên Lạc,pp.Vĩnh Tường,t.ST 940

Yên Trúc (phường) 安築坊: tg.Thịnh Quả,h.La Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1255

Yên Trung (xã) 安中社: tg.Việt Yên,h.La Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1255

Yên Trung (xã) 安中社: tg.Thanh Mạc,h.Đan Phượng,p.Quốc Oai,t.ST . 922

Yên Trung (xã) 安忠社: tg.Phú Hà,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH .. 1101

Yên Trung (thôn) 安忠村: x.Yên Lâm,tg.Đồng Lý,h.Yên Định,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1110

Yên Trung Hạ (thôn) 安忠下村: tg.Vĩnh Xương,h.Thọ Xương,
p.Hoài Đức,t.HN 12

Yên Trung Thượng (thôn) 安忠上村: tg.Vĩnh Xương,h.Thọ Xương,
p.Hoài Đức,t.HN 12

Yên Trường (tổng) 安場總: h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA 1246

Yên Trường (xã) 安場社: tg.Yên Trường,h.Chân Lộc,p.Anh Sơn,t.NA .. 1246

Yên Trường (xã) 安場社: tg.Cao Bộ,h.Mỹ Lương,p.Quốc Oai,t.ST 926

Yên Trường (tổng) 安場總: h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH 1101

Yên Trường (xã) 安場社: tg.Yên Trường,h.Thụy Nguyên,
p.Thiệu Hóa,t.TH 1101

Yên Trường (xã) 安場社: tg.Xuân Ấng,h.Phượng Nhân,
p.Lạng Giang,t.BN 530

Yên Tử Hạ (thôn) 安子下村: tg.Hán Nam,h.Tiên Minh,p.Nam Sách,t.HD 117

Yên Tử Thượng (xã) 安子上社: tg.Ninh Duy,h.Tiên Minh,
p.Nam Sách,t.HD 117

Yên Tứ (thôn) 安泗村: tg.Đô Lương,h.Lương Sơn,p.Anh Sơn,t.NA 1235

Yên Vân (tổng) 安雲總: h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025

Yên Vân (xã) 安雲社: tg.Yên Vân,h.Yên Mô,p.Yên Khánh,t.NB 1025

Yên Vệ (xã) 安衛社: tg.Quỳnh Côi,h.Quỳnh Côi,pp.Thái Bình,t.NĐ 348

Yên Vệ (tổng) 安衛總: h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB 1021

Yên Vệ (xã) 安衛社: tg.Yên Vệ,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB 1021

Yên Vĩ (xã) 安偉社: tg.Hương La,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497

Yên Vĩ (xã) 安偉社: tg.Yên Cảnh,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 253

Yên Viên (xã) 安園社: tg.Tiên Lát,h.Việt Yên,p.Lạng Giang,t.BN 534

Yên Viên (thôn) 安園村: tg.Yên Thành,h.Vĩnh Thuận,p.Hoài Đức,t.HN 13

Yên Viễn (xã) 安遠社: tg.Côn Lôn,ch.Chiêm Hoá,p.Tương An,t.TQ 877

Yên Vinh (thôn) 安榮村: x.An Tràng,tg.Yên Trường,h.Chân Lộc,
p.Anh Sơn,t.NA 1246

Yên Vĩnh (thôn) 安永村: tg.Kim Thia,h.Đan Phượng,p.Quốc Oai,t.ST 922

Yên Vĩnh (tổng) 安永總: h.Vĩnh Điện,p.Tương An,t.TQ 871

Yên Vĩnh (tổng) 安永總: h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 252

Yên Vĩnh (xã) 安永社: tg.Yên Vĩnh,h.Đồng Yên,p.Khoái Châu,t.HY 252

Yên Vũ (xã) 安武社: tg.Yên Tảo,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 259

Yên Vực (thôn) 安域: tg.Từ Minh,h.Hoàng Hóa,p.Hà Trung,t.TH 1089

Yên Vượng (xã) 安旺社: tg.Văn Lâm,h.La Sơn,p.Đức Thọ,t.NA 1255

Yên Xá (thôn) 安舍村: x.Xuân An,tg.Yên Trường,h.Chân Lộc,
p.Anh Sơn,t.NA 1246

Yên Xá (thôn) 安舍村: tg.Lê Xá,h.Gia Viễn,p.Yên Khánh,t.NB 1029

Yên Xá (tổng) 安舍總: h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 933

Yên Xá (xã) 安舍社: tg.Yên Xá,h.Lập Thạch,p.Vĩnh Tường,t.ST 933

Yên Xá (xã) 安舍社: tg.Phùng Thịnh,h.Thụy Nguyên,p.Thiệu Hóa,t.TH . 1102

Yên Xá (xã) 安舍社: tg.Châm Khê,h.Yên Phong,p.Từ Sơn,t.BN 497

Yên Xá (thôn) 安舍村: x.Trung Thanh Oai,tg.Thượng Thanh Oai,
h.Thanh Oai,p.Ứng Hòa,t.HN 28

Yên Xá (xã) 安舍社: tg.Từ Ô,h.Thanh Miện,p.Bình Giang,t.HD 95

Yên Xá (tổng) 安舍總: h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 259

Yên Xá (xã) 安舍社: tg.Yên Xá,h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 259

Yên Xá (tổng) 安舍總: h.Diên Hà,p.Tiên Hưng,t.HY 267

Yên Xá (xã) 安舍社: tg.Yên Xá,h.Kim Động,p.Khoái Châu,t.HY 267

Yên Xuyên (xã) 安川社: tg.Yên Vệ,h.Yên Khánh,p.Yên Khánh,t.NB 1021

Yên Xuyên (xã) 安川社: tg.Đồng Phú,h.Bạch Hạc,p.Vĩnh Tường,t.ST 930

Yên Xứ (thôn) 安處村: tg.Tam Đãng,h.Nghi Xuân,p.Đức Thọ,t.NA 1265

Yến (thôn) 燕村: x.Văn Trinh,tg.Văn Trinh,h.Ngọc Sơn,p.Tĩnh Gia,t.TH 1114

Yến Dương (xã) 燕陽社: tg.Hạ Quan,h.Cẩm Hóa,p.Thông Hóa,t.TN 816

Yến Dương (xã) 燕陽社: tg.Giang Ngô,h.Thạch An,p.Hòa An,t.CB 664

Yến Đĩnh (xã) 晏挺社: tg.Nông Hạ,ch.Bạch Thông,p.Thông Hóa,t.TN 819

Yến Mao (sách) 燕毛冊: tg.Hoàng Nhuệ,h.Bất Bạt,p.Quảng Oai,t.ST 916

Yến Vĩ (trang) 燕尾庄: tg.Thượng Bạ,h.Tống Sơn,p.Hà Trung,t.TH 1082

Yến Vĩ (xã) 燕尾社: tg.Phù Lưu Thượng,h.Hoài An,p.Ứng Hòa,t.HN 34

Yến Vũ (giáp) 燕武甲: tg.Hồ Xá,h.Minh Linh,đạo QT 1390

Yêu Đa (xã) 腰多社: tg.Bình Bút,h.Thạch Thành,p.Quảng Hóa,t.TH 1136